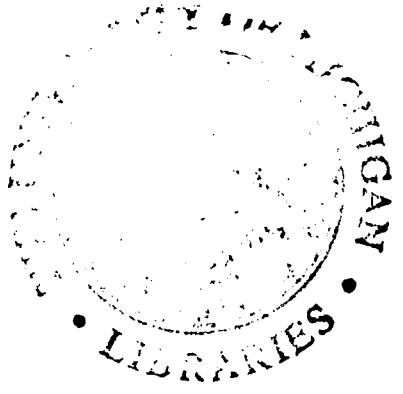


Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

Chúc mừng năm mới

2001

VỮNG BƯỚC VÀO THẾ KỶ MỚI, THIÊN NIÊN KỶ MỚI !

1



UNIV. OF MICH.
FEB 13 2001
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CÔNG TY ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI

HA NOI CONSTRUCTION INVESTMENT COMPANY (HANCIC)

TRỤ SỞ CHÍNH : 76 phố An Dương - Phường Yên Phụ - Q. Tây Hồ - Hà Nội
TEL : (84-4) 8.292974 - 8.292391 - 8.293847 - 8.293806 FAX : (84-4) 8.292391
GIÁM ĐỐC CÔNG TY : KỸ SƯ VŨ HUY HÙNG



Trụ sở Công ty

Công ty Đầu tư Xây dựng Hà Nội (HANCIC) được thành lập tháng 5/1997, qua hơn 4 năm hoạt động đến nay Công ty đã có bước phát triển vững chắc với tốc độ tăng trưởng cao. Chỉ trong 3 năm, từ năm 1997 đến năm 1999, Giá trị sản lượng tăng 2,7 lần, từ 22,5 tỷ đồng lên 61 tỷ đồng. Doanh thu cũng tăng 2,65 lần, từ 20,4 tỷ đồng lên 54 tỷ đồng. Nộp ngân sách tăng gấp 3 lần, thu nhập bình quân tăng gần 2 lần. Đến hết tháng 11/2000, Công ty đã đạt 88,9 tỷ đồng giá trị sản lượng, vượt kế hoạch được giao và ước tính sẽ hoàn thành kế hoạch đặt ra là đạt 120,5 tỷ đồng giá trị sản lượng trong năm 2001.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Lập và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng.
- Làm tư vấn cho các chủ đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực lập và tổ chức thực hiện dự án đầu tư.
- Kinh doanh và phát triển nhà.
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110 KV.
- Xây lắp đường cáp ngầm có điện áp đến 35 KV.
- Xây dựng các trạm biến áp dung lượng đến 2500 KVA.
- Xây dựng các công trình điện chiếu sáng, thi công lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu và các công trình điều khiển giao thông.
- Xây dựng các công trình điện động lực phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi.
- Xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thi công các công trình san nền, đào, đắp đất.
- Thi công các công trình thủy lợi, giao thông.
- Làm tư vấn cho các chủ đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực đất đai xây dựng và giải phóng mặt bằng.
- Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội, ngoại thất.
- Làm đại lý kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng.
- Khai thác và kinh doanh cát.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu, phụ kiện phục vụ công tác xây lắp điện.
- Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng - chuyển giao sản phẩm.
- Thi công XD và lắp đặt máy móc thiết bị, phục vụ cho các công trình TDTT, vui chơi giải trí.
- Kinh doanh xuất - nhập khẩu vật tư, máy móc và thiết bị phục vụ chuyên ngành xây dựng - TDTT, vui chơi giải trí.
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ, đường thủy, nhiên liệu dùng cho động cơ xe máy.
- Được phép xuất khẩu lao động.
- Kinh doanh du lịch - du lịch lữ hành.

Nhân dịp xuân Tân Tỵ - 2001, Công ty Đầu tư Xây dựng Hà Nội kính chúc các Cơ quan, Ban ngành Trung ương và Thành phố Hà Nội cùng toàn thể khách hàng một năm mới An khang, Thịnh vượng và nhiều thắng lợi mới!



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 607

THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

1
1-2001

MỤC LỤC

NĂM MỚI, THẾ KỶ MỚI	**Xã luận** - Chào năm mới ! Chào thế kỷ mới ! Chào thiên niên kỷ mới !	3
	HOÀNG TÙNG - Tiền đồ xán lạn của chủ nghĩa Mác	5
	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Bản sắc dân tộc trong văn học - nghệ thuật	7
	VŨ KHOAN - Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta năm 2000	10
	NGUYỄN CẢNH HƯNG - Thành tựu 15 năm phát triển kinh tế	13
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	NGUYỄN VĂN ĐẶNG - Nhìn lại quá trình đổi mới kinh tế ở nước ta	15
	NHỊ LÊ - "Từ bỏ chủ nghĩa xã hội" ! hay từ bỏ lối nhìn sai về chủ nghĩa xã hội ?	22
	LÊ HỮU NGHĨA - Một đảng cầm quyền với việc phát huy dân chủ	27
	TÀO HỮU PHÙNG - Định hướng và chính sách huy động các nguồn lực tài chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	30
	LÊ NGỌC TRỌNG - Giải pháp chiến lược nâng cao sức khỏe nhân dân	34
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	THÀNH DUY - Hồ Chí Minh với việc phát huy sức mạnh của văn hóa	39
	NGUYỄN QUỐC HÙNG - Sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam nhìn từ góc độ "trật tự thế giới"	44
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	BÙI CHÍ KIÊN - Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh	48
	TRẦN QUANG NHIẾP - Để phát triển kinh tế - xã hội những xã đặc biệt khó khăn	52
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	HÀ NHÂN - Về tên gọi : "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên"	56
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ LÂN - Ở đâu khó khăn hơn ?	57
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	LA CÔN - Hoa Kỳ sau bầu cử	58

Bìa 1 : *Chào đón năm 2001* — *Tranh :* **PHẠM VĂN TƯ**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ: С новым годом! С новым веком! С новым тысячелетием! ХОАНГ ТУНГ: Светлые перспективы марксизма. ХА СУАН ЧЫОНГ: Национальный колорит в литературе и искусстве. ВУ ХОАН: Мировая экономика и внешнеэкономические отношения нашей страны в 2000 году. НГУЕН КАНЬ ХЫНГ: Достижения 15-летнего экономического развития. НГУЕН ВАН ДАНГ: Ретроспективный взгляд на процесс экономического обновления нашей страны. НЬИ ЛЕ: "Отказ от социализма"! или отказ от ошибочного взгляда на социализм? ЛЕ ХЫУ НГИА: Правящая партия и развитие демократии. ТАО ХЫУ ФУНГ: Ориентация и политика по мобилизации финансовых ресурсов для социально-экономического развития. ТХАНЬ ЗУИ: Хо Ши Мин и дело развития силы культуры. НГУЕН КУОК ХУНГ: Дело национального освобождения Вьетнама под углом зрения "мирового порядка". ЛА КОН: США после выборов.

CONTENTS

Editorial: Welcome new year! Welcome new century! Welcome new millennium! HOÀNG TÙNG: The bright future of Marxism. HÀ XUÂN TRƯỜNG: National identities in literature and arts. VŨ KHOAN: The Word's economy and foreign economic relations of our country in the year 2000. NGUYỄN CẢNH HƯNG: Achievements in 15 years of economic development. NGUYỄN VĂN ĐẶNG: A retrospective look at the process of economic renovation of our country. NHỊ LÊ: Refusal of socialism! or refusal of a mistaken conception on socialism. LÊ HỮU NGHĨA: A party in power and the matter of democracy's development. TÀO HỮU PHÙNG: Orientation and the policy of mobilizing financial resources for socio-economic development. THÀNH DUY: Hồ Chí Minh and the matter to promote culture's vitality. NGUYỄN QUỐC HÙNG: The national liberation cause of Vietnam under the view of "the World's order". LA CÔN: The USA after the general election.

SOMMAIRE

Editorial: Salut la nouvelle année ! Salut le nouvel siècle ! Salut le nouveau millénaire !. HOÀNG TÙNG: L'avenir radieux du marxisme. HÀ XUÂN TRƯỜNG: L'identité nationale dans la littérature et l'art. VŨ KHOAN: L'économie mondiale et les rapports économiques extérieurs du Vietnam en l'an 2000. NGUYỄN CẢNH HƯNG: Les réalisations de 15 ans de développement économique. NGUYỄN VĂN ĐẶNG: Regard rétrospectif sur le processus de rénovation économique du Vietnam. NHỊ LÊ: "Renoncer au socialisme" ou renoncer à la fausse manière d'interprétation du socialisme? LÊ HỮU NGHĨA: Un seul parti au pouvoir et la mise en valeur de la démocratie. TÀO HỮU PHÙNG: L'orientation et la politique visant à mobiliser des ressources financières au service du développement socio-économique. THÀNH DUY: Hồ Chí Minh et la mise en valeur de la force culturelle. NGUYỄN QUỐC HÙNG: L'œuvre de libération nationale du Vietnam du point de vue de "l'ordre mondial". LA CÔN: Les Etats-Unis après les élections présidentielles.

SUMARIO

Editorial: Feliz Año Nuevo ! Feliz Siglo Nuevo ! Feliz Milenario Nuevo !. HOÀNG TÙNG: El radiante futuro del Marxismo. HÀ XUÂN TRƯỜNG: El colorido nacional en la literatura y artes. VŨ KHOAN: La economía internacional y las relaciones económicas exteriores de nuestro país en 2000. NGUYỄN CẢNH HƯNG: Los logros de 15 años de desarrollo económico. NGUYỄN VĂN ĐẶNG: Vistas retrospectivas al proceso de renovación económica en Vietnam. NHỊ LÊ: "Renunciar el socialismo" o renunciar la incorrecta visión sobre el socialismo? LÊ HỮU NGHĨA: Un partido en poder con el despliegue de la democracia. TÀO HỮU PHÙNG: La orientación y políticas para movilizar los recursos financieros en servicio al desarrollo económico-social. THÀNH DUY: Hồ Chí Minh con el despliegue de la fuerza de cultura. NGUYỄN QUỐC HÙNG: La causa de liberación nacional de Vietnam es mirada bajo el ángulo del "orden mundial". LA CÔN: Estados Unidos después de la elección.

目录

社论：新年好！新世纪好！新千年好！• 黄松：马克思主义的灿烂前途 • 何春长：文学艺术中的民族本色 • 武宽：2000年世界经济和我国对外经济关系 • 阮景兴：15年来发展经济的成就 • 阮文邓：回顾我国经济革新历程 • 王黎："放弃社会主义"还是放弃对社会主义的错误看法？• 黎友义：一个执政党与发辉民主的工作 • 曹友遂：即定的方向及动员各财政源力以服务发展经济－社会的政策 • 成维：胡志明与发扬文化的强大力量 • 阮国雄：从"世界秩序"的角度视越南的民族解放事业 • 罗昆：选举后的美国.

Digitized by Google

Xã luận

CHÀO NĂM MỚI ! CHÀO THẾ KỶ MỚI ! CHÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI !

Với ánh triêu dương bừng chiếu trên hành tinh chúng ta ngày 1 tháng 1 năm 2001 này, thế giới đã bước vào một năm mới, một thế kỷ mới, một thiên niên kỷ mới.

Khoảnh khắc thời gian trọng đại đòi hỏi mỗi quốc gia phải nhìn lại mình và nhìn thế giới chung quanh để từ đó, định hướng con thuyền dân tộc trong dòng thác cuồn cuộn chảy của nhân loại tiến về phía trước.

Đất nước ta đi vào thế kỷ XX giữa lúc chủ nghĩa đế quốc đã độc chiếm thế giới, chia đi rồi chia lại thị trường bằng những cuộc chiến tranh đẫm máu. Chưa bao giờ như trong thế kỷ này, sức sản xuất xã hội phát triển như vũ bão, cách mạng khoa học và công nghệ đạt được thành tựu huy hoàng. Song loài người vẫn phải hứng chịu muôn vàn tai họa, bởi hai cuộc đại chiến thế giới, những cuộc chiến tranh cục bộ và xung đột vũ trang, khủng hoảng kinh tế và những cố tật xã hội do chủ nghĩa tư bản mang lại. Nét nổi bật nhất là, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời, tạo nên bước ngoặt quyết định cho phương hướng phát triển của thời đại. Đi liền với trào lưu xã hội chủ nghĩa là phong trào giải phóng dân tộc dâng cao, hệ thống thống trị thực dân tan rã. Tuy lâm vào thoái trào cuối thế kỷ, chủ nghĩa xã hội vẫn tỏ rõ sức sống và đó là tương lai loài người.

Trong tai họa chung của nhiều dân tộc trên thế giới, dân tộc ta còn có cái họa riêng mất nước diễn ra từ nửa cuối thế kỷ XIX. Nhưng trong cái họa ấy, đã bùng lên cái phúc. Cả một dân tộc vùng dậy, bằng những cuộc chiến đấu ngoan cường, đập tan gông xiềng nô lệ, giành lại giang sơn. Cách mạng Tháng Tám là bản hùng ca cứu nước vĩ đại như mọi cuộc cách mạng vĩ đại khác của thời đại chúng ta. Nước Việt Nam độc lập, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập. Rồi hai cuộc kháng chiến cứu nước chấn động địa cầu, liên tiếp đánh thắng hai đế quốc to. Cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và mở ra chương Đổi Mới, giải quyết sáng tạo một vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam chưa từng có tiền lệ. Cống hiến của dân tộc ta cho nhân loại trong thế kỷ XX này là đáng ghi nhận. Chủ nghĩa anh hùng Việt Nam, khí phách Việt Nam, lương tri Việt Nam, trí tuệ Việt Nam là những từ ngữ được nói đến không chỉ trong phạm vi bờ cõi nước ta.

Bước vào thế kỷ XXI, nhân loại thừa hưởng những gì mà thế kỷ trước để lại. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ từng phát triển như vũ bão sẽ còn tiếp tục phát triển không có điểm dừng. Sức sản xuất xã hội sẽ không ngừng tăng lên với nền kinh tế tri thức. Chủ nghĩa tư bản có công lớn trong việc thúc đẩy tiến trình lịch sử nhưng cũng có tội lớn. Tội lớn nhất là đã làm sản sinh và phát triển ngày càng gay gắt những mâu thuẫn xã hội, dẫn tới xung đột xã hội, những cuộc chiến tranh và khủng hoảng. Dẫu có ra sức tự điều chỉnh, tự tìm cách thay hình đổi dạng, chủ nghĩa tư bản vẫn là một chế độ áp bức, bất công. Chừng nào nó còn tồn tại thì những cố tật của nó vẫn còn. Lịch sử đã và sẽ tiếp tục phán định số phận của nó. Loài người mong muốn một xã hội tốt đẹp hơn. Chủ nghĩa xã hội chính là xã hội ấy. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hòa bình và phát triển là những trào lưu lớn của thế kỷ qua và của cả thế kỷ mới.

Dân tộc ta bước vào thế kỷ XXI với một hành trang không nhỏ. Kế thừa những chiến công và thành tựu giành được trong thế kỷ XX, ta có thể đứng vững trong hàng ngũ các dân tộc tiên phong chiến đấu cho độc lập, tự do. Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường xán lạn, là sự lựa chọn thuận với trào lưu lịch sử. Trước mắt chúng ta là những cơ hội lớn và cả những thách thức lớn. Cơ hội và thách thức đều nằm trong quá trình vận động của cách mạng nước ta và của tình hình quốc tế tác động đến ta. Ta có quyết tâm lớn nắm bắt và phát huy thời cơ, đồng thời cũng có quyết tâm lớn đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, tạo ra thế và lực mới để tiến vững chắc trên con đường đã chọn.

Digitized by Google

Mùa xuân này, Đảng Cộng sản Việt Nam họp Đại hội lần thứ IX, đại hội đầu thế kỷ, cũng là đầu thiên niên kỷ.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là chuyện của trăm năm, của nhiều thế kỷ. Nếu kể từ lúc nước nhà giành được thống nhất vào năm 1975, nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành, Đảng ta đã tập trung sức bàn việc tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ bao trùm nhất. Từ Đại hội IV (1976) đến Đại hội VIII (1996), cả 5 đại hội ấy đều cùng một hướng : Tìm ra con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm nước ta ; định ra đường lối, phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu và các giải pháp xây dựng đất nước trong từng chặng đường của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trải qua hai mươi năm tìm tòi, khảo nghiệm và thực hành, trong đó có 10 năm đổi mới, Đảng ta, tại Đại hội VIII, đã đi đến hai kết luận quan trọng. ***Một là*** *"Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".* ***Hai là*** *"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn".*

Năm năm cuối của thế kỷ XX là 5 năm Đảng ta và nhân dân ta thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII. Đó là 5 năm phấn đấu quyết liệt. Vừa ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài hơn 15 năm, chúng ta đã phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng mới từ bên ngoài tác động vào - cuộc khủng hoảng kinh tế của khu vực Đông - Nam Á và nhiều nước Đông Á. Điều quan trọng là trong cuộc chấn động đó, chúng ta đã đứng vững được, vừa giảm tối đa những tác động tiêu cực vừa tạo ra một nhịp độ tăng trưởng GDP trung bình hằng năm trong kế hoạch 1996 -2000 là 7% ; riêng năm 2000, đã thành công trong việc chặn lại đà suy giảm và tạo tiền đề cho khôi phục nhịp độ phát triển cao vào các năm sau. Chúng ta cũng đã đạt được những tiến bộ mới trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng an ninh, tăng cường hệ thống chính trị và mở rộng quan hệ đối ngoại...

Ở đầu thế kỷ mới, Đảng ta phải đánh giá lại không chỉ 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII mà cả 15 năm đổi mới. Đảng ta còn phải đưa ra cái nhìn thế kỷ, nhìn lại 100 năm trước và cả 100 năm sau để hoạch định chiến lược xây dựng đất nước, trước mắt và lâu dài. Ý nghĩa của Đại hội IX là ở đó.

Thông qua các dự thảo văn kiện của Đại hội, ta thấy rõ quyết sách lớn nhất của Đảng lần này là phấn đấu trong vòng hai mươi năm tới, đến năm 2020, đưa nước ta căn bản trở thành một nước công nghiệp. Và trong mười năm tới, đến năm 2010, kỷ niệm một nghìn năm Thăng Long, ít ra ta phải đi được nửa chặng đường ấy.

Chủ đề của Đại hội IX có thể được coi là bản thông điệp đầu thế kỷ mà Đảng ta gửi đến toàn Đảng, toàn dân : ***"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".***

Phát huy sức mạnh toàn dân tộc là phát huy sức mạnh tổng hợp của cả chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại giao,... là tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, khơi dậy và phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp xã hội, hướng tất cả vào mục tiêu ***"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"****, vừa phát huy tối đa nội lực vừa tranh thủ tốt nhất ngoại lực, giải quyết một cách đúng đắn các vấn đề hội nhập quốc tế, giữ vững độc lập tự chủ và bản sắc văn hóa dân tộc.*

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cũng qua các dự thảo văn kiện Đại hội, được thể hiện rõ không chỉ trong đường lối, phương hướng và nhiệm vụ mà cả trong lựa chọn bước đi và mô hình. Từ các đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa được nêu trong Cương lĩnh 1991, Đảng ta đã qua thực tiễn cuộc sống mà thiết kế nên những mô hình cụ thể trên từng lĩnh vực : một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ ; một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ; một nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và một đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo - Đảng Cộng sản Việt Nam,...

Bước vào năm 2001, nhìn lại quá khứ, ta tự hào về thế kỷ đã qua, một thế kỷ đấu tranh rất oanh liệt và chiến thắng rất vẻ vang của dân tộc ta, thế kỷ mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Hướng về tương lai, ta trọn niềm tin ở tiền đồ đất nước : Độc lập dân tộc muôn thuở vững bền ! Chủ nghĩa xã hội, từ chồi non lá mới, sẽ lớn mãi lên với thời gian và đâm hoa kết trái !

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

TIỀN ĐỒ XÁN LẠN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

HOÀNG TÙNG

SAU khi một mảng lớn của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa tan rã, so sánh lực lượng giữa hai hệ thống xã hội trên thế giới bị đảo lộn ; một thoái trào cách mạng diễn ra phổ biến. Dựa vào thế mạnh của mình, mấy cường quốc tư bản chủ nghĩa vội vàng "xắn tay áo" lên, vung cao thanh kiếm từ lâu đẫm máu, và hí hửng tuyên bố sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản, hô to khẩu hiệu : muôn năm chủ nghĩa tư bản ! Những người xưa kia vẫn tự xưng là mác xít 100% vì đã học thuộc lòng các trước tác kinh điển, bỗng toát mồ hôi, lớn tiếng hoặc lặng lẽ từ biệt học thuyết mà họ đã từng thề thốt suốt đời giữ trọn niềm tin. Một cuộc khủng hoảng đang còn tiếp tục trong nội bộ phong trào mác xít nhiều nước. Hai khuynh hướng xuất hiện đồng thời : phủ định toàn bộ chủ nghĩa Mác, cả lý luận lẫn thực tiễn, hoặc nhân danh bảo vệ chủ nghĩa Mác bằng cách quả quyết rằng các nhà sáng lập học thuyết giải phóng tư tưởng, giải phóng xã hội đã giải đáp trọn vẹn vấn đề của mọi dân tộc, mọi thời đại, phê phán những ai tìm hiểu chân lý theo con đường của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin xuất phát từ thực tiễn.

Tư tưởng Mác đã trở thành một phong trào cách mạng toàn cầu. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đánh đổ một thành trì phản động của châu Âu, Liên Xô đánh thắng chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa quân phiệt quốc tế, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã kiềm chế sự hoành hành của các cường quốc tư bản là những chiến công tầm cỡ toàn cầu của chủ nghĩa xã hội. Cách mạng nhiều khi phải làm lại sau những thất bại tạm thời. Điều đó đã từng xảy ra trong lịch sử.

Sức sống bền bỉ của chủ nghĩa Mác là quan niệm khoa học về vũ trụ và xã hội loài người, xu thế phát triển của lịch sử. Chủ nghĩa duy vật biện chứng là một khám phá lớn, mở ra một cuộc đột phá cực kỳ lớn trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Biện chứng là quy luật vận động của bản thân giới tự nhiên, xã hội loài người, tư duy con người ; nó không hề là sự tác tạo, hư cấu tùy hứng của những đầu óc giàu sức tưởng tượng.

Trước Mác, người ta đã nhất trí phân kỳ lịch sử theo sự thay đổi của công cụ lao động, xác định niên đại của các kỷ nguyên đá, kim loại, cơ khí. Mác luận giải đầy đủ hơn về hệ quả kinh tế, xã hội của các loại công cụ sản xuất như cái cối xay gió dẫn đến chế độ lãnh chúa, cái máy hơi nước sinh ra nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Khi xuất hiện người máy, cơ khí tự động, máy tính, mấy thuật ngữ mới ra đời : xã hội hậu công nghiệp, làn sóng thứ ba (*thứ nhất* là kỹ thuật thủ công, *thứ hai* là máy công tác - công nghiệp, *thứ ba* là công nghệ mới). Chỉ qua một nửa thế kỷ, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ bùng nổ dây chuyền cả chiều dọc lẫn chiều ngang đang dẫn tới một nền kinh tế hoàn toàn mới và đang được gọi rộng rãi là kinh tế tri thức. Khái niệm quá mới này không khỏi gây ra sự bối rối của một số người quen cho lao động cơ bắp giữ vai trò quyết định đến sự phát triển của lịch sử.

Digitized by Google

Ở một xã hội nông nghiệp, hiện tượng ấy là dễ hiểu. Nếu đọc và hiểu đúng Mác, Ăng-ghen, thì rõ ràng điều này đã được hai ông dự báo từ giữa thế kỷ thứ XIX. Cách mạng kỹ thuật là đầu tàu của phát triển sản xuất xã hội, văn hóa, con người. Nó sẽ dẫn đến thời đại khoa học. Trí tuệ trở thành sức sản xuất trực tiếp, đến lúc đó, sẽ xuất hiện một nền kinh tế dồi dào, của cải tuôn chảy, một xã hội mới sẽ hình thành. Thay thế xã hội cũ tư bản với những giai cấp và những đối kháng của chúng, sẽ xuất hiện một liên hiệp trong đó : sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người. (Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản).

Trong những điều kiện lịch sử nhất định, cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra, và đã từng nổ ra ở những nước không phải chủ nghĩa tư bản đã phát triển tới mức cao nhất. Đó là điều không cần phải bàn cãi nữa. Song khi phân tích các nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở một số nước, cần có cái nhìn khách quan, toàn diện, trong đó, phải đánh giá đúng ý muốn "xông thẳng" đến xã hội cộng sản chủ nghĩa bằng mệnh lệnh từ bên trên của bộ máy quản lý, xử lý các bước đi một cách chủ quan, bất chấp trình độ phát triển của sức sản xuất. Trong khi các nước tư bản không ngừng thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, phát triển khoa học, thì ở những nước đó, vai trò của sức sản xuất không được đặc biệt coi trọng. Theo lẽ tự nhiên, sức sản xuất chỉ phát triển đến hạn mới tạo thành đột biến hình thái kinh tế, xã hội. Thắng lợi của cách mạng chính trị, thay đổi chủ thể chính quyền nhà nước chỉ mở đường cho sự phát triển sức sản xuất. Nếu không hiểu điều đó, triệt tiêu những động lực mới xuất hiện, sẽ không tránh khỏi lâm vào trạng thái trì trệ.

Loài người đang bước vào một kỷ nguyên mới của kỹ thuật sản xuất. Người ta dự báo : vào khoảng vài ba thập niên sắp tới, trong nền sản xuất của các nước công nghiệp hóa cao, 70% trở lên tổng sản phẩm trong nước là thành tựu của kinh tế tri thức, công nghệ cao.

Toàn cầu hóa sản xuất, lưu thông là hệ quả tất yếu của nền khoa học, cũng như cuộc cách mạng cơ khí đã thúc đẩy sự hình thành thị trường quốc tế trước đây. Trong giai đoạn đầu, các công ty tư bản khổng lồ giữ vai trò chi phối và hưởng lợi nhiều nhất. Song, qua toàn cầu hóa, các nước chưa phát triển sẽ có điều kiện vươn lên nắm bắt và thực hiện nhanh hơn những thành tựu mới của khoa học, công nghệ hiện đại như ta đã chứng kiến sự ra đời chỉ khoảng 30 năm nhiều nước công nghiệp hóa mới.

Nền khoa học, công nghệ, nền kinh tế tri thức tự nó chuẩn bị tiền đề vật chất, văn hóa cho một xã hội mới mà Mác gọi là xã hội cộng sản văn minh. Quá trình toàn cầu hóa, trước mắt nuôi béo thêm chủ nghĩa tư bản, song chính nó lại làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản, tạo ra những lực lượng khổng lồ loại bỏ nó.

Mặc cho các nhà tư bản nhảy múa, các nhà mác xít không thấu hiểu biện chứng pháp hoang mang, lịch sử vẫn đi theo dòng chảy tự nhiên của nó. Chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa Mác là học thuyết của sự phát triển. Người ta phải thừa kế những di sản của quá khứ song lại phải không ngừng đổi mới tư duy. Mác đã nói : chúng tôi không kê thực đơn cho bếp núc của ngày mai. Mỗi thế hệ phải lý giải và xử lý những vấn đề do cuộc sống đặt ra. Có lúc ông nói : điều tôi lo lắng là có lúc chính mình không là mác xít. Sau hơn ba mươi năm kể từ khi công bố Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Ăng-ghen nói rằng : chương II đã lỗi thời rồi, nếu được phép viết lại, thì phải thay đổi toàn bộ. Trước khi mất mấy tháng, ông thừa nhận dự báo của các ông về sự bùng nổ của cách mạng vô sản ở châu Âu đã không được chứng minh vì các điều kiện của nó chưa chín.

Chỉ khi nào những người mác xít chân chính nắm vững tinh thần phê phán, tự phê phán và tinh thần cách mạng của tư duy biện chứng mới có thể phân tích, giải quyết đúng những vấn đề mới do cuộc sống nêu lên. Chân lý, lôgíc bao giờ cũng sinh động. ❑

Digitized by Google

BẢN SẮC DÂN TỘC TRONG VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

HÀ XUÂN TRƯỜNG

CHẤP hành đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng, suốt hơn nửa thế kỷ qua, chung quanh vấn đề bảo đảm bản sắc dân tộc trong văn học, nghệ thuật, chúng ta đã làm được nhiều việc tạo cho nền văn nghệ nước ta luôn đứng vững trên mảnh đất thân yêu của Tổ quốc, vươn tới hấp thụ những tinh hoa của nhân loại, phát triển tốt đẹp, có được vị thế như hôm nay. Nhân loại sắp bước sang thế kỷ XXI, những văn nghệ sĩ Việt Nam của thời đại Hồ Chí Minh gồm bốn thế hệ kế tục nhau, tự tin chào đón thế kỷ mở đầu của thiên niên kỷ mới, với những thành tựu trên mọi lĩnh vực. Năm 2000, là năm bộc lộ tột cùng sự say đắm của cả đất nước sống trong không khí hào hùng của lịch sử ngàn năm Thăng Long, trở lại cội nguồn từ Vua Hùng dựng nước cho đến hôm nay, con cháu của thời đại Hồ Chí Minh đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, sớm đẩy lùi nghèo nàn và lạc hậu, gồng mình lên vượt qua những gian nan thử thách giành vị trí xứng đáng trong thế giới công nghiệp và sau công nghiệp. Năm 2000, một năm vật lộn với những cơn thiên tai khủng khiếp lại một lần nữa chứng minh bản chất của một dân tộc thông minh, dũng cảm, đùm bọc, thương yêu nhau trong cơn hoạn nạn làm sáng ngời tinh thần nhân văn cao cả của nền văn hóa Đại Việt. Bộ mặt văn hóa của cả nước thể hiện được bản sắc dân tộc trong những ngày kỷ niệm cũng như những ngày thường của năm 2000 trong đó vai trò cần mẫn, sáng tạo của giới văn nghệ sĩ chuyên nghiệp và quần chúng văn nghệ nghiệp dư đóng vai trò rất lớn.

Bản sắc là nội dung, là hình thức, là cấu trúc, là chất liệu, là phương tiện chuyển tải của các loại hình nghệ thuật. Từ truyền thống, bản sắc được xác định rồi bản sắc lại phát triển chuyển biến trong sự tích tụ kinh nghiệm bản thân, trong sự tiếp thu, nhào nặn những tinh hoa của nhân loại, tạo nên truyền thống mới. "Tây phương và Đông phương có cái gì tốt, ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ" (Hồ Chí Minh). Cuối cùng cái chốt nhất của bản sắc dân tộc là những đặc điểm phải được kết tinh ở con người, ở tính cách, ở phẩm chất, thể hiện trong hành động và lối sống. Nói đến văn hóa, Hồ Chí Minh nêu lên hàng đầu "xây dựng tâm lý, lý cách, tinh thần dân tộc, lập trường tư tưởng".

Văn học - nghệ thuật Việt Nam đã không ngừng gìn giữ bản sắc phát huy bản sắc dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Con người Việt Nam, từ già đến trẻ, trong mọi giai cấp và từng lớp đã bộc lộ đến đỉnh cao chủ nghĩa anh hùng thấm đượm tinh thần dân tộc trong các cuộc chiến tranh cứu nước và giải phóng dân tộc, đặc biệt trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ đằng đẵng ba mươi năm, cuộc chiến tranh dài nhất hy sinh nhiều nhất trong lịch sử dân tộc. Theo đường hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam, văn nghệ sĩ đã làm được một việc vĩ đại là phản ánh trực tiếp những mặt anh hùng, cao cả của nhân dân mình, những tính cách đẹp đẽ của con người Việt Nam. Tinh thần yêu nước vốn là truyền thống ngàn đời của dân tộc bị dồn nén gần thế kỷ được dịp mở tung hết mức trong văn nghệ tạo ra một giai đoạn rực rỡ nhất của văn học, nghệ thuật dân tộc, giai đoạn kháng chiến. Nhiều tác phẩm còn gây được cảm xúc cho những thế hệ hôm nay và ngày mai chính là vì chúng phản ánh được hiện thực của đất nước, diễn tả được tình cảm của nhân dân, những tính cách tuyệt vời của dân tộc Việt Nam một khi Tổ quốc bị lâm nguy. Đó là nét bản sắc nhất của các dân tộc Việt Nam, cũng là nét đặc sắc nhất của văn nghệ Việt Nam.

Digitized by Google

Một dân tộc muốn trường tồn phải được phát triển, phát triển toàn diện. Đức tính quý báu nhất của dân tộc Việt Nam là biết thích nghi với hoàn cảnh. Sự hoàn thành và hoàn thiện đất nước Việt Nam như ngày nay là cả một quá trình hàng ngàn năm thích nghi của con người Việt Nam với thiên nhiên và các xã hội bao quanh. Đau khổ, vất vả, nhưng chí khí vẫn vươn lên. Không thời nào không có anh hùng hào kiệt, dưới ách đô hộ và áp bức dân tộc không thời nào không có khởi nghĩa nhân dân. Biết bảo vệ mình bằng tiếp thu cái hay, cái tốt của dân tộc khác, kể cả dân tộc áp bức mình. Đức tính thích nghi đó tạo cho bản sắc dân tộc một sức mạnh phát triển vô biên, làm cho bản sắc dân tộc luôn luôn mang được tính hiện đại, đưa dân tộc hội nhập và thâm nhập vào mọi thời đại một cách thuận lợi. Không phải tùy hứng khi nói đến "tinh thần thuần túy Việt Nam" Hồ Chí Minh lại nói đến "học tập cái tốt của Tây phương và Đông phương để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Trong học tập tùy hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà có chủ động tự nguyện và cũng có cưỡng bức, ép buộc trong trường hợp bị áp bức, lệ thuộc. Bản sắc văn hóa Việt Nam mang đậm nét văn hóa Trung Quốc, rồi đến văn hóa Ấn Độ, sau này chịu ảnh hưởng cũng khá đậm của văn hóa Pháp rồi đến văn hóa Nga và các nước châu Âu khác trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây. Đối với văn hóa Mỹ, tôi nghĩ ta không nên coi đó là một nền văn hóa châu Âu pha tạp, trên thực tế Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã có một nền văn hóa với những nét độc đáo và riêng biệt mặc dù chỉ mới tồn lại từ ba thế kỷ nay. Từ những năm 50 miền Nam nước ta chịu ảnh hưởng thêm của một nền văn hóa nữa, đó là văn hóa Mỹ. Đúng là có chủ nghĩa đế quốc về văn hóa chúng ta phải chống lại, nhưng cuộc đấu tranh không khoan nhượng đó không thể hạn chế chúng ta tiếp thu những gì tốt đẹp trong các nền văn hóa khác.

Văn học - nghệ thuật Việt Nam chưa bao giờ tự đóng mình vào một khuôn khổ nào đó, mà biết vượt mình ra khỏi khuôn khổ, tìm những xu trào hiện đại thích hợp với mình. Những người chủ trương cải cách đầu thế kỷ không ai khác lại chính là những nhà nho, những người sớm nhìn nhận chữ quốc ngữ, và gọi đó là "chữ của ta". Và chỉ một thời gian mấy chục năm, một nền văn học, báo chí quốc ngữ ra đời đủ các thể loại. Những khuynh hướng khác nhau, thậm chí có khuynh hướng phản động, nhưng về khách quan không ai có thể phủ nhận nền văn học đó không mang bản sắc dân tộc. Khi nói đến các khuynh hướng khác nhau, những khuynh hướng tiến bộ và cách mạng, chúng ta đã đề cập đến một vấn đề phức tạp của bản sắc dân tộc : yếu tố giai cấp trong văn hóa dân tộc. Khi đề cập đến văn hóa dân tộc, Lê-nin đã từng nói : "chúng ta chỉ lấy ở mỗi nền văn hóa dân tộc những yếu tố dân chủ và xã hội chủ nghĩa của nó mà thôi, chúng ta chỉ lấy những yếu tố ấy và lấy một cách không hạn chế để đem đối lập với cái văn hóa tư sản, với chủ nghĩa dân tộc kiểu tư sản của mỗi dân tộc" (1). Quan điểm này áp dụng trong việc tiếp thu các di sản văn hóa dân tộc. Quá trình đấu tranh dân tộc và dân chủ ở nước ta qua các thời kỳ diễn ra khá phức tạp, những quan điểm không rõ ràng gây không ít khó khăn cho việc nhận định, đánh giá các di sản văn hóa trong đó văn học, nghệ thuật giữ một vị trí hết sức quan trọng, nếu không nói là chủ yếu. Quan điểm, đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng đã giúp chúng ta khắc phục những trở ngại, về cơ bản đã có một cái nhìn đúng đắn về các di sản văn hóa dân tộc nói chung và riêng của thế kỷ XX có nhiều biến động về chính trị và xã hội ở nước ta. Tuy vậy khó khăn chưa phải đã hết, vì sự sai sót trong quản lý và chỉ đạo. Nói riêng về văn học đúng là một thời gian khá dài khi đánh giá văn học, ta thường nặng về "người" mà nhẹ về văn chương, do đó không đánh giá hết các giá trị văn chương của từng thời kỳ, nhất là đối với những khuynh hướng không gắn hoặc đối lập với cuộc đấu tranh chính trị của Đảng. Nhưng không phải vì thế mà mặc nhiên để cho tình trạng "hòa cả làng", bỏ ra ngoài "hoàn cảnh lịch sử cụ thể", bỏ qua hoạt động chính trị và xã hội của từng văn nghệ sĩ. Từ sau ngày thống nhất, hòa bình trở lại trên nước ta, chúng ta đã thiếu một sự chỉ đạo cụ thể trong việc đánh giá các di sản văn học trong cả nước, ít nhất trong những vấn đề có liên quan đến chính trị. Tình hình này kéo dài cho đến hôm nay làm cho sự đánh giá có nhiều sự tùy tiện, lẫn lộn đúng sai, thiếu sự công bằng. Những người đi theo đế quốc chống phá cách mạng, thậm chí kêu gọi ném bom miền Bắc, có người không chỉ hoạt động chính trị mà còn viết văn, viết báo chống kháng chiến, chống cộng quyết liệt có khi

(1) V. I. Lê-nin : Bàn về văn học và nghệ thuật. Nxb Sự thật, năm 1960, tr 172

Digitized by Google

được đánh giá ngang như đối với những người hoạt động cách mạng, tham gia kháng chiến từ đầu... Đây là vấn đề lớn, chúng ta không thể bỏ qua nhân dịp nhìn lại một thế kỷ văn học Việt Nam. Một mặt chúng ta không đồng nhất văn học và chính trị, nhưng chúng ta cũng không thể coi thường ảnh hưởng của chính trị đối với văn học. Văn học của chúng ta là văn học có tư tưởng.

Quan điểm của Đảng ta về bản sắc văn hóa là bản sắc luôn gắn kết với hiện đại. Nền văn nghệ của nước ta là nền văn nghệ dân tộc - hiện đại, vừa dân tộc vừa hiện đại. Trong hoàn cảnh kháng chiến với muôn vàn khó khăn, chúng ta đã tiếp thu nhanh chóng nhiều loại hình nghệ thuật hiện đại như điện ảnh, kịch nói, ô-pê-ra, ba-lê, giao hưởng, đổi mới mạnh nền mỹ thuật tạo hình, đổi mới, hiện đại hóa các môn nghệ thuật truyền thống của dân tộc như tuồng, chèo, cải lương. Thất bại không ít, nhưng thành công là chủ yếu. Ngày nay các bộ môn sân khấu truyền thống của chúng ta đang gặp khó khăn, quần chúng đến rạp ngày càng ít, nguyên nhân không phải vì thiếu đổi mới, mà vì những nguyên nhân khác liên quan đến việc phát triển toàn diện nền nghệ thuật của ta, liên quan đến sự phát triển của truyền hình, của công nghệ điện tử áp dụng vào nghệ thuật, và đặc biệt sự phát triển của văn hóa đại chúng (mass - culture) một vấn đề có tính toàn cầu.

Điện ảnh là một ngành nghệ thuật hiện đại gắn liền với công nghệ hiện đại. Chúng ta đã xây dựng được một nền điện ảnh dân tộc từ hai cuộc chiến tranh. Vì ngay khi mới hình thành, nó đã bắt rễ từ hiện thực của đất nước, ở tính cách con người Việt Nam, ở những vấn đề mà xã hội Việt Nam đặt ra, ở bối cảnh thiên nhiên Việt Nam. Sau chiến tranh, những cơ quan quản lý của Nhà nước ta đã để cho ngành điện ảnh trôi nổi một thời gian khá dài theo cơ chế thị trường, làm cho điện ảnh rơi vào khủng hoảng tưởng như không có đường ra. Nhưng mấy năm gần đây, những nghệ sĩ điện ảnh tiếp nối lại với truyền thống của mình cùng với quyết tâm của nhà nước, nền điện ảnh lại có khí sắc mới. Kỹ thuật, công nghệ còn thua nhiều so với nhiều nước trong khu vực, nhưng điện ảnh nước ta có một vốn rất lớn là hiện thực rất phong phú của đất nước và một đội ngũ nghệ sĩ lớn lên trong chiến tranh. Đề tài chiến tranh và sau chiến tranh còn là miếng đất nuôi dưỡng cảm hứng sáng tạo của họ, một khi họ còn gắn bó với nó. Liên hoan phim quốc tế châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 45 tiến hành từ ngày 6-10 tháng 12 năm 2000 ở Hà Nội đã tôn vinh bộ phim truyện *Đời cát* và bộ phim ngắn *Chị Năm "khùng"* hai bộ phim xuất sắc nhất của Liên hoan. *Đời cát* đề cập đến sự hy sinh thầm lặng của người phụ nữ thôn quê vùng cát mang một tinh thần rất nhân bản đậm tính cách Việt Nam. Nhân vật trung tâm cùng tên với tác phẩm phim ngắn cũng là người phụ nữ, *người thật, việc thật,* 13 năm trời lầm lũi đi tìm hài cốt liệt sĩ, sáng ngời tính nhân văn Việt Nam. Đây là phần thưởng lớn nhất mà một Liên hoan quốc tế dành cho điện ảnh Việt Nam 20 năm trở lại đây. Đối với phim ngắn thì đây là phim ngắn về đề tài sau chiến tranh ba lần liên tiếp được nhận giải thưởng lớn của Liên hoan này. Thành công lớn này của điện ảnh Việt Nam nói lên nhiều vấn đề đáng suy ngẫm cho tương lai của điện ảnh nước nhà. Nhưng có hai vấn đề nổi bật : đó là sự gắn bó với đất nước, với con người Việt Nam mà chiến tranh là một hiện thực vĩ đại với những thắng lợi vang dội khắp năm châu bốn biển cùng với những mất mát hy sinh vô cùng lớn lao còn để lại dư âm cho bao thế hệ tiếp theo, hun đúc ý chí Việt Nam, bồi dưỡng tính nhân văn Việt Nam ; đó là lực lượng nghệ sĩ lớn lên trong chiến tranh chống Mỹ, có tâm huyết, có học vấn vẫn đang là lực lượng chủ chốt của ngành nghệ thuật trẻ tuổi này. Đây là thế hệ thứ hai của ngành điện ảnh. Nắm vững quan điểm dân tộc - hiện đại, đứng vững trên đất của Tổ quốc, gắn bó với nhân dân như những ngày đầu khai sinh của ngành, chắc chắn các nghệ sĩ điện ảnh còn đi xa với những thành tựu vang dội hơn, không phải chỉ với đề tài chiến tranh, mà với đề tài mới cuộc sống sôi nổi của toàn dân của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những nhân vật đầy tính cách Việt Nam của thời kỳ đổi mới mà những đại diện tiêu biểu đầu tiên đã có mặt ở Đại hội anh hùng, chiến sĩ Thi đua toàn quốc lần thứ 5.

Những năm 60, 70, trên sân khấu kịch Việt Nam, cùng với những vở kịch nói nổi tiếng của Liên Xô và cả của Mỹ (những vở tiêu biểu của Ác-tơ Mi-lơ), là vở kịch *Câu chuyện Vòng phấn Cáp-ca-dơ* của Béc-tôn Bờ-rét được dàn dựng kết hợp phong cách

(Xem tiếp trang 12)

Digitized by Google

KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ QUAN HỆ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA NƯỚC TA NĂM 2000

VŨ KHOAN *

So với những năm cuối của thập niên 90 thì nền **kinh tế thế giới năm 2000** êm ả hơn nhiều. May thay trong năm đã không xảy ra những xáo động lớn ; hơn thế nữa tốc độ tăng trưởng của nền sản xuất thế giới đạt mức khá cao, khoảng 4,1% so với 2,8% trong năm 1999. Tốc độ này có thể cao hơn nếu như giá dầu lửa không tăng khoảng trên 70% trong năm.

Trong khung cảnh chung đó, kinh tế các khu vực nói chung đều tăng trưởng khá. Sau cơn khủng hoảng sâu sắc trong những năm 1997 - 1999, kinh tế Đông - Nam Á đã từng bước phục hồi, tốc độ phát triển của cả khu vực đạt khoảng 4,8% so với 2,9% trong năm trước. Ở Đông - Bắc Á, kinh tế Trung Quốc vẫn giữ được "phong độ" với tốc độ tăng trưởng cao vào loại bậc nhất thế giới, đạt khoảng 8% ; kinh tế Hàn Quốc hồi phục đầy ấn tượng với GDP tăng 9,3% ; kinh tế Nhật Bản mấy năm qua khá trì trệ thì năm nay cũng nhích lên, đạt mức tăng trưởng trên 1%. Kinh tế các nước trong Liên minh châu Âu được coi là khả quan, sản xuất tăng 3,25%, căn bệnh cố hữu của Tây Âu là nạn thất nghiệp cao nay có phần thuyên giảm ; đặc biệt kinh tế Nga sau nhiều năm tụt dốc, năm 2000 khá khởi sắc với tốc độ tăng trưởng tới khoảng 7%. Đã mười năm nay kinh tế Hoa Kỳ tăng liên tục và năm 2000 cũng không phải là ngoại lệ, sản xuất của nước này đã tăng 5,1% so với 4,2% trong năm trước. Tình hình "vùng ngoại vi" cũng tương đối sáng sủa, kinh tế Nam Á tăng khoảng 5,9%, Trung Cận Đông tăng 4,8%, châu Phi tăng 3,4% và Mỹ la-tinh tăng 4,25%.

Sản xuất tăng đã kéo theo sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền thương mại toàn cầu với tốc độ 14% so với 3,5% năm 1999, nếu tính theo giá trị thì lên tới 6000 tỉ USD.

Toàn bộ tình hình trên đã tạo ra những điều kiện thuận lợi ở bên ngoài cho nền kinh tế nước ta khởi sắc, chặn đứng đà giảm sút trong những năm cuối thập niên 90 thế kỷ XX.

Sự khởi sắc ấy một phần được thể hiện qua mức tăng trưởng mạnh mẽ về kim ngạch **xuất khẩu** mà trong năm 2000 có thể đạt khoảng trên 14 tỉ USD, tức là tăng trên 20% so với cùng kỳ năm trước, vượt chỉ tiêu do Quốc hội đề ra hồi cuối năm 1999 là 11 - 12%. Cho dù giá dầu thô tăng mạnh đã góp phần không nhỏ vào việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu thì cũng không thể không ghi nhận những nỗ lực của các ngành khác. Nếu loại bỏ nhân tố giá dầu thô thì kim ngạch xuất khẩu năm nay cũng vẫn tăng 13,5%. Nhân đây cũng cần nói rõ rằng, trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, không nên và cũng không thể tách bóc rành mạch hay "loại bỏ" ngành hàng nào cả vì giá cả các mặt hàng gắn bó mật thiết với nhau, nhiều khi được "lợi" mặt này thì lại "thiệt" mặt khác. Ví dụ năm qua ta đã được "lợi" khoảng 1,4 tỉ USD do giá dầu thô tăng nhưng lại "thiệt" 800 triệu USD do giá sản phẩm dầu cao ; đó là chưa kể giá nhiều sản phẩm công nghiệp và giá cước vận chuyển tăng theo giá dầu, trong khi đó giá nông sản lại giảm mạnh, riêng về gạo ta thiệt khoảng 110 triệu và cà - phê thiệt khoảng 320 triệu. Đặc biệt trong năm qua kim ngạch xuất khẩu một

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thương mại

Digitized by Google

loạt sản phẩm đã gia tăng với tốc độ đầy ấn tượng như rau tăng 80,3%, hàng thủ công mỹ nghệ tăng 45,95%, điện tử và linh kiện điện tử tăng 39,7% thủy sản tăng 48,1%...

Đi đôi với sự gia tăng kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu cũng tăng, đạt khoảng 14,8% tỉ USD, mức nhập siêu bằng khoảng 5,7% kim ngạch xuất khẩu. Nhìn qua thì mức nhập siêu như vậy tăng đáng kể so với năm 1999 (khoảng gần 1% so với xuất khẩu) nhưng điều này có thể hiểu được do sản xuất tăng nên nhu cầu về thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu đều tăng, giá sản phẩm dầu và nhiều sản phẩm công nghiệp khác cũng tăng. Vả lại, mức nhập siêu năm 1999 thấp là do sản xuất trì trệ, còn mức nhập siêu năm 2000 dù có cao hơn năm trước nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với 26,2% năm 1996, 22,8% năm 1997 và 22,8% năm 1998.

Một nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy xuất khẩu là những nỗ lực lớn lao của chúng ta trong việc mở rộng thị trường. Tiêu thụ sản phẩm, nhất là nông sản, đã trở thành một nội dung chủ yếu trong các cuộc tiếp xúc giữa các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta cũng như các bộ, ngành hữu quan với lãnh đạo và giới kinh doanh các nước. Trong năm nước ta đã ký thêm Hiệp định Thương mại với nhiều nước, trong đó có Hoa Kỳ, một thị trường có dung lượng lớn bậc nhất thế giới ; tranh thủ tăng thêm khoảng trên 25% hạn ngạch hàng dệt may vào Liên minh châu Âu và đưa thêm 40 doanh nghiệp chế biến thủy sản của nước ta vào danh sách loại I, nâng tổng số lên thành 91 doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho việc xuất khẩu thủy sản - một lĩnh vực nước ta có nhiều tiềm năng và thị trường thế giới đang có nhu cầu.

Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta đã có thể yên tâm với những gì đã gặt hái được. Cho dù kim ngạch xuất khẩu tính theo đầu người năm 2000 đã đạt khoảng 184 USD, tức là đã vượt "ngưỡng" của một nước có nền ngoại thương phát triển thì vẫn còn quá thấp nếu tính rằng, chỉ tiêu đó ở Thái Lan là gần 1 000 USD. Cho dù thị trường của nước ta đã tương đối "rộng" nhưng sự có mặt của hàng hóa Việt Nam trên các thị trường ấy lại quá "mỏng" và chưa bám rễ "sâu". Cơ cấu hàng xuất khẩu vẫn còn lạc hậu, hàng thô còn chiếm tới trên 60%, trong số các sản phẩm của công nghiệp chế biến và chế tạo thì tỷ lệ hàng gia công còn lớn, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao và nhiều chất xám còn quá nhỏ bé, dịch vụ chưa được coi trọng như một lĩnh vực đem lại hiệu quả cao cho xuất khẩu. Đáng quan tâm là kim ngạch một số mặt hàng "chủ lực" như hàng may mặc, giầy dép, than... tăng không đáng kể. Giá một số nông sản, đặc biệt là giá cà - phê và gạo năm nay giảm mạnh, gây thiệt hại lớn cho bà con nông dân nước ta như trên đã nói.

Tiếc rằng *đầu tư phát triển của nước ngoài (FDI)* chưa lấy lại được đà tăng trưởng cao. Nếu tính tới 20-11-2000 thì trong năm đã có 240 dự án mới được cấp phép với tổng số vốn đăng ký là gần 650 triệu USD. Như vậy, số lượng dự án có tăng 121% nhưng giá trị vốn đăng ký lại giảm 46% so với năm 1999 - một năm lượng đầu tư nước ngoài khá thấp cho dù Luật đầu tư nước ngoài (sửa đổi) với các Nghị định kèm theo khá thông thoáng. Tình hình trên liên quan tới nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Về khách quan là xu hướng vốn đầu tư chủ yếu đổ vào các nền kinh tế mạnh, nhất là vào Hoa Kỳ và Trung Quốc - hai nước thu hút vốn đầu tư nhiều nhất thế giới ; kinh tế Đông - Nam Á tuy có phục hồi nhưng chưa thật vững chắc, thêm vào đó tình hình chính trị - xã hội nhiều nước trong khu vực lại không ổn định, do đó chưa lấy lại được niềm tin của các nhà đầu tư ngoài khu vực. Nếu như FDI đổ vào Đông - Nam Á năm 1997 còn là 38,7 tỉ USD thì năm 1998 chỉ còn 19,6 tỉ và năm 1999 tụt xuống còn có 16,9 tỉ, năm 2000 cũng chỉ ở mức 1999. Về mặt chủ quan có tình trạng luật lệ của Nhà nước ta thì ngày càng thông thoáng hơn nhưng việc thi hành lại có nhiều trục trặc ở nhiều khâu. Hy vọng sắp tới sẽ có thêm một số dự án mới được cấp phép, đưa tổng số vốn FDI lên cao hơn mức hiện nay.

Còn về *viện trợ phát triển chính thức (ODA)* thì Hội nghị các nhà tài trợ cuối năm 1999 đã cam kết dành cho nước ta 2,1 tỉ USD, đưa tổng số vốn ODA lên 15,14 tỉ USD. Tình hình thực hiện đã được cải thiện đáng kể : tính đến tháng 10-2000 nước ta đã ký hiệp định tiếp nhận viện trợ với giá trị khoảng 12,41 tỉ USD, tức là 82% tổng số ; đã giải ngân được khoảng trên 8 tỉ, tức là khoảng 53% tổng số, riêng trong năm nay đã giải ngân được khoảng gần 1,7 tỉ USD.

Digitized by Google

Từ tình hình trên có thể thấy bức tranh chung của quan hệ kinh tế đối ngoại năm 2000 là : *xuất khẩu tăng mạnh, nhập khẩu cũng tăng nhanh làm cho mức nhập siêu tăng hơn nhưng vẫn nằm trong giới hạn cho phép, ODA được giải ngân nhiều hơn nhưng tiếc rằng FDI chưa lấy lại được đà của những năm trước khủng hoảng.*

Bước vào năm 2001, nhiều dự báo cho thấy tốc độ tăng trưởng của kinh tế thế giới có giảm đi chút ít, sẽ đạt khoảng 3,4% so với 4,1% năm 2000 nhưng chưa có dấu hiệu xáo động lớn. Dự báo là vậy nhưng trong một thế giới đầy bất trắc như hiện nay thì vẫn cần tỉnh táo theo dõi. Hiện nay chưa ai có thể dự báo chắc chắn về mức giá dầu thô năm 2001 sẽ ra sao ; kinh tế Hoa Kỳ lâu nay tuy phát triển cao nhưng lại chứa đựng không ít nhân tố có thể gây bất ổn như "quá nóng", mức tiêu dùng quá cao, kinh tế dựa khá nhiều vào vốn hút từ bên ngoài... liệu năm tới nền kinh tế này có bị "bục" không ? Giá nhiều nông sản, nhất là giá cà-phê và gạo cũng chưa có dấu hiệu khả quan...

Nếu kinh tế thế giới và khu vực không bị xáo động thì môi trường quốc tế đối với nước ta trong năm đầu của thiên niên kỷ mới sẽ tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, để đạt những chỉ tiêu mà kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa X nêu ra, đặc biệt là chỉ tiêu tăng GDP thêm 7,5% và kim ngạch xuất khẩu thêm 16% thì phải có những cố gắng rất lớn lao. Về mặt FDI, hơn lúc nào hết cần gia tăng hơn nữa tính hấp dẫn của môi trường đầu tư ở nước ta vì dù sao đi nữa lĩnh vực này vẫn chiếm tỷ trọng khá cao trong GDP cũng như trong vốn đầu tư, sản lượng công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu, thu ngân sách và công ăn việc làm. Về ODA, có những dấu hiệu cho thấy việc gia tăng thêm không dễ dàng do nhiều nước tài trợ có ý định cắt giảm. Về xuất khẩu việc tăng thêm 16% so với năm 2000 - một năm đạt mức tăng trưởng cao, thật không đơn giản, nhất là chưa rõ giá dầu thô sẽ ra sao, giá nông sản còn rất bấp bênh và cung đã vượt cầu trên thị trường thế giới về nhiều sản phẩm.

Hy vọng rằng, vui mừng trước những thành tựu đã đạt được năm 2000 và trong không khí phấn khởi do Đại hội lần thứ IX của Đảng đem lại, nhân dân ta sẽ vượt qua mọi khó khăn thử thách để làm cho năm đầu của kế hoạch 5 năm tới thắng lợi về mọi mặt. ❑

BẢN SẮC DÂN TỘC...

(Tiếp theo trang 9)

"gián cách" đặc trưng của Bờ-rét với phong cách chèo truyền thống Việt Nam. Những sự hợp tác dàn dựng như thế là tiền đề cho sự dàn dựng vở nước ngoài theo phong cách Việt Nam. Vở ba lê *Kẹp hạt dẻ* nhạc của Trai-cốp-xki gần đây cũng là một thể nghiệm mạnh dạn hơn theo hướng đó. Biên đạo múa người Pháp cùng với các trợ lý người Việt Nam cho nhân vật lấy tên Việt Nam, với những trang phục Việt Nam, vở múa được chuyển đổi sang một bối cảnh cổ truyền Việt Nam để cho người xem Việt Nam có thể hòa nhập dễ dàng vào câu chuyện thần tiên ở phương trời tây xa lắc. Những vở như thế, với những mức độ thành công khác nhau, trên thực tế đã trở thành của Việt Nam, không chỉ làm giàu cho kịch mục Việt Nam, mà cả cho phong cách Việt Nam, cho bản sắc Việt Nam.

Sau khi dựng thành công vở nhạc kịch Ô-pê-ra *Ép-ghi-nhi Ơ-nê-ghin* vào những năm 60, Nhà hát ca múa nhạc kịch Việt Nam cho dựng vở Ô-pê-ra *Cô Sao* của Đỗ Nhuận được khán giả rất hoan nghênh. Sau khi dàn dựng những trích dẫn các vở ba-lê, nhà hát trên cho dựng hai vở múa *Ngọn lửa Xô viết Nghệ Tĩnh* và *Tấm Cám* thành công, và tiếp đó trên sân khấu Việt Nam vở kịch múa cổ điển của Nga và của thế giới Hồ thiên nga được dàn dựng hoàn chỉnh. Nhưng vở đó đã thuộc về gia tài nghệ thuật múa Việt Nam.

Tôi kể lại một số việc làm, một số sự kiện của giới nghệ thuật của chúng ta nhằm mục đích vừa gìn giữ vốn liếng truyền thống vừa tiếp thu cái hay, cái đẹp của nước ngoài nhằm củng cố và phát triển bản sắc dân tộc của nền nghệ thuật nước nhà là để khẳng định mạnh mẽ phương châm *dân tộc - hiện đại* trong đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cùng với sự khẳng định đó là niềm hy vọng đầy tự tin rằng giới văn học, nghệ thuật chúng ta có đủ tài năng và nhiệt huyết, nhân dân ta vốn rất nhạy cảm với nghệ thuật có thể chủ động tiếp thu có chọn lọc mọi cái hay, cái đẹp của nhân loại từ cổ chí kim làm phong phú thêm bản sắc của mình, không ngừng nâng cao tinh thần dân chủ và nhân văn của nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. ❑

Digitized by Google

THÀNH TỰU 15 NĂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ

NGUYỄN CẢNH HƯNG

Mười lăm năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo, đất nước ta, dân tộc ta đã thu được những thành tựu to lớn cả về kinh tế và xã hội. Kinh tế thoát khỏi khủng hoảng triền miên hàng chục năm và bước đầu thời kỳ phát triển toàn diện và tăng trưởng liên tục. Tốc độ tăng GDP bình quân 1 năm của thời kỳ 1996 - 2000 đạt 7% so với 3,9% thời kỳ 1986 - 1990. Lạm phát giảm từ 774,6% năm 1986 xuống còn 67,4% năm 1990 ; 12,7% năm 1995 ; 0,1% năm 1999 và 0% năm 2000. Sản xuất công nghiệp tăng trưởng liên tục với tốc độ trên hai con số. Bình quân thời kỳ 1991 - 1995 tăng 13,7%, thời kỳ 1996 - 2000 trên 13,2%. Mức bình quân đầu người của nhiều sản phẩm công nghiệp như điện, than, vải, thép, xi măng..., tăng nhanh trong những năm đổi mới, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân và xuất khẩu. Riêng ngành công nghiệp khai thác dầu khí, xuất hiện trong thời kỳ đổi mới với sản lượng 40 ngàn tấn dầu thô năm 1986 đã tăng lên 15 triệu tấn năm 2000 với giá trị xuất khẩu 3,3 tỉ USD. Không chỉ tăng trưởng cao mà sản xuất công nghiệp những năm cuối thế kỷ XX đã xuất hiện xu hướng đa ngành, đa sản phẩm và đa thành phần, trong đó công nghiệp quốc doanh vẫn giữ vai trò chủ đạo.

Nông nghiệp phát triển toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng và thủy sản. Thành tựu nổi bật nhất là đã giải quyết vững chắc an toàn lương thực quốc gia, biến Việt Nam từ nước thiếu lương thực trước năm 1989 thành nước xuất khẩu gạo thứ 2 thế giới. Tính chung 12 năm qua nước ta đã xuất khẩu 30,5 triệu tấn gạo, bình quân 2,54 triệu tấn/năm nhưng thị trường và giá cả lương thực trong nước vẫn ổn định, kể cả những năm thiên tai lớn như 1999, 2000. Tốc độ tăng sản lượng lương thực bình quân 5%/năm, cao hơn tốc độ tăng dân số (1,8%) nên lương thực bình quân đầu người từ 280kg năm 1987 tăng lên 455kg năm 2000. Các mặt hàng nông sản xuất khẩu Việt Nam vừa tăng nhanh về số lượng vừa nâng cao về chất lượng nên ngày càng có uy tín trên thị trường quốc tế. Năm 2000, sản lượng cà phê xuất khẩu đã đạt 660 nghìn tấn, gấp 2,7 lần năm 1995 và đứng vị trí thứ 2 thế giới sau Bra-xin. Giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 1,4 tỉ USD, gấp 2,5 lần năm 1995. Hàng thủy sản Việt Nam hiện nay đã được công nhận trong danh sách nhóm I của các nước xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU sau khi đã vượt qua cuộc kiểm tra chất lượng của cơ quan thực phẩm Mỹ. Tổng giá trị xuất khẩu nông sản đã chiếm khoảng 40% tổng giá trị xuất khẩu cả nước. Một nền nông nghiệp hàng hóa đã hình thành gắn với thị trường quốc tế.

Hoạt động thương mại và dịch vụ có nhiều khởi sắc. Cơ chế cung cấp theo tem phiếu và thu mua theo nghĩa vụ bị bãi bỏ, thay vào đó là lưu thông tự do, thống nhất một giá. Thị trường đầy ắp hàng hóa và dịch vụ, giá cả ổn định, chất lượng ngày càng cao, phương thức mua bán thuận tiện. Hoạt động xuất nhập khẩu sôi động, kim ngạch xuất khẩu tăng từ 570 triệu USD thời kỳ 1981 - 1985 lên 1370 triệu USD thời kỳ 1986 - 1990, 3401 triệu USD thời kỳ 1991 - 1995 và 5646 triệu USD/năm thời kỳ 1996 - 2000, riêng năm 2000 đạt 14 tỉ USD. Nhập siêu giảm từ 3,8 tỉ USD năm 1996 xuống còn 800 triệu USD năm 2000. Đến nay Việt Nam đã có quan hệ buôn bán với hơn 150 nước và vùng lãnh thổ.

Digitized by Google

Hoạt động đầu tư nước ngoài bắt đầu từ năm 1988 với 37 dự án và 371 triệu USD, đến nay cả nước có hơn 3000 dự án với hơn 700 doanh nghiệp thuộc 62 nước và vùng lãnh thổ với tổng vốn đăng ký trên 36 tỉ USD, vốn thực hiện khoảng 17 tỉ USD. Khu vực này đã nộp ngân sách hơn 1,52 tỉ USD, tạo ra hơn 21,6 tỉ USD hàng hóa xuất nhập khẩu và giải quyết việc làm cho 32 vạn lao động trực tiếp và hơn 1 triệu lao động gián tiếp.

Sự hình thành của 3 vùng kinh tế trọng điểm ở 3 miền Bắc, Trung, Nam và 68 KCN, KCX đã là những mô hình mới, điểm sáng trong bức tranh kinh tế nước ta thời đổi mới và mở cửa.

Bộ mặt đất nước đổi thay theo hướng ngày càng văn minh, hiện đại. Hàng loạt công trình thế kỷ đã mọc lên đã tô đẹp thêm bức tranh thủy mặc thiên nhiên vốn có của đất nước ta : thủy điện Hòa Bình, Trị An, Thác Mơ, Yaly, đường dây 500kV Bắc - Nam, nhiệt điện Phả Lại, Phú Mỹ, cầu Bến Thủy, Sông Gianh, Quán Hàu và cầu Mỹ Thuận, một kỳ quan của khu vực Đông - Nam Á, nâng cấp quốc lộ 1A, quốc lộ 5, quốc lộ 18, cùng nhiều sân bay, bến cảng đã và đang được nâng cấp và hiện đại hóa. Cùng với các cơ sở vật chất, kỹ thuật của CNXH phục vụ sản xuất là hàng loạt công trình phúc lợi phục vụ đời sống nhân dân, như bệnh viện, trạm y tế, trường học, nhà ở cho những người nghèo, nhà tình nghĩa, ... Đến năm 2000, điện lưới quốc gia đã phủ 98% số huyện, 70% số xã và 98% số hộ thành thị, 60% số hộ nông thôn. Hệ thống đường giao thông, bưu điện được xây dựng mới và nâng cấp đang vươn tới mọi miền đất nước, kể cả vùng sâu, vùng xa. Thu nhập và đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện cả về vật chất và tinh thần. Thu nhập của dân cư tăng bình quân 10% trong 15 năm đổi mới và năm 1999 đạt 295 nghìn đồng/người/tháng, tăng 30% so 1996. Số hộ giàu tăng lên và đến nay đã đạt trên 10%, số hộ nghèo giảm xuống, từ trên 51% trong thập niên 80 xuống còn 13,3% năm 1999 và 11% năm 2000. Văn hóa, y tế, giáo dục được Nhà nước quan tâm và đầu tư thỏa đáng. Đến nay, cả nước đã hoàn thành chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Năm học 2000 - 2001 đã có trên 25 triệu học sinh các cấp, cứ 3 người dân có 1 người đi học, 100% số xã có trạm y tế, 40% số xã có bác sĩ...

Thành tựu của 15 năm đổi mới đã tích lũy lại tiếp tục được nhân rộng và nâng cao hơn trong năm 2000. Mặc dù xu hướng chững lại của nền kinh tế kéo dài trong 3 năm trước vẫn tiếp tục, thêm vào đó thiên tai dồn dập từ Bắc đến Nam làm thiệt hại 4 700 tỉ đồng, riêng lũ lớn lịch sử ĐBSCL gây thiệt hại hơn 3 730 tỉ đồng, song nhờ có những quyết sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự điều hành có hiệu quả của Chính phủ, sự cố gắng vượt bậc của các ngành các cấp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và nhân dân cả nước, chúng ta vẫn vững bước đi lên và giành được những thành tựu rất đáng tự hào. Kết thúc năm 2000, tất cả các mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 và chiến lược 10 năm 1991 - 2000 đều đạt và vượt kế hoạch : GDP bình quân đầu người đạt gần 400USD/năm, tăng gấp đôi năm 1990. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2000 tăng 6,7%. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 15,5%, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,7%, sản lượng lương thực đạt 35,7 triệu tấn, sản lượng thủy sản đạt 2,1 triệu tấn, xuất khẩu đạt 14 tỉ USD, thu ngân sách vượt dự toán, cán cân thanh toán được cải thiện, quốc phòng - an ninh được giữ vững, đời sống nhân dân được cải thiện, thu nhập tăng bình quân 10% so với năm 1999, hơn 1,4 triệu lao động có việc làm mới,... Lũ lụt lịch sử ở ĐBSCL và ở các tỉnh miền Trung thiệt hại to lớn là vậy, nhưng không nơi nào xảy ra thiếu đói, dịch bệnh hoặc thất học, thị trường và giá cả ổn định cả trong và sau lũ. Cuộc chiến chống lũ lụt năm 1999 và năm 2000 càng củng cố vững chắc hơn mối quan hệ keo sơn giữa dân với Đảng, với chính quyền, với các lực lượng vũ trang và thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ XHCN của chúng ta, ngay cả trong cơ chế thị trường.

Những thành tựu về kinh tế của 15 năm đổi mới và của năm 2000 là to lớn và có ý nghĩa nhiều mặt : khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn, hợp lòng dân, tăng niềm tin của dân đối với Đảng và Nhà nước, nâng cao vị trí và tầm vóc của Việt Nam trên trường quốc tế và tạo ra thế và lực mới, làm bệ phóng đưa đất nước ta tiến nhanh hơn vào thế kỷ XXI.

(Xem tiếp trang 43)

Digitized by Google

NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ Ở NƯỚC TA

NGUYỄN VĂN ĐẶNG *

Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi to lớn. Sau khi nước nhà thống nhất (1975), kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh, trải qua nhiều năm tìm tòi, khảo nghiệm mô hình, Đảng đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam, làm thay đổi bộ mặt đất nước và xã hội. Hướng tới Đại hội IX của Đảng, nhìn lại quá trình đổi mới để góp phần khẳng định bước tiếp tục, trong phạm vi bài này xin tập trung vào hai vấn đề : đổi mới về chế độ sở hữu, thành phần kinh tế và đổi mới về cơ chế chính sách, chủ yếu từ sau Đại hội VI của Đảng (1986) đến nay.

I - NHỮNG ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VỀ CHẾ ĐỘ SỞ HỮU VÀ THÀNH PHẦN KINH TẾ.

1 - Trong suốt mấy chục năm qua, nhất là từ Đại hội VI đến nay, trên cơ sở tư duy ngày càng rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn của đất nước, Đảng đã ***không ngừng đổi mới quan điểm, chính sách về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế.***

Đại hội VI của Đảng (1986) phân định thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa (khu vực quốc doanh, khu vực tập thể và bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với thành phần đó) và các thành phần kinh tế khác (phi xã hội chủ nghĩa). Chủ trương xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Xác định kinh tế xã hội chủ nghĩa phải chiếm tỷ trọng lớn trong cả sản xuất và lưu thông. Nhà nước có chính sách ưu đãi về kinh tế với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa (về đầu tư, thuế, tín dụng...). Cho phép tư sản nhỏ hoạt động trong một số ngành nghề sản xuất và dịch vụ ở những nơi cần thiết ; xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân trong lĩnh vực lưu thông (trừ trong một số ngành hàng tươi sống).

Hội nghị Trung ương 6, khóa VI (1989) chủ trương phát triển đan xen nhiều loại hình hỗn hợp, đan kết các hình thức sở hữu. Kinh tế quốc doanh có vai trò chủ đạo, cần có lực lượng đủ sức chi phối thị trường, song không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành nghề ; những ngành nghề, hoạt động nào mà kinh tế hợp tác xã, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân có thể làm tốt, có lợi cho nền kinh tế thì nên tạo điều kiện cho các loại hình ấy phát triển. Tư nhân được kinh doanh không hạn chế về quy mô, địa bàn hoạt động trong những ngành nghề sản xuất, xây dựng, vận tải, dịch vụ mà luật pháp không cấm.

Đại hội VII của Đảng (1991) thông qua Cương lĩnh xác định : Kinh tế quốc doanh có vai trò chủ đạo ; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng ; kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi ; tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định ; phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức.

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 xác định : Kinh tế tư nhân được

* PGS, TSKH ; Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương

Digitized by Google

phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề mà luật pháp không cấm ; Nhà nước có thể liên doanh với tư nhân trong và ngoài nước, hình thành loại doanh nghiệp thuộc thành phần tư bản nhà nước. Khẩn trương sắp xếp lại và đổi mới quản lý kinh tế quốc doanh để phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế ; tập trung lực lượng củng cố và phát triển những cơ sở trọng điểm, những cơ sở làm ăn có hiệu quả và có ý nghĩa lớn đối với nền kinh tế quốc dân ; cho thuê, chuyển hình thức sở hữu hoặc giải thể các cơ sở thua lỗ kéo dài và không có khả năng vươn lên.

Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (1994) đã bổ sung, cụ thể hóa thêm chủ trương thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước, Hội nghị yêu cầu phải tiếp tục chấn chỉnh và xây dựng, hoạt động có hiệu quả, đảm nhiệm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế ; phân biệt sở hữu nhà nước với hình thức doanh nghiệp nhà nước ; tập trung xây dựng doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, những lĩnh vực, những khâu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, một số cơ sở sản xuất và dịch vụ trọng yếu, bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với hiệu quả cao ; thực hiện các hình thức cổ phần hóa có mức độ phù hợp với tính chất và lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, trong đó sở hữu nhà nước chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối.

Đại hội VIII của Đảng (1996) đã xác định những chủ trương chính sách lớn đối với các thành phần kinh tế : Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo ; tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu ; triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Phát triển kinh tế hợp tác (mà nòng cốt là các hợp tác xã) với nhiều hình thức đa dạng từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã ; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ. Kinh tế tư bản nhà nước có vai trò quan trọng, bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài. Giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ giải quyết các khó khăn ; hướng dẫn từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã. Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài.

2 - Những đổi mới quan trọng có tính đột phá về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế có thể tóm tắt trên 6 điểm lớn :

- Từ chỗ trong nhận thức cũng như trong hành động không thực sự thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần ; chia nền kinh tế thành 2 bộ phận : xã hội chủ nghĩa (gồm quốc doanh và tập thể) và phi xã hội chủ nghĩa (gồm các thành phần còn lại), chủ trương sớm xây dựng và phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm tỷ trọng lớn trong cả sản xuất và lưu thông, chủ trương phải cải tạo và có phần xóa bỏ, có phần thu hẹp dần bộ phận kinh tế phi xã hội chủ nghĩa - *đã chuyển sang* thực hiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ; từ các hình thức sở hữu cơ bản (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân) hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen hỗn hợp ; mỗi thành phần đều có vị trí quan trọng trong cơ cấu của nền kinh tế, các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh ; mỗi doanh nghiệp cũng đan xen nhiều hình thức sở hữu ; hệ thống pháp luật dần chuyển sang quy định chung cho các thành phần kinh tế.

- Từ chỗ coi quốc doanh là chủ đạo theo nghĩa phải chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, dường như độc quyền, nắm tiền, nắm hàng chi phối thị trường, là hình mẫu cao nhất của bộ phận kinh tế xã hội chủ nghĩa, có lúc chủ trương sớm chuyển cả các hợp tác xã ở thành thị sang thành xí nghiệp quốc doanh - *đã chuyển sang* phân biệt rõ sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, phần sở hữu nhà nước có thể được sử dụng ở nhiều thành phần kinh tế ; kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo với nội dung là : tập trung vào một

Digitized by Google

số ngành, lĩnh vực để phát huy vai trò chủ đạo (làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội ; mở đường, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần khác cùng phát triển ; làm lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô ; tạo nền tảng cho chế độ xã hội mới) ; cơ cấu các nguồn vốn và cơ chế vận hành của xí nghiệp quốc doanh cũng thay đổi khá căn bản (không chỉ trông vào vốn Nhà nước cấp mà phải huy động nhiều nguồn vốn khác, thực hiện cổ phần hóa một bộ phận, hạn chế độc quyền kinh doanh, phải cạnh tranh khá quyết liệt để tồn tại và phát triển).

- Từ chỗ coi hợp tác xã thuần túy là kinh tế tập thể, theo nghĩa tập thể hóa tư liệu sản xuất, tỷ trọng sở hữu tập thể càng cao thì hợp tác xã càng gần chủ nghĩa xã hội ; gò ép vào hợp tác xã ; hợp tác xã cũng áp dụng mô hình gần như xí nghiệp quốc doanh theo kiểu cũ - *đã chuyển sang* xác định hợp tác xã là tổ chức kinh tế được hình thành trên cơ sở người lao động tự nguyện góp sức, góp vốn và quản lý dân chủ, với mọi quy mô và mức độ tập thể hóa tư liệu sản xuất ; thực hiện khoán hộ, rồi phát huy vai trò tự chủ của hộ xã viên, hợp tác xã chủ yếu làm dịch vụ, hỗ trợ và hướng dẫn, giúp xã viên ; đồng thời phát triển nhiều hình thức kinh tế hợp tác đa dạng (có thể thành hoặc không thành pháp nhân kinh tế).

- Từ chỗ xác định kinh tế cá thể phải được hợp tác hóa ; chỉ hoạt động ở những nơi kinh tế hợp tác xã chưa phát triển - *đã chuyển sang* xác định nhiều con đường đi lên, có thể tiếp tục phát triển lớn hơn, có thể tự nguyện hợp tác làm ăn, có thể làm vệ tinh cho xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã.

- Từ chỗ coi kinh tế tư bản tư nhân là lực lượng phải cải tạo, sử dụng cũng là để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn, dứt khoát xóa bỏ tư sản thương nghiệp - *đã chuyển sang* coi kinh tế tư bản tư nhân là một bộ phận trong cơ cấu của nền kinh tế quốc dân ; có khả năng góp phần xây dựng đất nước ; được phát triển không hạn chế trong những ngành, lĩnh vực mà luật pháp không cấm ; được khuyến khích đầu tư như mọi thành phần kinh tế khác ; được kinh doanh xuất nhập khẩu và đầu tư ra nước ngoài theo quy định chung ; thực hiện hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân để tạo thế, tạo lực cho họ phát triển.

- Đi liền với chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, về quan hệ phân phối, từ chỗ xác định chỉ có một nguyên tắc là phân phối theo lao động - *đã chuyển sang* thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp của các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội ; đi liền với chính sách điều tiết thu nhập, thực hiện bảo hiểm xã hội cho người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế.

Cho đến nay, nền kinh tế nhiều thành phần đã cơ bản hình thành, tạo nên sự sống động mới trong sản xuất, kinh doanh, tuy còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục tháo gỡ, đổi mới. Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức, sắp xếp lại một bước quan trọng, bước đầu chuyển sang đa sở hữu, giảm nhiều tính bao cấp, tăng cường đáng kể quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh ; quản lý nội bộ có những chuyển biến tích cực, đã khắc phục một phần hiện tượng trì trệ, phát huy được tác dụng chủ đạo nhất định trong nền kinh tế. Kinh tế hợp tác và HTX dần được đổi mới, bước đầu phát huy tốt hơn vai trò làm dịch vụ, hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình của các xã viên. Kinh tế tư nhân đã có sự khởi sắc, tác động tích cực nhất định với đời sống kinh tế - xã hội. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trở thành một nguồn lực rất quan trọng. Nhìn khái quát, quan hệ sản xuất nhiều mặt đã phù hợp hơn với lực lượng sản xuất, tác động tích cực giải phóng đáng kể lực lượng sản xuất, tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm, từng bước khắc phục đói nghèo, cải thiện đời sống của nhân dân và thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng.

II - NHỮNG ĐỔI MỚI VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KINH TẾ.

1 - Gắn với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, ***cơ chế, chính sách đã không ngừng được đổi mới.***

Digitized by Google

Những chủ trương đổi mới từng phần vào cuối những năm 70 đã tạo tiền đề hình thành đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI ; một số ngành và nhiều địa phương, cơ sở đã theo tinh thần này tiến hành những cuộc thử nghiệm, tìm tòi về cách làm ăn mới. Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, tạo ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đại hội đã phân tích sâu sắc tác hại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp ; xác định thực chất của cơ chế mới là kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ ; xác định đặc trưng và những định hướng có tính nguyên tắc cơ bản trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Các chủ trương của Đại hội VI đã được Đảng và Nhà nước từng bước cụ thể hóa, gắn với việc giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội, và được thực tiễn khẳng định là đúng đắn.

Từ sau cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985, tình hình kinh tế - xã hội, trước hết là phân phối - lưu thông ngày càng xấu đi, nền kinh tế càng lâm vào tình trạng lạm phát trầm trọng. Hội nghị Trung ương 2, khóa VI (4-1987) đã tập trung vào mặt trận nóng bỏng này, xác định những chủ trương lớn về chính sách giá cả và lưu thông vật tư, hàng hóa, chính sách và biện pháp giải quyết tiền lương và đời sống.

Hội nghị Trung ương 3, khóa VI (8-1987) đã đề ra những quy định chung về chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế quốc doanh, làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế quản lý cụ thể đối với từng loại xí nghiệp ; đồng thời đề ra những phương hướng đổi mới căn bản phương thức quản lý, thực hiện đúng chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế.

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, khóa IV (1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp và nhất là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, khóa VI (4-1988) là thể hiện những đổi mới sâu sắc trong cơ chế, chính sách kinh tế đối với nông nghiệp và nông thôn.

Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị, khóa VI (7-1988) về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã đề ra những phương hướng, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện phát triển, bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật, bảo đảm lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp cũng như của người lao động, ủng hộ và khuyến khích các đơn vị sản xuất hoạt động có hiệu quả và hợp pháp, đồng thời giám sát và đấu tranh kịp thời với mọi biểu hiện tiêu cực.

Hội nghị Trung ương 6, khóa VI (3-1989) đã cụ thể hóa thêm một số chủ trương quan trọng về thị trường, giá cả, cơ chế quản lý của Nhà nước về kinh tế, để chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội ; xác định vấn đề mấu chốt lúc này là khẩn trương đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước về kinh tế theo hướng xóa bao cấp đi đôi với xác lập đầy đủ chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Đại hội VII của Đảng (6-1991), từ những kinh nghiệm tích góp được trong quá trình đổi mới, đã xác định trong Cương lĩnh hướng cơ bản và lâu dài về cơ chế quản lý kinh tế ; xóa bỏ triệt để cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác ; xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, tiền vốn, sức lao động... ; thực hiện giao lưu kinh tế thông suốt cả nước với thị trường thế giới, xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình ; đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước. Theo tinh thần đó, Chiến lược đã xác định cụ thể hướng đổi mới về cơ chế.

Hội nghị Trung ương 3, khóa VII (12-1991) đã xác định một trong những nhiệm vụ chủ yếu là : Tiếp tục đổi mới và đồng bộ hóa cơ chế quản lý các đơn vị kinh tế quốc doanh ; cải cách bộ máy Nhà nước cả về tổ chức, phương thức hoạt động

Digitized by Google

và cán bộ ; thiết lập cho được kỷ luật, trật tự theo cơ chế mới, kiên quyết chống tham nhũng, buôn lậu. Về tài chính - tiền tệ, phải xóa bao cấp qua tín dụng, đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối, hạ cơn sốt vàng và ngoại tệ ; đổi mới cơ cấu và phương thức cân đối ngân sách ; cải tiến việc phân cấp quản lý ngân sách ; tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý giá. Cần thực hiện đồng bộ các giải pháp này để đạt được chuyển biến quan trọng trong năm 1992, tạo cơ sở cho việc ổn định và làm lành mạnh tài chính - tiền tệ trong những năm sau.

Hội nghị Trung ương 5, khóa VII (6-1993) đã ra Nghị quyết về phát triển kinh tế -xã hội nông thôn. Về cơ chế quản lý kinh tế, Hội nghị đã xác định những phương hướng cụ thể đổi mới kinh tế hợp tác xã, phát huy vai trò tự chủ của hộ xã viên ; thực hiện chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân ; đổi mới chính sách vĩ mô của Nhà nước về thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa, đầu tư và tín dụng, thuế sử dụng đất và thủy lợi phí, khoa học và công nghệ, chính sách đối với miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (1-1994) đã cụ thể hóa thêm một số nội dung quan trọng xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa với phương hướng chung là : tiếp tục xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế mới, kiên trì quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường quản lý của Nhà nước.

Hội nghị Trung ương 7, khóa VII (7-1994) đã cụ thể thêm các giải pháp, chính sách về vốn, thị trường, công nghệ... để thực hiện thành công sự nghiệp phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, khóa VII (3-1995) đã đề ra những chủ trương quan trọng về tháo gỡ vướng mắc, tạo môi trường pháp lý về kinh tế thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước phát triển, đẩy mạnh đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy quyền làm chủ của người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước.

Đại hội VIII của Đảng (6-1996) đã phân tích những yếu kém trong quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội. Đại hội xác định : đến năm 2000, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành tương đối đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung tiếp tục phát triển mạnh thị trường hàng hóa và dịch vụ. Đại hội chủ trương phải tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường ; tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hóa ; đổi mới chính sách tài chính ; chuyển mạnh chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng phù hợp với cơ chế thị trường ; thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế.

Hội nghị Trung ương 4, khóa VIII (12-1997) đã đánh giá tình hình qua 2 năm thực hiện kế hoạch 5 năm. Để hoàn thành những mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000, Hội nghị đã nêu lên những giải pháp lớn về thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư ; phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác hóa, dân chủ hóa ; đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân ; tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ, thực hành triệt để tiết kiệm ; tích cực giải quyết vấn đề lao động, việc làm ; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới và tăng cường quản lý nhà nước và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội.

Hội nghị Trung ương 6 (lần 1), khóa VIII (10-1998) đã yêu cầu : Phải bố trí cơ cấu đầu tư, những cân đối lớn của nền kinh tế với tinh thần tích cực và hiện thực, phù hợp với tình hình mới. Tiếp tục đổi mới đồng bộ hơn về chính sách, thể chế để củng cố và tăng cường kinh tế nhà nước, giải phóng và phát huy mọi lực lượng, mọi tiềm năng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi người, mọi gia đình, mọi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nhận thức đúng và có chính sách, biện pháp đặc biệt đáp ứng yêu cầu của tình

Digitized by Google

thế mới, tạo bước đột phá trong việc khai thác các nguồn nội lực và nguồn lực bên ngoài, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2 - Nhìn xuyên suốt hơn 20 năm qua, có thể nêu lên ***những đổi mới có tính đột phá của Đảng về cơ chế, chính sách*** như sau :

- Từ chỗ căn bản không sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, chủ yếu theo cơ chế xin - cho, giao nộp và cấp phát có tính hiện vật (tuy có dùng tiền làm đơn vị tính toán) - *đã chuyển sang* chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ; khẳng định sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng.

- Từ chỗ cho rằng chỉ có kế hoạch là quy luật riêng có của chủ nghĩa xã hội, không chấp nhận các quan hệ thị trường - *đã chuyển sang* coi thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch, kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng và đặc biệt quan trọng trên bình diện vĩ mô, thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh ; trên cơ sở đó đã không ngừng tạo lập đồng bộ dần các yếu tố của thị trường (hàng hóa và dịch vụ ; công nghệ ; các dịch vụ thông tin, tư vấn, tiếp thị, pháp lý, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, bảo lãnh ; tiền vốn, sức lao động...) ; công tác kế hoạch nhà nước tập trung vào việc xây dựng chiến lược, các chương trình và dự án lớn, chuyển sang kế hoạch 5 năm là chính có phân ra từng năm, bao quát các ngành, các vùng, các lĩnh vực và thành phần kinh tế.

- Từ chỗ các doanh nghiệp nhà nước chủ yếu làm theo lệnh trên và được bao cấp, Nhà nước quy định cho từng đơn vị được sản xuất gì, sản xuất bao nhiêu, bán cho ai, bán với giá nào, lãi nộp Nhà nước, lỗ Nhà nước bù, hàng ứ đọng thì cho bán hóa giá, mọi việc từ tổ chức phòng ban, phân xưởng, lấy thêm lao động, đổi mới công nghệ... đều phải báo cáo xin lệnh của trên - *đã chuyển sang* từng bước xóa bao cấp triệt để, đi đôi với xác lập quyền tự chủ của các doanh nghiệp, đồng thời tăng cường và thực hiện đúng chức năng quản lý của Nhà nước, phân định quyền của chủ sở hữu và chủ sử dụng các tài sản và vốn của Nhà nước ; trên cơ sở đó hệ thống cơ chế, chính sách đối với các doanh nghiệp, nhất là DNNN, đã được bổ sung, hoàn thiện dần.

- Từ chỗ thị trường trong nước bị chia cắt giữa các khu vực, lưu thông hàng hóa ách tắc ; nền kinh tế khép kín, không gắn với thị trường khu vực và thế giới - *đã chuyển sang* mở rộng thị trường, giao lưu hàng hóa thông suốt trong cả nước ; mở rộng quan hệ và từng bước hội nhập kinh tế quốc tế.

- Từ chỗ giá cả đại bộ phận các hàng hóa và tỷ giá hối đoái do Nhà nước định, không tuân thủ quy luật giá trị, tách rời quan hệ cung - cầu - *đã chuyển sang* giá cả, tỷ giá hối đoái, lãi suất tín dụng hình thành theo cơ chế thị trường, Nhà nước dùng các biện pháp kinh tế là chủ yếu để tác động đến cung, cầu trên thị trường ; thực hiện chủ trương xóa bao cấp qua tín dụng.

- Từ chỗ nền kinh tế mang nặng tính độc quyền của quốc doanh, không chấp nhận cạnh tranh và phá sản của các doanh nghiệp - *đã chuyển sang* tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác và cạnh tranh lành mạnh ; thực hiện độc quyền nhà nước trong một số ngành, một số lĩnh vực nhất định vì lợi ích của đất nước ; hạn chế độc quyền kinh doanh, không để lợi dụng địa vị độc quyền để duy trì đặc quyền, đặc lợi, lũng đoạn thị trường.

- Từ chỗ đất đai không được sử dụng có hiệu quả, phát sinh nhiều tiêu cực, do không rõ ràng về quyền sở hữu và quyền sử dụng - *đã chuyển sang* khẳng định rõ đất đai thuộc sở hữu toàn dân, cần quản lý thống nhất và chặt chẽ ; các hộ nông dân được Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài và được cấp giấy chứng nhận, quy định việc thừa kế và chuyển quyền sử dụng ruộng đất ; các cơ sở sản xuất khác nói chung được Nhà nước cho thuê đất ; thực hiện thu tiền thuế đất hoặc tiền thuê đất tùy theo mục đích sử dụng và địa bàn.

- Từ chỗ quản lý của Nhà nước chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính thông qua giao kế hoạch pháp lệnh và các chỉ đạo tác nghiệp cụ thể - *đã*

Digitized by Google

chuyển sang tăng cường quản lý của Nhà nước đi đôi với thực hiện quyền tự chủ của doanh nghiệp ; Nhà nước quản lý bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác ; xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, để cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình ; đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

Quá trình đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế trong thời gian qua luôn gắn với giải quyết những vấn đề cấp bách, nóng bỏng của nền kinh tế. Thực tế chứng minh, bằng cơ chế, chính sách kinh tế được đổi mới đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá được thế bị bao vây, cấm vận về kinh tế ; và hiện nay cũng đang còn nhiều vấn đề tồn tại về cơ chế, chính sách cần được tập trung tháo gỡ, đổi mới.

III - GIỮ VỮNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ.

Trong phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, thực tế cho thấy những đặc điểm quy định tính định hướng xã hội chủ nghĩa là :

- Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ; lấy việc giải phóng sức sản xuất, phát huy tối đa các nguồn lực bên trong và bên ngoài trên cơ sở nguồn lực trong nước là quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Có chính sách tôn vinh những người tổ chức sản xuất, kinh doanh theo luật pháp, tạo được nhiều việc làm cho xã hội, dù ở thành phần kinh tế nào.

- Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm làm ăn lâu dài. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác cả trong và ngoài nước.

- Xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội ; thực hiện công bằng xã hội ngày càng tốt hơn ; bảo đảm công bằng về cơ hội cho mọi người dân tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, kết hợp với phân phối theo mức độ đóng góp các nguồn lực về trí tuệ, vốn vào sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Các nguồn tài nguyên, tài chính của quốc gia được phân phối, sử dụng theo nguyên tắc công bằng và hiệu quả.

- Kết hợp chặt chẽ thị trường và kế hoạch, có sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Vai trò quản lý, điều khiển nền kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là điều kiện tiên quyết để phát triển đúng đắn và vững chắc nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước.

Tồn tại nổi lên hiện nay là nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, sức cạnh tranh thấp ; một số vấn đề xã hội gay gắt và bức xúc chưa được giải quyết tốt ; cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa đồng bộ và chưa tạo được động lực mạnh để phát triển. Đảng và Nhà nước chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nói gọn là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát huy mọi nguồn lực vào phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân ; sử dụng cơ chế thị trường để kích thích sản xuất, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của người lao động, giải phóng sức sản xuất của mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; lãnh đạo, quản lý nền kinh tế để phát triển đúng hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.❑

Digitized by Google

"TỪ BỎ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI" (!) HAY TỪ BỎ LỐI NHÌN SAI VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ?

NHỊ LÊ

THỜI gian gần đây, những cuộc thảo luận các văn kiện trình Đại hội IX của Đảng trong các tổ chức đảng và đoàn thể chính trị - xã hội đã cho thấy một sự nhất trí rất cao về đường lối của đảng xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH). Tuy vậy, đây đó vẫn còn có những ý kiến ngược chiều. Đại loại rằng, "chỉ cần đặt vấn đề xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh là đủ, cần gì phải nói theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN)" (!) ; rằng "chủ nghĩa nào cũng được miễn là dân giàu, nước mạnh" (!), "dòng sông tự nó chảy ra biển, việc gì phải uốn nắn, định hướng, làm một việc thừa, trái quy luật" (!) ; rằng "Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa (TBCN) tiến lên CNXH là điều kỳ quặc" (!) ; rằng "C. Mác xây dựng mô hình chủ nghĩa cộng sản (CNCS) là để cho nước ngoài phát triển nhất chứ không phải để cho Việt Nam (một nước chậm phát triển)" (!)... Có ý kiến còn đòi "gác lại mục tiêu CNXH". Vì các ý kiến nói trên, xin có đôi điều trình bày như sau :

1. Sự lựa chọn mục tiêu CNXH là một nhu cầu khách quan.

Bất cứ một quốc gia, dân tộc nào muốn tồn tại, phát triển và nhịp bước cùng thời đại, đều phải có một tư tưởng của mình hoặc phải chọn ấy một tư tưởng thích hợp với mình. Và đồng thời, kinh nghiệm lịch sử cũng chỉ rõ, sự lựa chọn ấy chỉ được coi là đúng đắn, hợp quy luật khi một mặt phải bắt nguồn sâu xa từ thực tế đất nước, từ tính cách của dân tộc, từ ước vọng tha thiết của nhân dân ; và mặt khác, phải phù hợp với quy luật phát triển của xã hội, với xu thế vận động tất yếu của nhân loại tiến bộ.

Sự lựa chọn mục tiêu phát triển của Việt Nam, xét từ mọi góc độ, không nằm ngoài tất yếu ấy. Đây là một tiến trình *lựa chọn kép* đầy khắc nghiệt của lịch sử : *từ* những cái đã, đang có và chúng đang vận động *trong lòng dân tộc* ; *từ* những cái đã, đang có và chúng đang vận động *trong đời sống nhân loại tiến bộ* ; được diễn ra trong bầu không khí chính trị, xã hội Việt Nam ngột ngạt, tiềm tàng đầy giông bão, ở những năm 20 của thế kỷ XX.

Là một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, chưa bao giờ như đầu thế kỷ XX, diện mạo xã hội Việt Nam lại hiện lên thật rõ nét nhiều mảng vừa sáng vừa tối đến vậy. Chế độ phong kiến trong nước đã tỏ rõ sự mục ruỗng và thối nát, phản động về chính trị ; thậm chí một bộ phận cam tâm làm tay sai cho thực dân Pháp, kìm hãm dân tộc mình trong vòng nô lệ. Chủ nghĩa đế quốc Pháp lộ nguyên hình là một tên thực dân với tất cả sự tàn bạo, đẫm máu của nó, sau tấm áo khoác "khai hóa văn minh". Giai cấp công nhân Việt Nam non trẻ xuất hiện trong không khí sục sôi của những cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp dưới sự chi phối của các hệ tư tưởng phong kiến, tư sản... Nghĩa là, trong lòng

Digitized by Google

dân tộc đang chất chứa nhiều khối mâu thuẫn gay gắt : giữa đế quốc Pháp và dân tộc Việt Nam, giữa nhân dân lao động - chủ yếu là nông dân - với giai cấp phong kiến... Dân tộc Việt Nam sẽ đi tới đâu ? Rõ ràng, không thể giữ mãi chế độ phong kiến đã có. Hay đi theo con đường TBCN ? Nhưng với tất cả bản chất của thực dân Pháp mà nhân dân ta đã nếm trải, thì đó quyết không phải là mục tiêu lựa chọn của dân tộc Việt Nam. Câu hỏi về vận mệnh của dân tộc vẫn treo trước nhiều thế hệ người Việt Nam như một thách thức suốt mấy thập niên. Đã bao nhiêu phong trào yêu nước thuộc đủ ý thức hệ phong kiến rồi tư sản ngõ hầu tìm câu trả lời, song rốt cuộc, tất cả đều không vượt qua nổi giới hạn chật hẹp của chính nó, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và đành chịu bất lực. Việt Nam vẫn chìm đắm trong cuộc khủng hoảng về đường lối phát triển của mình. Vậy là, *từ những cái đã và đang có trong lòng dân tộc không phải là lời đáp của bài toán lịch sử thách đố về mục tiêu phát triển của dân tộc Việt Nam.*

Nhìn rộng ra thế giới, từ giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa Mác ra đời. Nó đã vạch ra cái tất yếu từng bị che lấp bởi màn sương mù lịch sử. CNXH nhất định thay thế chủ nghĩa tư bản (CNTB). Đó là một tiếng sét trong lòng CNTB ở vào thời thịnh trị. Các nước tư bản phát triển trở thành trung tâm, chi phối và "làm mưa làm gió" mọi mặt đời sống quốc tế, cho tới năm 1917 - trước lúc chiến tranh thế giới thứ I kết thúc.

Sự đột phá Tháng Mười mở đầu cho một xu thế phát triển mới của lịch sử thế giới. Nếu trước Cách mạng Tháng Mười, chế độ TBCN hiện thực phát triển đến mức người ta tưởng như một "định mệnh", như một "trật tự vĩnh hằng", thì sau Tháng Mười - 1917, không ai không thấy, cái "then" hãm thế giới ấy đã bị nổ tung, điều tưởng là định mệnh ấy không còn là định mệnh nữa, cái trật tự ấy bị lật nhào, tạo ra phản ứng dây chuyền của hàng loạt cuộc đấu tranh giải phóng có quy mô to lớn và chiều sâu cách mạng chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại, trên khắp hành tinh. Cách mạng Tháng Mười là *cuộc cách mạng mở đường thời đại mới, là cột mốc lịch sử* báo hiệu một xu hướng phát triển mới của nhân loại - quá độ từ CNTB lên CNXH.

Toàn bộ tình hình đó của thế giới, bằng nhiều con đường, dội vào và thấm sâu trong mảnh đất Việt Nam - nơi mà chính "sự tàn bạo của CNTB đã chuẩn bị đất rồi ; CNCS chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt của công cuộc giải phóng nữa thôi". Hơn ai hết, Nguyễn Ái Quốc đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với CNXH. Ở Người, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã "bắt gặp" chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Với kỳ công của Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lê-nin kết hợp với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam và là một tất yếu, năm 1930, lịch sử đã sản sinh ra Đảng Cộng sản Đông Dương. Vừa mới ra đời, Đảng tuyên bố : "Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản" (1). Lời tuyên bố ấy cũng đồng nghĩa với lời bác bỏ chế độ phong kiến và CNTB. Và CNXH ngay từ lúc đó không chỉ là mục tiêu lựa chọn mà đã thực sự là động lực thúc đẩy lịch sử chuyển mình, từ cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh cho đến Cách mạng Tháng Tám và những cuộc chiến đấu tiếp theo trong suốt cả thế kỷ XX. Bởi, "chỉ có CNXH, CNCS mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" ; "chỉ có CNCS mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc".

Rõ ràng, sự lựa chọn mục tiêu CNXH của Đảng và nhân dân ta, xét về lôgíc là một *tất yếu khách quan* ; xét về lịch sử, là hoàn toàn *phù hợp với sự vận động của cách mạng Việt Nam*

(1) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t 2, tr 2

Digitized by Google

và *xu thế phát triển của thời đại* ; và xét về nhu cầu, là hoàn toàn *xuất phát từ điều kiện cụ thể* của một nước thuộc địa, nửa phong kiến và *nguyện vọng cháy bỏng* của nhân dân lao động Việt Nam.

2. Định hướng XHCN là tất yếu.

C. Mác viết : Lịch sử bắt đầu từ đâu thì tiến trình tư tưởng cũng cần được bắt đầu từ đó. Kinh nghiệm lịch sử xác nhận : Không có cái đích thì cũng không thể rõ định hướng, không có cái chuẩn để quy tụ mọi sự vận động.

Do đó, nếu CNXH là mục tiêu tất yếu thì hiển nhiên là, tất yếu định hướng XHCN, trong chỉnh thể hữu cơ của toàn bộ sự nghiệp xây dựng CNXH. Nếu *định hướng XHCN* là một quá trình xác định những giới hạn, những "độ" tồn tại lịch sử của CNXH bắt đầu từ điểm xuất phát tới mục tiêu cuối cùng, mà nếu vượt ra ngoài những giới hạn, những "độ" ấy có thể và tất yếu xuất hiện một chế độ xã hội khác với CNXH, thì *thực chất của toàn bộ quá trình định hướng XHCN là, hoạch định một hành lang hoạt động cho phép phù hợp trên cơ sở thực tế và những quy luật khách quan, với những tiêu chí xác định, thông qua một cơ chế thích hợp xuyên suốt sự nghiệp xây dựng CNXH, từ điểm xuất phát tới đích cuối cùng nhằm đạt hiệu quả mong muốn.* Do đó, việc định hướng XHCN là một tất yếu và cần luôn được xem xét, bổ sung và hoàn chỉnh không ngừng.

Con đường XHCN không phải là con đường thẳng tắp, trơn tru. Để tránh chủ quan, duy ý chí, muốn đốt cháy giai đoạn dẫn tới tình trạng con đường đó càng phức tạp, quanh co hơn, thậm chí chệch hướng, nên không thể không hoạch định những giới hạn cho phép, trong khả năng cụ thể, vững vàng đi tới mục tiêu đã vạch ra. Đó chính là *quá trình định hướng XHCN.*

Tầm cỡ, quy mô, tốc độ và chiều sâu của công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ đất nước, trong bối cảnh thời đại hiện nay, càng đòi hỏi nghiêm ngặt phải "... giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH". Cho dù hiện nay xu thế toàn cầu hóa, quốc tế có phát triển đến đâu đi nữa, thì vẫn nguyên vẹn còn đó cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, dù dưới hình thức này hay khác. Và dù chúng ta có "mở cửa", "hội nhập" thế giới đến đâu đi nữa thì trong điều kiện phức tạp ấy, bảo vệ triệt để lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia theo con đường XHCN vẫn là điều không thể thay đổi. Do đó, hiển nhiên là, không thể có "hội nhập", không thể "mở cửa" đúng đắn nếu không bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, không giữ vững định hướng XHCN. Đó không chỉ là yêu cầu có tính nguyên tắc, là nhu cầu nội tại của tiến trình phát triển đất nước, mà còn quyết định sự thành bại của sự nghiệp xây dựng CNXH hiện nay, quyết định sự "mất, còn" của dân tộc Việt Nam. Bởi, nếu xa rời mục tiêu CNXH sẽ dẫn tới "những lệch lạc trong chủ trương chính sách và chỉ đạo thực tiễn, sẽ đưa tới nguy cơ chệch hướng XHCN", và như thế "sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được".

3. Quá độ lên CNXH, "bỏ qua chế độ TBCN" là xu thế của cách mạng Việt Nam.

C. Mác đã đưa ra một luận điểm nổi tiếng : *Lịch sử là một quá trình tự nhiên.* Ai cũng biết, luận điểm này xuất phát từ vai trò của nhân tố kinh tế, rằng : "Không một chế độ xã hội lại diệt vong khi tất cả những lực lượng sản xuất mà chế độ xã hội tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển, vẫn còn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới, cao hơn, không bao giờ xuất hiện khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó còn chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ". Kết luận này là hoàn toàn chính xác, nếu xét ở tầm bao quát lịch sử, mang tính khuynh hướng của một thời đại.

Nhưng, nếu xét ở những trường hợp đặc thù, tại một thời điểm lịch sử cụ thể, thì không phải bao giờ kinh tế cũng là cái duy nhất quyết định.

Sau Cách mạng Tháng Mười, khi V.I. Lê-nin tuyên bố : "CNCS là chính quyền Xô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc" thì không ít người nói rằng, đó là trò không tưởng. Song, chỉ

Digitized by Google

15 năm sau đó, Liên Xô trở thành một nước công nghiệp hùng mạnh. Cuộc đại Cách mạng tư sản Pháp 1789 cũng đã từng nổ ra trong khi trong lòng xã hội Pháp lực lượng sản xuất chưa đạt tới trình độ để mâu thuẫn với quan hệ sản xuất phong kiến. Ở thời đoạn này, người ta thấy nổi bật lên vai trò của những tư tưởng đi tiên phong. Vì hàng chục năm trước đó, các nhà lý luận, các nhà tư tưởng như J. Rút-xô, C. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Đi-đrô và các nhà kinh tế như J. Ma-bli, Mô-ren-li... đã phê phán chế độ phong kiến, cổ vũ tư tưởng dân chủ tư sản.

Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917), một loạt nước châu Á, Mỹ la-tinh đã xây dựng chế độ XHCN ở một xuất phát điểm về trình độ sức sản xuất thấp hơn nước Nga đương thời rất nhiều. Rõ ràng, lịch sử là một quá trình tự nhiên, nếu "xét cho đến cùng" khi lấy nhân tố kinh tế để soi xét, bao quát lịch sử là đúng. Song, trong nhiều trường hợp lịch sử cụ thể, như đã thấy, hoặc lúc này nhân tố kinh tế là quyết định hay lúc khác nhân tố tư tưởng, ý chí lại đóng vai trò tiên phong.

Các hình thái kinh tế - xã hội được xây dựng như một quá trình tiệm tiến và liên tục từ thấp lên cao, bước sau phải bao gồm các bước trước có tính chất *tuần tự*. Nhưng, sự tiến hóa trong lịch sử nhân loại, bên cạnh đó, lại diễn ra với những bước *nhảy vọt*. Chẳng hạn, người Giéc-manh từ xã hội thị tộc chuyển sang thẳng chế độ phong kiến, không qua chế độ chiếm hữu nô lệ. Hy Lạp, La Mã cổ đại tạo ra chế độ chiếm hữu nô lệ điển hình, nhưng không tiến lên xã hội phong kiến. Và người Giéc-manh lại không "tiến lên" chế độ tư bản mà lại là người Ăng-lô Sắc-xông, .v.v... Còn hầu hết ở các nước châu Á, Phi, Mỹ la-tinh đều không trải qua các hình thái xã hội giai cấp phát triển. Cụ thể là, không có nước nào lúc đó tiến sang CNTB. Cơ sở của đại đa số các xã hội này vẫn là các công xã nông thôn tồn tại theo lịch sử cho tới thế kỷ thứ XIX và một phần còn kéo đến thế kỷ thứ XX. Vậy là, một chế độ xã hội khi suy tàn trong bước phát triển tự nhiên nó có thể tiến lên hai hình thái cao hơn nào đó, chứ không phải chỉ tiến lên một hình thái cao hơn liền kề sau đó, không nhất thiết tiến lên tuần tự, tức là nhảy vọt.

Rõ ràng là, *cùng với hiện tượng tuần tự của lịch sử, còn nổi bật lên hiện tượng lịch sử nhảy vọt*, như ta đã thấy. Cho nên, tiến hóa là cái bên trong (mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất) cộng với thời cơ. Do đó, khả năng bỏ qua giai đoạn (một hay nhiều) là có, là hiện thực, chỉ có điều còn phụ thuộc vào khả năng của nguồn lực bên trong với sự liên kết với nguồn lực bên ngoài mà thôi. Một quốc gia còn ở trình độ tiền tư bản vẫn có thể tiến lên CNXH, chứ không nhất thiết phải trải qua chế độ TBCN một cách "tuần tự" nào đó.

Nước Việt Nam hội đủ tất cả các điều kiện để thực hiện một bước nhảy vọt lịch sử như vậy. Đó là biện chứng của lịch sử, hoàn toàn hợp với quy luật tiến hóa của xã hội loài người - tức là vẫn nằm trong "quá trình lịch sử tự nhiên" của nhân loại. Và trên thực tế, Trung Quốc, Cu Ba, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên... cũng đã xây dựng CNXH theo con đường này. Điều quan trọng là sau khi đã thiết lập được chính quyền cách mạng, việc xây dựng CNXH ở các nước này, nhất thiết phải lấy ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất làm điều cốt yếu, bởi lẽ cơ sở kinh tế của CNXH là một nền sản xuất xã hội có trình độ phát triển cao.

4. Chủ nghĩa Mác không loại trừ việc các nước tiền TBCN tiến lên CNXH.

Trong sự nghiệp hoạt động lý luận và thực tiễn cách mạng của mình, bất cứ ai hiểu C. Mác đều thấy, C. Mác không bao giờ tự bó mình trong những khuôn khổ giáo điều cứng nhắc, chật hẹp, và Người cũng luôn nhắc nhở, yêu cầu chúng ta phải biết tự thoát ra khỏi vòng cương tỏa đó. CNXH khoa học mà C. Mác là người đặt nền móng, sở dĩ trở thành khoa học, trước hết vì nó đứng vững trên miếng đất hiện thực, "là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một sự

Digitized by Google

vận động lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta" và "là một phong trào hiện thực... xóa bỏ trạng thái hiện nay". Một trong những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng nhất, then chốt nhất và đồng thời nan giải nhất của CNXH khoa học, như C. Mác nhận định và tự mình tập trung kiến giải, chính là vấn đề CNCS được sinh ra như thế nào ?" (2)

Trên cơ sở nghiên cứu CNTB châu Âu, C. Mác thấy "sự vĩ đại và tính tất yếu nhất thời của bản thân chế độ tư sản" ; với vô vàn mâu thuẫn, tự thân nó không thể và không bao giờ đủ sức giải quyết ; và Người dự cảm tới một lúc nào đó cách mạng XHCN sẽ nổ ra, ở các nước TBCN phát triển, mà tối thiểu cũng diễn ra đồng thời ở Anh, Pháp, Mỹ, Đức... Nói cách khác, C. Mác đã giả định CNCS được trực tiếp sinh ra một cách tất yếu từ xã hội tư bản phát triển cao. Đúng như vậy, C. Mác đã đưa ra kết luận về sự diệt vong không tránh khỏi của TBCN trên cơ sở phát hiện những điều kiện cần thiết để thủ tiêu CNTB và khẳng định quy luật của việc thay thế nó bằng CNCS, với hai giai đoạn là : giai đoạn thấp và giai đoạn cao. Sau này, Ph. Ăng-ghen gọi giai đoạn thấp ấy của CNCS, theo cách hiểu của C. Mác, là CNXH.

Song, ở một góc độ khác, C. Mác còn có một giả định về xã hội cộng sản ra đời từ khởi điểm một xã hội kém phát triển, tiền TBCN - vấn đề mà sau này V.I. Lê-nin tiếp tục nghiên cứu và thực hiện thành công. Thật vậy, năm 1881, trên cơ sở nghiên cứu thấu đáo thực tiễn lịch sử phương Đông, nhất là nước Nga công xã, C. Mác đã tìm thấy lời giải đáp cho phát hiện của mình về khả năng xã hội cộng sản có thể ra đời từ một xã hội tiền tư bản, thậm chí kém phát triển. Phân tích công xã nông thôn Nga, C. Mác viết : "Nó có thể trở thành điểm xuất phát trực tiếp của chế độ kinh tế mà xã hội hiện nay hướng tới ; nó có thể đổi lốt mà không phải bắt đầu bằng tự sát... Nó có thể đoạt lấy những thành quả do nền sản xuất TBCN làm giàu cho nhân loại mà không phải trải qua chế độ TBCN". Thế là, ý tưởng của C. Mác đã rõ ràng. Và, C. Mác dự báo : "Để cứu vãn công xã Nga phải có một cuộc cách mạng Nga". Một năm sau đó, 1882, C. Mác quả quyết : "Nếu cách mạng Nga báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản... thì chế độ ruộng đất công cộng ở Nga hiện nay sẽ có thể là khởi điểm của một sự tiến triển CSCN". Và Ph. Ăng-ghen, vào tháng Giêng năm 1891, đã khẳng định thêm một lần nữa ý tưởng khoa học này của C. Mác : "Người Nga do có Ác-ten (Ác-ten là một hình thức rất phổ biến ở nước Nga - một hình thức giản đơn nhất của sự hợp tác tự do - mà đặc trưng quan trọng nhất của nó là các thành viên phải bảo đảm cho nhau trước người thứ ba, ban đầu là dựa trên các quan hệ dòng họ - N. L) và có chế độ sở hữu công xã về ruộng đất, nên là một dân tộc được CNXH tuyển lựa !". Về sau V.I. Lê-nin đã vận dụng tư tưởng lý luận này của C. Mác vào việc nhận thức xã hội Nga để tiến hành cách mạng XHCN ở nước Nga và điều đó phủ nhận quan điểm cho rằng V.I. Lê-nin đi ngược lại tư tưởng của C. Mác. Nếu ở trên, từ CNTB lên CNCS là bước quá độ trực tiếp, thì ở đây C. Mác, CNCS cũng có thể được sinh ra từ các nước kém phát triển ở bất cứ châu lục nào, mà sau này V.I. Lê-nin gọi là bước *quá độ gián tiếp.*

C. Mác thực sự mở ra triển vọng đi lên CNXH đối với tất cả các nước, dù ở phương Tây CNTB, hay phương Đông lạc hậu, kém phát triển. Nói cách khác, ở đây, từ chiều sâu tư tưởng của C. Mác, có thể khẳng định rằng, trong thời đại ngày nay, *mọi quốc gia, mọi dân tộc đều có thể và cần phải tiến hành cách mạng XHCN* theo những phương thức, con đường, bước đi không nhất thiết phải luôn luôn giống nhau ; nhưng phải phù hợp với quy luật khách quan và điều kiện lịch sử cụ thể. Với những mục tiêu chung, cơ bản của CNXH *dù ở các trình độ khác nhau, mọi quốc gia, dân tộc cuối cùng sẽ đi tới xây dựng CNXH và CNCS.* ❑

(2) Chung quanh vấn đề này, chúng tôi đã có dịp trình bày trong bài luận, với nhan đề : "Về tính đa dạng của khả năng đi lên CNXH trong tư tưởng C. Mác", *Tạp chí Cộng sản*, số 9-1997, tr 27 - 30

Digitized by Google

MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN VỚI VIỆC PHÁT HUY DÂN CHỦ

LÊ HỮU NGHĨA *

VẤN đề dân chủ đã, đang và sẽ còn là một vấn đề thời sự quốc tế. Các thế lực thù địch thường giương lên chiêu bài dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, đòi các nước xã hội chủ nghĩa phải đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, rằng chỉ có như vậy mới là dân chủ. Họ còn nói chế độ một đảng là không dân chủ, thậm chí đòi các Đảng Cộng sản đang cầm quyền phải từ bỏ vai trò lãnh đạo của mình.

Vấn đề dân chủ không phải đơn thuần là đối tượng của đấu tranh tư tưởng - chính trị giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, mà còn là vấn đề quan trọng của bản thân chủ nghĩa xã hội, liên quan đến vận mệnh của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội thế giới trong quá trình tồn tại của mình, đã tích lũy được khá nhiều bài học kinh nghiệm trong việc giải quyết vấn đề dân chủ - cả kinh nghiệm thành công và kinh nghiệm không thành công. Thực tiễn cho thấy, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ những sai lầm trong việc giải quyết vấn đề dân chủ. Sự mất dân chủ, chuyên quyền độc đoán, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân cũng như dân chủ cực đoan, quá trớn, vô chính phủ, đều dẫn đến nguy hại cho chủ nghĩa xã hội.

1 - Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, dân chủ thuộc bản chất của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội không thể tách rời dân chủ, không có dân chủ thì không có chủ nghĩa xã hội. Dân chủ là khát vọng ngàn đời của loài người. Nhân dân lao động biết bao thế hệ đã không ngừng đấu tranh vì dân chủ, đòi dân chủ, giành dân chủ. Vì vậy, dân chủ là thành quả đấu tranh của quần chúng lao động. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là đỉnh cao trong sự phát triển của xã hội loài người, nên cũng là đỉnh cao của dân chủ.

Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Mác và Ăng-ghen đã coi chủ nghĩa cộng sản là một thể liên hiệp tự do của những người lao động, đã thoát khỏi mọi sự áp bức và bóc lột. Trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, Lê-nin khẳng định bản chất giai cấp của dân chủ và cho rằng, dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ gấp triệu lần dân chủ tư sản, là dân chủ đối với đại đa số quần chúng nhân dân, đó là dân chủ thực chất. Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa là như vậy, song để thể hiện và thực hiện bản chất đó trong cuộc sống, phải có điều kiện, có những hình thức, tổ chức, cơ chế thích hợp. Điều đó liên quan đến vai trò nhân tố chủ quan mà trước hết là Đảng Cộng sản cầm quyền.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa và phát triển quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin về dân chủ. Theo Người, dân chủ tức là "dân là chủ và dân làm chủ". Không thể có dân chủ nếu nhân dân không được làm chủ. Người chỉ rõ : ***"Nước ta là nước dân chủ.*** Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*. Công cuộc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*. Đoàn thể từ trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân"* (1). Công cuộc kháng chiến chống xâm lược trước đây, cũng như công cuộc đổi mới hiện nay của nhân dân Việt Nam, về thực chất là nhằm giành độc lập dân tộc, tự do dân chủ cho nhân dân, phát huy nguồn lực con người cho sự nghiệp kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có thể nói, phát huy dân chủ vừa là

* GS, TS, Phó giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem Hồ Chí Minh · *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 698

Digitized by Google

mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Ở đây quan niệm về dân chủ của chúng ta không phải là một quan niệm chung chung, trừu tượng, phi lịch sử, phi giai cấp. Dân chủ phải gắn với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, quyền không thể thoát ly hoàn cảnh và điều kiện kinh tế - xã hội, cho phép thực thi cái quyền đó như Mác đã nói.

Dân chủ phải gắn với nhà nước, với pháp luật, kỷ cương. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không thể tách rời việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Dân chủ còn phải gắn với dân trí, với trình độ học vấn.

Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, chưa trải qua trường học dân chủ tư sản, nên xã hội Việt Nam chúng ta không thể bỗng chốc có ngay một nền dân chủ đầy đủ và hoàn thiện. Chúng ta phải từng bước xây dựng chế độ dân chủ, và từng bước học dân chủ để làm dân chủ. Do đó dân chủ là cả một quá trình.

2 - Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vậy có phải chăng kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường, tất yếu sẽ dẫn đến đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, như quan điểm của một số người nêu lên ? Không. Không có cái tất yếu như vậy. Bởi vì, Đảng Cộng sản lãnh đạo các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các thành phần kinh tế này đều là những bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Kinh tế nhiều thành phần sẽ không tránh khỏi dẫn đến phân hóa giàu - nghèo, song bằng kế hoạch, chính sách, pháp luật..., chúng ta phải chống phân hóa hai đầu, chống phân hóa giai cấp để không tạo ra những lực lượng chính trị đối lập trong xã hội.

Mặt khác, đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, không chỉ phụ thuộc vào kinh tế, mà còn phụ thuộc một loạt các yếu tố khác như tương quan so sánh lực lượng giai cấp, vị thế, vai trò của đảng cầm quyền, hoàn cảnh lịch sử cụ thể, truyền thống lịch sử,...

Dù có ý kiến khác nhau, những ai có cách nhìn khách quan nhất, qua thực tiễn cách mạng Việt Nam, đều thừa nhận rằng, Việt Nam không có sự cần thiết khách quan cho việc hình thành chế độ đa đảng đối lập, đa nguyên chính trị. Chỉ có một sự cần thiết thực sự là Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất lãnh đạo xã hội đi theo con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Chế độ một đảng hay nhiều đảng, không phải là dấu hiệu của dân chủ hay không dân chủ. Không phải cứ đa đảng thì dân chủ, còn một đảng thì không dân chủ. Chế độ một đảng cũng có thể dân chủ và cũng có thể mất dân chủ, vấn đề là ở chỗ, đảng cầm quyền có thực sự cách mạng không, có thực sự vì lợi ích nhân dân hay không. Nếu một đảng cầm quyền, dù mang tên cộng sản, nhưng thoái hóa biến chất, xa rời quần chúng, xa rời nhân dân, không có tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động bảo đảm được dân chủ ; không có một cơ chế kiểm soát, giám sát được quyền lực ; nếu như đảng đó không có khả năng xây dựng được một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân... thì điều chắc chắn là không thể bảo đảm được dân chủ. Còn nếu ngược lại, làm đúng những nguyên tắc dân chủ của chủ nghĩa xã hội, sao có thể gọi là không dân chủ được ?

3 - Làm gì để bảo đảm và phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền ? Điều đó đã được Đảng ta nêu rõ trong nhiều nghị quyết về xây dựng Đảng, cụ thể là :

- Xây dựng Đảng Cộng sản thật sự trong sạch, vững mạnh, thật sự vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc, xứng đáng là đảng cách mạng chân chính. Mọi đảng viên một lòng một dạ phục vụ nhân dân, xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ của nhân dân ; tăng cường sự gắn bó "máu thịt" giữa Đảng với nhân dân ; chống quan liêu, tham nhũng, độc đoán chuyên quyền, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Đảng có đầy đủ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, xứng đáng là đội ngũ tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của cả dân tộc. Mặt khác, không kém phần quan trọng là Đảng phải có phương thức lãnh đạo, tổ chức chặt chẽ, khoa học, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng với nhân dân, sao cho phát huy tốt vai trò lãnh đạo của

Digitized by Google

Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước, cũng như vai trò làm chủ của nhân dân. Mở rộng các hình thức dân chủ - cả dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Việc mở rộng dân chủ phải có lãnh đạo, có bước đi vững chắc, phù hợp với dân trí và tình hình chính trị - xã hội, văn hóa, tâm lý ; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức, kiểm tra các cấp và cơ chế kiểm tra, giám sát hữu hiệu để bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Khắc phục tình trạng Đảng bao biện, làm thay Nhà nước hoặc buông lỏng sự lãnh đạo đối với Nhà nước.

- Xây dựng nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, thực sự của dân, do dân, vì dân. Đổi mới hệ thống chính trị, cải cách bộ máy nhà nước theo hướng nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thể hiện đúng ý chí của nhân dân. Dân chủ phải được bảo đảm bằng pháp luật, làm cho xã hội sống và làm việc theo pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi phạm pháp. Dân chủ còn gắn với nâng cao dân trí, nâng cao văn hóa chính trị, văn hóa pháp lý, ý thức trách nhiệm của công dân.

- Phát huy đầy đủ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Đây là những kênh rất quan trọng của dân chủ, của việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong điều kiện một đảng cầm quyền.

Trong điều kiện chế độ một đảng cầm quyền, nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội của mình là người thẩm định, góp ý kiến cho Đảng, cho Nhà nước những chủ trương, chính sách, những vấn đề đặt ra. Đồng thời cần coi trọng vai trò của báo chí cách mạng như là tiếng nói của nhân dân, cải tiến sự lãnh đạo đối với báo chí và phát huy vai trò của báo chí cũng là một nhiệm vụ rất quan trọng để bảo đảm, phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền.

4 - Trong 15 năm đổi mới vừa qua, bên cạnh những thành tựu to lớn trong đổi mới kinh tế, chúng ta cũng đã đạt được những thành tựu quan trọng về phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Nền dân chủ xã hội có bước khởi sắc, sinh hoạt xã hội cởi mở hơn. Các hình thức dân chủ - cả trực tiếp và gián tiếp từng bước được mở rộng. Quyền dân chủ của nhân dân từng bước được thể chế hóa trong chính sách, pháp luật và các văn bản dưới luật. Quy chế dân chủ cơ sở được ban hành và đang thực hiện. Việc cải cách thể chế, thủ tục hành chính và tổ chức bộ máy nhà nước được xúc tiến. Sinh hoạt của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp được đổi mới theo hướng ngày càng phản ánh được tiếng nói, nguyện vọng của nhân dân. Báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng phản ánh được công luận về các vấn đề bức xúc của đời sống xã hội... Những thành tựu về phát huy dân chủ đó cho thấy Đảng ta có khả năng tạo điều kiện lãnh đạo, tổ chức được việc phát huy quyền dân chủ của nhân dân, bảo đảm vừa phát huy dân chủ vừa giữ được ổn định xã hội.

Tuy nhiên, chúng ta chưa thể hài lòng với những gì đã đạt được. Còn biết bao nhiêu hiện tượng gây nhức nhối do vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Sự độc đoán, chuyên quyền nhất là ở cơ sở còn khá phổ biến. Hiện tượng khiếu kiện tập thể đông người diễn ra ở nhiều địa phương, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, nhà cửa, tài chính, là dấu hiệu cho thấy sự giảm sút trong quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Cải cách hành chính tiến hành chậm. Tệ quan liêu, nạn tham nhũng ngày một nghiêm trọng và phức tạp, những biểu hiện vi phạm quyền làm chủ của nhân dân xảy ra ngay trong cả cơ quan tư pháp,...

Tất cả những điều đó cho thấy, Đảng cần có những biện pháp cụ thể và kiên quyết hơn, mạnh mẽ hơn trong việc giải quyết các vấn đề dân chủ. Có như vậy mới huy động được nguồn lực tinh thần và vật chất trong nhân dân, phát huy hết tiềm lực của dân tộc vào sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bằng quyết tâm lớn và những giải pháp toàn diện và việc thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, chúng ta sẽ chứng minh đầy đủ không chỉ bằng lý luận mà cả trong thực tiễn, và trước hết là trong thực tiễn, rằng nền dân chủ của chúng ta có thể hoàn toàn được bảo đảm trong điều kiện một đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo như Đảng ta. ❑

Digitized by Google

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

TÀO HỮU PHÙNG *

ĐẨY mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp, ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, phát huy cao độ nội lực của cả dân tộc gắn với tận dụng mọi nguồn lực bên ngoài, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, bền vững và có hiệu quả, là *đường lối kinh tế* nhất quán và lâu dài của Đảng ta được nêu ra trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX. Để thực hiện đường lối đó, một mặt đòi hỏi phải có sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, mọi ngành, mọi cấp nhằm nhanh chóng đạt được mục tiêu đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Mặt khác, Nhà nước phải có các chính sách và giải pháp có hiệu quả để động viên khai thác cũng như phân bổ các nguồn lực tài chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong bài này, chúng tôi chỉ đề cập định hướng và chính sách huy động các nguồn lực tài chính như là giải pháp để tăng vốn cho nền kinh tế, còn việc phân bổ và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn chỉ đề cập trong chừng mực có thể.

1. Nhận thức mới về nguồn lực tài chính và mục tiêu của chính sách huy động các nguồn lực tài chính

Khi nghiên cứu phương thức phân phối tổng sản phẩm trong nước (GDP), khoa học kinh tế hiện đại đã chia thành 2 phần : tích lũy và tiêu dùng. Phần tích lũy bao gồm việc đầu tư thay thế những tư liệu sản xuất đã sử dụng, phần thu thêm để mở rộng sản xuất, dành vốn dự trữ hoặc bảo hiểm để đề phòng những tai nạn, biến cố do các hiện tượng tự nhiên gây ra. Phần tiêu dùng, chủ yếu là tiêu dùng cuối cùng dùng để đáp ứng các nhu cầu của con người như ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, giải trí... Phân phối GDP trong nền kinh tế thị trường khác với trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở chỗ không chỉ đơn thuần là khấu hao tài sản cố định (C1), chi phí vật tư nguyên liệu (C2), tiền lương (V) và thặng dư (M) của khu vực sản xuất vật chất (GDP = C1 + C2 + V + M) mà còn phải bao gồm cả các đại lượng nói trên của khu vực phi sản xuất vật chất. Nói cách khác, nguồn gốc của cải của sản xuất không chỉ có ở khu vực sản xuất vật chất mà còn có cả ở khu vực phi sản xuất vật chất (khu vực dịch vụ).

Nguồn lực tài chính trong kinh tế thị trường được nhìn nhận đa dạng và phong phú hơn so với kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Đó là toàn bộ tài sản của đất nước được giá trị hóa bằng tiền, tồn tại ở 2 dạng : dạng tiền tệ thực tế và dạng tiềm năng có khả năng tiền tệ hóa (vốn hóa) khi có tác động của ngoại lực để chảy vào các kênh thu hút tài chính trong chu trình tuần hoàn của nền kinh tế. Nguồn lực tài chính có ở các khu vực thể chế : nhà nước, doanh nghiệp, dân cư và nước ngoài đều có thể động viên, khai thác phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn lực tài chính được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như : khoản tiền tiết kiệm còn lại của thu nhập sau khi đã sử dụng cho mục đích tiêu dùng thường xuyên, nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, vật lực hay các

* GS - TS, Phó chủ nhiệm Ủy ban kinh tế và ngân sách của Quốc hội

Digitized by Google

nguồn vốn vô hình về phát minh sáng chế, sản phẩm sáng tạo của con người v.v...

Định hướng và chính sách huy động các nguồn lực tài chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phải dựa trên cơ sở huy động toàn bộ các nguồn lực nói trên, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc huy động các nguồn lực tài chính trong nước và nguồn lực tài chính nước ngoài, nhằm vào các mục tiêu sau đây :

- Đáp ứng đủ nhu cầu về vốn để thực hiện CNH, HĐH, duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, đổi mới công nghệ thiết bị, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế và dân cư trong việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng đối với việc huy động, sử dụng vốn, nhất là vốn vay nước ngoài, vốn huy động đóng góp của dân.

2. Đối với nguồn lực tài chính trong nước

Nguồn lực tài chính trong nước có được từ nhiều nguồn, từ nhiều khu vực thể chế, nhưng quan trọng nhất là phần tiết kiệm trong GDP. Do đó, chính sách huy động vốn ở đây phải hướng vào các lĩnh vực kích thích tăng trưởng kinh tế (nghĩa là phải tăng GDP). Muốn tăng GDP phải tăng tích lũy và đầu tư, đồng thời khuyến khích tiêu dùng hợp lý, là đầu ra của sản xuất. Tiêu dùng và đầu tư là hai đại lượng chế ước nhau, khi tỷ trọng của đại lượng này tăng thì tỷ trọng của đại lượng kia phải giảm. Để có thể vừa tăng được tích lũy cho đầu tư, vừa khuyến khích tiêu dùng để kích cầu hợp lý thì phải nâng cao chất lượng của sự tăng trưởng, tăng hiệu quả sử dụng vốn, đi vào chiều sâu và nội lực của nền kinh tế.

Ở nước ta, trong những năm qua, mức tích lũy, đầu tư và tiêu dùng còn thấp. Tích lũy trong nước tuy có tăng từ 10,1% GDP năm 1991 lên 25% GDP năm 2000, nhưng mức thu nhập bình quân đầu người thấp, nhất là đại đa số nông dân có thu nhập rất thấp đã hạn chế khả năng thanh toán và sức mua của toàn bộ nền kinh tế. Do đó, tỷ lệ giữa tích lũy và tiêu dùng, nếu tính theo thu nhập bình quân đầu người cần phải được xác định hợp lý hơn theo từng vùng, miền, từng đối tượng để có chính sách động viên khai thác hợp lý.

Về đầu tư, giai đoạn 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,93%, tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP đạt 28% (hệ số ICOR là 4,04), nhưng đầu tư của khu vực tư nhân có xu hướng giảm dần (từ 38,3% giai đoạn 1991 - 1995 xuống còn 25,7% giai đoạn 1996 - 2000). Nhà nước đã có các chính sách cởi mở thông thoáng hơn như thi hành Luật Doanh nghiệp, ưu đãi miễn giảm thuế để khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, kích cầu đầu tư và tiêu dùng, sự tăng trưởng đã có phần giảm dần sự phụ thuộc vào vốn nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay vẫn cần phải khắc phục cho được một số hạn chế trong chính sách huy động vốn, cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng mới có thể thúc đẩy tăng trưởng bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tăng trưởng GDP là điều kiện cần để có nguồn lực tài chính, nhưng chưa đủ. Điều kiện đủ là phải khuyến khích tiết kiệm và sử dụng tiết kiệm trong đầu tư, làm cho nguồn tích lũy trong nước trở thành nguồn vốn sống và sinh lời, qua đó kích thích được tăng trưởng kinh tế. Tất nhiên, để kích thích tăng trưởng kinh tế phải gia tăng đầu tư, kết hợp với việc áp dụng hàng loạt các biện pháp khác nhau như tạo môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp, gia tăng xuất khẩu, xử lý tốt quan hệ cung - cầu, ổn định thị trường... Thực tế tăng trưởng GDP ở nước ta trong 2 năm 1999 - 2000 có chiều hướng khả quan, tỷ lệ tích lũy trong nước tăng lên đã chứng tỏ nguồn lực tài chính trong nước tương đối dồi dào, tiềm tàng khả năng huy động cho đầu tư phát triển trong giai đoạn tới.

Trong giai đoạn 10 năm (2001 - 2010), mục tiêu tổng quát về kinh tế mà Dự thảo Văn kiện Đại hội IX đề ra là GDP năm 2010 tăng gấp đôi năm 2000. Tính toán của chúng tôi cho rằng, để có thể đạt được mục tiêu đó, thì tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm phải đạt 7,5 - 7,8%, tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội phải đạt 31,5 - 32,7% GDP (hệ số ICOR là 4,2), tương đương với 150 - 160 tỉ USD. Đó là khối lượng vốn rất lớn, đòi hỏi Nhà nước phải có các chính sách và giải pháp hữu hiệu, khả thi trên cơ sở khuyến khích các tầng lớp dân cư,

Digitized by Google

các doanh nghiệp hạn chế chi tiêu thường xuyên, tập trung dồn vốn cho đầu tư phát triển. Theo chúng tôi cần tập trung vào một số giải pháp sau đây :

- *Huy động nguồn lực tài chính bắt buộc qua thuế và phí vào NSNN* cần duy trì ở mức hợp lý và ổn định để tạo điều kiện khuyến khích tích tụ tập trung vốn trong nền kinh tế, các doanh nghiệp có vốn để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ thiết bị nhằm nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa. Do đó, cải cách thuế phải theo hướng giảm dần thuế suất, giảm chênh lệch giữa các mức thuế suất, giảm số lượng thuế suất, giảm dần các ưu đãi, miễn giảm thuế đi đôi với việc mở rộng phạm vi và đối tượng nộp thuế nhằm bảo đảm quy mô NSNN đủ sức đáp ứng các nhu cầu chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ và có dự trữ, dự phòng thích đáng để giải quyết các nhu cầu chi đột xuất phát sinh. Điều chỉnh cơ cấu các sắc thuế và thuế suất cũng phải nhằm phát huy vai trò điều tiết vĩ mô của công cụ thuế, góp phần đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại sản xuất kinh doanh, thúc đẩy đổi mới công nghệ, hướng dẫn tiêu dùng, thúc đẩy xuất khẩu, điều tiết thu nhập, đồng thời phù hợp với yêu cầu mở cửa, hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế.

- *Tăng cường khai thác nguồn lực tài chính thông qua tín dụng nhà nước* bằng cách đẩy mạnh phát hành trái phiếu chính phủ trung và dài hạn trên thị trường tài chính trong và ngoài nước. Duy trì cơ chế đấu thầu tín phiếu, trái phiếu, tăng cường phát hành trái phiếu chính phủ trên thị trường chứng khoán. Ban hành mới nhiều loại trái phiếu chính phủ dài hạn 5 năm, 10 năm. Nghiên cứu và cho phép một số chính quyền địa phương có điều kiện được phát hành trái phiếu đầu tư để huy động vốn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Đổi mới cơ chế tín dụng đầu tư nhà nước như cơ chế cho vay lại, cơ chế cho vay giải quyết việc làm, cơ chế cho người nghèo vay, cơ chế đầu tư tài chính nhà nước... nhằm bảo đảm hiệu quả và khả năng trả nợ các nguồn vốn vay. Xúc tiến việc thành lập chính thức hệ thống ngân hàng chính sách trên cơ sở hoàn thiện cơ chế hoạt động và cơ cấu tổ chức của các Ngân hàng phục vụ người nghèo, Quỹ hỗ trợ phát triển.

- *Đa dạng hóa các hình thức và công cụ huy động vốn thông qua thị trường tài chính* và *các trung gian tài chính* để động viên nhiều hơn nữa các nguồn lực tài chính. Có chính sách lãi suất hợp lý, đặc biệt là lãi suất trung và dài hạn, xử lý hợp lý mối quan hệ giữa lãi suất huy động nội tệ và ngoại tệ. Xây dựng cơ chế chính sách tài chính nhằm phát triển các thị trường có tổ chức để khai thác tốt hơn tiềm lực tài chính trong xã hội như thị trường bất động sản, thị trường dịch vụ khoa học, công nghệ, thị trường nhân tài, các sở giao dịch bán đấu giá các loại tài sản, hàng hóa... Chú trọng xây dựng cơ chế tài chính để hợp pháp hóa và thúc đẩy việc trao đổi mua bán quyền sử dụng đất trên thị trường bất động sản, tạo tâm lý ổn định cho các nhà đầu tư, khai thác được các tiềm lực tài chính cho phát triển. Thay đổi hình thức quản lý đối với thị trường bất động sản, kết hợp cả các biện pháp hành chính và kinh tế trên nguyên tắc thừa nhận thị trường chuyển quyền sử dụng đất, qua đó có biện pháp quản lý thích hợp vừa bảo đảm vai trò chủ sở hữu của Nhà nước đối với đất đai, vừa tăng thu cho ngân sách.

- *Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa DNNN và tạo vốn từ phát hành cổ phiếu ra thị trường :* Hoàn thiện cơ chế tài chính tạo thuận lợi cho lưu thông mua bán cổ phiếu của các doanh nghiệp cổ phần hóa nhằm huy động các nguồn vốn trong dân cư và xã hội cho khu vực doanh nghiệp. Nghiên cứu hoàn thiện chế độ *cổ phần đặc biệt* hoặc *cổ phần vàng* để Nhà nước thực hiện vai trò khống chế, chủ đạo đối với một số doanh nghiệp nhà nước cần chi phối. Mở rộng đối tượng và giới hạn mua cổ phiếu đối với các thành phần kinh tế, trước mắt áp dụng đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối hoặc cổ phần đặc biệt.

- *Hoàn thiện cơ chế hoạt động của các quỹ tài chính trung gian* như hệ thống quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ tiết kiệm bưu điện... phải vừa giải quyết hài hòa giữa lợi ích kinh tế của Nhà nước, vừa bảo đảm khả năng sinh lời của các quỹ để không ngừng nâng cao tiềm lực tài chính phục vụ cho việc đầu tư mở rộng quy mô phát triển, bảo đảm yêu cầu bảo toàn và phát triển vốn.

Digitized by Google

Tăng cường tính minh bạch, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các quỹ. Phát triển các Quỹ đầu tư và ủy thác đầu tư trên thị trường chứng khoán, các quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị và nông thôn nhằm huy động sự tham gia của mọi người, mọi thành phần kinh tế để giải quyết các vấn đề xã hội.

- *Hoàn thiện cơ chế xã hội hóa đầu tư một số lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, phát thanh, truyền hình, ...* để huy động nguồn lực. Phân loại hệ thống các đơn vị sự nghiệp để áp dụng cơ chế tự chủ thu chi, tự trang trải một phần hoặc toàn bộ chi phí đối với các đơn vị sự nghiệp có thu nhằm thu hẹp phạm vi bảo đảm của NSNN. Phân loại các hoạt động cung cấp dịch vụ công ích, tổ chức đấu thầu và giao cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thực hiện, Nhà nước đặt hàng mua sản phẩm hoặc dịch vụ hoàn thành. Thực hiện công khai tài chính để xã hội hóa lành mạnh.

3. Đối với nguồn lực tài chính nước ngoài

Kinh nghiệm của các nước trong thời kỳ CNH, HĐH, vốn nước ngoài chỉ chiếm 20 - 30% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và duy trì tổng mức vốn đầu tư trên 32% GDP hằng năm và liên tục trong nhiều năm. Đối với nước ta phải chú ý huy động cả nguồn lực tài chính trong nước và nguồn lực tài chính nước ngoài, không thể xem nhẹ nguồn vốn nào, cần tạo ra tỷ lệ tương thích giữa vốn đầu tư trong nước và vốn đầu tư nước ngoài trên tổng thể và trong từng dự án, tránh lệ thuộc nước ngoài ở vào thế bất lợi, lép vế so với họ trong kinh doanh.

Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế diễn ra ngày càng sâu rộng, cạnh tranh thu hút vốn diễn ra rất quyết liệt, đòi hỏi ta phải có chính sách thu hút vốn nước ngoài hết sức linh hoạt, năng động tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vay của các tổ chức quốc tế và các chính phủ, viện trợ ODA, phát hành trái phiếu cổ phiếu ra thị trường vốn quốc tế.

- *Đối với việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài* cần phải áp dụng nhiều giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư, khắc phục sự thua kém về độ hấp dẫn so với các nước xung quanh. Phải xác định đúng vị trí của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như một bộ phận cấu thành của nền kinh tế Việt Nam trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ. Tranh thủ vốn đầu tư nước ngoài để mở rộng thị trường xuất khẩu, tiếp nhận công nghệ mới và kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Đổi mới cơ chế và tỷ lệ góp vốn với bên nước ngoài trong đầu tư liên doanh, mở rộng phạm vi áp dụng hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài, đầu tư BOT có sự tham gia của khu vực tư nhân.

- *Đối với nguồn vốn ODA*, phải tăng cường quản lý việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này đi đôi với việc đàm phán phải đạt yêu cầu tối thiểu về lãi suất, thời hạn vay, thẩm định giá, định mức chi tiêu, phí tư vấn, chính sách đối với chuyên gia trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Đối với một số lĩnh vực sử dụng vốn ODA lớn cần phải nghiên cứu chính sách huy động và hoàn trả nợ trong từng giai đoạn, bảo đảm đầu tư sinh lời và có phương án thu một phần phí để hoàn trả nợ nước ngoài. Tất cả các dự án sử dụng vốn ODA phải thực hiện tốt các khâu của quy trình dự án đầu tư, thực hiện đúng các quy định về đầu tư xây dựng trong nước và phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc biệt là khâu lựa chọn dự án, đấu thầu xây lắp và mua sắm vật tư thiết bị. Đẩy nhanh nhịp độ giải ngân bằng các giải pháp đồng bộ : bảo đảm chất lượng chuẩn bị dự án của chủ đầu tư, thẩm định xét duyệt dự án, hướng dẫn đấu thầu và xét chọn nhà thầu ; có chính sách và biện pháp hữu hiệu đối với công tác di dân và tái định cư, giải phóng mặt bằng, bảo đảm vốn đối ứng đầy đủ và kịp thời cho các dự án cần thiết.

- *Về vay thương mại nước ngoài :* Chính phủ không nên vay thương mại nước ngoài hoặc sử dụng những khoản vay không đạt yếu tố ưu đãi cao về lãi suất và thời gian trả nợ cũng như vay bằng các loại tiền có rủi ro lớn về tỷ giá hối đoái để đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng không có khả năng thu hồi vốn hoặc thu hồi vốn chậm. Chính phủ còn kiểm soát có hiệu quả các nguồn vốn vay nước ngoài trên cơ sở phân tích cụ thể các điều kiện vay, các điều kiện ràng buộc, lựa chọn dự án có luận chứng kinh tế - kỹ thuật khả thi để bố trí sử dụng vốn hiệu quả. Thực hiện thanh toán trả nợ nước ngoài một cách đầy đủ và đúng hạn để duy trì

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN

LÊ NGỌC TRỌNG *

QUA 15 năm thực hiện đường lối đổi mới, dưới sự lãnh đạo sát sao của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các đoàn thể, sự hưởng ứng của nhân dân, trợ giúp của quốc tế và đặc biệt sự nỗ lực phấn đấu của ngành y tế, chúng ta đã thu được những thành tựu rất cơ bản trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên, trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức lớn. Để bảo đảm nâng cao sức khỏe nhân dân đòi hỏi phải có những giải pháp chiến lược phù hợp với giai đoạn mới, tạo sức mạnh tổng hợp đưa sự nghiệp y tế tiếp tục phát triển nhanh và vững chắc.

Những thành tựu trong chăm sóc sức khỏe nhân dân thời gian qua thể hiện trên các mặt sau :

1 - Công tác phòng bệnh.

Chúng ta đã bước đầu khống chế, đẩy lùi và thanh toán một số dịch bệnh nguy hiểm, không để dịch bệnh xảy ra ngay cả trong thiên tai bão lụt lớn. Giảm tỷ lệ mắc và tử vong như dịch tả, dịch hạch, thương hàn và sốt rét. Bệnh sốt rét năm 1999 so với năm 1991 đã giảm chết hơn 95% và giảm mắc hơn 70%. Sáu bệnh có vắc xin phòng ngừa được chương trình tiêm chủng mở rộng thực hiện có nền nếp, tỷ lệ mắc và chết giảm đi rõ rệt, đặc biệt là bại liệt và uốn ván sơ sinh. Đây là những căn bệnh hiểm nghèo mà trước kia luôn uy hiếp sức khỏe và tính mạng trẻ em. Chúng ta đã đạt được mục tiêu : "Thanh toán bệnh bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh" vào năm 2000.

Phong trào gìn giữ vệ sinh môi trường và chủ động phòng chống dịch bệnh đã được triển khai rộng rãi, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống. Một số bệnh tật được "mệnh danh" là bệnh "trời phạt", đã bị khống chế và đẩy lùi, như bệnh bướu cổ. Ở các vùng miền núi, ngoài cái bướu to ở cổ, các thế hệ trẻ em còn bị suy giảm trí tuệ, thậm chí để lại di chứng đần độn. Theo số liệu của Bệnh viên Nội tiết thì tỷ lệ mắc bướu cổ ở trẻ em từ 8 đến 12 tuổi năm 1996 là 23%, đến năm 1999 giảm xuống còn 14% và dự tính thanh toán căn bệnh này vào năm 2005. Phong cũng là bệnh rất nguy hiểm, không những làm tàn phế sức khỏe mà còn làm biến dạng thân hình, vẻ mặt một con người. Sau nhiều năm bền bỉ thực hiện, chương trình phòng chống bệnh phong ở Việt Nam đã thu được kết quả rất đáng phấn khởi, thay đổi được mặc cảm về bệnh phong của xã hội, người bị bệnh phong được điều trị khỏi và phục hồi chức năng ngay tại gia đình và được cộng đồng đùm bọc. Việt Nam sẽ đạt được tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới loại trừ bệnh phong ra khỏi cộng đồng vào năm 2000. Các chương trình : nha học đường, phẫu thuật nụ cười, phòng chống mù lòa đang có kết quả tốt.

Công tác vệ sinh phòng bệnh đã được tuyên truyền đến hộ gia đình, như phong trào "sức khỏe cho mọi nhà", "sạch làng tốt ruộng", ... chăm lo củng cố và hoàn thiện các công trình vệ sinh, cung cấp nước sạch và quan tâm tới vệ sinh an toàn thực phẩm.

2 - Khám chữa bệnh và phục hồi chức năng.

Khám chữa bệnh và phục hồi chức năng thực sự có những tiến bộ mới. Chất lượng chăm sóc người bệnh được nâng lên, các bệnh viện đã tập trung chăm lo ăn, ở, mặc và trật tự vệ sinh phục vụ người bệnh tốt hơn. Trang thiết bị y tế đã và đang được đổi mới. Chúng ta đã có hai trung tâm y tế chuyên sâu kỹ thuật cao ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nhiều kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán và điều trị đã được áp dụng thành công như : chẩn đoán hình ảnh, phẫu thuật nội soi, tán sỏi, ghép thận, ghép tủy, hồi sức cấp cứu, phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao, kỹ thuật nội soi gắp sỏi ống mật chủ, phẫu thuật thay van tim, các kỹ thuật vi phẫu, ứng dụng công nghệ lade, thụ tinh trong ống nghiệm và đặc biệt thành

* PGS, TS - Thứ trưởng Bộ Y tế

Digitized by Google

công trong nong và đặt cầu nối động mạch vành, ... đã cứu chữa được nhiều người mắc bệnh hiểm nghèo mà trước kia điều trị kết quả rất thấp hoặc phải bó tay. Đến nay những vấn đề đó đã trở thành kỹ thuật thường quy.

Hệ thống y học cổ truyền được củng cố và phát triển, nhiều bệnh viện y học cổ truyền mới được xây dựng và đầu tư các thiết bị y tế hiện đại. Tính đến năm 1999 có 47 tỉnh, thành có bệnh viện y học cổ truyền đã sưu tầm và kế thừa được 39 381 phương thuốc và bài thuốc dân tộc, hơn 300 cây và hơn 100 con làm thuốc. Phát triển mạnh châm cứu chữa bệnh và phát huy tác dụng tích cực trong chẩn trị các bệnh thông thường và nhiều bệnh mạn tính với chi phí thấp, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam.

Y tế tư nhân được khuyến khích và phát triển, trực tiếp cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, góp phần giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Tính đến năm 1999, cả nước có hơn 43 000 cơ sở hành nghề y dược tư nhân (bao gồm 21 000 cơ sở y, 15 000 cơ sở dược và 7 000 cơ sở y học cổ truyền). Số lượng thì đáng kể, nhưng quy mô còn manh mún.

3 - Dược và trang bị thiết bị y tế.

Chúng ta đã bảo đảm cung ứng từng bước, đáp ứng thuốc thiết yếu có chất lượng cho nhân dân, đặc biệt vùng nông thôn và miền núi. Thuốc giả năm 1993 là 1,67% đến năm 1999 giảm xuống 0,18%. Chất lượng thuốc sản xuất trong nước không ngừng được nâng cao. Tỷ lệ sản xuất và kinh doanh thuốc tăng bình quân 10 - 15% năm, công nghiệp sản xuất thuốc từng bước được hiện đại, nhiều cơ sở sản xuất thuộc chữa bệnh đạt tiêu chuẩn thực hành tốt (GMP) của ASEAN, bước đầu đã xuất khẩu sang một số nước. Trang thiết bị y tế ngày càng hiện đại, cập nhật một số kỹ thuật cao xấp xỉ các nước trong khu vực. Bảo đảm cung ứng đủ các dụng cụ y tế thông thường, bước đầu liên doanh lắp đặt và sản xuất một số thiết bị, dụng cụ y tế trong nước có chất lượng.

4 - Mạng lưới y tế cơ sở.

Chúng ta đã xây dựng được một mạng lưới y tế cơ sở từ quận huyện, phường, xã đến tận thôn, bản ; tạo điều kiện thuận lợi để người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế. Đến năm 1999, hơn 90% xã, phường trong cả nước có trạm y tế, được cung cấp đầy đủ trang thiết bị y tế cơ bản, đồng thời xây dựng quỹ quay vòng thuốc bảo đảm cung cấp đủ thuốc thiết yếu cho nhân dân. Hướng về cộng đồng, đưa cán bộ có trình độ chuyên môn cao về tuyến cơ sở. Hiện nay trên 78% trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi, phấn đấu đến cuối năm 2000 đạt 40% xã, phường có bác sĩ. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu, mà cốt lõi là chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em được bảo đảm. Việc giám sát, chẩn đoán, điều trị và dập dịch bệnh kịp thời ngay khi dịch mới xuất hiện.

5 - Đào tạo nguồn nhân lực y tế được chuyển hướng, đáp ứng nhu cầu phát triển y tế và y học.

Hướng về tuyến cơ sở đào tạo cán bộ y tế cho xã, phường và thôn, bản. Xác định các mũi nhọn khoa học, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu chuyển giao khoa học công nghệ mới cho các tuyến kỹ thuật cao. Khoa học công nghệ đã đóng vai trò quan trọng trong phát triển y tế và y học Việt Nam, đặc biệt là công nghệ sinh học. Chúng ta đã chiết xuất Artemisinin từ cây thanh cao hoa vàng để điều trị sốt rét ác tính, giảm nhanh tỷ lệ chết do sốt rét. Các sản phẩm công nghệ sinh học về vắc xin đã cung cấp cho chương trình tiêm chủng mở rộng nhiều vắc xin sản xuất trong nước, đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như : vắc xin bại liệt, uốn ván, viêm gan B, viêm não Nhật Bản..., đã nghiên cứu sản xuất được các bộ sinh phẩm chẩn đoán có chất lượng : viêm não Nhật Bản, sốt xuất huyết, viêm gan B... góp phần chẩn đoán chính xác các dịch bệnh này.

6 - Tình hình sức khỏe của nhân dân ngày càng được cải thiện, tỷ lệ mắc bệnh và chết giảm, tuổi thọ ngày càng được nâng cao.

- Tỷ lệ chết mẹ giảm :

Chỉ số \ Năm	1980	1999
Tỷ lệ chết mẹ	140/100 000 trẻ đẻ sống	90/100 000 trẻ đẻ sống

- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi giảm :

Chỉ số \ Năm	1980	1999
Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi	55,9/1 000 trẻ đẻ sống	36,7/1 000 trẻ đẻ sống
Tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi	84,6/1 000 trẻ đẻ sống	42/1 000 trẻ đẻ sống

- Tuổi thọ trung bình tăng :

Chỉ số \ Năm	1989	1999
Tuổi trung bình	65	67

Nhìn chung các chỉ tiêu tổng quát về sức khỏe, Việt Nam đạt được tốt hơn nhiều so với các nước có

Digitized by Google

cùng mức thu nhập bình quân đầu người, góp phần tăng đáng kể chỉ số phát triển con người. Theo Tổ chức Y tế thế giới, năm 2000 tình trạng chung về sức khỏe Việt Nam xếp thứ 116 trong 191 nước.

Mặc dù chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhưng vẫn còn không ít những khó khăn và thử thách. Kinh tế thị trường với sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn làm cho người nghèo và vùng kinh tế khó khăn chất lượng chăm sóc sức khỏe thấp, khó có điều kiện tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ y tế kỹ thuật cao. Trình độ khoa học công nghệ y học nước ta còn thấp hơn các nước trung bình trong khu vực. Chuyên gia giỏi y học còn thiếu cả về số lượng và chất lượng. Trình độ cán bộ chuyên môn và quản lý chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh y tế và y học. Hệ thống cơ chế chính sách y tế chưa đồng bộ, đặc biệt kinh tế trong y tế còn chậm đổi mới, vẫn duy trì hình thức đầu tư bình quân, chưa có các giải pháp quyết liệt để đầu tư đủ mạnh cho những nội dung chọn ưu tiên về chăm sóc sức khỏe. Mất cân đối đầu tư các nguồn lực giữa vùng giàu và vùng nghèo, giữa y tế dự phòng và điều trị, giữa chuyên sâu và y tế cơ sở. Tình trạng đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp và không phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Chính sách thu một phần viện phí chưa hợp lý, vùng nghèo thì cao, vùng kinh tế phát triển thì thấp so với khả năng chi trả. Chính sách bảo hiểm y tế chưa tương xứng giữa mức đóng và chi trả viện phí, hành nghề y tế tư nhân còn manh mún. Sai phạm về y đức vẫn đang là vấn đề nhức nhối, tinh thần, thái độ phục vụ của một bộ phận cán bộ, nhân viên y tế trong bệnh viện chưa tốt. Đời sống của cán bộ y tế còn nhiều khó khăn, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chính sách tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ y tế chưa hợp lý. Mạng lưới y tế cơ sở mới được củng cố, chưa đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân tới hộ gia đình, đặc biệt ở miền núi và vùng kinh tế khó khăn. Công tác phòng chống dịch bệnh ở địa phương còn thụ động, vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều vấn đề đáng lo ngại. Mô hình bệnh tật ở Việt Nam hiện nay đang song song tồn tại hai loại bệnh, đó là : nhiễm trùng chiếm tỷ lệ cao và HIV/AIDS tăng nhanh. Các bệnh không do nhiễm trùng như tăng huyết áp, ung thư, tâm thần, bệnh nghề nghiệp, dị ứng, chấn thương và các tai nạn trong đời sống... vẫn ngày càng cao. Các bệnh do thiếu dinh dưỡng, di chứng chiến tranh và tật nguyền còn nhiều.

Lĩnh vực dược đang gây ra nhiều nhức nhối trong sử dụng hợp lý và an toàn thuốc. Việc lạm dụng thuốc đang ngày càng phổ biến, sử dụng tràn lan các thuốc mới, đắt tiền trong khi các thuốc hiện đang được sử dụng vẫn còn giá trị chữa bệnh. Do vậy, chi phí cho thuốc ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong ngân sách y tế. Hậu quả của việc dùng thuốc không hợp lý đã gây lãng phí tiền bạc của nhà nước và nhân dân, tổn hại sức khỏe của con người.

Đảng ta đã chỉ rõ : *sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội, là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.* Vì vậy, chúng ta phấn đấu để mọi người đều được quan tâm chăm sóc sức khỏe. Tập trung giải quyết các vấn đề về bệnh tật theo quan điểm dự phòng tích cực và chủ động, đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, rèn luyện thân thể, đi đôi với nâng cao hiệu quả điều trị. Kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền dân tộc. Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe là trách nhiệm của cộng đồng và mỗi người dân, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", đa dạng hóa các hình thức tổ chức chăm sóc sức khỏe (nhà nước, tập thể, nhân dân) trong đó y tế nhà nước là chủ đạo, tận dụng mọi tiềm năng sẵn có trong nước và mở rộng hợp tác quốc tế.

Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội IX của Đảng đã nêu rõ những định hướng quan trọng trong chiến lược : *Phát triển y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân"* (1) từ năm 2001 đến 2010. Mục tiêu tổng quát là : *giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, làm cho giống nòi ngày càng tốt.* Mục tiêu cụ thể là : giảm tỷ lệ mắc và chết do các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng và siêu vi trùng, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Khống chế tới mức thấp nhất tỷ lệ mắc và chết của các dịch bệnh nguy hiểm : sốt rét, sốt xuất huyết, dịch hạch, tả, thương hàn, lao, viêm gan, viêm não Nhật Bản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục... Hạn chế tốc độ gia tăng nhiễm HIV/AIDS. Duy trì sự bền vững các kết quả : thanh toán bệnh bại liệt, loài trừ uốn ván sơ sinh và bệnh phong. Tích cực phòng chống và quản lý các bệnh không do nhiễm trùng như tim mạch, ung thư, chấn thương và tai nạn, bệnh nghề nghiệp, đái tháo đường,

(1) Xem : Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội IX của Đảng, tr 84, 85

Digitized by Google

tâm thần, ngộ độc, các bệnh do tệ nạn xã hội như nghiện hút, nghiện rượu, mãi dâm, ... khắc phục các hậu quả của chiến tranh ảnh hưởng đến sức khỏe con người, hạ thấp tỷ lệ suy dinh dưỡng và các bệnh tật về dinh dưỡng ở trẻ em.

Thực hiện công bằng trong sử dụng các dịch vụ y tế, đặc biệt là các dịch vụ về khám chữa bệnh. Cung ứng đủ thuốc thiết yếu, có chính sách và biện pháp thích hợp để tất cả mọi người, đặc biệt các đối tượng chính sách, người nghèo, dân tộc thiểu số, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tới hộ gia đình. Từng bước hiện đại hóa ngành y tế để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở tất cả các tuyến, các lĩnh vực : phòng bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, sản xuất thuốc và trang thiết bị y tế.

Một số chỉ tiêu về sức khỏe các năm :

Chỉ số \ Năm	2010	1999	1990	1980
- Tuổi thọ trung bình	71 tuổi	67 tuổi	65 tuổi	63 tuổi
- Tỷ suất chết mẹ	70/100 000 trẻ đẻ sống	90/100 000	105/100 000	140/100 000
- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi	25/1 000 trẻ đẻ sống	36,7/1 000	54,7/1 000	55,9/1 000
- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi	32/1 000 trẻ đẻ sống	42/1 000	68,4/1 000	84,6/1 000
- Tỷ lệ trẻ mới đẻ có trọng lượng dưới 2 500g	6/100	8/100	10,8/100	12,8/100
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	25/100	36,7/100	44,62/100	
- Chiều cao trung bình của thanh niên (từ 18 - 22 tuổi)	1,6m	≈ 1,57m	≈ 1,55m	

Để đạt được những mục tiêu nâng cao sức khỏe toàn dân đến năm 2010, chúng ta cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau đây :

Một là, tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế. Sắp xếp mạng lưới trường y thích hợp, bao gồm hệ thống các trường đại học, các trường cao đẳng, trung học và dạy nghề. Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy trong các nhà trường bởi đây là "máy cái" có vai trò quan trọng bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Đổi mới chương trình đào tạo cập nhật với các nước trong khu vực và thế giới, có chương trình "khung" thống nhất trong cả nước bảo đảm được mục tiêu "dạy người, dạy chữ, dạy nghề" ; cân đối hàm lượng kiến thức về khoa học cơ bản, y cơ sở và lâm sàng. Đổi mới phương pháp đào tạo, thực hiện quá trình đào tạo tích cực, người thầy có vai trò hướng dẫn học sinh, sinh viên tự học vươn lên. Cùng với việc đầu tư thích đáng cho nhu cầu đào tạo, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với bệnh viện và y tế cơ sở để phát huy năng lực thực hành, gắn liền đào tạo với phục vụ và nghiên cứu khoa học. Bảo đảm cân đối trong đào tạo, giữa đào tạo mới và đào tạo liên tục ; giữa đào tạo chuyên sâu kỹ thuật cao và phổ cập ; giữa y học hiện đại và cổ truyền ; giữa y, dược và thiết bị y tế ; giữa các cấp đào tạo trên đại học, đại học, cao đẳng, trung học và dạy nghề ; giữa quản lý và chuyên môn kỹ thuật. Đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ y tế cơ sở. Có chính sách ưu tiên, khuyến khích tạo nguồn tuyển sinh theo địa chỉ đối với các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhất là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Hai là, đổi mới cơ chế chính sách quản lý kinh tế y tế : Đây là yêu cầu cấp bách cho sự phát triển ngành y tế trong tương lai. Đảng và Nhà nước đã rất cố gắng đầu tư phát triển y tế, nhưng do xuất phát điểm là nước nghèo, khả năng đầu tư chưa đáp ứng được theo nhu cầu. Xây dựng chính sách viện phí mới phù hợp với nền kinh tế thị trường, phát huy hiệu quả nguồn kinh phí nhà nước giành hỗ trợ cho người thuộc chính sách ưu đãi xã hội, người có công, người nghèo và vùng nghèo. Đổi mới chính sách đầu tư theo vùng kinh tế xã hội, nhà nước tăng cường hỗ trợ ngân sách cho vùng nghèo để phát triển. Mở rộng và đa dạng hóa các dịch vụ y tế, phát huy các hình thức đầu tư liên doanh, liên kết với nước ngoài, vay vốn ưu đãi, ... để nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế và thực hiện tự hạch toán kinh tế.

Tiếp tục điều chỉnh chính sách bảo hiểm y tế. Trước mắt cần tăng mệnh giá bảo hiểm y tế bắt buộc (có thể tăng tới 5% hoặc 7% mức lương) để đủ sức chi trả khám chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế. Mở rộng bảo hiểm y tế tự nguyện, đặc biệt bảo hiểm y tế học sinh. Mở rộng quy mô các loại bảo hiểm y tế. Tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện thật sự số đông bù số ít. Bảo hiểm y tế phải kết hợp chặt chẽ với mạng lưới khám chữa bệnh, tổ chức phục vụ người bệnh với cố gắng cao nhất, không để có sự khác biệt giữa người bệnh khám, chữa bệnh theo bảo hiểm y tế với người trực tiếp chi trả viện phí. Bảo hiểm y tế hướng về cộng đồng, phát triển mạng lưới tới xã, phường, tham gia tạo nguồn lực chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người có thẻ bảo hiểm y tế ngay ở y tế cơ sở.

Ba là, tăng cường đầu tư và phát triển khoa học công nghệ nhằm từng bước hiện đại hóa y tế và y học nước ta. Trong thời gian tới tiếp tục đầu tư đủ mạnh cho một số nội dung cấp bách là :

Digitized by Google

- Xây dựng cơ sở khoa học công nghệ có nền móng khoa học cơ bản và y cơ sở để đón nhận những tiến bộ khoa học công nghệ vào những năm đầu thế kỷ XXI, như : y sinh học phân tử, công nghệ thông tin trong y học, điện sinh học, miễn dịch học, di truyền học..., lựa chọn xây dựng một số phòng thí nghiệm nghiên cứu chuẩn thức quốc gia.

- Ứng dụng có hiệu quả công nghệ tiên tiến về điện tử tin học, điện tử sinh học, từ trường, quang học, phóng xạ, siêu âm và công nghệ lade,... Xây dựng các trung tâm bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị y tế, đặc biệt là các kỹ thuật cao và từng bước tiến tới sản xuất nhiều thiết bị y tế trong nước. Ứng dụng nhanh công nghệ sinh học trong sản xuất thuốc, vắc xin và sinh phẩm chẩn đoán.

- Áp dụng khoa học công nghệ hiện đại nghiên cứu nâng cao chất lượng y học cổ truyền, thuốc nam và châm cứu. Phát huy thế mạnh nguồn dược liệu cây con làm thuốc, sản xuất thuốc chữa bệnh cho nhân dân và xuất khẩu.

- Nghiên cứu những ảnh hưởng của các hóa chất độc hại đối với con người mà Mỹ đã dùng trong chiến tranh ở Việt Nam, cũng như một số hóa chất, thuốc trừ sâu dùng trong công nghiệp, nông nghiệp. Bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, cải thiện dinh dưỡng.

- Hướng về cộng đồng nghiên cứu điều tra cơ bản, đánh giá thực trạng sức khỏe và mô hình bệnh tật trong nhân dân. Phát triển kỹ thuật thích ứng phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

Bốn là, củng cố hệ thống y tế đủ mạnh, với giải pháp chiến lược đi "hai chân", củng cố y tế cơ sở và phát triển y học kỹ thuật cao. Mạng lưới y tế cơ sở gần dân đem các dịch vụ y tế đến với dân, đặc biệt dân nghèo, vùng kinh tế khó khăn, là nơi thực hiện hiệu quả nhất các chương trình y tế. Điều trị chẩn đoán sớm và chữa bệnh kịp thời ngay ở tuyến y tế cơ sở sẽ giảm được lưu lượng người bệnh dồn về các tuyến trên gây quá tải. Tiếp tục đưa bác sĩ về xã nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, hướng về cộng đồng chăm sóc sức khỏe tới hộ gia đình. Phát huy vai trò đội y tế lưu động, hỗ trợ cho y tế cơ sở ở những nơi còn có khó khăn và những vùng dịch bệnh xảy ra.

Trên cơ sở đầu tư hai trung tâm y học kỹ thuật cao ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh lên tầm quốc gia và khu vực, tiếp tục đầu tư phát triển trung tâm y tế miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Tây Bắc, Đông Bắc để người dân mọi vùng đất nước được tiếp cận và hưởng các dịch vụ kỹ thuật cao trong chăm sóc sức khỏe. Các trung tâm kỹ thuật cao kết hợp chặt chẽ với các trường đại học y - dược góp phần thiết thực nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Năm là, đầu tư phát triển công nghiệp dược và công nghiệp thiết bị y tế đạt tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường năng lực sản xuất trong nước, nguyên liệu làm thuốc, máy và thiết bị y tế có chất lượng. Nâng cao chất lượng các mặt hàng thuốc y học cổ truyền, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Giữ vững thị trường thuốc có chất lượng, thực hiện sử dụng hợp lý an toàn về thuốc, tổ chức mua bán thuốc theo đơn. Bảo đảm cung cấp thuốc thiết yếu đến các vùng sâu, vùng xa, miền núi và vùng kinh tế khó khăn, từng bước đổi mới xí nghiệp theo hướng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Sáu là, tăng cường xã hội hóa các nội dung chăm sóc sức khỏe, tổ chức tốt công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe tới cộng đồng để mọi người dân hiểu và chủ động hưởng ứng, thực hiện, tạo cơ sở đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh tích cực và chủ động, phòng chống các tệ nạn xã hội từ mỗi người dân, mỗi hộ gia đình và cộng đồng dân cư. Huy động sức mạnh tổng hợp của mọi nguồn lực trong nhân dân góp phần bảo đảm chất lượng chăm sóc sức khỏe ngày càng cao, từng bước thay đổi các thói quen cũ không phù hợp vệ sinh, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh. Đa dạng hóa các dịch vụ y tế về phòng bệnh, chữa bệnh, cung ứng thuốc, thiết bị và dụng cụ y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bên cạnh hệ thống y tế công lập khuyến khích các hình thức y tế bán công, hành nghề tư nhân, đầu tư nước ngoài với hình thức liên doanh liên kết hoặc 100% vốn nước ngoài. Tiếp tục thể chế hóa các nội dung chăm sóc sức khỏe kịp thời và phù hợp với tiến trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội nhằm phát huy cao vai trò quản lý nhà nước về y tế, tạo môi trường pháp lý, kỷ cương, mở rộng dân chủ, công khai trong các nội dung công tác của ngành. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, giáo dục về y đức, chăm lo đời sống cán bộ y tế tốt hơn để họ yên tâm, tận tụy phục vụ người bệnh. Chăm sóc sức khỏe cho nhân dân không chỉ là bổn phận riêng ngành y tế mà là trách nhiệm của toàn xã hội. ❑

Digitized by Google

HỒ CHÍ MINH
VỚI VIỆC PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA VĂN HÓA

THÀNH DUY *

CHỦ tịch Hồ Chí Minh đã để lại nhiều tác phẩm văn hóa nghệ thuật có giá trị, gồm nhiều thể loại. Đó là những truyện và ký hấp dẫn, những tập thơ hay mà tiêu biểu là *Nhật ký trong tù*, những áng văn chính luận bất hủ như *Bản án chế độ thực dân Pháp*, những sáng tác về kịch như *Con rồng tre, Nhật ký chìm tàu*... Chỉ với những tác phẩm cụ thể đó cũng đủ để Hồ Chí Minh xứng đáng là một nhà văn hóa nghệ thuật có tài. Nhưng, Người lại không nhận mình là nhà văn, nhà thơ. Người nói : gọi tôi là người tuyên truyền - tôi không tranh cãi, nhà cách mạng chuyên nghiệp - là đúng nhất. Điều đó không chỉ do đức tính khiêm tốn của Người. Quả là không thể chia tách những hoạt động văn hóa Hồ Chí Minh thành một bộ phận độc lập nằm ngoài hoạt động chính trị của Người. Đối với Hồ Chí Minh, hoạt động văn hóa và hoạt động chính trị gần như có sự thống nhất trong sự nhất quán, trọn vẹn, xuyên suốt cuộc đời của Người. Với sự thông minh, nhạy cảm và có tầm nhìn văn hóa, có thể nói, Hồ Chí Minh đã sử dụng và phát huy sức mạnh của văn hóa vào sự nghiệp đấu tranh giữ nước, giải phóng dân tộc ngay từ lúc ra đi tìm đường cứu nước.

Rút ra bài học thất bại của những sĩ phu yêu nước đương thời, đồng thời cảm nhận được cái mới của thời đại, Hồ Chí Minh đã chọn một phương pháp tìm đường cứu nước hoàn toàn khác với lời khuyên của những nhà cách mạng tiền bối. Điều quan tâm trước tiên đối với Người là đi tìm chân lý cách mạng chứ không phải tìm chỗ dựa. Trả lời câu hỏi về mục đích đi ra nước ngoài của mình, Người nói : "Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi được nghe những từ Pháp : Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy". Một lần khác, trả lời một nhà văn Mỹ An-na Lu-i Xtơ-rông, Người nói : "Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"(1). Xuất phát từ ý thức đi tìm chân lý cách mạng, Hồ Chí Minh đã gắn mục tiêu cách mạng với sự nghiệp văn hóa, lấy văn hóa làm cơ sở cho mục đích chính trị của mình.

Rời Tổ quốc đến với những lục địa được xem là đỉnh cao của nền văn minh nhân loại, Hồ Chí Minh đã thật sự tiếp cận với chính nơi ra đời khẩu hiệu "Tự do, Bình đẳng, Bác ái". Phải mất mười năm đặt chân lên gần khắp các châu lục, hòa mình với phong trào công nhân các nước tư bản phát triển nhất thế giới, sống và sinh hoạt với những người da đen ở châu Phi và cả ở Mỹ, Hồ Chí Minh mới hiểu ra nhiều điều về bản chất của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc cũng như bản chất giai cấp công nhân, những người cùng khổ trên khắp thế giới và nhất là hiểu rõ sự thật ẩn giấu đằng sau những từ "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" mà giai cấp tư sản trương lên như biểu trưng của nền văn minh phương Tây để khai hóa các dân tộc mà chúng xem là dã man.

Không chỉ hòa mình vào thực tiễn đấu tranh của phong trào công nhân và các dân tộc bị áp bức,

* PGS,TS. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

(1) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992, t 1, tr 47 - 48

Digitized by Google

Hồ Chí Minh còn hòa mình vào thế giới văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng của các nước phương Tây, làm quen với nhiều danh nhân văn hóa thế giới, đọc những tác phẩm lớn của các nhà văn tiêu biểu như Sếch-xpia, Ban-dắc, Đích-ken, Huy-gô, Dô-la, An-na-tôn Phơ-răng-xơ, Tôn-xtôi... Người còn nhận mình "trở thành người học trò của nhà văn Nga vĩ đại" và về việc Tôn-xtôi đã hướng cho Người "bước vào con đường đấu tranh bằng vũ khí văn học trên diễn đàn báo chí" như thế nào. Đặc biệt, Người đã tiếp nhận những tư tưởng dân chủ của những đại diện cách mạng tư sản Pháp như Rút-xô, Mông-te-xki-ơ... Tất cả những hoạt động đấu tranh trong thực tiễn cách mạng cũng như việc tiếp xúc với những trí tuệ văn hóa vĩ đại, tiếp thu tinh hoa văn hóa của thế giới là bước khởi đầu vô cùng quan trọng và cần thiết để Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đỉnh cao của nền văn hóa nhân loại. Trong *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, có kể lại rằng "lúc ấy, ông Nguyễn là một người yêu nước quyết tâm hy sinh tất cả vì Tổ quốc ; nhưng ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là công hội, thế nào là bãi công, thế nào là chính đảng", rồi dần dần ông "cố gắng học hỏi để hiểu biết các vấn đề. Ông tham gia Hội "Nghệ thuật và khoa học", Hội "Những người bạn của nghệ thuật" và nhiều hội khác cũng như các câu lạc bộ nổi tiếng ở Pa-ri, nhờ đó ông hiểu biết nhiều sự kiện văn hóa và các phương pháp đấu tranh bằng văn hóa.

Sự kiện Hồ Chí Minh gặp *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lê-nin và tìm được con đường cứu nước là một tất yếu lịch sử đã được Người chuẩn bị từ nhiều năm trước nhờ các hoạt động văn hóa và biết phát huy sức mạnh của văn hóa trong việc tìm tòi chân lý và phương pháp cách mạng, việc tổ chức và đấu tranh với kẻ thù bằng các phương tiện văn hóa, nhất là báo chí...

Từ đỉnh cao của văn hóa nhân loại mà tư duy biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là hạt ngọc chói lọi trong nền văn hóa ấy, Hồ Chí Minh tiếp nhận được ánh sáng văn hóa mới và ra sức phát huy sức mạnh của ánh sáng văn hóa ấy cho sự nghiệp đấu tranh giữ nước và giải phóng dân tộc. Đây cũng là một phương pháp cách mạng độc đáo - phương pháp tìm cách phát huy sức mạnh của văn hóa dân tộc và nhân loại bằng cách tuyên truyền, phổ biến lý tưởng cách mạng nhằm giác ngộ những người cùng khổ trên khắp thế giới để trên cơ sở đó tập hợp lực lượng. Người viết sách, ra báo, tham gia nhiều hoạt động văn hóa, tổ chức hội liên hiệp đều nhằm giác ngộ cách mạng cho nhân dân các dân tộc trong đó có đồng bào mình. Người muốn đem ánh sáng văn hóa đến cho mọi người cùng khổ để soi đường cho họ tự giải phóng, tự đứng lên đấu tranh với các thế lực áp bức, bóc lột. Trong các hoạt động đấu tranh của mình, Hồ Chí Minh không quên tố cáo bọn chúng tìm cách đầu độc văn hóa, đàn áp nền văn hóa dân tộc. Người vạch rõ : "... Mọi người đều biết rằng để đặt ách thống trị của chúng, bọn cá mập thực dân đã phá hoại tất cả các phong tục, tập quán và nền văn minh của dân tộc bị xâm chiếm... muốn biến một dân tộc thành nô lệ thì phải làm cho dân tộc đó càng ít văn hóa chừng nào càng tốt chừng ấy, phải ban cho dân tộc đó "một nền giáo dục theo chiều nằm chứ không phải theo chiều đứng" như viên toàn quyền Méc-lanh đã từng nói" (2).

Từ ý thức giành lại cho dân tộc nền văn hóa của mình đang bị bọn thực dân tìm cách đầu độc và phá hoại, Hồ Chí Minh đã dùng mọi hình thức và bằng mọi con đường đưa lại ánh sáng văn hóa mới đến cho nhân dân, đồng thời vũ trang cho họ tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người được xem là mục tiêu cao nhất của nền văn hóa mới.

Sau khi tìm được chân lý cách mạng, trở thành đảng viên cộng sản đầu tiên của Việt Nam, Hồ Chí Minh có nhiều hoạt động sôi nổi và phong phú, chủ yếu trên mặt trận văn hóa. Thông qua việc viết báo, viết sách, viết kịch, làm thơ, vẽ ký họa... Người đã dùng mọi hình thức, mọi phương tiện văn hóa lúc công khai, lúc bí mật nhằm tuyên truyền lý tưởng cách mạng theo quan điểm mác-xít. Mở đầu cho các hoạt động tuyên truyền văn hóa đó, trước hết phải kể đến việc ra báo *Người cùng khổ* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập từ

(2) Xem : *Về sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận tư tưởng và văn hóa*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr.13

Digitized by Google

tháng 4-1922, đồng thời Người vừa là chủ nhiệm, chủ bút, vừa viết bài, lo in ấn và phát hành trong điều kiện gần như không có gì ngoài tinh thần cách mạng. Người muốn thông qua tờ báo để tuyên truyền, vận động và phổ biến lý tưởng cách mạng đến những người cùng khổ đang bị áp bức, bóc lột ở các nước thuộc địa và quê hương mình nhằm giác ngộ, tổ chức họ thành một lực lượng mạnh mẽ thực hiện mục tiêu đấu tranh giải phóng dân tộc. Bằng những việc làm rất văn hóa lúc bấy giờ, quả nhiên tờ báo *Người cùng khổ* đã có tác dụng lớn trong Việt kiều yêu nước và cả trong những người Pháp có cảm tình với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Tờ báo đã được bí mật chuyển về nước mở đầu cho việc thức tỉnh ý thức dân tộc trong tầng lớp trí thức, rồi từ tầng lớp trí thức ấy tiếng vang của chân lý cách mạng dần dần đến với đồng bào bị đau khổ, với nhân dân lao động trong cả nước bằng những cách khác nhau. Đương nhiên, Hồ Chí Minh không chỉ sử dụng tờ báo *Người cùng khổ*. Người còn viết bài cho nhiều báo khác như báo *Nhân đạo* của Đảng Cộng sản Pháp. Những hoạt động báo chí của Hồ Chí Minh đã có tác dụng "gây men" lý tưởng cách mạng giải phóng dân tộc đồng thời đặt nền móng cho sự hình thành nền văn hóa mác-xít ở Việt Nam. Cho nên, không phải ngẫu nhiên chúng ta thấy từ những năm 1925 - 1926 trên báo chí xuất bản ở Việt Nam đã đăng toàn văn *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác, Ăng-ghen. Điều đó chứng minh rằng nhờ các hoạt động văn hóa, Hồ Chí Minh đã dần dần đưa chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam đặt cơ sở đầu tiên cho việc hình thành nền văn hóa mới ở nước ta.

Không chỉ viết báo, Hồ Chí Minh còn tập trung sức lực hoàn thành một công trình lớn mà chính Người đã ấp ủ từ lâu với ý định : "chỉ viết một quyển sách duy nhất là quyển "Bản án chế độ thực dân Pháp"(3). Đây là một công trình văn hóa lớn, chẳng những đã tố cáo một cách đanh thép chủ nghĩa thực dân trên cơ sở khoa học và thực tiễn sâu sắc mà còn đặt nền tảng pháp lý cho việc kết liễu chủ nghĩa thực dân trên toàn cầu. *Bản án chế độ thực dân Pháp* còn là ngọn cờ có tác dụng khích lệ các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh với chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc. Theo đánh giá của nhiều nhà khoa học, nhà văn hóa, thì đây là một công trình khoa học "tổng hòa các trí thức chính trị, triết học, xã hội, lịch sử, văn học, kinh nghiệm thực tiễn được Nguyễn Ái Quốc tiếp thu, bồi bổ, phát triển trong quá trình đấu tranh đầy sóng gió của Người". Nếu mỗi nhà văn hóa lớn đều có một công trình tiêu biểu đánh dấu một cái mốc quan trọng trong việc phát triển văn hóa, khoa học và cuộc sống thì đối với Hồ Chí Minh, đó chính là *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Cho nên, có thể xem *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Hồ Chí Minh là một cống hiến lớn cho nhân loại, đánh dấu một cái mốc lịch sử không còn chỗ đứng về pháp lý của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới và bắt đầu một trang mới "trong cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man" như Người từng dự báo.

Từ báo *Người cùng khổ* đến *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Hồ Chí Minh đã tiến một bước dài trên con đường vận dụng và phát huy sức mạnh văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giữ nước, giải phóng dân tộc. Song, Người không dừng ở đó. Có báo, có tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* và nhiều công trình văn hóa khác, Hồ Chí Minh như được tiếp thêm sức để phát huy, tổ chức thành sức mạnh vật chất trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. *Đường cách mệnh* là một công trình phản ánh quá trình đó của Hồ Chí Minh. Đây là tập hợp những bài giảng của Người về lý tưởng và mục tiêu cách mạng, về phương pháp và cách tổ chức hoạt động cách mạng. Đến lúc này, *Đường cách mệnh* đã thực sự tạo ra sức mạnh mới nhằm tập hợp, vận động và chuyển hóa từ sức mạnh của các hoạt động văn hóa nói chung đến sức mạnh của ý chí, của học thuyết Mác - Lê-nin, của tổ chức, của quần chúng đông đảo, của việc hình thành chính đảng cách mệnh, của sự vận động mặt trận chống đế quốc thực dân. *Tóm lại*, đó là việc chuẩn bị vũ trang cách mạng bằng sức mạnh tổng hợp của văn hóa tinh thần và vật chất nhằm tạo ra vũ khí đấu tranh giữ nước, giải phóng dân tộc.

Song, đối với Hồ Chí Minh đây cũng chỉ mới là bước khởi đầu của sự nghiệp cách mạng. Ánh sáng văn hóa không chỉ soi rọi trong lúc thực hiện sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn phải được soi rọi trong quá trình giữ nước và xây dựng một xã hội mới, đem lại tự do, hạnh phúc

(3) Trần Dân Tiên : *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 39

Digitized by Google

thực sự cho nhân dân. Với ý thức "văn hóa soi đường", Hồ Chí Minh đã tìm mọi cách đưa ánh sáng văn hóa đến cho toàn dân tộc bắt đầu từ người mù chữ. Người đã đặt việc chống "giặc dốt" thành một nhiệm vụ trung tâm của cách mạng ngay từ những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám. Cũng chính ở giai đoạn này, Người đã nói rõ ràng, cụ thể hơn về một quan niệm văn hóa mới gắn với phát triển và trong phát triển. Thật là sâu sắc khi chúng ta thấy Người không chỉ phát huy sức mạnh văn hóa ở những con người cùng thời mà còn tìm mọi cách khơi dậy tiềm năng văn hóa ẩn chứa trong lòng dân tộc suốt cả chiều dài lịch sử. Đó là văn hóa của chủ nghĩa yêu nước truyền thống như một thứ của quý của dân tộc, là văn hóa của ý thức cộng đồng, tình cảm đồng bào, tình nghĩa thủy chung ; là văn hóa của lòng nhân ái, tình thương yêu, sự khoan dung, độ lượng đối với con người... Tất cả những vốn văn hóa ấy đang nằm tiềm ẩn trong dân cần được khơi dậy và phát huy, nhằm tạo ra sức mạnh của cả truyền thống văn hóa dân tộc phục vụ cho sự nghiệp giữ nước và giải phóng dân tộc.

Từ việc tìm đường cứu nước mang ý nghĩa văn hóa đến việc dùng các phương tiện văn hóa nhằm đạt cho được mục tiêu giải phóng dân tộc, mang lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân, Hồ Chí Minh đã thực sự tiến hành và lãnh đạo một cuộc cách mạng mang tính văn hóa sâu sắc - văn hóa hòa bình, văn hóa vì sự nghiệp hạnh phúc của mọi người. Đây là một cuộc cách mạng không chỉ nhằm thay đổi xã hội cũ bằng một xã hội mới như bao cuộc cách mạng đã diễn ra, càng không phải cuộc cách mạng nhằm lật đổ giai cấp thống trị cũ để thiết lập giai cấp thống trị mới cho dù giai cấp thống trị mới là tiến bộ hơn. Những cuộc cách mạng như thế chúng ta thường thấy trong lịch sử nhân loại và cả ở dân tộc ta. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Hồ Chí Minh tiến hành và lãnh đạo ở nước ta khác về chất chính là ở chỗ nó báo hiệu cho sự ra đời một nền văn hóa mới, nền văn hóa của tương lai mà Hồ Chí Minh là tượng trưng cho nền văn hóa đẹp đẽ đó. Nhiều người nước ngoài đã bàn nhiều về sự cảm hóa kỳ lạ trong con người Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có người cho đó là sự hiểu biết sâu rộng, do tài trí thông minh tuyệt vời, do ý chí và nghị lực phi thường của Người. Có người cho đó là đức tính khiêm tốn giản dị, do sự lạc quan tin tưởng, do tính tình thẳng thắn cởi mở, do sự từng trải lịch thiệp của Người. Những điều ấy đều đúng. Nhưng bao trùm lên tất cả ở Hồ Chí Minh chính là sự quên mình vì mọi người, chính là sự ham muốn duy nhất, ham muốn tột bậc của Người là làm sao mang lại thật nhiều hạnh phúc cho dân cho nước. Cuộc sống không chút bợn riêng tư, trong sáng ấy chính là biểu hiện của nền văn hóa tương lai, nền văn hóa lấy con người làm trung tâm, hướng về hạnh phúc của con người và hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc.

Để có được một nền văn hóa như vậy hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên. Từ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ dẫn đến sự bùng nổ văn hóa, nhân loại ngày càng ý thức được sức mạnh tiềm tàng của văn hóa và con người có nhân cách văn hóa. Khoa học không chỉ mang lại cho con người sự hiểu biết về chân lý, về các quy luật của tự nhiên và xã hội, khoa học còn thể hiện những ước mơ cao đẹp của con người đến một thế giới nhân đạo, hòa bình và hữu nghị. Đúng như Hồ Chí Minh nói trong thư gửi Pi-cát-xô nhân dịp họa sĩ vừa tròn 80 tuổi. Người viết rằng chính "sự sôi nổi trong tâm hồn, một tình yêu say mê đối với cái Thiện, cái Mỹ, với Hòa bình và Nhân đạo" đã làm cho "họa sĩ mãi mãi giữ được tuổi xuân" (4). Chính khoa học đặt cơ sở nền móng cho một kỷ nguyên phát triển văn hóa của nhân loại. Nó là yếu tố có ý nghĩa quyết định trong việc tạo ra môi trường văn hóa mới, với những quan hệ mới giữa con người với thiên nhiên, con người với con người, con người với xã hội.

Một nền văn hóa thực sự nhân bản không thể dựa trên những lời nói suông mà trên cơ sở khoa học phát triển với nền sản xuất hùng hậu trong đó con người là trung tâm, con người được phát triển toàn diện. Xu hướng hòa bình, nhân đạo, tự do, dân chủ là những nét đặc trưng nổi bật của nền văn hóa mới đang xuất hiện, dẫn đến những thay đổi về chất tạo nên nền văn hóa hòa bình, nhân đạo trong thế kỷ XXI mà Hồ Chí Minh là biểu tượng của nền văn hóa đó. Thực vậy, không phải đến ngày nay chúng ta mới thấy ở Hồ Chí Minh bản chất của nền

(4) Hồ Chí Minh : *Biên niên tiểu sử, Sđd*, t 10, tr 338

Digitized by Google

văn hóa hòa bình. Nhiều nhà văn hóa nước ngoài đã thấy ở Hồ Chí Minh biểu tượng của nền văn hóa tương lai mà nổi bật là nhận xét của Ô-xip Man-đen-xtam khi thấy "từ Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là nền văn hóa tương lai". Cũng không chỉ nhà báo Xô-viết phát hiện ra điều đó. Năm 1924, một họa sĩ người Thụy Điển mới gặp lần đầu Nguyễn Ái Quốc đã cảm nhận sâu sắc : "Cử chỉ văn hóa và thân mật của Người gây một ấn tượng là Người có uy tín. Người có thể trở thành lãnh tụ không phải bằng một cái gì bề ngoài mà bằng học thức, bằng trí tuệ của Người" (5).

Cái vĩ đại trong nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh là ở chỗ, Người không chỉ thấy sức mạnh ở con người, đặt tất cả niềm tin vào con người, mà hơn thế Người đã sớm thấy : sở dĩ con người có sức mạnh là nhờ gắn với văn hóa, coi văn hóa là đặc trưng bản chất của chính con người. Chỉ có văn hóa mới đem đến cho con người sự hiểu biết, tầm trí tuệ và cả nhân cách, phẩm giá con người. Với Hồ Chí Minh, văn hóa gắn với sự sinh tồn của con người và là kết quả "tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn" (6). Lý tưởng văn hóa của Hồ Chí Minh là đấu tranh cho sự thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn mà ở đó con người được sống trong tự do và hạnh phúc. Đó cũng chính là thiên chức của văn hóa mà ngày nay chúng ta nói đến động lực và mục tiêu của văn hóa trong phát triển. Với thiên chức đó, Hồ Chí Minh đặt văn hóa trong quan hệ với chính trị, kinh tế, xã hội, đạo đức, tâm lý và lối sống... Quan niệm về văn hóa của Hồ Chí Minh đã cách chúng ta hơn nửa thế kỷ, nhưng hôm nay nó vẫn mang tính thời sự nóng hổi, đồng thời đó cũng chính là quan niệm của chúng ta đang phấn đấu cho nền văn hóa hòa bình trong tương lai của thế kỷ XXI. ❑

(5) Hồ Chí Minh : *Biên niên tiểu sử, Sđd*, t 1, tr 232

(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t 3, tr 431

THÀNH TỰU 15 NĂM...

(Tiếp theo trang 14)

Nhìn lại 15 năm đổi mới, chúng ta có quyền tự hào chính đáng về Đảng ta và dân tộc ta, về đất nước ta vì những thành tựu to lớn đã đạt được trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thành tựu đạt được là to lớn, nhưng không thể bằng lòng, thỏa mãn. Bên cạnh thành tựu, khó khăn, thách thức và cả những yếu kém, khuyết điểm vẫn còn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa thật vững, nhiều ngành và lĩnh vực chưa có bước đột phá, đầu tư nước ngoài giảm sút, giảm phát kéo dài, sức mua xã hội tăng chậm, sản phẩm kém sức cạnh tranh trên thị trường, nhiều vấn đề nổi cộm về xã hội chưa được khắc phục, đời sống nhân dân những vùng bị thiên tai, vùng sâu, vùng xa vẫn còn thấp.

Bước sang năm 2001, bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước chắc vẫn còn sự đan xen giữa thuận lợi và khó khăn, cơ hội lớn nhưng thách thức cũng còn nhiều. Xu thế hội nhập, mở cửa và hợp tác đang mở ra những triển vọng mới cho kinh tế nước ta, đồng thời cũng đang đặt ra những yêu cầu cao hơn sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ Việt Nam về chất lượng, giá cả trên thị trường. Nhưng với bản lĩnh Việt Nam, với truyền thống anh hùng và giàu lòng yêu nước của cả dân tộc, với tinh thần đoàn kết và ý thức tự cường, toàn dân, toàn quân ta, trên dưới một lòng, vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phát huy thành tựu và kinh nghiệm, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chủ yếu của năm 2001 mà Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 8 đã thông qua : GDP tăng 7,5 - 8%, nông nghiệp tăng 4,5 - 5%, công nghiệp tăng 14 -14,5%, dịch vụ tăng 7 - 7,5%, vốn đầu tư toàn xã hội tăng 20%, lạm phát 5%, xuất khẩu tăng 15 -16%, giải quyết việc làm cho 1,4 triệu lao động, giảm tỷ lệ đói nghèo xuống 9 - 10%. Đó là tiền đề, là điều kiện để thực hiện vượt mức các mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và chiến lược 10 năm 2001 - 2010 và biến mục tiêu cao cả "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" thành hiện thực trong thế kỷ XXI.❑

Digitized by Google

Sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam nhìn từ góc độ "trật tự thế giới"

NGUYỄN QUỐC HÙNG *

Vào lúc hội nghị Pa-ri nhóm họp, các dân tộc bị áp bức đã hướng về đó với những hy vọng được nới lỏng ách cai trị, mở rộng các quyền tự do dân chủ và cải thiện dân sinh mà bọn thực dân từng hứa hẹn, khi chúng kêu gào dân chúng các nước thuộc địa đóng góp xương máu, tiền của cho "mẫu quốc" giành chiến thắng trong cuộc chiến.

1. Trong khoảng một thập niên qua, dư luận báo chí thế giới và giới nghiên cứu nhiều nước thường hay đề cập về trật tự thế giới. Thực ra, đó là một khái niệm cũng chỉ mới được sử dụng nhiều gần đây, mặc dầu trong đời sống chính trị thế giới từ nhiều thế kỷ qua đã tồn tại nhiều trật tự thế giới. Trật tự thế giới có thể hiểu như một thiết chế xã hội toàn cầu mà Hít-lây Bu-lơ định nghĩa : "Một mô hình hoạt động làm cơ sở cho những mục tiêu của các nhà nước hay xã hội quốc tế" (1). Định nghĩa này không thật chính xác nhưng toát lên một điều là trật tự thế giới được xác lập trên cơ sở có một thiết chế tương đối mà các nước mặc nhiên thừa nhận. Xem xét việc hình thành trật tự thế giới vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX có thể coi là trật tự thế giới do chủ nghĩa tư bản chi phối. Khi ấy các nước tư bản châu Âu đua nhau xâm chiếm các vùng "đất trống" ở châu Á và châu Phi. Nước ta bị xâm lược và thành nước thuộc địa cũng chính vào thời điểm ấy. Kể từ đó, nước ta và các nước thuộc địa khác đã nằm trong cái gọi là "thiết chế xã hội toàn cầu" của chủ nghĩa tư bản thế giới, kẻ thống trị duy nhất thế giới lúc bấy giờ.

Như thế, vận mệnh nước ta đã gắn liền với những thăng trầm của nền chính trị thế giới và các quan hệ quốc tế, không còn chỉ trong khuôn khổ các quan hệ lân bang khu vực như trước đây.

2. Năm 1918, cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) kết thúc, sau đó một trật tự thế giới đã được xác lập mà lịch sử thường gọi là "trật tự Véc-xay - Oa-sinh-tơn". Thực chất của cái trật tự thế giới mới này là từ những thỏa thuận giữa các nước thắng trận tại hai hội nghị quốc tế ở Pa-ri (1919 - 1920) và Oa-sinh-tơn (1921 - 1922) nhằm phân chia lại thuộc địa - thị trường, tổ chức lại thế giới sau chiến tranh dưới ảnh hưởng của ba cường quốc Anh, Pháp, Mỹ.

Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, người thanh niên Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước đang sống tại Pháp lúc bấy giờ đã cất cao tiếng nói, gửi tới một hội nghị quốc tế lớn - hội nghị hòa bình Pa-ri, bản Yêu sách với 8 điều đòi hỏi khẩn thiết. Lời mở đầu bản yêu sách, mang đầy thông tin hiểu biết : "Từ ngày Đồng minh thắng trận, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chứa chan hy vọng rằng theo những lời cam kết chính thức và trịnh trọng mà các cường quốc Đồng minh đã tuyên bố với toàn thế giới, trong cuộc đấu tranh của văn minh chống dã man, thì tiền đồ một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ" (2). Bản yêu sách được Nguyễn Ái Quốc trực tiếp gửi tới phái đoàn nước Mỹ do Tổng thống Uyn-xơn cầm đầu, đồng thời còn gửi tới trưởng đoàn các nước tham dự hội nghị.

Những yêu sách là rất ôn hòa chỉ nhằm vào một số cải cách trước mắt và những quyền tự do tối thiểu. Nhưng với bản chất thực dân, hội nghị Pa-ri đã làm ngơ (cũng như họ đã chối từ những đòi hỏi chính đáng của phái đoàn Trung Hoa muốn thu hồi vùng Sơn Đông từ tay Đức, dù rằng nước này đã đứng về phe Anh, Pháp, Mỹ trong cuộc chiến tranh).

Bản yêu sách đã có tiếng vang lớn trong thế giới thuộc địa và đây là đòn tiến công trực diện đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc vào bọn trùm sỏ đế quốc, lại chính là những kẻ đang dựng lên cái trật tự thế giới của chúng sau chiến tranh. Từ sự kiện này, Nguyễn Ái Quốc càng thấy rõ mọi tuyên bố hứa hẹn về tự do, dân chủ của bọn

* Đại học quốc gia Hà Nội

(1) Theo : Maridôn Tuarenơ : *Sự đảo lộn của thế giới địa chính trị thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 38

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 435

Digitized by Google

thực dân đế quốc, kể cả "Chương trình hòa bình 14 điểm" của Uyn-xơn, chỉ là một sự lừa bịp lớn. Đồng thời, Người còn rút ra một kết luận quan trọng là : Cuộc đấu tranh giải phóng vì độc lập, tự do của các dân tộc bị áp bức phải trông cậy trước hết vào lực lượng của bản thân mình, phải tự giải phóng cho mình.

Cũng vào thời điểm lịch sử đó, vốn đang trăn trở tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã được tiếp xúc với bản "Đề cương về các vấn đề thuộc địa và dân tộc" của V.I. Lê-nin và Người đã xác định ngay : "Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta" [3]. Từ đó, Người đã tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba và nước Nga Xô viết của Cách mạng Tháng Mười - những lực lượng cách mạng kiên quyết chống lại chủ nghĩa tư bản và cả cái trật tự thế giới đầy bất công của nó.

3. Với những tác động to lớn của quy luật phát triển không đều, lực lượng so sánh giữa các nước tư bản đã không ngừng thay đổi làm cho trật tự thế giới chỉ mang *tính tương đối*. Tới đầu những năm 30 của thế kỷ XX, những nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới ngày càng trở nên trầm trọng, khi chủ nghĩa quân phiệt Nhật ráo riết đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược đối với Trung Quốc và chủ nghĩa phát xít lên cầm quyền ở Đức. Những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc ngày càng trở nên gay gắt và đã dẫn tới sự hình thành hai tập đoàn đế quốc và phát xít, làm cho cái trật tự thế giới Véc-xay - Oa-sinh-tơn vốn mỏng manh đã bị rạn nứt, đứng trước nguy cơ tan rã, và đẩy thế giới vào tình trạng bắt đầu "mất trật tự"...

Trước tình hình thế giới diễn biến khẩn trương đó, Đảng ta đã luôn luôn theo dõi sát sao mọi diễn biến của tình hình để có những nhận định đúng đắn và chỉ đạo kịp thời cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Ngay từ năm 1924, trên cơ sở phân tích những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc, trong bài "Đông Dương và chiến tranh Thái Bình Dương", Nguyễn Ái Quốc đã viết : "Sau Hội nghị Oa-sinh-tơn, việc tranh giành thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt hơn. Bọn đế quốc ngày càng trở nên điên cuồng hơn ; những cuộc xung đột chính trị ngày càng trở nên không thể tránh khỏi. Những cuộc chiến tranh đã từng nổ ra vì vấn đề Ấn Độ, châu Phi và Ma-rốc. Những cuộc chiến tranh khác sẽ có thể nổ ra vì vấn đề Thái Bình Dương..." [4]. Và, Người dự báo Thái Bình Dương sẽ là "lò lửa của cuộc chiến tranh thế giới sắp tới" [5].

Mười năm sau, tới giữa những năm 30, ba lò lửa chiến tranh thế giới đã hình thành, mà lò lửa đầu tiên chính là ở Viễn Đông - Thái Bình Dương do nước Nhật quân phiệt nhen nhóm và thổi bùng lên.

Trước các sự kiện lớn của tình hình thế giới nhất là từ nửa sau thập niên 30, Đảng ta đã ra những nghị quyết quan trọng, những tuyên cáo, những chỉ thị kịp thời giải thích cho đảng viên và quần chúng. Đó là "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc" (29-10-1938), khi nước Đức phát xít đã ngang ngược xâm chiếm hai nước Áo và Tiệp Khắc ở châu Âu, và ở châu Á quân Nhật tiến xuống Hoa Nam (Trung Quốc) đe dọa trực tiếp xứ Đông Dương ; hoặc Chỉ thị để ngày 23-9-1939 và Thông cáo ngày 29-9-1939 của Đảng đã giải thích bản Hiệp ước không xâm phạm Xô - Đức vừa ký kết ngay trước lúc bùng nổ chiến tranh thế giới thứ hai. Ngày 21-12-1941, Trung ương Đảng đã ra Thông cáo "Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cấp kíp của Đảng", khi Nhật Bản bất ngờ tấn công cảng Trân Châu của Mỹ, làm bùng nổ cuộc chiến tranh Thái Bình Dương... Từ những văn kiện quan trọng đó, Đảng ta đã đưa ra những nhận định kịp thời, dự đoán từ sớm những diễn biến sắp tới và những khả năng có thể xảy ra liên quan tới vận mệnh cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân ta.

Trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc", Đảng ta nhận định : "Tình hình thế giới ngày nay đã tới thời kỳ đặc biệt nghiêm trọng, ngòi lửa chiến tranh xâm lược do phát xít gây ra đã cháy rải rác khắp thế giới, sự chia lại thị trường đã thực hiện từng bộ phận ở Phi châu, Á châu và Âu châu" [6]. Bản Tuyên ngôn đã lên án kịch liệt chính sách thỏa hiệp nhân nhượng của Anh, Pháp, nhất là việc cắt vùng Sudète của Tiệp Khắc cho Đức và chỉ ra những hậu quả đối với Anh, Pháp : "Chính sách ngoại giao hòa bình của Anh, Pháp, kết quả trước hết sẽ mang tới cho Anh, Pháp, cuộc tấn công thảm hại" [7]. Diễn biến khởi đầu của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã hoàn toàn như bản Tuyên ngôn chỉ ra : Đức đã tấn công Anh, Pháp trước tiên chứ không phải vào Liên Xô, và "Thương thay những kẻ không thấy xa, không nghĩ kỹ đã vội hoan hô rằng : "Nền hòa bình đã cứu vớt lại được rồi" [8]. Kết cục bi thảm là nước Pháp nhanh chóng bại trận đầu hàng, còn nước

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 471

(4) (5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 247, 243

(6) (7) Văn kiện Đảng. 1935 - 1939. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr 300

(8) *Sđd*. tr 301

Digitized by Google

Anh chơi vơi ngoài khơi Đại Tây Dương lại lao đao liểng xiểng, đã những tính chuyện thiên di cả Nữ hoàng và Chính phủ sang tận Ca-na-đa...

Trong bản Thông cáo quan trọng với nhan đề "Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cấn kíp của Đảng", Trung ương Đảng đã phân tích những nguyên nhân của cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, sự thất bại không tránh khỏi của phát xít Nhật và vị trí của Đông Dương trong cuộc chiến này. Ngay từ lúc bấy giờ, Đảng ta đã dự kiến một tình hình sẽ xảy ra và có liên quan mật thiết tới thắng lợi của cách mạng nước ta, đó là "vấn đề Hoa quân nhập Việt và ngoại giao Anh, Mỹ". Tinh thần xuyên suốt của bản Thông cáo là Đảng và nhân dân ta phải chủ động trước tình hình và phải dựa vào sức mình là chính. Thông cáo nhấn mạnh : "... đừng có ảo tưởng rằng : quân Trung Quốc và quân Anh - Mỹ sẽ mang lại tự do cho ta. Không, trong cuộc chiến đấu giải phóng cho ta cố nhiên là phải kiếm bạn đồng minh dẫu rằng tạm thời bấp bênh có điều kiện, nhưng công việc của ta trước hết ta phải làm lấy" [9].

Chính với tinh thần chủ động sáng tạo đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước ta đã nhất tề nổi dậy, nhanh chóng giành chính quyền trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương. Với tư thế của một Nhà nước độc lập có chủ quyền, nhân dân ta đã tiếp đón "Hoa quân nhập Việt" và "ngoại giao với Anh - Mỹ", khi quân Trung Hoa - Quốc dân đảng và quân Anh kéo vào giải giáp quân Nhật. Như thế, vào lúc trật tự thế giới đang đảo lộn - cái *cũ* đã sụp đổ, cái *mới* đang hình thành, Đảng ta và nhân dân ta đã chủ động, nhanh chóng chớp thời cơ nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay mình, để nước ta như một quốc gia độc lập, bình đẳng chủ quyền trong một thế giới mới sau chiến tranh.

4. Đầu tháng 2-1945, khi chiến tranh thế giới thứ hai ở vào giai đoạn chót, Hội nghị Y-an-ta của ba nguyên thủ Xô - Mỹ - Anh nhóm họp nhằm đẩy nhanh việc đánh bại hoàn toàn phát xít Đức và Nhật, tổ chức lại thế giới sau chiến tranh và phân chia khu vực ảnh hưởng giữa các cường quốc thắng trận. Những thỏa thuận tại hội nghị đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, mà lịch sử gọi là "trật tự hai cực Y-an-ta", thực chất là sự phân chia ảnh hưởng giữa hai siêu cường Mỹ - Xô. Riêng đối với các khu vực Đông - Nam Á, Nam Á và Tây Á, Hội nghị thỏa thuận rằng : vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây - có nghĩa là vẫn chấp nhận nền thống trị thuộc địa của các nước phương Tây ở các khu vực này. Đây là một thách thức to lớn đối với các dân tộc bị áp bức, nhất là ở Đông - Nam Á, nơi mà phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc dâng cao mạnh mẽ ngay từ trong thời kỳ chiến tranh.

Với sự nhạy bén trước cục diện thế giới mới đó, trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng nước Việt Nam đã độc lập, nhân dân Việt Nam đã giành lại được nền độc lập cho mình. Và Người bày tỏ với thế giới : "Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam" [10].

Người đã gắn liền nền độc lập của nước ta với thắng lợi của các nước Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít mà dân tộc Việt Nam đã kiên gan cùng tham gia chiến đấu. Người nhắc lại bản Tuyên bố của Hội nghị Tê-hê-ran ngày 1-12-1943 của nguyên thủ ba cường quốc Xô - Mỹ - Anh, trong đó viết : "Chúng tôi chờ đợi một cách tin tưởng vào ngày mà tất cả các dân tộc trên thế giới sẽ được sống tự do, không còn phải chịu những hành động bạo tàn, phù hợp với những ước vọng khác nhau và lương tri của mình" [11]. Và, Hội nghị Cựu Kim Sơn, tức Hội nghị Xan Phran-xi-xcô ở Mỹ là hội nghị tuyên bố thành lập Liên hợp quốc với bản Hiến chương làm căn bản. Bản Hiến chương long trọng tuyên bố và cam kết : Liên hợp quốc được xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của các dân tộc và tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc. Theo tinh thần đó, Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 khẳng định : nền độc lập, quyền tự quyết và sự bình đẳng chủ quyền của nước ta là hoàn toàn có cơ sở pháp lý quốc tế theo tuyên bố của hai hội nghị Tê-hê-ran và Xan Phran-xi-xcô của các nước Đồng Minh.

Ngay khi được tin phát xít Nhật đầu hàng, nhân dân ta đã nhanh chóng nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, lập nên nhà nước độc lập. Nhân dân Việt Nam và các dân tộc khác ở Đông - Nam Á đã không cam chịu chấp nhận cái "khu vực thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây" trong một thiết chế của trật tự hai cực. Hơn thế nữa, để kiên trì ý chí đó, nhân dân ta đã tiến hành cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ nhưng rất kiên cường ròng rã 30 năm với hai cuộc kháng chiến thần thánh vì độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

---

(9) *Văn kiện Đảng. 1939 - 1945*, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr 292

(10) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 3

(11) Tê-hê-ran, Y-an-ta, Pốt-xđam. Tuyển tập tư liệu, Nxb Quan hệ quốc tế, Mát-xcơ-va, 1970, tr 99, (tiếng Nga)

Digitized by Google

Cuộc chiến đấu của nhân dân ta đã trở thành ngọn cờ cổ vũ cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh, góp phần to lớn làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, giáng những đòn nặng nề vào "cái cực" tư bản đế quốc. Bộ mặt các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh đã thay đổi căn bản với sự ra đời của cả trăm quốc gia độc lập trẻ tuổi và họ đã hiên ngang bước lên vũ đài quốc tế.

Mặt khác, tuy không thể nằm ngoài những khuôn khổ quyền lực của trật tự hai cực, nhưng tình hình ở khu vực Á, Phi, Mỹ la-tinh đã không hoàn toàn phân đôi hai cực rõ ràng như ở châu Âu, và phần lớn các nước Á - Phi - Mỹ la-tinh không trực tiếp thuộc hẳn cực này hay cực kia mà lại ngả theo xu hướng hòa bình trung lập với ngọn cờ tiêu biểu là Phong trào các nước không liên kết, như một thế giới đứng giữa hai thế giới tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Từ đầu thập niên 90, sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, trật tự hai cực Y-an-ta được xác lập từ 1945 đã tan rã, và thế giới như nhiều người nhận định, bước vào một thời kỳ quá độ để đi tới hình thành một trật tự mới, trật tự đa cực, đa trung tâm.

Cục diện thế giới đã có một bước ngoặt lớn với những thay đổi to lớn và cả những đảo lộn bất ngờ. Tình hình diễn biến thật phức tạp, xuất hiện những hiện tượng hầu như chưa từng xảy ra. Nguy cơ chiến tranh thế giới hủy diệt bị đẩy lùi, nhưng chiến tranh cục bộ và xung đột vũ trang vẫn xảy ra ở nhiều nơi, tính chất ngày càng phức tạp. Những mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ ; những hoạt động ráo riết của chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa khủng bố quốc tế, chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan... làm cho tình hình ở nhiều khu vực, nhiều quốc gia càng thêm rối ren.

Cũng từ đầu những năm 90, dưới tác động của nhiều nhân tố, nhất là của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nhiều xu thế phát triển mới đã xuất hiện, ngày càng mạnh mẽ làm thế giới càng đổi thay nhanh chóng. Hầu như các quốc gia đều phải điều chỉnh chiến lược phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới và xu thế phát triển mới. Có thể nói trong các xu thế phát triển ấy đều có sự hiện diện của nhân tố kinh tế như một mẫu số chung, có ý nghĩa quyết định hàng đầu. Từ nửa sau những năm 90, mối quan hệ giữa các nước lớn có những điều chỉnh lớn, ngày càng theo chiều hướng xây dựng quan hệ bạn bè chiến lược, ổn định và cân bằng, hướng về lâu dài. Họ đều dốc sức vào việc phát triển kinh tế trong cuộc chạy đua nhằm xác lập một vị thế quyền lực tối ưu trong trật tự thế giới đa cực đang hình thành.

Như thế, các nước đang phát triển ở Á - Phi, Mỹ la-tinh lúc này thực sự đang đối diện trước những cơ hội to lớn và cả những thách thức đầy hiểm nguy trên con đường tiến tới :

Đối với nước ta, vào lúc công cuộc đổi mới đang trên đà tiến triển thì sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã làm cho đất nước lâm vào một tình hình vô cùng khó khăn : đột ngột bị mất đi những đồng minh chiến lược, những bạn hàng quan trọng và những thị trường truyền thống. Hơn nữa, từ đó nước ta còn bị mất đi nguồn viện trợ chủ yếu gần như là duy nhất, nền kinh tế đất nước vốn từ điểm xuất phát rất thấp lại bị khủng hoảng kéo dài trong nhiều năm, khó khăn chồng chất. Với bản chất kiên cường được tôi rèn lâu dài trong ngọn lửa chiến tranh cách mạng, với truyền thống yêu nước và ý chí dân tộc mạnh mẽ, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã bình tĩnh xem xét tình hình, tỉnh táo nhận rõ các nguy cơ và thách thức, kiên quyết tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, đưa đất nước tiến lên. Trải qua một thập niên phấn đấu gian khổ với phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới" và thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, công cuộc đổi mới của nước ta đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Bộ mặt của đất nước có nhiều đổi thay, tiến bộ rõ rệt, quan hệ của ta với các nước trên thế giới ngày càng mở rộng.

Trước thềm thế kỷ mới, cục diện thế giới lại càng biến đổi nhanh chóng và sâu sắc, có những biến động phức tạp, đầy bất trắc khó lường. Hòa bình vẫn là một xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ và xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo... sẽ còn xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới. Sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là cách mạng thông tin, đưa tới sự hình thành nền kinh tế tri thức ở một số nước phát triển. Trật tự thế giới ngày càng tỏ rõ xu thế đa cực, đa trung tâm với những cung bậc sức mạnh khác nhau giữa các nước dựa trên cơ sở sức mạnh kinh tế và trong tương tác của các ảnh hưởng chính trị và ngoại giao.

Trước mắt chúng ta có cả cơ hội lớn và thách thức lớn. Vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta - như Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX nêu rõ - là nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, vững vàng trước mọi sóng gió quốc tế hay khu vực. Quyết tâm cao của chúng ta là thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, biến nước ta thành nước công nghiệp ngay trong vài thập niên đầu của thế kỷ này. ❑

Digitized by Google

CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÙI CHÍ KIÊN *

Cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, nhằm tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước để có thể làm tốt vai trò chủ đạo của nó trong nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tích cực và vững chắc nhiệm vụ cổ phần hóa DNNN là nhằm huy động thêm nguồn vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh ; tạo thêm động lực mới và trách nhiệm để thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả.

TP Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước, là một địa bàn trọng yếu của vùng kinh tế động lực ở phía Nam (TP Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu). GDP trong sản xuất công nghiệp của thành phố chiếm 36,9% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước. Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn thành phố chiếm 44,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Đến năm 1998 kinh tế nhà nước trên địa bàn thành phố chiếm 46,9% GDP và nắm giữ các khâu then chốt ; kinh tế ngoài quốc doanh chiếm tỉ trọng 37,3% GDP ; khu vực kinh tế liên doanh với nước ngoài chiếm tỉ trọng 15,7% GDP. Tổng số doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thành phố là 709, trong đó số doanh nghiệp trực thuộc trung ương là 317, trực thuộc thành phố là 392 với tổng vốn là 45 000 tỉ đồng.

Quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa DNNN, những năm qua thành phố đã vượt nhiều trở ngại, từng bước thực hiện, đến nay đã có 52 DNNN được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và 70 DNNN khác đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để cổ phần hóa. Từ kết quả bước đầu này có thể rút ra một số điểm như sau :

Nhờ cổ phần hóa mà 52 DNNN chuyển thành công ty cổ phần những năm qua đã huy động thêm được xấp xỉ 30 tỉ đồng từ các cổ đông. Hầu hết các công ty đều dùng nguồn vốn này đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất theo chiều sâu, hoặc mở rộng quy mô sản xuất ; hiệu quả sản xuất kinh doanh có những doanh nghiệp tăng lên rõ rệt. Trong mấy năm qua, tính bình quân hằng năm doanh thu tăng 41% ; lợi nhuận tăng 71,63% ; giá trị góp vốn của cổ đông (kể cả cổ đông nhà nước) tăng 183% ; các khoản nộp ngân sách nhà nước cũng tăng lên tương ứng hằng năm. Ví dụ : Công ty cổ phần Việt Phong, doanh thu năm 1997 tăng 122,9% so với năm 1996, các khoản nộp ngân sách tăng 118%, lợi nhuận tăng 153% ; nộp ngân sách tăng xấp xỉ 4 lần ; Công ty bông Bạch Tuyết doanh thu năm 1998 tăng 22% so với năm 1997, lợi nhuận tăng 30%, nộp ngân sách tăng 25% v.v...

- Nhờ cổ phần hóa mà các công ty cổ phần đã phát huy được vai trò trách nhiệm hội đồng quản trị, ban giám đốc và cổ đông trong quản lý, giám sát, kiểm tra, làm cho bộ máy quản lý được sắp xếp gọn nhẹ, tinh giản, hợp lý ; chi phí gián tiếp giảm rõ rệt, nhất là chi phí hiếu hỉ, tiếp khách... Tất cả cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể đều kiêm nhiệm. Những chức danh trong hội đồng quản trị, giám đốc điều hành, ban kiểm soát, kế toán... đều là những người có chuyên môn, được lựa chọn kỹ lưỡng.

- Việc giám định lại tài sản của các DNNN trước khi cổ phần hóa chính xác, làm cho giá trị tài sản thực tế của các doanh nghiệp này tăng 1,5 lần so với giá trị trước đây (75,576 tỉ đồng/50,534 tỉ đồng). Nhờ huy động thêm nguồn vốn của cổ đông, vốn điều lệ của 18 công ty được cổ phần hóa có sự thay đổi lớn : Vốn cổ đông của Nhà nước chỉ còn chiếm 32,03% ; vốn của các cổ đông là cán bộ, công

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nhân, viên chức chiếm 43,38% ; vốn của cổ đông ngoài doanh nghiệp chiếm 24,14%. Như vậy, cổ phần hóa DNNN đã thực hiện được mục tiêu thu hút rộng rãi các nguồn vốn của người lao động cả trong doanh nghiệp và ngoài xã hội để phát triển sản xuất kinh doanh. Tuy nguồn vốn của Nhà nước chỉ chiếm 32,03% tổng số vốn của công ty cổ phần, vốn của các đối tượng khác chiếm tới 67,97% nhưng là nguồn vốn phân tán ; người cao nhất cũng chỉ chiếm không quá 5% tổng vốn, do đó phần sở hữu nhà nước trong các công ty này vẫn giữ được vai trò trọng yếu, chi phối hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Các công ty đều tạo thêm được nhiều việc làm mới, thu hút thêm lao động vào làm việc. Ví dụ Công ty cơ điện lạnh (REE) năm 1993 chỉ có 207 cán bộ, công nhân viên chức, đến đầu năm 1997 đã lên tới 647 người. Công ty cổ phần dịch vụ vận tải biển năm 1993 có 56 lao động, đến đầu năm 1997 đã lên tới 286 người ; Công ty cổ phần Việt Phong lao động tăng từ 84 người lên 153 người... Thu nhập của người lao động tăng lên đáng kể. Ví dụ Công ty cổ phần bông Bạch Tuyết, tiền lương bình quân một lao động 3,2 triệu đồng/tháng, 6 tháng cuối năm 1997 chia cổ tức được 2%/tháng ; Công ty cổ phần Việt Phong thu nhập bình quân lao động đạt trên 1 triệu đồng/tháng ; lãi cổ tức của cổ đông 3,3% cổ phần/tháng ; 6 tháng mỗi cổ phần tăng thêm giá trị 8,57%.

Tóm lại, thực tế cho thấy chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang hình thức công ty cổ phần chẳng những Nhà nước bảo tồn được nguồn vốn của mình mà còn tăng đáng kể tỷ suất lợi nhuận trên đồng vốn so với trước đây. Nhà nước huy động được thêm các nguồn vốn để đầu tư vào các doanh nghiệp khác. Người lao động vẫn tiếp tục được làm việc, song vai trò của họ trong công ty cổ phần có sự thay đổi, họ thật sự trở thành người chủ trên cơ sở đồng vốn của mình, vì thế ý thức và tinh thần trách nhiệm được nâng cao hơn trước. Hoạt động của các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa nhạy bén năng động, tự chủ hơn trước, do đó mà chất lượng, hiệu quả hoạt động cao hơn, các khoản đóng góp vào ngân sách nhà nước cũng tăng lên. Thực tế đó chứng minh rằng, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về cổ phần hóa một bộ phận DNNN là đúng đắn.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được của quá trình cổ phần hóa DNNN tại TP Hồ Chí Minh thời gian qua, ta thấy còn nổi lên những tồn tại, yếu kém sau đây :

- Công tác cổ phần hóa DNNN thực hiện nhìn chung còn chậm. Trong 7 năm từ năm 1992 đến năm 1999 mới cổ phần hóa được 18/78 doanh nghiệp theo kế hoạch đề ra. Cổ phần hóa DNNN là công việc lớn, quan trọng, chủ trương của Đảng và Nhà nước thì rất kiên quyết, nhưng các văn bản và các hoạt động chỉ đạo cụ thể thường còn chậm, nhiều điểm còn chung chung chưa rõ ràng, thiếu cơ sở pháp lý ; quá trình thực hiện các thủ tục còn nhiều vướng mắc, phiền hà. Việc chỉ đạo từ các ngành trung ương thiếu thường xuyên, sâu sát ; khâu chỉ đạo làm điểm còn kéo dài, quá chậm trễ.

- Điều đáng đặc biệt quan tâm là vấn đề quan điểm và nhận thức về cổ phần hóa : Các cấp, các ngành cả trung ương và thành phố, cơ quan, hữu quan, nhất là bản thân các DNNN nhận thức, quán triệt chủ trương này còn chậm, chưa triệt để, thực hiện chưa tích cực. Thành phố chưa mạnh dạn chọn và chỉ đạo các DNNN làm ăn có hiệu quả cao như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc lá, bia Sài Gòn, sữa, nước giải khát v.v... chuyển sang hình thức công ty cổ phần để có nhiều hấp dẫn, thu hút nhiều cổ đông tham gia nhằm nâng cao, mở rộng hơn nữa hiệu quả hoạt động. Trái lại, nhiều cấp lãnh đạo và quản lý muốn dùng hình thức cổ phần hóa để xử lý, thu hẹp, giải quyết những DNNN yếu kém, đang làm ăn thua lỗ nhằm giảm bớt khó khăn bế tắc cho khu vực kinh tế Nhà nước. Do còn thiếu sự nhất trí trong quan điểm về cổ phần hóa, cho nên việc lựa chọn và quyết định các DNNN để cổ phần hóa chưa tạo được sự thống nhất cao của các cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý vốn và các cơ quan, ban ngành hữu quan khác, nên khi triển khai gặp nhiều vướng mắc, lúng túng, phải làm đi làm lại mất nhiều thời gian, gây tâm lý mệt mỏi.

- Huy động vốn của toàn xã hội để phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất là một mục tiêu của cổ phần hóa DNNN, nhưng tỷ lệ cổ phần dành cho xã hội còn quá thấp. Môi trường pháp lý, kinh tế cho cổ phần hóa chưa đầy đủ, thị trường chứng khoán còn quá mới mẻ, chưa thể phát huy tác dụng ; cơ chế gọi vốn đầu tư chưa hoàn thiện. Công tác tuyên truyền, vận động, kích thích sự quan tâm các đối tượng xã hội chưa tích cực. Một bộ phận lao động trong các DNNN được dự định chuyển hình thức sang công ty cổ phần lại sợ mất việc làm, hoặc công

Digitized by Google

việc làm và thu nhập bị đảo lộn nên thường chăm chú nghe ngóng, do dự, chưa tích cực hưởng ứng. Các chính sách trong cổ phần hóa chưa thật sự hấp dẫn, lợi ích của cổ đông chưa thật cụ thể,... cũng là một cản ngại trong việc thực hiện chủ trương cổ phần hóa.

- Nhiều giám đốc DNNN không muốn chuyển doanh nghiệp do mình lãnh đạo sang công ty cổ phần, vì sợ không được làm giám đốc trong công ty cổ phần mới, họ tỏ ra luyến tiếc "trật tự cũ", viện cớ hình thức mới có nhiều rủi ro.

- Thủ tục trong quá trình cổ phần hóa DNNN còn quá rườm rà và các khâu đều rất phức tạp, nhất là việc định giá tài sản, việc cấp quyền sử dụng đất... Các khâu này thường phải làm đi làm lại nhiều lần, hơn nữa chi phí tài chính cho cổ phần hóa một doanh nghiệp cũng khá tốn kém.

Để kinh tế Nhà nước thật sự vươn lên thực hiện được vai trò chủ đạo, thì cổ phần hóa một bộ phận DNNN là một vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, gắn liền với việc tổ chức sắp xếp lại các DNNN trong cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố nói riêng.

Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới DNNN, Thành ủy TP Hồ Chí Minh đã có Nghị quyết 09 (khóa VI) tháng 3-1998 về việc sắp xếp lại doanh nghiệp, hình thành các doanh nghiệp mạnh, đủ sức đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế và cạnh tranh trong môi trường kinh tế khu vực.

Tháng 11-1998 UBND TP Hồ Chí Minh đã có Thông báo 92, hướng dẫn phương án sắp xếp và cổ phần hóa DNNN trên địa bàn thành phố trong 3 năm 1998 - 2000. Nội dung chính của văn bản này là tiếp tục giữ lại, củng cố 145 DNNN, trong đó có một số doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế mũi nhọn và DNNN hoạt động công ích. Giải thể, phá sản 17 DNNN ; chuyển một DNNN sang hoạt động theo luật công ty ; cổ phần hóa 90 DNNN do thành phố quản lý.

Để thực hiện mục tiêu cổ phần hóa 90 DNNN nêu trên, thành phố cần có những giải pháp đồng bộ :

Một là, củng cố và tăng cường vai trò của Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp của thành phố. Cổ phần hóa 90 DNNN trong thời gian ngắn là một công việc nặng nề, đầy khó khăn, vì thế cần phải tăng cường số lượng và chất lượng Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp (ĐMQLDN). Đó là một bộ máy chuyên trách có chức năng nghiên cứu và đề xuất các giải pháp với UBND thành phố về việc cổ phần hóa DNNN. Các thành viên của ban này phải nắm vững chủ trương của Đảng, các nghị định của Thủ tướng Chính phủ, am hiểu tình hình DNNN tại TP Hồ Chí Minh, nắm vững các thủ tục tiến hành cổ phần hóa (như hướng dẫn lập biên bản kiểm kê tài sản, thẩm định nội bộ giá trị tài sản, xây dựng đề án, theo dõi quá trình xét duyệt, đề xuất các biện pháp tháo gỡ ách tắc, v.v...).

Cần phải củng cố hoạt động của Ban ĐMQLDN ở cấp sở ngành chủ quản và ở các tổng công ty thuộc thành phố. Mỗi sở ngành và từng công ty có doanh nghiệp được cổ phần hóa đòi hỏi phải bố trí 1 - 2 cán bộ chuyên trách. Số cán bộ này phải là những chuyên viên giỏi về phân tích tài chính, am hiểu công tác cổ phần hóa có cách nhìn toàn cục đối với ngành mình và có nhiệm vụ nghiên cứu toàn bộ những DNNN trong khối hoặc tổng công ty do mình phụ trách để đề xuất những DNNN nào cần phải cổ phần hóa và cổ phần hóa vào lúc nào là phù hợp nhất. Mỗi DNNN được quyết định chuyển sang công ty cổ phần cũng cần phải xây dựng và kiện toàn ban ĐMQLDN của công ty mình và phải nêu cao vai trò chủ động, phối kết hợp chặt chẽ với ban ĐMQLDN cấp trên để triển khai thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ, có hiệu quả.

Hai là, lựa chọn đúng DNNN để tiến hành. Đây là công việc quan trọng có ý nghĩa quyết định. Lựa chọn đúng không chỉ giúp cho việc cổ phần hóa diễn ra nhanh chóng đúng tiến độ, mà còn làm cho xã hội quan tâm và việc bán cổ phần thuận lợi. Vì thế cần động viên các DNNN nào thấy mình có đủ điều kiện cổ phần hóa, thì chủ động đăng ký thực hiện. Điều kiện lựa chọn các doanh nghiệp để cổ phần hóa cần phải theo những tiêu chuẩn khách quan như : Mức lãi trên vốn nhà nước qua một số năm (nên là 3 năm) ổn định ; sản phẩm đầu ra được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận ; có mức doanh thu bán hàng tương đối ổn định trong một số năm ; tình hình công nợ không lưu cữu lâu năm, mà là nợ những năm gần nhất, nguồn gốc công nợ, khả năng thanh toán rõ ràng ; khả năng rõ rệt về sự quan tâm của xã hội và khả năng tiêu thụ cổ phiếu dễ dàng.

Ba là, làm tốt công tác tư tưởng trong công tác cổ phần hóa DNNN trên địa bàn thành phố. Các cấp

Digitized by Google

ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các DNNN cần quán triệt trong Đảng, tuyên truyền, giải thích trong nhân dân chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa DNNN. Làm thông suốt tư tưởng, thu hút sự quan tâm hưởng ứng của xã hội trong công tác khó khăn phức tạp này, là một biện pháp hết sức cần thiết. Công tác tư tưởng trước hết cần phải chú trọng đến người lao động trong các DNNN được cổ phần hóa, giúp họ thấy lợi ích trước mắt, lợi ích lâu dài của bản thân, của nhà nước và xã hội trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp và việc mua cổ phiếu, với số tiền bỏ ra họ được hưởng những quyền lợi gì và trở thành người chủ của đồng vốn đầu tư vào công ty cổ phần thì họ có nghĩa vụ gì. Ngoài ra đối tượng của công tác tuyên truyền cổ phần hóa cần phải tập trung vào quảng đại đa số công chúng thành phố, kể cả người nước ngoài công tác tại Việt Nam.

Bốn là, công tác huy động mua cổ phần : Song song với việc tuyên truyền, Ban lãnh đạo các doanh nghiệp được cổ phần hóa cũng cần phát huy sáng kiến trong việc huy động vốn từ các nguồn như : giải thích rõ chính sách cổ phần ưu đãi, cho dù công ty cổ phần hoạt động lúc đầu hiệu quả chưa cao ; mức giá cổ phần ưu đãi giảm 30% so với giá quy định chính là một khoản hỗ trợ rất lớn của nhà nước cho người mua cổ phần ; bản thân các doanh nghiệp cũng cần dự trù một khoản tiền thưởng, phúc lợi để mua một số cổ phần tặng những lao động tại doanh nghiệp có thâm niên công tác lâu, có những cống hiến xuất sắc hoặc có vị trí công tác tại doanh nghiệp... Cần có những quy định cụ thể về việc cho phép mua trả chậm cổ phần ưu đãi đối với cổ đông thuộc diện nghèo để họ chủ động tích cực đăng ký mua cổ phần.

Năm là, cổ phần hóa DNNN cần gắn chặt với việc hình thành, phát triển nhanh thị trường chứng khoán và thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Với sự ra đời của thị trường chứng khoán sẽ khuyến khích nhân dân tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất thông qua việc mua cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán góp phần điều tiết việc phát hành cổ phiếu của các công ty cổ phần ; nó là nơi bảo đảm an toàn cho các nhà đầu tư thông qua xem xét, đánh giá các loại cổ phiếu trước khi cho phép đem ra mua bán. Thị trường chứng khoán còn có tác dụng hướng dẫn các nhà đầu tư, đầu tư vào những ngành, lãnh vực đang được khuyến khích, cũng như thúc đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa DNNN. Những chuyển động mới trong việc ra đời và hoạt động của thị trường chứng khoán vừa qua ở thành phố cùng với việc nỗ lực hạ lãi suất tiết kiệm của các ngân hàng nhà nước gần đây, có tác dụng thúc đẩy cổ đông mua cổ phần, cổ phiếu đầu tư sản xuất trên thị trường chứng khoán.

Sáu là, công tác đảng và công tác đoàn thể trong doanh nghiệp cổ phần hóa : Bộ Chính trị có Thông báo số 63 - TB/TU (ngày 4-4-1997) nêu rõ : "Tổ chức đảng trong doanh nghiệp cổ phần hóa phải nắm vững chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa, vươn lên làm tốt vai trò lãnh đạo của mình, cấp ủy đảng phải bàn các chủ trương của doanh nghiệp trước khi đưa ra hội đồng quản trị thảo luận quyết định ; đặc biệt phải quan tâm lãnh đạo các chủ trương của doanh nghiệp về đầu tư và hợp tác với bên ngoài để phát triển sản xuất kinh doanh".

Như vậy tổ chức đảng ở các doanh nghiệp đã cổ phần hóa vẫn tiếp tục lãnh đạo đơn vị hoạt động ; nếu có khác thì đó là tổ chức chính trị này cần phải hoạt động tích cực, năng động, sáng tạo hơn để vươn lên cho phù hợp với yêu cầu và nội dung hoạt động mới của doanh nghiệp nói riêng và của đất nước nói chung. Các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức rõ, cổ phần hóa không phải là tư nhân hóa, mà là một hình thức xã hội hóa sở hữu ; cổ phần hóa để phát triển kinh tế của đất nước, làm cho các hoạt động kinh tế có hiệu quả cao hơn. Tổ chức đảng phải lãnh đạo tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên thực hiện tốt các chủ trương đúng đắn của hội đồng quản trị và ban giám đốc, uốn nắn những hoạt động lệch lạc trái với chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức công đoàn cần phải phát huy vai trò làm chủ của người lao động với Đảng và ban lãnh đạo doanh nghiệp, thực sự là người đại diện cho công nhân trong các thỏa ước lao động tập thể, trong hợp đồng lao động, đảm bảo thực hiện đúng đắn, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người lao động.

Để thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nêu trên, nhà nước cần sớm luật pháp hóa cụ thể vai trò của tổ chức đảng và đoàn thể trong doanh nghiệp cổ phần hóa. Các cấp ủy đảng cần đào tạo các bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn cơ sở cho các công ty cổ phần để họ có đủ năng lực và phẩm chất để đảm đương nhiệm vụ của mình. ❑

Digitized by Google

ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NHỮNG XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

TRẦN QUANG NHIẾP

Đã 25 năm Tổ quốc hòa bình, thống nhất, đất nước có nhiều biến đổi lớn lao. Đời sống vật chất, tinh thần đại bộ phận nhân dân được cải thiện, nâng lên rõ rệt. Cả nước đang sôi nổi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng do nhiều nguyên nhân, nước ta vẫn còn 1 715 xã đặc biệt khó khăn.

Đây là những xã thường ở vùng núi, biên giới, nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nhiều xã là căn cứ địa cách mạng trong 2 cuộc kháng chiến chống đế quốc xâm lược. Điều kiện kinh tế, tự nhiên vô cùng khó khăn, thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, địa hình hiểm trở.

Ở những xã này, tỷ lệ đói nghèo cao ; số người thiếu đói chiếm diện rộng, kéo dài nhiều tháng trong năm. Cơ sở hạ tầng sơ khai, trường học, bệnh xá, đường giao thông, điện, nhà ở, nguồn nước sạch... hầu như chưa có, nếu có cũng rất sơ sài, thiếu thốn, chất lượng quá thấp. Đồng bào thiếu đất canh tác, hoặc đất bị xói mòn, bạc màu, cằn cỗi. Nước cho sản xuất và sinh hoạt cũng khan hiếm. Công cụ và trình độ sản xuất lại thô sơ, năng suất rất thấp. Vị trí địa lý, địa bàn cư trú hiểm trở, vừa cao, vừa xa, vừa sâu, cản trở sự giao lưu văn hóa, xã hội và phát triển kinh tế. Trình độ dân trí thấp, thông tin thiếu, tỷ lệ dân không biết chữ cao, ốm đau, bệnh tật nhiều, không có điều kiện phòng, chữa bệnh. Nhiều vùng đồng bào còn mê tín dị đoan, bị phong tục tập quán cũ lạc hậu níu kéo, gây tác hại không nhỏ đến sản xuất, đời sống.

Cái cần thiết và cũng là điều thiếu thốn nhất của đồng bào những xã này để vượt qua tình trạng đặc biệt khó khăn, ổn định sản xuất đời sống, từng bước đi lên là *vốn ; kinh nghiệm làm ăn ; những điều kiện vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất, đời sống.*

Đây là những vấn đề rất cơ bản, không giản đơn, giải quyết nó cần có thực lực, có hình thức và bước đi thích hợp, có thời gian nhưng lại rất cấp thiết.

Đảng, Nhà nước từ trước đến nay đã có nhiều chủ trương, chính sách giúp đỡ đồng bào. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt qua Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31-7-1998 (gọi tắt là Chương trình 135) nhằm mục tiêu : *Nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào ; tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hòa nhập vào sự phát triển chung của đất nước ; góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng.*

Thực hiện mục tiêu trên, Chương trình tập trung vào *5 nhiệm vụ* trọng tâm :

- Xây dựng quy hoạch sản xuất, đời sống các vùng dân cư, bảo đảm đồng bào ổn định, có đủ điều kiện sản xuất, cơ sở hạ tầng, định canh định cư lâu dài.

- Xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào, bảo đảm các yêu cầu cấp thiết về ăn, mặc, ở, chữa bệnh, học hành.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, tạo cơ sở cho kinh tế - xã hội phát triển, cải thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng đời sống đồng bào. Trọng tâm là mở mang đường giao thông ; thủy lợi ; nguồn thủy điện nhỏ ; trường học ; trạm y tế ; thông tin liên lạc, truyền thông...

- Xây dựng các trung tâm cụm xã thành các tụ điểm kinh tế - văn hóa - xã hội, từ đó đưa ánh sáng văn minh tới các thôn bản. Xây dựng chợ nông thôn kích thích nền kinh tế năng động, cuốn hút mạnh các hoạt động kinh tế ở đó vào sản xuất hàng hóa,

Digitized by Google

đánh thức các tiềm năng thế mạnh trong vùng. Xây dựng các cơ sở sinh hoạt thông tin - văn hóa - văn nghệ, phát thanh, truyền hình, thư viện ; bệnh xá... thành điểm sáng văn hóa của địa phương.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ xã, đặc biệt cán bộ là người dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa và chính trị, tư tưởng tốt ; có phẩm chất đạo đức ; có năng lực công tác, hiểu biết công việc và trung thực, nhiệt tình vì sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Năm nhiệm vụ trên được thực hiện đồng bộ không tách rời nhau, không coi nhẹ, không bỏ sót một nhiệm vụ nào và có sự vận dụng sáng tạo, cụ thể, phù hợp với các điều kiện của từng xã, trong từng thời điểm khác nhau.

Gần hai năm thực hiện Chương trình 135, thời gian chưa nhiều, nhưng đã đạt được một số kết quả bước đầu, khẳng định sự đúng đắn, tính hiệu quả của Chương trình. Điều đó thể hiện ở những điểm chính sau :

1. Huy động được nhiều nguồn vốn hỗ trợ đồng bào phát triển kinh tế - xã hội.

Trước hết là nguồn lực Nhà nước. Cuối năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định đầu tư trên 400 tỉ đồng và năm 1999 là trên 500 tỉ đồng để thực hiện đồng bộ 5 nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn.

Thứ hai, huy động nguồn lực của các bộ, ngành, các địa phương hỗ trợ, lồng ghép với các chương trình, dự án khác cùng đầu tư vào các xã đặc biệt khó khăn. Ngành giáo dục đã đầu tư trên 50 tỉ đồng để xây dựng trường học, cung cấp trang thiết bị đồ dùng học tập ; ngành y tế đầu tư 97 tỉ đồng xây dựng các trạm y tế, cung cấp trang thiết bị y tế, thuốc và đào tạo cán bộ ; Chương trình định canh định cư đầu tư gần 50 tỉ đồng ; Chương trình trồng 5 triệu ha rừng đầu tư trên 70 tỉ đồng ; Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã đầu tư trên 200 tỉ đồng... và nhiều chương trình, dự án khác của trong, ngoài nước lồng ghép đầu tư vào khu vực này với số vốn không nhỏ, có tác dụng thiết thực xây dựng cơ sở hạ tầng cải thiện điều kiện sản xuất, sinh hoạt nâng cao đời sống đồng bào.

Bản thân các tỉnh có xã đặc biệt khó khăn cũng chủ động lồng ghép các chương trình, các dự án khác trên địa bàn xã thuộc phạm vi Chương trình 135, tạo nên nguồn lực tổng hợp, cần thiết về lượng, đủ để chuyển đổi về chất, làm biến chuyển sản xuất, đời sống đồng bào.

Thứ ba, bước đầu tranh thủ sự hỗ trợ giúp đỡ của các đơn vị, đoàn thể, địa phương đối với các xã đặc biệt khó khăn.

Năm 1999, nhiều tỉnh, thành phố, bộ, ngành, đoàn thể trung ương, các tổng công ty 91 đã nắm tình hình các xã đặc biệt khó khăn, thống nhất với tỉnh về kế hoạch giúp đỡ cụ thể với tổng số kinh phí trên 70 tỉ đồng.

Những nguồn vốn trên, cộng với việc phát huy các nguồn lực của nhân dân, bước đầu đã đáp ứng những yêu cầu quan trọng giúp cho các xã đặc biệt khó khăn có điều kiện tạo thế đi lên.

2. Thống nhất nguyên tắc chỉ đạo, cơ chế quản lý các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Một là, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chương trình. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Tài chính đã ban hành những thông tư, văn bản hướng dẫn nguyên tắc, cơ chế thực hiện Chương trình một cách cụ thể. Các tỉnh thuộc phạm vi Chương trình đã thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm trưởng ban. Nhiều tỉnh đã ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, huy động các nguồn lực, quản lý, kiểm tra đôn đốc thực hiện Chương trình. Phần lớn tỉnh chọn huyện là đơn vị dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm chủ đầu tư dự án. Ở các xã thuộc Chương trình đã thành lập Ban giám sát do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân làm trưởng ban cùng các thành viên có liên quan.

Hai là, thực hiện dân chủ, công khai ở các xã huyện tỉnh, bảo đảm nhân dân được dân chủ bàn bạc từ việc xây dựng dự án đến công khai các nguồn vốn do đóng góp của dân ; xác định thứ tự ưu tiên, quy mô, kỹ thuật chất lượng công trình. Ban giám sát đại diện nhân dân kiểm tra chất lượng trong suốt quá trình thi công đến lúc nghiệm thu, thanh quyết toán, quản lý, khai thác công trình. Nhân dân phát huy tinh thần làm chủ đã đóng góp tiền của, công lao động, vật tư xây dựng nhiều công trình hạ tầng.

Digitized by Google

Nhờ thực hiện Chương trình kinh tế - xã hội phát triển ; nhân dân trực tiếp thực hiện dự án nên đồng bào có thu nhập đã góp phần xóa đói giảm nghèo ở nhiều vùng.

Ba là, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn phải cùng đạt 2 mục tiêu lớn : xã có công trình để phục vụ nhân dân ; người dân có việc làm để tăng thêm thu nhập từ lao động xây dựng công trình. Những công việc nhân dân địa phương có thể đảm nhận được thì ưu tiên giao cho đồng bào làm để gắn quyền lợi, trách nhiệm, tình cảm của nhân dân với kết quả công trình, khiến cho việc đầu tư, quản lý, khai thác công trình có hiệu quả.

Bốn là, những công trình có kỹ thuật không phức tạp, mức vốn đầu tư thấp từ 500 triệu đồng trở xuống, được thực hiện theo cơ chế đặc biệt, dễ làm, phù hợp với khả năng cán bộ và đồng bào các dân tộc ở địa phương. Song việc quản lý đầu tư xây dựng vẫn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Năm là, Nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư kết hợp với huy động nguồn lực của nhân dân trong xã dưới nhiều hình thức, một cách phù hợp để xây dựng các công trình hạ tầng. Mọi nguồn vốn phải đưa vào kế hoạch để quản lý thống nhất, bảo đảm đến tận xã.

3. Thực hiện đầu tư đúng mục tiêu, đúng đối tượng, có hiệu quả và chống thất thoát.

Qua gần hai năm thực hiện, đến nay 37 tỉnh có xã thuộc phạm vi Chương trình đã xây dựng được 2 274 công trình cơ sở hạ tầng lớn nhỏ được đưa vào sử dụng, bước đầu phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội tốt. Các địa phương đã đầu tư đúng đối tượng, vào các công trình gồm đường giao thông, thủy lợi nhỏ, cấp nước sinh hoạt, cấp điện, trường học, trạm y tế và một số chợ nông thôn. Quá trình đầu tư bảo đảm nguyên tắc, xã nào cũng được đầu tư ít nhất 1 công trình và mức đầu tư thấp nhất cho 1 xã là 200 triệu đồng. Căn cứ vào đó, tùy theo yêu cầu cấp thiết phục vụ cho sản xuất, đời sống, nhân dân địa phương dân chủ, công khai lựa chọn công trình theo thứ tự ưu tiên ; đầu tư vốn với cơ cấu phù hợp.

Năm qua, chúng ta thực hiện chương trình với số vốn đầu tư bình quân 400 triệu đồng cho 1 xã, bảo đảm mỗi xã có ít nhất 1 công trình. Vì vậy, nhân dân phấn khởi thấy có kết quả cụ thể, được tham gia thực hiện, giám sát, quản lý, sử dụng khai thác công trình.

Chương trình 135 qua gần hai năm thực hiện đã đi nhanh vào cuộc sống, có hiệu quả rõ nét. Kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn có bước phát triển, tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh. Phong trào lao động sản xuất sôi động, nhân dân tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Chương trình đã thu hút sự quan tâm, giúp đỡ của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều địa phương trong cả nước.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, sau gần hai năm thực hiện Chương trình cũng bộc lộ một số hạn chế sau :

Một là, huy động nguồn lực cho Chương trình còn nhiều hạn chế, chưa tạo thành phong trào rộng khắp trong cả nước vì sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn. Những tỉnh, ngành, các tổng công ty 91, các đơn vị sản xuất kinh doanh có điều kiện, tham gia giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn chưa đều, chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu.

Hai là, thực hiện Chương trình bằng cơ chế đặc biệt theo Thông tư liên tịch số 416/TTLT là cần thiết, nhưng ban hành còn chậm và cần tăng cường kiểm tra giám sát chặt chẽ từ cả 2 phía : cấp trên xuống và thanh tra nhân dân tại cơ sở.

Ba là, phân cấp quản lý Chương trình từ cấp tỉnh cho cấp huyện, cấp xã, trong khi trình độ hiểu biết, năng lực lãnh đạo quản lý của cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế, nên khó tránh khỏi lúng túng trong quá trình triển khai. Nhiều nơi cán bộ, đảng viên, nhân dân chưa nhận thức rõ ý nghĩa, phương thức thực hiện Chương trình, nên không phát huy được sức mạnh tổng hợp, còn thụ động, trông chờ, ỷ lại vào nguồn vốn thuần túy do Nhà nước cấp. Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ít ỏi đó lại kém hiệu quả, thiếu chặt chẽ. Một số xã chưa thực hiện đầy đủ nội dung dân chủ, công khai trong quá trình triển khai dự án. Hiệu quả đầu tư của một số dự án chưa cao, chưa phát huy được quyền làm chủ của nhân dân.

Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn ở nước ta là chủ trương lớn, có ý nghĩa chiến lược, thu hút sự quan tâm chỉ đạo của toàn Đảng, toàn dân trong cả nước. Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, tiếp tục thực

Digitized by Google

hiện tốt chương trình, chúng ta tập trung vào những *phương hướng nhiệm vụ chính sau :*

Một là, xác định đúng diện đầu tư phát triển của Chương trình, thực hiện đồng bộ các giải pháp, bảo đảm đầu tư đúng mục tiêu, đúng đối tượng, có hiệu quả và không thất thoát. Muốn vậy, cần xác định rõ, thống nhất những tiêu chí cụ thể đối với xã đặc biệt khó khăn ; luận chứng khoa học về mức đầu tư, nội dung đầu tư ; cơ chế quản lý ; phương thức thực hiện dự án... làm cho việc đầu tư đúng, có hiệu quả, tạo "cú hích" để mỗi xã sau đó tự phát triển đi lên vững chắc.

Hai là, tăng cường trách nhiệm, nghĩa vụ và tình cảm của nhân dân cả nước, tạo ra cuộc vận động sâu rộng ở các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị sản xuất kinh doanh ủng hộ, giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn bằng mọi hình thức, mọi biện pháp. Những tỉnh có xã đặc biệt khó khăn, huy động sức mạnh của cả tỉnh, dồn sức chỉ đạo, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm tạo bước phát triển cụ thể, vững chắc, không làm lướt, làm ẩu, "đánh trống bỏ dùi".

Ba là, định rõ mục tiêu phấn đấu cụ thể, từng bước chấm dứt nạn đói thường xuyên, quy hoạch dân cư, phát triển sản xuất, xây dựng trung tâm cụm xã, đào tạo cán bộ, tiến tới thực hiện đồng bộ các chính sách về đất đai, tín dụng, trợ giá trợ cước, chế biến, tiêu thụ sản phẩm do nhân dân làm ra...

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, thực hiện Chương trình theo Thông tư liên tịch số 416/TTLT, giữ vững nguyên tắc dân chủ, công khai, thực hiện *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".* Bảo đảm *Chương trình 135 thực sự là của dân, do dân, vì dân,* tạo những chuyển biến tích cực về phát triển sản xuất, ổn định đời sống làm đổi thay rõ rệt bộ mặt kinh tế - xã hội vùng đồng bào.

Năm là, đào tạo đội ngũ cán bộ xã, bản, làng, phum, sóc nâng cao trình độ quản lý hành chính và quản lý kinh tế, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thường xuyên đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ các loại để kịp thời đổi mới kiến thức, nâng cao trình độ cán bộ các loại tại cơ sở. Có chính sách khuyến khích cán bộ tỉnh, huyện, xã xuống bám dân, kiểm tra đôn đốc hướng dẫn giúp đỡ dân, cổ vũ động viên dân thực hiện Chương trình.❑

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHÍNH SÁCH...

(Tiếp theo trang 33)

quan hệ vay với các đối tác, tránh để nợ quá hạn phát sinh ; có kế hoạch nghiên cứu các biện pháp chuyển đổi nợ thành đầu tư trong nước, mua bán nợ, tăng khả năng thanh toán trả nợ bằng hàng... nhằm tạo ra khả năng trả nợ hoặc làm giảm nghĩa vụ trả nợ trong tương lai.

Ngoài ra, cần chú trọng thu hút vốn của người Việt định cư ở nước ngoài đầu tư về nước. Theo dự đoán hằng năm kiều bào gửi về nước từ 1 - 2 tỷ USD, chủ yếu dưới dạng tiền mặt và hàng hóa tiêu dùng, cả theo con đường chính thức và phi chính thức. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích thu hút vốn của Việt kiều đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng quê hương, đất nước.

Huy động các nguồn lực tài chính phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH có ý nghĩa then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và kế hoạch 5 năm (2001 - 2005). Nguồn lực tài chính trong nước vẫn giữ vai trò quyết định. Nguồn lực bên ngoài là quan trọng. Gắn kết 2 nguồn lực này thành nguồn lực tổng hợp phục vụ cho sự phát triển của đất nước. Điều đáng lưu ý là, ngoài nguồn vốn tích lũy có được từ GDP, còn có thể huy động được các nguồn vốn khác lưu giữ trong dân cư (dưới dạng vàng, đô la, tiền mặt), nguồn vốn này cũng rất lớn, con số ước tính của mỗi người khác nhau và chỉ có thể kiểm tra được khi Nhà nước có chính sách động viên khai thác được các nguồn vốn này. Bên cạnh việc áp dụng các giải pháp gia tăng vốn, khuyến khích đầu tư từ nhiều nguồn, cần phải chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, vì đó là con đường phát triển theo chiều sâu, là coi trọng chất lượng của sự tăng trưởng, cũng không làm căng thẳng các cân đối kinh tế vĩ mô, đồng thời giảm thiểu được các gánh nặng nợ nần. Việc huy động các nguồn lực tài chính trong nước và nước ngoài có thực thi hiệu quả hay không còn phụ thuộc vào việc thiết kế cơ chế chính sách của Nhà nước cũng như việc tổ chức vận hành các cơ chế chính sách đó trong thực tế cuộc sống. ❑

Digitized by Google

VỀ TÊN GỌI "HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN"

HÀ NHÂN

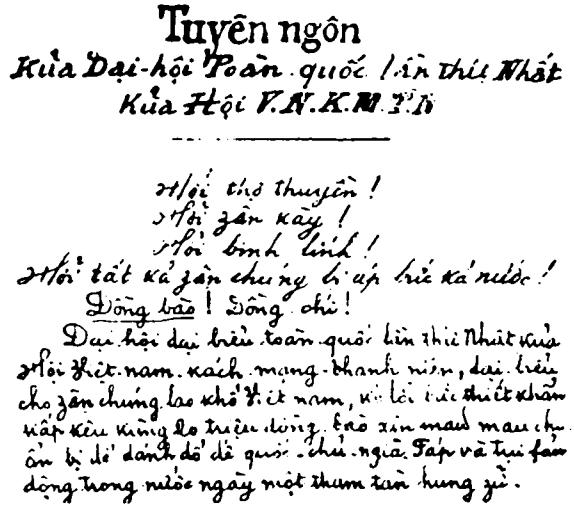
TRONG quá trình thảo luận Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX, có một số ý kiến cho rằng Dự thảo dùng tên gọi "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" là tùy ý sửa đổi, nên viết lại là "Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội" cho đúng với lịch sử.

Về vấn đề này, xin có điều trình bày lại như sau :

Đúng là lâu nay, trên nhiều văn kiện khác nhau, đặc biệt là trên báo chí, ta vẫn quen dùng tên gọi "Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội" để nói về tổ chức cách mạng tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, do Bác Hồ sáng lập.

Nhưng trong "Văn kiện Đảng toàn tập", tập I (1929 - 1930), do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 1998, tên chính thức của Hội đã được công bố đúng như nó đã từng có khi mới thành lập.

Tuyên ngôn của Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội ngày 9-5-1929 ghi rõ : "TUYÊN NGÔN CỦA ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ NHẤT HỘI V.N.K.M.T.N" (trang 96). Sau đây là một đoạn trong bản viết tay được lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng :



Tuyên ngôn
Của Đại-hội Toàn quốc lần thứ Nhất
Của Hội V.N.K.M.T.N

Hỡi thợ thuyền !
Hỡi dân cày !
Hỡi binh lính !
Hỡi tất cả dân chúng bị áp bức của nước !
Đồng bào ! Đồng chí !
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ Nhất của Hội Việt-nam cách-mạng-thanh-niên, đại biểu cho dân chúng lao khổ Việt nam, nhân lúc thiết thân cấp kêu rằng lo thực dùng, bão xin mau mau chung ân bị đế đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai đồng trong nước ngày một tham tàn hung ác.

Cũng tại văn kiện này, khi đăng các nghị quyết của Đại hội nói trên, bản "Quyết nghị về tên Hội" cũng đã được công bố (trang 133), toàn văn như sau :

QUYẾT NGHỊ VỀ TÊN HỘI

1 - Bản Hội từ trước đến nay có hai tên : một tên bí mật để đối với trong nội bộ là "Hội Việt Nam Cách mạng đồng chí" và một tên công khai để ra mặt với người ngoài là "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên". Đấy là một cách làm bí mật trong thời kỳ mới gây dựng.

2 - Đến bây giờ đoàn thể đã có thế lực, đã cần hoàn toàn ra mặt với thiên hạ, sự để hai tên như trước không cần và không tiện nữa, nên Đại hội quyết định từ rày lấy "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" làm tên đã phổ thông trong quần chúng trong nước và ở các đảng cách mạng ở ngoài làm tên nhất định của bản Hội.

Như vậy, việc dùng tên gọi "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX là đúng với lịch sử. Do cách dùng khác nhau trước đây cho nên "Văn kiện Đảng toàn tập", tập I, ở phần giới thiệu tổ chức cách mạng này, đã ghi như sau :

HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN
(VIỆT NAM THANH NIÊN CÁCH MẠNG ĐỒNG CHÍ HỘI)

Nhân đây cũng xin nói thêm về tên gọi Đảng Cộng sản Đông Dương hay Đông Dương cộng sản Đảng, một trong 3 tổ chức cộng sản tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam được hợp nhất vào năm 1930. Sở dĩ có lúc gọi là Đảng Cộng sản Đông Dương, có lúc gọi là Đông Dương cộng sản Đảng, đó không phải vì thói quen mà là vì trong các văn kiện được công bố lúc thành lập, có sự không giống nhau. Tuyên ngôn ghi *"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản Đông Dương"*. Điều lệ lại ghi *"Tên Đảng : Đông Dương cộng sản Đảng"*.

Chính vì lẽ đó, trong "Văn kiện Đảng toàn tập", tập I, ở phần về Đảng Cộng sản Đông Dương, đã nói cả hai tên (trang 173) :

ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG
(ĐÔNG DƯƠNG CỘNG SẢN ĐẢNG)

Đó chính là sự tôn trọng lịch sử.❑

Digitized by Google

Ở ĐÂU KHÓ KHĂN HƠN ?

VŨ LÂN

Cách đây mấy năm, bên lề hội nghị, một cán bộ lãnh đạo tỉnh miền núi hỏi "kháy" một cán bộ lãnh đạo thành phố miền xuôi :

- Này, ở dưới xuôi các ông có rất nhiều điều kiện thuận lợi, kinh tế phát triển, dân trí cao, thu nhập bình quân đầu người gấp dăm, bảy lần so với miền núi chúng tôi, tỷ lệ hộ nghèo đói cũng rất thấp. Vậy mà sao chỗ các ông còn nhiều người đi lang thang ăn xin vậy ? Còn ở trên tỉnh tôi, đố ông tìm thấy một người ăn xin nào !

Biết anh kia "chơi" mình, anh cán bộ lãnh đạo thành phố miền xuôi "chọc" lại :

- Đơn giản thế mà ông không hiểu à ? Chúng tôi phải tự lực tự cường. Chẳng những phải nuôi bản thân mà còn phải đóng góp ngân sách cho nhà nước. Một số người có hoàn cảnh khó khăn lang thang ăn xin ở chỗ chúng tôi vì không xin ở đâu được. Còn trên các ông hằng năm đều xin trung ương một cục lớn về chia nhau, đâu cần phải xin lặt vặt nữa ! Chính vì vậy mà nhiều tỉnh đang "phấn đấu để trở thành tỉnh miền núi". !

Người thứ ba, cán bộ lãnh đạo một tỉnh "vùng giữa", nói xen vào :

- Hai ông đều sướng, mỗi chỗ chúng tôi là khổ trăm bề. Tỉnh tôi không hoàn toàn là vùng núi cao biên giới để được trung ương quan tâm đầu tư thích đáng. Cũng không phải là đồng bằng, có cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại thuận tiện để kêu gọi các nhà đầu tư, giao lưu hàng hóa, phát triển kinh tế thị trường. Thà rằng ở vùng núi cao thì cao hẳn, thành phố đồng bằng thì bằng hẳn còn dễ làm ăn, chứ ở vùng "nửa nạc nửa mỡ" như tỉnh chúng tôi, chán đến chết !

Anh cán bộ vùng núi cao biên giới bắt tay anh cán bộ "vùng giữa" :

- Này, tôi đổi chỗ cho ông đấy. Chỉ cần ông lên sống ở một huyện vùng cao núi đá chỗ chúng tôi sáu, bảy tháng mùa khô thì ông sẽ biết thế nào là sướng. Chưa nói đến chuyện mỗi lần từ thôn, bản lên huyện, lên tỉnh họp rồi quay về phải đi bộ mất cả vài ngày đường. Cũng chưa nói đến chuyện thông tin, liên lạc, điện đóm thiếu thốn và lạc hậu. Chỉ nói riêng chuyện nước cho sinh hoạt hằng ngày đã là cực kỳ nan giải. Ở nhiều nơi phải đi bộ mất cả ngày mới cõng được một ống bương nước. Một chậu nước sạch phải dùng qua nhiều "công đoạn" : trước hết dùng để đánh răng, rửa mặt, sau đó giặt giũ quần áo (tất nhiên là không được giặt bằng xà phòng), rửa bát, đĩa, xoong nồi bẩn ; tiếp theo đến lượt gia súc uống... Ông có biết dân chúng tôi hiện giờ mơ ước điều gì không ? Không phải điện lưới quốc gia hay giao thông thuận tiện đến xã, thôn, bản, mà điều khát khao nóng bỏng là có được xi măng xây bể, làm mái ngói, hứng nước vào mùa mưa dự trữ cho người và gia súc vào mùa khô. Khó khăn đến như vậy nhưng trên các đỉnh núi đá cao, cheo leo, các hộ nhân dân vẫn phải bám trụ để giữ vững biên cương Tổ quốc.

Anh cán bộ lãnh đạo thành phố vẫn chưa chịu, rằng chính ở thành phố, công tác quản lý là cực kỳ phức tạp, chỉ một ngày đã có hàng nghìn tấn rác thải không thu dọn kịp thành phố sẽ thành cả một "thành phố rác". Kinh tế thị trường càng phát triển càng phải đối mặt với những mặt trái phức tạp, hằng ngày, hằng giờ nảy sinh các tệ nạn xã hội, không dễ gì giải quyết. Vân vân và vân vân.

Cuộc tranh luận chắc sẽ không ngã ngũ và chấm dứt nếu như không có tiếng chuông báo hết giờ giải lao.

Thật là ngẫu nhiên và tình cờ. Mấy năm qua hai trong ba người lãnh đạo trong cuộc tranh luận lại được hoán vị cho nhau. Anh cán bộ lãnh đạo vùng cao biên giới xuống "vùng giữa", anh "vùng giữa" được điều lên lãnh đạo một tỉnh vùng cao biên giới.

Trong dịp đại hội đảng bộ tỉnh vừa qua, gặp lại hai anh, tôi nhắc đến câu chuyện bên lề hội nghị năm trước. Cả hai đều cười to :

- Tranh luận cho vui thế thôi chứ công bằng mà nói thì ở đâu cũng có cái sướng mà cũng có cái khổ. Không nơi nào chỉ có thuận lợi cũng không có nơi nào toàn là khó khăn cả. Trong cái thuận lợi có khó khăn, trong khó khăn có thuận lợi và thời cơ phát triển. Vấn đề là ở cái đầu. Không phải kêu khổ hay khó khăn để ỷ lại, dựa dẫm vào trung ương mà phải vắt óc suy nghĩ, phát huy nội lực và tiềm năng thế mạnh, cố gắng vươn lên.

Chắc những suy nghĩ đó đã góp phần vào sự bứt phá và vươn tới. Điều rất mừng là qua Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng của cả ba tỉnh, thành phố nói trên trong 5 năm qua kinh tế đều có mức tăng trưởng từ 8,5 đến 10%/năm. Nhiều mặt có tiến bộ vượt bậc, bất ngờ. Đó là tín hiệu đáng mừng đúng vào dịp đầu xuân của thế kỷ mới.❑

Digitized by Google

HOA KỲ SAU BẦU CỬ

LA CÔN

THẾ là cuộc bầu cử tổng thống Mỹ đầy kịch tính cũng đã đến hồi kết thúc. Dẫu ngay trong dư luận nước Mỹ vẫn có sự đánh giá rất khác nhau về kết quả bầu cử, thì ông G.W. Bu-sơ, Tổng thống thứ 43 của Hoa Kỳ cũng đã được khẳng định. Tình hình này gần giống như năm 1952, Đảng Cộng hòa của Ai-xen-hao giành lại Nhà trắng sau 20 năm lọt vào tay Đảng Dân chủ ; năm 2000 Đảng Cộng hòa của Bu-sơ cũng giành lại Nhà trắng sau 8 năm lọt vào tay Đảng Dân chủ. Và, cũng như năm 1952, Đảng Cộng hòa đã giành được cả Nhà trắng và đa số ở Thượng viện và Hạ viện, trong khi vẫn giữ được đa số ở Tòa án tối cao từ thời Tổng thống Ri-gân.

Theo lôgic hình thức, Đảng Cộng hòa nắm được cả 3 quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp là có thời cơ sắp xếp lại cơ cấu chính trị, tạo ra quyền chủ động quyết định lịch trình hoạt động của chính phủ, thực hiện những mục tiêu định hướng của mình.

Vậy câu hỏi lớn nhất đặt ra hiện nay là : Chính quyền Cộng hòa đi về đâu, và Đảng Dân chủ có thể làm gì để tác động vào định hướng đó ?

Di sản kinh tế của chính quyền Clin-tơn

Suốt 12 năm Đảng Cộng hòa nắm chính quyền, "Mỹ ban hành toàn quốc về kinh tế hồi chuyển hòa bình" do giáo sư X.Men-man, Trường tổng hợp Cô-lum-bi-a làm Chủ tịch, đã tích cực vận động dư luận đòi nhà cầm quyền phải thi hành những biện pháp mạnh mẽ cắt giảm chi tiêu quân sự, để đưa nền kinh tế trở lại con đường phát triển hòa bình. Những biện pháp do ủy ban của ông đưa ra được đông đảo nhân dân và các nhà kinh tế, các nhà kinh doanh hoan nghênh nhiệt liệt, nhưng không được nhà cầm quyền chấp nhận. Phải đợi đến khi Tổng thống W.J Clin-tơn bước vào Nhà trắng thì phần lớn những biện pháp đó mới được thi hành.

Từ năm 1981 đến năm 1992, ba nhiệm kỳ của hai tổng thống cộng hòa đã để lại cho nước Mỹ gánh nặng thâm hụt ngân sách 290 tỉ đô la. Đến giữa nhiệm kỳ hai, kết thúc năm tài chính 1998, Clin-tơn chẳng những đã thanh toán xong số thâm hụt khổng lồ đó mà còn đạt được thặng dư hơn 60 tỉ đô la, bằng 0,8% GDP. Đây là một thành tựu mà chưa tổng thống Mỹ nào trước đây đạt được. Và khi kết thúc năm tài chính 2000, ngày 30 tháng 9, thặng dư đã đạt mức kỷ lục 237 tỉ đô la. Người ta còn nhớ, ngay sau khi đắc cử, Tổng thống Clin-tơn đã hứa sẽ tập trung cố gắng vào nhiệm vụ đối nội số 1 là phục hồi nền kinh tế. Và ông đã quyết tâm thực hiện lời hứa đó, với sự cộng tác tích cực của một đội ngũ các nhà kinh tế và nhà hoạt động xã hội trung thành với học thuyết "điều tiết cầu" của J.M. Kên-dơ. Họ đã từng đấu tranh mạnh mẽ chống lại học thuyết Ri-gân - với chính sách "trọng cung", chỉ bênh vực lợi ích của các chủ công ty, nhất là những công ty sản xuất vũ khí, phục vụ cho cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân chống Liên Xô (cũ).

Ngay trong 100 ngày đầu làm chủ Nhà trắng, Clin-tơn đã thẳng tay xóa bỏ chương trình "chiến tranh các vì sao" tốn kém với 140 tỉ đô la. Từ năm 1990, chính quyền Bu-sơ đã thực hiện một số cắt giảm quân số các binh chủng của hải lục không quân. Từ năm 1993, chính quyền Clin-tơn đã đẩy mạnh các chương trình kinh tế hồi chuyển hòa bình, đóng cửa nhiều căn cứ quân sự, trong đó có căn cứ quân sự nổi tiếng ở Pho Ót, bang Ca-li-pho-ni-a nơi trước đây đã huấn luyện quân lính đưa sang chiến trường Việt Nam. Cơ sở hạ tầng của căn cứ này được cải tạo để phục vụ cho việc xây dựng Trường đại học Môn-tơ-ri Bây bắt đầu khai giảng năm 1994 dưới sự chủ tọa của Tổng thống Clin-tơn. Trường đã tổ chức một lớp học đặc biệt về Việt Nam mà chương trình ngoại khóa gồm cả những cuộc hội thảo về tình hình Việt Nam từ 1973 đến nay, tập trung vào các vấn đề về xây dựng lại đất nước, bình thường hóa quan hệ Mỹ - Việt, hòa giải giữa nhân dân Mỹ với nhân dân Việt Nam, cả giữa những người Mỹ với nhau và giữa những người Việt với nhau.

Các đơn vị chiến đấu của các binh chủng đã giảm bớt từ trên 30% đến gần một nửa trong thời gian từ

Digitized by Google

1990 - 1997. Lục quân rút từ 18 xuống 10 sư đoàn, hải quân rút từ 546 xuống 357 tàu chiến, không quân chiến thuật rút từ 24 xuống 13 phi đoàn. Ngân sách quốc phòng năm 1998 dự chi 266 tỉ đôla chiếm 3% GDP so với 6% mười năm trước, tiết kiệm được hơn 260 tỉ đôla cho nhu cầu dân sự.

Chính quyền Clin-tơn đã giải quyết thâm hụt ngân sách chủ yếu bằng cắt giảm chi tiêu quân sự chứ không phải bằng chính sách khắc khổ. Những thành tựu về nền kinh tế hồi chuyển hòa bình đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của đông đảo những người Mỹ trung lưu giúp cho Clin-tơn vượt qua được cơn sóng gió dữ dội của vụ án phế truất tổng thống 1998 - 1999.

Những thành công nhất định về kinh tế của chính quyền Clin-tơn trong những năm qua lại là một thách đố đối với chính quyền mới của Tổng thống Bu-sơ. Liệu kinh tế Mỹ sắp tới có giữ được mức độ phát triển như hiện nay không trong khi tình hình kinh tế thế giới và cả trong nước Mỹ cũng có nhiều biến động. Theo một số nhà phân tích, mọi bước đi của nền kinh tế Mỹ có thể sẽ là những bước đi xuống, thời điểm cực thịnh của kinh tế Mỹ đã qua rồi.

Nước lên thuyền không lên

Trong hai thập niên gần đây, khi các nhà kinh tế Âu - Mỹ nói đến cái lợi của toàn cầu hóa, họ thường nghĩ đến những con số chục hoặc hàng trăm tỉ đô la lãi mà các chủ công ty xuyên quốc gia (TNC) thu về hằng năm. Họ cho rằng "hiệu ứng của cải" lan truyền từ nước này sang nước khác là "triều cường kinh tế nâng bổng mọi con thuyền lên". Song thực tế lại khác. Ngày 18-1-2000, tại Oa-sinh-tơn đã công bố một công trình nghiên cứu của hai viện nghiên cứu độc lập là Trung tâm nghiên cứu về ngân sách và các chính sách ưu tiên, và Viện nghiên cứu chính sách kinh tế. Qua đó, người ta thấy ở Mỹ, từ cuối thập niên 70 đến cuối thập niên 90 thu nhập của 20% gia đình giàu nhất đã tăng gấp 10 lần thu nhập của 20% gia đình ở cuối bậc thang của xã hội. Một trong các đồng tác giả, ông Bec-xtanh nhấn mạnh : "Tình trạng nhiều gia đình không được lợi lộc gì về sự phồn vinh này là vấn đề kinh tế nghiêm trọng nhất đối với nước ta". Trong một bài diễn văn tại Niu Oóc ngày 13-1-2000, ông A-lân Grin-xpan cũng nhấn mạnh : "Nước ta phải quan tâm nhiều đến những day dứt của những người làm thuê cảm thấy việc làm và đời sống đều bấp bênh. Xã hội không thể phồn vinh được khi một số lớn công dân thấy rõ là xã hội bất công".

Số người sống dưới mức nghèo khổ của Mỹ trong năm 1999 tuy có giảm một phần so với năm 1998 nhưng vẫn còn rất cao : 32,3 triệu so với 34,5 triệu gia đình với tiêu chí hộ 4 nhân khẩu thu nhập dưới 17,029 đôla/năm.

Toàn cầu hóa cuộc đấu tranh

Từ giữa thập niên 90, các tổ chức công đoàn Mỹ nêu khẩu hiệu toàn cầu hóa cuộc đấu tranh chống những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa. Những biểu hiện tiêu cực nhất về mặt này là các mánh khoé của các chủ TNC tùy tiện cắt lương, sa thải người làm và di chuyển xí nghiệp đến những nước có mức thuế thấp nhất. Phương châm xử thế của các chủ TNC nhằm đạt lợi nhuận cao nhất : "Tôi xin thề trung thành với lá cờ của nước nào cho tôi một hợp đồng nhiều lãi nhất !". Từ nửa thế kỷ qua, các TNC đã len lỏi khắp các thị trường tìm những hợp đồng như thế. Và đã có những tổ chức công đoàn bám sát những đối tượng đấu tranh của mình ngay từ đó. Tổ chức rộng lớn nhất là Liên hiệp công đoàn hàng hải quốc tế (International Transport Workers Federation, ITF) có 446 tổ chức thành viên quốc gia ở 120 nước. Đầu tháng 2-1997 ITF phát động chiến dịch kết nạp 200 000 lao động của công ty kho vận (United Parcel Service, UPS) và nước ngoài. Được sự ủng hộ của ITF và các tổ chức công đoàn Mỹ, Công đoàn kho vận (Teamsters Union, TU) đã lãnh đạo 180 000 công nhân trong nước đình công đòi tăng lương kéo dài 15 ngày, cuối cùng chủ của công ty phải chấp nhận tăng lương. Đây là cuộc đình công lớn nhất ở Mỹ kể từ năm 1970.

Tính chiến đấu của các công đoàn Mỹ đã được tăng cường từ khi diễn ra chiến dịch bãi công, biểu tình cuối năm 1995 mà một số cơ quan báo chí đã gọi là "Cuộc chiến tranh giai cấp". Công đoàn một số TNC đã giành được những thắng lợi có tiếng vang lớn, đặc biệt là khi kẻ chiến bại là những TNC sừng sỏ như Gie-ne-rơn Ê-lec-tơ-rích (G.E), IBM LTV. Chính sách đàn áp công đoàn ráo riết được thi hành từ đầu thập niên 80 đã làm cho tỷ lệ đoàn viên giảm mạnh từ 35% tổng lực lượng lao động những năm 50 xuống còn 15% năm 1992. Từ năm 1993 các công đoàn đã đẩy mạnh đấu tranh đòi quyền thành lập tổ chức công đoàn ở những nơi chưa có. Giới chủ các TNC cố tình chống lại chủ trương này, nhưng cuối cùng đành phải đáp ứng yêu cầu của công nhân.

Digitized by Google

Năm 1998, công nhân TNC cán thép LTV đòi thành lập tổ chức công đoàn, dọa sẽ tổ chức bãi công và phát đơn kiện trước tòa án. Tháng 2-1999, LTV phải đồng ý cho thành lập công đoàn. Giới báo chí bình luận việc này cho rằng đây là một thắng lợi lớn của công nhân. Trong hai năm qua nhiều tổ chức công đoàn đã được thành lập ở các công ty dịch vụ. Ngày 30-11-2000 công nhân làm việc ở nhiều TNC đã tham gia những cuộc biểu tình khổng lồ ngăn cản lễ khai mạc cuộc họp của Tổ chức mậu dịch thế giới (WTO) ở thành phố Xi -a-tơn cùng với hàng trăm tổ chức phi chính phủ (NGO) của nhiều nước.

Chống "nước Mỹ chủ công ty"

- Hôm nay, từ mọi miền Hoa Kỳ những người dân phẫn nộ kéo đi biểu tình chống "nước Mỹ chủ công ty" (Corporate America)

- 75% số dân Mỹ nói chủ công ty nhận được tiền lương, tiền thưởng quá đáng trong khi chất lượng hàng hóa, dịch vụ họ bán ra lại quá tồi.

- 72% số dân Mỹ nói chủ công ty có quyền lực quá lớn, chi phối quá nhiều mặt của đời sống Mỹ.

- 56% số công nhân phàn nàn tiền lương của họ quá thấp.

Trong cuộc họp Ban lãnh đạo Đảng Dân chủ hồi mùa thu năm 1995, phái chống "nước Mỹ chủ công ty" nêu rõ rằng những vấn đề kinh tế xã hội sẽ làm bật lên vấn đề chính trị tổng quát về lòng tin đối với vai trò của chính phủ và tương lai quốc gia là những vấn đề có sức hút mạnh mẽ đối với cử tri trung lưu, để họ quay lại với Đảng Dân chủ và để cho đảng tìm lại được chính mình. Nhưng phái phản đối đề nghị đó lại nói rằng Đảng Cộng hòa sẽ xuyên tạc đường lối của Đảng Dân chủ, nói họ muốn quay trở lại cuộc "chiến tranh giai cấp". Họ đem con ngoáo ộp đó dọa những người yếu bóng vía để tách họ ra khỏi ảnh hưởng của Đảng Dân chủ. Tổng thống W.J Clin-tơn khi đó đã ngả theo ý kiến này và không dám phất cờ chống "nước Mỹ chủ công ty".

Từ đó trong nội bộ Đảng Dân chủ ngày càng có nhiều người phê phán Clin-tơn tách xa những đồng minh truyền thống của mình là các tổ chức dân quyền, các công đoàn, các trí thức tự do thuộc tầng lớp trung lưu. Cơ sở xã hội của Đảng Dân chủ bị thu hẹp làm cho đảng này có phần suy yếu. Trong khi đó cơ sở xã hội của Đảng Cộng hòa mở rộng thêm với sự xuất hiện của những nhà triệu phú, tỷ phú mới nhờ sự phát triển của công nghệ cao.

Miền Tây mới, sức mạnh mới của Đảng Cộng hòa

Hai mươi năm trước, sự bùng nổ cách mạng thông tin với những thành tựu của công nghệ cao phát triển trên thung lũng Xi-li-cơn, miền nam Ca-li-pho-ni-a đã tạo thành sự chuyển dịch trung tâm sức mạnh kinh tế từ miền Bắc và Đông Bắc sang miền Tây và Trung Tây nước Mỹ. Trong những năm cuối thập niên 90, đã diễn ra những đợt sóng di cư mới vào Ca-li-pho-ni-a, chủ yếu là người *La-ti-nô*, chiếm tới 30% trong tổng số 29 triệu người *La-ti-nô* trên cả nước Mỹ. Những làn sóng di cư mới lại diễn ra giữa các vùng trong nội địa miền Trung Tây với người da trắng di chuyển từ bang Ca-li-pho-ni-a ra các bang miền Trung Tây. Những triệu phú và tỷ phú ở bang Ca-li-pho-ni-a quan tâm nhiều hơn đến việc kinh doanh chứ không bận tâm về những vấn đề chính trị. Thế lực của Đảng Cộng hòa ở bang Ca-li-pho-ni-a suy yếu đến mức để mất đa số ở Thượng viện bang và mất cả chức Thống đốc bang. Những người Mỹ da trắng trung lưu đã di cư hàng loạt sang các bang miền Trung Tây, hầu hết là đảng viên Đảng Cộng hòa, đang xây dựng bang của họ thành những trung tâm kinh tế phồn vinh.

Thực trạng nền kinh tế Mỹ không thể tăng trưởng với tốc độ cao do cầu bị khống chế ở mức thấp - là một điều hiển nhiên mà người Mỹ trung lưu nào cũng có thể thấy. Ngay cả một số chủ công ty có đầu óc thực tế cũng đã chủ động thi hành những biện pháp tối thiểu cải thiện đời sống cho người lao động để nâng cao sức tiêu thụ của thị trường. Nhưng tình hình cạnh tranh ác liệt giữa các công ty trên thị trường nội địa và thị trường quốc tế không cho phép những chủ công ty có thiện chí nhất làm theo ý mình.

Đâu là lối thoát ?

Câu hỏi này đã được đặt ra hai mươi năm trước đây khi Ri-gân bước vào Nhà trắng. Và Ri-gân đã tìm lối thoát cho nền kinh tế Mỹ qua con đường chạy đua vũ trang hạt nhân. Nhân dân Mỹ đã biết cái giá phải trả lớn đến mức nào. Liệu chính quyền Cộng hòa mới có lại lao vào con đường này không ? Chương trình phòng thủ tên lửa quốc gia của Tổng thống mới đắc cử phải chăng là một bước quan trọng theo hướng đó ?

Nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới không thể không suy nghĩ về vấn đề quan trọng này.❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY DỆT MAY
VIỆT MAY

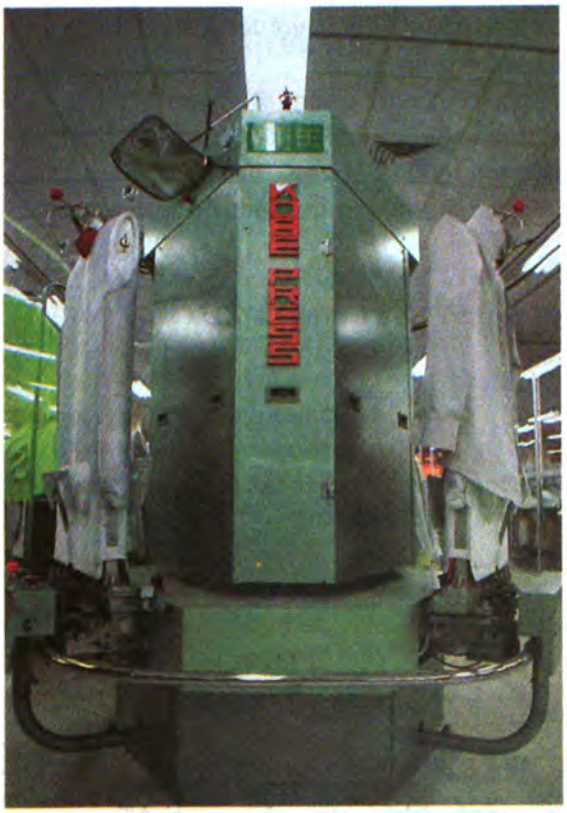
CÔNG TY may 10

VIETNAM
NATIONAL TEXTILE
AND
GARMENT CORP.

GARMENT COMPANY 10

ADD: SAIDONG,
GIALAM DISTRICT, HANOI CITY
TEL: 84 - 4 - 8276923, 8276396
FAX: 84 - 4 - 8276925

GARCO 10



MÁY LÀ ÁO SƠ MI, HIỆN ĐẠI

Shirt, The Premium Product!

SƠ MI, SẢN PHẨM HÀNG ĐẦU



Digitized by Google

CÔNG TY XI MĂNG BỈM SƠN

BIM SON CEMENT COMPANY (BCC)

TRỤ SỞ: PHƯỜNG BA ĐÌNH - THỊ XÃ BỈM SƠN - TỈNH THANH HÓA

ĐIỆN THOẠI: 037.824242, 824056 **FAX:** 84.37.824046

GIÁM ĐỐC CÔNG TY : KS. LÊ VĂN CHUNG

1998-1999-2000



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Từ năm 1998 đến nay được cấp dấu chất lượng cấp I nhà nước
- Từ năm 1991 đến nay : Bộ xây dựng chứng nhận và tặng cờ sản phẩm chất lượng cao.
- Từ 1990 liên tục được cấp huy chương vàng Hội chợ Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam.
- Từ năm1994 liên tục được cấp chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn cho xi măng PC30, PCB30 có các chỉ tiêu chất lượng phù hợp TCVN.
- Ủy ban Quốc tế của tổ chức BID có trụ sở tại Madrit - Tây Ban Nha đã tặng thưởng "Sao Vàng Quốc tế" về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho Công ty Xi măng Bỉm Sơn.
- Được bình chọn và chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" từ năm 1998, 1999 và 2000.
- Được cấp giấy chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn tháng 10-1999
- Được tặng cúp bạc giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 1999.
- Được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002.

- **Công suất thiết kế:** 1,2 triệu tấn /năm
- **Sản phẩm xi măng có các loại:** PC40, PC50. TCVN 2682-1999, sản xuất theo đơn đặt hàng PCB30. TCVN 6260-1997
- Từ ngày 1/6/1999, Công ty sản xuất và lưu thông trên thị trường sản phẩm xi măng PCB30 với đặc tính kỹ thuật:

Thời gian đông kết:
+ Bắt đầu không sớm hơn 45 phút
+ Kết thúc không muộn hơn 10 giờ

Giới hạn bền nén
+ Sau 3 ngày: Không nhỏ hơn 14N/mm²
+ Sau 28 ngày: Không nhỏ hơn 30N/mm²

- Sản phẩm được đóng 50 ± 1kg trong bao PP, in 2 màu xanh, đỏ, có đóng dấu giáp lai ở hai đầu bao.

Xi măng PCB30 có chất lượng tương đương chất lượng xi măng PC30 được sản xuất và lưu thông trước đây.

QUÝ KHÁCH CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG CÁC LOẠI XI MĂNG DO CÔNG TY XI MĂNG BỈM SƠN SẢN XUẤT CÓ THỂ LIÊN HỆ TRỰC TIẾP VỚI CÔNG TY HOẶC CÁC CHI NHÁNH, ĐẠI LÝ CỦA CÔNG TY TẠI CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ:

- Trung tâm GDTT - Thị xã Bỉm Sơn Thanh Hóa: Tel: 824214
- Chi nhánh Hà Tĩnh: Tel: 855492 - Chi nhánh Nghệ An: Tel: 853107 - Chi nhánh Thanh Hóa : Tel: 852180
- Chi nhánh Ninh Bình: Tel: 871002 - Chi nhánh Thái Bình: Tel: 836570 - Chi nhánh Nam Định: Tel: 847317

CÁC ĐƠN VỊ TIÊU THỤ SỐ LƯỢNG LỚN XI MĂNG BỈM SƠN: - Công ty Vật tư Kỹ thuật Xi măng: Tel: 8643315
- Tổng đại lý tại Huế (Công ty Xi măng Thạch cao Huế) : Tel: 825429 - Tổng đại lý tại Đà Nẵng: Tel: 821491



Digitized by Google

XI MĂNG BỈM SƠN NHÃN HIỆU "SAO VÀNG" LÀ NIỀM TIN CHO NGƯỜI SỬ DỤNG VÀ NIỀM TỰ HÀO CỦA NHỮNG CÔNG TRÌNH

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN BẮC

NORTHERN SERVICE FLIGHT COMPANY

Head office : 182 Truong Chinh Road - HaNoi - VietNam
Tel : 84-4-5633110 - 8523451 - 8271535
Fax : 84-4-5633111 - 8272780

Chúc Mừng Năm Mới - 2001

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN BẮC CHUYÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ TRỰC THĂNG CHẤT LƯỢNG CAO TRONG CÁC LĨNH VỰC :



- Bay phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí.
- Bay phục vụ du lịch, quay phim, chụp ảnh, thả dù.
- Bay phục vụ tìm kiếm, cấp cứu y tế, vận chuyển, treo cẩu hàng hóa.
- Bay phục vụ thanh tra, bảo dưỡng đường dây cao thế.
- Bay khảo sát từ trên không, và bay phục vụ các nhu cầu khác của nền kinh tế quốc dân.

PHƯƠNG THỨC THUÊ BAO TRỌN CHUYẾN TRÊN CÁC TUYẾN :

Hà Nội - Vịnh Hạ Long - Điện Biên Phủ - Đồ Sơn - Móng Cái - Hòa Bình - Lạng Sơn - Huế - Đà Nẵng...

PHƯƠNG THỨC BÁN VÉ THƯỜNG KỲ : Bay vào thứ bảy hằng tuần tuyến : Hà Nội - Vịnh Hạ Long - Hà Nội.

WE ARE ABLE TO OFFER HIGH QUALITY HELICOPTER SERVICE FOR :

- *Oil-gas discovery-exploitation services.*
- *Tourism, Filming and taking photo, Parachute jump.*
- *Flight for search and rescue, aeromedical service trans-portation, cargosling.*
- *Survey, maintenance & repair Powerlines.*
- *Aerial Photography, exploration, making maps and others for national economy...*



PACKAGE CONTRACT FOR :

Ha Noi - Ha Long Bay - Dien Bien Phu - Do Son - Mong Cai - Hoa Binh - Lang Son - Hue - Da Nang...

USUAL TICKET ON SATURDAY WEEKLY FOR : Ha Noi - Ha Long Bay - Ha Noi.

Vé có bán tại ... tickets

+ 182 - Truong Chinh ro... Tel : 84 4-8523451

Digitized by Google

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

INDUSTRIAL AND COMMERCIAL BANK OF VIETNAM

Số 108 Trần Hưng Đạo - Hà Nội Tel: 9421030 Fax: 9421032

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP Số: 285/QĐ - NH5 ngày 21 tháng 9 năm 1996

ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Số 111522 ngày 25 tháng 03 năm 1997

NGÀNH NGHỀ: Kinh doanh tiền tệ, Tín dụng và các dịch vụ liên quan đến hoạt động Tài chính - Tiền tệ - Ngân Hàng

VỐN ĐIỀU LỆ: 1.100 tỉ đồng

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG:

- Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh
- 2 Sở giao dịch : Tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
- Gần 100 Chi nhánh và hơn 500 điểm giao dịch tại các tỉnh và thành phố, quận huyện, khu vực dân cư tập trung và khu kinh tế phát triển - thuận tiện cho việc giao dịch gửi vốn, vay vốn và các dịch vụ ngân hàng cho mọi đơn vị và cá nhân.

- Công ty cho thuê tài chính, Công ty Quản lý khai thác tài sản, Công tyTNHH chứng khoán, Trung tâm công nghệ thông tin và Trung tâm đào tạo.

- Đã thiết lập quan hệ đại lý với 430 ngân hàng nước ngoài tại hơn 40 Quốc gia và khu vực trên thế giới.

Đội ngũ gần 12.000 cán bộ - nhân viên có tay nghề, nghiệp vụ giỏi và thái độ phục vụ văn minh lịch sự với hệ thống công nghệ tin học hiện đại luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng. Là Ngân hàng đầu tiên mở trang Website nhằm cung cấp thông tin và các tiện ích liên lạc phục vụ kinh doanh của Ngân Hàng Công thương và các Khách hàng.

Địa chỉ Website: http://www.icb.com.vn E-mail: Webmaster@icb.com.vn

Ngân hàng Công thương mong tiếp tục nhận được sự hợp tác của Quý Khách.
Giao dịch với ngân hàng Công thương Việt Nam chắc chắn Quý Khách sẽ được phục vụ một cách :

"NHANH CHÓNG - CHÍNH XÁC - AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ"

Phương châm kinh doanh :

PHÁT TRIỂN - AN TOÀN - HIỆU QUẢ

Digitized by Google

CÔNG TY

SẢN XUẤT - KINH DOANH DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH HÀ NỘI

HANOI ORTHOPAEDIC APPLIANCE PRODUCING AND BUSINESS COMPANY

ĐỊA CHỈ: *Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.* **TEL :** *04.8.335.239 - 04.8.335.237*

GIÁM ĐỐC CÔNG TY : ĐỖ VĂN NGUYỄN

Chúc Mừng Năm mới - XUÂN 2001



Trụ sở Công ty

Công ty Sản xuất Kinh doanh Dụng cụ Chỉnh hình Hà Nội được thành lập năm 1990 với nhiệm vụ sản xuất, lắp ráp, sửa chữa hoàn chỉnh các loại dụng cụ chỉnh hình (chân tay giả, nẹp Aten, nạng chống xe lăn, xe lắc, giày, dép, áo chỉnh hình) phục vụ người khuyết tật và hướng dẫn những người tàn tật luyện tập phục hồi chức năng, đưa họ trở lại với cuộc sống lao động bình thường trong xã hội.

Công ty có một đội ngũ quản lý vững vàng, những kỹ thuật viên, công nhân lành nghề và các thầy thuốc giỏi về chuyên môn, tận tình trong phục vụ.

Công ty cũng đã xây dựng được một khu nhà khang trang dùng làm văn phòng điều hành, phòng khám bệnh, lắp chân tay giả, phòng vật lý trị liệu, luyện tập phục hồi chức năng và một khu xưởng sản xuất chân tay giả rộng 7000m^2, đồng thời trang bị được những thiết bị, dụng cụ y tế có chất lượng nhằm nâng cao chất lượng sản xuất và điều trị, xứng đáng với sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài thành phố.



Kiểm tra hàng xuất xưởng

NHÂN DỊP NĂM MỚI TÂN TỴ 2001, Công ty kính chúc Quý vị Sức khỏe An khang, Thịnh vượng và Thành đạt



Tổ ... chỉnh



Lắp ráp xe lăn

Digitized by Google

5730

BỘ XÂY DỰNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

21 PHỐ KIM ĐỒNG - GIÁP BÁT - HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI TEL : 04.8.647122 FAX : 04.8.647144

Chúc Mừng Năm Mới --2001

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ là Tổng công ty Nhà nước, có tên giao dịch quốc tế là **HOUSING AND URBAN DEVELOPMENT CORPORATION (HUD),** hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và phát triển nhà và đô thị trên phạm vi cả nước.



Trụ sở công ty

HOẠT ĐỘNG :

- ❑ Đầu tư phát triển các khu dân cư, các khu kinh tế và khu công nghiệp tập trung.
- ❑ Tư vấn đầu tư xây dựng nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.
- ❑ Quản lý các dự án đầu tư phát triển nhà, khu đô thị mới và khu công nghiệp.
- ❑ Kinh doanh nhà, kinh doanh hạ tầng khu đô thị mới và khu công nghiệp.
- ❑ Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, bưu chính viễn thông, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế điện, điện nước cho các công trình dân dụng, công nghiệp.
- ❑ Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị và vật liệu xây dựng.
- ❑ Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ, vật liệu xây dựng.
- ❑ Quản lý khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung.



Mô hình Quy hoạch khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm (184 HA)



Công viên bắc Linh Đàm



Trục trung tâm khu nhà ở cao tầng và công trình dịch vụ - Bán đảo hồ Linh Đàm (sẽ khởi công xây dựng đầu năm 2001)



Chung cư 9 tầng bắc Linh Đàm (144 căn hộ) (Các hộ dân đã được về sinh sống)

Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

Xuân Tân Tỵ



UNIV. OF MICH.
MAR 0 6 2001
CURRENT SERIALS

2
1-2001

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính : 105, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu

ĐIỆN THOẠI : (84)- 64- 839871/72. FAX : (84)- 64- 839857



VIETSOVPETRO - Liên doanh giữa Việt Nam và Liên bang Nga - được Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động.

Ngày thành lập : 19-06-1981.

Vùng hoạt động : 3 mỏ : Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng.

Sản lượng dầu thô khai thác từ năm 1986 đến năm 2000 đạt 88 triệu tấn.

Cung cấp khí vào bờ từ năm 1995 đến năm 2000 đạt 5 tỉ mét khối.

Nhân dịp Xuân Tân Tỵ 2001, tập thể lao động quốc tế VIETSOVPETRO kính chúc Bạn đọc TẠP CHÍ CỘNG SẢN Năm mới AN KHANG THỊNH VƯỢNG.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 608

THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

2
1-2001

MỤC LỤC

MỪNG XUÂN TÂN TỴ - TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	**Xã luận** - Mùa xuân của ngàn xuân	3
	LÊ KHẢ PHIÊU - Hà Nội, TP Hồ Chí Minh,... phải phấn đấu đạt yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa sớm hơn so với yêu cầu chung của cả nước	5
	Bộ Chính trị chỉ thị : Tạp chí Cộng sản phải cùng các cơ quan lý luận của Đảng đi tiên phong trong công tác lý luận	12
	NÔNG ĐỨC MẠNH - Quốc hội ta chí cả, công cao	14
	NGUYỄN DY NIÊN - Thế giới năm qua và nhiệm vụ đối ngoại của chúng ta trong năm 2001	18
	LÊ CÔNG PHỤNG - Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam - Trung Quốc trong Vịnh Bắc Bộ	21
MỪNG XUÂN TÂN TỴ - TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	VŨ HIỀN - Nhận dạng và xử lý cơ hội, thách thức	24
	TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN - Về chiến lược dân số ở nước ta đến năm 2010	27
	TIẾN HẢI - Nâng cao hiệu quả tổ chức chỉ đạo thực hiện	32
	DƯƠNG TRUNG QUỐC - Việt Nam thế kỷ XX - một trăm năm trong một ngàn năm	35
	NGUYỄN XUÂN LẠC - Xuân chuyển giao thế kỷ vang vọng những vần thơ về Đảng	38
	HỮU THỈNH - Tiếp tục tinh thần nhập cuộc mạnh mẽ của nhà văn	43
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN HIỆP - Tổng công ty đầu tư phát triển nhà đô thị Bộ Xây dựng: những thành công từ quyết tâm và định hướng đúng	45
	VÕ HÙNG DŨNG - Điều chỉnh cơ cấu đầu tư nông nghiệp bảo đảm tăng trưởng ổn định và bền vững	**48**
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - Vậy là vậy	54
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	NGUYỄN VĂN THANH - Một chủ nghĩa quốc tế mới	55

Bìa 1 : *Hà Nội - mùa Xuân*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: Весна тысячей весен! ЛЕ ХА ФИЕУ: Ханой, город Хошимин, ... надо стремиться достигнуть цели индустриализации, модернизации раньше, чем на всей стране. **Указ Политбюро:** Вместе с остальными теоретическими учреждениями Компартии, журнал "Коммунист" должен идти в авангарде в теоретической работе. НОНГ ДЫК МАНЬ: Наше Национальное Собрание - твердая воля, большие заслуги. НГУЕН ЗИ НЬЕН: Мир прошедшего года и наши внешние задачи в 2001 году. ЛЕ КОНГ ФУНГ: Договор о распределении территории в заливе Бакбо и Договор о сотрудничестве в рыболовстве между Вьетнамом и Китаем в заливе Бакбо. ВУ ХИЕН: Распознать и справляться с возможностями и испытаниями. ЧАН ТХИ ЧУНГ ТЬЕН: О стратегии демографии в нашей стране до 2010 года. ТЬЕН ХАЙ: Повышать эффективность организационного управления. НГУЕН ЧУНГ КУОК: Вьетнам века XX - столетие в тысячелетии. НГУЕН СУАН ЛАК: Весна входа в новый век, воспевающие стихи Компартию. ХЫУ ТХИНЬ: Развивать и впредь сильный дух входа в дело писателей. НГУЕН ВАН ТХАНЬ: Новый интернационализм.

CONTENTS

Editorial: A spring of thousands of springs. LÊ KHẢ PHIÊU: Hà Nội, Hồ Chí Minh City should strive to achieve the objectives of industrialization and modernization earlier than the whole country. **Directive of the Politbureau**: The *Communist Review*, together with Party theoretical organs, must take the lead in theoretical work. NÔNG ĐỨC MẠNH: Our National Assembly has a strong will and great merits. NGUYỄN DY NIÊN: The world in the past year and the tasks of our foreign service in the year 2001. LÊ CÔNG PHỤNG: The Pact on the demarcation of the Bắc Bộ (Tonkin) Gulf, the Agreement on fishing co-operation in the Bắc Bộ (Tonkin) Gulf between Vietnam and China. VŨ HIỀN: Identification and dealing with opportunities and challenges. TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN: The population strategy in Vietnam up to the year 2010. TIẾN HẢI: Efficiency in the organization and guidance for implementation to be raised. DƯƠNG TRUNG QUỐC: Vietnam in the 20th century - 100 years in millenium. NGUYỄN XUÂN LẠC: The poems dedicated to the Party resound through the spring between two centuries. HỮU THỈNH: Writers' spirit of strong involvement to be continued. NGUYỄN VĂN THANH: A new internationalism.

SOMMAIRE

Editorial: Le printemps de mille printemps. LÊ KHẢ PHIÊU: Hanoi, Ho Chi Minh-ville,... doivent s'efforcer de réaliser l'industrialisation et la modernisation plus tôt que le terme général de l'ensemble du pays. **Ordonnance du Bureau politique:** La Revue Communiste doit, ensemble avec les organismes théoriques du Parti, être avant-garde dans le travail théorique. NÔNG ĐỨC MẠNH: Notre Assemblée nationale pleine de grande volonté et mérites. NGUYỄN DY NIÊN: Le monde en l'an 2000 et nos tâches de relations extérieures dans l'année 2001. LÊ CÔNG PHỤNG: Le Traité sur la délimitation du Golfe Bac Bo et l'Accord de coopération dans la pêche dans le Golfe du Bac Bo entre le Vietnam et la Chine. VŨ HIỀN: Identifier et traiter l'opportunité et le défi. TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN: Sur la stratégie démographique au Vietnam jusqu'à 2010. TIẾN HẢI: Elever l'efficacité de l'organisation de la direction et de la réalisation. DƯƠNG TRUNG QUỐC: Le Vietnam au XXe siècle - cent années dans mille années. NGUYỄN XUÂN LẠC: Le printemps de la transition des siècles résonne des poèmes chantant la gloire du Parti. HỮU THỈNH: Reprendre l'esprit d'entrer en jeu des écrivains. NGUYỄN VĂN THANH: Un nouvel internationalisme.

SUMARIO

Editorial: La Primavera de mil primaveras. LÊ KHẢ PHIÊU: Hanoi y Ciudad Ho Chi Minh deben esforzarse por realizar la industrialización y modernización más temprano que el plazo general del conjunto del país. **Directiva del Buró Político:** La Revista Comunismo debe estar codo con codo con los órganos teóricos del Partido en la vanguardia del trabajo teórico. NÔNG ĐỨC MẠNH: La Asamblea Nacional de Vietnam, pleno de voluntad y méritos. NGUYỄN DY NIÊN: El mundo en el año 2000 y nuestras tareas de relaciones exteriores en el año 2001. LÊ CÔNG PHỤNG: El Tratado de demarcación del Golfo Bac Bo y los Acuerdos de la Cooperación en la pesca entre Vietnam y china. VŨ HIỀN: Identificación y tratamiento de las oportunidades y desafíos. TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN: Sobre la estrategia demográfica en Vietnam hasta 2010. TIẾN HẢI: Mejorar la eficiencia de la organización de dirección y ejecución. DƯƠNG TRUNG QUỐC: Vietnam del siglo XX - cien años en mil años. NGUYỄN XUÂN LẠC: La primavera de transición de siglos resuena los poemas cantando la gloria del Partido. HỮU THỈNH: Proseguir el espíritu de entrar en juego de los escritores. NGUYỄN VĂN THANH: Un nuevo internacionalismo.

目录

社论：千春之春•黎可漂：与全国总的要求相比，河内市、胡志明市等城市必须奋斗提前完成工业化、现代化目标•政治局指示：《共产杂志》必须与党的各个理论机构充当理论工作方面的先锋•农德孟：我们国会志大功高•阮怡年：世界过去的一年及2001年的我们对外任务•黎公奉：越中北部湾划界协定及越中在北部湾的渔业协定•武贤：认识并处理机遇及挑战•阮氏忠战：我国至2010年的人口战略•进海：提高指导组织落实工作的效果•杨中国：二十世纪的越南—千年中之百年•阮春乐：歌颂党的诗篇迴响在世界春之交•友请：继续发展作家的拼搏参与精神•阮文青：一个新的国际主义.

Digitized by Google



Xã luận

MÙA XUÂN CỦA NGÀN XUÂN

Xuân Tân Tỵ là mùa xuân đầu của trăm xuân trong thế kỷ XXI, cũng là mùa xuân đầu của ngàn xuân trong thiên niên kỷ thứ ba.

Trăm xuân hay ngàn xuân là cái mốc thời gian theo lịch đại do con người định ra. Nhưng thời gian là vô tận, là dòng chảy vĩnh hằng luôn luôn hướng về phía trước. Nói "xuân đến, xuân đi, xuân lại lại" là nói cái chu kỳ của các mùa trong một năm. Thật ra, xuân có đến, có đi nhưng không bao giờ trở lại. Cũng là mùa xuân, nhưng xuân Tân Tỵ này không phải là xuân Canh Thìn năm qua, càng không phải là xuân Nhâm Ngọ sắp tới. Và dẫu có một xuân Tân Tỵ nữa sẽ đến đúng 60 năm sau thì cái xuân Tân Tỵ ấy vẫn hoàn toàn khác với xuân Tân Tỵ ngày nay.

Chính vì thời gian không trở lại mà cuộc chạy đua với thời gian đối với mỗi người và với tất cả chúng ta là vô cùng quyết liệt. Cứ mỗi mùa xuân qua, lớp cao niên sẽ thấy thời gian không còn nhiều để phục vụ cho đất nước và cho nhân dân. Lớp trung niên sẽ ngó trước nhìn sau, tự đặt cho mình câu hỏi : đã nửa đời người rồi, vậy ta đã làm được những gì và sẽ còn làm được bao nhiêu nữa cho quá khứ, hiện tại và tương lai ? Lớp người niên thiếu, dẫu đời còn dài, cũng chớ vội hào phóng với thời gian, cho rằng ta có thể còn đủng đỉnh.

Digitized by Google

Nhìn lại xuân qua, xuân Canh Thìn, ta thấy đó là mùa xuân mở đầu tốt đẹp cho một năm khép lại thế kỷ. Năm qua, tình hình đất nước nói chung và kinh tế nói riêng có những nét khởi sắc đáng mừng. Các mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội đề ra đều đạt và vượt. Chúng ta đã thành công trong việc chặn lại đà suy giảm và tạo tiền đề cho khôi phục nhịp độ phát triển cao vào các năm sau. Chúng ta cũng đã đạt được nhiều tiến bộ mới trong giải quyết các vấn đề xã hội, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại.

Nhìn sang xuân này, ta thấy tràn đầy tin tưởng. Chạy đua với thời gian, chúng ta hãy làm tất cả những gì có thể làm được để xuân Tân Tỵ - 2001 thật sự xứng đáng là mùa xuân năm mở đầu thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới. Từ những ý tưởng lớn của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, ta thấy bừng dậy một sắc xuân bất tận. Trả lời phỏng vấn đầu năm của các báo, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu nói : "Tôi mong chúng ta giành thắng lợi lớn nhất, toàn diện nhất trong năm đầu của thế kỷ... Năm 2001 sẽ thắng lợi hơn năm 2000 và các năm trước.". Chủ tịch nước Trần Đức Lương nêu rõ : "Chúng ta nhất định thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2001, đưa đất nước ta phát triển nhanh hơn, bền vững hơn khi bước vào thế kỷ XXI". Thủ tướng Phan Văn Khải cũng khẳng định : "Năm 2001 sẽ mở ra nhiều triển vọng đưa công cuộc đổi mới và phát triển đất nước tiến lên ngày càng mạnh mẽ".

Chạy đua với thời gian, xuân Tân Tỵ 2001 này, chúng ta hãy hoàn thành thật tốt mọi công việc chuẩn bị cho Đại hội IX của Đảng. Và chúng ta cũng sẵn sàng đem hết tinh thần và nghị lực đưa Nghị quyết của Đại hội vào cuộc sống. Thành công của đại hội đảng bộ các cấp, nhất là cấp tỉnh, thành vừa qua, là một bước chuẩn bị tốt theo tinh thần đó. Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố khác đã bày tỏ quyết tâm đi đầu và thực hiện sớm hơn nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cho đến năm 2020. Đó là một sự cam kết đối với tương lai.

Cuộc hành trình của chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội là cuộc hành trình của cả một dân tộc tự giác giữ vững quyền làm chủ của mình, có đủ trí tuệ và lòng dũng cảm gạt bỏ mọi chướng ngại, hướng tới một xã hội ngày càng tốt đẹp, thực hiện ngày càng cao mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Đất nước ta ngay trong thiên niên kỷ thứ nhất, đã có thời kỳ mang tên ***Vạn Xuân****. Vạn Xuân là gạch nối giữa các thời đại Văn Lang và Âu Lạc xưa kia với Đại Việt và Việt Nam ngày nay. Dân tộc ta mong muốn đất nước muôn đời xuân. Xuân muôn đời ấy chính là xuân của độc lập tự do, của chủ nghĩa xã hội, của "đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh". Trong thời đại của chúng ta, chủ nghĩa xã hội chính là mùa xuân của dân tộc, cũng là mùa xuân của nhân loại.❑*

TCCS

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU :

HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,... PHẢI PHẤN ĐẤU ĐẠT YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA SỚM HƠN SO VỚI YÊU CẦU CHUNG CỦA CẢ NƯỚC

***Lời BBT** - Vào thời điểm chuyển giao thế kỷ, trong những ngày cuối năm 2000, đầu năm 2001, việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được tiến hành hết sức khẩn trương, cao điểm là đại hội đảng bộ cấp tỉnh và thành phố. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã phân công trực tiếp dự và chỉ đạo các đại hội này. Ngày 27-12-2000, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội, và trước đó, ngày 19-12-2000, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã có những bài phát biểu rất quan trọng, chỉ rõ "thủ đô Hà Nội là trái tim, thành trì xã hội chủ nghĩa của cả nước" và thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học và công nghệ, một đầu mối giao lưu quốc tế có vị trí chính trị rất quan trọng ở phía Nam và của cả nước. Cả hai thành phố đó có nhiệm vụ phấn đấu đạt yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa sớm hơn so với yêu cầu chung của cả nước.*

Sau đây, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu nội dung cơ bản của hai bài phát biểu đó.

THỦ ĐÔ HÀ NỘI LÀ TRÁI TIM, THÀNH TRÌ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA CẢ NƯỚC

HÀ Nội là địa danh tiêu biểu cho lịch sử hàng ngàn năm văn hiến của dân tộc Việt Nam. Từ khi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, hơn nửa đời người lặn lội khắp năm châu để trở về Hà Nội, thay mặt nhân dân đọc Bản tuyên ngôn độc lập, mở đầu thời đại mới của Tổ quốc, thời đại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nhắc lại đôi điều lịch sử ấy để Đảng bộ và nhân dân Hà Nội mãi mãi nhớ rằng : Tổ quốc hưng thịnh thì Hà Nội hưng thịnh. Vận mệnh của Hà Nội gắn liền với vận mệnh của cả nước, gắn liền với vận mệnh của chế độ xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta. Hà Nội vì cả nước, cả nước vì Hà Nội, bởi vì Hà Nội là trái tim của cả nước. Nhân dịp Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội và những ngày cuối cùng của một thế kỷ đấu tranh oanh liệt của dân tộc, Đảng, Nhà nước cũng như Đảng bộ và nhân dân Hà Nội xin gửi đến mỗi gia đình Việt Nam trong cả nước, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, tất cả các đảng bộ, các tỉnh, thành, các ngành, các cấp, các đơn vị lực lượng vũ trang lời biết ơn đã góp mồ hôi, xương máu

Digitized by Google

và trí tuệ vì Hà Nội, để Hà Nội được đón nhận vinh dự là Thủ đô Anh hùng.

Sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng (1954), kết thúc kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế, Hà Nội đã cùng với miền Bắc hăng hái bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành căn cứ địa vững chắc, hậu phương lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thanh niên Hà Nội đã anh dũng chiến đấu trên các chiến trường. Hằng ngày, hằng đêm, cả miền Nam hướng về Hà Nội với một quyết tâm sắt đá : giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Sau ngày toàn thắng 30-4-1975 và nhất là sau khi Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới năm 1986, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã kiên cường, bền bỉ vượt qua khó khăn, đoàn kết phấn đấu thu được những thành tựu rất quan trọng, tạo ra những biến đổi sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống. Lực lượng sản xuất phát triển, quan hệ sản xuất được xây dựng từng bước phù hợp ; cơ cấu kinh tế được chuyển dịch từ công nghiệp - nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Kinh tế tăng trưởng khá liên tục, văn hóa - xã hội, một số lĩnh vực như giáo dục - đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục - thể thao đạt được thành tựu nổi bật ; cải tạo, xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật từng bước đồng bộ, hiện đại ; đời sống nhân dân được cải thiện, cuộc sống hạnh phúc hơn, Hà Nội đẹp hơn, văn minh hơn. Chính trị - xã hội ổn định, bảo đảm tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước và các hoạt động chính trị, hành chính, đối ngoại quốc gia.

Sự phát triển và ổn định chính trị của Hà Nội đã góp phần thúc đẩy sự phát triển và ổn định chính trị của khu vực phía bắc và cả nước, góp phần nâng cao vị thế của nước ta, làm cho bè bạn thêm yêu mến và tin cậy chúng ta : Hà Nội vì hòa bình, Việt Nam vì hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương Đảng bộ và nhân dân Hà Nội. Hà Nội xứng đáng là Thủ đô ngàn năm văn hiến, đầu não chính trị quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa - khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, xứng đáng là Thủ đô Anh hùng của Tổ quốc Anh hùng.

Khi miền Bắc bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tại cuộc Hội nghị cán bộ toàn Đảng bộ Hà Nội ngày 25-4-1959, Bác Hồ đã xác định : *Thủ đô Hà Nội phải làm thế nào để trở thành một Thủ đô xã hội chủ nghĩa.*

Chế độ ta là chế độ xã hội chủ nghĩa. Nguyện vọng của nhân dân ta, mục tiêu của Đảng ta là xây dựng xã hội chủ nghĩa hoàn thiện, làm cho Tổ quốc ta, ai cũng có nghề nghiệp, cơm ăn, áo mặc, được học hành, đi lại thuận tiện, có cuộc sống gia đình hạnh phúc, phố làng yên vui, yêu quý và tin tưởng lẫn nhau, người dân được tôn trọng, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cũng trong ngày 25-4-1959, Bác Hồ căn dặn : *Muốn như thế thì mỗi một xí nghiệp, mỗi một đơn vị bộ đội, mỗi một trường học, mỗi một đường phố, mỗi một cơ quan và mỗi một nông thôn ở ngoại thành phải thành một pháo đài của chủ nghĩa xã hội..., thì mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động phải có đạo đức cách mạng, phải thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải lấy phê bình và tự phê bình mà tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân và bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể. Đảng viên, đoàn viên bất cứ ở đâu, bất cứ làm công việc gì, phải thật gương mẫu. Đảng bộ Hà Nội phải làm gương mẫu cho các đảng bộ khác.*

Lời dạy của Bác Hồ là định hướng cơ bản, lâu dài, xuyên suốt trong toàn bộ chủ trương, chính sách, công tác và hành động đối với Đảng bộ và nhân dân Hà Nội. Đó cũng là nguyện vọng tha thiết của Bác Hồ đối với Hà Nội. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ đã có sự kiểm điểm. Tôi đề nghị Đại hội và các đồng chí đại biểu lấy lời dạy của Bác và Nghị quyết của Đại hội VII, VIII trên hai nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt mà tự kiểm điểm xem đã thực hiện lời Bác Hồ dặn như thế nào ? Những điểm gì thực hiện được, những điểm gì chưa thực hiện được ?

Vì sao kinh tế tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Thủ đô, vai trò vùng động lực kinh tế của các tỉnh phía bắc và cả nước chưa thật nổi bật, phát huy nội lực chưa tốt, hàng tiêu dùng chất lượng chưa cao, hàng ngoại nhiều ; quản lý đô thị còn nhiều yếu kém, những vụ nổi cộm như Thủy cung Thăng Long, giải tỏa sân gôn, lấn chiếm đất công, giải quyết đất đai không đúng pháp luật, kỷ cương không nghiêm ; công tác tư pháp, điều tra, khởi tố, xét xử có những điểm phải nghiêm túc xem xét. Tệ nạn xã hội giải quyết chậm, các quận, huyện, xã, phường đều có những vấn đề, ai cũng biết, nhưng giải quyết chưa đến nơi đến chốn, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vụ án Dương Thị Nga, về mặt hình sự không phải là lớn ; nhưng xét về bản chất cách mạng, bản chất xã hội chủ nghĩa thì nghiêm trọng, nhưng chần chừ, không dũng cảm nhận ra thiếu sót. Tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu khắc phục không kiên quyết.

Digitized by Google

Vì vậy, một số chính sách, chủ trương bị vô hiệu hóa. Sinh hoạt đảng, sinh hoạt đoàn nhiều nơi hình thức, lỏng lẻo.

Thời gian qua, trong Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tinh thần tự giác thực hiện đến đâu, thực chất đến đâu, trung thực đến đâu ? Bao nhiêu cán bộ, đảng viên thẳng thắn phê bình ? Bao nhiêu cán bộ, đảng viên tự giác nhận khuyết điểm, hay là không giấu được, không chối được thì mới nhận ? Hiện tượng nể nang, sợ mất lòng, trước mặt đồng ý, sau lưng nói xấu nhau, cán bộ kém năng lực, sợ trách nhiệm, đùn đẩy, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh, không phản ánh trung thực tình hình. Nếu không khắc phục những hiện tượng này thì làm sao xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, làm gương cho các đảng bộ khác được. Nếu đến năm 2005, Hà Nội chỉ xây dựng được 65 - 70% đảng bộ trong sạch, vững mạnh thì có thể lãnh đạo được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có thể là Thủ đô xã hội chủ nghĩa được hay không ? Các cấp ủy đã thực hiện và sáng tạo những hình thức dân chủ để nhân dân đóng góp, phê bình cán bộ, đảng viên không ? Cán bộ, đảng viên có chân thành tiếp thu ý kiến phê bình của nhân dân và kiên quyết sửa chữa như thế nào ?

Công tác tư tưởng - văn hóa, bên cạnh các mặt tốt thì còn có vấn đề gì ? Vì sao không đấu tranh kiên quyết với xu hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường, khai thác những tâm lý hoài nghi, ủy mị, có đúng không ? Khắc phục thế nào ?

Thủ đô Hà Nội là trái tim của chế độ xã hội chủ nghĩa, là thành trì xã hội chủ nghĩa của cả nước, tiêu biểu cho bản lĩnh chính trị kiên định của nhân dân ta, góp phần sáng tạo và nhân lên sức sống của đường lối chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa tỏa rộng khắp cả nước. Những quan điểm mập mờ do dự về con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực phải được đấu tranh phê phán rõ ràng và sòng phẳng.

Hà Nội có tốc độ tăng trưởng cao, từ 1996 - 2000, bình quân đạt 10,6% GDP, năm 2000 đạt 990 USD đầu người, tỷ trọng công nghiệp chiếm 38%, dịch vụ chiếm 58,2%, nông nghiệp chiếm 3,8%. Những thành tựu ấy đã tạo ra thế và lực mới để Thủ đô Hà Nội thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thành tựu ấy cho phép Hà Nội cùng với thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố khác trở thành một thành phố công nghiệp trước năm 2020. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng kinh tế là trung tâm. Đại hội nên bàn bạc, tính toán để có thể hạ quyết tâm chính xác, tìm ra giải pháp sắc bén, tập trung hơn nữa, năng động hơn nữa, làm cho lực lượng sản xuất vượt lên mạnh mẽ, vì hạnh phúc của nhân dân Hà Nội, vì sự nghiệp đổi mới của cả nước.

Song song với việc phát triển lực lượng sản xuất ngày càng hiện đại, có hàm lượng trí tuệ ngày càng cao, phải hết sức coi trọng củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng ngày càng vững chắc của chế độ kinh tế mới, khuyến khích các thành phần kinh tế khác phát triển, hợp tác và thi đua với nhau, làm cho nhân tố xã hội chủ nghĩa ngày càng được tăng cường.

Hà Nội lại là nơi có lực lượng cán bộ khoa học đông nhất cả nước, của các cơ quan trung ương và của Hà Nội, được đào tạo cơ bản, đã có những cống hiến tích cực trên tất cả các lĩnh vực. Các cơ quan khoa học của trung ương và của Hà Nội phải cùng nhau phối hợp, xác định cụ thể chương trình trước mắt và lâu dài, tập trung đầu tư vào các mục tiêu chủ yếu, bảo đảm kinh tế - xã hội phát triển bền vững với tốc độ cao hơn.

Tỷ trọng GDP của kinh tế nhà nước của trung ương đứng trên địa bàn chiếm 58,8%, kinh tế nhà nước của địa phương chiếm 8,4%. Như vậy là tỷ trọng kinh tế nhà nước của trung ương đứng ở Hà Nội rất lớn. Tại Hà Nội, các đảng bộ, các cơ quan, các ngành, các đơn vị, công ty, xí nghiệp của trung ương rất đông.

Hà Nội phải phối hợp chặt chẽ và tận dụng lợi thế này để đi nhanh hơn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tinh thần tích cực, chủ động cao. Phải quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện sáng tạo Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001-2010. Phát triển Thủ đô là trọng điểm trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quan hệ hữu cơ với xây dựng và triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng và cả nước... Đưa công nghiệp hiện đại, tiên tiến vào sản xuất sản phẩm có giá trị chất lượng cao. Ngành nghề truyền thống phải hiện đại hóa, thu hút nhiều lao động của thành phố và vùng chung quanh. Về phát triển công nghiệp, phải có quan điểm đúng trong xây dựng công nghiệp nặng, có chọn lọc, coi trọng sản xuất tư liệu sản xuất, chú ý ngành cơ khí - kim khí, từng bước sản xuất máy công cụ, sản xuất hàng tiêu

Digitized by Google

dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, dịch vụ, điện tử, tin học, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, vật liệu mới...

Xây dựng và bảo vệ Thủ đô là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của các cơ quan trung ương. Các cơ quan trung ương phải xác định rõ trách nhiệm đối với Hà Nội, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát và phối hợp chặt chẽ với Hà Nội để Hà Nội hoàn thành nhiệm vụ của mình trước Tổ quốc. Đặc biệt, các cơ quan, đơn vị của trung ương phải gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, tham gia công tác vận động quần chúng, xây dựng phong trào cách mạng của địa phương.

Mục tiêu của chúng ta cao, yêu cầu của chúng ta lớn. Nhưng chúng ta là nước nghèo, vốn ít. Đại hội phải thảo luận và có quyết nghị rõ về vấn đề *tiết kiệm, chống lãng phí*. Phải xác định đúng trọng điểm, phải biết đi từng bước vững chắc, triệt để chống phô trương hình thức, chạy theo thành tích bề nổi. Phải nhớ rằng : tiền của do nhân dân giao cho chúng ta để đầu tư, sản xuất, xây dựng, vì hạnh phúc của nhân dân. Phải thật sự tiết kiệm thì mới tạo dựng được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phải bắt đầu từ đảng viên, từ chi bộ. Không một cái gì có thể giấu nổi chi bộ và con mắt của nhân dân. Vấn đề là từng chi bộ, đảng bộ cơ sở phải mạnh. Chi bộ phải quản lý đảng viên từ trong chi bộ, các đồng chí phải khuyên bảo nhau gương mẫu. Phải nêu gương sáng trước dân. Hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng, hằng quý phải có kế hoạch tiếp xúc với dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Dân ta rất nhạy cảm. Dân biết rất rõ cán bộ nào tốt, hết lòng vì dân, cán bộ nào xấu, xa dân, quan cách với dân, cán bộ nào có năng lực và cán bộ nào kém. Vấn đề là phải biết tạo điều kiện và thời gian để nghe dân. Biết nghe dân, hiểu dân, phục vụ dân thì dân mới quý Đảng, bảo vệ Đảng. Dân mà không bảo vệ Đảng thì cách mạng sẽ không tới đích ; cách mạng không biết tự bảo vệ thì cách mạng sẽ thất bại.

Nếu những người cộng sản chúng ta, các đồng chí cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ chúng ta hết lòng vì dân, vì nước, phát huy quyền làm chủ của dân, cùng dân phấn đấu và đồng cam cộng khổ với dân thì chúng ta sẽ có tất cả. Nhưng nếu cán bộ, đảng viên không vì dân, vì nước, để cho chủ nghĩa cá nhân phát triển, chỉ bo bo lo cho bản thân mình thì có nguy cơ mất tất cả. Ở một số đảng bộ, cơ quan, đơn vị có hiện tượng nội bộ lục đục, mất đoàn kết, mất dân chủ, dẫn đến kém kỷ luật, nhiều tổ chức đảng mất sức chiến đấu, hoặc giảm sức chiến đấu, lu mờ vai trò lãnh đạo, không giữ được vị trí tiên phong, không còn là hạt nhân lãnh đạo chính trị của đơn vị. Sở dĩ mất đoàn kết là do cá nhân chủ nghĩa nặng, kèn cựa địa vị, giành nhau chức quyền, có người bị đồng tiền chi phối, có người ham chức vị, mà ham chức vị thì không có chức nào vừa lòng họ, được chức này lại muốn leo lên chức khác, được quyền này lại muốn được trao nhiều quyền khác. Bệnh này rất nặng, gây tác hại cho bộ máy, thậm chí làm tê liệt bộ máy đảng, nhà nước, sinh ra bè phái, cục bộ, không lấy lợi ích Tổ quốc trên hết, không vì nhân dân phục vụ trên hết.

Mỗi đảng viên, cán bộ, mỗi cấp ủy viên, mỗi tổ chức đảng, mỗi đại biểu cần phê phán mạnh mẽ bệnh này và loại trừ bệnh này ra khỏi trong từng con người và trong từng tổ chức, không để nó lẩn khuất, ẩn nấp trong chúng ta. Phải tự mình hỏi mình đã thật sự vì dân, vì nước trên hết, trước hết chưa ? Mọi đảng viên, cán bộ đảng, cán bộ nhà nước phải hiểu rằng Đảng ta là đảng duy nhất cầm quyền, mọi đảng viên đều được Đảng phân công phụ trách một công tác. Đảng giao nhiệm vụ gì thì làm việc đó, không phải "chạy chọt" chức nọ, chức kia, khi có bầu cử không phải là giành phiếu. Mình giành phiếu với ai ? Và ai giành phiếu với mình ? Chúng ta phải nhớ lời Bác Hồ dạy : Trong Đảng phải có tình đoàn kết, thương yêu nhau, mỗi cán bộ là đầy tớ của dân.

Chủ nghĩa xã hội là đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Trách nhiệm của Đảng ta là vì mục đích đó. Đảng là người lãnh đạo toàn dân và cùng toàn dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và cũng chính vì vậy mà toàn dân tham gia xây dựng Đảng ta. Qua đại hội ở cấp xã, phường, quận, huyện đến tỉnh, thành và toàn quốc, trong Đảng và toàn dân đã tham gia tích cực góp phần làm cho đại hội Đảng các cấp đạt kết quả. Nơi nào thực hiện được tốt vấn đề này thì đại hội ở nơi đó thành công, công tác xây dựng Đảng ở nơi đó có chất lượng. ..

Không xây dựng, chỉnh đốn Đảng đúng với yêu cầu đề ra thì không có một thế hệ đảng viên gương mẫu, không có hạt nhân, nòng cốt để xây dựng con người xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng con người Hà Nội kết tinh ngàn năm văn hiến là xây dựng con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa gương mẫu đang sống, làm việc, học tập, chiến đấu ở Thủ đô xã hội chủ nghĩa của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Digitized by Google

VÌ HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN, TP HỒ CHÍ MINH PHẢI CÓ QUYẾT TÂM HOÀN THÀNH SỚM SỰ NGHIỆP CNH, HĐH

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, trung tâm khoa học công nghệ, văn hóa, y tế, thể dục thể thao, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài của khu vực các tỉnh phía Nam và của cả nước ; là một đầu mối giao lưu quốc tế, giao lưu khu vực, có mối liên hệ về nhiều mặt với đồng bằng Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và miền Nam Trung Bộ. Đồng thời thành phố Hồ Chí Minh có vị trí chính trị rất quan trọng ở phía Nam và cũng là của cả nước ta.

Dân số của thành phố chiếm tỷ lệ 6,6% của cả nước. Trong giai đoạn 1996 - 2000, tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng bình quân hằng năm hơn 10,2%, GDP bình quân đầu người năm 1995 là 937 USD đã tăng lên 1 365 USD năm 2000. Mặt bằng dân trí của dân thành phố là trên lớp 7. Trong 5 năm đã xây dựng hơn 3 triệu m^2 nhà ở, 100% dân thành phố ở nông thôn và 99,5% dân thành phố ở đô thị có nhà ở. Bình quân hằng năm giải quyết được hơn 18 vạn chỗ làm mới cho người lao động. Trong những năm qua, thành phố đã đóng góp hơn 30% tổng số ngân sách của cả nước.

Mặc dù còn nhiều chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) chưa đạt được, nhưng những thành tựu ấy đã làm cho cuộc sống của nhân dân thành phố ngày càng ổn định, đoàn kết với nhau hơn, các cháu học hành tiến bộ hơn, các gia đình sống vui vầy hơn, tạo ra thế và lực mới để thành phố thực hiện có hiệu quả kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nhà nước, tôi hoan nghênh sự phấn đấu anh dũng, bền bỉ, quyết tâm vươn lên để về đích trước của nhân dân thành phố, sự lãnh đạo và quản lý năng động, sáng tạo, trách nhiệm vận động nhân dân của Đảng bộ, chính quyền, Ủy ban mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản và các đoàn thể ở thành phố.

Thành phố Hồ Chí Minh đã xứng đáng với sự tin cậy của cả nước.

Đại hội không chỉ dừng lại ở niềm vui đối với những thành tựu đã đạt được. Trách nhiệm quan trọng của đại hội là phải nghiêm khắc xem xét những khuyết điểm, những yếu kém trong sự lãnh đạo của Đảng bộ và Ban Chấp hành Thành ủy, vạch rõ nguyên nhân, đề ra phương hướng và giải pháp đúng cho nhiệm kỳ 2000 - 2005, đáp lại xứng đáng sự mong đợi của cả nước.

Trong bài học về năng động, sáng tạo thì việc lãnh đạo và quản lý còn thiếu chặt chẽ, chưa sâu sát, chưa nghiêm túc kiểm tra, thanh tra, để xảy ra nhiều vụ án lớn về kinh tế. Tuy nhiên, đối với các vụ án này, nhiều cơ quan trung ương như ngân hàng, thuế quan phải chịu một phần trách nhiệm quan trọng, và dấu hiệu của những vụ phạm pháp ấy đã diễn ra từ các nhiệm kỳ trước.

Cùng với những vụ án ấy là sự sa đọa, biến chất của một số không ít cán bộ, đảng viên, dẫn đến làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Việc giáo dục và đấu tranh để ngăn ngừa các tệ nạn xã hội chưa kiên quyết. Tuy rằng với một thành phố đông dân, bao gồm cả dân vãng lai, với những hậu quả phức tạp để lại từ trước, sự xâm nhập thường xuyên của lối sống đồi trụy, văn hóa phản động, sự kích động của các thế lực thù địch và sự lợi dụng của các phần tử xấu "thương mại hóa" văn học, nghệ thuật, xuất bản, v.v... cuộc đấu tranh để ngăn chặn tệ nạn xã hội không phải là một việc đơn giản.

Chiều hôm qua, tôi đến thăm khu phố 4, phường 17, quận Bình Thạnh, một khu phố lao động, tình nghĩa, không có tệ nạn xã hội, có đồng bào Chăm, đồng bào theo đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành, nhưng sống đoàn kết chăm lo cho nhau, các cháu rất ngoan, nhiều học sinh giỏi, ai nấy làm ăn lương thiện. Ông Lê Văn Nở, thợ hồ, nhà nghèo mà nuôi được 4 con học đại học. Nhân dân khu phố nêu khẩu hiệu "mỗi gia đình vì mọi gia đình, mọi gia đình vì một gia đình", khu phố phấn đấu là khu phố văn hóa - khu phố xã hội chủ nghĩa.

Khu phố 4 là thành tựu chung của nhân dân và Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh. Nếu tất cả các khu phố trong thành phố thi đua phấn đấu như khu phố 4, thì nhất định thành phố Hồ Chí Minh sẽ là một thành phố văn hóa, một thành phố xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, là xóa bỏ bất công, áp bức, bóc lột, là đạo đức, là văn minh. Muốn có CNXH phải xây dựng con người XHCN, không có con người XHCN thì cũng không thể xây dựng thành công CNXH.

Digitized by Google

Thành phố Hồ Chí Minh có số công nhân và người lao động đông nhất nước. Thành phố đã có nhiều ưu điểm trong sự nghiệp chăm lo đời sống cho công nhân, nông dân và người lao động, thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa. Thành phố phải cố gắng hơn nữa về mặt này. Năm 2005 đạt GDP bình quân đầu người là 2000 USD. Thành tựu ấy chỉ có thể công nhận là thành tựu xã hội chủ nghĩa khi không còn hộ nghèo, hố ngăn cách giữa giàu và nghèo ngày càng hẹp lại, công bằng và dân chủ. Phải tìm mọi cách tập trung dạy nghề, đảm bảo người đến tuổi lao động có một nghề sinh sống, để họ tin ở tương lai của chính mình, của thành phố.

Tỷ trọng GDP khu vực công nghiệp và xây dựng của thành phố là 46%, khu vực dịch vụ là 52%, khu vực nông nghiệp là 2%, như vậy phải chăng chuyển dịch cơ cấu kinh tế đang chuyển dần dịch vụ trội lên và như vậy thì hình thành một trung tâm giao dịch thương mại lớn nhất của nước ta.

Thành phố có những ngành khoa học công nghệ và dịch vụ quan trọng : cơ khí, xây dựng, chế biến, dệt, bưu điện - viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, vận tải, tài chính, tín dụng, có 17 trường đại học và cao đẳng... Đó là cơ sở rất quan trọng để sớm hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố, không đợi đến năm 2020, thành phố có thể là một địa phương về đích trước nhất cả nước (có thể 2015).

Tới năm 2020, nước ta phấn đấu cơ bản trở thành một nước công nghiệp có nội dung hiện đại hóa cao hơn, đó là nói chung cả nước. Riêng thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương... phải phấn đấu đạt sớm hơn yêu cầu đó.

Thành phố Hồ Chí Minh phải có quyết tâm như vậy, vì hạnh phúc của nhân dân thành phố và vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước, học tập kinh nghiệm cả nước và làm tốt để đem lại kinh nghiệm cho mình và cho cả nước.

Để đạt được quyết tâm ấy, phải nhìn thẳng vào thực trạng của thành phố, tức là điểm mạnh, điểm yếu mà báo cáo của Ban Chấp hành Thành ủy đã nêu. So với các nước, nền kinh tế của nước ta (bao gồm cả thành phố Hồ Chí Minh) phát triển đang còn ở mức thấp. Trong khi các thế lực thù địch có ý đồ chuyển hóa nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta, với những thủ đoạn nham hiểm, tinh vi, phức tạp, che giấu dưới những hình thức nhằm tạo sự mơ hồ, ảo tưởng, đẩy chúng ta đi chệch hướng.

Báo cáo của Thành ủy đã nêu : Sự phát triển khá lên nhiều, nhưng sự phát triển còn thiếu chiều sâu ; tuy năng động, sáng tạo nhưng chưa thật vững chắc về định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng quan hệ sản xuất từng bước phù hợp sự phát triển lực lượng sản xuất còn lúng túng.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước ta, cũng như của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng là một cuộc đấu tranh cực kỳ phức tạp, quyết liệt giữa hai con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa tư bản chủ nghĩa, giữa quyết tâm giữ vững chế độ xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển và âm mưu, thủ đoạn kiềm chế, thúc ép, ràng buộc, lợi dụng để đưa nước ta đi vào quỹ đạo khác, không còn là chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh diễn ra hằng ngày, trên tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các đơn vị, các địa bàn, trong tất cả mọi chủ trương, chính sách.

Nhận thức sâu sắc điều đó để kiên định, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng trong mọi tình huống, thường xuyên kiểm tra, uốn nắn kịp thời, tổng kết rút kinh nghiệm và kiên quyết sửa chữa các lệch lạc. Phải đề phòng hiện tượng "nói vậy mà không làm vậy", nói tán thành "định hướng xã hội chủ nghĩa", "độc lập tự chủ", "phát huy nội lực" nhưng việc làm thì đi theo các lời khuyên đường mật và mua chuộc vật chất của kẻ xấu, ỷ lại vào bên ngoài, không đi sâu vào thực tiễn và cơ sở để thực sự nhận ra, khai thác triệt để nội lực của chính mình.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, khu vực kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế chung của thành phố, có tỷ trọng lớn nhất trong GDP (45,9%), có mức đóng góp cao nhất vào tăng trưởng GDP.

Để làm cho kinh tế thành phố cũng như kinh tế cả nước phát triển vững chắc, thì điều quan trọng là phải củng cố kinh tế Nhà nước và kinh tế hợp tác, nghĩa là phải củng cố nền tảng của nền kinh tế, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế : tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cùng phát triển. Làm cho kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể là nền tảng ngày càng vững chắc. Đó là xây dựng quan hệ sản xuất XHCN.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa chính là quá trình củng cố kinh tế hợp tác (mà nòng cốt là hợp tác xã). Một trung tâm khoa học công nghệ như thành phố Hồ Chí Minh phải làm nhiều việc để hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn... như : công nghệ sinh học, thí dụ giống lúa, cây, con, chế biến... Không làm được thì thật vô lý.

Để bảo đảm củng cố kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, phải tập trung đầu tư hơn nữa vào khoa học

Digitized by Google

công nghệ, phải tổ chức và động viên các nhà khoa học, xác định mục tiêu, yêu cầu trước mắt và lâu dài, phải tạo điều kiện cho các nhà khoa học làm việc. Phải triệt để tiết kiệm, tằn tiện xây dựng cho được một phòng thí nghiệm hiện đại. Hiện tượng lãng phí còn rất lớn, tự mình tích lũy chưa nhiều, trong khi nhu cầu đầu tư cho phát triển sản xuất, đầu tư cho khoa học công nghệ còn rất thấp. Chúng ta là một nước nghèo. Phải hiểu rõ phận nghèo. Tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh "lấy sức ta mà giải phóng cho ta", ngày nay là tiết kiệm, là phát huy triệt để nội lực, và biết sử dụng có hiệu quả ngoại lực.

Tôi nghĩ rằng : trong 10 công trình của thành phố, nên chăng có một công trình tập trung củng cố kinh tế nhà nước và phát huy thế mạnh khoa học - công nghệ của thành phố.

Cuối cùng, tôi muốn nói về xây dựng và chỉnh đốn Đảng bộ. Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh là một trong các đảng bộ ra đời sớm nhất. Một trong ba tổ chức tiền thân của Đảng hình thành tại thành phố này. Giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân của thành phố được Bác Tôn Đức Thắng gây dựng đã có truyền thống rất oanh liệt. Khối công nông liên minh và đội ngũ trí thức, mặt trận đại đoàn kết dân tộc đã được xây dựng thành lực lượng chiến đấu mạnh mẽ làm cho kẻ thù khiếp sợ và góp phần có ý nghĩa quyết định vào thắng lợi chung của thành phố.

Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh qua hơn một năm thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã có một bước tiến bộ.

Nhưng nghiêm khắc nhìn lại, những vấn đề tồn tại, những yếu kém còn nhiều. Đảng bộ thành phố bao gồm nhiều đầu mối, nhiều loại hình tổ chức cơ sở ở đô thị, nông thôn, tổng công ty, xí nghiệp, trong các công ty liên doanh, ở đủ các ngành từ xây dựng, công nghiệp đến tài chính, ngân hàng, tín dụng, đơn vị vũ trang, của địa phương và của trung ương đóng trên địa bàn. Thành phố lại là một trọng điểm trong cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tất cả những điều ấy đòi hỏi Đảng bộ phải tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn với tinh thần tích cực hơn nữa, thực chất hơn nữa, tập trung hơn nữa để giải quyết cơ bản những vấn đề nổi cộm và những vấn đề mới nảy sinh.

Chúng ta đang đứng trước những thuận lợi lớn. Nhưng các nguy cơ mà Đại hội lần thứ VII và lần thứ VIII của Đảng chỉ ra vẫn đang tồn tại.

Đối với một đảng cầm quyền, nguy cơ lớn nhất là nguy cơ suy thoái về chính trị, suy thoái về đạo đức. Kẻ thù hiểu rằng muốn xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thì phải chuyển hóa Đảng Cộng sản, làm cho Đảng Cộng sản không còn nữa, hoặc làm cho Đảng Cộng sản còn tên mà đã biến chất. Trên trường quốc tế, do sự tác động của nhiều yếu tố, trong thập niên đầu của thế kỷ XXI ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng hoảng chính trị, đảo chính quân sự vẫn còn diễn biến ở nhiều nơi.

Do sự phát triển của khoa học công nghệ, lực lượng sản xuất nói chung của toàn thế giới sẽ có bước phát triển nhảy vọt, ngày càng mở rộng khắp toàn cầu. Nhưng sự phát triển lực lượng sản xuất ấy lại mâu thuẫn ngày càng gay gắt với chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa. Liệu khủng hoảng kinh tế ở mức độ này hay mức độ khác có còn xảy ra không ? Cách mạng xã hội ở nơi này hay nơi khác có bùng nổ hay không ?

Sự phát triển của tình hình không chỉ có thuận lợi. Vì vậy, vấn đề đầu tiên của Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh cũng như đại hội các đảng bộ tỉnh, thành phố khác là phải đấu tranh để kiên định đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phải quán triệt trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống mà Đảng chịu trách nhiệm lãnh đạo, từ giáo dục đào tạo, đến kinh tế tài chính - văn hóa - xã hội...

Phải khắc phục sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, nguyên tắc và ý thức tổ chức, đạo đức lối sống, mơ hồ về bản chất dân tộc và giai cấp của cuộc đấu tranh trong giai đoạn cách mạng mới, mất cảnh giác, ảo tưởng, ỷ lại, chùn bước trước khó khăn.

Phải tiếp tục chống tham nhũng, quan liêu, xa rời nhân dân, kèn cựa địa vị, đó là những biểu hiện xấu xa nhất của chủ nghĩa cá nhân hiện nay.

Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh có bảo đảm với Ban Chấp hành Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân thành phố không để xảy ra các vụ như TAMEXCO, Minh Phụng, Ép-cô, Tân Trường Sanh như trước đây hay không ?

Trong 5 năm tới, chỉ có 70% tổ chức cơ sở của Đảng bộ thành phố phấn đấu đạt được trong sạch, vững mạnh. Như thế đã đạt được yêu cầu lãnh đạo toàn diện và vững chắc của Đảng bộ hay không ?

Đề nghị các đồng chí nghiêm túc thảo luận với tinh thần tự phê bình và phê bình để có những quyết định đúng nhất. ❑

Digitized by Google

BỘ CHÍNH TRỊ CHỈ THỊ : TẠP CHÍ CỘNG SẢN PHẢI CÙNG CÁC CƠ QUAN LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG ĐI TIÊN PHONG TRONG CÔNG TÁC LÝ LUẬN

Lời BBT : Nhân kỷ niệm lần thứ 70 ngày Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng ra số đầu tiên, ngày 22-12 năm 2000, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới, toàn văn như sau :

TẠP chí Cộng sản đã có bề dày truyền thống 70 năm. Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, 70 năm qua, Tạp chí Cộng sản đã không ngừng phấn đấu, trưởng thành, đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tạp chí luôn quán triệt và thể hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng, tuyên truyền các nghị quyết của Đảng, góp phần nâng cao trình độ lý luận, chính trị của cán bộ, đảng viên, động viên phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

Trong công cuộc đổi mới, Tạp chí Cộng sản đã có nhiều cố gắng trong công tác lý luận, đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào cuộc sống, tham gia tổng kết thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội trên thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, tình hình thế giới đã có nhiều biến động phức tạp, Tạp chí đã kiên định đấu tranh chống các quan điểm, tư tưởng sai trái và các luận điệu thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng. Tuy vậy, Tạp chí Cộng sản cũng còn có một số nhược điểm cần khắc phục, nhất là trình độ lý luận và tính chiến đấu chưa cao ; việc phân tích và tổng kết những vấn đề mới, phức tạp do thực tiễn cách mạng trong nước và thế giới đặt ra chưa kịp thời và sắc bén.

Nhiệm vụ cơ bản và quan trọng của Tạp chí Cộng sản trong thời gian tới là : trên cơ sở phân tích đúng tình hình thế giới và cục diện mới của đất nước, góp phần hướng dẫn về lý luận và hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng các cơ quan lý luận của Đảng đi tiên phong trong công tác lý luận, bảo vệ, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, làm nổi bật những cống hiến về lý luận và thực tiễn của Đảng ta vào kho tàng lý luận cách mạng của thế giới.

Phương châm chỉ đạo hoạt động của Tạp chí Cộng sản là không ngừng nâng cao tính cách mạng và tính khoa học của công tác lý luận, gắn lý luận với thực tiễn, giải đáp có sức thuyết phục những vấn đề thực tiễn đề ra.

Hiện nay, toàn Đảng ta đang tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đại hội có ý nghĩa lịch sử trọng đại, sẽ đưa ra những quyết sách nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tạo bước phát triển mới của đất nước trong

Digitized by Google

những năm đầu thế kỷ XXI. Tạp chí Cộng sản có nhiệm vụ, bằng công tác lý luận và thông qua công tác lý luận kết hợp với thực tiễn làm sáng tỏ những nội dung cơ bản trong Nghị quyết Đại hội IX.

Trước mắt, Tạp chí cần thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể sau đây :

1 - Góp phần cùng toàn Đảng tổng kết thực tiễn 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 10 năm thực hiện *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* và 15 năm đổi mới. Làm sáng tỏ hơn tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn ; lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, những vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, về tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, về mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân ; về tiếp tục cải cách và hoàn thiện Nhà nước, phát triển dân chủ, tăng cường pháp chế, về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

2 - Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản cần tổ chức tổng kết kinh nghiệm làm Tạp chí, rút ra những bài học bổ ích phục vụ thiết thực chặng đường mới. Cần đổi mới toàn diện các hoạt động của Tạp chí, then chốt là đổi mới công tác biên tập và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ sức làm tròn nhiệm vụ được giao. Không ngừng mở rộng và gắn bó chặt chẽ, hiệu quả hơn mối quan hệ giữa Tạp chí Cộng sản với các cơ quan nghiên cứu khoa học, với các cấp, các ngành, các địa phương, với các cơ quan báo chí nhằm khai thác và phát huy sức mạnh tổng hợp của công tác nghiên cứu khoa học - thực tiễn, đưa công tác lý luận của Tạp chí phát triển lên một bước mới. Mở rộng hơn nữa đội ngũ cộng tác viên, bao gồm các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở tất cả các ngành, các cấp, các nhà khoa học - công nghệ, các trí thức trong và ngoài Đảng. Tăng cường công tác bạn đọc và phát hành làm cho tờ Tạp chí gắn bó chặt chẽ hơn nữa với bạn đọc trong và ngoài nước. Sớm phát hành *Tạp chí Cộng sản điện tử* trên mạng In-tơ-nét.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho Tạp chí Cộng sản hoàn thành nhiệm vụ của mình trong giai đoạn mới, Bộ Chính trị chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa Tạp chí theo quy chế làm việc của Trung ương. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Tạp chí trong việc hoạch định chương trình biên tập trong từng thời kỳ, tuyên truyền thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả. Ban Tổ chức Trung ương giúp Tạp chí trong việc lựa chọn, điều động cán bộ có năng lực nghiên cứu lý luận, thực tiễn và biên tập về Tạp chí. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan đào tạo khác giúp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học và giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn cho Tạp chí. Các ngành, các cơ quan cung cấp tư liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra, nghiên cứu và biên tập của Tạp chí Cộng sản. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cơ quan, các ngành ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm viết bài cho Tạp chí, thường xuyên góp ý kiến phê bình, xây dựng Tạp chí.

Các cấp ủy đảng và cơ quan tuyên giáo các cấp cần tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung và hướng dẫn sử dụng có hiệu quả Tạp chí Cộng sản trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các đảng bộ thuộc cơ sở, các chi bộ thuộc các bộ, ban, ngành, đoàn thể của Trung ương, các chi bộ thuộc lực lượng vũ trang, công an nhân dân ; các chi bộ thuộc các Tổng công ty 90, 91 được sử dụng đảng phí để mua Tạp chí Cộng sản. Các báo Nhân Dân, Quân đội nhân dân, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam cần giới thiệu mục lục và nội dung chủ yếu của mỗi số Tạp chí Cộng sản.❑

Digitized by Google

QUỐC HỘI TA CHÍ CẢ, CÔNG CAO *

NÔNG ĐỨC MẠNH

NGÀY 6-1-1946, cách đây 55 năm, là ngày đã diễn ra một sự kiện trọng đại có ý nghĩa hết sức to lớn trong đời sống chính trị, xã hội nước ta, đã ghi vào lịch sử Việt Nam một mốc son chói lọi, đó là cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu đại biểu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam độc lập. Ngày ấy, đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Tổ quốc, của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu vào ngày 5-1-1946 : "Ngày mai là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình...", với tinh thần dân tộc dâng cao chưa từng thấy sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, bằng ý chí sắt đá quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do vừa giành được, toàn thể nhân dân Việt Nam từ miền xuôi đến miền ngược, từ miền Bắc đến miền Nam, từ nông thôn đến thành thị, không phân biệt gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái từ 18 tuổi trở lên đều tham gia cuộc Tổng tuyển cử. Trong điều kiện vận nước "ngàn cân treo sợi tóc", giặc ngoài thù trong, cuộc Tổng tuyển cử vẫn diễn ra trên phạm vi cả nước và đã thành công tốt đẹp. Tại Thủ đô Hà Nội, hàng chục vạn cử tri đã hăng hái thực hiện nghĩa vụ công dân, 6 trong số 74 ứng cử viên đã trúng cử đại biểu Quốc hội, trong đó Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đạt số phiếu cao nhất (98,4%). Tại Hải Phòng và một số tỉnh phía Bắc, nhân dân ta phải chống trả quyết liệt với âm mưu, hành động hết sức trắng trợn và tinh vi của kẻ thù. Đặc biệt, ở Nam Bộ, cuộc bầu cử đã diễn ra dưới bom đạn ác liệt, nhiều người đã ngã xuống khi thực hiện quyền công dân thiêng liêng. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, 42 cán bộ, chiến sĩ đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên ở Việt Nam đã hoàn toàn thắng lợi. 333 đại biểu Quốc hội gồm các thành phần giai cấp, dân tộc, các tầng lớp được nhân dân cả nước bầu ra, thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, là kết quả của sự gắn bó máu thịt và niềm tin sắt đá của toàn thể nhân dân Việt Nam đối với Đảng, Bác Hồ và chính quyền cách mạng còn non trẻ ; đánh dấu bước phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể chế dân chủ của nước ta. Thắng lợi rực rỡ của cuộc Tổng tuyển cử đã khẳng định về mặt pháp lý quyền làm chủ của nhân dân ta, từ địa vị nô lệ, đứng lên giành độc lập, tự tổ chức ra nhà nước của mình, nhà nước dân chủ công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á. Thắng lợi to lớn này cùng với sự ra đời của bản Hiến pháp tiến bộ năm 1946 đã mở ra triển vọng của một thời kỳ mới, thời kỳ đất nước ta có một Quốc hội, một Chính phủ thống nhất, một hệ thống chính quyền hoàn toàn đầy đủ danh nghĩa về mặt pháp lý để đại diện cho nhân dân Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa hợp pháp, dân chủ - nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, được nhân dân giao phó trọng trách điều hành đất nước, tổ chức toàn dân kháng chiến, kiến quốc và thực hiện quan hệ đối ngoại.

55 năm đã qua, nhưng khí thế hào hùng, tưng bừng của ngày hội non sông năm xưa -

* Trích bài phát biểu của Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh tại buổi gặp mặt kỷ niệm 55 năm cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu đại biểu Quốc hội khóa I (6-1-1946 - 6-1-2001) tổ chức tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, sáng 4-1-2001. Đầu đề là của chúng tôi.

Digitized by Google

ngày 6-1-1946, vẫn còn mãi mãi trong lòng mỗi người dân đất Việt. Trong giờ phút cảm động này, chúng ta ghi lòng tạc dạ công lao trời bể của Đảng Cộng sản Việt Nam, bồi hồi tưởng nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài vô vàn kính yêu, người con vĩ đại của dân tộc, đã bằng quyết định dũng cảm, táo bạo, kịp thời, chủ động và nhạy bén góp phần hết sức to lớn làm nên thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử. Chúng ta khắc sâu lời Bác Hồ tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, ngày 3-9-1945, một ngày sau khi Việt Nam tuyên bố độc lập : "Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền bầu cử và ứng cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống v.v.". Trong bối cảnh phức tạp, đầy thử thách nguy nan, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quyết định tổ chức Tổng tuyển cử với niềm tin tưởng tuyệt đối vào truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân ta, vừa làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám long trời lở đất, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Một dân tộc và nhân dân như thế nhất định sẽ có đủ bản lĩnh chính trị và trí sáng suốt để làm trọn nhiệm vụ xây dựng chế độ mới. Đảng ta và Bác Hồ kính yêu là linh hồn của cách mạng và kháng chiến, kiến quốc, là hạt nhân đoàn kết dân tộc, đoàn kết Quốc hội, là người vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam vượt qua hiểm nghèo, tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác...

Thế kỷ XX vừa đi qua. Đối với đất nước ta, đây là thế kỷ của cuộc đấu tranh sục sôi giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Từ địa vị nô lệ, chúng ta đã đứng lên đánh đổ chế độ thực dân phong kiến, tuyên bố với thế giới sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và tổ chức cuộc Tổng tuyển cử thành công bầu ra Quốc hội đầu tiên. Từ bị chia cắt hai miền, chúng ta đã sắt son một lòng, bền gan chiến đấu để thống nhất đất nước, non sông thu về một mối, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là thế kỷ mà từ đói nghèo, bằng con đường đổi mới, chúng ta đã phấn đấu vươn lên đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại... Đi theo con đường Đảng, Bác Hồ và nhân dân lựa chọn, chúng ta chuẩn bị cho mình hành trang để bước vào một thiên niên kỷ mới. Trong những thành tựu chung đó có sự đóng góp quan trọng của Quốc hội, cơ quan đại biểu cao nhất cho quyền lực, ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

Hơn nửa thế kỷ từ cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên đến nay, Quốc hội Việt Nam đã có 10 nhiệm kỳ hoạt động và dù ở mỗi thời điểm, hoàn cảnh khác nhau đều có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước, của nhân dân.

Quốc hội khóa I là khóa Quốc hội đặc biệt kéo dài gần 15 năm (1946 - 1960), hoạt động trong điều kiện cả nước vừa phải hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, vừa thực hiện từng bước cải cách dân chủ, đã góp phần quan trọng vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử lừng lẫy, chấn động địa cầu, bước đầu đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục đấu tranh giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước. Mới đây trong buổi họp mặt tại thành phố Hồ Chí Minh để kỷ niệm 55 năm cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, một vị đại biểu Quốc hội khóa I đã xúc động nhắc lại lời Bác Hồ đánh giá thành tích to lớn của Quốc hội khóa I :

"Quốc hội ta chí cả công cao.
15 năm ấy biết bao nhiêu tình".

Trong hoàn cảnh đất nước bị kẻ thù chia cắt, để thể hiện ý chí thống nhất Tổ quốc, biểu lộ tình cảm của nhân dân cả nước với miền Nam "đi trước, về sau", kiên cường trên tuyến đầu chống quân thù, Quốc hội đã quyết định lưu nhiệm

Digitized by Google

trong các khóa II (1960 - 1964), III (1964 - 1971) toàn bộ số đại biểu Quốc hội khóa I được bầu tại miền Nam. Với trách nhiệm là người đại biểu của nhân dân và trên cương vị công tác của mình, các đại biểu Quốc hội được lưu nhiệm đã phát huy truyền thống đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân cả nước.

Quốc hội các khóa II, III, IV, V được tổ chức theo Hiến pháp năm 1960, hoạt động trong thời kỳ "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", đã có đóng góp to lớn vào việc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và khôi phục kinh tế ở miền Bắc, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam ; đã có những chính sách phù hợp về dân chủ, quan tâm đến lợi ích nhiều mặt, hàng ngày của mọi tầng lớp nhân dân.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), sự kiện lịch sử có ý nghĩa rất trọng đại là chúng ta đã tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước - Quốc hội khóa VI (ngày 25-4-1976). Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội thống nhất đã thông qua Nghị quyết về tên nước, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca và tổ chức nhà nước. Sự ra đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mở đầu cho bước phát triển mới trong quá trình đi lên của đất nước. Quốc hội khóa VI đã có những đóng góp tích cực vào việc xây dựng chính quyền ở miền Nam, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất bảo vệ chính quyền, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Để góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn lịch sử này, Quốc hội khóa VI đã thông qua Hiến pháp năm 1980.

Quốc hội khóa VII (1981 - 1987) và khóa VIII (1987 - 1992) được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp năm 1980, đã đẩy mạnh công tác lập pháp, tăng cường công tác giám sát tối cao và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước, phục vụ cho sự nghiệp đổi mới ; xác định nguyên tắc, phương hướng xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thành tích nổi bật nhất là Quốc hội khóa VIII đã thông qua Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp của thời kỳ đổi mới phù hợp với thực tế của đất nước và xu thế tiến bộ của thời đại trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh, đặc điểm của Việt Nam.

Quốc hội khóa IX (1992 - 1997) và khóa X hiện nay được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp năm 1992, phát huy những thành quả đạt được của Quốc hội các khóa trước, đã có những đổi mới đáng kể, tiến hành tương đối đồng bộ, khẩn trương và có hiệu quả trên quy mô rộng lớn các hoạt động nhằm thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ do Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc hội quy định : lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, góp phần tiếp tục đưa công cuộc đổi mới đất nước lên tầm cao mới và chiều sâu mới.

Nhìn lại chặng đường 55 năm qua của Quốc hội Việt Nam, chúng ta vui mừng vì cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động ngày càng có hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, được nhân dân tín nhiệm và đồng tình ủng hộ. Tính chất dân chủ ngày càng thể hiện rõ nét qua các kỳ họp Quốc hội, các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cuộc họp của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội. Những năm gần đây, trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, Quốc hội ngày càng nâng cao vai trò, trách nhiệm của mình, góp phần to lớn vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - nhà nước của dân, do dân và vì dân. Tuy nhiên, qua thực tiễn hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội cho thấy còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu, tìm ra nguyên nhân và giải pháp để tiếp tục đổi mới làm cho hoạt động của Quốc hội ngày càng thiết thực, hiệu quả hơn, đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân cả nước.

Digitized by Google

Những thành tích của Quốc hội nước ta đạt được trong gần 10 nhiệm kỳ qua thật đáng trân trọng và tự hào. Song nhiệm vụ phía trước của toàn thể dân tộc nói chung, của Quốc hội nước ta nói riêng còn rất nặng nề. Chúng ta đã bước sang năm mới 2001, năm mở đầu thế kỷ XXI, thiên niên kỷ thứ 3 ; năm đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) sẽ do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định. Chính vì vậy, đòi hỏi hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội cũng như các vị đại biểu Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội phải đổi mới, cải tiến hơn nữa để góp phần đắc lực vào việc triển khai có kết quả nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chủ động hội nhập quốc tế, tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trọng trách đầu tiên mà Quốc hội phải đảm nhiệm là sớm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đồng bộ kịp thời, đúng đắn để điều chỉnh các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại... Trong những năm vừa qua, cùng với việc lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, chúng ta đã từng bước vững chắc đổi mới hệ thống chính trị, trong đó chú trọng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì vậy, bộ máy nhà nước đã từng bước được tăng cường, củng cố. Trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, việc tiếp tục kiện toàn bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là hết sức cần thiết. Nhận rõ ý nghĩa và tầm quan trọng đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đang chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, tiến hành việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số vấn đề về tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước liên quan đến Hiến pháp năm 1992 và các Luật tổ chức các cơ quan nhà nước, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) để tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành kiện toàn bộ máy nhà nước, bảo đảm tinh, gọn, trong sạch, vững mạnh, hiệu lực và hiệu quả.

Cùng với công tác xây dựng pháp luật, Quốc hội tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác giám sát việc thực hiện các nghị quyết và các đạo luật được Quốc hội thông qua, nhất là về những lĩnh vực bức xúc như : việc làm, xóa đói giảm nghèo, chống tham nhũng, buôn lậu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân v.v... Đồng thời nâng cao hơn nữa chất lượng các quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước về đối nội, đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh...

Kỷ niệm 55 năm ngày Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội Việt Nam đầu tiên, một lần nữa khẳng định niềm tin tuyệt đối của Quốc hội, của nhân dân ta đối với Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh. Chúng ta tin tưởng rằng, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, kế thừa truyền thống, kinh nghiệm lịch sử của hơn nửa thế kỷ hoạt động, nắm vững và giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Nhà nước pháp quyền, với sự giúp đỡ và giám sát chặt chẽ của nhân dân, Quốc hội nước ta sẽ ngày càng thực hiện có hiệu quả hơn nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật ; mở rộng quan hệ với Quốc hội các nước và các tổ chức quốc tế vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cả nước ta đang vững bước tiến vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ mới. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nắm chắc thời cơ, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu : Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, hướng tới ngày mai tươi sáng. ❑

Digitized by Google

THẾ GIỚI NĂM QUA VÀ NHIỆM VỤ ĐỐI NGOẠI CỦA CHÚNG TA TRONG NĂM 2001

NGUYỄN DY NIÊN *

Thế giới năm 2000 mang những đặc thù của cả thời kỳ hậu "chiến tranh lạnh" trong thập niên 90, đồng thời có những nét riêng của năm chuyển giao thế kỷ và thiên niên kỷ. Xu thế hòa bình và hợp tác vẫn tiếp tục trong tình trạng hòa bình và ổn định tương đối với những cuộc xung đột, chiến tranh và sự mất ổn định còn tiếp diễn và nảy sinh ở một số khu vực và quốc gia.

Kinh tế thế giới phát triển nhờ sự tăng trưởng ở Bắc Mỹ, EU và Đông Á cũng như sự phục hồi ở nhiều nền kinh tế vốn lâm vào suy thoái và trì trệ trong mấy năm qua, sự kiện này báo hiệu đà tăng trưởng có thể sẽ được tiếp tục nhưng ở mức độ thấp hơn trong những năm đầu của thế kỷ mới. Tuy nhiên năm 2000 cũng để lại dấu ấn của nó vào nền kinh tế thế giới. Đó là sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế mới và thương mại điện tử, là những chuyển dịch cơ cấu kinh tế do công nghệ thông tin đưa lại, là tác động của tự do hóa mậu dịch và toàn cầu hóa, của việc khắc phục những hậu quả của khủng hoảng tài chính và tiền tệ ở một số quốc gia, của những tranh chấp thương mại trong khuôn khổ WTO. Giá dầu lửa tăng và sự thăng trầm của đồng euro trong cuộc cạnh tranh tỷ giá với đồng đô la Mỹ cũng đã phần nào tác động tiêu cực đến mức độ tăng trưởng chung của kinh tế thế giới.

Thế giới năm 2000 cũng mang những nét riêng. Đó là sự xuất hiện những nhân tố mới. Quá trình hòa bình và giảm căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên, sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn trong quan hệ với nhau, sự phục hồi gần như đồng thời của Ấn Độ và Nga trên trường quốc tế, bế tắc trong tiến trình hòa bình ở Trung Đông cũng như bùng nổ xung đột và bạo lực ở một số nơi trên các châu lục đã khiến cho bức tranh về tình hình thế giới năm qua đầy bất ngờ và kịch tính. Nhưng nhìn toàn diện, có thể thấy được rằng thế giới đang đi vào một thời kỳ ổn định tương đối.

Chính trong những diễn biến mạnh mẽ và bất ngờ đó, đã hiện lên một bản chất cơ bản của các mối quan hệ quốc tế trong những năm cuối thế kỷ cũ và đầu thế kỷ mới. Đó là hợp tác và đấu tranh, hợp tác trong đấu tranh, đấu tranh nhưng không phá vỡ sự hợp tác. Đằng sau mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh đó là những hình thức thể hiện các mâu thuẫn cơ bản của thời đại, của cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa một bên là độc lập, tự chủ và bên kia là cường quyền, áp đặt, can thiệp và những mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc muốn thống trị thế giới. Những năm đầu của thế kỷ mới vẫn sẽ tiếp tục trạng thái đó, được thể hiện trên mọi lĩnh vực trước hết trong tiến trình toàn cầu hóa, trong mối quan hệ giữa các tổ chức khu vực, giữa các châu lục và trong bước đi hội nhập quốc tế của từng quốc gia.

Thế giới năm 2000 đã chứng kiến sự bộc lộ mặt trái của một số trào lưu đang phát triển mạnh mẽ như toàn cầu hóa, ứng dụng của công nghệ thông tin, sáp nhập công ty,... Các nước, nhất là các nước đang phát triển, đã ý thức được đầy đủ hơn và đúng đắn hơn về những mặt tiêu cực này đối với sự phát triển và hội nhập quốc tế, đối với việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và đối với khả năng cạnh tranh của mình nên đã có những bước đi thích hợp, có những biện pháp thỏa đáng để đấu tranh bảo vệ lợi ích của mình

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Ngoại giao

Digitized by Google

nhằm tạo dựng sự tham gia của họ vào trào lưu ấy công bằng hơn, phù hợp với họ hơn, không để cho chúng bị các nước giàu hơn và phát triển hơn lợi dụng, chi phối phục vụ cho lợi ích riêng của các nước đó.

Đông - Nam Á và Đông Á năm qua đã vượt qua được những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ và trở lại với sự tăng trưởng năng động, khơi dậy lại hy vọng khu vực này trong những năm tới trở thành tâm điểm của sự phát triển chung. Với sự tăng cường các mối quan hệ hợp tác nhiều mặt ở Đông - Nam Á, ở Đông - Bắc Á cũng như giữa hai khu vực này với nhau thì điều đó có thể trở thành sự thật. Vai trò của Trung Quốc và của ASEAN cũng như diễn biến tích cực trên bán đảo Triều Tiên đang và sẽ là những động lực cho diễn biến tình hình ở cả khu vực trong thời gian tới. Tuy vậy những vấn đề mới nảy sinh trong khu vực như ở In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin... có thể có những tác động tiêu cực.

Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta năm qua được thực hiện một cách chủ động và hiệu quả trong bối cảnh tình hình ấy. Sự kết hợp hài hòa giữa các hình thức hoạt động đối ngoại phong phú của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, các đoàn thể nhân dân và tổ chức quần chúng xã hội đã góp phần quan trọng vào việc duy trì và củng cố môi trường hòa bình và ổn định ở khu vực và quốc tế cũng như vào việc tạo dựng sự hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa, du lịch hiệu quả của đất nước ta với nước ngoài. Chúng ta thật sự vui mừng thấy đất nước bước vào năm mới, thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới với những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội và với vị thế, ảnh hưởng quốc tế cao như ngày nay.

Trên cơ sở đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta năm qua đã được triển khai cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, coi trọng cả phạm vi lẫn hiệu quả thiết thực, tập trung vào những ưu tiên hàng đầu, tháo gỡ những khâu đột phá quan trọng, nhưng đồng thời cũng đã khôi phục các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước bạn bè truyền thống xa gần. Sự cải thiện các mối quan hệ song phương đó được bổ sung và hỗ trợ đắc lực bằng các hoạt động ngoại giao đa phương. Các chuyến thăm hữu nghị chính thức cấp cao của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ ta ở các nước và những chuyến thăm Việt Nam của các vị đứng đầu Nhà nước và chính phủ nhiều nước trên thế giới đã làm cho sự hiểu biết lẫn nhau được tăng cường và sự hợp tác cùng có lợi được thúc đẩy mạnh mẽ. Tại các diễn đàn đa phương như Hội nghị cấp cao thiên niên kỷ của LHQ, Hội nghị cấp cao Nam - Nam, cấp cao không chính thức ASEAN,... sự tham gia của Việt Nam ở cấp cao nhất và những sáng kiến do Việt Nam đưa ra đã được đánh giá cao, thể hiện mong muốn của Việt Nam góp phần mình vào việc giải quyết những vấn đề bức xúc nhất của toàn nhân loại.

Trong những thành tựu đối ngoại nổi bật, đáng kể nhất là bước phát triển quan hệ mạnh mẽ với Trung Quốc và các nước láng giềng khác, sự cải thiện quan hệ quan trọng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, giữa Việt Nam và EU, giữa Việt Nam với Nhật và các nước tài trợ. Đặc biệt, trên cương vị Chủ tịch ASC và ARF đảm nhận từ tháng 7-2000, Việt Nam đã có nhiều hoạt động phong phú để củng cố đoàn kết nội bộ ASEAN, giữ gìn những nguyên tắc cơ bản đối với hoạt động của ASEAN là đồng thuận trong đa dạng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tạo dựng sự hợp tác trong ASEAN và giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài định hướng vào việc thực hiện hiệu quả Chương trình hành động Hà Nội và tầm nhìn 2020, coi đó là những chuẩn bị chiến lược quan trọng nhất cho ASEAN bước vào những năm đầu của thế kỷ mới.

Một trọng tâm được ưu tiên hàng đầu trong mọi hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong năm qua là phục vụ kinh tế. Hoạt động đối ngoại đã góp phần huy động một nguồn lực không nhỏ từ bên ngoài bổ sung cho việc phát huy nội lực của đất nước. Thúc đẩy hợp tác đầu tư, thương mại và huy động viện trợ phát triển, trao đổi thông tin, tìm kiếm thị trường và làm cầu nối cho mối quan hệ làm ăn giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước - những nội dung này đã và sẽ chiếm vị trí rất quan trọng trong các hoạt động đối ngoại của chúng ta.

Digitized by Google

Đi đôi với việc đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, Việt Nam đã từng bước chủ động hội nhập quốc tế và khu vực. Hội nhập quốc tế, trước hết về kinh tế, là sự bổ sung và hỗ trợ cần thiết cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa, để từ đó có thể chủ động đi vào dòng chảy của thời đại một cách có lợi nhất cho mình và phù hợp nhất với mình. Phương châm hội nhập của Việt Nam là hội nhập nhưng giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa ; hội nhập quốc tế một cách chủ động, tiến hành từng bước trong một lộ trình hợp lý và khả thi nhằm khai thác thuận lợi, tránh và vượt qua thách thức. Trên tinh thần đó, trong năm qua, chúng ta đã thực hiện các cam kết song phương với các nước, trong khuôn khổ AFTA và APEC, cũng như thúc đẩy quá trình đàm phán để tham gia vào WTO.

Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài và tăng cường thông tin đối ngoại đã được quan tâm và thúc đẩy mạnh mẽ. Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đã được thể hiện trong nhiều biện pháp chính sách mới nhằm giúp bà con Việt Nam ở nước ngoài ổn định cuộc sống, đoàn kết cộng đồng, hòa nhập vào sở tại và hướng về Tổ quốc, góp phần xây dựng quê hương, đồng thời làm cầu nối cho tình hữu nghị và quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và thế giới. Những biện pháp chính sách đó đã tác động tích cực đến tình hình cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đáp ứng được nhiều mong mỏi của bà con, tạo được không khí phấn khởi trong cộng đồng tin tưởng vào đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, vào tương lai chung của cả dân tộc.

Công tác thông tin đối ngoại được đẩy mạnh nhằm chủ động đấu tranh và định hướng dư luận, góp phần tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho việc thực hiện đường lối của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là góp phần làm phá sản âm mưu và mọi hình thức "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch đồng thời đáp ứng nhu cầu thông tin, văn hóa của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Những năm đầu của thế kỷ XXI, điều kiện quốc tế và trong nước đối với đất nước ta vẫn gặp phải không ít khó khăn. Chúng ta có đà phát triển của các năm trước và niềm tin son sắt vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta và Bác Hồ đã chỉ ra. Nhưng nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới rất nặng nề, đòi hỏi phải luôn tỉnh táo và nhạy bén trong việc nhận biết và tận dụng thời cơ, chủ động và kiên quyết trong đấu tranh để bảo vệ và thực hiện lợi ích quốc gia.

Năm 2001 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, có ý nghĩa rất quan trọng cho cả thời kỳ tới. Vì thế, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta vừa phải tiếp tục đà và phát huy được thành quả đối ngoại của thời kỳ trước, vừa phải định hướng vào những yêu cầu cao hơn của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, nhằm thực hiện thành công những nhiệm vụ cụ thể mà Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra.

Trong tinh thần đó, phương hướng hoạt động đối ngoại trong năm 2001 là tiếp tục kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ. Thông điệp của chúng ta gửi tới thế giới trong thế kỷ mới là "Việt Nam muốn là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Nhiệm vụ đối ngoại của toàn Đảng, toàn dân ta là tiếp tục tạo môi trường hòa bình và ổn định ở khu vực và trên quốc tế cho đất nước thực hiện thành công công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội và phát triển.

Để đáp ứng được yêu cầu này, điều cốt yếu nhất trong hoạt động đối ngoại là phải giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, phải đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, củng cố tiềm lực an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bản sắc văn hóa dân tộc.

Trên cơ sở những định hướng lớn và ưu tiên cụ thể đã được xác định cũng như cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng, với từng

(Xem tiếp trang 26)

Digitized by Google

HIỆP ĐỊNH PHÂN ĐỊNH VỊNH BẮC BỘ VÀ HIỆP ĐỊNH HỢP TÁC NGHỀ CÁ GIỮA VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TRONG VỊNH BẮC BỘ

LÊ CÔNG PHỤNG *

NHÂN chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Chủ tịch Trần Đức Lương, ngày 25-12-2000, nước ta và Trung Quốc đã ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ. Lễ ký kết được tổ chức với sự chứng kiến của Chủ tịch Trần Đức Lương và Chủ tịch Giang Trạch Dân. Sự kiện trọng đại mang tính lịch sử này diễn ra vào thời khắc rất đặc biệt, nhân loại đang hối hả thu xếp hành trang giã từ thế kỷ XX đi vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ mới. Sự kiện này cũng diễn ra vào điểm đỉnh tốt đẹp của quan hệ Việt - Trung kể từ khi bình thường hóa quan hệ năm 1991 đến nay. Nhân dân ta đón nhận việc ký kết hai hiệp định trên như một thành công lớn của hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong năm 2000, coi đó là nhân tố hết sức quan trọng trong việc tăng cường, thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, cũng như trong việc duy trì, củng cố hòa bình, ổn định và hợp tác trong khu vực.

Trong các vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ giữa ta và Trung Quốc có 3 vấn đề liên quan đến biên giới lãnh thổ là xác định đường biên giới trên đất liền ; phân định Vịnh Bắc Bộ và vấn đề trên Biển Đông (mà thực chất là vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như đối với vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của ta), trong các vấn đề trên, vấn đề biên giới trên đất liền đã được giải quyết bằng việc ký kết Hiệp ước trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày 30-12-1999.

Vịnh Bắc Bộ được bao bọc bởi Việt Nam và Trung Quốc có diện tích 123.700 km², chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 320 km (176 hải lý) và nơi hẹp nhất khoảng 220 km (119 hải lý). Chiều dài bờ biển phía Việt Nam khoảng 763 km , còn phía Trung Quốc khoảng 695 km. Phần Vịnh phía ta có khoảng 1 300 hòn đảo ven bờ, đặc biệt có đảo Bạch Long Vĩ nằm cách đất liền nước ta khoảng 110 km, cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng 130 km. Vịnh có vị trí chiến lược quan trọng đối với Việt Nam và Trung Quốc về an ninh và quốc phòng. Đặc thù của Vịnh là chiều ngang tương đối hẹp, từ trước tới nay hai nước chưa hề phân định Vịnh. Theo Công ước luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc, thì toàn bộ Vịnh Bắc Bộ là vùng chồng lấn và trong thực tế thời gian qua có tranh chấp, ảnh hưởng không tốt đến quan hệ giữa hai nước.

Trước tình hình đó, hai nước đều có nhu cầu tiến hành đàm phán để phân định Vịnh Bắc Bộ nhằm đạt hai mục tiêu cơ bản và lâu dài : một là xác định đường phân giới rạch ròi, phân chia vùng biển, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước láng giềng ; hai là giải quyết vấn đề tồn tại do lịch sử để lại, tạo cơ sở và động lực thúc đẩy quá trình xây dựng lòng tin, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa hai Đảng, hai nước theo phương châm 16 chữ mà hai đồng chí Tổng Bí thư đã thỏa thuận.

Ngoài ý nghĩa về an ninh, quốc phòng, Vịnh Bắc Bộ còn có ý nghĩa lớn về kinh tế, có nguồn lợi hải sản phong phú. Hai nước đều có nhu cầu hợp tác đánh bắt, bảo vệ môi trường và bảo vệ và nuôi trồng nguồn hải sản trong Vịnh. Vào các năm 1957, 1961 và 1963 hai nước có ký các thỏa thuận cho phép thuyền buồm của hai bên được đánh bắt trong Vịnh ngoài phạm vi tương ứng 3 hải lý, 6 hải lý và 12 hải

* Thứ trưởng Ngoại giao

Digitized by Google

lý tính từ bờ biển và hải đảo mỗi bên. Các thỏa thuận này đã hết hiệu lực vào những năm 70. Trong quá trình đàm phán về phân định Vịnh Bắc Bộ, phía Trung Quốc kiên trì đề nghị lập vùng đánh cá chung đồng thời với việc phân định Vịnh Bắc Bộ và nhấn mạnh nếu không thỏa thuận được vấn đề này thì khó có thể giải quyết được vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ trong năm 2000.

Ta không chủ trương gắn vấn đề nghề cá mang tính kinh tế, kỹ thuật với vấn đề phân định quốc giới mang tính chiến lược lâu dài. Nhưng ta cũng nhận thức rõ là việc không giải quyết được vấn đề nghề cá có thể dẫn đến hậu quả là khó giải quyết được vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ trong năm 2000. Lúc đó toàn bộ Vịnh sẽ tiếp tục bị coi là vùng chồng lấn giữa hai bên, và tình hình ở đó sẽ tiếp tục mất ổn định.

Thực tiễn quốc tế cho thấy nhiều nước có vịnh hoặc vùng biển chung cũng đã thỏa thuận lập vùng đánh cá chung và về mặt pháp lý thì điều đó không trái với Công ước luật Biển năm 1982. Nhằm mục đích tạo thuận lợi tối đa cho việc giải quyết vấn đề phân định và trên cơ sở cân nhắc kỹ mọi khía cạnh trong quan hệ hai nước cũng như thực tiễn quốc tế, ta đã đồng ý lập vùng đánh cá chung ở trong Vịnh Bắc Bộ.

Cuộc đàm phán về biên giới lãnh thổ, trong đó có vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ giữa ta và Trung Quốc đã được tiến hành từ đầu những năm 70. Trong các năm 1974 và 1977 - 1978, hai nước đã tiến hành 2 vòng đàm phán về phân định. Nhưng do điều kiện lúc đó nên đàm phán không có kết quả. Sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ, hai bên đã quyết định thương lượng để giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ, trong đó có vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ. Hai nước đã ký Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới - lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày 19-10-1993, trong đó nêu rõ phương hướng phân định Vịnh Bắc Bộ là "Hai bên sẽ áp dụng luật quốc tế và tham khảo thực tiễn quốc tế, theo nguyên tắc công bằng và tính đến mọi hoàn cảnh liên quan trong Vịnh để đi đến một giải pháp công bằng". Thực hiện thỏa thuận đó, từ 1993 đến năm 2000, hai bên đã triển khai 7 vòng đàm phán cấp chính phủ, 3 cuộc gặp giữa hai Trưởng đoàn đàm phán cấp chính phủ và 18 vòng đàm phán cấp chuyên viên.

Một thuận lợi hết sức lớn lao đối với quá trình đàm phán là quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa hai nước không ngừng được tăng cường, ngày càng đi vào thực chất và toàn diện, lãnh đạo của hai bên luôn luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao. Trong các chuyến thăm Trung Quốc vào năm 1997 của Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười và tháng 2-1999 của Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, lãnh đạo cấp cao hai nước đạt được thỏa thuận là khẩn trương đàm phán để giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền trước năm 2000 và hoàn thành việc phân định để ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ trong năm 2000. Với tinh thần đó, trong năm 1998 và 1999 hai bên chủ yếu dành ưu tiên cho việc giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền. Năm 2000 cuộc đàm phán về phân định Vịnh Bắc Bộ được đẩy mạnh và đi vào giải quyết thực chất (1 vòng đàm phán cấp chính phủ, 3 cuộc gặp liên tiếp giữa 2 trưởng đoàn cấp chính phủ và 8 vòng đàm phán cấp chuyên viên).

Trong quá trình đàm phán, hai bên đã vận dụng các nguyên tắc như sau để giải quyết : *một là*, căn cứ vào các quy định của Công ước luật Biển 1982 của Liên hợp quốc cũng như các nguyên tắc luật pháp quốc tế và tập quán được công nhận rộng rãi ; *hai là*, hai bên tính đến các đặc thù của Vịnh Bắc Bộ như sự hiện diện của các đảo, chiều dài bờ biển v.v... ; *ba là*, việc giải quyết vấn đề phân định phải xuất phát từ thực trạng cũng như nhu cầu phát triển quan hệ giữa hai nước ; *bốn là*, bảo đảm nguyên tắc công bằng và chiếu cố lợi ích của nhau.

Về diện tích, phía Trung Quốc kiên trì chủ trương đại thể chia đôi, thừa nhận ta có thể nhỉnh hơn nhưng hơn không đáng kể. Ta chủ trương giải pháp công bằng phải phù hợp với các hoàn cảnh hữu quan trong Vịnh như sự hiện diện của các đảo của ta, chiều dài bờ biển của ta lớn hơn v.v... Do đó, kết quả của giải pháp phân định phù hợp với yêu cầu ta đặt ra. Về diện tích tổng thể ta được 53,23% diện tích Vịnh, Trung Quốc đạt 46,77% (ta hơn Trung Quốc 6,46% tức là khoảng 8205 km^2), đường phân định cách đảo Bạch Long Vĩ 15 hải lý, đảo Cồn Cỏ được hưởng 50% hiệu lực. Về khía cạnh tài nguyên, giải pháp phân định đạt được cũng bảo đảm việc phân chia lợi ích một cách công bằng. Hai bên đã phân chia rõ ràng phần thềm lục địa để mỗi bên đều có thể tiến hành thăm dò, khai thác tài nguyên trong phạm vi thềm lục địa của mình mà không bị bên kia can thiệp hoặc gây khó khăn.

Digitized by Google

lý tính từ bờ biển và hải đảo mỗi bên. Các thỏa thuận này đã hết hiệu lực vào những năm 70. Trong quá trình đàm phán về phân định Vịnh Bắc Bộ, phía Trung Quốc kiên trì đề nghị lập vùng đánh cá chung đồng thời với việc phân định Vịnh Bắc Bộ và nhấn mạnh nếu không thỏa thuận được vấn đề này thì khó có thể giải quyết được vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ trong năm 2000.

Ta không chủ trương gắn vấn đề nghề cá mang tính kinh tế, kỹ thuật với vấn đề phân định quốc giới mang tính chiến lược lâu dài. Nhưng ta cũng nhận thức rõ là việc không giải quyết được vấn đề nghề cá có thể dẫn đến hậu quả là khó giải quyết được vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ trong năm 2000. Lúc đó toàn bộ Vịnh sẽ tiếp tục bị coi là vùng chồng lấn giữa hai bên, và tình hình ở đó sẽ tiếp tục mất ổn định.

Thực tiễn quốc tế cho thấy nhiều nước có vịnh hoặc vùng biển chung cũng đã thỏa thuận lập vùng đánh cá chung và về mặt pháp lý thì điều đó không trái với Công ước luật Biển năm 1982. Nhằm mục đích tạo thuận lợi tối đa cho việc giải quyết vấn đề phân định và trên cơ sở cân nhắc kỹ mọi khía cạnh trong quan hệ hai nước cũng như thực tiễn quốc tế, ta đã đồng ý lập vùng đánh cá chung ở trong Vịnh Bắc Bộ.

Cuộc đàm phán về biên giới lãnh thổ, trong đó có vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ giữa ta và Trung Quốc đã được tiến hành từ đầu những năm 70. Trong các năm 1974 và 1977 - 1978, hai nước đã tiến hành 2 vòng đàm phán về phân định. Nhưng do điều kiện lúc đó nên đàm phán không có kết quả. Sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ, hai bên đã quyết định thương lượng để giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ, trong đó có vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ. Hai nước đã ký Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới - lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày 19-10-1993, trong đó nêu rõ phương hướng phân định Vịnh Bắc Bộ là "Hai bên sẽ áp dụng luật quốc tế và tham khảo thực tiễn quốc tế, theo nguyên tắc công bằng và tính đến mọi hoàn cảnh liên quan trong Vịnh để đi đến một giải pháp công bằng". Thực hiện thỏa thuận đó, từ 1993 đến năm 2000, hai bên đã triển khai 7 vòng đàm phán cấp chính phủ, 3 cuộc gặp giữa hai Trưởng đoàn đàm phán cấp chính phủ và 18 vòng đàm phán cấp chuyên viên.

Một thuận lợi hết sức lớn lao đối với quá trình đàm phán là quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa hai nước không ngừng được tăng cường, ngày càng đi vào thực chất và toàn diện, lãnh đạo của hai bên luôn luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao. Trong các chuyến thăm Trung Quốc vào năm 1997 của Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười và tháng 2-1999 của Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, lãnh đạo cấp cao hai nước đạt được thỏa thuận là khẩn trương đàm phán để giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền trước năm 2000 và hoàn thành việc phân định để ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ trong năm 2000. Với tinh thần đó, trong năm 1998 và 1999 hai bên chủ yếu dành ưu tiên cho việc giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền. Năm 2000 cuộc đàm phán về phân định Vịnh Bắc Bộ được đẩy mạnh và đi vào giải quyết thực chất (1 vòng đàm phán cấp chính phủ, 3 cuộc gặp liên tiếp giữa 2 trưởng đoàn cấp chính phủ và 8 vòng đàm phán cấp chuyên viên).

Trong quá trình đàm phán, hai bên đã vận dụng các nguyên tắc như sau để giải quyết : *một là*, căn cứ vào các quy định của Công ước luật Biển 1982 của Liên hợp quốc cũng như các nguyên tắc luật pháp quốc tế và tập quán được công nhận rộng rãi ; *hai là*, hai bên tính đến các đặc thù của Vịnh Bắc Bộ như sự hiện diện của các đảo, chiều dài bờ biển v.v... ; *ba là*, việc giải quyết vấn đề phân định phải xuất phát từ thực trạng cũng như nhu cầu phát triển quan hệ giữa hai nước ; *bốn là*, bảo đảm nguyên tắc công bằng và chiếu cố lợi ích của nhau.

Về diện tích, phía Trung Quốc kiên trì chủ trương đại thể chia đôi, thừa nhận ta có thể nhỉnh hơn nhưng hơn không đáng kể. Ta chủ trương giải pháp công bằng phải phù hợp với các hoàn cảnh hữu quan trong Vịnh như sự hiện diện của các đảo của ta, chiều dài bờ biển của ta lớn hơn v.v... Do đó, kết quả của giải pháp phân định phù hợp với yêu cầu ta đặt ra. Về diện tích tổng thể ta được 53,23% diện tích Vịnh, Trung Quốc đạt 46,77% (ta hơn Trung Quốc 6,46% tức là khoảng 8205 km^2), đường phân định cách đảo Bạch Long Vĩ 15 hải lý, đảo Cồn Cỏ được hưởng 50% hiệu lực. Về khía cạnh tài nguyên, giải pháp phân định đạt được cũng bảo đảm việc phân chia lợi ích một cách công bằng. Hai bên đã phân chia rõ ràng phần thềm lục địa để mỗi bên đều có thể tiến hành thăm dò, khai thác tài nguyên trong phạm vi thềm lục địa của mình mà không bị bên kia can thiệp hoặc gây khó khăn.

Digitized by Google

Trong trường hợp có cấu tạo mỏ vắt qua đường phân định thì hai bên sẽ thỏa thuận với nhau về việc khai thác và phân chia lợi ích của việc khai thác đó.

Cuộc đàm phán về nghề cá được khởi động muộn hơn. Cho mãi đến tháng 4-2000 ta mới tán thành đàm phán nghề cá. Qua 6 vòng đàm phán cấp chuyên viên về nghề cá, hai bên nhất trí lập vùng đánh cá chung ở trong Vịnh Bắc Bộ từ vĩ độ 20° xuống đường đóng cửa Vịnh. Vùng này có bề rộng là 30,5 hải lý kể từ đường phân định về mỗi phía và có tổng diện tích là 33.500 km², tức là khoảng 27,9% diện tích Vịnh. Như vậy, đảm bảo cách bờ của mỗi nước là 30 hải lý : đại bộ phận cách bờ của ta 35 - 59 hải lý và có 2 điểm cách bờ là 28 hải lý. Thời hạn của vùng đánh cá chung là 15 năm (12 năm chính thức và 3 năm gia hạn). Hai bên cũng đã thỏa thuận các điều khoản liên quan đến bảo vệ môi trường và bảo vệ và nuôi trồng nguồn hải sản trong Vịnh.

Ba nguyên tắc lớn của vùng đánh cá chung là : vùng đặc quyền kinh tế của nước nào thì nước đó có quyền kiểm tra, kiểm soát các tàu cá được phép vào vùng đánh cá chung ; sản lượng và số tàu thuyền được phép vào vùng đánh cá chung là dựa trên nguyên tắc bình đẳng, căn cứ vào sản lượng được phép đánh bắt, xác định thông qua điều tra liên hợp định kỳ ; mỗi bên đều có quyền liên doanh hợp tác đánh cá với bên thứ 3 trong vùng đặc quyền kinh tế của mình. Hai bên thỏa thuận lập Ủy ban liên hợp nghề cá để xây dựng quy chế liên quan đến vùng đánh cá chung.

Ngoài vùng đánh cá chung ra, hai bên thỏa thuận về dàn xếp quá độ với thời hạn 4 năm ở phía Bắc vĩ tuyến 20° cho tàu thuyền của hai bên tiếp tục được đánh bắt. Phạm vi cụ thể của vùng này hai bên sẽ tiếp tục thảo luận. Sau thời hạn quá độ, tàu thuyền của các bên về đánh cá ở vùng đặc quyền kinh tế của mình, trừ khi được bên kia cho phép.

Đồng thời hai bên cũng thỏa thuận lập một vùng đệm nhỏ ở ngoài cửa sông Bắc Luân với mục đích là tạo thuận lợi cho việc ra vào của các tàu cá nhỏ (nếu phát hiện các tàu đó đánh cá thì cảnh cáo và buộc rời khỏi vùng nước của mình). Vùng này dài 10 hải lý và tính từ đường phân định rộng 3 hải lý về mỗi bên.

* *
*

Về tổng thể, các giải pháp đạt được trong quá trình đàm phán và được thể hiện trong hai bản Hiệp định là thỏa đáng, đáp ứng lợi ích và nguyện vọng của cả hai bên. Các Hiệp định đó là kết quả của quá trình đàm phán lâu dài, thể hiện nỗ lực, thiện chí và tính đến sự quan tâm, nhân nhượng từ cả hai phía.

Đối với ta, việc ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ tiếp theo việc ký Hiệp ước về biên giới trên đất liền năm 1999, có ý nghĩa rất quan trọng vì qua đó ta đã đạt được mục tiêu là giải quyết được hai trong ba vấn đề biên giới - lãnh thổ tồn đọng lâu nay giữa hai nước. Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc năm 1999 và Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ tạo nên một cơ sở pháp lý vững chắc để quản lý biên giới, lãnh thổ, thực hiện mục tiêu là xây dựng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thành biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài, và tạo động lực thúc đẩy, tăng cường quan hệ hai nước.

Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ đã xác định trọn vẹn đường biên giới lãnh hải giữa ta và Trung Quốc ở khu vực ngoài cửa sông Bắc Luân, phân định rõ ràng phạm vi vùng đặc quyền kinh tế và phạm vi thềm lục địa của hai nước ở Vịnh. Hiệp định đã ghi nhận cam kết của hai bên tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của mỗi bên trong phạm vi các vùng biển của mình. Hiệp định cũng đã đề ra cách giải quyết khi xảy ra trường hợp hai bên chung nhau các mỏ tài nguyên khoáng sản nằm trong Vịnh.

Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ vừa mới ký với Trung Quốc này là Hiệp định phân định biển thứ hai của nước ta (Hiệp định phân định biển đầu tiên là Hiệp định phân định các vùng biển giữa Việt Nam và Thái Lan ký năm 1997) và là Hiệp định phân định biển gần đây nhất ở trong khu vực). Do đó ý nghĩa của Hiệp định này không chỉ dừng lại trong khuôn khổ quan hệ Việt - Trung mà thực sự góp phần vào việc ổn định hòa bình trong khu vực.

Hiệp định hợp tác nghề cá đã góp phần quan trọng đưa đến việc ký kết Hiệp định phân định ; thể hiện rõ sự nhân nhượng, thông cảm lợi ích của nhau, phù hợp với phương châm "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" trong quan hệ hai nước. ❑

Digitized by Google

NHẬN DẠNG VÀ XỬ LÝ CƠ HỘI, THÁCH THỨC

VŨ HIỀN

TRONG phép dùng binh và trị nước, người xưa đã tổng kết thành một câu nổi tiếng : Thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Ba yếu tố đó tác động lẫn nhau, hòa quyện vào nhau và nếu như cả ba đều thuận thì sẽ tạo ra một sức mạnh tổng hợp hết sức to lớn, mạnh mẽ để mọi việc tất thành.

Bác Hồ khi bàn về vấn đề này đã đưa ra một sự khái quát mang tính biện chứng sâu sắc :

Lạc nước hai xe đành bỏ phí
Gặp thời một tốt cũng thành công

Nhân nói về đánh cờ, Bác đã đề cập tới công việc đại sự, đã đặt ra các yếu tố tĩnh của thiên - địa - nhân thành yếu tố động là vận dụng thời cuộc, hoàn cảnh cụ thể, căn cứ vào thời cuộc, thời thế, xu hướng vận động khách quan của xã hội, tự nhiên để "tấn công, phòng thủ không sơ hở".

Nhìn lại những chặng đường đã qua của cách mạng Việt Nam càng thấy sự tài tình của Bác Hồ, của Đảng ta trong việc nhận rõ, sử dụng và chuyển hóa thời cơ - nguy cơ. Đó là việc lãnh đạo nhân dân ta chớp thời cơ tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám thắng lợi ; rồi khắc phục, đẩy lùi, vượt qua mọi thách thức, nguy cơ trong những ngày đầu chính quyền cách mạng còn trứng nước lại phải đối phó với thù trong giặc ngoài ở thế "ngàn cân treo sợi tóc". Đó là hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chủ động tạo ra thế và lực, tạo lập và tận dụng thời cơ để làm một Điện Biên Phủ lẫy lừng đánh tan quân tàn bạo, đem lại hòa bình cho nửa nước ; một chiến dịch Hồ Chí Minh huyền thoại giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đó là công cuộc đổi mới đạt nhiều thành tựu to lớn, thực sự là cuộc cách mạng sâu sắc, tận dụng mọi thời cơ, khắc phục nhiều nguy cơ, đưa đất nước vững bước đi lên.

Vấn đề cơ hội và thách thức đã được đề cập từ lâu như thế nên cũng cần làm rõ nghĩa. Thực ra cơ hội, thách thức là những thuật ngữ tiêu biểu của một số cụm từ, một số thuật ngữ cùng ý nghĩa nhưng biểu đạt các cấp độ khác nhau. Cơ hội là những điều kiện thuận lợi, hoàn cảnh tốt đẹp để có thể thực hiện một điều gì đó mong đợi hoặc một kế hoạch đã được định ra. Còn *thời cơ* được coi như đỉnh điểm của cơ hội, là một hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi, thậm chí có một không hai, bảo đảm cho một việc nào đó nếu biết cách thực hiện sẽ đạt được kết quả. Về mặt thời gian, thời cơ diễn ra ngắn hơn so với cơ hội. Thời cơ đôi khi qua nhanh như một mũi tên bay.

Cặp đôi tương ứng với cơ hội và thời cơ là thách thức và nguy cơ. Nói đến thách thức, thử thách là đặt ra tình huống đứng trước hoặc gặp phải những hoàn cảnh rất khó khăn, phức tạp, những trắc trở, gian nan, nguy hiểm ; là sự thách đố bản lĩnh, ý chí của con người. Còn nguy cơ là biểu hiện tập trung nhất của thách thức, là những yếu tố đã và đang hình thành có thể gây ra tình thế đặc biệt nguy hiểm, cực kỳ khẩn cấp, nếu không biết xử lý tốt, không có cách ứng phó kịp thời thì sẽ gặp phải tai họa, thậm chí mất còn.

Việc sử dụng và làm chuyển hóa cơ hội - thách thức thực chất là vận dụng phép biện chứng duy vật để giải quyết những vấn đề xã hội là quá trình kết hợp một cách nhuần nhuyễn các yếu tố khách quan với nhân tố chủ quan để thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu đã xác định. Quá trình đó muốn thực hiện tốt, phải trải qua những bước, những khâu chung quanh hai nhóm vấn đề trọng yếu sau :

Một là, phải nhận rõ và xác định cho được đâu là cơ hội, thời cơ và thách thức, nguy cơ.

Nhận định về cơ hội lớn đối với nước ta hiện nay, Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng viết : "Cùng với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX, những thành tựu to lớn và rất

Digitized by Google

quan trọng của 15 năm đổi mới làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có nhiều phẩm chất cao quý. Tình hình chính trị - xã hội ổn định. Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng phát triển tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực, nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Xác định như vậy là rõ ràng và chính xác. Cùng với những yếu tố bên trong của đất nước như đã đề cập ở trên, một số yếu tố bên ngoài cũng góp phần tạo cho chúng ta cơ hội mới. Tình hình thế giới hiện nay tuy có nhiều diễn biến phức tạp khó lường nhưng những xu thế mới đang hình thành tạo ra những điều kiện thuận lợi cho mọi nước. Đó là sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học và công nghệ trao cho loài người những khả năng mới chưa bao giờ có. Cùng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế, một nền kinh tế tri thức với tố chất mới cốt lõi là trí tuệ của con người đang được hình thành và lan tỏa, vừa là thách thức nhưng biết cách tiếp cận, tận dụng thì cũng là những yếu tố mới thúc đẩy sự phát triển. Trong khi loài người tiến bộ hết sức tán đồng phương thức đối thoại để giải quyết công việc, thì cả khu vực châu Á và Đông - Nam Á đang có những bước chuyển tích cực mà Việt Nam ta vừa là tác nhân của sự tích cực đó, vừa thụ hưởng sự hợp tác phát triển với các nước bạn bè.

Cơ hội mới to lớn của đất nước với những yếu tố tương tác, chuyển dịch trong từng thời điểm, tạo ra những thời cơ. Đó là thời cơ vận dụng thế mới, lực mới, gia tốc mới đang ngày càng được tăng cường và củng cố cùng với vị thế và uy tín đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Về những thách thức, Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX cho rằng bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo cho đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen và tác động lẫn nhau, không thể xem thường nguy cơ nào. Đảng ta cũng nhấn mạnh rằng hiện nay và trong nhiều năm tới, nước ta căn bản vẫn còn là nước nông nghiệp kém phát triển, điểm xuất phát thấp, khoảng cách về trình độ phát triển giữa nước ta và nhiều nước trên thế giới còn rất lớn, trong khi đó đất nước đi lên trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt ; nếu chúng ta không vươn lên được thì nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế sẽ trở thành hiện thực, lúc đó tình hình sẽ rất phức tạp. Mặt khác, trước mắt, trong nội bộ chúng ta, tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí và sự thoái hóa về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên - nói chung lại là tình trạng suy thoái - có xu hướng phát triển nặng thêm, nếu không ngăn chặn được sẽ dẫn đến sự chệch hướng về chính trị và kinh tế, làm sai lệch việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tạo cơ sở để cho kẻ địch thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", phá hoại nội bộ ta.

Hai là, cần có những giải pháp và bước đi thích hợp để có thể tận dụng, tranh thủ thời cơ, khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức. Có những công việc và giải pháp cụ thể, đồng thời có những giải pháp chung.

- Đối với cơ hội và thời cơ. Về mặt phương pháp luận thì mọi thời cơ khi thấy xuất hiện đều phải tận dụng một cách nhanh chóng và chuẩn xác, không để nó tự đến và tự đi ; mọi yếu tố hình thành cơ hội đều được bồi bổ, khai thác. Cụ thể là khi chúng ta đang có thế mới, lực mới và gia tốc mới cần đẩy mạnh việc sử dụng các nguồn lực, tập trung sức cho phát triển với nhịp độ nhanh hơn ; kiến tạo môi trường trong nước thật ổn định, môi trường chung quanh hòa bình, hữu nghị, đẩy mạnh hợp tác cùng có lợi với tất cả các nước, các nhóm nước, các tổ chức kinh tế, sớm có giải pháp và bước đi thích hợp để tiếp tục hội nhập và chủ động hội nhập quốc tế với tầm cao hơn, chiều sâu hơn và rộng mở hơn. Những tiềm năng của đất nước như tài nguyên, lao động cần được khảo sát đánh giá chuẩn xác và có kế hoạch sử dụng. Những phẩm chất cao đẹp của nhân dân ta như cần cù, chịu khó, thông minh, sáng tạo cần được khích lệ, thúc đẩy. Tiềm năng về con người của chúng ta không bao giờ cạn. Cần có những giải pháp tích cực nhất để bồi bổ, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, phát triển nhân tài ; từ tố chất thông minh của người Việt Nam để có thể tiếp cận và từng lĩnh vực cụ thể đi thẳng vào hiện đại hóa, vào kinh tế tri thức. Trong khi tận dụng những cơ hội và phát huy mạnh mẽ những yếu tố thuận lợi do cơ hội tốt đẹp mang đến, cần tìm

Digitized by Google

quan trọng của 15 năm đổi mới làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có nhiều phẩm chất cao quý. Tình hình chính trị - xã hội ổn định. Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng phát triển tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực, nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Xác định như vậy là rõ ràng và chính xác. Cùng với những yếu tố bên trong của đất nước như đã đề cập ở trên, một số yếu tố bên ngoài cũng góp phần tạo cho chúng ta cơ hội mới. Tình hình thế giới hiện nay tuy có nhiều diễn biến phức tạp khó lường nhưng những xu thế mới đang hình thành tạo ra những điều kiện thuận lợi cho mọi nước. Đó là sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học và công nghệ trao cho loài người những khả năng mới chưa bao giờ có. Cùng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế, một nền kinh tế tri thức với tố chất mới cốt lõi là trí tuệ của con người đang được hình thành và lan tỏa, vừa là thách thức nhưng biết cách tiếp cận, tận dụng thì cũng là những yếu tố mới thúc đẩy sự phát triển. Trong khi loài người tiến bộ hết sức tán đồng phương thức đối thoại để giải quyết công việc, thì cả khu vực châu Á và Đông - Nam Á đang có những bước chuyển tích cực mà Việt Nam ta vừa là tác nhân của sự tích cực đó, vừa thụ hưởng sự hợp tác phát triển với các nước bạn bè.

Cơ hội mới to lớn của đất nước với những yếu tố tương tác, chuyển dịch trong từng thời điểm, tạo ra những thời cơ. Đó là thời cơ vận dụng thế mới, lực mới, gia tốc mới đang ngày càng được tăng cường và củng cố cùng với vị thế và uy tín đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Về những thách thức, Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX cho rằng bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo cho đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen và tác động lẫn nhau, không thể xem thường nguy cơ nào. Đảng ta cũng nhấn mạnh rằng hiện nay và trong nhiều năm tới, nước ta căn bản vẫn còn là nước nông nghiệp kém phát triển, điểm xuất phát thấp, khoảng cách về trình độ phát triển giữa nước ta và nhiều nước trên thế giới còn rất lớn, trong khi đó đất nước đi lên trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt ; nếu chúng ta không vươn lên được thì nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế sẽ trở thành hiện thực, lúc đó tình hình sẽ rất phức tạp. Mặt khác, trước mắt, trong nội bộ chúng ta, tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí và sự thoái hóa về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên - nói chung lại là tình trạng suy thoái - có xu hướng phát triển nặng thêm, nếu không ngăn chặn được sẽ dẫn đến sự chệch hướng về chính trị và kinh tế, làm sai lệch việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tạo cơ sở để cho kẻ địch thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", phá hoại nội bộ ta.

Hai là, cần có những giải pháp và bước đi thích hợp để có thể tận dụng, tranh thủ thời cơ, khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức. Có những công việc và giải pháp cụ thể, đồng thời có những giải pháp chung.

- Đối với cơ hội và thời cơ. Về mặt phương pháp luận thì mọi thời cơ khi thấy xuất hiện đều phải tận dụng một cách nhanh chóng và chuẩn xác, không để nó tự đến và tự đi ; mọi yếu tố hình thành cơ hội đều được bồi bổ, khai thác. Cụ thể là khi chúng ta đang có thế mới, lực mới và gia tốc mới cần đẩy mạnh việc sử dụng các nguồn lực, tập trung sức cho phát triển với nhịp độ nhanh hơn ; kiến tạo môi trường trong nước thật ổn định, môi trường chung quanh hòa bình, hữu nghị, đẩy mạnh hợp tác cùng có lợi với tất cả các nước, các nhóm nước, các tổ chức kinh tế, sớm có giải pháp và bước đi thích hợp để tiếp tục hội nhập và chủ động hội nhập quốc tế với tầm cao hơn, chiều sâu hơn và rộng mở hơn. Những tiềm năng của đất nước như tài nguyên, lao động cần được khảo sát đánh giá chuẩn xác và có kế hoạch sử dụng. Những phẩm chất cao đẹp của nhân dân ta như cần cù, chịu khó, thông minh, sáng tạo cần được khích lệ, thúc đẩy. Tiềm năng về con người của chúng ta không bao giờ cạn. Cần có những giải pháp tích cực nhất để bồi bổ, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, phát triển nhân tài ; từ tố chất thông minh của người Việt Nam để có thể tiếp cận và từng lĩnh vực cụ thể đi thẳng vào hiện đại hóa, vào kinh tế tri thức. Trong khi tận dụng những cơ hội và phát huy mạnh mẽ những yếu tố thuận lợi do cơ hội tốt đẹp mang đến, cần tìm

Digitized by Google

phương thức hợp lý để nuôi dưỡng và tạo lập thời cơ mới, tăng thêm tố chất của cơ hội đã có.

- Đối với thách thức và nguy cơ. Trên thực tế, những phương pháp và giải pháp để tận dụng thời cơ cũng góp phần khắc phục thách thức và nguy cơ. Tuy nhiên, đối với mỗi một thách thức và nguy cơ bên cạnh những giải pháp chung, gián tiếp, cũng cần xác định những giải pháp cụ thể, trực tiếp. Để khắc phục tình trạng thấp kém về kinh tế và nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, cần thực hiện chiến lược phát triển kinh tế tổng hợp với cả 3 khía cạnh tăng tốc, đi tắt, đón đầu với bước đi và phương thức hợp lý. Phát huy nội lực, tăng cường sức mạnh quốc gia và tích cực tham gia đời sống quốc tế là quy luật phát triển của mọi nước. Mục tiêu cơ bản, quan trọng đồng thời là công cụ sắc bén để chủ động tham gia vào quá trình hợp tác phân công quốc tế, chủ động hội nhập quốc tế là xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng vững mạnh. Tính mềm dẻo, đa năng của nền kinh tế độc lập tự chủ vận hành theo cơ chế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ cho phép khai thác triệt để mọi tiềm năng và tận dụng được mọi lợi thế trong nước cùng với vốn và kỹ thuật ở bên ngoài. Những chủ trương biện pháp chống tham nhũng, chống tiêu cực, làm trong sạch, lành mạnh hóa đời sống xã hội, đề cao quyền làm chủ của nhân dân lao động, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân và cảnh giác với các âm mưu phá hoại của kẻ địch, bảo đảm trật tự an toàn xã hội đều là những tác nhân quan trọng để đẩy lùi những nguy cơ phát sinh từ trong nội bộ cũng như ngăn chặn nguy cơ "diễn biến hòa bình" từ bên ngoài.

- Những giải pháp chung nhất để vừa có thể tạo lập và tận dụng cơ hội, thời cơ, vừa khắc phục, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức là tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm, vấn đề tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để Đảng với dân là một khối thống nhất, thành cội nguồn của sức mạnh, đưa dân tộc ta phát triển không ngừng vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.❑

THẾ GIỚI NĂM QUA...

(Tiếp theo trang 20)

điều kiện cụ thể và với từng địa bàn. Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong năm 2001 là tiếp tục sự hợp tác hài hòa giữa các hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân, tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ với tất cả các nước, trước hết là các nước láng giềng, các nước lớn, các nước bạn bè có quan hệ truyền thống, các tổ chức khu vực và quốc tế, nâng cao hiệu quả sự hợp tác quốc tế, thực hiện những thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương.

Một nội dung quan trọng trong hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là tăng cường phục vụ phát triển kinh tế đất nước. Vấn đề đặt ra ở đây là tạo bước chuyển biến cơ bản và xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, ban, địa phương, giữa các cơ quan và địa phương trong nước với các cơ quan đại diện ngoại giao của ta ở nước ngoài trong công tác này.

Trọng tâm của hoạt động đối ngoại năm 2001 là đảm nhận thành công vai trò Chủ tịch Ủy ban Thường trực ASEAN (ASC) và Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), tăng cường vai trò của Việt Nam trong các hoạt động ngoại giao đa phương, nâng cao hiệu quả thiết thực của ngoại giao đa phương, xây dựng lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế theo phương châm đã nêu ở trên cũng như đóng góp tích cực hơn nữa vào giải quyết các vấn đề chung của khu vực và quốc tế.

Những nhiệm vụ đối ngoại nặng nề ấy đòi hỏi đội ngũ làm công tác đối ngoại phải không ngừng học tập và phấn đấu nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn lên tầm tương xứng, đòi hỏi cần có cơ chế thống nhất quản lý đối ngoại trong nước và tại các cơ quan đại diện ngoại giao của ta ở nước ngoài. Quá trình thực hiện những phương hướng nhiệm vụ đối ngoại nói trên không đơn giản và dễ dàng. Nhưng chúng ta có đủ cơ sở để tin tưởng rằng toàn Đảng và toàn dân ta sẽ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đối ngoại trong mọi tình huống, như đã thực hiện thành công trong nhiều giai đoạn đã qua trong thế kỷ XX. ❑

Digitized by Google

VỀ CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ Ở NƯỚC TA ĐẾN NĂM 2010

TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN *

Sau gần một thập niên thực hiện *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGĐ)* và *Chiến lược DS-KHHGĐ đến năm 2000,* chương trình DS-KHHGĐ của nước ta đã thu được những kết quả to lớn : đạt mục tiêu giảm sinh sớm hơn 10 năm so với kế hoạch đề ra. Thực tế, tổng tỷ suất sinh đã giảm xuống mức 2,3 con năm 1999, và có thể đạt được mức sinh thay thế vào năm 2005. Tốc độ gia tăng dân số về cơ bản đã được khống chế. Nhờ đó áp lực của quy mô dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đã bắt đầu được giảm nhẹ. Kết quả đạt được của chương trình DS-KHHGĐ góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng thu nhập bình quân đầu người (GDP) hằng năm trong thập niên vừa qua.

Nhận thức và hành động của toàn xã hội về DS-KHHGĐ được nâng lên rõ rệt. Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến địa phương đã coi công tác DS-KHHGĐ là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Quan niệm của cộng đồng về hôn nhân và sinh đẻ đã chuyển biến tích cực theo hướng ngày càng có nhiều người chấp nhận kết hôn muộn, đẻ muộn, đẻ thưa, đẻ ít để nuôi con khỏe và dạy con ngoan. Sự chuyển biến về nhận thức đã dẫn đến những thay đổi lớn về hành vi thực hiện DS-KHHGĐ. Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai tăng nhanh, từ 53,75% năm 1993 lên 75,31% năm 1997, bình quân mỗi năm tăng 5,4% (kế hoạch đề ra là tăng 2% mỗi năm). Ngoài vòng tránh thai, các biện pháp như bao cao su, viên uống tránh thai, triệt sản nam/nữ, thuốc tiêm tránh thai... đã được giới thiệu rộng rãi.

Hệ thống tổ chức làm công tác DS-KHHGĐ được hình thành từ trung ương đến cơ sở và đã từng bước được hoàn thiện về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và phương thức hoạt động. Cơ quan chuyên trách DS-KHHGĐ các cấp đã thực sự trở thành một tổ chức tham mưu tích cực cho lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp về công tác DS-KHHGĐ. Các bộ, ban, ngành, đoàn thể đều có ban chỉ đạo công tác DS-KHHGĐ. Đội ngũ cán bộ chuyên trách DS-KHHGĐ trong toàn hệ thống được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Mạng lưới cộng tác viên dân số được bố trí đến tận thôn, xóm, bản, làng, tổ dân phố, cụm dân cư theo phương thức quản lý đến tận hộ gia đình.

Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông được mở rộng và đẩy mạnh. Đông đảo các lực lượng xã hội và cá nhân đã được huy động tham gia vào tuyên truyền, vận động về DS-KHHGĐ dưới nhiều hình thức truyền thông trực tiếp và truyền thông đại chúng. *Việc cung cấp dịch vụ KHHGĐ đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng về sự đa dạng, thuận tiện và an toàn.* Đến nay, tất cả các cơ sở dịch vụ KHHGĐ cấp tỉnh và 93% cơ sở y tế huyện làm được các thủ thuật đình sản ; 100% cơ sở dịch vụ KHHGĐ cấp huyện và 68,7% trạm y tế đặt được vòng tránh thai và điều trị phụ khoa. Hệ thống y tế tư nhân và các tổ chức phi chính phủ được huy động và tạo điều kiện tham gia vào việc cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản (SKSS), KHHGĐ.

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình

Digitized by Google

Nhiều chính sách, chế độ đã được ban hành và thực hiện có kết quả. Chính sách khuyến khích lợi ích trực tiếp cho những người chấp nhận KHHGĐ, những người cung cấp dịch vụ KHHGĐ, và các chế độ bồi dưỡng, khuyến khích đối với các cán bộ làm công tác DS-KHHGĐ đã thúc đẩy sự tham gia tích cực của nhân dân vào chương trình DS-KHHGĐ. Nhiều chính sách kinh tế - xã hội được ban hành nhằm phục vụ sự nghiệp đổi mới đã tạo môi trường thuận lợi và tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện mục tiêu DS-KHHGĐ.

Mặc dù đạt được những kết quả to lớn, chương trình DS-KHHGĐ cũng còn một số mặt hạn chế. Một số giải pháp của chương trình chưa phù hợp với vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo. Ở những vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, công tác thông tin, giáo dục truyền thông chưa đáp ứng được yêu cầu tuyên truyền vận động nhân dân tham gia chương trình DS-KHHGĐ ; hệ thống cung cấp dịch vụ SKSS, KHHGĐ chưa bảo đảm cung cấp một cách thuận tiện, an toàn, đa dạng và chất lượng cao. So với mức bình quân của cả nước, mức sinh ở các khu vực này cao hơn gấp 1,7 - 1,9 lần, trong khi tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai thấp chỉ bằng 60%.

Một hạn chế nữa là có sự mất cân đối trong chương trình. Do quá bức xúc về sự gia tăng dân số ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, chương trình DS-KHHGĐ trong thời gian qua mới chỉ tập trung vào giảm mức sinh thông qua KHHGĐ nhằm hạn chế tốc độ gia tăng về quy mô dân số, chưa chú trọng nhiều đến các khía cạnh khác của vấn đề dân số như chất lượng, cơ cấu dân số và phân bố dân cư, cũng như chưa chú trọng thích đáng đến các nội dung chăm sóc SKSS. Bộ máy tổ chức ra đời muộn và chưa ổn định. Việc lồng ghép các yếu tố dân số vào lập kế hoạch và xây dựng chính sách kinh tế - xã hội chưa được chú trọng và thực hiện hiệu quả. Đầu tư cho chương trình DS-KHHGĐ chưa đáp ứng nhu cầu kinh phí cho mở rộng nội dung hoạt động.

Thực tiễn hoạt động của chương trình DS-KHHGĐ thời gian qua cho thấy : Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 4 (khóa VII) về chính sách DS-KHHGĐ phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, thực sự đem lại lợi ích kinh tế, tinh thần, sức khỏe cho nhân dân nên đã được đông đảo các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, các tầng lớp nhân dân đồng tình hưởng ứng và tích cực thực hiện. Đảng và chính quyền các cấp đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác DS-KHHGĐ. Chính phủ đã đầu tư nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chính sách và nghị quyết về DS-KHHGĐ xuống các cấp cơ sở.

Chiến lược DS-KHHGĐ được triển khai trong bối cảnh đất nước có sự phát triển mạnh mẽ nhờ công cuộc đổi mới toàn diện. Sự tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và kết quả của chương trình xóa đói giảm nghèo trong những năm qua đã tạo tiền đề cơ bản cho việc cải thiện đời sống, chăm sóc sức khỏe và nâng cao trình độ dân trí ở hầu hết các vùng trong cả nước. Đây là những tiền đề khách quan cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu của chương trình DS-KHHGĐ.

Bên cạnh những yếu tố tạo động lực cho chương trình DS-KHHGĐ, còn một số yếu tố làm hạn chế kết quả của chương trình. Phong tục tập quán cũ còn ảnh hưởng nặng nề. Tâm lý thích quy mô gia đình lớn, thích con trai còn tồn tại ở nhiều người, nhiều vùng, đặc biệt là những vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo. Việc chuyển hướng mở rộng nội dung của chương trình và xây dựng hệ thống chính sách thích hợp chưa được tiến hành kịp thời. Một số chính sách kinh tế - xã hội còn chưa đồng bộ với chính sách dân số. Đầu tư nguồn lực chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Cơ chế quản lý nguồn lực còn có một số nội dung chưa phù hợp ; việc giám sát và đánh giá chưa được thực hiện có hiệu quả.

Chiến lược dân số 2001 - 2010 sẽ được triển khai trong tình hình đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị và xã hội. Sau 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000, nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao nhất từ trước đến nay, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng gấp đôi. Sự tiến bộ, công bằng xã hội và đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ các hộ đói nghèo giảm đáng kể, từ 30% năm 1992 xuống còn 10% năm 2000. Tuổi thọ bình

Digitized by Google

quân và trình độ dân trí được nâng lên một bước. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được củng cố và nâng cao nhờ đường lối cải cách, mở cửa đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

Tuy nhiên, cho tới nay, vấn đề dân số đặt ra nhiều thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đó là :

Quy mô dân số lớn và ngày càng tăng cản trở thực sự đối với quá trình phát triển đất nước. Với số dân 76,3 triệu người vào thời điểm 1-4-1999, Việt Nam là quốc gia có quy mô dân đứng thứ 2 ở Đông - Nam Á và thứ 13 trên thế giới. Tiềm năng gia tăng dân số còn lớn do cơ cấu dân số trẻ và số phụ nữ 15 - 49 tuổi vẫn tăng ở mức cao, từ 21,1 triệu năm 2000 lên 25,5 triệu năm 2010. Mặc dù tỷ lệ sinh đã giảm nhanh trong thập niên vừa qua và tiếp tục giảm, nhưng trong 10 năm tới, dân số nước ta vẫn tăng thêm trung bình mỗi năm khoảng từ 1 triệu đến 1,1 triệu.

Kết quả giảm sinh chưa thực sự vững chắc. Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên giảm chậm và vẫn còn cao, năm 1999 vẫn chiếm khoảng 1 phần 3 tổng số sinh trong năm. Mức sinh còn chênh lệch nhiều giữa các tỉnh : mới chỉ có 20 tỉnh, thành phố đạt mức sinh thay thế hoặc thấp hơn, trong khi đó mức sinh ở vùng núi, trung du phía Bắc, Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên còn cao. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại ở mức trung bình : 55,8% và vẫn còn 19,5% sử dụng biện pháp tránh thai truyền thống, hiệu quả tránh thai thấp. Tư tưởng trọng nam hơn nữ là yếu tố cản trở đến việc chấp nhận và thực hiện gia đình ít con.

Cơ cấu dân số trẻ và đang chuyển dần sang cơ cấu dân số già. Số trẻ em dưới 15 tuổi mặc dù giảm từ 26,0 triệu năm 2000 xuống 21,8 triệu năm 2010, nhưng vẫn ở mức cao, tạo nên những thách thức lớn cho gia đình và xã hội trong việc nuôi dạy, đào tạo và tạo việc làm cho thế hệ trẻ. Do mức sinh giảm nhanh và tuổi thọ tăng, dân số nước ta bắt đầu chuyển sang quá trình già hóa. Tuổi trung vị sẽ tăng từ 23,2 năm 2000 lên 27,1 năm 2010. Người già từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng từ 6,5 triệu năm 2000 lên 6,9 triệu năm 2010, làm tăng nhu cầu bảo đảm phúc lợi xã hội và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người già.

Chất lượng dân số còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các tố chất về thể lực của người Việt Nam còn hạn chế, đặc biệt là chiều cao, cân nặng và sức bền. Tỷ lệ trẻ sơ sinh nặng dưới 2 500 gram chiếm 8% năm 1998. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cao, chiếm 36,7% năm 1999. Đáng lưu ý là vẫn còn 1,5% dân số bị thiểu năng về thể lực và trí tuệ. Số người nhiễm HIV/AIDS ngày càng tăng. Số năm học bình quân đầu người thấp, mới đạt 6,2 năm/người vào năm 1997 - 1998. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ đạt khoảng 20%, so với từ 50% trở lên ở các nước khác, làm cho khả năng tiếp thu khoa học và công nghệ mới gặp khó khăn. Chỉ có 2,09% dân số tốt nghiệp cao đẳng, đại học, trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 0,06%.

Di dân tự do và những biến động của lực lượng lao động là những thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong cả hiện tại và tương lai. Bên cạnh những mặt tích cực, di dân tự do và sự di chuyển của lực lượng lao động theo mùa vụ đã và đang trực tiếp làm trầm trọng thêm việc đáp ứng những dịch vụ xã hội cơ bản, gây ô nhiễm môi trường sống, tàn phá tài nguyên và gia tăng các tệ nạn xã hội.

Căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, Chiến lược dân số 2001-2010 đề ra *mục tiêu tổng quát :* Thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh, tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững đất nước. *Mục tiêu cụ thể của chiến lược là :* Duy trì xu thế giảm sinh một cách vững chắc để đạt mức sinh thay thế bình quân trong toàn quốc chậm nhất vào năm 2005 ; vùng sâu, vùng xa và vùng nghèo chậm nhất vào năm 2010 để quy mô, cơ cấu dân số và phân bổ dân cư phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội ; Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần, phấn đấu đạt chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức trung bình tiên tiến vào năm 2010.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chiến lược dân số 2001 - 2010 đề ra tám giải pháp cơ bản :

Digitized by Google

Một là : Kiện toàn, củng cố và ổn định hệ thống tổ chức làm công tác dân số từ trung ương đến địa phương phù hợp với sự chuyển hướng toàn diện về nội dung của chương trình và yêu cầu cải cách hành chính. *Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền đối với công tác dân số.* Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và phân công cán bộ chủ chốt trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số ở địa phương. Các chỉ tiêu về dân số cần được lồng ghép vào việc hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp các ngành và các địa phương. *Thực hiện đầy đủ cơ chế quản lý theo ngành, lãnh thổ, xây dựng kế hoạch từ dưới lên theo chương trình mục tiêu để các địa phương chủ động bố trí, huy động nguồn lực, điều hành kế hoạch phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương và yêu cầu chung của đất nước.*

Hai là : Đẩy mạnh giáo dục - truyền thông, làm thay đổi hành vi, tạo sự chuyển đổi hành vi bền vững về dân số, SKSS, KHHGĐ. Chú trọng loại hình tư vấn, đối thoại, vận động trực tiếp các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, nam giới, thanh niên và vị thành niên. Tập trung vào những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn và những đối tượng còn nhiều hạn chế về nhận thức. Mở rộng và nâng cao chất lượng các hình thức giáo dục dân số trong và ngoài nhà trường. *Tăng tỷ lệ người tự nguyện chuyển đổi hành vi và duy trì hành vi phù hợp về SKSS, KHHGĐ ở các nhóm đối tượng, nhất là phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, nam giới, vị thành niên và thanh niên ; đặc biệt tập trung cho vùng sâu, vùng xa và vùng nghèo.* Thực hiện đồng bộ các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức, tạo nhu cầu và tăng số người thay đổi hành vi SKSS, KHHGĐ một cách bền vững. *Nâng cao hiệu quả thông tin cho lãnh đạo các cấp.* Cải tiến nội dung và đổi mới phương pháp giáo dục dân số, SKSS, KHHGĐ, giới và giới tính trong và ngoài nhà trường ở mọi cấp học và ngành học của hệ thống giáo dục quốc dân với những hình thức thích hợp theo hướng cung cấp kiến thức, tạo nhận thức và hành vi đúng đắn, xây dựng kỹ năng sống phù hợp về dân số và phát triển bền vững, SKSS, KHHGĐ, giới và giới tính. *Ứng dụng các kết quả nghiên cứu và khảo sát để nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông.*

Ba là : Nâng cao chất lượng chăm sóc SKSS, KHHGĐ với các nội dung chủ yếu và phù hợp trong khuôn khổ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiến tới thỏa mãn nhu cầu của khách hàng về SKSS, KHHGĐ, hạn chế đến mức thấp nhất có thai ngoài ý muốn, giảm nhanh nạo phá thai, góp phần nâng cao chất lượng dân số. *Đáp ứng tốt nhu cầu SKSS, KHHGĐ của khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ để giảm sinh vững chắc và giảm nhanh nạo phá thai* trên cơ sở đa dạng hóa các loại hình cung cấp dịch vụ và tư vấn SKSS, KHHGĐ, lấy khách hàng làm trung tâm. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về các biện pháp tránh thai giúp khách hàng có cơ hội lựa chọn biện pháp tránh thai thích hợp. Nâng cao chất lượng của hệ thống cung cấp dịch vụ KHHGĐ hiện có ; từng bước mở rộng, tiến tới hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ theo hướng toàn diện và chất lượng cao, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của chương trình. *Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.* Triển khai các mô hình thông tin, giáo dục và tư vấn phù hợp về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em để thay đổi tập quán, nâng cao kiến thức và hiểu biết cho phụ nữ chuẩn bị mang thai, đang mang thai và làm mẹ an toàn. Tăng cường chăm sóc sức khỏe trẻ em bằng việc đẩy mạnh chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng, tăng cường khả năng phòng ngừa và điều trị hiệu quả các bệnh dễ mắc và gây tử vong cao ở trẻ em như tiêu chảy, viêm phổi cấp tính, sốt rét... hạn chế đến mức thấp nhất chết chu sinh, chết sơ sinh và bệnh tật ở trẻ nhỏ. Huy động sự tham gia của toàn xã hội, trong đó có hệ thống y tế nhà nước, các cơ sở y tế tư nhân, các bà đỡ dân gian được đào tạo và cộng đồng trong việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Bốn là : Nâng cao chất lượng thông tin dữ liệu dân cư để đến năm 2005, hệ cơ sở dữ liệu dân cư được kết nối với các cơ sở dữ liệu khác, đáp ứng được yêu cầu đánh giá kết quả thực hiện chiến lược và các chương trình dân số ; bảo đảm cho việc lồng ghép các dữ liệu dân cư vào hoạch định chính sách, lập kế hoạch nhằm điều chỉnh sự phát triển kinh tế - xã hội, phân bổ dân cư phù hợp với

Digitized by Google

sự thay đổi của dân số. Các nhiệm vụ chính : *Thiết lập hệ cơ sở dữ liệu dân cư dùng chung, là hệ thống động, được tin học hóa, đảm nhận vai trò nòng cốt trong trao đổi thông tin dữ liệu với các hệ cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan đến dân cư. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành có chứa đựng các chỉ báo về chính sách dân số, các chỉ báo giám sát nhằm đánh giá kết quả thực hiện chiến lược, chương trình dân số tại các cấp quản lý. Lồng ghép yếu tố dân số trong việc hoạch định chính sách, lập kế hoạch nhằm bảo đảm sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững với cơ cấu dân số và phân bổ dân cư hợp lý.*

Năm là : Tăng cường vai trò của gia đình và bình đẳng giới, góp phần nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần. *Xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý để bảo đảm bình đẳng giới* trên cơ sở xây dựng và thực hiện các chính sách xã hội để nâng cao vị thế và quyền năng cho phụ nữ. Khuyến khích nam giới chia sẻ trách nhiệm trong SKSS, KHHGĐ, trong công việc gia đình và nuôi dạy con. *Tăng cường bình đẳng giới trong giáo dục, đào tạo, dạy nghề và phân công lao động.* Đổi mới các chính sách về giáo dục và đào tạo dưới giác độ bình đẳng giới nhằm thu hút mọi trẻ em, đặc biệt các em gái, đến tuổi đi học tới trường, nâng tỷ lệ theo học ở các bậc từ phổ thông trung học trở lên, chú ý đến phát triển dạy nghề cho lao động nữ. *Củng cố thiết chế gia đình và nâng cao phúc lợi gia đình.* Chăm lo sức khỏe người cao tuổi, đặc biệt đối với các bệnh thường gặp như : loãng xương, rối loạn sau mãn kinh, bệnh tim mạch, ung thư và các bệnh về rối loạn chuyển hóa... Nâng cao phúc lợi gia đình thông qua việc lồng ghép chương trình dân số với các chương trình tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và dạy nghề. Khuyến khích và tạo điều kiện để các gia đình áp dụng công nghệ và các hình thức sản xuất mới nhằm tăng thêm sản phẩm xã hội và làm giàu chính đáng.

Sáu là : Xã hội hóa và thực hiện cơ chế chính sách nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia công tác dân số. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để mỗi cá nhân, mỗi gia đình và toàn thể cộng đồng tự nguyện và chủ động trong công tác này. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách dân số và phát triển, tạo cơ sở pháp lý và động lực thúc đẩy quá trình tổ chức thực hiện. *Tăng cường pháp chế* trên cơ sở tiếp tục hướng dẫn, cụ thể hóa, quán triệt và chấp hành toàn diện chính sách DS-KHHGĐ, chính sách gia đình, chính sách nâng cao chất lượng dân số, chính sách phân bổ dân cư hiện hành đã được thể hiện trong hiến pháp, các luật, pháp lệnh, nghị định, điều lệ hữu quan đã ban hành. Tăng cường giám sát việc thi hành luật nhằm bảo vệ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ hợp pháp của công dân, nghiêm túc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. *Vận động và tổ chức thu hút sự tham gia rộng rãi của nhân dân và của toàn xã hội vào công tác dân số, xây dựng cộng đồng trách nhiệm, tạo sự phối hợp liên ngành theo kế hoạch dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý thống nhất của Nhà nước. Tăng cường vai trò của cộng đồng. Huy động sự đóng góp tự nguyện của các tổ chức, của cộng đồng và người dân cho công tác dân số.*

Bảy là : Bảo đảm kinh phí và các điều kiện hoạt động cho công tác dân số. Huy động sự đóng góp tài chính từ nhiều nguồn dưới sự điều hành thống nhất của Nhà nước và chính quyền các cấp. Nhà nước và chính quyền các cấp bảo đảm tối thiểu 80% tổng số nguồn đầu tư tài chính cho công tác dân số. Thiết lập cơ chế và thực hiện từng bước việc thu lại một phần kinh phí trong chăm sóc SKSS, KHHGĐ đối với những người có khả năng chi trả các dịch vụ theo yêu cầu. Xây dựng các chính sách và cơ chế thu phí đối với cơ quan, tập thể và cá nhân có nhu cầu sử dụng các thông tin liên quan đến dân số, SKSS, KHHGĐ, kể cả tư vấn nhằm đầu tư trở lại cho chương trình dân số, tạo tính bền vững của chương trình và góp phần thực hiện công bằng xã hội. Củng cố và xây dựng các cơ sở sản xuất phương tiện tránh thai trong nước, tiến tới tự túc một số loại phương tiện tránh thai chủ yếu có chất lượng. Tiếp tục nhập khẩu có chọn lọc các phương tiện tránh thai. Nâng cao hiệu quả hệ thống cung ứng các phương tiện tránh thai thông qua mạng lưới y tế nhà nước, y tế tư

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

TIẾN HẢI

ĐƯỜNG lối của Đảng có nhanh chóng đi vào cuộc sống, phát huy được hiệu quả và được đông đảo quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ hay không thường tùy thuộc vào hai yếu tố : *Một là,* đường lối đó có phản ánh đúng các quy luật khách quan đang vận động trong hiện tại ; có thể hiện đúng tình hình thực tế của đất nước, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và tình hình thực tế của bản thân Đảng ta hay không ? Nói tóm lại là đường lối đó đúng hay sai ? *Hai là,* việc tổ chức chỉ đạo thực hiện có tốt không, có khoa học không ?

Hai yếu tố trên có mối quan hệ biện chứng với nhau. Đường lối đúng là tiền đề rất quan trọng cho việc chỉ đạo thực hiện tốt. Bởi vì đường lối sai thì việc tổ chức chỉ đạo thực hiện sẽ lập tức mất phương hướng, do đó không thể nào tốt được. Nhưng có đường lối đúng mà việc tổ chức chỉ đạo thực hiện kém thì hiệu quả của đường lối đó sẽ không cao ; thậm chí có trường hợp không phát huy được tác dụng gì trong cuộc sống.

Ở nước ta hiện nay có thực tế là một số chủ trương, đường lối của Đảng đi vào cuộc sống còn chậm, thậm chí rất chậm và phát huy hiệu quả không cao. Tại sao có tình trạng đó ? Do đường lối sai hay do việc tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa tốt ? Xung quanh vấn đề này đang có nhiều ý kiến tranh luật. Có một số ý kiến cho rằng đường lối của Đảng chậm đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả không cao thì trước hết phải xem lại tính khoa học của bản thân đường lối đó, không nên đổ lỗi cho việc tổ chức chỉ đạo thực hiện. Lại có không ít ý kiến khác cho rằng đường lối của Đảng về cơ bản là đúng đắn ; việc nó chậm đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả chưa cao chủ yếu là do khâu tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa tốt.

Tôi đồng tình với loại ý kiến thứ hai. Thực tế khách quan cho thấy đường lối của Đảng ta từ đường lối hết sức lớn như đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đến những chủ trương, đường lối khác như chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại ; chủ trương giữ gìn và phát huy nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ; chủ trương xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở ; chủ trương triệt để chống tham nhũng, xây dựng bộ máy của Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, v.v.. đều là những chủ trương, đường lối phản ánh đúng quy luật khách quan, xuất phát từ tình hình thực tế của đất nước và tình hình thực tế của bản thân Đảng ta ; đồng thời cũng xuất phát từ đòi hỏi bức xúc của đông đảo quần chúng nhân dân. Như vậy là các chủ trương, đường lối đó có đầy đủ tính khoa học, tính thực tiễn. Hay nói gọn lại là các chủ trương, đường lối đó đều đúng (tất nhiên trong quá trình thực hiện có những điểm cần được sửa đổi hoặc bổ sung). Thực tế đã chứng minh rất rõ điều này. Nếu không có đường lối đổi mới thì đất nước ta không thể thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Không có đường lối đổi mới thì đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn chứ không thể ổn định và có những bước cải thiện rõ rệt như ngày nay.

Vừa qua, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 70 Ngày thành lập Đảng và lần thứ 110 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã phát động cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình. Có cuộc vận động đó trước hết là do quy luật khách quan đòi hỏi. Một đảng cầm quyền muốn giữ được vai trò lãnh đạo của mình, muốn đứng vững trong lòng dân thì phải luôn luôn tự đổi mới,

Digitized by Google

tự chỉnh đốn ; phải thật sự cầu thị, tự phê bình từ trên xuống và từ dưới lên ; đồng thời phải tranh thủ sự tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng của đông đảo quần chúng nhân dân. Có cuộc vận động đó còn do trong Đảng có một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống làm cho lòng tin của nhân dân đối với Đảng phần nào bị giảm sút. Vì vậy, Đảng ta chủ trương tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình là hết sức đúng đắn, vừa hợp ý Đảng, vừa hợp lòng dân. Điều đó không một ai có thể phủ nhận. Thế nhưng tại sao Đảng vẫn nghiêm khắc tự kiểm điểm là cuộc vận động đó *"chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra"* và quyết định trong thời gian tới còn phải tiếp tục làm. Rõ ràng ở đây có vấn đề cần xem xét đó là việc *tổ chức chỉ đạo thực hiện*. Trong Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII trình Đại hội IX của Đảng đã nêu rõ sáu yếu kém, tồn tại của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay, trong đó, điểm yếu kém, tồn tại thứ sáu chính là : *"Tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước chưa tốt"*.

Vậy thì việc tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa tốt thể hiện ở những điểm nào ?

- *Một là*, nhiều cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở chưa thấu suốt và chưa thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Từ đó dẫn đến tình trạng chưa làm rõ và chưa tạo được sự thống nhất cao của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đối với một số quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhiều nơi khi có nghị quyết của Đảng đưa về, cấp ủy thường khoán trắng cho các cơ quan tham mưu như Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức... tiến hành chỉ đạo thực hiện. Bản thân cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy không quan tâm, thiếu kiểm tra đôn đốc, do đó việc triển khai tổ chức thực hiện thường mang tính hình thức. Như thế thì làm sao nghị quyết của Đảng có thể nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt được hiệu quả cao ?

- *Hai là*, không ít cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp còn mang nặng tư tưởng cá nhân, tham vọng quyền lực, danh lợi, cục bộ bản vị, chưa gương mẫu rèn luyện bản thân, chưa thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Cán bộ, đảng viên bao giờ cũng phải là những người đi tiên phong trong việc tổ chức thực hiện đường lối của Đảng ; trực tiếp đưa đường lối đó vào cuộc sống và tích cực vận động nhân dân thực hiện. Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là như vậy. Thế nhưng, không ít người vì mang nặng tư tưởng cá nhân, hoặc vì một lý do nào đó nên đã không gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng. Cán bộ, đảng viên còn như vậy thì làm sao đường lối của Đảng có thể nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt được hiệu quả cao khi triển khai thực hiện.

- *Ba là*, việc triển khai thực hiện đường lối của Đảng gắn rất chặt với công tác lý luận, tư tưởng. Công tác lý luận, tư tưởng bao giờ cũng phải đi trước một bước ; phải phân tích, làm rõ những nội dung cơ bản trong chủ trương, đường lối của Đảng làm cho không chỉ cán bộ, đảng viên mà cả đông đảo quần chúng nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu đầy đủ những nội dung nêu trong các chủ trương, đường lối của Đảng. Có như thế thì chủ trương, đường lối của Đảng đi vào cuộc sống mới nhanh và việc thực hiện mới có hiệu quả. Thế nhưng, hiện tại công tác lý luận, tư tưởng của ta còn *thiếu sắc bén* (Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII trình Đại hội IX của Đảng, trang 45).

- *Bốn là*, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Dảng ở tất cả các cấp các ngành còn chậm, kể cả đổi mới cách ra nghị quyết và tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết. Ở cấp vĩ mô, nhất là từ sau Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) Đảng ta đã đổi mới cách ra Nghị quyết. Các nghị quyết của Đảng đã ngắn, gọn hơn trước, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện hơn trước ; cấp ủy và tổ chức đảng cấp dưới có thể thực hiện được ngay, không phải chờ đợi sự hướng dẫn cụ thể hóa của cấp trên. Tuy nhiên, từ cấp tỉnh, thành phố trở xuống, việc đổi mới ấy chưa thật triệt để. Một số địa phương, một số ngành vẫn mô phỏng, sao chép cách viết nghị quyết của Trung ương, chỉ thay thế các số liệu của Trung ương bằng các số liệu của địa phương hoặc của ngành mình mà thôi. Ở không ít địa phương, nhất là cấp cơ sở còn

Digitized by Google

có tình trạng "tồn đọng nghị quyết". Cấp ủy ở đó không triển khai kịp thời các nghị quyết của cấp trên mà thường để sáu tháng hoặc thậm chí hàng năm sau mới phổ biến một lúc vài ba nghị quyết. Cách làm đó đương nhiên là không kịp thời và cũng không thể nào sâu sắc được.

Những hiện tượng nêu trên rõ ràng làm ảnh hưởng rất lớn tới việc nhanh chóng đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống và làm hạn chế hiệu quả của các chủ trương, đường lối đó. Phải thấy rõ thực tế này để có biện pháp khắc phục, chứ không thể nói một cách võ đoán rằng "do đường lối có sai lầm".

Vậy khắc phục như thế nào ? Theo tôi :

● Phải xây dựng cho được *một đội ngũ cán bộ giúp Đảng hoạch định đường lối và tổ chức chỉ đạo thực hiện đường lối thật giỏi.* Muốn có đường lối đúng trước hết phải có đội ngũ cán bộ giúp Đảng hoạch định đường lối. Đội ngũ này chẳng những phải am hiểu sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; có bản lĩnh chính trị thật vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có tính đảng cao mà còn phải nắm thật chắc xu thế của thời đại, tình hình thực tế của đất nước và của bản thân Đảng ta. Có đường lối đúng rồi, muốn cho đường lối đó nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả cao lại phải có đội ngũ cán bộ giúp Đảng triển khai việc tổ chức thực hiện. Đội ngũ cán bộ này cũng đòi hỏi phải có những phẩm chất như : Nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nắm vững tình hình thực tế của đất nước và của bản thân Đảng ta ở từng địa phương, từng ngành, thậm chí ở từng cơ sở. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có tính đảng cao, năng động, sáng tạo và lăn lộn với phong trào, với quần chúng nhân dân. Nếu có đội ngũ cán bộ giúp Đảng hoạch định đường lối giỏi lại có cả đội ngũ cán bộ giúp Đảng tổ chức chỉ đạo thực hiện đường lối tốt thì chắc chắn đường lối của Đảng sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy được hiệu quả cao.

● Phải xác định thật rõ *trách nhiệm của từng cấp ủy đảng.* Đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống (quán triệt nghị quyết, triển khai thực hiện nghị quyết...) trước hết là trách nhiệm của từng cấp ủy đảng. Đã đến lúc không thể chấp nhận tình trạng cấp ủy khoán trắng cho các cơ quan tham mưu trong vấn đề này. Thực tế cho thấy ở đâu cấp ủy đảng không quan tâm, không kiểm tra đôn đốc thật rõ ràng, đầy đủ thì ở đó nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống rất chậm và đạt hiệu quả không cao.

● Cùng với việc xác định trách nhiệm của cấp ủy, phải *xác định trách nhiệm của toàn thể đội ngũ đảng viên.* Không ai khác, chính đảng viên phải là người trực tiếp đưa đường lối của Đảng tới quần chúng và vận động quần chúng thực hiện. Đảng viên có phẩm chất tốt, có năng lực giỏi, gắn bó với quần chúng lại có nghệ thuật tuyên truyền và thuyết phục quần chúng thì đường lối của Đảng nhất định sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt hiệu quả cao.

● Phải kịp thời *đổi mới cách ra nghị quyết và tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết ở tất cả các cấp, các ngành.* Về vấn đề này phải thực hiện thật nghiêm túc chỉ thị của Đảng : Chỉ ra nghị quyết khi thật cần thiết ; nghị quyết phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, cấp dưới có thể thực hiện được ngay, không phải chờ đợi sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Nội dung và hình thức triển khai thực hiện nghị quyết phải phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Thí dụ, đối với trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà khoa học... thì nội dung truyền đạt nghị quyết và cách tổ chức học tập nghị quyết phải khác với công nhân và nông dân. Nếu đem nội dung và cách làm đối với trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà khoa học áp dụng cho công nhân và nông dân thì họ sẽ cảm thấy khó hiểu, khó tiếp thu. Ngược lại, nếu đem nội dung và cách làm đối với công nhân, nông dân áp dụng cho trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà khoa học thì họ sẽ cảm thấy sơ lược, thiếu sâu sắc.

● *Phải làm tốt khâu kiểm tra việc tổ chức chỉ đạo thực hiện.* Phải xác định rõ thời điểm triển khai nghị quyết, nội dung truyền đạt nghị quyết, các đối tượng học nghị quyết và thời gian hoàn thành... Nơi nào làm tốt những việc đó cần kịp thời biểu dương, khen thưởng. Nơi nào làm không tốt cần kịp thời nhắc nhở, uốn nắn, thậm chí phải có biện pháp xử lý nếu thấy cần thiết.❑

Digitized by Google

VIỆT NAM THẾ KỶ XX - MỘT TRĂM NĂM TRONG MỘT NGÀN NĂM

DƯƠNG TRUNG QUỐC *

NHỮNG di chỉ khảo cổ học cho chúng ta biết đến sự có mặt từ ngàn xưa của con người đã sinh sống trên mảnh đất của Tổ quốc Việt Nam từ lưu vực các con sông như sông Hồng, sông Mã, sông Lam... cho đến tận chín cửa sông của Cửu Long màu mỡ, cũng như ở Tây Nguyên và cả những hải đảo xa xôi. Những truyền thuyết và thư tịch cổ đã kể về thời các Vua Hùng dựng nước cũng như hơn một ngàn năm Bắc thuộc đen tối đôi lúc được thắp sáng bởi những cuộc nổi dậy kiên cường nhưng không thành của Hai Bà Trưng, Bà Triệu... hay những nền tự chủ ngắn ngủi của Lý Nam Đế... Rồi lịch sử dân tộc ta được nối tiếp bởi những cuộc trỗi dậy giành quyền tự chủ với phương Bắc mà chiến công hiển hách thắng quân Nam Hán diễn ra trên sông Bạch Đằng vào năm 938 đã khẳng định một cách vững chắc và dài lâu nền tự chủ của dân tộc ta. Chính vì thế nhà yêu nước Phan Bội Châu của thế kỷ XX đã tôn vinh Ngô Vương Quyền là *vị tổ trung hưng thứ nhất.*

Vua Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn sứ quân, vua Lê Đại Hành đánh Tống, bảo vệ non sông tiến tới một cái mốc lớn ở thập kỷ mở đầu cho một thiên niên kỷ mới, thiên niên kỷ thứ 2 bằng sự lên ngôi của triều Lý (1009) với một bước phát triển huy hoàng sau khi dựng đô ở Thăng Long (1010) và thể hiện sức mạnh của quốc gia Đại Việt không chỉ bằng một nền văn hiến gây dựng qua các đời mà còn bằng một ý chí quyết giữ nền tự chủ với phương Bắc mà biểu tượng cho ý chí ấy là bài thơ thần gắn liền với tên tuổi anh hùng Lý Thường Kiệt trên chiến tuyến sông Như Nguyệt chặn giặc Tống : *"Nam quốc sơn hà Nam đế cư".* Chính cái tinh thần tự chủ ấy đã đưa quốc gia Đại Việt vượt qua mọi thử thách của thời gian làm nên một thời thịnh trị trước khi chuyển sang triều Trần. Triều đại thay đổi nhưng ý chí tự chủ không đổi thay và ba lần đánh thắng giặc Nguyên Mông đã chứng minh sức mạnh làm nên từ ý chí lấy "Khoan thư sức dân làm thượng sách giữ nước" của Trần Hưng Đạo Đại Vương. Cho đến triều đại nhà Hồ ngắn ngủi tuy được tiếp sức bằng những ý tưởng cải cách mạnh mẽ nhưng đã không đủ sức ngăn được giặc ngoại xâm. 20 năm đô hộ của giặc Minh với những chính sách tàn bạo không chỉ muốn chiếm đóng đất đai Đại Việt mà còn muốn bóp chết luôn cả nền văn hóa Đại Việt tưởng chừng lặp lại cái họa ngàn năm Bắc thuộc. Nhưng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn với người anh hùng áo vải Lê Lợi có bậc đại danh hào Nguyễn Trãi giúp rập đã trường kỳ kháng chiến 10 năm nêu cao ngọn cờ *"lấy đại nghĩa thắng hung tàn"* để thu lại giang sơn làm nên một thời đại mới gắn liền với triều đại nhà Lê kéo dài hơn 3 thế kỷ rưỡi. Đức Lê Thái Tổ vì thế cũng được Phan Bội Châu tôn vinh là *vị tổ trung hưng thứ hai.* Chính với triều đại này dân tộc ta đã đạt tới những đỉnh cao - phát triển gắn với tên tuổi của Lê Thánh Tông và niên hiệu Hồng Đức đã chứng minh sức vươn lên mãnh liệt của một dân tộc tự do đủ sức tiếp nhận những nền văn hóa của nước lớn mà không những không bị đồng hóa mà còn làm dày dạn bản lĩnh tự chủ với phương Bắc và mở rộng bờ cõi về phương Nam không phải bằng chiến tích "mang gươm đi mở cõi" mà chủ yếu bằng ý chí bền bỉ "vác cày đi mở đất". Chính tư tưởng "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia" và nền văn hiến đã tạo

* Tổng thư ký Hội Sử học Việt Nam

Digitized by Google

nên sức sống và sự trưởng thành của dân tộc. Ngay vào thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, đất nước có bị chia đôi với "mối hận sông Gianh" nhưng Đàng Ngoài có Phố Hiến, Đàng Trong có Hội An và không bị kẻ ngoài dòm ngó. Đất nước cả hai thế lực đều nêu chung ngọn cờ "phù Lê" biểu hiện ý chí thống nhất bất di bất dịch của nhân dân Việt Nam.

Nhà Tây Sơn với người anh hùng Nguyễn Huệ - Quang Trung đã đặt nền móng cho sự thống nhất giang sơn và khẳng định sự trưởng thành lãnh thổ của dân tộc bằng hai cuộc đại phá quân Xiêm ở Rạch Gầm, Xoài Mút và quân Thanh ở Thăng Long. Rồi triều đại của những người anh hùng nông dân áo vải ấy bị tàn lụi sau cái chết đột ngột của Vị hoàng đế anh hùng Quang Trung.

Triều Nguyễn có một nửa thế kỷ để hoàn chỉnh lãnh thổ của một quốc gia đã đạt tới sự phát triển cao trong khu vực. Cho đến giữa thế kỷ XIX thì dân tộc Việt Nam đứng trước một khúc quanh quan trọng. Mối họa của chủ nghĩa thực dân với sự xuất hiện những hạm đội và đạo quân mang sức mạnh cơ khí của chủ nghĩa tư bản phương Tây đã đẩy dân tộc ta trước một thử thách mới. Sau ba thập kỷ chống chọi và chịu khuất phục từng bước trước thực dân Pháp, triều đại nhà Nguyễn đã hoàn toàn bó tay và đầu hàng kẻ thù.

Một "Liên bang Đông Dương" được ra đời (1897) vào cửa ngõ của thế kỷ XX đã chia cắt nước Việt Nam thành 3 phần riêng biệt bỏ chung một rọ với hai nước láng giềng, tất cả thành 5 xứ của một thuộc địa. Một chiếc cầu sắt dài ngót 2 km đồ sộ vắt ngang con sông Hồng cũng là vắt ngang qua hai thế kỷ (khởi công 1898 - hoàn thành 1902) biểu tượng sức mạnh tưởng như vô địch và sự có mặt tưởng chừng vĩnh viễn của chế độ thuộc địa.

Cái trăm năm cuối cùng của thiên niên kỷ thứ hai này bắt đầu, từ cái nỗi nhục mất nước mà như cụ Phan Bội Châu thường dùng chữ "vong quốc nô, vong quốc sử". Trên bản đồ thế giới mất đi quốc danh của một quốc gia tự chủ. Cái nhục mất nước ấy kéo tiếp đến gần nửa thế kỷ XX mới kết thúc.

Nhìn vào thế kỷ XX, dường như rất dễ nhận ra một ranh giới chia hai phần sáng - tối, cái ranh giới thời gian lịch sử ấy chính là cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cái gì đã khiến cho một dân tộc có truyền thống đánh bại mọi giặc ngoại xâm trong quá khứ, lại thất bại trước sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ?

Chỉ với vài ngàn quân, chúng có bình định được cả những vùng lãnh thổ rộng lớn trên đất nước ta mà lòng người Việt Nam từ người dân quê cho đến những sĩ phu, từ những người dân mặc áo lính cho đến cả một số quan lại triều đình, kể cả một số người đã ngồi trên ngai vàng, ai chẳng mang mối hận vong quốc.

Vì sao chúng ta không bảo vệ được nền độc lập cho dù đã có những danh tướng kiên trung như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, .. những tấm gương bất khuất như Nguyễn Trung Trực, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, ... những con người nghĩa khí như Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học và những bậc ái quốc nhiệt huyết như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,... ?

Có thể nói rằng chưa có bao giờ trong lịch sử ngàn năm, lại có một trăm năm chịu đựng những thử thách to lớn với mối nhục mất nước ngót nửa thế kỷ, nỗi đau chiến tranh liên tục 30 năm nhưng cũng đạt tới niềm tự hào cao cả để đủ sức đánh thắng "hai đế quốc to" và đủ lực đương đầu với mọi thế lực xâm phạm lợi ích dân tộc.

Dẫu cho đất nước còn nghèo, cuộc phấn đấu vươn tới một xã hội công bằng và văn minh còn đầy gian truân, nhưng cái niềm tin vào sức mạnh của tinh thần tự chủ của một ngàn năm qua sẽ giúp dân tộc ta vươn tới.

Mở đầu thiên niên kỷ này đã vang lên lời tuyên ngôn : *"Nam quốc sơn hà Nam đế cư"* của người anh hùng Lý Thường Kiệt. Kết thúc thiên niên kỷ này là một bằng chứng hùng hồn được thử lửa của ý chí *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nếu thiên niên kỷ thứ nhất, là đêm trường bị đô hộ, dân tộc Việt Nam đã chứng minh sức sống của mình bằng cuộc đấu tranh kiên cường để giữ gìn bản sắc văn hóa của mình, thì thiên niên kỷ

Digitized by Google

thứ hai là sự khẳng định sức trường tồn và phát triển của nền tự chủ dân tộc. Đó là thiên niên kỷ khởi đầu bằng kỷ nguyên Đại Việt và được hoàn thiện bằng sự toàn thắng của dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh kết thúc thế kỷ XX. Dù nước ta còn là một quốc gia nghèo, nhưng chúng ta có quyền tự hào về vị thế của mình trong lịch sử của dân tộc và của nhân loại. Nói như cách nói của Phan Bội Châu, chúng ta hoàn toàn có thể nói rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là *vị tổ trung hưng thứ ba của dân tộc Việt Nam.*

Việt Nam ngày nay không chỉ là một quốc gia độc lập thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, trong một thế kỷ đã giành được độc lập từ tay chủ nghĩa phát xít, thực dân, đã đánh bại hai "đế quốc to" và mọi thế lực xâm phạm chủ quyền dân tộc mà còn tự chủ lựa chọn và kiên định con đường phát triển của mình. Mặc dầu đã từng trải không biết bao nhiêu thử thách, kể cả những thất bại, sai lầm trong quá khứ và hôm nay còn phải đương đầu với biết bao khó khăn gian khổ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX gắn liền với công cuộc Đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta đã chứng kiến nhiều sự kiện với tầm vóc lịch sử và mang ý nghĩa lâu dài. Nước Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, đã hoàn thành xóa nạn mù chữ và phổ cập tiểu học là một quốc gia đã hóa giải được mọi quan hệ với tất cả các nước đã từng thù địch trong quá khứ là một quốc gia đang vững bước trên con đường tiến tới phồn vinh, dân chủ... Điều đó cũng có nghĩa là dân tộc Việt Nam không chỉ có sức mạnh chiến thắng giặc ngoại xâm mà còn có đủ sức mạnh để chiến thắng giặc đói, giặc dốt và hòa hiếu được với mọi dân tộc trên thế giới. Và đó cũng là vị thế và sức mạnh của dân tộc ta khi bước vào một thiên niên kỷ mới phấn đấu thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Thế kỷ thứ XXI và thiên niên kỷ thứ 3 sẽ là sự nối tiếp và phát triển Thời đại Hồ Chí Minh bắt nguồn từ sức mạnh văn hiến và chủ nghĩa anh hùng truyền thống bảo đảm cho tương lai dân tộc Việt Nam sẽ trở thành một quốc gia hùng cường. ❑

VỀ CHIẾN LƯỢC...

(Tiếp theo trang 31)

nhân, phân phối qua cộng đồng và thương mại. Hoàn thiện hệ thống hậu cần về chăm sóc SKSS, KHHGĐ trên cơ sở sử dụng hợp lý và có hiệu quả màng lưới hậu cần có sẵn của các ngành các cấp. Xây dựng hệ thông tin quản lý cho hệ thống hậu cần phục vụ chăm sóc SKSS, KHHGĐ.

Tám là : Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác dân số. Đào tạo chuyên ngành dân số theo hướng đổi mới cả về phương pháp và nội dung nhằm phục vụ thiết thực các yêu cầu mới của công tác dân số. Đào tạo các cán bộ làm công tác dân số ở các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội về kỹ năng lồng ghép công tác dân số vào các hoạt động của ngành mình. Xây dựng đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực dân số thông qua hệ thống đào tạo trong và ngoài nước. Nâng cao trình độ ứng dụng về công nghệ thông tin trong công tác dân số cho cán bộ dân số cấp trung ương, tỉnh, thành phố và từng bước mở rộng đến cấp quận, huyện. *Gắn chặt nghiên cứu với thực tiễn, triển khai đồng bộ các loại hình, thừa kế vốn sẵn có, phát huy nội lực đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế nhằm tạo ra những nghiên cứu có chất lượng, vừa phục vụ công việc trước mắt, vừa chuẩn bị cho các bước phát triển của chương trình.* Nâng cao năng lực nghiên cứu trên cơ sở từng bước xây dựng đội ngũ nghiên cứu viên đủ trình độ đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan khoa học và tổ chức nghiên cứu trong lĩnh vực dân số và phát triển, SKSS, KHHGĐ.

Tập trung mọi nỗ lực đạt mục tiêu giảm sinh vững chắc, đặc biệt là tập trung vào những vùng có mức sinh cao nhằm đạt mức sinh thay thế chậm nhất vào năm 2005. Tiếp tục hoàn thiện và mở rộng các mô hình can thiệp và các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số. Kiện toàn hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên phạm vi toàn quốc nhằm cung cấp dữ liệu cho việc hoạch định chính sách và chương trình phát triển kinh tế - xã hội, điều chỉnh các mất cân đối về cơ cấu và phân bố dân cư, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững. ❑

Digitized by Google

XUÂN CHUYỂN GIAO THẾ KỶ VANG VỌNG NHỮNG VẦN THƠ VỀ ĐẢNG

NGUYỄN XUÂN LẠC *

TRONG *"Lời khai mạc Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng"* (1960), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói :

Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao nhiêu tình
Đảng ta là đạo đức, là văn minh,
Là thống nhất, độc lập, là hòa bình, ấm no.
Công ơn Đảng thật là to,
Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng. (1)

Chỉ sáu câu thơ mà Người đã cô đúc và làm bật nổi những nét đẹp cao quý nhất của Đảng ta : sự vĩ đại, bản chất cách mạng và công ơn to lớn của Đảng đã làm nên *"cả một pho lịch sử bằng vàng"* cho dân tộc Việt Nam trong thời đại cách mạng vô sản. Đây chính là cảm hứng thơ nồng nàn, tâm huyết và đầy tự hào của người sáng lập, lãnh đạo Đảng ta đã từng gắn bó máu thịt với những bước đi lên quang vinh của Đảng - cũng là của dân tộc - trong ba mươi năm lịch sử vẻ vang ấy. Đây cũng là những *"lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu"* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhà thơ Hồ Chí Minh đã để lại cho Đảng, cho dân tộc, cho muôn đời con cháu mai sau để ta hiểu sâu sắc về Đảng vĩ đại của mình. Và phải chăng, những cảm hứng thơ về Đảng của Người cũng chính là cảm hứng thơ của biết bao thi sĩ đã nghĩ suy, xúc cảm về Đảng kính yêu từ khi "đời ta có Đảng" ?!

* * *

"Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao". Đó là một chân lý lịch sử mà mỗi người Việt Nam chúng ta không chỉ nhận thức sâu sắc bằng lý trí mà còn đón nhận bằng cả tình cảm và niềm tin của mình. Bởi như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói *"Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng :* ***Đảng ta thật là vĩ đại !" "Đảng ta vĩ đại****, vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác"* (2). Đây là điều cốt lõi khiến cho Đảng trở thành linh hồn của dân tộc, đồng nghĩa với Việt Nam. Có phải vì thế mà Hoàng Trung Thông đã thốt lên những câu thơ không nén nổi tự hào về *Đảng - Việt Nam* :

Ôi Việt Nam hai tiếng diệu kỳ
Một tiếng Đảng vang lên kiêu hãnh
Ta suốt đời nguyện là người lính
Dưới cờ Đảng thân yêu
Gieo mầm thơ trên cuộc sống phì nhiêu
(Ngọn bút này - Hai tiếng Việt Nam)

Chế Lan Viên nhận ra sâu sắc điều kỳ diệu này từ cái phút Bác đọc sơ thảo *Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa* trong những ngày *"Người đi tìm hình của Nước"* ở Pa-ri năm 1920 :

Luận cương đến Bác Hồ. Và Người đã khóc,
Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lê-nin
Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp
Tưởng bên ngoài, đất nước đợi mong tin.

Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc
"Cơm áo là đây ! Hạnh phúc đây rồi"
Hình của Đảng lồng trong hình của Nước
Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười.

Ở đây, *Lãnh tụ - Đảng - Dân tộc* đã hòa quyện làm một trong cái phút giây lịch sử thiêng liêng hoài thai ra một nước Việt Nam mới. Còn nhà thơ lão thành Khương Hữu Dụng, trong dịp kỷ niệm lần thứ 40 Ngày thành lập Đảng 3-2-1970, đã viết bài thơ với nhan đề ***"Đảng và Việt Nam"***. Dựng lên một cuộc đối thoại giữa *Con* và *Mẹ*, ông đã bộc lộ sâu sắc suy nghĩ của mình về mối liên hệ biện chứng, tất yếu giữa *Đảng* và

---

* TS. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam

(1), (2) Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,1996, t10, tr 5,2,4

Digitized by Google

Đất Nước trong ngày Đảng ra đời 3-2-1930, tạo nên bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam :

- Mẹ ơi !
Tên Mẹ là gì ?
- Con ơi !
Mẹ không có tên
Vì nhà ta không có nước...
(...) - Mẹ ơi !
Con sẽ đi đòi nước cho nhà ta
Con sẽ đi đòi tên cho Mẹ

Một tuổi... Con rung sấm Nghệ An
Mười lăm tuổi... Con nổi cờ Tháng Tám
Đòi lại cái liềm cho nông dân
Đòi lại cái búa cho người thợ
Đòi lại nước cho nhà
Đòi lại tên cho mẹ
Đòi lại lịch sử cho ông cha...

Ngày mẹ sinh con
Cũng là ngày con khai sinh ra Mẹ
Đảng-và-Việt Nam.

(Hai tiếng Việt Nam)

Từ mùa xuân 1930, Đảng ra đời, Mùa xuân của Đất Nước cũng chính là Mùa Xuân của Đảng, của Bác Hồ. Đây là *"Buổi đất nước của Hùng Vương có Đảng - Mỗi người dân đều được thấy Bác Hồ"* (Chế Lan Viên), là lúc truyền thống và thời đại nhập vào nhau để thành sức mạnh to lớn của dân tộc :

Thời đại lớn cho ta đôi cánh
Không gì hơn Độc lập Tự do
Bốn mươi thế kỷ cùng ta đánh
Có Đảng ta đây, có Bác Hồ

(Tố Hữu - Theo chân Bác)

Đảng đã đem đến cho nhân dân ta lý tưởng, niềm tin và khơi dậy biết bao tiềm năng, nội lực khiến cho *"tất cả những gì tốt đẹp của dân tộc trong 4.000 năm lịch sử đều sống dậy tràn đầy sức mạnh hơn bao giờ hết trong thời đại Hồ Chí Minh"* (Phạm Văn Đồng) (3). Đó là sức mạnh tổ chức, tập hợp quần chúng của Đảng để làm nên cuộc đổi đời vĩ đại trong Cách mạng Tháng Tám 1945 :

Đồng cỏ héo đã bùng lửa cháy
Nước non ơi, hết thảy vùng lên !
Bắc Trung Nam khắp ba miền
Toàn dân khởi nghĩa ! Chính quyền về tay !
Lời Đảng gọi, một ngày sấm nổ
Biển người dâng ngập phố ngập đồng
Mùa Thu cách mạng thành công
Mùa Thu đây, hỡi cờ hồng vàng sao !

(Tố Hữu - Ba mươi năm đời ta có Đảng)

Cuộc đổi đời ấy đã mở ra cho đất nước, cho dân tộc một trang sử mới, khai sinh ra một nước Việt Nam mới, cái đất nước đã có hình hài từ ngày Bác đọc *Luận cương* của Lê-nin và có mầm mống từ ngày Đảng ra đời như Khương Hữu Dụng đã nói : *"Ngày mẹ sinh con - cũng là ngày con khai sinh ra Mẹ"*. Đó là một cuộc đổi đời vĩ đại, và chỉ có Đảng ta, mới có thể lãnh đạo nhân dân ta để làm nên cuộc đổi đời kỳ diệu ấy. *"Ôi hai tiếng đồng bào, Tổ quốc - Đến hôm nay mới thuộc về ta"* để cho ta một tư thế đứng, một quyền làm người chân chính, một hạnh phúc được dựng xây đất nước :

Ta đã đứng nên người độc lập
Cao bằng người, nào thấp thua ai ?
Tay ta, tay búa, tay cày
Tay gươm, tay bút dựng xây nước mình.

(***Tố Hữu*** - Bài đã dẫn)

Tất cả đều bắt nguồn từ sức mạnh của Đảng, đều do Đảng đã trả lại cho ta những gì mà kẻ thù đã cướp mất :

Đảng ta đó, trăm tay nghìn mắt
Đảng ta đây, xương sắt da đồng
Đảng ta, muôn vạn công nông
Đảng ta, muôn vạn tấm lòng niềm tin.
Đảng ta, Mác - Lê-nin vĩ đại
Lại hồi sinh, trả lại cho ta
Trời cao, đất rộng bao la
Bát cơm, tấm áo, hương hoa, hồn người.

(***Tố Hữu*** - Bài đã dẫn)

Tố Hữu đã nói rất đúng sức mạnh của một đảng cách mạng luôn gắn bó mật thiết với quần chúng và được quần chúng tin yêu. Ông cũng nói đến công ơn của Đảng đối với nhân dân ta thật sâu sắc : không chỉ trả lại cho ta đất nước (trời cao, đất rộng), cuộc sống vật chất (bát cơm, tấm áo), mà còn cả cái đẹp của cuộc sống tinh thần (hương hoa, hồn người). *Hương hoa, hồn người* - phải chăng đây mới là đỉnh cao và

(3) *Hồ Chủ tịch, tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1976, tr.65

Digitized by Google

chiều sâu của cuộc sống con người mà Đảng đã hồi sinh và tái tạo ? Như Bác đã chỉ rõ : *"Đảng ta vĩ đại vì nó bao trùm cả nước, đồng thời vì nó gần gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào ta"* (4), và trong câu thơ, khi nói đến *"ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi"*, Người lại nhấn mạnh cái ý *"biết bao nhiêu tình !"*. Điều này, mỗi người dân Việt Nam, ai cũng đều nhận thấy thấm thía, và nhiều thi sĩ đã nói lên sâu sắc tấm lòng của mình đối với Đảng kính yêu.

Xuân Diệu có bài thơ *"Gánh"* như một biểu trưng đẹp đẽ của Đảng ta - người *"gánh"* sứ mệnh lịch sử của dân tộc trên đôi vai rất khoẻ của mình để đưa đất nước đi tới trên những chặng đường cách mạng đầy gian lao thử thách. Nông Quốc Chấn cảm nhận sâu sắc *Đảng - người mẹ vinh quang* ; Anh Thơ thấm thía công ơn to lớn của Đảng *(Đảng đã cho tôi)* ; Phạm Hổ ân tình sâu nặng trên *Dọc đường theo Đảng.*

Lưu Trọng Lư nhớ lại những ngày cách mạng còn trứng nước gian nan :

Con biết rõ :
Mãi đêm khuya
Bên ngọn đèn chưa kín phên che
Đảng đã viết cho con bài giải phóng

(Mãi đêm khuya - Hai tiếng Việt Nam)

Tế Hanh hồi tưởng về nơi đầu nguồn Pắc Pó :

Rừng Khuổi Nậm kề bên, nơi họp Trung ương lần thứ Tám
Từng chiếc lá ghi sâu tình nghĩa Đảng
...
Núi Các Mác vươn cao vút thẳng mây trời
Suối Lê-nin tuôn dòng cuồn cuộn đến ngàn khơi

(Pắc Pó - Hai tiếng Việt Nam)

Lê Duy Phương càng ơn Đảng lại càng thương mẹ :

Chúng con lớn lên từ đất quê mình
Nghe Đảng dạy biết thương nhiều đến mẹ
Hạt gạo nuôi chúng con thật không phải dễ
Nên bây giờ chúng con biết làm ăn.
...
Được chắp cánh chúng con bay mẹ ạ
Khác mẹ ngày xưa - chúng con nhìn xa.

(Bài ca cây lúa-hạt gạo - Hai tiếng Việt Nam)

Còn Hoàng Trung Thông thì nhận được nhiều sức mạnh tinh thần từ Đảng truyền cho để mài sắc thêm ngòi bút cho Đảng :

Ta bỗng thấy tắm mình trong ánh sáng
Đảng nâng ta lên tầm cao của Đảng
Cho ta nhìn thấu suốt bốn ngàn năm
Từ quê mình nhìn muôn dặm xa xăm
Cho ta nghe tiếng đất trời sông núi
Tiếng sự sống như thác ghềnh dữ dội.

(Ngọn bút này - Hai tiếng Việt Nam)

Có biết bao nỗi niềm, ân tình đối với Đảng. Nhưng xúc động hơn cả có lẽ là tâm trạng của Chế Lan Viên, nhà thơ lãng mạn trước cách mạng, khi ông được đứng trong hàng ngũ quang vinh của Đảng. Bài thơ *Kết nạp Đảng trên quê hương Mẹ* sâu sắc về tình cảm và giàu suy nghĩ. Những liên tưởng đi về giữa Đảng, quê hương, và Mẹ có cơ sở thống nhất tự bên trong khiến cho ba hình ảnh này hòa quyện với nhau trong một tứ thơ đẹp. Hình ảnh về quê hương, về Mẹ với bao cảm xúc chân tình và suy nghĩ sâu sắc lại bồi đắp cho tứ thơ về Đảng thêm phong phú. Ngày vào Đảng là ngày thiêng liêng, kỳ diệu nhất, cũng là ngày hạnh phúc nhất đối với nhà thơ :

Ngày vào Đảng đất trời như đổi khác
Những vật vô tri cũng làm rưng nước mắt
Đá sỏi cây cằn, sao bỗng thấy thiêng liêng ?
Giọng nói quen nghe, màu đất quen nhìn
Bỗng chan chứa trăm điều chưa nói hết !

Cho nên, trong phút tuyên thệ, ông bỗng phát hiện ra một điều mới mẻ như một chân lý của cuộc đời mình :

Tôi đứng dưới cờ, đưa tay tuyên thệ
Trên đất quê hương mang hình bóng mẹ
Ngỡ chừng như vừa sinh lại lần đầu

Đảng trở thành nơi cắt rốn chôn rau.

(Trong tập ***"Ánh sáng và phù sa"***)

Nhà thơ giàu chất suy tư ấy, khi đã là đảng viên, càng có điều kiện để suy nghĩ sâu sắc hơn về Đảng của mình, để thấy hết sự vĩ đại mà càng thêm tin yêu Đảng :

Đảng nghĩ số triệu dân, nghĩ sức nước sông Cả, sông Hồng
Những vóc dáng những Trường Sơn, dung mạo những đồng bằng
Những mâm cơm ta có gì, Trung ương phải nghĩ

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 4

Digitized by Google

Một lạng ngô thôi cũng lo đều cho mười chín triệu đầu dân.

...

Ta nghĩ chuyện nghìn năm chưa kịp nghĩ
Và đôi mắt thần của Đảng chiếu tầm xa

(Nghĩ về Đảng - Hoa ngày thường và chim báo bão)

Nhưng viết về Đảng nhiều nhất là Tố Hữu, người đã gắn bó cả đời thơ của mình với cuộc sống cách mạng của Đảng và dân tộc trong hơn nửa thế kỷ qua. Trong *Nhà văn Việt Nam hiện đại* (Nxb Hội nhà văn, 1997), ông đã tự bạch : "Đối với tôi : *Trăm năm duyên kiếp, Đảng và Thơ*". Từ bài thơ đầu tiên viết về Đảng khi ông được đứng trong hàng ngũ quang vinh của Đảng và được lý tưởng cộng sản rọi sáng tâm hồn như *"mặt trời chân lý chói qua tim" (Từ ấy,* 7-1938) đến nay, ông đã có nhiều bài thơ và nhiều câu thơ nói về Đảng sâu sắc, tâm huyết, mà tiêu biểu nhất là *Ba mươi năm đời ta có Đảng* (1-1960) và *Với Đảng, mùa xuân* (1-1997) được xem là hai bài thơ xuân ca ngợi Đảng và dân tộc trong hai mùa xuân lịch sử của đất nước : Mùa xuân của *"Đường thống nhất chân ta bước gấp - Miền Bắc ta xây đắp nhanh tay"* và mùa xuân khi *"Lịch sử sang trang - Đại hội Đảng mở mùa vui. Phơi phới - Từ chiến trường ra, ta xốc tới công trường"*. Cả hai bài thơ đều trầm hùng âm hưởng sử thi và tha thiết, lắng sâu ân tình cách mạng. Nếu ở bài thứ nhất, Đảng đã đổi đời cho cả dân tộc, cho từng người dân và đưa đất nước đi lên mạnh mẽ, thì ở bài thứ hai, Đảng lại mở ra cho Tổ quốc một trang sử mới khi *"Đời rạng rỡ, mỗi con người tự sáng"*, và nhà thơ *"muốn cùng thơ bay-mùa xuân nay-đến tận cùng đất nước"*.

Ba mươi năm đời ta có Đảng là một trường ca được sáng tác trên cái nền của lịch sử đấu tranh cách mạng từ khi Đảng ra đời cho đến năm 1960. Âm hưởng sử thi vang dội trong nhiều câu thơ, đoạn thơ :

- *Lời Đảng gọi vang to khắp nước*
  Núi sông nghe chân bước trước sau
- *Lời Đảng gọi, một ngày sấm nổ*
  Biển người dâng ngập phố ngập đồng
- *Chín năm làm một Điện Biên*
  Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng !
- *Đước đã mọc thành rừng gỗ cứng*
  Gió càng lay càng dựng thành đồng
  Trăm sông về một biển Đông
  Bắc Nam lại sẽ về trong một nhà !
- *Đã nghe nước chảy lên non*
  Đã nghe đất chuyển thành con sông dài
  Đã nghe gió ngày mai thổi lại
  Đã nghe hồn thời đại bay cao...

nhưng giọng điệu thơ vẫn tha thiết và lắng sâu ân tình cách mạng. Đó là tình dân đối với Đảng. Nhà thơ viết lịch sử Đảng qua lòng biết ơn sâu nặng của nhân dân, qua cách nhìn, cách cảm nhận, nghĩ suy của nhân dân về Đảng. Và Tố Hữu đã tìm được một tứ thơ độc đáo, có chiều sâu : không phải chủ yếu viết về lịch sử Đảng mà chủ yếu viết về *Ba mươi năm đời ta có Đảng*. Ba mươi năm có Đảng, đời ta đã đổi thay như thế nào, đã làm được những gì, Đảng đã trả lại cho ta và đem đến cho ta những gì... Đây mới là chiều sâu của thi tứ và mới làm bật nổi sự vĩ đại của Đảng ta vì Đảng đã làm thay đổi tận gốc cuộc sống của người dân và nằm sâu trong trái tim của họ. Cho nên, bên cạnh âm hưởng sử thi vàng dội, còn có giọng điệu ân tình, tha thiết, xoáy vào lòng người một tình cảm thiêng liêng, sâu nặng : tình dân với Đảng :

- *Sống cùng Đảng, chết không rời Đảng*
  Tấm lòng son chói sáng nghìn thu
  Mặt trời có lúc mây mù
  Trái tim kia vẫn đỏ bầu máu tươi !
- *Chết nằm xuống, còn hôn cờ Đảng*
  Chết còn trao súng đạn, quên đau
  Chết còn trút áo cho nhau
  Miếng cơm dành để người sau ấm lòng !
- *Con chim biết nhớ đàn nhớ tổ*
  Ta nhớ người đau khổ nuôi ta :
  Ơn người như mẹ như cha
  Lòng dân yêu Đảng như là yêu con !
  Nghèo rau cháo, từng lon gạo bữa
  Dành cho ta chút sữa cầm hơi
  Dù khi tắt lửa tối trời
  Vững lòng quyết sống, không rời Đảng ta
  Dù khi giặc khảo giặc tra
  Cắn răng thà chết, không xa Đảng mình !

Một đảng mà chiếm được lòng dân, gắn bó với dân và được dân tin yêu, đùm bọc như thế - thì đó là một đảng vĩ đại. Và Tố Hữu đã nói lên được điều đó sâu sắc, thấm thía qua bài thơ.

Gắn bó với Đảng trong suốt cuộc đời cách mạng và đời thơ, Tố Hữu đã có nhiều suy nghĩ sâu sắc về Đảng trong những hình tượng thơ đẹp, mang tính khái quát cao. Với ông, Đảng không đoạn tuyệt quá khứ mà nối tiếp truyền thống dân tộc, nâng lên tầm cao của thời đại. Đảng là biểu trưng đẹp đẽ cho nhân nghĩa và

Digitized by Google

ân tình Việt Nam trong thời đại cách mạng vô sản. Khi miền Bắc bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), ông viết :

Có gì đẹp trên đời hơn thế
Người yêu người, sống để yêu nhau
Đảng cho ta trái tim giàu
Thẳng lưng mà bước, ngẩng đầu mà bay !

(Bài ca mùa Xuân 1961)

Trong cao chào chống Mỹ cứu nước, ông lại viết :

Cảm ơn Đảng đã cho ta dòng sữa
Bốn nghìn năm chan chứa ân tình
Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, bạo chúa
Kiếp tì nô vùng dậy chém nghê kình !

(Chào Xuân 67 !)

Và sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, nhà thơ càng thấm thía cái ân tình của Đảng :

Xứ sở mình có đủ nắng quanh năm
Cuộc sống ấm ân tình, với Đảng
Lớn khôn chung, một sẽ hóa thành trăm
Đời rạng rỡ, mỗi con người tự sáng.

(Với Đảng mùa xuân -1-1977)

Đảng còn là người tái tạo cuộc sống, xóa bỏ nghèo đói, cải tạo thiên nhiên :

Đáng yêu sao, những mảnh đất bạc màu
Những quả đồi hoang xói lở
Nghe Đảng khuyên, bỗng thấy mình giàu
Hết tím hoa mua, sẽ trắng mùa hoa sở.
Dâu hẹn vàng tơ, chè mơ thêm lứa
Lạc lên xanh bát ngát chân trời
Đến cỏ dại cũng ngọt thành cỏ sữa
Sắn khoai khô cũng đem mật cho đời.

(Bài ca Xuân 71)

Bởi Đảng có tầm mắt nhìn xa trông rộng :

Cuộc sống lớn có đôi mắt Đảng
Mỗi bước đi gần, nâng ước mơ xa
Hòn than nhỏ cũng bừng lên ánh sáng
Một Thác Bà reo, gọi điện sông Đà

(Bài ca Xuân 71)

Nhưng cái điều bao trùm và cốt lõi nhất, cũng là điều tâm huyết nhất mà Tố Hữu nghĩ về Đảng của mình, đó là : Đảng đã cho ta được làm một con người chân chính, tốt đẹp đúng với nghĩa "con người". Suy nghĩ này đã đến với nhà thơ khi ông ca ngợi chiếc mũ tai bèo của anh Giải phóng quân trong mùa xuân Mậu Thân lịch sử :

Ta muốn hỏi Trường Sơn
Có đỉnh nào cao hơn
Chiếc mũ kia của chủ nghĩa anh hùng cách mạng ?
Cảm ơn Đảng của chúng ta, Đảng làm ra ánh sáng
Người chưa đưa ta lên được Sao Kim
Nhưng đã cho ta một linh hồn và một trái tim
Biết lẽ phải, biết yêu thương, căm giận
Biết đi tới và làm nên thắng trận !

(Bài ca Xuân 68)

Phải chăng đây cũng là một trong những điều vĩ đại nhất của Đảng ta, khiến cho Đảng cách mạng đồng thời cũng là Đảng nhân đạo, nhân văn nhất, như Bác đã tự hào khẳng định trong câu thơ của Người : *"Đảng ta là đạo đức, là văn minh"*.

Bảy mươi mốt năm qua, Đảng đã đi vào cuộc sống của nhân dân ta, ở trong sâu thẳm trái tim của họ. *"Đảng là cuộc sống của tôi - Mãi mãi đi theo Người..."*, *"Đảng đã cho tôi sáng mắt, sáng lòng..."*, *"Dù cho vật đổi sao dời - Nguyện cùng Đảng - Bác một lời sắt son"* - lời ca, tiếng hát đã vang lên từ mọi tấm lòng biết ơn, ca ngợi Đảng của nhân dân ta khắp mọi miền đất nước, mà những tiếng thơ trên đây là những tiếng lòng tiêu biểu nhất dâng lên Đảng kính yêu.

Ca ngợi Đảng cũng là ca ngợi Bác Hồ, ca ngợi Đất nước, Dân tộc Việt Nam. Và trong chiều sâu của nó, ca ngợi Đảng cũng chính là ca ngợi lý tưởng xã hội chủ nghĩa mà Đảng đã vạch ra và đang lãnh đạo nhân dân ta thực hiện kỳ được lý tưởng đó trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Lý tưởng đó đang từng ngày trở thành hiện thực tươi đẹp trên Tổ quốc ta, chắp cánh cho tâm hồn mỗi người bay thêm cao, thêm xa khi bước vào thế kỷ mới. Hạnh phúc biết bao khi chúng ta được đi trên con đường ấy và chiến đấu dưới lá cờ của Đảng và Bác Hồ kính yêu :

Không gì vinh bằng chiến đấu dưới cờ
Đảng chói lọi, Hồ Chí Minh vĩ đại !

(Tố Hữu - Sáng tháng Năm) (5)

(5) Tất cả những câu thơ, bài thơ trích dẫn trong bài này đều lấy ở các tập : *Thơ Tố Hữu* (Nxb Giáo dục, 1971), *Máu và hoa* (Tác phẩm mới, 1978), *Ánh sáng và phù sa* (Văn học, 1960), *Hoa ngày thường, chim báo bão* (Văn học, 1967), *Hai tiếng Việt Nam* (Văn học, 1975), *Tuyển tập thơ Việt Nam 1945 - 1960* (Văn học 1961), *Riêng chung* (Văn Học, 1960),v.v...

Digitized by Google

TIẾP TỤC TINH THẦN NHẬP CUỘC MẠNH MẼ CỦA NHÀ VĂN

HỮU THỈNH *

TRONG cuốn sách "Dự báo thế kỷ XXI", với tầm nhìn của UNESCO, các nhà tương lai học tiên đoán nền văn học của thế giới sẽ tiến về *Xu hướng văn học điện tử*, trong đó văn xuôi thế kỷ XXI sẽ phát triển theo ba dòng chủ lưu sau đây :

- Tiểu thuyết dự báo
- Tiểu thuyết đô thị
- Tiểu thuyết hoài cổ.

Về điểm này, hai nhà văn Cao Duy Thảo và Cao Linh Quân ở Khánh Hòa đã bình luận rất hay như sau : "Chúng tôi thật sự vui mừng nhận ra cái "tiểu thuyết hoài cổ" ở thế kỷ XXI. Xin vui vẻ nhường lại cái "dự báo" cái "đô thị", cái hiện đại điện tử cho lớp trẻ con cháu. Xin cho chúng tôi được "hoài cổ" để có cơ may trả món nợ của mình với đồng bào, đồng chí mà trong đó nhiều người không có mặt hôm nay. Nếu không "hoài cổ" rất có thể những con người này, những chân dung này sẽ biến mất khỏi bộ nhớ của con cháu thế kỷ XXI, cho dù chúng có bấm nút điện tử cũng khó lòng hiện ra trên màn hình.

Tâm trạng trên đây không chỉ của hai nhà văn Cao Duy Thảo, Cao Linh Quân mà là của tất cả các nhà văn chúng ta đã một thời "cùng xương thịt với nhân dân" trong cuộc chiến đấu gian khổ, anh hùng của dân tộc, với tư cách là những người trong cuộc. Với Cách mạng Tháng Tám, trong hơn nửa thế kỷ qua, chúng ta đã có một đội ngũ đông đảo các nhà văn sống và viết từ trong lòng cuộc chiến đấu của nhân dân, chính họ đã làm nên nhiều thành tựu rực rỡ, làm vinh dự cho cả nền văn học của chúng ta. Văn học cách mạng và kháng chiến sở dĩ trở thành một biên niên sử về phẩm giá con người và cuộc sống tâm hồn của cả một dân tộc trong chiến đấu chính là nhờ vào quá trình dấn thân và nhập cuộc hết mình của các nhà văn.

Ngày nay, tình hình đã thay đổi. Cuộc sống không chia ra tiền tuyến, hậu phương như trước. Ở đâu cũng hòa bình. Ở đâu cũng xây dựng. Vấn đề nhập cuộc, dấn thân có còn đặt ra nữa hay không ? Đã có những lúc không ít người cảm thấy hấp dẫn bởi quan niệm về văn học đời thường, rút cuộc tác phẩm của họ chỉ quẩn quanh với những điều vụn vặn, không mấy ý nghĩa. Lại có người cho rằng, nhà văn phải giữ khoảng cách thích hợp với cuộc sống hiện thực, để có thể quan sát cuộc sống bình tĩnh hơn. Khẩu hiệu "đến với nơi tiên tiến, sống với người tiên tiến", một thời trở thành phương châm hành động của cả giới nhà văn, đem đến những mùa gặt văn học thật sôi nổi, giờ đây ít người nhắc đến nữa. Trong thơ, thấy nhắc nhiều đến tâm linh, ít nói đến hiện thực, nói nhiều đến vô thức, ít nói đến tâm hồn. Xu hướng rút lui vào cá nhân và rút lui vào hình thức là một trong những nguyên nhân làm co hẹp công chúng văn học. Rút cuộc, nhà văn chúng ta hiện nay, gần hay là xa đời sống ?

Đại hội Nhà văn lần thứ VI vừa qua bên cạnh việc khẳng định mạnh mẽ những thành tựu phong phú, đa dạng của văn học trong 15 năm đổi mới, đồng thời cũng thẳng thắn chỉ ra những non yếu, thiếu sót. Đó là tình trạng trung bình trong không ít tác phẩm, tầm tư tưởng không cao, nhân vật trung tâm còn mờ nhạt, nhà văn còn chậm chạp và bỡ ngỡ khi đi vào các đề tài hiện đại. Giải thích tình hình trên cần một thái độ nghiêm túc, thận trọng, thực sự cầu thị. Nhìn sang một số nước có bối cảnh xã hội gần giống ta cũng thấy có tình hình tương tự. Sau thời kỳ phát triển đột phá vào những năm 80, văn học Trung Quốc thập niên 90 đã có sự chững lại. Họ cũng nói nhiều đến việc thiếu vắng

* Nhà thơ, Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam

Digitized by Google

những tác phẩm đỉnh cao, phê bình văn học rơi vào tình trạng cảm tình hóa và dung tục hóa. Trong cuộc điều tra xã hội học về văn học lớn nhất từ trước tới nay do Viện Văn học Lỗ Tấn và trang Web của mạng In-tơ-nét Trung Quốc tiến hành vào năm 1999, trong đó có hơn nửa số nhà văn trong Ban Chấp hành Hội Nhà văn Trung Quốc tham gia, nhiều tên tuổi lớn có mặt, đã đem đến nhiều thông tin tham khảo đáng quan tâm. *Về nguyên tố văn học* ; đại đa số cho rằng, yếu kém nhất của văn học đương đại là *Xây dựng nhân vật*, về *phong cách*, đại đa số cho rằng yếu kém nhất của văn học đương đại là *tính cao thượng*. Được hỏi về tác động của mặt phải và mặt trái của cơ chế thị trường, đại đa số cho rằng, thành tựu lớn nhất của văn học thời kỳ mới là "đa dạng hóa sáng tác", ảnh hưởng mặt trái lớn nhất là sự *thất lạc giá trị* và *rơi tỏn của lý tưởng*. Từ những kết quả điều tra đó, người ta đi đến kết luận : Xa rời đời sống, xa rời hiện thực, văn học đứng bên bờ vực thẳm. Để sửa chữa những thiếu sót đó, Hội Nhà văn Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh việc tổ chức cho nhà văn đi thực tế theo hai hình thức. Hình thức thứ nhất là cắm rễ lâu dài, các nhà văn được cử về cơ sở từ 3 đến 5 năm, nhiều người được bố trí vào các chức vụ Phó bí thư huyện ủy, Phó chủ tịch huyện, những chức vụ có điều kiện nắm đầu mối thông tin về đời sống ở cơ sở. Hình thức thứ hai là đi ngắn từ 3 đến 6 tháng. Cả hai hình thức nhà văn đều được Nhà nước ta tài trợ hoàn toàn. Kết quả có nhiều nhà văn đã xây dựng được những tác phẩm có quy mô lớn, nhiều người hết hạn đi thực tế đã tình nguyện ở lại cơ sở vừa công tác vừa sáng tác.

Giá trị văn hóa là những giá trị lâu bền. Những gì chạy theo sự hợp mốt, thời thượng đều bị loại bỏ rất nhanh. Các nhà văn chân chính kiên quyết chống lại xu hướng "văn hóa ăn nhanh", "văn hóa mì ăn liền" là một xu hướng khá phổ biến trên thế giới hiện nay. Trong điều kiện tài chính eo hẹp, những năm qua Hội Nhà văn đã tổ chức được nhiều chuyến đi thực tế về các khu công nghiệp, miền núi, hải đảo và đặc biệt là mặt trận nông nghiệp và đời sống nông thôn, công tác này sẽ còn được đẩy mạnh hơn nữa. Đi thực tế là một vấn đề cấp bách thường xuyên là khâu hàng đầu của lao động nhà văn. Thực sự tắm mình trong cuộc sống rộng lớn của nhân dân, luôn luôn chia sẻ với những lo âu, vui buồn của nhân dân, dõi theo bước đi nhọc nhằn và lam lũ của biết bao số phận khác nhau, những người lao động bình thường, ẩn giấu biết bao vẻ đẹp bên trong, đó là cách nhà văn trở về với cái gốc của đời sống, cũng là cái gốc của văn hóa. Đấy không phải là chuyến du lịch đông vui hay là cuộc dạo chơi nhàn tản, mà thực sự là một sự nhập cuộc, tự đào luyện gian khổ của nhà văn. Đi thực tế cũng là sự trở về với ngọn nguồn sáng tạo, giúp cho nhà văn tránh được cái nguy cơ đáng sợ nhất đối với một người cầm bút là sự cạn kiệt vốn sống, cạn kiệt tâm hồn. Với ý nghĩa thiết thân như vậy, thì dù tổ chức Hội có tổ chức tốt đến đâu cũng không thể thay thế việc tự lo của cá nhân nhà văn. Đi đâu, viết gì, đó là quyền lựa chọn của mỗi người. Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà lý luận, phê bình... mỗi nhà có cách đi riêng phù hợp. Nhưng nhất định phải đi. Đi và sống cuộc sống rộng lớn của nhân dân với tư cách một người trong cuộc. Đi để nhập cho được cái hơi thở, cái thần thái của cuộc sinh nở vĩ đại của nhân dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Qua những chuyến đi ấy, vất vả, nhọc nhằn là dĩ nhiên, nhưng chắc chắn vốn sống, tâm hồn sẽ giàu có thêm, tầm nhìn sẽ khoáng rộng thêm. Chưa nói đâu xa, hãy nhớ lại những câu chuyện của những anh hùng, chiến sĩ thi đua, những người lao động bình thường tham dự Đại hội Thi đua toàn quốc vừa qua, chúng ta thấy xúc động biết bao. Những con người bình dị hằng ngày ấy sống bên cạnh chúng ta, họ hòa vào đám đông, không gây một ấn tượng gì đặc biệt. Nhưng hãy đến với họ, nghe họ kể về công việc hằng ngày, về những lo âu, cả những day dứt để vượt lên, ta mới thấy lóe lên biết bao vẻ đẹp bên trong, tiêu biểu cho phẩm chất của con người Việt Nam ngày hôm nay. Đi để hiểu đời, hiểu người, mà cũng để hiểu mình hơn trong những chuyển động lớn lao của đời sống đất nước. Đi là để bắt tay thực sự chuẩn bị cho những đứa con tinh thần mà ai nấy đều ấp ủ. Phấn đấu để có những tác phẩm lớn, xứng đáng hơn, là cao vọng của mọi người cầm bút. Cao vọng đó phải được bắt đầu từ những chuyến đi. Bàn về sự thành bại của một đời người, Đào Duy Từ có lời khuyên chí lý như sau : "Không chịu khó một lần thì không được thong thả lâu ; không chịu tốn kém một lần thì không được yên ổn mãi".

Việc đời đã thế, việc văn chương càng phải như thế. ❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ ĐÔ THỊ - BỘ XÂY DỰNG : NHỮNG THÀNH CÔNG TỪ QUYẾT TÂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐÚNG

NGUYỄN HIỆP *

RA đời trong những năm Đảng và Nhà nước bắt đầu thực hiện đường lối đổi mới, chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lĩnh vực phát triển đô thị và nhà ở cũng từng bước được xã hội hóa. Nhiều doanh nghiệp xây dựng còn đang phân vân chưa mạnh dạn đầu tư phát triển nhà ở. Có doanh nghiệp chỉ quan tâm kinh doanh hạ tầng và xây dựng nhà ở thấp tầng để bán vì các hoạt động này mang lại rất nhiều hiệu quả cho doanh nghiệp như thu hồi vốn nhanh, lợi nhuận cao... Còn Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị đã kiên trì định hướng phát triển là đầu tư phát triển kinh doanh nhà và hạ tầng đô thị theo dự án đồng bộ, đặc biệt quan tâm phát triển nhà ở mà trọng tâm là nhà ở bán cho cán bộ, công nhân viên nhà nước, cho người lao động có thu nhập trung bình và thấp. Thực tế đã chứng minh định hướng đó của Tổng công ty là đúng đắn. Những công trình, dự án của Tổng công ty đã nối tiếp nhau hình thành như : dự án Khu nhà ở Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng có quy mô 6,6 ha, diện tích sàn nhà ở và công trình dịch vụ là 38 000m², vốn đầu tư 37 tỉ đồng (chỉ tính phần hạ tầng), dự án Khu nhà ở 20 Trương Định có quy mô 0,9 ha, diện tích sàn nhà ở 13 000 m² (62 căn hộ), tổng vốn đầu tư 25 tỉ đồng ; dự án Khu nhà ở số 2 Giảng Võ có quy mô 0,9 ha, diện tích sàn nhà ở 16 000 m² (73 căn hộ) ; dự án Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm có quy mô 184,09 ha với 540 000 m² sàn nhà ở và công trình dịch vụ ; dự án Khu đô thị mới Định Công có quy mô 35 ha, tổng vốn đầu tư 287 tỉ đồng. Hiện nay, những dự án này đang được triển khai thực hiện có hiệu quả và sẽ được hoàn thành từ nay đến năm 2005. Trong hơn 10 năm qua kể từ khi được thành lập, Tổng công ty đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng hơn 30 vạn m² sàn nhà ở và công trình các loại. Dự kiến năm 2000 sẽ hoàn thành 7 vạn m² sàn nhà ở và công trình dịch vụ.

Ngoài các công trình đầu tư trong nước, Tổng công ty còn liên doanh với các nước ngoài đầu tư 2 công trình là khu căn hộ cao cấp cho thuê JANA (Giáp Bát) liên doanh với Nhật Bản có vốn đầu tư 12 triệu đô la Mỹ ; công trình V - Tower (Voi Phục) có vốn đầu tư 18 triệu đô la Mỹ. Cả 2 dự án đều đã được đưa vào sử dụng, không những giúp Tổng công ty có thêm kinh nghiệm trong công tác đầu tư, đào tạo cán bộ, mà còn đóng góp cho thành phố 2 công trình kiến trúc đẹp tại cửa ngõ phía Nam và phía Tây của thủ đô.

Phát huy những thành quả và kinh nghiệm đã đạt được, Tổng công ty đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư để tổ chức khởi công hai dự án khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp (50 ha) và khu đô thị mới Mỹ Đình (24 ha). Đồng thời Tổng công ty đang xúc tiến để tham gia đầu tư vào các dự án xây dựng thủ đô mở rộng ở Bắc sông Hồng, Nam Thăng Long, các dự án cải tạo và xây mới nhà ở trong khu dân cư nội thành nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình đô thị hóa và tham gia tích cực hơn nữa vào sự phát triển của thủ đô.

Trong những năm qua, Tổng công ty luôn là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực phát triển đô thị. Từ những vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án, Tổng công ty đã đề xuất với nhà nước nhiều biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác phát triển nhà ở và đô thị. Những biện pháp đó đã được thực tế chấp nhận và được nhà nước ban hành thành những chính sách chung như : cơ chế chậm nộp tiền sử dụng đất, miễn tiền sử dụng đất đối với nhà chung cư cao tầng, hỗ trợ chuyển nghề cho những người dân có đất nông nghiệp bị thu hồi v.v.

Sở dĩ Tổng công ty đạt được những thành tích nêu trên là do đã tranh thủ được sự chỉ đạo của các

* Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty

Digitized by Google

bộ, ngành, trung ương và thành phố Hà Nội đối với việc triển khai thực hiện các dự án ; đồng thời có sự cố gắng nỗ lực, sáng tạo, kiên trì vượt khó khăn của cán bộ, đảng viên trong đảng bộ Tổng công ty. Một trong những yếu tố quan trọng quyết định thành công của dự án phát triển các khu đô thị mới là đảng bộ Tổng công ty đã có định hướng đúng đắn, đề ra các giải pháp kiên trì phát triển đô thị theo quy hoạch đồng bộ. Trong quy hoạch khu đô thị chú trọng phát triển nhà ở chung cư cao tầng để từng bước đáp ứng nhu cầu nhà ở cho nhân dân ; đồng thời coi trọng các dịch vụ đô thị mới để ổn định cuộc sống của người dân khi đến định cư tại khu đô thị mới ; coi trọng đúng mức sự phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế địa phương, thực hiện vai trò trách nhiệm của mình bằng những giải pháp thiết thực, hiệu quả cao.

Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án phát triển các khu đô thị mới, đảng bộ Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích, những giải pháp quan trọng cho lĩnh vực phát triển đô thị và nhà ở. Những giải pháp đó bao gồm :

Một là : Xây dựng thủ đô văn minh, hiện đại thông qua các dự án phát triển khu đô thị mới đồng bộ, bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở cao tầng, công trình dịch vụ và công cộng (như công viên vui chơi giải trí, văn hóa, thể thao, v.v.). Những yếu tố đồng bộ và hiện đại trong việc phát triển các khu đô thị mới có ý nghĩa rất quan trọng vì tạo điều kiện cho người dân đến định cư tại khu đô thị mới được ổn định và yên tâm, đồng thời tạo ra sự bền vững của đô thị cũng như bảo đảm không lạc hậu trong tương lai. Xác định được tầm quan trọng đó, sau khi được giao làm chủ đầu tư xây dựng các dự án phát triển đô thị mới, Tổng công ty một mặt vừa nghiên cứu thị trường khu vực triển khai dự án, mặt khác phối hợp với các ngành chức năng của thành phố để nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thiết kế về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để bảo đảm việc đầu tư xây dựng các dự án đồng bộ và hiện đại. Hiện nay, các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật tại các khu đô thị mới mà Tổng công ty đang triển khai về cơ bản đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn hiện đại với các tuyến cáp điện động lực được chôn ngầm, tuyến thoát nước thải sinh hoạt được tách khỏi tuyến cống thoát nước mưa. Tổng công ty còn dùng vốn của mình đầu tư xây dựng các khu công viên, cây xanh thể thao, các công trình dịch vụ theo quy hoạch để đáp ứng các nhu cầu vui chơi giải trí của nhân dân trong khu đô thị mới. Vì vậy, các dự án khu đô thị mới Định Công, khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm đã được đông đảo nhân dân chấp nhận, được các ngành, các cấp đánh giá cao. Với những dự án đã và đang được thực hiện nêu trên, bộ mặt kiến trúc đô thị ở cửa ngõ phía nam thủ đô đã thay đổi mạnh mẽ, môi trường cảnh quan và điều kiện sống của nhân dân trong khu vực được cải thiện rõ rệt.

Hai là : Giải quyết nhà ở cho nhân dân thủ đô theo theo mô hình xây dựng các khu nhà ở chung cư cao tầng kèm theo các dịch vụ phục vụ chung cư như cấp điện, cấp nước, thang máy, thu gom rác thải, trồng và chăm sóc cây xanh..., đồng thời quan tâm tham gia dự án cải tạo xây mới các khu nhà ở lắp ghép đã xuống cấp nghiêm trọng. Với định hướng phát triển thủ đô văn minh hiện đại trong điều kiện diện tích đất đô thị ngày càng chật hẹp và trở nên khan hiếm, sự phát triển đô thị theo chiều cao trở thành xu hướng chủ yếu trong tương lai. Hơn nữa, trong điều kiện thực tế hiện nay ở Hà Nội, giá thành của các căn hộ chung cư cao tầng thấp hơn hẳn so với các loại nhà ở khác nên các chung cư cao tầng được coi là giải pháp tốt để đáp ứng được nhu cầu về chỗ ở cho những người có thu nhập trung bình và thấp. Nắm bắt xu hướng phát triển này, ngay từ năm 1998, Tổng công ty đã mạnh dạn đầu tư xây dựng một chung cư cao 9 tầng tại khu nhà ở Bắc Linh Đàm với kinh phí 21 tỉ đồng. Đây là chung cư cao tầng được trang bị thang máy đầu tiên tại Hà Nội. Với các dịch vụ đồng bộ (về thang máy, điện nước, thu gom rác thải) khắc phục những khó khăn cho người dân đến định cư. Toàn bộ 144 căn hộ của chung cư đã được mua hết. Các gia đình đã chuyển đến sinh sống. Trên cơ sở bài học kinh nghiệm rút ra từ chung cư 9 tầng đầu tiên, Tổng công ty đã khởi công xây dựng 2 chung cư cao tầng (từ 9 - 12 tầng) gồm 275 căn hộ tại khu đô thị mới Định Công. Đến nay, tất cả các căn hộ của 2 chung cư này đã được khách hàng ký hợp đồng mua. Tiếp tục phát huy những kết quả ban đầu, Tổng công ty đã khởi công xây dựng 1 chung cư 9 tầng nữa tại khu nhà ở Bắc Linh Đàm với 112 căn hộ và hiện nay số lượng khách hàng đăng ký mua căn hộ tại chung cư này đã vượt xa số căn hộ theo thiết kế. Đây là một tín hiệu đáng mừng, thể hiện sự thích hợp của mô hình phát triển chung cư cao tầng đối với nhu cầu về chỗ ở của nhân dân thủ đô. Tổng công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng thêm nhiều chung cư cao tầng với hàng trăm căn hộ tại khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm

Digitized by Google

và khu đô thị mới Định Công. Trong kế hoạch phát triển từ năm 2001 - 2005, Tổng công ty đề ra mục tiêu xây dựng hàng loạt các chung cư cao tầng tại các dự án được giao làm chủ đầu tư với các căn hộ được thiết kế định hình theo tiêu chuẩn hiện đại, bảo đảm chỉ tiêu hoàn thành từ 7 - 8 vạn m^2 nhà ở hằng năm. Các chung cư cao tầng được xây dựng một mặt mang lại dáng dấp của đô thị hiện đại ; mặt khác làm gia tăng quỹ nhà ở của thành phố, tạo điều kiện dãn bớt mật độ dân số trong các khu vực dân cư đông đúc ở trung tâm. Đồng thời Tổng công ty đang nghiên cứu để xuất với các ngành những biện pháp thiết thực nhà bán trả góp, cho vay với lãi suất thấp để mua căn hộ.

Ba là : Khắc phục tình trạng cách biệt về hạ tầng kỹ thuật giữa các khu đô thị mới và các làng xóm tồn tại từ nhiều đời nay ; đồng thời giữ gìn và tôn tạo các công trình di tích lịch sử văn hóa tồn tại trong các khu dự án. Trong khu vực đô thị mới đã hình thành cơ cấu xã hội mới, xuất hiện thêm khu vực dân cư của khu đô thị mới bên cạnh khu vực làng xóm tồn tại từ nhiều đời. Với các dự án đang được triển khai thực hiện, Tổng công ty đã chú trọng đến vấn đề bảo đảm thống nhất giữa sự phát triển của các dự án mới với sự phát triển của các khu vực xung quanh, trong đó có vấn đề xây dựng, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội của địa phương như xây dựng đường làng ngõ xóm, hệ thống thoát nước của thôn, xây dựng các trạm biến áp, nhà văn hóa, trường học v.v. Trong khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm các công trình di tích lịch sử như chùa Tứ Kỳ, chùa Linh Đàm, miếu Gàn, đình làng Đại Từ được nghiên cứu xem xét như là một thành phần trong tổng thể của dự án và được tôn tạo, góp phần tăng thêm các ưu thế về cảnh quan và văn hóa truyền thống của khu vực.

Bốn là : Quán triệt quan điểm của Đảng "sự nghiệp phát triển đô thị và nhà ở là của dân, do dân và vì dân" trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Tổng công ty đã đề ra định hướng kinh doanh bám sát nhu cầu thị trường như xây dựng nhà ở bán cho các hộ gia đình là cán bộ, công nhân viên nhà nước và người có mức thu nhập trung bình và thu nhập thấp. Thể hiện quan điểm đó, đảng bộ Tổng công ty chú trọng đến ba vấn đề : 1 - Đền bù giải phóng mặt bằng ; 2 - Vấn đề kinh doanh kết hợp với ý thức phục vụ đô thị và 3 - Vấn đề phát huy nội lực, thực hiện dự án bằng nguồn vốn huy động trong nước, trong đó vốn huy động từ trong dân là chủ yếu. Xác định công tác đền bù giải phóng mặt bằng là khâu khó khăn nhất trong việc thực hiện các dự án mà Tổng công ty được giao làm chủ đầu tư để phối hợp triển khai từng bước cụ thể, tổ chức bám sát và nắm bắt diễn biến tư tưởng của người dân để có những giải pháp thích hợp theo từng thời điểm. Trên cơ sở tình hình thực tế, Tổng công ty đã vận dụng những quy định của Nhà nước và thành phố để đề xuất áp dụng hình thức hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế thích hợp cho từng dự án, hỗ trợ cải thiện điều kiện hạ tầng cho địa phương, cử những cán bộ có kinh nghiệm, có năng lực về công tác dân vận, cẩn thận, tỉ mỉ làm công tác đền bù. Kết quả là Tổng công ty đã thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng các dự án khu nhà ở Bắc Linh Đàm 24 ha, khu nhà ở bán đảo hồ Linh Đàm 35 ha, và khu đô thị mới Định Công 35 ha với hơn một nghìn hộ dân không để xảy ra các va chạm lớn. Các dự án phát triển khu đô thị mới đòi hỏi một lượng vốn đầu tư rất lớn, vượt quá khả năng tài chính của các chủ đầu tư, nếu chủ đầu tư không có biện pháp huy động vốn hữu hiệu sẽ khó có thể thực hiện tốt dự án. Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị đã chủ động huy động mọi nguồn vốn, trong đó có những nguồn vốn lần đầu tiên được Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng như vốn từ phát hành trái phiếu công trình ; vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội có nguồn gốc từ tiền sử dụng đất được xem như vốn chi ngân sách ; vốn để bảo trì các chung cư cao tầng sau khi bán căn hộ. Các nguồn vốn này có tác dụng quan trọng trong những giai đoạn ban đầu như trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho dân, san nền công trình, làm đường giao thông... và tạo đà để hình thành khu đô thị mới. Tuy nhiên, nguồn vốn đóng vai trò quyết định để thực hiện hoàn chỉnh dự án là nguồn vốn huy động từ khách hàng, chiếm tỷ trọng khoảng 70% tổng mức đầu tư dự án. Với uy tín đã được gây dựng trong cả một quá trình lâu dài, với biện pháp đầu tư đồng bộ, hợp lý và luôn đặt vấn đề kinh doanh gắn liền với tinh thần phục vụ, chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, Tổng công ty đã thực hiện có hiệu quả công tác huy động nguồn vốn này, đã hoàn trả các khoản nợ của Chính phủ và ngân hàng, đồng thời còn chủ động triển khai xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình của dự án.

Có thể nói, những dự án khu đô thị mới do Tổng công ty đang thực hiện đã kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước, nhân dân và chủ đầu tư, đồng thời tăng cường kết cấu hạ tầng đô thị và góp phần làm cho thủ đô thêm giàu đẹp, văn minh, hiện đại trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑

Digitized by Google

ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP BẢO ĐẢM TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG

VÕ HÙNG DŨNG *

I - Thực trạng của nông nghiệp nước ta

1 - Tăng trưởng và cơ cấu

Thông thường vai trò quan trọng của nông nghiệp trong nền kinh tế được đánh giá theo các chỉ tiêu như : nông nghiệp chiếm khoảng 45% (1976 - 1990), có lúc trên 50% thu nhập quốc dân, sử dụng trên 70% lao động ; tăng trưởng của nông nghiệp có ảnh hưởng quyết định đến tăng trưởng của nền kinh tế ; lúa và giá lúa trong nhiều năm đã được xem là vật chuẩn để định ra các thứ giá cả hàng hóa khác trong chính sách giá của nhà nước... Kể từ sau năm 1990 tuy tình hình đã thay đổi, tỷ lệ tăng trưởng của nông nghiệp chậm tương đối so với các ngành khác, nhưng sự tăng trưởng của nông nghiệp đã góp phần đáng kể ổn định kinh tế - xã hội nước ta trong bối cảnh khủng hoảng tài chính khu vực và giảm sút tăng trưởng ở Việt Nam trong thời kỳ 1997 - 2000. Từ năm 1998, mặc dầu tăng trưởng kinh tế nước ta chậm lại, đầu tư nước ngoài sút giảm, các ngành công nghiệp, dịch vụ bị ảnh hưởng lớn, nhưng nông nghiệp vẫn giữ được nhịp độ tăng khá ổn định 3,6% (năm 1998) và 5,5% (năm 1999) (tính theo GDP của nông nghiệp, do vậy khác với số trên Biểu 1). Tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP cũng giảm từ dưới 40% năm 1990 còn dưới 25% năm 1995. Có quan điểm cho rằng đây là sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực, nhưng nếu đi sâu phân tích sự thay đổi này một phần do tốc độ tăng của nông nghiệp, nhưng cơ bản vẫn là do giá thực tế của nông sản tăng chậm hơn giá cả hàng công nghiệp, dịch vụ mới thực sự là tác nhân chính làm giảm nhanh tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP. Điều này thể hiện khá rõ qua diễn biến chỉ số giá lương thực, thực phẩm từ năm 1993 và nhất là từ năm 1997 đến nay. Thành ra, nông nghiệp có tăng trưởng, lương thực và nhiều loại nông sản khác tăng nhanh (đến mức dư thừa) (Biểu 1), nhưng đời sống nông dân chậm được cải thiện. Khoảng cách thu nhập nông thôn, thành thị đang ngày một doãng ra. Đó là một nghịch lý đã xảy ra trong quá trình thay đổi cơ cấu của nền kinh tế và là vấn đề đáng để suy nghĩ về những chính sách áp dụng với nông nghiệp trong tương lai.

Biểu 1 : Tăng trưởng nông nghiệp * từ 1997 - 1999

Đơn vị %

Năm	N.nghiệp	Tr. trọt	Ch. nuôi	Năm	N.nghiệp	Tr. trọt	Ch. nuôi
1976	14,3	18,5	-0,8	1988	4,2	6,7	-6,9
1977	-5,7	-9	8,9	1989	7,5	7,7	6,9
1978	-1,8	-0,6	-0,6	1990	1,6	1,4	2,4
1979	8,6	9,6	4,8	1991	2,7	3,3	0,1
1980	7,6	6,7	11,4	1992	8,4	7,6	13,2
1981	4,4	1,4	15,6	1993	6,6	6,8	5,6
1982	11,4	12,3	8,2	1994	4,9	4,7	5,6
1983	3,3	1,4	9,8	1995	4,9	4,7	5,7
1984	5,3	5,6	4,5	1996	5,1	5,2	5,3
1985	2,5	2,6	1,9	1997	7,0	7,0	7,8
1986	5,1	3,6	12,1	1998	3,9	3,8	4,8
1987	0,3	-2,1	11,3	1999	7,1	7,3	7,0

Nguồn : Niên giám thống kê. * Tính theo giá trị sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế của nông nghiệp cũng còn đặt ra lắm vấn đề khi nền kinh tế hội nhập. Biểu 2 cho thấy trong cơ cấu của nông nghiệp, trồng trọt đã giữ vị trí chi phối trong nhiều năm với mức trên dưới 80%, riêng lương thực đã chiếm 1/2 giá trị sản lượng toàn ngành. Sự phát triển yếu ớt của chăn nuôi và các ngành phụ trong nông nghiệp là điều rất cần được phân tích tỉ mỉ có lẽ dưới góc độ chính sách hơn là điều kiện thiên nhiên, thời tiết.

Biểu 2 - Cơ cấu trong nông nghiệp * (%)

Năm / Ngành	1990	1991	1995	1996	1998	1999
Toàn ngành NN	100	100	100	100	100	100
Trồng trọt	79,3	79,6	78,1	77,8	79,5	79,4
Chăn nuôi	17,9	17,9	18,9	19,3	18,0	18,2
Dịch vụ	2,8	2,5	3,0	2,9	2,5	2,4
L. thực/N. nghiệp	53,8	53,5	51,2	51,6	51,0	51,2

Nguồn : Niên giám thống kê. * Tính theo giá cố định 1994

* TS kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Tháp

Digitized by Google

Sự tập trung tối đa cho lương thực một thời gian khá dài đã giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế và xã hội quan trọng, nhưng do hầu hết nguồn tài nguyên được thu hút vào đó nên không chỉ chăn nuôi mà còn nhiều loại cây trồng khác đã nằm trong tình trạng thiếu đầu tư thích đáng, giá thành rất cao không cạnh tranh được khi nền kinh tế mở cửa.

2 - Lao động và đất đai

Phân tích về đất đai và lao động cho thấy từ năm 1980 đến 1997 dân số trong nông nghiệp tăng 1,43 lần, lao động trong nông nghiệp tăng 1,75 lần, nhưng diện tích trồng trọt chỉ tăng 1,38 lần. Dân số tăng nhanh, diện tích đất gieo trồng tính trên bình quân đầu người giảm. Trong nông nghiệp bình quân đất trồng trọt cho 1 lao động đã giảm từ 0,58 ha năm 1980 xuống còn 0,46 ha năm 1997.

Trong tương lai diện tích trồng trọt không thể tăng nhanh như từ năm 1990 đến 1999, vì thế tính hiệu quả trong sử dụng đất phải được chú ý hơn (Biểu 3 sẽ nói lên điều đó).

Biểu 3 : Lao động và đất đai trong nông nghiệp từ năm 1976 - 1997

Năm	Y	L	D	Y/L	Y/D	D/L
1976	36732	12734	7041	2,88	5,22	0,55
1977	34639	13211	7633	2,62	4,54	0,58
1978	34015	13346	7846	2,55	4,34	0,59
1979	35940	13511	8033	2,73	4,60	0,59
1980	39748	14147	8281	2,81	4,80	0,59
1981	41497	14499	8316	2,86	4,99	0,57
1982	46227	16282	8389	2,84	5,51	0,52
1983	47753	17012	8282	2,81	5,77	0,49
1984	50284	17595	8498	2,86	5,92	0,28
1985	51541	18808	8557	2,74	6,02	0,45
1986	54175	19798	8606	2,74	6,03	0,43
1987	54337	20246	8642	2,68	6,29	0,43
1988	56604	20446	8888	2,77	6,37	0,43
1989	60826	20698	8978	2,94	6,78	0,43
1990	61817	21683	9040	2,85	6,84	0,42
1991	63512	22276	9410	2,85	6,75	0,42
1992	68820	22998	9752	2,99	7,06	0,42
1993	73380	23684	10028	3,10	7,32	0,42
1994	76998	24310	10381	3,17	7,42	0,43
1995	82307	23321	10497	3,53	7,84	0,45
1996	86489	23953	10929	3,61	7,91	0,46
1997	92350	24614	11316	3,75	8,16	0,46

Nguồn : Niên giám thống kê

Y : Là giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá cố định năm 1994 - tỉ đồng ; L : Lao động làm việc trong nông nghiệp - triệu người ; D : Diện tích gieo trồng - nghìn ha. Y/L : là năng suất lao động trong nông nghiệp - triệu đồng/Lđ ;Y/D : là năng suất trên ha gieo trồng - triệu đồng/ha ; D/L : bình quân ha diện tích gieo trồng/ lao động nông nghiệp.

Các phân tích về năng suất của lao động và đất đai trong thời gian qua cho thấy, năng suất lao động trong nông nghiệp hầu như không tăng trong khoảng thời gian từ năm 1976 - 1990 ; từ năm 1992 trở đi sự gia tăng mới được thể hiện rõ : tăng khá nhanh và tăng đều đặn. Đối chiếu với năng suất tính trên diện tích đất trồng cho thấy tình hình tương tự. Có thể nói năng suất của nông nghiệp trong thời kỳ từ năm 1976 - 1980 là thấp và có xu hướng giảm. Thời kỳ từ năm 1981 - 1991 có tăng nhưng chậm. Từ năm 1992 đến nay tăng nhanh và đều. Xu hướng này còn có thể tiếp tục trong tương lai dài.

Các ước đoán trên có thể được củng cố thêm khi nghiên cứu số liệu tính toán năng suất cận biên của lao động và diện tích tại *Biểu 4* trong các thời kỳ kế tiếp nhau.

Biểu 4 : Năng suất cận biên của lao động và đất đai

	Năng suất cận biên		Tăng trưởng bình quân %		
Thời kỳ	L. động	D. tích	N. nghiệp	L. động	D. tích
1976 - 1980	2,66	1,89	2,0	2,7	4,1
1981 - 1985	2,42	25,41	5,6	6,7	0,7
1986 - 1990	4,53	17,34	3,4	2,3	1,2
1991 - 1995	6,66	15,96	6,7	1,2	2,8
1995 - 1997	7,78	12,21	3,9	1,8	2,5

Nguồn : Tính toán từ nguồn số liệu thống kê.

Năng suất cận biên trung bình của lao động là triệu đồng/LĐ ; năng suất cận biên của đất là triệu đồng/ha.

Năng suất cận biên của lao động (phần sản lượng nông nghiệp tăng thêm khi tăng thêm 1 lao động) nông nghiệp trong thời kỳ từ năm 1991 - 1995 cao hơn so với các thời kỳ trước đó. Trong khoảng thời gian tiếp theo từ năm 1995 - 1997, tỉ số này tiếp tục tăng cho thấy sự gia tăng sản lượng nông nghiệp nhanh hơn gia tăng số lao động mà ngành này sử dụng. Như vậy, năng suất tiệm giảm trong nông nghiệp chưa xuất hiện, xu hướng gia tăng năng suất lao động trong nông nghiệp còn có thể tiếp tục trong

Digitized by Google

thời gian tới. Chiều hướng này sẽ làm cho lao động sử dụng trong nông nghiệp giảm tương đối và tuyệt đối trong tương lai.

Tuy nhiên một xu hướng khác cũng đang diễn ra là năng suất cận biên của diện tích (phần sản lượng nông nghiệp tăng thêm/ha đất trồng tăng thêm) lại giảm đều đặn từ năm 1986 - 1990 đến các giai đoạn sau này. Sự giảm này có nghĩa là gia tăng thêm diện tích đất trồng không làm tăng thêm sản lượng trong nông nghiệp như thời kỳ trước đó. Ảnh hưởng của đất đai đối với quá trình tăng trưởng nông nghiệp không còn lớn như thời kỳ trước.

Ý nghĩa rút ra từ phân tích này là sự phối hợp 2 yếu tố đầu vào, đất đai và lao động nông nghiệp, trong thời gian qua là chưa hợp lý : yếu tố đất đai đã được nhấn mạnh, khai thác nhiều trong khi lao động chưa được chú ý đúng mức. Trong thời gian tới cần chú ý đến yếu tố lao động vì nó còn có nhiều tiềm năng để gia tăng. Chính sách phát triển nông nghiệp cần được hướng vào việc phát triển và sử dụng nguồn nhân lực hơn là gia tăng và không ngừng mở rộng diện tích gieo trồng.

3 - Đầu tư trong nông nghiệp

Không có số liệu về vốn đầu tư của xã hội vào nông nghiệp trong khoảng thời gian từ năm 1995 trở về trước, nhưng có thể nói một cách khái quát là đầu tư của xã hội, cũng như đầu tư của Nhà nước vào nông nghiệp là không lớn lắm, chưa tương xứng với những gì mà nông nghiệp đã đóng góp cho nền kinh tế (xem Biểu 5).

Biểu 5 : Cơ cấu và hiệu quả vốn đầu tư trong nền kinh tế

	Cơ cấu vốn đầu tư					Hiệu quả vốn đầu tư				
	1995	1996	1997	1998	1999	1995	1996	1997	1998	1999
Chung nền kinh tế	100	100	100	100	100	3,8	4,0	4,0	4,8	5,1
Khu vực I	8,0	7,2	7,3	7,8	7,4	13,4	15,5	14,0	16,5	17,3
N. nghiệp và L.N	7,3	6,5	6,4	6,5	6,3	13,2	15,0	14,0	17,0	17,8
Thủy sản	0,8	0,7	0,9	1,3	1,1	15,0	19,7	13,8	13,6	14,2
Khu vực II	39,0	40,8	39,0	41,0	41,0	2,9	2,9	3,3	3,8	4,3
Khu vực III	53,0	52,0	53,7	51,1	51,1	3,0	3,3	3,1	3,9	3,9

Nguồn : Tính toán từ Niên giám thống kê

(1) Cơ cấu vốn đầu tư là % trong tổng vốn đầu tư. (2) Hiệu quả vốn đầu tư = GDP/vốn đầu tư tính theo giá hiện hành.

Các số liệu do cơ quan thống kê cung cấp trong khoảng thời gian từ 1995 đến 1999 cho thấy đầu tư cho nông nghiệp chỉ chiếm không đầy 7% trong tổng đầu tư quốc gia, đầu tư của nhà nước vào đây cũng chỉ từ 8 - 9% trong số vốn đầu tư của nhà nước.

Cột (2) biểu 5 cho thấy 1 đồng vốn đầu tư chung của xã hội đã làm ra được khoảng 4,5 đồng GDP, con số đó trong nông nghiệp là 15 đồng, cao gấp 3,5 lần so với hiệu quả 1 đồng vốn đầu tư chung của xã hội.

Cũng cần phải nói thêm rằng, mặc dầu năng suất lao động trong nông nghiệp so với các ngành khác trong nền kinh tế là rất thấp, bình quân 1 lao động trong nông nghiệp chỉ làm ra được 2 triệu đồng GDP, bằng 1/3 năng suất chung của toàn xã hội và bằng 1/7 năng suất 1 lao động trong công nghiệp. Do vậy, tiềm năng về khai thác yếu tố năng suất lao động trong nông nghiệp là còn rất lớn. Ví dụ, nếu đầu tư thích đáng để 70% lực lượng lao động xã hội này nâng cao được năng suất thêm vài phần trăm cũng sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Năng suất lao động trong nông nghiệp thấp hơn so công nghiệp và các ngành khác là điều ai cũng thừa nhận. Nhưng nguồn gốc của việc quá thấp này lại cũng cần được phân tích một cách đầy đủ. Cột (2) biểu 6 cho thấy trong thời gian từ năm 1995 - 1997, suất đầu tư trung bình 1 lao động xã hội là 2 triệu đồng, của 1 lao động trong công nghiệp là 6,5 triệu đồng, trong khi 1 lao động nông nghiệp chỉ được 200 nghìn đồng. Nghĩa là suất vốn đầu tư cho 1 lao động nông nghiệp chỉ bằng 1/10 so mức chung của toàn xã hội, còn so với công nghiệp con số này chỉ bằng 1/30. Đầu tư thấp cho kết quả thấp có thể là hậu quả đương nhiên.

Biểu 6 : Năng suất lao động và trang bị vốn đầu tư cho lao động

Triệu đồng giá cố định 1994	GDP/LĐ (1)			Vốn ĐT/LĐ (2)		
	1995	1996	1997	1995	1996	1997
Chung trong nền kinh tế	5,65	5,97	6,25	1,68	1,89	2,14
Khu vực I	2,13	2,16	2,20	0,19	0,20	0,23
N. nghiệp và lâm nghiệp	1,96	1,99	2,03	0,18	0,18	2,20
Thủy sản	8,76	8,80	8,78	0,74	0,80	1,16
Khu vực II	12,78	14,48	16,29	4,63	5,95	6,67
Khu vực III	14,56	14,60	14,44	5,46	5,49	6,15

Nguồn : Tính toán từ Niên giám thống kê

(1) Năng suất lao động = GDP/LĐ ; (2) trang bị vốn đầu tư = VĐT/LĐ. Đơn vị tính là triệu đồng, giá cố định 1994.

Phân tích các số liệu từ năm 1995 - 1997 cho thấy năng suất lao động nông nghiệp trong thời gian qua tuy có tăng lên nhưng so bình quân chung của xã hội rất thấp.

Digitized by Google

Đây thực ra chỉ là sự so sánh tương đối, vì có những khoản đầu tư tuy không trực tiếp vào nông nghiệp, nhưng gián tiếp thúc đẩy tăng trưởng của nông nghiệp. Tuy vậy, một sự chênh lệch lớn qua các con số nói trên không phải không có lý khi đặt vấn đề cần phải tập trung vốn đầu tư thích đáng cho nông nghiệp, nông thôn.

II - Những vấn đề đặt ra cần được quan tâm giải quyết

Như trên đã phân tích, sự thay đổi cơ cấu của nông nghiệp trong GDP, dù tính theo giá trị cố định thì cũng chỉ ra được là đã có sự thay đổi trong cơ cấu giá trị của từng sản phẩm quốc dân, nhưng cơ cấu lao động trong nông nghiệp, dân số ở nông thôn thay đổi rất chậm trong hơn 10 năm qua mới thực sự biểu thị tình trạng yếu kém của cơ cấu kinh tế và là trở ngại lớn trong quá trình tiến lên phía trước của nền kinh tế nước ta. Các phân tích trên cho thấy mấy vấn đề, như sau :

1 - Ảnh hưởng của nông nghiệp đến nền kinh tế không phải ở chỗ nó chiếm 20 hay 25% GDP, mà do vai trò và những tác động của nó đến nhiều khía cạnh trong đời sống kinh tế - xã hội.

Nông nghiệp là ngành cung cấp sản phẩm, nhưng cũng là ngành tiêu thụ sản phẩm của các ngành khác. Điều đó có liên quan đến sức mua của 70% lực lượng lao động trong nông nghiệp hay gần 80% dân số trong vùng nông thôn. Những người nông dân cung cấp lượng nông phẩm mà họ không có nhu cầu sử dụng cho thị trường chỉ có hơn 20% dân số, và họ chỉ mua lại ít trong số đó sau khi được chế biến. Nhưng vì thu nhập thấp, nên tình trạng chung là sức mua có khả năng thanh toán của phần đông dân số vùng nông thôn còn rất yếu, không thể trở thành động lực chính thúc đẩy sản xuất công nghiệp. Rõ ràng là một khối cầu của 80% dân số chưa có khả năng thanh toán đã và đang kìm hãm không chỉ sản xuất nông nghiệp mà cả công nghiệp và dịch vụ.

Vấn đề phát triển nông nghiệp, vì thế, không đơn thuần là sự tăng trưởng của bản thân ngành nông nghiệp mà phải đặt trong bối cảnh rộng lớn hơn : phát triển của các ngành sử dụng sản phẩm của nông nghiệp, các ngành cung cấp hạ tầng cho nông nghiệp và sự phát triển của nông thôn.

Trong hơn 2 thập niên qua, tăng trưởng thật sự của nông nghiệp chỉ diễn ra từ năm 1992 đến nay, nhưng đã xuất hiện một số vấn đề nổi cộm là tình trạng dư thừa, ứ đọng của hàng loạt nông phẩm : gạo, cà phê, trái cây, có lúc là muối, có lúc là mía, đường... Có thể do nhiều nguyên nhân, nhưng chung quy lại là vấn đề thị trường và giá cả của hàng hóa nông sản, năng suất thấp của nông nghiệp và đời sống của nông dân. Theo chúng tôi, vấn đề của nông nghiệp giải quyết trong vài năm trước mắt là thị trường, giá cả, nhưng trong dài hạn hơn thì phải bao gồm cả vấn đề năng suất và chế biến.

Thị trường cho sản phẩm nông nghiệp không phải chỉ là việc bán sản phẩm ấy ra thị trường thế giới như trường hợp bán gạo và cà phê, mà phải tính đến thị trường trong nước. Do vậy, chế biến phải là biện pháp hữu hiệu nâng cao khả năng tiêu thụ trong nước và khả năng bán ra nước ngoài. Nhưng không phải bất kỳ nông sản nào cũng có thể đưa vào chế biến và bán ra được trên cả thị trường trong nước và nước ngoài. Vì thế quy hoạch lại việc trồng những loại cây thích hợp và cho đến nay cả quy mô ở mức nào là có hiệu quả đang là vấn đề bức xúc hiện nay.

2 - Tiềm năng của nông nghiệp còn lớn, khả năng tăng trưởng còn nhiều, nếu được đầu tư thích đáng, nông nghiệp sẽ đạt mức tăng trưởng cao hơn và thúc đẩy đà tăng trưởng chung của nền kinh tế lớn hơn.

Sự phát triển của nông nghiệp có ý nghĩa lớn đối với tăng trưởng chung của nền kinh tế, điều này đã được chứng minh từ năm 1989, xuất khẩu được lương thực đã giúp cho nền kinh tế vượt qua những khó khăn triền miên trước đó. Từ năm 1997 đến nay, tăng trưởng của nông nghiệp đã góp phần đáng kể ổn định tình hình kinh tế - xã hội nước ta trong bối cảnh khủng hoảng tài chính khu vực, giảm sút tăng trưởng và đối phó có hiệu quả với cơn lũ lụt lịch sử ở miền Trung năm 1999 và vùng đồng bằng sông Cửu Long trong năm 2000.

Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế của nông nghiệp cũng còn nhiều vấn đề cần được bàn bạc kỹ càng, chẳng hạn tuyệt đại bộ phận lao động đang làm việc trong nền kinh tế vẫn nằm trong khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhiều vùng đất rộng lớn vẫn chưa được sử dụng hợp lý, nông sản chế biến là lĩnh vực cạnh tranh yếu kém nhất hiện nay của nước ta. Nền nông nghiệp Việt Nam nhìn chung còn mang nhiều yếu tố lạc hậu, năng suất thấp, giá thành cao, cạnh tranh yếu. Sản phẩm dư thừa tuy xuất hiện và tạo nên nhiều áp lực nhưng vẫn chưa là nguồn cung cấp hấp dẫn cho công nghiệp chế biến hình thành.

Nguyên nhân của tình hình có thể là do chưa đánh giá đúng mức vai trò, vị trí của nông nghiệp trong nền kinh tế, chưa chú ý tính hiệu quả trong chính sách phát triển nông nghiệp và hướng nông nghiệp vào con

Digitized by Google

đường sản xuất mang tính cạnh tranh trong khu vực với chất lượng và năng suất không ngừng được cải thiện.

Biểu hiện của nhận thức trên là đầu tư cho nông nghiệp chưa đúng mức, tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp thấp thể hiện trong tỷ lệ đầu tư chung của xã hội, cũng như phần đầu tư của nhà nước. Đầu tư ít và thiếu đồng bộ. Xem trọng khâu sản xuất làm ra sản phẩm, nhưng xem nhẹ đầu tư vào hạ tầng và các khâu trung gian nối liền quá trình đưa sản phẩm từ khâu sản xuất đến tiêu thụ. Gạo và cà phê là 2 ví dụ điển hình nhất của tình trạng trên.

Lúa, gạo và cà phê là 2 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam nhưng không phải lúc nào cũng thuận lợi. Mỗi khi gặp trở ngại trong xuất khẩu thì người nông dân phải đối phó với nhiều vấn đề phức tạp và nhà nước cũng phải lo lắng tìm cách giải quyết.

Theo chúng tôi, trở ngại chính khi thị trường cà phê thay đổi là thiếu một "kho đệm" cần thiết, và trên tất cả là thiếu một ngành chế biến cà phê Việt Nam đủ sức làm trung gian giữa người sản xuất và thị trường tiêu thụ mỗi khi thị trường nguyên liệu suy giảm. Ngoài ra, trong quy hoạch sản xuất, chất lượng vẫn chưa được coi trọng. Phần lớn là chạy theo số lượng, thiếu một cơ cấu giống hợp lý. Ngay trong chế biến cũng chỉ dừng lại ở mức sơ chế để xuất khẩu, thiếu hẳn một kế hoạch đầu tư lâu dài cho chế biến, mặc dù cà phê nước ta đã đạt khối lượng và kim ngạch thuộc hàng ngũ những nước xuất khẩu cà phê lớn trên thế giới từ nhiều năm qua.

Trở ngại của lúa gạo là sự thiếu hụt các kho chứa và hệ thống điều hòa lương thực trên phạm vi quốc gia. Dự trữ "chiến lược" lúa, gạo hiện nay phần nhiều là nằm trong hàng vạn kho chứa nhỏ, thô sơ của hàng triệu hộ nông dân. Họ là những người cần tiền và rất cần phải bán ngay sau khi thu hoạch. Chính vì thế giá lúa, gạo gần như mang tính chu kỳ, sụt giảm mỗi khi vào thời vụ. Và cũng chính vì thế, mỗi khi có hiện tượng giá lúa gạo trên thị trường thế giới tăng lên là hàng vạn hộ nông dân "găm" lại, tạo nên hiện tượng tăng giá bán ra ở thị trường trong nước, nhiều khi vượt cả giá bán trên thị trường quốc tế. Những nhà xuất khẩu phải đối phó thường xuyên với tình trạng này, có lúc phải chịu lỗ nặng ngay cả khi thị trường xuất khẩu thuận lợi.

Tình trạng xay xát, chế biến, bảo quản kém, thiếu hẳn hệ thống điều hòa và dự trữ quốc gia sẽ còn có những tác hại lâu dài đối với chương trình quốc gia về lương thực và xuất khẩu. Đầu tư cho sản xuất lương thực nhiều năm nay không phải là nhỏ, khoản lợi thu được từ xuất khẩu trong 10 năm nay cũng không phải là nhỏ, nhưng đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lúa gạo lại chưa được chú ý đúng mức.

Đầu tư cho nông nghiệp cần được tăng cường về số lượng cũng như tỷ trọng trong cơ cấu đầu tư quốc gia, nhưng điều quan trọng hơn là xác định phương hướng đầu tư để thay đổi tình thế không có lợi và sức cạnh tranh yếu hiện nay. Vì thế, ngoài đầu tư trực tiếp vào nông nghiệp như đã làm lâu nay, cần hướng mạnh đầu tư vào hệ thống bảo quản, kho chứa, các ngành công nghiệp chế biến và đầu tư gián tiếp qua các công trình hạ tầng, giao thông, xây dựng đô thị, nâng cao phúc lợi, đời sống dân chúng vùng nông thôn.

3 - Sự phối hợp trong chính sách sử dụng đất đai và lao động trong tương lai cần tính đến các yếu tố nâng cao năng suất lao động thông qua chương trình nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật cho nông dân và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên một ha đất gieo trồng, thông qua chương trình điều chỉnh lại cơ cấu cây trồng trên phạm vi quốc gia.

Trong những năm sắp tới, nông nghiệp phải đối mặt với sự giảm dần đất canh tác, sự tăng chậm, thậm chí là giảm bớt của diện tích gieo trồng. Sự mở rộng khá nhanh diện tích trong thời gian qua đã đóng góp đáng kể vào tăng trưởng chung của nông nghiệp, nhưng những phân tích gần đây đã cho thấy tính hiệu quả của nó không còn cao.

Giảm bớt diện tích những loại cây trồng cho ra quá trình nhiều sản phẩm dư thừa nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất sẽ là phương hướng chỉ đạo trong quá trình sử dụng đất. Trước mắt cần có biện pháp cắt giảm bớt diện tích trồng lúa vụ 3. Bài học rút ra từ lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long là điều đáng lưu ý. Sự giảm bớt này sẽ không những không gây ảnh hưởng tới sản lượng lương thực nói chung mà sẽ nâng cao hơn hiệu quả sử dụng đất, tiết kiệm chi phí đầu tư của cá nhân người nông dân, ngoài ra còn giảm bớt những thiệt hại lâu dài khác mà xã hội phải gánh chịu.

Trên bình diện rộng hơn, trận lũ lụt năm 1999 ở các tỉnh miền Trung, lũ lụt năm 2000 vùng đồng bằng sông Cửu Long đã tàn phá trên một diện rộng tài sản, người và của, đã đặt ra hàng loạt vấn đề phải quan tâm giải quyết từ kế hoạch đầu tư đến chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn trên cả 3 vùng : đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và vùng duyên hải miền Trung, trong đó vấn đề đời sống, nhà

(Xem tiếp trang 57)

Digitized by Google

VẬY LÀ VẬY

MAI NINH

Bà con nông dân Nam Bộ có một lối phê bình rất độc đáo. Rằng "nó nói vậy mà không làm vậy". Có nghĩa là nó nói một đằng làm một nẻo. Nó hứa hẹn rất nhiều nhưng chẳng làm gì cả. Nó nói một tấc đến trời, nhưng trăm voi không được bát nước xáo. Nó ở đây là để chỉ những kẻ bị phê bình. Trong quan hệ giữa cán bộ với quần chúng, nó là để chỉ cán bộ. Lối phê bình này có phần mộc mạc, không văn chương chữ nghĩa gì mà lại sâu sắc, bóc trần được cái bản chất giả dối của đối tượng bị phê bình. Người bị chỉ trích nghe không đến nỗi lộn ruột lên, nhưng ngẫm cho kỹ thì lại đau như dao cắt.

Một cán bộ cấp cao, quê ở đồng bằng sông Cửu Long, cứ mỗi lần về thăm cơ sở cũ, lại kể cho tôi nghe một câu chuyện về quê anh. Phong thái của anh, giống như cái phong vũ biểu, phản ánh khá trung thực sự đánh giá của đồng bào đối với cán bộ. Mặt anh thường rạng rỡ, khi anh nhắc lại những lời khen, dù không phải khen anh. Ngược lại, anh xìu hẳn xuống khi nói đến những lời chê, dù chẳng phải chê anh. Cái câu lần nào anh cũng nhắc tới là nhận xét của đồng bào đối với một số cán bộ "nó nói vậy mà không làm vậy". Theo anh, ba cái mà đồng bào ghét nhất là : *một*, tệ tham nhũng ; *hai*, thói quan liêu, hách dịch ; *ba*, những lời hứa hẹn suông. Họ chỉ ra những con người cụ thể trong những vụ việc cụ thể. Với những con người này, cách xưng hô trìu mến thằng Hai, thằng Ba, con Tư, con Năm... không còn nữa. Thay vào đó là cái lũ, cái quân, thằng cha, con mẹ...

Mới đây, về thăm các tỉnh bị lụt trở về, không thấy anh khổ tâm về câu "nó nói vậy mà không làm vậy" nữa. Thay vào đó, anh bảo đồng bào đã có nhận xét tốt : "nó nói vậy và làm vậy'. Thật thế. Lũ càng lớn, ruộng đồng càng ngập sâu thì cán bộ, đảng viên càng lăn lộn vì cuộc sống của đồng bào. Giữa cơn nguy khốn, có người mải lo cứu nạn cho dân mà quên việc cứu nạn cho chính gia đình mình. Có người chỉ vì lo cứu một em bé mà bị lũ cuốn trôi. Người ta không quên nhắc đến việc Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng và Bộ trưởng đến với dân vào những lúc hiểm nghèo. Rồi tới Đại hội Thi đua toàn quốc. Người ta nhìn thấy trên màn truyền hình hay nghe qua máy thu thanh những tấm gương tận tụy hy sinh. Có những nhà nông học, vì một giống cây, giống con năng suất cao mà mải mê với đồng ruộng từ lúc tóc còn xanh cho đến tuổi bạc đầu. Có vị thầy thuốc, để chứng minh bệnh phong không phải nhiễm vào bất cứ cơ thể nào, đã tự tiêm vi khuẩn phong vào mình. Có những cô giáo, thầy giáo dám hy sinh cả tuổi thanh xuân, rồi bỏ nơi phố phường sầm uất để về với vùng cao, vùng sâu, vùng xa dạy học, chỉ vì cái chữ cho con em đồng bào dân tộc. Họ là những người "nói vậy và làm vậy". Những tấm gương ấy ở đâu cũng có, và không phải bây giờ mới có. Chẳng qua là ta ít chú ý phát huy nó, cho nên thường để cho cái dở che lấp cái hay.

Nếu "nó nói vậy mà không làm vậy" là một lời chê trách thì "nó nói vậy và làm vậy" lại là một sự ban khen. Mong sao, cán bộ và đảng viên, dù ở cấp nào cũng được đồng bào khen như vậy. Chí ít đó cũng là biểu thị một phẩm chất trung thực. Vậy là vậy đó. ❑

Digitized by Google

MỘT CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ MỚI

NGUYỄN VĂN THANH

"**SAU Xi-a-tơn, một chủ nghĩa quốc tế mới ?**" là số chuyên đề của tạp chí *Monthly Review* (Báo cáo nguyệt san) mùa hè năm 2000, một ấn phẩm của cánh tả lao động Hoa Kỳ, bàn về những chuyển động mới của phong trào công nhân và các phong trào xã hội khác của nước Mỹ và các nước khác trong bối cảnh một thế giới đang toàn cầu hóa dưới sự chi phối của học thuyết tự do mới. Nội dung chủ yếu như sau :

Chủ nghĩa tư bản luôn luôn có xu hướng trở thành một hệ thống toàn cầu. Trong giai đoạn thực dân đế quốc, chủ nghĩa tư bản áp đặt ách chiếm đóng và bóc lột lên các dân tộc khác, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trở thành phương thức sản xuất thống trị trên phần lớn hành tinh chúng ta. Ngay từ những thập niên mở đầu thế kỷ XX, thương mại và chu chuyển tư bản trong sản xuất và tích lũy của thế giới, tính theo tỷ lệ, đã có quy mô tương đương với ngày nay. Toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa lần thứ nhất đã được hình thành từ khi đó. Những điều Mác và Ăng-ghen nêu ra hơn một trăm năm mươi năm về trước vẫn mang tính thời sự nóng hổi : Chủ nghĩa tư bản buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nếu không sẽ bị tiêu diệt ; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình hài của nó (1).

Đó luôn luôn là cái đích nhằm tới ở mọi giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản. Năm 1924, chín nước Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Nhật Bản, Bỉ, Bồ Đào Nha và Hà Lan với tổng số 320 triệu dân, trên một diện tích 11 triệu km^2 đã chiếm đóng, cai trị và bóc lột các thuộc địa phương Nam có diện tích 560 triệu km^2 với số dân 550 triệu người. Trên thực tế, thế giới bấy giờ, về đại thể, đã là thế giới tư bản chủ nghĩa. Giai cấp tư sản đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó, thay thế phương thức sản xuất phong kiến bằng phương thức sản xuất tiến bộ hơn, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Tuy nhiên, công cuộc toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa lần đầu tiên đã bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Cuộc chiến tranh này phơi bày những mâu thuẫn mang tính bản chất không thể điều hòa được giữa các nước tư bản đã bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Tiếp đến, là cuộc tổng khủng hoảng 1929 - 1933 đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa, rồi chiến tranh thế giới lần thứ hai, dẫn đến sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, mở đầu là cuộc Cách mạng Tháng Mười. Cuộc toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa lần thứ nhất nhằm nhất thể hóa thế giới đã bị cùng một lúc ba thất bại nặng nề : sự chia rẽ giữa các nước tư bản đế quốc chủ nghĩa, sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa và sự trỗi dậy của phong trào giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa tư bản không phải là một thể thống nhất, thế giới không phải chỉ có một phương thức sản xuất độc nhất, một thể chế chính trị duy nhất, một nền văn hóa thuần nhất, một thị trường thống nhất.

Rõ ràng trước mắt chủ nghĩa tư bản phải bằng mọi giá thủ tiêu mối đe dọa lớn nhất là chủ nghĩa xã hội. Chỉ có như vậy "con tàu" toàn cầu hóa mới tiếp tục được cuộc hành trình của nó. Nhưng trước hết phải lo giải quyết mâu thuẫn nội bộ của chủ nghĩa tư bản. Hàng loạt chủ trương chiến lược được đưa ra : thành lập các liên minh chính trị, quân sự, kinh tế, thương mại ; gây dựng lực lượng chính trị trong các nước thế giới thứ ba, "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn, phá vỡ sự ổn định và làm sụp đổ hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. Và như vậy, chỉ từ khi chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, nhiều nước trong hệ thống này quá độ nghịch chiều sang chủ nghĩa tư bản, với sự chuẩn bị về trận địa tư tưởng của chủ nghĩa tự do mới, chủ trương toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa mới lại được tiếp thêm sức mạnh để tiếp tục cuộc thập tự chinh chống cộng sản, chống chủ nghĩa xã hội của nó.

---

(1) Xem : C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 602

Digitized by Google

Các siêu cường tư bản, với các công cụ thiết chế kinh tế, tài chính, thương mại, với sức mạnh của các phương tiện thông tin hiện đại, với các tập đoàn xuyên quốc gia hùng hậu, đã mở một cuộc tổng công kích vào các thiết chế kinh tế, chính trị, tư tưởng và văn hóa truyền thống của thế giới. Chủ nghĩa tự do mới ra đời từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai mà người đề xướng là F. A. Phôn Hây-éc (2) được chủ nghĩa tư bản coi là ngọn cờ tư tưởng và muốn tôn nó lên địa vị của tư tưởng thống trị. Chủ nghĩa tự do mới chống lại mọi hình thức can thiệp của nhà nước vào kinh tế, để mặc mọi thứ nằm dưới sự điều tiết của thị trường tự do ; coi sự bình đẳng do nhà nước phúc lợi cổ xúy là có hại cho tự do của công dân và sinh khí của tài năng, coi sự bất bình đẳng mới là chân giá trị, là cái thiết thân của chủ nghĩa tư bản. Nói cách khác, chủ nghĩa tư bản cần một thị trường lớn, thống nhất toàn cầu - điều mà nó không thể thực hiện được khi còn hệ thống xã hội chủ nghĩa - và những nhà nước nhỏ, những nhà nước không có chức năng kinh tế.

Nhưng suốt hai mươi năm ròng chủ nghĩa tự do mới vẫn phải chịu nằm trong tình trạng lý thuyết. Học thuyết Kên-dơ (3) vẫn giữ địa vị chi phối. Mãi đến năm 1974, khi toàn thể các nước ta bản lâm vào tình trạng suy thoái trầm trọng, và lần đầu tiên người ta chứng kiến hai cơn bạo bệnh của hệ thống tư bản diễn ra cùng một lúc : tăng trưởng thấp đi kèm với lạm phát cao, thì chủ nghĩa tự do mới mới có được cơ hội vàng trở thành trào lưu tư tưởng ưu thắng. Chủ nghĩa tự do mới cho rằng yêu sách tăng lương của công nhân và ngân sách dành cho phúc lợi xã hội là những áp lực làm tổn hại đến lợi nhuận doanh nghiệp, ảnh hưởng đến quá trình tích lũy tư bản, gây nên lạm phát và giảm sút mức tăng trưởng. Chìa khóa để giải quyết những vấn nạn ấy là hạn chế chi tiêu về xã hội và duy trì một đạo quân thất nghiệp để làm suy yếu công đoàn và phong trào công nhân đồng thời giảm thuế cho các công ty và những cá nhân có thu nhập cao nhất để tăng nhanh tích lũy tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tự do mới được Ri-gân và Thát-chơ áp dụng, được Clin-tơn và Ble phát huy, đang trở thành nền tảng tư tưởng cho các thiết chế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Và đối với các nước phương Tây, "Hệ thống chính trị Mỹ, từ lâu bị ngộ nhận là lạc lối bởi hai chính đảng của nước này theo chủ nghĩa tự do mới, nay dường như là mô hình của thế giới phát triển (!?)" (4)

Nhưng giai cấp công nhân, nông dân, trí thức đâu có thể ngồi yên để mặc cho chủ nghĩa tư bản tự do mới lộng hành, tước bỏ hết những thành quả mà họ đã giành được, những thành quả - mà bản thân Ni-xon đã đắng cay thừa nhận trong *Chớp lấy - thời cơ* - có được một phần lớn là nhờ ảnh hưởng của hệ thống xã hội chủ nghĩa buộc nhà nước tư bản phải chịu một số nhượng bộ cho nhân dân lao động. Quả thật, chúng ta đang chứng kiến những sự kiện khó có thể hình dung nổi chỉ mới một thập niên trước đây thôi, khi chủ nghĩa xã hội chưa lâm vào cảnh thoái trào với sự sụp đổ của Liên Xô, bức trường thành của niềm hy vọng về một xã hội công bằng và tươi đẹp hơn. Chủ nghĩa tư bản tưởng như một định mệnh phũ phàng của hành tinh đã phơi trần bộ mặt độc ác khi cơn lốc toàn cầu hóa của nó đang ào ạt quét đi những giá trị được xây lắp qua hàng chục thập niên, những giá trị viết bằng mồ hôi, nước mắt và xương máu của các dân tộc trên thế giới. Chủ nghĩa phục thù đã quay ngược bánh xe lịch sử. Chủ nghĩa tư bản đắc thắng không còn bị thách thức nữa. Chỉ còn một phương thức sản xuất thống trị, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chỉ còn một tư tưởng thống trị, tư tưởng của chủ nghĩa tự do mới. Chỉ còn một nền văn hóa duy nhất, văn hóa Disney. Thế giới của đô-la, Mc Donald, Citygroup, Microsoft... ngự trị ở mọi chân trời, góc biển (?). Nhưng chủ nghĩa tư bản không phải là một định mệnh của các dân tộc trên ngôi nhà - trái đất của chúng ta.

Người ta tự hỏi tại sao thu nhập trên đầu người của hơn một trăm nước, theo báo cáo của UNDP, lại thấp hơn mười lăm năm trước đây ? Tại sao thế giới này có đến hơn 830 triệu người không đủ ăn, 790 triệu người trong số ấy sống ở các nước thuộc thế giới thứ ba ? Tại sao 1,6 tỉ người sống tồi tệ hơn so với đầu những năm 80 và có đến 507 triệu cư dân phương Nam không sống nổi đến tuổi bốn mươi ? Nợ nần của các nước nghèo lên tới con số kinh hoàng là 2,500 tỉ USD. Và tại sao ngay ở các nước phát triển cũng có đến trên 100 triệu người sống dưới mức nghèo khổ về

(2) Hayek (Friedrich August von), 1899 - 1992, nhà kinh tế học người Anh gốc Áo, chống Keynes và bảo vệ thuyết trọng tệ. Năm 1974, được tặng giải thưởng Nobel về khoa học kinh tế cùng với K. G. Myrdal, người nêu "mô hình Thụy Điển"

(3) Keynes (John Maynard), 1883 - 1946, nhà kinh tế học người Anh, tác giả cuốn sách nổi tiếng *Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ* (1936), chủ trương kích cầu, hạ lãi suất và tăng đầu tư công cộng để toàn dụng lao động. Học thuyết này có ảnh hưởng lớn đối với tư duy và các chính sách kinh tế tư bản sau chiến tranh thế giới lần thứ hai

(4) Theo : Seymour Martin Lipset. *Vẫn là quốc gia ngoại lệ ?* Washington Quartely, ALERT tháng 4-2000

Digitized by Google

thu nhập, tức là dưới mức thu nhập trung bình toàn quốc. Câu trả lời chắc cũng không khó khăn lắm khi biết rằng, cũng theo báo cáo của UNDP, năm 1996, chỉ riêng các nước trong Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đã có tới 37 triệu người thất nghiệp, gấp ba lần con số của đầu những năm 70.

Như các tác giả của *Monthly Review* đã lập luận, "Một trong những phát triển quan trọng nhất của thời kỳ quật khởi ngày một mạnh mẽ hơn này là sự hồi sinh cục bộ của phong trào lao động, cuối cùng đã dẫn tới những dấu hiệu cố gắng hình thành một hướng đi mới". Trước mắt, phong trào công nhân và lao động có hai nhiệm vụ gắn bó khăng khít với nhau : tổ chức và đấu tranh, tổ chức để đấu tranh và đấu tranh để tăng cường sức mạnh của phong trào.

Phong trào lao động ở Hoa Kỳ đã theo chiều đi xuống từ giữa những năm 50. Giooc-giơ Min-ni, Chủ tịch AFL-CIO, tổ chức công đoàn lớn nhất nước Mỹ, đã trả lời cảnh báo của cánh tả lao động về sự xuống dốc của số lượng công nhân tham gia công đoàn : "Tại sao tôi lại phải quan tâm tổ chức những người không muốn tham gia vào tổ chức... Với tôi, quy mô tổ chức không thành vấn đề"(5). Không có gì đáng phải ngạc nhiên, với quan điểm của người lãnh đạo cao nhất như vậy, tổ chức công đoàn Hoa Kỳ chỉ có thể ngày càng sa sút. Từ năm 1985 đến năm 1995, số công nhân trong các tổ chức công đoàn Mỹ giảm 21%. Tương tự, ở Pháp giảm 37% ; ở Anh giảm 28% ; ở Đức, khiêm tốn hơn, 18%.(6)

Hiện nay, trong tổng số những người làm công ăn lương của nước Mỹ, chỉ có 14% tham gia công đoàn ; tính riêng khu vực tư nhân, chỉ có 10%. Giai cấp công nhân nay trở nên "nâu hơn và nữ hơn". Tình hình đó đặt ra cho giai cấp công nhân Mỹ, đối tượng nghiên cứu chính của số chuyên đề nêu trên, phải đưa vấn đề tổ chức lên thành một nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, phải có một hệ tư tưởng của công tác tổ chức, như lời của Kha-lin Hát-xan trong bài bàn về "*Tương lai của cánh tả lao động*", để công tác tổ chức không chỉ nhằm các mục tiêu trong cuộc đấu tranh hàng ngày với chủ tư bản như đòi tăng lương, giảm giờ làm việc và cải thiện các điều kiện lao động mà còn nhằm mục tiêu viễn đại hơn là "xây dựng quyền lực thực sự của giai cấp công nhân". Đại hội toàn quốc các công đoàn Nam Phi (COSATU) lần thứ VI khẳng định : "Chủ nghĩa công đoàn xã hội có ý nghĩa xã hội ở chỗ nó quan tâm đến những vấn đề xã hội và chính trị rộng lớn, cũng như những yêu cầu trước mắt của các thành viên. Mục tiêu của nó là dân chủ và chủ nghĩa xã hội".

Các cuộc đấu tranh xã hội của phong trào lao động trên thế giới trong những năm gần đây ngày càng mang tính chất chính trị chứ không dừng lại ở những mục tiêu cải lương. "Cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa tư bản toàn cầu và chủ nghĩa tự do mới đã bắt đầu nổi lên như một cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Hoa Kỳ. Trái với những bậc "thức giả" coi cuộc đấu tranh đó là không liên quan tới phần lớn công nhân, các cuộc biểu tình phản đối ở Xi-a-tơn cho thấy rõ hàng triệu công nhân Hoa Kỳ đang chú mục và đặt tâm trí vào toàn cầu hóa và hậu quả của nó đối với cuộc sống hằng ngày của họ" (7).

Thật vậy, toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa - đúng như nó đang diễn ra hiện nay - đang đè nặng lên cuộc sống của mỗi con người trên hành tinh chúng ta. Cánh tả lao động, hay nói rộng hơn, phong trào lao động có tổ chức, như lời các tác giả của số chuyên đề, "phải nắm lấy thời cơ này và lãnh đạo cuộc đấu tranh". Phải hướng tới một toàn cầu hóa dân chủ, nếu chưa có thể nói, một toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa. Tại sao không ? Mác từng phân tích : toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa không phải là điểm kết thúc của lịch sử mà là một diễn trình phát triển hầu như chắc chắn sẽ dẫn tới sự suy đồi của nó, tạo nên phản đề của chính nó dưới hình thức của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Chủ nghĩa tư bản đang đắc thắng với toàn cầu hóa, nhưng công cụ này cũng như một con dao hai lưỡi. Tư bản tạo tiền đề vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Toàn cầu hóa đang tạo ra những lực lượng vật chất và chính trị chống lại những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa. Các phong trào và các lực lượng xã hội và chính trị, tuy rất đa dạng nhưng có cùng một mục tiêu, phải làm cho toàn cầu hóa, tự do hóa phục vụ lợi ích của con người. Những lực lượng tiến bộ ở Mỹ và các nước tư bản phát triển khác đang tập hợp và mở

(5) Khalil Hassan. *Tương lai của cánh tả lao động*, trong Sau *Xi-a-tơn, một chủ nghĩa quốc tế mới*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 12- 2000

(6) Seymour Martin Lipset, tài liệu đã dẫn

(7) *Khalil Hassan. Sđd*

Digitized by Google

rộng lực lượng, đang tăng cường quan hệ với các phong trào xã hội khác, và với các nước đang phát triển.

Các tác giả của chuyên đề này là những người đã gắn bó lâu năm với phong trào lao động Hoa Kỳ. Bước vào thiên niên kỷ mới, những phân tích của họ vừa có tính khoa học sâu sắc, vừa có tính chiến đấu mạnh mẽ. Chưa có thể nói lịch sử đã sang trang, nhưng đã thấy những dấu hiệu tốt đẹp cho tương lai của nhân dân lao động trên toàn thế giới. Nếu chủ nghĩa xã hội đã ra đời từ trong đổ nát của chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, thì rất có thể một hệ thống xã hội chủ nghĩa khác sẽ hình thành trên những tiền đề khoa học và kỹ thuật do chủ nghĩa tư bản tạo ra với mục đích thống trị và bóc lột toàn thế giới.

Chúng ta chia sẻ quan điểm của *Monthly Review* : "Các chiều hướng kinh tế, xã hội và môi trường, cũng như các sáng kiến và đấu tranh mạnh mẽ gợi cho chúng ta rằng chủ nghĩa tư bản Hoa Kỳ là dễ bị tổn thương về ý thức hệ. Và điều đó xảy ra vào lúc chu kỳ tăng trưởng kinh tế dài nhất trong lịch sử Hoa Kỳ ; cuộc suy thoái tiếp sau nó sẽ tạo thêm rất nhiều cơ hội để phát triển tổ chức. Thách thức của chúng ta là rút ra được nhiều bài học từ đó và góp phần vào công tác động viên và đấu tranh đang diễn tiến. Nếu thành công, các nỗ lực của chúng ta sẽ được đền đáp bằng sự ra đời của một phong trào đủ mạnh để thách thức một cách có ý nghĩa các chính sách và thông lệ chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản. Và nếu phong trào đó có được các quan hệ đoàn kết với các phong trào nơi khác thì các khả năng sẽ thực sự đầy triển vọng"(8). Các tác giả đã chuyển tới chúng ta những lời đanh thép của Phi-đen Ca-xtơ-rô : "Đối với Nhóm 77, đây không phải là lúc cúi đầu xin các nước phát triển, chịu khuất phục, chịu thất bại hoặc chia rẽ. Lúc này là lúc lấy lại tinh thần chiến đấu, đoàn kết chặt chẽ với nhau để bảo vệ những yêu sách của chúng ta... Thế giới có thể bị toàn cầu hóa theo các luật lệ của chủ nghĩa tự do mới, nhưng chủ nghĩa tự do mới không thể thống trị hơn một tỷ người đang đói ăn và khát khao công lý (9)". ❑

(8) Martin Hart - Landsberg. Sau Xi-a-ton, *Tư duy chiến lược về xây dựng phong trào*, trong *Sau Xi-a-ton, một chủ nghĩa quốc tế mới*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 12-2000

(9) Phi-đen Ca-xtơ-rô. *Bài phát biểu tại Hội nghị G77 ngày 12-4-2000 ở La Ha-ba-na, Cu-ba*

ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU...

(Tiếp theo trang 52)

ở, đi lại của người dân phải được đặc biệt chú ý và giải quyết một cách cơ bản.

Trong thời gian từ 5 đến 10 năm tới, lực lượng lao động trong nông nghiệp sẽ từ giảm tương đối so tổng số lao động xã hội đến giảm tuyệt đối so thời điểm cao nhất. Sự di chuyển lao động từ khu vực nông thôn ra thành thị, từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp là vấn đề có tính quy luật trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Điều này, đương nhiên gây những hậu quả nhất định về kinh tế - xã hội, nhưng bất cứ "rào cấm" nào, ngăn cản quá trình tự do di chuyển này sẽ có hại về trung và dài hạn cho quá trình tăng trưởng chung.

Đô thị hóa, do đó, không thể là sự phình rộng các thành phố lớn hiện có, mà phải đặt sự chú ý phát triển, xây dựng các đô thị mới trong những vùng mà hiện đang còn là nông thôn, những vùng có mật độ dân cư tập trung cao ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng.

Hình thành được hàng loạt những đô thị quy mô nhỏ trong vùng nông nghiệp, nông thôn hiện nay mới là giải pháp cơ bản có thể thực hiện việc nâng dần trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật cho nông dân, nâng cao hiệu quả của nông nghiệp, đa dạng hóa cơ cấu kinh tế ở nông thôn, xây dựng sức mua mới cho dân cư nông thôn, nền kinh tế nhờ đó sẽ có bước phát triển nhanh và vững chắc hơn.

Tóm lại, để phát triển nông nghiệp, vấn đề hiện nay là thị trường và năng suất, để phát triển cả nền kinh tế ổn định, lâu dài thì vấn đề là đẩy nhanh quá trình đô thị hóa trong các vùng đang là nông nghiệp, nông thôn. Chính sách đối với nông nghiệp cũng phải được chuyển từ diện rộng, từ khuyến khích khai thác đất đai, sản xuất ra nhiều hàng hóa (như lương thực chẳng hạn) đến việc đi vào chiều sâu để nâng cao chất lượng của hàng hóa và tính hiệu quả của đất canh tác ; từ coi trọng sản xuất nhiều, sang coi trọng con người sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Cơ cấu đầu tư, vì thế cũng cần được điều chỉnh, chuyển từ hướng ưu tiên bố trí trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp sang ưu tiên cho chế biến nông phẩm, công nghệ sau thu hoạch và nâng cao trình độ kỹ thuật của đội ngũ lao động trong nông nghiệp, nâng cao đời sống, phúc lợi, vật chất và tinh thần của người nông dân. ❑

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : 198 Trần Quang Khải , Hà Nội, Việt Nam

Tel: 8 265503 - 8250392 ; Fax: 84 4 8269067 ; Telex: 411 504 VCB - VT / 411229 VCB - VT



SỞ GIAO DỊCH

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

BANKING OPERATIONS CENTER OF VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

TRỤ SỞ : Số 2 Đường Láng hạ - Quận Ba Đình - Thành phố Hà Nội.

TEL : (84.4) 8.313.729 Fax : (84.4) 8.313.850 Telex : 411 - 322 VBAVT

SWIFT : VBAAVNVX FESTERS DEALING : VBAH

Chúc Mừng Năm Mới

XUÂN TÂN TỴ 2001



Trụ sở số 2 Láng Hạ

THỰC HIỆN CÁC NGHIỆP VỤ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG

1. Điều hòa vốn nội, ngoại tệ trong hệ thống NHNN & PTNT Việt Nam.
2. Đầu mối thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ cho các chi nhánh trong hệ thống NHNN & PTNT Việt Nam và doanh nghiệp là khách hàng của Sở giao dịch.
3. Kinh doanh tiền tệ trên thị trường liên ngân hàng, thị trường mở, tham gia thị trường chứng khoán.
4. Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ với nhiều hình thức.
5. Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
6. Thực hiện các dịch vụ ngân hàng như :

- ❑ Thanh toán quốc tế.
- ❑ Chuyển tiền nhanh trong nước và nước ngoài qua mạng Swift và mạng máy tính trong hệ thống NHNN & PTNT Việt Nam.
- ❑ Nhận chuyển tiền kiều hối , mua - bán ngoại tệ mặt, bảo lãnh, ủy thác.
- ❑ Máy rút tiền tự động (ATM)...
- ❑ Thực hiện cơ chế ưu đãi lãi suất và dịch vụ ngân hàng đối với khách hàng.

SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách !

Digitized by Google

CÔNG TY XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG
VIETNAM AIR PETROL COMPANY
VINAPCO

Chúc Mừng Năm Mới!



◆ **VINAPCO,** nhà cung cấp nhiên liệu hàng không đạt tiêu chuẩn quốc tế tại Việt Nam. Chất lượng dịch vụ đã được IATA chấp nhận, được 4 hãng hàng không nội địa và 29 hãng hàng không quốc tế công nhận.

◆ **VINAPCO,** Công ty kinh doanh tất cả các sản phẩm hóa dầu trên lãnh thổ Việt Nam. Chất lượng và giá cả của Công ty luôn là những yếu tố tạo ra tính cạnh tranh cho Công ty.

◆ **VINAPCO** đang góp phần xây dựng ngành Hàng không dân dụng vững mạnh, cùng đất nước tiến vào thiên niên kỷ mới với khẩu hiệu :

"Năng động, Sáng tạo, Tiết kiệm, Hiệu quả và Liên tục Phát triển"

◆ **VINAPCO** sẵn sàng hợp tác với các cá nhân, tập thể để xây dựng cửa hàng xăng dầu trên các trục đường quốc lộ trên cả nước.

VINAPCO - Địa chỉ lựa chọn tốt nhất cho bạn



Digitized by Google



XÍ NGHIỆP THƯƠNG MẠI MẶT ĐẤT NỘI BÀI

NOIBAI INTERNATIONAL AIRPORT GROUND SERVICES (NIAGS)

NIAGS Building - Noibai Airport, Hanoi Vietnam
Tel : (04) 8865002-8865060. Fax : (04) 8840741 ; SITA ; HANKDVN
E-mail : NIAGS@hn.vnn.vn

CÔNG TY ĐƯỜNG BỘ HẢI PHÒNG

ĐỊA CHỈ : 77 NGUYỄN ĐỨC CẢNH - HẢI PHÒNG
ĐIỆN THOẠI : 700 401 - 700 408 - 700 555
FAX : 84-31 700 604
Giám đốc : NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT



Trụ sở Công ty

Chúc mừng năm mới !

Là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Các ngành nghề sản xuất - kinh doanh, phục vụ chủ yếu :

- Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, thiết kế thi công các công trình giao thông với trạm trộn beton asphalt và công nghệ rải thảm.
- Sửa chữa, cho thuê các phương tiện vận tải xe máy thi công, phà, ca nô.
- Chế biến, cung ứng vận chuyển vật liệu xây dựng.
- Đảm bảo giao thông trên các bến phà, cầu đường của thành phố.

Nhân dịp xuân Tân Ty, Công ty đường bộ Hải Phòng trân trọng cảm ơn lãnh đạo Bộ Giao thông - Vận tải, Thành ủy - HĐND - UBND thành phố, Sở Giao thông công chính Hải Phòng, các ban, ngành bạn hữu gần xa đã dành cho Công ty sự giúp đỡ động viên to lớn.

Năm mới kính chúc các đồng chí và quý khách dồi dào sức khỏe hạnh phúc an khang thịnh vượng đi lại thuận tiện trên các tuyến đường, cầu phà của thành phố Hải Phòng.



Digitized by Google



HNPT

BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NHANH CHÓNG
CHÍNH XÁC
AN TOÀN
TIỆN LỢI
VĂN MINH

Dịch vụ bưu chính

- Thư tín
- Bưu phẩm, bưu kiện
- Chuyển phát nhanh
- Chuyển tiền
- Điện hoa
- Tiết kiệm bưu điện

Dịch vụ viễn thông

- Điện thoại, Fax, Telex
- Truyền số liệu
- Internet
- Điện thoại di động
- Nhắn tin
- Điện thoại dùng thẻ
- Dịch vụ 116, 1080, 1088

Các dịch vụ khác

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây lắp các công trình thông tin
- Xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư thiết bị bưu chính viễn thông
- Vận chuyển, giao nhận hàng hóa và dịch vụ kho vận.

Trụ sở

75 Đinh Tiên Hoàng - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại : (84-4) 8254403
Fax : (84-4) 824 3973
E-mail : hnpt@hn.vnn.vn

Chúc Mừng Năm Mới Tân Tỵ 2001

Digitized by Google

Chúc mừng năm mới *Xuân Tân Tỵ 2001*

BAN TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ THÀNH ỦY TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ

PHÚ NHUẬN

PHU NHUAN CONSTRUCTION AND HOUSING TRADING COMPANY

117 NGUYỄN VĂN TRỖI - PHƯỜNG 12 - QUẬN PHÚ NHUẬN - TP. HCM
ĐT : (848) 8442.842 - 8420 076 - 8447 959 Fax : (848) 8445 410
E-mail : nhapnco@hcm.vnn.vn

CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ ĐẤT

1. Kinh doanh nhà, cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc.
2. Kinh doanh dịch vụ cho người nước ngoài thuê để ở.
3. Xây dựng, sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, nhà ở và giao thông theo phân cấp.
4. Tư vấn xây dựng.
5. Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng dùng trong xây dựng và trang trí nội thất.

Các khu dân cư có hạ tầng kỹ thuật tuyệt vời, hiện đại : Trạm biến thế riêng, hạ thế ngầm, nước sinh hoạt đầy đủ, hệ thống cáp quang ngầm, đèn chiếu sáng công cộng thanh lịch, cây xanh nhẹ nhàng, giá cả chuyển nhượng phù hợp.



KHU NHÀ Ở ĐẶNG VĂN NGỮ - QUẬN PHÚ NHUẬN
DIỆN TÍCH : 4.888 m^2

1. Khu Biệt thự Phú Nhuận – Phường Thảo Điền – Quận 2
2. Khu Biệt thự Thảo Điền 1 – Phường Thảo Điền – Quận 2
3. Khu Biệt thự Thảo Điền 2 – Phường Thảo Điền – Quận 2
4. Khu Biệt thự An Bình – Phường An Phú – Quận 2





ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

SAIGON AGRICULTURE INCOPORATION (S.A.I)

TỔNG CÔNG TY CÓ 33 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ 4 ĐƠN VỊ LIÊN DOANH VỚI NƯỚC NGOÀI

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- SẢN XUẤT KINH DOANH, DỊCH VỤ TRONG CÁC LĨNH VỰC NÔNG LÂM THỦY HẢI SẢN.
- CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VÀ CÁC SẢN PHẨM NÔNG CÔNG NGHIỆP (THUỐC TRỪ SÂU, THUỐC THÚ Y, THỨC ĂN GIA SÚC, MỦ CAO SU...)
- SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÁC LOẠI ĐÁ VÀ HÀNG MỸ NGHỆ ĐÁ, HÀNG MAY MẶC ĐỂ XUẤT KHẨU VÀ TIÊU DÙNG NỘI ĐỊA.
- KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP.
- XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC HẠ TẦNG DÂN DỤNG, NHÀ Ở.
- SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG
- GIA CÔNG HÀNG KIM KHÍ ĐIỆN MÁY PHẾ LIỆU
- CHO THUÊ KHO BÃI VÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC
- KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Chúc mừng năm mới - Xuân Tân Tỵ 2001

ĐỊA CHỈ : 189 ĐIỆN BIÊN PHỦ, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH E-mail : tctnnsg@tlnet.com.vn và tctnnsg@sgfpt.vn
Điện thoại : 8035401 - 8035406 Fax : 84.8.8990606 - 84.8.8035403

CÔNG TY LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM VĨNH LONG

VINH LONG CEREAL AND FOOD IMPORT, EXPORT COMPANY (VINHLONG FOOD)

- Trụ sở chính : Số 38 đường 2/9, phường 1, Thị xã Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
  Điện thoại : (84.070) - 822512 - 822516 Fax : (84.070) 823773
- Chi nhánh tại : số 31 Nguyễn Kim, Quận 5, TP Hồ Chí Minh.
  Điện thoại : (84.088) 564162 - 566489 Fax : (84.088) 564968

Chuyên xuất khẩu gạo, nông sản và kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm chế biến.

Nhập khẩu phân bón, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng.



Kính chúc quý khách năm mới an khang, thịnh vượng.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

Infrastructure Development and Construction Corporation

Trụ sở : Nhà G1- Nam Thanh Xuân - Q. Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại : 8542363 - 8542365 Fax : 8542655

LICOGI

LICOGI là đơn vị chuyên ngành thi công xây lắp thuộc Bộ xây dựng, đã từng tham gia thi công hầu hết các công trình lớn có ý nghĩa quan trọng của đất nước từ đầu thập kỉ 60 đến nay. LICOGI có thế mạnh truyền thống về thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, từ công tác đào đắp, san ủi, sử lý nền móng đến xây dựng toàn bộ công trình với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế đồng thời tổng công ty đã và đang đẩy mạnh lĩnh vực thi công đường giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, xuất khẩu trong đó có xuất khẩu lao động.

Năm 2000 vừa qua, Tổng công ty đã thắng thầu và trực tiếp thi công nhiều công trình trọng điểm như : San nền khu bồn bể, nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, đường nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi, nhiệt điện Phả Lại 2, Bệnh viện Bạch Mai, tiếp tục phần hoàn thiện Nhà ga T1 Sân bay quốc tế Nội Bài, Nhà biên tập phát thanh Quốc tế - Đài tiếng nói Việt Nam, đường quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học xã hội Nhân văn quốc gia, Nhà máy nhiệt điện phân đạm Hà Bắc, san nền khu liên hợp thể thao quốc gia... Giá trị sản lượng thực hiện trong năm 2000 đạt trên 1000 tỷ đồng.



Nhà khám chữa bệnh, bệnh viện Bạch Mai tại Hà Nội do LICOGI xây dựng.



Cảng than Nhà máy nhiệt điện Phả Lại II do LICOGI thi công.

Nhân dịp năm mới Tân Tỵ 2001, Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng xin chân thành cảm ơn các cơ quan ban ngành, các đơn vị bạn và các quí khách hàng đã hợp tác và giúp đỡ Tổng công ty về mọi mặt trong thời gian qua ; đồng thời chúng tôi mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác giúp đỡ quý báu của các quí vị trong thời gian tới. Xin kính chúc các quí vị một năm mới hạnh phúc, an khang, thịnh vượng !

Digitized by Google

5730

CÔNG TY ĐƯỜNG LAM SƠN
LASUCO

Đón chào Thiên niên kỷ mới

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
ĐT : 037.834091 - Fax : 037.834092





QUACERT
No. : HT.019.99.15

QUALITY ASSURED FIRM ISO 9002 SGS
NATIONAL ACCREDITATION OF CERTIFICATION BODIES
Certificate No. Q16561

HÀNG VIỆT NAM 2000 CHẤT LƯỢNG CAO



SẢN PHẨM CHỦ YẾU :

* Đường vàng tinh khiết
* Đường trắng RS - TCVN 1695-87
* Đường tinh luyện tiêu chuẩn EU-1
* Bánh kẹo các loại
* Phân bón tổng hợp sinh học
* Thức ăn gia súc
* Nước hoa quả cô đặc
* Cồn thực phẩm chất lượng cao

Mừng xuân Tân Tỵ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Kính chúc Quý khách một năm mới
AN KHANG THỊNH VƯỢNG

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
MAR 0 2 2001
CURRENT SERIALS

IX

3
2-2001

MỪNG XUÂN MỪNG ĐẢNG

Digitized by Google

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI



TỔNG CÔNG TY - DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠNG ĐẶC BIỆT, VỚI MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG TRONG CẢ NƯỚC, PHỤC VỤ CÁC TỔ CHỨC THUỘC MỌI THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ MỌI TẦNG LỚP DÂN CƯ.

Chúc Mừng Năm Mới

HAPPY NEW YEAR

HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BẠN HÀNG LÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA BIDV

CUNG ỨNG NHIỀU HÌNH THỨC TÍN DỤNG, DỊCH VỤ NGÂN HÀNG,

ĐÁP ỨNG CAO NHẤT MỌI NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG:

- Cho vay trung, dài hạn để đầu tư phát triển các dự án đầu tư, chương trình phát triển, cho vay hỗ trợ vốn đầu tư các chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Cho vay ngắn hạn phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh.
- Tín dụng tài trợ nhập khẩu; Tín dụng hàng xuất khẩu.
- Cho thuê tài chính; Bảo hiểm tài sản (xây dựng, thiết bị...)
- Bảo lãnh, đồng bảo lãnh, dự thầu, bảo lãnh thanh toán vay vốn trong nước và ngoài nước.
- Chiết khấu chứng từ, hối phiếu.
- Nhận gửi VND và ngoại tệ.
- Thanh toán, chuyển tiền trong nước, thanh toán quốc tế qua mạng.
- Mua bán ngoại tệ; dịch vụ ngân quỹ, đại lý thanh toán thẻ.
- Tư vấn, bảo lành, phát hành chứng khoán.
- Tư vấn phương án nguồn vốn đầu tư dự án, cơ cấu lại tài chính dự án, thẩm định dự án.

PHỤC VỤ THUẬN TIỆN, CHU ĐÁO VỚI TIỆN ÍCH CAO

- Áp dụng công nghệ hiện đại, nối mạng thanh toán nhanh.
- Nối mạng với khách hàng; dịch vụ Home Banking.
- An toàn, chính xác, nhanh chóng, đảm bảo bí mật.
- Phong cách lịch sự, tận tình, chu đáo.

Chi tiết xin liên hệ: *Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Tel: 8268318; Fax: 8266959; Website: bidv.com.vn; Email: bidv@hn.vnn.vn; - Công ty Cho thuê Tài chính (Leasing Co.); Tel: 9341324; Fax: 8266959; - Công ty Chứng khoán (BSC Co., Ltd); Tel: 8262959; Fax: 8262188; - Ngân hàng Liên doanh VID PUBLIC Bank; Tel: 8268307; Fax: 8268228; - Công ty Bảo hiểm Việt - Úc (BIDV - QBE); Tel: 8223738; Fax: 8223740; - Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt; Tel: 9433173; Fax: 9433176; Sở giao dịch I, Sở giao dịch II và chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh thành phố trong cả nước*

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 609 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

3
2-2001

MỤC LỤC

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VIII)	Thông báo Hội nghị lần thứ 11 BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII)	3
	LÊ KHẢ PHIÊU - Hoàn thành tốt nhất mọi công việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ IX của Đảng	4
KỶ NIỆM LẦN THỨ 71 NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Để Thủ đô Hà Nội mãi mãi xứng đáng với sự tin yêu của Đảng và nhân dân cả nước	7
	HOÀNG TÙNG - Đảng Cộng sản Việt Nam trong thế kỷ XXI	13
	VĂN TIẾN DŨNG - Phát triển đất nước phải gắn liền với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa	15
	SONG THÀNH - Kiên trì mục tiêu chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh	17
	BÙI NGỌC THANH - Thành tựu đổi mới đối với việc tiếp tục chỉnh đốn Đảng	20
	NGUYỄN ĐỨC TRIỀU - Sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Nông dân Việt Nam - một nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn	25
	NGUYỄN CHÍ TÌNH - Quần chúng và lòng tin ở Đảng	29
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	CHU VĂN THÀNH - HÀ QUANG NGỌC - Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ công chức nhà nước hiện nay	34
	NGÔ ĐỨC THỊNH - Văn hóa dân gian và bản sắc văn hóa dân tộc	38
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	TRẦN DŨNG MÃNH - Từ cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở huyện Thăng Bình (Quảng Nam)	43
	LÊ MINH HỒNG - Một số giải pháp hoàn thiện, mở rộng và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân	45
ĐIỀU TRA	TRẦN MINH CHÂU - Thái độ của xã hội đối với môi trường kinh doanh trong nền kinh tế nước ta	49
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	NGUYỄN VĂN HẢI - Nên có "ngày toàn dân thực hành tiết kiệm"	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHẠM VĂN CHÚC - "Nam hành" trên đất Lạn-xang	53

Bìa 1 : *Mừng xuân mới, hướng về Đảng quang vinh* *Tranh :* **PHẠM VĂN TƯ**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Объявление о 11^ого Пленума ЦК КПВ (VIII созыва). ЛЕ ХА ФИЕУ: Выполнить лучшим образом подготовительные работы к IX Съезду Компартии. НГУЕН ФУ ЧОНГ: Чтобы столица Ханой вечно была достойна любви и вере всей Партии, всего народа. ХОАНГ ТУНГ: КПВ в XXI веке. ВАН ТЬЕН ЗУНГ: Развитие должно увязываться с защитой социалистического режима. ШОНГ ТХАНЬ: Настойчиво держать цели социализма и идеи Хо Ши Мина. БУЙ НГОК ТХАНЬ: Достижения дела обновления и переупорядочивание Компартии. НГУЕН ДЫК ЧИЕУ: Руководство Компартии для Общества крестьян Вьетнама - решающий фактор в победе индустриализации и модернизации сельского хозяйства и сельских местностей. НГУЕН ТЬИ ТИНЬ: Народные массы и вера в Компартии. ТЬЮ ВАН ТХАНЬ - ХА КУАНГ НГОК: Строить и развивать контингент кадров и государственных служащих в настоящее время. НГО ДЫК ТХИНЬ: Фольклорная культура и колорит национальной культуры. ФАМ ВАН ТЬЮК: Путешествие на земле Южного Лаоса.

CONTENTS

* The notice of the 11th Plenum of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam (8th tenure). LÊ KHẢ PHIÊU: To finish preparations for the 9th Congress of the Party in the best way. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: How to make Hanoi deserve the love of the Party and the people. HOÀNG TÙNG: The Communist Party of Vietnam in the 21st century. VĂN TIẾN DŨNG: Developing the country should be closely connected with defending the socialist regime. SONG THÀNH: To stick to socialism under the guidance of Hồ Chí Minh's Thought. BÙI NGỌC THANH: Achievements of the *"đổi mới"* (renovation) cause with the rectification of the Party. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU: The leadership of the Party towards Vietnam Peasants' Assosiation – a factor deciding the victory of agricultural and rural industrialization and modernization. NGUYỄN CHÍ TÌNH: The people and their confidence in the Party. CHU VĂN THÀNH – HÀ QUANG NGỌC: Building and strengthening the contingent of civil servants at present. NGÔ ĐỨC THỊNH: Folklore and the cultural identity of the country. PHẠM VĂN CHÚC: A journey to the South of Laos.

SOMMAIRE

* Communiqué du 11e Plénum du comité central du PCV (issu du VIIIe Congrés). LÊ KHẢ PHIÊU: Accomplir avec succés les préparatifs pour le IXe Congrès national du Parti. NGUYỄN PHÚ TRỌNG. Pour que la capitale d'Hanoi soit toujours digne de la confiance et de l'affection du Parti et de tout le peuple. HOÀNG TÙNG: Le Parti Communiste du Vietnam dans le XXIe siècle. VĂN TIẾN DŨNG: Le développement du pays doit être lié à la défense du régime socialiste. SONG THÀNH. S'en tenir fermement l'objectif du socialisme selon la pensée de Hô Chi Minh. BÙI NGỌC THANH: Les réalisations du renouveau dans la rectification du Parti. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU: La direction du Parit vis-à-vis de l'Association des paysans vietnamiens - un élément décisif de la victoire de l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation de l'agriculture et de la campagne. NGUYỄN CHÍ TÌNH: Les masses et leur confiance en Parti. CHU VĂN THÀNH - HÀ QUANG NGỌC: Former et développer le contingent des fonctionnaires d'État à l'heure actuelle. NGÔ ĐỨC THỊNH: Le folklore et l'identité culturelle nationale. PHẠM VĂN CHÚC: Une tournée au sud du Laos.

SUMARIO

* Comunicado del Onceno Pleno del Comité Central del Partido (VIII Legislatura). KHẢ PHIÊU: Cumplir con éxitos los trabajos prepratorios del Noveno Congreso Nacional del Partido. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Para que la capital Hanoi sea siempre digno de la afección del Partido y de todo el pueblo. HOÀNG TÙNG: El Partido Comunista de Vietnam en el siglo XXI. VĂN TIẾN DŨNG: El desarrollo del país debe ser ligado a la defensa del régimen socialista. SONG THÀNH: Mantener firmemente los objetivos del socialismo a la orientación del pensamiento de Ho Chi Minh. BÙI NGỌC THANH: Las realizaciones de la renovación en la rectifición del Partido. NGUỄN ĐỨC TRIỀU: La Dirección del Partido para con la Asociación de Campesinos de Vietnam - un elemento decisivo de la victoria de la obra de industrialización y modernización en la agricultura y en el campo. CHU VĂNTHÀNH - HÀ QUANG NGỌC: Formar y desarrollar el contingente de funcionarios del Estado en la actualidad. NGÔ ĐỨC THỊNH: El folklo y la identidad cultural nacional. PHẠM VĂN CHÚC: Un viaje al sur de Laos.

目录

•越共党中央八届第十一次会议通报•黎可漂: 圆满完成党十一次会议的一切准备工作•阮富仲: 让河内首都永远不愧于党和全国人民的信任和爱戴•黄松: 二十一世纪中的越南共产党•文进勇: 国家的发展必须与捍卫社会主义紧密相连•双成: 遵循胡志明思想, 坚持社会主义目标•裴玉青: 革新事业中所取得的成就对于继续抓好整党工作的作用•阮德朝: 党对越南农协的领导—农业、农村工业化、现代化事业中起决定胜利的因素•阮志情: 群众及其对党的信任•周文成–何光玉: 目前国家公务员队伍的建设和发展•吴德盛: 民间文化与民族文化本色•范文祝: 南老挝之行.

Digitized by Google

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (KHÓA VIII)

HỘI nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 6-1 đến 16-1-2001 để thảo luận, tiếp thu, sửa chữa một bước các dự thảo văn kiện và thảo luận một bước về chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Các đồng chí Cố vấn Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt dự Hội nghị.

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã đọc lời khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Tại Hội nghị, Bộ Chính trị đã trình Ban Chấp hành Trung ương các bản tổng hợp ý kiến tham gia các dự thảo văn kiện trình Đại hội của các cấp đảng bộ, các đồng chí lão thành cách mạng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các nhà khoa học và ý kiến đề nghị tiếp thu, sửa chữa, bổ sung của Bộ Chính trị.

Trên cơ sở kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội, Ban Chấp hành Trung ương đã nghiêm túc thảo luận, tiếp thu các ý kiến đóng góp và biểu quyết một số vấn đề quan trọng, để trên cơ sở đó hoàn chỉnh hơn nữa các dự thảo Báo cáo Chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 ; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 ; Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng ; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương trong nhiệm kỳ ; Báo cáo tình hình và kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) để trình Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã thảo luận một bước và cho ý kiến tiếp tục chuẩn bị nhân sự để phiên họp sau hoàn thiện trước khi trình Đại hội.

Trung ương sẽ thông báo dự thảo Báo cáo Chính trị để nhân dân tham gia ý kiến. Ban Chấp hành Trung ương mong được lắng nghe ý kiến các tầng lớp nhân dân để hoàn thiện văn bản dự thảo chính thức trình Đại hội.

Đại hội lần thứ IX của Đảng là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc, tăng cường đoàn kết, tiếp tục góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội để xây dựng được phương hướng nhiệm vụ chính xác, nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. ❑

Digitized by Google

HOÀN THÀNH TỐT NHẤT MỌI CÔNG VIỆC CHUẨN BỊ CHO ĐẠI HỘI LẦN THỨ IX CỦA ĐẢNG

Tổng Bí thư LÊ KHẢ PHIÊU

Bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) ngày 16 tháng 1 năm 2001

HỘI nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII họp vào lúc mở đầu năm mới 2001 và thế kỷ mới, sau 11 ngày làm việc khẩn trương, tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, hội nghị đã hoàn thành những nhiệm vụ đề ra.

Trung ương đã nghe, thảo luận và đi đến nhất trí với các tờ trình của Bộ Chính trị về việc tiếp thu các ý kiến đóng góp vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX : Báo cáo Chính trị ; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 ; Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng ; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị trong nhiệm kỳ Đại hội VIII ; Báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Tại Hội nghị này, Trung ương cũng đã thảo luận một bước và cho ý kiến tiếp tục chuẩn bị nhân sự để phiên họp sau hoàn thiện nhân sự trước khi trình Đại hội IX.

Đánh giá chung của Hội nghị Trung ương là, cho đến nay, tuyệt đại đa số ý kiến trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng như trong Đại hội đảng bộ các cấp, trong các đồng chí lão thành cách mạng, các cơ quan và các nhà khoa học, ý kiến của các vị Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã nhất trí với đường lối, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp lớn đề ra trong dự thảo Báo cáo Chính trị ; cho rằng dự thảo đã kế thừa và phát triển nhiều luận điểm về đường lối đổi mới, về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; tán thành về cơ bản các nhận định, đánh giá tình hình nêu trong dự thảo cả về thuận lợi và khó khăn, ưu điểm và khuyết điểm, thành tựu và hạn chế, nguyên nhân khách quan và chủ quan và những bài học kinh nghiệm.

Một số vấn đề trong các dự thảo văn kiện mà Bộ Chính trị trình bày đã được các đồng chí Trung ương tập trung thảo luận và đi đến sự nhất trí cao.

Về triển vọng phát triển trong thế kỷ XXI, cùng với việc khẳng định những luận điểm cơ bản trong bản dự thảo Báo cáo Chính trị, Trung ương đã thống nhất nhận định rằng : Trong khoảng một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới thứ ba... Hòa bình, hợp tác, phát triển là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố, khủng hoảng kinh tế - xã hội còn xảy ra ở nhiều nơi và tính chất phức tạp ngày càng tăng. Cuộc đấu tranh của các dân tộc cho hòa bình và phát triển, chống chiến tranh và chạy đua vũ trang, chống chính sách cường quyền áp đặt vì độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những tiến bộ mới.

Những nét mới ấy trong tình hình quốc tế và khu vực, với những xu thế phát triển của nó, tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt chúng ta có cả cơ hội lớn và thách thức lớn.

Về các nguy cơ, chúng ta tiếp tục khẳng định rằng, bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo cho đến nay vẫn tồn tại và phát triển phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào ; trong đó cần nhấn mạnh hai nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và tệ tham nhũng, quan liêu, sự suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chúng ta khẳng định tính chất đúng đắn của

Digitized by Google

Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, rằng Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ (hình thái kinh tế - xã hội) tư bản chủ nghĩa, bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa nhưng chúng ta tiếp thu, kế thừa những thành tựu của tiến bộ kinh tế, xã hội mà nhân loại đã đạt được, đặc biệt là những thành tựu về kinh tế và khoa học công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Đó chính là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa...

Hội nghị cho rằng, trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội còn có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, cho nên còn tồn tại mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, chậm phát triển, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công ; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái, giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội ; đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch ; bảo vệ độc lập, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Về kinh tế, Hội nghị khẳng định : Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nói gọn là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhưng kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo ; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Về đường lối kinh tế và chiến lược phát triển, Hội nghị cho rằng con đường công nghiệp hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Đối với công nghiệp nặng, chúng ta nhất quán với chủ trương "xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng", tức là coi trọng việc xây dựng có chọn lọc những công trình công nghiệp then chốt, công nghiệp công nghệ cao, sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, bởi vì đã nói xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ thì không thể không xây dựng công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, điều cần khẳng định là chúng ta không xây dựng công nghiệp nặng theo kiểu cũ, tràn lan, khép kín mà tiến hành công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa, xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng then chốt.

Hội nghị nhất trí rằng *kinh tế tri thức* là kinh tế phát triển chủ yếu dựa vào tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, một trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất và kinh tế thế giới, nhưng không phải là một hình thái kinh tế - xã hội. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta nhất thiết phải tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu công nghệ hiện đại và tri thức mới.

Về vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Từ Đại hội VIII đến nay, cùng với việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, Đảng ta đã có nhiều cố gắng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng. Nhưng rõ ràng là chúng ta đang còn không ít khuyết điểm trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong Đảng tiến hành gần hai năm nay, tuy đã thu được một số kết quả quan trọng và kinh nghiệm bước đầu, nhưng nhìn chung vẫn chưa đạt được yêu cầu đề ra. Tệ quan liêu, tham nhũng và sự suy thoái về phẩm chất đạo đức trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng.

Hội nghị Trung ương lần này tiếp tục khẳng định : Trong những năm tới, toàn Đảng phải tập trung thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng về công tác xây dựng Đảng được đề ra từ Đại hội VIII đến nay, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phải tổng kết sâu sắc

Digitized by Google

hai năm thực hiện cuộc vận động này để làm cho Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là Đảng của Bác Hồ, Đảng của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích của tầng lớp nhân dân lao động, trí óc và chân tay, lợi ích của cả dân tộc.

Đảng ta nhất định phải phấn đấu xứng đáng là người lãnh đạo và là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, như lời dạy của Bác Hồ. Cũng với tinh thần ấy, Hội nghị Trung ương lần này đã dành nhiều thời gian để bàn việc hoàn chỉnh dự thảo Chiến lược kinh tế - xã hội 2001 - 2010, Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, nhất trí với nhiều kiến nghị sẽ trình Đại hội về những điểm sửa đổi có liên quan đến nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng, về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp trung ương và các cấp địa phương, về công tác kiểm tra và ủy ban kiểm tra các cấp...

Với kết quả Hội nghị lần này, trên cơ sở xem xét những ý kiến đóng góp của Đại hội các cấp trong toàn Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí cao với những nội dung quan trọng nhất của dự thảo Báo cáo Chính trị và dự thảo các văn kiện khác sẽ trình Đại hội IX, đặc biệt là dự thảo Báo cáo Chính trị sẽ đưa ra lấy ý kiến toàn dân. Các văn kiện cũng còn là dự thảo, các đảng bộ cấp tỉnh còn lại sắp đại hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các tầng lớp nhân dân đã tham gia ý kiến rồi, nếu thấy cần phải tham gia sâu thêm, xin đề nghị tiếp tục có ý kiến. Ban Chấp hành Trung ương mong được lắng nghe những ý kiến quý báu, tiếp tục tu chỉnh để Hội nghị Trung ương lần thứ 12, khóa VIII thông qua và thành văn bản dự thảo chính thức trình Đại hội IX.

Hội nghị Trung ương lần thứ 11, khóa VIII đã kết thúc công việc của mình vào những ngày giáp Tết cổ truyền của dân tộc. Nhân dịp đón Xuân Tân Ty, tôi xin chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và qua các đồng chí xin gửi lời chúc các đồng chí đảng viên trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân một năm mới dồi dào sức khỏe và hạnh phúc. Chúc tất cả chúng ta hoàn thành tốt nhất mọi công việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ IX của Đảng. Chúc Đảng và nhân dân ta phấn khởi tin tưởng bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới với nhiều thắng lợi mới. Trong niềm tin tưởng mãnh liệt ấy, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11. ❑

QUẦN CHÚNG...

(Tiếp theo trang 33)

nhiệm phán xử trong pháp luật, có thể được nhân dân tạo cho mọi điều kiện vật chất và tinh thần để thực hiện trách nhiệm đó ở mức tốt nhất, nhưng nếu họ lại lợi dụng cương vị của mình, đi đến những quyết định không công bằng, buông lỏng cho kẻ có tội, và đưa vào tù những người vô tội, thì rõ ràng là điều không thể được. Hai trường hợp trên và không ít trường hợp khác mà chúng ta có thể dẫn ra, đều đặt ra một tiền đề ở bất cứ một lĩnh vực nào của đời sống xã hội : muốn cho quần chúng tin ở Đảng thì trước tiên các đảng viên phải làm cho quần chúng tin ở mình, nói rõ hơn tin ở những chuẩn mực đạo đức mà mình thể hiện và bảo vệ không mệt mỏi.

Để kết luận, tôi nghĩ rằng : chúng ta có thể nhìn lại lịch sử của Đảng, đặc biệt ở những giai đoạn khốc liệt và phức tạp nhất, khi Đảng đứng trước những khó khăn to lớn đến mức không thể nào tưởng tượng được và cuối cùng Đảng đã vượt qua tất cả để tiếp tục con đường đã vạch ra của mình - và như vậy chúng ta sẽ đầy lòng tin ở Đảng. Nhưng mặt khác, cái khó khăn lớn nhất hiện nay của Đảng chính là những gì đã nảy sinh và đang tồn tại trong bản thân từng người đảng viên. Ai dám bảo rằng cái khó khăn nhiều lúc tựa như vô hình đó lại nhỏ hơn nhiều so với những khó khăn trước đây ? Cho nên tôi mạnh dạn nói rằng cuộc đấu tranh để củng cố niềm tin của quần chúng đối với Đảng là một cuộc đấu tranh chưa hề có : các đảng viên đang nỗ lực để vượt qua chính bản thân mình,

Trên đây là đôi điều suy nghĩ của tôi về câu hỏi mà người bạn đảng viên của tôi nêu ra. Nếu tôi tin rằng người đặt câu hỏi đã rất thành thật thì tôi cũng mong những ai sẽ đọc những dòng này cũng tin vào lòng thành thật của tôi khi trả lời câu hỏi. Coi đây là một chút đóng góp nhỏ trong những ngày chuẩn bị Đại hội lần thứ IX của Đảng, thì những ý kiến trao đổi của chúng ta hẳn sẽ còn tiếp tục cả sau Đại hội. ❑

Digitized by Google

ĐỂ THỦ ĐÔ HÀ NỘI MÃI MÃI XỨNG ĐÁNG VỚI SỰ TIN YÊU CỦA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN CẢ NƯỚC

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

Có lẽ ít khi nào như những tháng năm này, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội được đón nhận nhiều niềm vui có ý nghĩa đến như thế. Hà Nội đã từng được bạn bè quốc tế mệnh danh là "Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người", năm 1999 được UNESCO bình chọn và tặng danh hiệu "Thành phố vì hòa bình". Năm 2000 Hà Nội được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu "Thủ đô anh hùng". Tiếp theo lễ hội kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội đầy ấn tượng, Đảng bộ Hà Nội tổ chức thành công Đại hội lần thứ XIII, mở ra hướng phát triển trong những năm đầu thế kỷ XXI. Đặc biệt, ngày 15-12-2000, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU về *Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010*. Thể chế hóa Nghị quyết đó, ngày 28-12-2000, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định ban hành Pháp lệnh về Thủ đô Hà Nội.

Có thể nói, việc ban hành Nghị quyết của Bộ Chính trị và Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thủ đô là một tin vui lớn, là món quà đầy ý nghĩa mà Trung ương Đảng, Nhà nước tặng cho Hà Nội khi bước vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới. Nghị quyết của Bộ Chính trị khẳng định những quan điểm cơ bản, chỉ ra những nhiệm vụ chủ yếu trong việc xây dựng và phát triển Thủ đô trong thời kỳ 2001 - 2010, tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Nghị quyết của Bộ Chính trị về Thủ đô Hà Nội là kết quả của việc tổng kết, đánh giá các mặt hoạt động của Thủ đô sau hơn 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới, phân tích những nguyên nhân khách quan và chủ quan để từ đó xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển của Thủ đô ở một tầm cao mới.

Trong 15 năm qua, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã cố gắng vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo ra những biến đổi sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của Thủ đô. Nổi bật nhất là :

- *Trong bối cảnh quốc tế và khu vực có những diễn biến phức tạp, tác động và ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội nước ta, Hà Nội vẫn luôn giữ vững ổn định chính trị*, bảo vệ vững chắc các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân và phục vụ một cách rất hiệu quả các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại... của quốc gia. Thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân được giữ vững. Lòng tin của nhân dân vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp đổi mới tiếp tục được củng cố và tăng cường.

- *Hà Nội đã đạt được những thành tựu đáng mừng trên lĩnh vực kinh tế.* Mười lăm năm qua, kinh tế Thủ đô đã từng bước phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP của Thủ đô dần dần được tăng lên. Năm 1990, tỷ trọng công nghiệp chiếm 29,1% GDP, đến năm 2000 tăng lên trên 38%. Tỷ trọng

* PGS, TS, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội

Digitized by Google

nông nghiệp từ 9% năm 1990 giảm xuống còn 3,8% năm 2000. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt 10,6%, là một địa phương có tốc độ tăng trưởng cao trong cả nước. Năm 2000, GDP của Hà Nội chiếm 7,22% GDP cả nước, 41% GDP của vùng đồng bằng sông Hồng và 65,47% GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Về đầu tư nước ngoài, đến năm 2000 Hà Nội có tổng số 364 dự án với số vốn 7,8 tỉ đô la. Nếu so với năm 1989 chỉ có 4 dự án với số vốn là 48 triệu đô la, thì đây là một bước tiến khá dài của Thủ đô trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Trong 10 năm, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 21,5%/năm. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên 1 ha canh tác năm 2000 đạt hơn 40 triệu đồng.

- *Văn hóa - xã hội có bước phát triển, trong đó có một số lĩnh vực dẫn đầu cả nước.* Năm 1999, Hà Nội đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở ; 100% các trạm y tế xã, phường có bác sĩ. Có nhiều đổi mới trong việc chăm lo sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, giáo dục, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, hoạt động của người cao tuổi v.v... được triển khai tích cực. Các chính sách xã hội được quan tâm thực hiện và đạt một số kết quả tốt. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ngày càng mở rộng và phát huy tác dụng. Phong trào thi đua "Người tốt, việc tốt", "Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa", "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"... được triển khai đạt hiệu quả tích cực. Nhiều di tích văn hóa, di tích lịch sử và cách mạng được trùng tu, tôn tạo. Công tác văn hóa - thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh - truyền hình, hoạt động sáng tạo văn học - nghệ thuật, phong trào thể dục - thể thao phát triển, góp phần xây dựng con người Thủ đô.

- *Việc xây dựng kết cấu hạ tầng và quản lý đô thị có một số mặt tiến bộ.* Trong 10 năm (1990 - 2000), tổng số vốn đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng tăng hơn 11 lần. Thành phố đã tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng, giao thông đô thị, xây dựng các khu nhà ở mới, xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa mới... Các phương tiện dịch vụ ở đô thị cũng có những cải thiện rất cơ bản. Nếu như vào năm 1982, thành phố mới có 0,5 máy điện thoại/100 dân thì đến năm 2000 con số này đã là 18. Trong 10 năm qua tốc độ xây dựng nhà tăng khoảng 9 lần, đạt bình quân 6m2/người ; cấp nước sạch tăng 2,5 lần. Mặc dù trong xây dựng và quản lý đô thị còn nhiều bất cập, song so với trước đây, lĩnh vực này đã có bước phát triển rõ nét ; diện mạo của Thủ đô ngày càng khang trang, sạch đẹp hơn.

- *Công tác xây dựng Đảng, kiện toàn hệ thống chính trị đạt được một số kết quả tích cực.* Bên cạnh những tổ chức đảng vốn có, đã thành lập nhiều tổ chức cơ sở đảng mới trong các doanh nghiệp thuộc khối ngoài quốc doanh, trong các trường học ngoài công lập. Hằng năm đã phát triển được từ 4000 đến 5000 đảng viên mới. Phương thức hoạt động, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng từng bước được đổi mới. Hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ được củng cố. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền thành phố các cấp ngày càng có tiến bộ. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có nhiều hoạt động phong phú, gắn với lợi ích của nhân dân, tạo được phong trào cách mạng thiết thực. Quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu được xây dựng và thực hiện.

- *Hoạt động đối ngoại của Thủ đô ngày càng mở rộng.* Đến nay, Hà Nội đã có quan hệ với các thủ đô, các thành phố lớn, các tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... của hơn 60 nước trên thế giới. Thông qua những hoạt động đối ngoại, vị thế của Thủ đô ngày càng được nâng cao, góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Hà Nội cũng còn không ít hạn chế, yếu kém.

Về kinh tế, Hà Nội tuy phát triển, nhưng chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Thủ đô. Vai trò trung tâm kinh tế của cả nước chưa nổi bật, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh còn thấp. Trong những năm gần đây, việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài giảm dần. Sản xuất chưa thật gắn kết với thị trường ; việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước còn chậm ; hoạt động của các hợp tác xã sau chuyển đổi còn lúng túng ; khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa được quan tâm, hỗ trợ đúng mức. Quan hệ hợp tác với các địa phương trong vùng cũng như trong cả nước còn hạn hẹp. Lợi thế so sánh của Thủ đô chưa được phát huy ; nhiều tiềm năng chưa được khai thác.

Digitized by Google

Về quản lý đô thị, Hà Nội còn nhiều điều bất cập, chất lượng hạ tầng kỹ thuật đô thị còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tình trạng ùn tắc giao thông, cấp thoát nước, úng ngập, thiếu nhà ở, đất công bị lấn chiếm, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội... chưa được giải quyết tốt và vẫn đang là vấn đề bức xúc.

Công tác xây dựng Đảng, nhất là xây dựng tổ chức cơ sở đảng, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ; việc quy hoạch, bố trí cán bộ còn lúng túng. Bộ máy quản lý cồng kềnh, hoạt động kém hiệu lực. Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái đạo đức và lối sống, quan liêu, tham nhũng ; còn để xảy ra một số vụ việc nổi cộm, gây dư luận không tốt trong nhân dân.

Nghiêm túc kiểm điểm, Đảng bộ và chính quyền thành phố Hà Nội nhận thấy những hạn chế yếu kém nói trên có nguyên nhân khách quan, song chủ yếu là do những khuyết điểm chủ quan. Đó là chưa thật chủ động nắm bắt và khai thác có hiệu quả những thuận lợi về vị thế, tiềm năng, nguồn lực của Thủ đô. Một số cơ chế, chính sách chưa thông thoáng, thiếu nhất quán và đồng bộ. Công tác tổ chức thực hiện trên một số lĩnh vực còn thiếu kiên quyết, chưa dứt điểm, có việc còn hữu khuynh. Công tác tổ chức, cán bộ có nơi, có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng chưa đạt kết quả như mong muốn. Công tác kiểm tra, xử lý sai phạm có vụ chưa nghiêm túc, thiếu kịp thời. Việc phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương ở nhiều nơi còn yếu.

Từ những thành tựu cũng như những hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị thời gian qua, có thể rút ra một số bài học chủ yếu :

- *Một là,* phải quán triệt, vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khai thác tối đa vị thế thuận lợi, tiềm năng to lớn của Thủ đô, phát huy mọi nguồn lực và sức mạnh tổng hợp.

- *Hai là,* cần đặc biệt coi trọng công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện với tinh thần chủ động, năng động, mạnh dạn, quyết tâm cao.

- *Ba là,* cần thường xuyên bám sát thực tiễn, sát cơ sở, dựa vào nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện công khai, dân chủ, kỷ cương trong các hoạt động.

- *Bốn là,* phải chăm lo xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về mọi mặt, thường xuyên giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, sự gắn bó khăng khít giữa Đảng với dân.

*

* *

Bước vào thế kỷ XXI, Hà Nội có những thuận lợi cơ bản đồng thời cũng đứng trước những khó khăn thách thức lớn, đòi hỏi Đảng bộ, nhân dân Thủ đô phải nỗ lực, phấn đấu cao độ. Về thuận lợi : Hà Nội là nơi trực tiếp đón nhận sức mạnh chung của cả nước, sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành trung ương, sự hợp tác giúp đỡ của các địa phương ; tiềm lực kinh tế, kết cấu hạ tầng của Hà Nội đã có những bước tiến vượt bậc so với trước ; trình độ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngày càng được nâng cao ; cán bộ, nhân dân Hà Nội ngày càng cảm thấy tự hào và thấy rõ trách nhiệm của mình ; uy tín quốc tế của đất nước, của Thủ đô được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi để Thủ đô khai thác những yếu tố tích cực trong hợp tác và hội nhập quốc tế. Về những khó khăn, thách thức : Hà Nội vẫn là thủ đô nghèo so với thủ đô các nước trong khu vực và trên thế giới ; hạ tầng kinh tế - kỹ thuật - xã hội còn thấp so với yêu cầu đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; trình độ quản lý, điều hành còn nhiều bất cập ; sự cạnh tranh trên thế giới và trong khu vực ngày càng quyết liệt.

Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị xác định vị thế và hướng phấn đấu của Thủ đô là ***"trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế"***. Trong 10 năm tới, gắn với việc chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, *thành phố phải bảo đảm ổn định vững chắc về chính trị, trật tự an toàn xã hội ; phát triển kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội toàn diện, bền vững ; xây dựng về cơ bản nền tảng vật chất - kỹ thuật và xã hội của Thủ đô xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, văn minh, thanh lịch, hiện đại, đậm đà bản sắc ngàn năm văn hiến, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; phấn đấu trở thành một trung tâm ngày càng có uy tín ở khu vực, xứng đáng với danh hiệu "Thủ đô anh hùng".*

Digitized by Google

Nghị quyết của Bộ Chính trị chỉ rõ, trong quá trình xây dựng, phát triển Thủ đô, cần quán triệt những quan điểm cơ bản sau đây :

- Phát triển Thủ đô là trọng điểm trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Phát huy đồng bộ sức mạnh tổng hợp của Hà Nội, của cả nước, của hợp tác quốc tế trong quá trình phát triển Thủ đô ; khai thác nguồn lực trong nước là quyết định, tranh thủ nguồn lực bên ngoài là quan trọng.

- Chiến lược phát triển kinh tế -xã hội Thủ đô phải được xây dựng và thực hiện trong mối quan hệ hữu cơ với xây dựng, triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng và cả nước ; tạo ra sự phân công, hợp tác có kế hoạch trong một cơ cấu thống nhất trên phạm vi cả nước.

- Nắm vững phương châm : phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng và bộ máy chính quyền là nhiệm vụ then chốt ; quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng. Kết hợp hài hòa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ; phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất ; tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm trật tự, văn minh và công bằng xã hội. Kết hợp giải quyết các vấn đề cấp bách với kiên trì thực hiện các mục tiêu cơ bản ; xác định đúng trọng tâm, các khâu đột phá, có những bước đi, giải pháp năng động, sáng tạo, hiệu quả, đi tắt, đón đầu, đẩy nhanh tốc độ phát triển Thủ đô và đóng góp kinh nghiệm, bài học cho Trung ương trong quá trình lãnh đạo phát triển đất nước.

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản đó, Nghị quyết của Bộ Chính trị chỉ ra các nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung thực hiện trong 10 năm (2001 - 2010) :

1. Phát triển kinh tế : Tiếp tục xây dựng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, khả năng hội nhập kinh tế khu vực, quốc tế. Tạo lập sự liên kết hiệu quả giữa kinh tế Hà Nội với kinh tế vùng trọng điểm phía Bắc và cả nước, bảo đảm kinh tế Thủ đô có nhịp độ tăng trưởng cao, ổn định, với cơ cấu kinh tế hợp lý. Trong 5 năm tới, Hà Nội cần tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế *công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp* ; đồng thời chuẩn bị những điều kiện và bước đi phù hợp để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* trong những năm tiếp theo.

Tiếp tục phát triển công nghiệp có chọn lọc, đột phá vào những ngành hàng, sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao ; coi trọng sản xuất tư liệu sản xuất, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu và thay thế hàng nhập khẩu, các ngành hàng có khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của các tỉnh lân cận và cả nước. Trước mắt, ưu tiên một số sản phẩm chủ lực thuộc các ngành : điện - điện tử, tin học ; cơ - kim khí ; dệt - may - da giầy ; chế biến thực phẩm ; vật liệu mới.

Phát triển và nâng cao trình độ, chất lượng các ngành dịch vụ : thông tin, du lịch, thương mại, tài chính - ngân hàng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, bảo hiểm, hàng không, bưu chính - viễn thông... Dịch vụ phải gắn bó, phục vụ hiệu quả yêu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp trên địa bàn và phát triển kinh tế vùng trọng điểm phía Bắc và kinh tế cả nước. Xây dựng Hà Nội thành trung tâm thị trường hàng hóa bán buôn, xuất - nhập khẩu, trung tâm tài chính - ngân hàng hàng đầu ở khu vực phía Bắc và có vai trò quan trọng của cả nước.

Phát triển nông nghiệp và kinh tế ngoại thành theo hướng nông nghiệp đô thị, sinh thái. Từng bước nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp. Ưu tiên xây dựng vành đai xanh, rau sạch để phục vụ đời sống và bảo đảm môi trường ; phát triển các nghề, làng nghề truyền thống ; chú trọng công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch. Giải quyết tốt thị trường tiêu thụ nông sản.

Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo ; chăm lo đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Phát triển các loại hình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ khoa học - công nghệ, các nhà quản lý kinh doanh, quản lý xã hội, công nhân kỹ thuật. Hà Nội phải đi đầu trong đào tạo nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước ; phấn đấu trở thành một trung tâm đào tạo có uy tín ở khu vực.

Phát triển mạnh khoa học - công nghệ, ưu tiên phát triển công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, sinh học, cơ khí - tự động hóa, công nghệ sản xuất và sử dụng vật liệu mới ; đẩy

Digitized by Google

mạnh chuyển giao, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, kinh doanh và hoạt động quản lý.

Củng cố, phát huy tác dụng của quan hệ sản xuất ; phát triển mạnh các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc. Thực hiện tốt chủ trương sắp xếp, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước ; hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã sau chuyển đổi theo luật về phương thức kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới, mở rộng thị trường. Tiếp tục đổi mới quản lý, nâng cao quyền tự chủ của các doanh nghiệp trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa : Xây dựng văn hóa Thủ đô giàu bản sắc văn hóa dân tộc và truyền thống Thăng Long - Hà Nội. Tập trung làm lành mạnh, trong sạch môi trường văn hóa, xã hội ; xây dựng con người Hà Nội văn minh, thanh lịch, hiện đại, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và phong cách lao động sáng tạo của con người Việt Nam.

Phát triển hệ thống thông tin đại chúng, sự nghiệp sáng tạo văn học - nghệ thuật. Hoàn thiện thiết chế văn hóa từ cơ sở ; bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, khu phố cổ, đồng thời xây dựng các công trình văn hóa mới. Phát triển sự nghiệp y tế, quan tâm y tế chuyên sâu, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và bảo đảm chất lượng hoạt động của các bệnh viện, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân ở Thủ đô và các địa phương khác. Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình ; xây dựng nền thể dục - thể thao tiên tiến ; giáo dục, bảo vệ trẻ em, chăm sóc người cao tuổi và gia đình chính sách ; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm. Giải quyết có hiệu quả vấn đề lao động, việc làm.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý đô thị : Căn cứ vào quy hoạch chung đến năm 2020, hoàn chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy mô dân số của thành phố cả nội thành và ngoại thành, các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch các quận, huyện, kết hợp đồng bộ giữa quy hoạch kiến trúc và quy hoạch xây dựng. Sớm nghiên cứu việc chỉnh trị sông Hồng và quy hoạch khai thác hai bên sông Hồng. Xây dựng mạng lưới đô thị vệ tinh xung quanh Thủ đô theo quy hoạch thống nhất.

Phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị. Xây dựng các đường vành đai ; phát triển nhanh hệ thống vận tải hành khách công cộng thuận tiện ; tổ chức điều tiết hợp lý các phương tiện giao thông ; hạn chế, tiến tới không để các phương tiện giao thông thô sơ và xe hai bánh gắn máy đi trong nội thành để khắc phục tình trạng ùn tắc và ảnh hưởng môi trường. Nghiên cứu, chuẩn bị đề án hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị (bao gồm cả xây dựng các công trình ngầm, xe điện ngầm và đường sắt trên cao) không làm ảnh hưởng cảnh quan thành phố. Phát triển hệ thống cấp thoát nước và xử lý rác thải, mạng lưới vườn hoa, cây xanh ; cải tạo, phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông. Triển khai xây dựng một số công trình trọng điểm của quốc gia và thành phố. Xây dựng các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại, tiết kiệm, giữ được bản sắc kiến trúc dân tộc. Quan tâm xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp, ký túc xá cho sinh viên.

Thực hiện tốt công tác quản lý dân cư trên địa bàn. Tăng cường giáo dục ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, trật tự, kỷ cương đô thị. Chấn chỉnh và đổi mới công tác quản lý xây dựng, trật tự đô thị, phấn đấu trở thành tấm gương của cả nước trong lĩnh vực này.

4. Tăng cường an ninh - quốc phòng : Bảo đảm ổn định vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô trong mọi tình huống. Kết hợp chặt chẽ chiến lược, các kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt các biện pháp quản lý nhà nước về trật tự xã hội.

Thường xuyên củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng công an Thủ đô trong sạch, vững mạnh, từng bước chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Phát huy hiệu quả thế trận quốc phòng toàn dân và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Triển khai các chương trình, kế hoạch đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch ; đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

Digitized by Google

5. Mở rộng hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế : Xây dựng chiến lược đối ngoại của Thủ đô trên cơ sở vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Có các chương trình, kế hoạch cụ thể, bảo đảm chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực có hiệu quả.

6. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị : Kiện toàn bộ máy chính quyền từ thành phố đến cơ sở ; thực hiện phân cấp quản lý ; đẩy mạnh cải cách hành chính ; từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại. Xây dựng và thực hiện có kết quả cơ chế phối hợp liên cấp, liên ngành ; thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ chủ chốt các cấp, ngành, đơn vị, gắn với việc xây dựng, triển khai quy chế công vụ.

Phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân ; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, coi trọng việc tổ chức các phong trào thi đua sâu rộng, thiết thực của quần chúng, xem đây là động lực của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Xây dựng trong toàn Đảng bộ ý chí thống nhất và quyết tâm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô và đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng cùng những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, đặc biệt ở cơ sở.

Thủ đô Hà Nội phải tiêu biểu về chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, nơi rèn luyện và cung cấp những cán bộ có đủ đức, tài cho Đảng và Nhà nước.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ nói trên, cần triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó chú trọng các giải pháp *về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ; huy động và sử dụng tốt các nguồn vốn ; đổi mới cơ cấu đầu tư ; tạo lập và mở rộng thị trường ; khai thác tốt thị trường tại chỗ, nhất là thị trường nông thôn, thị trường các địa phương phía Bắc và cả nước, chủ động mở rộng thị trường khu vực, quốc tế ; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn... chú trọng kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý các cấp, của đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt ; hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách ; gắn kết sức mạnh của trung ương, của các địa phương với sức mạnh thành phố,* lấy đây làm đòn bẩy để giải quyết tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

*
* *

Xây dựng và bảo vệ Thủ đô Hà Nội là sự nghiệp chung của toàn Đảng, toàn dân. Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị xác định trách nhiệm của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các địa phương trong cả nước cùng Đảng bộ và nhân dân Hà Nội hoàn thành sự nghiệp vẻ vang đó ; đồng thời yêu cầu quán triệt sâu sắc nội dung của Nghị quyết ; thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để thực hiện tốt Nghị quyết. Đặc biệt cần xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho Hà Nội trên nguyên tắc bảo đảm quy hoạch và quan hệ phối hợp ngành - lãnh thổ và quan hệ giữa các địa phương trong cả nước ; cho phép Thủ đô được chủ động thực hiện một số chức năng, quyền hạn riêng về thu hút, sử dụng vốn ; về quản lý dân cư, nhà đất ; về đầu tư và xây dựng, phát triển phúc lợi công cộng và các hoạt động văn hóa - nghệ thuật... trên địa bàn.

Thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ động phối hợp với các bộ, ban, ngành có liên quan nghiên cứu, cụ thể hóa Nghị quyết của Bộ Chính trị, đề xuất các biện pháp, các cơ chế, chính sách năng động, thích hợp để đẩy mạnh sự nghiệp phát triển, bảo vệ Thủ đô. Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch từng năm, các chương trình, dự án trọng điểm đã được Nhà nước phê duyệt. Mở rộng các hình thức cung cấp, trao đổi thông tin, liên doanh, liên kết, hợp tác với các địa phương trong cả nước, với các đối tác nước ngoài nhằm phát huy vị trí, vai trò của Thủ đô.

Quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị về Thủ đô Hà Nội, đồng thời với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ thành phố là nhiệm vụ chính trị rộng lớn nhằm đẩy mạnh việc xây dựng và bảo vệ Thủ đô, thiết thực tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, làm cho Hà Nội mãi mãi xứng đáng là Thủ đô anh hùng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XXI

HOÀNG TÙNG

BƯỚC vào năm đầu của thế kỷ XXI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã 71 tuổi, song vẫn ở tuổi thanh xuân, vì trong đội ngũ của mình, lớp đồng chí trẻ chiếm tỉ lệ cao ; trên một triệu rưỡi so với khoảng một triệu đồng chí đã về nghỉ. Phần lớn số người sẽ lần lượt gia nhập đội tiên phong của cách mạng đều ở tuổi thanh xuân. Tuy đã có lịch sử lâu dài hàng nghìn năm, dân tộc ta cũng vẫn là một dân tộc trẻ, do số người từ 30 tuổi trở xuống chiếm quá nửa tổng dân số và là một dân tộc có học vấn ngày càng cao. Là con đẻ của một dân tộc anh hùng, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện, giáo dục, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng đất nước và xã hội trong hơn 70 năm qua và đã giành được những thắng lợi to lớn. Trong hơn hai nghìn năm lịch sử, dân tộc ta đã phải lần lượt tiến hành trên mười cuộc chiến tranh chống xâm lược, trong đó có ba cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc thắng lợi oanh liệt. *Cuộc thứ nhất* do Ngô Quyền lãnh đạo, chấm dứt tai họa mất nước trên một nghìn năm, sau hơn mười cuộc nổi dậy lớn, tuy thành công nhưng không lâu lại bị thất bại. *Cuộc thứ hai* do Lê Lợi lãnh đạo chấm dứt hai mươi năm Bắc thuộc lần thứ hai. *Cuộc thứ ba*, trong thế kỷ XX dân tộc ta đã tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, kiên trì cuộc kháng chiến trường kỳ ba mươi năm đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, giải phóng, thống nhất Tổ quốc, đồng thời kết hợp thực hiện thành công cuộc cách mạng dân chủ nhân dân, xây dựng chính quyền nhà nước do nhân dân làm chủ. Thắng lợi vĩ đại đó đã đưa dân tộc ta đi vào cuộc cách mạng thứ hai : xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến hành công cuộc đổi mới, chuẩn bị những tiền đề cực kỳ quan trọng cho đất nước đi vào kỷ nguyên mới, nền văn minh mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ta, hội nhập trào lưu chung của nhân loại xây dựng kinh tế tri thức. Mở đầu thế kỷ mới, mùa Xuân năm nay sẽ diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tiếp tục công việc của các Đại hội trước, sẽ phát triển, hoàn thiện thêm con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội IX quyết định là sứ mệnh lịch sử của những thế hệ mới, của dân tộc ta và của Đảng ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành từ tư tưởng, văn hóa truyền thống Việt Nam và chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tinh hoa tư tưởng của nhân loại. Di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là kim chỉ nam đối với tư tưởng, hành động của các thế hệ người Việt Nam chúng ta về chủ nghĩa yêu nước, tinh thần cách mạng, về Đảng, Nhà nước, về xây dựng quan niệm về thế giới, phương pháp cách mạng, phong cách công tác, đạo đức, lối sống, đạo làm người, làm chiến sĩ cộng sản... Có thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh mới có thể giải quyết đúng những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống. Chúng ta đều biết, mỗi khi tình hình nước ta và thế giới thay đổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều kịp thời dự báo, chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược, tổ chức và phương pháp hành động. Điều quan trọng bậc nhất mà chúng ta cần phải học tập ở Người là tư duy biện chứng. Về bản chất, tư duy biện chứng là cách mạng, là bản thân sự vận động của cuộc sống. Khi giải quyết bất kỳ vấn đề gì, Hồ Chí Minh đều xuất phát từ cuộc sống, tuy Người vẫn thường xuyên nghiên cứu lý luận, vận dụng lý luận vào cuộc sống một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo. Trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta vừa phải kế thừa những di sản của quá khứ vừa phải hướng tới tương lai, không ngừng đổi mới tư duy lý luận, chính trị, tổ chức, kinh tế ; đổi mới bản thân tổ chức, hoạt động của Đảng để Đảng ta luôn luôn là đội tiên phong của xã hội và dân tộc trong quá trình cách mạng mới.

Digitized by Google

Sự thay đổi kỹ thuật sản xuất dẫn đến sự thay đổi phân công lao động xã hội, tổ chức xã hội, hạ tầng cơ sở, thượng tầng kiến trúc. Lý luận có cập nhật hóa mới là lý luận tiên phong lãnh đạo. Sự chậm trễ của khoa học xã hội, nhân văn trước sự bùng nổ của khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ là một hiện tượng xảy ra ở gần như hầu khắp các nước, trong đó có nước ta. Công tác lý luận, công tác tổ chức của chúng ta tuy có một số tiến bộ nhưng chưa nhích lên phía trước được bao nhiêu. Một cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng công tác khoa học, công tác lý luận, công tác tổ chức... đang đặt ra trong chương trình nghị sự của chúng ta. Hiện tượng "hướng cổ" là một trở ngại không nhỏ đối với sự phát triển của cách mạng. Biết bao vấn đề mới đang chờ đợi được giải quyết như : vì sao phải thông qua kinh tế thị trường, hội nhập nền kinh tế thế giới để đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ? Có phải kinh tế thị trường là nguồn gốc của những hiện tượng không lành mạnh trong xã hội ta hay chỉ là một nguyên nhân có thể khắc phục được ? Vì sao cuộc vận động cải cách hành chính, mở rộng dân chủ tiến triển chậm ? v.v. Do đó, một động lực lớn của sự phát triển bị kiềm chế. Giải phóng con người, nhất là tư duy con người là giải phóng sức sản xuất lớn, tạo thành động lực thúc đẩy tiến bộ xã hội, đặc biệt là trong quá trình cách mạng khoa học - công nghệ, khi "cái đầu" trở thành sức sản xuất trực tiếp.

Phải là đại biểu tinh hoa trí tuệ của xã hội trong thời đại mới, Đảng ta mới làm tròn sứ mệnh lịch sử đi đầu, lãnh đạo nhân dân trong cuộc cách mạng mới. Đảng phải lãnh đạo để nâng cao trình độ trí tuệ, mặt bằng trí tuệ của nhân dân, trí thức hóa những người lao động để làm chủ nền công nghệ mới. Trong thế kỷ vừa qua, Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Việt Nam đã nổi bật về tầm vóc anh hùng như các thế hệ ông cha đã từng thể hiện trong những cuộc chiến tranh chống xâm lược, đánh thắng các thế lực to lớn, hung bạo nhất thế giới. Trong thế kỷ này, Đảng ta, dân tộc ta cần vươn lên thể hiện nổi bật tầm vóc trí tuệ của mình.

Sức mạnh của Đảng bao giờ cũng thể hiện ở chất lượng đội ngũ đảng viên chứ không phải là số lượng. Một đảng to với nhiều triệu đảng viên chưa chắc đã là một đảng mạnh. Vì vậy, việc chọn lựa người vào Đảng, nhất là vào các cơ quan lãnh đạo ở tất cả các cấp, các ngành, phải được hết sức coi trọng, chớ nên đơn thuần chạy theo số lượng, nặng về cơ cấu để đạt chỉ tiêu cho sự phát triển tính theo đầu người. Đưa một người vào Đảng hôm nay là chuẩn bị cho họ làm cán bộ ngày mai, từ cấp thấp đến cấp cao. Chọn người, giao việc đúng hay sai là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của công việc đó.

Nhận định về một con người trước hết phải coi trọng nhân cách của con người ấy trong quan hệ ứng xử, lối sống hằng ngày kể từ khi họ bước vào đời. Nhân cách hình thành từ thuở còn nhỏ. Hoàn cảnh có ảnh hưởng nhất định đến nhân cách con người. Hôm qua là một nhân vật anh hùng, hôm nay có thể trở thành một người bị tha hóa. Việc giáo dục có tác dụng cải tạo con người nhưng không bao giờ là biện pháp vạn năng. Nhận định, đánh giá một con người không bao giờ là việc giản đơn. Khách quan, công bằng, dân chủ vẫn là con đường bảo đảm chắc chắn hơn cả. Điều này tuy không thể tránh hết được mọi thiếu sót, nhưng sẽ tránh được những sai lầm chủ quan, tránh được tình trạng "kéo bè, kết cánh" hoặc vì tình cảm họ hàng, bầu bạn mà "che chắn", "ô dù".

Tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ sẽ có sự thay đổi, song những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những kinh nghiệm thành công và thất bại của cách mạng nước ta vẫn là những giáo huấn quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng nhất là công tác rèn luyện, giáo dục cán bộ, đảng viên. Người cộng sản phải như thế nào ? Lối sống cách mạng bao gồm những điều gì, vân vân và vân vân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói đầy đủ, nhất là đối với những cán bộ, đảng viên được Người gọi là "đày tớ của nhân dân" không phải là người làm quan phát tài, cả họ được nhờ. *"Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất"*. Lời cũ mà ý nghĩa rất mới. CẦN, KIỆM, LIÊM CHÍNH, CHÍ CÔNG, VÔ TƯ, không bao giờ là những đức tính đã lỗi thời.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, tinh thần dân tộc, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tác phong, lối sống giản dị, trong sáng, gần gũi với nhân dân vẫn là những phẩm chất không thể thiếu đối với một người cộng sản bình thường cũng như đối với mỗi cán bộ lãnh đạo. Một đảng mà có những đảng viên như vậy thì việc gì cũng có thể làm trọn, khó khăn nào cũng có thể vượt qua, kẻ thù nào cũng có thể đánh thắng. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHẢI GẮN LIỀN VỚI BẢO VỆ CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG

Nghị quyết Đại hội VIII cũng như dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng đều đã nêu rõ những nguy cơ cần đề phòng và khắc phục trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Cần làm rõ sự khác nhau về tính chất của những nguy cơ đó và mối quan hệ chặt chẽ, sự tác động qua lại mạnh mẽ giữa các nguy cơ đó để có chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp.

Được nêu lên trước tiên là thực trạng lạc hậu, nghèo nàn của đất nước và nguy cơ tụt hậu xa hơn nữa so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Xử lý vấn đề này là giải quyết *mâu thuẫn trong sự phát triển của đất nước* - giữa tiên tiến, hiện đại với lạc hậu, nghèo nàn, thuộc phạm trù phát triển lực lượng sản xuất.

Những nguy cơ khác là : chệch hướng sang con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và tình trạng tha hóa, biến chất của bộ máy đảng và nhà nước. Xử lý những vấn đề này là giải quyết *mâu thuẫn trong sự mất còn của chế độ xã hội chủ nghĩa* - giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, thuộc phạm trù quan hệ sản xuất (theo nghĩa rộng, bao gồm chế độ chính trị - xã hội).

Như vậy, những mâu thuẫn nêu trên tính chất không giống nhau, đồng thời lại có quan hệ mật thiết với nhau. Khó mà nói nguy cơ tụt hậu xa hơn là nguy cơ lớn nhất. Bởi nếu giải quyết mâu thuẫn trong sự phát triển đất nước tách rời giải quyết mâu thuẫn trong sự mất còn của chế độ, một chiều chạy theo sự phát triển cao của chỉ số GDP chẳng hạn, thì đất nước có thể phát triển nhưng chế độ xã hội chủ nghĩa không còn. Đó là con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, chưa phải là sự giải phóng dân tộc triệt để, giải phóng xã hội (giai cấp), giải phóng mọi người trong cộng đồng dân tộc, chưa bảo đảm vững chắc độc lập dân tộc. Mặt khác, nếu không tập trung sức phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khắc phục bằng được lạc hậu và nghèo nàn, thì chế độ xã hội chủ nghĩa cũng bị đặt thành vấn đề. Người dân có quyền hỏi cái chế độ xã hội chủ nghĩa ấy ưu việt ở chỗ nào mà đất nước cứ lạc hậu và nghèo nàn mãi. Như vậy cũng khó mà nói bảo vệ được chế độ xã hội chủ nghĩa mà Bác Hồ đã tìm ra và Đảng ta, nhân dân ta đã lựa chọn qua cuộc chiến đấu đầy hy sinh gian khổ 3/4 thế kỷ qua.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lực lượng sản xuất là cái quyết định trong mối quan hệ với quan hệ sản xuất ; quan hệ sản xuất phụ thuộc vào lực lượng sản xuất và tác động trở lại tích cực hoặc tiêu cực đối với lực lượng sản xuất. Do vậy, hoàn toàn đúng đắn khi đặt vấn đề tập trung sức phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (gắn liền với từng bước xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo con đường xã hội chủ nghĩa). Như vậy là tạo nên cơ sở vật chất -

Digitized by Google

kỹ thuật hiện đại cho chủ nghĩa xã hội, phát huy tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, tạo điều kiện ngăn ngừa và khắc phục những nguy cơ khác : những quan điểm chính trị sai lầm, những sự mơ hồ, giao động, chệch choạng và chệch hướng sang chủ nghĩa tư bản, âm mưu "diễn biến hòa bình" của địch, những biểu hiện thoái hóa, biến chất của bộ máy. Nhưng cần lưu ý : tác động như vậy của lực lượng sản xuất phát triển trong việc khắc phục các nguy cơ khác chỉ có thể trở thành hiện thực thông qua hoạt động tự giác của con người, thông qua những chủ trương, chính sách đúng đắn và việc tổ chức thực hiện đúng đắn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong kinh tế, chính trị, văn hóa, đối nội, đối ngoại, trong kết hợp xây dựng đất nước với bảo vệ Tổ quốc, củng cố quốc phòng, an ninh. Do vậy, tập trung sức phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất là đúng, nhưng là hoàn toàn sai lầm nếu coi nhẹ các nguy cơ khác, không thấy hết sự "cộng hưởng" giữa những quan điểm chính trị sai lầm dẫn đến chệch hướng với âm mưu "diễn biến hòa bình" của địch và sự thoái hóa, biến chất của bộ máy. Bởi vậy, *cần kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ giải quyết mâu thuẫn trong sự phát triển của đất nước với nhiệm vụ giải quyết mâu thuẫn trong sự mất còn của chế độ xã hội chủ nghĩa.*

Do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta còn rất thấp, nên nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ tương đối dài để đi lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước ta phản ánh trình độ của lực lượng sản xuất và yêu cầu giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ ấy. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, phải phát triển cả kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản tư nhân, nhưng kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo cùng với kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã phải là nền tảng. Không phải là tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế.

Nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; dự kiến trong vài thập niên tới, phấn đấu đưa nước ta căn bản trở thành nước công nghiệp xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại của chủ nghĩa xã hội. Điều đó cũng có nghĩa là khi công nghiệp hóa, hiện đại hóa về cơ bản hoàn thành thì trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã trở thành nền tảng vững chắc. Như thế mới là công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa. Nếu công nghiệp hóa, hiện đại hóa cơ bản hoàn thành theo dự kiến, thậm chí nếu có địa phương có điều kiện và tích cực phấn đấu hoàn thành được sớm hơn dự kiến, nhưng khi đó kinh tế nhà nước không giữ được vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã chưa trở thành nền tảng, mà kinh tế tư nhân lại là nền tảng, thì đó chưa phải, không phải là công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa mà là theo con đường khác. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa không tách rời việc xử lý các thành phần kinh tế theo chủ nghĩa xã hội là như vậy ; chỉ tiêu về phát triển lực lượng sản xuất (công nghiệp hóa, hiện đại hóa) phải gắn liền với chỉ tiêu về xây dựng quan hệ sản xuất là như vậy. Đương nhiên phải tuân theo quy luật khách quan ; không được chủ quan, duy ý chí.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thực sự là cuộc đấu tranh giữa hai con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa tư bản chủ nghĩa. Tiêu chí để phân biệt hai con đường đó, trong cùng một trình độ công nghiệp và hiện đại, là thành phần kinh tế nào là nền tảng. Vấn đề là dựa vào khối đại đoàn kết của toàn dân tộc, lấy liên minh công nhân, nông dân và trí thức làm nền tảng hay chủ yếu dựa vào chủ nghĩa tư bản (cả trong nước và ngoài nước).

Để giành thắng lợi cho sự phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chủ nghĩa xã hội, chính là phải nhận thức và xử lý đúng đắn các nguy cơ, kết hợp chặt chẽ giải quyết mâu thuẫn trong sự phát triển đất nước với giải quyết mâu thuẫn trong sự mất còn của chế độ xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

KIÊN TRÌ MỤC TIÊU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

SONG THÀNH *

1. Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội (CNXH) như là khát vọng xóa bỏ áp bức, bất công, mơ ước về một xã hội công bằng, nhân đạo, không còn bóc lột, không còn cách bức giàu nghèo, đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử. Theo Lê-nin, ".. xóa bỏ sự khác nhau giữa người giàu và người nghèo. Đó là nguyện vọng có tính chất xã hội chủ nghĩa"(1).

Hồ Chí Minh trước khi đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và CNXH khoa học đã từng biết đến tư tưởng dân chủ và XHCN ở những mức độ khác nhau trong tư tưởng - văn hóa dân tộc và tư tưởng - văn hóa phương Đông. Dù tồn tại ở cấp "hệ tư tưởng" hay chỉ mới như những nhân tố mang tính chất XHCN thì tư tưởng về CNXH cũng là một hiện tượng lịch sử phổ biến, có đặc điểm chung là *tính nhân văn, tính phê phán* và *tính ước mơ*. Điều đó cho thấy : khát vọng về một xã hội công bằng, nhân đạo, không còn áp bức bất công, ... không phải là một khát vọng "ngoại nhập" và CNXH không phải là một học thuyết được vay mượn từ bên ngoài mà vốn là một khát vọng "nội sinh" đã tồn tại từ bao đời nay trong đời sống xã hội - lịch sử của dân tộc.

Công lao của Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã từ chủ nghĩa yêu nước, từ truyền thống lịch sử - văn hóa dân tộc đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và CNXH khoa học, hình thành quan niệm của mình về CNXH, thiết kế ra con đường với bước đi, cách làm của Việt Nam để biến lý tưởng đó, từ thuần túy là ước mơ, khát vọng, từng bước trở thành hiện thực trên đất nước ta.

Có thể nói, con đường hình thành tư duy Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam là con đường từ dân tộc đến nhân loại, rồi lại từ nhân loại trở về dân tộc ở tầm cao hơn, *dân tộc kết hợp với thời đại.*

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH là một hệ thống luận điểm hoàn chỉnh về bản chất, mục tiêu, động lực của CNXH ; về con đường với bước đi và cách làm để xây dựng CNXH ở nước ta. Trong bài này, chúng tôi chỉ tóm tắt quan niệm của Hồ Chí Minh về bản chất và mục tiêu của CNXH ở Việt Nam.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về CNXH xuất phát từ tư tưởng của Mác - Lê-nin về CNXH. Trong khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin như là "điểm xuất phát của những tìm tòi khoa học" (Ăng-ghen) nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã có sự phát triển sáng tạo, bổ sung, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên một loạt vấn đề cách mạng ở một nước thuộc địa phương Đông, từ độc lập dân tộc đi lên CNXH.

Hồ Chí Minh đến với CNXH từ chủ nghĩa yêu nước và truyền thống văn hóa dân tộc, từ đặc điểm lịch sử - xã hội của đất nước và con người Việt Nam - một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, chưa trải qua thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Tiếp cận CNXH từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam, đồng thời Hồ Chí Minh cũng tiếp cận CNXH từ tổng kết kinh nghiệm thành công và chưa thành công của các nước xã hội chủ nghĩa thời bấy giờ. Nhờ đó, Hồ Chí Minh đã hình thành quan niệm của mình về CNXH, một quan niệm phản ánh tính đặc thù của CNXH ở Việt Nam, đặc biệt ở thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam "là làm sao cho dân giàu, nước mạnh", "làm cho

* PGS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va. 1980, t 13, tr 159

Digitized by Google

nhân dân lao động thoát khỏi nạn bần cùng", "mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do", "xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt", (t 10, tr 591)(2).

Người ta đã nói rõ mục tiêu, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta là "Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm" (t 5, tr 65). Như vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, CNXH không đồng nhất với cái nghèo, không phải là sự chia đều cái nghèo, mà phải từng bước tiến đến một cuộc sống dồi dào, sung túc.

CNXH chủ trương xóa bỏ bóc lột nhưng lại kêu gọi làm giàu. Như vậy có mâu thuẫn không ? Thực ra, làm giàu không đồng nghĩa với bóc lột. Có cách làm giàu chính đáng, hợp pháp và có cách làm giàu không chính đáng, bất hợp pháp. Đảng và Nhà nước ta "khuyến khích *làm giàu hợp pháp* đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo". Vì vậy, kết hợp làm giàu cho xã hội, làm giàu cho tập thể và làm giàu cho bản thân là điều đang được khuyến khích. Hơn nữa, xóa bỏ bóc lột là một quá trình lâu dài, được thực hiện từng bước. Ở thời kỳ quá độ đi lên CNXH còn tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó thành phần kinh tế tư bản tư nhân (kể cả tư bản nước ngoài) đang được Nhà nước ta khuyến khích. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ : "Trong giai đoạn này (tức trong thời kỳ quá độ -S.T-), phải bảo vệ tư sản dân tộc, vì họ cũng chống đế quốc, chống phong kiến và họ là một lực lượng để phát triển công nghệ, nông nghiệp và thương nghiệp" (t 7, tr 210).

Ngày nay, Đảng ta nói mục tiêu của CNXH ở Việt Nam là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", là xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh. Mục tiêu đó phản ánh đầy đủ, đúng đắn quan niệm của Hồ Chí Minh và của Đảng ta về CNXH ở Việt Nam. Tuy nhiên, không thể vì vậy mà cho rằng ngày nay chỉ cần nói 12 chữ đó là đủ ; rằng để thực hiện chiến lược đại đoàn kết, để tranh thủ sự ủng hộ của đông đảo kiều bào ở nước ngoài, về chiến lược "hãy tạm thời gác lại khẩu hiệu chủ nghĩa xã hội" !

Nhưng thử hỏi làm sao có thể tách nội hàm của khái niệm ra khỏi bản thân khái niệm mà lại hiểu được đúng đắn nội dung của khái niệm ? Ai cũng biết không có Đảng Cộng sản nào thực sự được vũ trang bởi chủ nghĩa Mác - Lê-nin lại không công khai tuyên bố trong cương lĩnh và điều lệ của mình là lãnh đạo quần chúng nhân dân tiến hành đấu tranh nhằm lật đổ chế độ tư bản, thiết lập chế độ XHCN và cộng sản chủ nghĩa. Xây dựng CNXH là một ước mơ cao đẹp, là khát vọng ngàn đời của nhân loại, có gì mà phải che dấu ? Vấn đề quan trọng phải làm rõ : đó là CNXH nào ? CNXH mà nhân dân ta đang phấn đấu xây dựng là CNXH theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một CNXH kết hợp nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, cộng đồng,... của dân tộc Việt Nam ; một CNXH đang thông qua đổi mới để khắc phục những khuyết tật do hiểu sai, làm sai, để CNXH ngày càng phát triển và hoàn thiện đúng với bản chất của nó.

Do nhận thức CNXH là lý tưởng cao đẹp của loài người nên ngay từ năm 1920, khi tìm thấy con đường cứu nước theo con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã nhận thấy con đường cách mạng Việt Nam phải đi là từ độc lập dân tộc đến CNXH. Năm 1930, trong *Chánh cương vắn tắt*, Người vạch ra chủ trương "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản", bỏ qua chế độ tư bản. Năm 1951, đọc Báo cáo Chính trị tại Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định : "Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tranh lại ***thống nhất và độc lập hoàn toàn*** ; lãnh đạo toàn dân ***thực hiện dân chủ mới***, xây dựng điều kiện để ***tiến đến chủ nghĩa xã hội***" (t 6, tr 174). Năm 1958, luận giải về tính tất yếu của sự lựa chọn XHCN và con đường quá độ lên CNXH ở nước ta, Người nói rõ hơn : "Miền Bắc nước ta đang tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Đó là yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu người lao động" (t 9, tr 291). Do đó, ngày nay, "yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mới ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm" (t 9, tr 173).

Cũng xin được nói thêm rằng, không phải trong *Di chúc* của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh không nói gì về mục tiêu xây dựng CNXH. Trong Di chúc

(2) Các trích dẫn lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đều từ Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

Digitized by Google

công bố năm 1969, phần nói về đoàn viên và thanh niên, Người căn dặn Đảng ta phải chăm lo giáo dục, đào tạo họ thành "những người thừa kế *xây dựng chủ nghĩa xã hội* vừa "hồng" vừa "chuyên". Trong phần bổ sung, viết vào tháng 5-1968, công bố năm 1989, một lần nữa Người lại nhắc nhở Đảng và Chính phủ cần lựa chọn những người ưu tú trong số chiến sĩ trẻ và thanh niên xung phong đã qua rèn luyện và tỏ ra dũng cảm trong chiến đấu, đào tạo họ thành những cán bộ và công nhân kỹ thuật giỏi, có tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Theo Người "đó là đội quân chủ lực trong công cuộc *xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta*". Nói để "xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta", đó chính là khẳng định mục tiêu đi tới của chúng ta.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống và nhất quán ngay từ đầu. Giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản tức có nghĩa là giành độc lập dân tộc để đi tới CNXH. Đó là nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Mọi tư tưởng cụ thể của Người đều xuất phát từ đó và phục vụ cho mục tiêu đó. Ngay chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" cũng không phải chỉ thuần túy nói về độc lập dân tộc. Tự do là một vấn đề lớn. Chủ nghĩa tư bản chưa giải quyết được tự do cho mỗi con người và cho các dân tộc. Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh cho dân tộc mình đồng thời góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới, đó là mục tiêu chỉ có thể hực hiện được trong CNXH. Theo đồng chí Trường Chinh, chân lý đó "đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nâng lên ngang tầm của thời đại và mang một nội dung mới : *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*"[3]. Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng, một lần nữa nhấn mạnh nhận thức sâu sắc này : "Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

3. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : xây dựng CNXH là một cuộc cách mạng triệt để và sâu sắc, chưa từng có trong lịch sử, vì nó "thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩa và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm". Vả lại, chúng ta cũng chỉ có thể xây dựng CNXH với những con người và vật liệu do CNTB để lại, như Lê-nin đã nói. Vì vậy, cũng là điều bình thường nếu trong quá trình xây dựng CNXH chúng ta đã mắc phải những sai lầm, khuyết điểm, trong đó có những khuyết điểm nghiêm trọng và kéo dài. Chính vì vậy mà Đảng ta đã đề ra đường lối và nhân dân ta đang thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới. Đổi mới thực sự là một cuộc cách mạng lần thứ 2 để trở lại đúng với bản chất và mục tiêu của CNXH, chứ không phải vì những vấp váp, sai lầm tạm thời mà từ bỏ nó.

Một lần nữa chúng ta nói rõ CNXH mà chúng ta xây dựng là CNXH theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một quan niệm kết hợp được những nguyên tắc chung của CNXH khoa học với truyền thống yêu nước, cộng đồng, nhân ái, khoan dung,... của văn hóa và con người Việt Nam được "chưng cất" qua hàng ngàn năm lịch sử. Đó là một chủ nghĩa xã hội "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", sau khi hoàn thiện sẽ là một xã hội tự do và nhân đạo, phản ánh được khát vọng tha thiết của loài người. Một quan niệm như vậy về CNXH chẳng những được nhân dân ta hoan nghênh, đón nhận mà còn được bạn bè ta đồng tình và đánh giá cao.

Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Ấn Độ (M) Pra-oa-sơ Ka-rát viết : "Trong bối cảnh của tình hình thế giới hiện nay, điều cấp thiết là tất cả những người theo CNXH cần rút ra những bài học thích hợp từ cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh" [4].

Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Ô-xtrây-li-a Gôn-lan (W. E. Gollan) khẳng định : "Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa vĩ đại và là một người hành động. CNXH của Người không bè phái cũng không giáo điều mà mang tính nhân đạo và nhân loại... Tư tưởng chính trị của Người chịu ảnh hưởng của các nhà tư tưởng dân chủ và XHCN lớn ở châu Âu được áp dụng vào hoàn cảnh châu Á và điều đó đã đem lại cho nó ý nghĩa toàn thế giới" [5].

Với nhận thức như vậy về bản chất và mục tiêu của CNXH, chúng ta đang phấn đấu để xây dựng thành công CNXH trên Tổ quốc thân yêu của chúng ta, một chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh.❑

---

(3) Trường Chinh : *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1991, tr 141

(4) Pra-oa-sơ Ka-rát : Tạp chí *Sinh viên đấu tranh*, cơ quan Trung ương của Liên đoàn sinh viên toàn Ấn Độ, số ra tháng 9-1990

(5) Hội thảo quốc tế : *Chủ tịch Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1990, tr 209

Digitized by Google

THÀNH TỰU ĐỔI MỚI ĐỐI VỚI VIỆC TIẾP TỤC CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

BÙI NGỌC THANH *

Vào dịp kỷ niệm 55 năm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2-9, trong buổi lãnh đạo Quốc hội tiếp các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, một bà mẹ tỉnh Quảng Nam đã nói : "Giờ thì người già chúng tôi mãn nguyện lắm rồi, được viếng Bác, được khóc bên Bác, được thăm nơi ở và nơi làm việc của Người, được các ông lãnh đạo Đảng và Nhà nước tiếp đón thân mật và nói những chuyện ấm áp lòng người. Người già chúng tôi rất hiểu, có Đảng là có tất cả. Đảng mạnh lên là dân giàu, nước mạnh. Đất nước còn tiếp tục được xây dựng để to đẹp hơn, đàng hoàng hơn gấp mười lần năm xưa, nhưng ngay lúc này cuộc sống của chúng tôi đã sung sướng hơn mười lần năm xưa rồi. Về lại quê cho dù có chết chúng tôi cũng mát lòng, hả dạ". Lời nói chân thành, mộc mạc của một bà mẹ, một công dân bình dị như muôn vàn người trong thiên hạ nhưng quả thực nhân cốt của câu nói lại là một đánh giá, một tổng kết có chiều sâu chân lý : "Có Đảng là có tất cả. Đảng mạnh lên là dân giàu, nước mạnh". Có thể coi đó là câu nói cô đọng nhất, vừa khái quát được kết quả, vừa nhận thức được mục tiêu tiếp tục của công cuộc đổi mới trong những năm đầu của thế kỷ mới.

Mười lăm năm thực hiện công cuộc đổi mới, thời gian chưa phải là dài, trong bối cảnh quốc tế có những biến động kiểu "địa chấn" thì những thành tựu đạt được của Đảng ta, nhân dân ta là có tính thời đại. Có thể kể ra hàng trăm thành tựu trên tất thảy các phương diện đời sống xã hội như : kinh tế có bước phát triển nhanh ; văn hóa - xã hội có nhiều mặt tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện rõ nét ; tình hình chính trị - xã hội luôn luôn ổn định ; xây dựng, chỉnh đốn Đảng bước đầu có kết quả tốt, hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới ; mở rộng quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế toàn cầu ; giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ; nâng lên một tầm cao mới về tập hợp lực lượng, về đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn mới của cách mạng... Nhưng nghiên cứu dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng và căn cứ vào hiện thực xã hội, chúng ta có thể đề cập đến những thành tựu bao quát nhất như lời khái quát của bà mẹ đất Quảng : "Có Đảng là có tất cả, Đảng mạnh lên là dân giàu, nước mạnh".

1 - Đảng ta đã xác định chuẩn xác mối quan hệ và bước đi giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, đó là đổi mới kinh tế cho có hiệu quả đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị.

Nhắc lại và đưa lên thành một thành tựu về vấn đề này vì có người cho rằng việc xác định quan hệ và bước đi, đó là một công việc bình thường mang tính tất yếu của Đảng, nhưng thực ra không phải chuyện bình thường mà đó là quan điểm, là đường lối ; bước nhầm, bước lỡ là hỏng việc lớn. Nhớ lại thời gian nhiệm kỳ khóa VI của Đảng, có người đã đưa ra quan điểm nhất thiết phải cải tổ chính trị trước, phải mở rộng tự do dân chủ hết cỡ, phải "nhịp nhàng" với cải cách kinh tế, "không thể chân ngắn, chân dài, càng không thể tập tễnh đi một chân". Qua hơn một thập niên, bây giờ thì đã "hai năm rõ mười", trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, kinh tế là nền tảng vật chất của chính trị, do đó phải giải quyết trước hết vấn đề kinh tế. Nhưng không phải khi ấy ai cũng dễ dàng nhận ra. Sẽ là sai lầm nghiêm trọng và sẽ là nguy cơ của đổi mới nếu chỉ bàn tự do, dân chủ, chính trị suông. Sau khi thảo luận hết sức dân chủ, Ban Chấp hành Trung ương đã biểu quyết và Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VI) của Đảng đã khẳng định : "Trong quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, chúng ta tập trung làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương hướng hoạt động của các tổ

* TS, Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

Digitized by Google

chức chính trị. Không thể tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã khi chưa đủ căn cứ, mở rộng dân chủ không có giới hạn, không có mục tiêu cụ thể và không đi đôi với tập trung thì dẫn đến sự mất ổn định về chính trị, gây thiệt hại cho sự nghiệp đổi mới". Thực hiện đúng đắn đường lối của Đảng, công cuộc đổi mới đã và đang thu được những thành tựu có tính bước ngoặt lịch sử, đất nước như một cuộc đổi đời, vững về thế, mạnh về lực như ngày hôm nay. Cũng cần phải nói thêm rằng, ít lâu sau Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VI), chúng ta phải chứng kiến một sự kiện, một bài học đau đớn của một đảng có lịch sử lâu đời, đã làm nên sự kiện "mười ngày rung chuyển thế giới" vào năm 1917 ; nhưng cùng với những nguyên nhân quan trọng khác, do sai lầm về cách thức và bước đi của cải tổ, mà chỉ trong 6 ngày đã làm "đảo lộn toàn cầu" vào năm 1991. Sai lầm đó là đem chính trị, tự do, dân chủ, dân tộc làm bước đi đầu tiên của cải tổ, trong khi không tìm cách tháo gỡ ngay thực trạng nền kinh tế đang khủng hoảng, đời sống nhân dân đang giảm sút từng ngày. Một cựu ủy viên Bộ Chính trị, cựu Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng của Liên Xô trước đây đã viết : "chúng tôi đã bàn giao lý tưởng cuộc cải tổ cho tính ngạo mạn dân tộc, những đòi hỏi bãi công, những lời hứa dân chủ "của các hiệp sĩ lãng du và lữ khách""... [1]. Hậu quả là "cải tổ đã lớn tiếng công bố về mình vào năm 1985 và thật là xấu hổ kết thúc vào 12-1991... Nhưng sau khi đã khẳng định mình qua sự tan rã của đất nước, phong trào dân chủ bản thân nó đang hứng chịu cuộc khủng hoảng, các tác nhân tàn phá tỏ ra mạnh hơn các tác nhân sáng tạo" [2]. Từ sự kiện, từ bài học trên một lần nữa khẳng định : tư duy chính trị, nhãn quan đường lối, tính tự quyết, tính độc lập, tính sáng tạo của Đảng ta trước những thử thách mới, là rất chính xác mặc dù chưa hề có tiền lệ nào. Với ý nghĩa đó thì việc chuẩn xác quan hệ và bước đi giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị của Đảng ta chẳng những là *một thành tựu to lớn* mà còn *có tính chất mở đường* cho các thành tựu khác vì một đảng lãnh đạo, một đảng cầm quyền như Đảng ta thì đường lối là cái quyết định số một.

2 - Tiềm lực kinh tế mạnh là kết quả của đổi mới kinh tế.

Thành tựu kinh tế là "hình ảnh" rõ nét và dễ nhận dạng hơn bất cứ thành quả nào vì nó vừa định tính, vừa có định lượng, vừa có thể "cân, đong, đo, đếm" được tương đối rõ ràng. Hơn thế nữa, nó còn là "nấc thang" phản ánh trình độ toàn bộ mức sống vật chất và một phần quan trọng mức sống tinh thần của nhân dân. Về định tính, sau những năm thực hiện công cuộc đổi mới từ chỗ lo "ăn lấy chắc, mặc lấy bền", vì nền sản xuất theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu chưa khi nào có đủ sản phẩm phân phối thỏa mãn được nhu cầu thiết yếu của nhân dân, đến nay hàng hóa nông sản phẩm, công nghệ phẩm chẳng những đủ cho nhu cầu tiêu dùng ở trình độ cao hơn (nhiều gia đình đang thực hiện "ăn ngon, mặc đẹp") mà vẫn dư thừa tới mức trở thành một khó khăn - khó khăn thứ nhất cho "đầu ra" của sản xuất. Trong kỳ họp thứ 7 của Quốc hội khóa X có đại biểu đã phát biểu rất có lý rằng, chúng ta đã và đang trải qua hai cái khổ. Cái khổ thứ nhất là đã một thời, "quanh năm chí tối" chỉ lo gạo ăn và lo cho mỗi người 4 - 5 mét vải mà không lo nổi ; mong sao có nhiều để mà chia, để mà phân phối thêm. Nay muốn ăn bao nhiêu gạo, bao nhiêu thịt, muốn mặc bao nhiêu vải, bao nhiêu áo quần thì tùy. Cho dù Chính phủ có "kích cầu" cả trong tiêu dùng thì nhu cầu vật chất của mỗi người, nhất là nhu cầu ăn uống cũng nhanh chóng được thỏa mãn. Chính vì thế mà nỗi khổ thứ hai đang làm đau đầu từ người dân đến các cấp lãnh đạo, đó là đất nước đã làm ra nhiều hàng hóa đủ tiêu chuẩn mà không sao bán được, không sao tiêu thụ nổi (bán không ai mua, chia không ai lấy). Trong hai cái khổ đó, chắc chắn chúng ta chọn cái khổ thứ hai là dư thừa của cải chứ không thể lại chọn cái khổ thiếu thốn đủ thứ, mọi bề. Giải quyết được cái khổ thứ hai chính là thúc đẩy, nâng cao trình độ sản xuất lên một tầm cao mới. Về định lượng có lẽ con số tổng quát nhất là tổng sản phẩm quốc nội năm 2000 tăng gấp đôi năm 1990, bình quân hằng năm tăng 6,7%, sản xuất lương thực từ 20 triệu tấn lên trên 35 triệu tấn. Năm 1999 cũng là năm đầu tiên xuất khẩu vượt qua ngưỡng 10 tỉ đô la. Đó là những kỷ lục, những thành tựu to lớn của đổi mới kinh tế. Điều có ý nghĩa trọng đại lâu dài như Dự thảo văn kiện đã chỉ rõ là : "hệ thống kết cấu hạ tầng : đường sá, công trình thủy lợi, cầu, cảng, sân bay, điện, bưu chính

(1) R.N. I-va-nô-vích : *Cải tổ : Lịch sử của những sự phản bội*, Tổng cục II Bộ Quốc phòng, 1992, tr 408

(2) Tài liệu đã dẫn, tr 406 - 407

Digitized by Google

viễn thông... được tăng cường". Từ thành tựu kinh tế, từ tiềm lực vật chất mạnh hơn mà Nhà nước có điều kiện xử lý tốt hơn nhiều vấn đề xã hội hệ trọng như giải quyết việc làm (hơn 11 triệu việc làm trong 10 năm) ; xóa đói giảm nghèo (từ trên 30% hộ đói nghèo năm 1992 xuống 11% năm 2000) ; chi hàng ngàn tỉ đồng cho chính sách người có công, do đó cũng trọn nghĩa vẹn tình hơn đối với các thế hệ tiền nhiệm.

3 - Ổn định chính trị - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh quốc gia là một thành tựu nổi trội trong tình hình thế giới đầy biến động bất trắc và phức tạp.

Đã có lần chúng tôi trình bày, ổn định chính trị - xã hội là một chỉ báo định tính, khó có thể biểu diễn được bằng tỷ lệ phần trăm, cũng khó có thể lượng hóa được bằng những con số tuyệt đối, nhưng ổn định chính trị - xã hội lại là vấn đề rất nhạy cảm, người ta có thể nhận biết khá rõ ràng như cảm giác về ánh sáng, về nhiệt độ. Đây là một vấn đề có liên quan đến vận mệnh của mỗi quốc gia. Các thế lực đế quốc và bọn tay sai thù địch rất "kiên trì" với mưu đồ chiến lược của chúng là chống phá đến cùng để lật đổ chính quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tiến bộ. Một trong những thủ đoạn quen thuộc của chúng là thường xuyên khuấy đảo, tìm cách thao túng. Vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ này chúng đã thực hiện được ở một số nước nên ngày nay càng phấn khích và hung hăng, lì lợm hơn trong việc chống phá. Bọn chúng cũng rất tinh ma trong việc sử dụng các biện pháp quân sự hay thực hiện "diễn biến hòa bình" hoặc "pha lẫn theo liều lượng" cả hai. Khi sức mạnh của súng đạn còn lớn thì chúng chủ yếu sử dụng biện pháp quân sự, biện pháp chiến tranh. Khi sức mạnh quân sự bị đè bẹp thì lầm lũi thực hiện "diễn biến hòa bình" và cũng sẵn sàng vu vạ để nổ súng bất kỳ lúc nào... Với giác quan chính trị nhạy cảm, Đảng ta đã đánh giá rất chính xác tình hình thế giới, trong nước, tỉnh táo và chủ động, lấy ổn định chính trị làm nhiệm vụ vừa có tính cấp bách, lại vừa là nhiệm vụ lâu dài của tiến trình đổi mới. Điều kiện tiên quyết là phải luôn luôn giữ vững ổn định về chính trị. Có ổn định về chính trị mới có điều kiện để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội... [3]. Đối với các thế lực thù địch, chúng ta phải luôn mài sắc cảnh giác. "Sẽ là sai lầm nếu cường điệu hóa sức mạnh làm mưa làm gió của chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế, song cũng sẽ là sai lầm chết người nếu chủ quan mất cảnh giác" [4]. Với những chỉ báo khoa học và với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đất nước ta luôn luôn giữ vững thế ổn định cả về chính trị và cả về xã hội. Cũng cần lưu ý thêm rằng, ổn định chính trị - xã hội là nhiệm vụ mà Đảng ta đề ra từ những năm đầu của công cuộc đổi mới, nay đã trở thành mục tiêu của hầu hết các nước trên thế giới. Bởi vì, nhân loại tiến bộ đã nhận ra rằng nếu không có ổn định thì không làm được bất cứ việc gì có tầm cỡ quốc gia cho dù đó là việc bình thường, dễ dàng nhất.

4 - Từ thế bị bao vây, cấm vận, cô lập, đến một nền ngoại giao rộng mở. Việt Nam là bạn bè của hầu khắp các nước trên thế giới.

Đó là một thắng lợi vĩ đại, huy hoàng của đường lối đổi mới, của nền ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh. Thành tựu và cũng là đặc trưng của nền ngoại giao thời đổi mới là :

- Từ một nền ngoại giao chính trị, quân sự phục vụ cho giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc nay được kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế. Do đó, trong thành quả kinh tế của đất nước có đóng góp to lớn của thành quả ngoại giao. Ngoài kết quả tất yếu 167 nước có quan hệ ngoại giao với nước ta thì công tác ngoại giao đã có tác động trực tiếp mở rộng quan hệ thương mại của nước ta với 150 nước, thu hút đầu tư trực tiếp của hơn 60 quốc gia và lãnh thổ, tranh thủ được viện trợ phát triển của khoảng 50 nước.

- Nếu chiến thắng vĩ đại mùa Xuân năm 1975 giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, trong con mắt của nhân loại, Việt Nam thực sự là một dân tộc anh hùng thì những thành tựu rực rỡ của công cuộc đổi mới, của nền ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh trong trái tim và khối óc của nhân dân thế giới, Việt Nam lại là một tình cảm mặn nồng, một niềm tin vững chắc, là hình ảnh một đất nước không chỉ anh hùng trong chiến đấu gìn giữ giang sơn, mà còn rất kiên cường, rất sáng tạo trong công cuộc xây dựng

(3) Xem : *Tình hình và nhiệm vụ cấp bách của chúng ta trong giai đoạn hiện nay*, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Xuất bản, 4-1990

(4) *Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCH Trung ương (khóa VII)*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1992, tr 11

Digitized by Google

hòa bình. Điều đó cũng cắt nghĩa vì sao trên trường quốc tế, Việt Nam liên tiếp gặt hái được những thành quả lớn : tháng 7 năm 1995 gia nhập ASEAN, tháng 9 năm 1995 Quốc hội Việt Nam được kết nạp vào Liên minh Nghị viện Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (AIPO). Trước đó, Quốc hội Việt Nam đã là thành viên của Liên minh Nghị viện thế giới (IPU) ; mùa xuân năm 1996 tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), là thành viên sáng lập Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) ; tháng 11 năm 1998 trở thành thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Ở Liên hợp quốc, Việt Nam được cử giữ các chức vụ quan trọng tại các kỳ họp Đại hội đồng, được bầu vào Hội đồng kinh tế - xã hội (ECOSOC), được bầu vào Ban điều hành chương trình phát triển (UNDP), vào Quỹ dân số (UNFPA) và Ủy ban nhân quyền của Liên hợp quốc ; tháng 7 năm 2000 ký kết Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ và đang đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)...

- Quan hệ bang giao rộng khắp thế giới, với sự tích lũy, kế thừa kinh nghiệm của cha ông, nhân nghĩa, thủy chung, coi trọng đạo lý, nền ngoại giao Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng vào cuộc đấu tranh của nhân loại vì hòa bình trên trái đất, vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ; vì tình hữu nghị giữa các quốc gia, vì một thế giới công bằng và văn minh.

Có thể nói trong tình hình quốc tế có những biến đổi phức tạp, rối ren, nhưng Đảng ta với tư duy nhạy bén, khoa học, biện chứng đã hình thành một đường lối ngoại giao đúng đắn, hợp lý, phù hợp với thời đại. Đó là nguyên nhân tổng quát nhất của thành tựu ngoại giao thời đổi mới.

5 - Nói về thành tựu của Đảng, của nhân dân thì rất khó có thể liệt kê cho thật đầy đủ, do đó chúng tôi lại phải mượn lời bà mẹ Quảng Nam với sáu chữ để tóm tắt lại "Có Đảng là có tất cả". Theo ý kiến của mẹ, dân có giàu, nước có mạnh thì trước hết Đảng phải mạnh "Đảng mạnh lên là dân giàu, nước mạnh". Để Đảng ta mạnh lên chúng tôi hoàn toàn tán thành với mục thứ X trong dự thảo Báo cáo Chính trị. Đó là - "xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng". Dự thảo trình bày 5 vấn đề đang nổi lên rất đáng quan tâm, trong đó vấn đề lớn nhất được đặt ở vị trí đầu tiên là "sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên là nghiêm trọng, chưa được khắc phục có hiệu quả". Sau 5 vấn đề nổi cộm là 5 giải pháp chủ yếu, trong đó giải pháp số một là "tăng cường xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, nâng cao kiến thức, năng lực lãnh đạo, rèn luyện đạo đức và lối sống cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên".

Trước hết phải nói rằng số cán bộ, đảng viên suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng nghiêm trọng không phải là số lớn và về xu thế thì số này sẽ ngày càng nhỏ lại trong quá trình Đảng mạnh lên. Tuy nhiên, cái hại tức thời từ những con người này lại vô cùng lớn. Hình tượng dân dã mà các cụ xưa đã điển hình hóa là khá đặc trưng và chính xác là "con sâu làm rầu nồi canh". Những yếu kém, những tội lỗi của những người này chẳng những làm cho họ mất uy tín, mất lòng tin với nhân dân, mà còn là kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng, khuếch đại chống phá ta. Vì vậy, nhất thiết phải làm trong sạch và lành mạnh hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thời gian vừa qua, Đảng, Nhà nước ta đã xử lý một số trường hợp đảng viên có chức, có quyền ở các cấp quận, huyện, tỉnh, thành trở lên được dư luận rất hoan nghênh và thực sự có tác dụng giáo dục, tác dụng "làm gương", nhưng thực tế hiện nay lại đòi hỏi đồng thời phải xem xét, xử lý nghiêm khắc cả các trường hợp là cán bộ, đảng viên ở cơ sở xã, phường. Thông qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo ; thông qua công tác thanh tra, kiểm tra và thông qua công tác giám sát thực tế đều cho thấy ở rất nhiều phường, xã trong cả nước, nhiều cán bộ, đảng viên mắc vào các chuyện chiếm dụng, mua, bán đất đai trái phép, biển thủ công quỹ, vi phạm thu chi ngân sách, đặc quyền, đặc lợi và mất dân chủ với dân. Nghiêm trọng hơn, có trường hợp cán bộ bày kế trị lại những người tích cực, những người nói thật, nói thẳng, dám đấu tranh. Chúng ta đều biết cán bộ ở cơ sở có số lượng rất đông, là những người thường xuyên trực tiếp phục vụ dân, đem sức dân làm lợi cho dân. Nhưng với cán bộ suy thoái, yếu kém năng lực, phẩm chất đạo đức (gần dân mà không sát dân, say mê quyền hành, đem sức dân làm lợi cho mình...) thì sẽ vô cùng tác hại. Chính những cán bộ

Digitized by Google

đó đã trực tiếp làm mất lòng tin của dân đối với Đảng, với chính quyền. Vì lẽ đó "mũi tiến công" chỉnh đốn Đảng từ cơ sở cần phải được chú ý đặc biệt.

Trong giải pháp đầu tiên thì vấn đề chính trị, tư tưởng lại là điểm xuất phát. Trong đó kiên định con đường đã chọn, trung thành vô hạn với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiên quyết bảo vệ Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng là những vấn đề cốt tử sống còn. Các thế lực thù địch cũng tập trung mọi khả năng, tiền của, vật chất, sức lực rắp tâm chống phá ta đến cùng trên phương diện này. Như đã trình bày ở trên, lúc là sói, khi giả cừu ; lúc răn đe, khi xoa dịu ; lúc giận dữ, khi gượng cười ; khi lăm lăm súng đạn, lúc "diễn biến hòa bình"... nhưng các thế lực ấy bao giờ cũng chỉ nhằm một tiêu đích là tiêu diệt lực lượng lãnh đạo cách mạng, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội. Bản chất của chúng không hề thay đổi, "sói thay lông nhưng không thay tính". Ở đây, có hai loại nhiệm vụ (hai loại công việc) cần tập trung sức chỉ đạo thực hiện. *Loại việc thứ nhất,* chúng ta đã làm, đang làm và còn tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa bằng mọi biện pháp làm cho nội bộ Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên khỏe khoắn lên về tinh thần ; mạnh lên, vững vàng hơn về tư tưởng. *Loại việc thứ hai* như Dự thảo văn kiện đã chỉ rõ "tăng cường tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận...". Ngay từ bây giờ phải sơ kết, tổng kết rút ra các kinh nghiệm, các bài học về chống "diễn biến hòa bình". Nếu kinh nghiệm về đấu tranh vũ trang, chiến tranh cách mạng, bạo lực cách mạng, chống xâm lược, giải phóng dân tộc của Đảng ta, quân đội ta, nhân dân ta, một lần nữa phải nói rằng không có bút mực, sử sách nào chép lại cho hết được, nhưng kinh nghiệm và bài học về chống "diễn biến hòa bình" lại mới chỉ là bài học đầu tiên, là thành công bước đầu. Chống "diễn biến hòa bình" là công việc đương thời và chắc chắn còn lâu dài, dai dẳng. Cán bộ, đảng viên, nhân dân ta rất cần được "vũ trang" bằng những "vũ khí", bài học kinh nghiệm của Đảng. Mặt khác, ở chiến trường khi bị trúng đạn thì người ta tức khắc biết ngay và vô cùng đau đớn, thậm chí thiệt mạng ; còn ở thương trường khi bị "diễn biến hòa bình" thì người ta lại khó nhận biết (thậm chí có trường hợp còn thấy êm ái dễ chịu nếu "trúng đạn đô la, đạn tửu, sắc...").

Kiến thức, năng lực, trình độ lãnh đạo của cán bộ, đảng viên là những vấn đề cực kỳ quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển một nền kinh tế - xã hội vững mạnh. Đây là vấn đề không đơn giản. Nếu trong chiến tranh, trên chiến trường, trong trận mạc, trên thao trường phải chỉ huy bằng mệnh lệnh, khẩu lệnh thì trong sản xuất (nhất là trong nông nghiệp) lại không thể hô "xung phong" cho cây lúa, củ khoai, con lợn chóng lớn được ; trong công nghiệp cũng không thể hô cho sắt, thép, xi măng,... tự nó phải có chất lượng cao. Muốn đạt được mong muốn đó phải có tri thức, phải biết kết hợp, vận dụng hàng loạt các quy luật, tính quy luật sinh học, tự nhiên mới có khả năng đạt tới. Chính vì vậy mà ngay từ những ngày đầu của công cuộc đổi mới (tại Đại hội VI) Đảng ta đã tổng kết một trong bốn bài học lớn là hành động theo quy luật, đúng tính quy luật, đó là một nét khá đậm trong đổi mới tư duy.

Ai cũng nhận thấy rằng, các quy luật kinh tế, các quy luật xã hội trừng trị con người không ồn ào như các quy luật của chiến tranh và các quy luật tự nhiên, nhưng nỗi đau thì ê ẩm, quằn quại. Trong chiến tranh, sau lúc bom rơi, đạn nổ là khói lửa mịt mù, là chết chóc thê thảm, là đổ nát rùng rợn. Sau hoạt động của núi lửa, của bão tố, của lũ lụt cũng lại là cảnh tượng đổ nát, tàn phá tan hoang, chết chóc, hư hại ngổn ngang. Còn trong xây dựng hòa bình, trong hoạt động xã hội nếu có vận dụng không đúng các quy luật kinh tế hay bỏ qua các quy luật xã hội thì ngay trước mắt "chưa chết ai", nhưng nếu không cảnh giác lâu dần cho đến khi nhận ra sai lầm thì đã quá muộn, thậm chí thảm họa đã đến kề bên như một số nước đã sụp đổ, tan rã là những ví dụ rõ ràng.

Ngày nay trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế, không thể không hội nhập, không thể không quan hệ làm ăn, chẳng những thế mà còn phải tranh thủ mọi mặt ngoại lực cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Muốn vậy phải có bề dày tri thức, tất nhiên không thể có tất cả trong một sớm, một chiều mà như Dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ phải "từng bước nâng cao trình độ trí tuệ, kiến thức, năng lực lãnh đạo và vai trò tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên" để vững vàng, đủ sức thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". ❑

Digitized by Google

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM - MỘT NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH THẮNG LỢI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

NGUYỄN ĐỨC TRIỀU *

TRẢI qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng chiến lược về giai cấp nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : "Nông dân ta đông người nhất, kinh tế nông nghiệp quan trọng nhất ; nông dân ta đã anh hùng trong cách mạng, trong kháng chiến... thì trong cuộc cách mạng biến đổi nông nghiệp từ thấp lên cao này, nông dân ta cũng phải là anh hùng" (1). Nhận rõ "nông dân là một lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất vững chắc của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công ắt phải *dựa vào* quần chúng nông dân"(2), ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta và Bác Hồ đã tăng cường sự lãnh đạo đối với giai cấp nông dân, coi đó là một nhân tố quan trọng của cách mạng nước ta.

Sự ra đời của Hội Nông dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu đã góp phần to lớn vào công tác vận động nông dân, xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, trở thành đội quân chủ lực của cách mạng nước ta, cùng toàn dân, mà nền tảng là công - nông liên minh, đưa cuộc kháng chiến trường kỳ đến thắng lợi hoàn toàn. Bước vào thời kỳ đổi mới, Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 24-3-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) đã xác định chức năng, nhiệm vụ và hệ thống tổ chức của Hội Nông dân Việt Nam từ trung ương đến cơ sở. Hội Nông dân Việt Nam không ngừng được củng cố, tăng cường về tổ chức, đẩy mạnh mọi mặt hoạt động, thúc đẩy các phong trào nông dân, đưa nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển với tốc độ nhanh, góp phần ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bước vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, vừa qua **Bộ Chính trị có Chỉ thị** 59-CT/TU, ngày 15-12-2000, **về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam**. Chỉ thị của Bộ Chính trị tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của Hội Nông dân Việt Nam trong hệ thống chính trị. "Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, củng cố Hội Nông dân các cấp vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, để Hội thật sự là lực lượng nòng cốt của phong trào nông dân xây dựng nông thôn mới, là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân, là nhân tố quan trọng của khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức - nền tảng chính trị vững chắc của chế độ ta". Về tổ chức và cán bộ của

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 9, tr 184

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 23

Digitized by Google

Hội Nông dân Việt Nam, Chỉ thị nhấn mạnh : Các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền bố trí biên chế cán bộ Hội ở các cấp với cơ cấu hợp lý, bảo đảm chất lượng. Trong quy hoạch cán bộ của Đảng, cần chú trọng quy hoạch cán bộ Hội Nông dân. Việc bố trí cấp ủy viên giữ các chức vụ chủ chốt của Hội Nông dân ở các cấp, ngoài các tiêu chuẩn về năng lực, phẩm chất, uy tín phải có tác phong gần gũi quần chúng, am hiểu nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Đảng viên ở nông thôn có trách nhiệm tham gia sinh hoạt trong tổ chức Hội Nông dân, gương mẫu thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Cấp ủy đảng, chính quyền phải dựa vào Hội Nông dân để giải quyết kịp thời những kiến nghị của dân, không để khiếu kiện vượt cấp. Hướng dẫn hội viên, nông dân tham gia ý kiến đóng góp xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Các cấp chính quyền, các ban, ngành cần thực hiện tốt Quyết định 17/1998/QĐ-TTg ngày 24-1-1998, tạo điều kiện để Hội Nông dân hoạt động có hiệu quả, trở thành chỗ dựa để triển khai, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước ở nông thôn. Về nhiệm vụ của Hội Nông dân Việt Nam, Chỉ thị xác định : Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân Việt Nam, đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước, chăm lo bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân. Các cấp Hội phải tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và tổ chức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp nông dân, đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống hội viên, nông dân, xây dựng nông thôn mới. Hội phải nắm chắc tình hình nông nghiệp, nông thôn, tâm tư, nguyện vọng của nông dân ; chủ động và có chính kiến đề xuất với cấp ủy, chính quyền những chủ trương, biện pháp đáp ứng những đòi hỏi chính đáng của nông dân. Hội Nông dân phải là thành viên tích cực thực hiện các chương trình về kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là nông thôn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; tham gia vào việc hoạch định các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã của nông dân ; hướng dẫn hội viên, nông dân tổ chức các hoạt động ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn, tổ chức dạy nghề tại chỗ cho nông dân thông qua công tác khuyến nông ; động viên, khuyến khích, hỗ trợ hội viên, nông dân khôi phục và phát triển làng nghề ; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội ; đào tạo nguồn nhân lực, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ ở nông thôn nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, giải quyết việc làm tại chỗ, tăng nhanh thu nhập, cải thiện đời sống. Đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu. Phát triển các phong trào nông dân hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ; thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở nông thôn. Hội phải tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để mọi cán bộ Hội thông hiểu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phương pháp vận động hội viên, nông dân.

Luận cương đầu tiên của Đảng đã xác định hai quyền lợi cơ bản của giai cấp nông dân là "độc lập dân tộc và người cày có ruộng". Đường lối đúng đắn đó là nguồn sức mạnh tạo nên những làn sóng cách mạng của giai cấp nông dân, nhấn chìm thực dân, đế quốc và phong kiến, cùng toàn dân đưa cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đến thắng lợi hoàn toàn. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, với hàng loạt chủ trương, chính sách như Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (khóa V) ; Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI) ; Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) ; Nghị quyết 6 của Bộ Chính trị (khóa VIII). Những chủ trương, chính sách đó đã phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của giai cấp nông dân, giải phóng lực lượng sản xuất, đổi mới quan hệ sản xuất, khơi dậy các nguồn lực to lớn của nông nghiệp, nông thôn. Các phong trào nông dân mà Hội Nông dân Việt Nam đóng vai trò nòng cốt, nhất là phong trào thi đua sản xuất - kinh doanh giỏi ; đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo, đã lôi cuốn hàng triệu hộ nông dân, thu hút các cơ quan khoa học, các ngành kinh tế - kỹ thuật và các doanh nghiệp tham gia, thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đưa nông nghiệp, nông thôn lên bước phát triển chưa từng có từ trước tới nay, góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo ra những tiền đề vững chắc cho đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Digitized by Google

Thắng lợi vẻ vang của đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với nông dân, nông nghiệp, nông thôn đã củng cố thêm niềm tin của giai cấp nông dân vào chế độ ta, đồng thời tạo ra sức mạnh mới để bước vào thế kỷ mới với niềm tin và hy vọng mới.

Từ thực tế hoạt động, với những kết quả đã đạt được và những vấn đề đang đặt ra, để Chỉ thị của Bộ Chính trị vào cuộc sống, trở thành hiện thực sinh động, Hội Nông dân Việt Nam cần phải đổi mới một cách cơ bản cả về nhận thức và tổ chức, phương thức hoạt động cho phù hợp với điều kiện của nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường và tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Cụ thể là :

1 - Đổi mới về nhận thức

Phải nhìn thẳng vào thực tế hiện nay và trả lời cho được câu hỏi nông thôn, nông dân đang cần gì. Thực tế cho thấy, nông dân đang cần xóa đói, giảm nghèo, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Có giải quyết được những vấn đề này, Hội Nông dân Việt Nam mới có vai trò thực sự trong việc đáp ứng những nguyện vọng của nông dân, mới tập hợp, thu hút được nông dân vào Hội. Đồng thời, một vấn đề cơ bản cũng cần được làm rõ là thành phần của nông dân hiện nay. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xu hướng biến đổi của nông dân là : "ly nông không ly hương", công nhân hóa, trí thức hóa. Vì vậy, cần hiểu nông dân không chỉ là những người làm nông nghiệp thuần túy mà bao gồm tất cả những người sống ở nông thôn. Đó là đối tượng mà Hội Nông dân Việt Nam cần tập hợp thành lực lượng cơ bản trong việc xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Mọi hoạt động của các cấp Hội nhằm mục tiêu tập hợp nông dân, xây dựng giai cấp nông dân lớn mạnh về mọi mặt. Các cấp Hội cần phải nhận thức và quán triệt sâu sắc rằng : kết quả của việc tập hợp nông dân và nâng cao trình độ mọi mặt cho nông dân là thước đo hiệu quả hoạt động của mình.

2 - Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Hội

Đối với cấp cơ sở, trước hết phải trả lời được câu hỏi tập hợp tổ chức nông dân để làm gì, từ đó xác định đối tượng và hình thức tập hợp cho phù hợp. Có hai việc chính phải làm là : phát triển sản xuất và xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn dân cư. Mục đích của việc tổ chức và tập hợp nông dân cũng là để làm hai việc chính yếu đó. Như vậy, có hai đối tượng cần tập hợp là lao động nông thôn và hộ nông dân. Lâu nay Hội Nông dân Việt Nam cũng xác định 2 tiêu chí này trong việc tập hợp nông dân, nhưng do mục đích chưa rõ, nên việc tập hợp đạt tỷ lệ rất thấp, chỉ khoảng 32,6% tổng số nông dân hiện nay. Từ thực tế đó trong thời gian tới, việc tổ chức tập hợp nông dân theo hướng sau đây :

- Tổ chức tập hợp các hộ nông dân trên từng địa bàn dân cư (thôn, ấp, bản) thành các chi hội, tổ hội gắn với tổ chức đảng, chính quyền làm các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và xây dựng cuộc sống mới.

- Tập hợp lao động nông thôn theo các ngành, nghề. Hình thức tập hợp này căn cứ vào quy mô lao động của từng ngành, nghề. Đây là hình thức tập hợp phù hợp với tiến trình đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn, phân công lại lao động nông nghiệp.

Việc tập hợp nông dân sẽ tạo ra sức mạnh của tổ chức và tăng thêm các nguồn lực cho nông dân phát triển kinh tế - xã hội, cũng có nghĩa là tạo ra phong trào nông dân. Để có phong trào nông dân, ngoài việc tập hợp nông dân, tạo ra lực lượng và sức mạnh của tổ chức, các Hội cơ sở cần tạo ra các nguồn lực để tăng thêm sức mạnh vật chất như : đáp ứng nhu cầu về vốn cho nông dân phát triển sản xuất, mở mang ngành nghề ; tổ chức thực hiện tốt công tác khuyến nông tự nguyện nhằm nâng cao kiến thức cho nông dân ; tổ chức các hoạt động dịch vụ về vốn, vật tư - kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm ; tổ chức bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm tuổi già theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) ; phối hợp với chính quyền, các đoàn thể khác xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở v.v.

Đối với các cấp Hội trên cơ sở. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới của cơ sở theo hướng nêu trên, cần đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động theo hướng sau đây :

- Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các ban chuyên môn theo các nhiệm vụ của Hội đã được xác định như : kiểm tra, tổng kết thực tiễn ; tham mưu, đề xuất những vấn đề thuộc lĩnh vực

Digitized by Google

của ban với Ban chấp hành các cấp Hội ; xây dựng các chương trình, dự án và tổ chức thực hiện tốt các chương trình, dự án sau khi được phê duyệt ; đánh giá kết quả của chương trình, dự án đối với phong trào nông thôn và xây dựng Hội ở cơ sở.

- Hội Nông dân Việt Nam cần hướng các hoạt động về cơ sở, tham gia giải quyết các yêu cầu bức xúc của nông dân, trong đó lĩnh vực kinh tế - xã hội là trung tâm. Tạo hành lang pháp lý cho các cấp Hội địa phương và cơ sở hoạt động ; ban hành các quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội Nông dân với các đoàn thể và chính quyền các cấp.

- Tổ chức các Trung tâm dịch vụ hỗ trợ nông dân, nhằm tạo ra cầu nối giữa nông dân với các ngành chức năng ở trong nước và các tổ chức quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy nội lực nông dân và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay, nguồn đầu tư vào phát triển nông thôn, góp phần thúc đẩy phong trào nông dân và công tác xây dựng Hội.

- Nghiên cứu thành lập các doanh nghiệp mà nông dân có nhu cầu như các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản... góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc của nông dân và tăng cường khối liên minh công - nông - trí thức trong sự nghiệp phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Để thực hiện được những hướng đổi mới nêu trên, cần phải có đội ngũ cán bộ nhiệt tình công tác và tinh thông nghiệp vụ. Một mặt, Hội Nông dân Việt Nam cần có trường đào tạo cán bộ, mặt khác các cấp Hội phải tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để tạo nguồn cán bộ, đáp ứng yêu cầu của Hội và phong trào nông dân trong thời kỳ mới, đồng thời tạo nguồn kinh phí để phụ cấp cán bộ ở các chi, tổ của Hội. Công tác tổ chức của Hội phải được đổi mới phù hợp với yêu cầu đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội từ trung ương đến cơ sở theo tinh thần gọn nhẹ, hiệu lực và hiệu quả. Cán bộ, hội viên Hội Nông dân phải tiếp tục nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và tổ chức, trình độ khoa học - công nghệ và năng lực quản lý để thực sự đóng vai trò nòng cốt của phong trào nông dân, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh ; tạo ra động lực mới thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 59 của Bộ Chính trị sẽ góp phần cùng toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của Đại hội IX của Đảng đề ra.

3 - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đối với Hội Nông dân Việt Nam

Các cấp ủy đảng cần có quy chế làm việc, định kỳ nghe Hội Nông dân phản ánh tình hình và đề xuất những ý kiến chỉ đạo, đồng thời cử cấp ủy viên làm Chủ tịch Hội Nông dân (tính đến năm 1999 còn tới 71,3% số xã, 38,1% số huyện và 49% số tỉnh, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam chưa phải là cấp ủy viên). Các cấp ủy đảng cơ sở, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần có biện pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để các cấp Hội Nông dân Việt Nam thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần phối hợp chặt chẽ với Hội Nông dân để làm tốt công tác vận động quần chúng của Đảng trong tình hình mới. Đặc biệt Đảng cần sớm có Nghị quyết chuyên đề về giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam. Trong khi Đảng chưa có nghị quyết chuyên đề về Hội Nông dân Việt Nam, đặc biệt là xác định nhiệm vụ của Hội trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong giai đoạn mới, các cấp ủy đảng cần tăng cường sự lãnh đạo, các cấp chính quyền tạo thêm điều kiện (nhất là phương tiện vật chất) cho hoạt động của Hội.

Mở rộng hành lang pháp lý của Nhà nước cho Hội Nông dân Việt Nam hoạt động có hiệu quả, trở thành chỗ dựa, là lực lượng chủ yếu triển khai, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước ở nông thôn. Nhà nước cần mạnh dạn và tin tưởng trong việc giao các chương trình, dự án phát triển nông thôn cho Hội Nông dân Việt Nam với tư cách là một chủ thể, một pháp nhân.

Từ thực tế cho thấy, sự lãnh đạo của Đảng và phối hợp của chính quyền đối với Hội Nông dân Việt Nam chính là tạo ra những điều kiện thuận lợi để nông dân tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân. ❑

Digitized by Google

QUẦN CHÚNG VÀ LÒNG TIN Ở ĐẢNG

NGUYỄN CHÍ TÌNH

Thời gian đang đưa chúng ta đến gần với Đại hội lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong những ngày này, cùng với cái mốc đáng nhớ của bước chuyển biến thế kỷ và thiên niên kỷ, mỗi người chúng ta, những đảng viên và những người không phải đảng viên, đều muốn làm một điều gì đó, nói lên một lời nào đó có thể góp phần vào việc chuẩn bị một sự kiện chính trị lớn trong đời sống của Đảng và cũng là của dân tộc.

Cách đây không lâu, trong một buổi trò chuyện thân mật tuy rất nghiêm túc, một người bạn vốn quen biết từ tuổi nhỏ và đã có trên 30 năm tuổi đảng, hỏi tôi : "Theo anh, ngày nay quần chúng có còn tin Đảng như ngày xưa đã từng tin Đảng nữa không ?".

Tôi nghĩ rằng không phải chỉ riêng anh bạn tôi mà có lẽ hầu hết đảng viên đều có thể đưa ra câu hỏi đó. Và ý nghĩ này trước hết làm tôi rất vui : nó chứng tỏ rằng ngày nay, cũng như từ bao giờ, những người đảng viên vẫn rất quan tâm tới quần chúng, tới suy nghĩ của quần chúng. Sự quan tâm đó nghe như chuyện bình thường, nhưng nó lớn, lớn lắm, bởi vì có những lúc, những nơi, có một số người đã quên rằng vẫn hiện diện sự quan tâm đó. Còn tôi, một quần chúng bình thường trong đám quần chúng mênh mông thường được quen gọi là "những người ngoài Đảng", trong khi trả lời câu hỏi, sẽ có dịp chứng tỏ rằng : chúng tôi vẫn luôn luôn quan tâm đến Đảng, đến công việc của Đảng, đến những người đảng viên. Điều đó cũng dễ hiểu bởi trong đời sống từ 70 năm nay, thế hệ này qua thế hệ khác, có bất cứ sự kiện gì xảy đến, nhất là những sự kiện đã thay đổi số phận của chúng ta đến tận gốc rễ, lại không có bàn tay và tấm lòng của Đảng. Nhìn lại, trên chặng đường đã đi qua, những chông gai đã trải, những thắng lợi mà chúng ta đã chào mừng, những gì chúng ta làm, chúng ta nghĩ, có bao giờ thấy thiếu sự có mặt của Đảng, một khái niệm, một thực thể vừa rộng lớn vừa vô cùng cụ thể.

Như thế, chúng ta có thể nói "hai năm rõ mười" : ngay cả ngày nay, giữa những đảng viên, và chúng tôi, những quần chúng bình thường và đông đúc - xin lỗi tôi phải nói theo kiểu tách biệt như vậy dù hoàn toàn không nên tách biệt - vẫn luôn có sự quan tâm, sự gắn bó đến mức khăng khít, và trước mặt ai đó hầu như chỉ là một khối, một thực thể không hề chia cắt. Cái điều đó quan trọng lắm, đáng mừng lắm, nhất là sau những gì đã xảy ra trên đất nước này hơn nửa thế kỷ qua, mà không phải lúc nào người ta cũng có thể và cũng muốn tìm cho được những lời lý giải công bằng nhất. Vì nếu không có sự gắn bó quan tâm đó, không có mối liên hệ độc đáo và thiêng liêng đó, thì không có cái cảnh tượng mà chúng ta chứng kiến ngày nay, không có Đảng, không có chúng tôi, không có câu hỏi mà người bạn đảng viên đặt ra cho tôi với tất cả sự thiết tha của một tấm lòng bạn.

Nói thực tình, tôi rất muốn trả lời câu hỏi đó, và hơn thế muốn trả lời với tất cả sự thành thật và trân trọng. Chính vì thế mà tôi biết không thể nào chỉ nêu suy nghĩ của mình trong vài câu ngắn gọn. Tôi muốn tuần tự phân tích vấn đề, và giữa những người bạn (mà sao không gọi được là những người đồng chí cơ chứ) thì đây là những lời phân trần hay tâm sự cũng được. Cái mà người ta gọi là thái độ khách quan, khoa học bao giờ cũng cần thiết, nhưng có nhiều lúc không đủ, không thấu đáo, nhất là trong trường hợp này. Cũng như từ bao giờ, tôi tin vậy, Đảng nói chuyện với chúng tôi không chỉ bằng những lý lẽ, những nguyên tắc, những rạch ròi điểm A và điểm B, nhưng còn bằng một cái gì sâu sắc hơn nhiều, thắm thiết hơn nhiều mà không phải bất cứ một tổ chức chính trị hay một tiếng nói chính trị nào cũng có thể có được. Theo tôi, lòng tin Đảng của quần chúng,

Digitized by Google

của những người như chúng tôi, nảy sinh và gắn bó với ba khái niệm và cũng là ba hiện tượng mà tôi tạm gọi là ba cấp độ của lòng tin : lòng tin ở mục tiêu mà Đảng theo đuổi ; lòng tin ở con đường mà Đảng dẫn dắt chúng ta để thực hiện mục tiêu ; và cuối cùng là lòng tin ở tổ chức đảng, ở những con người đảng viên với tư cách là đội ngũ tiên phong trên con đường thực hiện mục tiêu.

Trước hết, phải khẳng định ngay rằng, về mục tiêu của Đảng, hay nói rõ hơn, về mục tiêu mà nhân dân ta đã chấp nhận theo tiếng gọi của Đảng, hẳn không còn gì phải băn khoăn. Chúng ta, thế hệ trước chúng ta sinh ra trong nghèo đói, trong cùm kẹp, trong cái bóng tối tưởng không bao giờ tan của chế độ cũ, và chúng ta đã nghe nói đến lý tưởng cộng sản, mục tiêu cộng sản, ngay khi chưa hiểu được tận cùng những danh từ mới mẻ đó, như một cái gì cao cả và đẹp đẽ, có sức hấp dẫn kỳ lạ. Ở thế hệ cha mẹ chúng ta, rồi thế hệ chúng ta, đã có biết bao người sẵn sàng từ bỏ tất cả, thậm chí từ bỏ những gì có thể là sự thèm muốn của người khác, để dấn thân đi theo mục tiêu đó. Hiện thực của đất nước, hiện thực của thế giới trong quá khứ và trong hiện tại, kể cả ở những nơi mà người ta đã sử dụng cả một bộ máy tuyên truyền khổng lồ để biện hộ cho chế độ này hay chủ nghĩa kia, thì chúng ta vẫn đinh ninh trước sau như một rằng không có gì tươi sáng hơn, không có gì đáng mơ ước hơn cái hình ảnh của xã hội cộng sản mà chúng ta tôn thờ. Có một câu nói của một chiến sĩ cộng sản Pháp, P. Vay-ăng - Cu-tu-ri-ê : "chủ nghĩa cộng sản là mùa xuân của nhân loại" - câu nói mà gần đây nhiều người không muốn nhắc lại vì cho rằng đã quá sáo mòn. Tại sao lại là sáo mòn ? Nó nói lên một chân lý vĩnh cửu và tuyệt đối, mà đã là chân lý thì không bao giờ sáo mòn. Vừa qua, chúng tôi có một cuộc họp mặt những người bạn đồng môn, đã từng học với nhau một lớp cách đây gần 50 năm. Hồi ấy, là những học sinh còn rất ít tuổi, thậm chí là non dại, nhưng chúng tôi đã hiểu : cuộc đời của mình sẽ gắn bó với chủ nghĩa cộng sản. Sau đó, hầu như tất cả chúng tôi đã ra đi với cái ý nghĩ là chiến đấu đến cùng cho mục tiêu đó. Ngày nay, sau gần nửa thế kỷ, gặp lại nhau, chúng tôi đều đã già, có con, có cháu, và nhất là "trò chơi của số phận" đã không cho phép chúng tôi giống nhau 100% như xưa kia : người là bộ trưởng, người là nhân viên về hưu non ; người đi ô tô, ở nhà lầu, người thì lụp xụp một gian nhà cấp 4 và chạy ăn từng bữa... Nhưng có điều chúng tôi vẫn không khác nhau một chút nào : chúng tôi vẫn giữ nguyên vẹn, rất nguyên vẹn cái lý tưởng đã ôm ấp ở tuổi 17. Chúng tôi đã nói ra điều đó mà không hề ân hận và không hề băn khoăn, dù thực tế cuộc đời trong gần 50 năm qua đã đem lại cho mỗi người nhiều bài học mà không một trường học nào dạy được, kể cả những bài học phải trả giá rất đắt.

Tôi nói điều trên đây và tin rằng tôi đang nói thay cho rất nhiều người trong chúng tôi, cho hầu hết mọi người trong chúng tôi, những người chưa một lần có tấm thẻ đảng trong mình. Xin đừng một ai lại nghĩ rằng, những ngày vừa qua, đất nước mở cửa, hình ảnh choáng lộn và hào nhoáng cùng những lời ve vãn của thế giới phương Tây đã làm chúng tôi có một phút nào đó nghĩ rằng mình đã chọn lầm mục tiêu, thậm chí ít ra cũng nghĩ rằng có những mục tiêu khác ngoài mục tiêu mình đã chọn. Vâng, trong chúng tôi, niềm tin ở Đảng, bắt đầu bằng niềm tin ở cái mục tiêu mà Đảng đặt ra cho chúng tôi. Và về điều này Đảng có thể tin là chúng tôi không bao giờ thay đổi. Chúng tôi cũng tin như vậy và đừng ai mong làm chúng tôi mất lòng tin.

Xin chuyển qua vấn đề thứ hai, có lẽ ít nhiều phức tạp hơn, nhưng cũng không phải vòng vo, bởi vì tất cả đã được chứng minh bằng chính cuộc sống. Trên thực tế không ai chối cãi được, là từ ngày Đảng ra đời đến nay, nhận lấy trách nhiệm dẫn dắt nhân dân ta tiến tới mục tiêu cuối cùng, Đảng đã cùng nhân dân hoàn thành được những sự nghiệp lớn, lớn lắm. Chúng ta hãy kể lại một cách đơn giản : dân tộc ta đã từ kiếp sống và tên gọi người nô lệ, trở thành một dân tộc hoàn toàn độc lập ; đất nước ta từ một lãnh thổ trường kỳ bị chia cắt đã trở thành một lãnh thổ hoàn toàn thống nhất ; nhân dân ta từ một cuộc sống đói rách đã trở thành một khối người no đủ có gạo đem bán nước ngoài ; và nhân dân đó, vốn 90% là người mù chữ, ngày nay đang trở thành một nhân dân có học, một trình độ học vấn đủ làm ngạc nhiên người nước ngoài, và còn nhiều, nhiều nữa. Từ về thứ

Digitized by Google

nhất đến vế thứ hai của mỗi mệnh đề trên đây là một chặng đường dài dặc, gian khổ, với bao nhiêu tâm sức, mồ hôi, nước mắt, máu, những nỗi đau triền miên, những mất mát không gì bù đắp được. Nhưng có điều chắc chắn là con đường mà Đảng dẫn dắt chúng ta đi quả là con đường đúng đắn, là con đường "không thể nào khác được", và Đảng đã tìm ra con đường đó, không phải là một cách quá dễ dàng như người ta vẫn tưởng. Ở đây tôi muốn nói đến trí tuệ của Đảng, cái trí tuệ đã hình thành từ lòng yêu nước, yêu nhân dân, từ sự tiếp nhận thông minh những tư tưởng tiến bộ nhất thì Đảng không hề có sai lầm ư ? Không, và điều đó chính Đảng cũng thừa nhận : Đảng có những sai lầm và thậm chí những sai lầm không nhỏ. Và nếu con đường chúng ta đi là con đường chưa hề có trong lịch sử dân tộc, những mảnh đất mà chúng ta khai phá đều là những mảnh đất hoàn toàn mới lạ và trong một số trường hợp trở thành những thứ mê cung tưởng như không còn lối thoát, vậy thì làm sao chúng ta không sai lầm cơ chứ ? kể cả khi "chúng ta" đây là những thần thánh, những bộ óc khổng lồ, những con người "thông kim bác cổ"... Có điều mỗi lần sai lầm như thế, chúng ta biết bình tĩnh nhìn lại mình, nói lên tiếng nói từ tâm mình, để vạch cho ra sai lầm, đau xót với sai lầm mà vẫn tìm cách vươn lên sai lầm để tiến tới. Công cuộc đổi mới của chúng ta, tuy còn vật vã, còn khó khăn lắm, vẫn là một điều minh chứng cho tấm lòng của Đảng và thực tế là Đảng không hề đi chệch con đường phải đi.

Có người thường nhắc lại những hy sinh chịu đựng của chúng ta trong thời gian qua, kể cả những gì gây ra do những sai lầm, để than vãn "giá mà thế này, giá mà thế kia..." Chao ôi cái chữ "giá" tai hại nói ra lúc này chẳng để giải quyết vấn đề gì hết ngoài sự tiếc rẻ vô bổ. Quá khứ đã là quá khứ, và những sai lầm trong quá khứ đã là *cái nhân* có thể đã để lại *cái quả* cho đến ngày nay. Vấn đề đối với chúng ta, sau khi nhìn rõ *cái nhân* là tìm mọi cách tác động lên *cái quả*, biến *cái quả* từ có thể xấu thành có thể tốt, rồi thực sự tốt. Đảng đang làm như vậy. Tất cả chúng ta cũng đang làm như vậy. Và điều đó làm chúng tôi tin ở Đảng.

Mặt khác, chúng ta không quên rằng, cơ sở của sự tìm ra đường lối và lý giải đường lối chính là trình độ lý luận, mà với chúng ta trước hết là lý luận Mác - Lê-nin. Chính ở đây, có vấn đề tôi muốn nói. Nếu chúng ta đã thừa nhận học thuyết Mác - Lê-nin là điểm xuất phát của tư duy để chúng ta học tập, hoạch định đường lối, bàn bạc với quần chúng và nói chuyện với bạn bè, với đối tác, thì không nghi ngờ gì nữa sự hiểu biết sâu sắc học thuyết đó là một điều cần thiết đối với bất cứ một người cộng sản nào. Nhất là trong quãng một thập niên vừa qua, nổi lên rất nhiều quan điểm, ý kiến hoặc xét lại học thuyết Mác - Lê-nin, hoặc phê phán thậm chí bác bỏ cả học thuyết đó. Như vậy, nhiệm vụ những người cộng sản trước hết là phải tường tận, phải hiểu cho đến nơi đến chốn cái học thuyết đã hơn 150 năm nay gây được ảnh hưởng lớn nhất đối với đời sống quốc tế so với bất cứ một học thuyết nào. Thực ra, như một nhà lý luận cộng sản ở châu Âu đã nói, nếu chúng ta nêu lên rằng phải bảo vệ học thuyết Mác - Lê-nin, thì không hoàn toàn chính xác. Mác, Ăng-ghen hay Lê-nin không cần ai bảo vệ, điều mà họ muốn và chúng ta phải làm là hiểu cho thật đúng họ như họ đã sinh ra, như họ đã sống, tư duy và hành động. Khi một ai đó đưa ra những luận điểm xung quanh học thuyết Mác - Lê-nin, mà chúng ta cảm thấy không ổn chứ chưa nói là không đồng tình, thì hỏi làm sao chúng ta có thể giãi bày ý kiến của mình nếu chính chúng ta cũng không hiểu học thuyết Mác - Lê-nin thật đúng và thật đủ ? Những bậc thầy kinh điển của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử không bao giờ tự coi mình và lý luận của mình là những cái gì bất biến, là một thứ chân lý toàn vẹn và vĩnh cửu, mà chỉ là một điểm xuất phát cơ bản và tối thiểu để cho người đời sau, thậm chí cả người cùng thời tiếp tục phát huy sức mạnh tư duy và sáng tạo. Từ thời đại của các ông đến nay, biết bao "vật đổi sao dời", biết bao biến động đã diễn ra, có cái là niềm vui, có cái là nỗi buồn, cả những thành công và những tai họa - tất cả không thể nào đã có mặt trong dự đoán và đầu óc tưởng tượng dù rất phong phú của các ông. Vậy thì chính chúng ta ngày nay, trước hết là những người trí thức cộng sản, những chứng nhận của hiện thực phức tạp mới, chúng ta phải nắm vững di sản đó, đưa ra soi rọi vào thực tiễn, nhào nặn trong thực tiễn và minh giải cho cái giá trị trường

Digitized by Google

tồn nhưng không bất biến của nó. Nói thật về điểm này, tôi chưa thỏa mãn với những người cộng sản trong đó có những người cộng sản nước ta. Những gì bàn đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà tôi được đọc trong thời gian qua chứng tỏ rằng nhìn chung chúng ta vẫn chưa vượt lên được những khuôn khổ tư duy lý luận trước đây. Lý lẽ của chúng ta dù có những từ ngữ mới, những kiểu cách mới, nhưng về thực chất nội dung thì gần như lảng tránh những vấn đề mà không ít nhà lý luận phi mác xít đặt ra, và nói cho cùng chính là thời đại đã đặt ra.

Cùng với vấn đề cốt lõi là học thuyết Mác - Lê-nin, còn không ít vấn đề khác thuộc địa hạt lý luận mà theo tôi nghĩ đang rất cần sự nghiên cứu thấu đáo, sự giải thích có sức thuyết phục của những người cộng sản. Tiếc thay, chúng ta chưa làm được như mong muốn, như chính lý tưởng và cuộc sống của chúng ta yêu cầu : vấn đề văn hóa - văn minh, vấn đề truyền thống và hiện đại, vấn đề kinh tế thị trường, vấn đề lý luận của chủ nghĩa xã hội... Lúc này hơn lúc nào hết, trên địa hạt lý luận, những người cộng sản càng phải tỏ ra nhạy cảm, sung sức, sẵn sàng ứng chiến, nghĩa là mang trong mình sức mạnh của lý luận đã được rèn luyện bồi dưỡng qua nhiều năm tháng đấu tranh và suy ngẫm. Ở đây tôi muốn nói niềm tin ở Đảng, ở mục tiêu và đường lối của Đảng, phải có cơ sở ở những yếu tố lý luận, nói rộng hơn, yếu tố triết học và khoa học nói chung. Mà những thứ ấy thì không thể từ trên trời rơi xuống. Nó hình thành dưới ngòi bút cần mẫn và sắc sảo của bản thân những nhà lý luận cộng sản. Có thể nói dứt khoát rằng sự chinh phục niềm tin của quần chúng đối với Đảng cũng là sự chinh phục tư duy của quần chúng bằng những lý luận phản ánh trí tuệ của Đảng. Về điểm này xin thành thật mà nói, trong những ngày này, những người cộng sản Việt Nam, trước hết là những người trí thức cộng sản, còn có nhiều việc để làm.

Sang vấn đề thứ ba, theo tôi nghĩ, là vấn đề nóng bỏng nhất, thiết thực nhất trong tình hình hiện nay khi ta muốn nói đến niềm tin của quần chúng đối với Đảng : đó là những người đảng viên, cả với tư cách là một đội ngũ và những cá nhân riêng lẻ.

Tôi vẫn nghĩ : Khi ta đánh giá một chủ trương hay kế hoạch tất nhiên ta phải nhận xét bản thân chủ trương hay kế hoạch đó, nhưng điều quan trọng hơn cả là nhìn vào những người hành động thực hiện kế hoạch đó. Một nhà văn phương Tây viết rằng ông không phải và sẽ không phải là đảng viên cộng sản, ông cũng không biết rõ lắm về Cương lĩnh của Đảng Cộng sản, nhưng ông đã tiếp xúc và sống chung với những người cộng sản : "Đó là những người rất trung thực, tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người. Tôi nghĩ những người như vậy thì không bao giờ làm điều xấu cho nhân dân".

Với Đảng Cộng sản Việt Nam và những đảng viên của Đảng giờ đây có lẽ cũng không ra khỏi được chân lý đó. Nhân dân ta vốn có truyền thống tôn thờ đạo lý. Tất cả mọi học thuyết, quan niệm, lý luận đều được nhìn nhận thông qua mối quan hệ với đạo lý con người. Rất lâu trước khi những lý luận cách mạng được phổ biến một cách sâu sắc và đến nơi đến chốn trong quần chúng thì quần chúng đã bị lôi cuốn bởi hình ảnh của những người cách mạng trọn vẹn hi sinh thân mình vì dân, vì nước. Trong những ngày đầu của cách mạng, Đảng ta đã chinh phục được niềm tin của quần chúng nhờ vào những người đảng viên cụ thể như vậy. Hãy về gặp lại những bà mẹ đã từng nuôi cán bộ dưới hầm bí mật trong những ngày "nước sôi lửa bỏng" của cách mạng và kháng chiến. Họ sẽ nhắc lại không phải là cái lý luận mà anh A, anh B đã nói với họ, mà là cái nhân cách, cái lối sống của anh A, anh B đã làm họ đến với cách mạng, với Đảng rồi trọn đời tin ở cách mạng, ở Đảng. Về mặt này, tấm gương Bác Hồ có một ý nghĩa vừa biểu trưng vừa thực tiễn rất lớn : nó ngời ngời vẻ đẹp của một lý tưởng cao cả, mà cũng dễ hiểu, dễ cảm như núi sông, cây cỏ, như hạt lúa, củ khoai.

Cũng chính trong lĩnh vực này chúng ta cần chống lại một số phương thức tư duy có vẻ như biện chứng nhưng thật ra hoàn toàn phi biện chứng.

Tôi không tán thành ai đó nói rằng một con người khi họp chi bộ, khi thực hiện một mệnh lệnh nào của Đảng, hay khi tuyên truyền chính sách của Đảng là họ lấy tư cách một đảng viên ;

Digitized by Google

nhưng trong cuộc sống thường nhật, trong quan hệ với gia đình, người thân, với những người bình thường khác thì đừng coi họ là đảng viên và Đảng cũng không chịu trách nhiệm về họ trong những hoàn cảnh như vậy. Cái kiểu phân tích "xẻ đôi" đó hoàn toàn vô lý và không thực tế. Nói cho đúng đó là lập luận của những kẻ muốn trốn trách nhiệm trước Đảng và muốn xóa nhòa trách nhiệm của Đảng trước nhân dân về những hành động của mình. Nhân dân đơn giản và có lý hơn nhiều : một đảng viên nào đó lập nên kỳ tích ở chiến trường, ở công trường hay ngược lại rượu chè be bét và ruồng rẫy vợ con thì vẫn là một đảng viên. Cùng một bàn tay ấy khi cầm súng bắn quân thù, hay khi nhận món tiền hối lộ, thì cũng chỉ là một bàn tay - bàn tay đảng viên.

Tôi cũng không thể tán thành một kiểu phân tích khác cho rằng với một số đảng viên, dù sai lầm đến mấy, thì sai lầm cũng chỉ là hiện tượng, mà bản chất họ bao giờ cũng là ưu việt vì gắn liền với bản chất của Đảng. Kiểu phân tích này, đôi lúc làm người ta dễ mềm lòng vì tựa như có một chút vị tha, một chút lạc quan rất nhân văn. Nhưng, không nói đến địa hạt triết học, trong địa hạt đạo đức, đó là một thứ ngụy biện chẳng kém siêu hình hơn những lý luận siêu hình đã tồn tại trong lịch sử. Phải khẳng định rằng : bất cứ một hiện tượng xấu nào gây nên do đảng viên đều góp thêm vào việc làm vẩn đục cái nhìn của quần chúng đối với Đảng. Với quần chúng, có cái xấu lớn cái xấu nhỏ, cái xấu dễ thấy hay khó thấy, nhưng không hề có cái xấu nào là không thể hiện một phần chất lượng của một tập thể hay một cá nhân. Hai chữ hiện tượng và bản chất vốn đã cho phép người ta xuê xoa trước bao nhiêu tội lỗi, đến lượt chúng ta, xin đừng quên chúng ta không được phép xuê xoa như vậy.

Một điểm nữa, có người nói : các đảng viên có sai lầm, thì anh cứ phê phán sai lầm, chứ không được phép xúc phạm đến uy tín của Đảng, làm tổn hại đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Cũng lại là một thứ ngụy biện nữa. Như tôi đã nói, với quần chúng, Đảng là một khối người kết hợp của rất nhiều người. Từng con người riêng lẻ trong cái khối đó sẽ góp phần mình nâng cao hay giảm bớt uy tín của Đảng. Một đảng viên của Đảng tham nhũng sẽ làm cho quần chúng bớt đi một chút tin tưởng vào Đảng. Đến khi hàng trăm đảng viên tham nhũng thì phải thấy uy tín của Đảng phải chịu tổn thất là dường nào. Không phải ngẫu nhiên mà Đảng không ngừng cảnh báo : tệ tham nhũng, quan liêu và sự suy thoái phẩm chất đạo đức trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là một trong những nguy cơ lớn, thậm chí nhiều người còn cho là nguy cơ lớn nhất trong bốn nguy cơ.

Nói lên sự thật đó, hẳn chúng ta không tránh được những băn khoăn thực sự về uy tín của Đảng và niềm tin của quần chúng đối với Đảng trong những ngày này. Cũng xin khẳng định thực ra ở đây, tôi chẳng nói được điều gì mới mẻ. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, trong nhiều bài phát biểu quan trọng vào những dịp khác nhau, cũng đã chân thành nói lên điều lo lắng đó.

Đành rằng vấn đề trong tình hình hiện nay có phần phức tạp, nhất là khi chúng ta thực hiện đường lối đổi mới và chuyển sang nền kinh tế thị trường. Không nghi ngờ gì nữa, một số đảng viên có năng lực, có quá trình cống hiến, đã được giao những trọng trách nhất định trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Và tất nhiên cùng với những trọng trách là những quyền lợi và quyền lực. Quần chúng không bao giờ phàn nàn về điều đó, mà coi như thực tế đương nhiên của cơ chế xã hội, dù người ta có gọi đó là số phận, là sự may rủi hay gì gì nữa thì cũng thế thôi. Một ông chủ tịch tỉnh đi ô tô, một ông bộ trưởng ở biệt thự, điều đó chẳng có gì phải bàn. Nhưng chính ở đây, những người cộng sản hiểu hơn ai hết giới hạn của quyền lực, của những điều kiện vật chất và tinh thần mà xã hội chấp thuận cho một người trên cương vị của mình, nghĩa là hiểu được yêu cầu của đạo đức. Vượt qua giới hạn yêu cầu đó thì bất cứ một ai cũng sẽ bị lên án là vi phạm chuẩn mực đạo đức. Tôi muốn nói rõ hơn : một người có quyền lực có thể ở nhà rộng, đi xe sang, ăn uống đầy đủ nhưng nếu họ lạm dụng quyền lực đó để mang lại của cải, nhà cửa, xe và nhiều thứ đáng giá khác cho vợ con, cho người thân không có đóng góp lao động tương xứng thì lại là một chuyện không thể chấp nhận được. Hoặc giả, một đảng viên có trách

(Xem tiếp trang 6)

Digitized by Google

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

CHU VĂN THÀNH * - HÀ QUANG NGỌC **

XÂY dựng và phát triển đội ngũ cán bộ công chức là một trong ba nội dung của Chương trình cải cách hành chính nhà nước. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện thành công của công cuộc cải cách hành chính nhà nước.

Tầm quan trọng của việc xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ công chức nhà nước, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII), Hội nghị Trung ương 3 và Hội nghị Trung ương 7 (khóa VIII) chỉ rõ : "xây dựng và từng bước hoàn thiện chế độ công vụ và quy chế công chức, chú trọng cả yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và trình độ, năng lực", "tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống ngạch bậc công chức". Thực hiện chế độ "đẩy mạnh việc đào tạo đội ngũ công chức" "sắp xếp hợp lý và kiện toàn hệ thống quản lý công chức", "kiểm tra giám sát phẩm chất đạo đức công chức", xác định mức biên chế của từng cơ quan đơn vị "trên cơ sở xác định nội dung và khối lượng công việc cụ thể và tiêu chuẩn các chức danh và cơ cấu cán bộ công chức", "tiến hành từng bước việc phân định rõ biên chế trong bộ máy công chức", "tiến hành từng bước việc phân định rõ biên chế trong bộ máy hành chính với biên chế trong các đơn vị sự nghiệp", "cải tiến chế độ tiền lương"...

I - Tình hình xây dựng và phát triển đội ngũ công chức

Thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã có nhiều chương trình, kế hoạch xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức. Bước đầu đã ban hành những văn bản quy phạm pháp luật - pháp lệnh cán bộ, công chức, các Nghị định Chính phủ thực hiện pháp lệnh, thể chế hóa đường lối quan điểm của Đảng trong công tác quản lý cán bộ, công chức. Đã xây dựng được hệ thống gồm 22 tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức của các ngành chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau và 12 tiêu chuẩn nghiệp vụ chức danh giám đốc và tương đương. Ban hành được quy chế tuyển dụng, đề bạt qua thi tuyển và kiểm tra sát hạch đối với công chức. Tiến hành thi tuyển và thi nâng ngạch cho một số đối tượng công chức trong một số lĩnh vực và địa phương. Tiếp tục thực hiện việc kiểm soát và quyết định biên chế cán bộ, công chức nhà nước, thống kê và phân tích đội ngũ cán bộ, công chức hằng năm. Bước đầu tiến hành phân công quản lý công chức giữa các bộ phận khác nhau của bộ máy nhà nước và giữa các cấp quản lý. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, đổi mới hệ thống tiền lương và các chế độ đãi ngộ đối với công chức. Kiện toàn thể chế - các quy phạm và tổ chức bộ máy thanh tra, kiểm tra giám sát hoạt động công vụ, đạo đức công chức.

Những nỗ lực đó đã đem lại kết quả bước đầu. Đội ngũ cán bộ, công chức có bước chuyển, nâng cao hơn về kiến thức và năng lực thực tiễn quản lý kinh tế - xã hội ; tổ chức, bộ máy dần dần ổn định và cán bộ được bố trí đúng chuyên môn nghiệp vụ, thích ứng với cơ chế và tình hình mới. Số đông cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với Tổ quốc và nhân dân ; giữ vững phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, quan tâm chăm lo đến sự nghiệp chung. Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức dần được thực hiện trên những cơ sở của pháp luật, nhiều mặt quản lý mới đã tạo được sự đồng tình của xã hội và đang dần đi vào nền nếp.

Tuy nhiên kết quả việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước hiện nay vẫn có những mặt hạn chế ; đội ngũ công chức nhà nước chưa thật sự đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính nhà nước hiện nay.

* TS - Viện trưởng Viện khoa học Tổ chức nhà nước

** TS - Trưởng phòng Phát triển nhân lực - Viện khoa học Tổ chức nhà nước

Digitized by Google

Về số lượng : Đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, do đặc điểm tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam, theo quy định hiện hành bao gồm toàn bộ những người làm việc trong các cơ quan công quyền, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan phục vụ lợi ích công, đã qua tuyển dụng và được bổ nhiệm, giữ một công việc thường xuyên trong một công sở nhà nước hay tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở trung ương hoặc địa phương, ở trong nước hay ở nước ngoài, được xếp vào một ngạch và hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Tổng số hiện nay là 1 400 000 người (không kể quân đội và công an). Số lượng này so với tổng số dân là không lớn, nhưng so với điều kiện kinh tế của đất nước thì lại không nhỏ, nhất là bộ phận sự nghiệp. Hơn nữa số lượng công chức này không giảm mà vẫn tăng trong thời gian vừa qua. Đội ngũ công chức tăng mạnh ở đồng bằng, thành thị, nhưng ở các vùng khó khăn thì lại thiếu nguồn nhân lực bổ sung vào công vụ. Cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn có số lượng lớn trên dưới 200 000 người, đang dần được công chức hóa. Không thực hiện được mục tiêu giảm biên chế trong tất cả các khu vực cũng như giảm số lượng người hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước.

Về chất lượng : Số người có bằng cấp nhiều nhưng nhiều khi không có sự tương ứng giữa bằng cấp với chức danh, với yêu cầu của thực tế. Không ít trường hợp học ngành này làm ngành khác, hoặc bằng mọi cách vào biên chế rồi mới đi học chuyên tu, tại chức để hợp thức hóa vị trí chức danh làm việc. Trình độ và năng lực của đội ngũ công chức chưa ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ. Nhiều mặt như : tri thức và năng lực quản lý nền kinh tế thị trường, về luật pháp, về hành chính và kỹ năng hành chính, ngoại ngữ, tin học, cũng như tri thức chuyên môn, nghiệp vụ, khoa học công nghệ hiện đại ở các bộ phận công chức tương ứng bị hẫng hụt, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới.

Một bộ phận công chức sa sút, thoái hóa về tư tưởng, chính trị và đạo đức, lối sống quan liêu cửa quyền, hạch sách dân, lợi dụng chức quyền và những sơ hở trong cơ chế chính sách để tham nhũng. Một bộ phận không nhỏ do trình độ hoặc tuổi tác không thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Gần đây Đảng, Nhà nước rất chú trọng đến việc bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức nên chất lượng có được nâng cao, song vẫn còn nhiều bất cập.

Về cơ cấu : Giữa các loại cán bộ công chức còn nhiều bất hợp lý, bộ phận công chức thực hiện chức năng phục vụ (y tế, giáo dục, văn hóa...) rất lớn, tới 84,3% ; công chức hành chính chiếm tỷ lệ 15,7%, trong khi đó cán bộ khoa học chiếm tỉ lệ thấp.

Cơ cấu độ tuổi, nam nữ, dân tộc ít người trong đội ngũ cán bộ công chức không hợp lý. Công chức lãnh đạo phần lớn ở độ tuổi nghỉ hưu hoặc sắp nghỉ hưu. Công chức hành chính nữ thấp, công chức dân tộc ít người chiếm tỷ lệ thấp ngay ở địa bàn miền núi dân tộc.

Cơ cấu ngạch công chức chưa hợp lý. Số công chức ngạch cao ít, tổng số công chức cao cấp trong cả nước chỉ chiếm 1,7%, riêng ở trung ương chiếm 1,5% so với tổng số cán bộ, công chức. Lực lượng này hoặc giữ trách nhiệm lãnh đạo, hoặc sắp đến tuổi nghỉ hưu, lại được phân bổ không đều trong các ngành, các cấp. Bộ phận công chức sự vụ, phục vụ (ngạch cán sự và nhân viên) có số lượng và chiếm tỷ lệ lớn. Ngay ở trong các cơ quan trung ương, lực lượng này có 110 000 người chiếm tới 55,8%. Tình hình cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan quản lý các cấp của địa phương cũng ở trong tình trạng tương tự. Nhìn chung các cơ quan nhà nước, nhất là trong lĩnh vực hành chính đang thiếu công chức giỏi, thừa công chức không đủ năng lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Thiếu công chức thông thạo về hành chính, về pháp luật, công chức hoạch định chính sách và có chuyên môn nghiệp vụ giỏi ; thừa công chức vụ việc.

Về thể chế chính sách : Việc xây dựng, phát triển và quản lý cán bộ, công chức chưa hoàn bị, thiếu đồng bộ, nhiều nội dung quy phạm còn trùng lắp, chồng chéo, vừa phân tán, thiếu tập trung, nhiều quy định còn rập khuôn, máy móc. Các văn bản hướng dẫn việc thực hiện Pháp lệnh cán bộ, công chức chậm, chưa đầy đủ.

- Quy định về cơ cấu ngạch công chức (thường, chính, cao cấp) được áp dụng cho mọi đối tượng công chức mà không tính tới những đặc điểm riêng của mỗi ngành nghề, lĩnh vực, dẫn tới sự phức tạp không cần thiết. Việc áp dụng các chính sách như xây dựng tiêu chuẩn ngạch, bậc, thang bảng lương, chế độ thi nâng ngạch đối với những đối tượng trở nên rườm rà, rắc rối, xác định cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan rất khó khăn.

Việc xây dựng những nội dung, tiêu chuẩn công chức còn nhiều hạn chế, chưa cụ thể, rõ ràng, phù

Digitized by Google

hợp. Căn cứ để xây dựng thiếu sức thuyết phục, có ngạch lấy tiêu chuẩn trình độ sơ học, trung học, đại học để xác định ; có ngạch lại lấy tiêu chuẩn trình độ đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ để xác định. Nhiều tiêu chuẩn quy định lẫn lộn giữa chức trách chuyên môn với chức trách của người quản lý lãnh đạo, yêu cầu trình độ của người làm chuyên môn với yêu cầu trình độ của người làm quản lý lãnh đạo. Những thiếu sót đó đã dẫn tới tình trạng công chức phải theo học các lớp bồi dưỡng, đào tạo triền miên tốn phí thời gian, ngân sách.

Chế độ thi tuyển và thi nâng ngạch cũng chưa thật sự đáp ứng được mục đích, yêu cầu đặt ra là nâng cao trình độ cán bộ, công chức. Nhiều địa phương, cơ quan tiến hành thi tuyển công chức chưa bảo đảm tính dân chủ, công khai. Chế độ thi nâng ngạch công chức dựa trên quy định cơ cấu ngạch, được áp dụng bắt buộc một cách tràn lan đối với mọi đối tượng công chức, không tính tới đặc điểm riêng của mỗi đối tượng. Điều đó dẫn tới tình hình một số đối tượng như cán bộ nghiên cứu khoa học, y tế, giáo dục làm công tác chuyên ngành đã được các hội đồng nhà nước chuyên ngành đánh giá cấp bằng lại phải qua những hội đồng thi nâng ngạch với những yêu cầu tập trung vào nội dung quản lý nhà nước đánh giá, khiến cho việc thi nâng ngạch không đúng với tính chất, ảnh hưởng tới quyền lợi của công chức. Việc làm này dẫn tới cán bộ thiếu ổn định, không tập trung cho công việc, nâng cao trình độ chuyên môn mà quay sang lo học hành đối phó, sao cho có đủ các chứng chỉ cần thiết để được thi nâng ngạch. Ở phía khác, đối với một số ngạch công chức, việc xác định nội dung và hình thức thi rất khó khăn, do đó, cho đến nay một số nơi vẫn chưa tổ chức thi nâng ngạch được hoặc để được nâng ngạch, công chức của các ngạch đó phải thi chung với các ngạch khác, không phản ánh đúng tính chất của công việc. Việc xác định trần ngạch cao nhất cần có ở mỗi cấp cũng chưa được ấn định, làm khó khăn cho việc cử cán bộ, công chức đi thi nâng ngạch và bổ nhiệm vào các vị trí công tác.

Chế độ đào tạo bồi dưỡng chưa thật sự mang lại những thay đổi căn bản về chất lượng cho đội ngũ cán bộ, công chức. Chưa có quy hoạch, chưa xác định rõ đối tượng cần đào tạo bồi dưỡng, cũng như yêu cầu, mức độ đào tạo bồi dưỡng. Hiện nay chuyên viên chính thì được đi học lý luận chính trị cao cấp. Ngược lại tiến sĩ triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học được đào tạo dưới chủ nghĩa xã hội thì vẫn chưa được xem là có trình độ lý luận chính trị cao cấp. Lẫn lộn giữa đào tạo bồi dưỡng sự nghiệp với đào tạo bồi dưỡng quản lý hành chính, (nhân viên thư viện, v.v... cũng phải theo học lớp bồi dưỡng về quản lý hành chính mới được thi nâng ngạch). Vì thế dẫn đến đào tạo tràn lan, gây lãng phí thời gian, ngân sách của Nhà nước và người công chức. Nội dung chương trình vừa cũ vừa trùng lắp, phương pháp giảng dạy cũ, không kích thích sự năng động sáng tạo của người học.

Chế độ, chính sách đãi ngộ đối với công chức chưa thật sự là đòn bẩy khuyến khích công chức tận tâm, tận lực với nhiệm vụ. Mức lương vừa thấp vừa mất cân đối so với một số đơn vị trong khối sản xuất kinh doanh. Không có chế độ ưu đãi về vật chất, nâng ngạch, bậc đối với những công chức có những thành tích cống hiến, với những người có trình độ năng lực. Điều đó khó có khả năng thu hút, trọng dụng được nhân tài và không khuyến khích động viên được cán bộ, công chức giữ gìn phẩm chất đạo đức trong hoạt động công vụ.

Việc thanh tra, kiểm soát công vụ, công chức cũng đang ở trong tình trạng chồng chéo không rõ ràng, vừa thừa vừa thiếu. Theo quy định hiện hành, một đối tượng công chức hằng năm có thể là đối tượng thanh tra, kiểm tra của nhiều đoàn khác nhau - thanh tra nhà nước, viện kiểm sát, công an, thanh tra bộ, thanh tra chuyên ngành, thanh tra nhân dân... dẫn tới căng thẳng, mất nhiều thời gian, tiền của mà hiệu quả không cao.

Nguyên nhân của tình hình này là do chúng ta chưa làm rõ phạm vi khái niệm công chức nhà nước, còn mở quá rộng khái niệm công chức sang nhiều đối tượng khác nhau, chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa công chức hành chính nhà nước với công chức sự nghiệp. Nhiều việc đã rõ, đã có quy định, nhưng vẫn chưa thực hiện đúng, chưa dứt bỏ được nhiều ràng buộc, còn trông chờ vào ý kiến chỉ đạo. Về mặt tổ chức thực hiện, chưa có quy hoạch, thiếu những căn cứ lý luận, thực tiễn đầy đủ chặt chẽ, nhiều điểm, nhiều việc làm mang tính chủ quan duy ý chí. Năng lực của cơ quan làm công tác quản lý cán bộ, công chức còn nhiều hạn chế, chưa thật sự là cơ quan giúp Đảng và Nhà nước trong quy hoạch, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức. Không ít người làm công tác quản lý cán bộ, công chức còn thiếu khách quan, không vô tư, công khai, dân chủ, giải quyết công việc còn dựa vào tình cảm, thói quen và mối quan hệ.

Digitized by Google

II - Phương hướng, giải pháp xây dựng và phát triển đội ngũ công chức trong thời gian tới.

Mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đến năm 2005 - 2010 là đưa công tác quản lý và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước vào nền nếp, chính quy, hiện đại, bảo đảm đúng cơ sở pháp lý và nguyên tắc quản lý cán bộ của Đảng. Đội ngũ cán bộ công chức nhà nước phải ổn định, chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, năng lực thực thi công vụ, trong sạch, tận tụy phục vụ, thực sự là "công bộc" của nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để đạt được mục tiêu trên cần thực hiện các phương án chủ yếu sau :

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đặt trong việc giải quyết và quản lý toàn bộ đội ngũ cán bộ nói chung, nhằm tiếp tục duy trì sự ổn định, tính kế thừa của đội ngũ cán bộ, công chức, vừa thừa nhận thực tế lịch sử, bảo đảm sự ổn định của xã hội.

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức đặt trên cơ sở xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của nhà nước nói chung, của mỗi cơ quan quản lý nhà nước nói riêng trong điều kiện và tình hình nhiệm vụ mới. Chỉ bằng việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ nhà nước, cũng như mỗi cơ quan quản lý nhà nước, tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, tinh giản bộ máy, gắn với việc xã hội hóa một số chức năng nhiệm vụ của nhà nước, mới có thể xác định được những yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng của đội ngũ công chức để thực thi công vụ.

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước tiến hành đồng bộ cả về xây dựng thể chế, tổ chức quản lý, chế độ chính sách sử dụng đãi ngộ.

Từ mục tiêu và phương hướng trên, để có thể xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính và tình hình mới, trong thời gian sắp tới chúng ta thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau :

- Rà soát lại các thể chế đã ban hành, sửa đổi điều bất hợp lý ; bổ sung các điểm còn thiếu, hoàn chỉnh thể chế pháp luật quản lý công chức. Bổ sung quy chế công vụ, chế độ khen thưởng những cán bộ, công chức có năng lực và đạt thành tích xuất sắc trong công việc.

- Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nhà nước, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, tinh giản bộ máy, tiến hành xã hội hóa một số chức năng nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước cho các tổ chức xã hội và nhân dân thực hiện.

- Tiến hành quy hoạch và xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, tiến hành tổng điều tra và đánh giá đội ngũ công chức, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu công chức chung trong cả nước.

- Kiện toàn hệ thống các cơ quan quản lý công chức thống nhất ; tiến hành phân cấp quản lý công chức bao gồm cả về xác định biên chế, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm trên cơ sở xác định trách nhiệm của cơ quan quản lý, sử dụng, nguồn ngân sách và trình độ, tính chất của mỗi đối tượng cán bộ công chức.

- Sửa đổi và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức. Nên chăng xóa bỏ bớt sự phân chia thành ba mức : thường, chính, cao cấp một cách hình thức trong một số ngạch công chức. Kiện toàn chế độ thi tuyển cán bộ, công chức bảo đảm tính cạnh tranh công khai, thực sự thu hút được nhân tài. Bổ sung, sửa đổi chế độ thi nâng ngạch phù hợp với đặc điểm, tính chất của mỗi đối tượng cán bộ, công chức.

- Hình thành hệ thống các chính sách phát triển : chính sách về tiền lương, chính sách thu hút nhân tài, chính sách bảo đảm điều kiện phát triển của cán bộ, công chức ; chính sách bảo đảm nguồn nhân lực cho các vùng đặc biệt ; chính sách đối với cán bộ nữ, cán bộ dân tộc ít người ; các chính sách sử dụng và ưu đãi đối với lực lượng công chức có vai trò quan trọng trong bộ máy nhà nước : công chức lãnh đạo quản lý, hoạch định chính sách, các nhà khoa học có trình độ cao. Có chính sách cụ thể đối với những đối tượng tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi và rời khỏi đội ngũ công chức...

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức. Xác định rõ tiêu chuẩn khác nhau của mỗi trình độ, xây dựng quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với từng loại công chức, thực hiện phương thức đào tạo theo quy trình thống nhất thực sự nâng cao được trình độ, tiết kiệm thời gian ngân sách, không trùng lặp. Bảo đảm cho cán bộ công chức nắm vững các kiến thức chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách mới của Nhà nước, kiến thức hành chính pháp luật, ngoại ngữ tin học hỗ trợ và đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và hội nhập quốc tế... Xây dựng nội dung, chương trình và tổ chức kiện toàn hệ thống đào tạo thống nhất trong phạm vi cả nước. ❑

Digitized by Google

VĂN HÓA DÂN GIAN VÀ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC

NGÔ ĐỨC THỊNH *

1. Một cách tiếp cận bản sắc văn hóa

Từ lâu, người ta đã nói nhiều tới bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa. Đặc biệt, trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm (khóa VIII) của Đảng, vấn đề xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc được đặt ra một cách tập trung và cơ bản. Vậy bản sắc văn hóa là gì ?

Để nhận thức và lý giải vấn đề bản sắc văn hóa, có lẽ chúng ta phải đặt nó trong hệ thống các khái niệm : *bản sắc, sắc thái văn hóa* và *bản lĩnh văn hóa*. Hệ khái niệm này sẽ giúp chúng ta nhận thức rõ hơn bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc, một vấn đề đã và đang thu hút sự quan tâm của không chỉ các nhà khoa học mà cả các nhà chính trị, quản lý đất nước nữa.

Bản sắc văn hóa của dân tộc và bản sắc dân tộc là hai khái niệm khác nhau, nhưng chúng lại có mối quan hệ mật thiết. Có thể hiểu bản sắc văn hóa dân tộc như là một yếu tố cốt lõi tạo nên bản sắc dân tộc và tới lượt nó, bản sắc dân tộc lại góp phần tạo nên *bản lĩnh* dân tộc, tức là *sức sống* và sự *từng trải* của dân tộc, nhờ đó mà dân tộc có thể *vững vàng* và *trường tồn* trước thử thách khắc nghiệt của lịch sử. Xét cho cùng, trong trường kỳ lịch sử, một dân tộc, một quốc gia tồn tại hay bị tiêu vong, về cơ bản là do dân tộc, quốc gia ấy có bản lĩnh hay không.

Chúng tôi có thể tạm đưa ra một quan niệm về bản sắc văn hóa dân tộc. Đó là một tổng thể các giá trị đặc trưng của văn hóa, được hình thành, tồn tại và phát triển suốt quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, các giá trị đặc trưng ấy mang tính *bền vững, trường tồn, trừu tượng và tiềm ẩn*, do vậy, muốn nhận biết nó phải thông qua vô vàn các *sắc thái văn hóa*, với tư cách là sự biểu hiện của bản sắc văn hóa ấy. Nếu bản sắc văn hóa là cái *trừu tượng, tiềm ẩn, bền vững* thì các sắc thái biểu hiện của nó *tương đối cụ thể, bộc lộ* và *khả biến hơn*.

Khi nghiên cứu bản sắc văn hóa dân tộc chúng ta cũng cần phải thống nhất một quan niệm chung là, bản sắc văn hóa không phải là cái gì đó mà chỉ ở dân tộc này mới có còn ở dân tộc khác không có, mà có khi nó là cái khá phổ biến, nhưng chỉ ở dân tộc nào đó, trong hoàn cảnh môi trường tự nhiên, xã hội cụ thể, và trong điều kiện lịch sử đặc thù thì cái bản sắc ấy được kết tinh và biểu hiện những giá trị đặc trưng và trở thành bản sắc văn hóa của dân tộc ấy.

Từ một số quan niệm chung như trên, chúng ta thử phân tích một số nét tiêu biểu của bản sắc văn hóa Việt Nam.

a/ Một trong những điểm nổi bật của bản sắc văn hóa Việt Nam là *tinh thần yêu nước*, hơn thế nữa nó trở thành một thứ *chủ nghĩa yêu nước*, yếu tố cốt lõi của hệ tư tưởng Việt Nam. Nói như vậy cũng có người phản bác rằng, yêu nước và chủ nghĩa yêu nước đâu chỉ có ở nước ta, mà nó là cái gì đó mang tính phổ quát của các cộng đồng tộc người phát triển tới trình độ hình thành nhà nước, quốc gia. Vấn đề ở đây không phải là dân tộc này hay dân tộc khác có tinh thần yêu nước hay không, mà trong hoàn cảnh lịch sử, tự nhiên và xã hội nào Việt Nam chúng ta đã hình thành và phát triển chủ nghĩa yêu nước tới trình độ cao và bản sắc văn hóa ấy đã biểu hiện ra thành các sắc thái văn hóa đặc thù như thế nào.

Quy luật hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam và quốc gia Việt Nam là *dựng nước và giữ nước*, dựng nước để tự cường giữ nước và giữ nước để dựng nước. Do vậy, dựng nước và giữ nước là biểu tượng của lòng yêu nước Việt Nam. Ý chí dựng nước và giữ nước ấy lại nảy sinh và phát triển trong cái khung xã hội Việt Nam cổ truyền, đó là *Nhà - Làng - Nước*, trên nền tảng kinh tế - xã hội : *nông dân - nông thôn và nông nghiệp*. Chính trong

* PGS. TS Viện trưởng Viện nghiên cứu văn hóa dân gian

Digitized by Google

cái môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội và lịch sử ấy đã hình thành nên chủ nghĩa yêu nước Việt Nam với nhiều sắc thái biểu hiện mang tính đặc thù.

Một trong những sắc thái biểu hiện mang tính đặc thù ấy là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã được linh thiêng, tâm linh hóa, thành một thứ "tín ngưỡng" . Ở đây, lòng yêu nước không còn chỉ là một thứ tình cảm, tư tưởng thuần túy, mà chừng nào đó đã trở thành một phạm trù thiêng liêng, nó vượt lên trên thế giới thường nhật, trần tục, thành cái để người ta phụng thờ, mà một thời trong nhân dân đã xuất hiện thứ bàn thờ Tổ quốc, đặt phía trên bàn thờ tổ tiên. Chúng ta hãy xem xét hệ thống các *vị thành hoàng* được thờ phụng ở các ngôi đình của làng, các vị thần thánh được thờ ở các ngôi đền thì phần lớn họ đều là những nhân vật lịch sử, những người khi sống đã có công với dân với nước. Riêng tỉnh Bắc Ninh trong số 600 *vị thành hoàng* đã thống kê, thì có 496 là nhân thần, trong đó đại đa số là các nhân vật lịch sử hay nhân vật huyền thoại nhưng đã được lịch sử hóa. Ở Hà Tây, trong số 185 *vị thành hoàng* là nhân thần thì khoảng 2/3 là nhân vật lịch sử. Riêng ở Nam Hà (cũ) Trần Hưng Đạo đã được thờ ở 400 làng, xã.

Mỗi gia tộc dòng họ người Việt đều thờ cúng tổ tiên, thì cả dân tộc đất nước có Quốc tổ Hùng Vương, hằng năm vào ngày 10 tháng 3 (âm lịch) cả dân tộc đều tổ chức cúng lễ, tưởng nhớ người khai quốc :

"Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mồng mười tháng ba
Muôn đời truyền mãi câu ca
Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm"

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam còn được "gia tộc hóa". Nếu như mỗi gia đình chúng ta có cha mẹ, thì cả dân tộc cũng có cha sinh, mẹ dưỡng : Huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ đẻ trăm trứng nở thành trăm con là cội nguồn của dân tộc. Để rồi ta có : "tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ". Như vậy, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam bắt nguồn từ gia đình, quê hương và mở rộng ra cả dân tộc, đất nước, một thứ chủ nghĩa yêu nước đã được *"gia tộc hóa"*. Từ đó hình thành một thứ ứng xử theo kiểu "thân tộc hóa" các quan hệ xã hội. Đó là nét biểu hiện độc đáo của bản sắc văn hóa Việt Nam, khác với Trung Hoa người ta thường "quan chức hóa" quan hệ gia đình.

Ở nước ta xưa kia vẫn tồn tại hai thứ lịch sử, một thứ lịch sử của người có học, tồn tại trên sách vở, văn tự ghi lại các triều đại, các chiến công, còn có một thứ lịch sử khác, của những người nông dân, tồn tại qua các hồi ức lịch sử, được thể hiện trong truyền thuyết, cổ tích, qua đền miếu thờ cúng, qua lễ nghi, lễ hội... thứ lịch sử đó vẫn còn "sống" trong lòng dân chúng, nuôi dưỡng chủ nghĩa yêu nước của người nông dân Việt Nam.

Tới lượt nó, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trở thành *cái trục chính của hệ ý thức Việt Nam,* nó *sản sinh và tích hợp* các giá trị tiêu biểu của văn hóa Việt Nam. Nói cách khác, chủ nghĩa yêu nước đã trở thành cốt cách của văn hóa Việt Nam. Điều này ta có thể tìm thấy ở bất cứ một biểu hiện nào của đời sống văn hóa tinh thần Việt Nam.

b/ Cùng với cách nhìn nhận như vậy, chúng ta cũng có thể đề cập tới *tính cộng đồng của xã hội Việt Nam.*

Văn hóa Việt Nam cổ truyền cơ bản là văn hóa của nông dân, văn hóa xóm làng, văn hóa dân gian. Đó là nền văn hóa gắn chặt với cộng đồng gia đình, gia tộc, dòng họ, làng xã và từ đó mở ra cả cộng đồng dân tộc, quốc gia.

Các nhà nghiên cứu đang quan tâm tới cái gọi là "văn hóa gia đình", "văn hóa dòng họ". Thực ra không có cái "văn hóa gia đình", "văn hóa dòng họ" tách biệt ra với văn hóa dân tộc, quốc gia, mà gia đình và dòng họ với tư cách như là một thực thể xã hội mang tính huyết thống, thâu nhận và biểu hiện văn hóa dân tộc phù hợp với truyền thống xã hội riêng của mình. Mô thức văn hóa này đã được người xưa gọi là "gia phong". Ngày nay, nhiều gia đình và dòng họ đang quan tâm tới việc phục hồi gia phong và coi đó là môi trường xã hội và văn hóa tốt để giáo dục con người và góp phần vào việc bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc.

Văn hóa làng cũng là mô thức văn hóa rất cơ bản của văn hóa Việt Nam. Trước nhất, văn hóa gia tộc, dòng họ không đối lập và phá vỡ tính thống nhất và đặc thù của văn hóa làng, mà luôn hòa quyện và hội nhập vào với văn hóa làng theo truyền thống "trong họ ngoài làng" và tới lượt nó, văn hóa làng trở thành mô thức cơ bản nuôi dưỡng và củng cố tính bền vững và thống nhất của văn hóa dân tộc.

Văn hóa làng là một mô thức thể hiện văn hóa dân tộc mang tính đặc thù, nó gắn liền với môi

Digitized by Google

trường sinh thái của làng, dân cư và truyền thống lịch sử, từ đó hình thành nên hệ thống các đặc trưng về nếp sống và tâm lý, về tín ngưỡng, phong tục và lễ hội, các sinh hoạt ăn mặc, ở, đi lại, các hoạt động văn hóa - nghệ thuật... Đặc biệt, hội làng là hiện tượng văn hóa tiêu biểu, thể hiện sức mạnh cố kết của cộng đồng làng xã. Tính cộng đồng của làng xã vừa là sự kết tinh vừa là sự biểu hiện của tính *cộng cư* (cùng cư trú), *cộng hữu* (cộng đồng sở hữu đất đai, tài nguyên) *cộng mệnh* (gắn bó vận mệnh vào các vị thần linh cùng thờ cúng) và *cộng cảm* (cùng cảm nhận và hứng khởi trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa của làng). Ngày nay, văn hóa làng đang được phục hồi và phát huy, nhất là các phương diện phong tục tập quán, lễ hội, hương ước, sự cố kết cộng đồng... góp phần vào việc ổn định, lành mạnh hóa xã hội và làm phong phú hơn đời sống văn hóa ở cơ sở.

Ngoài ra, các mô thức văn hóa mang tính đặc thù khác gắn với từng *nghề nghiệp* (nông nghiệp, thủ công, đánh cá...) *tôn giáo tín ngưỡng* (Phật giáo, Kitô giáo, Hồi giáo...), *cộng đồng cư dân* (nông thôn, đô thị...)... cũng được tìm hiểu và phát huy, một mặt tạo ra chất kết dính cố kết cộng đồng, mặt khác góp phần bảo tồn tính đa dạng và phong phú của văn hóa Việt Nam.

c/ Người ta cũng thường nói tới *lối ứng xử trọng tình thương và đạo lý*, thậm chí còn khái quát hơn thành *lối sống duy tình*, coi đó như là một bản sắc nổi bật của con người Việt Nam. Biểu hiện của bản sắc văn hóa này qua vô vàn sắc thái văn hóa khác nhau, như trong các nguyên tắc sống "thương người như thể thương thân", "một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ", "bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy là khác giống như chung một giàn", "nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng"... ; trong đạo lý : "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"...; trong chuẩn mực ứng xử của cộng đồng gia tộc "anh em như thể chân tay", "tay đứt ruột xót", của cộng đồng làng xã láng giềng : "tối lửa tắt đèn có nhau", "lá lành đùm lá rách" ; trong cung cách xưng hô mang tính thân tộc đối với toàn xã hội : "cha", "mẹ", "chú", "bác", "anh", "em", "cháu"... làm cho làng xóm, thậm chí toàn dân tộc như là một thứ gia tộc mở rộng, theo kiểu "tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ" hay "chúng ta con một cha nhà một nóc" (Tố Hữu).

Lối ứng xử duy tình này nó có tác dụng tạo nên sức mạnh của cố kết cộng đồng, nếp sống chan hòa, cởi mở của con người Việt Nam. Tuy nhiên, nó cũng có mặt trái của nó, đó là tình cảm chủ nghĩa (nặng tình nhẹ lý), gia đình chủ nghĩa, xuề xòa, tùy tiện "chín bỏ làm mười", "dĩ hòa vi quý", "đóng cửa bảo nhau", "đừng vạch áo cho người xem lưng".

d/ Chúng ta cũng có thể nói về một nét bản sắc của văn hóa và của con người Việt Nam, đó là *tính cởi mở, năng tiếp nhận và dễ hòa nhập* để từ đó *bản địa hóa* các nhân tố ngoại lai. Cốt cách này của văn hóa và con người Việt Nam được tạo nên có lẽ là do "số phận" lịch sử của dân tộc và đất nước Việt Nam nằm ở ngã tư con đường giao lưu và hội nhập chủng tộc và văn hóa. Trong các giai đoạn phát triển kế tiếp của ba nền văn hóa : Đông Sơn - Đại Việt và Việt Nam, thì có *hai giai đoạn chuyển tiếp văn hóa* mang tính bản lề : *giai đoạn Bắc thuộc* (từ thế kỷ I - X), giao tiếp giữa văn hóa Đông Sơn với văn hóa Hán để sau đó ra đời văn hóa Đại Việt và *giai đoạn Pháp thuộc* (cuối thế kỷ XIX đến năm 1945), giao tiếp giữa văn minh Đại Việt với văn hóa phương tây mà đại diện là văn hóa Pháp, từ đó ra đời nền văn hóa Việt Nam hiện đại.

Đặc thù hơn là hai giai đoạn chuyển tiếp văn hóa này đều ở vào những thời điểm bước ngoặt của lịch sử dân tộc : từ nguyên thủy bước vào xã hội có giai cấp và từ xã hội nông nghiệp tiểu nông phong kiến bước vào xã hội công nghiệp hóa ; diễn ra trong khung cảnh chính trị đặc thù : nước ta bị đô hộ và mất độc lập, giao tiếp với các nền văn minh đạt tới trình độ phát triển cao. Tuy nhiên, sau mỗi giai đoạn chuyển tiếp ấy, nền văn hóa bản địa không những không co lại, bảo thủ mà luôn mở cửa, hội nhập. Do vậy, nền văn hóa đó không những không bị đồng hóa mà lớn mạnh lên, đạt tới đỉnh cao mới, nền độc lập dân tộc được khôi phục.

Sau năm 1945 đến nay, văn hóa Việt Nam còn mở rộng giao lưu với văn hóa Nga, Mỹ, Trung Quốc và nhiều nước khác.

Trong điều kiện giao lưu văn hóa sống động như vậy, đã tạo nên ở con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam một thái độ ứng xử mang tính tích cực : không đóng kín, chối từ, mà *cởi mở, tiếp nhận, hòa nhập*. Khả năng *tiếp nhận cái của người khác, biến đổi nó*

Digitized by Google

(bản địa hóa) thành cái của mình, phù hợp với nhu cầu và điều kiện của mình, là bản sắc và sức mạnh của con người Việt Nam và văn hóa Việt Nam. Điều này tạo ra tính mềm dẻo, năng động, dễ thích nghi của văn hóa Việt Nam, cũng như mặt trái của nó, là *tính tùy tiện, nửa vời* trong tiếp thu và học hỏi ; tâm lý *trọng ngoại* trong nếp nghĩ và lối sống.

Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi không có ý định liệt kê ra những cái gì được coi như là bản sắc văn hóa Việt Nam, mà thông qua mấy ví dụ kể trên nhằm nêu ra một cách tiếp cận bản sắc văn hóa thông qua nhận diện các sắc thái văn hóa của nó. Với cách tiếp cận như vậy, chúng ta có thể đề cập tới các khía cạnh khác nhau của bản sắc văn hóa Việt Nam thể hiện trong ứng xử xã hội và môi trường, đời sống tâm linh, trong lao động sản xuất...

2. Tìm hiểu, khám phá bản sắc văn hóa dân tộc trước hết phải từ văn hóa dân gian

Khi nói đến bản sắc văn hóa dân tộc, một mặt, chúng ta không thể hồ đồ quy tất cả về văn hóa dân gian, tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận *vai trò hết sức to lớn của văn hóa dân gian đối với việc hình thành bản sắc văn hóa dân tộc.* Vai trò ấy có thể nhận thấy trên các phương diện sau :

- Nếu không thể đồng nhất văn hóa dân gian với các nền văn hóa khảo cổ thời nguyên thủy, thì ít nhất ta cũng có thể nhận thấy, như quan điểm của giáo sư Hà Văn Tấn, "Văn hóa dân gian có cội nguồn từ văn hóa nguyên thủy. Ở các xã hội tiền giai cấp thì có thể đồng nhất văn hóa nguyên thủy với văn hóa dân gian". Như vậy, văn hóa dân gian gắn liền với thời kỳ sớm nhất của quá trình hình thành văn hóa dân tộc. Với lịch sử Việt Nam, đó là thời kỳ văn hóa Đông Sơn - Hùng Vương dựng nước, thời kỳ sinh thành tộc người Việt Cổ, hình thành quốc gia, tạo lập nền tảng văn hóa Việt Nam, thời kỳ "nhất thành" để sau đó "vạn biến". Nhiều giá trị văn hóa mang tính chất là bản sắc Việt Nam cũng đã khởi nguồn hình thành từ giai đoạn mở đầu này(1).

- Người ta đã nói, văn hóa dân gian là "văn hóa gốc", "văn hóa mẹ", điều đó có nghĩa văn hóa dân gian là khởi nguồn, sản sinh và nuôi dưỡng các hình thức văn hóa khác của văn hóa dân tộc, trong đó bao gồm cả văn hóa chuyên nghiệp, bác học, văn hóa cung đình... Do vậy, trong việc tìm hiểu, khám phá bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta không thể không bắt đầu từ văn hóa dân gian.

Văn hóa dân gian là "văn hóa gốc", "văn hóa mẹ" còn có nghĩa là văn hóa dân gian về cơ bản vẫn tồn tại dưới dạng *chỉnh thể nguyên hợp,* tức chúng chưa chia tách giữa các thành tố, bộ phận (nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật biểu diễn, nghệ thuật tạo hình, tín ngưỡng, phong tục và lễ hội...), sau này, cùng với sự phát triển xã hội, sự phân công lao động xã hội, thì các bộ phận văn hóa - nghệ thuật mới chia tách ra và tồn tại dưới dạng chuyên ngành như ngày nay.

- Văn hóa dân gian là *văn hóa của quần chúng lao động* và do quần chúng sáng tạo. Do vậy, nó mang *tính cộng đồng cao.* Tất nhiên, trong quá trình tồn tại và phát triển văn hóa dân gian chịu sự tác động của dòng văn hóa chuyên nghiệp, bác học, văn hóa cung đình, nó góp phần vào việc nâng cao và định hình văn hóa dân gian. Là văn hóa của quần chúng, do vậy, văn hóa dân gian chứa đựng các giá trị phổ quát của bản sắc văn hóa dân tộc, như lòng yêu nước, tính cộng đồng, tinh thần cần cù và sáng tạo trong lao động, tình thương đồng loại...

- Là văn hóa lâu đời của quần chúng lao động, mang tính bản địa cao, nên văn hóa dân gian có khả năng *tiếp nhận và bản địa hóa các ảnh hưởng ngoại lai,* tạo nên sức tự cường và bền vững của văn hóa dân tộc. Thí dụ, lòng yêu nước của con người Việt Nam bắt nguồn từ tình yêu gia đình, quê hương, đất nước đã tiếp nhận tư tưởng Nho giáo, để từ đó hình thành và nâng cao thứ *chủ nghĩa yêu nước,* một bản sắc, giá trị tiêu biểu của văn hóa Việt Nam. Trong thời kỳ hiện đại tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước với lý tưởng chủ nghĩa xã hội.

Cũng như vậy chúng ta có thể nhìn nhận nhiều hiện tượng văn hóa khác, như tục thờ cúng Tổ tiên, Đạo, Mẫu, thờ Tứ Pháp... đều là kết quả quá trình bản địa hóa các ảnh hưởng văn hóa ngoại lai.

Vì những lý do kể trên, chúng ta có thể khẳng định rằng, *việc tìm kiếu, khám phá bản sắc văn hóa dân tộc trước hết và cơ bản nhất là phải từ văn hóa dân gian.*

---

(1) Hà Văn Tấn : "Văn hóa nguyên thủy Đông - Nam Á như cội nguồn của văn hóa dân gian", Tạp chí *Văn hóa dân gian,* số 3-1984, tr 9

Digitized by Google

3. Không chỉ bảo tồn, phát huy mà còn phải LÀM GIÀU bản sắc văn hóa dân tộc

- Từ trước tới nay, chúng ta thường nêu định đề "bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc". Điều này chưa thể hiện được một khía cạnh là bản sắc văn hóa tuy là cái gì bền vững, trường tồn, nhưng không có nghĩa bản sắc văn hóa, nhất là những sắc thái biểu hiện của nó là bất biến. Có thể lấy thí dụ : chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là một hằng số, tuy nhiên, phù hợp với những điều kiện xã hội nhất định thì nội dung và các sắc thái biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước có sự khác biệt. Như trong xã hội phong kiến, biểu tượng của lòng yêu nước là "trung với vua", nhưng với xã hội mới thì nội dung và sắc thái biểu hiện chủ nghĩa yêu nước đã thay đổi nhiều. Bác Hồ đã chuyển hóa biểu tượng yêu nước thời phong kiến từ "trung với vua" sang "trung với nước" của xã hội ngày nay. Ngay chữ "hiếu" của Nho giáo từ "tiểu hiếu", tức hiếu với cha mẹ sang "đại hiếu", tức hiếu với dân.

Như vậy, bản sắc văn hóa, mà những biểu hiện của nó là sắc thái văn hóa luôn biến đổi, có mất đi, có sinh sôi. Chúng ta cần phải tạo điều kiện để bản sắc và các sắc thái văn hóa luôn phong phú và đa dạng hơn, phù hợp nhu cầu xã hội mới, tức phải luôn "làm giàu" bản sắc văn hóa thông qua các sắc thái biểu hiện của nó. Do vậy, nên bổ sung cho định đề là : *"Bảo tồn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc"* thay cho định đề "Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa" như trước đây.

- Việc bảo tồn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn liền với việc bảo tồn, làm giàu và phát huy văn hóa dân gian và văn hóa truyền thống. Bởi vì bản sắc văn hóa dân tộc hình thành, tồn tại và phát triển từ môi trường của văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống. Do vậy, nếu môi trường văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống mai một đi thì bản sắc văn hóa dân tộc cũng không thể giữ gìn, làm giàu và phát huy.

Thực tế hiện nay, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, văn hóa dân gian cũng như văn hóa truyền thống đang bị tiến công và có những nét văn hóa bị mất đi từng ngày. Sự mất mát đó có thể ví như những cánh rừng còn sót lại đang bị con người và thiên tai tàn hoại, mà đối với chúng ta cần phải có biện pháp "chữa cháy" để cứu lấy những di sản văn hóa dân tộc đang bị mai một, bị cướp đi. Sự mất mát này, nếu không kịp thời cứu lấy thì sẽ mất đi vĩnh viễn. Chúng tôi cùng tự hỏi vì sao một loài vật, một giống cây trước nguy cơ tiệt chủng, chúng ta có sách đỏ để bảo vệ chúng, vậy trước một số di sản văn hóa đang đứng trước nguy cơ mất đi vĩnh viễn, tại sao chúng ta lại không có biện pháp cấp cứu tương tự.

Hãy lấy một thí dụ về bộ sử thi Ot N'rông của người M'nông ở Tây Nguyên. Bộ sử thi Ot N'rông đầu tiên được phát hiện từ năm 1989 do Viện nghiên cứu văn hóa dân gian và Sở Văn hóa - Thông tin Đắc Lắc phối hợp thực hiện. Từ đó đến nay đã mười năm, chúng ta mới sưu tầm và xuất bản được 4 tập, 16 tập đã được thu băng và phiên dịch, trong tổng số khoảng trên 100 tập đã được khảo sát. Cũng theo điều tra của chúng tôi, hiện ở Đắc Lắc, Bình Phước, nơi tồn tại loại sử thi này, chỉ còn trên dưới 10 nghệ nhân ở độ tuổi 70 - 80 còn nhớ được ở những mức độ khác nhau. Do vậy, cần nhanh chóng điều tra và sưu tầm bộ sử thi đồ sộ này, trước khi nó mất đi vĩnh viễn do thế hệ nghệ nhân đã đều ở lứa tuổi có thể ra đi. Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm đã có ý kiến chỉ đạo về việc sưu tầm, phiên dịch và xuất bản bộ sử thi - một di sản văn hóa dân gian độc đáo của dân tộc người M'nông.

Bảo tồn, làm giàu và phát huy văn hóa dân gian các dân tộc có thể thông qua nhiều phương thức khác nhau, như thúc đẩy các chương trình điều tra cơ bản, kiểm kê các di sản văn hóa truyền thống để có kế hoạch và biện pháp bảo tồn ; thông qua hệ thống bảo tàng, làng văn hóa - du lịch từ địa phương đến trung ương ; thông qua các chương trình Ngày văn hóa các dân tộc... Tuy nhiên, biện pháp mấu chốt vẫn là nâng cao nhận thức toàn dân về bảo vệ di sản văn hóa dân tộc, trả lại những giá trị văn hóa cổ truyền về cho nhân dân để nhân dân tự bảo tồn và phát huy nó trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại.

Có một thực tế là, nhiều giá trị văn hóa dân gian truyền thống hiện nay trong đời sống nhân dân không chỉ mai một, mà chúng đang ở trong tình trạng tách rời khỏi chủ nhân, tức người nông dân đã sáng tạo và kế thừa các di sản văn hóa đó. Do vậy, một nhiệm vụ quan trọng hiện nay là phải xã hội hóa các sinh hoạt văn hóa dân gian, tức trả nó về với chủ nhân là quần chúng nhân dân để nó được bảo tồn, làm giàu và phát huy trong môi trường xã hội hiện nay. Bởi vì, suy cho cùng chỉ có nhân dân với sự chỉ đạo và giúp đỡ của Nhà nước, mới là người có thể bảo tồn, giữ gìn, làm giàu và phát huy các di sản văn hóa truyền thống của mình. ❑

Digitized by Google

TỪ CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG Ở HUYỆN THĂNG BÌNH (QUẢNG NAM)

TRẦN DŨNG MẠNH *

NHỮNG kết quả bước đầu mà Đảng bộ huyện Thăng Bình đã đạt được thông qua việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 *(lần 2)* trong thời gian qua là những tiền đề rất thuận lợi để Đảng bộ và nhân dân toàn huyện tiếp tục thực hiện tốt những nhiệm vụ chính trị đặt ra trong thời kỳ đổi mới. Từ quá trình thực hiện Đảng bộ rút ra một số kinh nghiệm sau đây.

1. Thường xuyên quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, *luôn quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.*

Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng : "Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân" (Bản thảo Di chúc 5-1968). Từ nhận thức đó, ngay từ đầu nhiệm kỳ XV, Đảng bộ huyện Thăng Bình đã ban hành Nghị quyết chuyên đề *"Củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên"*. Nội dung nghị quyết vừa khái quát các quan điểm chỉ đạo có tính nguyên tắc về công tác xây dựng Đảng, vừa đề cập đến những vấn đề cụ thể liên quan đến thực tiễn của các tổ chức cơ sở đảng và mỗi đảng viên trong từng đảng bộ. Tuy đạt được nhiều ưu điểm ở những mức độ khác nhau, song nhìn chung, trong các tổ chức đảng cơ sở và đảng viên của Đảng bộ Thăng Bình vẫn còn không ít những biểu hiện tiêu cực : sa sút phẩm chất đạo đức, phai nhạt lý tưởng, chủ quan, mất cảnh giác, và đặc biệt là thiếu khoa học, kém năng lực trong lãnh đạo và điều hành công tác.

Việc thực hiện nghị quyết chuyên đề về : *"Củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên"* của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thăng Bình có vai trò như là một trong những điều kiện cần thiết để cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 *(lần 2)* sớm bắt rễ vào cuộc sống. Qua gần 5 năm thực hiện, kết quả đáng mừng là trong toàn Đảng bộ đã có nhiều bước chuyển biến tốt. Số tổ chức cơ sở đảng trong diện yếu kém được thu hẹp dần (đến nay chỉ còn 2/63 tổ chức cơ sở đảng bị xếp loại yếu, kém. Đầu nhiệm kỳ Đại hội XV số lượng này là trên 10%). Chất lượng sinh hoạt đảng và phẩm cách người đảng viên cũng có nhiều chuyển biến. Tình trạng *"bằng mặt không bằng lòng"* và những biểu hiện của sự mất đoàn kết nội bộ không còn là môi trường làm sinh sôi nảy nở những biểu hiện tiêu cực như trước đây.

2. *Trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết nhất thiết phải được cụ thể hóa trên cơ sở* ***vận dụng sáng tạo*** *tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đơn vị.*

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 *(lần 2)* là hợp lòng dân, song, từ chủ trương đến hiện thực bao giờ cũng còn một khoảng cách. Đã có nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước do không thực hiện đến nơi đến chốn, hoặc quá rập khuôn, máy móc nên hiệu quả đem lại thấp, thậm chí làm suy giảm lòng tin tưởng trong nhân dân. Nội dung công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong Nghị quyết Trung ương 6 *(lần 2)* được nhìn từ tầm vĩ mô, trên cơ sở đánh giá thực trạng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trên phạm vi bao quát. Nếu lấy tinh thần đó để soi rọi thì địa phương nào cũng tìm thấy những điều phù hợp với mình. Song, phải tùy theo tính chất và mức độ mà xác định đâu là vấn đề nổi cộm của địa phương để tập trung giải quyết phù hợp theo từng giai đoạn. Với cách nhìn nhận đó, Đảng bộ huyện Thăng Bình đã xây dựng chương trình hành động

* Bí thư Huyện ủy Thăng Bình, Quảng Nam

Digitized by Google

cho mình, lấy công tác tự phê bình và phê bình làm trọng tâm, triển khai ngay một cách có định hướng, tập trung trước tiên vào các vấn đề :

- ***Lĩnh vực chính trị tư tưởng***, cụ thể là đấu tranh với một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút ý chí chiến đấu, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, lời nói không đi đôi với việc làm.

- Trong lĩnh vực ***đạo đức lối sống***, kiên quyết đấu tranh với các đối tượng cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, xa rời quần chúng nhân dân, lợi dụng chức quyền, vun vén cho quyền lợi cá nhân.

Trong việc tổ chức điều hành, quan tâm trước nhất đến một số vụ việc nổi cộm, gây dư luận không tốt trong nội bộ và quần chúng, tập trung vào một số vấn đề như : quản lý đất đai, thực hiện chính sách, quản lý ngân sách tài chính ; đoàn kết thống nhất nội bộ ; nâng cao tinh thần trách nhiệm...

Khi cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai sâu rộng, nhất quán, các vấn đề nêu trên tuy ở các mức độ khác nhau, nhưng đã nhanh chóng được phát hiện và khắc phục ở các địa phương, đơn vị. Qua sơ kết 1 năm thực hiện cuộc vận động, có 36 cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật. Nhiều vụ tranh chấp đất đai được giải quyết, hàng chục trường hợp khai man để làm chế độ trợ cấp thương binh, liệt sĩ không đúng đối tượng được đấu tranh làm rõ. Năm địa phương, đơn vị có biểu hiện lợi dụng chức quyền, cố ý làm sai, gây thiệt hại tài sản công dân, tài sản xã hội chủ nghĩa đã được đưa ra ánh sáng v.v...

Có thể nói, cả cái tốt và cái xấu của một địa phương, một đơn vị, hay thậm chí trong mỗi cá nhân dù ít hay nhiều đều có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến toàn phong trào, đến cả tập thể lớn. Hiệu quả đem lại cho công việc chung sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc xử lý từng vấn đề riêng, việc biết phát huy cái tốt, khắc phục cái xấu và nhân rộng những điển hình tích cực.

3. Giải quyết tốt, dứt điểm các vụ việc nảy sinh *sẽ có ý nghĩa giáo dục rất lớn, làm tiền đề cho thực hiện các bước tiếp theo trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng.*

Phương châm cơ bản trong công tác xây dựng Đảng là xây dựng đi đôi với chỉnh đốn, trong đó đặc biệt đề cao tính xây dựng. Muốn thực hiện tốt phương châm này, điều cần quan tâm đầu tiên là phải làm đến nơi, đến chốn, tránh tình trạng *"đầu voi, đuôi chuột"* hay *"đánh trống bỏ dùi"*. Hiểu rõ điều đó, trong khâu hoàn tất công tác tự phê bình và phê bình, Thường vụ Huyện ủy Thăng Bình đã tổ chức nhiều phiên họp để xem xét các vụ việc nhức nhối ở các địa phương, đơn vị, qua đó có thể nhìn nhận, đánh giá từng vụ việc một cách xác thực và chỉ đạo các cơ sở, các cơ quan chức năng có biện pháp xử lý phù hợp, kịp thời. Những vụ việc sai phạm nghiêm trọng sẽ đề nghị tới sự can thiệp của các cơ quan bảo vệ pháp luật. 36 trường hợp cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật (trong đó có 3 trường hợp bị khởi án, khởi tố bị can) là nỗi đau chung của Đảng bộ. Tuy nhiên, do kiên quyết xử lý nghiêm túc, đúng người, đúng tội, không né tránh, không bao che nên cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng tại Đảng bộ Thăng Bình bước đầu đã đem lại những kết quả tích cực. Người bị xử lý kỷ luật lúc đầu cũng có những lý lẽ phản ứng, bao biện, nhưng khi kết luận được đưa ra dựa trên một cơ sở pháp lý vững chắc và có nguyên tắc, hai yếu tố tình - lý được giải quyết hài hòa thì hành động phản ứng thiếu cơ sở đó lại trở thành tiếng nói lạc lõng, không có sức thuyết phục. Các vụ việc xảy ra được xử lý nghiêm, đúng mực sẽ có tác dụng tích cực không chỉ ngay lúc đó, về lâu dài, sẽ hình thành một nếp làm việc, một dấu ấn tâm lý tốt. Chính vì thế, hầu hết các trường hợp bị kỷ luật đã nhận ra sai lầm, khuyết điểm, có hướng phấn đấu sửa chữa, cố gắng vươn lên và sau một thời gian đã bước đầu có những chuyển biến tiến bộ.

4. *Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải trở thành* ***cuộc vận động thường xuyên có nền nếp*** *trong công tác của từng đảng bộ.*

Những kết quả mà Đảng bộ Thăng Bình đã làm được về cơ bản đã đáp ứng được nguyện vọng của đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân, song đó mới chỉ là bước mở đầu. Ở các giai đoạn tiếp theo, cuộc vận động có đi vào cuộc sống, có trở thành một trong những tác nhân quan trọng khôi phục lại niềm tin trong nhân dân hay không, phần lớn sẽ phụ thuộc vào cách làm, cách tổ chức thực hiện cuộc vận động trong từng tổ chức, cơ sở đảng ở từng địa phương, đơn vị. Đảng bộ huyện Thăng Bình ngay từ bước đầu triển khai đã chủ trương đưa cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thành việc làm thường xuyên, có nền nếp trong toàn đơn vị. Nội dung cụ thể của các cuộc vận động ở các thời kỳ khác nhau có thể tập trung vào những trọng điểm khác nhau, song phương pháp, biện pháp tiến hành phải mang tính nguyên tắc và xuyên suốt ; *tự phê bình và phê bình* luôn phải là

(Xem tiếp trang 48)

Digitized by Google

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN, MỞ RỘNG VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

LÊ MINH HỒNG *

NỀN kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đang từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa, hoạt động sản xuất kinh tế đa dạng, nhu cầu vốn đầu tư lớn. Nhưng vì đặc điểm của đa số hộ nông dân và các món vay thường nhỏ lẻ nên cho dù Ngân hàng thương mại quốc doanh "đứng ngay bên cạnh" họ vẫn không "lấp hết chỗ trống" ở nông thôn về đáp ứng các nhu cầu vay vốn của nông dân. Mặt khác, một bộ phận nông dân làm ăn giỏi đã có thu nhập khá, phần tích lũy đang ngày một tăng làm xuất hiện nhu cầu huy động tối đa nguồn vốn nhàn rỗi này. Do vậy, việc mở rộng tín dụng của Nhà nước và của nhân dân tạo điều kiện thuận lợi để tăng tỷ lệ hộ nông dân nghèo được vay vốn phát triển sản xuất kinh tế, khuyến khích các hình thức tín dụng hợp tác tự nguyện của nông dân, tạo cơ sở pháp lý cho hệ thống tín dụng nông thôn hoạt động có hiệu quả và an toàn là vấn đề bức xúc hiện nay. Chính vì vậy, ngày 10-10-2000 Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 57/CT-TU về củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

Từ trước tới nay, quỹ tín dụng nhân dân được tổ chức và hoạt động theo phương châm tương trợ, giúp đỡ, không đặt mục tiêu lợi nhuận làm trọng tâm, "năng nhặt chặt bị", gom các món nhỏ để cho vay tại chỗ... Đây là thế mạnh mà các ngân hàng thương mại khác không có được. Do vậy, mục tiêu đặt ra đối với việc thành lập hệ thống quỹ tín dụng nhân dân là tạo nên một hệ thống bao gồm các pháp nhân độc lập hoạt động trong mối liên kết chặt chẽ, thống nhất về mô hình tổ chức, nội dung hoạt động nhằm bảo đảm an toàn trong hoạt động và phát triển của cả hệ thống.

Tuy nhiên, sau một thời gian đi vào hoạt động, về cơ bản, mô hình tổ chức, chất lượng hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân vẫn còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chính dẫn đến những tồn tại trong hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, là do :

- *Thứ nhất :* Nhận thức về mô hình quỹ tín dụng nhân dân của một bộ phận thành viên chưa được đúng đắn, nhiều thành viên chưa thấy rõ quỹ tín dụng nhân dân là một tổ chức kinh tế hợp tác, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện và tự chủ, nhằm huy động vốn và cho các thành viên vay để tương trợ, giúp đỡ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống ; ngược lại họ coi đây là một tổ chức kinh doanh tiền tệ, tín dụng. Vì vậy, việc điều hành hoạt động của quỹ xa rời tôn chỉ mục đích, chạy theo lợi nhuận, kinh doanh đơn thuần.

- *Thứ hai :* Trình độ cán bộ của quỹ tín dụng còn bất cập so với yêu cầu, bố trí cán bộ không hợp lý, một số cán bộ còn kiêm nhiệm quá nhiều công việc (bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch tham gia chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc điều hành), nên thời gian dành cho công việc của quỹ tín dụng nhân dân rất ít, hoặc do tuổi cao, sức yếu, không phù hợp với hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, trong khi chưa tạo được lớp cán bộ trẻ kế cận. Có nơi, có cán bộ đã qua đào tạo lại không được sử dụng, người không được đào tạo lại được sử dụng, làm cho hoạt động của một số quỹ tín dụng nhân dân bị suy yếu dần...

- *Thứ ba :* Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ quỹ tín dụng nhân dân chưa nghiêm, đã có biểu hiện xa rời thể lệ, chế độ, điều lệ, quy chế, có xu hướng phát triển theo hình thức cổ phần ; điều hành hoạt động quỹ theo kiểu gia đình chủ nghĩa, nhiều nơi việc điều hành nằm trong tay những người nắm nhiều vốn góp, nguyên tắc hợp tác, tương trợ bị xem nhẹ.

- *Thứ tư :* Công tác kiểm soát nội bộ chưa chú trọng đúng mức nên tác dụng đối với việc giám sát, bảo đảm an toàn trong hoạt động còn thấp. Công

* TS kinh tế

Digitized by Google

tác thanh tra giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân của Ngân hàng nhà nước tuy đã tích cực triển khai, nhưng chủ yếu là việc kiểm tra, uốn nắn ; việc xử lý có lúc chưa kịp thời và thiếu kiên quyết. Việc thiếu cơ chế xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân cũng làm giảm tính nghiêm minh của cơ quan thanh tra và không nâng cao được ý thức chấp hành pháp luật của các cán bộ quản lý điều hành quỹ tín dụng nhân dân. Việc phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cán bộ quản lý và bộ phận thanh tra giám sát hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân từ trung ương đến địa phương, nhất là chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh, thành phố chưa rõ ràng, còn chồng chéo đã hạn chế hiệu quả công tác quản lý và thanh tra giám sát hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân.

- *Thứ năm :* Tính liên kết giữa các thành viên, giữa các quỹ với nhau trong hệ thống như : điều hòa vốn, bảo hiểm tiền gửi, bảo lãnh tiền vay, phối hợp quản lý thống nhất về cân đối vốn và sử dụng vốn của toàn hệ thống, bảo đảm khả năng chi trả và thanh toán, kiểm tra giám sát hoạt động, cung cấp các thông tin... cho các quỹ tín dụng nhân dân làm chưa tốt, mới chỉ dừng lại ở mức chuyển tải vốn vay từ quỹ tín dụng trung ương xuống quỹ tín dụng khu vực, quỹ tín dụng cơ sở và ngược lại, còn các mặt hoạt động khác đều chưa được triển khai hoặc thực hiện chưa có hiệu quả. Vì vậy, không ít trường hợp các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thừa vốn lại thường đem gửi các tổ chức tín dụng khác ngoài hệ thống, trong khi đó các quỹ tín dụng nhân dân khác thiếu vốn lại đi vay ngoài hệ thống. Vai trò Quỹ tín dụng trung ương trong giai đoạn này cũng rất mờ nhạt, chỉ thực hiện được nhiệm vụ nhận vốn vay của các tổ chức trong nước và quốc tế, chuyển tải cho các quỹ tín dụng cơ sở, quỹ tín dụng khu vực vay, chưa thực hiện được các chức năng nhiệm vụ của một quỹ tín dụng cấp quốc gia. Do vậy, trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân chưa thực sự có được một cơ quan đầu mối đứng ra làm đại diện quan hệ với Chính phủ, Ngân hàng nhà nước, các tổ chức tín dụng và các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước, nhằm bảo đảm hoạt động an toàn và phát triển cho cả hệ thống. Có thể nói hoạt động của từng cấp trong hệ thống vẫn chưa phát huy tốt vai trò, vị trí của nó.

- *Thứ sáu :* Cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước về quỹ tín dụng cũng chưa được hoàn chỉnh đã làm ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, như mức thuế áp dụng cho quỹ tín dụng nhân dân là quá cao. Trong hoạt động tín dụng khi có những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng chưa có cơ chế bù đắp kịp thời như đối với các Ngân hàng thương mại quốc doanh.

- *Thứ bảy :* Cấp ủy và chính quyền các cấp ở một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và chức năng của mô hình quỹ tín dụng nhân dân. Do vậy, có nơi đã coi quỹ tín dụng nhân dân như tổ chức tài chính của xã, phường, nên đã can thiệp quá sâu vào hoạt động nghiệp vụ của quỹ tín dụng nhân dân. Ngược lại, có nơi lại coi quỹ tín dụng nhân dân như tổ chức tín dụng do Ngân hàng nhà nước lập ra, cấp ủy và chính quyền khoán trắng cho ngân hàng, chưa có sự quan tâm, giúp đỡ thường xuyên đối với quỹ tín dụng nhân dân. Vì vậy, ở những địa phương này các quỹ tín dụng nhân dân gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động.

Biện pháp cấp bách trước mắt cần thực hiện là hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân ở nước ta, tổ chức lại hợp tác xã tín dụng như thế nào để thích ứng với các yêu cầu của việc phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước. Luận cứ để xác định mục tiêu hoàn thiện mô hình tổ chức quỹ tín dụng nhân dân là phải tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa các quỹ tín dụng nhân dân từ cơ sở đến trung ương theo Luật hợp tác xã. Ngân hàng nhà nước phải trở về làm đúng chức năng quản lý nhà nước của mình. Thực tế hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân từ năm 1993 đến nay cho thấy chỉ nên tổ chức quỹ tín dụng nhân dân theo mô hình 2 cấp, bỏ cấp trung gian là quỹ tín dụng nhân dân khu vực :

- Cấp 1 : Quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tương hỗ, ngân hàng hợp tác xã (hình thức hợp tác xã), tổ chức và hoạt động theo Luật hợp tác xã, Luật ngân hàng, Luật các tổ chức tín dụng và công ty tài chính. Quỹ tín dụng nhân dân tự nguyện gia nhập Liên minh các quỹ tín dụng nhân dân, được hưởng lãi từ vốn góp và các dịch vụ cần thiết khác. Và để giúp cho các quỹ tín dụng dễ hoạt động hơn, chúng ta nên căn cứ vào một số tiêu chí như vốn điều lệ, môi trường hoạt động... để phân biệt các quỹ tín

Digitized by Google

dụng theo từng loại hình cụ thể, như tổ tương hỗ, ngân hàng hợp tác xã...

- Cấp II : Liên minh các quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam được thành lập do các quỹ tín dụng nhân dân tự nguyện cùng nhau thành lập ở cấp trung ương, bao gồm Quỹ tín dụng nhân dân trung ương và các tổ chức hỗ trợ cho hoạt động của hệ thống như Công ty kiểm toán, Trung tâm đào tạo, Quỹ bảo toàn vốn... Trong thời gian trước mắt cần nghiên cứu để thành lập ngay tổ chức này. Liên minh các quỹ tín dụng nhân dân sẽ là tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các quỹ tín dụng nhân dân ; tuyên truyền, vận động phát triển các quỹ tín dụng nhân dân thành viên, tư vấn, cung ứng dịch vụ và hỗ trợ cho các quỹ tín dụng nhân dân, Quỹ tín dụng trung ương ; tham gia tư vấn xây dựng chính sách, pháp luật về quỹ tín dụng nhân dân. Đồng thời là cơ quan đại diện cho các Quỹ tín dụng nhân dân và Quỹ tín dụng trung ương trong việc phối hợp hoạt động giữa các thành viên trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Vì hệ thống quỹ tín dụng nhân dân là loại hình kinh tế hợp tác đặc biệt, khác với các loại hình kinh tế hợp tác khác, do vậy việc thành lập Liên minh các quỹ tín dụng nhân dân là cần thiết cho sự phát triển và an toàn của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Trong tương lai, Liên minh các quỹ tín dụng nhân dân nên là thành viên của Hội đồng liên minh các hợp tác xã Việt Nam, được hưởng mọi quyền lợi như các tổ chức hợp tác xã khác và khi đó hệ thống quỹ tín dụng sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra và giám sát của Ngân hàng nhà nước về mặt cơ chế, nghiệp vụ.

Nằm trong Liên minh các quỹ tín dụng nhân dân *Quỹ tín dụng trung ương* sẽ là hình thức liên hiệp các quỹ tín dụng với các chức năng nhiệm vụ như một ngân hàng hợp tác xã, hoặc như một ngân hàng thương mại, làm vai trò đầu mối điều hòa vốn trong toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân ; bảo đảm khả năng thanh toán và chi trả trong hệ thống, là đầu mối thanh toán của hệ thống với các tổ chức trong và ngoài nước ; tiếp nhận vốn đầu tư và tài trợ của Nhà nước, các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức của chính phủ và phi chính phủ trong và ngoài nước đầu tư cho chương trình nông nghiệp, nông thôn, thông qua hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, Quỹ tín dụng trung ương sẽ có các chi nhánh ở tỉnh, thành phố, vùng trọng điểm, hoặc các văn phòng đại diện ở những nơi cần thiết.

Để bộ máy gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, ở trung ương một số thành viên Hội đồng quản trị của Quỹ tín dụng trung ương cũng sẽ là thành viên của Hội đồng quản trị của Liên minh các quỹ tín dụng và chủ tịch Liên minh sẽ đảm nhiệm vai trò chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng trung ương. Bộ máy giúp việc của Liên minh (ở những nơi có Quỹ tín dụng trung ương hoặc chi nhánh của nó) sẽ sử dụng bộ máy của Quỹ tín dụng trung ương (cả cán bộ lẫn cơ sở vật chất). Tuy nhiên, với bộ máy hiện nay của Quỹ tín dụng trung ương, không thể đáp ứng được yêu cầu, do vậy cần tăng cường những cán bộ có đủ năng lực trình độ để hoàn thành tốt nhiệm vụ trên.

Cùng với việc hoàn thiện về mô hình tổ chức, hệ thống quỹ tín dụng cần có những giải pháp thích hợp về cơ chế, nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân như : giải pháp về huy động vốn, sử dụng vốn... Vì hệ thống quỹ tín dụng không thể áp dụng một cách cứng nhắc những cơ chế nghiệp vụ của các tổ chức tín dụng thương mại, mà phải đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, mở rộng mạng lưới huy động vốn, huy động tiền gửi tiết kiệm gắn với cho vay..., hoặc như đa dạng hóa các hình thức cho vay kết hợp với chu kỳ sản xuất và thu hoạch, nên coi việc dùng tài sản thế chấp không phải là mục đích tự thân, mà chỉ là phương tiện, là biện pháp để phòng ngừa rủi ro, không có tài sản thế chấp nào tốt hơn hiệu quả sản xuất kinh doanh của nguồn vốn vay ; mở rộng các hình thức cho vay tín chấp đối với các hộ nghèo. Cho vay bằng tín chấp thông qua tổ liên doanh, nhóm liên đới chịu trách nhiệm, tổ tiết kiệm vay vốn hoặc những sản phẩm vật nuôi, cây trồng (đối với món vay nhỏ) ; cho vay bằng bảo lãnh của các cấp chính quyền, các đoàn thể xã hội ; thủ tục cho vay phải đơn giản và thuận tiện...

Công tác đào tạo và tự kiểm tra, kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân cũng phải được quan tâm đúng mức. Đây là vấn đề lớn đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh nói chung, cũng như các tổ chức quỹ tín dụng nói riêng. Bài học về sự yếu kém của các cán bộ quản lý, điều hành các hợp tác xã tín dụng trước đây đã đặt ra yêu cầu về công tác cán bộ cho quỹ tín dụng điều kiện quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quỹ. Do vậy, trong thời gian tới, chúng ta cần đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi

Digitized by Google

dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ các quỹ tín dụng một cách có hiệu quả.

Môi trường hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân cần phải được cải thiện hơn. Cụ thể nên sớm ban hành nghị định về hệ thống quỹ tín dụng nhân dân ; đổi mới cơ chế chính sách tạo đà cho sự phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân như chính sách đầu tư, khuyến khích đầu tư trong nước và nước ngoài, mở rộng cung cấp tín dụng. Ngoài ra cần có chính sách trợ giá nông sản, chính sách bảo hiểm sản xuất nông nghiệp, chính sách thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa, chính sách thuế trong nông nghiệp và hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, chính sách khuyến nông...

Sự phối hợp giữa quỹ tín dụng nhân dân với các tổ chức tín dụng trên địa bàn nông thôn cần phải được quan tâm đúng mức và phải có các giải pháp thích hợp. Thực tế cho thấy Ngân hàng thương mại, các ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn, không thể mở rộng mạng lưới xuống khắp các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, bởi vì chi phí hoạt động, bộ máy, con người sẽ quá lớn. Quỹ tín dụng nhân dân được hình thành và phát triển phù hợp sẽ là những trung gian tài chính năng động, là những nhịp cầu nối giữa các tổ chức tín dụng khác với nông thôn. Khi đó các Ngân hàng thương mại sẽ là các ngân hàng bán buôn, các quỹ tín dụng nhân dân trở thành người bán lẻ, là các "vệ tinh" của các tổ chức tín dụng. Quỹ tín dụng nhân dân sẽ là người chuyển tải vốn của các tổ chức tín dụng đến tay người nông dân, đồng thời cũng là người huy động vốn nhàn rỗi từ người nông dân cho các tổ chức tín dụng. Điều đó sẽ giúp cho các tổ chức tín dụng giảm được chi phí và con người ; ngược lại các tổ chức tín dụng sẽ tạo điều kiện, hỗ trợ về nghiệp vụ, cơ sở vật chất, đào tạo... cho các quỹ tín dụng nhân dân. Sự kết hợp lợi ích hài hòa giữa các tổ chức tín dụng sẽ tạo ra sức mạnh tài chính to lớn, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng tăng của kinh tế nông nghiệp và nông thôn ; hạn chế sự phát triển không lành mạnh và ngăn ngừa sự đổ vỡ của các tổ chức tín dụng trong khu vực không chính thức.

Vai trò của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương, các đoàn thể đối với quỹ tín dụng nhân dân trong giai đoạn này là rất cần thiết và phải được tăng cường hơn nữa. Ở những nơi nào cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chính quyền đề cao trách nhiệm tổ chức, quản lý và các đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động nhân dân tham gia, thì ở đó mô hình Quỹ tín dụng nhân dân được sớm hình thành, hoạt động ổn định và phát triển tốt. ❑

TỪ CUỘC VẬN ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 44)

một *công cụ xây dựng sắc bén.* Qua kiểm nghiệm thực tế, những nguyên tắc này đã phát huy tác dụng to lớn trong quá trình củng cố nội bộ Đảng.

Mục tiêu chung của công tác xây dựng Đảng là làm cho các tổ chức cơ sở đảng, mọi cán bộ, đảng viên có đầy đủ phẩm chất, năng lực, uy tín để lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Đáp ứng yêu cầu đó, tất yếu mỗi cá nhân phải chú trọng quá trình tự hoàn thiện mình.

Đại hội Đảng cơ sở ở Đảng bộ huyện Thăng Bình về cơ bản đã đạt yêu cầu theo tinh thần Chỉ thị 54 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 24 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam. Một trong những yếu tố tạo ra sự thành công của Đại hội là Đảng bộ đã tập trung làm tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 *(lần 2)* (từ khi triển khai cuộc vận động đến khi tổ chức Đại hội Đảng các cấp là gần 1 năm). Thực hiện cuộc vận động đồng thời với việc chuẩn bị một cách toàn diện về nội dung, về nhân sự, về những định hướng lớn cho tiến hành Đại hội. Cả những kết quả đạt được, cả những mặt còn tồn tại, yếu kém trong các tổ chức cơ sở đảng đã được phát hiện và có kế hoạch khắc phục cụ thể trong Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp vừa qua. Những thành viên được bầu vào cấp ủy các cấp khóa mới với sự tín nhiệm cao của đại biểu Đại hội đã chứng tỏ kết quả làm việc nghiêm túc của quá trình tổ chức cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trước đó. Trong phân tích chất lượng, đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng và phân loại đảng viên vào cuối năm 2000 và những năm tiếp theo, Đảng bộ huyện Thăng Bình chủ trương tiến hành rà soát kỹ lưỡng hơn nữa theo đúng như yêu cầu của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Làm tốt điều đó, Đảng bộ Thăng Bình có cơ sở để tin tưởng rằng, trong thời gian tới toàn Đảng bộ sẽ có những bước phát triển vượt bậc, vươn lên làm tròn sứ mệnh hạt nhân lãnh đạo ở địa phương. ❑

Digitized by Google

THÁI ĐỘ CỦA XÃ HỘI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG KINH DOANH TRONG NỀN KINH TẾ NƯỚC TA

TRẦN MINH CHÂU *

Giữa năm 1999, Học viện Chính trị quốc gia hợp tác với Trường đại học xã hội - nhân văn và Ban tư vấn Chính phủ triển khai cuộc điều tra về "Thái độ của xã hội Việt Nam đối với kinh doanh". Cuộc điều tra đã tiến hành với 3 267 phiếu hỏi cho bốn đối tượng : quan chức, người kinh doanh, sinh viên, hộ gia đình ở ba thành phố lớn, là Hà Nội, Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh.

Kết quả điều tra đã cho thấy đa số người dân (74,6%) đều thừa nhận kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đem lại điều tốt đẹp cho cuộc sống gia đình của họ, số người phản đối hầu như không đáng kể (3,4%). Điều này chứng tỏ kinh tế thị trường ở nước ta đã tạo ra những ấn tượng tốt đối với người dân.

Tuy nhiên, khi được hỏi về kinh doanh tư nhân, cũng số người trên lại khẳng định rằng điều kiện kinh doanh của tư nhân ở Việt Nam là khó khăn (với 78,4% người đồng ý). Đi sâu tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng khó khăn đó, nhóm điều tra đã tìm ra ba nhóm yếu tố tác động : 1 - Thị trường sơ khai ; 2 - Quản lý nhà nước ; 3 - Thực lực của chính các nhà đầu tư và quản lý. Bài viết này nêu một số nhận xét bước đầu từ việc phân tích những nguyên nhân đó.

1 - Thị trường sơ khai

Thông thường tính tổ chức hiện đại của kinh tế thị trường phụ thuộc rất lớn vào sự đầy đủ, hoàn thiện và hợp lý của hệ thống luật lệ, thể chế của một quốc gia trong đó các bộ luật kinh tế và việc thực thi nghiêm minh các bộ luật đó có vai trò quyết định. Tuy nhiên, ở nước ta, người dân vẫn còn cảm nhận rằng luật lệ, thể chế chưa được phù hợp với kinh tế thị trường. Bằng chứng là có 25% số người được hỏi kêu ca về luật lệ, thể chế và 6% phàn nàn về tính hỗn loạn của kinh tế thị trường ở bước ban đầu. Vì vậy, khá đông người còn lo ngại về những tiêu cực do kinh tế thị trường đem lại như tham nhũng (16,5%), mức rủi ro cao (13,4), phân hóa giàu nghèo (17,8%).

Ở nước ta, qua điều tra cho thấy người dân chấp nhận ở mức cao kinh tế thị trường, song vẫn nhận thấy kinh tế thị trường hiện tại mới chỉ là sơ khai và họ cho rằng tình trạng sơ khai như thế sẽ là mảnh đất tốt nảy mầm và phát triển những tiêu cực của kinh tế thị trường và kinh doanh, nhất là kinh doanh tư nhân sẽ rất khó khăn khi phát triển trong một môi trường như vậy. Mặt khác, thị trường sơ khai gây khó khăn cho kinh doanh, nhưng người dân không coi trọng nguyên nhân này lắm. Biểu hiện là khi so sánh 4 nguyên nhân gây ra thực trạng kinh doanh hiện nay thì nguyên nhân thị trường sơ khai chỉ có 6% số người trả lời là quan trọng nhất. Kết hợp với nhiều câu hỏi khác, ví dụ câu hỏi "đánh giá thực trạng kinh doanh hiện nay ở Việt Nam" có 58,5% trả lời là bình thường, 9,3% trả lời là tốt, 12,6% trả lời là xấu, đã cho thấy mặc dù thị trường sơ khai nhưng vẫn có thể chấp nhận nó như một tất yếu khách quan để hành động thích nghi với chúng.

Theo chúng tôi đây là thái độ tích cực và có lẽ chính nhờ tinh thần tích cực của dân chúng nên trong quá trình chuyển đổi đầy khó khăn với những bước đi chưa định hình cả quan điểm lẫn thể lệ, chính sách và quản lý nhà nước nhằm thiết lập kinh tế thị trường mà kinh doanh, đặc biệt là kinh doanh tư nhân vẫn hình thành và phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh sự đánh giá thực trạng kinh doanh là bình thường lại có 78,4% số người được hỏi khẳng định điều kiện kinh doanh hiện nay là rất khó khăn. Điều đó nói lên nguyện vọng của các nhà doanh nghiệp muốn Nhà nước có biện pháp giúp đỡ họ tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để tiến hành kinh doanh có hiệu quả hơn.

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

2 - Quản lý nhà nước

Đây là nguyên nhân được nhắc đến nhiều nhất qua kết quả điều tra. Ví dụ, khi nêu lên câu hỏi tại sao kinh doanh tư nhân lại khó khăn thì có 60,5% số người được hỏi cho rằng do thủ tục hành chính rườm rà gây khó khăn (31,1%), sau đó là chính sách luôn thay đổi (24,3%) và quan điểm thiếu dứt khoát (5%). Ở phần câu hỏi mở rộng, cư dân tập trung nhiều vào vai trò của nhà nước vừa theo nghĩa chưa tạo đủ điều kiện cho kinh doanh, vừa trông đợi sự hỗ trợ hơn nữa của nhà nước cho kinh doanh tư nhân. Ví dụ, trong tổng số người tham gia trả lời câu hỏi mở có 75,1% kiến nghị, thắc mắc liên quan đến Nhà nước, 2,7% góp ý về kiến thức năng lực kinh doanh, 22,1% về những vấn đề khác, trong đó kiến nghị, thắc mắc nhiều nhất về cơ chế, chính sách pháp luật (38,4%), về tham nhũng (13%) và thủ tục hành chính (10,8%).

Ấn tượng mạnh nhất của kết quả điều tra là cư dân vừa chưa hài lòng với quản lý nhà nước (đặc biệt là thể chế chính sách, pháp luật) vừa hy vọng, trông đợi quá nhiều vào Nhà nước. Nói cách khác, người kinh doanh đặt chữ tín vào Nhà nước rất lớn, coi Nhà nước không phải thiết chế quyền lực tách biệt khỏi dân mà là nguồn sức mạnh cho dân, là chỗ dựa nâng đỡ kinh doanh. Truyền thống này có ưu điểm là giới kinh doanh ít có tư tưởng chống đối mạnh mẽ quản lý nhà nước như trong các thiết chế dân chủ tư sản điển hình khác. Song nó cũng có nhược điểm là làm cho giới kinh doanh đặc biệt là các nhà kinh doanh tư nhân thiên về những mánh lới, thủ đoạn vặt vãnh, mua chuộc các nhân viên quản lý tác nghiệp của Nhà nước như người thu thuế, hải quan, kiểm dịch... và sau đó lại hậm hực vì phải chi phí vô lý như vậy. Họ gán đặc tính tham nhũng cho cán bộ và bộ máy nhà nước, mà không thấy rằng chính hành vi cạnh tranh và kinh doanh không "đàng hoàng" đó của họ là môi trường thuận lợi làm cho tệ nạn tham nhũng tồn tại, phát triển.

Ngoài ra nhiều người kiến nghị Nhà nước nên cải cách hành chính, cởi mở chính sách hơn nữa để khuyến khích đầu tư tư nhân. Những kiến nghị này thể hiện nguyện vọng của cư dân muốn đẩy mạnh cải tổ quản lý nhà nước hơn nữa, nhất là chống tệ nạn quan liêu giấy tờ.

Thông qua các kiến nghị thu thập được qua điều tra cho thấy hầu hết doanh nhân chưa tự thấy sức mạnh của chính mình, vẫn coi công việc phát triển kinh tế, đẩy mạnh kinh doanh, phục hưng nền kinh tế chủ yếu là trách nhiệm của nhà nước, doanh nghiệp chỉ chờ đợi, đòi hỏi nhà nước phải quan tâm cải thiện thị trường trong nước, thậm chí hô hào bảo hộ và tích cực mở rộng thị trường ngoài nước mà không tự tổ chức, tự hoàn thiện, tự đổi mới đi lên... Theo chúng tôi nếu vẫn còn mang tâm lý này thì giới doanh nhân Việt Nam sẽ có ít kích thích để mạo hiểm, dám đầu tư, dám đương đầu với khó khăn, từ đó mà thành đạt.

Để phân tích sâu hơn bản chất nguyên nhân quản lý nhà nước chưa tương xứng với đòi hỏi kinh doanh, các nhà điều tra có đưa ra câu hỏi : "Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trước đây ảnh hưởng tới mức độ nào đến việc kinh doanh hiện nay". 88,2% số người cho rằng nó còn ảnh hưởng, trong đó 22,5% nhấn mạnh rằng mức độ ảnh hưởng còn khá nặng nề. Như vậy, quản lý nhà nước chưa tương xứng không chỉ do hiện tại nước ta chưa quen với kinh tế thị trường, mà còn có biểu hiện khá rõ sự níu kéo của cơ chế cũ. Qua thắc mắc, kiến nghị, đòi hỏi mà cư dân ghi vào phần câu hỏi mở kết hợp với các câu hỏi khác, các nhà điều tra rút ra một số nhận xét :

Thứ nhất, ở bậc quan điểm không có vấn đề nghiêm trọng. Chỉ có 4,2% số người tham gia phàn nàn rằng quan điểm phát triển kinh tế thị trường và kinh doanh tư nhân chưa rõ ràng, nên khoảng 3,9% số người tham gia có tâm lý e ngại chưa dám bước vào kinh doanh. Đây là tiến bộ lớn của công tác tuyên truyền, cũng như chứng tỏ sức thuyết phục của quan điểm vận hành kinh tế thị trường ở nước ta là đúng đắn. Tuy nhiên, khi đi vào các lĩnh vực quản lý cụ thể như luật pháp, chính sách, thủ tục hành chính thì sự kêu ca không phải là ít, đặc biệt là kêu ca về thủ tục hành chính rườm rà, phiền phức, quản lý nhằm mục đích kiểm soát nhiều hơn tạo điều kiện cho doanh nghiệp...

Thứ hai, bản thân người dân cũng còn bị níu kéo bởi cơ chế cũ, tức là ý thức dựa dẫm quá nhiều vào nhà nước, mà không thấy rằng kinh tế thị trường đòi hỏi sự sáng tạo, năng động của mỗi người. Rất nhiều kiến nghị nhà nước hỗ trợ đầu tư, nhà nước tạo điều kiện giáo dục, nhà nước chống buôn lậu, nhà nước chống tham nhũng... mà có rất ít ý kiến phản ánh trách nhiệm của người đầu tư đối với quyền tự chủ kinh doanh. Tuy nhiên, khía cạnh này cũng thể hiện không rõ nét lắm có lẽ vì những người tham gia trả lời câu hỏi hiểu đây là cuộc điều tra để sửa đổi chính sách nhà nước nên họ tập trung vào cải cách nhà nước nhiều hơn.

Digitized by Google

Thứ ba, quản lý nhà nước được đề cập trên tất cả các vấn đề từ thể chế chính sách chung đến bộ máy, cán bộ quản lý và cách thức điều hành. Nạn quan liêu giấy tờ dẫn đến các thủ tục liên quan đến kinh doanh quá ư phiền hà, tốn kém là nguyên nhân được đề cập đến rất nhiều. Nếu gộp cả các kiến nghị về bộ máy quản lý quan liêu với thủ tục hành chính phức tạp thì tổng số kiến nghị này chiếm 20,4% tổng kiến nghị chung. Trong đó có một số kiến nghị phản ánh tính tự chủ của doanh nghiệp, nêu bật tính làng xã, huyết tộc trong xử lý các quan hệ quản lý nhà nước. Đây là nhược điểm của quản lý nhà nước ở nước ta hiện nay, nhưng không phải dễ khắc phục, do nó ít nhiều được xã hội thừa nhận.

Về thể chế chính sách mới, kết quả điều tra cho thấy còn khá nhiều điểm bất hợp lý. Ví dụ, trong bảng câu hỏi chính thức, khi trả lời đâu là nguyên nhân quan trọng nhất làm cho kinh doanh tư nhân khó khăn, có 25% người trả lời cho đó là do thiếu luật lệ, thể chế. Để làm rõ ý kiến này nhóm điều tra đi sâu tìm hiểu và phân tích câu hỏi mở do người trả lời tự đưa ra có 38,4% số các kiến nghị có liên quan đến vấn đề này, đứng hàng đầu trong những băn khoăn lo lắng của nhà đầu tư hiện nay. Các chính sách cần hoàn thiện được họ nêu ra rất nhiều. Ví dụ, chính sách thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập đối với nông dân, chính sách khuyến khích đầu tư trong nước cho tương xứng với chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài, chính sách đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ sinh viên, chính sách công nghệ, khuyến khích áp dụng đề tài khoa học vào thực tiễn... Hệ thống luật cũng được kiến nghị theo hướng đồng bộ, đơn giản và rõ ràng hơn. Các kiến nghị phản ánh tâm trạng bức xúc của dân chúng đòi pháp luật phải bình đẳng với mọi đối tượng kinh doanh và phải được thi hành cho nghiêm chỉnh. Nhiều kiến nghị nhấn mạnh tính nghiêm minh của pháp luật là điều kiện tối cần thiết để kinh doanh lành mạnh và có hiệu quả.

Ngoài luật lệ, chính sách, thái độ của dân cư cũng biểu lộ sự bất bình trước nạn tham nhũng trong thực tế. Rất nhiều kiến nghị kêu gọi nhà nước phải đẩy mạnh chống tham nhũng hơn nữa. Phải có hình phạt và kỷ luật thích đáng đối với người tham nhũng. Một số ý kiến đánh giá nạn tham nhũng đi liền với những biểu hiện cơ hội, bè phái ê kíp ở nước ta rất trầm trọng. Những người được hỏi đều cho rằng chỉ có chống tham nhũng có hiệu quả thì mới làm tốt việc cải cách bộ máy nhà nước.

3 - Thực lực của các nhà đầu tư, quản lý còn yếu

Cuộc điều tra đã cho thấy rằng các doanh nhân và doanh nghiệp ở nước ta tự nhận thức rằng họ rất yếu về các nguồn lực cho hoạt động kinh tế, đặc biệt là về vốn và kiến thức kinh tế thị trường. Ví dụ, khi được hỏi "Trở lực nào lớn nhất ngăn cản hoạt động kinh tế tư nhân phát triển ?" đã có 35,3% số người cho rằng đó là yếu tố thiếu vốn và 15,1% cho rằng đó là yếu tố thiếu kiến thức. Có thể lý giải tại sao người ta lại quá nhấn mạnh yếu tố vốn và kiến thức như thế khi chúng ta kết hợp xem xét kết quả cuộc điều tra với lịch sử phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Trong quá trình hình thành và phát triển, kinh tế tư nhân nước ta luôn gặp những trở ngại rất lớn. Trước kia là sự chèn ép của tư sản mại bản, sau khi giành độc lập lại trải qua hai thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa (ở miền Bắc và ở miền Nam) khá quyết liệt, số tư sản "có máu mặt" trốn ra nước ngoài, tư nhân cá thể còn lại trong nước chủ yếu là tiểu chủ, tiểu thương vốn liếng và kinh nghiệm hoạt động kinh tế thị trường vừa yếu, vừa thiếu.

Từ khi có đổi mới, nhờ luồng gió "kinh tế nhiều thành phần", kinh tế tư nhân đã phục hồi với tốc độ khá nhanh song vẫn còn rất phân tán theo hộ gia đình và cá thể. Chính vì thế số doanh nghiệp tư nhân ở nước ta có quy mô hơn 100 lao động không phải là nhiều, quan hệ bạn hàng truyền thống chưa có. Do vậy, khi muốn vươn ra thị trường thế giới buộc phải cậy nhờ trung gian môi giới thương mại của nước thứ ba, nên khả năng tích tụ rất nhỏ, khả năng tiếp cận và học hỏi kinh nghiệm hoạt động thị trường cũng hạn hẹp. Kết quả điều tra đã phản ánh trung thực nội lực yếu của kinh tế tư nhân hiện nay và do yếu tố môi trường thị trường sơ khai cũng như sự quản lý nhà nước chưa hợp lý đã làm cho nó trầm trọng thêm. Rất nhiều ý kiến than phiền về nạn thiếu thể chế làm cho môi trường cạnh tranh chưa thật sự lành mạnh, người chấp hành đúng luật thì có khi bị thua thiệt, kẻ luồn lách, trốn tránh nhiều thì có lợi hơn. Chẳng những thế bệnh quan liêu sách nhiễu giấy tờ rườm rà còn làm tăng chi phí các giao dịch kinh tế. Sự bất lực ở mức độ lớn trong hoạt động chống hàng giả, hàng nhái, vi phạm bản quyền... thực sự đặt doanh nghiệp tư nhân vào trong tình huống rất khó phân biệt ranh giới giữa cái đúng và cái sai, phán xử cách nào cũng được. Tình trạng trốn nợ, quyt nợ, dây dưa không chịu thanh toán,

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

Nên có "ngày toàn dân thực hành tiết kiệm"

NGUYỄN VĂN HẢI *

"TIẾT kiệm là quốc sách" là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Những năm qua, thực hiện chủ trương này, các cấp, các ngành và các địa phương trong cả nước đã có nhiều quy định và biện pháp cụ thể để hạn chế tình trạng tham ô, lãng phí và bước đầu thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên, việc thực hành tiết kiệm vẫn chưa thành nền nếp thường xuyên, ý thức tiết kiệm chưa trở thành ý thức thường trực của cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước và mọi người dân. Tình trạng lãng phí gây thất thoát tiền bạc, tài sản của công vẫn diễn ra khá phổ biến, có nơi và có vụ việc rất nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước và đời sống nhân dân. Vẫn còn nhiều cuộc họp, hội nghị phô trương hình thức, tốn kém, chất lượng và hiệu quả thực tế thì ít mà lãng phí thời giờ, tiền bạc thì nhiều. Trong khi đó, có một bộ phận cán bộ, công chức đã lạm dụng quá mức quyền hạn, vị trí công tác để thu vén cá nhân, trục lợi, chi tiêu rất tốn kém vào các khoản đi lại, điện thoại, ăn uống, tiếp khách... Từ một quan niệm "tiền chùa không tiêu cũng phí" (?) của không ít người trong các cơ quan nhà nước đã trở thành sự tiêu xài lãng phí ở nhiều nơi. Hiện tượng "làm ít tiêu nhiều" đang phổ biến trong các cơ quan, đơn vị, địa phương và trong nhân dân làm cho nhiều người lo ngại, dư luận xã hội lên án. Có thể nói, thực trạng lãng phí từ trong sản xuất đến tiêu dùng và trong đời sống nhân dân nhìn chung còn lớn.

Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh thực hành tiết kiệm từ năm 1998. Đây là văn bản pháp lý quan trọng trong việc thực hành tiết kiệm ở mọi cấp, mọi ngành từ trung ương đến cơ sở. Cùng với những quy định cụ thể, chi tiết là chế tài bắt buộc các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức nhà nước phải thực hành tiết kiệm, chúng ta cần tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, động viên các tầng lớp nhân dân thường xuyên nêu cao ý thức thực hành tiết kiệm ở mọi lúc, mọi nơi. Đồng thời phải thường xuyên kiểm tra và xử lý những nơi, những người làm lãng phí, gây thất thoát tiền của, tài sản nhà nước, nhân dân.

Hiện nay hằng năm nước ta có nhiều ngày có ý nghĩa đã trở thành ngày của toàn dân như : Ngày biên phòng toàn dân (3-3), Ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy (4-10), Ngày hội quốc phòng toàn dân (22-12)... Đây thực sự là những ngày hội trong đời sống chính trị của nhân dân.

Để nhắc nhở, động viên nhân dân nâng cao ý thức, trách nhiệm và tích cực thực hành tiết kiệm, chúng ta nên tổ chức "Ngày toàn dân thực hành tiết kiệm". Trong ngày này, nhà nước động viên mọi đảng viên, cán bộ, công chức ở các ngành, các cấp, cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân tự nguyện trích một khoản tiền nhất định cho vào "Quỹ tiết kiệm quốc gia". Số tiền này thu được sẽ phục vụ vào việc xóa đói giảm nghèo, giúp đỡ các gia đình chính sách và giải quyết một số phúc lợi xã hội khác.

Thực hiện "Ngày toàn dân thực hành tiết kiệm" có ý nghĩa sâu sắc cả về chính trị, kinh tế, xã hội. Về mặt chính trị, ngày đó giúp cho mọi công dân thấy rõ vai trò, tác dụng của việc thực hành tiết kiệm để phục vụ cho đầu tư phát triển đất nước. Về khía cạnh kinh tế, thông qua thực hiện ngày này sẽ huy động được một lực lượng đáng kể tiền của trong dân, góp phần thiết thực vào việc giải quyết một số vấn đề về công ăn việc làm và an sinh xã hội. Về phương diện xã hội, đây là ngày tạo ra phong trào toàn xã hội nêu cao ý thức thực hành tiết kiệm, giáo dục cho mọi công dân và các đơn vị, doanh nghiệp hợp lý hóa việc thu - chi, động viên mọi nhà, mọi người đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động, hạn chế tới mức thấp nhất sự lãng phí cả về tiền bạc, của cải, sức lực. Nhân dân ta có câu "tích tiểu thành đại". Chỉ cần mỗi người trung bình tiết kiệm 1 ngày là 100 đồng thì cả nước trong một ngày cũng tiết kiệm được gần **8 tỉ** đồng. Còn tính ra cả năm, cả nước tiết kiệm được hơn **2 900 tỉ** đồng. Con số này hết sức có ý nghĩa đối với một quốc gia đang phát triển như nước ta.

Về thời gian tổ chức nên lấy một ngày trong tháng 1 dương lịch hằng năm. Vì đây là tháng giáp Tết nguyên đán, số tiền dự trữ trong dân nhiều, đồng thời cũng là thời kỳ mà sức tiêu phí thường lớn nhất trong năm. Thiết nghĩ, việc tổ chức và thực hiện tốt "Ngày toàn dân thực hành tiết kiệm" có nghĩa là chúng ta góp phần thiết thực vào việc xã hội hóa chủ tương "Tiết kiệm là quốc sách" của Đảng và Nhà nước ta. ❑

* Bộ tham mưu Quân khu II

Digitized by Google

"NAM HÀNH" TRÊN ĐẤT LẠN - XANG

PHẠM VĂN CHÚC

Vào những ngày cuối của năm chuyển giao thế kỷ và thiên niên kỷ, đoàn đại biểu Tạp chí Cộng sản có dịp sang thăm và làm việc tại đất nước láng giềng anh em bên kia dãy Trường Sơn theo lời mời của Tạp chí *"A-lun-mày" (Bình Minh)*, cơ quan lý luận và chính trị của Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Đây là một chuyến đi thường kỳ "cách niên" đã thành thông lệ từ khoảng mươi năm nay trong khuôn khổ quan hệ hợp tác dài hạn giữa hai bên. Cho nên ngoài nỗi chờ mong cùng sự hồi hộp thường có và dễ cảm thông ở số đoàn viên chưa từng một lần đặt chân tới nước bạn, thì thậm chí những nội dung chính yếu trong chương trình cuộc đi dường như đã được mường tượng rõ rệt, hay kể cả còn được "trải nghiệm" sơ bộ bởi ngay không ít các đồng chí ở nhà.

Nhưng thật bất ngờ, chính trong chuyến đi "thông lệ" ấy, chúng tôi đã may mắn có được điều kiện không dễ lặp lại để cùng nhau thu hoạch khá nhiều điều mới mẻ, tốt đẹp, đầy ý nghĩa và chắc chắn sẽ khó phai mờ trong nhận thức và tình cảm của mỗi người trong đoàn. Đó là những điều mà đồng chí trưởng đoàn của chúng tôi, một cựu binh tăng - thiết giáp, chiến sĩ Việt Nam trên mặt trận Xiêng Khoảng năm xưa, người từng đến với xứ sở hoa chăm-pa tới ba lần rồi, cũng đã tự tâm đắc mà nhìn nhận một cách lạc quan nhưng vẫn không thiếu phần nghiêm túc rằng đã làm cho lượt đi này đối với chính mình "trở thành lịch sử". Tất nhiên, chúng tôi - các thành viên trong đoàn, tuy lần đầu tiên tới nước bạn song từ lâu vốn đã rất chăm chú lắng nghe, quan tâm và khao khát học hỏi kinh nghiệm của các đoàn công tác "tiền nhiệm" - cũng hoàn toàn tán đồng và sẵn sàng chia sẻ cảm nhận xác thực, chân thành ấy.

Theo kế hoạch do các đồng chí ở Tạp chí "A-lun-mày" sắp xếp, ngoài nội dung hoạt động ở ngay tại Thủ đô Viêng-chăn như mọi lần trước, năm nay chúng tôi được thăm không phải cố đô Luông Pha-băng của vương quốc "Lạn-xang" ("Triệu Voi") xưa ở miền Bắc bằng đường không, mà là tỉnh Cham-pa-xắc ở tận cùng phía Nam và Tây-Nam đất nước, nơi đồng thời tiếp giáp hai nước khác. Đặc biệt, chuyến đi được thực hiện hoàn toàn theo đường bộ. Do vậy, lộ trình xuyên Lào từ Bắc xuống Nam thật sự là "dặm dài thiên lý". Và đương nhiên, tuy nó không được dễ chịu hẳn như những chuyến du ngoạn yên ổn, chóng vánh, đầy đủ tiện nghi, tuyệt đối an toàn và do một phi hành đoàn dày dạn kinh nghiệm đảm trách phục vụ, nhưng đổi lại, rõ ràng đã trở nên hào hứng và sinh động hơn thế rất nhiều. Để đến được Pạc-xê (mà ta đôi khi gọi là "Pắc-xế"), tỉnh ly của Cham-pa-xắc, trung tâm lớn thứ ba ở Lào, xe chúng tôi đã lần lượt băng qua địa phận các tỉnh Bô-li-khăm-xay, Khăm-muộn, Xà-vẳn-nà-khẹt và Xa-la-van. Trong đó, theo lời mời chân tình và tha thiết của các đồng chí lãnh đạo địa phương, đoàn đã tranh phủ ghé thăm và làm việc ngắn ở Thà-khẹt là thủ phủ của Khăm-muộn ("Miền đất vàng cực lạc") khi đi, và ở tỉnh ly cùng tên của Xà-vẳn-nà-khẹt ("Xứ sở thiên đường") lúc về.

Sớm hơn và nhiều hơn cả mọi cái mới lạ, hấp dẫn ở đích sẽ tới, điều thật sự gây ấn tượng sâu đậm và mạnh mẽ cho chúng tôi lại chính là con đường ngàn dặm được xây dựng lại hiện đại đã sắp hoàn tất, nối liền ba miền Bắc - Trung - Nam nước bạn, thẳng từ Thủ đô xuống tận những km cuối cùng giáp biên giới cực Nam. Dẫu ít am hiểu về kỹ thuật giao thông - vận tải và xây dựng cầu đường, nhưng chỉ với tư cách "người sử dụng" có lẽ chúng tôi cũng thấy được khá đầy đủ tính ưu việt và giá trị nhiều mặt (kinh tế và ngoài kinh tế) to lớn của trục lộ huyết mạch này. Mặc dù không phải là "đường cao tốc" hay "xa lộ" theo nguyên nghĩa, song thật ra đường xuyên Lào mà chúng tôi đã đi

Digitized by Google

qua chắc cũng chỉ khác thế về bề rộng mà thôi. Trong khi đó, dường như nó còn nổi trội hơn ở một loạt "chi tiết" không hẳn là thứ yếu khác như : chất lượng tuyệt hảo của nguyên vật liệu xây dựng, tuyến mương cứng (bê-tông) dẫn và thoát nước dọc hai bên đường, hệ thống cầu cống vượt mạng lưới sông suối chảy theo hướng Đông - Tây với mật độ dày đặc như kênh rạch miền Tây Nam Bộ của ta (nhưng có độ dốc và sức tàn phá lớn hơn rất nhiều lần) ; phức hợp hoàn chỉnh các biển, bảng, vạch kẻ và thiết bị bảo an ; độ phẳng và độ thẳng cao đến mức lý tưởng của mỗi mét đường, hay từng cung chặng cũng như toàn tuyến... Thậm chí, ngay một số đoạn đường cũ mà vài năm trước đây (khi chưa khởi công chương trình hiện đại hóa đang được thực thi hôm nay) vốn đã giúp cho việc liên thông Bắc - Nam rút từ ba bốn ngày xuống một ngày, hiện vẫn còn hoàn toàn đủ mọi tiêu chuẩn để được gọi là "quốc lộ" đích thực. Nói thêm như vậy để hiểu rõ rằng, hàm chứa bên trong kế hoạch xây dựng con đường, và thậm chí còn cao hơn kế hoạch ấy, chính là cả một tư duy lớn, một quyết tâm lớn xây dựng đất nước, một tầm nhìn vĩ mô, táo bạo, quán xuyến, bao trùm không gian quốc gia và thời gian xuyên thế kỷ của Đảng, Chính phủ và nhân dân bạn. Hiểu và tin như vậy, chúng tôi cũng cho rằng, những nguồn "ngoại lực" dồi dào đặc thù (mà về mặt lượng tuyệt đối có lúc còn lớn hơn "nội lực") do bạn tranh thủ thu hút và duy trì khá ổn định ít lâu nay rõ ràng là đã được đầu tư sử dụng một cách cơ bản, vững chắc và theo phương án tối ưu. Hoàn toàn có cơ sở để khẳng định : trong một triển vọng gần, dọc theo trục lộ Bắc - Nam hiện đại hóa hoàn chỉnh này sẽ mọc lên các trung tâm kinh tế lớn mạnh, những điểm dân cư đông vui, các cơ sở văn hóa - xã hội sôi động cùng với hệ thống đường "xương cá" hướng Đông vươn xa tới những vùng Tây Trường Sơn, thông thương với người bạn thủy chung Việt Nam, qua đó với cả khu vực và toàn thế giới. Theo ý nghĩa rất hiện thực ấy, ngay từ bây giờ chúng tôi muốn được gọi đây là "con đường khai mở tiềm năng phong phú", "con đường tiến vào kỷ nguyên giàu mạnh" của đất nước và nhân dân Lào, người đồng chí chung lưng đấu cật của chúng ta, người anh em thân thiết mà tình nghĩa đôi bên đã được vun đắp "cao hơn núi, dài hơn sông", cả trong chiến đấu trước đây cũng như trong xây dựng ngày nay.

Tại Cham-pa-xắc chúng tôi đã được các đồng chí lãnh đạo tỉnh thông báo về đặc điểm địa lý tự nhiên, sự phân bố dân cư, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và về nhiều thành tựu mà nhân dân các bộ tộc Lào trong tỉnh đã thu được những năm gần đây trong công cuộc đổi mới do Đảng Nhân dân cách mạng Lào khởi xướng và lãnh đạo. Nhờ sự hướng dẫn và giúp đỡ tận tình, chu đáo của các đồng chí trong Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, đoàn chúng tôi cũng đã được đi thăm nhiều di tích văn hóa - lịch sử, danh lam thắng cảnh và một số địa điểm đáng chú ý khác của địa phương.

Đầu tiên là khu thánh địa Vạt-phu có từ hơn nghìn năm trước với những đền đài, miếu mạo được xây dựng hoàn toàn bằng đá đẽo nguyên khối rồi ghép "mộng" mà không cần tới bất cứ một chất vữa kết dính nào. Đứng trên ngôi đền Thượng tựa lưng vào lưng chừng một ngọn núi cao, phóng tầm mắt ra hướng dòng sông Mê-công lấp lánh ở xa phía trước, ngoảnh sang hai dãy núi như đôi cánh cung bên tả và bên hữu bao bọc vững chắc toàn bộ khung cảnh kỳ vĩ của vùng "địa lợi" đế đô xưa, lại nghe kể về truyền thuyết tình yêu bi tráng của nàng công chúa hóa thân thành dãy núi huyền thoại này, chúng tôi cảm nhận rõ rệt và khâm phục sâu sắc nhãn quan "kinh bang tế thế" của một triều đại, công sức lao động lớn lao, tài năng sáng tạo vĩ đại và óc thẩm mỹ tinh tế, lãng mạn đầy chất thơ của một dân tộc đã từng có nhiều nghìn năm lịch sử dựng nước và bảo vệ đất đai, sông núi của mình.

Tiếp theo là thác nước Phô-phênh hùng vĩ, điểm du lịch nổi tiếng không chỉ của nước Lào mà còn của toàn tuyến sông Mê-công. Tại đây, qua một số không nhiều lắm các "bậc thang" đá (lộ ra rõ ràng về mùa nước cạn này) lòng sông đột ngột hạ thấp độ cao xuống khoảng vài chục mét để rồi tiếp tục bình lặng trôi xuôi. Bám chân ngay cạnh bờ đá cheo leo sát cột nước khổng lồ đổ xuống sâu ầm vang, tung màn bụi nước mờ ảo phản chiếu ánh mặt trời thành chiếc cầu vồng bảy sắc rực rỡ, chúng tôi nghe đồng chí cán bộ Tuyên huấn địa phương - người vẫn tự nhận và cũng được

Digitized by Google

chúng tôi vui vẻ, thân thiết gọi là "chàng rể của Việt Nam" - hào hứng thuyết trình về dự án xây dựng nhà máy thủy điện khá lớn chính tại đây trong tương lai không xa. Quả thật, điện lực nói chung, "vàng trắng" nói riêng cùng với tài nguyên rừng (và tiềm năng du lịch sinh thái gắn liền theo đó) là những món quà quý mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho người dân cần cù, yêu hòa bình, tự do xứ sở Triệu Voi.

Cũng nhờ một sự bố trí "đặc biệt" của bạn, đoàn chúng tôi còn có cơ hội may mắn hiếm hoi để "mục sở thị" đường biên trên bộ và trên sông phía Nam đất nước. Tại đó chúng tôi đã thấy rõ một cột trụ mốc giới bề thế, sừng sững hiện diện từ ít nhất hơn một nửa thế kỷ. Tuy trải qua biết bao mưa nắng dãi dầu giữa chốn rừng sâu, nhưng rõ ràng giá trị "định phận tuyệt đối" cho cương vực quốc gia đôi bên của "vật chứng" này là điều không dễ bác bỏ được. Cách đó không xa, ngay trên một bến đỗ bình dị bờ tả ngạn dòng Mê-công, có đặt một trạm cửa khẩu thương mại mà công dân và hàng hóa từ cả hai phía dường như có thể qua lại khá dễ dàng. Ra quá bờ chỉ chừng mươi sải nước, nghĩa là ở giữa sông, nổi lên một cù lao khá lớn với dân cư đông đúc và cây cối tốt tươi. Nhưng đó đã là miền đất lạ. Chính tại khúc sông này, và cũng chỉ tại đó thôi trên suốt chiều dài hàng ngàn km của con sông lớn nhất Đông Dương và Đông - Nam Á, như các đồng chí bạn vốn là "thổ công" gốc gác ở đây khẳng định, "độc nhất vô nhị" có một bầy "cá heo nước ngọt" (?) không đẻ trứng mà sinh con và biết cho con bú sữa. Đúng vào dịp cuối năm này, chúng thường nổi hẳn lên rõ rệt trên mặt nước sông đều đặn hai đợt sáng sớm và chiều muộn trong ngày để bơi lội vui đùa thân thiện với dân xóm vạn chài. Vì lộ trình còn xa, thời gian có hạn, nên chúng tôi không chờ được hơn để tận mắt chứng kiến đàn cá lạ. Nhưng, vậy là có thêm một lý do để nhớ mãi tỉnh Cham-pa-xắc, huyện biên giới cực Nam.

Chúng tôi cũng đã đến tham quan điểm "mậu dịch tự do" nằm trên tuyến biên giới Tây - Nam, vắt qua lãnh thổ của cả nước bạn lẫn một nước khác. Trong điều kiện thị trường khu vực và thế giới bắt đầu rộng mở lâu nay, thật ra các hàng hóa nơi đây không mấy xa lạ và không thể nói là hấp dẫn. Song nguyện vọng tha thiết và cuộc đi thực địa của chúng tôi chẳng phải là "vô tình". Cũng như việc phía bạn cố gắng tổ chức chu đáo, tuy vẫn bảo đảm hình thức rất "tự nhiên" cho cuộc đi ấy có lẽ cũng là "hữu ý". Ngay khi "nhập cuộc" vào hoạt động mua bán tấp nập tại chợ đường biên, rồi sau đó lại trở về Pạc-xê để tiếp tục vãn cảnh trên vị trí cao nhất của chốn "Nam đô" (khu dinh thự lộng lẫy của lãnh chúa Bun Ùm khét tiếng phản động và tàn ác trước đây, tọa lạc ở đúng "mom" sông Đôn và bao quát khắp một vùng tam giác châu thổ, nơi sông nhánh này hợp lưu với "sông Mẹ" Mê-công), chúng tôi càng cảm phục chính quyền và nhân dân bạn đã xử lý ổn thỏa, thành công và với bản lĩnh chính trị vững vàng một số vụ rắc rối mới xảy ra cách đây chưa lâu. Tới nay, như chúng tôi trực tiếp ghi nhận, khắp một dải đất phía Nam và Tây-Nam, kể cả ba huyện của Cham-pa-xắc nằm về hữu ngạn Mê-công, đâu đâu cũng chỉ thấy một không khí bình yên, ổn định, thanh thản mà vẫn hết sức cảnh giác, sẵn sàng, quyết tâm bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia dân tộc thiêng liêng bất khả xâm phạm. Khi màn đêm còn chưa kịp buông xuống hẳn thì bầu trời nơi đô hội Nam Lào đã vội rực sáng ánh đèn soi rõ từng ngôi nhà, ngõ phố, từng nhịp cầu mới dựng dài hơn ngàn mét duyên dáng vắt qua sông soi bóng lung linh trên mặt nước Mè-khoỏng (Mê-công) trong xanh. Tại một điểm vui chơi của giới trẻ địa phương nằm sát ngay mép sông lộng gió mà phía bạn mời đến, chúng tôi ngắm nhìn mãi các chàng trai, cô gái Lào anh tú say sưa hòa nhịp lăm-vông. Trong mỗi người chúng tôi dậy lên lòng mến yêu và niềm tin vững chắc rằng, họ đang và sẽ không mấy bận tâm tới những làn sóng truyền thanh và truyền hình xa lạ vẫn ồn ào trên không trung để rùm beng "tuyên truyền theo kế hoạch định sẵn" (và chính bởi thế mà thành ra lỡ trớn đến lố bịch) cho những "vụ nổ", những "cuộc biểu tình" của các "phe đối lập" nào đó mà về căn bản chỉ là thứ bánh vẽ và được dàn dựng một cách quá vụng về.

Chia vui với bạn về thắng lợi vừa chặn đứng kế hoạch phá hoại của các nhóm gây rối bên trong được một số thế lực xấu bên ngoài nâng đỡ, xúi giục, chúng ta phấn khởi và tin tưởng khẳng định thêm một lần nữa tính quy luật khách quan tất yếu, giá trị chân lý sáng ngời, sức sống vĩnh hằng của

Digitized by Google

tình hữu nghị đặc biệt và quan hệ hợp tác toàn diện Việt - Lào. Như đã từng có bao lần trong lịch sử hơn một thế kỷ rưỡi đoàn kết chiến đấu hào hùng và cảm động chống kẻ thù chung đế quốc thực dân, nay ở thời điểm chuyển giao thế kỷ, vượt qua mọi trăn trở trước sự đổi thay đột ngột của thời cuộc, chúng ta quyết tâm ra sức củng cố và tăng cường hơn nữa liên minh chiến lược giữa hai nước và hai dân tộc. Cùng tựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ, ngày càng gắn bó bền chặt keo sơn với nhau, nhất định chúng ta sẽ tranh thủ được các thời cơ, thuận lợi và vượt qua mọi thách thức, khó khăn mà trào lưu toàn cầu hóa và khu vực hóa mang lại, đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đưa sự nghiệp đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước tới thắng lợi hoàn toàn.

Kết thúc một tuần đi thăm và làm việc trên đất bạn, mà nội dung chính là cuộc "du hành" vùng Nam Lào mến khách và giàu có cả về truyền thống văn hóa - lịch sử lẫn tài nguyên thiên nhiên, chúng tôi đã thu nhận được thật nhiều hiểu biết bổ ích và lý thú. Nhưng điều quý giá hơn hết trong hành trang trở về của mỗi người chúng tôi là vô vàn tình cảm thân thiết, chân thành và đầy xúc động mà những người anh em, đồng chí, đồng nghiệp Lào đã dành cho.

Trên cánh bay nhằm thẳng hướng Tổ quốc Việt Nam và Thủ đô Hà Nội yêu dấu, chúng tôi ngoái nhìn mãi không thôi qua ô cửa sổ nhỏ thành phố Viêng-chăn xinh đẹp trải dài bên bờ Mê-công. Đó là nơi chúng tôi chỉ mới một lần đến mà đã trở nên rất đỗi quen thuộc, thân thương. Đang dần xa những bóng chùa hiền hòa cao vút với kiểu kiến trúc mái giật cấp đặc trưng cho bản sắc dân tộc Lào. Và cả mặt hồ Nậm Ngừm mênh mông là thế đã chỉ còn lại một đốm sáng thấp thoáng trong màu xanh cây lá đại ngàn phía cuối trời Tây.

Chợt nhớ đến một cảm nhận vẫn còn lại với thời gian của đồng chí trưởng đoàn trong lần đến nước bạn từ sáu năm về trước rằng, ngay khi ấy anh đã được thấy "một nước Lào tự tin, một nước Lào đổi mới", chúng tôi muốn "họa vần" thêm : nước Lào kiên cường và mến yêu ấy nay vẫn bình ổn, vẫn tiếp tục phát triển, và đang vững bước tiến vào thế kỷ mới.❑

THÁI ĐỘ CỦA XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 51)

lừa đảo không phải hiếm, song doanh nhân ít khi tìm đến tòa án kinh tế do chi phí kiện tụng quá cao, thủ tục quá phức tạp và kéo dài... Tất cả thực trạng đó thể hiện vòng luẩn quẩn của kinh tế tư nhân vừa cố thoát ra khỏi tình trạng sơ khai của kinh tế thị trường, vừa làm cho nó trầm trọng hơn. Có thể vì lý do này mà các doanh nhân nói riêng và các cư dân nói chung đều hy vọng tìm thấy lối thoát ở vai trò của nhà nước và cường điệu, ỷ lại vào yếu tố này.

Về yếu tố nội lực, trong tổng số người được hỏi ý kiến chỉ có 19,3% số người cho rằng người Việt Nam có khả năng kinh doanh tốt ; 49,5% đánh giá khả năng kinh doanh của người Việt Nam ở mức bình thường bởi thiếu tính cộng đồng trong kinh doanh (so với người Hoa), chưa có truyền thống kinh doanh và không thích mạo hiểm. Như vậy, khi chuyển sang kinh tế thị trường, tư nhân nước ta phải đối mặt với các đối thủ hơn hẳn mình về tiềm lực, về sự cố kết liên minh lợi ích, về kiến thức và ý chí kinh doanh. Đây là một trở ngại làm cho tư nhân nước ta khó có thể có sự phát triển đột biến cho dù chính sách có mở rộng và khuyến khích nhiều hơn nữa. Từ sự phân tích nguyên nhân nội lực yếu chúng tôi cho rằng :

1 - Đối với bản thân các doanh nhân thì một sự liên kết nội lực để tự làm cho mình lớn lên là hết sức cần thiết nhằm tạo ra một số doanh nghiệp, một số ngành cất cánh. Tuy nhiên, không thể kinh doanh theo kiểu ngắn hạn chộp dựt như một số trường hợp vừa qua, mà phải có đầu tư đúng mức cho các mục tiêu chọn lựa, như đào tạo cán bộ bằng thực tế mở rộng quyền và chấp nhận rủi ro, mạo hiểm, tăng cường đổi mới công nghệ và khai thác có hiệu quả các kênh huy động vốn hữu hiệu.

2 - Về phía Chính phủ, một mặt, trong hiện tại, khi kinh tế tư nhân vẫn còn yếu thì gánh nặng tăng trưởng, cải biến, đổi mới vẫn thiên về đầu tư nhà nước. Song trong dài hạn cần tạo điều kiện mở rộng kinh tế tư nhân và tạo cho nó một vị trí vững chắc trên thị trường... Đây là một quyết sách lớn, chứ không chỉ là sự khuyến khích có giới hạn. Bởi lẽ trong kinh doanh sự thành công thường gắn với vai trò cá nhân khá lớn. Nếu không có đội ngũ các doanh nhân tài giỏi hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận thì kinh tế thị trường khó có cơ hội triển khai phổ biến và ở trình độ cao. ❑

Digitized by Google

DU LỊCH VĂN HÓA SUỐI TIÊN TP. HỒ CHÍ MINH

Chúc mừng năm mới



Chào **Thiên Niên Kỷ Mới,** mừng Tết **Tân Ty** Suối Tiên tưng bừng mở hội **"Rồng Tiên Thế Kỷ"** năm thứ I. Bạn sẽ thấy cả Suối Tiên biến thành một **"Kinh Kỳ Đô Hội"** với hàng loạt các công trình văn hóa kỳ vĩ, hoành tráng, **Đại Lục Cung** nguy nga tráng lệ và nhiều công trình mới lạ như:

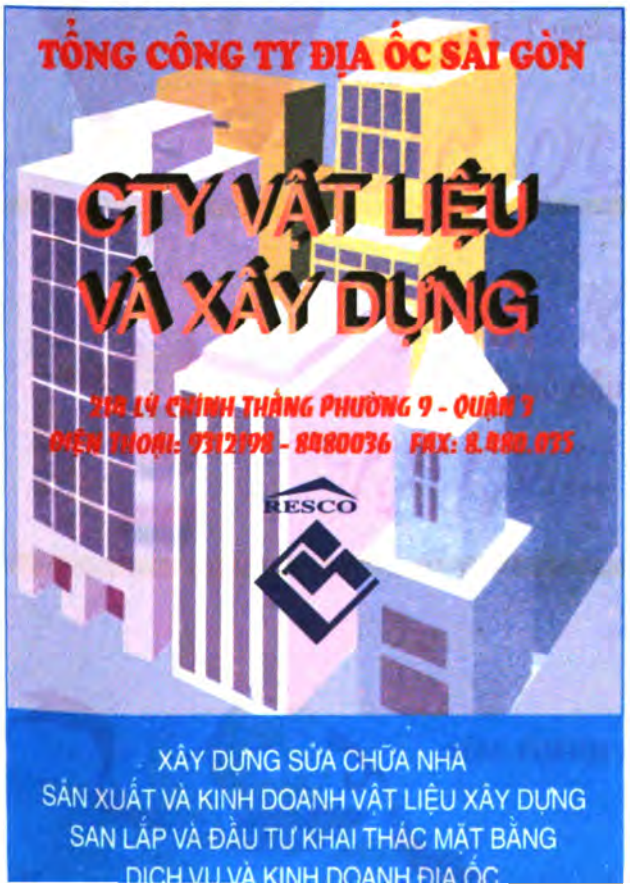
- Cung Vàng Điện Ngọc
- Thập Điện Diêm La đổi mới, hấp dẫn ly kỳ.
- Thủy Vương Cung đẹp và vườn ảo
- Tứ Linh Tiên Động

ĐẶC BIỆT : Mời bạn tham quan và khám phá **"Bí mật Cổ Loa Thành"** cảm giác mạnh, hồi hộp, đầy thú vị **"Đại Bồ Đề Quang Minh cảnh"** đẹp như tranh thủy mạc, thanh thoát.

Cùng nhiều chương trình lễ hội và biểu diễn văn hóa nghệ thuật đặc sắc nhất.

*** Suối Tiên** của chúng ta là vùng đất tứ linh với **Long – Lân – Quy – Phụng** nơi an lành hạnh phúc luôn đem lại nhiều may mắn cho gia đình bạn.

Du Lịch Văn Hóa Suối Tiên Kính Mời



CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

(Medical Import export company)

ĐC : 181 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3
ĐT : 9.304.014 – 9.304.372 Fax : 9.306.909
E–mail : yteco@saigonnet.vn

CÔNG TY ĐỨNG HÀNG ĐẦU TRONG NƯỚC VỀ KINH DOANH - XNK CÁC MẶT HÀNG Y TẾ



*** Mặt hàng kinh doanh xuất nhập khẩu :**

– Các loại Vaccin, dược phẩm nội, ngoại nhập
– Nguyên liệu, phụ liệu dược của các hãng nổi tiếng thế giới để sản xuất dược phẩm.
– Hóa chất xét nghiệm, chất dinh dưỡng, mỹ phẩm.
– Các loại y cụ, trang thiết bị y tế dùng trong bệnh viện

Kính chúc một năm mới

Digitized by Google

Bia Sài Gòn kể chuyện ngày Xuân



23 tháng chạp: uống tiễn ông Táo.





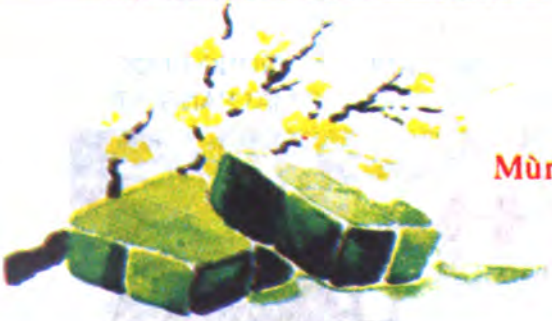
Đêm 30: uống đón Giao thừa.





Mùng Một: uống mừng Tân niên.





Mùng 3: uống tiễn ông bà.





...uống cầu tài lộc quanh năm.



Digitized by Google



Digitized by Google

CẢNG BẾN NGHÉ
TP. HỒ CHÍ MINH

Nhân dịp năm mới.
Năm mở đầu thế kỷ.
Cảng Bến Nghé kính chúc các cơ quan ban ngành
Trung ương và Thành phố, quý khách hàng
Hạnh phúc - An Khang - Thịnh vượng.



Địa chỉ : Phường Tân Thuận Đông – Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh
ĐT : 8723316 – Fax : 8728383

Digitized by Google

PETROLIMEX

Chúc Mừng NĂM MỚI 2001

PETROLIMEX
XĂNG DẦU

PETROLIMEX
VẬN TẢI

PETROLIMEX
NHỰA ĐƯỜNG

PETROLIMEX
HÓA CHẤT

PETROLIMEX
DẦU NHỜN

PETROLIMEX
KHÍ HÓA LỎNG

PETROLIMEX
CƠ KHÍ

PETROLIMEX
BẢO HIỂM

PETROLIMEX
XÂY DỰNG

PETROLIMEX
XUẤT NHẬP KHẨU

PETROLIMEX
THIẾT KẾ & TƯ VẤN ĐẦU TƯ

PETROLIMEX
TIN HỌC & TỰ ĐỘNG HÓA

PETROLIMEX

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

VIETNAM NATIONAL PETROLEUM CORPORATION

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 1 KHÂM THIÊN, HÀ NỘI, VIỆT NAM.
ĐT: (84-4) 8512603 - 8513258
FAX: (84-4) 8519203 - 8512410
TELEX: 844241 - TCTXDVT

HEAD OFFICE:

N°. 1 KHAM THIEN St., HANOI, VIETNAM
TEL: (84-4) 8512603 - 8513258
FAX: (84-4) 8519203 - 8512410
TELEX: 844241 - TCTXDVT

HABECO

HABECO

Nguồn nước duy nhất
Truyền thống trăm năm
Unique source of water
Age-old tradition









Digitized by Google

CÔNG TY BIA HÀ NỘI - HANOI BEER COMPANY

VÙNG PHỦ SÓNG DỊCH VỤ CHUYỂN VÙNG QUỐC TẾ

VinaPhone International Roaming Service Coverage Areas



● Tính đến hết tháng 12/2000 đã mở dịch vụ đến

1. Pháp
2. Anh
3. Úc
4. Thái Lan
5. Philippine
6. Indonesia
7. Malaysia
8. HongKong
9. Campuchia
10. Đài Loan
11. Singapore
12. Thụy Điển
13. Áo
14. Đan Mạch
15. Trung Quốc
16. Bỉ
17. Ai Cập
18. Phần Lan
19. Ma Cao

■ Sẽ thực hiện trong năm 2001

20. Thụy Sĩ
21. Nga
22. Ba Lan
23. Italia
24. Tây Ban Nha
25. Hungary
26. Brunei
27. Ấn Độ
28. Slovakia
29. Đức
30. New Zealand
31. Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống Nhất
32. Hà Lan
33. Luxamburg
34. Ai Len
35. Nam Phi
36. Czech
37. Hy Lạp
38. Bồ Đào Nha
39. Mỹ

VinaPhone GSM

Với dịch vụ chuyển vùng quốc tế, **VinaPhone**
Không ngừng vươn xa và hòa nhập với các mạng thông tin di động GSM trên toàn Thế giới
Mọi chi tiết xin liên hệ 151 hoặc http://www.gpc.vnn.vn

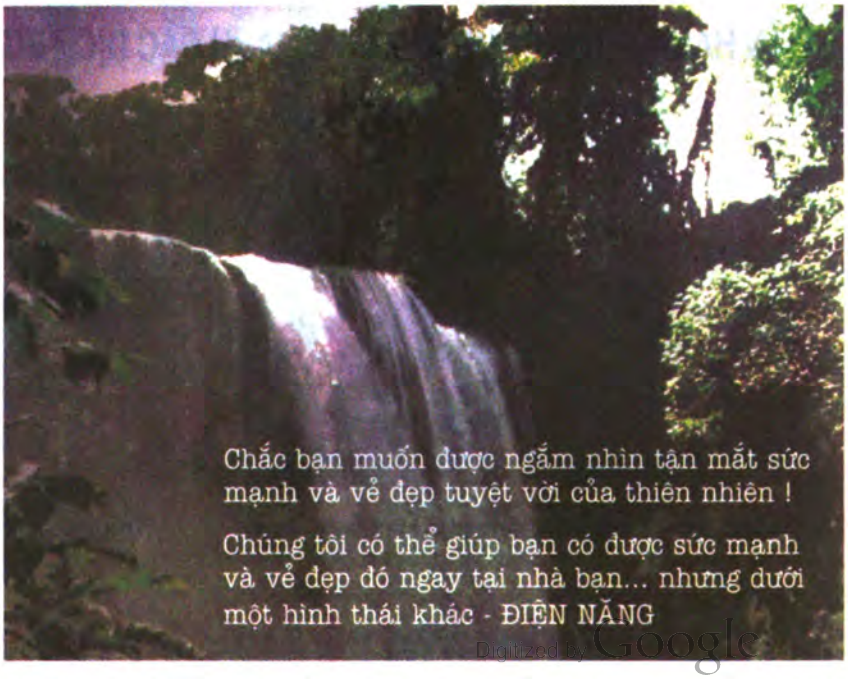
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

ELECTRICITY OF VIET NAM

18 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội - Việt Nam
Tel: (84-4) 8.2495098 - Fax: (84-4) 9.343715

EVN

Chúc Mừng Năm Mới



Chắc bạn muốn được ngắm nhìn tận mắt sức mạnh và vẻ đẹp tuyệt vời của thiên nhiên !

Chúng tôi có thể giúp bạn có được sức mạnh và vẻ đẹp đó ngay tại nhà bạn... nhưng dưới một hình thái khác - ĐIỆN NĂNG

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH QUẢNG NINH

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN HẠNG NHẤT
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT



Giám đốc Bưu điện tỉnh
Nguyễn Minh Thư

Bưu điện tỉnh Quảng Ninh luôn vươn tới sự hoàn thiện

Địa chỉ : số 539 Lê Thánh Tông - Thành phố Hạ Long
Điện thoại : 033 826619 Fax: 033 827666

VỚI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN CÓ NĂNG LỰC, TRÌNH ĐỘ, VỚI TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐA DẠNG QUÝ KHÁCH SẼ HÀI LÒNG VỚI CÁC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG CÙNG VỚI SỰ PHỤC VỤ TẬN TÌNH, CHU ĐÁO, VĂN MINH VÀ LỊCH SỰ.



HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH CÁC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG



Giao dịch trung tâm thành phố Hạ Long



Trung tâm chuyển mạch thành phố Hạ Long

Chúc Mừng Năm Mới - 2001

Digitized by Google



Digitized by Google

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9002

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

LAM THAO FERTILIZERS AND CHEMICALS COMPANY

ĐƠN VỊ 3 LẦN ANH HÙNG







Chào Thiên Niên Kỷ Mới

Xuân Tân Tỵ 2001



SẢN PHẨM :

- Supe Lân Lâm Thao - Sản xuất theo TCVN 4440 - 87	750.000t/năm
- NPK Lâm Thao (5.10.3), (10.10.5), (16.16.8),...	250.000t/năm
- Phân bón cho hoa và cây cảnh	500t/năm
- Axít Sunfric (H_2SO_4) kỹ thuật - sản xuất theo TCVN 5719 - 1993	260.000t/năm
- Axít Sunfuric (H_2SO_4) loại P, Pa - sản xuất theoTCVN 2718 - 78	120t/năm
- Axít Sunfuric (H_2SO_4) dùng cho ắc quy - sản xuất theo TCVN 138 - 64	100t/năm
- Natri silicoflorua (Na_2SiF_6) - sản xuất theo TCVN 1446 - 73	4.000t/năm
- Natri florua (Na_2SO_3)	50t/năm
- Natri florua (NaF) loại P	15t/năm
- Natri pyrosunfit ($Na_2S_2O_5$) loại Pa	5t/năm
- Phèn nhôm sun phát - sản xuất theo TCVN 25 - 88	5.000t/năm
- Phèn kép amoni nhôm sunphát	4.000t/năm
- Natri biunfit ($NaHSO_3$)	100t/năm
- Ôxy đóng chai	40.000t/năm

ĐỊA CHỈ :

HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ

ĐT : 0210.825131 - 0210.825139

FAX : 0210.825126

CHI NHÁNH :

HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐT : 0320.786454 - FAX : 0320.786758

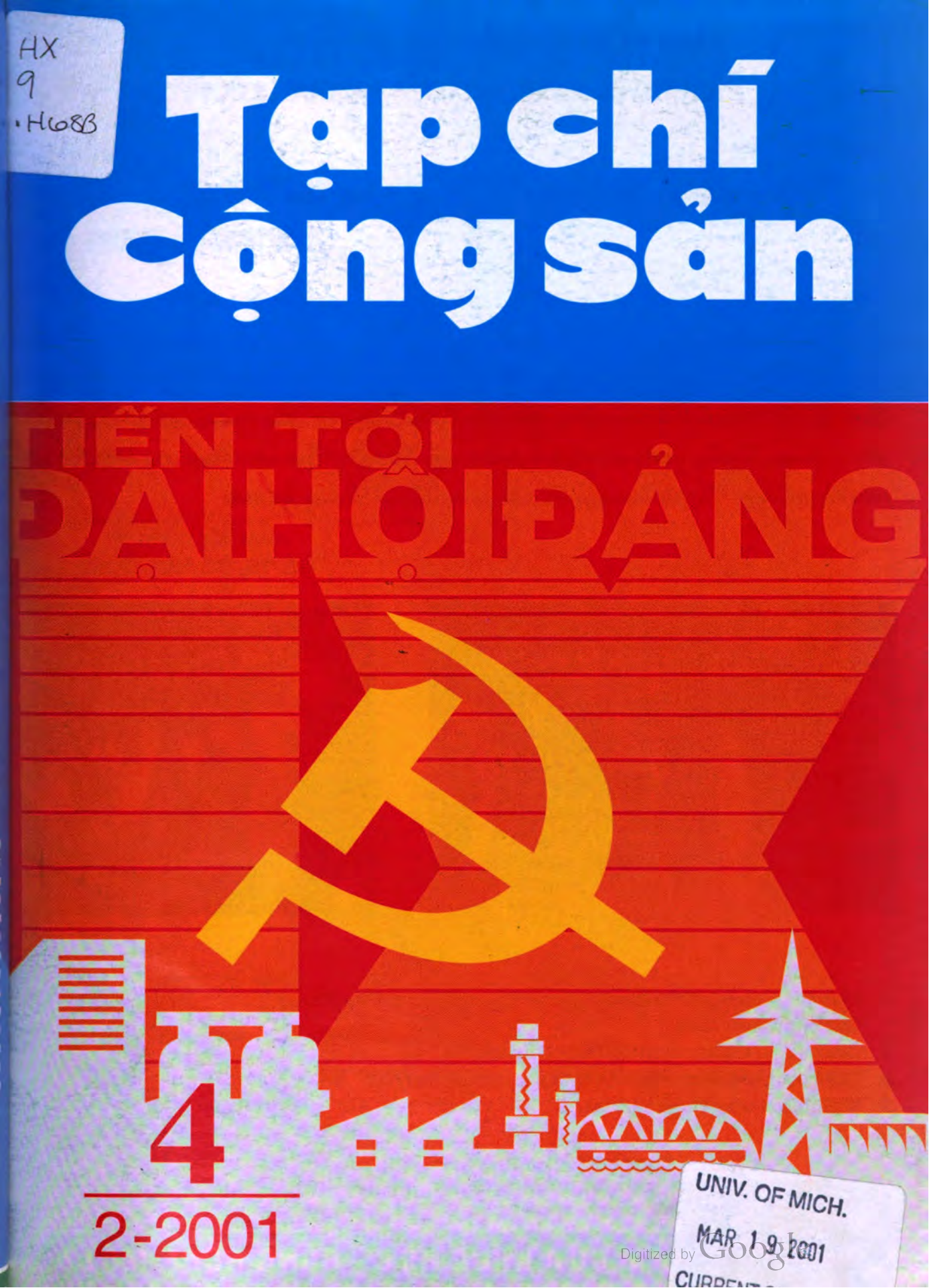
Bạn Của Nhà Nông

Digitized by Google

HX
9
.H6883

Tạp chí Cộng sản

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẢNG



4

2-2001

UNIV. OF MICH.
MAR 19 2001
CURRENT

Digitized by Google

CÔNG TY PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ
ADDITIVES AND PETROLEUM PRODUCTS COMPANY (APP)

Chào mừng ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

3/2/1930 - 3/2/2001

Công ty APP xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo, giúp đỡ của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các Bộ Ngành đối với sự hoạt động của Công ty trong thời gian qua. Nhân dịp Xuân Tân Tỵ 2001 và kỷ niệm ngày thành lập Đảng CSVN, Công ty APP kính chúc các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các Bộ Ngành, các cơ quan Trung ương và thành phố cùng bạn đọc Tạp chí Cộng sản một Năm mới An khang, Thịnh Vượng, Sức khỏe và nhiều Thắng lợi mới.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
GS. TS. Đỗ Huy Định





APP **ISO 9002**

- Chuyên sản xuất, phân phối các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn, phụ gia, chất lỏng chuyên dụng
- Giải nhất giải thưởng sáng tạo KHCN Việt Nam 1998
- Giải thưởng Nhà nước về lĩnh vực khoa học kỹ thuật năm 2000
- Nhiều huy chương và giải thưởng khác.

QMS ISO 9002 Approved Company

JAS-ANZ

Địa chỉ : 551 Nguyễn Văn Cừ - Gia Lâm - Hà Nội
ĐT : (84-4) 8771015 - 8773990 Fax : (84-4) 8272002
E-mail : pgdm - app@fpt.vn Http: //www.app.com.vn

SẢN PHẨM CỦA KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ MỚI

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 610

THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

4
2-2001

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

★★★ - Đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, xác thực vào Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng 3

Dự thảo Báo cáo Chính trị - Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa 5

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN QUANG NHIẾP - Chủ nghĩa xã hội vượt qua những sự kiện ở hai đầu của thế kỷ 32

VŨ VĂN PHÚC - Một số vấn đề về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta 36

ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

PHẠM MINH HẠC - Phát huy thành quả chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, đẩy nhanh tốc độ và bảo đảm chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở 41

MAI VĂN DÂU - Định hướng cơ chế điều hành xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005 45

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

ĐỖ KIM THỊNH - Xây dựng đời sống văn hóa của công nhân, viên chức và người lao động 47

PHAN THẾ HẢI - Luật Doanh nghiệp sau một năm thực hiện 51

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NGUYỄN TRUNG THỰC - Khoảng cách 55

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

HOÀNG GIÁP - Diễn đàn kinh tế Đa-vốt năm 2001 và làn sóng phản đối toàn cầu hóa hiện nay 56

Bìa 1 : *Niềm tin*

Tranh : **TRẦN MAI**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

*** Внести многообразные глубокие, достоверные мнения в Проект Политического Доклада к IX Съезду Партии. • Проект Политического Доклада - Развивать общенациональную силу, продолжать курс обновления, ускорять индустриализацию, модернизацию, строить и защищать социалистическую родину Вьетнам. ФАМ МИНЬ ХАК: Развивать достижения в ликвидации неграмотности и распространении начального обучения, ускорять темпы и обеспечить качество универсализации средне-базисного образования. МАЙ ВАН ЗАУ: Ориентировать механизм регулирования экспорта и импорта товаров периода 2001-2005. ЧАН КУАНГ НЬЕП: Социализм превзошел события в начале и конце века. ВУ ВАН ФУК: Некоторые проблемы о переходном периоде к социализму в нашей стране. ХОАНГ ЗАП: Экономический форум Давот 2001 ого года и волна протеста против глобализации в настоящее время.

CONTENTS

*** To contribute profound and genuine ideas to the draft of political report submitted to the 9th Congress of the Party. • Draft of political report. To bring into play the whole nation's strength, to continue the renovation cause, to accelerate industrialization and modernization, to build and to defend the Socialist Fatherland of Vietnam. PHẠM MINH HẠC: To promote of the anti-illiteracy achievements, to universalize primary education, to speed up and ensure the quality of secondary education universalization. MAI VĂN DÂU: To orient the management mechanism of commodities export and import in the period 2001-2005. TRẦN QUANG NHIẾP: Socialism surpassed the events at the beginning and the end of the century. VŨ VĂN PHÚC: Some problems of the period of transition to socialism in Vietnam at present. HOÀNG GIÁP: World Economic Forum in Davos in 2001, a wave of opposition to current globalization.

SOMMAIRE

*** Contribuer des idées profondes et véridiques au projet du rapport politique présenté au IXe Congrès du PCV. • Le projet du rapport politique - Valoriser les forces de tout le peuple pour continuer la rénovation, renforcer l'industrialisation et la modernisation, l'édification et la défense de la Patrie socialiste. PHẠM MINH HẠC: Mettre en valeur les résultats de l'alphabétisation et de la généralisation de l'enseignement primaire afin d'accélérer la généralisation de l'enseignement de la 6e à la 9e de collège et en assurer la qualité. MAI VĂN DÂU: L'orientation du mécanisme de gestion de l'import-export des marchandises pour la période 2001-2005. TRẦN QUANG NHIẾP: Le socialisme a franchi des événements de deux extrêmes du siècle. VŨ VĂN PHÚC: Quelques problèmes de la période de transition au socialisme du Vietnam. HOÀNG GIÁP: Le Forum économique de Davos en l'an 2001 et la vague de protestation contre la globalisation actuelle.

SUMMARIO

*** Contribur las ideas profundas y verídicas al proyecto del Informe Político presentado al IX Congreso Nacional del PCV. • El proyecto del Informe Político - A desplegar las fuerzas de todo el pueblo para continuar la renovación, reforar la industrialización y modernización, la edificación y defensa d la Patria socialista. PHẠM MINH HẠC: Poner en alto los resultados d el alfabetización y de la generalización de la enseñanza primaria a fin de acelerar generalización de la enseñanza secundaria básica y asegurar su calidad. MAI VĂN DÂU: La orientación del mecanismo de gestión de la import - exportación de mercancias para el período 2001-2005. TRẦN QUANG NHIẾP: El socialismo franquea los acontecimientos de los extremos del siglo. VŨ VĂN PHÚC: Algunas problemas del periodo de transición al socialismo en Vietnam. HOÀNG GIÁP: El forum económico de Davos en el aûo 2001 y olas de protestación contra la globalización actual.

目录

*** 为呈递越南共产党第九届全国代表大会政治报告草案提出深刻、确切的意见 • 政治报告草案—发挥全民族的力量，继续革新，大力推动工业化、现代化，建设与捍卫越南社会主义共和国祖国 • 范明鹤—发挥扫盲的成果及普及小学教育，加速及保证普及中学教育质量 • 梅文瑜—对调配2001年至2005年时期的货物进、出口政策作出定向 • 陈光摄—社会主义越过世记之交的事件 • 武文福—我国向社会主义过渡时期的一些问题 • 黄甲—2001年达沃斯经济论坛及目前反对全球化的浪潮。

Digitized by Google

ĐÓNG GÓP NHIỀU Ý KIẾN SÂU SẮC, XÁC THỰC VÀO DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Nhìn lại quá khứ và hướng tới tương lai, Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá những thành tựu và khuyết điểm của 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 15 năm đổi mới ; từ đó đề ra những quyết sách trong thời kỳ mới ; phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ; động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Để bảo đảm cho Đại hội IX của Đảng thành công tốt đẹp, một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất là chuẩn bị nội dung các văn kiện của Đại hội, đưa ra được những quan điểm và những quyết sách đúng đắn, khoa học, sáng tạo. Đây là một công việc không đơn giản, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị hết sức công phu, nghiêm túc, thận trọng, phát huy cao độ trí tuệ tập thể của toàn Đảng, toàn dân. Chính vì lẽ đó, các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX, đặc biệt là Dự thảo Báo cáo Chính trị đã được Tiểu ban văn kiện chuẩn bị xong qua nhiều lần soạn thảo, chỉnh lý, sửa chữa, hoàn thiện từng bước với sự tham gia của lực lượng lớn các chuyên gia, các nhà khoa học, các cán bộ hoạt động thực tiễn, các cơ quan nghiên cứu khoa học. Thực hiện Chỉ thị và kế hoạch của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội IX, các cấp ủy đảng, các đồng chí lão thành cách mạng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng, lãnh đạo các đoàn thể nhân dân và nhiều cá nhân trong và ngoài nước đã nghiên cứu, góp nhiều ý kiến sâu sắc vào các văn bản dự thảo đó. Vừa qua, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương đã tổng hợp, phân tích các ý kiến đóng góp của Đại hội Đảng ở các cấp. Trên cơ sở khẳng định những vấn đề có tính nguyên tắc, Hội nghị đã tiếp thu, sửa chữa nhiều điểm và quyết định công bố toàn văn Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX để lấy ý kiến nhân dân.

Việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về bản Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng trên thực tế là một đợt sinh hoạt chính trị và vận động dân chủ sâu rộng nhằm phát huy tinh thần cách mạng, ý thức trách nhiệm và lòng thiết tha của nhân dân ta với sự nghiệp chung. Làm tốt đợt sinh hoạt chính trị này sẽ tập hợp và phát huy được trí tuệ của toàn dân, làm cho ý Đảng và lòng dân thêm hội tụ, làm tăng thêm niềm tin của nhân dân với Đảng và làm bền chặt hơn mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Mục đích và yêu cầu cụ thể đặt ra là : Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc trực tiếp tham gia hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng đất nước và xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, làm cho văn kiện trình Đại hội IX của Đảng trở thành sản phẩm kết tinh trí tuệ và ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ; trên cơ sở kiên định vấn đề có tính nguyên tắc cơ bản là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nêu cao tinh thần xây dựng và ý thức trách nhiệm, đề xuất được nhiều ý kiến có giá trị, góp phần hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IX của Đảng.

Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IX có 10 mục :

1 - Việt Nam trong thế kỷ XX và triển vọng phát triển trong thế kỷ XXI.

2 - Tình hình đất nước 5 năm qua và sau 15 năm đổi mới.

3 - Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

4 - Đường lối kinh tế và chiến lược phát triển.

5 - Phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và môi trường.

6 - Tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

7 - Mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Digitized by Google

8 - Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

9 - Đẩy mạnh cải cách và hoàn thiện Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế.

10 - Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Nội dung chính yếu, những tư tưởng, quan điểm và các giải pháp mà Đảng ta nêu ra trong Dự thảo đều là những vấn đề cần được toàn dân thảo luận, đóng góp ý kiến. Có thể góp ý kiến vào kết cấu và nội dung tổng thể hoặc một số phần của Dự thảo hay một vấn đề nào am hiểu sâu sắc nhất, liên quan nhiều nhất tới địa phương, đơn vị của mình. Tuy nhiên, do thời gian lấy ý kiến trong vòng hơn một tháng trong khi phạm vi, quy mô rất rộng nên các ý kiến đóng góp cần tập trung vào một số vấn đề lớn sau đây :

Một là, tình hình đất nước 5 năm và sau 15 năm đổi mới. Tập trung làm sáng tỏ cả thành tựu và yếu kém, khuyết điểm, nguyên nhân của tình hình, nhất là nguyên nhân mặt yếu kém, khuyết điểm.

Hai là, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Cần góp ý kiến đi thẳng vào các khía cạnh như : Làm thế nào để kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng nước ta, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nội dung, đặc điểm, tính chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trong điều kiện mới ; động lực chủ yếu để phát triển đất nước trong thời kỳ mới ; nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ; chính sách phát triển các thành phần kinh tế, giải pháp bảo đảm công bằng xã hội trên các lĩnh vực...

Ba là, về đường lối kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế. Phân tích thời cơ, thuận lợi và nguy cơ, thách thức đối với sự nghiệp xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong điều kiện chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta trong giai đoạn hiện nay ; vấn đề xây dựng quan hệ sản xuất ; quan điểm và các giải pháp khả thi phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế, tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, giải pháp đối với những vấn đề xã hội.

Bốn là, phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và môi trường. Tập trung làm rõ các vấn đề : quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Năm là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Cần đi sâu vào nội dung các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp xã hội ; giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các đoàn thể.

Sáu là, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân ; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Bảy là, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ; phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Thảo luận và góp ý kiến về các giải pháp xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống và về tổ chức thực hiện dân chủ, tăng cường kỷ cương, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ; các biện pháp cụ thể để nhân dân tham gia có hiệu quả vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp, trong đó đi sâu vào các chủ trương, biện pháp để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Để làm tốt việc tổ chức lấy ý kiến vào Dự thảo Báo cáo Chính trị lần này, các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, các cơ quan đoàn thể cần có các biện pháp thích hợp để giới thiệu, hướng dẫn, cung cấp đủ tài liệu giúp nhân dân hiểu rõ những nội dung cơ bản của Dự thảo phù hợp với trình độ của mỗi đối tượng. Các cấp ủy đảng cùng mọi ngành, mọi cấp cần nêu cao ý thức tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, thực sự cầu thị, động viên nhân dân phát huy tinh thần xây dựng Đảng, coi công việc của Đảng là công việc của chính mình ; đồng thời có kế hoạch cụ thể để triển khai việc đóng góp ý kiến và tổng hợp những ý kiến đóng góp của nhân dân để kịp thời gửi lên cấp trên. Cần triển khai công việc này một cách sâu rộng, thiết thực, với tinh thần xây dựng và ý thức trách nhiệm, bằng nhiều hình thức phong phú ; tránh cách làm đại khái, hình thức.

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của **Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới,** thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Chúng ta tin tưởng rằng, với truyền thống yêu nước và cách mạng, với ý thức dân chủ và sáng tạo, nhất định dân ta sẽ tích cực tham gia thảo luận và góp nhiều ý kiến xác đáng, sâu sắc vào Dự thảo Báo cáo Chính trị, thiết thực góp phần chuẩn bị tốt nhất để Đại hội lần thứ IX của Đảng thành công tốt đẹp. ❑

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Loài người kết thúc thế kỷ XX và bước sang thế kỷ XXI. Nhân dân ta vừa kỷ niệm lần thứ 71 Ngày thành lập Đảng. Toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 15 năm đổi mới.

Nhìn lại quá khứ và hướng tới tương lai, Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới ; phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ; động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vững bước tiến vào thế kỷ mới.

Với tinh thần đó, Ban Chấp hành Trung ương xin trình bày trước Đại hội những vấn đề cơ bản sau đây :

I - VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN TRONG THẾ KỶ XXI.

Thế kỷ XX là thế kỷ phát triển rực rỡ của loài người. Đó là thế kỷ khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng gấp nhiều lần so với thế kỷ trước ; thế kỷ kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới. Đó là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang. Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ; thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước từ châu Âu sang châu Á và Mỹ La-tinh ; sự giải phóng hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, sự phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào hòa bình, dân chủ ; mặt khác lại xảy ra sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới vào cuối thế kỷ.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn và sâu sắc, thế kỷ đấu tranh gian nan, oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Từ cuối thế kỷ XIX cho đến những năm đầu thế kỷ XX, nhân dân ta liên tiếp nổi dậy chống chủ nghĩa thực dân. Tiếp nối các phong trào Văn Thân và Cần Vương, phong trào yêu nước ba mươi năm đầu thế kỷ XX diễn ra liên tục, sôi động, vô cùng anh dũng, từ khởi nghĩa Yên Thế và các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân đến cuộc khởi nghĩa Yên Bái... nhưng đều không thành công vì thiếu một đường lối đúng.

Năm 1930, kế thừa Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và các tổ chức cộng sản tiền thân, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam. Trong 71 năm

Digitized by Google

xây dựng và trưởng thành, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại :

Một là, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945, mặc dù có những lúc bị dìm trong biển máu. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ, một kỷ nguyên mới mở ra, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh và trong những năm đầu sau khi nước nhà thống nhất, Đảng ta trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm, đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế mới.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, cũng có lúc Đảng ta phạm phải sai lầm, khuyết điểm nhưng đã nghiêm túc tự phê bình, tích cực sửa chữa và rút ra những bài học kinh nghiệm để tiến lên.

Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có tiếng nói và vị trí ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chúng ta tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo ; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng, một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Thế kỷ XXI sẽ có nhiều biến đổi sâu sắc hơn. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt chưa từng thấy. Kinh tế tri thức sẽ có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất của loài người. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia ; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới, biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra một cách gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương như các vấn đề : bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo, chống tội phạm quốc tế... Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học - công nghệ cao, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có, đặc biệt là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển. Các quốc gia độc lập sẽ ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình, chống lại chính sách cường quyền và áp đặt, can thiệp và xâm lược của nước ngoài, bảo vệ độc lập, chủ quyền và nền văn hóa dân tộc. Chủ nghĩa xã hội thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng vượt qua thời kỳ thoái trào, tạo ra bước phát triển mới. Lịch sử thế giới đã, đang và sẽ còn trải qua những bước quanh co, song loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử.

Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới, chiến tranh tổng lực dùng

Digitized by Google

vũ khí hạt nhân và các vũ khí giết người hàng loạt khác. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của các dân tộc cho hòa bình và phát triển, vì độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới. Khu vực Đông - Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ, có khả năng phát triển năng động mặc dù vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Những nét mới ấy trong tình hình quốc tế và khu vực, với những xu thế phát triển của nó, tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt chúng ta có cả *cơ hội lớn và thách thức lớn.*

Cùng với những thắng lợi đã giành được từ trước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu to lớn và rất quan trọng của 15 năm đổi mới làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có nhiều phẩm chất tốt đẹp. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực, nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là cơ hội lớn để chúng ta tạo ra bước phát triển mới.

Đồng thời, chúng ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ - tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, "diễn biến hòa bình" do các thế lực thù địch gây ra - đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Điều cần nhấn mạnh là nước ta căn bản vẫn còn là nước nông nghiệp, điểm xuất phát kinh tế thấp, khoảng cách về trình độ phát triển giữa nước ta với nhiều nước trên thế giới còn rất lớn, trong khi đó đất nước đi lên trong điều kiện cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt. Nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế. Mặt khác, tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí và sự thoái hóa về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang thật sự cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm mất lòng tin của nhân dân. Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta phải ra sức khắc phục bằng được để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và sự vững vàng của chế độ.

Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta. Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, đưa đất nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

II - TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC 5 NĂM QUA VÀ SAU 15 NĂM ĐỔI MỚI.

Đại hội VIII của Đảng đề ra nhiệm vụ từ năm 1996 đến năm 2000 là : tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Năm năm qua, bên cạnh một số thuận lợi, nước ta đã gặp nhiều khó khăn, thách thức : những yếu kém vốn có của nền kinh tế, những thiên tai lớn liên tiếp, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực châu Á, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng và toàn dân ta ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, **đạt được những thành tựu quan trọng :**

Kinh tế tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hằng năm 6,94%. Nhờ tập trung đầu tư cho thủy lợi, giống mới, kỹ thuật thâm canh, hình thành các vùng cây công nghiệp có giá trị, nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Việc nuôi trồng và khai thác thủy sản, hải sản được mở rộng. Công nghiệp giữ nhịp độ tăng giá trị sản xuất bình quân hằng năm 13,5% là một cố gắng lớn ; năng lực sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá, đáp ứng

Digitized by Google

nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Hệ thống kết cấu hạ tầng : bưu chính - viễn thông, đường sá, cầu, cảng, sân bay, điện... được tăng cường. Các ngành dịch vụ có bước phát triển mới. Xuất khẩu và nhập khẩu tiếp tục phát triển. Năm 2000, đã chặn được đà giảm sút mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

Văn hóa, xã hội có những tiến bộ ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Giáo dục - đào tạo có bước phát triển về chất lượng, quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Khoa học xã hội và nhân văn có bước chuyển biến tích cực, giải đáp một số vấn đề lý luận và thực tiễn, tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược, đổi mới các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Khoa học tự nhiên và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ; chuẩn bị xây dựng những khu công nghệ cao ; quan tâm bảo vệ môi trường sinh thái. Các hoạt động văn hóa, báo chí, xuất bản đóng góp tích cực vào việc động viên toàn dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao kiến thức và sự hưởng thụ văn hóa của cộng đồng. Những nhu cầu thiết yếu của nhân dân về ăn, ở, mặc, chữa bệnh, nước sạch, điện sinh hoạt, học tập, đi lại, giải trí... được đáp ứng tốt hơn. Mức tiêu dùng bình quân đầu người tăng gần gấp đôi. Phong trào thể dục, thể thao phát triển rộng rãi ; một số bộ môn đạt thành tích cao trong nước và quốc tế. Việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân, nhất là trong lĩnh vực y tế dự phòng, tiêm chủng có nhiều tiến bộ.

Mỗi năm đã giải quyết việc làm cho hơn một triệu lao động. Việc đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo trên phạm vi cả nước, nhất là ở các vùng nghèo, xã nghèo, đạt kết quả to lớn nổi bật, được dư luận thế giới đánh giá cao. Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, tỉ lệ tăng dân số bình quân hằng năm giảm, được Liên hợp quốc tặng giải thưởng về công tác dân số. Công tác chăm sóc người có công với nước, các hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và gia đình liệt sĩ, được mở rộng, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp. Toàn dân hăng hái góp tiền của, công sức cứu trợ đồng bào các vùng bị thiên tai lớn ; tham gia nhiều hoạt động nhân đạo - từ thiện giúp đỡ những người bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, người tàn tật, người già không nơi nương tựa và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Tình hình chính trị-xã hội cơ bản ổn định ; quốc phòng an ninh được tăng cường. Đây là một nhân tố cực kỳ quan trọng để phát triển đất nước. Các lực lượng vũ trang nhân dân có nhiều cố gắng bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo được phát huy. Tổ chức quân đội và công an được chấn chỉnh theo yêu cầu mới. Việc kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế, quốc phòng - an ninh với đối ngoại khá chặt chẽ.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng, hệ thống chính trị được củng cố. Toàn Đảng, từ Trung ương đến cơ sở đã dành nhiều công sức chăm lo xây dựng Đảng. Nhiều nghị quyết Trung ương trong nhiệm kỳ qua đã đề ra những chủ trương, giải pháp quan trọng nhằm củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Đã tiến hành cải cách một bước nền hành chính quốc gia, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đã cố gắng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Đã tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực ; bước đầu thực hiện một số chính sách và quy chế bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, trước hết ở cơ sở.

Quan hệ đối ngoại và việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế được mở rộng và thu nhiều kết quả tốt. Nước ta đã tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng, bạn bè truyền thống ; là thành viên của Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) ; tăng cường quan hệ với các nước phát triển và nhiều nước khác, nhiều tổ chức khu vực và quốc tế.

Digitized by Google

Đảng ta tiếp tục phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới ; quan hệ với đảng đang cầm quyền ở một số nước và một số đảng khác. Các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức bảo vệ hòa bình thế giới và các hội hữu nghị mở rộng hoạt động đối ngoại cả về phương thức, quy mô và địa bàn, góp phần tích cực vào thắng lợi ngoại giao của nước ta.

Những thành tựu trong 5 năm qua đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của nước ta.

Đạt được những thành tựu nói trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn ; Nhà nước ta có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý ; toàn dân và toàn quân ta phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo, tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII còn có những **yếu kém, khuyết điểm :**

Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua chậm dần, riêng năm 2000 đã tăng trở lại nhưng vẫn chưa đạt được mức tăng trưởng cao như 5 năm đầu của thập niên 90. Một số chỉ tiêu do Đại hội VIII đề ra như : nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GDP bình quân đầu người, nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, kim ngạch xuất nhập khẩu... không đạt. Năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao. Nhiều sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp thiếu thị trường tiêu thụ cả ở trong nước và nước ngoài, một phần do thiếu sức cạnh tranh. Nhiều diện tích rừng và một số tài nguyên khác bị phá hủy. Nạn buôn lậu, gian lận thương mại chưa bị đẩy lùi. Hệ thống tài chính - ngân hàng còn nhiều mặt yếu kém và chưa lành mạnh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư chậm và chưa hợp lý. Đầu tư cho phát triển còn bị phân tán, lãng phí và thất thoát nhiều, làm cho hiệu quả sử dụng đồng vốn, nhất là vốn từ ngân sách nhà nước, còn thấp. Nguồn vốn trong dân chưa được huy động đúng mức. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm nhiều, trong khi công tác quản lý, điều hành lĩnh vực này còn nhiều vướng mắc và khuyết điểm. Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể chưa được củng cố tương xứng với vai trò nền tảng.

Một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao, đang là một trong những vấn đề nổi cộm, nóng bỏng nhất của xã hội. Chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo thấp so với yêu cầu. Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, sách giáo khoa, thi cử, cơ cấu đào tạo, trình độ quản lý có nhiều thiếu sót ; những hiện tượng tiêu cực đáng lo ngại trong giáo dục - đào tạo tiếp tục diễn ra. Đào tạo chưa gắn với sử dụng, gây lãng phí. Chi phí học tập cao so với khả năng thu nhập của dân, nhất là của đồng bào nghèo. Giáo dục - đào tạo ở miền núi, vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn. Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, của các ngành kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Trình độ công nghệ thấp. Nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học hoạt động phân tán, thiếu sự phối hợp. Môi trường đô thị, nơi công nghiệp tập trung và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng. Công tác quản lý xuất bản, báo chí có nhiều mặt buông lỏng. Văn hóa phẩm độc hại xâm nhập, tác động xấu đến thanh niên, thiếu niên. Mê tín, hủ tục có chiều hướng tăng. Cơ sở vật chất của ngành y tế thiếu thốn và lạc hậu, nhất là ở tuyến huyện và xã. Y đức chưa được quan tâm giáo dục. Dịch bệnh cục bộ vẫn xảy ra ở một số nơi. Việc khám và chữa bệnh cho nhân dân, nhất là cho đồng bào nghèo, còn phiền hà và có nhiều tiêu cực.

Tai nạn giao thông xảy ra ở mức nghiêm trọng, gây những thiệt hại lớn về tính mạng và tài sản. Các tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma túy và mại dâm, chưa bị đẩy lùi. Bệnh HIV/AIDS lan ra cả nước. Chưa bảo đảm vững chắc trật tự an toàn xã hội. Tội phạm gia tăng. Mức sống nhân dân ở một số vùng quá thấp. Chính sách tiền lương và phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư. Tình trạng khiếu kiện của nhân dân ở nhiều nơi kéo dài và phức tạp nhưng chưa được các cấp, các ngành giải quyết kịp thời.

Digitized by Google

Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Một số cơ chế, chính sách còn thiếu hoặc chưa sát với cuộc sống, chưa hợp lý, thiếu tính khả thi. Nhiều cấp, nhiều ngành chưa thay thế, sửa đổi những quy định về quản lý nhà nước không còn phù hợp ; chưa bổ sung những cơ chế, chính sách mới thật sự mạnh mẽ và đồng bộ để giải phóng lực lượng sản xuất, khai thác nhiều hơn nữa các nguồn lực dồi dào trong các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các vùng và toàn xã hội. Có khi chính sách bị biến dạng qua nhiều tầng nấc hành chính quan liêu. Sau khi đã có luật và chính sách, việc ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn cụ thể rất chậm.

Tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

Tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu kéo dài, diễn ra trên nhiều lĩnh vực trong bộ máy nhà nước, đảng, đoàn thể và trong các doanh nghiệp nhà nước. Một số cán bộ, đảng viên sa đọa, biến chất, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tình hình trên đã gây bất bình trong nhân dân.

Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình trước Đại hội và trước nhân dân về việc chậm khắc phục những khuyết điểm trên, làm hạn chế những thành tựu lẽ ra đã có thể đạt được nhiều hơn.

Sở dĩ có tình trạng đó là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính :

Việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng chưa tốt ; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm.

Tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, không chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước là lực cản đối với việc đưa đường lối, quan điểm và nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Công tác chỉ đạo, điều hành ở các cấp, các ngành còn nhiều bất cập, thiếu kiểm tra, đôn đốc và chưa có sự phối hợp chặt chẽ nên hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Nhiều nhiệm vụ công tác lớn đã được đề ra nhưng việc thực hiện không đến nơi đến chốn hoặc chỉ nói mà không làm. Chức năng lãnh đạo của cấp ủy đảng và chức năng quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước chưa được phân định rành mạch.

Vai trò và trách nhiệm cá nhân người phụ trách, người đứng đầu chưa được đề cao. Kỷ luật, kỷ cương phép nước chưa nghiêm. Một số vụ sai phạm nghiêm trọng chưa được xử lý kiên quyết. Năng lực hành động thực tiễn, trí tuệ và kiến thức còn thấp của một số cán bộ, công chức, cơ quan chỉ đạo, điều hành và tham mưu cũng làm cho việc thực hiện nghị quyết của Đảng không tốt.

Một số quan điểm, chủ trương chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được quán triệt thông suốt ở các cấp, các ngành. Trong cán bộ, đảng viên còn có những nhận thức và ý kiến khác nhau về những vấn đề như : kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tri thức, kinh tế trang trại, nội dung và bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế v.v... Việc tổng kết thực tiễn, hoàn thiện và cụ thể hóa đường lối, quan điểm của Đảng làm chậm và kém. Tình trạng này dẫn đến việc thực hiện thiếu thống nhất, khó phân rõ ranh giới giữa quan điểm đúng đắn, khoa học của Đảng với các quan điểm lệch lạc.

Cải cách hành chính tiến hành chậm, hiệu quả thấp. Tổ chức và bộ máy nhà nước cồng kềnh, trùng lắp chức năng, trong không ít trường hợp trên và dưới, trung ương và địa phương hành động không ăn khớp, cản trở việc phát triển kinh tế - xã hội và làm giảm động lực phát triển. Nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng thực hiện không đạt kết quả do phải qua nhiều tầng nấc trung gian và những thủ tục hành chính phiền hà. Một số người và cơ quan do lợi ích riêng không muốn đẩy mạnh cải cách hành chính. Không ít cán bộ, công chức hành chính không những kém về đạo đức, phẩm chất, gây ra tệ tham nhũng, quan liêu, sách nhiễu, cửa quyền, mà còn yếu về bản lĩnh chính trị, kém về năng lực, trí tuệ, văn hóa, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ, làm giảm hiệu lực của bộ máy hành chính.

Công tác tư tưởng, lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập. Công tác tư tưởng thiếu sắc bén, tính chiến đấu không cao, phương pháp tiến hành chưa linh hoạt, sáng tạo, chưa tạo được nhận thức sâu và sự nhất trí cao trong Đảng đối với một số quan điểm có tính nguyên tắc

Digitized by Google

của Đảng ; chưa phê phán mạnh những quan điểm mơ hồ, sai trái ; đấu tranh không kiên quyết với xu hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trên báo chí, phát thanh, truyền hình, trong văn học - nghệ thuật và xuất bản. Công tác tư tưởng chưa gắn với công tác tổ chức, xây dựng cơ chế, chính sách. Công tác nghiên cứu lý luận chưa thực sự đổi mới, không theo kịp sự phát triển của thực tiễn và chưa giải đáp được nhiều vấn đề nóng bỏng trong thời kỳ quá độ và trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới. Tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước, còn có quá nhiều đầu mối, trách nhiệm tập thể và cá nhân không rành mạch, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhiều cơ quan và người đứng đầu chưa thật rõ, còn chồng chéo ; cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý. Việc tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, sử dụng và đánh giá cán bộ còn nhiều thiếu sót, có khi còn dựa vào một số quan niệm, định kiến cũ và theo cảm tính ; cách làm thiếu quy hoạch, không sâu sát, chưa dân chủ và chưa lắng nghe ý kiến của quần chúng, của tập thể. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ. Chưa tích cực phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có đức, có tài.

Tuy còn một số chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) không đạt, một số nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội VIII đề ra chưa được thực hiện tốt nhưng 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000) **đã đạt những thành tựu to lớn và rất quan trọng :**

Tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất một số sản phẩm chủ yếu tăng hơn trước. Nền kinh tế từ tình trạng khan hiếm, thiếu nghiêm trọng lương thực và hàng tiêu dùng nay đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế ; từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; từ chỗ nền kinh tế chủ yếu chỉ có hai thành phần là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đã chuyển sang nền kinh tế có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và các nước Đông Âu gây ra ; không để bị cuốn sâu vào cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực châu Á, mặc dù hậu quả của nó đối với nước ta cũng khá nặng nề ; phá được thế bị bao vây, cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; giữ vững ổn định chính trị - xã hội ; quốc phòng - an ninh được củng cố. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với mười năm trước.

Mười lăm năm đổi mới (1986 - 2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học sau đây :

Trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đứng trước những khó khăn, thử thách, những biến động phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, Đảng ta luôn kiên định xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn, bảo vệ những truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được, giữ vững độc lập dân tộc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Dù gặp khó khăn, vấp váp, vẫn nhất quán thực hiện đổi mới, không dao động, không xa rời mục tiêu đã chọn.

Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Tiến hành đổi mới xuất phát từ thực tiễn và cuộc sống của xã hội Việt Nam, không sao chép bất cứ một mô hình có sẵn nào ; đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để với những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Phải thường xuyên tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết về chủ trương, phương pháp, biện pháp ; tìm và lựa chọn những giải pháp mới, linh hoạt, sáng tạo, nhạy bén nắm bắt cái mới, tận dụng thời cơ, khắc phục sự trì trệ, làm chuyển biến tình hình.

Digitized by Google

Nhân dân cần cù và thông minh, tự giác và tích cực thực hiện đổi mới trên mọi lĩnh vực, tạo ra nhiều điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay và nhân tố mới, từ đó Đảng có cơ sở để tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, đưa công cuộc đổi mới tiếp tục tiến lên. Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Để công cuộc đổi mới thành công phải động viên được mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế tích cực tham gia.

Đổi mới phải kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Công cuộc đổi mới của nhân dân ta diễn ra vào lúc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới phát triển mạnh mẽ, xu thế toàn cầu hóa ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển và cuộc sống các dân tộc, cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội vì một trật tự chính trị, kinh tế thế giới thật sự dân chủ, công bằng, hợp lý đang dâng cao. Tiến hành đổi mới, chúng ta ra sức tranh thủ tối đa mọi cơ hội tốt do những xu thế nói trên tạo ra, ngăn chặn mặt tiêu cực, phát huy nội lực và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.

Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, luôn luôn tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, hoàn thiện đường lối của đổi mới. Thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo ra sự thống nhất về quan điểm, ý chí và hành động trong toàn Đảng ; lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng thời lãnh đạo xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh là cơ sở để tiếp tục đổi mới thu kết quả tốt.

III - VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA.

Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta một lần nữa khẳng định : Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Ở đây nói rõ thêm một số vấn đề :

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người ; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; về lòng yêu nước thương dân, về sức mạnh của nhân dân, lấy dân làm gốc ; về sản xuất và tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu ; về tăng cường quốc phòng - an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ; về nền văn hóa dân tộc và hiện đại ; về đạo đức cách mạng ; về đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh ; xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân... Tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi. Đó là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn cách mạng và là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học - công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Đó cũng là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức*

Digitized by Google

kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ. Từ Đại hội VIII, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong chặng đường hiện nay còn phải tiếp tục hoàn thành một số nhiệm vụ của chặng đường trước.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, cho nên tất yếu còn mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp ; tuy nhiên cơ cấu, nội dung, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội.

Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra trong những điều kiện mới, với nội dung giai cấp và nội dung dân tộc gắn kết với nhau bằng những hình thức mới. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung : *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.* Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, chậm phát triển, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công ; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái để giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch ; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại phải gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối.

Chế độ sở hữu công cộng (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu là sản phẩm của nền kinh tế phát triển với trình độ xã hội hóa cao các lực lượng sản xuất hiện đại, từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng xong về cơ bản. Xây dựng chế độ đó là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao. Phải từ thực tiễn tìm tòi, thử nghiệm để xây dựng chế độ sở hữu công cộng nói riêng và quan hệ sản xuất mới nói chung với bước đi vững chắc. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nói gọn là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của người lao động, giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; phát triển nền kinh tế đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo ; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước ta là nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, quản lý nền kinh tế theo nguyên tắc kết hợp thị trường với kế hoạch, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục

Digitized by Google

mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa và giáo dục, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo con người phát triển toàn diện, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Chủ trương của Đảng xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

IV - ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN.

Đường lối kinh tế của Đảng ta là : *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp ; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững ; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.*

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là : *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại ; nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường vững chắc ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản. Vị thế của nước ta trong quan hệ quốc tế được củng cố và nâng cao.*

Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng gấp đôi so với năm 2000 ; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỉ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%.

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược 2001 - 2010 nhằm : Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả phát triển kinh tế. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về phát huy nhân tố con người, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Giải quyết có hiệu quả vấn đề việc làm ; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo ; đẩy lùi các tệ nạn xã hội ; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ; xây dựng một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Phấn đấu đạt nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước ít nhất 7%/năm.

1 - Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm.

- *Con đường công nghiệp hóa của nước ta* cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ tiên tiến, hiện đại về khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu công nghệ hiện đại và tri thức mới, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam, đặc biệt coi trọng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ,

Digitized by Google

xem đây là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển mạnh công nghiệp, đồng thời đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Trước hết là độc lập tự chủ về đường lối chính trị, chính sách, thể chế, mô hình phát triển kinh tế đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh : có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế ; có cơ cấu kinh tế hợp lý ; có sức cạnh tranh ; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ ; giữ ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô ; có một số yếu tố vật chất bảo đảm an toàn và điều kiện cơ bản cho phát triển như an ninh lương thực, an toàn năng lượng, dự trữ ngoại tệ, an toàn tài chính, an toàn môi trường, xây dựng kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và một số ngành công nghiệp nặng then chốt...

Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp cho phát triển đất nước.

- Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, đồng bộ, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế, tăng sức cạnh tranh. Mọi hoạt động kinh tế được đánh giá bằng hiệu quả tổng hợp về kinh tế, tài chính, xã hội, môi trường, quốc phòng - an ninh. Trước mắt, tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh và các lợi thế so sánh của đất nước, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước ; đáp ứng về cơ bản các nhu cầu thiết yếu về đời sống nhân dân và yêu cầu trang bị lại cho nền kinh tế và quốc phòng - an ninh.

Tăng cường sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.* Tiếp tục phát triển và đưa *nông - lâm - ngư nghiệp* lên một trình độ mới bằng việc ứng dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ ; đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu được trên đơn vị diện tích ; giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa ; đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa và áp dụng công nghệ sinh học... Đầu tư nhiều hơn cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, các ngành nghề đa dạng, nhất là công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các làng nghề ; chuyển một bộ phận quan trọng lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, tạo nhiều việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống nông dân và dân cư ở nông thôn.

Công nghiệp vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa áp dụng công nghệ tiến bộ, đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa...). Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng then chốt. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, may mặc, da - giầy, điện tử và công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm, một số sản phẩm cơ khí... Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên dầu khí, khoáng sản, vật liệu xây dựng. Ưu tiên phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ; xây dựng một số tập đoàn doanh nghiệp lớn đi đầu trong cạnh tranh và hiện đại hóa.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ : thương mại, kể cả thương mại điện tử, hàng không, bưu chính - viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, thông tin thị trường... Sớm phổ cập sử dụng tin học và Internet trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Xây dựng hệ thống *kết cấu hạ tầng* giao thông, thủy lợi, thông tin, điện lực đồng bộ và từng bước hiện đại hóa ; phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước ở cả thành thị và nông thôn.

Phát triển mạng lưới *đô thị*, phân bố hợp lý trên các vùng. Hiện đại hóa dần các thành phố lớn, thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn. Không tập trung quá nhiều cơ sở công nghiệp và dân cư vào các đô thị lớn. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị, bảo vệ môi trường, nâng cao thẩm mỹ kiến trúc.

Về *chiến lược phát triển các vùng*, phát huy vai trò của các vùng động lực có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn ; đồng thời tạo điều kiện để phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng động lực tạo mức

Digitized by Google

tăng trưởng khá. Đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng miền núi, biên giới, hải đảo. Có chính sách hỗ trợ nhiều hơn cho các vùng khó khăn phát triển kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo..., đưa các vùng này vượt qua tình trạng kém phát triển.

Phát triển mạnh *kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển* : mở rộng nuôi trồng và đánh bắt, chế biến hải sản, tiến ra biển xa ; khai thác và chế biến dầu khí ; phát triển vận tải viễn dương, du lịch và dịch vụ ; bảo vệ môi trường và an ninh trên biển.

Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo *khí tượng - thủy văn* ; có kế hoạch và biện pháp tích cực phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

Sử dụng hợp lý tài nguyên và *bảo vệ môi trường sinh thái*, trước hết là nước và không khí. Tăng cường công tác quản lý môi trường ở tất cả các lĩnh vực, các vùng, các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường.

Cơ cấu nền kinh tế phải đáp ứng yêu cầu giành lợi thế cạnh tranh trên cả *thị trường trong nước và ngoài nước*. Tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu. Thu hút mạnh hơn các nguồn vốn của nước ngoài (vốn đầu tư trực tiếp, vốn hỗ trợ phát triển chính thức...).

2 - Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh ; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Từ các hình thức sở hữu : *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân*, hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp.

Kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế : nắm những vị trí then chốt, là nhân tố mở đường cho sự phát triển kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là một công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế ; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Trong 5 năm tới, hoàn thành việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đồng thời phát triển thêm một số doanh nghiệp mà Nhà nước cần đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Xây dựng và củng cố một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn ; thực hiện giao, bán, khoán, cho thuê... các doanh nghiệp nhà nước loại nhỏ mà Nhà nước không cần nắm giữ. Sáp nhập, giải thể, cho phá sản những doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả. Củng cố và hiện đại hóa một bước đại bộ phận doanh nghiệp nhà nước. Khẩn trương cải thiện tình hình tài chính và lao động của doanh nghiệp nhà nước.

Đổi mới căn bản phương thức đầu tư vốn của Nhà nước cho các doanh nghiệp thông qua các công ty đầu tư tài chính của Nhà nước và thông qua thị trường vốn. Thực hiện chế độ quản lý công ty đối với tất cả các doanh nghiệp kinh doanh có vốn Nhà nước ; giao cho hội đồng quản trị doanh nghiệp quyền chủ sở hữu trực tiếp gắn với quyền tự chủ trong kinh doanh ; quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả theo hướng : xóa bao cấp ; doanh nghiệp thực sự cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh ; nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và có lãi. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong doanh nghiệp. Có cơ chế phù hợp về kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước và của xã hội.

Kinh tế tập thể gồm các hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các hộ xã viên và sở hữu tập thể (các quỹ sử dụng chung trong hợp tác xã), liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành. Nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp

Digitized by Google

nhà nước và kinh tế hộ nông nghiệp. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường, giải quyết nợ tồn đọng. Khuyến khích việc tích lũy, phát triển có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã. Tổng kết việc chuyển đổi hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị được Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển năng động. Các trang trại phát triển theo nguyên tắc tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Khuyến khích phát triển *kinh tế tư bản tư nhân* rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài ; chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động ; liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Phát triển *kinh tế tư bản nhà nước* dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh.

Tạo điều kiện để *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* phát triển thuận lợi, hướng vào mục tiêu phát triển các sản phẩm xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm. Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

Phát triển *các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp* nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước.

Phát triển mạnh hình thức *tổ chức kinh tế cổ phần* nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội.

3 - Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường ; tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước.

- Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như : thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học - công nghệ.

Phát triển *thị trường hàng hóa và dịch vụ,* phát huy vai trò nòng cốt, định hướng và điều tiết của kinh tế nhà nước trên thị trường. Đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao sức mua của thị trường trong nước, cả ở thành thị và nông thôn, chú ý thị trường các vùng có nhiều khó khăn. Mở rộng thêm thị trường mới ở nước ngoài. Xác định thời hạn bảo hộ hợp lý và có hiệu quả đối với một số sản phẩm quan trọng, tích cực chuẩn bị để mở rộng hội nhập thị trường quốc tế. Xóa bỏ độc quyền kinh doanh của các doanh nghiệp lớn.

Mở rộng *thị trường lao động trong nước* có sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước, bảo vệ lợi ích của người lao động và của người sử dụng lao động ; đẩy mạnh *xuất khẩu lao động* có tổ chức và có hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách để tạo cơ hội bình đẳng về việc làm cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người lao động tự tìm việc làm, nâng cao trình độ, đào tạo lại, học nghề mới.

Khẩn trương tổ chức *thị trường khoa học - công nghệ và thực hiện tốt bảo hộ sở hữu trí tuệ ;* đẩy mạnh phát triển các dịch vụ về thông tin, chuyển giao công nghệ.

Phát triển nhanh *thị trường vốn,* nhất là thị trường vốn dài hạn và trung hạn. Tổ chức và vận hành thị trường chứng khoán an toàn, hiệu quả. Hình thành đồng bộ thị trường tiền tệ ; tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Chủ động tổ chức, phát triển *thị trường bất động sản.* Đất đai thuộc sở hữu toàn dân ; cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Trong 5 năm tới hình thành tương đối đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục những yếu kém hiện nay, gỡ bỏ những vướng mắc cản trở sự phát triển.

Đổi mới sâu rộng cơ chế quản lý kinh tế, phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh, tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi tiêu cực, lãng phí, tham nhũng, gây phiền hà.

Digitized by Google

Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển ; bằng chiến lược, kế hoạch và chính sách kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập ; kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế.

Đổi mới hơn nữa công tác kế hoạch hóa, kết hợp thị trường với kế hoạch, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ; tăng cường công tác thông tin kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, công tác thống kê ; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - công nghệ trong công tác dự báo, kiểm tra tình hình thực hiện ở cả cấp vĩ mô và doanh nghiệp.

Bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong chi ngân sách nhà nước. Phân cấp mạnh đi đôi với tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thu và chi ngân sách địa phương. Tăng tỉ lệ chi ngân sách theo tốc độ tăng trưởng kinh tế và hiệu quả quản lý kinh tế, tài chính. Tăng chi ngân sách cho các mục tiêu xã hội trọng điểm. Nâng cao hiệu quả các chương trình quốc gia, tập trung vốn cho các chương trình trọng điểm, thực hiện có kết quả chương trình giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn.

Nhà nước đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội theo phương thức thông qua các công ty đầu tư. Chuyển cơ chế phân bổ nguồn vốn vay nhà nước mang tính hành chính sang cho vay theo cơ chế thị trường, xóa bỏ bao cấp thông qua tín dụng đầu tư. Hoàn thiện phương thức quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cải cách các thủ tục, phân công, phân cấp rõ ràng, rành mạch trong thực hiện các dự án đầu tư. Tăng cường quản lý nợ chính phủ ; hoàn thiện chính sách quản lý nợ nước ngoài cho phù hợp với tình hình mới.

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế ; đơn giản hóa các sắc thuế ; từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Nuôi dưỡng nguồn thu và thu đúng, thu đủ. Hiện đại hóa công tác quản lý thuế của Nhà nước.

Xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước thành những doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ có uy tín, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Xóa bỏ sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại nhà nước. Mở rộng khung và tiến tới xóa bỏ quy định khung lãi suất ; từng bước thực hiện tự do hóa lãi suất đi đôi với việc hình thành thị trường tiền tệ hoạt động theo quan hệ cung - cầu. Nâng cao năng lực giám sát của Ngân hàng nhà nước và công tác kiểm tra nội bộ của các ngân hàng thương mại. Thực hiện chính sách tỷ giá linh hoạt theo cung cầu ngoại tệ, từng bước thực hiện tự do hóa tỷ giá hối đoái trong sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Tách tín dụng ưu đãi khỏi tín dụng thương mại.

4 - Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng và hợp pháp ; điều tiết các quan hệ xã hội do tình trạng phân hóa giàu nghèo gây ra, khắc phục dần sự cách biệt giữa thành thị với nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi.

Giải quyết việc làm là một trong những chính sách xã hội cơ bản của quốc gia. Bằng nhiều giải pháp, hằng năm tạo ra hàng triệu việc làm mới, tận dụng số ngày công lao động chưa dùng đến, nhất là trên địa bàn nông thôn và nông nghiệp. Các thành phần kinh tế mở mang các ngành nghề, các cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng sử dụng nhiều lao động. Khôi phục và phát triển các làng nghề, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên và việc đào tạo lao động có nghề đáp ứng nhu cầu trong nước và để xuất khẩu lao động v.v... Sớm xây dựng và thực hiện chính sách trợ cấp cho người lao động thất nghiệp. Các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước được tự chủ trong việc trả lương và tiền thưởng trên cơ sở hiệu quả của doanh nghiệp và năng suất lao động của mỗi người. Nhà nước và xã hội tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh.

Digitized by Google

Cải cách cơ bản hệ thống tiền lương đối với công chức nhà nước theo hướng : thực hiện tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương ; điều chỉnh tiền lương tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội ; hệ thống thang bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi.

Chương trình xóa đói, giảm nghèo được thực hiện thông qua những biện pháp cụ thể, sát với tình hình từng địa phương để xóa nhanh các hộ đói, giảm mạnh các hộ nghèo, tiếp tục tăng tổng nguồn vốn xóa đói, giảm nghèo, mở rộng các hình thức tín dụng phục vụ người nghèo sản xuất, kinh doanh. Thực hiện các chính sách xã hội nhằm tạo ra sự an toàn trong cuộc sống cho mọi thành viên của cộng đồng, bao gồm bảo hiểm xã hội cho mọi người lao động thuộc các thành phần kinh tế, cứu trợ xã hội những người gặp hoàn cảnh rủi ro, bất hạnh.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân thực hiện tốt các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với những người có công với nước, các vị lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ, gia đình chính sách.

Đẩy mạnh việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn như trường học, trạm y tế, điện, nước sạch, chợ và đường giao thông. Đầu tư mạnh hơn cho những xã đặc biệt khó khăn. Nhà nước có chính sách khuyến khích cán bộ khoa học - kỹ thuật đến các vùng sâu, vùng xa ; hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo.

Chính sách dân số nhằm chủ động kiểm soát quy mô dân số và từng bước nâng cao chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình ; giải quyết tốt mối quan hệ giữa quy mô dân số với chất lượng dân số, giữa cơ cấu dân số, phân bố dân cư hợp lý với quản lý dân số và phát triển nguồn nhân lực.

Chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là sức khỏe của trẻ em, cần được thực hiện đồng bộ, nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. Từng bước củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế, đặc biệt là mạng lưới y tế cơ sở. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe ; đổi mới cơ chế và chính sách viện phí ; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, từng bước tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Nhà nước ban hành chính sách quốc gia về y học cổ truyền. Phát triển mạnh các cơ sở khám, chữa bệnh theo y học cổ truyền ở tuyến cơ sở. Thực hiện có chất lượng sự kết hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền từ khâu đào tạo đến khâu khám bệnh và điều trị. Từng bước hiện đại hóa các cơ sở sản xuất tân dược và đông dược, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng dược phẩm, ngăn chặn nạn thuốc giả trên thị trường.

Phát động phong trào toàn dân tập luyện thể dục - thể thao, nâng cao sức khỏe và tầm vóc của người Việt Nam ; phòng ngừa bệnh tật ; phổ biến rộng rãi kiến thức về tự bảo vệ sức khỏe, về dùng thuốc, về vệ sinh và an toàn thực phẩm, an toàn giao thông để người dân tránh được những rủi ro, bất hạnh không đáng có.

Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em được thực hiện gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thực hiện quyền trẻ em, làm cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, được phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức. Bảo đảm cho trẻ em mồ côi cha mẹ, trẻ bị khuyết tật, trẻ sống trong những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em dân tộc thiểu số có cơ hội học tập để phát triển, có những điều kiện cần thiết trong vui chơi, giải trí, hưởng thụ các thành quả văn hóa của đất nước.

Chính sách an ninh xã hội thể hiện tinh thần kiên quyết đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự và an ninh xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội. Kiên quyết giữ vững kỷ cương xã hội, tích cực chống tham nhũng, mê tín, hủ tục, những lối sống không lành mạnh, ngăn chặn những hành vi trái pháp luật, trái đạo lý, không văn hóa, vi phạm các chuẩn mực đạo đức dân tộc. Tích cực phòng chống HIV/AIDS.

V - PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG.

1 - Phát triển giáo dục - đào tạo là một trong những động lực quan trọng nhất thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện tiên quyết để phát triển nguồn lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tiếp tục tăng đầu tư ngân sách cho giáo dục - đào tạo.

Digitized by Google

Đổi mới căn bản và toàn diện nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và dân chủ hóa. Củng cố thành tựu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong 5 năm tới, tạo điều kiện cho những địa phương có khả năng hoàn thành sớm việc phổ cập giáo dục trung học phổ thông, mở rộng quy mô đào tạo trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đẩy mạnh phong trào học tập, khuyến khích tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề, bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện tốt khẩu hiệu "giáo dục cho mọi người", cả nước trở thành một xã hội học tập. Xây dựng quy hoạch đào tạo nhân lực theo phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học trên mạng. Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, phấn đấu để ngày càng có nhiều trường phổ thông đủ điều kiện học hai buổi mỗi ngày tại trường và được nối mạng In-tơ-nét, học sinh từ bậc tiểu học trở lên được học ngoại ngữ và tin học.

Ở mọi cấp học, bậc học, kết hợp dạy và học lý thuyết với thực nghiệm và thực hành. Gắn công tác đào tạo với công tác nghiên cứu khoa học và sản xuất. Nhà trường và cơ sở đào tạo phối hợp với các tổ chức khoa học và các cán bộ kỹ thuật truyền bá tri thức sản xuất, chuyển giao công nghệ mới cho dân. Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương. Nhanh chóng hiện đại hóa một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội, khuyến khích phát triển hệ thống trường, lớp dạy nghề dân lập và tư thục ; trang bị cho thanh niên những kiến thức sản xuất, kỹ năng lao động và năng lực tiếp thu công nghệ mới để tự tạo việc làm, chủ động tìm kiếm cơ hội lập thân, lập nghiệp.

Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo, phát huy nội lực tự học, nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tập trung đầu tư vào hai trường đại học quốc gia thành những trung tâm đào tạo chất lượng cao, chuẩn bị đội ngũ nhân tài cho đất nước, xây dựng một số trường đại học sư phạm trọng điểm để nhanh chóng đào tạo được đội ngũ giáo viên giỏi cho hệ thống trường, lớp ở bậc phổ thông cũng như ở bậc đại học.

Huy động sức mạnh toàn dân vào việc thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, phát triển đa dạng các hình thức đào tạo, mang lại cho mọi người dân cơ hội học tập và đóng góp nhân lực, vật lực, tài lực cho giáo dục. Phát triển mạnh hội khuyến học, quỹ khuyến khích tài năng và các tổ chức bảo trợ, hỗ trợ giáo dục.

Tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức và lối sống cho thế hệ trẻ. Ở các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, cải tiến và hiện đại hóa việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập, tiếp tục xây dựng các trường phổ thông nội trú cho con em dân tộc thiểu số, chú trọng đặc biệt đến quyền lợi học tập của nhân dân ở gần hai nghìn xã nghèo nhất.

Trong những năm trước mắt, đẩy mạnh việc chấn hưng giáo dục, nhanh chóng giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc : tinh giản chương trình đào tạo cho phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý của học sinh và yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa về nguồn nhân lực ; cải tiến chế độ thi cử, khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" giáo dục, ngăn chặn những tiêu cực trong giáo dục ; khắc phục tình trạng làm và sử dụng bằng giả ; có cơ chế chặt chẽ trong việc cấp bằng, công nhận học hàm, học vị ; chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước đối với toàn bộ hệ thống giáo dục, hệ thống nhà trường cả công lập và ngoài công lập.

Tăng dần ngân sách nhà nước cho việc đưa những người giỏi đi học ở những nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Có quy hoạch và chính sách tuyển chọn người giỏi, đặc biệt chú ý con em công nhân và nông dân, để đào tạo thành những chuyên gia đầu ngành bằng ngân sách quốc gia, nguồn vốn của dân, nguồn tài trợ của nước ngoài và các tổ chức quốc tế.

2 - Phát triển khoa học - công nghệ cùng với phát triển giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Digitized by Google

Bằng nguồn lực của nhà nước và các doanh nghiệp, tăng cường đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường ; xây dựng năng lực công nghệ quốc gia. Có chính sách phát huy thế mạnh về trí tuệ của người Việt Nam, tiếp thu một cách sáng tạo những công nghệ nhập khẩu, từng bước tạo ra công nghệ mới, đẩy mạnh việc hợp tác về công nghệ với các nước. Tạo thị trường cho tiến bộ công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và ràng buộc việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ. Coi trọng chất lượng đào tạo nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu nhân lực, đặc biệt là chất lượng của đội ngũ công nhân, kỹ sư thực hành, những nhà kinh doanh và nhà quản lý. Ưu tiên đào tạo phục vụ một số ngành mũi nhọn, nhất là công nghệ phần mềm, phục vụ công nghiệp hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn. Sử dụng có hiệu quả các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ.

Phát triển khoa học xã hội và nhân văn, hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người ; khai thác và phát huy những di sản văn hóa dân tộc, sáng tạo những giá trị văn hóa mới của Việt Nam. Xây dựng quy chế dân chủ trong nghiên cứu và sáng tạo khoa học xã hội và nhân văn.

Khoa học và công nghệ đóng góp trực tiếp và ngày càng lớn vào quá trình đất nước tăng trưởng nhanh và bền vững. Ưu tiên phát triển nghiên cứu, triển khai các công nghệ ứng dụng, đồng thời tiếp tục coi trọng nghiên cứu khoa học cơ bản. Hoàn thành xây dựng những khu công nghệ cao và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

Có chính sách ưu đãi đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu, ứng dụng xuất sắc trong sản xuất và đời sống, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao, những cán bộ khoa học và công nghệ công tác tại các vùng khó khăn, vùng nông thôn. Có chính sách động viên đội ngũ trí thức bám sát cơ sở sản xuất, hướng dẫn nhân dân nắm bắt và làm chủ những công nghệ mới.

3 - Phát triển văn hóa.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người xã hội chủ nghĩa và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp văn hóa là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội, trước hết trong tổ chức đảng và nhà nước, trong các đoàn thể nhân dân và trong từng gia đình.

Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn chỉnh nhân cách, có lòng tự hào dân tộc, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tuân thủ pháp luật, nếp sống văn minh, tác phong công nghiệp. Đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho sự phát triển của xã hội và con người. Tạo điều kiện để nhân dân trở thành những chủ thể sáng tạo văn hóa đồng thời là người hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hóa. Đẩy mạnh xây dựng thư viện, nhà văn hóa, nhà thông tin, câu lạc bộ sức khỏe, sân bãi thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí...

Khai thác, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh, các kho tàng văn hóa Hán Nôm, các giá trị văn hóa, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc. Tiếp thu tinh hoa văn hóa của thế giới, làm giàu đẹp thêm nền văn hóa Việt Nam ; đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại.

Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống lành mạnh, trung thực, nhân ái, thủy chung, tôn trọng kỷ cương phép nước, cần cù lao động và học tập. Xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc và có văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hóa, văn học - nghệ thuật. Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, có tác dụng sâu sắc

Digitized by Google

xây dựng con người, xứng đáng với đất nước đổi mới và dân tộc anh hùng. Văn nghệ miêu tả, cổ vũ cái đúng, cái tốt trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên ; phê phán những thói hư tật xấu, lên án cái ác, cái thấp hèn. Không ngừng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật của công chúng. Phát huy vai trò thẩm định tác phẩm, hướng dẫn dư luận của phê bình văn học - nghệ thuật. Tiếp tục đấu tranh chống các khuynh hướng sáng tác suy đồi, trái với đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng. Chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho văn nghệ sĩ. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo lớp văn nghệ sĩ trẻ. Làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả.

Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng. Báo chí, kể cả báo điện tử, xuất bản, phát thanh, truyền hình, điện ảnh... làm tốt chức năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, động viên nhân dân làm tốt hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt việc tốt, phê phán cái sai, cái xấu và các hiện tượng tiêu cực ; coi trọng nâng cao tính chân thật, tính đa dạng và tính chiến đấu của thông tin. Sử dụng In-tơ-nét đẩy mạnh thông tin đối ngoại, đồng thời hạn chế, ngăn chặn những hoạt động tiêu cực qua mạng. Khắc phục xu hướng "thương mại hóa" trong hoạt động báo chí, xuất bản. Không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, tư tưởng, trình độ văn hóa và nghề nghiệp của đội ngũ báo chí, xuất bản.

VI - TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG - AN NINH, BẢO VỆ TỔ QUỐC.

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia trên mọi lĩnh vực ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa ; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch kinh tế - xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng - an ninh với hoạt động đối ngoại.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Cần thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau đây :

- Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng ; có trình độ văn hóa và kiến thức ; có lòng quý trọng và gắn bó với nhân dân ; có lòng trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân ; có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị ; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào ; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao ; kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia ; đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội.

- Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân ; coi trọng xây dựng thế trận trên các địa bàn chiến lược trọng yếu và xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Thể chế hóa các chủ trương chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

- Tận dụng năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ quốc phòng, đầu tư thích đáng cho việc xây dựng công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội. Từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

- Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Quân đội và Công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh.

Digitized by Google

VII - MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam muốn là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là tiếp tục giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, xây dựng môi trường hòa bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ; bình đẳng và cùng có lợi ; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình ; phản đối mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Chính phủ, các bộ, các ngành và các doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể, phát huy quyền chủ động của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp. Tích cực thực hiện các biện pháp đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội ; hoàn chỉnh hệ thống luật pháp ; nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế ; bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại.

Tăng cường công tác thông tin phục vụ nghiên cứu, làm tốt công tác dự báo tình hình khu vực và thế giới, kịp thời có những chủ trương, chính sách đối ngoại thích hợp khi tình hình thay đổi.

Coi trọng và ra sức phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Mở rộng quan hệ, từng bước nâng cao hiệu quả và chất lượng của sự hợp tác với các nước trong tổ chức ASEAN, cùng xây dựng Đông - Nam Á thành một khu vực hòa bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ La-tinh, với Phong trào Không liên kết, ủng hộ lẫn nhau cùng phát triển, phối hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhau.

Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Tích cực hoạt động ở các diễn đàn đa phương.

Chủ động tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ và cùng với nhân dân thế giới đấu tranh nhằm loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học và mọi phương tiện chiến tranh hiện đại khác giết người hàng loạt, bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang, chống chính sách cường quyền, áp đặt, can thiệp vào công việc nội bộ của các nước ; bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc trên thế giới ; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng, hợp lý và ổn định.

Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các chính đảng khác.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác thông tin đối ngoại và văn hóa đối ngoại.

Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Digitized by Google

Phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao của Nhà nước, hoạt động đối ngoại của Đảng và hoạt động đối ngoại nhân dân. Hoàn thiện cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả của công tác đối ngoại, làm cho thế giới hiểu rõ hơn đất nước, con người Việt Nam, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, công cuộc đổi mới của Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và hợp tác ngày càng rộng rãi của các quốc gia, dân tộc, các chính đảng, tổ chức quốc tế, các tổ chức nhân dân, tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế.

VIII - PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN.

Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, coi đó là đường lối chiến lược cơ bản, lâu dài, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong đảng và người ngoài đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay định cư ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng ; tôn trọng những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa..., ở tất cả các cấp, các ngành.

Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, đặc biệt là các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phân phối, tiêu dùng, bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của công dân...

Đối với *giai cấp công nhân*, coi trọng phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và tay nghề, nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới ; lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú ; thực hiện trí thức hóa công nhân ; bảo vệ quyền lợi, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của giai cấp công nhân trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển mạnh.

Đối với *giai cấp nông dân*, ra sức bồi dưỡng sức dân ở nông thôn, tập trung sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển nông thôn ; thực hiện tốt các chính sách về đất đai, phát triển nông nghiệp toàn diện, tiêu thụ nông sản hàng hóa, bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm xã hội ; ổn định di cư, dịch cư theo quy hoạch, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xây dựng nông thôn mới.

Đối với *trí thức*, tạo điều kiện thuận lợi để thu nhận thông tin, nắm bắt các thành tựu mới của khoa học - công nghệ và văn hóa thế giới, nâng cao kiến thức chuyên môn, trình độ chính trị. Khuyến khích tự do sáng tạo, phát minh, cống hiến. Phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng đúng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Phát huy vai trò của trí thức trong việc thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu của Nhà nước và trong việc xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật.

Đối với *thế hệ trẻ*, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, sức khỏe, nghề nghiệp ; tạo việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đối với *phụ nữ*, thực hiện tốt pháp luật và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn ; có cơ chế, chính sách để

Digitized by Google

phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành ; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em ; tạo điều kiện để phụ nữ làm tốt nhiệm vụ người vợ, người mẹ, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Đối với *cựu chiến binh,* phát huy bản chất, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa ; giúp nhau cải thiện đời sống ; góp phần giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

Đối với *các vị lão thành cách mạng, những người có công với nước, các cán bộ nghỉ hưu, những người cao tuổi,* thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất trong điều kiện mới ; đáp ứng nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội ; nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thanh niên, thiếu niên.

Đối với *các nhà doanh nghiệp* thuộc các thành phần kinh tế, đề cao vai trò và trách nhiệm đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội ; khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để kinh doanh và cạnh tranh theo pháp luật ; có những hình thức biểu dương công sức của những người quản lý sản xuất, kinh doanh giỏi.

Vấn đề dân tộc có ý nghĩa to lớn trong đại đoàn kết toàn dân và trong sự nghiệp cách mạng. Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, cùng phát triển ; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc ; thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền xuôi và miền núi, đặc biệt quan tâm vùng gặp nhiều khó khăn, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến. Có chính sách ưu tiên trong việc đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu, có uy tín trong dân tộc và ở địa phương. Khắc phục tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, đề phòng tư tưởng dân tộc cực đoan.

Về tôn giáo, Đảng coi tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân ; thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng tôn giáo, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào. Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống "tốt đời, đẹp đạo", phát huy những giá trị tốt về văn hóa, đạo đức của tôn giáo. Nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng tôn giáo.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đảng và Nhà nước chăm lo cung cấp thông tin về tình hình quê hương, đất nước, bảo hộ quyền lợi chính đáng của đồng bào, nâng cao lòng yêu nước, ý thức cộng đồng, tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tôn trọng pháp luật nước sở tại và góp phần tăng cường đoàn kết hữu nghị với nhân dân thế giới. Có những chính sách tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào về thăm quê hương, mở mang các hoạt động văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, sản xuất kinh doanh...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Nhân dân vừa thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, vừa thực hiện quyền dân chủ thông qua đại diện là các cơ quan nhà nước, các đại biểu nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Đảng và Nhà nước xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", qua đó tăng cường đoàn kết toàn dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong chế độ ta.

Digitized by Google

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, góp sức xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh ; phát huy trách nhiệm và khả năng trong việc tham gia bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp ; xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ; tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện giám sát của nhân dân đối với công tác và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và các cơ quan nhà nước ; giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị, từ thiện - nhân đạo... Sớm ban hành Luật về hội.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, quan liêu hóa, xa dân. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Xây dựng các phong trào quần chúng thi đua yêu nước gắn liền với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương. Hướng mạnh các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân về địa phương, cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình ; tăng cường và nâng cao chất lượng sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu và lợi ích thiết thực của các đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.

IX - ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ.

1 - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự là trụ cột của hệ thống chính trị và công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Nhà nước ta dựa trên nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Cán bộ, công chức nhà nước phải là đầy tớ trung thành của dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

Đổi mới và hoàn thiện Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện ở việc Đảng đề ra đường lối, chủ trương và các chính sách lớn định hướng cho sự phát triển trong từng thời kỳ ; lãnh đạo Nhà nước định ra và thực thi Hiến pháp, pháp luật ; xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn ; kiểm tra việc quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước. Các cơ quan nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân ; phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát và bảo vệ Nhà nước.

2 - Phát huy dân chủ, bảo vệ quyền con người, tăng cường pháp chế, giữ vững kỷ luật, kỷ cương.

Quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện trên mọi lĩnh vực và được thể chế hóa bằng pháp luật, được hoàn thiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí. Cần nâng cao chất lượng quy chế dân chủ đại diện, chất lượng các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Tăng thêm tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách, tỷ lệ đại biểu Quốc hội không là đảng viên.

Mở rộng và thực hiện quy chế dân chủ trực tiếp một cách thiết thực, trước hết là ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân thực sự tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng, liên quan đến lợi ích của đông đảo nhân dân.

Nghiên cứu xây dựng Luật trưng cầu ý dân nhằm hoàn thiện cơ chế lấy ý kiến nhân dân và dư luận xã hội về những vấn đề cần thiết cho lãnh đạo và quản lý nhà nước, bảo đảm những quyết sách lớn

Digitized by Google

tiếp thu được trí tuệ và phản ánh được ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Phát huy dân chủ kết hợp chặt chẽ với tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho toàn dân, gắn quyền với trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ của công dân, tôn trọng và giữ vững kỷ luật, kỷ cương, trật tự xã hội.

3 - Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

Tiến hành đấu tranh kiên quyết chống tệ tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Chống tham nhũng gắn với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức và quyền để sách nhiễu, tham ô, nhận hối lộ, làm giàu bất chính.

Để chống tham nhũng có hiệu quả, cần phải :

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, ngăn chặn và khắc phục các sơ hở mà những kẻ xấu có thể lợi dụng để tham nhũng.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục xóa bỏ các thủ tục phiền hà, nhất là ở những lĩnh vực, những khâu dễ xảy ra tham nhũng, sách nhiễu. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát và thực hiện tính minh bạch, tính công khai trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài chính Đảng, đoàn thể, tài chính các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài viện trợ.

Nâng cao ý thức trách nhiệm của từng đảng viên và từng chi bộ đảng, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc giám sát, kiểm tra đảng viên, công chức, phát hiện, tố cáo những kẻ tham nhũng.

Xử lý kiên quyết, nghiêm minh theo pháp luật và theo Điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu. Đồng thời có những biện pháp cụ thể bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, khen thưởng những người phát hiện đúng các vụ tham nhũng.

Thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý. Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị kê khai tài sản của cá nhân và gia đình mình (nhà đất, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cổ phiếu...). Kịp thời kiểm tra và có những biện pháp xử lý đối với những cán bộ, công chức có tài sản bất minh, nếu phạm pháp phải xử lý theo pháp luật.

Xem xét trách nhiệm hình sự hoặc có hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở nơi xảy ra những vụ tham nhũng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng.

Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng.

4 - Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Đổi mới, kiện toàn tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội, nâng cao chất lượng chính trị và hiệu quả hoạt động của Quốc hội. Trọng tâm là đổi mới và tăng cường công tác lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật có tính khả thi cao, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế. Nâng cao chất lượng các đạo luật, hạn chế ban hành pháp lệnh và nghị định. Đổi mới quy trình xây dựng, ban hành luật và hướng dẫn thi hành luật. Quốc hội làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách nhà nước, giám sát các hoạt động của Chính phủ, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 cho phù hợp với tình hình mới.

Cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước thống nhất việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước ; tăng cường quản lý vĩ mô các lĩnh vực hoạt động của xã hội bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Chính phủ xây dựng thể chế, chỉ đạo và kiểm tra việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, hoạch định chiến lược, kế hoạch phát triển tổng thể nền kinh tế quốc dân, giải quyết những vấn đề quan trọng mang tính liên ngành, liên vùng.

Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực

Digitized by Google

trong phạm vi cả nước. Phân định rõ chức năng, thẩm quyền quản lý hành chính nhà nước với nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công.

Cải cách tổ chức, bộ máy chính quyền địa phương theo hướng kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Trên cơ sở đó, tổ chức hợp lý Hội đồng nhân dân ; theo vị trí trách nhiệm của từng cấp hành chính, kiện toàn các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân.

Tăng cường phân công, phân cấp cho địa phương, nâng cao tính chủ động, thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương. Xây dựng, kiện toàn bộ máy và cán bộ chính quyền cấp xã, phường có đủ phẩm chất và năng lực để quản lý, giải quyết đúng thẩm quyền những vấn đề do cuộc sống đặt ra. Xây dựng, hoàn chỉnh và thực hiện thống nhất các chế độ, chính sách đãi ngộ đúng mức đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

Cải cách và kiện toàn các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan và cán bộ tư pháp trong công tác điều tra, bắt, giam, giữ, truy tố, xét xử, không để xảy ra những trường hợp oan, sai. Các cơ quan và cán bộ tư pháp phải gương mẫu trong việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

Điều chỉnh chức năng, nâng cao chất lượng hoạt động của viện kiểm sát nhân dân bảo đảm thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Sắp xếp lại hệ thống tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của tòa án các cấp. Tăng cường đội ngũ thẩm phán và hội thẩm nhân dân cả về số lượng và chất lượng.

Tòa án nhân dân tối cao làm nhiệm vụ tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn các tòa án áp dụng thống nhất pháp luật và thực hiện công tác giám đốc các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Tổ chức lại cơ quan điều tra theo nguyên tắc gọn đầu mối. Kiện toàn cơ quan thi hành án, thành lập cảnh sát tư pháp. Cải cách và kiện toàn các cơ quan, tổ chức bổ trợ tư pháp.

5 - Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Cải cách và hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và tinh thần phục vụ, trách nhiệm và quyền hạn, tạo cơ hội cho những người có đủ điều kiện được tuyển dụng làm cán bộ, công chức.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, về đường lối, chính sách, về kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. Kiện toàn hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước, kể cả cán bộ xã, phường.

Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Thực hiện tinh giản biên chế.

Ban hành các thể chế và tổ chức kiểm tra tài sản của cán bộ, công chức ; quy định chặt chẽ chế độ, tiêu chuẩn của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, chống lãng phí, đặc quyền, đặc lợi.

X - XÂY ĐỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Từ Đại hội VIII đến nay, Đảng ta đã có nhiều cố gắng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng ; mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Qua gần hai năm thực hiện, đã thu được một số kết quả và có những kinh nghiệm bước đầu, góp phần củng cố một bước đội ngũ cán bộ các cấp, tăng cường sức mạnh của tổ chức đảng ; hạn chế, ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, xử lý kỷ luật một số cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất ; cải thiện được quan hệ với nhân dân. Song cuộc vận động chưa đạt yêu cầu đề ra.

Trong Đảng, bên cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số khuyết điểm chủ yếu sau đây :

Sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, tệ tham nhũng, quan liêu ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Chưa tạo được sự nhất trí cao đối với một số

Digitized by Google

quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Một số tổ chức đảng ở các cấp, nhất là ở cơ sở, chưa được chỉnh đốn ; dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết ; chất lượng sinh hoạt đảng giảm sút. Công tác cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ, chưa bảo đảm được yêu cầu nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, kiến thức các mặt và năng lực thực tiễn của cán bộ. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng tuy đã có tiến bộ nhưng còn lúng túng, bất cập ; chưa đi sâu làm rõ đặc điểm và yêu cầu về sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, chưa phát huy đầy đủ hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước, tính tích cực của các đoàn thể và quyền làm chủ của nhân dân. Tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước còn là khâu yếu.

Những khuyết điểm trên có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng trực tiếp và chủ yếu là do :

- Nhiều cấp ủy và tổ chức đảng, kể cả Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, tuy đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhưng chỉ đạo chưa thật tập trung và kiên quyết ; chủ trương, biện pháp thiếu đồng bộ ; chưa quan tâm đúng mức chỉ đạo kết hợp tiến hành tự phê bình và phê bình với kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế, chính sách, chỉnh đốn các khâu quản lý kinh tế, tài chính, kiểm tra và tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên, v.v...

- Chỉ đạo thực hiện sinh hoạt đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách chưa có nền nếp. Chậm bổ sung, cụ thể hóa và hoàn thiện các quy định về thực hiện Quy chế dân chủ, Pháp lệnh công chức, về những điều đảng viên và công chức không được làm.

- Chưa thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác kiểm tra, thanh tra, sự giám sát của nhân dân và công luận ; chưa làm tốt việc dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

- Công tác tư tưởng trong Đảng thiếu sắc bén, chậm được đổi mới. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa được tăng cường đúng mức để nâng cao nhận thức và tạo sự thống nhất trong Đảng về quan điểm, đường lối của Đảng.

- Không ít cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo các cấp mang nặng chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, tham vọng quyền lực, danh lợi, cục bộ, bản vị, chưa gương mẫu rèn luyện bản thân, chưa tự giác và nghiêm túc thực hiện các nghị quyết và Điều lệ của Đảng.

Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng về công tác xây dựng Đảng được đề ra từ Đại hội VIII đến nay, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đặc biệt cần tập trung sức làm tốt một số công tác quan trọng sau đây :

1 - Tăng cường hơn nữa công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên là một nội dung quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trước hết, toàn Đảng tiến hành một cách nghiêm túc việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Mỗi đảng viên, mỗi cấp ủy, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc và các chỉ thị của Người về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng ; bài trừ hủ tục mê tín, lối sống vị kỷ, sa đọa, xa rời nhân dân.

Chấn chỉnh và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, tăng cường công tác giáo dục, quản lý đảng viên. Kiện toàn tổ chức và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị để xảy ra những biểu hiện không chấp hành nghiêm nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm việc trì trệ, độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Coi trọng việc phát huy vai trò của các đoàn thể, của báo chí và nhân dân trong việc giám sát hoạt động của các cơ quan và cán bộ, công chức trong hệ thống công quyền. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan kiểm tra đảng, thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân. Bổ sung, hoàn chỉnh pháp luật, cơ chế, chính sách, khắc phục những sơ hở trong quản lý, nhất là cần chỉnh đốn, cải tiến công tác thống kê, kế toán, cấp phát và thanh toán tài chính, ngân sách ;

Digitized by Google

cải cách chính sách nhà ở, tiền lương và phân phối thu nhập.

Tạo sự thống nhất về quan điểm, đường lối của Đảng, nâng cao kiến thức về mọi mặt và năng lực hoạt động thực tiễn, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ đảng viên trên mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm kết luận những vấn đề mới và bức xúc từ thực tiễn đặt ra, từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng một cách đúng đắn và sáng tạo ; đấu tranh với những khuynh hướng, tư tưởng sai trái.

Các cấp ủy và chi bộ ở cơ sở tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý và công tác vận động quần chúng.

Trong các hoạt động kinh tế, đảng viên chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Đảng và các quy định của Bộ Chính trị.

Tiếp tục coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, xem xét, kết luận để giải quyết kịp thời những trường hợp cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị và suy thoái về phẩm chất chính trị.

2 - Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện tốt dân chủ trong Đảng, nhất là trong quá trình xây dựng và thực hiện đường lối, nghị quyết, trong sinh hoạt Đảng, từ sinh hoạt chi bộ đến sinh hoạt cấp ủy và trong công tác cán bộ. Có quy chế chặt chẽ để phát huy dân chủ nội bộ, bảo đảm cho những người tham gia thảo luận được quyền suy nghĩ, sáng tạo, góp sức bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng với tinh thần trách nhiệm và ý thức xây dựng. Bảo đảm quyền được bảo lưu ý kiến ; khi chưa kết luận đúng sai thì nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Chống mọi biểu hiện vi phạm quyền dân chủ, dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị.

Cán bộ, đảng viên ở bất cứ cương vị nào đều phải chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện coi thường và buông lỏng kỷ luật. Mọi sự vi phạm về nguyên tắc, nhất là đối với những vấn đề về quan điểm, đường lối của Đảng, những chủ trương, chính sách lớn, cố tình không chấp hành nghị quyết và Điều lệ của Đảng đều phải bị thi hành kỷ luật nghiêm khắc.

Từng đảng bộ chủ động ngăn chặn tình trạng mất đoàn kết, thiếu thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Những cấp ủy, tổ chức đảng nào vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ thì cấp ủy cấp trên chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, kiện toàn tổ chức cán bộ, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm để sớm ổn định tình hình ; nơi không có khả năng khắc phục thì phải giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng.

Các cấp ủy đảng thường xuyên chỉ đạo việc xây dựng và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở các xã, phường, doanh nghiệp (nhà nước, tư nhân, cổ phần, có vốn nước ngoài), đơn vị sự nghiệp, cơ quan hành chính và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, chế độ tự phê bình và phê bình theo định kỳ hàng năm ở các cơ quan, đơn vị và trước khi kết thúc nhiệm kỳ của cấp ủy ; vận động nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên. Kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người thoái hóa, biến chất, không còn đủ tư cách đảng viên.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nhất là đối với các cơ quan nhà nước các cấp. Những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những vấn đề về tổ chức và cán bộ đều do tập thể cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn thảo luận dân chủ, biểu quyết và ra nghị quyết theo đa số. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động và trách nhiệm cá nhân của từng thành viên.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng gắn liền với kiện toàn tổ chức, bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đổi mới và kiện toàn các ban và cơ quan chuyên môn của Đảng theo Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) để làm tốt chức năng tham mưu và các nhiệm vụ được cấp ủy

Digitized by Google

phân công. Phát huy trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước trong việc nghiên cứu, xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng. Mở rộng việc thực hiện chủ trương cấp ủy đảng giới thiệu bí thư cấp ủy ứng cử vào hội đồng nhân dân và làm chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp.

Các cấp ủy viên phải có chương trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trả lời các chất vấn của nhân dân ; định kỳ làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Đặc biệt chăm lo lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, phát huy vai trò của Đoàn là đội quân xung kích, sáng tạo và là lực lượng hậu bị, kế tục sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng.

Lãnh đạo việc đổi mới và tăng cường công tác thanh tra của Chính phủ và các cơ quan hành pháp, công tác giám sát của Quốc hội, hội đồng nhân dân và các đoàn thể theo đúng chức năng và thẩm quyền. Qua kiểm tra, thanh tra đề xuất, bổ sung chủ trương, giải pháp để thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước đạt kết quả cao hơn. Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, của ủy ban kiểm tra các cấp thường xuyên và theo định kỳ, tập trung vào các nội dung chủ yếu : về thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; về chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc ; về củng cố đoàn kết nội bộ, về giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cán bộ, đảng viên.

3 - Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, thật sự vững vàng và kiên định về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn sáng tạo, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ; trọng dụng những người có đức, có tài ở trong và ngoài Đảng. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức của hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật Nhà nước và điều lệ của các đoàn thể nhân dân... Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ nữ và cán bộ các dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài ; hàng năm có bổ sung, điều chỉnh quy hoạch.

Đổi mới cách đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn, sử dụng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế làm thước đo chủ yếu ; có phương pháp khoa học, khách quan, công tâm, theo một quy trình chặt chẽ và dựa vào nhân dân để tuyển chọn cán bộ. Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Có chính sách cụ thể để sử dụng, đãi ngộ và phát huy những cán bộ thực sự có tài năng, uy tín, có cống hiến xứng đáng.

Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương ; cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ ; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín trong đơn vị, ngành và địa phương.

Coi trọng việc xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện chính trị và các trường Đảng, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp ; chống các biểu hiện tiêu cực trong giảng dạy và học tập. Từ nay đến năm 2005, phần lớn lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp lý luận và có kiến thức, trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

*
* *

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới,* thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm chắc thời cơ, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững vàng đi tới tương lai ngày càng tốt đẹp, vẻ vang.❑

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VƯỢT QUA NHỮNG SỰ KIỆN Ở HAI ĐẦU CỦA THẾ KỶ

TRẦN QUANG NHIẾP

CHỦ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội, trong tiến trình vận động phát triển của nó đã và đang thực hiện quá trình *tự vượt qua* những sự kiện *"động trời"* ở hai đầu của thế kỷ XX, hướng tới sự phục hồi và phát triển để chuyển sang thế kỷ XXI.

Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực bắt đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười năm 1917 và sự khủng hoảng, đi đến sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu năm 1991 đều làm *"rung chuyển thế giới"* với những ý nghĩa không giống nhau. Song có một điểm chung là *quá trình vượt qua các sự kiện ấy của chủ nghĩa xã hội để tiếp tục hồi phục và phát triển,* đang là mối quan tâm hàng đầu của không chỉ những người cộng sản, các nước xã hội chủ nghĩa, mà còn là sự quan tâm chung của toàn nhân loại. Bởi vì nó liên quan đến con đường đi tới tương lai của xã hội loài người. Để làm rõ vấn đề này, ta có thể xem xét những *sự kiện* chủ yếu sau :

Một là, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội.

Để có được sự ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu thế kỷ XX, loài người đã chứng kiến quá trình đấu tranh, tìm tòi phát triển của những khát vọng *xã hội chủ nghĩa không tưởng* suốt 300 năm, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. Quá trình ấy, chủ nghĩa xã hội chỉ là những mơ tưởng, những ước vọng về một xã hội tương lai, tốt đẹp ; con người được tự do phát triển, sống bình đẳng, hòa thuận, không có áp bức giai cấp và áp bức dân tộc. Tiếp đó C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, được đánh dấu bằng *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"* tháng 2 năm 1848. Nhưng rồi mãi đến năm 1917, 69 năm sau *chủ nghĩa xã hội hiện thực* mới ra đời, trải qua những tập dượt, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhiều cao trào mà điển hình là cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp (1848 - 1851) ; thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế (1864) ; Công xã Pa-ri (1871) ; thành lập Quốc tế II (1889) ; Cách mạng dân chủ tư sản Nga (1905)...

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga thành công là sự kiện cực kỳ trọng đại, mở ra thời đại mới cho lịch sử loài người : *thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.*

Sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, nhân dân Liên Xô phải trải qua cuộc nội chiến và tiến hành cuộc chiến tranh vệ quốc 1941 - 1945 với những hi sinh to lớn, để góp phần cứu nhân loại thoát khỏi thảm họa chủ nghĩa phát xít ; tiến hành khôi phục cải tạo phát triển nền kinh tế từ chỗ chỉ "thường thường bậc trung" sau vài chục năm đã trở thành nền kinh tế vững mạnh của một cường quốc. Sau hơn 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, đến năm 1987, tài chính quốc dân của Liên Xô đã tăng gấp 50 lần và vươn lên là nước đứng thứ 2 thế giới.

Cùng với những thắng lợi vĩ đại ấy, chủ nghĩa xã hội từ một nước đã nhanh chóng lan rộng ra nhiều nước và trở thành một hệ thống thế giới. Thành tựu đó đã tác động mạnh mẽ và cổ vũ nhân dân các dân tộc bị áp bức đứng lên tự giải phóng mình, làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Những năm giữa thế kỷ, tư tưởng xã hội chủ nghĩa là sự hấp dẫn đối với nhân dân các dân tộc khắp năm châu. Nhiều nước sau khi giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành được độc lập đã chọn con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Dù có những khuyết điểm, vấp váp khó tránh khỏi trong quá trình trưởng thành, chế độ xã hội chủ nghĩa đã cơ bản xóa bỏ nạn người bóc lột người, dân tộc lớn đi áp bức dân tộc nhỏ ; cơ sở vật chất, của cải xã hội làm ra để nuôi sống con người không còn nằm trong

Digitized by Google

tay giai cấp bóc lột mà đã thuộc về nhân dân lao động. Suốt mấy thiên niên kỷ từ khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp, chưa từng có điều kỳ diệu ấy. Đó là cái mốc lớn lao, là sự kiện trọng đại nhất của thế kỷ XX. Chính sự kiện ấy quyết định chiều hướng phát triển của lịch sử.

Sự hiện diện của chủ nghĩa xã hội đã làm thay đổi về chất đời sống chính trị cũng như trật tự thế giới. Suốt gần thế kỷ qua, chính chủ nghĩa xã hội chứ không phải điều gì khác, với bản chất tiến bộ, nhân văn, thực sự là một đối trọng có sức mạnh làm cản trở, kìm hãm có hiệu quả sự tác oai tác quái của chủ nghĩa đế quốc. Sức mạnh vật chất, tinh thần của chủ nghĩa xã hội đã lan tỏa và trở thành động lực thúc đẩy nhiều nước trên thế giới trên đường phát triển hướng tới tương lai tươi sáng. Ngày nay, mặc dù chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thoái trào, nhưng những giá trị tốt đẹp của nó vẫn là niềm khát khao, có sức cổ vũ hàng trăm triệu người thuộc các dân tộc trên thế giới đang bị chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc áp bức, bóc lột, sống ngột ngạt trong đau thương, đói rét, bệnh tật, chiến tranh, cấm vận. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa, những ưu việt và thành tựu của sự kiện ra đời và phát triển suốt hơn 70 năm của chủ nghĩa xã hội vẫn còn nguyên giá trị thời sự, đang tự nó vượt qua những khó khăn, hạn chế để tiếp tục thấm sâu vào trái tim, khối óc những người lao động và nhân dân đau khổ các dân tộc trên toàn thế giới.

Hai là, sự khủng hoảng và sụp đổ thể chế xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu.

Sự kiện này trái ngược với sự kiện ra đời chủ nghĩa xã hội ở đầu thế kỷ, khiến cho người ta có những nhận thức khác nhau về chủ nghĩa xã hội.

Có người cho rằng chủ nghĩa xã hội sai lầm từ gốc, từ lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học, từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Lại có người cho rằng chủ nghĩa xã hội không phải là quy luật khách quan phát triển của xã hội loài người mà là một *"lầm lỗi"* của lịch sử... Vì thế họ vội vã cho rằng sự sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu là kết thúc vĩnh viễn chủ nghĩa xã hội. Họ xoay sang đi tìm con đường phát triển cho nhân loại bằng chủ nghĩa tư bản hiện đại hoặc con đường thứ ba phi xã hội chủ nghĩa và phi tư bản chủ nghĩa, mà điển hình là con đường xã hội dân chủ. Thực chất con đường xã hội dân chủ chỉ là sự biến dạng con đường tư bản chủ nghĩa.

Đảng ta và những người mác xít chân chính cho rằng chủ nghĩa xã hội là hợp quy luật và sự khủng hoảng, sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là tạm thời và là khúc quanh của lịch sử. Bởi lẽ, các xã hội sinh ra không phải trong một thể hình hoàn chỉnh. Chủ nghĩa xã hội cũng không phải là trường hợp ngoại lệ của lô-gíc lịch sử ấy. Cho nên, thái độ khoa học nhất trước sự kiện này là đánh giá đúng thực chất và tìm đúng nguyên nhân của sự kiện ấy. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là sụp đổ của một kiểu mô hình chủ nghĩa xã hội chứ không phải của bản thân chủ nghĩa xã hội. Mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xô viết, bên cạnh những thành tựu không ai có thể phủ nhận được, đã bộc lộ những khiếm khuyết lớn. Mô hình ấy lại được áp dụng khiên cưỡng ở nhiều nước, nên càng làm trầm trọng thêm những khiếm khuyết của nó. Những sai lầm có thể dễ dàng nhận ra là :

Về kinh tế, đã đơn giản hóa hình thức sở hữu, thực hiện công hữu hóa tư liệu sản xuất một cách ồ ạt, thiếu khoa học, trong khi lực lượng sản xuất còn thấp, trình độ và năng lực tổ chức, quản lý sản xuất còn kém, chưa tương xứng. Việc thực hiện chế độ tập trung quan liêu bao cấp kéo dài đã đẩy các đơn vị kinh tế vào trạng thái thụ động, trì trệ ; người lao động thờ ơ, không quan tâm và không được làm chủ quá trình lao động của mình. Chế độ phân phối kiểu bình quân đã không khuyến khích người lao động giỏi, tài năng, say mê, sáng tạo mà trái lại tạo thói lười biếng, ỷ lại, dựa dẫm. Việc thực hiện công nghiệp hóa để phát triển lực lượng sản xuất tiến hành theo lối cổ truyền giống như thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, chưa gắn chặt với hiện đại hóa làm cho tốc độ phát triển kinh tế và năng suất lao động bị tụt hậu so với nhiều nước tư bản phát triển.

Về xây dựng hệ thống chính trị, trong khi nói đề cao bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, lại để nảy sinh và kéo dài chế độ hành chính, tập trung, quan liêu, dân chủ hình thức, làm suy yếu quyền lực nhà nước, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Không ít cán bộ, đảng viên nắm giữ trọng trách trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước bị suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, ngày càng xa rời quần chúng.

Về mặt xã hội, chưa hoạch định đầy đủ, thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội, chăm lo trực

Digitized by Google

tiếp tới con người. Trong mối quan hệ giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân ; giữa xã hội và con người, đã quá nhấn mạnh mặt xã hội, mặt tập thể, coi nhẹ lợi ích cá nhân, làm triệt tiêu tính năng động, sáng tạo của từng con người cụ thể trong xã hội.

Những thiếu sót đã như vậy lại bị kéo dài, chậm nhận ra và thiếu biện pháp khắc phục kịp thời nên càng tích góp qua nhiều thập niên dẫn đến làm trầm trọng hóa sự khủng hoảng của thể chế chủ nghĩa xã hội.

Trong các nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự sụp đổ, phải kể đến nguyên nhân về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Sự vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, thiếu kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, coi nhẹ pháp luật nhà nước, dân chủ hình thức đã dẫn đến tổ chức đảng lỏng lẻo, bọn cơ hội phản động dễ bề thao túng, đẩy nhanh quá trình khủng hoảng. Trong khi đó chủ nghĩa đế quốc tiến hành mọi thủ đoạn thâm độc, nham hiểm và trắng trợn, ráo riết thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" lật đổ chủ nghĩa xã hội.

Ba là, sự nghiệp đổi mới, cải cách xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cuộc khủng hoảng đã buộc mỗi nước xã hội chủ nghĩa phải tự cải tổ, cải cách, đổi mới để đứng vững, phục hồi và phát triển. Thực tế không phải tất cả các nước làm như vậy đều đã thành công mà nhiều nước không những không trụ vững được, còn bị sụp đổ nhanh chóng.

Trong bối cảnh ấy, Việt Nam cùng một số nước như Trung Quốc, Cu Ba đã tiến hành đổi mới, cải cách thành công, thoát khỏi cuộc khủng hoảng, tiếp tục xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là *sự kiện nổi bật* của chủ nghĩa xã hội ở cuối thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI, chứng tỏ sức sống của chủ nghĩa xã hội.

Đảng ta chủ trương đổi mới bắt nguồn từ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và luôn hướng tới mục tiêu ấy ; bắt đầu từ đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm và xây dựng Đảng là then chốt. Thực hiện đổi mới dựa trên nguyên tắc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; đổi mới nhưng không đổi màu, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ; giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ; độc lập tự chủ, phát huy nội lực dựa vào sức mạnh của nhân dân kết hợp với tranh thủ sức mạnh của bên ngoài. Đổi mới tư duy đã giúp chúng ta nhận thức đúng đắn, sâu sắc hơn bản chất lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; khắc phục mọi biểu hiện giáo điều, nhận thức và vận dụng sai lệch. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã thực sự là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân ta để tiến hành công cuộc đổi mới đúng đắn. Đổi mới tư duy giúp chúng ta nhận thức lại một cách sâu sắc, đúng bản chất hơn về chủ nghĩa xã hội, khắc phục mọi biểu hiện chủ quan duy ý chí ; khắc phục chủ nghĩa quan liêu để xây dựng chủ nghĩa xã hội sống động, phát triển bằng sức mạnh của chính nó. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa không có nghĩa là bảo thủ mà là quá trình sáng tạo, vượt qua những yếu kém, sai sót, khuyết tật, giáo điều của thời bao cấp trước đây.

Thành tựu 15 năm đổi mới không chỉ đem lại những giá trị kinh tế, xã hội đích thực, cải thiện đời sống nhân dân, mà còn khẳng định đường lối chính trị đúng đắn của Đảng và tính hợp quy luật của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam và cải cách ở Trung Quốc đã khẳng định sức sống của chủ nghĩa xã hội và *"chấn hưng"* các tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, cuộc đấu tranh để phục hồi và phát triển chủ nghĩa xã hội còn ở thời điểm gay go, phức tạp, quyết liệt, nhưng tất yếu sẽ thắng lợi.

Những yếu tố bảo đảm cho sự phục hồi và phát triển của chủ nghĩa xã hội vẫn đang tồn tại khách quan trong xã hội loài người hiện nay. Những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản vẫn còn đó, đặc biệt là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển. Chủ nghĩa tư bản hiện đại và các thế lực đế quốc vẫn dùng mọi thủ đoạn về kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự, ngoại giao để áp bức bóc lột, bao vây, cấm vận, trừng phạt, can thiệp các nước nghèo, kém phát triển ở các châu lục. Khát vọng giải phóng con người khỏi nạn áp bức giai cấp, áp bức dân tộc, khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu, đói rét, bệnh tật để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa văn minh, con người được tôn trọng vẫn là

Digitized by Google

lý tưởng của loài người tiến bộ cần vươn tới. Chúng ta thừa nhận những thành tựu to lớn về kinh tế, khoa học, công nghệ và quản lý của chủ nghĩa tư bản đã đạt được trong những thập niên cuối thế kỷ XX. Cho dù chủ nghĩa tư bản hiện còn đang tranh thủ được những yếu tố cần thiết để tồn tại và phát triển, nhưng vốn từ trong lòng của phương thức sản xuất ấy vẫn đang tiềm ẩn, tích tụ và không ngừng nảy sinh những mâu thuẫn, những khuyết tật không thể khắc phục được. Ách áp bức bóc lột của tư bản với người lao động tăng lên gấp nhiều lần nhưng lại được che giấu rất tinh vi. Chủ nghĩa tư bản ngày càng cột chặt người lao động vào guồng máy sản xuất ra lợi nhuận của nó bằng những xiềng xích vô hình mới. Nó tạo ra những điều *"thần kỳ mới"* nhưng cũng làm cho mặt phản phát triển thể hiện ngày càng rõ. Cùng với việc tạo ra xã hội tiêu dùng kiểu phương Tây đã nảy sinh những vấn đề xã hội như thất nghiệp, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, cạnh tranh, tàn phá môi trường, khủng hoảng về kinh tế, văn hóa, xã hội v.v... không giải quyết được. Rõ ràng chủ nghĩa tư bản có những biến đổi, phát triển mới nhưng bản chất vẫn là chế độ bóc lột, bất công, đầy những nghịch lý và mâu thuẫn, nên không thể là con đường để chúng ta lựa chọn. Mặt khác, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là yếu tố quyết định thúc đẩy phá vỡ quan hệ sản xuất tư hữu, tư nhân tư bản chủ nghĩa để cho ra đời quan hệ sản xuất mới, phương thức sản xuất mới phù hợp, tiến bộ.

Để chủ nghĩa xã hội tiếp tục hồi phục và phát triển trong thế kỷ XXI, cần nhận thức lại một cách đúng đắn, khoa học về chủ nghĩa xã hội ; phát triển sáng tạo lý luận xã hội chủ nghĩa ; tìm tòi con đường đúng và mô hình có hiệu quả cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là một hình thái kinh tế - xã hội được hình thành bằng nhiều yếu tố và thông qua cuộc cải biến cách mạng xã hội sâu sắc. Những yếu tố xã hội chủ nghĩa ban đầu còn sơ khai, chưa đầy đủ, chưa rõ nét rồi dần dần từ sự biến đổi về lượng dẫn đến biến đổi về chất mới đi đến hoàn chỉnh. Đây là quá trình lâu dài, gian khổ, trải qua những khúc quanh co phức tạp, con đường đi dích dắc mới đạt tới sự hoàn thiện, có khi phải làm đi làm lại, thử nghiệm nhiều lần mới tìm được mô hình đúng, con đường đúng.

Thành công của công cuộc đổi mới, cải cách ở những nước xã hội chủ nghĩa còn lại đã chứng tỏ chủ nghĩa xã hội hoàn toàn có thể sửa chữa những sai lầm thiếu sót để phát triển. Chủ nghĩa xã hội là quá trình phát triển lâu dài, trải qua những đổi mới, cải cách không ngừng, đầy sáng tạo, luôn luôn tìm ra những đột phá quyết định, thể hiện sức sống của một phương thức sản xuất mới tiến bộ. Chủ nghĩa xã hội là một nấc thang phát triển tiến bộ của xã hội loài người, nó được kết tinh, hội tụ, tiếp thu những tinh hoa, văn minh tiên tiến của nhân loại và có khả năng lợi dụng những yếu tố của chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì thế, chủ nghĩa xã hội luôn mở rộng hợp tác với thế giới, tranh thủ mọi lợi thế vì mục tiêu phát triển của nó. Hòa nhập nhưng không hòa tan, xây dựng chủ nghĩa xã hội phải dựa trên miếng đất hiện thực của mỗi nước, xuất phát từ những đặc điểm lịch sử cụ thể, truyền thống dân tộc, tiềm năng của mỗi quốc gia. Không thể dập khuôn máy móc, sao chép mô hình chủ nghĩa xã hội của nước khác vào điều kiện, hoàn cảnh của nước mình hoặc ngược lại. Chủ nghĩa xã hội là một phong trào hiện thực đầy sáng tạo diễn ra ở mỗi quốc gia nhất định. Chủ nghĩa xã hội không phải là nghèo nàn khô cứng mà là xã hội sống động, con người được tự do phát triển toàn diện, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần dựa trên nền sản xuất xã hội có năng suất cao. Con người cùng chung sống hài hòa với tự nhiên một cách bền vững, trong lành. Trước mắt, chủ nghĩa xã hội phải xử lý đúng đắn nhiều mối quan hệ phức tạp đối với chủ nghĩa tư bản, với các quốc gia dân tộc khác, với các vấn đề của thế giới, của thời đại để tạo môi trường thuận lợi cho sự hồi phục và phát triển ; không ngừng đổi mới quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước trên tất cả các lĩnh vực một cách hợp lý ; đồng thời tạo ra các nhân tố vật chất và tinh thần cho sự hồi phục và phát triển chủ nghĩa xã hội một cách bền vững. Đúng như Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX đã nêu rõ : "Chủ nghĩa xã hội thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng vượt qua thời kỳ thoái trào tạo ra bước phát triển mới. Lịch sử thế giới đã, đang và sẽ còn trải qua những bước quanh co, song loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử". ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

VŨ VĂN PHÚC *

Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng khẳng định : Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ*. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ. Điều đó được lý giải rằng :

Thứ nhất, thời kỳ quá độ phát triển của xã hội loài người là lịch sử phát triển và thay thế nhau của các phương thức sản xuất (PTSX). Song, không phải PTSX này kết thúc hoàn toàn rồi mới ra đời PTSX khác. Giữa PTSX cũ bị thay thế và PTSX mới sẽ thay thế nó bao giờ cũng có một thời kỳ quá độ. Lịch sử xã hội loài người cũng đã chỉ rõ do đặc điểm lịch sử cụ thể về không gian và thời gian, do những điều kiện đặc thù khách quan và chủ quan, bên ngoài và bên trong chi phối, không phải quốc gia nào cũng tuần tự trải qua tất cả các PTSX, mà có những nước có thể bỏ qua một hoặc vài PTSX nào đó trong tiến trình phát triển của mình.

Từ thực tiễn lịch sử xã hội có thể rút ra ba nhận xét : *Một là,* khi vạch ra một sơ đồ tiến hóa xã hội từ PTSX thấp lên PTSX cao hơn là chúng ta đã trật tự hóa theo thời gian các trình độ phát triển lực lượng sản xuất và của các nền văn minh nhân loại nằm rải rác trong không gian. *Hai là,* khi một PTSX đi đến chỗ kết thúc, thì xã hội có thể tiến lên một trong nhiều PTSX cao hơn, chứ không nhất thiết chỉ tiến lên một PTSX kế tiếp. *Ba là,* xã hội loài người nói chung thì nhất định phải trải qua cả năm PTSX, nhưng từng nước cụ thể thì không nhất thiết phải như thế, mà có thể bỏ qua một hoặc vài PTSX để tiến lên PTSX cao hơn. Điều đó hoàn toàn phù hợp quy luật khách quan. Lê-nin viết : "... tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ mà trái lại, còn bao hàm một số giai đoạn phát triển mang những đặc điểm hoặc về hình thức, hoặc về trình tự của sự phát triển đó" (1).

Thứ hai, việc bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khách quan của nền kinh tế. Điều đó được quy định bởi : *Một là,* trong hoàn cảnh cụ thể hiện nay nước ta có những điều kiện khách quan bên ngoài và bên trong để quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Điều kiện bên ngoài là sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, làm cho lực lượng sản xuất thế giới đã đạt đến trình độ phát triển cao, mở đầu giai đoạn mới của quá trình xã hội hóa sản xuất, tạo ra cuộc cách mạng trong lĩnh vực kinh tế, tạo khả năng khách quan để nước ta tranh thủ về vốn, về vật chất - kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, trên cơ sở thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế. Trong điều kiện kinh tế thế giới có bước nhảy vọt về cơ sở

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập,* Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 431

Digitized by Google

vật chất - kỹ thuật, xã hội loài người đòi hỏi phát triển lên một xã hội mới của nền văn minh cao hơn - văn minh kinh tế tri thức. Do đó, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển hợp quy luật khách quan. Sau chủ nghĩa tư bản nhất định phải là một chế độ xã hội tốt đẹp hơn - đó là chế độ xã hội chủ nghĩa. Với xu thế lịch sử như vậy đã xuất hiện con đường bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội. Điều kiện bên trong là nước ta đã giành được độc lập dân tộc, có chính quyền của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đây là điều kiện tiên quyết, có tính chất quyết định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thời kỳ quá độ là thời kỳ mà trình độ kinh tế - xã hội chưa vượt qua khỏi tiến trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, tiến trình đó phải được tiếp tục đẩy mạnh dưới chính quyền của giai cấp công nhân, mà hình thức thích hợp nhất là chủ nghĩa tư bản nhà nước, là kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nói "nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" chỉ có nghĩa là chúng ta bỏ qua một giai đoạn, trong đó giai cấp tư sản nắm chính quyền và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa giữ địa vị thống trị trong nền kinh tế quốc dân. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, gọi là thời kỳ quá độ với ý nghĩa là đất nước ta phải trải qua một trạng thái xã hội mang tính trung gian, chuyển tiếp giữa PTSX cũ và PTSX mới, trong đó nền kinh tế là nền kinh tế quá độ gồm nhiều thành phần kinh tế. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa thực chất là thời kỳ Nhà nước ta tổ chức và hướng dẫn phát triển sức sản xuất của lao động xã hội, tạo lập những điều kiện vật chất của sản xuất và những quan hệ xã hội tương ứng với điều kiện vật chất ấy, làm cơ sở hiện thực cho chủ nghĩa xã hội. Nghĩa là, dù nước ta không qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội thống trị, nhưng về phương diện kinh tế phải tôn trọng quá trình phát triển tự nhiên của nền kinh tế, không thể bỏ qua việc phát triển sức sản xuất xã hội, xã hội hóa sản xuất trong thực tế. Song, nhờ cách mạng khoa học - công nghệ, nhờ hợp tác kinh tế quốc tế đa phương, đa dạng, cho phép chúng ta tận dụng đại công nghiệp của thế giới để có thể "rút ngắn" quá trình phát triển kinh tế đất nước. Sự phát triển "rút ngắn" chỉ có nghĩa là đẩy nhanh tương đối quá trình phát triển lịch sử tự nhiên, bằng những khâu trung gian, những hình thức, bước đi quá độ - được coi là cực kỳ cần thiết và có tác dụng sắc bén đối với những nước mà sản xuất nhỏ là phổ biến đi lên chủ nghĩa xã hội. Hình thức kinh tế trung gian, quá độ điển hình - đó là chủ nghĩa tư bản nhà nước. Đồng thời, phải tôn trọng và vận dụng sáng tạo những tính quy luật của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội đi từ giai đoạn thấp đến giai đoạn cao bằng những cuộc biến đổi cách mạng một PTSX này thành PTSX khác, tiến bộ hơn. Đó là kết quả tất nhiên của sự phát triển của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất không ngừng phát triển với quan hệ sản xuất lạc hậu. Giữa các PTSX bao giờ cũng có một thời kỳ quá độ, trong đó PTSX cũ suy yếu dần, PTSX mới ra đời, lớn lên và tiến tới giữ địa vị thống trị. Trong thời kỳ quá độ, nền kinh tế là nền kinh tế quá độ. Đặc trưng cơ bản nhất của nền kinh tế quá độ là nền kinh tế nhiều thành phần.

Thành phần kinh tế (TPKT) là một loại hình quan hệ sản xuất (QHSX) xác định có mối liên hệ chặt chẽ với một lực lượng sản xuất (LLSX) nhất định đã ra đời, nhưng chưa phát triển tới độ bao trùm và thống trị tuyệt đối trong nền kinh tế hoặc đang bị thủ tiêu dần, không còn đủ tư cách là một PTSX hoàn chỉnh. Nghĩa là, TPKT phản ánh mối quan hệ chặt chẽ giữa QHSX và LLSX, đặc trưng cho một kiểu tổ chức hoạt động kinh tế hướng tới việc thực hiện một PTSX nhất định hoặc là đang nảy sinh, hoặc là đang bị thủ tiêu dần.

Mặc dù khái niệm PTSX và khái niệm TPKT đều bao hàm sự thống nhất biện chứng giữa QHSX và LLSX, nhưng hai khái niệm này không đồng nhất. Chỉ khi nào mối quan hệ của một loại hình QHSX nhất định gắn với một LLSX tương

Digitized by Google

ứng đạt được ba tiêu chí là phát triển đến độ hoàn chỉnh chín muồi, giữ địa vị thống trị và quyết định xu hướng vận động của nền kinh tế thì nó mới trở thành PTSX. Còn khi mối liên hệ giữa QHSX và LLSX chỉ dừng ở mức độ chưa phát triển chín muồi, chưa trở thành thống trị và chỉ mới có ảnh hưởng nhất định đến xu hướng vận động của nền kinh tế, thì khi đó nó chỉ hoạt động với tư cách là một TPKT.

Tính chất nhiều TPKT là nét đặc trưng có tính quy luật của nền kinh tế quá độ vì thời kỳ quá độ là thời kỳ chuyển tiếp từ sự thống trị của PTSX cũ sang sự thống trị của PTSX mới cao hơn. Cũng vì vậy mà trong nền kinh tế quá độ các TPKT đều không nguyên dạng, ít nhiều có những tính chất mới. Kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác chưa thể hiện đầy đủ tính chất xã hội chủ nghĩa. Còn kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể không còn giữ nguyên bản chất riêng của mình giống như nó trong xã hội cũ vì chúng chịu sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đảng ta chủ trương : Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ; các TPKT kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh ; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác xã ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

Phương thức sản xuất, thành phần kinh tế và hình thức kinh tế là ba mức độ với bản chất trừu tượng khác nhau. Nghiên cứu PTSX là nghiên cứu mối liên hệ giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất đã phát triển hoàn chỉnh, giữ địa vị thống trị và chi phối tuyệt đối xu hướng vận động của nền kinh tế, tức là nghiên cứu PTSX trong hình thái kinh tế - xã hội hoàn chỉnh. Còn nghiên cứu TPKT là nghiên cứu mối liên hệ giữa quan hệ sản xuất và LLSX chưa phát triển chín muồi, chưa giữ địa vị thống trị và mới chỉ có ảnh hưởng nhất định đến xu hướng vận động của nền kinh tế, tức là nghiên cứu nền kinh tế quá độ của thời kỳ quá độ. Cuối cùng, nghiên cứu hình thức kinh tế là nghiên cứu những loại hình tổ chức hoạt động kinh tế lệ thuộc hữu cơ và vận động theo cơ chế của PTSX thống trị.

Các TPKT trong nền kinh tế quá độ luôn luôn vận động, phát triển trong mối liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau, hoạt động dan xen vào nhau trong cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, trên cơ sở vừa hợp tác, bổ sung cho nhau, vừa cạnh tranh với nhau trong nền kinh tế thị trường và bình đẳng trước pháp luật. Tính chất đan xen - quá độ về kết cấu làm cho nền kinh tế sống động, phong phú. Trong quá trình đó, các TPKT luôn chuyển dịch không ngừng, thay đổi cấu trúc không ngừng và chuyển hóa lẫn nhau.

Ở nước ta, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong nền kinh tế quá độ, cần phải được cấu trúc lại nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho phù hợp với điều kiện mới. Để phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các TPKT phải được cải biến dựa vào những tiền đề khách quan sau : *Thứ nhất*, phải xuất phát từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội và yêu cầu xã hội hóa sản xuất trên thực tế. *Thứ hai*, phải xuất phát từ đặc điểm, tính chất của từng ngành nghề mà xác định tỷ trọng, quy mô, cơ cấu các TPKT cho phù hợp. *Thứ ba*, phải xuất phát từ khả năng tổ chức và quản lý kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế. Vấn đề không phải là ở chỗ xóa bỏ hay ưu tiên TPKT này hay TPKT khác, mà vấn đề khó khăn, phức tạp là ở chỗ nắm vững bản chất của từng thành phần để sử dụng chúng như thế nào có hiệu quả kinh tế cao nhất và bảo đảm cho nền kinh tế xã hội phát triển, tăng trưởng nhanh. Muốn vậy, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta, cần bảo đảm hai tiêu chuẩn : 1 - Phải có kết cấu hợp lý, nghĩa là kết cấu ấy phải tạo điều kiện khai thác, sử dụng có hiệu quả các tiềm năng kinh tế, các nguồn lực bên trong và bên ngoài, giải phóng sức sản xuất, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển, có khả năng tái sản xuất mở rộng. Cơ cấu này cho phép tham gia hợp tác, cạnh tranh có hiệu quả trong xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa hiện nay. 2 - Phải bảo đảm tính định hướng xã hội chủ

Digitized by Google

nghĩa đặc trưng. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta vừa chịu sự điều tiết của cơ chế thị trường, vận động, phát triển theo các quy luật kinh tế thị trường (như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh...) ; vừa chịu sự điều tiết, quản lý, kiểm soát, hướng dẫn của nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự tác động của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế quá độ ở nước ta, các TPKT đều bình đẳng trước pháp luật và đều được đối xử bình đẳng. Trong quá trình vận động vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau giữa các TPKT, để bảo đảm cho nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì TPKT nhà nước phải vươn lên tự khẳng định mình, giữ vai trò chủ đạo, dần dần chi phối toàn bộ xu hướng vận động của nền kinh tế. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác ngày càng trở thành nền tảng vững chắc cho chế độ xã hội mới : xã hội xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế quá độ là nền kinh tế thống nhất không hữu cơ, vì nó kết hợp những nhân tố kinh tế và quan hệ kinh tế không cùng bản chất : công hữu và tư hữu, lao động và bóc lột, kinh doanh và phục vụ... Thành phần kinh tế sản xuất nhỏ cá thể trong nền kinh tế quá độ không hoàn toàn giống như sản xuất nhỏ cá thể trước và trong chủ nghĩa tư bản. Thành phần kinh tế tư bản tư nhân trong nền kinh tế quá độ không hoàn toàn giống như thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa trong chủ nghĩa tư bản. Vì sao như vậy ? Vì trong nền kinh tế quá độ các thành phần kinh tế tư nhân bên cạnh những nhân tố kinh tế và quan hệ kinh tế cũ, đã xuất hiện những nhân tố kinh tế và quan hệ kinh tế mới.

Thực vậy, trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta hiện nay, tư liệu sản xuất mà người nông dân cá thể sử dụng không hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của họ, trong đó có những tư liệu sản xuất (mà là tư liệu sản xuất quan trọng) thuộc quyền sở hữu nhà nước như ruộng đất, ao hồ, rừng, biển, các công trình thủy lợi, thủy điện, trạm máy kéo, bảo vệ thực vật... Trong TPKT tư bản tư nhân, việc sản xuất kinh doanh của nhà tư bản không phải chỉ dựa trên những yếu tố sản xuất thuộc quyền sở hữu của họ, mà còn phải sử dụng những yếu tố sản xuất thuộc quyền sở hữu nhà nước như năng lượng, nguyên liệu, phương tiện vận tải, hệ thống thông tin,... và trong thành phần kinh tế này, sự bóc lột tư bản chủ nghĩa đã bị hạn chế theo những quy định trong Bộ Luật lao động của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra các thành phần kinh tế tư nhân còn có thể liên doanh, góp vốn cùng kinh doanh với các doanh nghiệp nhà nước và các hợp tác xã.

Trong nền kinh tế quá độ, các doanh nghiệp nhà nước có vai trò rất quan trọng, nhưng cũng chỉ là một bộ phận hợp thành nền kinh tế quốc dân, nên việc sản xuất lưu thông hàng hóa của nó không thể chỉ dựa vào những yếu tố kinh tế trong thành phần kinh tế nhà nước, mà còn phải sử dụng những yếu tố kinh tế thuộc quyền sở hữu của các thành phần kinh tế tư nhân. Thực tế cho thấy các doanh nghiệp nhà nước chế biến nông - lâm - thủy sản ở nước ta hiện nay chủ yếu dựa vào nguồn nguyên liệu do những người sản xuất nhỏ cá thể trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản sản xuất ra.

Chính từ lý luận và thực tiễn, trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta, Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu BCH TƯ khóa VI đã đi đến kết luật rất đúng rằng : "các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất vốn có bản chất riêng, nhưng trong hoạt động sản xuất kinh doanh không ngăn cách nhau mà có nhiều loại hình hỗn hợp, đan kết với nhau". Sự hỗn hợp đan xen các loại hình sở hữu khác nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi TPKT và hình thành những tổ chức kinh doanh đa dạng giữa các TPKT nói trên là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiều luận điểm kinh tế theo tư duy kinh tế mới của Đảng và Nhà nước.

Nền kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta là nền kinh tế đang thực hiện những cuộc cải biến cách mạng toàn diện và sâu sắc trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, đó là việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại

Digitized by Google

hóa, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa, từng bước chuyển nền kinh tế nhiều thành phần, sản xuất nhỏ là chủ yếu lên nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Do đó, xu hướng vận động và phát triển, vị trí và vai trò của các thành phần kinh tế có nội dung cụ thể của nó.

Trong nền kinh tế quá độ, kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể làm nền tảng cho sự phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện vai trò ấy theo Nghị quyết Đại hội VIII, kinh tế nhà nước phải được tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả, nắm vững những vị trí then chốt, những lĩnh vực trọng yếu trong nền kinh tế, những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng. Các doanh nghiệp nhà nước phải có quy mô vừa và lớn phát huy được ưu thế về kỹ thuật và công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tạo ra nhiều sản phẩm và chất lượng cao giá thành hạ, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước.

Đại hội VIII của Đảng đã chỉ rõ : Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước thể hiện ở chỗ "làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội ; mở đường, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần khác cùng phát triển ; làm lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô ; tạo nền tảng cho chế độ xã hội mới.

Kinh tế tư bản nhà nước là khâu trung gian để chuyển sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nên sự phát triển của thành phần này theo định hướng xã hội chủ nghĩa có tầm quan trọng đặc biệt. Kinh tế tư bản nhà nước thể hiện dưới hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước. Bằng mọi cách, chúng ta phấn đấu nâng dần tỷ lệ góp vốn của nhà nước vào các doanh nghiệp liên doanh giữa nhà nước với các nhà tư bản nước ngoài và giữa Nhà nước với các nhà tư bản trong nước, để cho quan hệ sở hữu và từ đó dẫn đến quan hệ quản lý và quan hệ phân phối xã hội chủ nghĩa ngày càng chiếm ưu thế.

Các thành phần kinh tế sản xuất cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân, Đảng và Nhà nước chủ trương bổ sung và hoàn thiện các chính sách kinh tế và pháp luật tạo môi trường kinh tế và môi trường pháp lý thuận lợi để phát triển, vừa phát huy mặt tích cực, vừa hạn chế, đẩy lùi mặt tiêu cực của kinh tế tư nhân.

Thừa nhận sự tồn tại các thành phần kinh tế tư nhân không ngoài mục đích khai thác tốt nhất mọi năng lực sản xuất của họ để phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần tạo ra nhiều của cải cho xã hội, đồng thời đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế này.

Trong quá trình chuyển biến nền kinh tế nhiều thành phần, thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, kinh tế cá thể, tiểu chủ được nhà nước giúp đỡ giải quyết khó khăn về vốn, khoa học, công nghệ và thị trường tiêu thụ sản phẩm, đồng thời nhà nước hướng dẫn kinh tế cá thể, tiểu chủ vì lợi ích thiết thân của mình và nhu cầu phát triển của đất nước từng bước tự nguyện đi vào làm ăn trong các tổ chức kinh tế hợp tác xã. Nhà nước có chính sách khuyến khích các nhà tư bản tư nhân đầu tư phát triển sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài ; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, hướng dẫn họ sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh. Mặt khác, nhà nước cần liên doanh liên kết với các nhà tư bản tư nhân dưới nhiều hình thức như góp vốn, góp cổ phần, hình thành loại hình doanh nghiệp tư bản nhà nước, theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội các TPKT là những bộ phận hợp thành nền kinh tế quá độ, vừa hợp tác bổ sung cho nhau, vừa cạnh tranh với nhau trên cơ sở bình đẳng trước pháp luật. Trong đó thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng với sự lớn mạnh của kinh tế tập thể làm nền tảng cho sự phát triển nền kinh tế quốc dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là quá trình chuyển biến nền kinh tế quá độ thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.❑

Digitized by Google

PHÁT HUY THÀNH QUẢ CHỐNG MÙ CHỮ VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC, ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG PHỔ CẬP GIÁO ĐỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

PHẠM MINH HẠC *

NGÀY 28-12-2000 Nhà nước ta đã long trọng công bố trước đồng bào và cộng đồng quốc tế : Nước Việt Nam đã hoàn thành chỉ tiêu quốc gia và quốc tế về chống mù chữ (CMC) và phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH). Đây là sự kiện trọng đại của nền giáo dục nước nhà trong thế kỷ XX, một mốc son chói lọi đánh dấu kết quả phấn đấu không mệt mỏi của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng vì sự nghiệp nâng cao dân trí của dân tộc. Sự kiện này cũng đánh dấu kết quả hoàn thành chỉ tiêu lớn về giáo dục trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 1991 - 2000 mà các Đại hội VII, VIII của Đảng đã đề ra. Tổng kết, đánh giá kết quả 10 năm Đảng lãnh đạo thực hiện CMC - PCGDTH sẽ chỉ ra những bài học kinh nghiệm tốt, những vấn đề còn tiếp tục phải giải quyết và con đường củng cố vững chắc kết quả này, đẩy nhanh và bảo đảm chất lượng việc phổ cập giáo dục (PCGD), trước hết là PCGD trung học cơ sở (THCS), trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Sự nghiệp chống nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức phát động ngay sau ngày nước nhà giành được độc lập. Ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Người đã đề ra sáu công việc cấp bách phải giải quyết, trong đó chống nạn mù chữ được xếp thứ hai. Sau đó, trong bài **Chống nạn thất học** đăng trên báo *Cứu quốc* số 58 ra ngày 4-10-1945 Người đã kêu gọi quốc dân đồng bào : *"Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ..."* (1). Thực hiện lời kêu gọi của Người, ngay trong hoàn cảnh kháng chiến chống ngoại xâm và trong những ngày đầu hòa bình, nhân dân ta đã kiên trì, bền bỉ vượt qua mọi khó khăn để chống "giặc dốt" với ba chiến dịch xóa nạn mù chữ vào các giai đoạn 1945 - 1954, 1956 - 1958 (ở miền Bắc) và 1976 - 1977 (trong cả nước). Đặc biệt, trong giai đoạn 1990 - 2000, hưởng ứng thập kỷ quốc tế chống nạn mù chữ với mục tiêu thế giới bước vào thế kỷ XXI thực hiện giáo dục cho mọi người, một trong những việc Đảng và Nhà nước ta đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân là dốc sức vào chiến dịch lần thứ tư nhằm đạt được mục tiêu cả nước đạt chuẩn quốc gia về CMC - PCGDTH vào năm 2000.

Bước vào đầu thập kỷ 90, nước ta còn ở trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội gay gắt ; giáo dục nước nhà cũng đứng trước những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua. Trong giai đoạn 1986 - 1990, mới chỉ huy động được khoảng 80% số trẻ trong độ tuổi đi học đến trường, tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học bình quân là gần 20% ; tình trạng thiếu trường, lớp, sách giáo khoa và thiếu đội ngũ giáo viên tiểu học rất trầm trọng, nhất là ở các tỉnh khó khăn thuộc vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa. Năm 1990, cả nước có trên 2 triệu người từ 15 đến 35 tuổi còn mù chữ (chiếm 12% dân số trong độ tuổi) và trên 2,3 triệu trẻ em trong nhóm tuổi từ 6 đến 14 (chiếm 20% số trẻ trong độ tuổi) còn thất học. Tỷ lệ này đặc biệt cao ở miền núi, đồng bằng sông Cửu Long và trong khu vực các dân tộc ít người.

Trước tình hình trên, thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, tháng 9-1989, Hội đồng Bộ trưởng

---

* Giáo sư, Viện sĩ, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban thứ nhất Ban Khoa giáo Trung ương ; Chủ tịch Ủy ban quốc gia chống nạn mù chữ

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 36

Digitized by Google

(nay là Chính phủ) đã quyết định thành lập Ủy ban quốc gia chống nạn mù chữ (UBQGCNMC). Năm 1990, Quốc hội đã quyết định mục tiêu quốc gia đến năm 2000 là cơ bản hoàn thành nhiệm vụ CMC - PCGDTH và ngày 12-8-1991 Quốc hội đã thông qua Luật PCGDTH. Chủ tịch HĐBT đã có Chỉ thị số 01/CT-HĐBT ngày 2-1-1990, quyết định chính thức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về CMC - PCGDTH. Trong các Đại hội VII, VIII của Đảng và tại các Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII), Trung ương 2 (khóa VIII) hoàn thành chuẩn quốc gia về CMC - PCGDTH vào năm 2000 luôn được xác định là một chỉ tiêu chính về phát triển văn hóa - xã hội của đất nước, là một trong những nhiệm vụ chính của giáo dục nước nhà trong thập kỷ 1991 - 2000. Nhất là từ khi có Thông báo 77 của Ban Bí thư khóa VII (1994), các cấp ủy đảng, chính quyền đã tập trung nhiều nỗ lực lãnh đạo, chỉ đạo ngành giáo dục cùng các tổ chức xã hội và toàn dân có quyết tâm cao, có nhiều giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu này. Khắp cả nước đã dấy lên cao trào học tập sôi nổi. Kết quả là, trong 10 năm, chúng ta đã có gần 2,5 triệu người học XMC và có gần 1,3 triệu người được công nhận đạt chuẩn ; tỷ lệ dân số biết chữ ở trình độ lớp ba trở lên đã tăng từ 88% (năm 1988) lên 94% (năm 2000) ; hơn 90% trẻ 14 tuổi tốt nghiệp tiểu học. 61/61 tỉnh, thành, 597/609 số quận, huyện và 10339/10554 số xã, phường đạt chuẩn quốc gia về CMC và PCGDTH, cao hơn chuẩn quy định tại Hội nghị toàn thế giới về giáo dục họp ở Giôm-chiêng (Thái Lan) tháng 3-1990. Đến ngày 12-7-2000, chúng ta đã hoàn thành mục tiêu quốc gia về CMC - PCGDTH trong cả nước. *Trình độ dân trí của nước ta đã được nâng lên rõ rệt,* được thế giới công nhận (do Đội đánh giá quốc tế phối hợp với Ban đánh giá quốc gia tiến hành trong tháng 6-1998).

Hơn 10 năm Đảng lãnh đạo, chỉ đạo công tác CMC - PCGDTH, đã rút ra được những bài học kinh nghiệm như sau :

Thứ nhất, **phải tạo được sự hiểu đúng và thống nhất của toàn xã hội, trước hết của các cấp ủy đảng, chính quyền về tầm quan trọng của sự nghiệp CMC- PCGDTH trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.** Người dân cũng phải được tuyên truyền, giác ngộ để hiểu rõ phải biết chữ và có trình độ dân trí nhất định mới có thể lao động tốt, có hiệu quả đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), mới có thể nâng cao chất lượng cuộc sống, xây dựng cuộc sống ấm no cho bản thân và gia đình, đóng góp tốt cho đất nước. Trên cơ sở đó, tạo sự chung sức phấn đấu và thống nhất hành động nhằm đạt được mục tiêu trong toàn Đảng, Nhà nước và toàn dân.

Thứ hai, **phải tạo được cơ sở pháp lý đồng bộ để thực hiện mục tiêu.** Từ các nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc, của Trung ương Đảng, phải được cụ thể hóa bằng các nghị quyết, chỉ thị của các cấp ủy đảng từ trung ương tới cơ sở để lãnh đạo thực hiện. Về mặt nhà nước, từ chủ trương của Quốc hội (Luật PCGDTH, Nghị quyết về chỉ tiêu CMC - PCGDTH) phải được thể chế hóa thành chương trình hành động của Chính phủ, của ngành giáo dục và phải được bố trí nguồn lực đáp ứng các yêu cầu thực hiện mục tiêu đã đề ra. Nhà nước đã có chương trình đầu tư ưu tiên với những hướng dẫn cụ thể để sử dụng đúng mục đích các nguồn lực đó, đồng thời có chính sách huy động hợp lý sự đóng góp của nhân dân cho mục tiêu này. Trên cơ sở đó, ở địa phương, các cấp ủy đảng và chính quyền có những chương trình và kế hoạch cụ thể nhằm đạt được mục tiêu ; có những biện pháp triển khai kiên trì, linh hoạt, có bước đi thích hợp với hoàn cảnh của từng địa phương trong từng thời kỳ nhất định.

Thứ ba, **phải có bộ máy thực thi có đủ quyền hạn và có hiệu quả.** Sự nghiệp CMC - PCGDTH đạt được thành công là nhờ có sự phối hợp tham gia đồng bộ của nhiều cấp, nhiều ngành dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thường vụ cấp ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp. Việc thành lập UBQGCNMC là cơ quan phối hợp liên bộ, ngành (12 cơ quan) hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm ; có hệ thống dọc tới tận xã, phường (là các Ban chỉ đạo CMC - PCGDTH), trong đó ở nhiều địa phương do các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của đảng, chính quyền đứng đầu đã làm cho bộ máy chỉ đạo CMC - PCGDTH có đủ quyền lực trong việc huy động các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực cần thiết và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đó cho công tác này. UBQGCNMC và các ban chỉ đạo địa phương đã thường xuyên tiến hành kiểm tra, đôn đốc thực hiện, có những biện pháp tích cực giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh ; vận dụng sáng tạo các quy định chung của Nhà nước ở địa phương, phát huy kịp thời các sáng kiến của quần chúng.

Thứ tư, **phát huy vai trò nòng cốt của ngành giáo dục** trong tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Ngành phải có đánh giá đúng thực trạng tình

Digitized by Google

hình và và xây dựng kế hoạch thực hiện khả thi chung trong cả nước và ở từng địa phương. Xây dựng kịp thời chuẩn quốc gia về CMC - PCGDTH và các văn bản hướng dẫn đánh giá, kiểm tra, công nhận ; đa dạng hóa các chương trình tiểu học phù hợp với từng vùng, đổi mới các chương trình CMC, chống tái mù chữ gắn với việc biên soạn các bộ sách giáo khoa, sách hướng dẫn phù hợp với từng chương trình, từng nhóm đối tượng đã tạo điều kiện cho các địa phương, các cơ sở thực hiện nhiệm vụ. Các địa phương, cơ sở đã chủ động trong việc huy động, bố trí giáo viên, giáo sinh dạy học CMC - PCGDTH, thực hiện tốt phương thức "một hội đồng, hai nhiệm vụ" nên đã bảo đảm có đủ giáo viên làm công tác CMC - PCGDTH. Đội ngũ giáo viên, nhất là số công tác ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã không quản gian khổ, thể hiện cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với nghề, đức hy sinh cao cả vì sự nghiệp đem ánh sáng văn hóa tới cho đồng bào.

Thứ năm, **huy động sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị tham gia công tác CMC - PCGDTH.** Các ngành, các cấp, các đoàn thể như bộ đội biên phòng, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh v.v. tích cực tham gia và đã có công lớn trong việc vận động, tổ chức học tập cho mọi người, huy động thêm các nguồn lực vật chất cho công tác CMC - PCGDTH ở các địa phương vùng cao, vùng sâu. Các cơ quan, các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần không nhỏ trong việc khơi dậy truyền thống hiếu học của dân tộc, tạo sự chuyển biến nhận thức về sự cần thiết phải học tập, nâng cao dân trí cho nhân dân và tuyên truyền, cổ vũ cho các hoạt động CMC - PCGDTH.

Thứ sáu, **cần có những giải pháp tăng cường chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương đặc biệt khó khăn** hoàn thành mục tiêu CMC - PCGDTH đúng thời hạn. Miền núi, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc là những khu vực đã được sự quan tâm và nhận được những giải pháp hỗ trợ đặc biệt trong việc thực hiện mục tiêu CMC - PCGDTH thời gian qua. Chúng ta đã tổ chức ba cuộc hội thảo về giáo dục cho đồng bào dân tộc Khơ-me, Chăm và vùng núi phía bắc ; tổ chức 5 hội nghị vùng (Tuyên Quang, Yên Bái, Tiền Giang, An Giang, Bình Định) để tăng cường sự lãnh đạo và các giải pháp thực hiện mục tiêu CMC - PCGDTH cho các khu vực miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên. Đặc biệt đã tổ chức hai hội nghị 8 tỉnh đặc biệt khó khăn trong công tác CMC - PCGDTH, trong đó Chính phủ, Ban Khoa giáo Trung ương, UBQGCNMC và Bộ GD - ĐT trực tiếp chủ trì và bàn bạc, quyết định các biện pháp tháo gỡ cho 8 tỉnh này. Các tỉnh, thành phố có nhiều thuận lợi hơn như Hà Nội, Hải Phòng v.v. đã vận động nhân dân quyên góp, trích từ ngân sách địa phương hỗ trợ cho các tỉnh đặc biệt khó khăn.

*

* *

Những thành quả về CMC - PCGDTH 10 năm qua là vô cùng to lớn. Chúng ta đã lập được kỳ tích về giáo dục mà nhiều nước có trình độ kinh tế phát triển như ta hay hơn nước ta một ít chưa làm được. Tuy vậy, trình độ dân trí đã đạt được chưa đủ bảo đảm cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, bảo vệ Tổ quốc trong thế kỷ XXI. Cùng với việc công bố nước ta đã đạt chuẩn về CMC - PCGDTH, ngày 9-12-2000 Quốc hội nước ta đã thông qua Nghị quyết số 41/2000/QH10 ; Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 61-CT/TƯ ngày 28-12-2000 về thực hiện PCGD THCS. Chỉ thị đã chỉ rõ *"Mục tiêu của PCGD THCS là nâng cao mặt bằng dân trí một cách toàn diện, làm cho hầu hết công dân đến 18 tuổi đều tốt nghiệp THCS, kết hợp phân luồng sau cấp học này, tạo cơ sở cho việc tiếp tục đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng những yêu cầu của đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, phát huy cao độ tính độc lập, năng động, sáng tạo và bản lĩnh chính trị của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".*

Từ kinh nghiệm của hơn 55 năm nâng cao dân trí của dân tộc, nhất là kinh nghiệm của thập kỷ CMC - PCGDTH, để chủ trương này của Đảng và Nhà nước nhanh chóng đi vào cuộc sống, chúng ta cần làm tốt các việc sau :

Thứ nhất, **cần sớm tổ chức quán triệt trong các cấp ủy đảng, chính quyền và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân** về chủ trương PCGD THCS, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động, nhanh chóng triển khai thực hiện chủ trương này trong cuộc sống. Phải làm cho mọi người thấu hiểu có dân trí cao thì mới thực hiện CNH, HĐH được. Thế kỷ XXI là thế kỷ của trí tuệ, cách mạng thông tin và các công nghệ cao khác. Bác Hồ đã chỉ rõ : muốn làm cho dân giàu, nước mạnh, phải có tri thức mới. Tất nhiên dân trí phải trở thành nhân lực. PCGD THCS là thực hiện giáo dục toàn diện, bắt buộc cho hầu hết lứa tuổi từ 12 đến 18 ở nước ta có trình độ THCS thực chất. Trên cơ sở đó, tiến hành khảo sát, đánh giá tình

Digitized by Google

hình thực tiễn để xây dựng kế hoạch PCGD THCS trong cả nước và từng địa phương, đưa vào nghị quyết đại hội đảng các cấp. Tăng cường sự lãnh đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng giữ vai trò cực kỳ quan trọng, nhất là trong việc thể chế hóa về mặt nhà nước các giải pháp, chính sách, bước đi và đầu tư các nguồn lực tổ chức thực hiện, bắt đầu ngay từ năm 2001.

Thứ hai, **phải củng cố vững chắc kết quả CMC - PCGDTH,** tiếp tục hoàn thành chuẩn quốc gia cho các xã, huyện chưa đạt chuẩn. Đồng thời, phải mở rộng diện được xóa mù chữ cho số người ngoài độ tuổi 15 - 35 và chống tái mù chữ, phấn đấu nâng số người trong độ tuổi biết chữ lên 98% - 100%, bảo đảm kết quả vững chắc cho những nơi đã đạt chuẩn ; thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân đưa trẻ đến trường để 100% trẻ trong độ tuổi được đi học và không phải bỏ học, không lưu ban nâng dần chất lượng PCGDTH theo các chuẩn của bậc học, đáp ứng các yêu cầu của giáo dục trong những năm đầu thế kỷ XXI và tiến tới thực hiện phổ cập đúng độ tuổi.

Thứ ba, **sớm tổ chức Ban chỉ đạo phối hợp liên hành để chỉ đạo chương trình PCGD THCS,** có đủ quyền hạn, gọn nhẹ và có hiệu quả (nên theo cơ chế kiêm nhiệm) từ trung ương tới cơ sở. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo của chính quyền, các ban chỉ đạo lập kế hoạch thực hiện ngay từ năm học này và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc làm tốt công tác PCGD THCS đúng tiến độ và có chất lượng ở địa phương.

Thứ tư, **ngành giáo dục phải thực sự phát huy vai trò nòng cốt trong tổ chức thực hiện PCGD THCS.** Bộ GD - ĐT sớm ban hành chuẩn quốc gia, các tiêu chí đánh giá, cách tổ chức kiểm tra, công nhận đạt chuẩn. Xây dựng chương trình, sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn PCGD THCS gắn với việc đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục của cấp THCS đang tiến hành và với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mở rộng và hoàn thiện mạng lưới trường THCS, phổ thông cơ sở tới xã, phường ; các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp ở quận, huyện và cụm xã ; các lớp bổ túc văn hóa ở các cơ sở sản xuất. Kết hợp phổ cập với phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS theo hướng có đóng góp tích cực vào việc xây dựng nguồn nhân lực cho địa phương, vùng và cả nước. Bộ GD - ĐT và các địa phương có kế hoạch củng cố và nâng cao năng lực đào tạo của các trường sư phạm nhằm bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu (theo môn học, theo vùng miền và theo nhu cầu của các trường THCS ; trung học phổ thông) và chuẩn hóa về trình độ của đội ngũ giáo viên ; bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý để thực hiện tốt các yêu cầu của PCGD THCS. Ưu tiên phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên cho cấp THCS, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với giáo viên tham gia công tác PCGD THCS, áp dụng tốt phương thức "một hội đồng, hai nhiệm vụ".

Thứ năm, **huy động tốt sự tham gia của các lực lượng, đoàn thể xã hội vào công tác PCGD THCS.** Khác với CMC - PCGDTH, việc PCGD THCS đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn cao hơn, theo bộ môn, mới có thể tham gia giảng dạy, do đó, sự tham gia của các lực lượng ngoài ngành giáo dục chủ yếu ở việc tuyên truyền, vận động nhân dân tạo điều kiện cho con em đi học, học sinh không bỏ học giữa chừng ; vận động đóng góp tạo nguồn lực, xây dựng cơ sở vật chất, giám sát tiến độ và chất lượng thực hiện PCGD THCS v.v.

Thứ sáu, **khuyến khích các nơi có điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tốc độ thực hiện PCGD THCS.** Những nơi đã hoàn thành PCGD THCS cần tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, tổ chức phân luồng học sinh sau cấp học này và tùy điều kiện có thể tiến hành phổ cập bậc trung học (bao gồm trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề). Có kế hoạch hỗ trợ các vùng, địa phương khó khăn ; trước hết tạo điều kiện cho các tỉnh miền núi, vùng sâu về đội ngũ giáo viên ; mở các trường, lớp "nội trú dân nuôi" ; sách giáo khoa, vở và các tài liệu, dụng cụ học tập khác. Vận động những địa phương đã hoàn thành PCGD THCS kết nghĩa, giúp đỡ tùy theo điều kiện của mình cho các địa phương gặp khó khăn một cách thiết thực, có hiệu quả.

Phổ cập giáo dục THCS là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng của đất nước, là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của giáo dục trong giai đoạn 2001 - 2010. Nhiệm vụ này cần được sự quan tâm lãnh đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp chính quyền và sự tham gia tích cực, chủ động của ngành giáo dục, các đoàn thể xã hội và toàn thể nhân dân. Hoàn thành nhiệm vụ này đúng hoặc vượt chỉ tiêu về thời gian, có chất lượng sẽ góp phần bảo đảm nguồn nhân lực cho đất nước có bước phát triển mới, trình độ dân trí dựa trên nền tảng PCGD THCS là điều kiện tối cần thiết để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước thành công. ❑

Digitized by Google

ĐỊNH HƯỚNG CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THỜI KỲ 2001 - 2005

MAI VĂN DÂU *

Nhìn lại năm 2000 vừa qua có thể nhận thấy hoạt động xuất, nhập khẩu của nước ta tiếp tục đạt được những thành tích mới, đánh dấu sự thành công của chặng đường phát triển 10 năm (1991 - 2000), với nhịp độ tăng trưởng bình quân đạt 18,5%/năm, nhanh hơn tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 2,6 lần. Kim ngạch xuất khẩu năm 2000 đạt trên 14 tỉ USD, tăng trên 21% so với năm 1999, nhập siêu chỉ vào khoảng gần 6% kim ngạch xuất khẩu. Đó chính là thế và lực mới cho ngoại thương Việt Nam trước khi bước vào thiên niên kỷ mới, vào thời kỳ phát triển 2001 - 2010.

Có thể nói thành công của hoạt động ngoại thương trong chặng đường 10 năm qua có sự đóng góp rất lớn của cơ chế, chính sách, trong đó nổi bật là việc Chính phủ ban hành Nghị định 57/1998/NĐ-CP ngày 31-7-1998 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài. Với quan điểm chủ đạo, xuyên suốt là giảm hơn nữa sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động kinh doanh, tạo hành lang pháp lý thông thoáng bình đẳng cho hoạt động xuất, nhập khẩu của các doanh nghiệp, Nghị định này đã xóa bỏ hoàn toàn chế độ giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu, đem lại sự chuyển biến về chất cho cơ chế quản lý xuất, nhập khẩu. Quyền kinh doanh và quyền tự chủ của doanh nghiệp được tôn trọng. Cơ chế "xin - cho" được giảm thiểu. Hầu hết hàng hóa được làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp tại hải quan và chịu sự điều tiết của thuế. Biện pháp phi thuế chỉ còn áp dụng với một số lượng rất ít mặt hàng.

Tuy mới chỉ có hiệu lực từ cuối năm 1998 nhưng có thể nói Nghị định 57/1998 đã đóng góp một phần quan trọng vào thành công của hoạt động ngoại thương năm 1999 - 2000. Số lượng doanh nghiệp kinh doanh xuất, nhập khẩu từ 2800 doanh nghiệp năm 1998 đã tăng lên trên 12 000 doanh nghiệp. Bằng sự năng động và nhạy bén trong việc khai thác nguồn hàng, tìm kiếm thị trường, các doanh nghiệp này đã đóng góp rất lớn vào sự tăng trưởng cao về kim ngạch của những nhóm hàng vốn lâu nay khó xuất như rau quả, hàng thủ công mỹ nghệ và nhóm "hàng tạp hóa khác", góp phần tích cực vào việc tiêu thụ hàng hóa cho ngành sản xuất và tạo thêm công ăn việc làm cho hàng triệu người lao động.

Tuy nhiên, với những quy định hiện hành, vẫn tồn tại một vấn đề cơ bản là tính ổn định và tính có thể nhận biết trước của cơ chế, chính sách. Theo quy định tại Nghị định số 57/1998 thì vào đầu quý IV hằng năm, Bộ Thương mại (chủ trì) cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nguyên tắc điều hành xuất, nhập khẩu cho năm kế hoạch tiếp theo đối với các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện. Nguyên tắc điều hành thay đổi hằng năm đáp ứng được nhu cầu xử lý linh hoạt các vấn đề phát sinh, nhưng lại tạo ra khá nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước. Điển hình là tình trạng bị động trong kinh doanh và xử lý các vụ việc tồn đọng về quản lý. Thực tiễn đó cho thấy cần phải khẩn trương ban hành cơ chế quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu ổn định, lâu dài và có thể nhận biết trước để vừa bảo đảm tính định hướng trong điều hành, vừa tạo thuận lợi và thế chủ động cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế trên, để tạo ra một đòn bẩy mới về cơ chế chính sách, tiếp tục phát huy nội lực, khai thác tiềm năng của các thành phần kinh tế, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thương mại đã dự thảo và trình Chính phủ cho phép ban hành cơ chế điều hành xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ổn định, lâu dài trong thời kỳ 2001 - 2005 dưới hình thức nghị định. Điểm nổi bật trong cơ chế mới là : *thứ nhất,* tiếp tục mở rộng hơn nữa quyền kinh doanh của các doanh nghiệp (trong đó có các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) ; *thứ hai,* xây dựng lộ trình giảm thiểu các biện pháp hạn chế định lượng trong thời kỳ 5 năm (2001 - 2005), áp dụng những công cụ bảo hộ mới, hợp lệ được các tổ chức thương mại quốc tế thừa nhận.

Về quyền kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, theo quy định tại Nghị định 57/1998, thương nhân chỉ được phép xuất, nhập khẩu hàng hóa theo ngành nghề đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Quy định này đã gây ra hạn chế nhất định

* Thứ trưởng thường trực Bộ Thương mại

Digitized by Google

do cách hiểu ngành nghề chưa thống nhất. Một số doanh nghiệp ra đến hải quan lại phải quay về đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh mới được xuất khẩu, nhập khẩu, gây sự chậm trễ, phiền hà không đáng có. Để khắc phục tình trạng này, Bộ Thương mại đã kiến nghị Chính phủ cho phép thay đổi về căn bản trong lĩnh vực này. Cụ thể, tất cả các thương nhân là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật sẽ được phép xuất khẩu, nhập khẩu tất cả các loại hàng hóa trừ những mặt hàng mà Nhà nước cấm xuất khẩu, nhập khẩu, cấm kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Nghị định. Như vậy, các doanh nghiệp được mở rộng quyền kinh doanh xuất, nhập khẩu mà không cần phải có bất cứ sự sửa đổi, bổ sung nào về ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đối với khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, để tiến tới môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp, Bộ Thương mại đã kiến nghị Chính phủ cho phép các doanh nghiệp có vốn FDI được xuất khẩu như các doanh nghiệp 100% vốn trong nước (cả về thủ tục xuất khẩu và mặt hàng kinh doanh). Tuy nhiên, hoạt động nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn FDI vẫn thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài, cũng như theo giấy phép đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Liên quan đến quyền kinh doanh xuất, nhập khẩu còn có vấn đề đầu mối xuất, nhập khẩu. Hiện nay có tới hàng chục mặt hàng kinh doanh phải có đầu mối (như gạo, phân bón, rượu, than, xăng dầu, thiết bị đặc chủng...). Ngoài những đầu mối xuất, nhập khẩu cần thiết để bảo đảm an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân, bảo vệ nguồn động thực vật... (như thiết bị phát sóng truyền thanh, thuốc nổ, sách báo, phim ảnh, thuốc chữa bệnh...) thì có một số mặt hàng đầu mối chỉ nhằm mục đích quản lý trật tự kinh doanh như gạo, than đá (xuất khẩu), phân bón (nhập khẩu). Đây là những mặt hàng trong cơ chế dài hạn phải được xử lý, trước hết là do nhu cầu phi tập trung hóa phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế, sau đó là phù hợp với các cam kết quốc tế mà ta đã và sẽ ký trong thời gian tới.

Về quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu, tư tưởng nổi bật là sự gắn kết hài hòa giữa nghĩa vụ thực hiện các cam kết đa phương hoặc song phương về mở cửa thị trường với điều kiện thực tế và khả năng cạnh tranh của các ngành hàng trong nước. Hiện nay, để điều tiết hàng hóa xuất nhập khẩu, chúng ta đang sử dụng các công cụ phi thuế chủ yếu sau : ***cấm, tạm ngừng, hạn ngạch, chỉ tiêu, giấy phép không tự động, phụ thu và giá tính thuế tối thiểu***. Các công cụ này đều là đối tượng cắt giảm và tiến tới xóa bỏ trong đàm phán thương mại quốc tế.

So với thực tiễn quản lý phổ biến trên thế giới thì nước ta chưa áp dụng các công cụ như : ***hạn ngạch thuế quan, thuế tuyệt đối, thuế theo mùa vụ, thuế chống phá giá và thuế chống trợ cấp***. Đây là những công cụ được các tổ chức thương mại quốc tế và khu vực thừa nhận, chí ít là cũng không đặt ra yêu cầu xóa bỏ, đồng thời cũng là biện pháp đáp ứng nhu cầu bảo hộ chính đáng sau khi đã bãi bỏ các loại giấy phép mang tính hạn chế định lượng. Vì vậy, định hướng cơ bản của cơ chế quản lý xuất, nhập khẩu hàng hóa trong thời kỳ 2001 - 2005 sẽ là giảm dần các công cụ phi thuế thuộc nhóm đang áp dụng và tăng dần các công cụ mới.

Điều đáng quan tâm trong cơ chế quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu giai đoạn 2001 - 2005 là danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại và hàng hóa xuất, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành. Danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại lần này được nêu rõ ràng cụ thể và theo hướng giảm dần. Như xuất khẩu từ năm 2001 chỉ còn có mặt hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường có hạn ngạch (hạn ngạch của các nước nhập khẩu). Còn nhập khẩu, chỉ còn rất ít, khoảng 15 mặt hàng, trong đó từng mặt hàng được quy định cụ thể lộ trình bãi bỏ giấy phép. Đây chính là một điểm cơ bản của cơ chế điều hành xuất, nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2005.

Về danh mục hàng xuất, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành, do đây là vấn đề rộng, phức tạp và cũng đã nhiều năm trao đổi, quản lý, đúc rút kinh nghiệm, nên hướng quản lý được đề ra là :

- Xóa bỏ hoàn toàn quản lý nếu xét thấy không cần thiết.

- Quản lý theo hình thức quy định tiêu chuẩn, điều kiện (chỉ quy định tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng sử dụng, điều kiện được xuất khẩu, nhập khẩu để doanh nghiệp có cơ sở làm thủ tục xuất, nhập khẩu tại hải quan cửa khẩu, không cấp giấy phép hoặc duyệt mặt hàng, số lượng, trị giá).

- Trong những trường hợp thật đặc biệt, có thể duy trì giấy phép nhưng phải bảo đảm không sử dụng giấy phép chuyên ngành để hạn chế số lượng nhập khẩu và phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Chúng ta đã kết thúc năm 2000 với những thành tích về xuất khẩu, nhập khẩu rất đáng khích lệ. Cùng với sự thực hiện thắng lợi nhiều chỉ tiêu kinh tế khác của cả nước, đây là điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngoại thương Việt Nam bước sang năm 2001, sang thời kỳ mới với nhiều cơ hội và thách thức phía trước. Hy vọng sau khi được Chính phủ phê chuẩn, cơ chế điều hành xuất, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005 sẽ thực sự là một đòn bẩy về chính sách, đưa hoạt động ngoại thương cả nước vươn tới những thành công mới.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

ĐỖ KIM THỊNH *

CÔNG nhân, viên chức và người lao động là đối tượng cần được quan tâm chăm lo về mặt đời sống văn hóa tinh thần bên cạnh đời sống kinh tế vật chất, bởi chính họ là một lực lượng chủ đạo góp phần đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đi tới thành công.

Trong bối cảnh hội nhập, mở rộng giao lưu quốc tế, giai cấp công nhân và những cán bộ, công chức, người lao động đang đứng trước những yêu cầu cần phải nâng cao hơn trước về năng lực và trình độ để đáp ứng với nhiệm vụ của mình trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Điều đó đòi hỏi họ cần phải được bồi dưỡng không chỉ về mặt thể lực, trí tuệ, mà cả tâm hồn, tình cảm. Đây là một yêu cầu và nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược lâu dài và cấp bách. Bởi lẽ, công cuộc xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa và đấu tranh chống các thế lực thù địch đòi hỏi phải nâng cao tính chiến đấu, hiệu quả giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức lối sống cho đội ngũ tiên phong và chủ lực này. Mặt khác từ khi đất nước chuyển từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, bên cạnh những thành công về nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực kinh tế cũng xuất hiện một số điều bất cập. Mức sống của người dân nói chung và công nhân, viên chức nói riêng ở nhiều doanh nghiệp đã nâng lên nhưng đời sống văn hóa lại chưa được quan tâm tương xứng. Hơn nữa trong thời đại kinh tế thị trường với sự bùng nổ mạnh mẽ của các phương tiện thông tin đại chúng và sự tiến bộ vượt bậc của khoa học, công nghệ, nhu cầu hưởng thụ hay tiếp nhận văn hóa của người lao động đã đặt ra những vấn đề cho chúng ta cần phải suy nghĩ. Nếu không nâng cao được tư tưởng nhận thức lối sống và nhu cầu hưởng thụ văn hóa thẩm mỹ thì sẽ dẫn tới nguy cơ làm giảm đi năng lực sáng tạo văn hóa trong đại đa số công nhân viên chức và người lao động. Vì vậy, mục tiêu quan trọng của hoạt động xây dựng đời sống văn hóa quần chúng là nhằm phát hiện tiềm năng, nuôi dưỡng và nâng cao năng lực sáng tạo văn hóa của người lao động.

Quyết định 217/HĐBT (10-1987) của Nhà nước nhằm mở rộng quyền chủ động sản xuất đem lại những biến đổi trong quản lý và tổ chức sản xuất nhưng phúc lợi về văn hóa không còn. Hiện nay đã xuất hiện hai quan niệm khác nhau về vai trò văn hóa trong công nhân, viên chức. Quan niệm thứ nhất cho rằng doanh nghiệp chỉ có trách nhiệm thực hiện các chỉ tiêu kinh tế và chăm lo đời sống vật chất cho người lao động. Còn chăm lo về mặt văn hóa tinh thần không thuộc trách nhiệm của họ. Quan niệm thứ hai nhấn mạnh vai trò của văn hóa là các món ăn tinh thần không thể thiếu đối với người lao động. Muốn sản xuất tốt, có hiệu quả cao phải có con người phát triển toàn diện, cả về thể lực, năng lực chuyên môn lẫn tâm hồn, tình cảm. Vì vậy, người lao động cần được sống trong môi trường văn hóa ngay cả khi làm việc lẫn nghỉ ngơi. Trong thời gian qua, dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương 4 và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) "Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" và từ thực tiễn đời sống xây dựng văn hóa cơ sở trên cả nước, chúng ta đã nhận thức được rằng : văn hóa không đứng ngoài sản xuất, không chỉ là các hoạt động vui chơi giải trí mà còn là động lực, là yếu tố vô cùng quan trọng tác động tới sản xuất kinh doanh, tới xây dựng con người.

Xuất phát từ quan điểm này, công cuộc xây dựng đời sống văn hóa của công nhân, viên chức và người lao động được triển khai trên các lĩnh vực hoạt động chủ yếu.

---

* TS, Cục văn hóa thông tin cơ sở, Bộ Văn hóa - Thông tin

Digitized by Google

1 - Hoạt động văn hóa giáo dục. Mục đích nhằm góp phần tích cực, có hiệu quả, thực hiện chức năng giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp cho công nhân, viên chức, người lao động. Phát huy truyền thống cách mạng, có tinh thần uống nước nhớ nguồn. Bên cạnh đó các hoạt động văn hóa luôn luôn tham gia có hiệu quả trong việc nuôi dưỡng và xây đắp sự phát triển toàn diện nhân cách người lao động, đặc biệt các phẩm chất tốt trong sản xuất và các chuẩn mực tốt trong gia đình.

2 - Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng. Hoạt động này góp phần thỏa mãn nhu cầu sáng tạo văn hóa và nâng cao thể lực cho người lao động. Các cụm văn hóa - thể thao ra đời cùng với sự xuất hiện mô hình hoạt động văn hóa có tính sáng tạo cao, hiệu quả tốt, có sức tập hợp quần chúng rộng rãi tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao lưu học tập. Đây chính là một hình thức xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao.

3 - Cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa. Thực hiện cuộc vận động này làm cho mức hưởng thụ văn hóa của công nhân, viên chức và người lao động ngày càng nâng cao. Đồng thời cũng nhằm mục đích làm cho văn hóa thấm sâu vào tâm lý của người lao động, tạo thói quen sử dụng các giá trị văn hóa vật chất. Đã xuất hiện nhiều phong trào và hoạt động văn hóa có hiệu quả cao như *Xây dựng gia đình văn hóa, Nhà ga văn hóa, Bưu điện văn hóa xã.*

4 - Các hoạt động văn hóa xã hội. Một số hoạt động xã hội có tính tổng hợp, mang ý nghĩa và đặc trưng văn hóa được triển khai khá mạnh mẽ như : Công tác đền ơn đáp nghĩa, Quỹ tấm lòng vàng, học bổng Nguyễn Đức Cảnh, Quỹ hỗ trợ sáng tạo của nữ công nhân viên chức, công tác bảo vệ sức khỏe sinh sản, dân số kế hoạch hóa gia đình, cuộc vận động phòng chống tệ nạn xã hội, HIV/AIDS, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội, phong trào tình nghĩa đối với gia đình, người có công với cách mạng, phong trào xóa đói giảm nghèo giúp nhau làm kinh tế gia đình. Qua những hoạt động thiết thực này chúng ta đã góp phần giáo dục có hiệu quả những hiểu biết văn hóa cho công nhân, viên chức và người lao động.

Điển hình cho các doanh nghiệp đã quán triệt quan điểm nhận thức này và đã biến nhận thức thành hành động cụ thể trong quá trình xây dựng đời sống văn hóa của công nhân, viên chức là Mỏ than Cao Sơn Quảng Ninh, Công ty gang thép Thái Nguyên, Công ty giấy Bãi Bằng, Công ty cao su Đồng Nai.

Với 4000 cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động, bí quyết thành công của Công ty giấy Bãi Bằng là ở chỗ biết kết hợp hài hòa giữa việc chăm lo đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động. Hằng năm Công ty đã dành gần 300 triệu đồng phục vụ các hoạt động văn hóa thể thao ; 15 tỉ đồng mà Công ty trích từ quỹ phúc lợi đã xây dựng một hệ thống công trình dành cho sinh hoạt văn hóa, thể thao gồm : nhà thi đấu đa năng, sân khấu ngoài trời, bể bơi, sân bóng, vũ trường, phòng tập thể hình, câu lạc bộ, thư viện, nhà truyền thống. Những cơ sở này đã thực sự trở thành nơi thu hút hấp dẫn người lao động ngoài giờ làm việc tới tham gia hoạt động sôi nổi. Khẩu hiệu Xanh - Sạch - Đẹp và kỷ luật lao động được mỗi cán bộ công nhân viên chức tôn trọng. Người lao động ở đây gắn bó với nhà máy, lao động hết mình bởi nhu cầu văn hóa tinh thần của họ được chăm lo. Yếu tố văn hóa đã trở thành động lực mạnh mẽ góp phần làm nên thành tích trong lao động sản xuất của Công ty giấy Bãi Bằng - con chim đầu đàn của ngành giấy Việt Nam. Mới đây Công ty được Nhà nước phong danh hiệu Đơn vị anh hùng trong phong trào thi đua yêu nước toàn quốc năm 2000.

Ở Công ty gang thép Thái Nguyên, mặc dù điều kiện sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, phúc lợi tập thể dành cho hoạt động văn hóa không nhiều, nhưng không vì thế mà đời sống văn hóa tinh thần của người lao động không được quan tâm chăm sóc. Nhà văn hóa lao động của khu gang thép vẫn tận dụng mọi điều kiện để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, đem lại cho cán bộ, công nhân, viên chức đời sống văn hóa tinh thần vui tươi, lành mạnh qua các hoạt động như tổ chức các cuộc sinh hoạt văn hóa, thể thao, các hội diễn, hội thi công nhân, viên chức và giao lưu khu vực.

Công ty cao su Đồng Nai kết hợp với các địa phương vùng sâu, vùng xa của các nông trường và ngành văn hóa - thông tin đã xây dựng tại 8 xã ở vùng sâu, vùng xa thuộc các huyện Long Thành, Thống Nhất, Định Quán, Long Khánh các thư viện nông trường xã với lưu lượng hàng vạn cuốn sách, tạo điều kiện để công nhân các nông trường và nhân dân các xã sở tại được thường xuyên đọc sách báo khi mà các phương tiện văn hóa nghe nhìn ở đây còn thiếu thốn.

Digitized by Google

Chủ trương xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở trong các tầng lớp nhân dân, trong đó có công nhân, viên chức và người lao động được nêu trong Nghị quyết Đại hội V của Đảng "Đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đảm bảo mỗi nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường... mỗi đơn vị lực lượng vũ trang, công an nhân dân, mỗi cơ quan trường học, bệnh viện, cửa hàng, mỗi xã, hợp tác xã, phường, ấp đều có đời sống văn hóa". Điều đó đã dần trở thành hiện thực trong đời sống văn hóa - xã hội, khắp mọi miền của nước ta.

Ngày nay, những tiến bộ khoa học, công nghệ đã góp phần quan trọng trong việc phát triển văn hóa. Mặt tích cực của nó là tăng thêm thời gian rảnh rỗi cho người lao động, giúp họ mở mang kiến thức toàn diện, phong phú. Mặt khác, nó đang làm con người thu hẹp phạm vi giao tiếp với nhau để gắn bó với các vật thể văn hóa bằng máy. Vậy cần phải có những giải pháp thích ứng nào để người lao động thực sự có một đời sống văn hóa đầy đủ ?

Muốn giải đáp cho vấn đề này cần phải có những quan điểm xác đáng về văn hóa, đồng thời có cách nhìn nhận đúng bối cảnh quốc tế tác động vào điều kiện nước ta hiện nay. Xu hướng mở rộng giao lưu quốc tế không chỉ đem đến những biến đổi về mặt đời sống kinh tế, khoa học công nghệ mà còn mở ra cho đất nước và con người Việt Nam những cơ hội phát triển mới : hình thành lối sống, nếp tư duy, tác phong làm việc, tác phong giao tiếp, phù hợp với nhịp điệu phát triển của xã hội công nghiệp. Môi trường vật chất dành cho người lao động thuận lợi hơn, tạo điều kiện phát huy năng lực sáng tạo của cá nhân (xây dựng công sở, nhà máy phù hợp với điều kiện làm việc và tiêu chuẩn văn minh hiện đại). Đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu văn hóa ngày càng tăng của con người qua mở rộng các kênh giao tiếp, các phương tiện nghe nhìn.

Tuy nhiên, có rất nhiều thách thức đang đặt ra : yêu cầu của sự phát triển công nghệ cao trong sản xuất đòi hỏi các doanh nghiệp phải có cải tiến công nghệ, bồi dưỡng trình độ quản lý, tổ chức và tay nghề cho cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động, nếu như không muốn đi đến sự thua lỗ phá sản. Mặt khác, những ảnh hưởng của giao lưu văn hóa mở rộng qua những sản phẩm văn hóa có tác động tiêu cực tới sự hình thành nhân cách, lối sống lành mạnh của người lao động ; trong đó có cả hiện tượng thu hẹp hoạt động văn hóa mang tính tập thể của họ, qua sự lôi cuốn của các phương tiện nghe nhìn.

Những giải pháp cho việc tổ chức đời sống cho người lao động sao cho phù hợp với bối cảnh thực tế trước hết phải xuất phát từ nhận thức của người lãnh đạo, quản lý về xu thế phát triển hiện nay. Đó chính là việc khẳng định và nâng cao vai trò nguồn lực con người. Con người có tri thức và trình độ cao là yếu tố quyết định thành công của mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị công tác. Cần đả phá quan niệm coi người lao động chỉ là một bộ phận máy móc trong dây chuyền công nghệ, từ đó dẫn tới không quan tâm tới nhu cầu về mặt sinh học của họ.

Điển hình về xây dựng đời sống văn hóa trong công nhân, viên chức, lao động tại Công ty giấy Bãi Bằng chính là sự nhận thức đúng đắn của ban lãnh đạo về vai trò và nội dung, bản chất của văn hóa theo nghĩa rộng. Ban lãnh đạo Công ty đã vận dụng đúng tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) là : "Phải làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội".

Mối quan hệ giữa con người với văn hóa là mối quan hệ đa phương và có sự gắn bó hữu cơ. Con người với tư cách là sản phẩm của văn hóa, là thước đo của sự phát triển văn hóa và đồng thời cũng là chủ thể sáng tạo ra giá trị văn hóa. Đưa các yếu tố văn hóa vào các mặt hoạt động của con người mà cụ thể là các đối tượng công nhân, viên chức, người lao động là một giải pháp thích ứng trong thời đại bùng nổ thông tin, tránh một lối tiếp cận phiến diện, đơn phương của con người đối với văn hóa mà đời sống hiện đại với lối sống tiện nghi dễ dẫn đến.

Cần phải đổi mới tư duy và phương pháp tổ chức các hoạt động văn hóa trong đời sống công nhân, viên chức sao cho phù hợp với đặc điểm và điều kiện lao động sản xuất, nghỉ ngơi giải trí của họ. Trong đó cũng phải nắm bắt nhu cầu tâm lý, trình độ cảm thụ văn hóa nghệ thuật của người lao động hiện nay khác gì so với người lao động thời

Digitized by Google

kỳ bao cấp. Rõ ràng là những buổi tổ chức sinh hoạt văn hóa mang tính tuyên huấn khô khan, những buổi biểu diễn nghệ thuật quần chúng tẻ nhạt về nội dung với các phương tiện âm thanh nhạc cụ nghèo nàn, cán bộ tổ chức nghiệp vụ non yếu, cơ sở vật chất hoạt động chắp vá, không lôi cuốn được người tham dự.

Hiện nay, ngày càng có nhiều cơ quan, doanh nghiệp các đơn vị sản xuất đã coi văn hóa như một tiêu chuẩn không thể thiếu của việc tổ chức hoạt động chung. Phong trào đăng ký xây dựng cơ quan văn hóa, doanh nghiệp văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở nhiều tỉnh, thành trong cả nước, đặc biệt là thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Nam Định, các tỉnh Hà Nam, Hà Tây, Thừa Thiên - Huế, Cần Thơ đã được dấy lên sôi nổi và được công nhân, viên chức hưởng ứng nhiệt tình. Ngành đường sắt mới đây đã phát động phong trào xây dựng Khu nhà ga văn hóa với những nội dung tiêu chuẩn cụ thể và khá toàn diện.

Như vậy, đưa văn hóa vào chính bản thân quá trình lao động sản xuất và hoạt động nghiệp vụ là một giải pháp tạo nên sự tác động đa phương trong nếp lao động, lối tư duy và sinh hoạt hằng ngày của cán bộ, công nhân, viên chức.

Các chỉ tiêu văn hóa trong giờ làm việc được các cơ quan đơn vị chú ý xây dựng là :

+ Quy hoạch tổng thể nơi sản xuất, nơi làm việc, nơi giao tiếp và khu nghỉ ngơi giải trí, bảo đảm tính khoa học và tính văn hóa.

+ Bố trí hợp lý các phương tiện tuyên truyền trực quan như bảng tin, tủ ảnh, pa nô, áp phích, khẩu hiệu phục vụ trong công tác.

+ Hệ thống vệ sinh công cộng bảo đảm không để nước sinh hoạt và công nghiệp làm ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ Có các thiết bị phòng hỏa, chiếu sáng, hệ thống thông gió hút bụi, chống thấm ẩm để bảo đảm sức khỏe tới người lao động.

+ Cán bộ công nhân viên chức phải thực hiện nội quy trong cơ quan.

+ Quy định cụ thể trang phục, tác phong quan hệ giao tiếp cho các cán bộ, công nhân, viên chức. Phong trào xây dựng cơ quan văn hóa còn gắn với chỉ tiêu hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, kinh tế của đơn vị.

+ Phát huy dân chủ, không tham ô lãng phí, thực hành tiết kiệm, thực hiện cải cách hành chính cũng là một tiêu chuẩn của cơ quan văn hóa.

Nhiều cơ sở còn quan tâm đến việc tạo điều kiện học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công nhân, viên chức ; phát động phong trào đăng ký xây dựng gia đình văn hóa ; tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, công nhân, viên chức thực hiện Chỉ thị 27/CT-TU của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và trong các hoạt động đời sống.

Các hội thi tiếng hát cán bộ, công nhân, viên chức, thi tay nghề giỏi, thi giáo viên giỏi, thi tìm hiểu về Đảng, hoặc các hình thức hội thi mang tính chuyên đề đang được tổ chức tại nhiều ngành, nhiều cơ quan, doanh nghiệp đã thực sự lôi cuốn người lao động vào các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tăng cường mối giao lưu, tạo sự đoàn kết gắn bó giữa người lao động với nhau.

Các sinh hoạt thể thao, thi đấu giữa các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, nhằm nâng cao thể lực cho người lao động cũng là những nội dung sinh hoạt cần thiết.

Nhiều đơn vị còn có sáng kiến mở rộng hơn nữa các hình thức hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí cho người lao động như : tổ chức tham quan các di tích lịch sử danh thắng, tổ chức các câu lạc bộ sở thích để phát huy năng lực cũng như đáp ứng các nhu cầu cá nhân của con người như câu lạc bộ thơ ca, múa hát, câu lạc bộ phụ nữ, thanh niên, các sinh hoạt chuyên đề về thời sự, nghiệp vụ...

Còn rất nhiều những hình thức tổ chức và những nội dung phong phú về việc tổ chức hoạt động đời sống văn hóa ở cơ sở trong cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động mà thực tế đang mở ra. Điều quan trọng là người lãnh đạo, quản lý cơ quan, doanh nghiệp có nhận thức được đầy đủ ý nghĩa của hoạt động văn hóa tinh thần, vui chơi, giải trí đối với người lao động của mình hay không. Bên cạnh đó cần phải có sự đầu tư về cơ sở vật chất, có sáng kiến đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút nguồn lực cho sự nghiệp văn hóa ngay trong đơn vị công tác. Chính những lý giải đã được nêu ở trên qua một số điển hình về tổ chức xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở trong công nhân, viên chức và việc cần phải đặt văn hóa vào đúng tầm "Vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội" sẽ là những yếu tố để xây dựng và phát triển mỗi cơ quan, doanh nghiệp nói riêng và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước nói chung đi đến thành công. ❑

Digitized by Google

LUẬT DOANH NGHIỆP SAU MỘT NĂM THỰC HIỆN

PHAN THẾ HẢI

Luật Doanh nghiệp với 10 chương, 124 điều đã được kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa X thông qua ngày 12-6-1999 và có hiệu lực từ ngày 01-01-2000 là sự cụ thể hóa thành luật các quyết định quan trọng của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, trong đó quyền tự do kinh doanh theo pháp luật đã được Điều 57 của Hiến pháp 1992 khẳng định : Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, tiến tới xây dựng một luật duy nhất cho tất cả các loại hình doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp ra đời là kết quả của sự tổng kết thực tiễn phong phú 9 năm thực hiện Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân được ban hành năm 1990, đồng thời Luật cũng tham khảo, tiếp thu một cách sáng tạo kinh nghiệm của các nước khu vực và quốc tế trong xu thế mở cửa và hội nhập kinh tế của nước ta.

Điều 1 của Luật quy định phạm vi điều chỉnh đã thể hiện những nội dung mới quan trọng của Luật : *"Luật này quy định việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp doanh và doanh nghiệp tư nhân. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị - xã hội khi được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần thì được điều chỉnh theo luật này"*. Như vậy Luật này điều chỉnh phần lớn các loại hình doanh nghiệp (trừ hợp tác xã, tổ hợp tác và một số doanh nghiệp nhà nước).

Nhằm tạo điều kiện bình đẳng cho các doanh nghiệp trong hoạt động, phòng ngừa tình trạng sách nhiễu của các cơ quan quản lý nhà nước, Khoản 9, Điều 7 của Luật quy định : Doanh nghiệp được *"từ chối và tố cáo bất kỳ yêu cầu đóng góp, sách nhiễu nào ngoài luật pháp, trừ những quyên góp từ thiện và đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp"*.

Một tư tưởng lớn của Luật là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi công dân kinh doanh theo pháp luật, chuyển trọng tâm sự quản lý của nhà nước từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" và tổ chức quản lý giám sát của nhà nước cùng với xã hội, công luận theo nguyên tắc minh bạch, công khai. Nguyên tắc này đã tạo ra sự giám sát rộng rãi của xã hội cũng như khả năng có thông tin cần thiết của người muốn góp vốn vào doanh nghiệp, hạn chế những hành vi lợi dụng, lừa đảo của doanh nghiệp (như đã từng xảy ra ở các vụ án Minh Phụng, Epco, Huy Hoàng). Đây là một bước chuyển rất quan trọng trong tư duy quản lý nhà nước và cụ thể là tư duy xây dựng pháp luật ở nước ta.

Bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật chứ không phải chỉ được kinh doanh cái gì cho phép. Điều 90 của Luật chỉ liệt kê những đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp và quy định "tổ chức và cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp". Luật cũng nghiêm cấm việc dùng vốn ngân sách và tài sản nhà nước để kinh doanh nhằm mục đích tư lợi và có những hạn chế nhất định đối với một số chức danh quản lý nhà nước trong việc thành lập và thực hiện kinh doanh nhằm bảo đảm sự trong sạch của bộ máy nhà nước và ngăn chặn khả năng lạm dụng chức quyền vào mục đích tư lợi.

Luật đã bãi bỏ đòi hỏi về vốn pháp định một cách phổ biến đối với các ngành kinh doanh thông thường của luật hiện hành, chỉ đòi hỏi vốn pháp định đối với các ngành nghề nhất định do pháp luật quy định như : ngân hàng, bảo hiểm. Mặt khác, luật đòi hỏi các doanh nghiệp phải đăng ký trung thực và công bố công khai vốn kinh doanh. Đây cũng là một tiến bộ lớn, sự tổng kết thực tiễn cho thấy, quy định về vốn pháp định không làm tăng thêm sự bảo đảm trong kinh doanh, mà lại mở ra khả năng lạm dụng, sách nhiễu, thậm chí thông đồng cho các hành vi lừa đảo, khai man vốn pháp

Digitized by Google

định, hoặc rút vốn sau khi đã đăng ký vốn pháp định. Bài học từ những trò lừa đảo qua những vụ án lớn vừa qua đã được tổng kết kịp thời và thể hiện tinh thần đó vào luật. Những quy định về kiểm tra có tính chất sách nhiễu gây phiền hà, kém hiệu lực đã được bãi bỏ, thay vào đó là sự "hậu kiểm" với sự giám sát rộng rãi của quần chúng, các phương tiện thông tin đại chúng và của các nhà chức trách.

Về phía doanh nghiệp, công khai hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của mình được coi là nghĩa vụ bắt buộc, người đăng ký kinh doanh phải chịu trách nhiệm kê khai "chính xác, trung thực". Đặc biệt là đối với những doanh nghiệp đang niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Mặt khác, doanh nghiệp "được tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành nghề không bị pháp luật cấm". Luật phân biệt ngành nghề kinh doanh có điều kiện và những ngành nghề đòi hỏi có "vốn pháp định hoặc giấy phép hành nghề". Điều 12 quy định "cơ quan đăng ký kinh doanh không có quyền yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm các hồ sơ, giấy tờ khác ngoài quy định của luật này". Cơ quan đăng ký kinh doanh không chịu trách nhiệm về nội dung kê khai, mà chỉ chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký kinh doanh. Quy định này đã làm giảm hẳn một số khâu trong quá trình ra quyết định cho phép thành lập doanh nghiệp, hạn chế sự tùy tiện, đòi hỏi thêm các hồ sơ, giấy tờ vẫn đang diễn ra khá phổ biến trong thực tế. Quy định này cũng nhằm phân biệt rõ ràng quyền tự do kinh doanh của mọi tổ chức, công dân với quyền được hành nghề trong một số lĩnh vực cần thiết đòi hỏi tổ chức cá nhân kinh doanh phải có những điều kiện nhất định hay có chứng chỉ hành nghề. Tuy nhiên không vin cớ bảo đảm an toàn cho xã hội mà gây khó khăn cho người thành lập doanh nghiệp, giảm bớt các thủ tục phiền hà không cần thiết trong quá trình cấp đăng ký kinh doanh.

Luật cũng đã mở ra loại hình doanh nghiệp mới là công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ nhằm tạo ra khung khổ pháp lý thích hợp điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp khác nhau. *Công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ* là loại hình tổ chức thích hợp để chế định các doanh nghiệp nhà nước được công ty hóa, các doanh nghiệp của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức chính trị - xã hội được công ty hóa.

Một số kết quả ban đầu

Tuy mới được một năm, nhưng với tư tưởng cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính, được sự chỉ đạo sâu sát của Chính phủ, Luật Doanh nghiệp đã đi vào đời sống kinh tế - xã hội nước ta một cách khá toàn diện, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn cả lĩnh vực chính trị - xã hội, đối ngoại và là bước đột phá về cải cách hành chính. Những kết quả nổi bật được thể hiện cụ thể ở một số điểm sau đây :

Số doanh nghiệp mới thành lập tăng lên nhanh chóng. Theo kết quả thống kê của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, đến cuối năm 2000, đã có khoảng 13 500 doanh nghiệp mới được thành lập theo Luật Doanh nghiệp với số vốn đăng ký khoảng 13 000 tỉ đồng (tương đương 900 triệu USD) chiếm khoảng 10% vốn đầu tư của toàn xã hội, tăng hơn gấp ba lần số doanh nghiệp được thành lập mới năm 1999 (là 3 601, với số vốn đăng ký gần 5 900 tỉ đồng). Điều đáng lưu ý là đã có hơn 500 công ty cổ phần mới được thành lập, nhiều hơn toàn bộ các công ty cổ phần đã được thành lập trong 9 năm về trước. Ngoài ra đã có 2 công ty hợp doanh được thành lập. Đây là loại hình tổ chức kinh doanh mới xuất hiện lần đầu ở nước ta.

Số doanh nghiệp mới được thành lập chủ yếu vẫn tập trung ở các thành phố lớn. Hơn 70% là ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa như Bắc Cạn, Lai Châu, Hà Giang... trong thời gian 9 năm (1991 - 1999) trước khi có Luật Doanh nghiệp số lượng doanh nghiệp được thành lập là không đáng kể thì trong năm qua cũng đã có hàng chục doanh nghiệp mới ra đời.

Về ngành nghề kinh doanh đăng ký thì số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh trong nông - lâm nghiệp, thủy sản và khai khoáng chiếm khoảng 7%, công nghiệp chế biến chiếm 15%, xây dựng 12%, sản xuất, phân phối điện, khí và nước 3% ; khách sạn, nhà hàng 3% ; thương mại, sửa chữa xe và đồ dùng sinh hoạt 32% ; dịch vụ khác 22%. So với trước đây đã có những thay đổi đáng lưu ý, doanh nghiệp dần dần chuyển sang các ngành sản xuất và chế biến nông - lâm nghiệp và một số dịch vụ mới (như phát hành báo chí, tin học...) xuất hiện nhiều hơn. Trong khi đó, lĩnh vực khách sạn, nhà hàng đã giảm một cách đáng kể (3% so với 13% trước đây).

Digitized by Google

Số doanh nghiệp mới được thành lập với vốn đăng ký bằng tiền chiếm đa số. Do Luật đã bãi bỏ đòi hỏi vốn pháp định một cách phổ biến đối với các ngành kinh doanh thông thường cho nên, có thể nói, đây là số vốn thực, không phải là vốn giả tạo như thời kỳ trước, phần đầu tư bằng hiện vật chỉ là chuyển tài sản từ dạng phi sản xuất không sinh lợi sang tài sản đầu tư sinh lợi.

Việc ra đời nhiều doanh nghiệp đã góp phần tạo thêm được công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, góp phần không nhỏ giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc. Theo báo cáo của hơn 40 sở kế hoạch và đầu tư, thì mỗi doanh nghiệp mới thành lập đã sử dụng bình quân 20 lao động, thu nhập bình quân của người lao động khoảng 300 - 400 ngàn đồng/tháng ở khu vực nông thôn và từ 500 - 700 ngàn đồng/tháng ở khu vực thành thị. Như vậy, số doanh nghiệp mới ra đời trong năm qua đã tạo ra khoảng 250 000 chỗ làm việc mới. Đó là chưa kể đến số việc làm mới được tạo ra bởi hàng chục nghìn hộ kinh doanh cá thể mới đăng ký trong cả nước và các lao động cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp mới ra đời chưa được thống kê đầy đủ. Có thể nói rằng, các doanh nghiệp mới ra đời theo Luật Doanh nghiệp và các hộ kinh doanh cá thể đã và đang là nguồn chủ yếu tạo ra chỗ làm việc mới cho người lao động, góp phần không nhỏ vào việc cải thiện đời sống và giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội.

Việc thực hiện Luật Doanh nghiệp thực sự là một khâu đột phá, đồng thời là nội dung quan trọng của công cuộc cải cách hành chính. Cơ chế "xin - cho", một đặc điểm của thời kỳ chuyển đổi đã bước đầu thu hẹp. Theo điều tra mới đây của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, thời gian cần thiết để thành lập doanh nghiệp trước năm 2000 là 98 ngày thì nay xuống còn 7 ngày, nhiều nơi đã rút xuống còn 2 ngày, so với thời hạn 15 ngày theo luật định. Chi phí bằng tiền để thành lập doanh nghiệp trước đây hơn 8 triệu đồng nay giảm xuống còn 550 ngàn đồng. Như vậy, nhờ đơn giản hóa thủ tục, các cơ quan quản lý nhà nước đã tiết kiệm cho các doanh nghiệp mới được thành lập trong năm nay khoảng 80 tỉ đồng chi phí. Việc Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ 84 loại giấy phép con đã tiết kiệm trung bình cho mỗi doanh nghiệp hằng năm khoảng 4,5 triệu đồng và 21 ngày đối với người điều hành doanh nghiệp.

Cái được lớn nữa của Luật Doanh nghiệp là quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của công dân được thể chế hóa. Nhờ đó, mọi tổ chức, cá nhân muốn thành lập doanh nghiệp đều được phục vụ một cách kịp thời và nhanh chóng. Trước đây, không ít người đã có ý định thành lập doanh nghiệp nhưng trong mấy năm liền họ không thực hiện được do thủ tục xin giấy phép rườm rà và những yêu cầu mập mờ khó đáp ứng của các nhà chức trách. Sau khi đó Luật Doanh nghiệp, việc xin thành lập công ty của họ trở nên thuận lợi và nhanh chóng hơn nhiều.

Những tư tưởng thông thoáng của Luật Doanh nghiệp cũng đã tạo cho doanh nghiệp quyền chủ động kinh doanh, tận dụng được cơ hội kinh doanh, khích lệ tinh thần kinh doanh, khuyến khích sáng tạo và linh hoạt trong kinh doanh của doanh nghiệp. Những chuyển biến tích cực trong việc cải cách thủ tục hành chính không những được các doanh nghiệp trong nước hoan nghênh mà còn được các doanh nghiệp và các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao.

Một số vấn đề phát sinh

Luật Doanh nghiệp đã được nhiều chuyên gia hàng đầu về kinh tế phân tích các khía cạnh khác nhau về tư tưởng đổi mới của Luật. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Luật Doanh nghiệp vẫn còn không ít khó khăn cản trở : hệ thống văn bản pháp luật về kinh doanh chưa đồng bộ, kỷ luật hành chính chưa nghiêm ; sức ỳ của bộ máy hành chính các cấp và của một bộ phận công chức còn lớn. Không ít công chức trong bộ máy công quyền vẫn còn tỏ ra mơ hồ, xa lạ với những tư tưởng của Luật. Vẫn còn tình trạng gây phiền hà, sách nhiễu đối với cơ sở, chưa chủ động thay đổi phương thức quản lý nhà nước cho phù hợp với chủ trương cải cách hành chính. Không ít ý kiến cho rằng, cần phải khôi phục lại một số giấy phép (trên thực tế không còn phù hợp) đã bị bãi bỏ, một số quan chức còn gây khó khăn, đặt điều kiện trong việc cấp giấy phép hành nghề... Đây là những hành vi xảy ra trái hẳn với tư tưởng của Luật Doanh nghiệp buộc Chính phủ phải trực tiếp can thiệp.

Vấn đề mới nổi lên trong quá trình thi hành Luật Doanh nghiệp là tiếp tục bổ sung, sửa đổi và

Digitized by Google

xây dựng các quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, với các chuẩn mực quốc tế và khu vực. Khắc phục tình trạng lạm phát các quy định, một số quy định còn chồng chéo, không rõ ràng, chưa hợp lý và không khả thi, đang tạo ra những cản trở lớn đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xử lý những vấn đề trên đòi hỏi phải có thời gian và những trải nghiệm của thực tiễn trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước khu vực.

Điều quan trọng là Chính phủ vẫn tiếp tục coi việc chỉ đạo và triển khai thực hiện đầy đủ nội dung và tinh thần của Luật Doanh nghiệp là một nhiệm vụ trọng tâm với mục tiêu *"tiếp tục duy trì và thúc đẩy quá trình chuyển đổi, ngăn chặn nguy cơ chững lại hoặc phục hồi lại cơ chế "xin cho" dưới hình thức khác"*. Để đạt được mục tiêu trên, các bộ, cơ quan có liên quan cần triển khai thực hiện tốt một số nội dung và biện pháp sau đây :

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, triệt để luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn đã ban hành ; khắc phục được sự chậm trễ cũng như tình trạng làm chưa đúng, thậm chí trái với nội dung và tinh thần của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành trong phạm vi ngành hoặc địa phương ; xây dựng và hoàn thành về cơ bản hệ thống thông tin về doanh nghiệp nối mạng thống nhất trong cả nước.

- Ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, đặc biệt là quy chế về cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ pháp lý, khám chữa bệnh và kinh doanh dược phẩm, dịch vụ thú y và kinh doanh thuốc thú y, dịch vụ thiết kế công trình và nghị định chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Giải quyết kịp thời một số vướng mắc sau đăng ký kinh doanh như thủ tục khắc dấu, mã số thuế, thủ tục thu và nộp mã số xuất nhập khẩu, đơn giản hóa thủ tục giao đất và cho thuê đất, cải tiến cơ chế tín dụng để các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tiếp cận thuận lợi với các nguồn vốn tín dụng.

- Từng bước đổi mới công tác thanh tra kiểm tra doanh nghiệp, nhất là tổ chức việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra, thanh tra nhằm giảm bớt phiền hà cho doanh nghiệp đồng thời nâng cao được hiệu lực quản lý nhà nước, tiến tới nghiên cứu bổ sung, sửa đổi các quy định có liên quan về thanh tra, kiểm tra cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và tình hình thực tế.

- Tiếp tục rà soát để bãi bỏ các loại giấy phép không còn phù hợp với thực tế, đẩy nhanh và có hiệu quả công tác rà soát văn bản pháp luật về kinh doanh để xác định các văn bản đã hết hiệu lực thi hành, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, chồng chéo, mâu thuẫn với nhau ; hoặc có sự sửa đổi, bổ sung cần thiết cho phù hợp với thực tế.

- Tiếp tục tuyên truyền phổ biến Luật Doanh nghiệp, giúp người đầu tư, cán bộ quản lý và cán bộ công chức nhà nước hiểu sâu hơn, đầy đủ hơn nội dung và tinh thần của Luật Doanh nghiệp. Từ đó, làm cho doanh nghiệp hiểu và ý thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc kiểm tra nội bộ và tự bảo vệ lấy lợi ích chính đáng của họ ; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến quản lý nội bộ, sửa đổi điều lệ công ty đáp ứng được các yêu cầu công khai, minh bạch, dân chủ, sáng tạo trong công tác quản lý nội bộ công ty.

Về phía doanh nghiệp cũng nên tìm hiểu và nắm rõ Luật để có thể bảo vệ được các quyền lợi chính đáng cho mình, trên cơ sở đó giám sát việc thực thi của các cơ quan nhà nước, đồng thời tự mình chủ động thực hiện nghiêm chỉnh các chế tài mà Luật Doanh nghiệp đã ban hành. Không nên nhầm lẫn việc bỏ giấy phép với việc bỏ cả quy định về điều kiện kinh doanh. Đặc biệt là việc tự đổi mới và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ để không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh, nghiêm chỉnh chấp hành luật và sẵn sàng tham gia vào quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Một năm thi hành Luật Doanh nghiệp đã đánh dấu những chuyển biến to lớn trong việc cải cách thủ tục hành chính, một nhân tố quan trọng để chúng ta phát huy nội lực, hoàn thiện môi trường kinh doanh, từng bước thể chế hóa các chính sách quản lý doanh nghiệp phù hợp với xu thế mở cửa và hội nhập. Tuy nhiên, cũng như bất cứ một bộ luật nào, để Luật Doanh nghiệp thực sự trở thành một công cụ đắc lực của bộ máy công quyền, phải tổng kết thực tiễn để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với những yêu cầu sinh động của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. ❑

Digitized by Google

KHOẢNG CÁCH

NGUYỄN TRUNG THỰC

"CHÚNG tôi thân nhau từ thuở hàn vi. Hồi ấy - thời bao cấp và chiến tranh - bọn sinh viên chúng tôi sống khó khăn và cực nhọc lắm. Ấy thế nhưng rất vui. Bọn trẻ chúng tôi sống vô tư, vượt trên khó khăn và đều khát khao được cống hiến. Là những sinh viên, khi tốt nghiệp, hầu như tất cả chúng tôi (kể cả các bạn nữ) đều ghi nguyện vọng *số một* là được đi B (vào chiến trường miền Nam). Ai trúng tuyển đều coi đó như một đặc ân mà không hề nghĩ rằng mình sắp phải bước vào một cuộc trường chinh đầy khó khăn, gian khổ.

Tôi và anh đều *"trượt"*. Nghĩa là nguyện vọng được đi B của chúng tôi không thành. Sau đó, cũng thật tình cờ, tôi và anh đều được phân về công tác ở cùng một cơ quan. Thời sinh viên, chúng tôi chia nhau từng củ sắn, củ khoai. Còn bây giờ là cán bộ, là đồng nghiệp, chúng tôi lại cùng san sẻ với nhau từng niềm vui và nỗi buồn, cùng động viên nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ở đời, cái chuyện thân nhau từ khi còn mặc quần hở đũng, nhưng lớn lên, người trở thành *Hoàng đế*, kẻ chỉ là *thứ dân* cũng là chuyện bình thường. Tôi với anh là như vậy. Mặc dù rất thân nhau, thương nhau nhưng trong công việc, trong sự nghiệp không thể lúc nào cũng "dàn hàng ngang cùng tiến". Anh có năng lực hơn tôi, khả năng phát triển tốt hơn, tôi mừng. Tôi có khó khăn, khả năng phát triển kém, anh tỏ ra không vui và thường động viên, an ủi. Hai chúng tôi như hai chiến sĩ ngoài mặt trận ; người thì không nỡ để bạn mình bị thương phải nằm lại ; kẻ thì hối thúc bạn mình phải tiến lên, phải chớp lấy thời cơ để giành chiến thắng. Chính vì thế mà chúng tôi càng thân nhau, càng hiểu nhau hơn.

Trong quá trình công tác, anh liên tục thăng tiến, còn tôi thì chững lại. Và sau 20 năm, anh trở thành thủ trưởng của cơ quan, còn tôi chỉ là một chuyên viên bình thường. Khoảng cách về cấp bậc và chức vụ giữa chúng tôi khá xa, thậm chí rất xa. Tuy nhiên, cả hai chúng tôi đều biết mình phải xử lý cái khoảng cách ấy như thế nào cho thỏa đáng. Đối với tôi, mặc dù là bạn bè nhưng anh là thủ trưởng vì thế tôi hết sức thận trọng từ cách xưng hô đến quan hệ giao tiếp, ứng xử. Trong công việc tôi gọi anh là *"thủ trưởng"* xưng *"tôi"* chứ không "mày tao" hoặc "tớ tớ, cậu cậu" như xưa nữa. Đi ô tô cùng với anh, bao giờ tôi cũng mở cửa xe mời thủ trưởng vào trước, sau đó mới đến lượt mình. Đi công tác cùng với anh, tôi thường xuyên xách giúp thủ trưởng chiếc cặp da cho dù anh không đồng ý. Và, đặc biệt, trước các quan khách, tôi không bao giờ tự giới thiệu trước đây tôi và anh cùng học một lớp, một trường. Tôi ứng xử như thế không phải để nịnh anh mà cốt để cho "quan trên trông xuống", "người ta trông vào". Vả lại, lúc nào cũng bỗ bã thì người bị coi khinh trước hết là tôi. Vì thế, tôi quyết giữ một *khoảng cách cần thiết*. Còn anh thì ngược lại. Anh quyết xóa bỏ cái khoảng cách ấy. Một lần được tháp tùng anh đi công tác dài ngày ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Đi đến tỉnh nào anh cũng giới thiệu với các quan chức của tỉnh rằng anh là bạn học của tôi, rằng chúng tôi thân nhau từ thuở hàn vi. Có lần đi thăm một nông trường cà phê, anh tự giương ô che nắng cho tôi. Còn tôi thì kiên quyết từ chối, giành lấy chiếc ô và che nắng cho cả hai. Sau đó tôi ghé vào anh nói nhỏ : "Ông đừng làm thế ; thiên hạ họ sẽ cười tôi là *vô văn hóa*". Sau này khi biết rõ ngọn ngành về quan hệ thân quen giữa chúng tôi, một đồng chí thủ trưởng tỉnh đã nhận xét : "Cả hai ông đều ứng xử có văn hóa". Chỉ cần như thế ! Đồng chí đã hiểu rõ và đánh giá đúng về chúng tôi".

Trên đây là chuyện mà anh bạn tôi kể về bản thân mình. Tôi đã xin phép anh được ghi lại để gửi đăng báo và qua đó đề cập tới một hiện tượng xã hội khá phổ biến hiện nay như : Có một số người lúc nào cũng khoe mình là *"bạn thân"* của ông bộ trưởng này, ông Ủy viên Trung ương nọ, hay được Thủ tướng và một đồng chí Cố vấn "mời cơm thân mật"... Lại có những người là bạn của nhau, "bằng vai phải lứa", vừa mới lên chức trưởng một đơn vị nào đó đã tự tạo ra một khoảng cách giữa mình với bạn bè và các cộng sự. Có người trước đây anh ta gọi là *"chị"* xưng *"em"* bây giờ chuyển gam gọi là *"cô"* xưng *"tôi"*. Và, nhất loạt đối với các nhân viên khác anh ta đều gọi là *"các cô"*, *"các cậu"*. Từ nói năng đến cách đi đứng anh ta đều cố ý làm cho mọi người dễ dàng nhận ra mình là thủ trưởng.

Đời là thế ! Tôi chỉ nêu lên hiện tượng, còn phán xét như thế nào là quyền của bạn đọc. ❑

Digitized by Google

DIỄN ĐÀN KINH TẾ ĐA-VỐT NĂM 2001 VÀ LÀN SÓNG PHẢN ĐỐI TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY

HOÀNG GIÁP *

Ở vào thời điểm mở đầu thiên niên kỷ mới, Diễn đàn kinh tế thế giới lần thứ 31 vừa diễn ra đã trở thành một sự kiện thu hút mối quan tâm rộng rãi của công luận quốc tế do sự liên quan của nó đến tiến trình toàn cầu hóa sôi động hiện nay. Được thành lập từ năm 1971, Diễn đàn kinh tế thế giới hàng năm họp tại Đa-vốt (Thụy Sĩ, nên còn gọi là Diễn đàn kinh tế Đa-vốt). Có thể coi đây là một thể chế độc lập với các tổ chức quốc tế khác, trong đó các chính khách, các nhà kinh doanh, các học giả thảo luận và đề xuất chính sách đối với những vấn đề kinh tế thế giới và những vấn đề có liên quan. Ngay sau khi mới ra đời, Diễn đàn kinh tế Đa-vốt đã nhanh chóng đóng vai trò một động lực quan trọng thúc đẩy các chính sách tự do hóa thương mại, trở thành nơi tụ họp của hơn 1000 công ty và tập đoàn kinh tế lớn nhất thế giới. Tham dự diễn đàn lần thứ 31 năm nay có tới hơn 3 200 thành viên, trong đó có lãnh đạo cao cấp nhất của 30 quốc gia và những nhân vật danh tiếng nhất của nền kinh tế thế giới, cũng như đại diện của các tổ chức phi chính phủ và các học giả. Đây cũng là dịp để chính phủ các nước mới hội nhập vào nền kinh tế thế giới tự quảng bá cho chính sách kinh tế của mình và kêu gọi nguồn đầu tư nước ngoài.

Khác với mọi năm, lần này tại Diễn đàn kinh tế Đa-vốt nổi lên vai trò tích cực của một số nước như Nga, Ấn Độ và nhiều nước đang phát triển khác. Trong khi đó, các cường quốc kinh tế hàng đầu lại tỏ ra thụ động và dường như có phần mờ nhạt. Thậm chí, tân Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ còn đang tất bật với việc thành lập nội các mới đã không cử đại diện đến dự Diễn đàn. Xung quanh Diễn đàn kinh tế Đa-vốt năm 2001 cũng xuất hiện nhiều nét mới. Trước hết, chương trình nghị sự và chủ đề của diễn đàn mang đậm màu sắc xã hội hơn. Diễn đàn đặt trọng tâm thảo luận vào các vấn đề duy trì tăng trưởng, thu hẹp khoảng cách giữa các nước và xây dựng lộ trình cho phát triển kinh tế trong tương lai chứ không phải là thúc đẩy tự do hóa thương mại cũng như các vấn đề về chính trị, an ninh thế giới và khu vực như mọi năm.

Và điều đáng chú ý hơn là chưa bao giờ tại Hội nghị của Diễn đàn kinh tế Đa-vốt, vốn được xem là nơi khởi xướng và thúc đẩy tự do hóa thương mại và toàn cầu hóa, người ta lại nói nhiều đến mặt trái của quá trình này nhiều như thế. Cũng chưa bao giờ ở bên ngoài Hội nghị lại diễn ra các cuộc biểu tình rầm rộ phản đối toàn cầu hóa quyết liệt đến như thế. Tại nơi diễn ra Hội nghị, có rất nhiều người đã từng xuống đường biểu tình ở Xi-a-tơn phản đối toàn cầu hóa, nhân Hội nghị của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), nay lại có mặt tại Đa-vốt. Nhưng đáng ngạc nhiên hơn cả là lần đầu tiên có hẳn cả một "Diễn đàn xã hội" hay còn gọi là diễn đàn chống Đa-vốt diễn ra cách đó 1/4 vòng trái đất ở Poóc-tô A-lê-gri (Bra-xin). Tuy không có mục tiêu làm đảo lộn chương trình nghị sự như các cuộc biểu tình trước đây đã làm bên Hội nghị của WTO tại Xi-a-tơn, nhưng "Diễn đàn xã hội" đầu tiên này lại tỏ ra có hiệu quả hơn nhiều. Nó được đánh giá như mốc khai sinh của một phong trào quốc tế mới chống lại những bất công do quá trình toàn cầu hóa gây ra.

Đề cập đến quá trình toàn cầu hóa kinh tế sôi động hiện nay, nhiều đại biểu đã khẳng định rõ hệ quả mang tính hai mặt cùng với những nghịch lý khó lường của nó. Đoàn đại biểu Việt Nam do Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm dẫn đầu đã tích cực tham gia dự Hội nghị. Phát biểu tại Diễn đàn, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm nhấn mạnh : "Trong điều kiện toàn cầu hóa, khi xảy ra những đổ vỡ, khủng hoảng, các nước nhỏ, các nước nghèo bị ảnh hưởng nhiều nhất.

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Hệ quả tiêu cực này khiến cho tình hình phát triển toàn cầu bất ổn định, tác động đến toàn nhân loại. Bởi vậy, các nước giàu cũng như các công ty xuyên quốc gia không thể thoái thác trách nhiệm trong việc hỗ trợ các nước nghèo để các nước này cùng có cơ hội phát triển ; đồng thời bảo đảm phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu khi cả nhân loại đang bước vào thiên niên kỷ mới". Chủ tịch Ngân hàng thế giới (WB) G. Pa-kin-xơn cho rằng : "Để chấm dứt thái độ phản đối toàn cầu hóa đang diễn ra trên khắp thế giới, điều cần thiết là phải giải quyết triệt để nạn nghèo đói, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo đang ngày càng trầm trọng trên thế giới". Theo ông, hiện tại có tới 80% dân số thế giới tức là 4,8 tỉ người chỉ nắm giữ khoảng 20% thu nhập của thế giới. Tổng thống Nam Phi Tha-bô Mơ-bê-ki - là nguyên thủ quốc gia lên án mạnh mẽ nhất trật tự kinh tế mới trong đó thế giới bị phân làm hai cực giàu nghèo rõ rệt. Còn Tổng thống Tan-da-ni-a, Ben-gia-min Mô-ka-ta thì cho rằng : "Đã có những bằng chứng rõ ràng chứng tỏ toàn cầu hóa chỉ đem lại sự cô lập hơn là hội nhập, nghèo đói hơn là lợi ích. Liệu các nước phát triển có thực sự muốn chia sẻ lợi ích mà họ thu được từ quá trình toàn cầu hóa với các nước nghèo hay không ?". Bộ trưởng Tài chính Ấn Độ, Y. Oa-sin-ga, sau khi phân tích tác động của toàn cầu hóa và xu hướng gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các nước đã kết luận : "Đã đến lúc các nước phát triển phải nhận ra rằng các nước đang phát triển cũng có sức mạnh riêng của mình. Chúng tôi không tìm kiếm lòng từ thiện, cái mà chúng tôi cần đó là cơ hội bình đẳng".

Những phát biểu trên đây thể hiện rõ mối quan tâm chung của các nước đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đối với họ, toàn cầu hóa tạo ra nhiều thách thức hơn là cơ hội có thể thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa các nước đang phát triển với các nước phát triển. Người ta thường hay nhắc đến những nguyên nhân gây ra sự thua thiệt cho các nước nghèo, chẳng hạn các nước này không được chuẩn bị kỹ khi tham gia quá trình toàn cầu hóa ; không có đủ đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, không bắt kịp với sự phát triển của khoa học - công nghệ hiện đại trên thế giới v. v... Nhưng có một yếu tố chủ quan mà các nước phát triển không hề nhắc tới đó là tiếng nói của các nước đang phát triển thường không được tính đến và họ chưa bao giờ được tham gia một cách bình đẳng vào việc hoạch định những chính sách kinh tế toàn cầu. Từ cách tiếp cận này, phần nào có thể lý giải được vì sao một làn sóng phản đối mạnh mẽ những bất công và những mặt trái của quá trình toàn cầu hóa đã và đang diễn ra trong thời gian qua cũng như hiện nay.

Tại Diễn đàn kinh tế Đa-vốt năm 2001, một nội dung khác cũng được bàn luận khá sôi nổi, đó là công nghệ thông tin. Lĩnh vực này vốn được coi là nền tảng của sắc thái kinh tế mới - kinh tế tri thức trong thế kỷ XXI. Trong các phát biểu của các đại biểu, một câu hỏi lớn tiếp tục được đặt ra : Liệu công nghệ thông tin có giúp thu hẹp khoảng cách về kinh tế - xã hội giữa các nước và ngay chính trong một nước hay không ? Câu trả lời khẳng định luôn được gắn với điều kiện nếu như các quốc gia biết nắm bắt cơ hội, biết tận dụng các thành tựu khoa học - công nghệ để tạo ra các bước bứt phá trong phát triển kinh tế. Làm trái lại, cơ hội ấy sẽ biến thành những thách thức rất lớn đẩy các nước vào tình trạng tụt hậu, đặc biệt là đối với các nước nghèo và đang phát triển. Thực tế cho thấy, hiện vẫn còn hàng tỉ người nghèo, mù chữ trên thế giới không được tiếp cận với công nghệ thông tin. Cho nên, một mặt cuộc cách mạng công nghệ thông tin có thể giúp thế giới xích lại gần nhau hơn ; nhưng mặt khác nó lại tạo ra hố ngăn cách mới trong cơ hội tiếp cận với nó. Chính ông chủ của hãng phần mềm máy tính lớn nhất thế giới Mai-crô-xốp Bin Ghết cũng đã phải thừa nhận rằng : "Cái mà hai tỉ người nghèo khổ nhất thế giới cần, đó là lương thực và sự chăm sóc y tế chứ không phải là vi tính".

Cho đến nay, kết quả của Diễn đàn kinh tế Đa-vốt năm 2001 được đánh giá dưới nhiều góc độ khác nhau. Song dư luận báo chí quốc tế về cơ bản chia sẻ quan điểm chung khi cho rằng Diễn đàn đã hướng vào những vấn đề thiết thực hơn và không bị biến thành pháo đài của các giáo lý toàn cầu. Tuy nhiên, điều đó cũng không làm giảm bớt sự bất bình của những người phản đối Diễn đàn này. Họ cho rằng, tại đây người ta triết lý rất hay về đạo lý kinh doanh, nhưng sau đó lại hành động theo phương châm "Kinh doanh để kiếm lời bằng mọi giá". Hiện đã có tới 10 tổ chức phi chính phủ vốn được Diễn đàn kinh tế Đa-vốt mời tham dự Hội nghị thường niên năm nay đe dọa sẽ không tiếp tục tham gia Diễn đàn này nữa. Họ phản đối gay gắt việc các cuộc biểu tình chống toàn cầu hóa bị trấn áp trên đất Thụy Sĩ. Những người tổ chức Hội nghị vẫn tìm mọi cách tránh xa những người biểu tình và không cần nghe tiếng nói của họ. Quân đội và cảnh sát bảo vệ Hội

Digitized by Google

nghị được trang bị như sẵn sàng ra trận v.v... Những hình ảnh đó hoàn toàn trái ngược với thông điệp mà Hội nghị lần này muốn gửi tới thế giới là thu hẹp khoảng cách và đối thoại với công chúng.

Có thể nói, Diễn đàn kinh tế Đa-vốt năm nay có lẽ không được dư luận thế giới quan tâm nhiều đến thế, nếu như ở bên kia bán cầu tại Bra-xin không diễn ra một diễn đàn phản đối toàn cầu hóa khổng lồ đầu tiên mang tên Diễn đàn xã hội thế giới. Sự xuất hiện của Diễn đàn này thực sự tiếp thêm nguồn sinh lực và đưa phong trào chống toàn cầu hóa sang một giai đoạn phát triển mới có quy mô và tổ chức hơn, không chỉ dừng lại với những cuộc xuống đường mang nặng tính tự phát như trước đây.

Tổ chức xã hội mang tên ATAD của Pháp đã đóng vai trò người khởi xướng ý tưởng cho sự ra đời của Diễn đàn xã hội thế giới với những cuộc xuống đường phản đối việc các nước thuộc Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế (OECD) đã ký kết một thỏa thuận mang tên "thỏa thuận đa phương" về đầu tư vào đầu năm 1998. Các nước công nghiệp phát triển muốn biến thỏa thuận đa phương thành một bản Hiến pháp của thế giới tư bản, tạo cho họ có mọi quyền lợi ; đặc biệt là quyền tiến hành đầu tư tại các nước thuộc thế giới thứ ba. Tiếp theo sự phản kháng của ATAD, một loạt tổ chức xã hội khác cũng đồng loạt xuống đường chống lại sự lũng đoạn thế giới của các trùm tư bản.

Tháng 2 năm 2000, đại diện của 8 tổ chức phi chính phủ và các nghiệp đoàn đã nhóm họp tại thành phố Xao Pao-lô của Bra-xin và cùng nhau ký kết thỏa thuận chính thức thành lập Diễn đàn xã hội thế giới hàng năm và sẽ họp đúng vào thời điểm diễn ra Hội nghị thường niên của Diễn đàn kinh tế thế giới tại Đa-vốt. Đây sẽ là nơi để các tổ chức phi chính phủ, các phong trào xã hội cũng như các nghiệp đoàn trao đổi kinh nghiệm, thiết lập những dự án kinh tế - xã hội nhằm thực hiện mục tiêu của diễn đàn là xây dựng một thế giới mới có công bằng xã hội. Diễn đàn này cũng là nơi tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các nước đang phát triển (hợp tác Nam - Nam) và xúc tiến quan hệ Bắc - Nam.

Có rất nhiều lý do để thành phố Poóc-tô Alê-gri của Bra-xin được chọn làm nơi tổ chức Diễn đàn xã hội thế giới hàng năm. Trước tiên, theo đánh giá của Liên hợp quốc, Bra-xin là nước mà khoảng cách giàu, nghèo thể hiện rõ rệt nhất. Bra-xin cũng là nơi mà phong trào chống toàn cầu hóa, chống lại sự bất công của xã hội diễn ra rất mạnh mẽ. Nhờ có những kinh nghiệm phong phú trong việc tổ chức các phong trào quần chúng nên Bra-xin được chọn làm nơi tổ chức Hội nghị Diễn đàn xã hội thế giới đầu tiên. Số lượng người tham gia Diễn đàn này đã vượt quá mức dự đoán của những người tổ chức. Theo dự kiến, sẽ có 2500 người đến dự Diễn đàn, nhưng trên thực tế đã có tới hơn 10 000 đại biểu từ 120 nước tham dự cùng hơn 1000 nhà báo. Tuy Diễn đàn xã hội thế giới Poóc-tô Alê-gri không đưa ra một bản tuyên ngôn quan trọng nào, nhưng đây sẽ là bước khởi đầu của một giai đoạn mới trong việc khẳng định vai trò của các tổ chức xã hội thế giới trong cuộc đấu tranh chống mặt trái của quá trình toàn cầu hóa. Mục tiêu đầu tiên của Diễn đàn xã hội thế giới về cơ bản đã thành công : Đó là nâng cao nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về toàn cầu hóa cũng như phát triển mạng lưới hoạt động chống lại những mặt tiêu cực của quá trình này. Diễn đàn đã nhận được sự hậu thuẫn tích cực của khoảng 500 nghị sĩ đại diện cho hơn 100 quốc gia từ cả 5 châu lục có mặt tại Diễn đàn về quyết định thành lập một mạng lưới nghị viện quốc tế ủng hộ đối với các phong trào xã hội và quần chúng phản đối toàn cầu hóa.

Việc tổ chức một Diễn đàn xã hội thế giới và Diễn đàn nghị viện quốc tế cùng thời điểm với Diễn đàn kinh tế thế giới là sự kiện nổi bật trong lịch sử của các phong trào xã hội hiện nay. Có thể nói rằng, sự ra đời của tổ chức quốc tế mới này trở thành một tác nhân quan trọng góp phần điều chỉnh quá trình toàn cầu hóa vốn được xem là dòng chảy chính của đời sống thế giới hiện nay để cho quá trình ấy mang tính nhân bản hơn. Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả tất yếu của thời đại bùng nổ thông tin và tiến bộ khoa học - công nghệ. Do vậy, việc nắm bắt một cách thấu đáo và toàn diện xu thế đó để chủ động tham gia, tiếp cận, thích nghi là một đòi hỏi mang tính sinh tồn đối với vận mệnh - tiền đồ của mọi quốc gia. Song, đồng thời trong tư thế đối mặt với quá trình toàn cầu hóa đa bình diện và đầy nghịch lý hiện nay, rất cần thiết phải có những nỗ lực chung trên quy mô toàn cầu nhằm hạn chế và đẩy lùi những "dị tật" của chính quá trình đó. Sự phát triển của phong trào chống ảnh hưởng tiêu cực của toàn cầu hóa thời gian gần đây cũng là lời cảnh tỉnh cho những thế lực muốn sử dụng toàn cầu hóa như một công cụ để duy trì sự nô dịch kiểu mới nhằm cột chặt thế giới trong vòng kiềm tỏa của mình. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TP. HỒ CHÍ MINH

23 LÊ DUẨN, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐT: 08.8224468 –08.8293076, FAX: 848.8292966



★ *Nguồn thu xổ số chỉ dùng đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa xã hội tại địa phương...”*
(Trích thông tư 04 TC/TCNH của Bộ Tài chính ngày 05-01-1996

★ *Tham dự xổ số kiến thiết TP. Hồ Chí Minh :*

✦ *Ích nước, lợi nhà.*

✦ *Năm 2000 công ty đã chi cho người trúng thưởng vé số kiến thiết TP. Hồ Chí Minh với số tiền 449 tỉ đồng và nộp ngân sách nhà nước 276 tỉ đồng, góp phần cho việc xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, giáo dục, y tế tại thành phố.*

★ *Công ty xổ số kiến thiết TP. Hồ Chí Minh hân hạnh phục vụ quí khách tận tình, chu đáo, an toàn.*

Chúc Quý khách gặp nhiều may mắn!

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM

VIETNAM INSURANCE CORPORATION

CÔNG TY BẢO HIỂM TỈNH LÂM ĐỒNG

BAO VIET LAM DONG

Số 23 Phan Bội Châu, Phường 1 Tp –Đà Lạt

Tel : (063) 822326, 824036 FAX : 84.63.824035

(DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC XẾP HẠNG ĐẶC BIỆT).



Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam - Doanh nghiệp Bảo hiểm Nhà Nước xếp hạng đặc biệt duy nhất ở Việt Nam. Với kinh nghiệm hơn 35 năm, khả năng tài chính vững chắc, đội ngũ nhân viên lành nghề, và quan hệ tái bảo hiểm với gần 100 công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm quốc tế nổi tiếng trên các thị trường bảo hiểm Mỹ, Anh, Pháp, Nhật, Đức và các quốc gia khác trên toàn thế giới... BẢO VIỆT LÂM ĐỒNG là người bảo hiểm có uy tín. Luôn sẵn sàng phục vụ và đáp ứng tất cả các yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước về các dịch vụ bảo hiểm, theo các nhóm bảo hiểm sau :

CÁC PHÒNG BẢO HIỂM TRỰC THUỘC CÔNG TY

1 - Phòng bảo hiểm Khu vực thị xã Bảo Lộc.
Tel : 864575.

2 - Phòng bảo hiểm Khu vực Đức Trọng.
Tel : 843891.

3 - Phòng bảo hiểm Khu vực Đahuoai.
Tel : 874233.

4 - Phòng bảo hiểm Huyện Di Linh.
Tel : 871255.

5 - Phòng bảo hiểm Huyện Lâm Hà.
Tel : 850539.

6 - Phòng bảo hiểm Huyện Đơn Dương.
Tel : 847822.

● NHÓM BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM :

- Bảo hiểm xe cơ giới.
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự và sản phẩm.
- Bảo hiểm lòng trung thành.
- Bảo hiểm trách nhiệm của người sử dụng lao động.

● NHÓM BẢO HIỂM TÀI SẢN :

- Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu và vận chuyển trong nước.
- Bảo hiểm xây dựng và lắp đặt.
- Bảo hiểm đổ vỡ, máy móc thiết bị của chủ đầu tư.
- Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt.
- Bảo hiểm nhà và hỏa hoạn nhà tư nhân.

● NHÓM BẢO HIỂM CON NGƯỜI :

- Bảo hiểm tai nạn con người.
- Bảo hiểm sinh mạng.
- Bảo hiểm y tế tự nguyện.
- Bảo hiểm khách quan du lịch trong và ngoài nước.
- Bảo hiểm người sử dụng điện.

BẢO VIỆT LÂM ĐỒNG RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH.

LUÔN ĐEM LẠI CHO KHÁCH HÀNG SỰ ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC

VIETNAM NORTHERN FOOD CORPORATION

Vinafood 1



Mdm : CAO THỊ HẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc
Chairperson of Management Board and General Director



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC (VINAFOOD 1) LÀ MỘT TRONG NHỮNG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HÀNG ĐẦU DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC CÓ 34 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ CÁC LIÊN DOANH VỚI NƯỚC NGOÀI.

THE VIETNAM NORTHERN FOOD CORPORATION (VINAFOOD 1) IS ONE OF THE VIETNAM'S LEADING STATE-OWNED ENTERPRISES ESTABLISHED BY PRIME MINISTER.

VINAFOOD 1 HAS 34 MEMBERS AND JOINTS – VENTURE COMPANIES WITH FOREIGN PARTNERS.

Chức năng và ngành nghề kinh doanh

1. Kinh doanh, sản xuất, chế biến các loại lúa gạo, nông sản, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác.
2. Xuất nhập khẩu lương thực, các loại nông sản, thực phẩm, các sản phẩm chế biến, các loại vật tư, thiết bị chuyên dùng cho sản xuất, kinh doanh của các ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm.
3. Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm.
4. Xây dựng kho tàng, nhà máy và các công trình dân dụng khác. Sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng.
5. Liên doanh liên kết kinh tế với các tổ chức ở trong nước và ngoài nước trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ...

HEAD OFFICE : 6 NGO QUYEN STREET, HOAN KIEM DIST., HANOI – VIETNAM
Tel : (84.4) 8257069 /8 253547 * Telex : 412268 Vinafo – VT * Fax : (84.4) 8267948

VINAFOOD I BRANCH : 58 NGUYEN BINH KHIEM STREET, HO CHI MINH CITY

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Petro Vietnam Finance Company

PetroVietNam
PVFC

PVFC

- **Tầm nhìn tăng trưởng.**
- **Cam kết vững chắc.**
- **Thành công tài chính.**

- Công ty Tài chính Dầu khí là định chế tài chính 100% vốn của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, được thành lập với một tầm nhìn mới của chiến lược phát triển công nghiệp dầu khí và hướng tăng trưởng bền vững nền kinh tế Việt Nam trong thế kỷ XXI.

- PVFC tham gia vào lĩnh vực hoạt động tài chính với tiềm năng to lớn của một Tổng công ty lớn mạnh bậc nhất Việt Nam.

- Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và từng trải qua nhiều dự án công nghiệp lớn, phức tạp với kỹ năng quản lý rủi ro và cấu trúc các nguồn vốn khác nhau, PVFC luôn sẵn sàng cung cấp và đảm nhận những dịch vụ và sản phẩm tài chính chủ yếu như sau :

+ Nhận các khoản tiền gửi có kỳ hạn và huy động các nguồn vốn trung - dài hạn của các tổ chức và cá nhân, đặc biệt là các định chế tài chính trong và ngoài nước.

+ Cung cấp dịch vụ tư vấn và dàn xếp tài chính, cấu trúc nguồn vốn đa dạng, quản lý tài sản và các nguồn vốn ủy thác.

+ Đảm trách việc thẩm định các dự án đầu tư công nghiệp và thương mại để tài trợ, đồng tài trợ, cho vay các nguồn vốn trong và ngoài nước.



Trụ sở chính : 34B –Phố Hàn Thuyên,
Quận Hai Bà Trưng –TP. Hà Nội, Việt Nam.
ĐT : (84) (04) 9331400 –FAX : (84) (04) 9331396

PVFC - NIỀM TIN MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TP HÀ NỘI TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU DỊCH VỤ MỚI

DỊCH VỤ HỘI NGHỊ TRUYỀN HÌNH



● Khách hàng sử dụng cầu truyền hình tổ chức họp giao ban, sơ kết, tổng kết hoặc giao lưu giữa 2 đầu thành phố Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh hoặc thành phố Hà Nội đi thành phố Đà Nẵng, bằng hình thức trao đổi trực tiếp qua màn hình TV thông qua mạng số đa dịch vụ ISDN.

● Giúp quý khách tiết kiệm tối đa thời gian và chi phí cho việc đi lại và sinh hoạt.

● Một công cụ hữu ích và hiệu quả trong việc phục vụ công tác đào tạo, giảng dạy, trợ giúp y tế từ xa hoặc trao đổi gặp mặt đồng nghiệp hay người thân trong gia đình.

NHÂN DỊP NĂM MỚI - TÂN TỴ 2001

Kính chúc Quý khách An khang - Thịnh vượng

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ :

BƯU ĐIỆN QUỐC TẾ - SỐ 6 ĐINH LỄ - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI : 04-8260977 FAX : 04-8260970

BƯU ĐIỆN TP HÀ NỘI HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HẢI PHÒNG

ĐỊA CHỈ : ĐƯỜNG PHAN ĐĂNG LƯU - QUẬN KIẾN AN - TP. HẢI PHÒNG
ĐIỆN THOẠI : (84 - 31) 876338 - 876893 FAX : (84 - 31) 876893
HIỆU TRƯỞNG : NGUT. TS NGÔ ĐĂNG DUYÊN



Trường Đại học Sư phạm Hải Phòng được thành lập ngày 3/7/2000 trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Phòng, Đại học Tại chức, Trường Cán bộ quản lý và Bồi dưỡng giáo viên, Trung tâm Ngoại ngữ Hải Phòng.

- Trường có tổng số 445 cán bộ giảng viên, trong đó có hơn 100 người có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ.
- Trường có 26 đơn vị trực thuộc gồm: 11 Khoa, Phòng Ban, 2 Trung tâm, 2 Tổ trực thuộc và 4 trường thực hành.
- Hiện nay trường có 3.000 sinh viên hệ chính quy, gần 10.000 sinh viên hệ tại chức và hàng nghìn học viên theo học những lớp Ngoại ngữ, Tin học ngắn hạn.
- Trường ĐHSP Hải Phòng là trường đa ngành, đa cấp, phạm vi sự nghiệp phát triển giáo dục, đào tạo, kinh tế - xã hội, đào tạo bồi dưỡng theo nhu cầu giáo viên, cán bộ khoa học kỹ thuật của Hải Phòng và miền duyên hải.

Nhân dịp Năm mới - Xuân 2001, Trường Đại học Sư phạm Hải Phòng kính chúc các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương

AN KHANG, THỊNH VƯỢNG VÀ NHIỀU THẮNG LỢI MỚI

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH HÀ TÂY

Trụ sở : 34 Đường Tô Hiệu – Thị xã Hà Đông –Tỉnh Hà Tây
Điện thoại : 034. 824483 FAX : 034. 824817





ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

*Nhân dịp Năm Mới - Xuân Tân Tỵ 2001, Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Hà Tây kính chúc Lãnh đạo, các cơ quan, Ban ngành Trung ương và Địa phương cùng toàn thể Quý khách hàng : **AN KHANG - THỊNH VƯỢNG - SỨC KHỎE VÀ THÀNH ĐẠT***

T/M BAN GIÁM ĐỐC
Giám đốc Chi nhánh
NGUYỄN TIẾN ĐÔNG

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ TÂY
VÌ SỰ THÀNH ĐẠT CỦA KHÁCH HÀNG VÀ NGÂN HÀNG

Digitized by Google

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

VIETNAM AIR SERVICES COMPANY

VASCO

TRỤ SỞ CHÍNH TẠI TP. HCM : 114 Bạch Đằng –Phường 2 –Q. Tân Bình –TP. HCM
ĐT : 8445 999 –8442 116 –8422 790 Fax : 8445 224

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI : Sân bay Gia Lâm –Hà Nội
ĐT : 8271 707 Fax : 8272 705



- Máy bay King Air B200
bay thuê chuyến chở khách, cấp cứu...



- Máy bay trực thăng bay thuê chuyến quay phim, chụp ảnh, sửa chữa đường điện, cấp cứu y tế...

VASCO

Nhà vận chuyển Hàng Không
Sẵn sàng cung cấp các chuyến bay thuê chuyến
Phục vụ Quý Khách
Vận chuyển hành khách, hàng hóa, bưu kiện
cũng như các nhu cầu khác.
Bay quay phim, chụp ảnh, khảo sát địa chất,
gieo hạt trồng rừng, cấp cứu y tế...

BAY CÙNG VASCO - PHỤC VỤ 24/24 GIỜ TRONG NGÀY



- Máy bay AN-30 bay vận chuyển hàng hóa,
chụp ảnh hàng không, cấp cứu y tế



- Máy bay AN-2 bay chở khách, chở hàng,
khảo sát địa chất, cấp cứu y tế

Digitized by Google

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Chào mừng Đại hội Đảng Toàn Quốc lần thứ IX



Trụ sở học viện

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA Là cơ quan thuộc Chính phủ, thành lập ngày 29-5-1959, có nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức Hành chính Nhà nước cao - trung cấp ; đào tạo Thạc sĩ quản lý Nhà nước và Cử nhân hành chính; nghiên cứu Khoa học Hành chính, tham gia xây dựng các chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ; chỉ đạo về mặt chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo và bồi dưỡng giảng viên về quản lý Nhà nước cho các trường Chính trị ; đào tạo cán bộ cho các tỉnh, bộ, ngành trung ương...

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Từ năm 1991 đến 6-2000, bình quân mỗi năm Học viện bồi dưỡng được khoảng trên 8.000 CB, CC các loại.
Về bồi dưỡng : Đã bồi dưỡng 124 cán bộ công chức cao cấp ; 594 Thẩm phán Hành chính ; 27.119 học viên chính ; 10.300 chuyên viên ; 2.127 cán bộ HCND ; 1.023 cán bộ HCVP ; 300 giáo viên.
Về đào tạo : Đã đào tạo 315 cao đẳng Hành chính, CV chính ; 185 cao học ; 1.499 cử nhân HC chính quy ; 2.580 HC tại chức.

QUAN HỆ QUỐC TẾ :

Học viện có quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới, là thành viên của : Hiệp hội quốc tế các Trường và Viện Hành chính (IASIA), Tổ chức Hành chính miền Đông thế giới (EROPA) và quan hệ hợp tác quốc tế với Trung Quốc, Pháp, Anh, Đức, Thụy Sĩ, Đan Mạch, Hà Lan...



Lễ bế giảng Thạc sĩ QLNN khóa 1

KHEN THƯỞNG :

Học viện được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba trong dịp kỷ niệm 35 năm thành lập (29-5-1994). Ngoài ra Học viện đã được Nhà nước tặng thưởng 45 Huân chương các loại, 37 Huy chương và bằng khen của Chính phủ, 335 Huy chương vì sự nghiệp giáo dục cùng nhiều bằng khen của các cơ quan đơn vị, các tỉnh thành trong cả nước.



Hội thảo [illegible] cải cách HC

TRỤ SỞ : Đường Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội Tel : (04) 8358943 - 8343223 Fax : (04) 8358943
CƠ SỞ TẠI TP HỒ CHÍ MINH : Số 10 đường 3 - 2, Quận 10 Tel : (08) 8658559 - 8653435 Fax : (08) 8658559

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



5
3-2001

UNIV. OF MICH.
MAR 30 2001
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

CÔNG TY GANG THÉP THÁI NGUYÊN
THAINGUYEN IRON AND STEEL CORPORATION



Kỹ sư ĐẶNG VĂN SÍU
Bí thư Đảng ủy - Tổng Giám Đốc

ASSURED QUALITY ISO 9002 QMS

Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế



Huy chương vàng Hội chợ quốc tế công nghiệp Việt Nam





Địa chỉ : Phường Cam Giá - TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên
Tel : 0280.832060, 833559, 832005. Fax : 0280. 832056.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỦ YẾU :

+ Sản xuất thép xây dựng các loại :
  Sản lượng : 250.000 tấn/năm.
+ Sản xuất gang đúc và gang luyện thép xuất khẩu :
  Sản lượng : 130.000 tấn/năm.
+ Sản xuất các loại hợp kim như : FeMn, FeSi, FeCr...
+ Công nghiệp khai thác than, sản xuất than cốc và các sản phẩm sau cốc.
+ Sản xuất vật liệu chịu lửa, Ô xy, đất đèn, hồ điện cực.
+ Sửa chữa xe ô-tô và vận chuyển hàng hóa.
+ Khảo sát thiết kế, chế tạo, thi công các công trình thiết bị luyện kim.
+ Công ty được phép kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp
+ Dự án cải tạo mở rộng sản xuất với tổng số vốn đầu tư hơn 650 tỉ đồng đã khởi công ngày 21/11/2000, dự kiến hoàn thành trước tháng 9/2001.



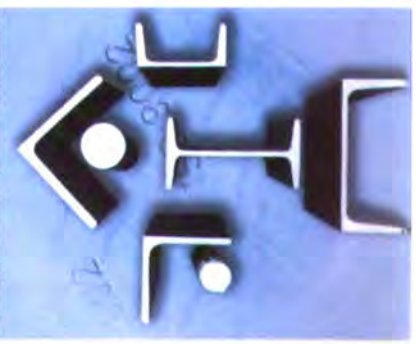
Máy đúc liên tục 4 dòng



Thép cuộn ϕ6, ϕ8



Thép vằn SD 295A-D10 ÷ D40



Thép hình các loại

ĐỘC QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU "TISCO" TRÊN CÂY THÉP

Digitized by Google

Nhân dịp năm mới Chúc quý khách hàng an khang - Thịnh vượng



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 611 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

5
3-2001

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	LÊ XUÂN LỰU - Chủ nghĩa Mác - Lê-nin - bản chất cách mạng và khoa học	3
	NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thế kỷ XXI	7
	NHỊ LÊ - Về con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	11
	VŨ NGỌC LÂN - Dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng	16
	*** Tạp chí Cộng sản triển khai thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị	18
ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	NGUYỄN THỊ HẰNG - Bước tiến mới của sự nghiệp xóa đói giảm nghèo	22
	NGUYỄN SINH CÚC - Tổng quan nông nghiệp nước ta sau 15 năm đổi mới (1986 - 2000)	27
	ĐINH TRỌNG THỊNH - Vấn đề bảo đảm an ninh kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	32
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	LA CÔN - Quan điểm mác xít và quan điểm tư sản về khoa học - kỹ thuật và tri thức khác nhau thế nào ?	37
	ĐỖ CÔNG ĐỊNH - Tôn giáo trong đời sống tinh thần và xã hội Việt Nam hiện nay	40
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	ĐINH QUANG BẢO - Xây dựng Trường đại học sư phạm trọng điểm	44
	PHAN CHIẾN - Những đổi mới ở huyện tiền tiêu Côn Đảo	49
	VŨ HIỆP BÌNH - Bộ đội biên phòng với việc xây dựng "điểm sáng văn hóa biên giới"	52
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGỌC MINH - Cái sàng	55
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN VĂN THANH - Chủ nghĩa tự do mới và vấn đề "hội nhập"	56
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội nghị khoa giáo toàn quốc tổng kết công tác năm 2000 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 2001	60

Bìa 1 : *TP Buôn-ma-thuột* — *Ảnh : Báo ND*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ СУАН ЛЫУ: Марксизм - Ленинизм: революционная м научная сущность. НГУЕН ЧОНГ ФУК: Историческая миссия и руководящая роль КПВ в XXI[ом] веке. НЬИ ЛЕ: О социалистическом пути во Вьетнаме. ВУ НГОК ЛАН: Укреплять Партию опираясь на народ. *** Журнал "коммунист" развертывает выполнение указаний Политбюро. НГУЕН ТХИ ХАНГ: Новый шаг в деле устранения голода и украшения бедности. НГУЕН ШИНЬ КУК: Образ сельского хозяйства нашей страны после 15 лет обновления (1986-2000). ДИНГ ЧОНГ ТХИНЬ: Проблем обеспечения экономической буопастности в процессе международной экономической интеграции. ЛАКОН: Как отличается марксистская от буржуазной точки зрения о науке технологии и знании. ДО КОНГ ДИНЬ: Религия в духовной и социальной жизни Вьетнама в настоящее время. НГУЕН ВАН ТХАНЬ: Неолиберализм и проблема интеграции.

CONTENTS

LÊ XUÂN LỰU: Maxism-Leninism — revolutionary and scientific nature. NGUYỄN TRỌNG PHÚC: The historical mission and the leadership of the Communist Party of Vietnam in the 21st century. NHỊ LÊ: The path to socialism in Vietnam. VŨ NGỌC LÂN: For building up the Party, rely on the people. *** The *Communist Review* operationalizes the implementation of the Directive of the Politbureau. NGUYỄN THỊ HẰNG: A new advance in the cause of hungry eradication and poverty reduction. NGUYỄN SINH CÚC: An overview of Vietnam's agriculture after 15 years' renovation (1986-2000). ĐINH TRỌNG THỊNH: The problem of ensuring economic security in the integration into global economy. LA CÔN: The difference between Maxist and capitalist viewpoints on science-technique and knowledge. ĐỖ CÔNG ĐỊNH: Religion in social and spiritual life in Vietnam today. NGUYỄN VĂN THANH: New liberalism and "integration".

SOMMAIRE

LÊ XUÂN LỰU: Le marxisme-léninisme et sa nature révolutionnaire et scientifique. NGUYỄN TRỌNG PHÚC: La mission historique et le rôle directif du Parti communiste du Vietnam dans le XXIe siècle. NHỊ LÊ: Sur la voie au socialisme du Vietnam. VŨ NGỌC LÂN: L'édification du Parti doit se baser sur le peuple. *** La Revue communiste met en œuvre la Directive du Bureau politique. NGUYỄN THỊ HẰNG: Les nouveaux progrès de l'œuvre d'éradication de la famine et de réduction de la pauvreté. NGUYỄN SINH CÚC: Panorama de l'agriculture du Vietnam après 15 ans de renouveau (1986-2000). ĐINH TRỌNG THỊNH: La garantie de la sécurité économique dans l'intégration à l'économie internationale. LA CÔN: La différence entre les points de vue marxistes et bourgeois sur la science et technique et la connaissance. ĐỖ CÔNG ĐỊNH: La religion dans la vie spirituelle et sociale du Vietnam à l'heure actuelle. NGUYỄN VĂN THANH: Le néo-libéralisme et l'intégration.

SUMARIO

LÊ XUÂN LỰU: El Marximo-leninismo, su naturaleza revolucionaria y científica. NGUYỄN TRỌNG PHÚC: El papel histórico y director del Partido Comunista de Vietnam en el siglo XXI. NHỊ LÊ: Sobre el camino socialista en Vietnam. VŨ NGỌC LÂN: Apoyarse en el pueblo para edificar el Partido. *** La Revista "|El Comunismo" pone en práctica la Directiva del Buró Político. NGUYỄN THỊ HẰNG: El nuevo avance de la obra de abolición del hambre y disminución de la pobreza. NGUYỄN SINH CÚC: El panorama general de la agricultura de Vietnam después de los 15 años de renovación (1986-2000). ĐINH TRỌNG THỊNH: La cuestión de asegurar la seguridad económica en el proceso a la integración económica internacional. LA CÔN: El criterio marxista y el criterio burguesa sobre cuál es la diferencia entre la ciencia-técnica y la intelectualidad. ĐỖ CÔNG ĐỊNH: La religión en la vida espiritual y la sociedad vietnamita actual. NGUYỄN VĂN THANH: El nuevo liberalismo y el problema de "integración".

目录

黎春榴：马克思—列宁主义的革命和科学的本质•阮仲福：越南共产党二十一世纪的历史使命及其领导作用•二黎：关于越南社会主义道路•武玉麟：依靠群众建设党*** 共产杂志展开落实政治局的指示•阮氏恒：消饥减贫事业新的进展•阮生菊：我国农业15年革新后（1986－2000）总观•丁仲盛：在融入国际经济过程中的经济安宁保障•罗昆：马克思主义观点与资产阶级观点有关科学技术及知识的差异如何？•杜功定：目前宗教在越南精神和社会生活中•阮文青：新自由主义与"融入"问题。

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN BẢN CHẤT CÁCH MẠNG VÀ KHOA HỌC

LÊ XUÂN LƯU *

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX khẳng định : "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy, khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột, khoa học về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đó là một kho tàng đồ sộ về lý luận và thực tiễn cách mạng, mãi mãi là bó đuốc soi đường cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

1 - Chủ nghĩa Mác ra đời là kết quả tất yếu của sự phát triển tư tưởng nhân loại chứ không phải là sản phẩm tư tưởng chủ quan của Mác và Ăng-ghen. Hai ông đã thừa kế thành tựu tốt đẹp nhất mà tư duy nhân loại đã đạt tới trong thế kỷ XIX.

Hai ông đã tạo ra bước ngoặt cách mạng trong triết học khi sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó đã phát hiện ra quy luật chung của các hình thái kinh tế - xã hội là : quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của các lực lượng sản xuất ; sự xuất hiện giai cấp và đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng ; sự tất yếu chuyển hóa từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn bằng cách mạng ; cách mạng vô sản nhất định nổ ra và chủ nghĩa xã hội nhất định thay thế chủ nghĩa tư bản...

Giai cấp vô sản muốn làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Hai ông đã phác thảo ra những nét cơ bản về xã hội cộng sản :

- Một xã hội không còn chế độ tư hữu - xã hội đó không tước bỏ của ai cái quyền chiếm hữu sản phẩm xã hội mà chỉ tước bỏ quyền giành sự chiếm hữu đó để nô dịch lao động của người khác.

- Giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền, tự mình xây dựng thành giai cấp thống trị, giành lấy dân chủ, xóa bỏ nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác.

- Thay cho xã hội đối kháng giai cấp xuất hiện một liên hiệp trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

Mác và Ăng-ghen đã sống và hoạt động trong thế kỷ thứ XIX, vào thời kỳ mà chủ nghĩa tư bản còn ở giai đoạn tự do cạnh tranh, thời kỳ chuẩn bị cho cách mạng vô sản chứ chưa phải thời kỳ cách mạng vô sản đã trở thành nhiệm vụ trực tiếp. Các ông cũng chỉ có thể nghiên cứu các hình thái kinh tế - xã hội trước đó, nghiên cứu những gì mà thực tiễn của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh và phong trào công nhân từ hồi đó đã có và trên cơ sở đó mà có những kết luận cần thiết, rút ra những quy luật về sự vận động của xã hội loài người và dự đoán một số nét về xã hội tương lai.

2 - Lê-nin là người kế tục xuất sắc sự nghiệp của Mác và Ăng-ghen, kiên cường đấu tranh chống lại các trào lưu cơ hội trong Quốc tế II cũng như ở Nga để bảo vệ chủ nghĩa Mác. Nghiên cứu chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, phát triển lý luận của Mác về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Lê-nin cho rằng : cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể giành thắng lợi đầu tiên trong một số ít nước, thậm chí trong một nước.

* Giáo sư

Digitized by Google

Lê-nin đã chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở các nước tư bản để đánh đổ chủ nghĩa tư bản. Người đã bổ sung khẩu hiệu : "Vô sản toàn thế giới đoàn kết lại" bằng khẩu hiệu "Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại".

Lê-nin đã viết nhiều tác phẩm lý luận về hai giai đoạn của chủ nghĩa cộng sản, về thời kỳ quá độ, về chuyên chính vô sản, về cải biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội - trong đó có tác phẩm "Nhà nước và cách mạng" đã phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác về thời kỳ quá độ và chuyên chính vô sản.

Lê-nin đã cùng với Đảng Cộng sản (B) Nga trực tiếp lãnh đạo Cách mạng Tháng Mười Nga thành công mở ra kỷ nguyên mới cho lịch sử loài người.

Điều đáng chú ý là chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu không phải như dự đoán của Mác. Nó đã ra đời ở nước Nga, một nước chưa đạt tới trình độ phát triển cao về lực lượng sản xuất thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì thế, Lê-nin đã phải vận dụng sáng tạo tư duy của mình để tiếp cận và nhận thức thực tế rất phức tạp của nước Nga hồi đó.

Vào những năm đầu của chính quyền Xô viết, quan niệm của Lê-nin về chủ nghĩa xã hội được thể hiện trong Cương lĩnh thông qua tại Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Nga. Đại hội đã chủ trương quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội bằng cách thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, và trong điều kiện nội chiến và sự can thiệp của nước ngoài đã thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến, áp dụng những biện pháp mang nhiều yếu tố cưỡng bức, phi kinh tế.

Chính sách cộng sản thời chiến đã đưa lại thắng lợi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga trong nội chiến. Nhưng sau nội chiến tình hình kinh tế của đất nước gặp rất nhiều khó khăn. Năm 1921, nước Nga lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Sản lượng nông nghiệp chỉ còn 1/2, công nghiệp chỉ còn 1/7 so với trước chiến tranh. Qua kinh nghiệm thực tiễn, Lê-nin đã rút ra kết luận là không thể xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trên cơ sở cưỡng bức kinh tế, coi thường lợi ích của người sản xuất cũng như phân phối bình quân. Người đã dũng cảm thừa nhận : "... Chúng ta đã thất bại trong cái ý định dùng phương pháp "xung phong", nghĩa là dùng con đường ngắn nhất, nhanh nhất, trực tiếp nhất để thực hiện việc sản xuất và phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa" (1). Và cuối năm 1922, Người đã quyết định chuyển sang thực hiện Chính sách kinh tế mới (NEP).

Năm 1923, trong tác phẩm "Bàn về chế độ hợp tác" Lê-nin đã nói rằng : "... toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản" (2).

Chính sách kinh tế mới bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây : thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, triệt để lợi dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước, thực hiện cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, mở cửa với bên ngoài cho các nước tư bản đầu tư trực tiếp và tô nhượng. Chỉ 6 năm thực hiện Chính sách kinh tế mới, nông nghiệp đã khôi phục ở mức trước chiến tranh, sản lượng công nghiệp tăng 2 lần.

Lê-nin cho rằng : "... cơ sở kinh tế duy nhất có thể có được của chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí. Ai quên điều đó, người đó không phải là người cộng sản" (3), và "chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc". Do vậy, Chính sách kinh tế mới là con đường mà Lê-nin đã lựa chọn để xây dựng nền tảng vật chất của chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở nước Nga, một nước mà chủ nghĩa tư bản chưa phát triển nên chưa có nền đại công nghiệp cơ khí và chưa điện khí hóa.

Lê-nin đã đóng góp xuất sắc vào lý luận về chuyên chính vô sản. Người chỉ rõ nền chuyên chính đó không phải chỉ là chuyên chính với kẻ thù mà bản chất của nó là dân chủ với nhân dân. Người khẳng định Đảng Cộng sản là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, là hạt nhân lãnh đạo trong hệ thống chuyên chính vô sản ; nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Người chỉ ra nguy cơ của chủ nghĩa quan liêu bóp méo bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng chỉ ra biện pháp ngăn chặn là

(1) Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1987, t 44, tr 254

(2) *Sđd*, t 45, tr 428

(3) *Sđd*, t 44, tr 60

Digitized by Google

đặt bộ máy nhà nước dưới sự kiểm soát của nhân dân. Tư tưởng trung tâm của Người là nhà nước phải bảo đảm dân chủ tối đa cho nhân dân và tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào công việc quản lý đất nước. Người coi quần chúng nhân dân là lực lượng sáng tạo ra xã hội mới, đồng thời nhấn mạnh đến tinh thần trách nhiệm, tính tôn trọng luật pháp của mọi công dân.

Người đã đề ra chính sách dân tộc, tư tưởng Liên bang Xô viết và học thuyết bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, v.v...

Lê-nin đã tiến hành đấu tranh không mệt mỏi chống bọn cơ hội ở Nga để lập ra đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân.

Từ những cuộc đấu tranh đó và từ hoạt động thực tiễn phong phú lãnh đạo cách mạng Nga, Người đã phát triển học thuyết của Mác về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Tác phẩm "Làm gì ?" của Người đã chỉ ra sai lầm về mặt tư tưởng của chủ nghĩa "kinh tế" và lý luận về sự tôn sùng tính tự phát của nó, đặt nền móng tư tưởng cho đảng mác xít. Người chỉ rõ : "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng" (4), và *"chỉ đảng nào được một lý luận tiền phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong"*(5).

Trong tác phẩm "Một bước tiến, hai bước lùi", Người đã vạch ra những nguyên tắc tổ chức, hoạt động và xây dựng của Đảng Cộng sản, đảng kiểu mới khác với đảng của Quốc tế II.

Lê-nin sống và chiến đấu trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, khi mà cách mạng vô sản đã trở thành nhiệm vụ trực tiếp và Người đã lãnh đạo Cách mạng Tháng Mười Nga thành công. Sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin chỉ có khoảng 6 năm trực tiếp lãnh đạo chính quyền nhà nước, lại phải đương đầu với thù trong giặc ngoài và các thế lực phản động âm mưu tiêu diệt nhà nước công nông đầu tiên ngay trong thời kỳ trứng nước. Nhưng Người đã để lại cho lớp người sau những tư tưởng quý báu về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.

Từ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã duy trì được sức sống mãnh liệt, phát huy được tác dụng to lớn đối với sự phát triển của xã hội loài người mà chưa có một lý luận nào, một học thuyết nào có được. Những quy luật cơ bản đã được chủ nghĩa Mác - Lê-nin khái quát, ngày nay vẫn tràn đầy sức sống đối với sự nghiệp chúng ta. Đó là : Thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử ; học thuyết giá trị thặng dư vạch trần bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản ; lý luận về mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản và quy luật phát triển của xã hội đó ; lý luận về đấu tranh giai cấp và động lực phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng ; lý luận về chủ nghĩa đế quốc ; về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ; về con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa ; về vai trò lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản ; về phong trào giải phóng dân tộc ; học thuyết về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ; về Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

Đảng ta khẳng định rằng đó là những vấn đề hoàn toàn đúng đắn. Chính vì vậy Đảng ta từ ngày ra đời đến nay vẫn khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng của Đảng.

Sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin bắt nguồn từ bản chất cách mạng và khoa học của nó. Không thể lấy yếu tố thời gian ra đời rồi cho rằng nó chỉ thích hợp với thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và đến ngày nay thì đã trở nên lỗi thời.

Đúng là thời đại ngày nay đã có nhiều thay đổi nhưng những thay đổi đó chưa hề mảy may làm suy yếu sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Những thay đổi đó chưa hề xóa bỏ tình trạng phân chia giàu nghèo trong xã hội loài người, chưa xóa bỏ sự phân chia giai cấp trong xã hội. Tình trạng áp bức giai cấp, áp bức dân tộc còn đó, thậm chí ngày càng tinh vi và tệ hại hơn. Vì thế học thuyết Mác - Lê-nin vẫn là bó đuốc soi đường cho sự nghiệp giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là lý luận vận động phát triển cùng với sự vận động và phát triển của xã hội. Cho nên khi khẳng định tính chất đúng đắn và thực sự khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng ta cũng không loại trừ trong kho tàng đồ sộ của các nhà

(4) *Sđd*, t 6, tr 30
(5) *Sđd*, t 6, tr 32

Digitized by Google

kinh điển có thể có những luận điểm đã được khái quát từ thực tiễn của thế kỷ trước đây, đến nay đã bị lịch sử vượt qua. Do vậy, điều quan trọng là phải xuất phát từ thực tiễn biến đổi của lịch sử mà làm sáng tỏ những gì trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trước đã đúng, nay vẫn đúng và những gì đã bị hạn chế bởi thời đại sinh thành ra nó.

Lê-nin khi viết về chủ nghĩa Mác đã phân tích : Chính vì chủ nghĩa Mác không phải là một giáo điều chết cứng, một học thuyết nào đó đã hoàn thành sẵn, có sẵn đâu vào đấy, bất di bất dịch, mà là một kim chỉ nam sinh động cho hành động. Vì thế nên nó không thể không phản ánh sự biến đổi đặc biệt mạnh mẽ của điều kiện sinh hoạt của xã hội. Chính Lê-nin đã để lại mẫu mực về sự phát triển sáng tạo học thuyết Mác khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong thời đại ngày nay, về đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng ở Việt Nam, về mối liên hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng "chính quốc" và khả năng cách mạng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng "chính quốc", về xây dựng Đảng ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến là tấm gương sáng ngời về sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam và là những đóng góp to lớn vào sự phát triển kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Ngày nay dưới ánh sáng của thực tiễn, chúng ta có trách nhiệm tìm ra những gì trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã bị lịch sử hạn chế. Đây là việc làm khó nhưng cần thiết, bởi đó là đòi hỏi khách quan xuất phát từ bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và cũng là sự thể hiện trách nhiệm thực hiện lời dạy của các nhà kinh điển đối với các thế hệ sau.

Linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là biết phân tích một cách cụ thể tình hình cụ thể. Sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là sáng tạo. Không phân tích một cách cụ thể tình hình cụ thể để vận dụng một cách sáng tạo, bổ sung và phát triển nó mà lại giáo điều, máy móc, bất chấp thực tiễn đã đổi thay, tức là làm trái với bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Ngày nay trước những đổi thay của thời đại, nếu không muốn phạm phải giáo điều và bảo thủ thì những người cộng sản phải tính đến sự thay đổi đó một cách nghiêm túc và lấy nó làm cơ sở cho tư duy khoa học của mình khi xác định đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng. Đảng ta trong công cuộc đổi mới đã và đang làm việc đó và đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước.

Nhắm mắt trước những điều kiện thực tiễn của cách mạng từng nước, trước những đổi thay của thời đại, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách giáo điều máy móc không phải là trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Trái lại, sự trung thành phải được thể hiện ở sự vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển nó. Chính điều này đòi hỏi những người cộng sản phải bám sát thực tiễn, từ những thực tiễn mới mà khái quát bổ sung chủ nghĩa Mác - Lê-nin bằng những kết luận mới, thậm chí có thể phủ định những luận điểm nào đó vốn là đúng đắn trong những điều kiện trước đây nhưng nay không còn phù hợp nữa.

Sự đòi hỏi phải vận dụng sáng tạo, không ngừng bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin còn bởi chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải là phép màu có sẵn mọi đáp án cho tất cả mọi vấn đề của cách mạng nảy sinh, mọi vấn đề của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mà hậu thế gặp phải.

Các nhà kinh điển, dẫu có uyên bác đến đâu cũng chỉ có thể kết luận và dự đoán những gì mà thực tiễn đã cho phép. Hơn nữa dự đoán về sự vận động và phát triển của xã hội, một cơ thể sống bao gồm cả hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc thì dẫu có cơ sở khoa học đến mấy cũng chỉ có thể chỉ ra phương hướng vận động của sự vật. Vì vậy, các nhà kinh điển không đặt ra cho mình nhiệm vụ thiết kế lên một mô hình cụ thể về xã hội tương lai với những luận chứng đầy đủ về mặt kỹ thuật. Chúng ta phải làm việc đó trong thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mác, Ăng-ghen và Lê-nin là những nhà cách mạng và khoa học. Nhưng có người đã biến các ông

(Xem tiếp trang 48)

Digitized by Google

SỨ MỆNH LỊCH SỬ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XXI

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

TRONG thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân tộc Việt Nam đã đạt được những thành tựu vĩ đại. Tổ quốc Việt Nam đã hoàn toàn độc lập, thống nhất. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Nước Việt Nam đang phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có tiếng nói và vị trí ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

Bước vào thế kỷ XXI, Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò và sứ mệnh lịch sử to lớn và nặng nề hơn : lãnh đạo toàn dân củng cố vững chắc độc lập dân tộc và xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nếu trong thế kỷ XX,Đảng đã lãnh đạo toàn thể dân tộc đứng lên đấu tranh "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", thì nhiệm vụ bảo vệ, củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay càng đòi hỏi phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Giữ vững độc lập, thống nhất gắn liền với xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Hai mục tiêu đó không những có quan hệ mật thiết mà còn là tiền đề của nhau, quyết định lẫn nhau. Không giữ vững độc lập và thống nhất thì không thể xây dựng đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Không kiên định thực hiện mục tiêu chủ nghĩa xã hội thì cũng không giữ vững được độc lập, thống nhất thực sự, xã hội sẽ không có công bằng, dân chủ, văn minh. Thế kỷ XXI, Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định quan điểm có tính nguyên tắc : độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta ; đồng thời Đảng ta cũng ý thức được vai trò và sứ mệnh của mình là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tăng cường sức mạnh để bảo vệ độc lập dân tộc là yêu cầu khách quan, là nhiệm vụ thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đảng ta luôn luôn nhận thức rõ ràng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia trên mọi lĩnh vực : chính trị, kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hóa, quân sự, đối ngoại ; bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân. Sức mạnh để bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với sức mạnh đó tạo ra thế chủ động ngăn chặn, đẩy lùi, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, đe dọa chiến tranh của các thế lực thù địch ; đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ đe dọa an ninh đất nước và toàn vẹn lãnh thổ ; giữ môi trường hòa bình và ổn định lâu dài. Đảng lãnh đạo kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng - an ninh với hoạt động đối ngoại. Đảng Cộng sản Việt Nam coi củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

* PGS, TS, Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Bảo vệ độc lập dân tộc gắn liền và được quyết định với việc không ngừng phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã chỉ rõ : "Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh", "Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của đồng bào các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước". Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc ; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cũng là sức mạnh bền vững của dân tộc, nhất là trong điều kiện đang diễn ra mạnh mẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa.

Mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội được thực hiện trên cơ sở Đảng ta, nhân dân ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm và trên cơ sở những thành tựu đã đạt được mấy chục năm qua, nhất là trong 15 năm đổi mới vừa qua. Bước vào thế kỷ XXI, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã có những vốn liếng, hành trang nhất định, đã sáng tỏ hơn nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn và do đó đã củng cố niềm tin của Đảng và nhân dân ta vào con đường đã chọn. Xây dựng chủ nghĩa xã hội thật sự là quá trình cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để và không ít khó khăn, phức tạp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta". Người nhấn mạnh : "... chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội ? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt Đảng ta hiện nay" (1). Trong Dự thảo Văn kiện trình Đại hội IX của Đảng, một lần nữa Đảng ta khẳng định sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Chủ trương nhất quán và lâu dài của Đảng là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đương thời, Lê-nin đã từng đòi hỏi những người cộng sản các nước phải biết tìm tòi, nghiên cứu, phát hiện, dự đoán, nắm vững những gì là đặc điểm của dân tộc, những gì là đặc trưng dân tộc trong cách thức cụ thể của mỗi nước. Nhân dân Việt Nam cũng như loài người tiến bộ đều nhận thức rằng, chủ nghĩa xã hội là một xã hội tốt đẹp, mọi người được sống trong tự do, ấm no, hạnh phúc, không còn áp bức, bất công, đó là xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, chủ nghĩa xã hội trở thành mục tiêu và lý tưởng chung của nhiều dân tộc, quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, không thể có một mô hình chủ nghĩa xã hội chung cho tất cả các quốc gia, dân tộc, mà những đặc trưng chung, bản chất của chủ nghĩa xã hội phải thể hiện trong những đặc trưng dân tộc và cách thức cụ thể của mỗi nước. Thực tiễn việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước trong thế kỷ XX, thành công và thất bại đã chứng minh điều đó. Từ bài học lịch sử của nhiều nước xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh để làm rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bước đầu nêu ra những đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm chỉ ra rằng, không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình "là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều". "Nhưng nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để phủ nhận giá trị phổ biến" thì sẽ mắc "sai lầm nghiêm trọng của chủ nghĩa xét lại" (2)

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 8, tr 494

(2) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 499

Digitized by Google

Tiến tới Đại hội IX, Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng việc tổng kết thực tiễn của đất nước, của dân tộc, chú trọng phát huy nội lực, bản sắc dân tộc. Đảng ta cho rằng, động lực chủ yếu để phát triển đất nước là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của đại đoàn kết dân tộc, phát huy khả năng của các thành phần kinh tế và toàn xã hội vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cách đây 55 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ : Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình. Thấm nhuần mục tiêu của chủ nghĩa xã hội theo lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng phát triển nông nghiệp, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, chiến lược giáo dục - đào tạo, phát huy nhân tố con người. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế thế giới trong xu thế toàn cầu hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ, trước mắt là trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Với sứ mệnh lịch sử trọng đại khi đất nước bước vào thế kỷ XXI, Đảng Cộng sản Việt Nam ý thức rõ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của mình. Từ khi có Đảng đến nay, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng luôn luôn là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Bước vào thế kỷ XXI, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn là nhân tố quyết định thắng lợi và tương lai phát triển của dân tộc, của đất nước.

Để thực hiện và hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo, Đảng không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn để vững mạnh về mọi mặt. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, "Đảng ta là đạo đức là văn minh". *Chặng đường cách mạng sắp tới trong thế kỷ XXI càng đòi hỏi Đảng tự hoàn thiện mình ở tầm cao trí tuệ và đạo đức.* Các văn kiện trình Đại hội IX của Đảng đã nhấn mạnh Đại hội IX của Đảng là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới*, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới.

Trí tuệ, đó là tri thức sâu sắc, nắm vững bản chất linh hồn sống và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và khả năng vận dụng lý luận, tư tưởng đó vào thực tiễn của đất nước, làm sáng tỏ lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trí tuệ, đó là khả năng tổng kết thực tiễn của đất nước kết hợp với nghiên cứu lý luận, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật khách quan thể hiện tầm cao trí tuệ của Đảng và cũng là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Trí tuệ là nắm vững khoa học lãnh đạo và quản lý đất nước, xã hội, quản lý nền kinh tế có hiệu quả cao nhất, là khả năng nhận thức, vận dụng thành tựu của khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn trong lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trí tuệ còn là sự hiểu biết và chủ động tiếp cận những vấn đề lớn của thời đại, những vấn đề về chủ động hội nhập và toàn cầu hóa. Nâng cao trình độ trí tuệ của Đảng đòi hỏi phát huy trí tuệ tập thể, trí tuệ của mỗi cán bộ, đảng viên. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ. Lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những thông tin mới, những hiểu biết mới, cũng là biểu hiện của sự thoái hóa.

Đạo đức, đó là Đảng thật sự và hết lòng vì nước, vì dân. Bác Hồ căn dặn : "Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo*

Digitized by Google

đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật" (3). Trong Di chúc của mình, Người nêu rõ : "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Những lời dạy của Bác Hồ đã được Đảng ta thực hiện như một nhiệm vụ trọng yếu trong xây dựng Đảng. Nghị quyết Trung ương sáu (lần 2), khóa VIII đã thẳng thắn chỉ rõ "Trước yêu cầu mới ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng, trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém : sự suy thoái về tư tưởng chính trị ; tình trạng tham nhũng quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng". Vì vậy, nhiệm vụ của Đảng phải "tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ đảng viên". Trong sự nghiệp lớn lao xây dựng chủ nghĩa xã hội cần phải nhấn mạnh và đề cao đạo đức cách mạng. Đạo đức cách mạng phục vụ cho cuộc đấu tranh trong sự nghiệp lớn lao đó.

Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng được Đại hội VIII của Đảng coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của Đảng trong thế kỷ XXI càng đòi hỏi chú trọng nhiệm vụ này. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng chỉ được giữ vững và tăng cường trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để từ đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn ; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ ; thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng ; thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân ; tăng cường thành phần giai cấp công nhân trong Đảng. Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, chăm lo đời sống, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Trong tiến trình cách mạng trước đây cũng như sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, lợi ích của giai cấp công nhân của nhân dân lao động và lợi ích dân tộc là thống nhất. Đại hội VIII của Đảng đã nhấn mạnh : Sức mạnh của Đảng là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân với khí phách, tinh hoa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và điều này tập trung thể hiện sáng ngời ở tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bước vào thế kỷ XXI, Đảng ta và dân tộc ta có nhiều cơ hội lớn để phát triển, nhưng cũng đứng trước những thách thức lớn. Điều đó đòi hỏi Đảng ta, mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng *nâng cao bản lĩnh chính trị*. Bản lĩnh chính trị là kiên định, không xa rời mục tiêu và con đường đã chọn, là giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ; dũng cảm, chủ động vượt qua mọi khó khăn, thách thức, không hoang mang dao động trước khó khăn, thách thức ; giữ vững nguyên tắc nhưng mềm dẻo, linh hoạt trong sách lược "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Bản lĩnh chính trị là ý chí tự lực, tự cường, độc lập tự chủ và sáng tạo trong đường lối và trong phương pháp hành động, là thẳng thắn, nghiêm túc thừa nhận những sai lầm, khuyết điểm, yếu kém để kiên quyết sửa chữa. Bản lĩnh chính trị còn là niềm tin vững chắc có cơ sở khoa học và hiện thực vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa cao đẹp.

Sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam khi đất nước bước vào thế kỷ XXI có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và cũng là sự phát triển của đất nước và dân tộc, đồng thời cũng góp phần quyết định vận mệnh và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.❑

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 439

Digitized by Google

VỀ CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

NHỊ LÊ

Tiến lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa (TBCN)" là tất yếu đối với cách mạng Việt Nam và hợp quy luật phát triển khách quan trong thời đại ngày nay. Nói khái quát, đó là con đường xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở nước ta hiện nay. Nhưng không vì thế, chúng ta có thể tiến lên CNXH một cách nóng vội, chủ quan duy ý chí, trong điều kiện xuất phát thấp với những đặc điểm hết sức đặc thù. Bản dự thảo *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) trình Đại hội IX của Đảng, viết : "Con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN... *tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ*" (1). Vì vậy, nói cụ thể, trên cơ sở định hướng XHCN, nếu không có bước đi, hình thức kinh tế, phương pháp quá độ đúng thì cũng chưa thể nói là đã có được quan niệm về con đường quá độ lên CNXH phù hợp và hiệu quả.

Dù đạt được một số tiến bộ nhất định, đã làm cho *"con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"* ; dù cho bối cảnh quốc tế và đất nước hiện nay tạo điều kiện cho phép chúng ta rút ngắn, tăng tốc hoặc đi tắt, đón đầu trong hành trình tới mục tiêu CNXH ; song, điều đó không có nghĩa là, chúng ta không tiếp tục nhận thức đúng đắn, cơ bản và không ngừng hoàn thiện trên một trình độ cao hơn con đường XHCN. Trong rất nhiều vấn đề vừa cơ bản vừa cấp bách đòi hỏi phải tiếp tục kiến giải, nổi bật mấy vấn đề sau :

1. Biện chứng của con đường đi lên CNXH "bỏ qua chế độ TBCN".

Theo nghĩa từ nguyên, bỏ qua là bỏ bớt đi, không qua ; là để cho qua mất đi, không biết lợi dụng ; là làm ngơ, coi như không cần chú ý đến. Từ ba tầng ngữ nghĩa đó, ở đây trong việc hoạch định con đường XHCN, cần phải hiểu khái niệm "bỏ qua" một cách biện chứng. Có thể nói, "bỏ qua", đối với Việt Nam, trong bản chất của nó, là *Đảng Cộng sản cầm quyền, bằng con đường với hệ phương thức và bước đi phù hợp với quá trình lịch sử - tự nhiên tiến lên CNXH thông qua sự rút ngắn các giai đoạn, bước diễn tiến của nền văn minh loài người* (về thời hạn, nấc thang...) *dựa trên nền tảng sự tăng trưởng vượt bậc của sức sản xuất xã hội*. Nghĩa là, Việt Nam "bỏ qua" chế độ TBCN lên CNXH theo cách riêng của mình hợp quy luật phổ biến, bảo đảm phù hợp với đặc thù của dân tộc và xu thế phát triển của thời đại, trong những bước đi cụ thể đến CNXH.

Một là, "bỏ qua" chế độ TBCN nhưng phải tôn trọng quá trình lịch sử - tự nhiên, nhất là quá trình phát triển kinh tế ; không thể nóng vội hay chủ quan, duy ý chí đối với quá trình này.

Một thời gian dài, chúng ta từng hiểu "bỏ qua" một cách chủ quan, duy ý chí theo nghĩa đốt cháy giai đoạn, vô hình trung, đã vi phạm quy luật của quá trình lịch sử - tự nhiên. Chúng ta đã xem nhẹ, thậm chí nhiều lúc phủ nhận trên thực tế sự phức tạp khách quan của thời kỳ quá độ, chưa nhận thức đầy đủ rằng thời kỳ quá độ lên CNXH là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường,... nên muốn bỏ qua những bước đi cần thiết, như Đảng ta thừa nhận. Trên phương diện này, lời chỉ dẫn của Ph. Ăng-ghen đặc biệt có giá trị : Phủ định, trong phép biện chứng, không phải chỉ có nghĩa là nói : "không", hoặc giả là tuyên bố rằng một sự vật không tồn tại, hay phá hủy sự vật ấy một cách nào đó.

Sự quá độ lên CNXH ở nước ta mang tính chất *gián tiếp* chứ không phải trực tiếp, bởi điểm xuất phát của ta là từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, với nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp... Vì thế, nếu nói "tiến thẳng" lên CNXH thì cũng không thể hiểu là, tất thảy mọi

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 4-2001, tr 12 - 13

Digitized by Google

hình thức và biện pháp của sự quá độ đều phải và phải có ngay lập tức tính chất và nội dung hoàn toàn XHCN. Nói "tiến thẳng" có nghĩa là, trong thực tiễn phải bao hàm cả bước "quanh co", "quá độ", "trung gian" như V.I. Lê-nin đã nói ; "từ từ", "thận trọng từng bước một" và "vững chắc", như Hồ Chí Minh căn dặn ; có nghĩa là, không trải qua giai đoạn phát triển TBCN với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội thống trị. Chính tất cả điều đó quy định tính gián tiếp của sự quá độ lên CNXH ở nước ta ; thực hiện "sự phát triển rút ngắn", nhưng tuyệt nhiên không phải là đốt cháy giai đoạn, vi phạm quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên, mà "rút ngắn" ở đây chính là sự đẩy nhanh tương đối quá trình phát triển, nhất là tăng trưởng kinh tế. Có thể hiểu, đó là *sự phát triển đứt đoạn trong liên tục ; tuần tự kết hợp với nhảy vọt biện chứng.*

Hai là, "bỏ qua" bằng cách thông qua những khâu trung gian, những hình thức quá độ.

Sự "quá độ", "bỏ qua" chính là bỏ qua bằng các khâu trung gian. Nói cách khác, đó là sự quá độ lên CNXH từ một xã hội tiền TBCN, phổ biến là sản xuất nhỏ phải trải qua một loạt các khâu trung gian, những hình thức quá độ. V.I.Lê-nin chỉ rõ : Chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách *trung gian* cần thiết để chuyển từ những quan hệ *tiền TBCN* lên CNXH. Đó là mấu chốt của vấn đề (2).

Đại hội lần thứ VI (1986) của Đảng ta khẳng định, trên thực tế nước ta tồn tại cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và "phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn". Tiếp tục tư tưởng đó, 15 năm qua, Đảng ta nhất quán một quan điểm xuyên suốt : Phát triển kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật, từ sản xuất nhỏ lên CNXH. Tư tưởng này cũng chính là sự tiếp tục tư tưởng của V.I.Lê-nin trong việc phát hiện những nấc thang trung gian, tìm cách bắc những "chiếc cầu nhỏ" nối tiếp trên con đường quá độ : Vậy thì, danh từ quá độ có nghĩa là gì ? Vận dụng vào kinh tế có phải có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả CNTB lẫn CNXH không ? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có (3).

Quá độ từ một xã hội tiền tư bản lên CNXH, phải phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nói cụ thể, phải là phát huy vai trò tích cực của kinh tế nhiều thành phần trong việc làm tăng sức sống và năng động của nền kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất. Phát triển các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và tự do buôn bán nhất định sẽ nảy sinh khuynh hướng "tự phát" đi theo CNTB. Vì vậy, ở đây, Nhà nước không chỉ có sự hướng dẫn, kiểm soát nó, mà phải có cơ chế chính sách điều tiết nền kinh tế vĩ mô, nhất là kinh tế cá thể và tư bản tư nhân khiến cho chúng "tự giác" phục vụ công cuộc xây dựng CNXH. Muốn vậy, chúng ta không thể không "sử dụng CNTB (nhất là hướng nó vào con đường CNTB Nhà nước) làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất CNXH, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên, như V.I.Lê-nin nói.

Ba là, "bỏ qua" nhưng không thể bỏ qua những tính quy luật chung của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn.

Suốt một thời gian dài, do cách hiểu đồng nhất CNTB với sản xuất hàng hóa nên khi nói "bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN" thì chúng ta bỏ qua luôn cả sản xuất hàng hóa, thành kiến với quan hệ hàng hóa - tiền tệ, thậm chí còn kỳ thị với cả quy luật giá trị.

Lịch sử xác nhận, để chuyển nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn TBCN, giai cấp tư sản đã phải giải quyết vấn đề cơ bản là : Phát triển hàng hóa, tiến hành cách mạng kỹ thuật theo sự phát triển biện chứng của kỹ thuật - hiệp tác giản đơn, công trường thủ công đến đại công nghiệp cơ khí - để chuyển lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, mở rộng giao lưu quốc tế, khắc phục tâm lý sản xuất nhỏ và tư tưởng phong kiến, v.v... Nước ta từ sản xuất nhỏ đi lên CNXH, do đó, phải xây dựng một nền sản xuất lớn XHCN, tất nhiên trong điều kiện mới và với chủ thể mới. Đã xây dựng nền sản xuất lớn XHCN thì không thể không phát triển kinh tế hàng hóa gồm nhiều thành phần và sử dụng chúng trên con đường đi lên CNXH. Đã thừa nhận quan hệ hàng hóa - tiền tệ thì không thể không thừa nhận sự tồn tại khách quan của thị trường với cả

(2) Xem V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1987, t 43, tr 274.

(3) Xem V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 362

Digitized by Google

mặt tích cực và mặt tiêu cực của nó. Vì vậy, chúng ta thực hiện cơ chế thị trường nhất định phải có sự quản lý của Nhà nước nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của nó. Đó là *kinh tế thị trường định hướng XHCN.*

Ở đây, cần đặc biệt nhấn mạnh sự thống nhất giữa mục tiêu và phương tiện là yêu cầu cốt lõi phải được xem xét và cân nhắc thận trọng trên con đường phát triển, vì CNXH. Đó là, việc xác định các chính sách kinh tế - xã hội không chỉ căn cứ vào mục tiêu với mức độ thành công mà còn phải tính đến phương thức thực hiện và các hệ quả của chúng. Việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN phải được xem là một *quá trình có tính chính trị và văn hóa trước khi là một quá trình kinh tế và công nghệ* để tránh cái quy luật "cá lớn nuốt cá bé", "kinh tế vì kinh tế", "tiền vì tiền". Đó là *lợi thế so sánh tuyệt đối* giữa chế độ XHCN với bất kể chế độ nào khác cùng tiến hành kinh tế thị trường. Và những năm tới, vấn đề này cần phải được hoạch định một cách khoa học và hiệu quả trong việc tính toán các phương thức mà chúng ta thực hiện.

Bốn là, "bỏ qua" nhưng phải kế thừa và phát triển những kết quả tích cực của CNTB.

Thực chất đó là sử dụng những thành tựu nhiều mặt của xã hội loài người mà CNTB với địa vị lịch sử của nó đã thâu tóm, lợi dụng và phát triển chúng.

Do đó, khi nói sử dụng CNTB là hiểu theo tinh thần đó, tức là lựa chọn, sử dụng những thành tựu có lợi cho quá trình xây dựng CNXH. Trên phương diện này, cần phải xem CNTB không chỉ là một *đối trọng* mà quan trọng hơn, đồng thời là một *đối tác.*

Đây là vấn đề rất quan trọng đối với nước ta đi lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN. Muốn CNXH thành công thì không thể không sử dụng CNTB với tư cách là một nấc thang văn minh nhân loại. "Bỏ qua" chế độ TBCN, nhưng chính là sử dụng CNTB một cách chủ động và tự giác, trong điều kiện mới - điều kiện có Nhà nước XHCN và với chủ thể mới là nhân dân lao động. Ở đây, sự "bỏ qua" được hiểu không phải đơn thuần là sự phủ định toàn bộ, mà như là sự phủ định có giữ lại những nội dung phù hợp, những vật liệu cần thiết để xây dựng CNXH đã được giai đoạn tồn tại trước đó tạo nên về mặt lịch sử.

Định hướng và tiến hành xây dựng CNXH tất yếu phải kế thừa và sử dụng lực lượng sản xuất do nhân loại tạo ra và phát triển trong điều kiện của xã hội TBCN. Chẳng hạn, đó là thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ - môi trường ; là cơ chế thị trường với nhiều hình thức cụ thể tác động vào quá trình phát triển kinh tế, nhất là những mặt tích cực của nó. Cố nhiên, như vậy không có nghĩa là lặp lại hoàn toàn quá trình xây dựng lực lượng sản xuất đó trong lịch sử.

Ở nước ta, lực lượng sản xuất cần phát triển song hành *hai* phương thức : tuần tự (từ thủ công đến nửa cơ khí rồi cơ khí) và nhảy vọt theo lối đi tắt, đón đầu (từ thủ công đi thẳng vào hiện đại), sao cho trong một thời gian ngắn, thậm chí rất ngắn chúng ta đạt trình độ với các nước tiên tiến trong khu vực... Đó chính là thực hiện "bỏ qua" đối với lực lượng sản xuất.

Còn đối với quan hệ sản xuất, thì "bỏ qua" là bỏ qua quan hệ sản xuất TBCN với tư cách là quan hệ sản xuất giữ vai trò thống trị trong toàn xã hội, chứ không phải là xóa sạch các hình thức kinh tế TBCN khi nó chưa hết tác dụng tích cực, ngay trong thời kỳ quá độ. Đây chính là những "cây cầu nhỏ", những bước trung gian quá độ đưa chúng ta tới "phòng chờ" trực tiếp đi vào CNXH như lời chỉ dẫn của V.I.Lê-nin : Chúng tôi vẫn đang tiến lên bằng cách theo con đường tư bản nhà nước. Mà chính đó là con đường dẫn chúng tôi tiến lên phía trước, tiến lên CNXH và CNCS. Nghĩa là, trong điều kiện hiện nay, trên phương diện này, CNXH không phải là cái gì khác hơn là chế độ tư bản nhà nước được áp dụng để phục vụ toàn thể nhân dân. Đây chính là một giải pháp đối với việc giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của nước ta về kinh tế, trong điều kiện nhân dân lao động nắm chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, việc giải quyết mâu thuẫn sẽ rất phức tạp, vừa đấu tranh và hợp tác vừa cùng có lợi lại vừa kiên quyết ngăn chặn và khắc phục cực đoan trong phát triển của thế lực kinh tế tư bản không có lợi cho CNXH.

Về kiến trúc thượng tầng của TBCN, cũng không phải chỉ có "bỏ qua" mà không có kế thừa có chọn lọc. Nói cách khác, dưới chế độ XHCN,

Digitized by Google

"không những vẫn còn pháp quyền tư sản, mà vẫn còn Nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản" (4), để chúng ta tiến tới xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân, v.v...

2. Dự báo chính xác những vấn đề mới mẻ và cấp bách.

Khẳng định "con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn" cũng có nghĩa là, *phải tiếp tục nhận thức đúng đắn, cơ bản, không ngừng hoàn thiện nó trên một trình độ mới cao hơn.* Ở đây, nói đến những vấn đề đang đặt ra, tức là chúng chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa thỏa đáng song tuyệt nhiên không có nghĩa là, chưa có sự gợi mở và nghiên cứu nào về chúng.

Trong hàng loạt vấn đề nhằm tiếp tục xây dựng và phát triển con đường lên CNXH ở Việt Nam, nổi bật mấy vấn đề sau :

Một, xử lý mối quan hệ giữa giữ vững định hướng XHCN với nguy cơ chệch hướng XHCN (kể cả cục bộ lẫn toàn bộ).

Hai, xử lý mối quan hệ giữa đổi mới chính trị với đổi mới kinh tế và đổi mới xã hội bảo đảm đất nước vừa ổn định, vừa phát triển bền vững.

Ba, xử lý mối quan hệ giữa vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước với phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện mở cửa và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, với xung lực là kinh tế tri thức.

Bốn, xử lý mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với đổi mới, xây dựng quan hệ sản xuất XHCN.

Năm, xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội ; giữa sản xuất với tiêu dùng.

Sáu, xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với quy mô dân số phù hợp với môi trường sinh thái phát triển.

Bảy, xử lý mối quan hệ giữa giữ vững độc lập dân tộc với tăng cường sự chủ động mở cửa và hội nhập quốc tế, theo nguyên tắc XHCN.

Tám, xử lý mối quan hệ giữa chiến lược với sách lược, giữa nội dung với phương thức, bước đi tổ chức thực tiễn.

3. Xác định đúng những nhiệm vụ cơ bản cần giải quyết.

Trên con đường XHCN, chúng ta phải giải quyết hàng loạt nhiệm vụ hết sức to lớn, cơ bản và chủ yếu. Trước mắt, có thể hình dung và xác nhận một số nhiệm vụ cơ bản sau :

Một là, đẩy tới sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cả quy mô bề rộng lẫn chiều sâu, tạo đường băng để đất nước "cất cánh" một cách hiện thực hướng tới năm 2020 trở thành một nước công nghiệp, chứ không dừng lại ở những phương hướng chung. Nghĩa là, phải xây dựng một chương trình khả thi cho cả công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, chú trọng cho nông nghiệp, cho các vùng kinh tế - xã hội trọng điểm, cho vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng cũ... Đặc biệt, hiện nay nền kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần là một tất yếu khách quan. Cần xây dựng và phát triển kinh tế Nhà nước để giữ vững vai trò chủ đạo đồng thời phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế khác, coi các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Hai là, giải quyết một cách hài hòa và nhịp nhàng, bảo đảm cho kinh tế tăng trưởng nhịp độ cao gắn với việc tiến hành đồng bộ giải quyết các vấn đề xã hội tạo ra môi trường kinh tế - xã hội phát triển lành mạnh nhằm phát huy cao nhất mọi nguồn lực đất nước, mà then chốt là nguồn lực con người. Nói cách khác, giải pháp lâu dài là phát triển kinh tế nhanh, công bằng xã hội lớn hơn và sự tham gia của con người nhiều hơn. Đây chính là biện pháp cơ bản để giải quyết phát triển cơ bản, chủ yếu nhằm từng bước thỏa mãn những nhu cầu chính đáng về vật chất và tinh thần ngày càng tăng của nhân dân lao động trong lúc trình độ sản xuất xã hội còn thấp. Do vậy, phải đặt việc *phát triển sức sản xuất lên hàng đầu,* lấy *xây dựng kinh tế làm trung tâm* thúc đẩy xã hội tiến bộ toàn diện nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa cá nhân - tập thể - và quốc gia, thông qua các hình thức, các biện pháp quá độ thích hợp với các bước đi hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế với giáo dục - văn hóa - dân số - môi trường sinh thái, v.v...

---

(4) V.I.Lê-nin : *Sđd,* t 36, tr 121

Digitized by Google

nhằm tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội cao, nhưng giữ được độ bền vững.

Ba là, tập trung đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước, của thời đại. Trước hết, đẩy mạnh cải cách và hoàn thiện Nhà nước theo hướng pháp quyền XHCN, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế ; xây dựng Đảng ngang tầm với sự nghiệp đổi mới đất nước, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị.

Bốn là, phát huy rộng rãi và đầy đủ quyền và trách nhiệm của nhân dân lao động theo hướng dân chủ hóa thông qua một thiết chế thích hợp, bảo đảm nhân dân thực sự là chủ thể và quyền làm chủ của nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng CNXH nhằm không ngừng tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Năm là, nâng cao năng lực và hiệu quả chủ động hội nhập quốc tế theo hướng đẩy nhanh tốc độ và khả năng nội sinh hóa những sức mạnh bên ngoài nhằm thâu thái, tích tụ và tăng cường nội lực đất nước, để hội nhập một cách mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc mà vẫn giữ được bản sắc Việt Nam.

4. Xây dựng một hệ động lực mạnh mẽ và căn bản.

Việc đẩy tới con đường đi lên CNXH ở nước ta sẽ kém hiệu quả hoặc trở thành ảo tưởng, khi thiếu những động lực đủ mạnh. Cho nên, việc khám phá, xây dựng một hệ động lực phải bắt đầu từ việc giải quyết các vấn đề đã nêu trên.

Thực tiễn cho thấy, kinh tế phát triển trở thành nhân tố cơ bản để phát triển nội lực một cách trực tiếp. Nhưng việc đơn thuần chạy theo GDP đầu người sẽ không tránh khỏi dẫn tới khai thác bừa bãi các nguồn lực tự nhiên, trong đó cả những tài nguyên không tái tạo, phá vỡ hệ cân bằng sinh thái. Khoa học công nghệ cũng là một yếu tố phát triển. Song khoa học công nghệ trong không ít trường hợp gây ảnh hưởng tới hệ sinh thái. Bởi vậy, không thể nói tới một sự phát triển bền vững bằng cách bất chấp mọi hậu họa do chính sự phát triển thuần túy, có tính cực đoan của kinh tế hay khoa học công nghệ, dù chúng là động lực tạo ra một sự tích tụ nội lực rất đáng kể.

Thời đại ngày nay, chúng ta đã chứng thực văn hóa trở thành động lực, trở thành yêu cầu nóng bỏng của sự phát triển nói chung đối với bất cứ quốc gia, dân tộc nào. Vì thế, đối với sự phát triển đã qua và nhất là hiện nay, văn hóa với tư cách là một *hệ giá trị Việt Nam* là động lực rất to lớn, mặc dù động lực kinh tế giữ vị trí hết sức quan trọng. Nói một cách khái quát, đó là *văn hóa của sự phát triển bền vững.* Nếu không xác định một cách rõ ràng như thế thì kết quả phát triển sẽ rơi vào sự thuần túy quyết định luận kinh tế, phát triển bất chấp mọi giá, và như thế, nhất định phải trả giá.

Vậy, rõ ràng sự phát triển của Việt Nam là kết quả của sự tổng hòa các động lực từ kinh tế... tới văn hóa. Chỉ có như thế mới tạo một hệ động lực mạnh mẽ bảo đảm đất nước phát triển nhanh và bền vững nhằm hướng tới thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng về mọi mặt của nhân dân lao động. Đó là *mục tiêu của CNXH, là ưu thế tuyệt đối trong mọi lợi thế so sánh của CNXH.* Nghĩa là, nhân dân lao động là *trung tâm,* là *mục đích* mà sự phát triển xoay xung quanh nó, hướng tới nó, chứ không phải nhân dân lao động xoay xung quanh sự phát triển. Đó chính là lý do vì sao, chúng ta coi sự phát triển chính là xuất phát từ và vì các nhu cầu của chính nhân dân lao động. Hơn nữa, con người là nguồn lực hạt nhân, là chủ thể của mọi nguồn lực, do đó hiển nhiên nó là động lực cơ bản - động lực của mọi động lực. Và như thế, xét cho đến cùng, lợi ích mọi mặt chính là cái để thỏa mãn mọi nhu cầu của con người ; do đó, càng hiển nhiên, lợi ích trở thành nguyên động lực - động lực của mọi động lực hành động của con người.

Bởi vậy, chăm lo và từng bước thỏa mãn các lợi ích về vật chất và tinh thần của nhân dân lao động, của các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội là *nguồn gốc bảo đảm để xây dựng và khởi động hệ động lực của khối đại đoàn kết toàn dân* xây dựng đất nước theo mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Lợi ích của con người nói ở đây là lợi ích chính đáng, có sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích quốc gia, vì sự phát triển bền vững của đất nước. Đó chính là ý nghĩa sâu xa của nền dân chủ của chúng ta. *Nguồn động lực căn bản của hệ động lực hiện nay để xây dựng CNXH là ở đó.* Đó cũng chính là *mục tiêu,* là *bản chất* của chế độ ta : Bao nhiêu quyền lực đều thuộc về nhân dân, bao nhiêu lợi ích đều vì nhân dân và cho nhân dân lao động, như Hồ Chí Minh chỉ dẫn.❑

Digitized by Google

DỰA VÀO NHÂN DÂN ĐỂ XÂY DỰNG ĐẢNG

VŨ NGỌC LÂN

Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng, phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng, khi nói về những nguyên nhân của khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng, có một nhận xét rất quan trọng : Đảng ta "chưa làm tốt việc dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng".

Để làm rõ vấn đề này, và để phát huy được sức mạnh của nhân dân trong công tác xây dựng Đảng, theo tôi, cần nhiều giải pháp đồng bộ, có cơ chế, quy định rõ ràng, trước hết là cần quán triệt và thực hiện tốt một số nội dung thiết yếu sau đây :

1. Thật sự coi dân là "gốc" của cách mạng.

Điều này đã được giai cấp phong kiến thống trị ở phương Đông cũng như ở nước ta trải nghiệm. Người xưa xem "dân là gốc của nước". Gốc ở đây mang ý nghĩa là nếu dân có cuộc sống yên bình, ổn định thì một triều chính được xây dựng trên đó sẽ được bền vững. Người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt đã nêu rõ tư tưởng : "người làm vua của dân, cốt phải nuôi dân". Với Lý Thường Kiệt, nuôi dân thì phải bỏ các kế sách tham tà, loại trừ sự sách nhiễu, làm hại dân, phải ngăn chặn sự đục khoét dân để làm giàu cho mình. Còn Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn chủ trương "khoan sức cho dân để làm kế sâu rễ bén gốc, đó là thượng sách của việc giữ nước". Nguyễn Trãi lại thể hiện nội dung này bằng triết lý "việc nhân nghĩa cốt ở yên dân", "chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân". Đối với nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu thì đã có tư tưởng tiến bộ hơn nhiều : "nước lấy dân làm chủ, dân coi việc nước như nhà" hay "dân là dân nước, nước là nước dân". Tiếp thu tinh hoa truyền thống dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "nhân dân là gốc, công nông là gốc của cách mạng".

"Gốc có vững cây mới bền

Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân"

Người nói : "Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết", rằng "trong toàn bộ hoạt động của mình Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động" ; "phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng thì mới thành công". Theo quan điểm đó thì mọi chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng muốn trở thành hiện thực, hiệu quả trong cuộc sống đều do nhân dân tham gia, thực hiện. Ngoài một số công việc mang tính nội bộ, Đảng không có điều gì "bí mật" với nhân dân. Trong Điều lệ Đảng cũng như trong nhiều nghị quyết, chỉ thị khác, Đảng ta luôn chủ trương phải dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng ; cán bộ, đảng viên phải liên hệ mật thiết với nhân dân. Thế nhưng trong thực tế không phải ở đâu, lúc nào cũng làm được như vậy. Thậm chí không ít nơi chưa thật sự coi "dân là gốc của cách mạng". Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, nhiều cán bộ, đảng viên coi công việc của Đảng là một cái gì đó của riêng Đảng, không dính dáng gì đến nhân dân. Từ những năm trước đây, Đảng ta đưa ra chủ trương Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, hay gần đây có phương châm, chỉ thị về "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở v.v... Nhưng nói chung quy trình, cơ chế, cách thức thực hiện các chủ trương, phương châm này như thế nào thì vẫn còn lúng túng, chưa thống nhất, không ít nơi làm một cách méo mó, hình thức.

Do vậy, cần nghiên cứu, vận dụng và cụ thể hóa tư tưởng coi nhân dân là gốc của cách mạng vào trong công tác xây dựng Đảng để thật sự động viên nhân dân đóng góp sức mạnh vào công tác xây dựng Đảng ; làm cho Đảng ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng.

2. Đảng phải được dân tin.

Có rất nhiều yếu tố để dân tin, nhưng có lẽ điều cốt yếu nhất là làm sao được lòng dân, đáp ứng nguyện vọng của dân và loại bỏ những gì làm hại dân hoặc dân không thích. Trong hơn 70 năm lãnh đạo đất nước, dân tộc, Đảng ta luôn tin ở nhân dân, được nhân dân che chở, giúp đỡ, bảo vệ và đồng tình, hưởng ứng đường lối, nghị quyết của Đảng. Được sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đứng lên làm cách mạng, thực hiện nguyện vọng tha thiết của mình là : nước nhà hoàn toàn được độc lập, thống nhất, nhân dân hoàn toàn được tự do, xây dựng đời sống ngày càng ấm no, hạnh phúc. Được nhân dân giao phó sứ mệnh lãnh đạo, Đảng ta đã không phụ lòng tin ấy, đã phấn đấu, hy sinh vì nhân dân, vì dân tộc.

Tuy nhiên, trong mối quan hệ với nhân dân hiện nay, cũng còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, làm cho dân chưa thật tin vào các tổ chức đảng, thậm chí có những cán bộ,

Digitized by Google

đảng viên bị dân oán thán. Một trong những vấn đề bức xúc nhất hiện nay là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, lối sống, sự tham nhũng, quan liêu ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Có nhiều câu hỏi của người dân đặt ra cần được nghiên cứu và giải đáp. Chẳng hạn, Đảng ta có đầy đủ quyền hành, bộ máy, điều kiện, sao không chống được tệ tham nhũng trong chính những cán bộ, đảng viên của mình, để cho tệ này dường như ngày càng phát triển ? Tại sao nhiều cán bộ, đảng viên giàu lên nhanh chóng một cách bất chính mà Đảng không làm rõ và xử lý được ? Tại sao nhiều nơi để xảy ra tình trạng đảng viên mâu thuẫn, tranh chức, tranh quyền, nội bộ không đoàn kết... ? Tại sao dân chủ trong Đảng, trong xã hội chưa được đề cao hoặc có khi còn làm hình thức ? Trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng cũng như trong việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, hiệu quả thấp, chưa đạt yêu cầu đề ra, phải chăng có một nguyên nhân quan trọng là người dân chưa được "vào cuộc". Hay nói một cách khác là nhiều tổ chức đảng chưa tin dân, chưa thực sự dựa vào dân ?

3. Có cơ chế để nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên.

Điều lệ của Đảng qua nhiều lần bổ sung, sửa đổi, bao giờ cũng có nội dung Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Trong các nhiệm vụ của người đảng viên, luôn luôn có nhiệm vụ liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tích cực tham gia công tác quần chúng v.v. Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã quy định việc đảng viên đang công tác ở cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở nơi cư trú, v.v...

Thế nhưng cho đến nay, nhiều tổ chức đảng chưa có quy định, chưa cụ thể hóa, nhiều đảng viên không thực hiện hoặc thực hiện không tốt nhiệm vụ này. Có những người đứng đầu cấp ủy, đảng viên vin vào lý do này, lý do khác để né tránh, ngại tiếp xúc với nhân dân, ngại sinh hoạt, liên hệ với cấp ủy và nhân dân nơi cư trú.

Một "lỗ hổng" rất lớn trong công tác quản lý cán bộ, đảng viên hiện nay là chưa có quy định, cơ chế để nhân dân giám sát, tố cáo cán bộ, đảng viên có những việc làm tiêu cực, vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước. Đồng thời chúng ta cũng chưa có cơ chế khuyến khích, bảo vệ những người thẳng thắn, trung thực dám nói sự thật. Nói chung, Đảng vẫn chưa có quy định cụ thể, thống nhất để nhân dân có ý kiến, phản ánh các vụ, việc của một cán bộ, đảng viên, chưa quy định rõ người dân được gặp ai, tổ chức nào, thời hạn bao lâu thì được trả lời những ý kiến thắc mắc về cán bộ, đảng viên. Mối liên hệ giữa cán bộ, đảng viên đang công tác với tổ dân phố, xóm làng, cấp ủy nơi cán bộ, đảng viên đó cư trú là thế nào ? Trong tình hình hiện nay, một cán bộ, đảng viên có nhiều nhà, cư trú ở nhiều nơi thì mối liên hệ đó ra sao ? Đây là những vấn đề rất phức tạp, nếu không có cơ chế, quy định một cách chặt chẽ, không thực hiện thường xuyên, không phát động được nhân dân tham gia thì Đảng có "trăm mắt, trăm tay" cũng rất khó quản lý được đảng viên của mình.

Những năm gần đây, dân chủ trong Đảng và nhân dân được rộng mở, quần chúng, nhân dân có nhiều điều kiện để góp ý xây dựng Đảng. Tuy nhiên ở nơi này, nơi khác, lúc này hay lúc khác, vẫn còn có người lấy cớ "giữ bí mật" nhiều vấn đề lẽ ra phải công khai, nhằm che giấu khuyết điểm của họ. Không ít đảng viên vi phạm pháp luật nhưng tổ chức đảng cố tình "bảo vệ cán bộ" mà "xử lý nội bộ". Điều này làm nhân dân giảm lòng tin hoặc không tin vào tổ chức đảng nơi đó. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy việc giữ bí mật một chiều những điều lẽ ra phải công khai sẽ không có lợi cho Đảng, ngược lại còn làm cho khuyết điểm, nhất là khuyết điểm của một số người lãnh đạo nào đấy, cứ tồn tại, dai dẳng, tạo điều kiện cho chủ nghĩa quan liêu phát triển. Lâu nay việc tổ chức cho quần chúng, nhân dân tham gia ý kiến đóng góp xây dựng Đảng và phê bình cán bộ, đảng viên chưa được duy trì thường xuyên và coi trọng đúng mức. Do vậy, cần có cơ chế công khai để quần chúng, nhân dân biết và tham gia xây dựng Đảng. Chẳng hạn, việc công khai thu nhập, tài sản, nhà, đất của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo ; 19 điều quy định đảng viên không được làm mà Trung ương ban hành hoàn toàn có thể công khai để quần chúng nhân dân biết mà tham gia giám sát, kiểm tra cán bộ, đảng viên. Nghị quyết hội nghị Trung ương 6 (lần 2), Đảng ta đã nêu rõ : "Công bố công khai các nghị quyết chương trình hành động của cấp ủy, tổ chức đảng (nhất là cấp cơ sở) có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân (không thuộc bí mật của Đảng và Nhà nước), để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra các hoạt động của Đảng, xây dựng và bảo vệ Đảng". Các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là báo chí, phát thanh, truyền hình, đang là diễn đàn tích cực và nhanh nhạy nhất góp phần để người dân tham gia xây dựng Đảng. Các cơ quan chức năng, các ban của Đảng cũng dựa vào đây mà làm tốt nhiệm vụ kiểm tra, xử lý. Vì vậy, việc cụ thể hóa nghị quyết, xây dựng cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân xây dựng Đảng, giám sát cán bộ, đảng viên là góp phần quan trọng quyết định sự thắng lợi cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, làm cho Đảng ta ngày càng xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân.❑

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

SÁNG ngày 14-2-2001, tại Hà Nội, Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng - đã tổ chức Hội nghị cộng tác viên nhằm đóng góp ý kiến về công tác biên tập trong năm qua và triển khai thực hiện Chỉ thị của Bộ chính trị về công tác của Tạp chí Cộng sản trong thời kỳ mới. Đến dự có đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và gần 200 cộng tác viên thân thiết gồm các đồng chí cán bộ lão thành ; các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng ; các nhà khoa học, nhà báo, nhà văn, cán bộ quản lý của các cơ quan, đơn vị, học viện, viện nghiên cứu ở trung ương và Hà Nội lâu nay đã thường xuyên viết bài và cộng tác tích cực với Tạp chí.

Đồng chí Hà Đăng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, thay mặt Ban biên tập báo cáo về công tác biên tập trong năm qua. Bản báo cáo chỉ rõ : *công tác biên tập đã hoàn thành tốt chương trình, kế hoạch biên tập đề ra. Tạp chí xuất bản đều kỳ với chất lượng ổn định, được sự quí mến trân trọng của bạn đọc và sự tin tưởng của các cấp trong Đảng.*

Nội dung biên tập đã làm rõ các vấn đề sau :

Một là : Tập trung tuyên truyền, lý giải và làm rõ hơn những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; vấn đề thời đại ; nhìn lại thế kỷ XX và nhìn sang thế kỷ XXI ; vấn đề toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập quốc tế ; kinh tế tri thức...

Hai là : Nhiều bài viết có chiều sâu, bám sát yêu cầu nhiệm vụ tuyên truyền, phục vụ tốt các Nghị quyết Trung ương, kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng và các ngày kỷ niệm lớn của đất nước ; đặc biệt Tạp chí đã kịp thời mở mục "Tiến tới Đại hội IX của Đảng" với một số bài có tiếng vang.

Ba là : Cố gắng nâng cao chất lượng lý luận. Một số bài có hướng tiếp cận, tìm hiểu, lý giải với một phong cách mới có sức thuyết phục.

Tạp chí giữ được truyền thống và phong cách của mình, trình bày sáng sủa, tạo ra vị thế riêng của Tạp chí trong hệ thống báo chí và trong xã hội.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã nghe giới thiệu Chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác của Tạp chí Cộng sản trong thời kỳ mới.

Đánh giá Tạp chí, Bộ Chính trị nêu rõ : "Tạp chí Cộng sản đã có bề dày truyền thống 70 năm. Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, 70 năm qua, Tạp chí Cộng sản không ngừng phấn đấu, trưởng thành, đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tạp chí luôn quán triệt và thể hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng, tuyên truyền các nghị quyết của Đảng góp phần nâng cao trình độ lý luận, chính trị của cán bộ, đảng viên, động viên phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

Trong công cuộc đổi mới, Tạp chí Cộng sản đã có nhiều cố gắng trong công tác lý luận, đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào cuộc sống, tham gia tổng kết thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội trên thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, tình hình thế giới đã có nhiều biến động phức tạp, Tạp chí đã kiên định đấu tranh chống các quan điểm, tư tưởng sai trái và các luận điệu thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng".

Bộ Chính trị cũng chỉ rõ : "Tuy vậy Tạp chí Cộng sản cũng còn một số nhược điểm cần khắc

Digitized by Google

phục, nhất là trình độ lý luận và tính chiến đấu chưa cao ; việc phân tích và tổng kết những vấn đề mới, phức tạp do thực tiễn cách mạng trong nước và thế giới đặt ra chưa kịp thời và sắc bén".

Về công tác của Tạp chí trong thời kỳ mới, Bộ Chính trị nhấn mạnh : "Nhiệm vụ cơ bản và quan trọng của Tạp chí Cộng sản trong thời gian tới là : trên cơ sở phân tích đúng tình hình thế giới và cục diện mới của đất nước, góp phần hướng dẫn về lý luận và hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng các cơ quan lý luận của Đảng đi tiên phong trong công tác lý luận, bảo vệ, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, làm nổi bật những cống hiến về lý luận và thực tiễn của Đảng ta vào kho tàng lý luận cách mạng của thế giới.

Phương châm chỉ đạo hoạt động của Tạp chí Cộng sản là không ngừng nâng cao tính cách mạng và tính khoa học của công tác lý luận, gắn lý luận với thực tiễn, giải đáp có sức thuyết phục những vấn đề thực tiễn đề ra.

Hiện nay, toàn Đảng ta đang tiến tới Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đại hội có ý nghĩa lịch sử trọng đại, sẽ đưa ra những quyết sách nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tạo bước phát triển mới của đất nước trong những năm đầu thế kỷ XXI. Tạp chí Cộng sản có nhiệm vụ, bằng công tác lý luận và thông qua công tác lý luận kết hợp với thực tiễn làm sáng tỏ những nội dung cơ bản trong Nghị quyết Đại hội IX".

Phát biểu ý kiến tại Hội nghị, các cộng tác viên bày tỏ sự nhất trí cao với những nhận định của Bộ Chính trị về công tác của Tạp chí trong thời gian qua và nhiệm vụ của Tạp chí trong thời kỳ mới. Nhiều ý kiến phát biểu chân thành, tâm huyết có ý nghĩa sâu sắc. Xin lược ghi một số ý kiến quan trọng như sau :

- Đồng chí Hoàng Tùng : "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế và cuộc sống của đất nước ta đã được đặt vào chương trình nghị sự, là chủ đề trung tâm của Đại hội Đảng ta. Không ai có thể đứng ngoài làn sóng toàn cầu hóa mà làm cho đất nước, con người, cuộc sống phát triển. Cuộc cách mạng này lớn nhất, rộng nhất, sâu nhất trong lịch sử loài người. Ai bảo rằng mỗi bước phát triển, mỗi cuộc cách mạng không có lực cản là người ấy chưa hiểu hoặc chưa hiểu đầy đủ lịch sử phát triển của nhân loại, của biện chứng phép duy vật. Vì vậy, trên mặt trận lý luận, ai dám tự đắc với cái vốn hiểu biết được cung cấp từ các thế kỷ đã qua, mà muốn là nhà lý luận tiên phong phải hướng vào hiện tại và tương lai, lý giải những thay đổi đang diễn ra trước mắt và dự báo tương lai. Đổi mới tư duy lý luận là mệnh lệnh của cuộc sống. Chúng ta cần phải đổi mới tư duy lý luận, nhận thức sự vật mới bằng con mắt mới ; đổi mới là phương pháp tư duy, phong cách nghiên cứu, lý giải, diễn đạt những vấn đề lý luận. Tạp chí Cộng sản đã, đang và cần tiếp tục tham gia tích cực vào quá trình đó".

- Đồng chí Nguyễn Khánh : "Rất đồng tình với những nhận định của Trung ương về Tạp chí. Tạp chí đã làm được việc cùng với các cơ quan lý luận khác đi đầu trong công tác lý luận. Nếu như Tạp chí nhận trách nhiệm tiên phong về lý luận, thì chúng ta chịu trách nhiệm thế nào ? Trong thời gian tới đề nghị Tạp chí xem xét để hoàn thành nhiệm vụ đó. Là cơ quan báo chí hàng đầu, chuyên sâu về công tác lý luận ; muốn thu hút và nâng cao chất lượng về lý luận, một biện pháp quan trọng là tổ chức nhiều cuộc thảo luận về những vấn đề mà sự nghiệp cách mạng và thực tiễn công cuộc đổi mới của đất nước đặt ra, đặc biệt là tổ chức tốt các cuộc thảo luận về những quan điểm của Đại hội IX".

- Đồng chí Nguyễn Duy Quý : "Tạp chí Cộng sản đã luôn là người bạn, luôn cung cấp cho bạn đọc những điều tin cậy nhất. Chúng tôi đánh giá cao Tạp chí Cộng sản là cơ quan lý luận hàng đầu của đất nước, trong năm qua, thông qua công tác biên tập bài vở, Tạp chí đã làm được vai trò của mình. Chúng tôi đã cộng tác và đóng góp sức mình với Tạp chí. Trong điều kiện thông tin rất nhiều, rất rộng lớn ; vừa qua đưa thông tin phát hiện ra một hạt mới trong nguyên tử mà không

Digitized by Google

theo quy luật vật lý từ trước đến nay, vậy nên xử lý thế nào ? Chắc chắn sắp tới Tạp chí còn phải nâng cao chất lượng hơn nữa, nên mở rộng tranh luận hơn nữa, trao đổi nhiều hơn nữa để cung cấp thông tin, lý luận, huy động toàn bộ sức lực, trí tuệ của Đảng, nhân dân ta. Phải phản ánh phần nghiên cứu thông tin về phong trào cộng sản thế giới".

- ***Đồng chí Bùi Ngọc Thanh :*** "Chúng tôi học tập được rất nhiều ở Tạp chí, là học trò nhỏ trong trường đại học là Tạp chí Cộng sản, ở đây có nhiều kiến thức rất lớn. Thông qua Tạp chí Cộng sản, chúng tôi đã học tập được nhiều điều, những bài viết của tôi là kết quả của việc học tập đó. Văn kiện Đại hội sẽ có nhiều vấn đề mà Tạp chí của chúng ta phải tham gia cả về lý luận và tổng kết thực tiễn".

- ***Đồng chí Văn Tạo :*** "Tôi xin ca ngợi Tạp chí Cộng sản. Tạp chí đã làm rõ nhiều vấn đề về lý luận về chủ nghĩa xã hội của Việt Nam mà không phải dựa vào các nước khác... Còn nhiều vấn đề đặt ra như lý luận về quân sự như thế nào ; giai cấp công nhân hiện nay ra sao ? đổi mới, cách mạng và cải cách là 3 phạm trù cần phải bàn... Việt Nam làm được, chúng ta có điều kiện làm cuộc cách mạng mới. Hiện, chúng ta yếu về tổng kết thực tiễn, thực tiễn của Việt Nam đã làm... Tạp chí là ngọn cờ lý luận của Đảng, cùng với các cơ quan khác, phải có ý kiến về các vấn đề lý luận và thực tiễn ấy".

- ***Đồng chí Quang Cận :*** "Tạp chí đã làm được việc góp phần phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân đóng góp ý kiến với Đại hội IX. Tạp chí Cộng sản là Tạp chí lý luận của Đảng, là trường học lớn về lý luận chính trị cho toàn Đảng, vậy nên phải làm sao động viên trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân góp phần vào việc xây dựng đường lối của Đảng. Nhiều đồng chí đã nghỉ công tác vẫn thường xuyên đọc Tạp chí và đánh giá Tạp chí rất hay ; đó là điều rất mừng, nhưng còn vấn đề đáng quan tâm nữa là việc tổ chức đọc và vận dụng Tạp chí đến đâu".

- ***Đồng chí Nguyễn Đức Bình*** phát biểu ý kiến với tư cách vừa là người chỉ đạo vừa là cộng tác viên của Tạp chí, đồng chí nhấn mạnh : "Trong kiểm điểm Tạp chí Cộng sản ta nên dựa vào những nhận xét, đánh giá, ưu điểm, nhược điểm được nêu trong Chỉ thị của Bộ Chính trị và báo cáo của đồng chí Tổng biên tập nhưng vẫn cần phải đi sâu thêm.

Nhất trí với ý kiến anh Hoàng Tùng là phải đổi mới ; đổi mới tư duy lý luận là mệnh lệnh của cuộc sống. Mệnh lệnh đó đã có từ lâu, từ Đại hội VI của Đảng. Mười lăm năm qua chúng ta đã thực hiện có kết quả, không đổi mới tư duy lý luận thì không có được những thành quả các mặt như 15 năm đổi mới. Nhưng rõ ràng đến hôm nay vẫn phải tiếp tục đổi mới.

Tạp chí Cộng sản là của chúng ta, của toàn Đảng. Nó là tấm gương phản chiếu trình độ lý luận của chúng ta. Sức chúng ta như thế nào thì thể hiện trên Tạp chí như thế ấy. Đánh giá Tạp chí vì vậy có nghĩa là tự đánh giá chúng ta. Phê bình Tạp chí cũng là phê bình chính mình, xây dựng Tạp chí là cho chính mình. Có đồng chí nói, Tạp chí như một trường học lớn ; đúng, nhưng ở đây chúng ta vừa là trò vừa là thầy. Cái làm được chúng ta phải khẳng định ; còn cái yếu kém, chưa làm được chúng ta phải cùng nỗ lực vượt lên chính mình. Tất nhiên trách nhiệm và sự cố gắng của bản thân đội ngũ biên tập của Tạp chí là rất quan trọng. Tạp chí phải làm sao huy động được trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ; làm sao Tạp chí phản ánh đúng thành quả lý luận của chúng ta. Vấn đề tổ chức lực lượng là rất quan trọng.

Tình hình quốc tế và trong nước hiện nay có nhiều vấn đề đặt ra cần được giải đáp và làm sáng tỏ. Phương hướng sắp tới của Tạp chí Cộng sản cần bám sát vào Chỉ thị của Bộ Chính trị. Chưa bao giờ có nhiều vấn đề lý luận để nghiên cứu như bây giờ. Đó là nhiệm vụ vô cùng nặng nề, vô cùng lớn lao. Không biết cơ man nào những vấn đề mới mẻ, phức tạp mà chúng ta chưa làm được bao nhiêu ; đòi hỏi phải có tư duy lớn và sắc sảo. Trên nhiều vấn đề đang có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, ngổn ngang, bề bộn. Đây là cơ hội tốt cho chúng ta đào sâu suy nghĩ, phát triển tư duy, nâng cao trình độ sáng tạo. Đồng thời, đây cũng là thách thức rất to lớn đối với chúng ta. Chưa bao giờ giới lý luận chúng ta

Digitized by Google

đứng trước nhiều việc để làm với những khó khăn phức tạp và đòi hỏi cao như hiện nay. Đó là do thực tiễn đặt ra, thực tiễn phát triển xã hội, thực tiễn cách mạng. Chúng ta lại đang ở thời đại bùng nổ thông tin. Làm sao vừa phải ngốn cho được đầy đủ thông tin, vừa phải xử lý thông tin một cách chính xác, theo đúng quan điểm của Đảng ta, phù hợp với nền tảng tư tưởng và con đường chúng ta đã lựa chọn. Đó là những nhiệm vụ to lớn đặt ra đối với Tạp chí Cộng sản, cũng là đặt ra đối với toàn Đảng. Làm sao Tạp chí góp phần được nhiều nhất, đáp ứng được đòi hỏi của nhiệm vụ trong điều kiện phát triển của thế giới và đất nước rất không đơn giản như hiện nay mà sắp tới có khi, có mặt còn khó khăn phức tạp hơn nữa. Bên cạnh thuận lợi có khó khăn thách thức, bên cạnh nhiều vấn đề đã rõ còn nhiều vấn đề chưa rõ, nên rất cần trí tuệ của tất cả mọi người cùng chung lo giải quyết. Mong rằng, Tạp chí rồi đây sẽ hay hơn nữa, chất lượng cao hơn nữa, bổ ích nhiều hơn nữa. Đạt được điều đó phải có sự cố gắng lớn của Bộ biên tập và của tất cả chúng ta.

Nhiệm vụ cơ bản và quan trọng của Tạp chí trong thời kỳ mới cũng như nhiệm vụ cụ thể trọng tâm trước mắt đã được nêu trong Chỉ thị của Bộ Chính trị là rất nặng nề. Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản cần tổ chức tổng kết kinh nghiệm làm Tạp chí, rút ra những bài học bổ ích, thiết thực, đổi mới toàn diện hoạt động của Tạp chí, then chốt là đổi mới công tác biên tập và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ sức làm tròn nhiệm vụ được giao".

Nhiều cộng tác viên không có điều kiện phát biểu ý kiến tại hội nghị đã gửi bản chuẩn bị sẵn tới Ban biên tập và đề nghị có những cuộc gặp riêng.

Năm 2001 là năm mở đầu thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, cũng là năm tiến hành Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng ; năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005. Tiếp thu các ý kiến của Hội nghị, Tạp chí Cộng sản xác định những phương hướng nhiệm vụ công tác chính trong thời gian tới như sau : :

- Quán triệt thật sâu sắc Chỉ thị của Bộ Chính trị đến từng cán bộ, nhân viên của Tạp chí cũng như tuyên truyền, giới thiệu đối với các ngành, các cấp ở trung ương và địa phương.

- Xây dựng Tạp chí Cộng sản vững mạnh, xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng, hoàn thành tốt những nhiệm vụ mà Trung ương Đảng, Bộ Chính trị giao cho. Chú trọng nhiều hơn nữa vào việc nâng cao chất lượng nghiên cứu biên tập, nâng cao tính lý luận và tổng kết thực tiễn ; triển khai tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005.

- Đánh giá thật cụ thể từng việc, từng năm ; rút ra những ưu điểm, nhược điểm và tìm giải pháp thực hiện có hiệu quả cao.

Xuất phát từ đó, năm 2001 Tạp chí tập trung làm tốt một số công việc chủ yếu sau :

- Tuyên truyền, lý giải có cơ sở khoa học những chủ trương đường lối, quan điểm của Đảng trước và sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra. Đấu tranh tích cực và có hiệu quả chống các tư tưởng sai trái, luận điệu của các thế lực thù địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và sự nghiệp đổi mới của Đảng..

- Trên cơ sở những quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ có tính chỉ đạo của Bộ Chính trị, Tạp chí kế hoạch hóa hơn nữa công tác biên tập, định ra các biện pháp cụ thể để thực hiện.

- Bổ sung và kiện toàn đội ngũ cán bộ, đủ số lượng và có chất lượng, đáp ứng nhu cầu công tác của Tạp chí trong tình hình mới.

- Khẩn trương thực hiện dự án đưa Tạp chí Cộng sản điện tử lên mạng In-tơ-nét vào dịp kỷ niệm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19-5-2001.

- Đẩy mạnh công tác cộng tác viên với nhiều nội dung và hình thức phong phú để thu hút trí tuệ, tập hợp các bài viết hay nhất của cán bộ, đảng viên đăng trên Tạp chí Cộng sản.

* Sáng ngày 15-2-2001, Tạp chí Cộng sản cũng đã mở Hội nghị cộng tác viên các tỉnh phía Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. Hơn sáu mươi cộng tác viên đã đến dự và bày tỏ quyết tâm cộng tác chặt chẽ với Tạp chí nhằm thực hiện tốt Chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác của Tạp chí trong thời kỳ mới.❑

Digitized by Google

BƯỚC TIẾN MỚI CỦA SỰ NGHIỆP XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

NGUYỄN THỊ HẰNG *

Đói nghèo là một trong những vấn đề xã hội mang tính toàn cầu. Xóa đói giảm nghèo được coi là một trong những nội dung quan trọng ưu tiên hàng đầu trong các mục tiêu phát triển xã hội của thế giới hiện đại.

Bước vào thiên niên kỷ mới, đói nghèo vẫn là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại. Hướng tới tương lai, tại khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc về phát triển xã hội, tháng 6-2000 ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ), cộng đồng quốc tế tiếp tục cam kết thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phấn đấu đến năm 2015 giảm 1/2 số người nghèo trên thế giới. Hội nghị cũng kêu gọi cộng đồng quốc tế đẩy mạnh chiến dịch "Tấn công vào đói nghèo" và khuyến nghị các quốc gia cần có chiến lược toàn diện về xóa đói giảm nghèo. Đặc biệt, Hội nghị thiên niên kỷ đầu tháng 9-2000 của Liên hợp quốc tại Oa-sinh-tơn (Mỹ), một lần nữa khẳng định chống đói nghèo là một trong những mục tiêu ưu tiên của cộng đồng quốc tế trong thế kỷ XXI. Tại hội nghị này, Chủ tịch Trần Đức Lương, trưởng đoàn đại biểu Việt Nam đã đề nghị lấy thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI làm thập niên dành ưu tiên cho xóa đói giảm nghèo trên phạm vi toàn thế giới, và đã được hội nghị đồng tình cao.

Đối với Việt Nam, vấn đề xóa đói giảm nghèo càng trở nên quan trọng, là nhiệm vụ cách mạng cao quý của toàn Đảng, toàn dân, nhất là trong thời kỳ đổi mới.

Nhận thức về tầm quan trọng của sự nghiệp xóa đói giảm nghèo trong công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, tại Hội nghị triển khai Chương trình 133 và 135 ngày 6-7-1999, đã nhấn mạnh : "Vấn đề nghèo đói không được giải quyết thì không một mục tiêu nào mà cộng đồng quốc tế, cũng như quốc gia đặt ra như tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống, hòa bình, ổn định, bảo đảm các quyền con người được thực hiện".

Nhận thức trên xuất phát từ tư tưởng cơ bản xóa đói giảm nghèo là một trong những chính sách xã hội hướng vào phát triển con người, tạo ra động lực tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy bản sắc, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đồng thời cũng thể hiện nỗ lực của chúng ta trong thực hiện các cam kết quốc tế.

Chủ trương của Đảng và Nhà nước về xóa đói giảm nghèo trong công cuộc đổi mới hợp với lòng dân, được nhân dân ủng hộ và trở thành phong trào hoạt động sôi động của cả nước. Ngày 17-10 hằng năm đã trở thành "Ngày vì người nghèo", thể hiện ý chí, quyết tâm của toàn dân ta trong cuộc đấu tranh chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu trên con đường phát triển, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh", theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, Việt Nam vẫn là một nước nghèo, thu nhập bình quân đầu người/năm vào loại thấp trên thế giới (năm 2000 mới đạt khoảng 400 USD), tỷ lệ đói nghèo còn cao. Theo chuẩn Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố thì tỷ lệ đói nghèo năm 1992 - 1993 khoảng 30%, năm 1999 : 13%, năm 2000 khoảng 11%. Đánh giá của Ngân hàng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Digitized by Google

thế giới thông qua kết quả điều tra mức sống dân cư Việt Nam thì tỷ lệ đói nghèo năm 1992 - 1993 khoảng 58%, năm 1998 khoảng 37% (nếu chỉ tính đói nghèo về lương thực, thực phẩm tỷ lệ đói nghèo là 15%).

Một số vùng, khu vực, đặc biệt vùng đồng bào dân tộc, tỷ lệ đói nghèo khá cao (trên 20%). Miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ và Tây nguyên còn nhiều xã có tỷ lệ hộ nghèo đói rất cao.

Sự phân cực giàu nghèo ngày càng tăng. Theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê, nếu so sánh 20% nhóm hộ có thu nhập cao nhất (nhóm 5) với 20% nhóm hộ có thu nhập thấp nhất ở vùng nông thôn (nhóm 1) chênh nhau 7,3 lần (năm 1996) tăng lên 11,23 lần (năm 1998). Chênh lệch mức sống giữa dân cư thành thị và nông thôn hiện nay khoảng 5 - 7 lần.

Các chỉ tiêu về cải thiện đời sống còn rất thấp so với mục tiêu đề ra, đặc biệt chỉ tiêu về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Năm 1999, số trẻ suy dinh dưỡng vẫn còn 36,68%, năm 2000 khoảng 34%, phần lớn thuộc các gia đình nghèo ; tỷ lệ phát triển dân số ở nhóm người nghèo rất cao (trên mức trung bình 1,5% của cả nước) ; tỷ lệ người biết chữ ở các vùng sâu chỉ khoảng 50% ; ở nông thôn chỉ khoảng 43% số hộ gia đình được dùng nước sạch và 20% có hố xí hợp vệ sinh...

Hằng năm số người phải cứu trợ đột xuất do thiên tai, mất mùa khoảng từ 1 - 1,5 triệu người. Năm 2000, theo báo cáo của 34 tỉnh, tổng số người thiếu đói lên tới 1,3 triệu người, chủ yếu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung. Bình quân hằng năm có khoảng 7% số hộ tái đói nghèo trong tổng số hộ vừa thoát khỏi đói nghèo.

Đặc điểm cơ bản của tình trạng đói nghèo ở Việt Nam có thể nhận xét khái quát như sau :

- 90% số hộ đói nghèo tập trung ở nông thôn, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng cao, trong đó có khoảng 2 200 xã nghèo và đặc biệt khó khăn ; thường rơi vào nhóm hộ gia đình thuần nông, độc canh lúa và tự cung tự cấp ; khu vực thành thị, chủ yếu ở số dân mới nhập cư.

- Đói nghèo do hậu quả trực tiếp, thường xuyên của thiên tai, mất mùa và do hậu quả nặng nề của chiến tranh, môi trường bị phá hoại nghiêm trọng, các điều kiện địa lý, kinh tế bất lợi (kinh tế thị trường ở đó chưa phát triển ; điều kiện cơ sở hạ tầng thấp kém). Các vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là do điều kiện địa lý phức tạp và khó khăn, cơ sở hạ tầng thiếu và yếu kém, trình độ dân trí thấp, sinh đẻ nhiều, tập quán du canh du cư, canh tác theo kiểu cũ, năng suất thấp, chi tiêu trong gia đình không tiết kiệm và không có kế hoạch, chưa tiếp cận thông tin và tiếp thị ; vùng đồng bằng sông Hồng do đông dân, hộ thiếu đất ; vùng đồng bằng sông Cửu Long do số hộ chuyển nhượng hoặc không có ruộng đất (có khoảng 10 - 12% của tổng số hộ nông dân nghèo không có đất sản xuất) ; vùng duyên hải miền Trung bị thiên tai nặng liên tiếp xảy ra, không những phá các công trình hạ tầng mà còn phá hàng ngàn ha đất, hàng trăm làng phải di dân đi nơi khác.

- Mặc dù số hộ đói nghèo ở Việt Nam còn lớn, song về cơ bản vẫn có tư liệu sản xuất (trước hết là ruộng đất và công cụ sản xuất, ngành nghề). Đó là điều kiện cực kỳ quan trọng để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo.

- Đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, cùng với truyền thống tốt đẹp "lá lành đùm lá rách", tình làng nghĩa xóm đậm đà... là những tiền đề cơ bản để giải quyết vấn đề đói nghèo ở Việt Nam.

Sau gần 15 năm thực hiện chính sách đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội. Thời kỳ 1991 - 2000, nền kinh tế có mức tăng trưởng với tốc độ cao nhất từ trước tới nay ; sau 10 năm tăng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước (GDP). Đặc biệt, vài năm gần đây sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, sản xuất lương thực 12 năm được mùa liên tục. Năm 2000 sản lượng lương thực quy thóc đạt 35,7 triệu tấn. Sản lượng lương thực bình quân đầu người năm 1990 đạt 330 kg, đến năm 2000 đạt 435 kg. Lương thực tăng không những đủ tiêu dùng trong nước, bảo đảm an ninh lương thực, dự trữ, mà còn dành cho xuất khẩu tương đối lớn, đứng hàng thứ 2 về xuất khẩu gạo trên thế giới.

Những thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế, xã hội đã cải thiện rõ rệt đời sống đại bộ phận nhân dân. Mức sống của các tầng lớp dân cư hiện nay so với năm 1990 tăng lên 1,5 lần. Một bộ phận có đời

Digitized by Google

sống khá, có nhiều người trở nên giàu có. Đó là điều kiện quan trọng để thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Cùng với chủ trương về phát triển kinh tế, khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp, Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo xây dựng Chương trình xóa đói giảm nghèo tiến hành từ cơ sở đến trung ương. Chương trình này đã đến với từng người, từng hộ và xã nghèo trong cả nước.

Các chính sách, giải pháp và chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo tập trung vào hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, hộ gia đình nghèo và xã nghèo, nhất là các xã đặc biệt khó khăn ở vùng nông thôn, vùng núi cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, ven biển, đồng bào dân tộc thiểu số. Trong các chính sách xóa đói giảm nghèo, ngoài các chính sách vĩ mô (tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn ; xây dựng các công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất và đời sống, bảo đảm an ninh lương thực ; hỗ trợ để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi ; thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm,...), Nhà nước còn có các chính sách trực tiếp hỗ trợ hộ nghèo phát triển kinh tế (đặc biệt coi trọng chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách đất sản xuất...), đồng thời, Nhà nước còn có chính sách hỗ trợ về giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin... nhằm cải thiện đời sống về tinh thần và vật chất của người nghèo.

Công cuộc xóa đói giảm nghèo ngày càng được nhân rộng và đi vào chiều sâu từ khi Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo. Với sự cố gắng cao của Đảng và Nhà nước, của nhân dân và sự hợp tác, giúp đỡ của quốc tế, trong 10 năm qua đã giảm trên 2 triệu hộ đói nghèo. Tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh, từ gần 30% vào đầu năm 1992 xuống còn khoảng gần 11% vào năm 2000. Mỗi năm bình quân giảm được 250 000 hộ. Riêng giai đoạn 1996 - 2000, mỗi năm giảm được 300 000 hộ (2%), đạt được mục tiêu do Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đề ra và được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những nước giảm tỷ lệ đói nghèo tốt nhất ; trở thành "điểm sáng" trong công cuộc đổi mới của đất nước.

Bên cạnh những thành tựu trên đây, chúng ta vẫn còn một số mặt yếu kém cần nhanh chóng khắc phục :

- Tỷ lệ đói nghèo những năm qua vẫn còn ở mức cao và chưa vững chắc, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lụt, mất mùa ; tỷ lệ tái đói nghèo lớn, đặc biệt đối với nhóm hộ nằm sát chuẩn đói nghèo.

- Nhận thức, nhất là về trách nhiệm đối với công tác xóa đói giảm nghèo ở một số bộ, ngành, địa phương, cơ sở chậm và chưa rõ, thiếu nhất quán, duyệt chương trình, kế hoạch chậm, gây nên tình trạng "nản lòng". Công tác bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ không được đầu tư và coi trọng. Cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo còn ít am hiểu, thiếu kinh nghiệm, một số thiếu nhiệt tình ; nhất là ở cơ sở (xã, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc) vừa thiếu về số lượng, vừa rất hạn chế về trình độ, năng lực và tính kiên trì.

- Chuẩn nghèo đưa ra thấp và chỉ chú ý lương thực là chính.

- Còn nặng tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào cấp trên, vào nhà nước ; chưa phát huy tính chủ động, tự lực của địa phương, cơ sở, trong dân và của chính người nghèo để quyết tâm tự vươn lên vượt qua ngưỡng nghèo đói.

- Một số chính sách, cơ chế xóa đói giảm nghèo chưa đồng bộ, cụ thể và một số chính sách, giải pháp trợ giúp của Nhà nước chưa đến được người nghèo ; có phân công trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhưng không kiểm điểm khen chê rõ ràng ; việc phối hợp, điều hành kế hoạch và lồng ghép các chương trình kinh tế, xã hội với xóa đói giảm nghèo còn lúng túng, hiệu quả chưa cao.

- Nguồn lực dành cho chương trình còn rất hạn chế, chưa cân đối với mục tiêu đề ra ; có biểu hiện tiêu cực trong quản lý, sử dụng nguồn lực xóa đói giảm nghèo.

Qua thực tiễn 10 năm thực hiện xóa đói giảm nghèo, chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm

1 - Trước hết là phải có nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm cao về xóa đói giảm nghèo của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và chính người nghèo. Từ chuyển biến nhận thức đúng đã tạo và tăng đầu tư nguồn lực, cán bộ và hình thành hệ thống chính sách cơ chế, chương trình, dự án, kế hoạch xóa đói giảm nghèo từ trung ương đến xã, phường. Xóa đói giảm nghèo phải trở

Digitized by Google

thành nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của các cấp, các tổ chức đoàn thể ; xã, phường nào cũng cần có hành động cụ thể về xóa đói giảm nghèo.

2 - Đa dạng hóa nguồn lực (nhà nước, cộng đồng dân cư, hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp và hợp tác quốc tế) cho xóa đói giảm nghèo, trước hết và chủ yếu là chủ động phát huy nguồn lực tại chỗ. Tập trung nguồn lực cho các mục tiêu trọng điểm là xóa các hộ đói kinh niên, xây dựng cơ sở hạ tầng, tín dụng, y tế, giáo dục... trước hết ở nơi có tỷ lệ hộ nghèo đói cao và nhiều xã đặc biệt khó khăn.

3 - Xác định rõ trách nhiệm lãnh đạo của các cấp ủy đảng ; chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành ; vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ; khơi dậy trách nhiệm cộng đồng và tự vươn lên của chính người nghèo. Thực hiện cơ chế dân chủ, công khai về nguồn lực, tài chính. Phân công các địa phương khá, đơn vị, cơ quan, các tổng công ty hỗ trợ các xã nghèo.

Tổ chức tốt công tác thông tin hai chiều từ trung ương đến cơ sở và với các tổ chức quốc tế. Coi trọng tổng kết, xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả ở các thôn, bản, xã, huyện. Khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc về xóa đói giảm nghèo.

4 - Công tác điều tra, khảo sát, phân tích đúng nguyên nhân, lập danh sách hộ đói nghèo trở thành phương pháp, công cụ quan trọng cho công tác quản lý nhà nước và bảo đảm tính thực tế, căn cứ để thực hiện xóa đói giảm nghèo ; xây dựng kế hoạch, biện pháp cụ thể ; thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện ; tăng cường đội ngũ cán bộ có trình độ, tâm huyết với công tác xóa đói giảm nghèo, nhất là cho các xã đặc biệt khó khăn. Lựa chọn, bổ sung, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ là khâu rất quyết định.

5 - Mở rộng hợp tác quốc tế về xóa đói giảm nghèo, nhất là kinh nghiệm phương pháp tiếp cận, chọn tìm những yếu tố, cách làm hiệu quả cho từng dự án, từng chính sách, cơ chế và nguồn lực, kỹ thuật, thông tin. Thành tựu về xóa đói giảm nghèo đã góp phần thuyết phục và mở rộng hợp tác quốc tế theo chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Bước vào thế kỷ XXI, mở đầu cho một thời kỳ mới của sự phát triển ở nước ta, vấn đề cải thiện đời sống nhân dân là một trong những mục tiêu chủ yếu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2001 - 2010. Từ đó, xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm càng trở thành nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Tập trung chỉ đạo, đầu tư cho các địa bàn nông thôn, nơi chiếm 90% số hộ đói nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng ATK, khu căn cứ cách mạng, biên giới, ven biển, hải đảo, đồng bào dân tộc, phụ nữ nghèo.

Trên bước đường hội nhập, chúng ta phải xây dựng một chiến lược toàn vẹn về xóa đói giảm nghèo, xác định cho được phương hướng, mục tiêu và đặc biệt là giải pháp trong 10 - 15 năm tới cơ bản không còn đói nghèo ở nước ta. Chiến lược đó bao gồm 4 vấn đề cơ bản :

- Tạo môi trường kinh tế, xã hội và kỹ thuật cho người có cơ hội phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, coi đó là giải pháp cơ bản nhất để xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Bằng cơ chế, tổ chức để tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội, đặc biệt là dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, dinh dưỡng, kế hoạch hóa gia đình, nước sạch sinh hoạt...).

- Giảm nguy cơ rủi ro cho người nghèo trước những bất trắc trong đời sống, nhất là rủi ro do thiên tai và trước hết cho nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương (người già cô đơn không nơi nương tựa, trẻ mồ côi, người tàn tật, phụ nữ nghèo...).

- Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm cho người nghèo tham gia vào công cuộc xóa đói giảm nghèo và phát triển.

Xóa đói giảm nghèo trong thập niên tới không chỉ bảo đảm về ăn mà còn đáp ứng các nhu cầu về nhà ở, mặc, y tế, giáo dục, dạy nghề, văn hóa - thông tin, đi lại, giao tiếp. Tức là, trong những năm tới, xóa đói giảm nghèo được mở rộng về nội dung, chính sách và nâng cao chuẩn từ 1,5 đến 3 lần so với hiện nay ; chuẩn nghèo có thể thay đổi theo thời gian phụ thuộc vào trình độ phát triển của nền kinh tế và kết quả thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, việc xác định chuẩn nghèo đói cho thời gian tới phải bảo đảm 2 yêu cầu : phản ánh đúng thực trạng nghèo đói của Việt Nam phù hợp với điều kiện mới và khả năng giải quyết theo mục tiêu của Chương trình quốc gia xóa đói giảm

Digitized by Google

nghèo ; từng bước tiếp cận và vận dụng hợp lý chuẩn quốc tế. Đồng thời, xóa đói giảm nghèo phải bảo đảm tính bền vững, giảm cơ bản tái đói nghèo ; làm chuyển biến rõ rệt tình trạng nghèo đói ở các vùng trọng điểm, các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn và cải thiện đời sống dân cư.

Trong thời kỳ 1992 - 2000, do điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam chưa cho phép, nên chúng ta phải áp dụng chuẩn nghèo thấp, chủ yếu là giải quyết vấn đề ăn (tương đương chuẩn nghèo về lương thực của quốc tế). Trong 5, 10 năm tới, phấn đấu nâng chuẩn nghèo lên khoảng 1,5 đến 3 lần so với chuẩn cũ. Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát thực tế và sau khi thảo luận thống nhất của các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, các tỉnh, thành phố, ngày 01-11-2000, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 1143/2000/QĐ-LĐTBXH điều chỉnh chuẩn hộ nghèo từ đầu năm 2001 là : vùng nông thôn miền núi, hải đảo : 80 000 đồng/tháng, 960 000 đồng/năm ; vùng nông thôn đồng bằng : 100 000 đồng/tháng, 1 200 000 đồng/năm ; vùng thành thị : 150 000 đồng/tháng ; 1 800 000 đồng/năm. Những hộ có thu nhập bình quân đầu người dưới mức quy định này được xác định là hộ nghèo.

Chuẩn mới nêu trên vẫn còn quá thấp so với cuộc sống và chuẩn quốc tế, song nếu ta nâng cao nữa thì điều kiện, khả năng nguồn lực không cho phép và khi đó tỷ lệ người đói nghèo lên 50 - 60% ở nước ta thì sự giúp đỡ, san sẻ cũng khó thực hiện (mọi người cùng trong diện nghèo đói cả). Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, xã hội và kết quả thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo, các tỉnh, thành phố có thể nâng chuẩn hộ nghèo cao hơn so với quy định trên với 3 điều kiện : thu nhập bình quân đầu người của tỉnh, thành phố cao hơn thu nhập bình quân đầu người của cả nước ; tỷ lệ hộ đói nghèo của tỉnh, thành phố thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo chung của cả nước ; có đủ nguồn lực hỗ trợ cho hộ nghèo, người nghèo. Theo chuẩn mới, tỷ lệ hộ đói nghèo năm 2001 vào khoảng 17,2%.

Mục tiêu tổng quát xóa đói giảm nghèo 10 năm tới là giảm hộ nghèo, đại bộ phận người nghèo tiếp cận được các dịch vụ xã hội ; hoàn thành cơ bản các mục tiêu trợ giúp xã đặc biệt khó khăn ; mở rộng cơ hội cho người nghèo thụ hưởng các chính sách trợ giúp xã hội và phúc lợi xã hội. Đến năm 2005 phấn đấu không để tái đói kinh niên ; giảm tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% theo chuẩn nghèo mới (nếu tính theo chuẩn cũ còn khoảng 5%), bình quân mỗi năm giảm từ 1,5% - 2% (tương ứng 25 - 28 vạn hộ) ; cơ bản các xã nghèo có đủ công trình hạ tầng cơ sở thiết yếu (thủy lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, đường dân sinh, nước sinh hoạt, chợ).

Để thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ về xóa đói giảm nghèo, trong những năm tới chúng ta cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau :

Thứ nhất, tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về trách nhiệm và quyết tâm cao xóa đói giảm nghèo, từ trung ương đến cơ sở và người dân, tạo nên phong trào, sức mạnh tổng hợp xóa đói giảm nghèo nhanh, bền vững.

Thứ hai, ngoài sự hỗ trợ, đầu tư của nhà nước, cần huy động các nguồn lực tại chỗ, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và cộng đồng, sự trợ giúp của các tổ chức quốc tế.

Thứ ba, thực hiện có hiệu quả các chính sách về tín dụng ; y tế, giáo dục, hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn ; an sinh xã hội ; trợ giúp pháp lý ; hỗ trợ về nhà ở ; đất, tư liệu sản xuất và trợ giúp người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo (hỗ trợ cơ sở hạ tầng, hướng dẫn cách làm ăn ; định canh định cư, di dân kinh tế mới ; hỗ trợ về văn hóa, thông tin ; đào tạo nâng cao năng lực cán bộ ; xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo bền vững).

Thứ tư, tổ chức thực hiện, nhân rộng các mô hình xóa đói giảm nghèo thành đạt, vận dụng kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế đa phương, song phương, phi chính phủ như : mô hình tiết kiệm - tín dụng của Hội phụ nữ ; mô hình xóa đói giảm nghèo theo hướng tự cứu ở các tỉnh miền Trung ; mô hình hướng dẫn cách làm ăn cho đồng bào dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc ; mô hình khám chữa bệnh và làm nhà tình thương ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng... ; mô hình tỉnh giúp tỉnh, đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp giúp xã ; lồng ghép các chương trình kinh tế, xã hội với Chương trình xóa đói giảm nghèo, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức triển khai xóa đói giảm nghèo, nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn, đồng thời phải kiểm tra, hướng dẫn, thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ về các nguồn lực.❑

Digitized by Google

TỔNG QUAN NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA SAU 15 NĂM ĐỔI MỚI (1986 - 2000)

NGUYỄN SINH CÚC *

NÔNG nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp, thủy sản) nước ta thực sự bước vào thời kỳ đổi mới sâu sắc và toàn diện từ sau Đại hội VI của Đảng (1986) và đặc biệt là sau Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác quản lý nông nghiệp (1988). Trong 15 năm đổi mới vừa qua (1986 - 2000) nông nghiệp đã đạt được những thành tựu to lớn, nổi bật so với các thời kỳ trước, bên cạnh đó cũng xuất hiện những vấn đề mới rất đáng quan tâm.

I - NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU

1 - Sản xuất lương thực phát triển tốt, bảo đảm giữ vững an ninh lương thực quốc gia, tạo nguồn xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới.

Sản lượng lương thực từ 18,3 triệu tấn năm 1986 tăng lên 21,5 triệu tấn năm 1990 ; 27,5 triệu tấn năm 1995 và 35,6 triệu tấn năm 2000, bình quân mỗi năm tăng hơn 1,3 triệu tấn. Nét mới trong sản xuất lương thực 15 năm qua là sản lượng tăng nhanh và ổn định, năm sau cao hơn năm trước. Tốc độ tăng lương thực 5% cao hơn tốc độ tăng dân số (2%) nên lương thực bình quân đầu người cũng tăng dần qua các năm : từ 300 kg năm 1986 lên 324 kg năm 1990 ; 372 kg năm 1995 và 455 kg năm 2000.

Trong lương thực, sản xuất lúa tăng nhanh và ổn định cả về diện tích và năng suất. Nếu năm 1986 cả nước mới gieo cấy 5,68 triệu ha thì năm 2000 đã tăng lên trên 7,67 triệu ha do khai hoang và tăng vụ. Cơ cấu mùa vụ và cây trồng đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng diện tích lúa đông xuân (từ 1,8 triệu ha lên 3 triệu ha), lúa hè thu (từ 0,9 triệu ha lên 2,33 triệu ha), giảm diện tích lúa mùa có năng suất thấp từ 2,93 triệu ha xuống 2,30 triệu ha trong 15 năm tương ứng, tạo điều kiện để thâm canh tăng năng suất lúa từng vụ và cả năm. Thành tựu mở rộng diện tích lúa rõ nét nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Năm 2000, diện tích lúa vùng này đạt 3,97 triệu ha, tăng 1,39 triệu ha (+ 64%) so với năm 1990, chủ yếu do khai hoang, tăng vụ ở Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên và tây sông Hậu. Mười năm khai hoang và cải tạo vùng Đồng Tháp Mười (1987 - 1997) diện tích gieo cấy lúa của ba tỉnh Long An, Đồng Tháp và Tiền Giang đã tăng từ 603 ngàn ha năm 1987 lên 1 103 ngàn ha năm 1997 với sự đầu tư hàng ngàn tỉ đồng của Nhà nước và nhân dân. Công trình thủy lợi Quản Lộ - Phụng Hiệp, ngọt hóa bán đảo Cà Mau và đắp đê ngăn mặn ở Sóc Trăng đã mở rộng diện tích đất lúa của ba tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau thêm hàng trăm ngàn ha. Diện tích lúa của ba tỉnh này năm 1990 mới có 536 ngàn ha, năm 2000 là 795,7 ngàn ha. Cùng với mở rộng diện tích, 15 năm qua sản xuất lúa ở nước ta còn đạt được tiến bộ về thâm canh tăng năng suất và nâng cao chất lượng lúa gạo. Trình độ thâm canh lúa của nông dân tăng lên cùng với tác động tích cực của khoa học - kỹ thuật, nhất là giống lúa mới đã tạo ra sự phát triển ổn định về năng suất từ 28,1 tạ/ha năm 1986 lên 32,0 tạ/ha năm 1990 và 42,6 tạ/ha năm 2000. Sau 15 năm đổi mới, năng suất lúa tăng gần 14,5 tạ/ha, bình quân tăng 1 tạ/ha/năm. Vì vậy, tăng năng suất lúa là yếu tố quan trọng làm tăng sản lượng lúa của nước ta từ 16,0 triệu tấn năm 1986 lên 19,2 triệu tấn năm 1990 ; 24,9 triệu tấn năm 1995 và năm 2000 đạt 32,5 triệu tấn. Sau 15 năm đổi mới, bình quân mỗi năm tăng thêm 1,2 triệu tấn, năm sau cao hơn năm trước. Điều này hiếm thấy trong lịch sử sản xuất lúa ở nước ta và thế giới.

Cùng với những tiến bộ về tăng vụ, chuyển vụ và thâm canh lúa, 15 năm qua đã hình thành một số

* PGS, TS

Digitized by Google

vùng lúa đặc sản phục vụ xuất khẩu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Long An, Sóc Trăng, Cần Thơ, Tiền Giang đều thực hiện quy hoạch vùng lúa thâm canh cao, chất lượng tốt phục vụ yêu cầu xuất khẩu. Trung bình mỗi tỉnh có từ 10 đến 20 vạn ha lúa đặc sản, với nhiều chủng loại khác nhau, nhưng có đặc điểm giống nhau là hạt gạo dài, thơm ngon, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tỉnh An Giang đã xuất hiện mô hình liên doanh sản xuất lúa xuất khẩu gắn với thị trường tiêu thụ ở Nhật Bản, theo quy trình công nghệ của Nhật. Ở đồng bằng sông Hồng, nhiều địa phương đã khôi phục vùng lúa gạo đặc sản có chất lượng cao chủ yếu để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước (như tám thơm, lúa dự hương, nếp cái hoa vàng, các giống lúa mới có chất lượng cao). Vùng lúa áp dụng công nghệ Nhật Bản ở Hải Dương, Hưng Yên bước đầu phát huy tác dụng đối với thâm canh lúa ở vùng này.

Sản lượng và chất lượng lúa tăng lên trong 15 năm qua đã góp phần tích cực bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong điều kiện thời tiết không thuận, đẩy lùi tình trạng thiếu đói giáp hạt ở các tỉnh miền Bắc, tăng lượng gạo xuất khẩu. Trong 15 năm 1986 - 2000, nước ta xuất khẩu 30,3 triệu tấn gạo, bình quân 2 triệu tấn/năm, đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo thứ hai thế giới sau Thái Lan. Thu nhập từ xuất khẩu gạo 15 năm qua đã vượt 5 tỉ USD dù giá gạo trên thị trường thế giới không ổn định.

Chất lượng gạo tăng do cơ cấu gạo xuất khẩu thay đổi, tỷ trọng gạo 25% tấm giảm từ 60% trước đây xuống còn khoảng 30% hiện nay, gạo chất lượng cao 5% tấm từ 20% tăng lên 50 - 60% trong thời gian tương ứng. Nếu từ năm 1995 về trước chênh lệch giá gạo xuất khẩu cùng loại giữa Việt Nam và Thái Lan là 40 - 50 USD/tấn, thì hiện nay chỉ còn 15 - 20 USD/tấn.

Cùng với lúa, sản xuất ngô phát triển khá ổn định trong 15 năm qua, góp phần bổ sung nguồn lương thực cho người và thức ăn cho gia súc. Năm 1986, diện tích ngô cả nước mới đạt 46 vạn ha, năng suất 14 tạ/ha và sản lượng 569 ngàn tấn ; năm 2000 diện tích hơn 70 vạn ha, năng suất 26,6 tạ/ha và sản lượng 1,93 triệu tấn, là cây màu lương thực chủ yếu hiện nay và trong tương lai. Cùng với mở rộng diện tích, việc áp dụng tiến bộ công nghệ sinh học, đặc biệt là đưa các giống ngô lai năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất đại trà, đã tạo ra sự đột biến về năng suất và sản lượng ngô. Đã hình thành một số vùng ngô tập trung quy mô lớn, nhiều sản phẩm hàng hóa như vùng Đông Nam Bộ (30 vạn tấn), miền núi, trung du Bắc Bộ (50 vạn tấn). Ngô đã trở thành một mặt hàng nông sản xuất khẩu với quy mô trên 100 ngàn tấn/năm và có khả năng tăng trong những năm tới. Với kết quả đó, nước ta đã vượt được mục tiêu sản xuất lương thực của năm 2000 vào năm 1998 và năm 2000 còn vượt nhiều hơn 5,6 triệu tấn (18,6%).

2 - Đa dạng hóa cây trồng có nhiều tiến bộ.

Trong trồng trọt bước đầu đã thực hiện phương châm "đất nào cây ấy" để tăng hiệu quả, chuyển dần những diện tích trước đây trồng lúa, màu năng suất và hiệu quả thấp sang trồng cây công nghiệp hoặc cây ăn quả có lợi hơn. Bình quân 15 năm 1986 - 2000 so với bình quân 5 năm trước đó, sản lượng lạc tăng 64%, mía tăng 3 lần, đỗ tương tăng 67%, cao su tăng hơn 5 lần. Nhất là sản lượng cà phê tăng nhanh từ 18,8 ngàn tấn năm 1986 ; năm 1990 là 119 ngàn tấn ; năm 1995 là 268 ngàn tấn và năm 2000 lên 698 ngàn tấn. Mười lăm năm qua, cà phê trở thành mặt hàng nông sản xuất khẩu có giá trị lớn thứ hai, sau gạo. Riêng năm 1997, xuất khẩu 390 ngàn tấn cà phê nhân, thu về trên nửa tỉ USD. Năm 1995, thu nhập ngoại tệ do xuất khẩu cà phê đã vượt giá trị xuất khẩu gạo do giá cà phê lên cao. Hai năm 1998 và 1999, sản lượng cà phê xuất khẩu đạt xấp xỉ 400 ngàn tấn. Năm 2000, xuất khẩu ước đạt trên 694 ngàn tấn, giá trị trên 550 triệu USD/năm, dù cho giá cà phê xuất khẩu giảm so với các năm trước.

Cùng với cà phê là cây cao su. Năm 1986, sản lượng cao su (mủ khô) đạt 50 ngàn tấn ; năm 1999 tăng lên 205 ngàn tấn ; năm 2000 đạt trên 250 ngàn tấn chủ yếu do tăng diện tích cho sản phẩm. Cao su vẫn là mặt hàng nông sản xuất khẩu còn thị trường và có giá trị lớn thứ ba sau gạo và cà phê. Sản lượng cao su xuất khẩu năm 1996 đạt 194 ngàn tấn và năm 2000 khoảng 200 ngàn tấn. Thị trường xuất khẩu cao su Việt Nam đã mở rộng ra 30 nước, trong đó Trung Quốc là thị trường lớn nhất, thu hút 80% sản lượng cao su xuất khẩu nước ta, chủ yếu là xuất tiểu ngạch.

Các loại cây ăn quả đặc sản có chất lượng cao phát triển mạnh, nhất là nho, vải thiều, nhãn, mận hậu, cam... đã đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ

Digitized by Google

nét ở nhiều vùng Nam Bộ, miền núi phía Bắc. Sản lượng nhãn, vải, chôm chôm tăng rất nhanh cả về diện tích và sản lượng. Về diện tích từ 37,6 nghìn ha năm 1995 tăng lên 125,3 nghìn ha năm 1999 và 149 ngàn ha năm 2000. Về sản lượng từ 223 nghìn tấn tăng lên 520 nghìn tấn và 719 nghìn tấn trong thời gian tương ứng. Không chỉ tăng số lượng mà chất lượng quả tươi cũng được nâng cao, nhất là cam, bưởi, thanh long, hồng xiêm. Năm 2000, sản lượng cam quýt đạt 438 ngàn tấn, tăng 100 ngàn tấn so với năm 1999, dù có lũ lớn ở đồng bằng sông Cửu Long, nơi có vườn cây ăn quả tập trung.

3 - Chăn nuôi phát triển nhanh và toàn diện.

Bình quân 15 năm (1986 - 2000) so với bình quân 10 năm trước đó (1976 - 1985) đàn trâu tăng 20%, đàn bò tăng 80%, đàn lợn tăng 47%, đàn gia cầm tăng 89%. Năm 2000, đàn lợn đạt 20,2 triệu con, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng là 1,4 triệu tấn, tăng 71,3% và gấp 2,3 lần so với năm 1986. Đàn bò sữa tăng khá, năm 2000 đạt gần 30 ngàn con, trong đó TP Hồ Chí Minh gần 25 ngàn con, tăng gấp 3 lần so với năm 1990. Chăn nuôi bò sữa là một nghề mới của nông dân ngoại thành TP Hồ Chí Minh và Hà Nội, đáp ứng được yêu cầu tiêu dùng sữa tươi của người dân các thành phố, thị xã trong điều kiện thu nhập và đời sống được cải thiện so với trước đây. Dù có những biến động tạm thời về giá cả và phương thức thu mua sữa tươi trong những năm 1996 - 1998, nhưng nhìn chung tình hình chăn nuôi bò sữa trên phạm vi cả nước vẫn phát triển tốt, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao đối với vùng nông nghiệp ngoại ô, các thành phố, thị xã và khu công nghiệp. Nhờ ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới về giống, thức ăn và thú y nên chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển khá ổn định, tốc độ tăng trưởng cao, góp phần tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

4 - Lâm nghiệp.

Thành quả lớn nhất mà ngành lâm nghiệp đạt được trong những năm qua là vốn rừng được giữ vững và phát triển. Tổng diện tích rừng theo kiểm kê vừa công bố năm 2000 đã đạt 10,9 triệu ha, nâng độ che phủ của rừng từ 27,7% năm 1990 lên 33,2% năm 2000 do công tác trồng và khoanh nuôi tái sinh rừng đạt kết quả cao hơn các thời kỳ trước.

Diện tích rừng trồng tập trung có nhiều tiến bộ. Năm 1986, cả nước chỉ trồng mới 168 ngàn ha rừng, bình quân 5 năm (1986 -1990) trồng 128 ngàn ha/năm. Từ năm 1990 đến 2000, cả nước trồng được 1940,8 ngàn ha, bình quân mỗi năm trồng được 176,2 ngàn ha, trong đó giai đoạn 1990 - 1995 trồng được 842,9 ngàn ha, bình quân mỗi năm trồng được 140,4 ngàn ha. Giai đoạn 1996 - 2000, trồng được 1095,6 ngàn ha, bình quân mỗi năm trồng được 219,4 ngàn ha. Riêng 2 năm đầu thực hiện Chương trình trồng 5 triệu ha (1999 - 2000), bình quân mỗi năm trồng 231 ngàn ha. Như vậy, tốc độ trồng rừng qua từng giai đoạn tăng rõ rệt, nhất là từ khi có dự án 5 triệu ha rừng.

5 - Thủy sản tăng trưởng khá.

Các hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản 15 năm qua có nhiều tiến bộ. Phong trào nuôi tôm giống, tôm thịt, nuôi cá nước ngọt, nước lợ phát triển mạnh từ Nam ra Bắc, nhất là vùng ven biển, vùng đồng bằng Nam Bộ. Các phương thức nuôi cá ruộng, cá ao, cá bè, cá lồng, nuôi nghêu, sò huyết, ba ba tiếp tục được mở rộng ở nhiều địa phương, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động và làm tăng đáng kể nguồn thực phẩm cho xã hội. Sản lượng thủy sản nuôi trồng các loại tăng từ 129 ngàn tấn năm 1986 lên 162 ngàn tấn năm 1990 và trên 600 ngàn tấn năm 2000.

Hoạt động khai thác thủy sản trên biển, trên sông chủ yếu do các hộ ngư dân đảm nhiệm. Cơ chế và chính sách mới của Nhà nước cũng như nguồn vốn đầu tư, cho vay để thực hiện chủ trương đánh cá xa bờ, dài ngày... đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân trang bị thêm tàu thuyền và ngư cụ phát triển nghề cá. Mặc dù cuối năm 1997, bão số 5 đã gây thiệt hại nặng nề cho nghề cá ở các tỉnh Nam Bộ, nhưng với sự giúp đỡ của Nhà nước và sự nỗ lực của ngư dân, đến nay cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ khai thác thủy sản đã được phục hồi. Đến năm 2000, cả nước có 229,9 nghìn hộ ngư dân được trang bị 7 150 tàu thuyền đánh cá cơ giới với tổng công suất 1,76 triệu CV, trong đó có 5 000 tàu có công suất trên 75 CV (so với vài trăm chiếc của thập niên 80). Nhờ vậy, sản lượng thủy sản khai thác 1999 đã đạt 1,4 triệu tấn, gấp 2,2 lần so với năm 1986. Sản lượng thủy sản năm 2000 đạt hơn 2,1 triệu tấn, tăng gấp 2,7 lần năm 1986.

Thực hiện phương châm gắn nuôi trồng, khai thác với chế biến, năm 1999 ngành thủy sản và các địa phương đã đầu tư xây dựng và trang bị thêm máy móc, thiết bị để nâng cao năng lực chế biến thủy sản. Đến nay cả nước có 200 nhà máy thủy sản

Digitized by Google

đông lạnh, trong đó có 27 doanh nghiệp chế biến thủy sản được xếp vào danh sách nhóm 1 đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khó tính châu Âu. Cơ cấu mặt hàng và cơ sở chế biến thủy sản cũng được đa dạng hóa gắn với yêu cầu của thị trường. Trước năm 1999, tôm đông lạnh chiếm 70% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản, thì nay chỉ còn 65% do các mặt hàng khác như cá, mực tăng cả số lượng và giá trị. Chương trình đánh cá xa bờ đang có nhiều tiến triển. Trong 4 năm (1997 - 2000) Nhà nước đã đầu tư 1 300 tỉ đồng vốn tín dụng ưu đãi cho người dân vay đóng mới 1 000 tàu công suất trên 90 CV, làm tăng 265 nghìn CV, góp phần tăng 54 nghìn tấn sản lượng hải sản, trong đó đã xuất khẩu đạt giá trị 15,26 triệu USD trong năm 1999. Giá trị thủy sản xuất khẩu năm 2000 đạt 1,4 tỉ USD tăng gấp 2 lần so với năm 1995, tăng 5 lần so với năm 1990 và 11 lần so với năm 1986.

*
* *

Những thành tựu đạt được về sản xuất nông, lâm, thủy sản trong 15 năm 1986 - 2000 đánh dấu sự sang trang từ tự cấp tự túc đến sản xuất hàng hóa. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân đạt 5%, cao hơn hẳn thời kỳ trước đó 3,4%, riêng năm 2000 đạt trên 5,4%. Thành tựu đó đã bảo đảm vững chắc cho đất nước an toàn lương thực, thực phẩm trong nước và có sản phẩm dư thừa để xuất khẩu. Nguồn ngoại tệ thu được từ xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản những năm qua chiếm tỷ trọng từ 45% đến 47% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Điều có ý nghĩa là giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản thu được là phần dư ra sau khi đã thỏa mãn mọi nhu cầu tiêu dùng trong nước trong điều kiện thời tiết không thuận lợi. Chính sự ổn định khá vững chắc của lương thực, thực phẩm trong 15 năm qua đã góp phần quan trọng hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng kinh tế và tài chính ở khu vực và thế giới đối với kinh tế nước ta. Thành tựu đó, một lần nữa khẳng định đường lối đổi mới và các chính sách kinh tế vĩ mô của Đảng và Nhà nước trong những năm vừa qua là đúng đắn và đã phát huy tác dụng tích cực trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

II - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, nông nghiệp nước ta trước thềm thiên niên kỷ mới cũng đang xuất hiện những vấn đề cần quan tâm.

Một là, tác động của công nghiệp vào nông nghiệp chưa rõ nét, công nghiệp chế biến nông sản yếu kém, các khâu làm đất, vận chuyển, thu hoạch, ra hạt vẫn sử dụng nhiều công cụ thủ công và lao động sống nhất là ở vùng ven biển miền Trung, đồng bằng sông Hồng. Do vậy, chất lượng sản phẩm, năng suất ruộng đất và lao động trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản còn thấp.

Hai là, đất đai nông, lâm nghiệp bị chia nhỏ manh mún, mức bình quân đầu người rất thấp, nhất là đồng bằng sông Hồng (500 m²/người). Trong khi đó, dân số nông thôn vẫn tăng trên 2%/năm làm cho xu hướng tự túc, tự cấp một số vùng ở miền Bắc vẫn nặng nề, sản xuất hàng hóa phát triển chậm. Điều đó thể hiện rõ nhất ở 3 vùng : miền núi và trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và đồng bằng sông Hồng. Việc phân chia quỹ đất như hiện nay có tác dụng bảo đảm "người cày có ruộng" nhưng có nhược điểm là tính bình quân quá cao, ràng buộc chặt hơn nông dân với ruộng đất, với trồng trọt, dẫn đến lao động nông thôn dư thừa, việc làm thiếu, thu nhập thấp, khoảng cách nông thôn - thành thị càng xa và làm xuất hiện xu hướng di cư tự phát giữa các vùng hoặc từ nông thôn ra thành thị để tìm việc làm cải thiện đời sống.

Ba là, tiêu thụ nông sản, thủy sản khó khăn, giá cả bất hợp lý. Đó là vấn đề nổi cộm nhất của nông nghiệp đã tác động tiêu cực đến thu nhập, đời sống, sức mua của nông dân và thực tế làm giảm cầu của công nghiệp và dịch vụ. Thị trường nông thôn yếu kém đã có tác động tiêu cực đến "đầu vào" và "đầu ra" của sản phẩm nông nghiệp. Tư thương đã chi phối gần như toàn bộ thị trường nông thôn, kể cả miền Nam và miền Bắc : vật tư, điện, nước, phân bón và cả nông sản, ngay cả tổ chức cung ứng vật tư và thu mua nông sản cũng vậy. Tư thương về nông thôn thu gom các mặt hàng nông sản xuất khẩu như lúa gạo, cà phê, chè, thủy sản. Tình trạng ép giá làm cho người nông dân thiệt về lợi ích kinh tế, không yên tâm đầu tư vốn và công nghệ mở rộng sản xuất xảy ra phổ biến ở hầu hết các loại nông sản, suốt cả năm, trong đó nổi cộm nhất là cao su, cà phê, trái cây, dứa, đường, thịt lợn, lúa gạo. Năm 1997, giá lương thực giảm 3% so với năm 1996, năm 1999 giảm 10% so với năm 1998, năm 2000 giảm 7% so với năm 1999 làm giảm thu nhập và đời sống nông dân, nhất là người trồng lúa, kéo theo giảm sức mua ở nông thôn, tăng khoảng

Digitized by Google

cách chênh lệch về thu nhập và đời sống giữa nông thôn với thành thị từ 2,1 lần năm 1993 lên 3,7 lần năm 2000.

Bốn là, môi trường và sinh thái đang suy giảm. Tài nguyên rừng, biển đang suy giảm. Môi trường sinh thái mất cân đối. Phương thức khai thác tài nguyên rừng và biển mang nặng tính chất bóc lột. Khai thác trắng làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có. Tình trạng đốt phá rừng làm rẫy tràn lan ở Tây Nguyên, miền núi Việt Bắc và Tây Bắc làm giảm độ che phủ đất rừng từ 43% năm 1945 còn 29% năm 1997. Du canh, du cư vẫn còn tồn tại ở các vùng núi cao là một nguy cơ của tệ nạn đốt phá rừng ở miền núi. Những năm 1990 - 1999 xu hướng trên tuy có giảm nhưng vẫn còn nghiêm trọng, tác động xấu đến tài nguyên và môi trường. Ngay cả việc mở rộng diện tích cà phê ở Tây Nguyên năm 1995 lên mức kỷ lục cũng đã và đang gây ra những hậu quả xấu đối với vốn rừng và môi sinh, môi trường nhất là ở Đắc Lắc. Điều đáng chú ý là thủy sản cũng trong tình trạng tương tự. Phương thức "xổ tôm" ở các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang và cách khai thác thủy sản những năm qua cũng đang làm cho nguồn thủy sản ngoài biển khơi suy kiệt nhanh chóng. Tình trạng khai thác trắng tài nguyên rừng và biển tuy trước mắt có góp phần tăng trưởng kinh tế nhưng tính bền vững sẽ không lâu dài, môi trường sinh thái mất cân đối. Đó là điều cần quan tâm xử lý cả về kinh tế tổ chức và đầu tư cho lâm nghiệp và thủy sản.

Năm là, thu nhập và đời sống nông dân tăng chậm lại. Thu nhập, chi tiêu và sức mua của nông dân còn thấp, chênh lệch về mức sống nông thôn - thành thị có xu hướng tăng lên. Theo kết quả điều tra "Mức sống dân cư Việt Nam 1997 - 1998" do Tổng cục Thống kê và Ngân hàng thế giới thực hiện, được công bố tháng 9 - 1999 thì thu nhập bình quân đầu người ở nước ta mỗi năm là 3 465 nghìn đồng (thành thị : 9 057 nghìn đồng, nông thôn 2 544 nghìn đồng). Hệ số chênh lệch giữa thành thị và nông thôn là 3,65 lần. Thu nhập của dân cư hai thành phố lớn là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là 10 637 nghìn đồng, cao gấp 4,18 lần khu vực nông thôn và gấp 3,0 lần mức trung bình của cả nước. Rõ ràng hệ số chênh lệch về thu nhập giữa nông thôn và thành thị 5 năm qua có xu hướng tăng lên : từ 2 lần năm 1993 lên 3,65 lần năm 1998. Năm 1999 và 2000 do giá cả hàng nông, lâm, thủy sản giảm so với năm 1998 nên thu nhập và đời sống của nông dân giảm, sức mua ở nông thôn tăng chậm, ảnh hưởng lớn đến thị trường xã hội cả nước, dù Chính phủ đã có nhiều giải pháp kích cầu nhưng vẫn chưa có hiệu quả.

III - NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI

Xuất phát từ những bài học thành công và chưa thành công của 15 năm đổi mới vừa qua và mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Dự thảo văn kiện Đại hội IX của Đảng, trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI, nông nghiệp cần tiếp tục phát triển với nhịp độ cao và bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa lớn gắn với thị trường trong nước và thế giới. Vì vậy, các giải pháp cần tập trung cho nông nghiệp sẽ là :

1 - Đổi mới quan điểm và nhận thức về vai trò và vị trí của mặt trận nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế quốc dân thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xuất phát từ quan điểm của Đảng, trong năm 2001 và những năm tiếp theo, các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở tập trung cao độ sức lực, trí tuệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật để tạo ra bước phát triển đột biến của nông nghiệp nước ta theo hướng sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng và giá cả có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới. Các ngành chức năng ở trung ương cần nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện các chính sách vĩ mô, tạo động lực mới thúc đẩy sự phát triển và tăng trưởng của nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2 - Tăng tỷ lệ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nông nghiệp. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp đòi hỏi rất nhiều vốn và khoa học - công nghệ, nhưng bản thân nông nghiệp còn nghèo không thể tự nó giải quyết được. Vì vậy, vai trò của Nhà nước trong chính sách đầu tư cho nông nghiệp thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa có tính quyết định. Từ năm 1999, Nhà nước đã tăng 50% vốn đầu tư cho nông nghiệp so với 1998, điều đó rất có ý nghĩa. Song so với yêu cầu tăng trưởng kinh tế và vị trí của mỗi ngành trong nền kinh tế quốc dân đầu tư cho nông nghiệp như năm 1999 và 2000 vẫn chưa thỏa đáng. Vì vậy, để tăng trưởng sản xuất nông nghiệp, trước hết Nhà nước cần đổi mới một

(Xem tiếp trang 51)

Digitized by Google

VẤN ĐỀ BẢO ĐẢM AN NINH KINH TẾ TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

ĐINH TRỌNG THỊNH *

1 - Hội nhập kinh tế quốc tế là đòi hỏi khách quan đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) của nước ta diễn ra trong lúc toàn cầu hóa và khu vực hóa đã trở thành một trong những xu thế phát triển chủ yếu của quan hệ kinh tế quốc tế. Do đó, hội nhập kinh tế quốc tế cũng trở thành một đòi hỏi khách quan.

Quá trình tham gia hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình điều chỉnh chính sách kinh tế, xây dựng một nền kinh tế thị trường mạnh để thực hiện tự do hóa trên các lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, hợp tác tài chính - tiền tệ, đồng thời sẵn sàng tận dụng các ưu đãi của các thành viên khác đem lại cho mình để phát triển sản xuất, mở rộng thị trường hàng hóa và đầu tư ra nước ngoài. Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế làm tăng khả năng phối hợp chính sách, giúp các quốc gia có thể vượt qua những thách thức to lớn và giải quyết các vấn đề kinh tế mang tính toàn cầu. Đồng thời, nó cũng tạo khả năng phân bổ một cách hợp lý và có hiệu quả nguồn tài nguyên, trình độ khoa học, công nghệ của nhân loại và các nguồn lực tài chính trên phạm vi toàn cầu, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia. Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế đang là đòi hỏi cấp thiết, nhu cầu tất yếu của chúng ta, cụ thể :

Trước hết, xu hướng khu vực hóa, toàn cầu hóa trên cơ sở lợi ích kinh tế của các bên tham gia đã trở thành nhân tố góp phần ổn định khu vực, tạo điều kiện cho các nước giảm bớt các khoản chi về an ninh, quốc phòng để tập trung các nguồn lực cho việc phát triển kinh tế, CNH, HĐH đất nước. Đồng thời, sự ổn định về kinh tế, chính trị - xã hội chính là điều kiện tiên quyết để thu hút đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra những mối quan hệ kinh tế - chính trị đa dạng, đan xen, phụ thuộc lẫn nhau, góp phần nâng cao vị trí quốc tế và tạo điều kiện để Việt Nam tham gia bình đẳng trong giao lưu và quan hệ kinh tế quốc tế. Sự giảm dần các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, các phân biệt đối xử chính thức và phi chính thức, kinh tế và phi kinh tế sẽ tạo cơ hội không chỉ cho các công ty lớn, các nền kinh tế lớn mà còn cho cả các công ty nhỏ, các nền kinh tế nhỏ tham gia bình đẳng và rộng rãi vào guồng máy kinh tế thế giới.

Thứ ba, với mối giao lưu quốc tế ngày càng rộng mở, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế của các nước đi trước, tránh được những sai sót, tìm các biện pháp rút ngắn thời gian để thực hiện CNH, HĐH đất nước. Hội nhập kinh tế còn tạo điều kiện để Việt Nam dần điều chỉnh các chính sách và chế độ kinh tế phù hợp chuẩn mực của các tổ chức và các định chế kinh tế quốc tế, tạo ra môi trường chuyển giao các công nghệ kỹ thuật cao, rút ngắn thời gian và khoảng cách đuổi kịp các nước trong khu vực và trên thế giới.

Thứ tư, tham gia hội nhập kinh tế quốc tế là môi trường quan trọng để các doanh nghiệp Việt Nam chấn chỉnh tổ chức quản lý sản xuất, đổi mới công nghệ, nắm bắt thông tin, tăng cường khả năng cạnh tranh không những trên thị trường thế giới mà ngay cả ở thị trường nội địa. Hội nhập kinh tế quốc tế còn tạo điều kiện mở rộng thị trường thương mại hàng

* TS. Đại học Tài chính - Kế toán

Digitized by Google

hóa, dịch vụ và đầu tư do được hưởng những ưu đãi cho các nước chậm phát triển hoặc đang phát triển, quy chế tối huệ quốc (MFN), đãi ngộ quốc gia (NT) và mức thuế quan thấp của các nước đối tác.

Nhận thức được xu thế của thời đại và để động viên được mọi nguồn lực cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, từ năm 1986, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã tiến hành công cuộc đổi mới nền kinh tế, chuyển nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa với việc giao quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp nhà nước và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, đặc biệt là mở rộng chính sách đối ngoại nhằm đưa Việt Nam từng bước hội nhập vào nền kinh tế thế giới và tham gia vào quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế. Tại Đại hội VII, Đảng ta đã chủ trương "đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới".

2 - Vấn đề an ninh kinh tế đang đặt ra khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Bên cạnh những mặt tích cực, quá trình toàn cầu hóa đồng thời cũng làm nảy sinh hàng loạt các mâu thuẫn do sự phát triển không đều giữa các nước trên thế giới ; do sự đan xen và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế dễ làm lây lan các biến động kinh tế ; và do những nhược điểm của nền kinh tế thị trường được mở rộng trên phạm vi toàn cầu. Bảo đảm an ninh kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang nổi lên là một đòi hỏi cấp bách đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế với xuất phát điểm thấp về trình độ phát triển kinh tế. Điều đó không chỉ thể hiện ở GDP bình quân đầu người thấp, tiết kiệm thấp, tích lũy và đầu tư chưa cao, mà còn ở cả cơ cấu ngành của nền kinh tế, cả ở trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và công nghệ sản xuất còn rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Bởi vậy, nguy cơ tụt hậu về kinh tế của Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới luôn là mối lo của toàn Đảng, toàn dân ta.

Cơ cấu ngoại thương không hợp lý, đặc biệt là cơ cấu hàng xuất khẩu, gây khó khăn trong việc chống đỡ các tác động tiêu cực từ bên ngoài. Tuy đã có sự thay đổi việc điều chỉnh sự phát triển kinh tế và chiến lược ngoại thương nhưng đến nay tình trạng xuất khẩu sản phẩm thô chưa được chế biến hoặc chỉ được sơ chế vẫn là chủ yếu. Ví dụ, dầu thô (chiếm 17,5% kim ngạch xuất khẩu), gạo (9%), cà phê (5%), hải sản (8,5%). Các sản phẩm công nghiệp vẫn là các sản phẩm có chứa hàm lượng lao động cao, như dệt may (14,6% kim ngạch xuất khẩu), giầy dép (12,2%). Các mặt hàng có kỹ thuật công nghệ cao đã bước đầu được chú ý, tuy nhiên, tỷ trọng vẫn thấp. Ví dụ, hàng điện tử, máy tính, linh kiện chỉ chiếm 5% kim ngạch xuất khẩu. Vì vậy, giá cả hàng xuất khẩu của Việt Nam thường bị chèn ép trên thị trường và thường rẻ hơn 10 - 20% so với giá bình quân trên thế giới. Đó là chưa kể những bất hợp lý khác trong cơ cấu kim ngạch xuất khẩu, thị trường.

Năng lực kỹ thuật, công nghệ của nền kinh tế Việt Nam rất lạc hậu so với thế giới. Đây là một thách thức to lớn đối với nền kinh tế Việt Nam, vì trong quá trình hội nhập kinh tế, Việt Nam sẽ dần cắt giảm và xóa bỏ những biện pháp bảo hộ sản xuất dưới hình thức thuế quan và phi thuế quan, kinh tế và phi kinh tế, hàng hóa nước ngoài sẽ dễ dàng lưu thông trên thị trường Việt Nam. Nếu Việt Nam không nhanh chóng đổi mới thiết bị công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng hàng hóa, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa thì hậu quả sẽ làm cho hàng loạt doanh nghiệp phá sản.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều biện pháp khuyến khích đối với các nhà đầu tư nước ngoài và coi các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân. Cùng với sự cải thiện của môi trường đầu tư, hình thức đầu tư nước ngoài có sự thay đổi lớn từ hợp tác liên doanh là chính chuyển sang hình thức 100% vốn nước ngoài ngày một tăng. Do được hưởng những ưu đãi về thuế, lợi tức, về các chi phí sản xuất và xác định thu nhập chịu thuế, về kết chuyển lỗ, về thuế nhập khẩu... các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang dần chiếm phần lớn thị phần trong nước, tạo ra sức ép lớn đối với sản xuất nội địa. Trước thực tế đó, các doanh nghiệp trong nước buộc phải tích cực đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm để tăng cường sức cạnh tranh. Mặt khác, do môi trường cạnh tranh không bình đẳng đã

Digitized by Google

hạn chế sự phát triển của doanh nghiệp trong nước đẩy nó tới nguy cơ mất an toàn thực sự.

Việt Nam cũng đã ra sức kiện toàn hoạt động của hệ thống tài chính - ngân hàng ; sắp xếp lại các ngân hàng cổ phần ; củng cố thể chế hoạt động của hệ thống ngân hàng và các tổ chức tài chính phi ngân hàng ; thể chế quản lý ngoại tệ và điều hành tỷ giá hối đoái ; xử lý tài sản thế chấp và giải tỏa các khoản nợ đọng của các ngân hàng ; thực hiện một số nghiệp vụ ngân hàng mới : thuê mua, cho thuê tài chính, ngân hàng bán lẻ (thẻ tín dụng, thẻ thanh toán, máy rút tiền tự động AMT...), chuyển tiền toàn cầu, mua bán nợ, thanh toán tiền mua bán nhà qua ngân hàng... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều công cụ tài chính của nền kinh tế thị trường chưa được áp dụng tại Việt Nam do thị trường chứng khoán chưa lớn mạnh, các trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá trị khác của Việt Nam mới đang được thí điểm phát hành trên thị trường thế giới. Có thể nói, hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam thích ứng chậm so với những thay đổi của nền kinh tế. Các tiêu chuẩn vốn - tài sản của các ngân hàng Việt Nam còn thấp xa so với các tiêu chuẩn do Ngân hàng thanh toán quốc tế (IBS) quy định, tính công khai, minh bạch thấp, đặc biệt là rất lỏng lẻo trong quản lý rủi ro. Nợ quá hạn của các ngân hàng Việt Nam cao : trong năm 1998 và 1999 vẫn ở mức trên 13% tổng dư nợ, gấp gần 3 lần mức được coi là nguy hiểm. Nhiều ngân hàng thương mại bị thua lỗ hoặc lợi tức cổ phiếu thấp, thu nhập thấp. Nợ nước ngoài của Việt Nam - chủ yếu là nợ nhà nước hoặc được nhà nước bảo lãnh - vẫn chiếm hơn 35% GDP trong những năm 1996 trở lại đây, trong đó chủ yếu là nợ trung hạn và dài hạn. Quy mô nợ nước ngoài này tuy chưa ở mức cảnh báo và thấp hơn so với các nước trong khu vực, nhưng khả năng trả nợ của Việt Nam chưa cao và lượng dự trữ ngoại tệ còn mỏng.

Các cơ chế của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam vẫn còn ở mức sơ khai. Hệ thống luật pháp quản lý xã hội, quản lý kinh tế chưa được điều chỉnh tương ứng với sự phát triển của nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường, còn nhiều điểm chưa phù hợp với thông lệ và tập quán quốc tế. Chính điều này đã tạo ra tình trạng đầu cơ buôn lậu, phá rối thị trường trong nước, o ép các doanh nghiệp nội địa ; một số người lợi dụng những kẽ hở của pháp luật để tham nhũng, tùy tiện lạm dụng vốn, thực hiện giao dịch về tiền tệ gây thất thoát vốn của các ngân hàng. Hơn nữa, nhận thức về hội nhập và các công việc chuẩn bị cho hội nhập kinh tế quốc tế ở các doanh nghiệp và giới doanh nhân còn rất hạn chế, bởi vậy họ chưa thực sự sẵn sàng trong việc tận dụng cơ hội của hội nhập kinh tế quốc tế.

3 - Một số định hướng và giải pháp bảo đảm an ninh kinh tế khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Phân tích những thành quả kinh tế đã đạt được và những mặt trì trệ của nền kinh tế trong thời gian qua chính là nhằm tổng kết và phát hiện những vấn đề tiềm ẩn, mất cân đối trong nền kinh tế, trong các chính sách đang thực hiện để có những giải pháp kịp thời bảo đảm nền kinh tế luôn hoạt động trong trạng thái năng động và ổn định tương đối.

Một là, cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ chấn hưng nền kinh tế dân tộc, trong đó chấn hưng nền kinh tế quốc gia là mục tiêu cơ bản, còn hội nhập kinh tế quốc tế là phương tiện đẩy nhanh sự phát triển của nền kinh tế. Từ đó, các chính sách kinh tế vĩ mô cần phải được tiến hành một cách linh hoạt, đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và bổ sung lẫn nhau, tạo ra một thế cân bằng tương đối giữa các mục tiêu kinh tế vĩ mô theo hướng : giải quyết được nhiều công ăn việc làm, lạm phát ở mức hợp lý, tăng trưởng cao, tỷ giá hối đoái linh hoạt theo cơ chế thị trường, lãi suất thực dương và dần theo cơ chế thị trường, giảm thâm hụt ngân sách, giảm thâm hụt cán cân thương mại và cán cân thanh toán.

Hai là, cần xây dựng một chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế đến 2005, 2010 và 2020 ; trong đó dựa trên cơ sở năng lực cạnh tranh của hàng hóa và tác động xã hội để xác định thời hạn, bước đi và mức độ hội nhập của nền kinh tế, bỏ bảo hộ, miễn thuế quan ở những ngành hàng, mặt hàng có khả năng cạnh tranh với hàng ngoại, đã thực hiện xuất khẩu, hoặc những mặt hàng cần thiết theo nguyên tắc "có đi có lại" ở những lĩnh vực ít gây chấn động xã hội ; tạo thế mạnh ngành hàng, mặt hàng chiến lược theo hướng xuất khẩu, nhưng vẫn phải bỏ dần bảo hộ, giảm thuế quan theo yêu cầu chung của

Digitized by Google

ASEAN, APEC và WTO ; kết hợp chặt chẽ biện pháp thuế quan và phi thuế quan trong quá trình từ từ dỡ bỏ hàng rào thuế quan ở những ngành có tầm ảnh hưởng xã hội đáng kể ; chưa giảm thuế quan ở những ngành, những lĩnh vực dễ gây chấn động xã hội mạnh mẽ.

Ba là, thực hiện chiến lược khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý và phát triển các ngành nghề truyền thống hoặc những ngành có lợi thế cạnh tranh để nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp phát huy mọi khả năng "đi tắt đón đầu" đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường xuất khẩu và đầu tư ra nước ngoài. Cần thực hiện việc cập nhật, phổ biến các thông tin kinh tế - xã hội của từng ngành hàng, mặt hàng, của các thị trường khu vực và thế giới : Phát triển thị trường thiết bị và công cụ sản xuất, thị trường vốn, thị trường chứng khoán... và tạo điều kiện để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có thể tiếp cận. Đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhà nước theo hướng thực hiện tốt cổ phần hóa, giao khoán, bán và cho thuê đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ và những doanh nghiệp mà nhà nước không cần thiết phải nắm giữ, chi phối. Phát triển các tập đoàn xí nghiệp lớn làm nòng cốt cho đổi mới công nghệ và kinh doanh quốc tế, đủ sức cạnh tranh với các công ty xuyên quốc gia trên trường quốc tế. Phát triển ngành nghề truyền thống không phải là duy trì sự lạc hậu, mà căn cứ vào tình trạng phát triển của chúng, tạo ra tấm lá chắn để sau một thời gian nhất định các ngành nghề này có đủ khả năng thực hiện cạnh tranh công bằng ; đồng thời, nhà nước cũng cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước được hưởng các ưu đãi như các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tránh tình trạng cạnh tranh không bình đẳng hiện nay, bảo vệ sự an toàn cho các ngành nghề trong nước. Cần đa dạng hóa hàng hóa xuất khẩu theo hướng phát triển sản xuất và xuất khẩu các hàng hóa có hàm lượng vốn cao, hàm lượng tri thức và công nghệ cao ; khôi phục lại các thị trường truyền thống SNG và Đông Âu, mở rộng thị trường Tây Âu, Bắc Mỹ và Nam Mỹ cùng với việc giữ vững và tiếp tục mở rộng thị trường đã có ở châu Á.

Bốn là, quốc tế hóa các hoạt động tài chính có một vai trò rất quan trọng, vì sự có mặt của các tổ chức tài chính nước ngoài sẽ góp phần tăng cường tính cạnh tranh và tính hiệu quả của hệ thống tài chính nhờ việc áp dụng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, việc phát triển thị trường vốn, thị trường trái phiếu, cổ phiếu, mở rộng thị trường bảo hiểm, xác lập cơ chế chính thức đối với hệ thống bảo hiểm xã hội, cải cách hệ thống quỹ hưu trí... cần gắn liền với việc củng cố các khuôn khổ thể chế và giám sát đối với hệ thống tài chính (bao gồm các quy chế và hoạt động giám sát các tổ chức tài chính, giải quyết sự thua lỗ hay phá sản của các tổ chức này. Cần duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa vốn trong nước và vốn vay nước ngoài. Áp lực trả nợ nước ngoài đã bắt đầu gia tăng từ năm 1998 đang làm giảm khả năng đầu tư vào nền kinh tế. Từ năm 2003 gánh nặng trả nợ nước ngoài với mức trả nợ đến hạn bình quân năm khoảng 1 tỉ USD đang làm tăng những rủi ro về thanh toán quốc tế và ngoại hối. Do đó, cần tích cực đàm phán với các tổ chức quốc tế và các nước chủ nợ để tiến hành đáo nợ, dãn tiến độ trả nợ vay trung và dài hạn. Mặt khác, trong việc sử dụng vốn nước ngoài cần chú ý tới quan hệ giữa vốn trung hạn, dài hạn với vốn vay ngắn hạn, giữa thời hạn vay vốn và đối tượng được đầu tư. Tránh tình trạng đổ vốn vào hoặc rút vốn ra đồng loạt, ồ ạt gây rối loạn thị trường vốn trong nước do đặc tính linh hoạt, không ổn định và rất nhạy cảm với diễn biến của thị trường tiền tệ của vốn vay ngắn hạn. Tránh tình trạng sử dụng vốn vay ngắn hạn để đầu tư dài hạn, đầu tư vào bất động sản dẫn tới khả năng trả nợ thấp, nợ quá hạn lớn, gây mất ổn định trong hệ thống tài chính. Việc sử dụng có hiệu quả vốn vay nước ngoài phải thực sự là một đòi hỏi nghiêm khắc của một nền kinh tế thiếu vốn như Việt Nam. Để nâng cao độ an toàn về trả nợ nước ngoài cần tăng cường việc quản lý thống nhất đối với nợ nước ngoài, trao quyền quản lý thống nhất cho Bộ Tài chính để bảo đảm khả năng chi trả.

Năm là, nâng cao chất lượng hoạt động ngân hàng, xây dựng một hệ thống ngân hàng đủ mạnh, có khả năng điều chỉnh chính sách tiền tệ trong nền kinh tế thị trường. Cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hệ thống ngân hàng, tạo thói quen kinh doanh độc lập và thích ứng với những thay đổi của nền kinh tế

Digitized by Google

thị trường ; thực hiện chế độ kế toán và kiểm toán quốc tế ; dần dần thực hiện các tiêu chuẩn về vốn - tài sản, nợ quá hạn... theo quy định của "Hiệp định Vacsay". Trước hết, phải thực hiện triệt để các biện pháp để giảm mức nợ quá hạn của các ngân hàng, khơi thông luồng chảy vốn tín dụng và làm lành mạnh các hoạt động tín dụng. Do những trì trệ, thậm chí giảm phát trong mấy năm gần đây, Ngân hàng Nhà nước cần tăng mức cho vay trực tiếp hỗ trợ nguồn vốn "rẻ", hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc để giảm chi phí "đầu vào" cho các ngân hàng thương mại, "bơm" mạnh tiền ra lưu thông bằng việc tăng cường mua ngoại tệ bổ sung quỹ dự trữ ngoại tệ... xóa bỏ những cách biệt về lãi suất cho vay giữa các thành phần kinh tế, giữa thành thị và nông thôn ; tạo tiền đề cho lãi suất hình thành trên cơ sở quan hệ cung - cầu về vốn trên thị trường. Dựa trên những mục tiêu của các chính sách kinh tế vĩ mô, sức mạnh của nền kinh tế và sự biến động của thị trường tài chính - tiền tệ thế giới để thực hiện chính sách điều hành linh hoạt tỷ giá hối đoái, giúp cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế dễ dàng hơn, tạo điều kiện thúc đẩy xuất khẩu, đầu tư và ổn định tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Sáu là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật kinh tế và các luật có liên quan trên cơ sở các tập quán và thông lệ của các tổ chức quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia. Xây dựng nền nếp cạnh tranh và kinh doanh theo pháp luật, kiên quyết chống buôn lậu, làm hàng giả và vi phạm luật bản quyền... Từ kinh nghiệm của các nước trong khu vực và để bảo đảm an toàn tài chính trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cần nghiên cứu, sử dụng các công cụ tài chính và có các định chế pháp lý chặt chẽ trong việc sử dụng các công cụ này. Đặc biệt là các định chế với việc mua khống, bán khống trên thị trường chứng khoán ; mua bán khống các hợp đồng bảo vệ giá đối với hàng hóa xuất nhập khẩu (FRA) ; các quyền lựa chọn mua bán ngoại tệ ; các hợp đồng vay ngắn hạn với ngân hàng nước ngoài... và nghiêm cấm các hoạt động đầu cơ trên thị trường tiền tệ, hàng hóa và thị trường chứng khoán.

Bảy là, cần duy trì lượng dự trữ ngoại tệ ở mức hợp lý, dự trữ ngoại tệ đóng vai trò rất quan trọng để thực hiện ổn định nền kinh tế, nhưng không phải dự trữ càng nhiều ngoại tệ càng tốt. Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, thậm chí cả Thái Lan có một lượng dữ trữ ngoại tệ tương đối lớn, nhưng vẫn lâm vào cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ. Đối với một quốc gia đang phát triển, dự trữ ngoại tệ quá lớn, quá mức cần thiết sẽ ảnh hưởng tới tốc độ phát triển nền kinh tế, vì số ngoại tệ không sinh lời đó sẽ chiếm phần vốn đầu tư và phát triển kinh tế trong nước. Trong những năm gần đây dự trữ ngoại tệ ở Việt Nam thường ở mức 10 - 12 tuần nhập khẩu (khoảng 3 - 4 tháng nhu cầu nhập khẩu) như vậy là thấp theo kinh nghiệm của một số nước. Số dư nợ nước ngoài của Việt Nam khá cao ; tỷ trọng xuất nhập khẩu cũng chưa hợp lý (vẫn nhập siêu) ; thêm vào đó là một số nhân tố chính trị đòi hỏi mức dự trữ ngoại tệ của Việt Nam cần phải tăng lên để có khả năng đối phó với các vấn đề có thể xảy ra của thị trường tiền tệ và thị trường ngoại tệ trong nước.

Tám là, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần chú trọng phát triển khu vực nông nghiệp và nông thôn, thúc đẩy kinh tế trang trại, tạo lập các vùng chuyên canh cây công nghiệp và cây ăn quả, đẩy mạnh đầu tư và phát triển công nghiệp chế biến nông sản xuất khẩu để giảm bớt sự chênh lệch về mức độ phát triển, về thu nhập, về lợi ích xã hội giữa thành thị và nông thôn, tạo ra cơ sở hạ tầng cho sự phát triển kinh tế bền vững của nền kinh tế quốc dân. Điều đó đòi hỏi phải có sự đổi mới trong chính sách của Nhà nước, sự kết hợp của các cơ quan nghiên cứu khoa học (chủ yếu là các cơ quan nông hóa thổ nhưỡng, giống cây trồng và kỹ thuật trồng trọt), sự đổi mới trong cơ chế cho vay và lãi suất cho vay của ngân hàng đối với khu vực kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Chín là, nhanh chóng đào tạo một đội ngũ cán bộ giàu tri thức quản lý kinh tế với trình độ chuyên môn cao, am hiểu kinh tế thị trường, giỏi ngoại ngữ... đáp ứng được các yêu cầu trong hoạt động kinh tế quốc tế. Các cán bộ này không chỉ cần thiết cho các cơ quan tổng hợp của các bộ, các ngành, mà trước hết là cần thiết cho các doanh nghiệp - đối tượng chủ yếu và là động lực của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế - người trực tiếp thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ ; người trực tiếp sử dụng vốn đầu tư nước ngoài và thực hiện đầu tư ra nước ngoài. ❑

Digitized by Google

QUAN ĐIỂM MÁC XÍT VÀ QUAN ĐIỂM TƯ SẢN VỀ KHOA HỌC - KỸ THUẬT VÀ TRI THỨC KHÁC NHAU THẾ NÀO ?

LA CÔN

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác vẫn coi những tiến bộ khoa học - kỹ thuật như một trong những nhân tố hàng đầu của tiến trình phát triển xã hội. Các Mác từng nói : "Khoa học là tinh hoa của tiến trình phát triển chung của lịch sử" (1), "Hơn thế nữa, đó là đòn bẩy mạnh mẽ của lịch sử, là một lực lượng cách mạng, theo ý nghĩa chính xác nhất của từ đó" (2). Các Mác coi những tiến bộ khoa học - kỹ thuật như những thay đổi về chất của các lực lượng sản xuất, bao gồm cả các phương tiện, các công cụ lao động và hoạt động sản xuất của con người.

Sản xuất bằng máy móc trên quy mô lớn diễn ra trong thế kỷ XIX chính là biểu trưng của một trình độ cao mới của lực lượng sản xuất trên lĩnh vực ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất. Mác nhận xét trong bộ Tư bản : "Những công cụ lao động dưới hình thức máy móc đòi hỏi sự thay thế nhân lực bằng sức mạnh thiên nhiên và sự áp dụng khoa học một cách tự giác thay thế cho lối làm ăn kinh nghiệm chủ nghĩa" (3). Tuy nhiên, cần nhớ rằng Mác không đồng nhất hóa sự phát triển của lực lượng sản xuất với tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Người chỉ rõ : "Tiến bộ của tri thức chỉ là một mặt, một dạng thức biểu hiện của sự phát triển lực lượng sản xuất của con người, còn lực lượng sản xuất vĩ đại nhất chính là giai cấp cách mạng" (4).

Từ 3 000 năm trước công nguyên, người Ai Cập đã biết áp dụng những tri thức hình học để xây dựng những hệ thống kênh đào và những kim tự tháp. Từ 400 năm trước công nguyên, Hi-pô-crát đã sử dụng những tri thức thực vật học để chữa bệnh cho người ốm bằng dược thảo. Biết bao nhiêu tri thức về nhiều ngành khoa học đã được sử dụng để phục vụ con người suốt 5 000 năm qua ! Thế nhưng như Mác nhận xét "chỉ đến khi xuất hiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì khoa học mới trở thành một nghề nghiệp về phương tiện sản sinh ra của cải, phương tiện làm giàu" (5). Đó là nỗi bất hạnh của khoa học bị tha hóa.

Nhà soạn kịch nổi tiếng nước Đức trong nửa đầu thế kỷ XX Béc-tôn Brếch đã báo trước nguy cơ khoa học bị tha hóa dưới chế độ tư bản nó trở thành công cụ chống lại con người : "Khoa học có thể bị tha hóa và những máy móc mới có thể trở thành những tai họa mới. Mỗi bước tiến của khoa học sẽ trở thành một bước ly khai khỏi loài người. Khoảng cách giữa khoa học và loài người một ngày kia sẽ mở rộng đến mức mỗi tiếng reo mừng đón một thành tựu khoa học mới, lại bị toàn thể loài người đáp lại bằng những lời kêu cứu khủng khiếp !" (6). Có cần phải nhắc lại rằng hai quả bom nguyên tử Mỹ ném xuống hai thành phố Nhật Bản Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki tháng 8-1945 đã bị

---

(1) Các Mác : *Tổng luận về giá trị thặng dư*, phần I, bản tiếng Anh, Mát-xcơ-va, 1969 tr 391

(2) Các Mác và Ăng-ghen : *Tác phẩm*, tập 19, bản tiếng Đức, Bec-lin, tr 333

(3) Các Mác : *Tư bản*, tập I, bản tiếng Anh, Mát-xcơ-va, 1969, tr 364

(4) Các Mác và Ăng-ghen : *Tuyển tập*, tập VI, bản tiếng Anh, Mát-xcơ-va, 1976, tr 211

(5) Các Mác, Ăng-ghen, *Gesamtausgabe*, MEGA, bản tiếng Đức, Béc-lin 1982, Phần II, tập 3, tr 2060

(6) Béc-tôn Brếch, *Galileo*, Béc-lin, 1964, tr 187 - 188

Digitized by Google

Những cuộc tranh luận ở cuối thế kỉ [illegible] kinh tế học hiện đại. Các Mác đã chỉ ra bản chất của sự tha hóa [illegible] khoa học chỉ thuần túy mô tả các hiện tượng [illegible] của tư bản là thuần tuý chủ nghĩa tư bản. Mặc dù ra đời [illegible] khoa học có thành tựu [illegible] trên trong thời gian [illegible] không hoà bình được của trật giá cấp, [illegible] người qua lại quan hệ "kinh tế thị trường" hiện [illegible] đang áp dụng.

Trong thập niên cuối cùng [illegible] kỉ XX, sự biến đổi to lớn [illegible] và quốc tế về những lực lượng sản xuất mới, khoa học - kĩ thuật đã trở [illegible] xã hội. Trong đó có cuộc [illegible] xây dựng sản xuất vật chất và [illegible] UNESCO tổ chức tại Pa-ri cuối năm 1979. C[illegible] viết của cuộc họp này được [illegible] sách tại Pa-ri năm [illegible].

Thập niên 70 của thế kỉ XX đã được coi [illegible] thứ tư nhà nước gia nhập vào hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Thứ tư này các nước tư bản chủ nghĩa đang ngập sâu trong cuộc khủng hoảng kinh tế [illegible] - [illegible] sơn tự do của các nước xã hội chủ nghĩa lên tư bản cao độ của đấu tranh giành độc lập thống nhất của nhân dân Việt Nam đã toàn thắng và Liên Xô thực hiện được thế cân bằng chiến lược với Hoa Kỳ.

Trong bối cảnh đó kinh tế học so sánh (Comparative Economics hay Comparative Systems) đã ra đời ở các nước phương Tây. Hai nhà kinh tế Mỹ So-nin-xơ M. Schnitzer và Nô-đau-xơ J. Naroyan trong sách "*So sánh các hệ thống kinh tế*" [illegible] đã khẳng định: "Các nước trên thế giới không thể xếp gọn vào những ô phân loại cứng nhắc mang tên "chủ nghĩa tư bản", "chủ nghĩa xã hội" hoặc "chủ nghĩa cộng sản". Thay vào đó, tôi nên lưu ý đến một thực thể về những đặc trưng kinh tế xếp hạng từ những nước đưa trên cơ chế thị trường tự do nhất đến những nước dựa trên kế hoạch chỉ huy tập trung trung ương sự sao nhãng". Nhà kinh tế học V. Hô-lê-xốp-xki trong sách "*Các hệ thống kinh tế : một cách tiếp cận quyết định*" [illegible] cũng nghĩ theo hướng đó : "Trong những năm qua

Digitized by Google

người ta ngày càng không hài lòng với cách phân loại rập khuôn các hệ thống kinh tế theo tên "chủ nghĩa tư bản", "chủ nghĩa xã hội", "chủ nghĩa cộng sản". Có một cách phân loại khác dựa trên mức độ quan trọng của những nhân tố truyền thống, nhân tố thị trường và nhân tố kế hoạch. Chủ nghĩa tư bản đang biến đổi thành chủ nghĩa xã hội dân chủ". Hô-lê-xốp-xki phê phán cách tiếp cận "đem chủ nghĩa xã hội đối lập với hệ thống tư bản chủ nghĩa". Dựa theo ý kiến của Sơ-nít-dơ, Nô-đai-cơ và Hô-lê-xốp-xki, người ta đã xếp các quốc gia có nền kinh tế kế hoạch tập trung nhất đứng đầu là An-ba-ni, ở giữa là Liên Xô, cuối cùng là Hung-ga-ri ; liền theo đó là Thụy Điển có nền kinh tế ít tập trung và cũng ít tự do nhất, ở giữa là Anh, Hoa Kỳ và ở đầu cùng nền kinh tế tự do nhất là của Hồng Công.

Cách tiếp cận phi giai cấp với các hệ thống kinh tế trên đây dựa trên nền tảng tư tưởng của triết học thực dụng hình thành ở Mỹ từ thập niên 70 của thế kỷ XIX, phổ biến rộng rãi ở các nước phương Tây trong chiến tranh thế giới thứ hai, và được đà thúc đẩy mới từ chính sách hòa hoãn khởi đầu dưới chính quyềnNích-xơn.

Tháng 5-1975, sau ngày Sài Gòn giải phóng, giữa cơn khủng hoảng kinh tế trầm trọng của các nước tư bản chủ nghĩa, một nhóm nhà kinh tế Mỹ tiến bộ đứng đầu là hai giáo sư, tiến sỹ Giôn Gô-brai (John Galbraith) và Lê-ôn-ti-ép (W. Leontiffe) đã thảo bản dự luận "Về sự tăng trưởng cân đối và kế hoạch hóa kinh tế" để Thượng nghị sĩ Hiu-bớt Hăm-phri (Đảng Dân chủ), trình trước Quốc hội. Bản dự luật đề ra những chương trình kinh tế 6 năm, vẫn dựa trên nền tảng kinh doanh tư nhân nhưng mang đặc trưng mới của một nền kinh tế hỗn hợp bao gồm hai hệ thống : hệ thống kế hoạch hóa và hệ thống thị trường [7].

Khái niệm về hệ thống kế hoạch hóa trong nền kinh tế hỗn hợp ngụ ý thừa nhận tác động tích cực của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản và cũng ngụ ý thừa nhận sự tồn tại song song của hai hệ thống kinh tế, bác bỏ luận thuyết đối lập chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản trong cách vận dụng các cơ chế kinh tế. Chính vì thế mà dự luật này đã bị Quốc hội bác bỏ. Sự bác bỏ này là một bằng chứng nữa về tính ảo tưởng của những dự án tiến bộ trong hệ thống pháp quyền tư sản, và về sự bất lực của chủ nghĩa cải lương trên lĩnh vực kinh tế cũng như trên lĩnh vực chính trị.

Thế nhưng chủ nghĩa ảo tưởng lại phát triển lên một bước mới, dưới một áo choàng mới là chủ nghĩa tương lai. Các nhà tương lai học chịu tác động của hai chiều hướng tư tưởng trái ngược nhau. Một mặt, những tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã chắp cánh cho những ước mơ về một tương lai tốt đẹp trong đó con người là chủ thể có đầy đủ điều kiện thuận lợi để phát huy hết khả năng của mình. Mặt khác, cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng trong toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa đã làm mất lòng tin trong một bộ phận lớn tầng lớp trí thức trung lưu đối với triển vọng nền kinh tế thế giới. Tác động của hai chiều hướng tư tưởng lạc quan và bi quan đó đã tạo thành dấu ấn độc đáo của chủ nghĩa tương lai cuối thập niên 70, mà đại diện nổi bật nhất là đôi vợ chồng An-vin và Hây-đi Tốp-phlơ. Trong sách *"Làn sóng thứ ba"* [8], An-vin Tốp-phlơ đã thảnh thơi thoát ly thực tế đấu tranh giai cấp, hướng tới sự hòa đồng của loài người trong "ý thức toàn cầu" và "lương tri vũ trụ", không phải thông qua các tiến trình cách mạng mà "qua hàng nghìn, hàng vạn va chạm và đổi mới trên các bình diện khác nhau", để thích nghi và tinh lọc, cuối cùng "xây dựng một nền văn minh mới". "Nền văn minh này phụ thuộc rất nhiều vào sự mềm dẻo và trí thông minh của các tầng lớp thượng lưu, cận thượng lưu và siêu thượng lưu".

Mười tám năm sau, "nền văn minh mới" mà An-vin Tốp-phlơ mơ ước vẫn xa mờ tận đâu đâu. Ngược lại, những biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp ở Mỹ cứ rõ dần lên giữa một bên là "các tầng lớp thượng lưu, cận thượng lưu và siêu thượng lưu" và bên kia là hơn bốn chục triệu người nghèo được sự ủng hộ của một bộ phận ngày càng đông trong tầng lớp trung lưu.

---

(7) W. Lê-ôn-ti-ép và H. Xtên : *Hệ thống kinh tế trong thời đại của sự gián đoạn ; kế hoạch hóa dài hạn hay thị trường ?*, Niu Oóc, 1976, Giôn Gôn-brai : *Thời đại của sự bất trắc* Luân-đôn, 1977.

(8) An-vin Tốp-phlơ : *Làn sóng thứ ba*, Niu Oóc, 1980

(Xem tiếp trang 43)

Digitized by Google

Giáo hoàng lên án là "tội ác thế kỷ" ? Còn tệ "tẩy rửa tiền bẩn" qua mạng In-tơ-nét hằng năm lên tới 1 000 tỉ USD trong thập niên 90 của thế kỷ XX và tệ đánh bạc dưới nhiều dạng trên thị trường chứng khoán cũng nhờ mạng In-tơ-nét với tổng số tiền cá cược lên tới hơn 90 000 tỉ USD, cho thấy công nghệ cao đã bị tha hóa ghê gớm.

Tháng 9-1976, UNESCO tổ chức cuộc hội thảo quốc tế tại Pra-ha (Tiệp Khắc) về đề tài "Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật với khoa học xã hội". Tham gia cuộc hội thảo có các nhà khoa học các nước phương Tây (Mỹ, Anh, Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a, Nhật,...) và các nước xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, CHDC Đức, Bun-ga-ri, Tiệp Khắc,...), các nước đang phát triển (Ai Cập, Ma-li, Y-ê-men,...). Tại cuộc hội thảo, những quan điểm đối lập nhau giữa các nhà khoa học mác-xít và các nhà khoa học tư sản đã được trình bày thẳng thắn, rõ ràng về từng vấn đề cụ thể. Bao trùm lên tất cả những cuộc tranh luận là vấn đề phân tích những nguyên nhân dẫn đến sự tha hóa khoa học và phương hướng khắc phục những tác động tiêu cực của sự tha hóa đó. Các nhà khoa học mác-xít đã chỉ ra sự trục lợi khoa học vì mục tiêu giành lợi nhuận tối đa dưới chế độ tư bản. Và họ đã chỉ ra rằng, chủ nghĩa xã hội tạo ra những tiền đề cần thiết để biến đổi khoa học - kỹ thuật thành một lực lượng xã hội cách mạng và thực hiện sự kết hợp hài hòa giữa những tiến bộ khoa học - kỹ thuật với những tiến bộ kinh tế - xã hội. Trong khi chủ nghĩa tư bản khoét sâu những mâu thuẫn và xung đột nảy sinh từ những hoạt động vô tổ chức của sản xuất, thì chủ nghĩa xã hội trừ bỏ những sự đối đầu trong xã hội bằng cách đưa ra chìa khóa của những giải pháp cho những mâu thuẫn đối đầu đó. Ngược lại, các nhà khoa học tư sản đã *né tránh sự phân tích các tiến trình khoa học dưới ánh sáng của thực tiễn đấu tranh giai cấp*. Họ thường đưa ra những luận điểm về những sai lầm của nền văn hóa hiện đại đồng nhất hóa những tiến bộ xã hội với mức độ thỏa mãn những nhu cầu của một bộ phận xã hội tiêu thụ hoặc những sai lầm của văn hóa châu Âu về tuyệt đối hóa khả năng chế ngự thiên nhiên. Văn hóa châu Âu cam chịu bất lực trước nghịch lý là mỗi thành tựu của lý trí lại đẻ ra nhiều vấn đề mới hơn cả những vấn đề cũ trong khi những vấn đề này còn chưa giải quyết xong.

Những cuộc tranh luận ở cuộc hội thảo Pra-ha năm 1976 càng làm sáng tỏ những tiên đoán của Các Mác về tác hại của sự tha hóa khoa học : Khoa học chỉ nhằm phục vụ cho những nhu cầu của tư bản lại chính là nhân tố chủ yếu dẫn đến sự hủy hoại chủ nghĩa tư bản. Mác chỉ ra rằng dưới chế độ tư bản, khoa học trở thành một nhân tố làm trầm trọng thêm cuộc đấu tranh giai cấp, chứ không xóa bỏ được đấu tranh giai cấp, như những người quá lạc quan về "kinh tế tri thức" hiện nay đang lầm tưởng.

Trong mấy năm cuối thập niên 70 của thế kỷ XX còn diễn ra một số cuộc hội thảo quốc gia và quốc tế về những tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đối với mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có cuộc hội thảo về máy vi tính với lao động sản xuất vật chất và tinh thần, do UNESCO tổ chức tại Pa-ri cuối năm 1979. Các văn kiện của cuộc hội thảo Pra-ha được in thành sách tại Pa-ri năm 1981.

Thập niên 70 của thế kỷ XX đã được coi là thời kỳ hòa hoãn giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Thời kỳ này các nước tư bản chủ nghĩa đang ngập sâu trong cuộc khủng hoảng kinh tế 1974 - 1975, còn uy tín của các nước xã hội chủ nghĩa lên tới đỉnh cao do cuộc đấu tranh giành độc lập thống nhất của nhân dân Việt Nam đã toàn thắng và Liên Xô thực hiện được thế cân bằng chiến lược với Hoa Kỳ.

Trong bối cảnh đó, kinh tế học so sánh (Comparative Economics hay Comparativities) đã ra đời ở các nước phương Tây. Hai nhà kinh tế Mỹ Sơ-nít-dơ (M. Schnizer) và Nô-đai-cơ (J. Nordyke), trong sách *"So sánh các hệ thống kinh tế"* (1971) đã khẳng định : "Các nước trên thế giới không thể xếp gọn vào những ô phân loại cứng nhắc mang tên "chủ nghĩa tư bản", "chủ nghĩa xã hội" hoặc "chủ nghĩa cộng sản". Thay vào đó, tốt hơn là nên nghĩ đến một thứ phổ hệ với những bậc thang hệ thống kinh tế xếp hạng từ những nước dựa trên cơ chế thị trường tự do nhất đến những nước dựa trên kế hoạch chỉ huy từ trung ương sít sao nhất". Nhà kinh tế học V. Hô-lê-xốp-xki trong sách *"Các hệ thống kinh tế : một cách tiếp cận quyết định"* (1973) cũng nghĩ theo hướng đó : "Trong những năm qua,

Digitized by Google

người ta ngày càng không hài lòng với cách phân loại rập khuôn các hệ thống kinh tế theo tên "chủ nghĩa tư bản", "chủ nghĩa xã hội", "chủ nghĩa cộng sản". Có một cách phân loại khác dựa trên mức độ quan trọng của những nhân tố truyền thống, nhân tố thị trường và nhân tố kế hoạch. Chủ nghĩa tư bản đang biến đổi thành chủ nghĩa xã hội dân chủ". Hô-lê-xốp-xki phê phán cách tiếp cận "đem chủ nghĩa xã hội đối lập với hệ thống tư bản chủ nghĩa". Dựa theo ý kiến của Sơ-nít-dơ, Nô-đai-cơ và Hô-lê-xốp-xki, người ta đã xếp các quốc gia có nền kinh tế kế hoạch tập trung nhất đứng đầu là An-ba-ni, ở giữa là Liên Xô, cuối cùng là Hung-ga-ri ; liền theo đó là Thụy Điển có nền kinh tế ít tập trung và cũng ít tự do nhất, ở giữa là Anh, Hoa Kỳ và ở đầu cùng nền kinh tế tự do nhất là của Hồng Công.

Cách tiếp cận phi giai cấp với các hệ thống kinh tế trên đây dựa trên nền tảng tư tưởng của triết học thực dụng hình thành ở Mỹ từ thập niên 70 của thế kỷ XIX, phổ biến rộng rãi ở các nước phương Tây trong chiến tranh thế giới thứ hai, và được đà thúc đẩy mới từ chính sách hòa hoãn khởi đầu dưới chính quyềnNích-xơn.

Tháng 5-1975, sau ngày Sài Gòn giải phóng, giữa cơn khủng hoảng kinh tế trầm trọng của các nước tư bản chủ nghĩa, một nhóm nhà kinh tế Mỹ tiến bộ đứng đầu là hai giáo sư, tiến sỹ Giôn Gô-brai (John Galbraith) và Lê-ôn-ti-ép (W. Leontiffe) đã thảo bản dự luận "Về sự tăng trưởng cân đối và kế hoạch hóa kinh tế" để Thượng nghị sĩ Hiu-bớt Hăm-phri (Đảng Dân chủ), trình trước Quốc hội. Bản dự luật đề ra những chương trình kinh tế 6 năm, vẫn dựa trên nền tảng kinh doanh tư nhân nhưng mang đặc trưng mới của một nền kinh tế hỗn hợp bao gồm hai hệ thống : hệ thống kế hoạch hóa và hệ thống thị trường [7].

Khái niệm về hệ thống kế hoạch hóa trong nền kinh tế hỗn hợp ngụ ý thừa nhận tác động tích cực của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản và cũng ngụ ý thừa nhận sự tồn tại song song của hai hệ thống kinh tế, bác bỏ luận thuyết đối lập chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản trong cách vận dụng các cơ chế kinh tế. Chính vì thế mà dự luật này đã bị Quốc hội bác bỏ. Sự bác bỏ này là một bằng chứng nữa về tính ảo tưởng của những dự án tiến bộ trong hệ thống pháp quyền tư sản, và về sự bất lực của chủ nghĩa cải lương trên lĩnh vực kinh tế cũng như trên lĩnh vực chính trị.

Thế nhưng chủ nghĩa ảo tưởng lại phát triển lên một bước mới, dưới một áo choàng mới là chủ nghĩa tương lai. Các nhà tương lai học chịu tác động của hai chiều hướng tư tưởng trái ngược nhau. Một mặt, những tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã chắp cánh cho những ước mơ về một tương lai tốt đẹp trong đó con người là chủ thể có đầy đủ điều kiện thuận lợi để phát huy hết khả năng của mình. Mặt khác, cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng trong toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa đã làm mất lòng tin trong một bộ phận lớn tầng lớp trí thức trung lưu đối với triển vọng nền kinh tế thế giới. Tác động của hai chiều hướng tư tưởng lạc quan và bi quan đó đã tạo thành dấu ấn độc đáo của chủ nghĩa tương lai cuối thập niên 70, mà đại diện nổi bật nhất là đôi vợ chồng An-vin và Hây-đi Tốp-phlơ. Trong sách *"Làn sóng thứ ba"* [8], An-vin Tốp-phlơ đã thảnh thơi thoát ly thực tế đấu tranh giai cấp, hướng tới sự hòa đồng của loài người trong "ý thức toàn cầu" và "lương tri vũ trụ", không phải thông qua các tiến trình cách mạng mà "qua hàng nghìn, hàng vạn va chạm và đổi mới trên các bình diện khác nhau", để thích nghi và tinh lọc, cuối cùng "xây dựng một nền văn minh mới". "Nền văn minh này phụ thuộc rất nhiều vào sự mềm dẻo và trí thông minh của các tầng lớp thượng lưu, cận thượng lưu và siêu thượng lưu".

Mười tám năm sau, "nền văn minh mới" mà An-vin Tốp-phlơ mơ ước vẫn xa mờ tận đâu đâu. Ngược lại, những biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp ở Mỹ cứ rõ dần lên giữa một bên là "các tầng lớp thượng lưu, cận thượng lưu và siêu thượng lưu" và bên kia là hơn bốn chục triệu người nghèo được sự ủng hộ của một bộ phận ngày càng đông trong tầng lớp trung lưu.

---

(7) W. Lê-ôn-ti-ép và H. Xtên : *Hệ thống kinh tế trong thời đại của sự gián đoạn ; kế hoạch hóa dài hạn hay thị trường ?*, Niu Oóc, 1976, Giôn Gôn-brai : *Thời đại của sự bất trắc* Luân-đôn, 1977.

(8) An-vin Tốp-phlơ : *Làn sóng thứ ba*, Niu Oóc, 1980

(Xem tiếp trang 43)

Digitized by Google

TÔN GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐỖ CÔNG ĐỊNH *

Thế kỷ XX đã khép lại và thế kỷ XXI mở ra trước mắt chúng ta, nhưng bức tranh tôn giáo thế giới dường như vẫn đậm sắc trong đời sống tinh thần của hàng tỉ tín đồ trên hành tinh. Đã có lúc người ta nghĩ rằng cùng với sự phát triển như vũ bão của các thành tựu khoa học - kỹ thuật - công nghệ, sự phát triển của kinh tế - xã hội - văn hóa - giáo dục, sự giải phóng con người khỏi ách thống trị của các thế lực phản động thì tôn giáo sẽ dần dần bị tiêu vong. Nhưng sự thật không diễn ra như người ta tưởng ; tôn giáo vẫn tồn tại, thậm chí có những nhà khoa học hàng đầu thế giới còn dự đoán thế kỷ XXI đầy biến động, đầy thách thức sẽ là thế kỷ của tôn giáo. Có đúng như vậy không ? Câu trả lời còn ở phía trước. Trước mắt cần xem xét tôn giáo ở Việt Nam đã và đang phát triển như thế nào và ảnh hưởng của nó đến xã hội ra sao.

Từ hơn 2000 năm qua, xã hội Việt Nam luôn bị chi phối bởi nhiều hệ tư tưởng, tôn giáo. Tùy từng giai đoạn trong lịch sử mà dân tộc ta có một hệ tư tưởng tôn giáo nào đó giữ vị trí chủ đạo, song tựu trung lại vẫn nổi lên sự chi phối tổng hòa của tất cả các loại hình tín ngưỡng - tôn giáo, một nét hằng xuyên rất đẹp trong lịch sử tư tưởng tôn giáo nói riêng, lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung. Sở dĩ điều này xảy ra bởi chính cuộc sống đa dạng, đa sắc màu của bản thân các tín đồ. Con người do sống trong những cảnh ngộ, môi trường và trình độ khác nhau nên cũng có những cảm nhận, nhu cầu khác nhau mà thực tế thì không có một học thuyết tư tưởng, tôn giáo nào lại có thể đáp ứng được tất cả các nhu cầu, đòi hỏi đó.

Thời Đinh, Lê, Lý, Trần, Phật giáo giữ vai trò quan trọng của một quốc đạo, không chỉ chi phối đời sống nhân dân ở các điền trang, thái ấp mà còn chi phối cả trong triều đình. Song bên cạnh đó vẫn còn có sự tồn tại, phát triển và giao thoa với các tư tưởng Đạo giáo, Nho giáo và được gọi là Tam giáo đồng nguyên. Thời kỳ Lê, Nguyễn, Nho giáo tuy đóng vai trò thống trị, độc tôn trong xã hội, nhưng ta vẫn thấy sức sống năng sinh bất diệt của Phật giáo, Đạo giáo cũng như các loại hình tín ngưỡng dân gian truyền thống khác. Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã trở thành hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội Việt Nam, nhưng không vì thế mà các tư tưởng, tôn giáo từng chi phối đời sống nhân dân phải vắng bóng. Các tầng lớp nhân dân được tự do tin theo, lựa chọn cho mình một loại hình tín ngưỡng tôn giáo phù hợp, trên cơ sở tư tưởng chung chỉ đạo xã hội và không trái với những quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng tới an ninh, chủ quyền quốc gia. Điều này đã được Hiến pháp quy định. Ngay trong cơ quan hành pháp cao nhất là Chính phủ cũng có Ban Tôn giáo với các vụ Phật giáo, Thiên chúa giáo... Ở cấp thấp hơn là các tỉnh, thành phố cũng có Ban Tôn giáo chính quyền... Tất cả chỉ muốn nói lên rằng tư tưởng, tôn giáo được coi trọng trong đời sống tinh thần và xã hội Việt Nam. Chính vì vậy, việc nghiên cứu tôn giáo Việt Nam cần phải được quan tâm, đặc biệt trong thời đại hiện nay khi mà tôn giáo đã trở thành một vấn đề thời sự nóng bỏng. Ở đây xin nêu ảnh hưởng của tôn giáo trên một số bình diện :

1. Trong mối tương quan tôn giáo - chính trị

Hẳn không cần phải bàn luận gì nhiều chúng ta cũng nhận thấy mối tương quan gắn kết chính trị - tôn giáo. Lý do đơn giản bởi cả tôn giáo và

* Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn

Digitized by Google

chính trị đều bị chi phối, thay đổi cùng với những biến động của xã hội. Tôn giáo ở xã hội nào phục vụ cho xã hội đó.

Từ thời tiền sử sợi dây liên kết các thành viên trong cộng đồng chính là tín ngưỡng và tôn giáo sơ khai. Sự xâm hại tới chúng sẽ là nguyên nhân dẫn tới các cuộc xung đột thảm khốc.

Khi xã hội có giai cấp, con người không chỉ tuân thủ theo những tôn chỉ của giáo hội, mà còn phục tùng thế quyền. Thần quyền và thế quyền đã hòa trộn với nhau để bảo vệ chính mình. Giai cấp thống trị sử dụng tôn giáo như một công cụ để bảo đảm kiểm soát được đời sống tinh thần của nhân dân, để bảo đảm uy thế cho mình, vì theo Mác "nhà nước ấy, xã hội ấy đã sản sinh ra tôn giáo". Đến lượt mình, thần quyền thông qua sự ảnh hưởng đối với giai cấp thống trị, thông qua việc thực hiện các chức năng "phi tôn giáo" (như bãi công, biểu tình đòi thực hiện các quyền dân tộc cơ bản, tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc...) để bảo vệ lợi ích của mình. Điều này có thể tìm thấy bóng dáng trong các giai đoạn lịch sử thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn, đặc biệt nửa sau của thế kỷ XX khi chính quyền Sài Gòn đứng đầu là Ngô Đình Diệm sử dụng Thiên Chúa giáo như một công cụ để đàn áp phong trào cách mạng thống nhất đất nước, gạt bỏ vai trò của Phật giáo đối với xã hội Việt Nam, dẫn đến sự xung đột giữa Thiên Chúa giáo với dân tộc, Thiên chúa giáo với Phật giáo.

Sau khi chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở các nước Đông Âu và Liên Xô, một số thế lực tôn giáo đã đẩy mạnh hoạt động nhằm tạo ảnh hưởng đối với xã hội Việt Nam, thậm chí còn tìm cách giành giật vị trí với Đảng Cộng sản Việt Nam. Tham vọng này lại trùng hợp với mưu đồ của các thế lực đế quốc muốn sử dụng tôn giáo như là một công cụ của chiến lược "diễn biến hòa bình". Không riêng gì Thiên chúa giáo, các tôn giáo khác cũng bị lợi dụng. Phật giáo vốn có sự gắn bó lâu dài với dân tộc và trong hai cuộc kháng chiến, nhiều tăng ni, phật tử đã sát cánh cùng cả nước vì sự nghiệp cách mạng. Song, để phá hoại sự nghiệp đổi mới của đất nước ta, các thế lực phản động lưu vong đã lôi kéo một số phần tử đội lốt Phật giáo đi vào các hoạt động chống đối. Thêm vào đó, sự phát triển không bình thường của đạo Tin lành ở các tỉnh Tây Nguyên, miền núi phía Bắc cùng những hiện tượng tín ngưỡng tôn giáo mới với đủ thứ mê tín dị đoan đã đặt ra nhiều vấn đề rất đáng quan tâm.

2. Trong việc hình thành ý thức

Ý thức tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội nên nó không tồn tại tách biệt so với các loại hình thức khác như chính trị, pháp luật..., mà giữa chúng có mối quan hệ gắn bó hữu cơ để tạo ra những thần thái riêng, đặc trưng của từng loại. Sự phát triển thực tế các ý thức xã hội trong lịch sử đã chứng minh khó có thể tìm thấy đâu là một ý thức mang bản chất tôn giáo thuần túy, cũng như không thể chỉ ra được một cách rạch ròi rằng, yếu tố đạo đức, chính trị, pháp luật này lại không có màu sắc của một tôn giáo nào đó. Lịch sử cũng đã chứng minh các tôn giáo trong quá trình phát triển đã được làm giàu thêm, phong phú thêm bởi sự tiếp nhận và dung hợp các yếu tố ngoại lai. Phật giáo là một điển hình. Kể từ khi Đức Thích Ca sáng lập ra Phật giáo đến nay, đã xuất hiện rất nhiều tông phái Phật giáo mới mang màu sắc riêng của từng quốc gia, khu vực, tức bị "bản địa hóa", nhưng không phải vì vậy mà chúng khác đi, không còn mang dấu vết của Phật giáo nguyên thủy. Bản thân việc du nhập và "bản địa hóa" các tôn giáo đã là một sự minh chứng cho sự chọn lựa có ý thức, khoa học của các quốc gia trong đó có Việt Nam.

Một điều đáng quan tâm khi nghiên cứu vai trò xã hội của tôn giáo là ý thức tự giác cộng đồng và ý thức đoàn kết cộng đồng. Đây chính là sự ý thức về quốc gia, dân tộc, nơi mỗi con người chúng ta được sinh ra và lớn lên, nơi gắn bó, xác lập mối quan hệ giữa chúng ta với các thành viên khác trong xã hội. Đây không chỉ là niềm tự hào mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân. Nó cũng đồng thời được coi như một tiêu chí để xác định, xây dựng nền văn hóa của mỗi quốc gia, dân tộc. Người Việt Nam ngay từ khi sinh ra đã được tắm mình trong không khí lễ hội, trong truyền thống văn hiến lâu đời, lại được hun đúc bởi nhiều phong tục, tập quán tốt lành, mà không ít trong đó bắt nguồn từ các điều răn tôn giáo.

Ý thức một khi được hình thành trong đầu óc con người nó sẽ tác động ngược trở lại đối với môi trường sống của họ. Nó là cơ sở để mỗi con người

Digitized by Google

hoạt động, để họ nhìn nhận, đánh giá vai trò và tác động vào thế giới xung quanh, đồng thời là cơ sở để họ yêu cầu người khác và xã hội đáp ứng được các yêu cầu của họ. Mỗi người vì thế trở thành một động lực tác động vào xã hội mà sự tác động này không thua kém gì sự tác động của sức mạnh vật chất. Ấy là chưa kể trong nhiều trường hợp nó còn làm thay đổi cả sức mạnh của vật chất.

Ý thức của con người do có sự khác nhau nên tác động cũng khác nhau. Chúng có thể đan xen để tạo ra nhiều động lực thúc đẩy xã hội phát triển, hoặc có thể kìm hãm sự phát triển của xã hội. Do vậy, cần phải có những chính sách rõ ràng về ý thức, tư tưởng nhân dân qua hoạt động của các tổ chức quần chúng, xã hội, đoàn thể như Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ..., trong đó phải kể tới vai trò của các tổ chức tôn giáo.

3. Trong việc phát triển nhân cách

Từ rất lâu rồi tôn giáo đã "sâu gốc, bền rễ" trong lòng dân tộc Việt Nam. Nó góp phần to lớn trong việc chi phối mọi hoạt động của con người ở tất cả các khía cạnh của cuộc sống. Nó phản ánh khát vọng của con người về cuộc sống tốt lành hơn mà cao cả hơn nữa là sự chiến thắng của cái thiện, của người lành, người đức độ, có phẩm hạnh cao quý. Như vậy chứng tỏ tôn giáo vẫn có rất nhiều điểm tích cực đáng ghi nhận và trân trọng, không chỉ vì nó hướng con người tới chân, thiện, mỹ, mà nó còn phù hợp với đạo đức xã hội chủ nghĩa, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Như Đảng ta khẳng định, "*tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo" [1].

Mặt tích cực của tôn giáo trong việc phát triển nhân cách, đạo đức của con người là không thể không thừa nhận. Đạo đức tôn giáo góp phần ổn định xã hội, đó là cái mà xã hội hiện rất cần. Kinh thánh viết "nếu các con tha thứ lỗi lầm cho kẻ khác, cha các con ở trên trời sẽ tha thứ cho các con. Nếu các con không tha thứ lỗi lầm cho người ta, cha các con ở trên trời sẽ không tha thứ cho các con đâu". Việc làm này thực sự cũng góp phần không nhỏ trong việc làm giảm bớt đi sự căng thẳng, sự thù hận, đặc biệt khi chúng ta đang muốn khép lại quá khứ để sống với hiện tại và hướng về tương lai. Nghiên cứu đạo đức Phật giáo cũng có thể tìm thấy nhiều chuẩn mực tích cực mà giá trị phổ quát của nó hướng con người tới cái thiện, biết chiến thắng chính bản thân mình, vượt qua mọi khó khăn bằng con đường bát chính đạo [2]. Đức Phật đã từng nói "ngay thánh thần cũng không thể chuyển thắng thành bại ở một con người đã chiến thắng bản thân mình" hoặc "không phải do dòng dõi mà chỉ do đạo đức của mình, con người mới có thể trở thành kẻ hạ đẳng hay Brahman". Các điều răn trong Thiên chúa giáo cũng có tác động không nhỏ trong việc gìn giữ được các giá trị cao quý của nhân phẩm con người như hiếu kính với cha mẹ, không được giết người, gian dâm... [3].

Trong điều kiện cơ chế kinh tế thị trường, khi có sự băng hoại của đạo đức, lối sống thực dụng chạy theo lợi ích vật chất mà quên đi những giá trị tinh thần, chạy theo tiền tài, danh vọng mà quên đi việc hoàn thiện nhân cách... thì những lời giáo hóa, các điều răn của những bậc sáng lập tôn giáo chân chính trên đây là có ý nghĩa tích cực.

Tôn giáo dù nội sinh hay ngoại nhập nhưng trong quá trình "bản địa hóa" tại Việt Nam đã giao thoa cùng các hằng số đạo đức truyền thống để trở thành những quy phạm đạo đức mang tính "thuần Việt". Đến thời đại ngày nay nó vẫn còn có tác động to lớn trong việc điều chỉnh hành vi của con người, mà người Việt Nam trong quá khứ,

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 78

(2) Đó chính là 8 con đường để diệt trừ nỗi khổ, diệt trừ ái dục và vô minh, thúc đẩy sự hoàn thiện của hành vi đạo đức (Giới), kỷ luật tinh thần (Định), trí năng (Tuệ) để dẫn tới sự giải thoát.

- Chính kiến : hiểu biết đúng đắn
- Chính tư : suy nghĩ đúng đắn
- Chính ngữ : lời nói trung thực, thận trọng
- Chính nghiệp : hành động đúng đắn, không sai trái
- Chính mệnh : làm ăn chân chính, lương thiện
- Chính tịnh tiến : phấn đấu không ngừng để thành đạt
- Chính niệm : luôn luôn tâm niệm điều thiện, điều lành
- Chính định : tập trung tư tưởng đúng đắn

(3) Xem thêm : *Lịch sử văn minh nhân loại*, Vũ Dương Ninh (chủ biên), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997

Digitized by Google

hiện tại và các thế hệ con cháu mai sau sẽ không phân biệt nó là tôn giáo hay thế tục.

Một khía cạnh khác cũng cần chú ý là một số sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo như lễ hội, âm nhạc, nghệ thuật lại chính là các hình thức cơ bản để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, để phát triển hoài bão... và gắn kết cả cộng đồng. Tại các nơi thực hành các nghi lễ tôn giáo con người sẽ thấy mình thân thiện biết bao và cũng giàu tình nhân loại biết bao nhiêu. Ở đó sẽ quên đi sự thù hằn, ganh ghét, sự bon chen, đố kỵ mà chỉ tồn tại một sự thành tâm, sự thành kính đối với các bậc siêu nhiên mà họ tin tưởng và gửi gắm. Hay những tín ngưỡng dân gian như thờ cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc, thờ thành hoàng làng... được biểu hiện qua các ngày giỗ, tết, sóc, vọng với tính chất tìm về cội nguồn, giống nòi không chỉ mang ý nghĩa đơn thuần là sự tưởng nhớ, biết ơn của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên, các anh hùng dân tộc. Nó cũng không chỉ là thời điểm để con cháu, những người thân thuộc tụ họp, qua đó củng cố và phát triển mối quan hệ huyết thống, tình nghĩa xóm làng, gia tộc mà còn mang đậm giá trị luân lý, đạo đức của mỗi người Việt Nam. Đặc tính tốt đẹp này cần được duy trì. Thế nên, nếu khéo léo phát huy thì chúng ta sẽ tạo được một cơ tầng vững chắc cho việc "xây dựng và phát triển một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" như Nghị quyết của Đảng đã khẳng định : "văn hóa vừa là mục tiêu, là động lực phát triển".

Biết "gạn đục, khơi trong", biết lựa chọn tư tưởng nhân bản của các tôn giáo để đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, áp dụng trong đời sống không chỉ là vấn đề cần thiết, cấp bách hiện nay mà còn mang tính chiến lược lâu dài về sau. Do vậy, các nhà hoạch định chính sách tôn giáo, các nhà làm công tác tư tưởng - văn hóa cần tăng cường nghiên cứu, đề xuất để Nhà nước sớm ban hành hệ thống chính sách sao cho vừa phát huy được các giá trị đích thực của tôn giáo, lại vừa ngăn chặn được những hạn chế của nó, nhất là ngăn chặn những hành động lợi dụng tôn giáo để chống phá sự nghiệp của nhân dân. Thiết nghĩ đây không chỉ là mong mỏi của các tín đồ mà còn là của toàn xã hội.❑

QUAN ĐIỂM...

(Tiếp theo trang 39)

Thực tế đó buộc An-vin và Hây-đi Tốp-phlơ phải nhìn thẳng vào ba "thượng, cận và siêu", kiểm tra hành động của họ theo những tiêu chí của chủ nghĩa tương lai. Cuộc kiểm tra đã làm cho hai vợ chồng ngao ngán : ba "thượng, cận và siêu" của cả hai đảng Cộng hòa và Dân chủ đều chẳng hề biết gì về chủ nghĩa tương lai, người "chiến sĩ" tương lai chủ nghĩa duy nhất của Đảng Cộng hòa là Niu Gin-rích đã bị ban lãnh đạo đảng này "cho về vườn" sau cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 1998 !

Trong bài bình luận dài về tình hình chính trị - kinh tế Mỹ sau cuộc bầu cử này [9] An-vin và Hây-đi Tốp-phlơ nhận xét : những vấn đề mà hai đảng phải đối phó đều không có khả năng giải quyết, nhất là vấn đề thất nghiệp là tai họa chính mà chủ trương "thu nhỏ quy mô" đã giáng lên đầu giai cấp công nhân : "Trong *nền kinh tế dịch vụ* của "Làn sóng thứ ba" *dựa trên tri thức* dù có tạo thêm được mười triệu việc làm mới, thì cũng không giải quyết được nạn thất nghiệp".

An-vin và Hây-đi phóng tầm nhìn sang các Đảng Dân chủ - xã hội châu Âu, quan tâm đến khó khăn bao trùm toàn bộ hoạt động của họ cũng như hoạt động của Đảng Dân chủ Mỹ là : các chính sách họ đề ra để giải quyết các khó khăn kinh tế chỉ lo bảo vệ lợi ích của giới chủ do đó đã vấp phải sự chống đối của các tổ chức công đoàn. Và đây cũng là sự trở lại thực tế đấu tranh giai cấp của hai nhà tương lai học.

Như vậy sự khác nhau về cơ bản của hai loại quan điểm, quan điểm mác-xít và quan điểm tư sản về sự phát triển khoa học kỹ thuật và tri thức, là ở chỗ phân tích nguyên nhân dẫn đến sự tha hóa của khoa học kỹ thuật và ở cách thức từng bước hạn chế và đi đến khắc phục hoàn toàn sự tha hóa đó.❑

(9) Bản dịch tiếng Pháp "Gingrich sen va, les futurophobes triemphont" (Gin-rich ra đi, những người ghét tương lai thắng thế) đăng trên báo *Le Monde* ngày 24-11-1998, tr. 16

Digitized by Google

XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TRỌNG ĐIỂM

ĐINH QUANG BÁO *

I - Những quan điểm cơ bản

Vị trí quan trọng của hệ thống sư phạm trong chiến lược phát triển giáo dục được Đảng và Nhà nước ta khẳng định từ nhiều năm nay, nhất là từ sau các Đại hội lần thứ VII và thứ VIII của Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về giáo dục và đào tạo nêu nhiệm vụ : Củng cố và tập trung đầu tư nâng cấp các trường sư phạm. Xây dựng một số trường đại học sư phạm trọng điểm để vừa đào tạo giáo viên chất lượng cao vừa nghiên cứu khoa học giáo dục đạt trình độ tiên tiến.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, tại buổi làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 21-2-1998 đã nhấn mạnh : "Phải củng cố hệ thống trường sư phạm - hệ thống máy cái, để từ đó đào tạo ra sức lao động hiện đại'. Tiếp đó, khi về thăm và làm việc tại Trường đại học sư phạm Hà Nội (ngày 31-8-1998), đồng chí Tổng Bí thư chỉ đạo cụ thể hơn : "Để đổi mới, củng cố, phát triển hệ thống trường sư phạm, phải xây dựng một số trường đại học sư phạm trọng điểm".

Đối với trường đại học sư phạm trọng điểm, khi thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình đồng thời cũng là thực hiện hai chức năng cơ bản : chức năng nội tại của trường và chức năng *máy cái*, làm động lực thúc đẩy cả hệ thống sư phạm, từ đó tác động đến cả hệ thống giáo dục quốc dân. Đào tạo giáo viên và nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ của tất cả các trường sư phạm, nhưng làm *máy cái* thúc đẩy cả hệ thống sư phạm là chức năng đặc biệt, riêng có của đại học sư phạm trọng điểm. Hai chức năng này có mối quan hệ tác động tương hỗ. Chức năng nội tại tạo ra tiềm lực để thực hiện chức năng máy cái. Như vậy, trường đại học sư phạm trọng điểm phải trở thành chuẩn mực về chất lượng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, về nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất và môi trường sư phạm để từng bước đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Những đặc trưng nói trên xác định vị trí của trường đại học sư phạm trọng điểm. Nhà nước đầu tư cho đại học sư phạm trọng điểm chính là đầu tư phát triển, tạo đòn bẩy tác động vào cả hệ thống sư phạm. Trường đại học sư phạm trọng điểm phải có các điều kiện cần thiết để thực hiện tốt các chức năng cơ bản của mình. Để làm được điều đó, trường đại học sư phạm trọng điểm phải giải quyết tốt các mối quan hệ sau đây :

- *Quan hệ giữa đào tạo giáo viên chất lượng cao với nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến.* Mối quan hệ này có tính nhân quả, trong đó nghiên cứu khoa học là động lực sản sinh ra năng lực đào tạo chất lượng cao.

- *Quan hệ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học giáo dục với đào tạo và nghiên cứu khoa học cơ bản.* Đây là quan hệ giữa hai lĩnh vực chuyên môn tạo nên tính đặc thù của trường sư phạm. Trong công tác đào tạo giáo viên và đặc biệt trong thực tiễn đào tạo ở các trường sư phạm còn nhiều điểm chưa được thống nhất liên quan đến vấn đề xác định quan hệ tối ưu giữa nội dung đào tạo khoa học giáo dục với khoa học cơ bản. Thực trạng này đã ảnh hưởng nặng nề đến quan điểm chỉ đạo xây dựng cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ giảng dạy. Trường đại học sư phạm trọng điểm cần quán triệt cách tiếp cận là : làm cho khoa học cơ bản và khoa học giáo dục hòa quyện vào

* PGS, TS, Hiệu trưởng Trường đại học sư phạm Hà Nội

Digitized by Google

nhau tạo nên một tố chất mới giúp cho việc đào tạo đạt hiệu quả, chất lượng cao nhất.

- *Quan hệ giữa chức năng nội tại với chức năng phát huy vai trò tác động thúc đẩy sự phát triển của hệ thống giáo dục.* Quan hệ này là một trong những điểm xuất phát cho việc đề ra chủ trương xây dựng trường đại học sư phạm trọng điểm như là một công cụ để thúc đẩy sự phát triển của cả hệ thống các trường sư phạm trong cả nước. Vì vậy, việc thiết kế mô hình trường đại học sư phạm trọng điểm phải tạo tiềm lực cho việc thực hiện nhiệm vụ vĩ mô này.

- *Quan hệ hợp tác trong nước và ngoài nước về đào tạo, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ.* Mối quan hệ này không chỉ đáp ứng xu thế toàn cầu hóa trong lĩnh vực giáo dục và khoa học mà còn là điều kiện để trường đại học sư phạm trọng điểm phát huy nội lực, phát huy ảnh hưởng đối với khu vực và thế giới.

Các cặp quan hệ cơ bản trên đây là cơ sở lý luận cho việc xác định các tiêu chí xây dựng trường đại học sư phạm trọng điểm về cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ ; về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học ; về nội dung chương trình, phương pháp, hình thức, các loại hình và quy mô đào tạo, đặc biệt là quy chế hoạt động. Việc xử lý tốt các mối quan hệ nêu trên chính là điều kiện tiên quyết để thực hiện các nhiệm vụ sau đây của trường đại học sư phạm trọng điểm.

1 - Đào tạo giáo viên chất lượng cao cho tất cả các cấp học, ngành học có trình độ từ cử nhân đến tiến sĩ. Đó là những giáo viên có phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có tư thế tác phong mẫu mực của nhà giáo ; có trình độ khoa học cơ bản vững chắc, hiện đại và những tri thức tiên tiến về nghề dạy học, khả năng tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ, cập nhật các kiến thức khoa học tiên tiến, hiện đại, chủ động đáp ứng những yêu cầu đổi mới, cải cách giáo dục.

2 - Đào tạo giảng viên cho các trường sư phạm, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ giảng dạy các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học khác ; bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giáo viên để họ đạt trình độ chuẩn, cập nhật kiến thức đáp ứng những yêu cầu của cải cách giáo dục.

3 - Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục nhằm giải quyết những vấn đề phục vụ cho hoạt động đào tạo của nhà trường. Đồng thời, trường đại học sư phạm trọng điểm phải đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu giáo dục học, tâm lý học, lý luận dạy học, phương pháp dạy học bộ môn, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo, phương pháp tổ chức các hoạt động của nhà trường phổ thông và sư phạm, phương pháp tổ chức các hoạt động xã hội liên quan đến giáo dục cộng đồng, giáo dục gia đình, các lĩnh vực giáo dục chuyên biệt, giáo dục trẻ khuyết tật, giáo dục năng khiếu, giáo dục trẻ chậm tiến v.v.. ; đi đầu trong việc nghiên cứu các loại hình đào tạo chính quy tập trung, đào tạo không chính quy như : đào tạo từ xa, tại chức, đào tạo theo địa chỉ, v.v..

Công tác nghiên cứu khoa học của trường còn góp phần làm sáng tỏ những quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước, thực hiện hóa quan điểm, đường lối đó bằng những đề xuất về chính sách, chiến lược phát triển giáo dục đất nước ; tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình, dự án cấp bộ, cấp nhà nước thuộc một số lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ... ; triển khai, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ hiện đại vào phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội.

4 - Làm nòng cốt trong việc xây dựng chương trình, nội dung, giáo trình, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo các cấp học để phát huy vai trò đối với ngành giáo dục.

Để có thể thực hiện tốt những chức năng và nhiệm vụ nêu trên, trường đại học sư phạm trọng điểm cần được bảo đảm một số yêu cầu :

- Được hoạt động theo quy chế riêng do Chính phủ hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong khuôn khổ Luật Giáo dục để có quyền tự chủ cao ; được ưu tiên đầu tư kinh phí và cơ sở vật chất : phòng học, ký túc xá, thư viện, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao.

- Có đội ngũ cán bộ với số lượng, chất lượng, cơ cấu trình độ, cơ cấu chuyên môn phù hợp với việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, giải quyết những vấn đề liên ngành, liên môn, liên lĩnh vực ; có đội ngũ quản lý trường, khoa, trung tâm, viện nghiên cứu, bộ môn

Digitized by Google

đủ năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chiến lược về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Cần xây dựng các bộ môn mạnh với quyền tự chủ cao, thực sự là tổ chức cơ sở của nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ ; có chính sách ưu tiên đối với cán bộ, sinh viên, nhất là trong sử dụng và đãi ngộ.

II - Xây dựng Trường đại học sư phạm Hà Nội thành trường đại học sư phạm trọng điểm

Được thành lập từ tháng 1 năm 1951, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang bước vào giai đoạn quyết định, Trường đại học sư phạm Hà Nội là một trong những sản phẩm đầu tiên của nền giáo dục cách mạng với một bề dày truyền thống rất đáng tự hào. Trải qua gần nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành, trường đã có những đóng góp lớn lao vào sự nghiệp khoa học và giáo dục của đất nước. Rất nhiều gương mặt làm rạng danh cho nền khoa học và giáo dục của nước nhà đã từng học tập công tác ở đây. Hiện nay, Trường đại học sư phạm Hà Nội là một trong những trường đại học có tiềm lực mạnh nhất, xứng đáng làm trụ cột cho hệ thống đào tạo sư phạm của đất nước.

Về đào tạo, Trường hằng năm có quy mô đào tạo khoảng 7 000 sinh viên hệ chính quy thuộc 16 ngành đào tạo cử nhân để cung cấp giáo viên các cấp cho ngành giáo dục, cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu cho các trường, các ngành, các sở giáo dục và đào tạo... Bên cạnh hệ đào tạo chính quy tại trường, trường còn có các hệ đào tạo tại chức, đào tạo từ xa, chính quy theo địa chỉ, các lớp cử tuyển v.v.. Trường còn là cơ sở đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học cho một số nước như : Lào, Cam-pu-chia, Hàn Quốc...

Ở bậc sau đại học, Trường đại học sư phạm Hà Nội là một trong những trung tâm đào tạo sau đại học lớn nhất nước với 41 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ và 43 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ. Hằng năm trường tuyển từ 250 đến 300 học viên cao học, 50 nghiên cứu sinh theo chế độ tập trung và đến nay đã đào tạo được trên 3 000 thạc sĩ, 380 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học (trong đó có 30 người nước ngoài).

Như vậy, Trường đại học sư phạm Hà Nội là một trong những trường có quy mô đào tạo lớn với chất lượng cao. Tuy nhiên, so với yêu cầu đổi mới giáo dục cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì quy mô và chất lượng đào tạo hiện nay còn nhiều bất cập.

Bên cạnh công tác đào tạo, *nghiên cứu khoa học* cũng là một hoạt động trọng tâm của Trường. Trong những năm gần đây, trường đã thực hiện 46 đề tài khoa học cấp nhà nước, 91 đề tài cấp bộ cùng hàng chục đề tài cấp cơ sở khác.

Trong nghiên cứu khoa học đã khai thác được tiềm năng của đội ngũ cán bộ giảng dạy, phục vụ có hiệu quả công tác đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ và tham gia giải quyết những vấn đề quan trọng của trường, của ngành và đời sống xã hội, tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế.

Về đội ngũ cán bộ, đây là điểm mạnh nổi bật của trường. Hiện tại, trường có 1 007 cán bộ, trong đó có 704 cán bộ giảng dạy với 33 giáo sư, 98 phó giáo sư, 275 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, còn lại hầu hết là thạc sĩ hoặc tương đương, một đội ngũ mà rất ít các trường đại học hiện nay có được. Một điểm thuận lợi nữa là số cán bộ có trình độ cao được phân bố tương đối đồng đều ở cả 12 khoa của trường. Tỷ lệ hợp lý giữa cán bộ khoa học cơ bản và khoa học giáo dục tạo điều kiện cho sự phối hợp đào tạo, trong việc gắn công tác đào tạo với giáo dục phổ thông, trong việc xây dựng một số chuyên ngành mới, loại hình đào tạo mới.

Tuy nhiên cũng như nhiều trường đại học khác, Trường đại học sư phạm Hà Nội cũng đang phải đối mặt với nguy cơ hẫng hụt đội ngũ, cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là cán bộ đầu ngành.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 và những quyết định, chỉ thị của Đảng và Nhà nước, Đại học sư phạm Hà Nội xác định mục tiêu chiến lược là : *xây dựng trường thành trường đại học sư phạm trọng điểm, vừa đào tạo giáo viên chất lượng cao, vừa nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến để góp phần thúc đẩy sự phát triển của cả hệ thống sư phạm và phát huy tác dụng trong toàn ngành giáo dục ở tất cả các cấp học, ngành học.*

Để thực hiện được mục tiêu chiến lược trên, Trường đại học sư phạm Hà Nội phải thực hiện các giải pháp phát triển đồng bộ trên tất cả các mặt.

Digitized by Google

1 - Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ.

Bộ máy tổ chức của trường vừa là mô hình phổ biến của các trường đại học sư phạm, đồng thời vừa có những nét riêng do chức năng và nhiệm vụ đặc thù mà nó đảm nhận. Tính đặc thù là ở chỗ : trường đại học sư phạm trọng điểm vừa là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, có tính chuẩn mực, vừa là một bộ phận gắn với hệ thống sư phạm và phổ thông. Do đó, ở trường đại học sư phạm trọng điểm, đồng thời với việc coi trọng các đơn vị : khoa, phòng chức năng, trung tâm, viện nghiên cứu, phải đặc biệt coi trọng các bộ môn ở khoa. Bộ môn phải có số lượng, chất lượng cán bộ, chức năng, quyền hạn sao cho nó là đơn vị cơ sở, không chỉ giảng dạy một môn thuộc chuyên ngành khoa học cụ thể, mà còn là đơn vị có thể tổ chức nghiên cứu khoa học, giải quyết được những đề tài lớn ; là đơn vị sinh hoạt chuyên môn, học thuật, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là đơn vị đào tạo sau đại học và hợp tác quốc tế. Do vậy, số lượng cán bộ của bộ môn được quy định không chỉ do yêu cầu về giờ dạy, mà còn phải đủ để bộ môn trở thành một tổ chức cơ sở nhằm thực hiện các chức năng lớn của trường. Về cơ cấu trình độ cán bộ của bộ môn, nhất thiết phải có các nhà khoa học có trình độ cao, đầu ngành. Cơ cấu này cũng phải được vận dụng trong việc xây dựng các viện, các trung tâm nghiên cứu.

Về vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, với yêu cầu của một trường đại học sư phạm trọng điểm thì chất lượng cán bộ phải được coi là yếu tố hàng đầu, yếu tố quyết định. Trên cơ sở tiềm lực của đội ngũ cán bộ hiện nay, nhất là đội ngũ các nhà khoa học đầu đàn, trường xác định phương châm phát huy nội lực nhằm tạo sự chủ động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chú ý đầu tư có trọng điểm vào những ngành, những lĩnh vực quan trọng ; vừa quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, kế cận, vừa coi trọng việc bồi dưỡng, phát huy đội ngũ khoa học đầu đàn, đồng thời vẫn không ngừng tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ nguồn học bổng, gửi cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài.

2 - Phát triển hoạt động đào tạo.

Quan điểm xuyên suốt trong việc chỉ đạo công tác đào tạo của trường là : Mọi hoạt động của trường phải tập trung vào nhiệm vụ đào tạo chất lượng cao ; trường là trung tâm đào tạo giáo viên đa ngành, đa cấp với mục đích đáp ứng yêu cầu về các loại hình giáo viên, tạo tiềm năng cho việc hình thành các ngành đào tạo mới, tạo điều kiện cho việc nghiên cứu, hoàn thiện các mô hình về đào tạo giáo viên, gắn nhà trường với thực tiễn giáo dục của các cấp học, ngành học.

Trường phải có nội dung chương trình đào tạo tiên tiến, phương pháp đào tạo mới, phương tiện dạy học hiện đại, đồng thời phải đa dạng hóa các loại hình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu về số lượng, nâng chuẩn trình độ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn của ngành, nghiên cứu, hoàn thiện các mô hình về từng loại hình đào tạo v.v..

3 - Phát triển nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Như trên đã nói, cùng với đào tạo, nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ trọng tâm của trường. Hoạt động nghiên cứu khoa học của trường nhằm tạo nên sự gắn kết hữu cơ, chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, phát huy tối đa tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ và cả sinh viên, phục vụ việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tăng cường tiềm lực của đội ngũ cán bộ. Ngoài ra, với tư cách là trường trọng điểm, là trụ cột của hệ thống đào tạo sư phạm, hoạt động nghiên cứu khoa học của trường còn góp phần giải quyết một số vấn đề có tính chiến lược trong sự phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nòng cốt trong hoạt động nghiên cứu khoa học của trường là các viện, các trung tâm nghiên cứu trực thuộc với hai hướng nghiên cứu chính là khoa học cơ bản và khoa học giáo dục. Ngoài ra, công tác nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cũng luôn được chú trọng.

Ngày nay, trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo thì việc mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu quốc tế là yêu cầu có tính sống còn đối với sự phát triển của một trường đại học, nhất là đại học trọng điểm. Việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm không ngừng nâng cao uy tín, vị thế của trường trong hệ thống các trường đại học khu vực và thế giới, từ đó mở rộng quan hệ hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ nâng

Digitized by Google

cao trình độ chuyên môn, tiếp cận với những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, những phương pháp đào tạo tiên tiến, tăng cường tiềm lực của đội ngũ cán bộ bằng cách cử cán bộ ra nước ngoài đào tạo và mời chuyên gia nước ngoài sang tham quan giảng dạy tại các trường, tranh thủ thêm các nguồn tài trợ quốc tế.

4 - Xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm tài chính.

Đây là yếu tố hết sức quan trọng bảo đảm chất lượng và hiệu quả cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Khi cho ý kiến về mô hình đại học sư phạm trọng điểm, Thủ tướng Phan Văn Khải đã khẳng định : "Lựa chọn phương án nào cũng phải đầu tư thích đáng và có cơ chế quản lý phù hợp để xây dựng đại học sư phạm trọng điểm nhằm đạt được các mục tiêu đã đặt ra" (Báo *Nhân Dân* ngày 27-4-1999). Dự thảo chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo đến năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng nêu rõ : Cần tập trung nguồn lực để xây dựng một số cơ sở giáo dục - đào tạo chất lượng cao làm khuôn mẫu, làm đầu tàu tạo khởi sắc cho cả nền giáo dục.

Vì vậy, Trường đại học sư phạm Hà Nội cần được đầu tư về cơ sở vật chất và bảo đảm tài chính một cách thích đáng, tương xứng với vị trí của trường trọng điểm.

Chiến lược đầu tư phải mang tính đặc thù, thích hợp trong từng giai đoạn. Trước mắt, tận dụng cơ sở vật chất hiện có để rút ngắn tiến độ xây dựng và tiết kiệm vốn đầu tư, sao cho trong một thời gian ngắn nhất, với mức đầu tư tiết kiệm nhất mà đạt hiệu quả cao nhất để nhanh chóng ổn định và phát triển Trường đại học sư phạm Hà Nội thành trường trọng điểm.

Về lâu dài, Nhà nước cần có phương án tập trung đầu tư ngân sách lớn để nâng cấp cơ sở vật chất, bảo đảm các điều kiện cần thiết cho Trường đại học sư phạm Hà Nội hoạt động theo mô hình và nhiệm vụ mới.

Cơ chế quản lý tài chính và phân cấp quản lý tài chính cần thích hợp với việc tăng cường tính chủ động, sáng tạo và nâng cao ý thức trách nhiệm của cơ sở. Nhà trường có trách nhiệm tổ chức tốt công tác quản lý tài chính để sử dụng hợp lý và có hiệu quả mọi nguồn lực tài chính được đầu tư.❑

CHỦ NGHĨA...

(Tiếp theo trang 6)

thành những thầy bói của tương lai, thành những vị thánh và chính cách đó đã phá hoại uy tín của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tất nhiên một khi đã không nắm được bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và do đó mà giải quyết sai những vấn đề của cách mạng thì người ta không tránh khỏi rơi vào cực khác là hoài nghi, giao động đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Cái sai chính của không ít người cộng sản là đã tách lý luận Mác - Lê-nin ra khỏi thực tiễn, cắt đứt mối liên hệ của nó với những điều kiện thực tiễn cách mạng trong nước và những đổi thay của thời đại. Do đó đã biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ chỗ là kim chỉ nam cho hành động thành những giáo điều khô cứng, duy lý. Vì thế mà mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nhiều nước trước đây đã chịu sự chi phối của sai lầm đó, mang trong mình nó nhiều khuyết tật, không thể hiện được đầy đủ bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội khoa học. Không thể lấy sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước vừa qua để lên án chủ nghĩa Mác - Lê-nin, coi đó là học thuyết đã "lỗi thời". Trái lại sự sụp đổ đó chính là hậu quả của sự từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thay thế nó bằng thứ chủ nghĩa cơ hội và xét lại của những kẻ phản bội.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa là những vấn đề gắn bó chặt chẽ với nhau. Từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng là từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng và từ bỏ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới chính là phải kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng và con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Đổi mới chính là phải đưa ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của nó, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn, không ngừng bổ sung, phát triển làm cho nó ngày càng phong phú và tràn đầy sức sống để tìm ra con đường, biện pháp có hiệu quả trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. ❑

Digitized by Google

NHỮNG ĐỔI MỚI Ở HUYỆN TIỀN TIÊU CÔN ĐẢO

PHAN CHIẾN *

Côn Đảo là một huyện đảo thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, và Nghị quyết của Bộ Chính trị (tháng 5-1993) về *"Một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt"* ; Nghị quyết chuyên đề số 12-NQ/TV ngày 02-10-1997 của Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu *về "Một số nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo đến năm 2000"*... Đảng bộ, chính quyền, quân và dân trong huyện đã ra sức khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đề ra, và đã thu được những kết quả đáng phấn khởi.

Từ những năm đầu của thập niên 90, theo chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được hình thành, góp phần làm tăng kinh tế địa phương với nhịp độ khá : Năm 1998, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 13 tỉ đồng, nông nghiệp đạt 2,1 tỉ đồng, doanh thu thương mại - dịch vụ là 141 tỉ đồng ; các con số này của năm 1999 là 31 tỉ đồng (vượt 2 lần kế hoạch năm), 4,1 tỉ, 198 tỉ (vượt 70% kế hoạch năm), 9 tháng đầu năm 2000 là 33 tỉ (đạt 100% kế hoạch năm), 3,6 tỉ đồng và 107 tỉ. Kim ngạch xuất, nhập khẩu 1990 đạt 8,6 triệu USD, đến năm 1998 đạt 20 triệu USD và năm 1999 đạt 28 triệu USD (vượt 35% kế hoạch) ; 9 tháng đầu năm 2000 đạt 22 triệu USD (đạt 80% kế hoạch). Sản lượng đánh bắt hải sản đạt 2 000 tấn (1990), những năm tiếp theo tăng dần đến 5 000 tấn/năm. Sau cơn bão số 5 (năm 1997) huyện đã đầu tư 12,6 tỉ đồng bằng nguồn vốn vay ưu đãi từ chương trình Biển đông, hải đảo để sửa chữa và đóng mới tàu thuyền, nâng công suất lên 7 160 CV. Nhờ đó năm 1999, khai thác được 10 600 tấn (vượt 2,5 lần kế hoạch), 9 tháng đầu năm 2000 là 6 000 tấn (đạt 60% kế hoạch năm). Giao thông - vận tải và thông tin - liên lạc có những tiến bộ đáng kể, hằng năm vận chuyển trên 10 000 lượt người và 3 000 tấn hàng hóa các loại.

Nhiều công trình xây dựng cơ bản được thực hiện với giá trị đầu tư trên 200 tỉ đồng như : nghĩa trang Hàng Dương, cảng cá Bến Đầm, trường học, tàu khách, các tuyến đường chính trên đảo và một số công trình khác. Các công trình xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện góp phần tôn tạo cảnh quan môi trường và từng bước thay đổi bộ mặt xã hội. Được công nhận là Vườn quốc gia, Côn Đảo chú trọng công tác tuần tra, bảo vệ rừng và biển, bảo vệ các loài động vật quý hiếm. Năm 1998, đã đầu tư 2,7 tỉ đồng xây dựng các công trình như trạm cứu hộ rùa biển, trạm kiểm lâm, mua sắm tàu, ca nô... Lượng khách trong và ngoài nước đến thăm Côn Đảo ngày càng tăng. Việc quản lý, giữ gìn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử nhà tù là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện, hằng năm Côn Đảo đón trên 10 000 khách đến tham quan di tích. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai. Huyện có Trung tâm y tế với phòng khám đa khoa 30 giường và trạm y tế quân đội. Trang thiết bị y tế tương đối khá. Gần đây một số bác sĩ bệnh viện tỉnh luân phiên ra đảo công tác nên chất lượng điều trị được nâng lên. Chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm mang lại hiệu quả thiết thực. Hằng năm, nhân dân được vay từ 600 đến 800 triệu đồng làm kinh tế, số hộ nghèo giảm xuống còn 2%, không có hộ đói (số hộ nghèo so với tổng hộ dân là 15/700).

* Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Digitized by Google

Huyện có cơ cấu dân cư tương đối trẻ (số người trong độ tuổi lao động chiếm 77,3% dân số). Tỷ lệ tăng dân số cơ học khá cao (đầu những năm 90 mới chỉ có 1 500 nhân khẩu, đến nay đã tăng lên gấp 2 lần). Huyện đang có chính sách khuyến khích những đối tượng có trình độ tay nghề và chuyên môn nghiệp vụ, cũng như huy động tư nhân, tập thể góp vốn tham gia phát triển kinh tế, xã hội ; hạn chế tối đa tình trạng di dân tự do làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội. Vào những năm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90, số lượng học sinh tuy còn ít, nhưng đội ngũ giáo viên vẫn thiếu và không ổn định, vì thế ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục. Những năm gần đây, cơ sở trường, lớp được xây dựng khang trang, đội ngũ thầy, cô giáo được nâng lên về mọi mặt nên chất lượng giáo dục có những tiến bộ rõ rệt. Kết quả các kỳ thi tốt nghiệp các cấp, tỷ lệ HS thi đỗ đều đạt trên 95%. Huyện đã hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đồng thời đang đề nghị Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận đơn vị hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Năm học 2000 - 2001, có 188 học sinh mẫu giáo và 624 học sinh phổ thông theo học (tăng 48 học sinh so với năm học trước). Tuy là một huyện đảo cách biệt với đất liền, giao thông đi lại khó khăn, việc đáp ứng đời sống tinh thần của người dân bị nhiều trở ngại, nhưng công tác văn hóa, văn nghệ, thể thao và truyền thanh truyền hình vẫn được thực hiện khá tốt. Mức hưởng thụ văn hóa bình quân 10 lần/người/năm ; tỷ lệ dân số được xem truyền hình là 95%, nghe đài phát thanh là 97% ; bình quân 16 máy điện thoại/100 dân, 100% tỷ lệ hộ dân sử dụng điện. Huyện đang triển khai, phấn đấu cuối năm 2000 đạt tiêu chuẩn huyện văn hóa đầu tiên của tỉnh.

Để bảo đảm quốc phòng, giữ gìn toàn vẹn chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, thực hiện một trong những nhiệm vụ chủ yếu của huyện, các đơn vị bộ đội cố gắng làm tốt công tác dân vận. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, từ huyện đến cơ sở, đều tham gia kết nghĩa với các đơn vị bộ đội, nhất là các chốt xa, gắn phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" và chương trình xây dựng "huyện văn hóa". Nhờ vậy, nhìn chung trong những năm qua, nhiệm vụ quốc phòng được giữ vững, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ổn định.

Đạt được những kết quả nêu trên do nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của trung ương cùng với sự trợ giúp của tỉnh ; sự nỗ lực, quyết tâm phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân trong huyện. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, sự năng động, nhạy bén của bộ máy chính quyền, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có ý nghĩa quyết định đối với quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Côn Đảo. Trên hết là công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về nhận thức, tư tưởng, chính trị, tăng cường sự đoàn kết thống nhất từ nội bộ đảng đến quần chúng nhân dân trên cơ sở thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng, chấp hành pháp luật của Nhà nước và những quy chế của địa phương. Huyện đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết TU6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phổ biến các quy định của Bộ Chính trị, tiến hành đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết TU5 và Nghị quyết TU6 lần 2 (khóa VIII) nhằm nâng cao sự thống nhất tư tưởng và ý chí hành động trong toàn Đảng bộ. Tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy và từng cán bộ, đảng viên trong xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, trong giáo dục, quản lý và bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân và lãnh đạo, thực hiện tốt nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI nhiệm kỳ 2000 - 2005.

Côn Đảo nằm gần trục hàng hải quốc tế, có vịnh nước sâu kín gió, thuận tiện cho xây dựng cảng biển và nhiều điều kiện thuận lợi khác để phát triển kinh tế biển ; có tiềm năng du lịch phong phú, không chỉ khu di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng nhà tù Côn Đảo mà cả tiềm năng rừng, biển, nơi lý tưởng cho phát triển du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học... Mục tiêu lâu dài của Đảng bộ chính quyền huyện đặt ra là *xây dựng Côn Đảo*

Digitized by Google

trở thành một hải đảo giàu đẹp của đất nước, một khu đô thị hiện đại mang bản sắc dân tộc, có môi trường tự nhiên và xã hội trong lành, phát triển kinh tế, xã hội gắn liền với quốc phòng và an ninh ; gắn liền bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, với phát triển rừng sinh thái, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên và giữ gìn tài nguyên môi trường. Tuy vậy, Côn Đảo vẫn còn nhiều điều trăn trở, bởi từ nhiều năm qua huyện đi lên phần lớn là nhờ sự trợ giúp của tỉnh và trung ương. Bên cạnh những thành tựu đáng phấn khởi, vẫn tồn tại không ít những thiếu sót, yếu kém : kinh tế phát triển không ổn định, vững chắc ; quản lý đất đai, nhà cửa vẫn còn nhiều sai phạm ; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, vui chơi, giải trí cho nhân dân vẫn còn nhiều hạn chế... Trong thời gian tới, với những cơ chế, chính sách rộng mở hơn, Côn Đảo sẽ quyết tâm phấn đấu vươn lên bằng chính nội lực của mình thể hiện trước tiên bằng chính sách ưu tiên hợp tác với các tổ chức và cá nhân đầu tư cho phát triển du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng *dịch vụ - công nghiệp.* Nhằm giúp đẩy nhanh quá trình, xây dựng cơ sở kinh tế - xã hội, địa phương mong muốn các ngành chức năng từ trung ương sớm triển khai thực hiện chủ trương của Chính phủ theo tinh thần Thông báo số 90/TB ngày 11-8-1997 về đầu tư sửa chữa, nâng cấp sân bay Cỏ Ống ; phê duyệt quy hoạch Khu di tích lịch sử nhà tù Côn Đảo ; tiếp tục quan tâm đầu tư thêm một số công trình cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội. Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI huyện Côn Đảo đã thông qua một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đến năm 2005 :

- Đạt GDP bình quân đầu người là 549 USD. Tỷ trọng giá trị các ngành kinh tế bình quân : dịch vụ, thương mại, du lịch là 65,91% ; công nghiệp, xây dựng là 24,32% ; nông, lâm, thủy sản là 9,77% (không tính công ty Thủy sản và xuất nhập khẩu Côn Đảo). Giảm tỉ lệ tăng dân số bình quân hằng năm là 4,87% và tỉ lệ hộ nghèo xuống còn 2 - 3%. Từng bước tiến tới phổ cập trung học phổ thông.

Côn Đảo không ngừng phấn đấu để xứng đáng với truyền thống, vươn lên trong công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.❑

TỔNG QUAN NÔNG NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 31)

cách cơ bản chính sách đầu tư, trong đó tăng tỷ trọng đầu tư từ nguồn vốn ngân sách cho nông nghiệp lên khoảng 25% tương ứng với tỷ trọng nông nghiệp trong GDP (năm 1998 là 26%), đồng thời có cơ chế thu hút mạnh mẽ vốn trong dân để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, tạo môi trường thuận lợi tăng vốn đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, ưu tiên tối đa các dự án viện trợ cho khu vực nông thôn là những hướng cơ bản nhất.

3 - Hoàn thiện quy hoạch tổng thể về sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản làm cơ sở cho kế hoạch hóa và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Đây là giải pháp hết sức quan trọng có ý nghĩa thiết thực và lâu dài. Trong quy hoạch cần quan tâm đến các vùng sản xuất nông sản hàng hóa lớn phục vụ xuất khẩu, các ngành công nghiệp chế biến nông sản và những ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp như điện, cơ khí, chế biến nông, lâm, thủy sản, quy hoạch hệ thống trạm, trại nghiên cứu thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào nông nghiệp. Cần coi trọng quy hoạch vùng nông sản xuất khẩu có chất lượng cao.

4 - Thực hiện giải pháp "kích cầu" bằng các chính sách "khoan sức dân" ở nông thôn, trong đó bỏ thuế sử dụng đất nông nghiệp là việc nên làm. Trước mắt, năm 2001, Nhà nước cần miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp cho các tỉnh bị lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long và 1 800 xã nghèo ; tạm ngừng không kỳ hạn việc đánh thuế thu nhập đối với các hộ nông dân có thu nhập cao và các chủ trang trại.

5 - Hoàn thiện và nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp kiểu mới, nhất là mô hình kinh tế trang trại.

6 - Giải quyết tốt vấn đề thị trường tiêu thụ và giá cả nông sản. Ưu tiên đầu tư vốn và khoa học - kỹ thuật để phát triển sản xuất nông sản hàng hóa trong từng thời kỳ phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp cả nước. Từ năm 2001 cần đổi mới kế hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng gắn quy mô sản xuất gắn thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, lấy chất lượng và hiệu quả làm mục tiêu. ❑

Digitized by Google

BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG VỚI VIỆC XÂY DỰNG "điểm sáng văn hóa biên giới"

VŨ HIỆP BÌNH *

Bộ đội biên phòng là lực lượng nòng cốt chuyên trách trong sự nghiệp bảo vệ an ninh biên giới. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, Bộ đội biên phòng luôn phải dựa vào nhân dân và giúp đỡ nhân dân xây dựng cuộc sống, đặc biệt là đời sống kinh tế, văn hóa... Vì vậy từ trước tới nay Bộ đội biên phòng luôn coi trọng công tác văn hóa, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền vận động, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn. Đây không những là trách nhiệm của mỗi cán bộ chiến sĩ giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa mà còn là một biện pháp công tác quan trọng có hiệu quả góp phần giữ gìn an ninh biên giới quốc gia. Trong bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, Bộ đội biên phòng không chỉ tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, mà còn coi trọng các hoạt động tuyên truyền giáo dục, vận động quần chúng xây dựng đời sống văn hóa mới, văn minh, tiến bộ.

Từ năm 1993 đến nay, Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng đã phối hợp với Bộ Văn hóa thông tin thực hiện chương trình "đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa - thông tin ở vùng biên giới, hải đảo", nhằm 4 mục tiêu chủ yếu sau :

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin cổ động tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đến các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động và phát triển các hình thức hoạt động văn hóa - văn nghệ phục vụ quân và dân trên địa bàn.

- Tích cực tham gia vận động đồng bào các dân tộc xây dựng làng, bản văn hóa, bài trừ tệ nạn xã hội.

- Phối hợp quản lý xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa - thông tin trên địa bàn.

Thực hiện những mục tiêu đó, chương trình đã góp phần xóa các "điểm trắng" về văn hóa - thông tin, cải thiện đời sống văn hóa tinh thần, nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở biên giới, hải đảo ; tạo điều kiện để giữ vững lòng dân ; động viên quân dân xây dựng biên giới vững mạnh toàn diện. Chương trình đã phát huy các lực lượng trên địa bàn, lồng ghép với nhiều chương trình phát triển về văn hóa, giáo dục, y tế và các dự án kinh tế - xã hội khác. Chương trình cũng thu hút sự quan tâm của các ngành, các cấp hướng về vùng cao, vùng sâu, vùng xa ; của tuyến sau đối với tuyến trước ; tạo sức mạnh tổng hợp của cả nước trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội củng cố an ninh, quốc phòng ở vùng biên giới, hải đảo ; xây dựng thế trận biên phòng toàn dân giữ vững chủ quyền an ninh biên giới, bờ biển của Tổ quốc. Mấy năm gần đây Bộ đội biên phòng đã xây dựng được hơn 40 đội tuyên truyền văn hóa ở các tỉnh, thành biên giới, bờ biển. Đây là các thiết chế văn hóa bán chuyên nghiệp hoạt động thường xuyên ở địa bàn các xã, phường vùng cao, vùng xa biên giới, lấy thông tin tuyên truyền làm mục đích kết hợp với đáp ứng nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật của quân dân biên giới. Bằng các hình thức thông tin - văn hóa, tổ chức lễ hội văn hóa truyền thống và xây dựng nếp sống văn hóa, các tổ đội tuyên truyền văn hóa của Bộ đội biên phòng đã phục vụ được hàng chục ngàn lượt buổi tuyên truyền cổ động, hàng chục ngàn buổi chiếu vi-đi-ô và hàng ngàn buổi biểu diễn văn nghệ cho hàng triệu lượt người xem. Duy trì hoạt động thường xuyên ở hơn một trăm điểm thu phát truyền thanh, truyền hình và hàng trăm bộ TVRO, hơn một ngàn ti vi phục vụ quần chúng ở các cụm dân cư vùng sâu, vùng xa biên giới. Đồng thời hình thành hệ thống thư viện, tủ sách ở các đồn biên phòng thực hiện song song hai nhiệm vụ : đáp ứng nhu cầu sách báo của cán bộ, chiến sĩ và từng bước góp phần

* Thượng tá, Phó chủ nhiệm chính trị Bộ đội biên phòng

Digitized by Google

nâng cao dân trí, chống tái mù chữ, tạo thói quen đọc sách báo cho đồng bào dân tộc thiểu số. Ngoài ra, giữa ngành văn hóa - thông tin và Bộ đội biên phòng các cấp còn phối hợp xây dựng nhiều cụm bảng tin, panô, bia di tích lịch sử - văn hóa và bước đầu triển khai công tác tuyên truyền đối ngoại ở các cửa khẩu quốc tế như : Móng Cái, Cửa Hữu Nghị, Lao Bảo, Mộc Bài. Xây dựng các cụm tranh cổ động và cung cấp sách báo đối ngoại ở các cửa khẩu quốc tế... Những hoạt động trên đã mang lại những sắc thái mới cho đời sống văn hóa tinh thần của quân dân biên giới, tạo dựng phong trào quần chúng tích cực thực hiện cuộc vận động "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Đến nay, Bộ đội biên phòng đã cùng với địa phương vận động xây dựng 250 bản, làng văn hóa và 19 736 gia đình được công nhận là "Gia đình văn hóa". Đây là cố gắng và kết quả to lớn của các chiến sĩ biên phòng thông qua các hoạt động sáng tạo xây dựng điểm sáng văn hóa vùng biên giới, góp phần giữ vững biên cương Tổ quốc.

Đối với mỗi cán bộ, chiến sĩ, việc thực hiện chương trình đã tăng cường và rèn luyện toàn diện, giúp họ trưởng thành nhanh chóng qua hoạt động thực tiễn. Đó là những "chiến sĩ văn hóa mang quân hàm xanh" thường xuyên bám đất, bám dân, gắn bó mật thiết với đồng bào các dân tộc trên địa bàn. Bộ đội biên phòng tăng cường cho 446 xã đặc biệt khó khăn ; mỗi xã đều có cán bộ chỉ đạo cùng với những chiến sĩ xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, y sĩ, y tá tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trực tiếp giúp cấp ủy, chính quyền các xã thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, khám chữa bệnh, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học... Trên cơ sở đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền văn hóa kết hợp nhiều ngành, nhiều lực lượng, triển khai lồng ghép nhiều chương trình phối hợp, các đồn biên phòng nên chỉ trong vài năm lại đây đã chủ động tham mưu đề xuất biện pháp củng cố kiện toàn xây dựng được 678 tổ chức cơ sở đảng (trong đó xóa 5 xã trắng về tổ chức đảng) ; 2 806 tổ chức cơ sở đoàn ; 2 371 chi hội phụ nữ các xã, phường và hơn 1 400 ban công an xã và xã đội. Tại các bản làng heo hút, Bộ đội biên phòng đã trực tiếp mở được 881 lớp xóa mù chữ cho 22 903 người và 788 lớp phổ cập giáo dục tiểu học cho 20 431 học sinh, chủ yếu là cán bộ thôn, bản, các đoàn thể và con em gia đình nghèo. Tổ chức khám chữa bệnh cho 204 000 lượt người, cấp thuốc miễn phí cho dân, trị giá 734,15 triệu đồng ; tổ chức tiêm chủng cho 215 000 lượt cháu ; phối hợp dập tắt 556 đợt dịch bệnh trên địa bàn biên giới ; vận động hàng trăm ngàn người thực hiện kế hoạch hóa gia đình ; vận động được 1 176 người đi cai nghiện ma túy, trong đó trực tiếp chữa cho 172 người cắt nghiện hoàn toàn. Ngoài ra, Bộ đội biên phòng còn trực tiếp tham gia thực hiện gần 100 dự án trên địa bàn biên giới với tổng số vốn hơn 300 tỉ đồng để làm đường ra biên giới, làm thủy lợi - thủy điện nhỏ, xây dựng công trình nước sạch, định canh định cư...

Để xây dựng thế trận an ninh nhân dân, giữ vững bình yên biên giới, có nhiều việc Bộ đội biên phòng phải làm, trong đó thiết thực và có hiệu quả nhất là tập trung xây dựng "điểm sáng văn hóa biên giới". "Điểm sáng văn hóa" là tụ điểm dân cư với những cụm làng bản có mật độ dân cư tương đối tập trung, được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và các thiết chế văn hóa - xã hội thiết yếu như đường giao thông, trường học, trạm y tế, cụm thủy lợi - thủy điện nhỏ, cụm loa truyền thanh, trạm thu phát truyền hình, thư viện... ; có hệ thống cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh, có hiệu lực quản lý ; có đời sống văn hóa tinh thần phong phú, lành mạnh. Do tập trung và quy tụ vốn, cơ sở vật chất, lực lượng và tổ chức nên "điểm sáng văn hóa biên giới" tạo ra những nhân tố để hình thành các trung tâm kinh tế - xã hội, có khả năng lan tỏa các giá trị kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học,... ra các vùng lân cận. Nhờ đó, từng bước cải thiện đời sống dân sinh, nâng cao dân trí, thực hiện dân chủ đối với đồng bào các dân tộc trong vùng.

Với sự phối hợp của nhiều ngành trên địa bàn, cả nước đã hình thành 85 "điểm sáng văn hóa biên giới", trong đó đồn biên phòng là yếu tố hạt nhân. Ở những nơi này, cuộc sống của bà con các dân tộc đang có những chuyển biến tích cực. Đồng bào được nghe, xem các chương trình phát thanh, truyền hình ; được tiêm chủng và khám chữa bệnh ; có nguồn nước sạch cho sinh hoạt ; có trường lớp cho con em, về cơ bản xóa nạn mù chữ, cơ cấu cây con từng bước được chuyển đổi theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa ; các phong tục lạc hậu dần dần được khắc phục, xóa bỏ. Trong đó tiêu biểu là mô hình "điểm sáng biên giới" ở các đồn biên phòng Phó Bảng (Hà Giang) ; Nậm Cắn (Nghệ An) và Tà Vát (Bình Phước). Những nơi này thật sự là trung tâm kinh tế - xã hội của cả cụm xã biên giới do được

Digitized by Google

đầu tư đồng bộ có chiều sâu, bao gồm hệ thống giao thông thuận lợi cả 4 mùa, có trạm y tế và phòng khám đa khoa, có trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú, có chợ họp hằng ngày, có trạm truyền tiếp sóng phát thanh, truyền hình, có trạm thủy điện kết hợp xay xát và chế biến thu mua nông - lâm sản...

Từ chỗ làm tốt công tác thông tin, phổ biến, giáo dục đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, vận động tổ chức xây dựng đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân nên ý thức quốc gia, trách nhiệm công dân của đồng bào được nâng cao. Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động xây dựng và bảo vệ biên giới qua các phong trào "quần chúng tham gia tự quản đường biên", "xây dựng thôn bản bình yên, sạch đẹp", "già làng, trưởng bản gương mẫu", "làng bản văn hóa"... Nhờ đó, các hiện tượng vượt biên buôn lậu, du canh du cư, trồng và hút thuốc phiện, tàn phá môi trường và các tập tục lạc hậu, tệ nạn xã hội trên địa bàn ngày càng giảm. Đồng bào các dân tộc đã thật sự là lực lượng chủ yếu, thường xuyên trong phòng thủ biên giới, tham gia tuần tra, đấu tranh chống lấn chiếm và xâm canh, xâm cư trên biên giới, trừng trị và giáo dục các đối tượng tội phạm.

Những kết quả ban đầu của các "điểm sáng văn hóa biên giới" đã khẳng định kiểu mô hình mới có hiệu quả trong vận động và tổ chức phong trào quần chúng vùng biên giới, bờ biển, hải đảo. Các "điểm sáng văn hóa biên giới" hình thành có thể chưa đồng đều, mới phát huy hiệu quả trên từng mặt cụ thể, nhưng quan trọng là đã cho ta phương hướng, giải pháp và bước đi trong xây dựng đời sống văn hóa tinh thần nhân dân trên địa bàn biên giới.

Trong quá trình thực hiện xây dựng đời sống văn hóa biên giới, bên cạnh những thành công và kinh nghiệm bước đầu, đã bộc lộ một số khuyết điểm cần khắc phục. Về nhận thức, còn có những cán bộ các cấp, các ngành chưa thấy hết ý nghĩa, vai trò và hiệu quả chính trị, xã hội to lớn của các hoạt động văn hóa. Vì thế, trách nhiệm tham gia lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đời sống văn hóa vùng biên giới còn thiếu thống nhất. Các chương trình phối hợp chưa có nội dung, mục tiêu cụ thể nên việc xác định biện pháp, bước đi và phân công trách nhiệm giữa các lực lượng chưa chặt chẽ, chưa khai thác hết thế mạnh và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành. Còn có hiện tượng "dễ làm, khó bỏ", khoán trắng cho cơ sở, có trường hợp chỉ chú ý đến mục tiêu kinh tế, thiếu quan tâm đúng mức tới mục tiêu xã hội, nên hiệu quả của các chương trình dự án xây dựng "điểm sáng văn hóa biên giới" còn nhiều hạn chế.

Những bài học kinh nghiệm quan trọng được rút ra là :

- Phát huy vai trò nòng cốt của Bộ đội biên phòng, đặc biệt các đồn biên phòng ở cơ sở trong việc chủ động, sáng tạo xây dựng "điểm sáng văn hóa biên giới". Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng lựa chọn cán bộ, chiến sĩ biên phòng có phẩm chất tốt có năng lực và kiến thức, có nhiệt tình đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nơi biên giới. Đặc biệt có cơ chế, chính sách thích hợp, khơi dậy nhiệt tình của cán bộ, chiến sĩ biên phòng, làm cho họ hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ biên cương, giúp đỡ đồng bào xây dựng tốt đời sống văn hóa. ..

- Phối hợp các ngành hữu quan dựa trên quy chế được thỏa thuận giữa các cơ quan chức năng nhằm phát huy thế mạnh của từng ngành như Công an, Bộ đội biên phòng, Hải quan, các cơ quan, đoàn thể tạo nên sức mạnh tổng hợp tại cơ sở.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và khả năng quản lý của chính quyền địa phương. Các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương luôn luôn là lực lượng quyết định trực tiếp trong việc tổ chức chỉ đạo các lực lượng, các tầng lớp nhân dân chủ động xây dựng "điểm sáng văn hóa biên giới", trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và góp phần giữ gìn an ninh biên giới của đất nước.

- Phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo của quần chúng nhân dân để đồng bào chủ động đem hết sức người, sức của phát huy nội lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, với sự giúp đỡ các lực lượng biên phòng bảo vệ an ninh biên giới. Không cơ quan nào, lực lượng nào làm tốt hơn chính nhân dân tự xây dựng cuộc sống của mình.

- Đảng, Nhà nước cùng các ngành cần có cơ chế cụ thể và biện pháp mạnh giảm bớt khó khăn, gian khổ để nhân dân yên tâm, phấn khởi, tin tưởng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, cảnh giác làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Trong bối cảnh tình hình đất nước hiện nay, đặc biệt trên địa bàn biên giới, biển đảo, nơi "phên dậu", cửa ngõ giao lưu giữa nước ta với cộng đồng quốc tế, vấn đề đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao trình độ mọi mặt cho đồng bào, giữ vững lòng dân vẫn là nội dung vừa cấp thiết, vừa cơ bản lâu dài có ý nghĩa chiến lược trong "kế sách" biên phòng xưa nay.❑

Digitized by Google

CÁI SÀNG

NGỌC MINH

NGÀY xưa, mẹ tôi vừa làm ruộng, vừa làm thêm nghề "hàng xáo". Trong làm nghề, mẹ tôi có rất nhiều loại sàng, dần khác nhau, để lọc gạo ra gạo, tấm ra tấm, cám ra cám. Từ những hạt thóc ban đầu, có khi lẫn cả những hạt sạn nhưng trải qua xay, giã và nhiều lần sàng sảy... mẹ đã lọc được những thúng gạo trắng, hạt đều, vừa dài, vừa bóng mượt, còn tấm, cám mỗi thứ ra một đường và những hạt sạn thì hầu như không còn nữa. Mẹ thường bảo : làm hàng xáo phải cẩn thận mới có gạo ngon, không lẫn các thứ người ta mới mua.

Đó là chuyện hàng xáo ngày xưa ! Còn gây giờ, ở cơ quan tôi thì cứ mỗi lần đề bạt, chọn lựa cán bộ, cũng đưa ra quy trình. Theo văn bản quy định thì khi đọc ai cũng thấy quy trình rất chặt chẽ, khách quan và dân chủ, bảo đảm tìm được người đủ tiêu chuẩn vào các vị trí cần thiết. Thế nhưng khi thực hiện thì lại hoàn toàn khác. Vừa qua, ông thủ trưởng của chúng tôi chuẩn bị đến tuổi nghỉ hưu nên cần phải chọn người thay thế. Chúng tôi được giới thiệu một quy trình gồm nhiều khâu, nhiều bước kỹ lưỡng. Với quy trình ấy ai cũng nghĩ sẽ bảo đảm được sự khách quan, dân chủ, tìm được người xứng đáng. Nhưng một vài hôm trước khi bỏ phiếu, thủ trưởng lần lượt gọi chúng tôi lên phòng làm việc.

- Với tôi, ông nói : cậu về công tác ở đây cũng đã lâu và hoàn thành tốt nhiều công việc được giao, có nhiều triển vọng đấy, cần cố gắng lên. Song, cậu chưa có thời gian xuống cơ sở nên mình nghĩ nên dành thời gian ít năm xuống cơ sở để có thêm kinh nghiệm sẽ tốt hơn. Hiện cơ quan ta có nhiều đồng chí khác đã qua cơ sở, nhất là đồng chí X - vì thế theo mình các cậu nên tập trung giới thiệu đồng chí ấy !

- Với chị K, ông nói : cô làm việc tốt, nhưng là nữ nên cần chú ý dành nhiều thời gian cho gia đình. Gia đình là nền tảng của xã hội. Gia đình tốt mới yên tâm công tác tốt và tiếng nói của cô mới có trọng lượng. Vì vậy, tôi đề nghị lần này cô chưa nên tham gia ứng cử, hay đề cử. Cuối tháng tôi định bố trí cho cô đi tham quan nước ngoài một chuyến cho biết đây, biết đó, mở mang hiểu biết, sau này lãnh đạo tốt hơn. Còn việc đề bạt tới đây nên ủng hộ cậu X nhé !

- Với anh H là người trẻ tuổi, có năng lực và chúng tôi rất quý mến, thủ trưởng tôi dành hẳn một buổi mời lên trao đổi. Và, sau đó anh H về nói với chúng tôi : "Các cậu đừng quý mến tớ quá như thế mà làm khổ tớ đấy !".

Cứ thế và cứ thế... không khí ở cơ quan tôi trầm hẳn xuống ; quan hệ giữa anh em đồng nghiệp có sự thay đổi bất ngờ. Có chỗ thì xích lại gần nhau hơn, nhưng đa phần thì doãng ra. Không khí thân tình, thẳng thắn trước đây không còn. Không ít người nói với nhau. Thôi thì bỏ phiếu bầu ông X cho xong, chứ thủ trưởng đã gợi ý như vậy thì quy trình, tiêu chuẩn gì nữa cho phức tạp.

Thế rồi, vào một chiều lúc 16 giờ, trong khi anh em đang chuẩn bị thu xếp công việc cuối ngày để kịp xem trận bóng đá ngoại hạng Anh thì được triệu tập họp toàn cơ quan để bỏ phiếu "tiến cử" người kế nhiệm thủ trưởng.

Sau cuộc bầu cử ấy, ông X được số phiếu cao nhất và được đề bạt đúng ý định của thủ trưởng. Thế nhưng, sau đó cơ quan tôi cứ như "củ mài ăn xuống" mãi...

Ngày xưa cái sàng của mẹ tôi chỉ được làm bằng tre, nứa nhưng lọc được gạo ra gạo, tấm ra tấm, cám ra cám và sạn không lẫn vào gạo.

Còn bây giờ công tác cán bộ có cả tiêu chuẩn, quy trình cụ thể, rõ ràng, nhưng sao thực hiện để chọn cán bộ lại khó khăn, phức tạp như vậy.

Phải chăng "cái sàng" chưa tốt !

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA TỰ DO MỚI VÀ VẤN ĐỀ "HỘI NHẬP"

NGUYỄN VĂN THANH *

Trong suốt ba thập niên từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đã diễn ra nhiều cuộc tranh luận về vai trò của chính phủ và thị trường trong tiến trình phát triển của các quốc gia, cả về học thuật lẫn kinh nghiệm thực tiễn. Những cuộc tranh luận này đặc biệt sôi động trong thập niên 90 khi thế giới chứng kiến nhiều biến động chính trị và kinh tế, và ưu thế của chủ nghĩa tự do mới, hệ tư tưởng trong giai đoạn toàn cầu hóa của chủ nghĩa tư bản.

"Chủ nghĩa tự do mới" ra đời ở Tây Âu và Bắc Mỹ chính là để đảm đương nhiệm vụ lịch sử của một hệ tư tưởng cần thiết cho sự thống trị độc tôn của chủ nghĩa tư bản, của chủ nghĩa đế quốc mới, của toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa. Tuy thuật ngữ "chủ nghĩa tự do mới" chỉ mới được sử dụng rộng rãi trong những năm 90, nhưng các yếu tố then chốt của nó đã nổi lên từ mấy thập niên trước đó, có thể nói là cùng thời với học thuyết Kêndơ. Năm 1944 Phri-đrích vôn Hay-ếch xuất bản cuốn *"Con đường dẫn tới sự nô lệ"* ("The Road to Serfdom") có thể được coi như cương lĩnh của "chủ nghĩa tự do mới" mà cái đích là chống nhà nước phúc lợi và chính sách toàn dụng lao động của Công đảng Anh. Tháng 4-1947, Hay-ếch triệu tập cuộc hội nghị đầu tiên của những người theo chủ nghĩa tự do mới "mở hội thề" ở Mông Pe-lơ-ring (Thụy Sĩ) để xúc tiến học thuyết của mình. Nhưng Hay-ếch và chủ nghĩa tự do mới chưa gặp thời. Chủ nghĩa tư bản dưới ảnh hưởng của học thuyết Kên-dơ vẫn phát triển tốt, thị trường tài chính vẫn nằm dưới sự kiểm soát của các nhà nước, những vấn đề xã hội vẫn tương đối được quan tâm. Phải đợi đến năm 1974 khi lần đầu tiên các nước tư bản lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, lạm phát đi kèm với suy thoái, "chủ nghĩa tự do mới" mới có được "cơ hội vàng" giành thắng lợi đối với học thuyết Kên-dơ.

Ở Mỹ, kinh tế học "trọng tiền" được một nhóm trí thức Trường đại học Si-ca-gô phát triển cũng để chống lại học thuyết của Kên-dơ. Những thành viên của "Trường phái Si-ca-gô" và những người kế tục họ - nhóm được gọi là tự do mới, không đồng ý với học thuyết Kên-dơ. Họ đúc kết và tiếp thụ những quan điểm của các nhà kinh tế học di cư sang Mỹ như Phri-đrích vôn Hay-ếch, Lút-vích vôn Mây-ơ và của những người tự do cuối thế kỷ XIX như An-phrét Mác-san.

Kế tục các tư tưởng đó, dưới sự lãnh đạo của Min-tơn Phrít-men, Trường phái Si-ca-gô xây dựng những mô hình nhằm mục đích chứng minh rằng một xã hội thị trường tự do sẽ thực hiện được việc sử dụng lao động và phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả nhất. Họ phản bác các quan niệm của dân chủ như "bình đẳng về điều kiện" để thay bằng quan điểm tự do mới "bình đẳng về cơ hội". Những lý thuyết đó được đan quyện với thuyết "trọng tiền" của Phrít-men, là thuyết coi việc cung tiền trong một nền kinh tế là yếu tố quyết định tình hình sản xuất và việc làm, chứ không phải, chẳng hạn, chính sách tài chính thuế khóa của chính phủ. Những người theo thuyết "trọng tiền" lập luận rằng các ngân hàng trung ương (có chức năng điều tiết việc cung ứng tiền tệ), chứ không phải các ngành hành pháp hay lập pháp của chính phủ (định đoạt chính sách tài chính thuế khóa), cần có trách nhiệm duy trì hoặc phục hồi sự ổn định ngắn hạn của nền kinh tế.

Về lịch sử, hệ tư tưởng này mang nhiều tên gọi khác nhau : "chủ nghĩa tự do mới" (để phân biệt với tự do hay chủ nghĩa tự do cũ), "chủ nghĩa Ri-gân" (chính khách phương Tây đầu tiên áp dụng rộng rãi học thuyết này), "Nghị trình cánh hữu mới", "Đồng thuận Oa-sinh-tơn", "Toàn cầu hóa kinh tế tư bản tập đoàn", "Điều chỉnh cơ cấu" [1] và còn nhiều tên gọi khác nữa. Nếu pha chút hài hước thì có thể gọi nó, như từ cửa miệng của "người đàn bà thép" Mác-ga-rít Thát-chơ, là chủ nghĩa "TINA" viết tắt của tiếng Anh *There Is No Alternative* (Không có con đường nào khác). Thuật ngữ "chủ nghĩa tự do mới" được

* Ủy viên Đoàn chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam

(1) Susan George. *Điều chỉnh cơ cấu chỉ là tên gọi khác của chủ nghĩa tự do mới. Chủ quyền kinh tế trong một thế giới đang toàn cầu hóa.* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1999, tr 39

Digitized by Google

sử dụng rộng rãi ở Mỹ La-tinh. "Đồng thuận Oa-sinh-tơn" là thuật ngữ được Giôn Uy-li-am-xơn sử dụng đầu tiên năm 1990, phổ biến ở Hoa Kỳ và châu Âu, bao gồm mười chính sách về thị trường tự do : kỷ luật tài chính (các chính sách chống thâm hụt thương mại) ; sắp xếp lại các ưu tiên trong việc chi tiêu công (giảm chi tiêu công quỹ bằng cách xóa bỏ trợ cấp) ; cải cách thuế khóa ; tự do hóa tài chính (hướng tới dành cho thị trường quyết định lãi suất) ; tỷ giá hối đoái cạnh tranh ; tự do hóa thương mại (thay cấp phép bằng thuế quan và giảm thuế quan) ; đầu tư trực tiếp nước ngoài (dỡ bỏ các rào cản) ; tư nhân hóa ; phi điều tiết hóa (những trở ngại đối với cạnh tranh) ; và quyền sở hữu tài sản [2].

Như vậy, đặc trưng chủ yếu của "chủ nghĩa tự do mới" là sự khẳng định : việc trao đổi các nguồn lực thông qua thị trường sẽ làm cho các nguồn lực đó hiệu dụng nhất và như vậy, có lợi cho xã hội nhiều nhất. "Chủ nghĩa tự do mới" có ảnh hưởng sâu sắc đến các chính sách kinh tế Mỹ - Anh trong hai thập niên qua. Trong lúc một số nước công nghiệp hàng đầu (đặc biệt là Nhật Bản) cưỡng lại các quan điểm của học thuyết này thì Mỹ và Anh đã dùng quyền lực của mình để thúc ép các thiết chế tài chính quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB) quán triệt học thuyết này vào các chương trình và chính sách của họ. Mặc dù gặp không ít sự phản đối và thách thức trong các giới chính trị và học thuật, mặc dù có những trở ngại nhất định từ phía các nước phát triển khác vẫn tiếp tục duy trì nhà nước phúc lợi và chính sách toàn dụng lao động trong một phạm vi nào đó, chủ nghĩa tự do mới vẫn là nền tảng tư tưởng của những hành động thực tiễn cấu hình nền kinh tế và vẽ lại bản đồ chính trị toàn cầu hiện nay.

Nhưng làm thế nào mà chủ nghĩa tự do mới từ một nhóm cực kỳ thiểu số ở Đại học Si-ca-gô lại có thể trỗi dậy để trở thành một học thuyết giữ địa vị thống trị trong chủ nghĩa tư bản thế giới ngày nay ? Nói cho đúng, học thuyết tự do mới đã bắt đầu in dấu vào chính sách kinh tế Mỹ từ những năm cuối của chính quyền Ca-tơ (1978 - 1979). Nhưng chỉ từ khi Ri-gân đặt chân vào Nhà Trắng năm 1981 thì "chủ nghĩa tự do mới" mới có một vị thủ lĩnh đầy quyền lực, mới có điều kiện để bành trướng. Min-tơn Phrít-men, người đứng đầu nhóm Si-ca-gô, trở thành cố vấn chủ chốt về kinh tế của chính quyền Ri-gân. Những người theo chủ nghĩa tự do mới và những nhà tài trợ cho họ đã "lập nên cả một hệ thống quốc tế khổng lồ gồm những quỹ văn xã, học viện, trung tâm nghiên cứu, cơ quan xuất bản, quy tụ những học giả, nhà văn và những người làm công tác quan hệ công cộng để miệt mài triển khai, đóng gói và khuyến mại các ý tưởng và học thuyết của họ" [3].

Bước tiếp theo, lý thuyết phải biến thành hành động thực tiễn. Khi chuyển thành chính sách, các lý thuyết tự do mới sẽ gồm ba phương thuốc *tự do hóa, tư nhân hóa* và *phi điều tiết hóa*. Để ổn định vật giá, chủ nghĩa tự do mới chủ trương hạn chế chặt chẽ chi tiêu công cộng, đặc biệt là chi tiêu công ích xã hội. Theo họ, hạn chế chi tiêu xã hội của chính phủ có nhiều cái lợi : kiềm chế lạm phát, thúc đẩy sáng kiến và đầu tư tư nhân và tạo sức ép mạnh mẽ buộc người nghèo phải kiếm việc làm thay vì ngồi chờ một cách thụ động sự giúp đỡ của nhà nước. Khuyến nghị cắt giảm thuế và đẩy lùi chi tiêu dịch vụ xã hội được nâng thành quốc sách.

Dưới ảnh hưởng đồng quy của hệ tư tưởng và đường lối chính sách tự do mới, các cơ quan phát triển và các thiết chế tài chính quốc tế nhanh chóng phản bác học thuyết Kên-dơ như từ bỏ chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (ISI), một chính sách khuyến khích nhà nước đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng công nghiệp và xã hội. Khi các nước nghèo theo đường lối này không có đủ tiền để trả cho những khoản vay thực hiện các chương trình ISI, Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế bèn "giúp đỡ" họ, nhưng chỉ với điều kiện là các nước này phải hội nhập vào nền kinh tế, thương mại và tài chính toàn cầu, phải chấp nhận các phương thuốc trị liệu của chủ nghĩa tự do mới, cũng tức là phải tuân thủ mô hình kinh tế của "chủ nghĩa tự do mới" : Thị trường lớn và Nhà nước nhỏ.

"Việc hội nhập phương Nam vào các thị trường tư bản toàn cầu, tất nhiên, đã bắt đầu từ thế kỷ XIX, nhưng quá trình này đã bị chậm lại rất nhiều do cuộc tổng khủng hoảng và chiến tranh thế giới thứ hai [4]. Hội nhập đã được các nước đế quốc chủ trương và thực tế đã diễn ra dưới thời thực dân xâm lược và nô dịch các nước phương Nam. Sự hội nhập ngày nay chỉ là diễn lại những tấn tuồng cũ với những đào kép mới. Tích tuồng thì vẫn thế nhưng những tên gọi thì mỹ miều hơn : thị trường tự do hóa, tài sản tư nhân hóa, luật lệ phi điều tiết hóa. Tất cả chỉ nhằm mục đích trở lại thời kỳ thịnh trị của chủ nghĩa đế quốc, vào năm 1914, đã chiếm tới 84% lãnh thổ của hành tinh. Chủ nghĩa thực dân cũ đã lỗi thời, ngụy luận theo đuổi tại nước ngoài "một sự nghiệp tiến bộ, chính nghĩa, sự nghiệp dìu dắt các

(2) Williamson, John. *Sự tiến bộ của cải cách chính sách ở Mỹ La-tinh. Phân tích chính sách trong kinh tế học quốc tế*. Số 28, 1990. Viện kinh tế quốc tế, Oa-sinh-tơn

(3) Susan George. *Sđd*, tr 29

(4) Walden Bello, Kamal Malhotra, Nicola Bullard và Marco Mezzera. *Về sự thăng hoa và sự điều tiết của tư bản đầu cơ. Tài chính toàn cầu, tư duy mới về điều tiết các thị trường tư bản đầu cơ*. Zed Books Ltd, 2000

Digitized by Google

chủng tộc, sự nghiệp khai hóa cao cả" [5] không còn thích hợp nữa. Phải có những "khai hóa" khác cho phù hợp với thời đại mới khi màu da và khí hậu không còn tiêu biểu cho sự tiến bộ phát triển nữa. Đại diện thương mại Hoa Kỳ, Sa-len-nơ Ba-sép-ki, đã nói về triết học thương mại của Mỹ, bộc lộ rõ mưu đồ hội nhập toàn cầu của chủ nghĩa tư bản : "... chính sách thương mại của chúng ta có những hệ quả vượt lên trên kinh tế vươn tới những hoài bão lớn lao, và muốn hiểu tại sao như vậy thì phải trở về với những ngày đầu ra đời của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)... Chúng ta đã kéo Nhật và Đức trở lại với kinh tế thế giới, đã hưởng ứng chấm dứt chủ nghĩa thực dân, và nay đang chuyển sang sứ mệnh vĩ đại hỗ trợ cải tổ và hội nhập ở Nga, Trung Quốc, Trung và Đông Âu, Đông Dương và các nước khác, đoạn tuyệt với kế hoạch cộng sản cứng nhắc để trở về với thị trường".

Chủ nghĩa tự do mới có cách nhìn rất tiêu cực đối với vai trò của nhà nước, ít nhất cũng là nhà nước của các nước đang phát triển, mà theo họ, phần lớn chỉ mới được độc lập, chưa biết quản lý xã hội, chưa quen với điều hành kinh tế nên chỉ có sai và sai. Quan điểm này là không nhất quán vì đối với họ các nhà nước Ri-gân, Thát-chơ... là những nhà nước có "chất lượng" khác hẳn, đó là những nhà nước "trung tâm", những "mẫu quốc mới". Phân tích những khó khăn của các nhà nước Thế giới thứ ba, như tăng trưởng chậm, nợ nần chồng chất, đói nghèo lưu cửu, thất nghiệp lan tràn, họ nói đó là vì nhà nước có vai trò quá lớn ngăn cản không cho thị trường và các doanh nghiệp hoạt động để làm giàu cho xã hội nói chung. Ngay cả khi các cơ chế thị trường bị trục trặc thì các nhà kinh tế học tự do mới vẫn cho rằng thị trường chưa đạt tới mức tự do cần thiết, nhà nước chớ nên can thiệp vì sự can thiệp đó quá tốn kém so với kết quả mang lại. "Họ cho rằng vai trò của nhà nước trong nền kinh tế chỉ nên giới hạn vào việc bảo vệ quyền sở hữu tài sản, đôn đốc việc thực thi các khế ước, và (trong một số trường hợp), đầu tư vào phát triển nhân lực" [6].

Xem ra như vậy những nhà nước đó cũng chẳng khác gì mấy những nhà nước dưới thời thực dân. Sự thống trị của tư bản chính quốc (hoặc tư bản từ các nước công nghiệp) trước đây diễn ra trước hết ở sự kiểm soát chặt chẽ các nước kém phát triển, hội nhập họ vào thương mại thế giới như những người sản xuất và cung cấp nguyên liệu rẻ tiền và là thị trường tiêu thụ các chế phẩm. "Sự thống trị đó tiếp tục, ngay cả khi các nước đó đã giành được độc lập, trong thời kỳ hậu thuộc địa, thông qua sự kiểm soát của một giai cấp tư sản mại bản. Ngay cả khi các nhà nước đi theo đường lối phát triển khẳng định quyền tự quản tương đối với tư bản quốc tế, thì những cố gắng đó cũng sớm bị tàn lụi bởi họ không thể nào thoát ra khỏi sự thống trị của tư bản chính quốc và các thị trường tài chính quốc tế" [7].

Bảng thành tích của người đứng đầu ngành hành pháp Hoa Kỳ và là thủ lĩnh của chủ nghĩa tự do mới, Rô-nan Ri-gân, vô cùng xán lạn (!). Trong thập niên 80, số 10% các gia đình Mỹ có thu nhập cao nhất tăng số thu nhập bình quân của họ lên 16% ; số 5% cao nhất tăng thu nhập bình quân thêm 23% ; còn số 1% những người có thu nhập tột đỉnh bình quân tăng lên đến 50%. Có "tự do" tăng lên thì cũng có "tự do" giảm xuống. 10 phần trăm những người nghèo nhất bị mất bình quân 15% số thu nhập ít ỏi của mình [8]. Trong số 225 người giàu nhất thế giới, có 60 người Mỹ với tổng tài sản lên đến 311 tỉ USD [9].

Đi theo hành trình tự do mới đó, nước Anh của bà Thát-chơ đã có tự do mới, người giàu được "tự do" giàu hơn, người nghèo được "tự do" nghèo hơn. Trước thời Thát-chơ, ở nước Anh cứ mười người thì có một người sống dưới mức nghèo khổ. Dưới thời của bà, cứ bốn người lớn thì có một, cứ ba trẻ em thì có một, bị xếp vào nghèo khổ. Một người độc thân có mức lương chỉ bằng một nửa mức lương bình quân thì phải đóng thêm 7% tiền thuế. Một người độc thân khác với mức lương gấp mười lần mức lương bình quân lại được giảm thuế 21% (!). Nhưng điều đó cũng chẳng sao, miễn là của cải được người giàu tích lũy nhiều hơn để rồi sẽ "thẩm thấu" (trickle-down) cho những người ở dưới đáy của xã hội.

Cuộc tiến công vào khu vực công ích mới thật quyết liệt. "Chủ nghĩa tự do mới" coi khu vực công là vật cản lớn nhất cho sự chiến thắng của nó. Muốn vượt qua thể chế xã hội dân chủ, và nhất là muốn chiến thắng triệt để chủ nghĩa xã hội, tận diệt mọi mầm mống của nó (lúc đó vẫn còn là một hệ thống thế giới), một trong những việc cần làm là phải khuyến khích cắt giảm khu vực công. Thật ra, khu cực công đâu phải là sản phẩm chỉ ra đời trong chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản đã thiết lập khu vực công để phục vụ cho nó. Trong buổi ban đầu,

---

(5) *Hồ Chí Minh. Toàn tập.* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995. t 1, tr 65

(6) Bauer 1972, 1974 và 1984

(7) Sumangala Damodaran. *Sự chuyển đổi tài khoản vốn, những vấn đề lý thuyết và phương án chính sách, tài chính toàn cầu.* 2000, tr 173

(8) Phillips, K. *Chính trị của giàu và nghèo,* Random House, New York, 1990, tr 17

(9) UNDP. *Báo cáo phát triển con người.* 1998

Digitized by Google

các nhà tư sản không thể có đủ nguồn lực để xây dựng những xí nghiệp dịch vụ công ích, những cơ sở hạ tầng kinh tế, tài chính, bưu chính viễn thông, năng lượng, giao thông và những ngành công nghiệp then chốt. Nhà nước tư bản có chức năng đảm nhiệm việc đó để giai cấp tư sản tập trung vốn liếng và thời gian đầu tư vào các ngành công nghiệp nhẹ, thu lãi nhanh, hoàn vốn sớm, tăng cường tích lũy tư bản chủ nghĩa. Đến một giai đoạn nào đó, giai cấp tư sản mới giành lấy khu vực công bằng chính sách tư nhân hóa, nhân danh hiệu quả kinh tế và sử dụng tốt nhất nguồn lực xã hội (!?).

Những biện pháp tư nhân hóa "cực đoan" cũng là cách tốt nhất để bổ sung lực lượng thất nghiệp, được coi là đạo quân dự bị kiềm chế đấu tranh đòi tăng lương của công nhân và chống công đoàn. Từ năm 1979 đến 1994, số việc làm trong khu vực công của nước Anh đã giảm 29%, từ 7 triệu xuống còn 5 triệu. Hầu hết việc làm bị gạt bỏ là của những công nhân có tổ chức. Cổ phần hóa được vận dụng để chủ nghĩa tư bản tự do mới khoác bộ mặt nhân nghĩa hơn. Nhưng thực tế thì cổ phần lọt vào tay các thiết chế tài chính và các chủ tư nhân giàu sụ. Công nhân, viên chức của hãng British Telecom chỉ mua được 1% cổ phần, của hãng British Aerospace chỉ mua được 1,3% v.v... Các định hướng chính trị của những nhà lãnh đạo sau đó như Clin-tơn (Hoa Kỳ) Ble (Anh), Xrô-e-đơ (Đức) có khác ít nhiều với thời Ri-gân. Nhưng những tư tưởng của chủ nghĩa tự do mới vẫn thấm sâu trong nhiều chính sách mà các chính quyền đó đang theo đuổi, đặc biệt là trong các lĩnh vực chính sách tài chính và tiền tệ, thương mại và phúc lợi xã hội.

Sau cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á và nhiều nơi khác trên toàn cầu vào mùa Hạ năm 1997, các lý thuyết tự do mới bị phê phán kịch liệt, không chỉ vì những những hậu quả tàn khốc chúng gây cho người nghèo mà còn vì chúng cũng chẳng mang lại lợi ích hứa hẹn ngay cả cho những người không thuộc diện đói nghèo. Những bằng chứng thực tế cho thấy những quốc gia đi theo đường lối của chủ nghĩa tự do mới, hội nhập một cách không có phê phán, không có chọn lọc, không có mức tăng trưởng như mong đợi mà chính những nước không chấp nhận nó, vẫn tiếp tục chính sách kinh tế với sự chỉ đạo của nhà nước như Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, lại đạt được nhiều thành tựu hơn trong tăng trưởng kinh tế song song với xóa đói giảm nghèo. Đại diện Ngân hàng thế giới ở Việt Nam, An-đru Xti-ơ (Andrew Steer), đã phải thừa nhận : "So sánh với tình hình của Việt Nam 12 năm trước đây, trong lịch sử thế giới hiếm có một sự chuyển đổi lớn lao hơn thế. Ít có những nước nào tăng trưởng nhanh như vậy hoặc chia sẻ sự tăng trưởng công bằng đến như vậy. Các nhà lãnh đạo hiểu rằng chừng nào họ còn bảo đảm được sự tăng trưởng kinh tế, nhân dân sẽ vui lòng để Đảng lo công việc chính trị". (WB, Tin tức phát triển, 15-11-2000).

Việt Nam bước vào thiên niên kỷ mới với thế và lực mạnh hơn bất cứ giai đoạn nào khác trong lịch sử của đất nước. Trước mắt chúng ta là vận hội đi kèm với thách thức. Rất tự hào là Đảng đã có một đường lối đúng đắn và hết sức sáng tạo. Sự nhấn mạnh vai trò quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế nhiều thành phần, sự khẳng định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể là nền tảng của chủ nghĩa xã hội, là những đóng góp lớn lao đối với phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới. Trong lúc vai trò nhà nước của nhiều quốc gia trên thế giới bị sức ép của chủ nghĩa tự do mới và toàn cầu hóa tư bản làm xói mòn đi thì việc khẳng định vai trò Nhà nước ta trong mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam có ý nghĩa cực kỳ trọng đại, vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Trong lúc chủ nghĩa tự do mới đang hối thúc hội nhập tất cả vào kinh tế và tài chính thế giới, vào chủ nghĩa tư bản toàn cầu, thì sự tham gia một cách chủ động, có cân nhắc, có chọn lựa, đi từng bước vững chắc là hết sức cần thiết, bởi chúng ta biết rằng toàn cầu hóa là một hiện tượng có tính khách quan nhưng cũng mang nặng tính chủ quan. Hơn 150 năm trước, Mác và Ăng ghen đã vạch rõ : "Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp hoàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi. Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới... Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt ; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó" [10].

Định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng kiên trì đã nói lên quan điểm "hội nhập" của ta. Chúng ta phải có sự lựa chọn, phải cân nhắc tính toán làm sao cho mỗi bước đi không chệch ra khỏi định hướng đó. Phải biết vận dụng sách lược để phục vụ cho nguyên tắc, phải tham gia một cách có lợi nhất. Chúng ta không hội nhập với chủ nghĩa tư bản để trở thành một bộ phận của cái toàn thể như nội hàm của từ ngữ đó. Chúng ta tham gia những gì không làm chệch hướng đi chúng ta đã lựa chọn.❑

(10) C. Mác và Ph. Ăng-ghen. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 601 - 602

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

• HỘI NGHỊ KHOA GIÁO TOÀN QUỐC TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2000 VÀ ĐỀ RA PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2001

Vừa qua tại Hà Nội, Ban Khoa giáo Trung ương đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác khoa giáo năm 2000 và bàn phương hướng, nhiệm vụ năm 2001.

Các đồng chí lãnh đạo các ban, ngành ở trung ương, lãnh đạo Ban Tuyên giáo 61 tỉnh, thành phố trong cả nước đã về dự.

Hội nghị khẳng định : Các lĩnh vực khoa giáo những năm vừa qua đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể :

Mặt bằng dân trí được nâng lên rõ rệt. Nước ta đã đạt mục tiêu quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Một số địa phương sắp hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Quy mô giáo dục phát triển mạnh với khoảng 20 triệu học sinh, sinh viên ; gần 8 triệu lao động được đào tạo. Nhiều chủ trương thiết thực thúc đẩy phát triển giáo dục được triển khai ở khắp các cơ sở.

Khoa học - công nghệ có những đóng góp tích cực trong hoạch định đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng ; nhiều công trình khoa học đã góp phần đáng kể vào sản xuất và đời sống, nâng cao vị thế nhiều mặt hàng xuất khẩu của nước ta trên thị trường quốc tế, tạo thêm việc làm cho người lao động, ổn định xã hội.

Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã được các cấp lãnh đạo, các địa phương quan tâm ; nhận thức của xã hội về công tác này được nâng lên một bước ; mạng lưới y tế cơ sở triển khai khá rộng, bước đầu thực hiện công bằng trong chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Nước ta bằng nỗ lực rất cao đã vượt qua chỉ tiêu do Đại hội VIII đề ra về hạ tỷ lệ phát triển dân số và đã vinh dự được giải thưởng của Liên hợp quốc về công tác này.

Hoạt động thể dục - thể thao có bước khởi sắc, có chỗ đứng trong làng thể thao khu vực và thế giới, một số bộ môn đã đạt huy chương ở thứ bậc cao.

Công tác vận động, tập hợp lực lượng trí thức khoa học cũng có nhiều tiến bộ. Nhiều chính sách mới về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ đã có tác dụng tốt đến việc khuyến khích tài năng, khuyến khích sự cống hiến trong khoa học và kinh tế - xã hội.

Ban Khoa giáo Trung ương đã có nhiều cố gắng thực hiện tốt chức năng tham mưu, tích cực hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các ngành, các địa phương phối hợp thực hiện đồng bộ đường lối, chủ trương của Đảng trên lĩnh vực khoa giáo. Ban cũng đóng góp thiết thực chuẩn bị các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng.

Hội nghị cũng đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế và khuyết điểm : Một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết, chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo thấp so với yêu cầu. Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, sách giáo khoa, thi cử, cơ cấu đào tạo, trình độ quản lý có nhiều thiếu sót ; những hiện tượng tiêu cực đáng lo ngại trong giáo dục đào tạo tiếp tục diễn ra. Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, của các ngành kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Cơ sở vật chất của ngành y tế thiếu thốn và lạc hậu, nhất là ở tuyến huyện và xã. Y đức chưa được quan tâm giáo dục.

Về phương hướng, nhiệm vụ công tác khoa giáo năm 2001, Hội nghị đã nêu mục tiêu chung là phải tạo chuyển biến mạnh và phát huy nhân tố con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với cơ cấu hợp lý ; tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ làm nền tảng và động lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Triển khai thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở ; ứng dụng nhanh các công nghệ tiên tiến, hiện đại ; sớm chuẩn bị tiền đề cần thiết để phát triển kinh tế tri thức.

Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tuyên giáo các đảng bộ địa phương cần quán triệt sâu sắc và tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX cũng như các nghị quyết, chỉ thị khác của Đảng về các lĩnh vực trong khối khoa giáo.❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

CÔNG TY CẦU 3 THĂNG LONG

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG



ĐỊA CHỈ : XÃ HẢI BỐI, HUYỆN ĐÔNG ANH, TP. HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI : (04) 8.810270, 8.810143, 8.810265
FAX : (84.4) 8.810401



Giám đốc:
KS. Bùi Văn Rạng

- **Huân chương Độc lập hạng ba - 1998**
- **Hai Huân chương Lao động hạng nhất**
- **Một Huân chương Lao động hạng nhì**
- **Năm Huân chương Lao động hạng ba**
- **Cờ Luân lưu của Chính phủ - 1997**
- **Cờ thưởng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam - 1998-1999**
- **Cờ của Thành ủy Hà Nội tặng "Đảng ủy cơ sở vững mạnh, trong sạch 5 năm 1995 - 1999.**



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU

Chuyên xây dựng các công trình giao thông, các công trình công nghiệp và dân dụng.

- Xây dựng mới các cầu : đường sắt, ôtô, cảng sông, cảng biển và sân bay.
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, thi công các nền móng các công trình dân dụng

CÁC THIẾT BỊ THI CÔNG TIÊU BIỂU

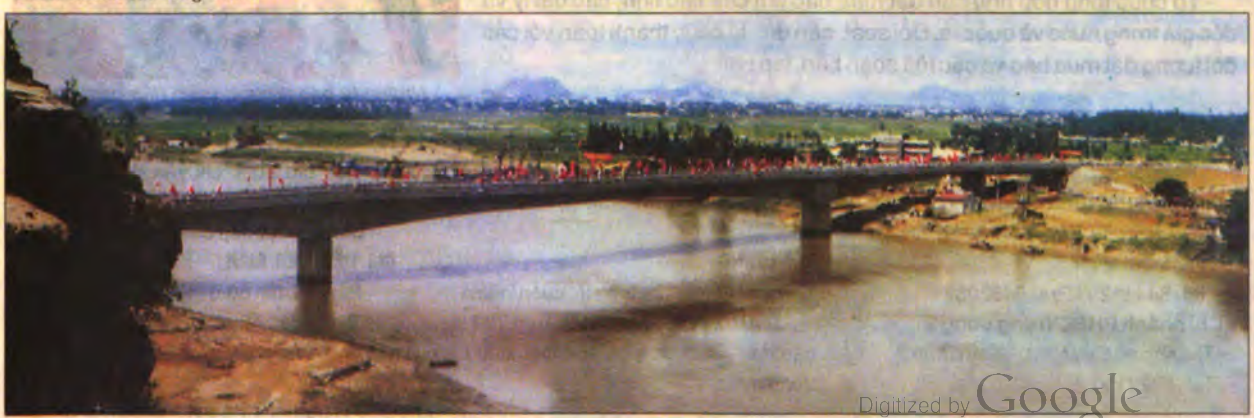
- Máy khoan cọc nhồi đường kính lớn từ 1 - 2m của Đức, Italia, Trung Quốc
- Búa máy đóng cọc Diezen từ 2,5 tấn đến 5,5 tấn của Đức, Nhật, Nga, Trung Quốc ; Búa rung các loại
- Cần cẩu các loại từ 16 - 100 tấn
- Dây chuyền đổ bê tông hoàn chỉnh, hiện đại, gồm hệ thống trạm trộn bê tông tự động đến 60m3/giờ của Pháp, Đức, Trung Quốc
- Xe vận chuyển bê tông tự hành của Nga, Nhật, Hàn Quốc ; xe bơm bê tông của Nhật, máy xúc, ủi của Nga, Nhật
- Hệ thống thiết bị kích, căng, kéo cốt thép các loại.
- Xe đúc hẫng dầm bê tông cốt thép di động khẩu độ từ 60 - 130 m của Pháp, Nhật ; Xe lao dầm bê tông 12 - 33m.



Khánh thành cầu sông Gianh

- Hệ nổi thi công gồm các loại : phao, phà, sà lan 400 tấn và tàu kéo 180CV
- Đội ngũ các phương tiện vận tải chuyên dụng các loại ; các loại máy phát điện và động cơ điện ; hệ thống thiết bị bơm nước và xói hút đồng bộ.

Với uy tín và năng lực của Công ty thời gian qua Công ty đã đấu thầu và thắng thầu nhiều công trình trên hầu khắp các tỉnh thành trong cả nước và rất được khách hàng tín nhiệm



Digitized by Google

Khánh thành cầu Hoàng Long

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 875

Địa chỉ : Phường Hạ Đình - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại : 04.8581736 - 8581673 Fax : 84.4.8581736/8581673

NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM TẶNG :
1 Huân chương Lao động hạng nhì
1 Huân chương Lao động hạng ba
NƯỚC CỘNG HÒA DCND LÀO TẶNG :
1 Huân chương Lao động hạng nhất
1 Huân chương Tự do hạng nhất
1 Huân chương Hữu nghị



Công ty xây dựng công trình giao thông 875 thuộc Tổng công ty XDCTGT8 - Bộ GTVT, tiền thân là Công trường 675 thuộc Ban xây dựng 64 thành lập từ tháng 6 năm 1975.

- Thành lập lại DNNN theo Quyết định số 1297/QĐ-TCCB-LĐ ngày 29/6/1993 của Bộ GTVT.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh :

- Xây dựng các công trình giao thông
- Xây dựng công trình dân dụng và phần bao che các công trình công nghiệp nhóm C.
- Xây dựng kênh, mương, đê, kè, trạm bơm thủy lợi.

Hơn 25 năm hoạt động Công ty đã xây dựng mới, cải tạo nâng cấp nhiều tuyến đường quan trọng ở Việt Nam và Lào.

Năng lực quản lý và xây dựng từ 60 tỷ đồng sản lượng hàng năm trở lên.

Công ty XDCTGT 875 hiện tại có một đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật được đào tạo cơ bản, giàu kinh nghiệm ; có lực lượng công nhân kỹ thuật tay nghề cao, đã tham gia thi công nhiều công trình giao thông theo quy trình AASHTO của Mỹ.

Công ty có các dây chuyền thi công cơ giới hoàn chỉnh và tiên tiến nhất để thi công nền đường, móng đường, mặt đường rải thảm bê tông nhựa nóng đảm bảo chất lượng.

Nhân dịp năm mới Tân Ty - 2001,
Công ty Xây dựng Công trình 875
Kính chúc Quý khách hàng :

AN KHANG THỊNH VƯỢNG

Giám đốc công ty
KS. TRỊNH NGỌC OÁNH

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC HỢP TÁC VỚI QUÝ KHÁCH

CÔNG TY
PHÁT HÀNH BÁO CHÍ TRUNG ƯƠNG

- **Địa chỉ : 17 Đinh Lễ - Hà Nội**
- **Tel : 48255007 - 48254119 • Fax : 8242187 - 8243130**

Giám đốc : PHAN VĂN TÔ

NHIỆM VỤ CHÍNH :

- Tổ chức khai thác phát hành toàn bộ các loại báo chí xuất bản trong nước và báo chí nước ngoài nhập khẩu.
- Quản lý hướng dẫn hệ thống nghiệp vụ phát hành báo chí toàn mạng cấp I (toàn quốc).
- Tổ chức tổng hợp nhu cầu đặt mua báo chí của các tỉnh, các đại lý và độc giả trong nước và quốc tế. Đối soát, cân đối, tổ chức thanh toán với các đối tượng đặt mua báo và các tòa soạn báo, tạp chí.



Những tờ báo được chuyển đến bạn đọc

CÁC CHI NHÁNH :

- **Chi nhánh PHBC Trung ương 2 :**
  - 43 - Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
  - Tel : 8441129 - Fax : 8452087
- **Chi nhánh PHBC Trung ương 3 :**
  - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định..
  - Tel : 822215

CÁC TRUNG TÂM KHAI THÁC, PHÁT HÀNH :

TP. Hà Nội - TP . Hồ Chí Minh - Nghệ An - TP. Đà Nẵng - Bình Định - Cần Thơ - Đắc Lắc.

SẢN LƯỢNG :

- Phát hành : 194 triệu tờ, cuốn/năm.
- Đầu báo chí phát hành : Trên 793 loại báo, tạp chí. Trong đó 454 loại xuất bản trong nước.

MẠNG LƯỚI :

- Báo chí được chuyển đến : 61 tỉnh, thành phố.
- Công ty trực tiếp đóng gửi 728 bưu cục.

CHỈ TIÊU THỜI GIAN :

- Báo chí đến 60/61 tỉnh trong ngày.
- Trong đó : 485/514 huyện, thị có báo, tạp chí trong ngày : 7450/9000 xã có báo trong ngày.

Digitized by Google

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

CÔNG TY DƯỢC LIỆU TW I

NATIONAL MEDICILNAL PLANT COMPANY NO.1

MEDIPLANTEX

358 Đường Giải Phóng - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Tel: (84-4) 8 643 363 - 8 643 367 - 8 643 368 Fax: (84-4) 8 641 584


Trụ sở công ty

Công ty dược liệu TW I (tên giao dịch Quốc tế là MEDI-PLANTEX) là một doanh nghiệp Nhà nước được phép sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng tân dược, Đông dược, nguyên liệu hóa dược, tinh dầu, dược liệu bao bì, phụ liệu cao cấp cho ngành dược phẩm, mỹ phẩm và dụng cụ y tế trên thị trường cả nước.

- **Công ty được thành lập từ năm 1971.**
- **Có quan hệ nhiều hãng trên thế giới.**
- **Có đội ngũ cán bộ lành nghề và tận tụy.**
- **Có hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm tin cậy.**
- **Có hệ thống thiết bị sản xuất và bảo quản hiện đại tiên tiến của các nước trên thế giới.**
- **Có xưởng sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP.**

Nhờ phát huy tốt nội lực, mạnh dạn đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật, đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường, làm tốt công tác cán bộ, đoàn kết nhất trí trong tập thể cùng sự lãnh đạo định hướng đúng đắn của Đảng ủy - Ban giám đốc, cho nên năm qua Công ty đã có bước phát triển vượt bậc. Năm 2000 doanh thu đạt 272 tỷ đồng, vượt 18% so với kế hoạch và tăng 138% so với cùng kỳ năm 1999. Giá trị xuất khẩu đạt 7 triệu USD là Công ty có doanh số xuất khẩu lớn nhất của ngành y tế, Nộp ngân sách 13 tỷ đồng và lợi nhuận tăng 10% so với kế hoạch.

Về Công tác Đảng : Đảng bộ Công ty vừa được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh năm 1999 - 2000. Đây là danh hiệu mà Đảng bộ công ty đã vinh dự được công nhận 15 năm liên tục.


Dây chuyền sản xuất thuốc

NHƠN NINH TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN

Xã Nhơn Ninh - Huyện Tân Thạnh - Long An có diện tích tự nhiên hơn 4 000 ha, trong đó diện tích sản xuất cây lương thực 25 000 ha, còn lại là trồng tràm, nuôi trồng thủy sản v.v.

Trước đây khi chưa có hệ thống thủy lợi số diện tích canh tác lúa chỉ sản xuất được 1 vụ trong năm, năng suất rất thấp, bình quân 3 tấn/ha, thu nhập người dân thấp kém, nhiều hộ phải đi làm thuê nơi khác sinh sống. Mọi mặt văn hóa xã hội ở địa phương kém phát triển, giao thông nông thôn còn nhiều khó khăn...

Nhờ sự đầu tư lớn của nhà nước cộng với sự đóng góp của nhân dân, hệ thống thủy lợi gắn với giao thông nông thôn được hoàn thiện dần, diện tích lúa tăng lên 2 vụ, 3 vụ với năng suất rất cao, bình quân 6 tấn/ha. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi cũng đang được địa phương quan tâm chuyển đổi cho phù hợp với giá cả thị trường, đem lại lợi nhuận và thu nhập cao cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương.

Nhơn Ninh là một xã vùng sâu trên vùng Đồng Tháp Mười, đang giàu lên từ sản xuất nông nghiệp và có những mô hình tốt cần được phát huy, nhân rộng.

BƯU ĐIỆN TỈNH LONG AN



Dịch vụ tiết kiệm Bưu điện chuyển tiền nhanh



Chuyển phát nhanh trong vòng 24 giờ



Phát huy truyền thống là đơn vị Anh hùng Lực Lượng vũ trang nhân dân và đạt nhiều thành tích trong giai đoạn đổi mới. Bưu điện Long An tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, mở ra nhiều dịch vụ, kinh doanh hiệu quả, góp phần cùng Tổng Công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam đạt thắng lợi trong hội nhập, cạnh tranh.

Digitized by Google

CÔNG TY DỆT NAM ĐỊNH

Nam Dinh Textile Company

ĐỊA CHỈ : 43 Tô Hiệu Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam
ĐIỆN THOẠI : 0350.849422 - 0350.849749 Fax : (0.84) 350.849750
TỔNG GIÁM ĐỐC : ĐÀO QUANG HIỆP

Công ty dệt Nam Định được thành lập từ năm 1889, có dây chuyền công nghệ khép kín từ sợi, dệt, in, nhuộm hoàn tất và may thêu. Thiết bị đang từng bước đầu tư đổi mới theo hướng hiện đại và đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế.



Nhà máy sợi

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY PHONG PHÚ, ĐA DẠNG VỚI CÁC MẶT HÀNG :

Sợi chỉ số từ Ne7 ÷ Ne60, 100% cotton, T/C. C.V.C, 100% Visco, P/V. Qua nối vê, đậu, se, định hình, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và công nghệ dệt kim.

Vải các loại dùng cho may mặc, có khổ rộng từ 0,80m đến 1,80m. Phong phú về chất liệu (100% cotton, T/C, C.V.C, Filamant, 100% Visco, P/V) và mầu sắc ; tẩy trắng, nhuộm mầu, nhuộm sợi, in hoa... Đủ tiêu chuẩn phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Khăn ăn và khăn bông các loại phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước - đặc biệt có thế mạnh về sản xuất khăn ăn với đủ loại kích cỡ theo yêu cầu của khách hàng.
- Hàng may mặc : Gồm quần áo người lớn, trẻ em các loại, kiểu dáng đẹp, chủng loại phong phú hợp thời trang, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Ngoài ra Công ty còn sản xuất các loại phụ tùng chuyên dùng cho ngành dệt như : Thoi, suốt, go, lược, lamen, thao gai... Có chất lượng cao.

Sản phẩm của Công ty đã được người tiêu dùng bình chọn là "hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2000". Đã xuất khẩu sang : Nhật Bản, Thụy Điển, Hồng Kông, Hàn Quốc và EU...

Xin mời Quý khách đến với Công ty chúng tôi.

Chắc chắn Quý khách sẽ được hài lòng



Nhà Bảo tàng Công ty Dệt Nam Định *(ảnh Tuấn Thủy)*

Digitized by Google

S130

HUONG GIANG TOURIST COMPANY
HUE -VIETNAM

VIỆT NAM - ĐIỂM ĐẾN CỦA THIÊN NIÊN KỶ MỚI
VIETNAM A DESTINATION FOR THE NEW MILLENNIUM



CÔNG TY DU LỊCH HƯƠNG GIANG
HUONG GIANG TOURIST COMPANY

Địa chỉ : 02 Nguyễn Công Trứ, Huế, Việt Nam
Tel (0.54) 826070 - 826071 ; Fax : (0.54) 846370 ; E-mail : nhdong@hotmail.com
Website : www.vietnamtourism.com/huonggiang

PATA
ASTA
JATA



Nhân dịp đón mừng Xuân Tân Ty 2001 - thiên niên kỷ mới, tập thể lãnh đạo và CBCNV C.Ty du lịch Hương Giang kính chúc lãnh đạo tỉnh TT-Huế, Tổng cục du lịch Việt Nam, các cơ quan, bộ, ban ngành trung ương và địa phương, các đơn vị quản lý du lịch, kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

Năm mới sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Đông



Mừng xuân Tân Ty 2001,
Công ty Du lịch Hương Giang
xin giới thiệu các sản phẩm du lịch :

- ***Chương trình du lịch ra nước ngoài :*** Đến các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật, Mỹ, Châu Âu...
- ***Chương trình du lịch trong nước :*** Các chương trình tham quan 3 miền Bắc, Trung, Nam.
- ***Chương trình du lịch tại Huế :*** - Tham quan di tích lịch sử của Cố đô Huế và các di tích cách mạng.

- Du lịch sinh thái thăm rừng nguyên sinh ở vườn quốc gia Bạch Mã, thăm vùng đầm phá Tam Giang, du lịch nghỉ dưỡng tại khu nước khoáng nóng tự nhiên ở Mỹ An, du lịch nhà vườn, du lịch Lễ hội mùa xuân, các loại hình dịch vụ Cơm cung đình, ca múa cung đình, nhã nhạc cung đình, ca Huế trên sông Hương.

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ VỚI



TRUNG TÂM LỮ HÀNH
HƯƠNG GIANG

- Add : 17 Lê Lợi, Huế, Việt Nam
- Tel : (0.54) 832220 ; 832221
- Fax : (0.54) 821426
- E-mail: hgtravel@dng.vnn.vn



K/s HƯƠNG GIANG
☆ ☆ ☆
Add : 51 Lê Lợi, Huế, VN
Tel : (0.54) 822122, 823958
Fax : (0.54) 823102
E-Mail:hghotel@dng.vnn.vn

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI
Add : 56 Châu Long,
Q. Ba Đình, Hà Nội
Tel : (0.4) 7333333
Fax : (0.4) 7333337
E-Mail :
huonggiang@netnam.org.vn

CHI NHÁNH TẠI TP HCM
Add : 235 Hoàng Văn Thụ,
Q. Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
Tel : (0.8) 8424202, 8443418
Fax : (0.8) 8424203
E-Mail : hgtravelsg@hcm.fpt.vn

CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG
Add : 454 Nguyễn Tri Phương,
Tp Đà Nẵng
Tel : (0.511) 825378
Fax : (0.511) 829059
E-Mail : hgdng@dng.vnn.vn

C. Ty du lịch Hương Giang với hệ thống khách sạn, nhà hàng, trung tâm lữ hành, các dịch vụ...
Uy tín chất lượng vàng. Thật sự là bạn đồng hành của quý khách.

Hân Hạnh Được Phục Vụ Quý Khách !

Digitized by Google



Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI LẦN THỨ IX CỦA ĐẢNG



UNIV. OF MICH.
APR 16 2001

VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO THẾ KỶ XXI
DƯỚI NGỌN CỜ ĐỘC LẬP DÂN TỘC
VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

6
3-2001

Digitized by Google

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM NÔNG NGHIỆP ĐỒNG THÁP MƯỜI



Địa chỉ : Mộc Hóa - Long An
- ĐT : (072) 841891 - 847690 * Fax : (072) 841006
- Giám đốc : TS. Mai Thành Phụng

Với 32 cán bộ trong biên chế, trong đó có 1 tiến sĩ, 3 thạc sĩ, 4 nghiên cứu sinh, 20 kỹ sư và gần 100 công nhân nông nghiệp lành nghề hợp đồng theo thời vụ, hơn 10 năm qua Trung tâm đã có thành tựu về xây dựng vật chất, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và hợp tác quốc tế.

Về nghiên cứu khoa học :

* Năm 1990 đến nay đã nghiên cứu tạo ra nhiều giống lúa năng suất và chất lượng cao cho vùng Đồng Tháp Mười, khu vực và quốc gia IR : 60A, 64, 66, 50404, 59606 ; CS98 ; LTCS 99, 2000 ; VND 389 ; OM 2031 v.v...
* Các tiến bộ KHKT và ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp : Quy trình bón phân cho lúa ngắn ngày trên đất xám Đồng Tháp Mười, quy trình khai hoang và quy trình canh tác lúa trên đất phèn nặng.
* Hiện nay Trung tâm đang thực hiện 2 dự án phát triển nông thôn và có kế hoạch triển khai 8 nội dung nghiên cứu khác đến năm 2010.

Trung tâm được tặng thưởng Huân chương lao động hạng III (1992) và hạng II (1997), UBND tỉnh Long An tặng bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn 1990 - 1999.

PHÂN BÓN LÁ BIOTED®

Công ty phân bón lá BIOTED hiện đại hóa công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm là hàng đầu. Nhờ sự ủng hộ sản phẩm BIOTED của bà con nông dân, Công ty đã đạt được những giải thưởng sau :

- 03 Giải thưởng "Chất lượng Việt Nam" năm 1997 - 1998 - 1999
- 07 giải thưởng "Bông lúa vàng" tại các lần Hội chợ quốc tế
- 02 giải thưởng "Top ten" sản phẩm vật tư nông nghiệp phía Nam 1997 - 1998 và 2000.
- 05 giải thưởng "Huy chương vàng" tại các lần Hội chợ quốc tế
- 02 giải thưởng "Huy chương vàng bạn nhà nông"
- Đơn vị có sản phẩm "Được người tiêu dùng ĐBSCL bình chọn 2000"
- Đơn vị 5 năm liền đạt giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam 1996 - 2000"

CÁC SẢN PHẨM PHÂN BÓN LÁ ĐÃ ĐƯỢC BẢO HỘ ĐỘC QUYỀN : BIOTED® 601, BIOTED® 602, BIOTED® 603, VILTED®

* Sử dụng tốt cho tất cả các loại cây trồng.
- BIOTED® ROBI sử dụng cho ao nuôi tôm.
* Tạo tảo và ổn định độ PH, giúp sức đề kháng cho tôm mau phát triển

* "MÀNG PHỦ NÔNG NGHIỆP", SỬ DỤNG CHO RAU SẠCH

- Làm tăng năng suất cây trồng, giảm công lao động và chi phí trong sản xuất.
- Ngăn ngừa cỏ dại. Hạn chế sâu bệnh. Giảm lượng thuốc BTVT
- Giữ được độ ẩm thích hợp, chống xói mòn và ngập úng vào mùa mưa.
- Không ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.
- Đạt được "Huy chương vàng" tại Hội chợ triển lãm quốc tế Cần Thơ 2000

+ Địa chỉ :
- Nhà máy I : Lô 38, đường số 3, KCN Tân Tạo, Bình Chánh - TP. HCM
- VP Vĩnh Long : 73/19A Phó Cơ Điều - P.3 - Thị Xã Vĩnh Long
- Nhà máy II : 69 Phó Cơ Điều - P.3 - Thị Xã Vĩnh Long
+ Điện thoại : (070) 822299 - 830586 - 820576 - 830885
- Fax : (070) 825240
Giám đốc : TRƯƠNG THANH PHƯƠNG

Kính chúc bà con nông dân đạt được những vụ mùa bội thu

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 612 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

6
3-2001

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG	*** Tọa đàm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta (Đóng góp ý kiến xây dựng Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng)	3
	*** Những ý kiến tâm huyết, những tình cảm chân thành với Đảng	16
NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 95 NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG (1-3-1906 - 1-3-2001)	LÊ HỮU NGHĨA - Đồng chí Phạm Văn Đồng, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng và nhân dân ta	23
ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	TẠ HỮU THANH - Thanh tra nhà nước 15 năm đổi mới	27
	BÙI XUÂN SƠN - Nắm vững quan điểm của Đảng về quản lý đất đai trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	31
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	VĂN TẠO - Công tác dân vận của Đảng - một khoa học cách mạng	35
	TRƯƠNG GIANG LONG - Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ	40
	NGUYỄN VĂN LONG - Thử xác định đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn từ sau năm 1975	43
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	BÙI THÀNH PHẦN - Chi bộ với việc giáo dục, quản lý đảng viên	47
	TRẦN TỔ - Phát huy lợi thế so sánh, nâng cao sức cạnh tranh của cây cà phê	49
	ĐƯỜNG VINH SƯỜNG - Vấn đề việc làm : thực trạng và triển vọng giải quyết	51
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	PHẠM ĐỨC RỤC - Cái khó khi lựa chọn !	56
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHẠM VĂN CHÚC - Quan hệ Việt - Nga : Tầm cao mới, triển vọng mới	56
	NGÔ VĂN DOANH - Khu vực văn hóa Đông - Nam Á và những lần hội nhập quốc tế	58

Digitized by Google

Bìa 1 : *Chào mừng Đại hội IX của Đảng* — *Tranh :* **TRẦN THẾ VINH**

СОДЕРЖАНИЕ

* Обсуждение о пути к социализму в нашей стране (мысли, внесенные в начертание Проекта Политического Доклада к IX Съезду Партии). *** Заветные помыслы, искренние чувства к Партии. ЛЕ ХЫУ НГИА: Товарищ Фам Ван Донг, большой престижный руководитель нашей Партии, нашего народа. ТА ХЫУ ТХАНЬ: Государственная инспекция за 15 лет обновления. БУЙ СУАН ШОН: Твердо усвоить линии Партии, касающиеся земельного управления в рыночной экономике со социалистической ориентацией. ВАН ТАО: Работа Партии по народной мобилизации есть революционная наука. ЧЫОНГ ЗАНГ ЛОНГ: Воспитание революционных идеалов молодому поколению. НГУЕН ВАН ЛОНГ: Пробное определение главных особенностей вьетнамской литературы периода после 1975^го^ года. НГО ВАН ЗОАН: Юго-восточный культурный регион и череды международной интеграции. ФАМ ВАН ЧУК: Вьетнам – российские отношения: новый уровень развития, новые перспективы.

CONTENTS

* Informal talks on the path to socialism in our country (opinions brought to the Draft of Political Report to the IX Party congress). *** Heartfelt opinions, sincere feelings to the Party. LÊ HỮU NGHĨA: Comrade Phạm Văn Đồng - a great prestigious leader of our Party and our people. TẠ HỮU THANH: State inspection in 15 years of renovation. BÙI XUÂN SƠN: To grasp steadily the Party's stand-points on land management in socialism-oriented market economy. VĂN TẠO: The Party's work for people mobilisation - a revolutionary science. TRƯƠNG GIANG LONG: The education of revolutionary ideals to the younger generation. NGUYỄN VĂN LONG: A pilot determination of the principal characteristics of Vietnam's literature in the post – 1975 period. NGÔ VĂN DOANH: The Southeast Asia cultural region and turns of international merger. PHẠM VĂN CHÚC: Vietnamese-Russian relations: new developmental level and new prospects.

SOMMAIRE

* Echanges de vues sur la voie au socialisme du Vietnam (Contributions au Projet de Rapport politique présenté au prochain IXe congrès national du Parti). *** Des avis et des sentiments sincères pour le Parti. LÊ HỮU NGHĨA: Le camarade Phạm Văn Đồng: un leader de grand prestige de notre Parti et de notre peuple. TẠ HỮU THANH: L'Inspection d'Etat après 15 ans de renouveau. BÙI XUÂN SƠN: Posséder à fond les points de vue du Parti sur la gestion foncière dans l'économie de marché à orientation socialiste. VĂN TẠO: Le travail de mobilisation auprès du peuple - une science révolutionnaire. TRƯƠNG GIANG LONG: L'éducation de l'idéal révolutionnaire chez les jeunes. NGUYỄN VĂN LONG: Essai de déterminer les caractéristiques essentielles de la littérature vietnamienne d'après-guerre (1975). NGÔ VĂN DOANH: L'aire culturelle du Sud-Est asiatique et ses intégrations internationales. PHẠM VĂN CHÚC: Les relations Vietnam-Russie : nouvelle envergure et nouvelles perspectives.

SUMARIO

* Un cambio de opiniones sobre la vía al socialismo de Vietnam (Contribución de opiniones a la elaboración del Proyecto del Informe Político presentado al IX Congreso Nacional del PCV). *** Las opiniones de corazón y los sentimientos sinceros hacia el Partido. LÊ HỮU NGHĨA: El camarada Phạm Văn Đồng - un líder de gran prestigio de nuestro Partido y pueblo. TẠ HỮU THANH: Inspección pública al curso de 15 años de renovación. BÙI XUÂN SƠN: Poseer a fondo los puntos de vista del Partido sobre la gestión territorial en la economía de mercado a la orientación socialista. VĂN TẠO: El trabajo de movilización al pueblo del Partido - una ciencia revolucionaria. TRƯƠNG GIANG LONG: Educación del ideal revolucionario para los jóvenes. NGUYỄN VĂN LONG: Ensayos de determinación de las carcterísticas fundamentales de la literatura vietnamita después de la liberación de 1975. NGÔ VĂN DOANH: La area cultural sureste asiático y sus integraciones internacionales. PHẠM VĂN CHÚC: Las relaciones vietnamo-rusas: nueva envergadura y nuevas perspectivas.

目录

*** 有关我国向社会主义迈进的研讨会（对呈递党第九届全国代表大会政治报告草案提的意见）*** 出于对党的一片赤心的意见及对党的一片真诚的感情 • 黎友义: 范文同同志 — 我党、我国人民一位具有巨大威信的领导 • 谢友青: 15年革新中的国家监察局 • 裴春山: 在社会主义定向的经济市场基础上的土地管理，必须牢固掌握党的观点 • 文造: 党的民运工作 — 革命科学 • 张江龙: 对青年后代进行革命思想教育 • 阮文龙: 试确定越南文学自1975年之后阶段的基本特点 • 吴文营: 东南亚文化地区及其国际融合 • 范文祝: 越 — 俄关系: 新的台阶、新的展望.

Digitized by Google

TỌA ĐÀM VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

(ĐÓNG GÓP Ý KIẾN XÂY DỰNG DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG)

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về đóng góp xây dựng Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng, ngày 27-2-2001, Tạp chí Cộng sản đã tổ chức cuộc Tọa đàm đóng góp ý kiến sâu vào phần III - ***Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*** Nhiều nhà khoa học, giáo sư, tiến sĩ ở các trung tâm khoa học, các viện nghiên cứu, các học viện, nhiều đồng chí lãnh đạo các cơ quan của Đảng và Nhà nước đã tham gia cuộc Tọa đàm và đóng góp những ý kiến sâu sắc, thiết thực, đầy tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao chung quanh một chủ đề có tính lý luận và tổng kết thực tiễn quan trọng nhất nhằm xây dựng Dự thảo Báo cáo Chính trị thêm hoàn thiện.

Chúng tôi lược ghi một số ý kiến đóng góp trong cuộc Tọa đàm, xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

● *Mở đầu cuộc Tọa đàm,* ***Đồng chí Hoàng Tùng*** *cho rằng, nhiệm vụ trung tâm của Đại hội lần thứ IX là hoàn chỉnh thêm một bước lý luận về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đồng chí nêu 4 khía cạnh để luận giải :*

1. Từ năm 1925, Bác Hồ đã xác định mục đích cuối cùng của cách mạng nước ta là chủ nghĩa cộng sản. Cách mạng nước ta phải trải qua nhiều giai đoạn như giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc, giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn cách mạng thứ nhất, xuất phát từ tình hình trong nước và thế giới, Đảng ta đã nhiều lần bổ sung, điều chỉnh con đường giải phóng dân tộc. Năm 1941, chuyển hướng chiến lược cách mạng, tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đến năm 1951, lại xác định 3 giai đoạn cách mạng : Giải phóng dân tộc, dân chủ nhân dân, xã hội chủ nghĩa. Năm 1960 là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng. Tư tưởng chỉ đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải lấy phát triển sản xuất làm nhiệm vụ trung tâm. Năm 1976, lại một lần bổ sung thêm đường lối cách mạng. Đảng đưa ra lý luận về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, lấy cách mạng khoa học - kỹ thuật làm then chốt. Những tư tưởng lý luận đó là đúng đắn, nhưng trong khi thực hiện, vì tâm lý nóng vội bỏ qua những bước đi cần thiết dẫn đến khủng hoảng buộc phải đổi mới.

Năm 1991, Đảng ta đưa ra Cương lĩnh về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong khi hệ thống xã hội chủ nghĩa lâm vào cuộc khủng hoảng. Hiện nay tình hình nước ta có những biến đổi to lớn. Loài người đang bước vào nền kinh tế tri thức do nền công nghệ tri thức quyết định. Nền kinh tế đó đang đi nhanh vào quá trình toàn cầu hóa. Công cuộc đổi mới mang lại nhiều thành tựu to lớn, đồng thời đặt ra nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tiễn buộc chúng ta phải giải quyết. Khái quát những vấn đề ấy là để thấy sự phát triển hệ thống lý luận về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời đại mới gắn liền với thực tiễn cuộc sống.

2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa chỉ được đẩy mạnh qua một cuộc cải cách lớn về thể chế kinh tế, thể chế hành chính, giáo dục, hiện đại hóa tổ chức và hoạt động của Đảng lãnh đạo giống như cách tiếp cận, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách

Digitized by Google

mạng trong nền kỹ thuật sản xuất mới. Kinh tế thị trường mở cửa hội nhập nền kinh tế và đời sống toàn cầu hóa trên cơ sở bảo đảm lợi ích dân tộc, lợi ích nhân dân lao động theo phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội mà nước ta đã bước vào thời kỳ quá độ.

3. Xác định những bước đi cụ thể là cực kỳ quan trọng. Phương châm đi tắt đón đầu, đi nhanh vào kinh tế tri thức là rất đúng. Muốn thực hiện được phương châm đó, đội ngũ lãnh đạo phải ngang tầm nhiệm vụ, có bản lĩnh. Xã hội phải tri thức hóa. Đội ngũ những người quản lý điều hành phải được đào tạo chu đáo. Tức là phải nâng cao tầm vóc trí tuệ bảo đảm thắng lợi của cuộc chạy đua trí tuệ nhanh chóng hòa vào trào lưu tiến hóa chung của lịch sử.

4. Mỗi dân tộc phải tự tìm ra con đường phát triển của mình. Chủ nghĩa Mác đã cho ta biết quy luật tiến hóa lịch sử, xác định cho ta nền tảng tư duy khoa học tức là chủ nghĩa duy vật biện chứng. Còn ta phải tìm lấy con đường phát triển của dân tộc mình. Mác không thể kê đơn sẵn cho mọi dân tộc, mọi thời đại.

● ***Trung tướng Quang Cận** đi sâu phân tích về sự cần thiết phải có phần III của Dự thảo Báo cáo Chính trị.*

Đồng chí cho rằng phần III về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta trong Dự thảo Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX của Đảng ta là rất cần thiết bởi nó góp phần làm rõ hơn đường lối đổi mới của Đảng, giải đáp câu nhận định : "con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn". Đây là phần đường lối, là linh hồn, là phần quan trọng nhất của Báo cáo Chính trị. Dự thảo phần III đã có nhiều cố gắng thực hiện được nhiệm vụ đó, nhưng có điểm cần bổ sung.

1. Nêu rõ bản chất của sự nghiệp đổi mới hiện nay là tiếp tục cách mạng xã hội chủ nghĩa theo tư duy mới, trong đó có kết hợp làm nốt những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân mà chúng ta chỉ mới hoàn thành về căn bản sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đúng là chúng ta chủ trương không xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng có phát triển kinh tế tư bản, cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, thể hiện trong chủ trương phát triển các thành phần kinh tế tư nhân, tư bản tư nhân trong quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

2. Làm rõ hơn nữa vấn đề thù - bạn - ta, là vấn đề cơ bản của chiến lược cách mạng khi phân tích về đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng, bảo vệ độc lập dân tộc. Chúng ta có thể dùng phương pháp phân tích mâu thuẫn để triển khai nội dung này. Tôi cho rằng, trong thời kỳ quá độ ở nước ta hiện nay, có ba mâu thuẫn cơ bản : Giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa đế quốc ; giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản ; giữa tiên tiến - hiện đại với lạc hậu - nghèo nàn của đất nước. Trong ba mâu thuẫn đó thì mâu thuẫn cơ bản nhất là giữa tiên tiến - hiện đại với lạc hậu - nghèo nàn. Bởi vì giải quyết mâu thuẫn này là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và tăng cường nhân tố chính trị - tinh thần cho việc giải quyết hai mâu thuẫn trên, bảo đảm độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong việc giải quyết những mâu thuẫn trên, không phải chúng ta chống chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chống những thế lực thù địch của chủ nghĩa đế quốc đối với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Không phải ta chống chủ nghĩa tư bản nói chung mà chống sự chệch sang con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, chống những tiêu cực nằm trong bản chất của chủ nghĩa tư bản, chống những biểu hiện tư tưởng tư sản trong chính trị - tư tưởng, đạo đức và lối sống. Trong hoàn cảnh còn là nước nông nghiệp, chúng ta phải tập trung vào nhiệm vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa để giải quyết mâu thuẫn giữa tiên tiến - hiện đại với lạc hậu - nghèo nàn.

3. Về các ngành kinh tế, đề nghị nêu cả kinh tế tập thể và kinh tế hợp tác xã. Kinh tế hợp tác xã gắn với sở hữu hợp tác xã gồm hai bộ phận như Dự thảo là rất đúng. Do vậy, không thể đồng nhất kinh tế tập thể với kinh tế hợp tác xã. Nói "kinh tế tập thể gồm các hình thức hợp tác đa dạng mà hợp tác xã là nòng cốt" dễ đi tới hiểu lầm kinh tế hợp tác xã là kinh tế tập thể, tức hợp tác xã kiểu cũ.

Trang trại đặt trong thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ là không rõ, dễ gây hiểu lầm. Kinh tế trang trại, xét về mặt lực lượng sản xuất, là kinh tế sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, còn xét về mặt quan hệ sản xuất, là kinh tế tư nhân. Về

Digitized by Google

vấn đề này, các văn kiện của Đảng còn chưa rõ, không nhất quán vì thế cần làm rõ hơn.

4. Về tư tưởng Hồ Chí Minh, Dự thảo viết : "Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta..." theo tôi là chưa thật chuẩn xác. Bởi nếu như vậy thì dù có sáng tạo đến đâu chăng nữa, tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết cũng chỉ là một học thuyết từ bên ngoài du nhập vào Việt Nam.

Tôi cho rằng cần khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết là một sản phẩm Việt Nam, xuất xứ từ Việt Nam (con người, đất nước, lịch sử, truyền thống, nhất là văn hóa) vì Việt Nam, từ Việt Nam mà ra và trở lại nơi Việt Nam thông qua thực tiễn đấu tranh yêu nước và cách mạng ở Việt Nam. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, có cái riêng của Nguyễn Ái Quốc nên chỉ có Nguyễn Ái Quốc gặp chủ nghĩa Mác - Lê-nin mới thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, có chủ nghĩa yêu nước, thương dân của riêng Nguyễn Ái Quốc. Cái nhân tố chủ quan ấy, cái tinh hoa văn hóa Việt Nam đặc sắc ấy tập trung ở Nguyễn Ái Quốc mới là cơ sở cho sự tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin như một tất yếu lịch sử và hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Do vậy, Việt Nam và chủ nghĩa Mác - Lê - nin là hai thành tố căn bản của tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với những tinh hoa văn hóa khác của nhân loại. Trong Dự thảo cần có cách đề cập những nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh một cách cô đọng, khái quát cao chính xác hơn cả về bản chất, nguồn gốc. Nêu như Dự thảo là dài mà vẫn thiếu...

● *GS,VS Nguyễn Duy Quý nêu bật đặc điểm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

Đồng chí cho rằng, Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã đề cập đến đặc điểm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta một cách mạch lạc, chính xác : "Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học - công nghệ để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại". Đây là một luận điểm hết sức quan trọng.

Lịch sử vinh quang và cũng đầy sóng gió của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nhằm xây dựng xã hội chủ nghĩa được bắt nguồn từ tư tưởng Mác. Hơn một thế kỷ qua, tuy đã gặp không ít khó khăn, thậm chí ở đây đó đã vấp phải không ít sai lầm, thất bại, nhưng trước sau xu hướng này vẫn thể hiện sức sống của nó : lý tưởng về một xã hội không có người bóc lột người, một xã hội mà "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"(1) vẫn là ngọn cờ tư tưởng của hàng triệu, hàng triệu con người đang phấn đấu xây dựng một cuộc sống công bằng và văn minh. Chẳng phải ngẫu nhiên mà vào năm 1999, Mác đã được các khán giả của kênh truyền hình BBC (Anh) bầu chọn là nhà tư tưởng vĩ đại nhất của toàn nhân loại trong 1 000 năm qua (2).

1. Như chúng ta đã biết, sau khi nghiên cứu lịch sử xã hội loài người nói chung và nhất là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng, Mác đã rút ra kết luận : *Sự phát triển của xã hội loài người là sự thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội.* Chính vì thế, xã hội tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ được thay thế bằng xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Sự thay thế này được thực hiện nhờ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất của nó là *sự phát triển của lực lượng sản xuất* và *sự trưởng thành của giai cấp vô sản.* Sự thay thế này là một *quá trình lịch sử - tự nhiên.*

Suốt từ nửa sau thế kỷ XIX cho đến tận ngày nay, kết luận này của Mác luôn luôn nhận được sự tán đồng và cổ vũ to lớn của đông đảo nhân dân ở khắp các châu lục. Song kết luận này cũng luôn luôn gặp phải sự chống đối quyết liệt từ các thế lực thù địch. Ngày nay, thực tiễn lịch sử và tư duy về lịch sử của nhân loại đã có nhiều thay đổi và

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, t 1, tr 569

(2) Xem : *Thông tin công tác tư tưởng*, số 10-1999

Digitized by Google

được bổ sung so với trước đây. Nhưng không phải vì thế mà những tư tưởng đúng đắn của chủ nghĩa Mác trở nên kém giá trị và thiếu sức thu hút. Bởi lẽ, mặc dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ, nhưng sự sụp đổ đó đã không hề diễn ra như giấc mộng của những người chống cộng.

Hơn thế nữa, theo tôi, đây là điều chủ yếu, mặc dù chủ nghĩa tư bản vẫn tồn tại và phát triển, nhưng càng phát triển, càng làm cho những mâu thuẫn đối kháng vốn có của nó sâu sắc thêm và không thể điều hòa trên con đường phát triển tiếp theo : xã hội thông tin và nền kinh tế toàn cầu hóa không đi liền với công bằng xã hội ; sự giàu có về của cải vật chất không làm giảm tình trạng bị bóc lột của nhân dân lao động ; chiến tranh lạnh kết thúc nhưng chiến tranh cục bộ lại gia tăng và luôn gắn liền với bàn tay can thiệp của chủ nghĩa đế quốc. "Còn chủ nghĩa đế quốc thì còn chiến tranh". Câu nói ấy của Lê-nin ngày nay vẫn đúng như nó đã đúng trong thời kỳ chiến tranh lạnh.

Những người giàu trí tưởng tượng nhất cũng không thể hình dung nổi chủ nghĩa tư bản lại là đỉnh cao cuối cùng của xã hội loài người. Vậy, sau chủ nghĩa tư bản loài người sẽ sống trong hình thái kinh tế - xã hội nào ? Lẽ nào lại không phải là một xã hội "đại đồng" có những đặc trưng tốt đẹp như Mác đã hình dung.

Bởi thế, những mâu thuẫn có thực và ngày càng gay gắt của xã hội tư bản hiện đại đã khiến phần lớn nhân loại vẫn tiếp tục quan tâm sâu sắc tới học thuyết Mác. Các nhà tư tưởng tư sản vẫn đang trăn trở để tìm cách khắc phục những khuyết tật của chủ nghĩa tư bản. Giắc-cơ Đê-ri-đa (J.Deridda) nhà tư tưởng người Pháp công khai tuyên bố : Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của chủ nghĩa Mác (3). Có lý do để khẳng định rằng, tinh thần cơ bản của học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội và về sự phát triển xã hội cho đến hôm nay vẫn giữ nguyên giá trị.

2. Điều chủ yếu mà tôi muốn trình bày ở đây là vấn đề bỏ qua tư bản chủ nghĩa khi đất nước Việt Nam chúng ta lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng muốn bàn được vấn đề đó, như đã nói ở trên, tôi xin đề cập đến luận điểm nổi tiếng của Mác "sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên" và xem xét giá trị của luận điểm này trong thời đại ngày nay. Luận điểm này chỉ ra rằng, khuynh hướng phát triển xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa không phải là kết quả của một sự lựa chọn duy ý chí, chủ quan, mà là một khuynh hướng phát triển khách quan, có thực trong đời sống xã hội. Theo tư tưởng của Mác, chúng tôi hiểu sự thay thế xã hội tư bản chủ nghĩa bằng xã hội xã hội chủ nghĩa tất yếu sẽ xảy ra.

Vấn đề ở chỗ, nếu xem xét ở phạm vi lịch sử toàn nhân loại thì lịch sử xã hội loài người đã phát triển qua một số hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Song, do đặc điểm về lịch sử, về không gian và thời gian, không phải quốc gia nào cũng đi qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội có tính tuần tự từ *cộng sản nguyên thủy* đến *tư bản chủ nghĩa* theo một sơ đồ chung. Thực tế chứng tỏ rằng, trong khi một số quốc gia Tây Âu phát triển tuần tự qua các hình thái kinh tế - xã hội điển hình, thì đồng thời nhiều quốc gia khác (Ô-xtrây-li-a, Mỹ, một số quốc gia tư bản Mỹ La-tinh, một vài quốc gia châu Âu...) lại phát triển theo con đường bỏ qua một hoặc vài hình thái kinh tế - xã hội nào đó. Sở dĩ có hiện tượng như vậy là vì sự vận động của xã hội thường diễn ra không đồng đều giữa các quốc gia, các vùng. Trong lịch sử thường xuất hiện những trung tâm phát triển cao hơn về sản xuất vật chất, về kỹ thuật, về văn hóa, chính trị... Sự giao lưu, hợp tác giữa các trung tâm đó làm xuất hiện khả năng một số nước đi sau có thể rút ngắn tiến trình lịch sử mà không cần lặp lại tuần tự các quá trình đã qua của lịch sử nhân loại.

Chính là dựa vào những thực tế như vậy, Mác đã nêu lên tư tưởng về khả năng "phát triển rút ngắn", còn Lê-nin đã đề xuất mô hình "không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội đối với những nước đi sau, những nước đang trong giai đoạn tiền tư bản chủ nghĩa. Trên những nét lớn, tư tưởng của Lê-nin thống nhất với tư tưởng của Mác. Các ông đều nhất trí với nhau : trong những điều kiện nhất định, con đường phát triển của các

(3) Xem Giắc-cơ Đê-ri-đa : *Những bóng ma của Mác*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1994

Digitized by Google

dân tộc tiền tư bản chủ nghĩa không nhất thiết phải diễn ra một cách tuần tự đầy đau khổ như lịch sử của chủ nghĩa tư bản, mà một phần nhân loại đã từng trải qua. Con đường ấy có thể rút ngắn để các dân tộc chậm phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội một cách nhanh hơn.

● *GS, TS Nguyễn Ngọc Long cùng quan tâm tới chủ đề trên và tập trung làm rõ những luận cứ để bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta.*

1. Nước ta quá độ lên CNXH không phải từ CNTB. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : Đi lên CNXH không kinh qua CNTB "là đặc điểm to nhất" của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Việc thay cụm từ "bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN" bằng cụm từ "bỏ qua chế độ TBCN" trong văn kiện chính thức từ Đại hội VII, không phải chuyện chữ nghĩa hình thức, mà là để hàm chứa nhận thức mới. Nước ta không thể đi lên xã hội văn minh hiện đại bằng cách bỏ qua cả một quá trình lịch sử, trong đó có những tiền đề cho CNXH đã được tạo ra từ trong lòng CNTB, mà "tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết", như C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã nói, là sự phát triển cao của sức sản xuất. Trong lịch sử nhân loại, sự phát triển kinh tế tư bản là quá trình tất yếu, hợp quy luật để tạo tiền đề đó. Cũng không thể nói bỏ qua quan hệ sản xuất mà không bỏ qua lực lượng sản xuất vì đó là hai mặt của phương thức sản xuất.

Trong lịch sử xã hội loài người đã có những nước bỏ qua một hoặc vài hình thái kinh tế - xã hội, nhưng phải có những điều kiện nhất định, có thể nói là đặc biệt như đã được trình bày trong sách giáo khoa. Những điều kiện như vậy chưa hội đủ trong hoàn cảnh nước ta hiện nay.

Về điều kiện mới, phải đặc biệt nhấn mạnh điều kiện do cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân tạo ra. Từ một nước thuộc địa trước đây, dù đi lên theo con đường nào cũng phải có điều kiện tiên quyết là độc lập dân tộc. Suốt gần một thế kỷ dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, tư bản nước ta không lớn nổi. Sự phát triển tư bản ở miền Nam dưới thời Mỹ - ngụy lại là không bình thường, hòng chi thành "rồng", thành "hổ". Điều kiện tiên quyết là độc lập dân tộc, tiếp tục đi lên như thế nào phải xuất phát từ hoàn cảnh đó.

Rốt cuộc, vẫn cần phát triển kinh tế tư bản, mà điều có vẻ nghịch lý là Đảng Cộng sản lại phải lãnh đạo việc đó. Vấn đề là làm sao để kinh tế tư bản tư nhân không thao túng đời sống kinh tế như trong điều kiện chế độ tư bản. Một khi sở hữu tư nhân tư bản thống trị trong cơ sở hạ tầng của xã hội thì sớm muộn kiến trúc thượng tầng chính trị phải biến đổi để thích ứng với chế độ kinh tế đó.

Đương nhiên, muốn vậy cần có điều kiện, song trước hết là Đảng phải mạnh, Nhà nước không những phải trong sạch mà còn là chỗ dựa về kinh tế. Kinh tế nhà nước đủ sức để đóng vai trò chủ đạo. Điều đó không dễ dàng, nhất là trong bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay. Song, phát triển kinh tế tư bản như một bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc dân quá độ lên CNXH là khả năng thực tế.

2. Việc Dự thảo nêu rõ sự phát triển quá độ lên CNXH "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" là "bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa" là đúng và có ý nghĩa quan trọng.

Đảng ta khẳng định sự phát triển kinh tế tư bản nhưng không phải là quan hệ sản xuất TBCN phát triển thành quan hệ sản xuất thống trị trong cơ sở kinh tế của xã hội. Song cần nói rõ hơn, quan hệ sản xuất TBCN không trở thành quan hệ sản xuất thống trị không phải là bằng cách xóa dần hay "bóp nghẹt" mà bằng sự tác động của các nhân tố kinh tế khác của nền kinh tế nhiều thành phần và các nhân tố chính trị - xã hội. Đồng thời, để tránh cách hiểu chỉ kế thừa thành tựu của CNTB mà chủ yếu chỉ là lực lượng sản xuất như trước đây, cần sửa đoạn "kế thừa những thành tựu xây dựng nền kinh tế hiện đại". Hơn nữa, bằng sự phát triển kinh tế tư bản, chúng ta trực tiếp tạo ra và sử dụng những thành tựu do nó tạo ra chứ không chỉ là kế thừa từ quá khứ hoặc từ bên ngoài.

Từ sự phân tích trên tôi kiến nghị diễn đạt như sau :

"Con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ; nghĩa là sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa được thực hiện trong một nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN, do đó mà bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ

Digitized by Google

sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa...".

● *Vấn đề đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta được nhiều người quan tâm, **Trung tướng, GS Trần Xuân Trường** cho rằng :*

Nội dung đấu tranh giai cấp ở nước ta là sự tổng hợp cả giai cấp và dân tộc, cả cách mạng khoa học - công nghệ, nhưng cần làm rõ nội dung đấu tranh 2 con đường. Muốn quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản, nhưng lại sử dụng CNTB thì tất yếu phải tiến hành đấu tranh hai con đường, vì hai con đường tồn tại hiện thực và phải loại bỏ lẫn nhau (đã đi lên CNXH thì thôi đi lên CNTB và ngược lại). Đấu tranh hai con đường là đấu tranh giai cấp và chỉ qua đấu tranh này CNXH mới ra đời. Tuy nhiên, trong điều kiện lịch sử Việt Nam, đi lên CNXH khi chế độ tư hữu chưa lỗi thời còn có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất, khi mâu thuẫn dân tộc tồn tại đồng thời với mâu thuẫn giai cấp, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc gắn bó khăng khít với nhau thì đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ (TKQĐ) ở nước ta không phải là "đấu tranh tư bản - vô sản" theo nghĩa các thế lực kinh tế và chính trị tư bản chủ nghĩa và XHCN đối kháng trực tiếp loại bỏ lẫn nhau, mà thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau trong nội bộ nhân dân, nội bộ dân tộc để xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc XHCN.

Nội dung và hình thức chủ yếu đấu tranh giai cấp, đấu tranh 2 con đường ở Việt Nam là :

a. Giành địa vị chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Muốn đi lên CNXH, bỏ qua chế độ tư bản thì quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phải giữ vị trí chủ đạo và đi đến thống trị.

b. Dân chủ xã hội chủ nghĩa hay dân chủ tư sản mà nội dung cốt lõi là Đảng Cộng sản lãnh đạo không chia sẻ hay chia sẻ, đa nguyên đa đảng đi đến đảng chính trị tư sản chi phối và thống trị.

c. Văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa tư sản. Không biệt phái, chủ trương giao lưu văn hóa nhưng giữ gìn bản sắc dân tộc, bảo vệ và phát triển văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Dĩ nhiên con đường đi lên CNXH không chỉ đấu tranh xã hội (giai cấp, dân tộc) mà còn cuộc đấu tranh chống đói nghèo. Cuộc đấu tranh này trở thành một bộ phận, thậm chí hàng đầu của đường lối xây dựng CNXH.

Đại đoàn kết toàn dân là cách tạo ra động lực được nhiều người dễ đồng tình. Đại đoàn kết dân tộc là động lực phát triển của xã hội có giai cấp, ở nước ta trong TKQĐ.

Về con đường phát triển lực lượng sản xuất, xét đến cùng năng suất lao động là điểm yếu nhất của nước ta, cho nên tất yếu phải tổng hợp cách mạng xã hội và cách mạng khoa học - công nghệ là nội dung hàng đầu của đấu tranh 2 con đường. Vì sao công nghiệp hóa, hiện đại hóa ? Kinh tế tri thức và công nghiệp hóa, hiện đại hóa liên quan gì đến nhau ? Không nên đồng nhất kinh tế tri thức với công nghệ thông tin.

Có thể tiến lên kinh tế tri thức bỏ qua văn minh công nghiệp được không ? Rõ ràng là không thể được. Vấn đề là lồng vào nhau hai quá trình vận động đó như thế nào cho đúng ?

● ***GS Văn Tạo**, dưới góc độ lịch sử, đã phân tích về giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ như sau :*

Trong phạm vi một nước đang phát triển như Việt Nam, chúng ta có hướng đi vào kinh tế tri thức, văn minh trí tuệ nhưng cơ hội và thách thức đều lớn.

Vấn đề đặt ra là : kinh tế - xã hội phát triển như thế nào, khoa học - công nghệ phải "đi tắt, đón đầu" như thế nào để không bị tụt hậu, chệch hướng, mà cũng không "đốt cháy giai đoạn". Trong phát triển xã hội phải nhìn nhận vấn đề giai cấp và tiến hành đấu tranh giai cấp như thế nào để vừa phát triển được kinh tế - xã hội vừa theo đúng được định hướng xã hội chủ nghĩa ?

Trong thực tế, chúng ta còn đang phải hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng ta mới bắt đầu đi vào nền kinh tế tri thức, nên thực tiễn chưa đủ để chúng ta có được những nhận thức thật đúng và sát thực về giai cấp và đấu tranh giai cấp như sau khi kinh tế tri thức phát triển.

Trước hết, cần khẳng định kinh tế tri thức không phải là một hình thái kinh tế - xã hội, nhưng nó lại là một nhân tố quan trọng trong nền

Digitized by Google

kinh tế của mỗi nước và là một trong những nhân tố có tính quyết định của hình thái kinh tế - xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, kinh tế - xã hội chủ nghĩa phải là một nền kinh tế cao hơn kinh tế tư bản chủ nghĩa, mà kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện nay đều lấy kinh tế tri thức làm trọng tâm. Tính quyết định đó phải được chuẩn bị ngay từ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta còn chần chừ sao được khi mà bài học lịch sử thế kỷ XIX dạy chúng ta rằng, sự lạc hậu, bảo thủ của triều đình Tự Đức đã để dân tộc ta phải trả cái giá đó bằng xương máu trong suốt gần trăm năm nay. Chúng ta không thể bỏ lỡ cơ hội một lần nữa. Một dân tộc thông minh, anh hùng như dân tộc ta có thể "đi tắt đón đầu" trong phát triển khoa học - công nghệ để xây dựng nền kinh tế tri thức tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xét trong phạm trù quốc tế hóa, toàn cầu hóa thì đây chính là một trong những hình thái cao của đấu tranh giai cấp trong thời kỳ hiện đại...

Sau gần 15 năm tiến hành đổi mới (1986 - 2000) cơ cấu giai cấp trong xã hội ta có nhiều thay đổi. Từ hai giai cấp (công nhân, nông dân) và một tầng lớp (trí thức), trong đổi mới, đến nay trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xã hội ta đã phân chia ra nhiều giai cấp, tầng lớp. Theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mỗi thành phần kinh tế có thể có một giai cấp, tầng lớp xã hội làm biểu tượng.

Tôi đặc biệt quan tâm đến sự đổi mới của giai cấp công nhân. Đó là một giai cấp vừa là sản phẩm của kinh tế quốc doanh, vừa là sản phẩm của kinh tế tư bản, tư doanh, liên doanh và tư bản nước ngoài - một giai cấp chỉ còn phần nhỏ là vô sản còn lại phần đông là hữu sản, trong đó bộ phận công nhân quốc doanh từ lâu đã đồng sở hữu với nhà nước về tư liệu sản xuất và làm chủ trong phân phối lao động, thông qua nhà nước của mình. Số công nhân trí thức và số trí thức trong bộ quản lý kinh tế và quản lý sản xuất cũng thuộc giai cấp công nhân. Phần lớn đã có sở hữu trí tuệ, một thứ sở hữu cho phép đem lại nhiều lợi nhuận. Một số công nhân có cổ phần xí nghiệp được Nhà nước khuyến khích phát triển. Họ có quyền hưởng lợi nhuận do giá trị thặng dư mà toàn thể công nhân sản xuất ra, chỉ có khác là lợi nhuận đó được Nhà nước của giai cấp công nhân phân chia một cách hợp lý, được pháp luật quy định, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chứ không phải nhằm phát triển tư bản chủ nghĩa. Họ vẫn thuộc thành phần giai cấp công nhân.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với chủ trương "đi tắt đón đầu" về khoa học - công nghệ của Đảng và Nhà nước, công nhân trí thức sẽ là hạt nhân quan trọng của giai cấp công nhân, là những người lính tiên phong trong xây dựng kinh tế - xã hội lẫn trong đấu tranh giai cấp xã hội.

Có thể dự báo được là : Nền kinh tế nhiều thành phần dưới sự quản lý của Nhà nước chúng ta, nếu có cơ cấu xã hội hợp lý, có thiết chế nhà nước chặt chẽ, giữ vững và phát huy được tinh thần dân tộc và bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, hướng xã hội đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa,thì số lượng, chất lượng công nhân trí thức sẽ ngày càng cao, tổng sản phẩm xã hội và chất lượng sản phẩm xã hội cũng ngày càng tăng. Các thành phần kinh tế dưới sự quản lý của Nhà nước sẽ hội nhập vào một mục tiêu là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Nền kinh tế tri thức mà chúng ta xây dựng với giai cấp công nhân giàu tinh thần cách mạng, có sức năng động, sáng tạo sẽ đưa nền sản xuất xã hội vượt trội chủ nghĩa tư bản trên đất nước ta. Đồng thời sẽ có những sáng tạo về lý luận cách mạng, với tinh thần kế thừa và phát triển lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong điều kiện tổng kết từ thực tiễn dân tộc và thực tiễn thế giới, hướng nền kinh tế - xã hội ta từng bước đi vào nền kinh tế trí tuệ, hoàn thiện thời kỳ quá độ để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

● ***GS, TS Nguyễn Trọng Chuẩn*** *lại có cách tiếp cận từ một số khía cạnh về vấn đề dân tộc, giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ ở nước ta.*

Không thể không nhận thấy rằng trong bối cảnh hiện nay của đất nước và của thế giới, nội dung, tính chất và mức độ của đấu tranh giai cấp trên đất nước ta không hoàn toàn giống như trước đây khi chúng ta còn phải trực tiếp chống đế quốc,

Digitized by Google

hoặc khi chưa tiến hành các cuộc cải tạo xã hội rộng rãi, nên cần có sự nhận thức đúng đắn và khoa học. Không thể lặp lại một quan niệm sai lầm cho rằng, khi đã có độc lập dân tộc hoàn toàn rồi thì chỉ còn cần tập trung vào một việc là nhanh chóng giải quyết mâu thuẫn giai cấp, nhanh chóng giải quyết vấn đề "ai thắng ai". Song, ý kiến cho rằng nếu lúc này mà còn nói đến đấu tranh giai cấp là quá cứng nhắc và quá giáo điều cũng là vô căn cứ.

Thật ra, độc lập dân tộc chưa thể thực sự bền vững và vẫn bị đe dọa khi mà đất nước còn nghèo và kém phát triển, khi tiềm lực mọi mặt còn rất thấp, khi mà sự chống đối từ bên trong của một số phần tử vẫn chưa chấm dứt và việc tiếp tay cho sự chống đối từ bên ngoài vẫn còn là một thực tế. Với cách hiểu vấn đề như vậy chúng ta sẽ thấy được sự cần thiết phải bằng mọi cách tập trung toàn bộ sức mạnh của các thành phần kinh tế, của các giai cấp và của toàn dân tộc vào nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ là nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cũng với kiểu cách trên chúng ta sẽ yên tâm với việc cho phép các thành phần kinh tế phát triển nhằm huy động mọi năng lực vốn còn tiềm ẩn trong các thành phần kinh tế đó để phát triển sản xuất, yên tâm với đường lối đó để phát triển lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Có phát triển kinh tế thị trường mới có thể thúc đẩy và thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, do đó chúng ta mới tránh được nguy cơ lớn nhất là tụt hậu xa hơn về kinh tế. Thực hiện nhiệm vụ này không chỉ là hiện thực hóa nội dung của con đường xã hội chủ nghĩa mang tính giai cấp công nhân sâu sắc, mà còn là hiện thực hóa nội dung mang tính dân tộc, là nhiệm vụ cơ bản của toàn dân tộc, của mọi thành phần kinh tế. Lúc này giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam ta không có nhiệm vụ nào quan trọng hơn nhiệm vụ từng bước thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giống như trước đây cả dân tộc đã tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Chính vì lẽ đó mà trong nhiệm vụ phát triển của đất nước, tính giai cấp và tính dân tộc hòa quyện vào nhau. Kém phát triển, phát triển chậm tức là đất nước sẽ bị phụ thuộc, sẽ mất độc lập, mất tự chủ, sẽ đứng ngoài toàn cầu hóa. Thua kém về kinh tế sẽ yếu về vị thế chính trị quốc tế và trong điều kiện như vậy cũng sẽ khó giữ được ổn định chính trị trong nước. Từ đó, sự can thiệp từ bên ngoài để kích động sự chống đối từ bên trong là điều có thể xảy ra. Trong điều kiện như vậy thì những ai có ý đồ muốn cản trở sự nghiệp của cả dân tộc, đi ngược lại quyền lợi của dân tộc tất yếu sẽ bị đào thải.

Dĩ nhiên, sự phát triển của đất nước theo định hướng kinh tế thị trường sẽ dẫn đến sự hình thành thành phần kinh tế tư bản tư nhân, sẽ làm cho một số người giàu lên nhanh hơn và khó tránh khỏi sự phân tầng mạnh hơn. Song, một khi đất nước mạnh lên, giàu thêm thì cũng có nghĩa là các thành viên trong cộng đồng dân tộc, trong các giai cấp và giai tầng khác nhau có cơ hội để cải thiện và nâng cao cuộc sống của mình. Tuy nhiên, cơ hội chỉ trở thành hiện thực đối với mọi người khi mà có được một đường lối bảo đảm cho việc thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa thực thi sự công bằng về mọi mặt, trong đó có công bằng về xã hội.

Công bằng không tự nó đến cũng giống như không phải có sự phát triển kinh tế cao thì tự khắc mọi sự bất công, mọi sự bất bình đẳng, mọi biểu hiện tiêu cực, mọi tệ nạn và mọi sai trái trong đời sống xã hội sẽ tự khắc bị loại trừ. Điều đó có nghĩa rằng, để có sự phát triển cao mà vẫn bảo đảm được sự công bằng xã hội thì không thể thiếu định hướng xã hội chủ nghĩa ; và một khi thực hiện trong thực tiễn định hướng đó thì sẽ có sự đụng chạm ở các mức độ khác nhau đến lợi ích của các giai tầng khác nhau, các thành phần kinh tế khác nhau và các giai cấp khác nhau trong xã hội. Do vậy, đấu tranh giữa các giai tầng, các thành phần kinh tế và các giai cấp là điều có thật nhưng tính chất và mức độ hoàn toàn khác với đấu tranh trong thời kỳ cải tạo trước kia vì cơ cấu và vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều ; vì đó là cuộc đấu tranh trong nội bộ nhân dân chứ không phải đấu tranh để loại trừ nhau, để thủ tiêu nhau. Nếu quan niệm và thực hiện trong thực tiễn quan niệm đấu tranh để loại trừ và thôn tính lẫn nhau bằng vũ lực mà quên đi cái chính là

Digitized by Google

hợp tác, đoàn kết để phát triển đất nước thì đất nước chẳng những không có lợi, không giàu có thêm, không phát triển hơn mà sẽ còn tụt hậu xa hơn.

Như vậy, đấu tranh giai cấp ở nước ta diễn ra trước hết là để tập hợp các giai cấp và các thành phần kinh tế khác nhau, ra sức thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo nghĩa này, đấu tranh giai cấp thống nhất với đấu tranh dân tộc, bảo đảm cho đất nước phồn vinh về kinh tế, phát triển về mọi mặt, nhân dân được sống trong hạnh phúc, công bằng, dân chủ, văn minh, khẳng định được vị thế của nước nhà trên trường chính trị thế giới.

Song, chúng ta sẽ không được quên rằng, hiện nay có một số thế lực bên ngoài chẳng ưa thích gì tồn tại của Nhà nước ta, của chế độ chúng ta. Các thế lực đó cũng chẳng ngại ngần gì trong việc dùng mọi cách để đánh phá ta từ bên trong thông qua những kẻ chống đối, những phần tử thoái hóa, biến chất và những tệ nạn khác nhau. Theo ý nghĩa này thì cuộc đấu tranh để làm trong sạch nội bộ góp phần vào việc bảo vệ chế độ, bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ những thành quả cách mạng cũng là một bộ phận không tách rời của cuộc đấu tranh giai cấp. Điều đáng sợ nhất lúc này không chỉ là sự tấn công hoặc phá hoại trực tiếp của kẻ thù từ bên trong hay từ bên ngoài, mà chính sự thoái hóa từ bên trong, là một căn bệnh truyền nhiễm đáng sợ làm suy yếu đất nước, suy yếu chế độ. Đấu tranh để loại bỏ căn bệnh nan y này xem ra cũng chẳng dễ dàng gì.

● *GS, TS Lê Hữu Tầng đi sâu phân tích về nguyên tắc phân phối trong thời kỳ quá độ*

Chúng tôi coi nguyên tắc phân phối theo nguồn vốn cùng với nguyên tắc về kết quả lao động, hiệu quả kinh tế và các nguồn lực khác được nêu trong Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX là một bước tiến so với các nguyên tắc phân phối được nêu trong văn kiện các Đại hội VI, VII, và VIII. Bởi vì, nguyên tắc phân phối này đã tính đến nét đặc thù của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, nhất là trong hoàn cảnh hiện nay chúng ta có nhu cầu bức bách phải thu hút vốn đầu tư để có điều kiện mở rộng và đẩy mạnh sản xuất. Nguyên tắc phân phối này hiển nhiên chưa phải là nguyên tắc phân phối của chủ nghĩa xã hội, nhưng nó phù hợp với thực tiễn của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và do đó nó chính là nguyên tắc phân phối của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Song, nói như thế chưa có nghĩa là khẳng định rằng nguyên tắc phân phối này đã phản ánh đầy đủ nét đặc thù của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bởi vì, cũng như các nguyên tắc phân phối được nêu trong văn kiện các Đại hội VI, VII và VIII, việc phân phối được tiến hành chủ yếu theo lao động, theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh thôi chứ chưa tính đến các đóng góp khác cho xã hội nói chung. Trong khi đó, khác với nhiều nước khác, suốt mấy chục năm qua, nhân dân ta đã phải chiến đấu liên tục vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Trải qua cuộc chiến đấu ấy, rất nhiều người đã hy sinh, hoặc trở thành thương binh, bệnh binh, không còn sức lao động nữa và nay cũng chẳng có tài sản, tiền của gì đáng kể để có thể đóng góp vốn cho sản xuất kinh doanh thì họ sẽ là những người bị thiệt thòi nhất.

Từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến những người có công với cách mạng, anh chị em thương binh, gia đình liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng, coi đó vừa là trách nhiệm của Nhà nước, vừa là trách nhiệm của toàn dân, là sự "đền ơn, trả nghĩa", "uống nước nhớ nguồn". Có được chính sách trên đây, là rất đáng quý, nhưng theo chúng tôi, vẫn chưa đủ. Bởi vì, bằng chính sách đó, chúng ta mới quan tâm đến những người thuộc diện chính sách từ phương diện đạo lý, từ phương diện "đền ơn, đáp nghĩa", chứ chưa phải từ phương diện quan hệ công bằng giữa cống hiến và hưởng thụ - một phương diện mà theo đó, những người chúng ta nói tới có quyền được hưởng, chứ không phải là được "đền ơn" chút nào thì biết chút ấy.

Vì vậy, để bảo đảm công bằng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, theo chúng tôi, nguyên tắc phân phối theo lao động trước đây cần được mở rộng thành nguyên tắc phân phối theo cống hiến. Cụ thể là, nếu trước đây sự công bằng xã hội được thể hiện chỉ trong nguyên tắc phân phối theo lao động thì ngày nay

Digitized by Google

cần được thể hiện trong nguyên tắc phân phối theo cống hiến (cả về lao động, nguồn vốn cùng mọi cống hiến khác) cho xã hội nói chung, chứ không chỉ cho sản xuất.

● *PGS, TS Nguyễn Sinh Cúc đóng góp ý kiến về chính sách phát triển các thành phần kinh tế, giải pháp bảo đảm công bằng xã hội trên các lĩnh vực. Đồng chí nhấn mạnh 3 điểm :*

1. Những tác động tích cực của chính sách.

Tốc độ tăng trưởng nhanh và khá đồng đều của các thành phần và khu vực kinh tế trong những năm qua đã làm cho bức tranh kinh tế nước ta thêm sống động và thực sự khởi sắc, nhất là khu vực kinh tế tư nhân, cá thể, hỗn hợp và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong khi kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo, nhưng tốc độ tăng trưởng đã có xu hướng chậm lại, thì khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng trưởng với nhịp độ ngày càng nhanh và ổn định. Điều này thể hiện rõ nhất trong năm 2000, với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp. So với năm 1999, tốc độ tăng trưởng của công nghiệp nhà nước tăng 12,2%, trong khi đó công nghiệp ngoài nhà nước tăng trưởng 18,3%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,5%. Đối với thành phố Hồ Chí Minh, xu hướng trên càng rõ nét : công nghiệp quốc doanh tăng 14,47%, trong khi đó công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 16,98%, công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tăng 15,86%, công nghiệp HTX tăng 17,5%, công ty cổ phần tăng 2,1%, công ty trách nhiệm hữu hạn tăng 31,6%. Hơn 15 nghìn doanh nghiệp chủ yếu là tư nhân, hỗn hợp ra đời trong năm 2000, sau khi có Luật Doanh nghiệp là sự tăng trưởng về mặt số lượng đã góp phần tạo ra sự tăng trưởng chung của các hoạt động sản xuất và dịch vụ của các thành phần kinh tế cả nước.

Nguyên nhân của những tiến bộ trên đây, trước hết và chủ yếu là do chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng vừa phù hợp với yêu cầu của quy luật kinh tế vừa phù hợp với lòng dân, nên sớm phát huy tác dụng tích cực, sớm đi vào cuộc sống.

2. Một số vấn đề mới nảy sinh.

Bên cạnh những thành công và kết quả, chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần vận dụng vào điều kiện nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH cũng đã và đang xuất hiện một số vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn cần được nghiên cứu và giải đáp.

Thứ nhất, thế nào là thành phần kinh tế trong điều kiện hiện nay ở nước ta. Giữa thành phần kinh tế hiện nay và thành phần giai cấp trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ khác nhau thế nào ? Do chưa có chuẩn mực để phân định rõ ràng nên trong vận dụng vào thực tiễn đã xuất hiện những cách làm và cách hiểu khác nhau, dẫn đến thực trạng cùng một chính sách nhưng chỉ đạo, thực hiện ở các ngành, các địa phương lại khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

Thứ hai, sự đan xen giữa các thành phần và khu vực kinh tế diễn ra ngày càng phổ biến, nhất là trong những ngành và lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế quốc dân. Thí dụ, trong nông nghiệp, sự đan xen giữa kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác với kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế cá thể hiện nay là phổ biến. Vậy khi xác định phạm vi của mỗi thành phần thông qua các chỉ tiêu định lượng nên như thế nào để phản ánh thực chất vai trò vị trí của mỗi thành phần trong các yếu tố điều kiện sản xuất và kết quả sản xuất ? Tương tự như vậy trong công nghiệp và thương mại, dịch vụ.

Thứ ba, khái niệm kinh tế nhà nước là chủ đạo, kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác là nền tảng của nền kinh tế quốc dân vẫn còn mang nặng tính lý luận, trừu tượng và khó vận dụng trong phạm vi từng ngành và lĩnh vực. Các khái niệm "chủ đạo" hoặc "nền tảng" chưa được tiêu chuẩn hóa nên càng khó khăn trong quá trình lượng hóa bằng các chỉ tiêu cụ thể. Thực tế hiện nay, trong một số ngành và lĩnh vực, kinh tế nhà nước chỉ chiếm một tỷ trọng bé (nông nghiệp, thương mại). Vậy tính chủ đạo được xác định như thế nào cho đúng ?

Thứ tư, trong chỉ đạo và quản lý vẫn còn sự đối xử không bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế tư nhân, cá thể chưa được quan tâm đúng mức và đầu tư thỏa đáng. Sự thăng trầm của kinh tế tiểu chủ, tư bản tư nhân và kinh tế cá thể trong nhiều năm qua có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan về phía

Digitized by Google

các cơ quan nhà nước cả nhận thức và hành động.

Thứ năm, cơ chế bao cấp đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế nhà nước vẫn còn tồn tại dưới nhiều hình thức, vẫn chưa được khắc phục trong thời kỳ đổi mới. Điều đó đã và đang dẫn đến xu hướng ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước, ngại hạch toán tự chủ, ngại cổ phần hóa, muốn duy trì cơ chế độc quyền. Chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không được thực hiện nghiêm túc, tiến độ chậm, một phần do không ít giám đốc các doanh nghiệp nhà nước còn do dự, lừng chừng.

3. Một số giải pháp bảo đảm công bằng xã hội trên các lĩnh vực trong phát triển các thành phần kinh tế ở nước ta.

Một là, tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện lý luận về thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH ở nước ta. Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện lý luận về các khái niệm "chủ đạo" hoặc "nền tảng" kinh tế nhà nước và cụ thể hóa bằng các văn bản có tính pháp quy của Nhà nước. Trong một số ngành và lĩnh vực nhất định cần làm rõ thế nào là chủ đạo ?

Hai là, đổi mới nhận thức về thành phần kinh tế trong điều kiện ứng dụng cơ chế thị trường theo định hướng XHCN ở nước ta, từ đó khắc phục quan niệm cũ, xơ cứng về thành phần kinh tế, hoặc gắn với thành phần giai cấp, với chủ sở hữu.

Ba là, tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện các bộ luật có liên quan đến sở hữu, thành phần kinh tế như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài, Luật Đất đai, Luật HTX, Luật Thuế sử dụng đất, thuế giá trị gia tăng theo hướng khẳng định lại tính bình đẳng của các thành phần và khu vực kinh tế trong sản xuất kinh doanh, mở rộng quyền tự chủ của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân, cá thể, tư bản nhà nước. Trong lãnh đạo và quản lý cũng như trong cơ chế và chính sách vĩ mô và vi mô của Nhà nước, các ngành, các cấp cần thể hiện đầy đủ tính bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong sản xuất kinh doanh.

Bốn là, về lâu dài, nên nghiên cứu lại cả lý luận và thực tiễn về sở hữu, về thành phần kinh tế, để từ đó chuẩn xác những nội dung có liên quan đến quyền bình đẳng của các thành phần và khu vực kinh tế trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN ở nước ta. Một số vấn đề lý luận cần đặt ra trong nghiên cứu là : Có nên phân định thành phần kinh tế như hiện nay không ? Có thể dùng khái niệm khu vực kinh tế thay cho thành phần kinh tế không ? Quan hệ giữa chế độ sở hữu và thành phần kinh tế trong cơ chế thị trường nên hiểu như thế nào cho đúng ? Theo quan điểm cá nhân, chỉ nên nêu các khu vực kinh tế vào Dự thảo là chuẩn xác về nội dung, phù hợp với tình hình thực tế và sẽ dễ định hướng. Không nên gắn chế độ sở hữu với khu vực kinh tế.

Năm là, giải pháp bao trùm để thực hiện bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong cơ chế thị trường theo định hướng XHCN ở nước ta hiện nay là tạo lập hành lang pháp lý bền vững và thông thoáng, khuyến khích sự phát triển đa dạng của mọi tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", không có sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế. Điều quan trọng là giữ vững định hướng XHCN và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

● ***GS, TS Trần Ngọc Hiên*** *luận giải một cách chặt chẽ rằng nước ta phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN là hợp quy luật.*

1. Vận dụng quy luật "Quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất", nước ta đã chuyển từ hệ thống quan hệ sản xuất chỉ có kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác sang hệ thống nhiều thành phần, tiến tới xây dựng đầy đủ các yếu tố kinh tế thị trường. Sự chuyển biến này làm cho định hướng XHCN về mặt chính trị phát triển thành định hướng gắn kinh tế với chính trị. Chỉ trong kinh tế thị trường định hướng XHCN mới có cơ sở của nó. Điều này được chứng minh từ kinh nghiệm lịch sử : Định hướng XHCN không thể phát triển trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp.

2. Vận dụng quy luật giá trị thặng dư trong kinh tế thị trường định hướng XHCN là vấn đề mới mẻ.

Có hai đặc điểm quan trọng làm cho việc vận dụng quy luật giá trị thặng dư ở nước ta thay đổi, hoàn toàn khác với quy luật giá trị thặng dư trong CNTB :

Digitized by Google

Một là, theo xu thế thời đại kinh tế mới đang ngày càng thay đổi phương thức sản xuất và phương thức phân phối giá trị thặng dư. Trước mắt, sản xuất và phân phối giá trị thặng dư không thể bỏ qua những đòi hỏi cấp bách về mặt xã hội và môi trường, nếu không sẽ chịu tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế. Do đó, khái niệm tăng trưởng và cách xác định mức độ tăng trưởng đang phải thay đổi, không thể theo như các lý thuyết trước đây. Điều này thúc đẩy định hướng mới trong nền kinh tế thị trường.

Hai là, nước ta đề ra mục tiêu đúng đắn là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" chỉ có thể thực hiện trên cơ sở sản xuất và phân phối giá trị thặng dư kiểu mới. Định hướng XHCN sẽ không còn ý nghĩa gì khi nền kinh tế không tạo ra giá trị thặng dư ngày càng nhiều vì những mục tiêu xã hội, văn hóa. Do đó, mỗi doanh nghiệp và nền kinh tế sản xuất giá trị thặng dư có nghĩa là phải đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

3. Kinh tế thị trường định hướng XHCN phải được hiện thực hóa trong cơ cấu nước ta, sao cho sự vận động phát triển của cơ cấu này đáp ứng các mục tiêu giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Hơn nữa, ý nghĩa quan trọng của sự hình thành cơ cấu kinh tế đúng đắn còn biểu hiện ở sự ra đời và phát triển cơ cấu xã hội mới do phân công lao động trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế tạo ra. Sự hình thành cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội mới là một bước tiến lớn trên con đường quá độ lên CNXH, là sự hình thành cơ sở hạ tầng của hệ thống chính trị. Đó là những nhân tố bảo đảm nước ta ổn định trong phát triển.

4. Xây dựng tổ chức và thể chế quản lý kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Kinh tế thị trường định hướng XHCN không tự nó hình thành, mà phải có sự lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước, phù hợp với yêu cầu mỗi nấc thang phát triển.

a. Xây dựng Nhà nước pháp quyền nhân dân. Dựa vào mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế với chính trị, nền kinh tế thị trường cần có Nhà nước pháp quyền. Ở nước ta, kinh tế thị trường định hướng XHCN phải có Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, thực hiện quản lý kinh tế chủ yếu bằng hệ thống pháp luật, phản ánh yêu cầu đường lối của Đảng. Một nhà nước như vậy phải do dân giám sát, thông qua Quốc hội, mới giảm bớt được tệ nạn quan liêu, tham nhũng, sự tha hóa của cán bộ, công chức là những nguy cơ đưa đến phá sản nền kinh tế. Trong bối cảnh hiện nay, muốn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nhất thiết phải bắt đầu từ xây dựng một nhà nước mạnh, có văn hóa.

b. Đổi mới thể chế quản lý kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Thể chế quản lý mới phải được xây dựng và đánh giá từ hiệu quả hoạt động của nhà nước.

- Thể chế quản lý mới phản ánh được nhu cầu phát triển nhanh của lực lượng sản xuất xã hội, sớm tạo điều kiện để nắm bắt kinh tế tri thức. Do đó, khuyến khích mạnh mẽ lực lượng khoa học - công nghệ kết hợp với nhu cầu doanh nghiệp các thành phần, phải có những đột phá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo nhân lực.

- Thể chế quản lý mới kết hợp được quản lý ngành với quản lý địa phương trên phạm vi vùng lãnh thổ, tạo ra hợp lực ngành với địa phương, thúc đẩy vùng kinh tế, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Kết hợp có hiệu lực nội lực với ngoại lực trong xây dựng cơ cấu kinh tế là một nội dung của thể chế quản lý mới. Do đó, chiến lược kinh tế đối ngoại, hội nhập phải trở thành nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường ở nước ta.

- Phải tổ chức lại doanh nghiệp các thành phần (số lượng ngày càng tăng) thành hệ thống kinh tế có khả năng tái sản xuất mở rộng, chứ không phải là con số cộng, phân tán ; trong đó, xác định đúng vai trò quan trọng của kinh tế nhà nước thúc đẩy hình thành hệ thống kinh tế mới.

- Khía cạnh quan trọng của thể chế mới là bảo đảm "dân làm - nhà nước quản lý". Vì vậy, thể chế cần : *Một là,* hướng mạnh vào thực hiện và hoàn thiện "quy chế dân chủ ở cơ sở" ; *Hai là,* tạo điều kiện và phát huy mạnh mẽ tiềm năng các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng, các hiệp hội kinh tế và khoa học - công nghệ, nhằm thúc đẩy nhanh sự hình thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Digitized by Google

● *GS, TS Đỗ Thế Tùng phân tích về mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

1. Phần III của bản Dự thảo Báo cáo Chính trị khẳng định tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, và "nói rõ thêm một số vấn đề" về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bởi vậy phải nghiên cứu cả phần II "Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta" trong Cương lĩnh, nhất là mục 4, mới có thể thấy rõ mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Cho nên, tốt hơn cả là nhắc lại vắn tắt những quan điểm chủ yếu liên quan đến mô hình kinh tế tổng quát nói trên để thuận tiện cho mọi người tìm hiểu vấn đề này ngay trong Báo cáo Chính trị.

2. Xác định "Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nói gọn là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" là hợp lý. Nhưng cần đề phòng cách nói gọn này dễ dẫn đến hiểu lầm là chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh theo định hướng XHCN, chứ không phải nền kinh tế hỗn hợp.

3. Trong Dự thảo lần này không xác định điểm xuất phát, chỉ viết "Con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa". Điều này sẽ khó khăn cho việc xác định nội dung của thời kỳ quá độ. Bởi vì, quá độ lên CNXH từ một nền kinh tế TBCN phát triển, khác với quá độ lên CNXH từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu.

Ở nước ta có thể tiếp thu những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, còn kế thừa thì không đáng kể, vì ở nước ta, kinh tế tư bản chủ nghĩa rất yếu kém. Bởi vậy, nên sửa lại là "nước ta quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nghĩa là chỉ bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, còn về mặt phát triển kinh tế chúng ta phải học tập kinh nghiệm và tiếp thu những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại". Phải khắc phục sai lầm đem đối lập một cách giản đơn CNXH với CNTB, điều mà V.I. Lê-nin đã từng phê phán.

4. Phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên cả 3 mặt sở hữu, quản lý, phân phối. Vấn đề này trong Dự thảo đã trình bày rõ, nhưng nên bỏ từ "hiện đại". Bởi vì, cùng với sự phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, trong mỗi vùng, mỗi ngành vẫn còn phải chuyển biến sản xuất từ thấp lên cao, từ kinh tế tự cung, tự cấp lên sản xuất hàng hóa nhỏ, từ sản xuất hàng hóa nhỏ lên hàng hóa tư nhân, tư bản nhà nước ; từ kinh tế cá thể tiến lên kinh tế tập thể,v.v..

5. Cơ chế kinh tế trong mô hình kinh tế tổng quát ở nước ta là "cơ chế thị trường có sự điều tiết (hay quản lý) của Nhà nước". Vấn đề này, Dự thảo cũng đã phân tích rõ, nhưng không nên viết : "quản lý nền kinh tế theo nguyên tắc kết hợp thị trường với kế hoạch". Trước khi đổi mới, quan niệm sai : "kế hoạch" và "thị trường" là hai yếu tố tách biệt, nên mới chủ trương "kết hợp". Đại hội VIII của Đảng đã nhận thức lại : "Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng và đặc biệt quan trọng trong bình diện vĩ mô. Thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh", nghĩa là phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường mà lập kế hoạch và phải kế hoạch hóa chính quan hệ cung cầu trên thị trường, chứ không phải là "kết hợp" hai yếu tố đó.

6. Mô hình kinh tế tổng quát phải đặt trong xu hướng toàn cầu hóa kinh tế, nên phải gắn thị trường trong nước với thị trường ngoài nước, tranh thủ ngoại lực để phát huy nội lực. Mặc dù phần III Dự thảo lần này không đề cập vấn đề trên nhưng phần IV có ghi "phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững". Đây là vấn đề phải thấm nhuần khi đề cập việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

BAN CHÍNH TRỊ - TRIẾT HỌC

Digitized by Google

NHỮNG Ý KIẾN TÂM HUYẾT, NHỮNG TÌNH CẢM CHÂN THÀNH VỚI ĐẢNG

Sau khi Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) trình Đại hội lần thứ IX của Đảng được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, mọi tầng lớp nhân dân trong cả nước đã bày tỏ sự hưởng ứng nhiệt liệt, đóng góp nhiều ý kiến đầy tâm huyết và trách nhiệm, nhằm góp phần hoàn chỉnh nội dung Báo cáo Chính trị. Trong thời gian qua, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã nhận được nhiều ý kiến, thư từ đóng góp của các tổ chức đảng, của nhiều giáo sư, tiến sĩ, các chuyên gia, các nhà khoa học trên mọi ngành, mọi lĩnh vực ; các cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong cả nước.

Thật xúc động và đáng trân trọng biết bao khi chúng tôi nhận được bản đóng góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo Chính trị dày 22 trang của đồng chí Vũ Huy Xứng, cán bộ cách mạng lão thành 81 tuổi đời, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng (phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh) khi được biết : "Những ý kiến đóng góp vào Dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, tôi đã suy nghĩ từ lâu. Dự tính viết cuối tháng 8 năm 2000. Nhưng chỉ còn một mắt, lại bị viêm rất mờ. Qua hơn 4 tháng mắt bớt mờ, với trách nhiệm và ý chí chiến đấu của người cộng sản, tôi ngày đêm cố viết để kịp gửi vào thời điểm cần". Đồng chí Phan Huy Kính, 73 tuổi (thị trấn Cò Nòi, Mai Sơn, Sơn La), hiện đang bị ốm nặng "phải uống thuốc đến hết đời", nhưng với tâm huyết, trách nhiệm của người đảng viên "được Đảng, quân đội rèn luyện, nên tôi quyết cống hiến đến khi tim tôi ngừng đập" đã gửi thư góp nhiều ý kiến có giá trị. Đồng chí Trần Văn Yên, 88 tuổi, cán bộ lão thành cách mạng, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, nét chữ run run, gửi đến góp nhiều ý kiến cụ thể, thiết thực.

Xác định việc tham gia góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng là một hoạt động có ý nghĩa quan trọng, không chỉ thực hiện nghĩa vụ của người cán bộ, đảng viên, một người công dân mà còn đóng góp trí tuệ vào việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước, tất cả các ý kiến đều thể hiện ý thức trách nhiệm và lòng thiết tha của nhân dân ta với sự nghiệp chung. Do khuôn khổ có hạn, chúng tôi chỉ xin tóm tắt những nội dung chính yếu của các ý kiến.

Nói chung, các ý kiến đồng tình cao với nội dung cơ bản của Dự thảo Báo cáo Chính trị. Nhiều ý kiến đóng góp cụ thể, tỷ mỷ, có chất lượng, không chỉ về nội dung mà cả về phương pháp thể hiện. Hầu hết các ý kiến đều đánh giá : Dự thảo văn kiện được chuẩn bị rất công phu, thể hiện tầm trí tuệ cao, sắc sảo, có sự đổi mới trong cách viết, cách thể hiện (lựa chọn được 10 vấn đề không theo khuôn mẫu) ; tiêu đề của Dự thảo Báo cáo Chính trị đã thể hiện rõ chủ đề của Đại hội ; Dự thảo Báo cáo Chính trị được trình bày khoa học, chặt chẽ, ngắn gọn, dễ tiếp thu, các vấn đề được chọn lọc kỹ, sử dụng từ ngữ chuẩn mực, dễ hiểu. Từng vấn đề của nội dung Dự thảo Báo cáo Chính trị đều nêu rõ quan điểm, đường hướng phát triển, có trọng tâm, trọng điểm khá rõ. Các nhận định, chủ trương, mục tiêu, giải pháp... về cơ bản là đúng, trúng, thể hiện sự công phu, nghiêm túc của Đảng trong nghiên cứu, đánh giá, tổng kết lý luận và thực tiễn cũng như dự báo tình hình, để đề ra giải pháp trong thời gian tới.

Sau đây là những ý kiến đóng góp cho một số phần trong Dự thảo Báo cáo Chính trị.

Digitized by Google

Ở Phần I : **Việt Nam trong thế kỷ XX và triển vọng phát triển trong thế kỷ XXI,** nhiều ý kiến đề nghị khẳng định rõ hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước vừa qua. Trên cơ sở đó khẳng định mạnh mẽ sự lãnh đạo của Đảng là hợp quy luật. Đồng chí Dương Trung Quốc, Tổng thư ký Hội Sử học Việt Nam đề nghị cần bổ sung : Xác lập và phát triển nền dân chủ là đặc trưng lớn nhất của lịch sử Việt Nam thế kỷ XX. Thế kỷ XX đưa nước ta bước vào thời kỳ dân chủ, tư tưởng dân chủ (còn tư tưởng giải phóng dân tộc thời nào cũng có). Lịch sử nước ta đã chứng tỏ khi nào phát huy được dân chủ - một nền dân chủ nhân dân và những thiết chế chính trị hoàn toàn mới thì đất nước phát triển đi lên. Dân chủ gắn với tiến bộ xã hội. Và vì vậy, cần đặt vị trí *"dân chủ"* trước mục tiêu công bằng mới phản ánh đúng đó là yếu tố động lực và quyết định, là nguồn gốc sức mạnh của Đảng, động lực phát triển của dân tộc và thời đại chúng ta.

Về những nguy cơ và thách thức đối với nước ta, một số ý kiến đề nghị viết : tệ quan liêu, tham nhũng còn khá phổ biến và nghiêm trọng chưa có biện pháp để ngăn chặn hoặc giải quyết có hiệu quả. Bạn Hà Quang Minh đề nghị bổ sung cụm từ *"và mất gốc"* vào nguy cơ thứ hai : nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa *và mất gốc*, bởi vì "nguy cơ mất gốc hay nói cụ thể hơn là đánh mất bản sắc Việt Nam đang hiện hình đe dọa sự đi lên của cả dân tộc. Nguy cơ thứ ba và thứ tư là chính xác nhưng cần được nêu cụ thể thêm". Đồng chí Trương Xuân Lệ (phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội), đề nghị bổ sung những nét mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại, nói rõ thêm những âm mưu "diễn biến hòa bình" tinh vi và thâm hiểm của các thế lực thù địch chống phá Đảng ta, chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta do Đảng lãnh đạo. Phân tích cơ hội phát triển đất nước trong thế kỷ XXI, tiến sĩ kinh tế Nguyễn Trọng Hậu đề nghị "cần nhấn mạnh đến cơ hội của thời đại văn minh tin học và kinh tế tri thức mang lại cho Việt Nam khả năng tiếp cận nhanh chóng những thành tựu của khoa học và công nghệ trên thế giới ; cơ hội của quá trình toàn cầu hóa tạo điều kiện cho Việt Nam thu hút nguồn tư bản nước ngoài và thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu".

Một số ý kiến đề nghị Dự thảo Báo cáo Chính trị cần làm rõ hơn nội dung kinh tế tri thức, nhấn mạnh đến thách thức do sự cạnh tranh khốc liệt khi mở cửa nền kinh tế, thực hiện hội nhập với kinh tế thế giới thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Phần II : **Tình hình đất nước 5 năm qua và sau 15 năm đổi mới,** các ý kiến phần lớn đều nhất trí với 5 thành tựu và những yếu kém, khuyết điểm mà Dự thảo đã chỉ ra. Cũng có ý kiến đề nghị sửa chữa và bổ sung một số chỗ. Ví dụ, nhận định : "Một số vấn đề xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết" là chưa "đủ độ" so với thực tế, chưa phản ánh được tình hình là việc giải quyết vấn đề này thiếu hiệu quả. Đồng chí Nguyễn Trọng Hậu đề nghị bổ sung thêm trong phần đánh giá khuyết điểm : "Quá trình đổi mới chậm và chưa đồng bộ, thiếu một chiến lược đổi mới toàn diện với những bước đi và các giải pháp cụ thể". Có ý kiến đề nghị thêm "việc khám và chữa bệnh cho nhân dân, nhất là đồng bào nghèo, còn phiền hà và có nhiều tiêu cực, *chất lượng kém*". Một số ý kiến đề nghị bổ sung "Một bộ phận *không nhỏ* cán bộ, đảng viên *có chức, có quyền* sống buông thả, sa đọa... gây bất bình trong nhân dân" và đưa câu này xuống phần nguyên nhân dẫn đến các yếu kém, khuyết điểm ; đưa ý *"kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm"* thành một mục riêng trong phần đánh giá về yếu kém, khuyết điểm. Về nguyên nhân dẫn đến tham ô, tham nhũng cần bổ sung thêm *"do quản lý nhà nước bằng pháp luật chưa nghiêm túc, chặt chẽ"* ; nhiều ý kiến đề nghị cần làm rõ hơn nguyên nhân. Có ý kiến nhận xét trong Dự thảo Báo cáo Chính trị nêu còn rất chung chung, mới chỉ ra hiện tượng của vấn đề chứ chưa nêu lên được bản chất, căn nguyên của nó : yếu kém, bất cấp là do đâu, biện pháp khắc phục nên như thế nào ? Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm : "công tác cán bộ thực hiện thiếu đồng bộ, chắp vá, thiếu quy hoạch, chưa thực hiện theo Nghị quyết về chiến lược cán bộ,

Digitized by Google

chưa thật sự dựa vào nhân dân để làm công tác cán bộ".

Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hầu hết ý kiến nhất trí với nội dung Dự thảo đã nêu. Xác định nội lực là động lực chủ yếu để phát triển đất nước bằng việc phát huy sức mạnh toàn dân, của đại đoàn kết dân tộc, các thành phần kinh tế và toàn xã hội là hoàn toàn đúng đắn. Song, cần nhấn mạnh và làm rõ hơn nữa tinh thần tự lực, tự cường, cần kiệm, phát huy nội lực là chính, tranh thủ và sử dụng có hiệu quả ngoại lực. Có ý kiến đề nghị cần có sự đánh giá, nhìn nhận lại xem việc *xác định các bước đi lên chủ nghĩa xã hội* của nước ta trong giai đoạn đổi mới vừa qua đã hoàn toàn đúng chưa, đã đạt hiệu quả đến đâu ?

Về *tư tưởng Hồ Chí Minh*, có ý kiến phân tích và đề nghị : chỉ nên trình bày khái quát những đặc trưng của tư tưởng Hồ Chí Minh, không nên đề cập đến những vấn đề cụ thể như trong Dự thảo. Đồng chí Đinh Khánh Vân chi bộ 4, A4 phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội đề nghị nên viết như sau : *Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại ; là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề của cách mạng Việt Nam mà cốt lõi là xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, với nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.* Lại có ý kiến muốn đảo câu một chút, cụ thể là : "Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại".

Về giai cấp và đấu tranh giai cấp, có ý kiến đề nghị nên làm rõ nội dung đấu tranh giai cấp trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là gì ? Phải chăng đó là xác định mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội, là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nó diễn ra trong thực tiễn Việt Nam với nội dung giai cấp và nội dung dân tộc gắn kết với nhau bằng những hình thức mới. Nội dung chủ yếu trong các mối quan hệ giữa các giai cấp và các tầng lớp xã hội là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, nhân dân hạnh phúc. Thư của đồng chí Trần Văn Truyền (Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, Hà Nội) góp ý : Dự thảo báo cáo đã nhận định cơ cấu, nội dung, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi là đúng, nhưng chưa nói rõ được nó thay đổi như thế nào".

Về đường lối kinh tế và chiến lược phát triển.

Đại hội IX của Đảng là Đại hội mở đầu cho thế kỷ XXI cho nên phải khẳng định rõ chiến lược phát triển trong thế kỷ XXI. Phần đầu Dự thảo Báo cáo Chính trị đã nêu được mục tiêu chính trị, còn về chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cần phải xác định rõ là : *phát triển bền vững.*

Về *đường lối kinh tế*, có ý kiến băn khoăn : nền kinh tế đất nước ta còn nhiều yếu kém, chưa đủ mạnh thì liệu có giữ được tự chủ khi hội nhập hay không ? Về mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) Dự thảo đề ra chỉ tiêu giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50% là quá mức, chưa có đủ cơ sở khoa học, thực tiễn và chưa thuyết phục. Về vấn đề "phát triển kinh tế - xã hội nhanh, đồng bộ, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa", nhiều ý kiến đề nghị Đảng quan tâm hơn nữa đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Trong những năm qua, tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp là chưa tương xứng : 73% người lao động làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đóng góp của lĩnh vực này là 30% GDP trong khi

Digitized by Google

đầu tư chỉ là 20%. Đầu tư chưa thỏa đáng cho công tác nghiên cứu ngành nông nghiệp. Cần phải có chính sách đầu tư cho nông nghiệp một cách hợp lý hơn, quan tâm đúng mức hơn cho phát triển kinh tế ở khu vực trung du, miền núi. Đảng, Nhà nước cần đề ra giải pháp đồng bộ về chính sách, cơ chế, dự báo nhu cầu thị trường, hoạch định khu sản xuất nông nghiệp có tính chất hàng hóa lâu dài và bền vững. Cần thiết phải nêu rõ thêm trong văn kiện : có chính sách nhằm giảm thiểu việc nhập khẩu các loại hàng hóa mà nước ta đã sản xuất được, đặc biệt là các loại nông sản ; có cơ chế, chính sách bảo đảm tiêu thụ sản phẩm lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong phần định hướng phát triển các vùng, Dự thảo văn kiện đã có những định hướng về phát triển nông nghiệp đối với các vùng trọng điểm, nhưng xem ra còn chưa cụ thể, rõ ràng, nhất là những giải pháp nhằm kích thích sản xuất nông nghiệp.

Mục *phát triển nền kinh tế nhiều thành phần*, một số ý kiến đề nghị cần sắp xếp các thành phần kinh tế cho hợp lý, lô gíc hơn có thể theo trình tự từ thấp đến cao. Tiến sĩ kinh tế Trần Kim Hào (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) cho rằng Dự thảo Báo cáo Chính trị "chưa nêu được một cách rõ ràng là các thành phần này về bản chất khác nhau ở những điểm gì, phân biệt bằng những tiêu chí nào". Trong phần nói về cải cách trong các doanh nghiệp Nhà nước nên nhấn mạnh về chủ trương thực hiện công tác kiểm toán đối với các công ty lớn, các tổng công ty và tập đoàn kinh tế. Giáo sư Nguyễn Đình Nam (Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội) đề nghị thay cụm từ *kinh tế tập thể* bằng cụm từ *kinh tế hợp tác*. Cũng với cách phân tích như vậy, đồng chí Nguyễn Ngọc Tuân, thành phố Hồ Chí Minh muốn bổ sung và chỉnh sửa : "Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và những thành phần của chúng trong kinh tế có sở hữu hỗn hợp là nền tảng ngày càng vững chắc của nền kinh tế quốc dân".

Trong *chiến lược phát triển kinh tế, xã hội*, phần định hướng cơ chế, chính sách, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các ý kiến phần lớn đều đồng tình với bản Dự thảo Báo cáo Chính trị, nhưng một số ý kiến còn băn khoăn về biện pháp thực hiện, bởi các biện pháp nêu trong Dự thảo còn chung chung, giản đơn nên khó có khả năng thực thi. Có ý kiến đề nghị thêm : tiếp tục đổi mới chính sách xã hội, chính sách bảo vệ môi trường và thực hiện tốt chính sách an toàn vệ sinh lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Đề nghị nêu thêm mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển bền vững.

***Phần V* : Phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và môi trường,** các ý kiến đều nhất trí khẳng định vai trò của giáo dục - đào tạo - động lực quan trọng nhất thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện tiên quyết để phát triển nguồn lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững ; là "cái gốc" bảo đảm mọi thành công và tiến bộ của khoa học - kỹ thuật vào phát triển sản xuất. Nhưng vẫn còn có ý kiến băn khoăn, chủ trương xã hội hóa công tác giáo dục là cần thiết, nhưng phải có sự quản lý của Nhà nước về giáo dục thật thống nhất và chặt chẽ. Hiện nay, có quá nhiều hình thức giáo dục, đào tạo, chương trình, chất lượng giáo dục thiếu thống nhất, kém đồng bộ, không kiểm soát được. Do vậy, cần phải có hành lang pháp lý cho các hình thức giáo dục - đào tạo không chính quy để bảo đảm chất lượng giáo dục - đào tạo của loại hình này. Một số ý kiến nhấn mạnh : tạo điều kiện để mọi người được giáo dục nhằm bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài là đúng đắn, rất cần thiết, nhưng vấn đề đặt ra là nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo ra sao ? Vấn đề đào tạo và sử dụng, nhất là đối với các trí thức người dân tộc thiểu số, đối với vùng sâu, vùng xa, vùng cao cần được khuyến khích, làm rõ hơn. Trong bản đóng góp tâm huyết của mình, đồng chí Vũ Huy Xứng đề nghị "cần thiết phải có phần "giáo dục gia đình, nền giáo dục gia đình" và "phải thành một phần cần thiết trong giáo trình môn Đạo đức trong sách giáo khoa mới". Giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn nhận xét : Dự thảo Báo cáo Chính trị chưa nêu bật được thách thức đối với giáo dục và do đó tư tưởng chiến lược để vượt qua thách thức chưa rõ. Đề nghị bổ sung vào nội dung

Digitized by Google

phương hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo một số vấn đề cụ thể như : "Khơi dậy nội lực tự học, tự nghiên cứu ở người học ; phải đổi mới ngay cách thi vào đại học hiện nay ; phát triển mạnh giáo dục từ xa ; coi trọng khoa học giáo dục, khoa học sư phạm, khoa học quản lý giáo dục, đồng thời phải nhận rõ tác động qua lại giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác ; đưa công tác tập dượt nghiên cứu khoa học vào nhà trường phổ thông và xây dựng thành cơ cấu đại học - phổ thông - cuộc sống ; đổi mới cách đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, đổi mới phương pháp dạy nghề, đổi mới cách làm về giáo dục miền núi". Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm ý "Chăm lo phát triển giáo dục mầm non" ; đề nghị sửa cụm từ "phổ cập giáo dục trung học phổ thông" thành "phổ cập giáo dục trung học". Về một số giải pháp cụ thể, có ý kiến đề nghị cần đặt việc tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng không chỉ trong các trường phổ thông, đại học mà còn ở các trường dạy nghề ; coi trọng phương pháp luận duy vật biện chứng trong việc dạy và học ở các trường đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề.

Về vấn đề *môi trường*, các ý kiến đều cho rằng bản Dự thảo có nêu trong tiêu đề nhưng trong thể hiện đã *"quên"* không đề cập đến. Cụ thể là cả đoạn này không thấy một chữ nào về môi trường (tất nhiên là trong bản Dự thảo có nêu nhưng lại ở đoạn khác, mục khác và chưa đủ "độ" cần thiết). Trong khi đó thực trạng hiện nay, môi trường đang bị ô nhiễm, tàn phá nghiêm trọng, trở thành một vấn đề rất bức xúc ở nhiều nơi, tác hại hết sức nặng nề. Vì vậy, các ý kiến đều đề nghị *cần thiết phải có một mục riêng*, trong đó đề cập kỹ hơn về việc bảo vệ môi trường sống, môi trường lao động và môi trường sinh thái. Bảo vệ môi trường phải được coi là một vấn đề cấp bách trong điều kiện nước ta hiện nay.

***Phần VIII :* Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân.** Nhiều ý kiến đều đồng tình với Dự thảo. Tuy nhiên, các ý kiến đề nghị trong Báo cáo Chính trị không chỉ dừng ở nguyên tắc chung mà cần cụ thể hơn. Đề nghị cần nhấn mạnh, đề cao hơn nữa vai trò, vị trí của đoàn thể, ngành, lĩnh vực mà mình (nơi công tác, ngành công tác) tham gia. Có ý kiến cho rằng, mục giai cấp công nhân thể hiện như trong Dự thảo là chưa tương xứng với vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xã hội chủ nghĩa. Phần nói về hai đoàn thể thanh niên và phụ nữ quá ít và còn chung chung. Đề nghị Đảng cần có sự quan tâm, tăng cường hơn nữa việc đầu tư cho hoạt động đoàn thể và cán bộ đoàn thể. Các thiết chế xã hội, các chế tài và kèm theo đó là việc định hướng giá trị (bao gồm cả giá trị vật chất và tinh thần), bảo đảm cho các giai tầng, các đoàn thể hoạt động một cách có hiệu quả thiết thực, đồng thời yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, cần được quyết định sao cho phù hợp với thực tế.

Đồng chí Nông Quốc Chấn - nguyên Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin đề nghị Dự thảo cần phải ghi rõ : "Vấn đề dân tộc ở nước ta vẫn mang tính chiến lược trong thế kỷ XXI" ; bổ sung cụm từ các *dân tộc cùng phát triển* bên cạnh nguyên tắc : "bình đẳng, đoàn kết, tương trợ..." ; các dân tộc thiểu số cần được giúp đỡ cụ thể, thiết thực hơn nữa các yêu cầu (dân trí, tinh thần làm chủ, kế hoạch làm ăn...) cả về trước mắt và mục tiêu phát triển lâu dài. Thư của bạn Mã Điền Cư đề nghị bổ sung thêm ý : chống mọi biểu hiện tư tưởng dân tộc lớn, kỳ thị và chia rẽ dân tộc, quan điểm "khắc phục tâm lý tự ti, mặc cảm dân tộc".

Một số ý kiến đề nghị Dự thảo Báo cáo Chính trị cần có những định hướng, giải pháp cụ thể hơn trong giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo. Cần có chính sách thực hiện bình đẳng dân tộc cả về mặt *kinh tế*, chứ không chỉ là những vấn đề xã hội có tính nguyên tắc chung chung. Phải đặt đúng vấn đề dân tộc trong giai đoạn mới theo kịp nhiệm vụ chính trị. Phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc thiểu số phải dựa trên cơ sở dân tộc bản địa. Một số quy định của luật pháp ban hành (nhất là các văn bản dưới luật) cần thiết phải dựa trên cơ sở xã hội của các dân tộc. Bởi vì thực tế hiện nay, một số luật pháp ban hành chưa đến được với đồng bào dân tộc vì những quy định đó đặt ra chưa dựa trên cơ sở xã hội phong tục, tập quán,

Digitized by Google

thói quen của nhiều dân tộc thiểu số. Về tôn giáo, cần xác định đúng mức hơn vai trò tôn giáo trong phát triển bền vững đất nước, phát huy tinh thần nhân bản của tôn giáo.

***Phần IX :* Đẩy mạnh cải cách và hoàn thiện nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế,** các ý kiến phần lớn đều đồng tình với Dự thảo, nhất trí cho rằng Dự thảo Báo cáo Chính trị lần này đã thể hiện quyết tâm ngăn chặn đẩy lùi một thứ "quốc nạn" khi đưa vấn đề đấu tranh chống tham nhũng thành một trong 5 nhiệm vụ quan trọng của phần này. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng phần đánh giá về nạn tham nhũng còn mờ nhạt, chưa nêu được mức độ nghiêm trọng, cũng như chưa đề ra được những cơ chế và biện pháp thật kiên quyết, triệt để chống nạn tham nhũng có hiệu quả. Phó giáo sư, tiến sĩ Lê Trọng đề nghị nhấn mạnh hơn nữa về tác hại của quốc nạn tham nhũng : trong bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo cho đến nay, quốc nạn tham nhũng chẳng những là một nguy cơ mà chính là nguyên nhân số một của các nguy cơ. Đồng thời kiến nghị một số giải pháp chống tham nhũng như : về mặt tổ chức đề nghị vận dụng Sắc lệnh 64/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 23-11-1945 để thành lập Ban thanh tra đặc biệt và Tòa án đặc biệt lên trên chính quyền ; cần thi hành nghiêm chỉnh điều 14 của Pháp lệnh chống tham nhũng. Đồng chí Dương Văn Dật (8A, Ngô Quyền, Hà Nội) đề nghị bổ sung : Các cấp ủy và người đứng đầu các cấp các ngành từ trung ương đến cơ sở phải chịu trách nhiệm chống tham nhũng ở những nơi mình phụ trách... Khi xảy ra tham nhũng, lãng phí, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm của vụ, việc mà xem xét hình thức kỷ luật đối với cấp ủy và người đứng đầu về chế độ trách nhiệm. Nhiều ý kiến đề nghị, phải nói rõ đấu tranh chống tham nhũng là vấn đề của toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt phải thật sự dựa vào dân, vì có xác định rõ bản chất, đặc thù vấn đề, xác định rõ đối tượng, phát động được phong trào của quần chúng thì mới đề ra được biện pháp hữu hiệu. Đa số ý kiến đề nghị : thêm từ *triệt để* (xử lý kiên quyết, *triệt để*...) trong xử lý những hành vi tham nhũng của bất kể ai, ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào. Ngoài đấu tranh chống tham nhũng nên thêm mục *đấu tranh chống lãng phí, quan liêu, thực hiện tiết kiệm.*

Về *vấn đề dân chủ,* một số ý kiến chỉ rõ, việc thực hiện dân chủ vẫn là khâu yếu, dẫn đến việc thực hiện kém hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Trong xử lý các sai phạm, Đảng, Nhà nước còn hữu khuynh nên nhiều vụ việc tiêu cực nghiêm trọng hoặc tình trạng bè phái, kèn cựa địa vị dẫn đến mất đoàn kết nội bộ nhưng không được xử lý triệt để, làm giảm sút ý chí chiến đấu của tổ chức đảng. Để thực hiện dân chủ, thật sự phát huy dân chủ, một số ý kiến đề nghị cần nhấn mạnh hơn việc tuyên truyền, giải thích, nâng cao nhận thức về dân chủ đúng đắn cho nhân dân. Dân chủ phải được nhìn nhận như là một động lực phát triển của xã hội, chứ không chỉ đơn thuần được xem như mục tiêu hướng tới. Dân chủ không thể thực hiện được bằng lòng mong muốn, mà phải có cơ chế, biện pháp, bảo đảm khả năng thực hiện.

Có ý kiến đề nghị nên cân nhắc xem nên dùng "xây dựng Nhà nước *pháp quyền xã hội chủ nghĩa*" hay dùng "xây dựng Nhà nước *pháp quyền của dân, do dân, vì dân*", đồng thời đề nghị cần cân nhắc, phân tích, xác định rõ ràng nội dung khái niệm trước khi đưa vào văn bản, nghị quyết. Có như vậy mới dễ hiểu, dễ thực hiện. Có ý kiến đề nghị : "Cần bổ sung thêm mục cải tiến thể chế quản lý hành chính với nội dung tách bạch giữa công chức hành chính nhà nước với viên chức làm ở doanh nghiệp nhà nước".

***Phần X :* Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng,** là phần được nhiều người quan tâm và có nhiều ý kiến đóng góp. Đa số ý kiến cho rằng : Để xây dựng Đảng vững mạnh, vấn đề đoàn kết, thống nhất, thông suốt về quan điểm, chủ trương, đường lối trong toàn Đảng là vấn đề cần đặc biệt quan tâm trong công tác xây dựng Đảng hiện nay. Công tác kiểm tra, thực hiện tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng phải được tiến hành thường xuyên và thay đổi phương pháp kiểm tra. Về nguyên nhân yếu kém, khuyết điểm của công tác xây dựng Đảng, có ý kiến bổ sung thêm :

Digitized by Google

dân chủ trong Đảng còn có tình trạng hình thức, kém hiệu quả. Đảng cần phải thẳng thắn nhìn vào thực tế hiện nay trong Đảng vừa có tình trạng dân chủ hình thức, vừa dân chủ cực đoan, vừa lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng ; hiện tượng cục bộ, bản vị đang là vấn đề nổi lên rất đáng quan tâm. Để khắc phục có hiệu quả những khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng, nhiều ý kiến đề nghị : tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, cần làm tốt hơn nữa công tác tổ chức, cán bộ. Đảng muốn làm tốt công tác cán bộ phải có những cán bộ làm công tác tổ chức có tri thức và phải công tâm. Sử dụng vũ khí tự phê bình và phê bình một cách hiệu quả, thiết thực. Báo cáo Chính trị cũng cần làm rõ, đề ra giải pháp trong việc đấu tranh khắc phục tư tưởng cơ hội của không ít cán bộ, đảng viên trong Đảng hiện nay.

Thư góp ý của đồng chí Phùng Khắc Tuyển, 50 tuổi Đảng, cán bộ hưu trí ở xã Bình Nghi, Tây Sơn, Bình Định, đề nghị thêm nội dung : nâng cao chất lượng đảng viên và cấp ủy là nhân tố quyết định nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Một số ý kiến đề nghị Đảng cần tăng cường củng cố về mặt tổ chức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các đơn vị kinh tế quốc doanh. Phải có cơ chế để bảo đảm cho tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế quốc doanh hoạt động có hiệu quả, tránh hoạt động hình thức hoặc bị vô hiệu hóa. Có cơ chế, quy định để đưa cán bộ làm công tác đảng chuyên trách về các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp liên doanh cũng như doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, để vai trò, vị trí của Đảng trở nên sâu rộng hơn, nắm được quần chúng, là chỗ dựa cho quần chúng, làm cho dân tin Đảng hơn, các nghị quyết của Đảng sẽ được thực hiện tốt hơn. Một số ý kiến nêu lên nỗi niềm băn khoăn : các nhà doanh nghiệp tư nhân đem vốn liếng, kỹ thuật, trình độ quản lý để sản xuất, kinh doanh theo pháp luật, làm giàu cho bản thân họ và cho đất nước, có bị coi là người thuộc giai cấp bóc lột không, có được kết nạp vào Đảng Cộng sản không ? Đây cũng là vấn đề được nhiều người quan tâm, chờ câu giải đáp, rất mong được Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng xem xét, quyết định.

Đa số ý kiến đề nghị trong công tác xây dựng Đảng cần tập trung viết sâu và rõ hơn về việc chống tham nhũng ; xây dựng tinh thần đoàn kết, thống nhất trong Đảng từ trên xuống. Một số ý kiến đề nghị đưa vấn đề phát triển đảng viên mới, nhất là từ đoàn viên nữ, là người các dân tộc thiểu số, ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Một số ý kiến đề nghị, ngoài ba vấn đề như trong Dự thảo Báo cáo Chính trị đã đề cập, nên thêm một vấn đề nữa là : *"Tăng cường công tác kiểm tra trong hoạt động của hệ thống Đảng"*. Đề nghị bổ sung, đánh giá, phân tích rõ những tồn tại để làm rõ vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Đảng. Bởi vì "đã lãnh đạo thì phải kiểm tra, không kiểm tra coi như không lãnh đạo". Nhiều ý kiến nêu cảm nhận Dự thảo còn lẫn lộn hoặc dùng chưa đúng chỗ các cụm từ kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát. Do vậy, để cho chuẩn xác cần xem xét lại khi nào chỉ dùng chữ kiểm tra, khi nào chỉ dùng chữ thanh tra, khi nào dùng chữ giám sát, khi nào cùng cả 3 cụm từ này để khi quán triệt, thực thi nghị quyết đỡ lúng túng, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ hoặc tạo ra kẽ hở. Có ý kiến đề nghị công tác xây dựng Đảng phải được đặt trong tổng thể thống nhất, đồng bộ, tiếp tục coi đây là nhiệm vụ "then chốt".

Trên đây là tổng hợp những nội dung rất chủ yếu những ý kiến đóng góp vào Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng mà Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã nhận được. Còn nhiều chi tiết và những nội dung đóng góp cụ thể khác chúng tôi không thể nêu lên hết được. Điều rất đáng ghi nhận, trân trọng và vô cùng quý báu là tấm lòng, tình cảm, ý thức trách nhiệm, niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Có thể gọi đó là những ý kiến tâm huyết, những tình cảm chân thành của cán bộ đảng viên và nhân dân ta đối với Đảng Cộng sản Việt Nam. ❑

BAN XÂY DỰNG ĐẢNG

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG, NHÀ LÃNH ĐẠO CÓ UY TÍN LỚN CỦA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN TA

LÊ HỮU NGHĨA *

ĐỒNG chí Phạm Văn Đồng đã đi vào thế giới người hiền với một nhân cách lớn và toàn diện. Trong Điếu văn do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Phạm Văn Đồng, có đoạn viết : Đồng chí là *"người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại ; người cộng sản kiên cường, mẫu mực ; nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta ; người con rất mực trung thành, suốt đời chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân ; người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế ; nhà văn hóa lớn của dân tộc".*

Chín mươi tư tuổi đời, bảy mươi lăm năm hoạt động cách mạng sôi nổi và liên tục, đồng chí Phạm Văn Đồng đã hiến dâng trọn cuộc đời mình cho Đảng, cho cách mạng. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng và dân tộc, gắn liền với những sự kiện quan trọng của đất nước. Đảng ta đã khẳng định công lao to lớn của đồng chí : *"Suốt 41 năm là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 35 năm là Ủy viên Bộ Chính trị, 32 năm là Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng là nhà lý luận chính trị và văn hóa xuất sắc, giàu kinh nghiệm thực tiễn, có tầm nhìn chiến lược, tư duy luôn năng động, tình cảm luôn chan hòa với nhân dân, nhạy cảm, thấu hiểu được những nguyện vọng của đồng bào. Nhờ vậy, đồng chí có nhiều đóng góp to lớn trong việc hoạch định, làm thấu suốt và chỉ đạo thực hiện đường lối của cách mạng Việt Nam suốt 7 thập kỷ qua".*

Từ tuổi thanh niên với những ước mơ lớn, đồng chí đã dấn thân vào các phong trào học sinh yêu nước. Ngay khi còn đang học ở Trường Quốc học Huế, đồng chí đã có dịp tiếp xúc với sách báo cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chuyển về trong nước. Khâm phục tinh thần yêu nước, dũng cảm của Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Phạm Văn Đồng đã có những hoạt động yêu nước từ rất sớm. Trong những năm 1925, 1926, khi học tại trường Bưởi (nay là Trường PTTH Chu Văn An - Hà Nội), đồng chí đã tham gia phong trào bãi khóa, đấu tranh đòi thực dân Pháp ân xá cụ Phan Bội Châu, để tang cụ Phan Chu Trinh. Do những hoạt động yêu nước đó, đồng chí đã bị đuổi học.

Được cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên giác ngộ, kết nạp vào tổ chức, đồng chí Phạm Văn Đồng đã xuất dương và tham dự lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ ở Quảng Châu (Trung Quốc) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp tổ chức. Qua hoạt động cách mạng và qua lớp huấn luyện này, từ một thanh niên yêu nước, đồng chí Phạm Văn Đồng đã trở thành một chiến sĩ cách mạng chân chính, chiến đấu vì sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là những sự kiện lịch sử, là căn cứ khoa học để khẳng định : *đồng chí Phạm Văn Đồng là một trong những người thuộc lớp cán bộ tiền bối của cách mạng Việt Nam, người học trò xuất sắc, gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

Cuối năm 1927, đồng chí Phạm Văn Đồng được tổ chức phái về nước, hoạt động ở Nam Kỳ. Tại đây, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình xây dựng các tổ chức cách mạng ở Sài Gòn -

* GS, TS, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Chợ Lớn và vùng phụ cận. Tháng 7 năm 1929, đồng chí bị thực dân Pháp bắt, bị kết án 10 năm tù và bị đày đi Côn Đảo. Tháng 7 năm 1936, đồng chí Phạm Văn Đồng được trả tự do. Sau đó ít lâu, đồng chí ra Hà Nội hoạt động công khai, xây dựng mối quan hệ thân thiết với các trí thức yêu nước ở Trường tư thục Thăng Long, bắt liên lạc với các cán bộ, đảng viên cộng sản đang hoạt động hợp pháp trong nhóm *Tin tức* ở Hà Nội.

Trong mười lăm năm hoạt động (1926 - 1940), khi bị bắt, bị giam cầm tại ngục tù Côn Đảo cũng như lúc hoạt động hợp pháp, công khai trong thời kỳ Mặt trận dân chủ 1936 - 1939, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn luôn tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, mang hết nhiệt tình, tài năng và trí tuệ của mình để cống hiến cho cách mạng.

Tháng 5-1940, đồng chí Phạm Văn Đồng được Đảng cử sang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc và liên lạc được với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đầu năm 1942, trở về Cao Bằng hoạt động, đồng chí là người có nhiều công lao trong quá trình tổ chức Mặt trận Việt Minh, phụ trách báo *Việt Nam độc lập*, xây dựng căn cứ địa Việt Bắc, chuẩn bị lực lượng tiến tới Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến đến tháng 1-1949, đồng chí Phạm Văn Đồng là Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung bộ, được bổ sung làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tại Nam Trung bộ, đồng chí đã có những cống hiến và sáng tạo trong việc xây dựng vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú ; xây dựng, củng cố căn cứ địa kháng chiến, thực hiện khẩu hiệu *Tự lực cánh sinh*, chuẩn bị thực lực cho cuộc trường kỳ kháng chiến và chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng chí còn chỉ đạo việc thành lập và trực tiếp giảng dạy tại Trường trung học Bình dân - cả dân sự và quân sự. Chính từ mái trường này, nhiều cán bộ, học viên đã trưởng thành ; có nhiều đồng chí sau này được cử vào những cương vị lãnh đạo quan trọng của Đảng và Nhà nước ta.

Đầu năm 1949, đồng chí Phạm Văn Đồng được điều động trở lại công tác tại Việt Bắc, được bổ sung làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng ; sau đó làm Phó Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (năm 1951), đồng chí được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng ; được Trung ương Đảng bầu vào Bộ Chính trị và đảm nhận trọng trách này liên tục từ năm 1951 đến năm 1986. Từ năm 1955 đến năm 1987, đồng chí được Đảng và Nhà nước giao trọng trách Thủ tướng Chính phủ. Đồng chí còn kiêm nhiệm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương Đảng trong những năm 1954 - 1955. Thời gian từ năm 1986 đến năm 1997, đồng chí là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin : *Vấn đề cơ bản của cách mạng là vấn đề chính quyền*, trong nhiều năm với tư cách là người đứng đầu cơ quan hành pháp, đồng chí Phạm Văn Đồng rất quan tâm tới công tác củng cố bộ máy chính quyền nhà nước. Đồng chí đã xác định : "Việc tăng cường nhà nước dân chủ nhân dân là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa". Theo đồng chí, mở rộng dân chủ chính là nhân tố để "nhân dân thêm giác ngộ, thêm tích cực tham gia vào hoạt động chính trị của Nhà nước, tự tay mình thực sự nắm lấy vận mệnh của mình, giải quyết mọi việc thuộc về đời sống của mình, từ việc lớn, việc của toàn quốc, toàn dân, đến việc của địa phương, của một xã".

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn nhấn mạnh : "Nguyên tắc tổ chức của Nhà nước chúng ta là nguyên tắc tập trung dân chủ. Dân chủ và tập trung là hai mặt không thể thiếu và phải mật thiết liên quan với nhau, kết hợp chặt chẽ với nhau của tổ chức Nhà nước chúng ta". Đồng chí cho rằng, trong công việc điều hành và quản lý bộ máy nhà nước, nếu chỉ mở rộng dân chủ mà không có tập trung "sẽ nhất định đưa đến vô chính phủ, vô kỷ luật, vô trách nhiệm". Đồng chí coi việc đề cao ý thức tổ chức, kỷ luật, chế độ trách nhiệm, tăng cường pháp chế... là những biện pháp nhằm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng ta là đảng cầm quyền, lãnh đạo chính quyền, vì vậy, đồng chí Phạm Văn Đồng thường yêu cầu cán bộ chính quyền các cấp phải "quan niệm cho đúng quan hệ lãnh đạo của Đảng với Nhà nước". Đồng chí khẳng định : "Chỉ có tăng cường quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thì chúng ta mới tăng cường được tác dụng to lớn của

Digitized by Google

Nhà nước trong thời kỳ quá độ, trong việc xây dựng xã hội mới, đời sống mới, do đó mà nêu cao địa vị và uy tín của Nhà nước". Mấy chục năm là người đứng đầu Chính phủ và hệ thống hành pháp, đồng chí *luôn trăn trở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, xây dựng tiền đề, tạo lập và phát triển một chính quyền của dân, do dân, vì dân, xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa phù hợp với bản sắc của dân tộc Việt Nam.*

Là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta, đồng chí Phạm Văn Đồng rất quan tâm tới vấn đề bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng, thực hiện sự gắn bó giữa Đảng với dân. Theo đồng chí, sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp xây dựng cái mới, cái văn minh và cái mới, cái văn minh phải chiến thắng cái cũ, cái lạc hậu. Đồng chí chỉ rõ : "Sự nghiệp ấy có thể ví như người làm vườn, vừa vun xới cho cây, cho hoa, vừa phải nhổ cỏ trừ sâu. Và nhổ cỏ phải nhổ tận gốc, diệt sâu phải diệt từ trứng. Có như thế hoa mới càng đẹp, quả mới càng ngon".

Trong việc lãnh đạo kinh tế, đồng chí Phạm Văn Đồng rất nghiêm khắc đòi hỏi ở bản thân và mọi người phải làm việc thật sự có hiệu quả, có năng suất, chất lượng ; phải thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí. Ngay từ những năm lãnh đạo việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), đồng chí Phạm Văn Đồng luôn kêu gọi mọi người, các ngành, các cấp phải sử dụng tiết kiệm mọi nguồn vốn để xây dựng đất nước. Theo đồng chí, sử dụng tốt phải đi đôi với quản lý tốt. Đồng chí nói : "Muốn quản lý tốt, cần quy định rõ ràng chính sách, chế độ, thể lệ, định mức về các việc điều động, phân phối và sử dụng tiền bạc, máy móc, đất đai, vật tư và nhân lực cho mọi ngành, mọi cấp, mọi địa phương ; phải coi đó là kỷ luật của Nhà nước, ai làm sai là có lỗi, người phụ trách phải thường xuyên kiểm tra và xử lý kịp thời, đúng mức những vụ sai trái". Những năm 1976 - 1985, lãnh đạo xây dựng kinh tế trên phạm vi cả nước, đồng chí tiếp tục khẳng định những vấn đề trọng yếu, cấp thiết ở tầm vĩ mô nhằm thực hiện tốt các kế hoạch của Nhà nước. Đồng chí lưu ý : "Trong hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, các chính sách kinh tế có tác dụng rất lớn, vừa bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước, vừa bảo đảm thúc đẩy quản lý kinh doanh theo chế độ hạch toán kinh tế". Đồng chí cho rằng, trong cơ chế quản lý phải luôn thể hiện tính năng động ; có khả năng xóa bỏ sự tập trung quan liêu, tính bảo thủ, trì trệ và sự bao cấp tràn lan.

Nghiêm khắc trước những thiếu sót trong quản lý kinh tế, xã hội, với tư cách là Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng thường tâm niệm : "Tôi cần nhấn mạnh với các đồng chí và đồng bào những yếu kém và thiếu sót của các cơ quan có thẩm quyền trong công việc quản lý nền kinh tế quốc dân. Nói như vậy, chính là chúng tôi tự phê bình trước các đồng chí và đồng bào về trách nhiệm của mình. Đồng thời, đòi hỏi mọi người chúng ta phải tự phê bình về tình trạng vô trách nhiệm, vô kỷ luật, làm việc không có hiệu quả". Đồng chí rất tâm đắc với lời dạy của Lê-nin : "Đối với một công việc tầm thường nhất của Nhà nước cũng cần phải được xử lý một cách có văn hóa". Ý thức trách nhiệm và quan điểm chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng trong vấn đề này là bài học không bao giờ cũ đối với chúng ta hiện nay.

Đồng chí Phạm Văn Đồng là một nhà văn hóa lớn của dân tộc. Điều đó đã được khẳng định chắc chắn. Bởi vì, đồng chí là người *"luôn luôn quan tâm sâu sắc đến văn hóa và liên tục sáng tạo văn hóa, nhấn mạnh văn hóa là đổi mới, đổi mới là văn hóa, luôn luôn coi trọng phát huy vai trò động lực của văn hóa đối với kinh tế và xã hội, có ý tưởng sáng tạo chỉ đạo của các mặt hoạt động văn hóa, đối thoại, thân tình và giúp đỡ thiết thực các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ, bản thân mình có nhiều tác phẩm văn hóa nổi tiếng với một văn phong trong sáng mẫu mực".* Đồng chí là người rất sâu sát, chí tình với giới trí thức, văn nghệ sĩ. Từ những công việc khoa học như *"giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt"* ; *"phương châm hoạt động, sáng tác"* đến cuộc sống đời thường của anh chị em văn nghệ sĩ đều được đồng chí quan tâm tìm hiểu và chỉ đạo một cách cặn kẽ, sâu sắc. Phương châm hành động mà đồng chí nêu lên cho các nhà văn hóa là *"hiểu biết, khám phá và sáng tạo"*. Khẳng định vị trí quan trọng của văn học - nghệ thuật trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, đồng chí yêu cầu người làm văn học nghệ thuật *"phải sống với*

Digitized by Google

cuộc chiến đấu, sống với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, nghĩa là sống với cái hiện thực vĩ đại nhất của nhân dân ta, đồng thời cũng là hiện thực vĩ đại của nhân dân thế giới". Gắn bó ý Đảng với lòng dân, đồng chí đòi hỏi văn nghệ sĩ phải *"thấm nhuần những tư tưởng lớn của Đảng, đường lối chính trị của Đảng, vì những tư tưởng lớn đó, đường lối lớn đó là thể hiện ý chí lớn, nguyện vọng lớn của dân tộc".* Đồng chí Phạm Văn Đồng là người biết động viên, khen ngợi, đồng thời đòi hỏi rất cao ở văn nghệ sĩ : "Các nhà văn và các nhà hoạt động nghệ thuật hãy vững bước đi trên con đường của Đảng và của dân tộc, cống hiến hết mình vào sự nghiệp của nhân dân, lớn lên trong phong trào cách mạng, cả đội ngũ lớn lên và từng người lớn lên về hiểu biết cách mạng xã hội chủ nghĩa, về tư tưởng và tâm hồn, về tầm nhìn và tài năng, về phong cách, lớn lên cùng một nhịp với cách mạng xã hội chủ nghĩa và con người Việt Nam ta".

Là người đứng đầu Chính phủ trong nhiều năm, là Chủ tịch Ủy ban cải cách giáo dục trung ương, đồng chí Phạm Văn Đồng luôn luôn trăn trở, quan tâm sâu sắc tới sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Quán triệt sâu sắc quan điểm giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đào tạo con người *"vừa hồng, vừa chuyên"*, đồng chí Phạm Văn Đồng yêu cầu ngành giáo dục phải phấn đấu thực hiện phương châm giáo dục toàn diện, có *đức dục* và *trí dục*. Để đạt được mục tiêu giáo dục trên đây, người học trò xuất sắc của Hồ Chí Minh yêu cầu "mỗi thầy giáo, cô giáo phải trả lời cho được các câu hỏi : Dạy cái gì ? Dạy để làm gì ? Nhà trường phải coi trọng giáo dục toàn diện cho học sinh, cả đức dục, trí dục, thể dục và mỹ dục. Phải làm và làm tốt giáo dục đạo đức cách mạng. Phải xây dựng trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò, dạy ra dạy, học ra học".

Trong những năm 1997 - 1999, tuy tuổi cao, sức yếu, nhưng đồng chí Phạm Văn Đồng vẫn dành tâm huyết cho ngành giáo dục. Di sản mà đồng chí để lại cho ngành giáo dục là to lớn, tiêu biểu là cuốn sách : ***Giáo dục - quốc sách hàng đầu - tương lai dân tộc.*** Trong ấn phẩm này, đồng chí tin tưởng gửi gắm vào thế hệ trẻ : "Các bạn hãy học tập để thành người và để làm người góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xứng đáng với cha anh, sánh vai cùng bạn bè trên thế giới".

Là một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng không những đã tự mình học tập, rèn luyện theo tấm gương, đạo đức cách mạng của Bác, không chỉ suốt đời hy sinh, phấn đấu cho Đảng và dân tộc mà còn có những đóng góp to lớn trong việc giới thiệu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Tác phẩm ***"Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc"***, được viết từ tháng 8 năm 1948, là tác phẩm xuất sắc đầu tiên, mở đầu cho việc nghiên cứu có hệ thống về Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người. Trong những năm cuối của cuộc đời, đồng chí vẫn miệt mài, say mê nghiên cứu, làm việc và đã xuất bản những tác phẩm lớn về tư tưởng Hồ Chí Minh, tiêu biểu là : ***"Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp" ; "Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại, tương lai" ; "Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh"*** v.v... Những tác phẩm này thể hiện tình cảm, niềm tin sâu sắc của đồng chí đối với con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc Việt Nam đã lựa chọn. Đó cũng là những công trình khoa học, những *"cuốn sách giáo khoa"* quý đối với công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một bộ môn khoa học, góp phần quan trọng vào công tác giáo dục chính trị, lý luận của Đảng ta hiện nay.

Trên lĩnh vực đối ngoại, đồng chí Phạm Văn Đồng *"là một nhà ngoại giao tài năng, có uy tín trên thế giới, nhìn xa thấy rộng, tinh tế và linh hoạt, kiên cường và mềm dẻo, ứng xử nhanh nhạy, sáng tạo, luôn luôn thể hiện lập trường chính trị sáng suốt trước thời cuộc và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh".* Đồng chí Phạm Văn Đồng, từ rất sớm đã là người cán bộ ngoại giao cách mạng Việt Nam. Năm 1927, đồng chí đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên giao phụ trách công tác đối ngoại. Trong thời gian cuối năm 1940 đầu năm 1941, đồng chí được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ cùng với đồng chí Võ Nguyên Giáp hoạt động ở Trung Quốc để giữ mối quan hệ không chỉ với Đảng Cộng sản Trung Quốc mà cả với nhà đương cục Quốc dân đảng Trung Hoa ở Hoa Nam.

(Xem tiếp trang 30)

Digitized by Google

THANH TRA NHÀ NƯỚC 15 NĂM ĐỔI MỚI

TẠ HỮU THANH *

Tháng 11 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu ký Sắc lệnh thành lập "Ban Thanh tra đặc biệt", tiền thân của Thanh tra Nhà nước Việt Nam ngày nay. Hơn nửa thế kỷ qua Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước đã luôn luôn quan tâm đến xây dựng, lãnh đạo và tổ chức hoạt động của Thanh tra Nhà nước Việt Nam. Bác đã dạy : "Thanh tra là tai mắt của trên, là người bạn của dưới", "cán bộ thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được". Đảng và Nhà nước ta trong nhiều nghị quyết và văn bản pháp luật đã xác định : "Thanh tra là công cụ thiết yếu của quản lý nhà nước, là phương thức bảo đảm nền dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa...". Điều đó đã trở thành tư tưởng, quan điểm xuyên suốt về công tác thanh tra và tổ chức hoạt động của ngành.

Từ Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đến nay, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, tổ chức và hoạt động của thanh tra đã có bước chuyển biến mới, tập trung phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp về thực hiện chính sách pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước. Với chức năng thiết yếu của quản lý nhà nước, các tổ chức thanh tra có vai trò quan trọng, góp phần to lớn vào việc thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới toàn diện của Đảng. Công tác thanh tra đã luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, hướng trọng tâm phục vụ đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và tăng cường quản lý kinh tế xã hội. Nhiều cuộc thanh tra được tổ chức phục vụ yêu cầu quản lý vĩ mô và sự điều hành của Chính phủ, cũng như của các ngành, các địa phương. Tiêu biểu là các cuộc thanh tra toàn diện trên quy mô cả nước về đầu tư cho nông nghiệp, phát triển nông thôn, miền núi ; một số lĩnh vực công nghiệp, công tác quản lý xây dựng cơ bản, xuất nhập khẩu, hoạt động tài chính, ngân hàng và thực hiện một số chính sách xã hội.

Mấy năm gần đây, tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân tăng, có nơi gay gắt ; chủ yếu khiếu tố các cấp chính quyền địa phương về việc cấp đất, bán đất trái thẩm quyền ; huy động nhiều khoản đóng góp của nhân dân ; việc quản lý, sử dụng thiếu công khai, chặt chẽ, lãng phí ; một số cán bộ có biểu hiện tham nhũng, tiêu cực... tạo nên sự bất bình phản ứng khá gay gắt trong một bộ phận nhân dân. Ngoài ra khiếu kiện, tranh chấp đất đai trong nội bộ nhân dân, khiếu kiện một số lĩnh vực xã hội, lĩnh vực tư pháp cũng gia tăng. Công tác thanh tra đứng trước những yêu cầu mới, các tổ chức thanh tra đã bám sát tình hình, đề ra các nhiệm vụ và biện pháp thích hợp, kịp thời, gắn nhiệm vụ công tác thanh tra với nhiệm vụ giải quyết khiếu kiện của nhân dân. Công tác thanh tra đã tập trung giải quyết khiếu kiện của nhân dân, trên quy mô gần 4 000 xã trong cả nước, tập trung vào các nội dung : quản lý sử dụng đất đai, huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân, ngân sách xã, phường, xây dựng cơ bản v.v.. Vì vậy, đã góp phần giải quyết được nhiều "điểm nóng" ở nông thôn, từng bước chấn chỉnh quản lý, xử lý các sai phạm, xây dựng chính quyền, xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Hằng năm, các tổ chức Thanh tra Nhà nước đã tiến hành hàng ngàn cuộc thanh tra, giải quyết hàng ngàn vụ việc khiếu kiện ; qua đó đã phát hiện các sai phạm để xử lý, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn các sai phạm mới, chống tham nhũng, tiêu cực, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước và hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý.

Quán triệt quan điểm của Đảng, Nhà nước và yêu cầu đổi mới công tác, ngành đã cải cách một

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng thanh tra Nhà nước

Digitized by Google

bước thủ tục hành chính trong công tác thanh tra, giải quyết công việc với công dân, với doanh nghiệp. Thanh tra Nhà nước đã quan tâm nhiều đến công tác xây dựng các văn bản pháp luật nhằm hoàn thiện thể chế và quy phạm pháp luật về thanh tra ; xét giải quyết khiếu tố như : ban hành Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo, Pháp lệnh Thanh tra, Pháp lệnh chống tham nhũng ; năm 1998, Quốc hội thông qua Luật khiếu nại, tố cáo ; Chính phủ ban hành các nghị định hướng dẫn thực hiện. Thanh tra Nhà nước ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về nghiệp vụ, về tiêu chuẩn hóa, quản lý đội ngũ cán bộ... Các văn bản pháp luật trên đây đang là hành lang pháp lý phục vụ cho công cuộc đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của ngành.

Công tác xây dựng tổ chức và đào tạo cán bộ được chú trọng hơn, tạo sự chuyển biến rõ rệt, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị. Bởi lẽ các mặt chính trị, đạo đức lối sống và chuyên môn nghiệp vụ là nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định đến kết quả công tác của ngành. Điều đó ở mỗi thời kỳ lại có bước phát triển mới cả về lượng và chất đòi hỏi không ngừng phát triển.

Mặt khác, Thanh tra Nhà nước đã mở rộng quan hệ đối ngoại với thanh tra một số nước và tổ chức thanh tra quốc tế, nhằm trao đổi, học tập kinh nghiệm về các lĩnh vực thanh tra, chống tham nhũng, giải quyết khiếu kiện, nghiệp vụ chuyên môn để ngày càng hoàn thiện và nâng cao công tác lý luận, nghiệp vụ công tác thanh tra Nhà nước ta.

Mười lăm năm qua, tổ chức và hoạt động thanh tra đã có bước phát triển mới. Hệ thống Thanh tra Nhà nước bao gồm ở cả ngành và cấp, từ trung ương đến cấp quận, huyện, cùng với mạng lưới thanh tra nhân dân ở cấp cơ sở, đã khẳng định sự lớn mạnh không ngừng. Công tác thanh tra từ chỗ chủ yếu thanh tra giải quyết các vụ việc xét khiếu tố, đến phát triển thanh tra chấp hành chính sách, pháp luật, kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng ; thanh tra chống tham nhũng, giải quyết khiếu tố. Phạm vi thanh tra từ những vụ việc cụ thể đến các cuộc thanh tra trên diện rộng, với quy mô cả nước cùng tiến hành theo một nội dung, yêu cầu và thời gian thống nhất. Gắn công tác thanh tra với giải quyết khiếu kiện ở cơ sở để ổn định tình hình, bảo đảm cho công tác quản lý điều hành vĩ mô của Chính phủ, của các ngành, các cấp có hiệu quả, hiệu lực. Qua đó thể hiện yêu cầu khách quan, tính tất yếu sự phát triển của ngành với sự phát triển chung của đất nước.

Những kết quả mà ngành thanh tra đạt được trong những năm qua là nhờ sự quan tâm lãnh đạo của Đảng. Tư tưởng của Bác Hồ, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác thanh tra là ánh sáng dẫn đường cho ngành đi tới bước phát triển như ngày nay. Bên cạnh đó, ngành thanh tra còn được sự giúp đỡ, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp, các đoàn thể và sự giúp đỡ của nhân dân ; sự đóng góp rất quan trọng công sức của các thế hệ cán bộ, công chức ngành thanh tra, tạo nên những truyền thống vẻ vang của ngành, thể hiện bản lĩnh chính trị, năng lực công tác và luôn được sự tin cậy của nhân dân.

Tuy nhiên, nhìn lại chặng đường ở thời kỳ đổi mới, bên cạnh những thành tích đã đạt được, ngành thanh tra còn không ít khuyết điểm, yếu kém, nhất là mặt quản lý nhà nước. Quan điểm "xây và chống" qua công tác thanh tra còn những biểu hiện nặng mặt này, nhẹ mặt khác. Vì vậy, hiệu lực và hiệu quả của công tác này còn bị hạn chế, tác dụng của công tác thanh tra đối với phòng ngừa vi phạm chưa nhiều. Công tác thanh tra, kiểm tra của các ngành quản lý nhà nước với công tác thanh tra nhà nước ở doanh nghiệp mặc dù đã được khắc phục nhiều nhưng có nơi, có lúc còn chồng chéo, gây phiền hà cho đơn vị. Trình độ, năng lực cán bộ chưa đồng đều, nhìn chung còn thấp so với yêu cầu và nhiệm vụ của ngành. Một số cán bộ (tuy không nhiều) có biểu hiện tiêu cực, nhũng nhiễu đã làm giảm danh dự, uy tín ngành thanh tra. Mấy năm gần đây, tình hình khiếu kiện xuất hiện nhiều nơi, công tác xét khiếu tố lại càng khẩn trương và quan trọng, nhưng hoạt động thanh tra chưa làm cho các cấp, các ngành thực sự làm tốt công tác này. Bác Hồ dạy : "Đồng bào có oan ức mới khiếu nại, hoặc chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại, ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào thấy rõ Đảng, Chính phủ quan tâm, lo lắng đến quyền lợi của họ, do đó mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng, Chính phủ ngày càng được củng cố hơn".

*

* *

Digitized by Google

Nhìn lại chặng đường 15 năm thực hiện đổi mới của ngành, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm bước đầu :

1- Công tác thanh tra là một đòi hỏi khách quan nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Về mặt lý luận và thực tiễn, thanh tra là một hoạt động không thể thiếu được của công tác lãnh đạo, quản lý làm cho đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước được thực thi đúng đắn, có hiệu quả. Quan điểm này xuyên suốt từ Sắc lệnh thành lập Ban Thanh tra đặc biệt, sau đó nhiều nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước qua các thời kỳ đều xác định : công tác thanh tra có tác dụng quan trọng trực tiếp đối với việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, là phương thức bảo đảm dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2- Để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, người làm công tác thanh tra phải được đào tạo và luôn thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với trách nhiệm là "tai mắt của trên", cán bộ thanh tra phải giúp lãnh đạo thấy rõ được tình hình chấp hành của dưới ra sao, đồng thời *"kiểm tra sự đúng đắn của bản thân sự lãnh đạo, của bản thân các chủ trương, chính sách đó"*. Là "người bạn của dưới", phải giúp cho cấp dưới thấy rõ đúng, sai trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, giúp người được thanh tra đề ra được biện pháp sửa chữa sai lầm, khuyết điểm.

Như vậy, thanh tra trước hết là nhằm ngăn ngừa, không để xảy ra thiếu sót, sai phạm ; cái đã xảy ra phải kịp thời phát hiện để chấn chỉnh và xử lý, luôn lấy phương châm coi trọng cả hai mặt "xây và chống".

3- Người lãnh đạo, người quản lý thanh tra phải tổ chức tốt, chỉ đạo sâu sát công tác thanh tra trong ngành, trong lĩnh vực hoặc địa phương được phân công. Có như vậy, thanh tra mới là nhiệm vụ của bản thân người lãnh đạo và của từng cấp, từng ngành. Đối với nhiệm vụ thanh tra, bên cạnh tiến hành các cuộc thanh tra cụ thể có tác động trực tiếp đến các đối tượng thanh tra, ngành thanh tra rất coi trọng thực hiện các cuộc thanh tra chuyên sâu, diện rộng. Kết quả thu được từ các cuộc thanh tra đó có tác dụng phục vụ kịp thời, có hiệu quả cho sự chỉ đạo, điều hành trên phạm vi cả nước cũng như từng ngành, từng địa phương.

Kinh nghiệm cho thấy kết quả thanh tra chỉ có thể đạt được hiệu quả cao khi đề ra được nội dung, nhiệm vụ, kịp thời có các biện pháp và phương thức tiến hành tốt. Nhất là các cuộc thanh tra diện rộng phải đề ra nội dung cụ thể, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các tổ chức và cán bộ thanh tra. Chỉ đạo phải tập trung thống nhất và có tổng kết, rút ra những vấn đề cơ bản để kiến nghị xử lý và chấn chỉnh sau thanh tra.

4- Công tác thanh tra phải được thể chế hóa bằng luật pháp phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ của từng thời kỳ, khẳng định thanh tra là nhiệm vụ thiết yếu của lãnh đạo và quản lý, tầm quan trọng đó phải được quy định thành nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của thanh tra, nhất là trong xử lý.

Sắc lệnh thành lập Ban Thanh tra đặc biệt đã nói rõ nhiệm vụ là "giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ". Tư tưởng đó thể hiện nhiệm vụ giám sát luôn gắn liền và không thể tách rời nhiệm vụ thanh tra.

5- Thực hiện chỉ đạo và điều hành công tác thanh tra phải coi trọng cả hai nhiệm vụ công tác là thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo ; kết hợp chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền cùng cấp bảo đảm tính khách quan, công minh và nguyên tắc chỉ tuân theo pháp luật của thanh tra được quy định trong các nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước. Kết hợp chặt chẽ hoạt động của Thanh tra Nhà nước, các cấp, các ngành với hoạt động của thanh tra nhân dân. Thanh tra nhân dân là đại diện cho nhân dân có mặt ở khắp mọi nơi giám sát hoạt động của cơ quan, đơn vị và cơ sở, nắm chắc tình hình, giám sát và thanh tra kịp thời thể hiện quyền dân chủ và phương thức giám sát của nhân dân đối với Nhà nước.

Năm 2001 có vị trí rất quan trọng, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tạo ra bước phát triển mới để thực hiện kế hoạch 5 năm và chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội.

Vì vậy, công tác Thanh tra Nhà nước cần tập trung một số nhiệm vụ chính sau đây :

Một là, tổ chức thực hiện tốt chương trình công tác, nâng cao tính hiệu quả trong phòng ngừa sai phạm, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm chính sách, pháp luật của các đối tượng thanh tra ; đấu tranh chống các biểu hiện quan liêu,

Digitized by Google

tham nhũng trong bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức. Trong công tác thanh tra gắn chặt hai mặt xây và chống, làm tốt các mặt đó để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, phục vụ ngày càng tốt hơn cho quản lý nhà nước.

Hai là, cùng với tiến trình đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước để đổi mới công tác giải quyết khiếu kiện của nhân dân, làm cho công tác này chuyển biến mạnh mẽ, đạt hiệu quả cao hơn, thực hiện yêu cầu và nhiệm vụ Chính phủ đề ra là : thắt chặt kỷ luật hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm và năng lực chuyên môn của cán bộ nói chung và cấp cơ sở nói riêng. Trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, kỷ luật ngay các cán bộ vi phạm các quy định hoặc giải quyết không đúng pháp luật để xảy ra tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp ; nâng cao năng lực và trách nhiệm của các cơ quan giải quyết, kết hợp chặt chẽ phương thức tài phán hành chính và phương thức tài phán tòa án hành chính, dân sự để từng bước chuyển dần việc xử lý tranh chấp, khiếu kiện dân sự, hành chính sang tòa án theo trình tự tố tụng tư pháp ; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, công khai các quy định của Nhà nước... làm tốt tất cả các mặt đó để "giải quyết một bước cơ bản về khiếu nại, tố cáo của công dân, giữ vững ổn định xã hội".

Ba là, công tác xây dựng tổ chức, bộ máy và chăm lo đào tạo cán bộ cần được tăng cường và đổi mới theo hướng cải cách hành chính, kết hợp chặt chẽ giữa công tác thanh tra chuyên ngành với Thanh tra Nhà nước, giữa cơ quan hành chính với các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan kiểm tra đảng để các cấp lãnh đạo sử dụng kịp thời, có hiệu quả kết quả kiểm tra, thanh tra vào việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước, hạn chế tới mức tối đa sự chồng chéo, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản xuất kinh doanh và tăng cường kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực. Cải cách thủ tục hành chính, chống quan liêu, cửa quyền, những nhiễu trong đội ngũ cán bộ thanh tra, làm trong sạch bộ máy, thực hiện giảm biên chế ; rà soát, điều chỉnh, sắp xếp tinh gọn, khoa học bộ máy, chăm lo hơn nữa việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, làm cho tổ chức thanh tra đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ trong giai đoạn mới.❑

ĐỒNG CHÍ...

(Tiếp theo trang 26)

Đồng chí Phạm Văn Đồng đã là Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam tham dự nhiều hội nghị quốc tế, giải quyết những vấn đề không chỉ của Việt Nam mà còn liên quan đến nhiều nước, đến nhiều phong trào ở khu vực và quốc tế. Đó là : Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) năm 1946, Hội nghị Giơ-ne-vơ, năm 1954, Hội nghị Băng-đung, năm 1955 và nhiều hội nghị cấp cao của Phong trào không liên kết v.v...

Trong những năm lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng chí Phạm Văn Đồng là một trong những nhân vật chủ chốt tham gia vào việc hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đứng vững trên lập trường mác xít chân chính, hoạt động ngoại giao của đồng chí đều vì mục tiêu : *Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giữ vững độc lập, chủ quyền dân tộc, vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.*

Những hoạt động và cống hiến trên lĩnh vực ngoại giao của đồng chí Phạm Văn Đồng thể hiện sinh động tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Vì vậy, đồng chí luôn được bạn bè quốc tế tin yêu, kính trọng và khẳng định Phạm Văn Đồng *"là một trong những nhân vật xuất sắc và có ảnh hưởng lớn nhất ở Việt Nam trong thế kỷ XX, nhờ những khả năng siêu phàm về ngoại giao cũng như uy tín, ảnh hưởng to lớn ở trong nước".*

Chín mươi tư tuổi đời - bảy mươi lăm năm hoạt động cách mạng liên tục, đồng chí Phạm Văn Đồng với cái tên trìu mến **"Anh Tô"**, đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Tưởng nhớ đồng chí Phạm Văn Đồng, chúng ta càng ghi nhớ công lao, cống hiến của đồng chí, càng thêm quyết tâm vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn - con đường mà đồng chí Phạm Văn Đồng đã suốt đời phục vụ, phấn đấu, hy sinh. ❑

Digitized by Google

NẮM VỮNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

BÙI XUÂN SƠN *

THỰC tiễn của 15 năm tiến hành công cuộc đổi mới cho thấy quan điểm của Đảng về giải phóng mọi tiềm năng của lực lượng sản xuất đã tạo ra những động lực to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Đường lối kinh tế, các chính sách và giải pháp đúng đắn đã nâng cao năng lực sản xuất, phát huy cao độ nội lực của dân tộc, tạo điều kiện và môi trường cho mọi người dân, mọi thành phần kinh tế ra sức làm ăn, phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu cho mình và cho đất nước ; đồng thời cũng tranh thủ, tận dụng được mọi nguồn lực bên ngoài. Những năm qua, đường lối, cơ chế, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề đất đai là đúng đắn và sáng tạo. Việc giao đất ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân đã giải quyết được vấn đề lương thực và dành một phần đáng kể để xuất khẩu. Các nguồn thu từ đất như giao đất có thu tiền, cho thuê đất, thuế chuyển quyền, thuế sử dụng đất... đã tạo ra một nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước. Tuy vậy, thực tiễn trong quản lý đất đai cho thấy, khi Nhà nước thay đổi về cơ chế quản lý kinh tế thì việc quản lý đất đai cũng phải có một cơ chế mới phù hợp.

Vai trò của Nhà nước về quản lý đất đai trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện kinh tế bao cấp, các mối quan hệ về sử dụng đất đai chưa thực sự gắn với kết quả sản xuất, hiệu quả sử dụng đất và lợi ích cụ thể của người sử dụng nên đã gây ra hiện tượng sử dụng đất đai một cách kém hiệu quả, thậm chí tùy tiện. Sau khi chuyển đổi cơ chế kinh tế, do chú trọng gắn chặt lợi ích với trách nhiệm của người sử dụng đất, cho nên đất đai được sử dụng ngày càng có hiệu quả hơn.

Đất đai là một *tư liệu sản xuất đặc biệt*, là phương tiện để phát triển sản xuất liên quan mật thiết đến các hoạt động kinh tế - xã hội và liên quan đến quy hoạch tổng thể chung của cả nền kinh tế. Do đó, vấn đề quyền sở hữu phải được nghiên cứu hết sức khoa học để có chủ trương và những quyết định đúng đắn. Không thể quan niệm người chủ sử dụng đất có quyền chiếm dụng, quyền sử dụng và quyền định đoạt đất đai như một tư liệu sản xuất và hàng hóa thông thường.

Vai trò của Nhà nước trong quản lý đất đai là một yêu cầu cần thiết để điều hòa mối quan hệ giữa chủ thể quản lý là Nhà nước và các đối tượng sử dụng đất. Cần thấy rằng trong quản lý đất đai, vai trò của Nhà nước là hết sức quan trọng. Thông qua các quy định của pháp luật và các chính sách cụ thể, Nhà nước tạo hành lang pháp lý cho kinh tế phát triển, đồng thời gắn liền với bảo vệ chủ quyền quốc gia. Trong điều kiện nền kinh tế "mở" tiến đến toàn cầu hóa, Nhà nước phải bảo đảm một cơ chế quản lý chặt chẽ và phải trao cho người chủ sử dụng đất được hưởng lợi ích tối đa từ việc khai thác tiềm năng đất đai, nhất là trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường.

* TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính

Digitized by Google

Trong nền kinh tế thị trường, quy luật giá trị điều tiết sản xuất, tiêu dùng. Giá trị, giá trị sử dụng của hàng hóa, lợi ích thể hiện cụ thể thông qua thị trường. Trước đây, do quan niệm đất đai không phải là hàng hóa nên không có thị trường đất đai. Nó chỉ là "tư liệu sản xuất đặc biệt". Trong nền kinh tế thị trường, thông qua việc con người sử dụng, trao đổi, đất đai đã trở thành loại "hàng hóa đặc biệt", thị trường đất đai hình thành và phát triển. Người sử dụng đất trong kinh tế thị trường đã có ý thức về giá trị của đất đai, coi nó là hàng hóa và đem trao đổi trên thị trường khi cần. Do đất đai là "hàng hóa đặc biệt" nên trong kinh tế thị trường, đất đai lại càng phải có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước để không phá vỡ quy hoạch chung của nền kinh tế và tránh sự phá vỡ quyền chủ đạo sở hữu của Nhà nước, bảo đảm giữ vững trật tự xã hội và an ninh quốc gia. Chính vì thế, quyền sở hữu về đất đai trong điều kiện kinh tế thị trường không chỉ đơn thuần có ý nghĩa pháp lý mà còn có quan hệ tác động qua lại giữa chủ thể sở hữu với các đối tượng sử dụng đất, trong đó Nhà nước nắm quyền chỉ đạo tuyệt đối. Đây là mối quan hệ biện chứng trong quá trình sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và để người sử dụng đất phát huy lợi ích tối đa. Từ luận điểm này cho nên luật pháp của chúng ta đã khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân và giao quyền sử dụng tối đa cho người sử dụng theo quy định của pháp luật. Quy định đó làm cho mọi người thật sự coi đất đai là một tài sản quý, coi trọng việc bảo vệ, sử dụng đất đai một cách có hiệu quả. Quy định đó cũng làm rõ quyền lợi và trách nhiệm của người sử dụng đất cụ thể (hay gọi là quyền sở hữu tương đối) thông qua lợi ích kinh tế. Sự đa dạng về hình thức sở hữu là thích ứng với yêu cầu của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay.

Muốn quản lý thị trường đất đai trong điều kiện đất đai thuộc sở hữu toàn dân và phát huy lợi ích tối đa của người sử dụng đất thì Nhà nước phải làm tốt các khâu : điều tra cơ bản, nắm chắc quỹ đất đai, các đối tượng sử dụng đất, xây dựng một hệ thống pháp luật đất đai hoàn chỉnh, một bộ máy quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả và có đủ khả năng quản lý thị trường nhằm phát huy mọi khả năng của đất đai để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Đây chính là đòi hỏi quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Không nên vì những mặt tiêu cực, thiếu sót trong quản lý hiện nay mà không thừa nhận có thị trường đất đai.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gắn liền với thực hiện phát triển kinh tế của đất nước.

Để phục vụ cho lợi ích chung của đất nước và của cộng đồng, Nhà nước phải nắm chắc quy hoạch sử dụng đất. Mặt khác, Nhà nước cũng phải có chính sách để phát huy quyền của người sử dụng đất, mà không ảnh hưởng đến lợi ích chung của cộng đồng và của quốc gia.

Theo quy định của Luật Đất đai, đất đai được chia làm 6 loại (... trừ đất chưa sử dụng còn lại 5 loại đất) thì đã giao cho người sử dụng với những hình thức khác nhau với các thời hạn phù hợp. Luật cho phép người sử dụng đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp, tùy theo loại đất và đối tượng. Dưới tác động của kinh tế thị trường, người sử dụng đất bao giờ cũng tìm ra phương thức khai thác đất đai có hiệu quả nhất. Việc tìm ra một giải pháp cho việc khai thác đất có hiệu quả phải theo quy định của pháp luật, nhưng cũng có trường hợp bất chấp cả pháp luật. Có những trường hợp họ lấn chiếm đất công đem sử dụng, chuyển nhượng kiếm lời bất chính. Vì thế, vai trò của Nhà nước trong việc quản lý, kết hợp hài hòa các biện pháp để điều hòa các lợi ích đó là rất quan trọng.

Bên cạnh đó, việc quản lý, sử dụng đất đai phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, không chỉ trong hiện tại mà cả trong tương lai theo kế hoạch từng thời kỳ. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý, Nhà nước phải gắn quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Điều này bảo đảm được nhiều lợi ích một cách lâu dài của Nhà nước và người sử dụng đất. *Thứ nhất*, Nhà nước sẽ chủ động trong việc lập quy hoạch phát triển các khu kinh tế, các khu công nghiệp, khu chế

Digitized by Google

xuất, mở rộng đô thị... *Thứ hai*, với người dân, khi biết được quy hoạch thì họ sẽ tính toán trong đầu tư, trong xây dựng một cách có hiệu quả nhất.

Trong mấy năm qua, bước đầu chúng ta đã tiến hành được quy hoạch sử dụng đất ở các địa phương. Tuy nhiên, các quy hoạch này còn nặng về hình thức pháp lý hơn là nội dung. Do vậy khi triển khai đã có một số hạn chế.

Để bảo đảm thực hiện tốt trong tương lai, Nhà nước cần chỉ đạo sâu sát hơn nữa việc quy hoạch sử dụng đất đai. Quy hoạch sử dụng đất đai phải gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và được thực hiện một cách đầy đủ, nghiêm túc. Đây là một biện pháp quan trọng để giữ vững vai trò chủ đạo của Nhà nước với tư cách vừa là chủ sở hữu, vừa là chủ thể quản lý đất đai. Thực tế thị trường đất đai đã tồn tại trong ý thức mọi người và là một thực tế khách quan không thể phủ nhận.

Khi chúng ta thừa nhận có thị trường đất đai thì chúng ta mới xây dựng được luật pháp quản lý đất đai phù hợp với thực tiễn đang đặt ra ; đồng thời mới đề ra được những biện pháp quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên này, thu nguồn tài chính cho Nhà nước, thông qua đây tạo nguồn thu từ đất xây dựng các công trình phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao giá trị của từng mảnh đất.

Chủ động xây dựng và quản lý tốt thị trường bất động sản.

Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã nêu rõ phải : "tổ chức quản lý tốt thị trường bất động sản". Trong Bộ Luật Dân sự cũng đã quy định : "đất đai là một yếu tố bất động sản". Dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng cũng nêu rõ phải đặc biệt quan tâm thị trường bất động sản. Như vậy, chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta về đất đai là thống nhất và nhất quán. Tuy vậy, trong thực tiễn triển khai vấn đề này vẫn còn có những ý kiến khác nhau về giải quyết quan hệ giữa đất đai thuộc sở hữu toàn dân, đất đai có phải là hàng hóa hay không và đất đai tham gia thị trường bất động sản với tư cách như thế nào ? Mặt khác, các quy định cụ thể của pháp luật đối với vấn đề này còn chưa rõ, không cụ thể, do vậy dẫn tới việc quản lý lỏng lẻo nguồn tài nguyên đất đai. Việc buông lỏng quản lý thị trường, để thị trường "ngầm" phát triển vừa làm mất đất, mất tiền và sự công bằng trong xã hội không được thực hiện tốt. Ở đây sự vận dụng, nghiên cứu đường lối của Đảng làm chưa tốt. Việc điều tiết địa tô chênh lệch siêu lợi nhuận chưa khoa học. Vấn đề địa tô chênh lệch siêu lợi nhuận đang diễn ra ở các khu dân cư, đô thị và khu công nghiệp khá lớn, nhưng chưa được quản lý và có chính sách điều tiết phù hợp. Ví dụ : Một ngôi nhà gắn liền với đất có diện tích 60m^2 trị giá 500 triệu đồng, khi thực hiện chuyển nhượng phải nộp thuế 4% thì thu được 20 triệu đồng, trong khi đó 1 ha đất nông nghiệp phải nộp thuế 1 năm từ 700 - 800 000 đồng thì hơn 20 năm sau mới bằng một ngôi nhà thực hiện thuế chuyển quyền một lần. Rõ ràng đây là một nguồn thu lớn của Nhà nước mà chúng ta lại bỏ qua trong khi đó lại tranh luận nhiều về quyền sở hữu này thuộc về ai và chưa thừa nhận có thị trường đất đai.

Với tình hình hoạt động sôi động của kinh tế thị trường và sự hòa nhập đan xen vào nhau của các thành phần kinh tế thì hình thức đa sở hữu trong kinh tế nổi rõ. Về đất đai, điều chủ yếu trong quản lý là phải phân biệt rõ quyền năng của Nhà nước và trách nhiệm của người sử dụng đất đai như Luật Đất đai 1993 đã thể hiện. Tuy nhiên, cần phát triển, bổ sung, cụ thể hóa nội dung các thuật ngữ "thị trường đất đai", "thị trường bất động sản" và đất đai là "hàng hóa đặc biệt" làm cơ sở cho quản lý có hiệu quả.

Vấn đề chúng ta cần quan tâm để giải quyết trong thực tiễn là khi đã coi đất đai là một tư liệu sản xuất đặc biệt, là yếu tố quan trọng của phát triển sản xuất, thì quan hệ sản xuất phải được xây dựng, phát triển, hoàn thiện để giải phóng mọi tiềm năng của đất đai, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Gắn quản lý, sử dụng đất đai với bảo vệ môi trường và vấn đề xã hội.

Vấn đề rất lớn đặt ra trong quản lý đất đai khi

Digitized by Google

đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước mắt là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là sử dụng đất đai, các tài nguyên thiên nhiên từ lòng đất có hiệu quả và phải bảo vệ môi trường. Đây là vấn đề có tính thách thức toàn cầu lại ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi quốc gia, từng con người. Mọi hoạt động của con người hiện đang làm biến đổi mạnh mẽ môi trường. Vấn đề ô nhiễm đất, lạm dụng hoặc tác động phụ của sử dụng chất hóa học, việc xử lý không đúng kỹ thuật các chất thải công nghiệp, xác sinh vật, động vật... làm giảm năng suất và chất lượng cây trồng, hủy diệt sự sống một số sinh vật, đe dọa sức khỏe con người. Kế đó là ô nhiễm không khí do sử dụng các chế phẩm từ dầu mỏ và sự vận hành các phương tiện vận tải. Những ô nhiễm phóng xạ, bức xạ và nhịp độ công nghiệp hóa tăng nhanh cùng quá trình đô thị hóa cũng làm cho môi trường sinh thái mất cân bằng. Nguồn nước sạch đang ngày càng khan hiếm, các tài nguyên thiên nhiên cũng đang trong quá trình cạn kiệt. Đặc biệt là tài nguyên biển bị khai thác tùy tiện và rừng bị thu hẹp gắn với quá trình gia tăng đất bị sa mạc hóa. Sự mất cân bằng sinh thái cũng dẫn đến biến động khí hậu và làm tăng các thiên tai dồn dập và gây hậu quả thiệt hại to lớn v.v... Tất cả những thách thức về môi trường ấy đòi hỏi chúng ta phải khai thác và giữ gìn biển, đảo, phát huy hết tiềm năng của đồng ruộng, đồi rừng, vùng núi và chăm sóc rừng, đồng thời bảo vệ toàn diện môi trường sống. Đó là sự bảo đảm hạnh phúc lâu dài cho các thế hệ.

Xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh để quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên đất đai.

Trong quản lý kinh tế - xã hội, luật pháp luôn luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu. Nó bảo đảm cho kinh tế phát triển và chính trị - xã hội được ổn định. Đặc biệt, đối với nước ta khi chuyển sang nền kinh tế thị trường và hội nhập với thế giới thì pháp luật thực sự là một yếu tố không thể thiếu được và có thể coi đó như cái "cầu nối" giữa nước ta với các nước trên thế giới. Trong điều kiện và hoàn cảnh đó, quản lý sử dụng đất đai cũng không nằm ngoài quy định chung.

Đất đai nước ta đã qua nhiều giai đoạn lịch sử. Ở mỗi giai đoạn, đất đai gắn với những nhu cầu, mục đích riêng. Có thể nói mỗi mảnh đất đã minh chứng rất nhiều chính sách, chủ trương, pháp luật tác động đến nó. Vì vậy, vấn đề đất đai vốn đã phức tạp, nay càng phức tạp hơn. Để bảo đảm quản lý tốt quỹ đất đai và có cơ sở để giải quyết các vấn đề nêu trên, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật đất đai có ý nghĩa quyết định. Những vấn đề cơ bản, then chốt cần được quy định một cách đầy đủ và cụ thể nhằm tạo ra một hành lang pháp lý để quản lý và khai thác đất đai có hiệu quả cao.

Đồng thời với việc xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, chúng ta phải củng cố, nâng cao hơn nữa hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước về đất đai. Bộ máy này phải được nghiên cứu xây dựng, kiện toàn từ trung ương đến cơ sở phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới. Quản lý đất đai không còn đơn thuần là vấn đề hành chính mệnh lệnh, mà nó đã mang đầy đủ yếu tố của kinh tế thị trường, giá cả. Vì vậy, khi xây dựng mô hình quản lý, xây dựng chính sách, Nhà nước phải nghiên cứu, tính toán tới các yếu tố nêu trên. Có nhìn nhận, đánh giá và thấy hết được các yếu tố này, chúng ta mới nâng cao được năng lực quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai ngày một hiệu quả hơn. Cần nắm vững quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đất đai trên cơ sở tổng kết thực tiễn đổi mới, dự báo những vấn đề nảy sinh trong thời gian tới về thị trường đất đai, bất động sản để có các giải pháp tháo gỡ cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại, để khai thác và quản lý tốt tiềm năng đất đai, Nhà nước phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, bộ máy, tổ chức, đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ và phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng để tạo ra một hành lang pháp lý phù hợp nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ĐẢNG - MỘT KHOA HỌC CÁCH MẠNG

VĂN TẠO *

NÓI chung "cách mạng là khoa học" cho nên công tác cách mạng nào cũng mang tính khoa học. Đấu tranh quân sự là một khoa học. Xây dựng kinh tế là một khoa học..., điều đó ai cũng rõ. Nhưng công tác dân vận thì ít ai coi đó là một khoa học. Có người định nghĩa : "công tác dân vận là thuật vận động quần chúng" tức đó chỉ là một phương pháp hay nếu hiểu một cách có tính định lượng nữa thì, đó là một "nghệ thuật" trong công tác vận động quần chúng...

Điều đó đúng nhưng chưa đủ, thậm chí chưa nói lên được cái cơ bản, cái cốt lõi của ***công tác dân vận của Đảng***. Nói "của Đảng" ở đây để phân biệt với cách vận động quần chúng của các giai cấp, tổ chức quần chúng khác. Chỉ có công tác dân vận của Đảng mới có lý luận Mác - Lê-nin soi đường và mới là một công tác khoa học, bởi vì bản thân nó là một bộ phận của khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đặt câu hỏi : *Dân vận là gì ?*

Và Người đã định nghĩa rõ ràng, dễ hiểu :

"Dân vận là vận động tất cả lực lượng của *mỗi một người dân* không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho" (1).

Nhiệm vụ dân vận như vậy thật lớn lao. Dân vận thực sự là một công tác khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo Đảng và Chính phủ tiến hành công tác này một cách thành công.

Nay đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã lấy bài ***"Dân vận"*** của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết ngày 15-10-1949 để toàn Đảng học tập, thực hiện tư tưởng dân vận của Người trong giai đoạn mới.

Đứng trên phương diện khoa học xã hội mà xét thì kết cấu khoa học của công tác dân vận của Đảng bao gồm : ***Thực tiễn luận và mâu thuẫn luận*** của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; ***tư tưởng dân vận*** của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

I - "Thực tiễn luận" của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Không như một số triết học, tôn giáo coi Thượng đế tạo ra con người, đồng thời cũng làm ra lịch sử. Sự thăng trầm của cuộc sống con người, sự tiến lên hay lùi xuống của lịch sử đều do Thượng đế chi phối, tạo dựng... Còn chủ nghĩa duy vật lịch sử coi con người là một sinh vật cao cấp, không ngừng phát triển cả về lượng lẫn về chất trong không gian và thời gian. Quá trình tác động qua lại giữa con người với thiên nhiên để duy trì và phát triển cuộc sống, để xây dựng và phát triển xã hội, con người đã ***"làm nên lịch sử"***.

Trong lịch sử phát triển xã hội loài người, vai trò chủ động của con người ngày càng tăng. Những con người kiệt xuất, những lãnh tụ cách mạng, những chính đảng cách mạng... ngày càng có vai trò quyết định đối với sự phát triển của lịch sử. Nhưng không vì thế mà vai trò của đại chúng nhân dân bị mờ nhạt. Trái lại, bằng cách kết hợp một cách hài hòa giữa những lãnh tụ với đại chúng, vai trò của đại chúng nhân dân ngày

* GS sử học, Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 698

Digitized by Google

càng tăng lên. Một mối *quan hệ hữu cơ và biện chứng* đã nảy sinh : đại chúng cần có những lãnh tụ dẫn đường. Lãnh tụ không thể thi thố được tài năng nếu thoát ly khỏi đại chúng. Những lãnh tụ tài năng đều biết vận động quần chúng đi theo mình, làm theo mình để đưa xã hội nhanh chóng tiến lên.

Vận động quần chúng là một hoạt động thực tiễn xuất phát từ mục tiêu chính nghĩa với phương châm "do dân, vì dân", với phương pháp khôn khéo mà ông cha ta xưa gọi là ***"thuận lòng trời"*** (tức hợp quy luật khách quan) và ***"hợp lòng người"*** như Bác Hồ nói là *phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu.*

Nhiều nhà mác xít lỗi lạc đã tổng kết tiến trình phát triển kể trên trong hoạt động thực tiễn của con người, tìm ra ***lý luận và kinh nghiệm vận động quần chúng*** trong phạm trù ***"thực tiễn luận"*** của chủ nghĩa Mác. Lý luận và kinh nghiệm đó là một trong ba yếu tố cấu thành ***"khoa học dân vận"*** của Đảng ta.

II - Mâu thuẫn luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Chủ nghĩa Mác coi thiên nhiên và xã hội đều không trong trạng thái "tĩnh" mà luôn luôn vận động biến chuyển không ngừng, bao hàm trong nó những mâu thuẫn và quá trình giải quyết mâu thuẫn, đưa mọi vật biến đổi, xã hội tiến lên.

Trong các loại mâu thuẫn xã hội, có mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng. Việc tổng kết quá trình nảy sinh các mâu thuẫn, quá trình vận động của các mâu thuẫn, làm rõ tính đối kháng hay không đối kháng của mâu thuẫn, làm rõ các lực đối kháng hay không đối kháng cấu thành mâu thuẫn, tìm ra cách giải quyết các mâu thuẫn, thấy rõ mâu thuẫn mới tất yếu nảy sinh sau khi mâu thuẫn cũ được giải quyết... tất cả nằm trong phạm trù lý luận về mâu thuẫn được gọi là ***"mâu thuẫn luận"*** mà một số nhà triết học mác xít đã đúc kết.

Nếu như chủ nghĩa duy vật lịch sử với "thực tiễn luận" đã chỉ ra ***yêu cầu và nội dung*** của công tác dân vận, thì chủ nghĩa duy vật biện chứng với "mâu thuẫn luận" lại chỉ ra ***kết cấu của các mâu thuẫn xã hội và biện pháp giải quyết các mâu thuẫn đó*** để tiến hành công tác dân vận một cách có hiệu quả. Biện pháp có nhiều, tùy thuộc vào đối tượng và yêu cầu của từng công tác cách mạng, nhưng điển hình nhất là ***tổ chức hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất*** một tổ chức khoa học nhất và đem lại nhiều thành công nhất.

Trong lịch sử Đảng ta, ***Mặt trận dân tộc thống nhất*** là một tổ chức dân vận có hiệu quả, nổi bật nhất là ***Mặt trận Việt Minh*** trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám năm 1945 do lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ đạo. Mặt trận Việt Minh đã thể hiện rõ sự vận dụng tài tình những nguyên lý của "thực tiễn luận" và "mâu thuẫn luận" mác xít vào cách mạng Việt Nam.

Trên phương diện "mâu thuẫn luận" mà xét, ta thấy :

+ Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam được xây dựng trong thế kỷ qua là những ***"khối thống nhất có mâu thuẫn".*** Đó là một ***khối đại chúng thống nhất*** vì cùng có lòng yêu nước, cùng có mục tiêu chung là giải phóng dân tộc. Nhưng họ lại thuộc nhiều giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, đảng phái, dân tộc... khác nhau nên có vị trí xã hội và quyền lợi khác nhau, thậm chí đối lập nhau như giữa nông dân với địa chủ yêu nước, giữa vô sản với tư sản dân tộc. Nhưng vì mục tiêu chung cao cả là "giải phóng dân tộc, tiến bộ xã hội" nên giữa họ phải điều hòa quyền lợi với nhau.

Tính không đối kháng đó quy định kết cấu giai cấp, tầng lớp, đảng phái trong Mặt trận và yêu cầu phải giữ gìn ***nghiêm ngặt tính thống nhất, giải quyết thỏa đáng các mâu thuẫn trong nội bộ Mặt trận,*** sao cho Mặt trận trở thành một khối đoàn kết vững chắc không gì lay chuyển nổi để giành được thắng lợi.

+ Mặt khác, sự ra đời của khối thống nhất đó lại do yêu cầu phải giải quyết ***mâu thuẫn đối kháng***. Đó là mâu thuẫn : giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc xâm lược, một mâu thuẫn địch - ta đang cần phải giải quyết.

Tính đối kháng của mâu thuẫn này quy định việc lựa chọn loại hình và kết cấu của Mặt trận. Nếu là đối kháng giữa dân tộc thuộc địa và đế quốc xâm lược thì thành lập Mặt trận dân tộc với

Digitized by Google

kết cấu gồm các thành phần yêu nước. Nếu là đối kháng giữa dân chủ (bao gồm cả lực lượng yêu nước) và phát xít thì phải thành lập Mặt trận dân chủ với kết cấu gồm các thành phần dân chủ chống phát xít (tức cả các thành phần yêu nước lẫn ngoại kiều dân chủ cùng chống phát xít...).

Để làm rõ các điểm trên, chúng ta có thể tìm về nguồn gốc của khái niệm "mặt trận" (front). Đó vốn là một khái niệm thuộc phạm trù quân sự (mặt trận quân sự - front militaire). Nó là kết cấu của một thế trận nhất định - một thế trận bao gồm nhiều quân chủng, binh chủng khác nhau, đặt dưới sự điều hành của một bộ chỉ huy thống nhất, nhằm phủ định mặt đối lập của mâu thuẫn, tức là phải chiến thắng kẻ thù. Sức mạnh của thế trận đó là sự hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng quân sự trong mặt trận, có tính năng khác nhau, vị trí khác nhau, cần bổ sung, hỗ trợ cho nhau, nhằm tạo nên ***sức mạnh tổng hợp*** có thể chiến thắng kẻ thù. Mâu thuẫn địch ta này một khi đã được triệt tiêu thì lại cần hình thành một thế trận mới, một "mặt trận" mới nếu cuộc chiến còn tiếp diễn.

Liên hệ với việc xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất của ta thì các hình thức Mặt trận chống đế quốc giải phóng dân tộc của chúng ta (Mặt trận phản đế, Mặt trận dân chủ chống phát xít, Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên - Việt, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam...) vừa qua đều ra đời từ yêu cầu giải quyết mâu thuẫn đối kháng, mâu thuẫn địch ta, tương tự như một mặt trận quân sự. Cái khác là ở kết cấu mặt trận gồm những tổ chức quần chúng khác nhau. Như Mặt trận Việt Minh bao gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trí thức yêu nước, nhân sĩ dân chủ, nhân sĩ yêu nước, Đảng Cộng sản, Đảng Dân chủ, Phật giáo, Công giáo, Cao đài, Hòa hảo yêu nước... Các tổ chức đó có cái chung là sát cánh cùng nhau đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng lại có sự khác biệt về vị trí, quyền lợi giai cấp, về đảng phái, tôn giáo. Sự khác biệt đó chỉ là những mâu thuẫn không đối kháng, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân cần được giải quyết tốt để giữ vững tính thống nhất. *Nếu không giải quyết tốt, có khi mâu thuẫn không đối kháng sẽ trở thành mâu thuẫn đối kháng.*

Một khi mâu thuẫn đối kháng đã được giải quyết, đấu tranh chuyển sang hình thế mới, mâu thuẫn đối kháng mới lại nảy sinh, cần có hình thức tổ chức mặt trận mới cho thích hợp như Mặt trận Liên - Việt thay Mặt trận Việt Minh ; Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc thay Mặt trận Liên - Việt...

Vận dụng *"thực tiễn luận", "mâu thuẫn luận"* của chủ nghĩa Mác vào lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã thu được những thành công trong công tác dân vận, góp phần vào thắng lợi trong đấu tranh chống thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ, bảo vệ được độc lập dân tộc, thống nhất được Tổ quốc, tiến lên xây dựng xã hội mới. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận cũng chính là một trong ba yếu tố cấu thành "khoa học dân vận" của Đảng ta mà chúng ta cần kế thừa và phát triển.

III - Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Toàn bộ hệ tư tưởng Hồ Chí Minh là kết tinh những truyền thống ưu tú của dân tộc và tinh hoa của thời đại mới là lý luận Mác - Lê-nin. Riêng về tư tưởng dân vận, trên cơ sở lý luận Mác - Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy tinh thần "trọng dân", "yêu dân", "dựa vào dân" của ông cha ta, vận động, tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước thắng lợi.

Trong đấu tranh giữ nước, Người đã nêu cao *"tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám truyền lại..."*(2). Các vị đó không chỉ anh hùng dũng cảm trong chiến đấu mà còn là những nhà "yêu nước", "thương dân", "biết vận động, tổ chức nhân dân" thực hiện chiến tranh nhân dân, đánh thắng kẻ thù. Tinh thần đó cũng là cốt lõi của công tác "dân vận" trong đấu tranh giữ nước của chúng ta ngày nay.

---

(2) *Sđd*, t 5, tr 35

Digitized by Google

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa truyền thống "yêu nước, trọng dân" của ông cha trên cơ sở tư duy khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đưa công tác dân vận lên thành một khoa học.

Trước hết, Người coi ***đại chúng nhân dân lao động là chủ thể của lịch sử :***

"Nước lấy dân làm gốc...

... Quân tốt, dân tốt.

Muôn sự đều nên.

Gốc có vững, cây mới bền

Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân"(3).

Sự nghiệp cách mạng của Đảng phải đạt tới : *"Nhân dân lao động trở thành người chủ của bản thân mình và của vận mệnh đất nước"(4).*

Khi đất nước đã giành được độc lập, nhân dân được làm chủ thì dân vận trước hết phải thấy hết vai trò to lớn của đại chúng nhân dân :

"Bao nhiêu lợi ích *đều vì dân*

Bao nhiêu quyền hạn *đều của dân*

Công việc đổi mới, xây dựng *là trách nhiệm của dân.*

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc *là công việc của dân.*

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra.*

Đoàn thể từ trung ương đến xã *do dân tổ chức nên.*

Nói tóm lại quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân"* (5).

Thứ hai, Người nêu cao ***chủ nghĩa yêu nước*** của toàn thể nhân dân Việt Nam, coi đó như cơ sở của tổ chức đoàn kết toàn dân. Dân vận phải dựa vào đó để thực hiện nhiệm vụ của mình : "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước"(7).

Chủ nghĩa yêu nước biểu hiện thành hành động cụ thể ở từng con người, như Người đã biểu dương : "Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm... đều giống nhau ở nơi lòng nồng nàn yêu nước"(7). Dân vận ***phải khơi dậy và liên kết thành sức mạnh thống nhất.*** Đó chính là công tác mặt trận của Đảng.

Thứ ba, trong dân vận, Người coi trọng việc ***giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng - giữa anh hùng và đại chúng :***

"Cách mạng có nhiều công việc, việc nào cũng là phục vụ nhân dân, việc nào cũng là quan trọng. Có tinh thần cách mạng làm tròn nhiệm vụ thì làm gì cũng có thể trở thành anh hùng được... Vì dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, quân đội ta là một quân đội anh hùng, cho nên có Anh hùng thi đua của quân đội, của dân tộc..."(8).

- Giữa lãnh đạo và nhân dân : "Nhờ dân ta đoàn kết một lòng và Chính phủ lãnh đạo khôn khéo, mà chúng ta bẻ gãy xiềng xích nô lệ, tranh được độc lập tự do. Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối... Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân... Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh..." (9)

Thứ tư, Người coi chính nghĩa luôn thuộc về phía nhân dân, trong dân vận phải động viên nhân dân "lấy nhân nghĩa để thắng bạo tàn". Đó cũng là một trong những điều kiện thắng lợi của công tác dân vận : "Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ. Vậy ta là chính nghĩa, địch là tà.

---

(3) *Sđd,* t 5, tr 409 - 410

(4) *Sđd,* t 8, tr 53

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 5, tr 698

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 6, tr 171

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 6, tr 172

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 8, tr 43 - 44

(9) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 4, tr 56 - 57

Digitized by Google

Chính nhất định thắng tà" (10). "Ta nhất định thắng vì cuộc kháng chiến của ta là chính nghĩa. Ta nhất định thắng vì ta đoàn kết chặt chẽ, đồng tâm nhất trí, kiên quyết kháng chiến..."(11)

Thứ năm, Người coi sức mạnh của nhân dân ***được tổ chức lại một cách khoa học*** là sức mạnh vô địch, vì vậy trọng tâm của công tác dân vận là đoàn kết, tổ chức được nhân dân, thống nhất được dân tộc, tạo thành sức mạnh to lớn để giành thắng lợi.

Người ví sức mạnh đoàn kết toàn dân như một bó đũa. Nếu tách ra từng chiếc đũa thì dễ bẻ gãy, nhưng bó thành một bó thì không ai bẻ nổi.

Người cho rằng sở dĩ có lúc chưa giành được thắng lợi là vì :

"Chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức"(12).

Người kêu gọi nhân dân :

Hãy đoàn kết lại !

Hãy tổ chức lại !(13)

Về tổ chức dân vận, Người coi *Mặt trận dân tộc thống nhất là một trong* ***ba điều kiện không thể thiếu*** *được của thành công cách mạng phản đế ở một nước thuộc địa* "đó là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, sự thành lập một Mặt trận dân tộc phản đế rộng rãi khởi nghĩa vũ trang"(14).

Trong tổ chức mặt trận phải biết giải quyết tốt sự khác biệt về quyền lợi giữa các giai cấp, tầng lớp, tức giải quyết tốt các mâu thuẫn không đối kháng trong mặt trận (tức mâu thuẫn nội bộ nhân dân). Người yêu cầu mọi người phải :

"Vì lợi nước, quên lợi nhà. Vì lợi ích chung, quên lợi riêng"(15)

Người nhấn mạnh chỉ có một tổ chức chặt chẽ, một quyết tâm sắt đá mới tạo nên sức mạnh vô biên chiến thắng kẻ thù :

"Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng : Quyết không làm nô lệ.

Chỉ có một chí : Quyết không chịu mất nước.

Chỉ có một mục đích : Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc. Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tượng đó, chúng cũng phải thất bại".(16)

Người coi tổ chức của Mặt trận phải đạt được 3 đặc tính cơ bản là :

"Rất vững chắc, rất rộng rãi, rất thiết thực" và chỉ rõ :

Thiết thực vì nó hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng thiết tha của toàn thể đồng bào.

Rộng rãi vì nó bao gồm tất cả những người hiện nay tỏ ra thành tâm thành ý phụng sự Tổ quốc, dù trước đây họ đã theo phe phái nào.

Vững chắc vì mặt trận dựa trên nền tảng tốt, đại đa số nhân dân trong nước là đồng bào công nhân và đồng bào nông dân, đồng thời chú trọng đến tất cả các tầng lớp xã hội trong nước ta, không bỏ sót một ai"(17).

Nhờ có tổ chức chặt chẽ và khoa học như vậy, nên hiệu quả của công tác Mặt trận thật to lớn, như Người đã khẳng định :

"Lịch sử trong những năm qua đã tỏ rõ lực lượng đoàn kết của nhân dân ta là vô địch và Mặt trận dân tộc thống nhất đã nhiều lần thắng lợi"(18).

Ngày nay chúng ta xây dựng đất nước trong những điều kiện mới, công tác dân vận của Đảng chiếm vị trí vô cùng quan trọng. Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh - kết tinh của truyền thống dân tộc và lý luận Mác - Lê-nin, đang là một lĩnh vực khoa học được Đảng quan tâm. Nhất là trong công tác mặt trận, cần vận dụng *"thực tiễn luận"* và *"mâu thuẫn luận"* của chủ nghĩa Mác, để Mặt trận dân tộc thống nhất luôn vẫn là một ***"phép quý"*** của Đảng, của cách mạng Việt Nam, như Bác Hồ đã từng nhấn mạnh. ❑

---

(10) *Sđd*, t 5, tr 150
(11) *Sđd*, t 6, tr 282
(12) *Sđd*, t 2, tr 132
(13) *Sđd*, t 2, tr 126
(14) *Sđd*, t 8, tr 53
(15) *Sđd*, t 4, tr 145
(16) *Sđd*, t 5, tr 150 - 151
(17) Xem *Sđd*, t 8, tr 66 - 67
(18) *Sđd*, t 8, tr 68

Digitized by Google

GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG CHO THẾ HỆ TRẺ

TRƯƠNG GIANG LONG *

TRONG dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta tiếp tục khẳng định : "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên nền tảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh" (1). Định hướng chiến lược đó là mục tiêu nhất quán xuyên suốt toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng. Ở mỗi giai đoạn cụ thể, mục tiêu ấy được thể hiện bằng những hình thức khác nhau, con đường duy nhất mà Đảng và Bác Hồ đã chọn là : *"Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"*.

Là lớp người nhạy cảm, năng động, sáng tạo, có tri thức, có hoài bão và ước mơ, có ý chí và nghị lực, tuổi trẻ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đã thực sự là đội quân xung kích chiến lược trong mọi giai đoạn cách mạng. Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc trước đây, cũng như trong thời kỳ khôi phục xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lớp lớp thế hệ trẻ Việt Nam luôn sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp chung. Ngày nay, trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập và đổi mới, tuổi trẻ đang có mặt trên khắp mọi miền đất nước, luôn tỏ rõ tinh thần quả cảm, lòng nhiệt tình cách mạng, chí tiến thủ và bản lĩnh ngoan cường, lao động sáng tạo với ý thức và tinh thần trách nhiệm cao. Trọng trách của sự nghiệp đổi mới đang đặt ra cho lớp trẻ những nhiệm vụ rất to lớn. Trong mọi hoàn cảnh, họ luôn luôn là lớp người kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng. Lý tưởng chiến đấu của tuổi trẻ Việt Nam cũng chính là lý tưởng của Đảng và Bác Hồ vĩ đại. Ước mơ của tuổi trẻ Việt Nam cũng là ước mơ ngàn đời của các thế hệ người Việt Nam yêu nước, luôn nung nấu một hoài bão lớn, xây dựng tổ quốc Việt Nam trở thành một quốc gia hùng cường, "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Đảng ta luôn luôn xác định thanh niên là lực lượng trụ cột của sự nghiệp đổi mới. Bàn về động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã khẳng định *"Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên"*. Là lớp người sinh ra và trưởng thành sau chiến tranh, được sống trong những điều kiện vật chất và tinh thần đầy đủ hơn, tuy rất nhạy cảm với cái mới, được đào tạo bài bản, nhưng vốn sống và sự từng trải chưa nhiều, trước những tiêu cực và cám dỗ của nền kinh tế thị trường, trước những biến động về chính trị quốc tế, đặc biệt do ảnh hưởng tiêu cực của sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên, một số thanh niên có sự dao động, khủng hoảng niềm tin, lý tưởng cách mạng. Thực trạng đó đòi hỏi càng phải đề cao công tác giáo dục đạo đức và lý tưởng cách mạng cho thanh, thiếu niên.

Sau 15 năm đổi mới và hội nhập, cùng với những thành tựu lớn về mọi mặt, đất nước đang phải đối đầu với rất nhiều khó khăn, thách thức. Mặt trái của kinh tế thị trường đã lan tỏa và thấm vào nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh những mặt tích cực, mặt trái của kinh tế thị trường đang từng ngày, từng giờ gặm nhấm, làm mai một dần nhiều giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc. Suy thoái về đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, chạy theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão trong lập thân, lập nghiệp (2) đang là một định hướng thiếu lành mạnh trong lối sống của không ít thanh niên. Theo giáo sư Phạm Minh Hạc, qua một cuộc điều tra 92,8% số thanh niên được hỏi đã chọn địa vị xã hội, 87,2% chọn sự giàu có, 77% chọn nghề có thu nhập cao làm định hướng giá trị sống, có 64,8% cho rằng việc vào Đoàn thanh niên cộng sản là theo phong trào (3). Thực trạng trên đây là một hiện tượng

* TS. Trưởng Khoa triết - Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh

(1) Tài liệu hỏi và đáp về các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 60

(2) Xem Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII

(3) Xem tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 6, 1997, tr 4

Digitized by Google

đáng báo động, bởi *sống thực dụng, ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa, vô trách nhiệm không phải là những chuẩn giá trị của người Việt Nam.*

Lý tưởng cao cả của tuổi trẻ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay vẫn là *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.* Sống có lý tưởng là thiết tha với độc lập của Tổ quốc, bởi đó là thành quả đã được đổi bằng xương máu của nhiều thế hệ. Nhờ giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã tập hợp được sức mạnh của cả dân tộc, đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, và ngày nay, đang thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đưa cả nước vững bước tiến vào thế kỷ XXI. Muốn bảo vệ và củng cố độc lập, tự do, con đường duy nhất là đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Muốn gìn giữ độc lập dân tộc và CNXH, lớp trẻ phải *giữ gìn, bảo vệ và phát huy các giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc.*

Trong lịch sử hàng nghìn năm Bắc thuộc và gần một trăm năm đô hộ của chủ nghĩa thực dân, cha ông ta vẫn đứng vững và chiến thắng mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc, nham hiểm của kẻ thù. Dân tộc ta vẫn chiến thắng và viết tiếp những trang sử hào hùng bởi đã giữ gìn và phát huy được những giá trị tinh thần truyền thống cao đẹp. Sức mạnh để một dân tộc trường tồn và chiến thắng không chỉ là sức mạnh vật chất, mà còn được tạo nên bởi giá trị tinh thần truyền thống của mỗi dân tộc và đó chính là tài sản vô giá, là động lực to lớn của dân tộc mỗi khi Tổ quốc lâm nguy.

Có thể nói, *yêu lao động* và *lao động sáng tạo* với ý thức trách nhiệm và hiệu quả cao là nét đẹp truyền thống, là lẽ sống và lý tưởng của tuổi trẻ Việt Nam xuyên suốt các thời đại lịch sử. Trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, lao động với tinh thần cần cù, sáng tạo không thể tách rời lý tưởng về một nước Việt Nam độc lập và chủ nghĩa xã hội. Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, cần cù, chịu thương, chịu khó, không ngại gian khổ, làm việc với năng suất cao, chất lượng tốt. Sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ vì lợi ích chính đáng của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội (4). Phát huy truyền thống yêu lao động chính là phương thức thực hiện lý tưởng và hoài bão sống của tuổi trẻ Việt Nam. Bài học kinh nghiệm của các nước phát triển cho thấy, không thể trở thành một quốc gia giàu mạnh với một nền sản xuất hiện đại nếu ở đó thiếu những con người yêu lao động và lao động sáng tạo, có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung.

Tinh thần đoàn kết, tính cộng đồng, lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi. Nhờ lực lượng ấy mà tổ tiên ta đã đánh thắng quân Nguyên, quân Minh... đã giữ vững quyền tự do, tự chủ, tiến hành cách mạng thành công, giành được độc lập. Với gậy tầm vông và súng hỏa mai lúc đầu, chúng ta đã liên tiếp chiến thắng địch (5). Đoàn kết hiệp lực vì nghĩa lớn là nét đẹp truyền thống của dân tộc ta. Sinh thời, Bác Hồ đã xây dựng khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam trên nền tảng liên minh công, nông, trí thức vững chắc. Bác đã kết hợp được sức mạnh của nhân dân với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp vô địch của cách mạng. Trong thời đại hiện nay, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trở thành nhân tố của sự ổn định, động lực của sự phát triển. Tuổi trẻ Việt Nam phải xem truyền thống đoàn kết là một vốn quý, một nguồn tài sản và sức mạnh vô giá. Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và quốc tế trên lập trường của giai cấp vô sản phải là định hướng giá trị và là lý tưởng sống của tuổi trẻ. Một dân tộc dù nhỏ yếu nhưng đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và Đảng của nó, đi đúng đường lối của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thì nhất định đánh thắng được đế quốc xâm lược (6). Ngọn cờ tư tưởng đại đoàn kết của Bác chính là sức mạnh để dân tộc ta hội nhập và phát triển, mở rộng và nâng khối đại đoàn kết lên một tầm cao mới.

Muốn hoàn thành những nhiệm vụ trọng đại ấy, cần giáo dục cho tuổi trẻ Việt Nam phát huy cao nhất truyền thống hiếu học, chủ động khắc phục mọi khó khăn, chuyên cần và sáng tạo, nỗ lực thi đua học tập và rèn luyện, vươn lên chiếm lĩnh những đỉnh cao của khoa học và công nghệ, nhanh chóng hội nhập với xu thế phát triển của nền văn minh nhân loại, nắm bắt và tận dụng mọi thời cơ thâu tóm tri thức. Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh thiếu niên, nghĩa là giáo dục ý thức trách nhiệm trong học tập. Trong nền kinh tế tri thức, dân tộc nào vươn tới đỉnh cao của trí tuệ, dân tộc đó sẽ chiến thắng, tụt hậu về trí tuệ sẽ là nguy cơ của mọi nguy cơ. Thấm nhuần lý tưởng cách mạng trong giai đoạn đổi mới phải thể hiện bằng hành động tự giác trong học tập, thước đo thái độ chính trị,

---

(4) Xem Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, BCH TU khóa VIII. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 56, 58

(5) Xem Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 6, tr 281, 583

(6) Xem Hồ Chí Minh : Toàn tập, *Sđd*, tr 281, 583

Digitized by Google

phẩm chất, lòng trung thành với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chính là khát vọng vươn tới hiểu biết. Trong xu thế hội nhập vào kinh tế tri thức, 60% lao động trẻ của đất nước phải là một lực lượng nòng cốt đưa đất nước tiến lên.

Quan tâm đến *giáo dục về lối sống* cũng có nghĩa là dạy cho thế hệ trẻ không dung thứ lối sống thực dụng, sùng bái vật chất, chạy theo danh vọng, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, dối trá, ích kỷ, ăn bám. Tuổi trẻ Việt Nam "có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng ; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái" (7). Phải xem thái độ đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu, cái ác, với các tệ nạn xã hội là một trong những phẩm chất tiêu biểu của một lối sống lành mạnh, sống có trách nhiệm với chính mình và mọi người. Kinh tế thị trường, hội nhập và phát triển là con đường đầy thử thách. Trong khi đó kẻ thù không từ bất kỳ thủ đoạn nào để chống lại chúng ta. Sức đề kháng, nội lực của mỗi quốc gia, bản thân mỗi người là sức mạnh vượt qua mọi cám dỗ. Xã hội phải tạo cho tuổi trẻ những cơ hội tốt để họ góp phần đấu tranh loại bỏ cái xấu, tạo ra một môi trường xã hội và pháp lý cần thiết để nuôi dưỡng, rèn luyện họ trở thành những công dân có ích.

Giáo dục lý tưởng sống không phải là công việc làm trong một vài tháng, một vài năm, càng không phải là công việc có tính phong trào, đó là công việc đầy trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp, nối tiếp từ thế hệ này qua thế hệ khác. Phải thừa nhận rằng, sự suy thái về đạo đức và lối sống, mất định hướng về lý tưởng sống của một bộ phận thanh thiếu niên trong thời gian qua có một phần trách nhiệm không nhỏ của thế hệ chúng ta, những người đi trước, cũng như của các cơ quan, tổ chức đảng, nhà nước và xã hội. (Theo số liệu thống kê, hiện nay trong 170 000 sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh mới có 380 đảng viên) (8). Nguyên nhân của thực trạng nói trên trước hết do chúng ta *nhận thức chưa đúng tầm quan trọng của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng trong giai đoạn mới.* Có nơi, có lúc chúng ta tập hợp, giáo dục tuổi trẻ bằng những phong trào có vẻ rầm rộ về quy mô, phô trương về hình thức nhưng nghèo nàn về nội dung, thiếu định hướng rõ ràng về chính trị, lãng phí về thời gian, tốn kém về vật chất. Khá phổ biến tình trạng số đông học sinh, sinh viên chưa thấy hấp dẫn khi học các môn : Mác - Lê-nin và Giáo dục công dân. v.v...

Từ bài học của quá khứ và yêu cầu thực tiễn của cuộc sống, việc giáo dục lý tưởng cách mạng phải được xác định :

- *Là trách nhiệm to lớn* của mọi cấp ủy đảng, mọi cán bộ, đảng viên, của tất cả các ngành các cấp từ trung ương đến địa phương. Phải là công việc được quan tâm đặc biệt, đầu tư đúng mức, chuẩn bị công phu, do lực lượng chuyên trách, có năng lực đảm nhận.

- Là công việc *thường xuyên, liên tục* và *nhiệm vụ trung tâm* trong các hoạt động, nhất là trong công tác giáo dục, trong văn hóa - nghệ thuật và trong nội dung của các phong trào quần chúng. Giáo dục lý tưởng phải được thấm nhuần sâu sắc trong mỗi bài giảng, từng trang viết, mỗi bộ phim, bài hát, vở kịch... Kiên quyết xử lý nghiêm những kẻ vô trách nhiệm, thiếu lương tâm, trừng phạt thích đáng những ai mượn danh đổi mới, hội nhập để tuyên truyền phổ biến cho những giá trị xa lạ, mất định hướng với đạo đức và lý tưởng cách mạng.

Phải bằng *các hoạt động thực tiễn*, tấm gương cách mạng mà giáo dục lý tưởng, đạo đức để từ đó tuổi trẻ hiểu được những giá trị đích thực. Không nên tổ chức những chiến dịch, những phong trào chỉ mang tính hình thức, phô trương, lãng phí, nghèo về nội dung, kém chất lượng, thiếu hiệu quả.

Thông qua *lịch sử và truyền thống cách mạng* để giáo dục lý tưởng. Tôn tạo, bảo quản và phát huy tác dụng các di tích lịch sử, tổ chức tốt có chiều sâu các lễ hội. Nêu gương các cá nhân và tập thể điển hình trong lịch sử và đấu tranh cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc, trân trọng những tập thể và cá nhân đã góp phần làm nên lịch sử.

Kết hợp nhiều hình thức, thông qua công việc của từng đối tượng cụ thể mà chọn nội dung thích hợp, có cơ chế gắn kết giữa tình cảm, trách nhiệm và lợi ích của mỗi thành viên, của mỗi tập thể vào các hoạt động của họ. Giải quyết tốt và hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa cá nhân, tập thể và xã hội, tạo ra nhiều diễn đàn chính trị - xã hội để thanh niên bày tỏ quan điểm, nguyện vọng, lắng nghe ý kiến lớp người đi trước và cùng giúp nhau trong nhận thức và hành động. ❑

(7) Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, BCH TU, khoá VIII. *Sđd*, tr 59

(8) Số liệu của Ban Tư tưởng - Văn hóa thành ủy TP Hồ Chí Minh năm 2000

Digitized by Google

THỬ XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỪ SAU NĂM 1975

NGUYỄN VĂN LONG *

TRONG phần kết của bài tham luận "Về cách tiếp cận để đánh giá văn học Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám" trình bày tại hội thảo khoa học *50 năm văn học Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám* (tháng 6 năm 1995), chúng tôi có nhận định : "Văn học Việt Nam từ sau tháng 4-1975, nhất là từ giữa những năm 80 trở lại đây, đã đi những bước tiếp xa hơn trên con đường hiện đại hóa nền văn học dân tộc ở thế kỷ XX, để hòa nhập đầy đủ vào tiến trình văn học thế giới"(1).

Đã một phần tư thế kỷ kể từ khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam kết thúc với thắng lợi hoàn toàn của dân tộc ta ngày 30 tháng 4 năm 1975 lịch sử. Đất nước, xã hội và con người Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn chồng chất và không ít thử thách hiểm nghèo của thời sau chiến tranh để đứng vững và hơn thế nữa tạo được những biến đổi to lớn, toàn diện và sâu sắc, nhất là từ khi công cuộc đổi mới được mở ra cho đến nay. Nền văn học như một tấm gương tinh thần của cuộc sống đất nước, có chung vận mệnh và đồng hành cùng dân tộc qua những thăng trầm của lịch sử, từ sau năm 1975 cũng đã phải đứng trước nhiều thách thức gay gắt và đã có những biến đổi sâu rộng trên mọi mặt của quá trình văn học. Nhìn trên đại thể thì 25 năm qua con đường của văn học ta đã đi qua hai chặng có sự tiếp nối liền mạch : Mười năm đầu là chặng giao thời, tìm kiếm con đường đổi mới và từ năm 1986 trở đi là thời kỳ văn học đổi mới mạnh mẽ và toàn diện. Mặc dù nền văn học của thời kỳ đổi mới vẫn đang vận động và khó có thể nói trước về những gì sẽ đến với nó, nhưng một phần tư thế kỷ vừa đi qua cũng đã là một khoảng thời gian không quá ngắn ngủi để nhìn lại, đánh giá một chặng đường văn học dân tộc.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc tìm hiểu, đánh giá một giai đoạn văn học là việc xác định những đặc điểm cơ bản của giai đoạn văn học ấy. Văn học Việt Nam từ sau năm 1975 đã tồn tại và phát triển trong những điều kiện lịch sử xã hội khác biệt rõ rệt với thời kỳ chiến tranh và trong một môi trường ý thức tinh thần có nhiều biến đổi. Những điều đó đã tác động và chi phối mạnh mẽ xu hướng vận động và đặc điểm của sự phát triển văn học. Đời sống văn học trong một phần tư thế kỷ vừa qua dù rất bề bộn, đa dạng, phức tạp và bước đi của văn học cũng không ít những quanh co, thăng trầm, nhưng nhìn bao quát vẫn có thể nhận ra khuynh hướng vận động bao trùm và những đặc điểm cơ bản chi phối một cách sâu sắc mọi mặt của nền văn học, từ khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng chủ đạo đến các phương thức nghệ thuật của nó. Đã có không ít ý kiến của những nhà nghiên cứu, những người sáng tác nêu lên đặc điểm này hay khác của văn học thời kỳ đổi mới, mà trong đó có những phát hiện đích đáng và cả những nhận xét độc đáo, lạ lùng. Nhưng tựu chung vẫn chưa có ai đặt vấn đề xác định những đặc điểm cơ bản có tính hệ thống của giai đoạn văn học từ sau năm 1975. Dưới đây chúng tôi mạnh dạn thử xác định những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn từ sau năm 1975, xem như những đề xuất bước đầu để cùng bàn bạc, tìm kiếm đi tới một kiến giải thấu đáo.

Văn học Việt Nam từ sau năm 1975, theo chúng tôi, có *ba đặc điểm* cơ bản như sau :

---

* GS. Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội I, Đại học quốc gia

(1) 50 năm văn học Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám. (Nhiều tác giả). Nxb Đại học quốc gia Hà Nội 1996, tr.23

Digitized by Google

1. Văn học vận động theo hướng dân chủ hóa

Nhìn lại tiến trình văn học Việt Nam thế kỷ XX chúng ta có thể thấy ba xu hướng vận động chính ở ba thời kỳ phát triển của nền văn học. Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945, văn học vận động theo hướng hiện đại hóa, và đó là đặc điểm bao trùm toàn bộ nền văn học thời kỳ này, làm nên sự thay đổi cơ bản về phạm trù văn học từ trung đại sang hiện đại. Trong 30 năm tiếp theo từ năm 1945 đến 1975, có thể nói đại chúng hóa và cách mạng hóa là xu hướng vận động cơ bản của nền văn học cách mạng trong hoàn cảnh chiến tranh. Còn từ sau năm 1975, nhất là từ giữa những năm 80 trở đi, dân chủ hóa là xu thế lớn của xã hội và trong đời sống tinh thần của con người, cũng đã trở thành xu hướng vận động bao trùm của nền văn học. Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986) kêu gọi đổi mới tư duy, nhìn thẳng vào sự thật đã tạo cơ sở tư tưởng cho xu hướng dân chủ hóa trong văn học được khơi dòng và phát triển mạnh mẽ. Dân chủ hóa đã thấm sâu và được thể hiện ở nhiều cấp độ và bình diện của đời sống văn học. Trên bình diện ý thức nghệ thuật đã có những biến đổi quan trọng theo hướng dân chủ hóa của các quan niệm về vai trò, vị trí và chức năng của văn học của nhà văn và quan niệm về hiện thực. Văn học, trong giai đoạn trước chủ yếu được nhìn nhận như là vũ khí tư tưởng của cách mạng, phục vụ cho các mục tiêu và đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. "Văn hóa - nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy" (Hồ Chí Minh - *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa toàn quốc năm 1951)*, đó là chân lý hiển nhiên về vị trí văn học - nghệ thuật và vai trò của người nghệ sĩ trong thời đại cách mạng và kháng chiến mà không một nghệ sĩ chân chính nào không thừa nhận. Văn học thời nay cũng không hề từ bỏ vai trò vũ khí tinh thần - tư tưởng của nó, nhưng nó được nhấn mạnh trước hết ở sức khám phá thực tại và thức tỉnh ý thức về sự thật, ở vai trò dự báo, dự cảm. Thêm nữa, trong xu hướng dân chủ hóa của xã hội, văn học còn được xem là một phương tiện cần thiết để tự biểu hiện, bao gồm cả việc phát triển tư tưởng, quan niệm, chính kiến của mỗi người nghệ sĩ về xã hội và con người. Văn học không chỉ là tiếng nói chung của dân tộc, thời đại cộng đồng mà còn có thể là phát ngôn của mỗi cá nhân. Không chỉ kinh nghiệm cộng đồng mới được coi trọng mà còn cần đến kinh nghiệm cá nhân để làm giàu thêm cho nhận thức của mỗi người và toàn xã hội. Tương ứng với những biến đổi nói trên là sự thay đổi trong quan niệm về kiểu nhà văn. Nền văn học cách mạng đã sản sinh và đào luyện nên một đội ngũ nhà văn - chiến sĩ rất đáng tự hào và có không ít người đã cống hiến cho cách mạng và nền văn học cách mạng không chỉ bằng tài năng, tâm huyết mà cả sự sống của họ. Đó là một thời kỳ mà vị trí của người cầm bút đã được hình dung như trong câu thơ của Chế Lan Viên : "Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy. Bên những dũng sĩ đuổi xe tăng ngoài đồng và hạ trực thăng rơi", tư thế và hành động của họ cũng phải là : "Bay theo đường dân tộc đang bay" và "Nghĩ trong những điều Đảng nghĩ". Người đọc của ngày hôm nay đòi hỏi ở mỗi nhà văn một nhà tư tưởng, một nhà hoạt động xã hội để không chỉ soi sáng mà còn khơi gợi suy nghĩ của họ, để cùng bàn bạc, đối thoại về mọi vấn đề của cuộc sống. Từ đó, mối quan hệ giữa nhà văn và bạn đọc cũng thay đổi theo hướng dân chủ hóa để bình đẳng hơn và người đọc thực sự được tôn trọng, được quyền làm chủ. Nhà văn không còn là người độc quyền ban bố, phán truyền các chân lý không thể bàn cãi, bởi nó là tư tưởng chung, là mục tiêu cao cả của cả cộng đồng (nhưng cũng chính vì thế mà rất ít khi tư tưởng trong tác phẩm là tư tưởng riêng của nhà văn). Trong một nền văn học hướng tới tinh thần dân chủ, càng đòi hỏi và có thể thừa nhận tư tưởng riêng, cái nhìn riêng của mỗi người thì người viết dù rất tin và muốn bênh vực cho những tín niệm của mình cũng không thể không biết đến những tư tưởng và quan niệm khác. Nhà văn Nguyễn Khải khi nhìn lại những sáng tác giai đoạn trước của mình đã thấy ở cái thời ấy mình quá tự tin, hăm hở, nói ào ào, còn bây giờ thì vừa nói vừa ngẫm nghĩ và cũng không dám tin rằng những điều mình nói đều đã đúng.

Cùng với những thay đổi trong quan niệm về nhà văn thì quan niệm về hiện thực như là đối tượng phản ánh, khám phá của văn học cũng được mở rộng và mang tính toàn diện. Hiện thực không chỉ là hiện thực cách mạng, các biến cố lịch sử và đời sống cộng đồng. Mà đó còn là hiện thực của đời sống hằng ngày, với các quan hệ thế sự vốn đĩ đa đoan, đa sự, phức tạp chằng chịt đan dệt nên

Digitized by Google

những mạch nổi và mạch ngầm của đời sống. Hiện thực, đó còn là đời sống cá nhân của mỗi con người với những vấn đề riêng tư, số phận, nhân cách, với khát vọng mọi mặt, cả hạnh phúc và bi kịch. Hiện thực đời sống trong tính toàn vẹn của nó đã mở ra những không gian vô tận cho văn học thỏa sức chiếm lĩnh, khám phá, khai vỡ.

Xu hướng dân chủ hóa của văn học không chỉ thể hiện ở các quan niệm như nói trên mà đã thâm nhập và được biểu hiện ra trên nhiều bình diện của sáng tác, từ hệ đề tài, các kiểu kết cấu và mô típ chủ đề, cốt truyện, nhân vật cho đến giọng điệu và ngôn ngữ. Ở đây chỉ xin nói thêm một ít về giọng điệu, một yếu tố bộc lộ rất rõ xu hướng dân chủ hóa của văn học từ sau năm 1975. Ai cũng dễ dàng nhận ra trong nền văn học sử thi của giai đoạn trước có giọng điệu bao trùm là ngợi ca, trang trọng với những sắc thái hoặc hào hùng, tráng lệ, hoặc trữ tình ngọt ngào, thắm thiết. Tính độc thoại cũng là đặc điểm không thể tránh được của khuynh hướng sử thi. Khi văn học hướng tới tinh thần dân chủ, thì tính chất đơn giọng sẽ dần nhường chỗ cho tính đa thanh, phức điệu ; độc thoại sẽ chuyển sang đối thoại.

Sự chuyển biến ấy có thể nhận ra rất rõ trong các thể loại và ở nhiều cây bút tiêu biểu, chẳng hạn như trong các sáng tác của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng ở hai giai đoạn trước và sau năm 1975. Trong văn xuôi từ những năm 80 của các cây bút ấy và nhiều người khác, tính đối thoại và nguyên tắc đa âm đã thấm sâu vào mọi bình diện của thi pháp, vào cấu trúc ngôn ngữ, từ lời trần thuật đến lời đối thoại và độc thoại của nhân vật và cả trong mạch ngầm văn bản.

Xu hướng dân chủ hóa cũng đã đưa đến sự nở rộ của các phong cách, bút pháp, bộc lộ hết mình các cá tính sáng tạo của nhà văn cùng với việc ra sức tìm kiếm, thử nghiệm nhiều hình thức và thủ pháp thể hiện mới, kể cả tiếp thu và vận dụng những yếu tố của các trường phái nghệ thuật hiện đại phương Tây.

2. Tinh thần nhân bản và sự thức tỉnh ý thức cá nhân là nền tảng tư tưởng và cảm hứng chủ đạo, bao trùm trong nền văn học giai đoạn này.

Ở đầu thế kỷ XX, đặc biệt là từ những năm 20, do sự chuyển biến của hình thái xã hội và sự tác động, ảnh hưởng của văn hóa, tư tưởng phương Tây, ý thức cá nhân đã được nảy nở mạnh mẽ cùng với tinh thần dân chủ trong xã hội Việt Nam đương thời, đặc biệt là trong tầng lớp tiểu tư sản thành thị và trí thức Tây học. Đó là cơ sở tư tưởng cho sự hình thành và phát triển cái "tôi" cá nhân, cá thể trong văn học, đặc biệt là trong khuynh hướng lãng mạn. Cái "tôi" ấy chống lại sự kiềm tỏa của lễ giáo phong kiến đòi giải phóng cá nhân, cá tính, giải phóng tình cảm, cảm xúc mà trước hết là trong tình yêu và hôn nhân. Cái "tôi" đã đem lại cho văn học nguồn cảm hứng mới mẻ và khá dồi dào, tự nhiên, nhưng rồi cũng mau chóng khô cạn, bế tắc. Cuộc Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến tiếp liền sau đó đã khơi dậy và phát triển đến cao độ ý thức cộng đồng mà cốt lõi là lòng yêu nước, tinh thần dân tộc và ý thức giai cấp. Có thể nói, nền văn học cách mạng suốt ba mươi năm từ 1945 đến 1975 đã được xây dựng và phát triển trên nền tảng tư tưởng là ý thức cộng đồng ấy. Cảm hứng chủ đạo của nền văn học là chủ nghĩa yêu nước, khát vọng độc lập, tự do và lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Từ sau năm 1975 khi cuộc sống dần trở lại với những quy luật bình thường của nó, con người trở về với muôn mặt đời thường, phải đối mặt với bao nhiêu vấn đề trong một giai đoạn có nhiều biến động, đổi thay của xã hội. Bối cảnh đó đã thúc đẩy sự thức tỉnh ý thức cá nhân, đòi hỏi sự quan tâm đến mỗi người và từng số phận. Ngay từ giữa những năm chiến tranh chống Mỹ, Nguyễn Minh Châu đã nghĩ rằng cuộc chiến đấu cho tự do của mỗi con người sẽ còn lâu dài và khó khăn hơn cả cuộc chiến đấu cho tự do của dân tộc. Cũng không phải ngẫu nhiên mà trong một truyện ngắn được viết ngay sau khi cuộc chiến tranh kết thúc - truyện *Bức tranh* - nhà văn đã mạnh mẽ phê phán và bác bỏ những luận điểm nhân danh cái chung, mượn cớ lợi ích cộng đồng mà bỏ qua, thậm chí chà đạp lên nỗi đau và số phận của mỗi cá nhân. Văn học cũng phát hiện ra rằng không ít khi có sự "lệch pha", thậm chí trái ngược giữa số phận cá nhân và cộng đồng, nảy sinh những bi kịch của con người là nạn nhân của hoàn cảnh và số phận. Tiểu thuyết *Thời xa vắng* (1986) của Lê Lựu là tác phẩm đầu tiên đã phát hiện và cảm nhận thấm thía về điều đó.

Digitized by Google

Sự thức tỉnh trở lại ý thức cá nhân đã mở ra cho văn học nhiều đề tài và chủ đề mới, làm thay đổi quan niệm về con người. Văn học ngày càng đi tới một quan niệm toàn vẹn và sâu sắc hơn về con người mà nền tảng triết học và hạt nhân cơ bản của quan niệm ấy là tư tưởng nhân bản. Con người vừa là điểm xuất phát, là đối tượng khám phá chủ yếu, vừa là cái đích cuối cùng của văn học; đồng thời cũng là điểm quy chiếu, là thước đo giá trị của mọi vấn đề xã hội mọi sự kiện và biến cố lịch sử. Cũng Nguyễn Minh Châu trong một lần trả lời phỏng vấn của báo Văn nghệ đầu năm 1986 đã phát biểu như sau : "Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm của nó là con người. Người viết nào cũng có thể có tính xấu nhưng tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sĩ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người xung quanh mình. Cầm giữ cái tình yêu lớn ấy trong mình, nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống" (2).

Con người trong văn học hôm nay được nhìn ở nhiều vị thế và trong tính đa chiều của mọi mối quan hệ : con người xã hội, con người với lịch sử, con người của gia đình, gia tộc, con người với phong tục, với thiên nhiên, với những người khác và với chính mình... con người cũng được văn học khám phá, soi chiếu ở nhiều bình diện và nhiều tầng bậc : ý thức và vô thức, đời sống tư tưởng, tình cảm và đời sống tự nhiên, bản năng, khát vọng cao cả và dục vọng tầm thường, con người cụ thể, cá biệt và con người trong tính nhân loại phổ quát. Điều dễ nhận ra là trong phần lớn các tác phẩm văn học thời kỳ này, con người không còn là nhất phiến, đơn trị mà luôn là con người đa diện, đa trị, lưỡng phân, trong con người đan cài, chen lẫn, giao tranh bóng tối và ánh sáng, rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và quỷ sứ, cao cả và tầm thường... Cố nhiên, một nền văn học dựa trên nền tảng tinh thần nhân bản không thể đưa đến sự hoài nghi, hạ thấp hay phủ nhận con người. Nó phải cảm thông, thấu hiểu và nâng đỡ con người nhưng đồng thời cũng đòi hỏi cao ở con người và luôn chú ý thức tỉnh sự tự ý thức của con người để hướng tới cái thiện, cái đẹp và sự hoàn thiện nhân cách.

3. Văn học phát triển sôi nổi, phong phú, đa dạng nhưng cũng phức tạp.

Xu hướng dân chủ hóa và sự thức tỉnh ý thức cá nhân đã đưa tới sự phát triển phong phú, sôi nổi đa dạng của văn học từ sau năm 1975, đặc biệt là từ thời kỳ đổi mới của đất nước. Sự đa dạng và phong phú được thể hiện trên nhiều bình diện của văn học : đa dạng về đề tài, phong phú về thể loại, nhiều tìm tòi về thủ pháp nghệ thuật, đa dạng về phong cách và khuynh hướng thẩm mỹ. Quả thực, khu vườn văn học ngày nay là một cảnh tượng rất đa sắc màu, hương vị, nhiều dáng vẻ, thậm chí có cả những hiện tượng kỳ dị, lạ lùng. Nhưng sự phong phú, đa dạng cũng đi liền với tính phức tạp và không ổn định. Nhiều khuynh hướng tìm tòi chỉ rộ lên trong một khoảng thời gian ngắn ngủi rồi lịm tắt, thị hiếu của công chúng không thuần nhất và cũng luôn biến động, các thể loại cũng thăng trầm trồi sụt khá bất thường. Sự phức tạp và không ổn định này là đặc điểm tất yếu của một giai đoạn văn học mang tính giao thời, nhưng cũng còn do một nguyên nhân rất cơ bản nữa, đó là sự chi phối của cơ chế thị trường. Văn học tất yếu phải thành một sản phẩm hàng hóa trong một nền kinh tế thị trường, điều đó vừa có tác động thúc đẩy sự phát triển văn học, vừa có nhiều tác động tiêu cực khó tránh khỏi đối với cả sáng tác lẫn xuất bản, phê bình và công chúng.

Trên đây chúng tôi đã cố gắng và mạnh dạn thử khái quát những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam thời kỳ từ sau năm 1975. Những đặc điểm ấy chỉ được bộc lộ đầy đủ và mạnh mẽ từ giữa những năm 80, khi văn học cùng với toàn xã hội Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới. Cũng có thể còn có những đặc điểm khác của văn học thời kỳ này, nhưng ba đặc điểm trên đây, theo chúng tôi vẫn là những đặc điểm cơ bản. Dẫu sao việc xác định những đặc điểm của một thời kỳ văn học còn đang tiếp diễn là một công việc khó khăn rất cần đến sự suy nghĩ, trao đổi của giới nghiên cứu, phê bình và sáng tác. Những ý kiến trong bài này chỉ xin được coi là những đề xuất để cùng suy nghĩ, thảo luận...❑

(2) *Trang giấy trước đèn*. Nxb Khoa học xã hội 1994, tr 95

Digitized by Google

CHI BỘ VỚI VIỆC GIÁO DỤC, QUẢN LÝ ĐẢNG VIÊN

BÙI THÀNH PHẦN *

Như chúng ta biết, chi bộ là hạt nhân chính trị ở cơ sở, là nơi rèn luyện, giáo dục, quản lý và phát triển đảng viên ; nơi tạo nguồn xây dựng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị ; bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, là cầu nối giữa Đảng với nhân dân. Chi bộ là nơi tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của đảng, đưa nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống.

Có thể nói, công tác xây dựng Đảng những năm qua đã làm được nhiều việc tốt, có kết quả nhưng cũng nổi lên một số vấn đề đáng quan tâm. Trong Dự thảo Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng khóa VIII trình Đại hội IX của Đảng có nêu : *"Sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, tệ tham nhũng, quan liêu ở một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên là nghiêm trọng"*.

Nhận định trên là rất đúng. Quả thật, đã qua 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng chúng ta cũng chỉ mới đạt được một số kết quả nhất định. Thực tế cho thấy, công tác quản lý đảng viên là một vấn đề hết sức phức tạp đòi hỏi chúng ta cần phải tiến hành nghiên cứu sâu, phân tích kỹ để có những biện pháp thích hợp đối với những mô hình của từng loại hình chi bộ khác nhau như : chi bộ đường phố, chi bộ trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, trong lực lượng vũ trang ; cơ quan nghiên cứu khoa học, văn hóa - nghệ thuật ; các cơ sở kinh tế (quốc doanh và ngoài quốc doanh) ; các đơn vị hoạt động lưu động ; đảng viên ở cấp cơ sở và cấp trên cơ sở v.v... một cách cụ thể, sinh động thì mới đưa ra được những giải pháp tốt.

Mọi biểu hiện của sự suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, hách dịch, tham nhũng, cửa quyền của bất cứ cán bộ, đảng viên nào dù ở cương vị cao hay thấp, hoặc đảng viên không giữ chức vụ đều được biểu hiện cụ thể bằng hành vi, lời nói, việc làm *ở nơi công tác và nơi cư trú*. Có thể ở lúc này, lúc khác mặc dù được khéo léo che đậy một cách tinh vi nhưng nhất định không thể che giấu mãi được. Cái chính là có cơ chế, quy chế, quy định cho rõ ràng và cán bộ, đảng viên, quần chúng, những người trung thực có dám đấu tranh thẳng thắn để chỉ ra những sai lầm khuyết điểm nhằm giáo dục, cảnh tỉnh, ngăn chặn những hành vi sai phạm của cán bộ, đảng viên đã thoái hóa, biến chất đó không ?

Để làm được những điều trên đây, theo tôi cần làm một số việc sau :

Một là : Phải thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố chi bộ thật sự trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị cơ sở. Duy trì nghiêm túc nền nếp sinh hoạt chi bộ, giữ vững nguyên tắc tập trung, dân chủ. Thực tiễn cho thấy ở đâu chi bộ được kiện toàn, củng cố, nội bộ đoàn kết thì nơi đó ít có sai phạm, nếu có thì được phát hiện xử lý kịp thời. Cụ thể tôi xin nêu một vài ví dụ : Có một người là đảng viên đã bị khai trừ ra khỏi Đảng, nhưng bằng nhiều thủ đoạn tinh vi đã giả mạo hồ sơ để được sinh hoạt Đảng ở nhiều nơi, sau này chuyển về sinh hoạt tại chi bộ thuộc Đảng bộ phường Thành Công (Hà Nội). Do công tác quản lý đảng viên tốt nên chi bộ đã phát hiện ra hành vi gian dối, khai man hồ sơ lý lịch để lừa nhiều cơ quan, được cấp nhiều nhà, được hưởng chế độ gia đình liệt sỹ, cán bộ lão thành cách mạng, phụ cấp ưu đãi... Từ đó chi bộ đã báo cáo kịp thời với các cấp có thẩm quyền xem xét xử lý xóa tên khỏi danh sách đảng viên và đưa ra xử lý trước pháp luật. Trường hợp khác, một đảng viên sinh hoạt tại chi bộ thuộc Đảng bộ phường Cống Vị có sai phạm nghiêm trọng về nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng đáng phải khai trừ ra khỏi Đảng nhưng do "dĩ hòa vi quý", ngại va chạm nên chi bộ chỉ biểu quyết đề nghị ở mức kỷ luật khiển trách. Từ hai ví dụ trên cho thấy việc xây dựng củng cố chi bộ trong sạch, vững mạnh có ý nghĩa quyết định đến việc giáo dục, quản lý đảng viên như thế nào!

Hai là : Chi bộ phải thường xuyên giáo dục đảng viên rèn luyện tính tự giác, ý thức kỷ luật của Đảng, chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là đối với bí thư chi bộ. Tính tiên phong gương mẫu là thuộc tính của người đảng viên cộng sản, nhưng ở đây sự gương mẫu của Bí thư chi bộ, của cấp ủy viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc nêu gương sáng cho đảng viên

* Bí thư Quận ủy Ba Đình, Hà Nội

Digitized by Google

và quần chúng học tập, noi theo. Sự gương mẫu của đảng viên ở chi bộ đường phố được biểu hiện từ những việc rất nhỏ như giữ gìn vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh, trật tự an toàn xã hội, trật tự đô thị, trong đoàn kết xóm phố, giáo dục gia đình vợ con gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách. Đối với những đảng viên công tác ở các cơ quan chính quyền, hoạt động trong các ngành bảo vệ pháp luật thì sự tự giác, gương mẫu được thể hiện trong việc quan hệ tiếp xúc giải quyết công việc đối với nhân dân và các tổ chức xã hội, không được làm trái các quy trình công tác, các quy định của pháp luật, gây khó dễ để được nhận hối lộ như câu cửa miệng của quần chúng thường nói : *"làm khó để lót tiền ra"*, hoặc lợi dụng chức trách, nhiệm vụ để tham nhũng bòn rút công quỹ nhà nước.

Ba là : Chi bộ phải xây dựng được quy chế thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Việc này đã nêu thành nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng, nhưng trong thực tế không được coi trọng thường xuyên và cũng chưa có cơ chế để bảo đảm cho việc tự phê bình và phê bình có hiệu quả, chất lượng... từ đó dẫn đến tình trạng phê bình chiếu lệ, hình thức, hoặc lợi dụng phê bình để đả kích, gây nghi ngờ, mất đoàn kết nội bộ. Ở chi bộ phải căn cứ vào việc phân công trách nhiệm, chức trách, nhiệm vụ cho từng đảng viên để trên cơ sở đó mà tự phê bình và phê bình. Phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để quần chúng nhân dân phê bình ; phát hiện, tố giác cán bộ, đảng viên tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước (kể cả ở nơi công tác và nơi cư trú). Các cấp ủy cần có tổ chức, bộ máy chuyên trách, có quy định ngày và nơi tiếp dân, tiếp cán bộ đảng viên hoặc có hòm thư, *số điện thoại "nóng"* để thu nhận thông tin của dân. Mọi ý kiến của nhân dân được xử lý, giải đáp triệt để chu đáo, không làm qua loa, chiếu lệ, thậm chí không được *"im lặng đáng sợ"* và phải bảo vệ người phê bình tố giác. Những ý kiến góp ý chân tình, có trách nhiệm và tâm huyết của quần chúng nhân dân đối với đảng viên và tổ chức đảng không nên coi là ý kiến *"tham khảo"*. Bởi chữ *"tham khảo"* nhiều khi cũng chỉ là hình thức, tham khảo để đấy, không được đưa ra xem xét, đánh giá một cách nghiêm túc, khách quan.

Bốn là : Chi bộ phải là nơi tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định của Trung ương về công tác quản lý cán bộ, về công tác bảo vệ chính trị nội bộ. .. Đối với những cơ quan đơn vị hoạt động có tính chất lưu động, đối ngoại, đảng viên thường hoạt động độc lập, xa nơi công tác và nơi sinh hoạt chi bộ dài ngày hoặc đảng viên ở một nơi, sinh hoạt đảng một nơi (nhất là số đảng viên hưu trí) thì phải có cơ chế, biện pháp quản lý đảng viên thật cụ thể ; có chế độ báo cáo của đảng viên với tổ chức đảng, chi bộ về việc làm của mình trong thời gian hoạt động xa đơn vị, hoặc chuyển sinh hoạt đảng về nơi cư trú... Thực tế những năm trước đây ở đảng bộ quận Ba Đình đã có những đảng viên ở cơ quan, địa phương thấy tốt, có năng lực trong công tác, nói năng đúng mức... Nhưng khi hoạt động đơn lẻ, độc lập không có sự quản lý của chi bộ thì những đảng viên đó đã có những bài viết, những buổi diễn thuyết... với nội dung sai trái, phủ định và bôi nhọ những thành quả cách mạng ; có đảng viên vi phạm pháp luật, buôn bán ma túy nhưng chi bộ và cơ quan không biết... Cuối cùng gây ra hậu quả xấu, rất nghiêm trọng về chính trị - xã hội. Do vậy, Đảng cần có những quy định và trong sinh hoạt định kỳ của chi bộ cũng cần có nội dung học tập, quán triệt. Đảng viên phải báo cáo việc thực hiện những quy định của Trung ương như : các quy định về đảng viên khi đi công tác học tập và làm việc ở nước ngoài, quy định về 19 điều cấm ; nói và viết những vấn đề về lịch sử của Đảng ; thực hiện pháp lệnh về công chức, viên chức ; đảng viên cần được giới thiệu về sinh hoạt ở nơi cư trú...

Thời gian vừa qua cho thấy nếu ở đâu thực hiện nghiêm túc những quy định này thì ở đó bảo vệ được cán bộ, đảng viên, bảo vệ được tổ chức đảng tốt hơn, chủ động ngăn chặn được những sai phạm.

Năm là : Chi bộ phải thường xuyên quan tâm tới việc động viên, làm tốt công tác thi đua khen thưởng cả về tinh thần lẫn vật chất. Xây dựng tình thương yêu đồng chí, đồng đội, quan tâm thăm hỏi, giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, rủi ro, hoạn nạn ; xây dựng môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh trong một tập thể đơn vị, tạo không khí dân chủ, đoàn kết, phấn khởi để thúc đẩy các mặt công tác phát triển. Đồng thời Đảng và Nhà nước cũng cần có những chính sách tốt để cán bộ, đảng viên yên tâm công tác, chiến đấu không phải quá lo toan xoay xở trong cuộc sống vất vả hằng ngày của bản thân và gia đình... Trên cơ sở đó ngăn chặn "đầu vào" và từng bước loại trừ hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, suy thoái biến chất của cán bộ, đảng viên.

Trong tình hình hiện nay công tác xây dựng Đảng đang có những vấn đề mới được đặt ra, như : đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực ; ngăn chặn sự suy thoái về lý tưởng, đạo đức, lối sống... trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Vì vậy, công tác quản lý, giáo dục đảng viên cần được nghiên cứu, phân tích sâu sắc để có được những giải pháp tích cực và đồng bộ từ những chủ trương chính sách mang tính vĩ mô đến những biện pháp cụ thể, sáng tạo ở từng chi bộ, tế bào quan trọng của tổ chức đảng. Mặt khác, chi bộ có làm được tốt công tác quản lý hay không lại còn phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo tích cực ở các cấp trên chi bộ, từ đó mới tạo được sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng và mới có khả năng ngăn chặn được sự suy thoái biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên.❑

Digitized by Google

PHÁT HUY LỢI THẾ SO SÁNH, NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA CÂY CÀ PHÊ

TRẦN TỎ *

TRẢI qua bao thăng trầm, đến nay cà phê Việt Nam đã xác định đúng vị trí của mình trong số các mặt hàng nông sản xuất khẩu chiến lược, đã thực sự trở thành mặt hàng mũi nhọn trong xuất khẩu nông sản của nước ta. Nếu năm 1980, cả nước mới có 22,5 ngàn ha với sản lượng 8,4 ngàn tấn, thì đến năm 1995 đã có khoảng 186 ngàn ha, sản lượng 218,1 ngàn tấn và năm 2000 có tới 255 ngàn ha, sản lượng 554 ngàn tấn. *Trong vòng 20 năm, diện tích trồng cà phê ở nước ta tăng gấp 11,3 lần, sản lượng gấp 66,0 lần, năng suất tăng gấp 3 lần... Điều đó cho thấy sự phát triển và sức cạnh tranh của cây cà phê Việt Nam là khá cao trên thị trường thế giới.*

Lợi thế và sức cạnh tranh của cà phê Việt Nam trong sản xuất, xuất khẩu và giá cả thể hiện trên mấy nội dung chính như sau :

a - Trong sản xuất và xuất khẩu : Trong khu vực châu Á, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Thái Lan, Phi-líp-pin là những nước có diện tích trồng cà phê nhiều nhất. Trong đó, In-đô-nê-xi-a có diện tích trồng cà phê tới 770 ngàn ha, gấp 3 lần Việt Nam. Tuy nhiên, năng suất cà phê của In-đô-nê-xi-a luôn thấp hơn Việt Nam, sản lượng xuất khẩu vừa qua lại giảm do cháy rừng. Kết quả là từ năm 1997 đến nay Việt Nam luôn vượt In-đô-nê-xi-a về sản lượng xuất khẩu từ 6% - 56%. Việt Nam sản xuất và xuất khẩu chủ yếu là cà phê Robusta, nên sự cạnh tranh sẽ diễn ra khá mạnh với các nước trồng và xuất khẩu cà phê Robusta trên thế giới như : Bra-xin, Ác-hen-ti-na, nhất là các nước trong khu vực : In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin. Đối thủ cạnh tranh trong khu vực như In-đô-nê-xi-a đang có nhiều tiềm lực, hằng năm xuất khẩu với một lượng cà phê lớn, từ 350 - 380 ngàn tấn, có bề dày kinh nghiệm và có thị trường xuất khẩu khá ổn định. Vì vậy, Việt Nam phải linh hoạt, nhạy bén trước mọi điều kiện, phát huy tối đa các lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh, nâng cao phẩm cấp và chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm chế biến và tạo môi trường thuận lợi trong thương mại... Đây chính là những nội dung quan trọng trong chiến lược phát huy "lợi thế cạnh tranh" để phát triển và ổn định thị trường, tạo vị thế và uy tín cà phê Việt Nam trên thương trường quốc tế.

b - Lợi thế về năng suất và chất lượng : Năng suất cà phê của Việt Nam vào loại nhất nhì thế giới. Có nhiều điển hình năng suất đạt 30 tạ/ha trên diện rộng với quy mô hàng ngàn ha như : Nông trường Eachur Cap, Ea Sim, IA Sao, Phước An, Thắng Lợi, Tháng Mười, Drao. Năng suất cà phê Việt Nam nhìn chung cao hơn In-đô-nê-xi-a khoảng 1,5 - 1,7 lần (xem biểu 1).

Biểu 1 : Năng suất cà phê của Việt Nam và một số nước trên thế giới.

ĐVT : kg/ha

Năm	Việt Nam	In-đô-nê-xi-a	Châu Á	Thế giới	VN/Thế giới (lần)
1991	800	561	421	469	1,7
1996	1 300	559	770	552	2,4
1997	1 710	847	775	600	2,9
1998	1 830	927	767	650	2,8
1999	1 900	930	780	680	2,8

Nguồn : Bộ Thương mại và số liệu tổng hợp của tác giả

Do điều kiện thiên nhiên và sinh thái thuận lợi nên cà phê Việt Nam có chất lượng tốt. Thế giới đánh giá cao chất lượng thơm ngon tự nhiên của cà phê Việt Nam. Hiệp hội Cà phê - Ca cao thế giới đã xếp cà phê Việt Nam có chất lượng tốt hơn Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a, tương đương Bra-xin, Ác-hen-ti-na. Bên cạnh đó, *Việt Nam còn có nguồn lao động dồi dào, giá tiền công thường thấp hơn các nước từ 3 - 5 lần nên chi phí sản xuất thấp hơn nhiều so với các nước. Giá thành cà phê dưới 1 000 USD/tấn cũng là một lợi thế quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh mặt hàng này trên thị trường thế giới.*

Hơn nữa, vụ mùa của Việt Nam và In-đô-nê-xi-a lệch nhau hoàn toàn. Khi In-đô-nê-xi-a kết thúc thì Việt Nam vào vụ. Bởi vậy, cà phê Việt Nam càng có

* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

Digitized by Google

điều kiện và lợi thế xâm nhập thị trường, phát huy lợi thế nâng cao sức cạnh tranh. Mặt khác, xét về chỉ số DRC (chi phí nguồn lực nội địa cho sản xuất cà phê xuất khẩu) bình quân của Việt Nam giai đoạn 1995 - 2000 là 0,484, riêng năm 2000 là 0,388. Nghĩa là xuất khẩu cà phê luôn có hiệu quả. Tuy nhiên, *chi phí thấp mới chỉ là sự khởi đầu của năng lực cạnh tranh, từ lợi thế so sánh về chi phí thấp đến khả năng cạnh tranh thực tế phải được thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại.* Vì từ sản xuất sản phẩm đến xuất khẩu còn là một chặng đường dài không ít khó khăn, bất cập như các vấn đề thị trường, chất lượng chế biến, môi trường kinh doanh và hàng loạt các tác động về thể chế chính sách đối với xuất nhập khẩu... Do vậy, cần tạo lập môi trường thương mại để biến lợi thế về chi phí và giá thành thấp trở thành lợi nhuận thương mại.

c - Giá xuất khẩu cà phê : Cà phê Việt Nam chủ yếu để xuất khẩu, giá xuất khẩu phụ thuộc khá nhiều vào sự biến động giá cả của thị trường cà phê trên thế giới (xem biểu 2).

Biểu 2 : Giá xuất khẩu cà phê Robusta Việt Nam

ĐVT : USD/tấn

Năm / Thị trường	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000
Tại Luân Đôn	1022	839	1056	2538	2525	2158	2315	2350	1982	1350
Tại Việt Nam (FOB)	882	733	860	1722	2461	1196	1260	1542	1214	715
Chênh lệch giá, (%) (VN/ Luân Đôn)	86,3	87,4	81,4	67,8	97,5	55,4	54,4	65,6	61,3	53,0

Qua biểu trên cho thấy mức giá cà phê của Việt Nam thường thấp hơn rất nhiều so với mức giá xuất khẩu của các nước, có lúc lên tới gần 1 000 USD/tấn, (thấp hơn 30 - 45%). Một phần do Việt Nam thường xuất khẩu theo điều kiện giá FOB, không có điều kiện thuê tàu và kinh nghiệm trong thương mại quốc tế để xuất khẩu theo giá CIF. Mặt khác, do trình độ tiếp thị và khâu bảo quản kém, cạnh tranh lộn xộn trong thu mua và nắm nguồn hàng, nên mỗi khi có nhu cầu nhập khẩu của thế giới, các hoạt động mua, bán và đầu cơ trục lợi cạnh tranh không lành mạnh gây thất thoát, thiệt thòi cho cả người sản xuất và cho xã hội.

Giá cả cà phê thế giới trong 5 năm gần đây có nhiều biến động lớn, đặc biệt từ cuối năm 1998 đến nay giá giảm liên tục đã làm giảm năng lực cạnh tranh của cà phê. Yếu tố giá xét dưới góc độ về chỉ số năng lực cạnh tranh về giá (c_1) đối với Việt Nam đã giảm (c_1 = - 7,88), trong đó do tỷ giá hối đoái danh nghĩa làm giảm sức cạnh tranh - 1,55, yếu tố chính sách, môi trường thương mại giảm - 6,26 và giá cả quốc tế giảm - 0,06. Dự kiến giá thành từ năm 2001 đến 2005 và các năm tiếp theo khoảng 11 000 - 12 000 đ/kg (chưa có lãi) và các chi phí xuất khẩu 1 200 - 1 500đ/kg và giá thành xuất khẩu là 13 500 - 14 000đ/kg. Với giá xuất khẩu bình quân như hiện nay là 850 USD/tấn (khoảng 12 ngàn đồng/kg) thì xuất khẩu cà phê vẫn bị lỗ (theo báo cáo của ngành cà phê, năm 2000 ước tính lỗ khoảng 100 - 110 tỉ đồng). Đương nhiên, để thấy rõ hơn lợi thế cạnh tranh xuất khẩu cà phê cần so sánh trên một số điều kiện cơ bản khác như thị trường, chính sách thuế, môi trường thương mại...

Về tiêu thụ trong nước : Là nước sản xuất cà phê, song lượng cà phê tiêu thụ trong nước không đáng kể (khoảng 1 000 - 1 500 tấn/năm). Hiện nay nước ta đang nhập cà phê hòa tan từ Xin-ga-po (70%) và Thái Lan (30%). Việc tham gia cắt giảm thuế theo CEPT/AFTA sẽ làm các công ty sản xuất cà phê hòa tan trong nước bị cạnh tranh dữ dội, có nguy cơ giảm dần thị phần.

Về thị trường tiêu thụ nước ngoài : Có khoảng 95% cà phê xuất khẩu ở dạng cà phê nhân và sơ chế. Trong giai đoạn 1990 - 1995, Việt Nam xuất trực tiếp sang các nước SNG, Đông Âu, và một số nước khác qua mạng tiêu thụ của Xin-ga-po (chiếm 45%). Từ 1995 đến nay, vai trò trung gian của Xin-ga-po giảm dần. Đến nay, Việt Nam đã gia nhập Hiệp hội cà phê thế giới, cà phê Việt Nam có mặt ở 59 nước trên thế giới, trong đó khoảng 75 - 80% kim ngạch được xuất khẩu trực tiếp sang 30 nước. Đặc biệt, cà phê Việt Nam đã thâm nhập được vào các thị trường có sức mua cao như Hoa Kỳ (chiếm 25%). Năm nước đứng đầu nhập khẩu cà phê Việt Nam gồm : Hoa Kỳ, I-ta-li-a, CHLB Đức, Tây Ban Nha, Bỉ. Các nước này đã mua 399 500 tấn, chiếm 60% tổng lượng cà phê xuất khẩu Việt Nam năm 2000. Một yếu tố đáng kể nữa là ngoài các nhà buôn, những cơ sở chế biến cà phê nổi tiếng trên thế giới cũng đã bắt đầu thiết lập quan hệ mua bán trực tiếp. Đây là cơ hội và điều kiện mở ra một triển vọng trong ngành cà phê Việt Nam.

Trên cơ sở phân tích các lợi thế cạnh tranh cả về định tính cũng như định lượng như đã nêu ở trên, có thể đánh giá tổng quát rằng cà phê Việt Nam là ngành có lợi thế so sánh rất cao và có khả năng cạnh tranh đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, góp phần tăng trưởng kinh tế.

(Xem tiếp trang 54)

Digitized by Google

VẤN ĐỀ VIỆC LÀM : THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG GIẢI QUYẾT

ĐƯỜNG VINH SƯỜNG

Giải quyết việc làm là vấn đề bức xúc đối với nước ta cả trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới. Nhà nước đã thực hiện giải quyết việc làm trong một chính sách quốc gia rộng lớn về đầu tư và phát triển, mở rộng sản xuất và dịch vụ, đa dạng hóa ngành nghề... Nhà nước tạo cơ hội bình đẳng cho việc tạo việc làm và tìm kiếm việc làm ; đề ra chính sách phát triển thị trường lao động trong và ngoài nước. Nhờ những nỗ lực rất lớn của Đảng, Nhà nước và các thành phần kinh tế, việc làm đã tăng từ 30,2 triệu trong năm 1990 lên 40,6 triệu trong năm 2000, bình quân mỗi năm tăng thêm 1 triệu, riêng giai đoạn 1996 - 2000 bình quân mỗi năm tăng thêm 1,2 triệu việc làm. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp đang có xu hướng gia tăng trở lại cả ở thành thị và nông thôn. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, mỗi năm tới đây lực lượng lao động Việt Nam sẽ tăng hơn 1 triệu người, thậm chí 1,2 triệu trong thập niên tới. Khu vực nông nghiệp đã và đang thu nhận hơn 600 000 lao động mỗi năm, nhưng tốc độ thu nhận đang giảm dần. Việc làm trong khu vực công nghiệp và xây dựng hầu như không tăng kể từ năm 1995 đến nay và chỉ có khả năng thu nhận dưới 2% số lao động tăng thêm. Trong khu vực dịch vụ, tốc độ tăng trưởng việc làm giảm, hai năm 1999 - 2000 mỗi năm chỉ thu hút thêm được 200 000 lao động, trong khi đó giai đoạn 1995 - 1997 mỗi năm thu hút 500 000 lao động. Các công ty lớn trong khu vực công nghiệp cũng khó có khả năng gia tăng mức độ thu nhận lao động nếu như không có sự thay đổi mạnh mẽ về mức độ và hình thức đầu tư công nghiệp. Xu hướng trên cho thấy khả năng giải quyết việc làm những năm tới đây là khó khăn và phức tạp.

Chúng ta dễ dàng nhận thấy, cơ cấu lực lượng lao động thay đổi rất chậm, mặc dù sản lượng và cơ cấu kinh tế thay đổi tương đối rõ nét. Những năm qua tỷ trọng nông nghiệp giảm, tỷ trọng công nghiệp tăng, tỷ trọng dịch vụ trong tổng sản lượng hầu như không đổi. Năm 1993, nông nghiệp chiếm 28,9% ; công nghiệp 25,3% ; dịch vụ 43,4%, đến năm 1999 tỷ trọng tương ứng là : nông nghiệp 23,5% ; công nghiệp 33,5% ; dịch vụ 42,5%. Tỷ trọng lao động trong các khu vực, năm 1993 : nông nghiệp 71,7% ; công nghiệp 11,3% ; dịch vụ 17,0%, đến năm 1999 tỷ trọng tương ứng là 69% ; 12,1% ; 18,9%. Điều đó phản ánh tốc độ tăng trưởng về sản lượng và tốc độ tăng trưởng lao động trong các khu vực là rất khác biệt. Trong giai đoạn 1993 - 1999 tốc độ tăng sản lượng của nông nghiệp là 4,2%, công nghiệp là 12,7%, dịch vụ là 8,2%. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng lao động giai đoạn này của nông nghiệp là 1,7%, công nghiệp là 4,1%, dịch vụ là 4,8%. Như vậy, cứ 2,5% tăng trưởng sản lượng trong nông nghiệp sẽ dẫn đến việc làm tăng trưởng 1%. Trong khu vực dịch vụ chỉ cần 1,7% tăng trưởng sản lượng sẽ dẫn đến tăng thêm 1% việc làm. Trong khu vực công nghiệp thì phải có 3% tăng trưởng sản lượng mới tạo được 1% tăng việc làm. *Có thể nói khu vực nông nghiệp vẫn là nơi tạo việc làm nhiều nhất, sau đó đến khu vực dịch vụ và cuối cùng là khu vực công nghiệp.* Vấn đề cần quan tâm ở đây là, tỷ trọng sản lượng công nghiệp trong những năm qua đã tăng từ 1/4 lên 1/3 trong tổng sản lượng, nhưng tỷ trọng lao động vẫn rất nhỏ chỉ bằng 1/9 ÷ 1/10 tổng số. Thực tế cho thấy khu vực nông nghiệp gặp khó khăn trong tạo việc làm là điều dễ hiểu bởi thu nhập của lao động nông nghiệp thấp hơn rất nhiều so với các khu vực khác và khoảng cách này sẽ ngày càng gia tăng. Tốc độ gia tăng việc làm trong khu vực nông nghiệp sẽ chậm lại, vì tăng trưởng trong nông nghiệp khó có thể vượt quá 4% trong khi đó lực lượng lao động gia tăng và lượng lao động tồn đọng trong khu vực nông nghiệp lại quá lớn. Do vậy, khu vực nông nghiệp có

* TS, Phó Viện trưởng Viện TTKH - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

thể thu hút được bao nhiêu lao động gia tăng trong tương lai là một vấn đề rất quan trọng, cần phải xem xét kỹ. Hiện nay, khoảng 70% lực lượng lao động hoạt động trong khu vực nông nghiệp, những năm qua mỗi năm khu vực này thu hút thêm 600 000 lao động. Tuy nhiên, trong tương lai mức gia tăng lao động trong khu vực nông nghiệp sẽ thấp hơn nhiều, vì các lý do sau : *Một là,* những năm tới tăng trưởng trong nông nghiệp sẽ diễn ra theo xu hướng giảm về khối lượng, tăng về giá trị. Điều này xuất phát từ chỗ thị trường của một số mặt hàng bão hòa (như gạo, cà phê, cao su), người nông dân sẽ tập trung vào sản xuất các loại sản phẩm có chất lượng và giá trị cao hơn thay vì chỉ đơn thuần gia tăng số lượng. Theo hướng này, việc gia tăng giá trị có thể không cần thêm quá nhiều lao động như việc gia tăng sản lượng trước đây : *Hai là,* thu nhập theo lao động trong nông nghiệp rất thấp so với các khu vực khác, dẫn đến khả năng thu hút lao động kém đi, người lao động sẽ tìm kiếm việc làm ở các khu vực khác. *Ba là,* những người mới gia nhập lực lượng lao động thường có trình độ văn hóa khá hơn, có đủ khả năng làm các công việc phi nông nghiệp. Thực tế cho thấy, những người này sẽ hướng tới các công việc ở thành thị hay ít nhất cũng là công việc phi nông nghiệp. Với những lý do trên, trong những năm tới khu vực nông nghiệp chỉ có thể thu hút thêm khoảng 250 000 lao động mỗi năm, bằng 20% mức tăng trưởng lao động hằng năm. *Điều này đặt ra yêu cầu là các khu vực khác phải làm sao tạo ra được 1 triệu việc làm mỗi năm.*

Hiện nay những người hưởng lương chỉ chiếm 11% tổng số lao động. Trong tổng số lao động hưởng lương có khoảng 22% làm việc cho các cơ quan đảng, nhà nước (bao gồm cả quân đội) ; 14% trong các doanh nghiệp nhà nước ; 8% trong các công ty liên doanh và các công ty nước ngoài ; hơn 41% là lao động trong các công ty tư nhân (bao gồm cả các hộ gia đình) ; 14% lao động thuộc các dạng khác và lao động trong các hợp tác xã (HTX phi nông nghiệp) chỉ chiếm khoảng 1%. Trong tương lai, cùng với cải cách hành chính nhà nước, lao động hưởng lương trong các cơ quan đảng, nhà nước sẽ giảm cả tuyệt đối và tương đối. Đây không phải là nguồn tăng thêm việc làm. Những năm tới, số lao động trong các doanh nghiệp nhà nước sẽ không tăng vì số lao động hiện có đang nhiều hơn mức cần thiết cho nên các doanh nghiệp nhà nước vẫn có thể tăng thêm sản lượng mà không cần tuyển thêm lao động. Từ năm 1995 đến 1999 việc làm ở các doanh nghiệp nhà nước thuộc tất cả các ngành (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ thương mại) tăng từ 2,1 lên 2,3 triệu. Lộ trình sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước những năm tới sẽ làm cho việc gia tăng việc làm ở khu vực này không còn giữ được tốc độ "khiêm tốn" như thời gian vừa qua. Theo tính toán, trong 5 năm tới, khu vực doanh nghiệp nhà nước chỉ có thể thu hút 3% số người mới gia nhập lực lượng lao động. Như vậy, khu vực doanh nghiệp nhà nước chỉ đóng góp một phần nhỏ trong giải quyết việc làm.

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) kể cả dịch vụ lẫn công nghiệp, từ năm 1993 đến 1998 đã tiếp nhận thêm 300 000 công nhân. Những năm gần đây, lượng vốn FDI thu hút được có giảm xuống dẫn đến tốc độ thu hút lao động giảm. Chính phủ dự kiến nâng mức FDI mỗi năm thu hút được lên 2 tỉ USD bằng với giai đoạn trước ; mức đầu tư trên mỗi việc làm cũng có thể giảm từ 30 000 USD xuống còn 20 000 USD nếu có nhiều dự án định hướng xuất khẩu hơn và ít dự án sử dụng nhiều vốn hơn. Với sự tính toán trên, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) sẽ giải quyết thêm được 100 000 việc làm mỗi năm, bằng 8 ÷ 9% lực lượng lao động gia tăng hằng năm.

Khu vực tư nhân nội địa chính thức (có giấy phép kinh doanh) chiếm 11% số lao động hưởng lương trong năm 1999 tức là gần 450 000 lao động (năm 1993 là 182 000 lao động). Để có thể tăng số việc làm lên gấp đôi ở khu vực này cần phải có mức tăng sản lượng 20% mỗi năm. Đây là mức tăng trưởng rất nhanh, nhưng sẽ là hiện thực đối với khu vực kinh tế tư nhân trong những năm tới. Nếu đạt được mức tăng trưởng trên sẽ có thêm 7 ÷ 8% số lao động gia tăng thêm được thu nhận vào khu vực tư nhân có quy mô nhỏ nhưng rất năng động này.

Xuất khẩu lao động và chuyên gia cũng là một nguồn góp phần giải quyết việc làm. Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương, định hướng cho công tác xuất khẩu lao động. Cùng với việc thực hiện đa dạng hóa thị trường lao động, đa dạng hóa ngành nghề xuất khẩu lao động là việc đa dạng hóa hình thức và thành phần xuất khẩu lao động, như : cung ứng lao động và chuyên gia ; hợp tác liên doanh, nhận thầu công trình, thí điểm việc cho một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia hoạt động xuất khẩu

Digitized by Google

lao động. Những chủ trương trên nhằm mục tiêu phấn đấu trong năm 2001 có thể xuất khẩu 50 000 lao động và chuyên gia, những năm sau có thể tăng lên 100 000 đến 150 000 lao động.

Tổng cộng các nguồn việc làm trên cho thấy, số việc làm tối đa gia tăng trong khu vực nông nghiệp, các khu vực khác thuộc nhà nước, khu vực có vốn FDI và khu vực tư nhân nội địa chính thức, là hơn nửa triệu việc làm mỗi năm. Như vậy còn lại hơn 600 000 việc làm cần phải được tạo ra mỗi năm cho số người mới gia nhập lực lượng lao động và một số việc làm cho những người đang thất nghiệp và thiếu việc làm. *Điều này phụ thuộc chủ yếu vào khả năng thu hút lao động của khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn và khu vực phi chính thức ở thành thị.*

Các doanh nghiệp nhỏ quy mô gia đình (chủ yếu ở nông thôn) chiếm từ 10 đến 11 triệu lao động. Để thu hút được số lao động dư thừa trên thì việc làm trong các doanh nghiệp gia đình phải tăng trưởng ở mức 7% một năm. Mức tăng trưởng việc làm này chỉ đạt được nếu tăng trưởng tổng thể khu vực nông thôn cao khoảng 8 đến 10% và có chính sách hỗ trợ tích cực. Một trở ngại rất lớn trong gia tăng việc làm ở khu vực này là hầu hết các doanh nghiệp gia đình có quy mô nhỏ bé, 90% các doanh nghiệp trong số đó không thuê lao động ngoài và trung bình chỉ có từ 3 đến 4 lao động. Vì vậy, cùng với việc thúc đẩy quá trình mở rộng quy mô sản xuất của từng gia đình là quá trình đẩy mạnh phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn nhằm thu hút thêm lao động. Các doanh nghiệp phi chính thức ở thành thị thường là các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ của các hộ gia đình thành thị, hoạt động không ổn định thường biến động phức tạp và luôn có tình trạng thu hút và giãn thải lao động một cách tự phát. Nếu được quy hoạch, sắp xếp lại theo một định hướng chiến lược ổn định, lâu dài thì hằng năm khu vực này cũng có thể thu hút thêm hàng vạn lao động mới. Có thể nói khu vực tạo thêm việc làm chủ yếu và có nhiều tiềm năng, nhất là khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn. Trong năm 1999, khối các hộ gia đình đã tạo đa số việc làm trong sản xuất và chế biến (hơn 2/3 tổng số việc làm mới trong năm). Theo số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê, mỗi cơ sở chuyên ngành nghề tạo việc làm ổn định cho 27 lao động, mỗi hộ ngành nghề tạo việc làm cho 4 - 6 lao động. Ngoài việc làm thường xuyên các hộ, các cơ sở ngành nghề còn thu hút lao động nhàn rỗi trong nông thôn bình quân 2 đến 5 người một hộ và từ 8 đến 10 người một cơ sở. Nhiều làng nghề của nước ta đã thu hút trên 60% số lao động vào các hoạt động ngành nghề. Đồng thời khi các ngành nghề nông thôn phát triển đã kéo theo việc mở ra nhiều nghề khác, nhiều hoạt động dịch vụ liên quan, tạo thêm việc làm mới thu hút thêm lao động. *Vì vậy, phát triển ngành nghề nông thôn được coi là động lực trực tiếp giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn.* Chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của Đảng và Nhà nước ta là tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trong GDP của nông thôn và tỷ trọng đó sẽ đạt 70% vào năm 2010. Với sự chuyển dịch theo hướng đó hằng năm sẽ thu hút thêm 400 000 đến 500 000 lao động nông thôn vào các hoạt động ngành nghề Vì vậy, cần chú trọng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn theo hướng cần ít vốn đầu tư, giải quyết được nhiều việc làm và có khả năng thu hút được công nghệ hiện đại, thích hợp của các nước. Ở nông thôn nước ta tiềm năng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ còn rất lớn. Để khai thác tiềm năng này những biện pháp cần thiết phải được quan tâm là :

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ tiểu thủ công nghiệp nông thôn đăng ký sản xuất, hỗ trợ các hộ phát triển và chuyển đổi thành các doanh nghiệp tư nhân, các công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc tham gia các hợp tác xã...

- Tạo môi trường bình đẳng thực sự giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong các lĩnh vực : thuê hoặc cấp đất phục vụ sản xuất kinh doanh, vay vốn tín dụng và bảo lãnh tín dụng, xuất khẩu trực tiếp, hỗ trợ trong việc đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao công nghệ, dịch vụ kỹ thuật...

- Khuyến khích các hình thức hợp tác, phân công sản xuất và hình thành hệ thống chuyên môn hóa trong cùng một ngành hàng của các hộ ngành nghề nông thôn, như : có hộ chuyên lo nguyên liệu, có hộ chuyên lo tiêu thụ sản phẩm, có hộ chuyên sản xuất...

- Khuyến khích thành lập các hiệp hội nghề nghiệp để hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và tránh cạnh tranh không lành mạnh...

- Khôi phục và phát triển các làng nghề cũ cùng với việc giải quyết các vấn đề về môi trường, đổi mới công nghệ và thiết bị, bồi dưỡng nghệ nhân, đào tạo thợ trẻ...

Digitized by Google

- Xây dựng và phát triển các làng nghề mới theo quy hoạch và gắn với quy hoạch nông thôn. Đối với những làng, xã chưa phát triển ngành nghề cần lựa chọn, bồi dưỡng, hỗ trợ một số doanh nghiệp trẻ, năng động, biết cách làm ăn để làm nòng cốt thu hút các hộ, các cá nhân tham gia phát triển ngành nghề nông thôn, nhằm dần dần hình thành các cụm, trung tâm tiểu thủ công nghiệp trong mỗi xã, tạo cho mỗi xã có một sản phẩm tiêu biểu.

- Có biện pháp giúp các hộ tiểu thủ công nghiệp tiếp cận thị trường trong nước và nước ngoài bằng cách : ưu tiên về quảng cáo, triển lãm, cung cấp thông tin về thị trường ; cho quyền đăng ký kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp...

- Khuyến khích các chủ đầu tư từ thành phố hoặc từ nước ngoài vào ngành nghề nông thôn bằng việc miễn thuế trong 3 - 5 năm đầu (tùy theo loại nghề, loại sản phẩm) và tiếp tục giảm thuế 50% trong 2 đến 3 năm tiếp theo.

- Thành lập quỹ phát triển ngành nghề nông thôn, quỹ bảo lãnh tín dụng để tạo điều kiện cho các hộ và các cơ sở ngành nghề vay vốn phát triển sản xuất ; phát triển các quỹ tín dụng nông thôn để huy động vốn nhàn rỗi phát triển ngành nghề ; tăng cường đầu tư từ ngân sách cho phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản và phát triển ngành nghề nông thôn...

Các giải pháp trên sẽ thúc đẩy phát triển ngành nghề trong nông thôn nhằm thu hút lao động, giải quyết việc làm. Đây là hướng cơ bản nhất để giải quyết việc làm trong những năm tới. Bởi lẽ, ngay cả khi toàn bộ khối công nghiệp chính thức, bằng cách nào đó có thể tăng lực lượng lao động của mình lên gấp đôi trong 5 năm thì cũng chỉ tạo được số việc làm thấp hơn mức tăng trưởng lực lượng lao động trong một năm. Vì vậy, triển vọng giải quyết việc làm trong những năm tới phụ thuộc chủ yếu vào sự phát triển của khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn. Đương nhiên với điều kiện các khu vực khác cũng phải tích cực tham gia vào giải quyết việc làm. Chính vì vậy vấn đề việc làm là vấn đề bức xúc của toàn xã hội, của mọi thành phần kinh tế và của mọi ngành, mọi lĩnh vực. Vấn đề việc làm phải được triển khai bằng một chương trình quốc gia đồng bộ, rộng khắp ; phải là trách nhiệm chung của toàn xã hội cũng như của mọi tổ chức, mọi công dân. ❑

PHÁT HUY LỢI THẾ...

(Tiếp theo trang 50)

Tuy nhiên, để biến lợi thế so sánh thành lợi thuận thương mại cần giải quyết tốt các vấn đề sau :

1 - Phát huy tốt các lợi thế tương đối và tuyệt đối (tài nguyên, đất đai, thời tiết, khí hậu, sinh thái và lao động...) tạo lợi thế mới về năng suất, chất lượng, chi phí và giá thành sản xuất. Đồng thời, do quan hệ cung - cầu đang trong trạng thái bão hòa, nên việc mở rộng diện tích phải được tính toán chặt chẽ. Trước mắt, cần tập trung đầu tư thâm canh, nâng cao chất lượng các dịch vụ là nội dung quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất - xuất khẩu cà phê trong những năm tới.

2 - Nâng cao chất lượng cà phê từ các khâu : nghiên cứu và triển khai chương trình giống cà phê, quy hoạch vùng sản xuất bảo đảm các cân đối sinh thái (nước - vườn) và chủng lại (Robusta - Arabica). Trước mắt không nên tăng diện tích Robusta ở Tây Nguyên. Việc phát triển cà phê Arabica ở Trung Bộ và miền núi phía Bắc cần được tiến hành theo quy hoạch ngay từ đầu, bảo đảm phù hợp điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng và khí hậu. Tránh tình trạng làm theo phong trào, gây dư thừa sản lượng không có thị trường tiêu thụ.

3 - Đầu tư đổi mới công nghệ chế biến để nâng cao tỷ trọng cà phê cấp độ cao và tỷ trọng chế biến sâu. Đổi mới tiêu chuẩn chất lượng và hoàn thiện công tác quản lý, kiểm tra chất lượng, đồng thời đồng bộ hóa các chính sách (vốn, tín dụng, khoa học - kỹ thuật và công nghệ...). Để nâng cao tỷ trọng cà phê cấp độ cao, ngành cà phê cần có đầu tư lớn ban đầu vào ngành chế biến, khoảng 30 triệu USD (tương đương mức mà ngành cà phê đã nộp cho nhà nước trong 2 năm 1994 - 1995 theo chế độ phụ thu).

4 - Nâng cao vai trò của Vicofa Việt Nam, kịp thời có những điều chỉnh và can thiệp vào thị trường một cách có hiệu quả (kinh nghiệm như niên vụ 2000/2001 khi giá cà phê xuống dưới mức 400 USD/tấn, Vicofa đã can thiệp và thực tế là giá cà phê đã tăng lên).

5 - Thúc đẩy nhân tố thương mại trong nông thôn, thiết lập các kênh thu mua tiêu thụ cà phê cung ứng cho xuất khẩu.

6 - Ngoài việc phải duy trì thị trường cũ đã ổn định, cần chú ý các cơ hội mới với chiến lược mở rộng và khai thác tốt các thị trường cao cấp như EU, Hoa Kỳ, Xin-ga-po, Nhật Bản, Hàn Quốc và các thị trường tiềm năng có nhu cầu lớn như Nga, Đông Âu, Trung Quốc... ❑

Digitized by Google

CÁI KHÓ KHI LỰA CHỌN !

PHẠM ĐỨC RỤC

Có ngót ba chục năm lăn lộn làm việc dưới cơ sở, tôi từng thấm đậm chất mặn, ngọt của thực tế với không ít những vui buồn. Thế nhưng nói ra điều chưa hay, chưa đẹp của người này, người kia xung quanh mình thì quả thực... nể quá, ông ạ ! Lời tâm sự của bạn, tôi tin, bởi cuộc sống là mối quan hệ đa chiều, tổng hòa mà cũng khá tế nhị. Vừa là đồng chí lại vừa là bạn bè, hằng ngày gặp nhau miệng chào, tay bắt, dăm đôi câu thăm hỏi thường tình. Đến những dịp hội hè đồng môn, đồng khóa, mừng sinh nhật, mừng cưới con cái của nhau và nhâm nhi nâng cốc chúc tụng xen những tiếng cười sảng khoái... Nghĩ tới những "hoàn cảnh" đó dù trong khoảng khắc nhất thời mà lòng dạ bỗng phân thân có chiều lưỡng lự khi nhìn vào danh sách phiếu bầu cử cấp ủy có tên ông này, bà kia. Lấy ai, bỏ ai đây ? Một câu hỏi như chợt tới mà cũng như thường trực bấy lâu.

Ông A. vốn thủ trưởng cũ trong quân đội khi xưa anh em gian khổ bên nhau, ân nghĩa cũng chẳng còn điều gì trách cứ. Nhiều năm trước ông vẫn luôn là nhân vật đáng kính : hài hòa trong mọi mối quan hệ, không thù ghét ai, oán giận ai bao giờ. Cái uy tín ông được nâng dần qua năm tháng làm việc nghiêm túc, hết mình. Nhưng rồi "cơn lốc" của cơ chế thị trường đã cuốn ông vào cái guồng máy sự hám danh lợi mà tự mình làm mờ cái "uy" mình vốn có. Vậy có nên chọn ông ?. Bà H. trưởng phòng tài vụ, người được giao tay hòm chìa khóa của cơ quan "con cưng" của Ban giám đốc, chớ có "đùa". Chẳng ai muốn nói ra điều này : chế độ thu chi từ xe cộ, điện thoại... đến những khoản kế hoạch phụ của mấy vị trong Ban giám đốc còn ai là người biết hơn bà ta. Quan trọng là thế đó. Phải dành cho bà H. một phiếu bầu, âu cũng là phù hợp trong mối quan hệ "tế nhị" ấy.

Tiếp đến là một "thành phần" trong "bộ tứ" rất quan trọng của cơ quan - ông chủ tịch công đoàn (không chuyên). Thôi thì năng lực chuyên môn nghiệp vụ có hơi yếu một chút, bù lại ông là một người rất năng nổ bảo vệ quyền lợi người lao động, cũng nên bầu cho ông ta. Nếu không thì băn khoăn quá ! Còn bà chánh văn phòng. Đây là một phụ nữ cá tính có phần nóng nảy. Ấy thế nhưng đa năng, rất linh hoạt, lo toan đủ bề, đối ngoại, đối nội. Chị ấy được đấy chứ.

Thế đó ! Một tình thế đặt ra : nếu bầu cả e nặng về cơ cấu, coi nhẹ chất lượng ; nếu lấy người này, bỏ người kia... Khó nghĩ làm sao !

Nhưng rút cục không thể khác, phải cầm cây bút gạch tên làm thiên chức lựa chọn những người lãnh đạo xứng đáng.

Sau rồi sao ông có biết - bạn tôi qua một hồi phân tích giờ lại thổ lộ tiếp : sau cuộc lựa chọn theo cách "nể quá hóa sợ" ấy là một loạt những tác hại khó lường. Biểu hiện rõ nhất là một vài vị đảng ủy viên không phát huy được khả năng, ảnh hưởng tới sự hoạt động của đảng bộ : cứng nhắc, thiếu năng động... Mà đã cứng nhắc, thiếu năng động thì cái "nể hóa sợ" dễ thành hiện thực. Sợ là sợ đảng bộ yếu dần...

Song may sao đảng ủy cấp trên nhận ra cái sai lầm do sự nể nang và kịp thời gỡ rối, chỉ đạo guồng máy của đảng bộ hoạt động trở lại bình thường.

Mới hay đem cái nhu của sự nể nang hòa vào cái ngại của sự va chạm sẽ không hợp khi lựa chọn người "đứng mũi chịu sào" trong công tác xây dựng Đảng. ❑

Digitized by Google

QUAN HỆ VIỆT - NGA : TẦM CAO MỚI, TRIỂN VỌNG MỚI

PHẠM VĂN CHÚC

TRONG những ngày Xuân tươi sáng và ấm áp cuối tháng 2 đầu tháng 3 vừa qua, lần đầu tiên trong suốt quá trình 50 năm quan hệ Việt - Xô (mà ngày nay là Việt - Nga), nhà lãnh đạo cao nhất của bạn - Tổng thống Liên bang Nga Vla-đi-mia Vla-đi-mia-rô-vích Pu-tin - đã sang thăm Việt Nam. Kế tiếp chuyến đi thăm Liên bang Nga năm 1998 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương, sự kiện mà ông V.V. Pu-tin đánh giá là qua đó "hai nước đạt được một loạt những thỏa thuận quan trọng" và "quan hệ đối tác của chúng ta bắt đầu trở thành quan hệ đối tác chiến lược", chuyến đi lần này của Tổng thống V.V. Pu-tin đã một lần nữa khẳng định mối quan hệ chiến lược giữa đôi bên, và nâng mối quan hệ đó lên tầm cao mới với triển vọng mới tích cực.

Nhiều thập niên trước đây, quan hệ giữa nhân dân ta và nhân dân Xô viết trong đó có nhân dân Nga luôn gắn bó thân thiết, thắm tình đồng chí anh em cùng chung mục tiêu lý tưởng. Như thực tế lịch sử xác nhận, mối quan hệ ấy đã góp phần quan trọng giúp cho cả hai nước, hai dân tộc thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển xã hội, đất nước mình và đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, ổn định và hợp tác, vì độc lập và các quyền dân chủ, vì công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt trong suốt thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam đã tìm được ở chủ nghĩa Lê-nin và Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại, ở đất nước và nhân dân Xô viết các giá trị tinh thần và vật chất quý báu thiết thực, sự ủng hộ tích cực đầy ý nghĩa, sự giúp đỡ hào hiệp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh lâu dài, đầy gian khổ, khó khăn của mình nhằm giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đầu những năm 90, sau khi Liên Xô tan rã, nước Nga phải tập trung quan tâm giải quyết các vấn đề phức tạp bên trong, nên quan hệ giữa hai nước có phần gián đoạn, trầm lắng. Đồng thời mối quan hệ này cũng cần được điều chỉnh, nhằm xác định lại nhiều nguyên tắc, cơ chế, khuôn khổ mới phù hợp với tình hình đã thay đổi. Dẫu vậy, ngay khi ấy, nguyện vọng của nhân dân hai nước vẫn muốn duy trì và đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác hữu nghị tốt đẹp giữa đôi bên, cũng như các tiềm năng phong phú và lợi ích thiết thực của nó là những điều không dễ lãng quên hay phủ nhận.

Chính bởi thế, chỉ sau một giai đoạn ngưng đọng, chuyển tiếp ngắn, từ khoảng giữa những năm 90 quan hệ hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga tiếp tục được thúc đẩy trở lại, từng bước phát triển vững chắc và ngày càng trở nên năng động hơn. Tháng 6-1994 hai nước ký *Hiệp ước* về các cơ sở quan hệ hợp tác hữu nghị. Trong những năm 1995 - 1998 đã có các cuộc đi thăm của Bộ trưởng Ngoại giao hai nước, của Chủ tịch Đu-ma Quốc gia Nga, của Phó Thủ tướng và Thủ tướng Nga. Tháng 8-1998 hai bên ký *Tuyên bố chung* và nhiều văn kiện quan trọng khác dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, làm cơ sở cho sự phát triển mạnh mẽ quan hệ hợp tác giữa hai nước về nhiều lĩnh vực. Trong năm 2000, *Hiệp định* giữa hai chính phủ về xử lý khoản vay tín dụng (nợ) trước đây đã được ký kết ; Việt Nam tổ chức kỷ niệm *50 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Liên Xô* mà Liên bang Nga hiện nay là người thừa kế ; và tại *Kỳ họp lần thứ 7 Ủy ban liên chính phủ Việt - Nga*, Liên bang Nga khẳng định Việt Nam là đối tác chiến lược của Nga, có vị trí quan trọng ở Đông - Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương.

Chuyến đi thăm Việt Nam dịp Xuân đầu thế kỷ của Tổng thống V.V. Pu-tin vừa qua - chuyến đi mà chính ông coi là được "chờ đợi với mối quan tâm và niềm phấn khởi lớn" - là sự nối tiếp những nỗ lực

Digitized by Google

khẩn trương, tích cực hóa quan hệ Việt - Nga trên đây của chính phủ và nhân dân hai nước trong thời kỳ mới. Đồng thời, đó cũng là dấu mốc quan trọng tiếp tục quá trình này, ghi nhận bước tiến mới, trình độ mới của quan hệ song phương, mở ra tương lai tốt đẹp đáng hy vọng cho mối quan hệ đó. Trong *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga* được ký ngày 1-3-2001, hai bên đã khẳng định ý nghĩa quan trọng của các Hiệp định và Tuyên bố chung về quan hệ hữu nghị hợp tác song phương đã ký kết từ năm 1994 trở lại đây, đồng thời đề ra những phương hướng, nội dung, nhiệm vụ, biện pháp để mở rộng, tăng cường và nâng cao mối quan hệ đó lên tầm cấp mới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, quốc phòng - an ninh. Về tình hình thế giới và các vấn đề quốc tế, hai bên nhất trí ủng hộ mạnh mẽ việc củng cố và tăng cường các xu hướng tích cực ; chủ trương góp phần xây dựng thế giới công bằng và bình đẳng giữa các quốc gia ; chống mọi hình thức áp đặt, can thiệp vào công việc nội bộ của các nước có chủ quyền ; ghi nhận tính chất hai mặt của toàn cầu hóa kinh tế thế giới ; khẳng định tuân thủ mục đích và các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, cũng như sẽ phối hợp trên tinh thần xây dựng nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức này...

Cùng với Tuyên bố chung, nhiều *Hiệp định, Thỏa thuận, Nghị định thư, Hợp đồng* và các văn kiện quan trọng khác giữa các bộ, ngành, giữa các tổ chức của hai bên đã được ký kết. Theo tinh thần của những văn kiện này, có thể dự kiến một số kết quả hợp tác song phương khả thi và khả quan trong tương lai gần của không ít lĩnh vực cụ thể. Chẳng hạn, kim ngạch thương mại đôi bên hiện mới chỉ vào khoảng 400 - 500 triệu USD/năm sẽ được nâng lên tới 700 - 800 triệu USD/năm, thậm chí vài tỉ USD/năm những năm xa hơn. Liên bang Nga sẽ tăng đầu tư giúp đỡ Việt Nam phát triển ngành năng lượng - nhiên liệu : xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và lớn ở Sơn La, Plây-krông, Cần Sơn, nhà máy nhiệt điện ở Na Dương, Cao Ngạn, nhà máy lọc dầu số 1, 2 ở Dung Quất ; tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động của các tổ hợp liên doanh dầu - khí (Vietsovpetro) và hóa dầu (Vietross)... Về lĩnh vực văn hóa - giáo dục, phía bạn cũng sẽ nâng mức chỉ tiêu đào tạo được cấp học bổng cho học viên của ta. Về phần mình, Việt Nam sẽ có điều kiện tăng lượng nông sản xuất sang thị trường Nga, hoặc quá cảnh Nga vào thị trường các nước SNG và một số nước Đông Âu. Ngay trong lĩnh vực trang bị kỹ thuật quân sự, hai bên cũng sẽ có những sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau vì an ninh của mỗi nước và không nhằm chống lại nước thứ ba...

Triển vọng tốt đẹp của quan hệ giữa hai nước về mọi mặt, trước hết về kinh tế - thương mại, được dự kiến là rất khả quan với những cơ sở bảo đảm chắc chắn. Trước hết, đó là lợi ích thực tế mà *quan hệ đối tác chiến lược* đem lại cho mỗi bên. Đường lối tăng cường "hướng Đông" để cuối cùng đạt được phát triển cân bằng giữa cả hai phía châu Âu - Đại Tây Dương và châu Á - Thái Bình Dương, chủ trương khôi phục mối quan hệ với các đồng minh cũ, mà trong đó Việt Nam - "người bạn thủy chung đã qua thử thách", như báo chí Nga viết, phản ánh nhu cầu và lợi ích của Liên bang Nga trên địa bàn đại lục Á - Âu và trong toàn bộ cục diện thế giới hiện nay. Ngược lại, Nga vẫn là một cường quốc mà vị thế và tiềm lực to lớn quan trọng về các mặt chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học, giáo dục là không thể không tính tới đối với mọi nước. Bên cạnh đó, truyền thống quan hệ hợp tác hữu nghị, sự cảm thông và đồng điệu về không ít giá trị tinh thần nhân văn giữa nhân dân hai nước, đội ngũ cán bộ Việt Nam đông đảo tới hàng chục nghìn người được đào tạo tại Liên Xô trước đây cũng như số lượng không nhỏ chuyên gia Liên Xô từng công tác giúp đỡ Việt Nam cũng là nhân tố quan trọng góp phần gắn bó, thúc đẩy và nhân lên sức mạnh của mối quan hệ Việt - Nga thời kỳ mới. Những tình cảm nồng ấm, chân thành, tốt đẹp và đầy xúc động mà Chính phủ và nhân dân Việt Nam dành cho nhân dân Nga và Tổng thống V.V. Pu-tin trong chuyến đi thăm nước ta vừa qua của ông chính là bằng chứng rõ ràng và sinh động về điều đó.

Lịch sử đã sang trang. Những trang sử quá khứ đẹp đẽ, hào hùng sẽ là cơ sở thuận lợi để mối quan hệ hai nước vươn tới một tương lai tốt đẹp. Mối quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga ngày nay đang và sẽ vận hành theo những cơ sở nguyên tắc hợp với hiện trạng thực tế. Với những kết quả cụ thể đạt được trong quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai nước và đặc biệt thể hiện qua chuyến thăm nước ta của Tổng thống V.V. Pu-tin, có thể hy vọng và tin tưởng rằng, nước Nga và nhân dân Nga - người bạn tin cậy và đáng quý của Việt Nam - sẽ ngày càng ổn định, phồn vinh, có vị trí xứng đáng trên trường quốc tế, rằng *mối quan hệ đối tác chiến lược* giữa hai nước và hai dân tộc sẽ phát triển thuận lợi, tốt đẹp và nhanh chóng hiện thực hóa đầy đủ hiệu lực của nó. ❑

Digitized by Google

KHU VỰC VĂN HÓA ĐÔNG - NAM Á VÀ NHỮNG LẦN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

NGÔ VĂN DOANH *

Nếu chỉ nhìn thoáng qua, sẽ thấy các nước trong ASEAN (Hiệp hội các nước Đông - Nam Á) sao mà xa cách nhau về địa lý, khác biệt nhau về lịch sử - văn hóa, phức tạp về tộc người... đến thế. Từ quốc gia này đến quốc gia kia, khoảng cách thật xa chứ đâu có liền núi, liền sông : mỗi nước đều có ngôn ngữ riêng thuộc những ngữ hệ khác nhau ; ấy là chưa kể ở mỗi quốc gia đều có từ hàng chục đến cả trăm thổ ngữ chứ đâu có chung một tiếng nói. Mỗi quốc gia đều theo một tôn giáo riêng (Hồi giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo...). Ấy thế mà, trên thực tế, các quốc gia ASEAN (nằm trong một khu vực rộng lớn kéo dài từ bắc xuống nam tới 4 400 km và trải dài từ đông sang tây 5 500 km) lại rất thống nhất về lịch sử, văn hóa và địa lý. Những mối tương đồng gần như có mặt trong hầu hết những khía cạnh của đời sống văn hóa và nếp sống. Hầu như tất cả các dân tộc thuộc ASEAN đều làm ruộng và trồng lúa (cả lúa nước lẫn lúa khô) là chính.

Do phải làm nông nghiệp mà lại là nông nghiệp lúa nước, nên dù ở Thái Lan hay Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a hay In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Bru-nây hay Xin-ga-po, người dân đều sống quần tụ theo đơn vị làng (tiếng Thái là *Campan*, tiếng Ma-lai-xi-a là *desa*, tiếng Tagan của Phi-líp-pin là *bariô*) và mỗi làng đều có luật tục riêng, cách cai quản riêng bên cạnh thể chế và pháp luật của Nhà nước. Nghĩa là ở đâu cũng có chung một bức tranh "lệ làng phép nước". Trong mỗi làng quê đầm ấm thái bình đó, từng gia đình cho đến nay vẫn sống trong những ngôi nhà cổ truyền rất đặc trưng và rất chung cho cả khu vực Đông - Nam Á là nhà sàn. Người Việt ta xưa cũng ở nhà sàn mà dấu ấn còn lại là hình những ngôi nhà sàn mái cong thơ mộng trên mặt trống đồng Đông Sơn ; còn người Thái, người Mường, các dân tộc Tây Nguyên hiện vẫn sống ở nhà sàn như bao dân tộc khác trong khu vực Đông - Nam Á. Ở các quốc gia Đông - Nam Á, người nông dân trong các làng quê đều sống "tương thân tương ái", "tối lửa tắt đèn có nhau". Và vì thế, mỗi khi nhà ai có công to, việc nhỏ đều nhờ cậy xóm giềng, đều mời nhau đến dự.

Tục Slametan (bữa ăn đãi khách) của người In-đô-nê-xi-a rất giống với việc mời bà con xóm giềng ăn cưới, ăn giỗ, ăn mừng... của người Việt Nam cũng như nhiều dân tộc khác ở Đông - Nam Á. Không chỉ trong cách ở, cách sinh hoạt xã hội, mà ngay trong việc ăn, các dân tộc Đông - Nam Á cũng có những nét chung.

Nếu chỉ nhìn vào hình thức các món ăn hay cách ăn thì mỗi nơi mỗi khác (người Việt ăn bằng đũa, người Ma-lai-xi-a, người In-đô-nê-xi-a ăn bốc...). Nhưng chỉ cần để ý một chút thôi, sẽ thấy công thức ăn truyền thống của cả Đông - Nam Á gần như là một. Đó là công thức : cơm - rau - cá, coi đó là những món ăn chính và đều rất sành trong việc chế biến các món ăn từ ba nguyên liệu này. Cũng ăn cơm, nhưng mỗi dân tộc lại thích một kiểu cơm riêng : người Việt ưa cơm tẻ, còn người Thái Lan lại thích cơm nếp nấu theo kiểu đồ, trong khi đó người In-đô-nê-xi-a thì hay ăn cơm chiên (nasi goreng) và cơm trộn lẫn với rau và các loại gia vị (nasi ulam)... Thật là vừa thống nhất, nhưng cũng lại rất đa dạng.

Nếu nhìn vào lịch sử lại càng thấy thêm nhiều nét tương đồng văn hóa giữa các dân tộc Đông - Nam Á. Ngay từ thời tiền sử, Đông - Nam Á đã gắn bó với nhau khá mật thiết. Gần như cả khu vực Đông - Nam Á, từ lục địa tới hải đảo đều có dấu tích của văn hóa đồ đá mới Hòa Bình, văn hóa đồ đồng Đông Sơn... Và, để tồn tại và phát triển, ngay từ xa xưa, cả khu vực văn hóa lúa nước Đông - Nam Á (không phải ngẫu nhiên mà bó mạ đã trở thành biểu tượng của ASEAN) đã hội nhập với các nền văn hóa khác của nhân loại.

* TS, Tổng biên tập tạp chí Nghiên cứu Đông - Nam Á, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

Digitized by Google

Do có những đặc thù về khí hậu, địa lý và tài nguyên thiên nhiên, nên từ xa xưa tới giờ, khu vực Đông - Nam Á luôn là chiếc cầu nối hay ngã tư đường của những nền văn hóa lớn trên thế giới. Bởi vậy, không phải chỉ đến bây giờ mà ngay từ thời tiền sử, nền văn hóa của Đông - Nam Á đã mở và hướng ra thế giới bên ngoài.

Các tài liệu khảo cổ học cho biết, vào thời đại kim khí, người Đông - Nam Á tiền sử, với sự phát triển khá cao của nghề đi biển, đã truyền bá văn hóa của mình về phía tây tới tận Ma-đa-ga-xca, về phía bắc, tới tận Nhật Bản, về phía đông, tới tận các vùng đảo xa ở Thái Bình Dương. Và, cũng từ thời kỳ đó, nhất là vào những thế kỷ đầu trước và sau kỷ nguyên Thiên chúa giáo, những nhà buôn, các thầy tu, những nhà sư người Ấn Độ đã tạo nên "cái hích của thượng đế" đẩy khu vực Đông - Nam Á vào cuộc hội nhập văn hóa quốc tế lớn đầu tiên - cuộc hội nhập của nền văn hóa Ấn Độ cổ đại.

Mặc dầu đến bằng con đường hòa bình, thông qua buôn bán, hôn nhân và giao tiếp, những đợt sóng văn hóa Ấn Độ từ phía tây cứ âm thầm lặng lẽ thấm sâu dần vào cuộc sống các cư dân trong vùng Đông - Nam Á để rồi biến Đông - Nam Á thành một khu vực chịu ảnh hưởng rất sâu đậm của văn hóa Ấn Độ trong suốt hơn một thiên niên kỷ. Người Đông - Nam Á tiếp nhận gần như toàn bộ những giá trị của nền văn hóa Ấn Độ cổ đại : từ hệ thống chính trị tới luật pháp, từ chữ viết đến văn học, từ tôn giáo đến nghệ thuật và cả một số phong tục. Không phải ngẫu nhiên mà không ít những tài liệu sử sách gọi khu vực Đông - Nam Á là vùng "ngoại Ấn" là vùng các quốc gia "Ấn Độ hóa"..., còn thực dân phương Tây dùng cái tên "Đông Ấn" để đặt tên cho các công ty của mình tại đây. Và, trên thực tế, đúng là nền văn hóa của khu vực Đông - Nam Á thời cổ đại đã cùng hòa vào quỹ đạo hay phạm vi ảnh hưởng mạnh của văn hóa Ấn Độ. Thế nhưng, từng nền văn hóa cổ của Đông - Nam Á vẫn có những sắc thái riêng. Văn hóa Gia-va sản sinh ra đền Bô-rô-bu-du kỳ vĩ, trầm lặng và hấp dẫn như một cuốn kinh Phật bằng hình ảnh trên đá ; văn hóa Khơ-me thời Ăng-co sáng tạo ra những ngôi đền núi khổng lồ mà điển hình là đền Ăng-co Vát - một trong rất ít những công trình kiến trúc hoàn mỹ nhất của nhân loại ; người dân Chăm-pa đã xây lên trên suốt dải đất miền Trung Việt Nam cả trăm ngôi tháp gạch huyền ảo mà tiêu biểu là khu thánh địa Mỹ Sơn...

Với cuộc hội nhập mang tính quốc tế lớn đầu tiên với văn hóa Ấn Độ, ở Đông - Nam Á, từ những xã hội tiền nhà nước, đã hình thành những quốc gia và những nền văn hóa cổ đại lớn đầu tiên : Phù Nam, Chân Lạp, Gia-va, Chăm-pa, Ăng-co và Pa-gan.

Từ những thế kỷ giữa của thiên niên kỷ thứ hai sau công nguyên, ở Đông - Nam Á, truyền thống Ấn Độ đã phải lui bước trước cuộc tấn công của những làn sóng văn hóa mới từ bên ngoài tràn tới. Đó là làn sóng của Hồi giáo vào vùng Đông - Nam Á hải đảo và làn sóng của Phật giáo Theravada (từ Xri Lan-ca) vào vùng Đông - Nam Á lục địa.

Lần hội nhập quốc tế lớn thứ hai với thế giới văn hóa Hồi giáo và với nhánh Phật giáo Nam tông đã tạo lập nên ở Đông - Nam Á hai vùng văn hóa lớn rõ rệt : vùng văn hóa Hồi giáo của các dân tộc ngoài hải đảo và vùng văn hóa Phật giáo Theravada của các dân tộc trong lục địa. Thế nhưng, trong từng văn hóa ấy, lại hình thành các nền văn hóa dân tộc độc đáo : văn hóa của người In-đô-nê-xi-a, văn hóa của người Mã-lai, văn hóa của người Thái, văn hóa của người Lào, văn hóa của người Mi-an-ma và văn hóa của người Khơ-me.

Nhưng, chỉ vừa mới định hình xong, từ thế kỷ XVI, XVII, các nền văn hóa dân tộc ở Đông - Nam Á đã phải đối đầu với làn sóng áp đảo vô cùng mạnh mẽ của văn hóa phương Tây. Cùng một lúc, lưỡi gươm và cây thánh giá xâm nhập vào khu vực Đông - Nam Á. Và, kết quả là, hầu như tất cả các quốc gia, dân tộc ở Đông - Nam Á (trừ Thái Lan) đã trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây trong suốt thời gian dài từ một đến vài trăm năm. Có thể nói, cuộc hội nhập lần thứ ba này của văn hóa Đông - Nam Á là cuộc hội nhập tàn khốc nhất, dữ dội nhất từ trước tới giờ. Thế mà, Đông - Nam Á không những không mất đi mà còn "thức tỉnh" và nhận thức sâu sắc hơn về mình. Cho đến giữa thế kỷ XX, các quốc gia Đông - Nam Á lần lượt giành được độc lập. Và các nền văn hóa dân tộc của các quốc gia Đông - Nam Á cũng phát triển lên một nấc cao hơn trên cơ sở truyền thống cũ. Đông - Nam Á hải đảo vẫn là thế giới văn hóa Hồi giáo và Đông - Nam Á lục địa - văn hóa Phật giáo - văn hóa Phật giáo Theravada.

Từ ba lần hội nhập quốc tế lớn đã qua, có thể thấy, cứ sau mỗi lần hội nhập là mỗi lần văn hóa các quốc gia Đông - Nam Á càng được khẳng định và càng gắn bó với nhau hơn. Bằng chứng là, sau lần hội nhập

Digitized by Google

lần thứ ba, các quốc gia, các nền văn hóa của Đông - Nam Á đã kết lại thành một khối thống nhất - ASEAN.

Những bài học của quá khứ sẽ là cơ sở, niềm tin và là sức mạnh cho văn hóa Đông - Nam Á trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay. Và, cũng chắc chắn là, dù xu hướng toàn cầu hóa có mạnh đến đâu đi nữa thì văn hóa Đông - Nam Á vẫn giữ được bản sắc riêng của mình và sẽ bước lên một tầm cao mới vì giờ đây văn hóa các dân tộc Đông - Nam Á đã, đang và sẽ ngày càng một liên kết chặt chẽ hơn thành một khối khu vực văn hóa vào loại lớn nhất trên thế giới.

Tất nhiên, cũng như những lần hội nhập quốc tế lớn trước đây, ở lần hội nhập mang tính chất toàn cầu này, trong văn hóa các dân tộc Đông - Nam Á không ít những yếu tố văn hóa không phù hợp với thời đại sẽ đọng lại trong những di sản của quá khứ hoặc mất đi vĩnh viễn, và nhiều yếu tố văn hóa mới vừa rất dân tộc và cũng rất thời đại sẽ xuất hiện và được củng cố. Đó chính là sức sống của văn hóa, vì, theo một định nghĩa của Rô-bớt Crex-oen "văn hóa là mô hình cụ thể mà mỗi xã hội con người chấp nhận không chỉ để điều chỉnh các quan hệ giữa các sự thực kinh tế - kỹ thuật, tổ chức xã hội và các hệ tư tưởng, mà còn để truyền kiến thức từ thế hệ này sang thế hệ khác" (1).

Lịch sử đã chứng minh người Đông - Nam Á nói chung và từng dân tộc trong khu vực Đông - Nam Á nói riêng đều có những nền văn hóa riêng độc đáo đầy sức sống. Những nền văn hóa đó luôn "đổi mới" để tự khẳng định và tự làm giàu thêm cho mình. Và, giờ đây chúng ta đang và sẽ thấy một cách rất lạc quan là, quá trình toàn cầu hóa đến càng mạnh thì văn hóa Đông - Nam Á càng "đổi mới", càng "mở" và càng hòa nhập vào thế giới một cách bản lĩnh hơn.

Có lẽ chưa bao giờ nền văn hóa của khu vực Đông - Nam Á lại có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển và hòa nhập vào thế giới như bây giờ. Và, cũng chưa bao giờ những chủ nhân của khu vực văn hóa Đông - Nam Á lại bị những làn sóng văn hóa từ phương Tây tràn tới áp đảo mạnh mẽ như lần này. Không ít những truyền thống văn hóa bản địa Đông - Nam Á phải đối đầu với những trào lưu văn hóa của phương Tây đã trở thành của cả thế giới. Những mốt thời trang, những làn sóng âm nhạc hiện đại, những sản phẩm phim ảnh của Hô-li-út, xu hướng quốc tế hóa của các sản phẩm văn hóa... đã, đang và sẽ trở thành món ăn và cách sống thường ngày của người dân Đông - Nam Á. Tất nhiên, rất nhiều yếu tố văn hóa phương Tây hiện đại là tiến bộ, phù hợp với xu thế phát triển chung của toàn nhân loại. Thế nhưng, nếu không có bản lĩnh, không có cách tiếp nhận đúng thì sẽ đến một ngày người Đông - Nam Á sẽ không biết mình là ai nữa. Lịch sử đã chứng minh không ít những dân tộc, những nền văn hóa đã "mất đi" trước sự đồng hóa và áp đảo của các dân tộc mạnh hơn. Và thực tế cũng cho thấy không ít những truyền thống văn hóa nghệ thuật lâu đời của các dân tộc Đông - Nam Á như các loại hình sân khấu, những nghề thủ công, nhiều loại nhạc cụ, các kiểu y phục truyền thống v.v.. đã bị lu mờ dần thậm chí mất hẳn trước sức tấn công mạnh mẽ của văn hóa hiện đại phương Tây.

Hiểu được những thuận lợi cũng như những thách thức của xu thế toàn cầu hóa hiện nay, các quốc gia Đông - Nam Á cũng như Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN) đã có những chính sách và những tổ chức gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống trong giai đoạn hiện đại. Đường lối xây dựng một nền văn hóa hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc mà Đảng và Nhà nước ta đề ra và triển khai trong nhiều năm qua là một ví dụ điển hình. Gần đây nhất, tất cả 10 nước ASEAN đã cùng ra một tuyên bố chung về di sản văn hóa. Trong *Tuyên bố của ASEAN về di sản văn hóa* mà Bộ trưởng ngoại giao các nước thành viên ASEAN đã ký vào giữa năm 2000 vừa qua đã nhấn mạnh : "Song song với việc tôn trọng tuyệt đối chủ quyền và các quyền sở hữu quốc gia của mỗi nước thành viên, ASEAN nhận thấy rằng di sản văn hóa quốc gia của mỗi nước thành viên đã hình thành một di sản văn hóa của Đông - Nam Á mà việc bảo vệ di sản này là nhiệm vụ đòi hỏi toàn thể khu vực ASEAN phải hợp tác với nhau để thực hiện". Ngoài ra, ASEAN đang triển khai xây dựng một chương trình cho một thập kỷ ASEAN về Di sản văn hóa 2001 - 2010.

Hy vọng rằng với những nỗ lực thật sự của các quốc gia và của ASEAN, nền văn hóa của từng nước thành viên cũng như của cả khu vực Đông - Nam Á sẽ vững bước tiến vào thế kỷ XXI, thế kỷ của hội nhập văn hóa thế giới. Và, chắc chắn, càng hội nhập, nền văn hóa đầy bản lĩnh của Đông - Nam Á sẽ càng được củng cố và phát triển. Vì, như *Tuyên bố của ASEAN về văn hóa* đã chỉ rõ : "Tính đa dạng và sáng tạo của văn hóa bảo đảm cho khả năng tồn tại cơ bản của xã hội các quốc gia ASEAN".❑

(1) Xem : G.Condominas : *Không gian xã hội vùng Đông - Nam Á*, bản dịch tiếng Việt, Nxb Văn hóa, 1997, tr 87

Digitized by Google

BỘ THƯƠNG MẠI

CÔNG TY VLXD & XÂY LẮP THƯƠNG MẠI

108 - 110 Nguyễn Trãi - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
☎ (08) 8322.322 - 8398.642 - 8398.643 - 8355.648 * Fax : (84-8) 8398.644
Tổng giám đốc : NGUYỄN VĂN NGỌC

BMC





Trụ sở công ty

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu :

* Tổng nhận thầu - nhận thầu thi công xây dựng, lắp đặt, trang trí nội - ngoại thất các công trình công nghiệp - dân dụng, hệ thống đường dây - trạm biến thế điện, đường giao thông và các công trình kỹ thuật hạ tầng cơ sở.

* Sản xuất các mặt hàng vật liệu xây dựng, sản phẩm gỗ và trang trí nội thất. Đầu tư liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

* Kinh doanh và đại lý tiêu thụ vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội - ngoại thất, thiết bị máy xây dựng.

* Thiết kế, tư vấn thiết kế xây dựng các công trình.

* Kinh doanh và dịch vụ phát triển nhà.

* Xuất nhập khẩu trực tiếp các vật tư, thiết bị hàng vật liệu xây dựng - trang trí nội thất, hàng tiêu dùng, thủ công - mỹ nghệ, phương tiện vận tải (ôtô, xe máy), thủy hải sản, tinh dầu, nông thổ sản.

Digitized by Google



CAAV

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN NAM

TEL: 8485383 - FAX: 8445127





Chúc Mừng
Năm Mới

Digitized by Google

Công ty Công trình đường thủy

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ : NHÀ 115 THÁI HÀ, HÀ NỘI, VIỆT NAM

Tel : 84.4.8561482 - 8561483 - Fax : 84.4. 8562197



GIÁM ĐỐC :
KS. NGUYỄN HỮU MINH

Công ty Công trình đường thủy thành lập ngày : 1-7-1972 thuộc Tổng Công ty Xây dựng đường thủy (Bộ Giao thông - vận tải) : Công ty gồm 10 đơn vị, 1000 cán bộ công nhân viên hoạt động trên địa bàn cả nước. Công ty có 104 kỹ sư - 119 cán bộ trung cấp - 977 công nhân các ngành. Thiết bị : 500 chủng loại gồm thiết bị thi công cơ giới, phương tiện vận tải thủy bộ.

CÔNG TY ĐẢM NHẬN

Thi công các công trình : cầu tàu, bến cảng sông và cảng biển, các công trình bến trọng lực, kè bờ công trình cầu đường sắt, đường bộ, các nhà máy cơ khí và đại tu tàu sông lớn ; lắp dựng các loại kho cảng lớn ; thi công đóng móng cọc các công trình thủy công ; kiến trúc công trình dân dụng và nền móng bến bãi, đường xá, sản xuất các loại vật liệu xây dựng.

* Nhận gia công cơ khí các loại phao neo sông, biển, sửa chữa đại tu các loại ô tô, máy móc thiết bị.
* Tham gia đấu thầu và nhận đấu thầu các công trình trong và ngoài nước.



Cầu tàu du lịch Quảng Ninh.



Cầu tàu Đáp Cầu thuộc Công ty Liên doanh kính nổi Việt - Nhật. Thi công 1997

* Làm đại lý và cho thuê các phương tiện thiết bị: cần cẩu, xà lan, đầu kéo ôtô, máy thi công và mua bán các loại vật liệu xây dựng
* Thực hiện liên doanh, liên kết với các cơ quan, xí nghiệp, công ty, cá nhân trong và ngoài nước.

WATERWAY CONSTRUCTION COMPANY

CÔNG TY ĐIỆN TỬ HÀ NỘI

Trụ sở chính : Số 2 Đường Chùa Bộc Đống Đa - Hà Nội.

Head Office : No.2. Chua Boc Road, Dong Da Distric, Ha Noi.

Tel : (84) - 4 - 8.522.102 - 8.524.555 Fax : (84) - 4 - 8.525.770

Email : hanel-gd@hn.vnn.vn



hu hình mầu **HANEL**

SO 9001

Lĩnh vực hoạt động

* Sản xuất, kinh doanh, và dịch vụ :

Hàng điện tử - Điện dân dụng, chuyên dụng.

Các sản phẩm CN thông tin (phần cứng & phần mềm).

Các sản phẩm cơ khí điện tử và Tự động hóa công nghiệp.

Các sản phẩm Xốp - Nhựa.

* Xây dựng, phát triển, Kinh doanh và quản lý công trình Hạ tầng khu Công nghiệp Sài Đồng B, Gia Lâm - Hà Nội.
* Kinh doanh nhà, khách sạn và văn phòng.
* Hệ thống các trung tâm thương mại và dịch vụ.
* Dịch vụ vận tải đường bộ, đường không và đường biển.

Hệ thống bán hàng và bảo hành của công ty điện tử Hà Nội có trên 38 tỉnh, thành trên toàn quốc.

Digitized by Google

BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

- **Địa chỉ : 16, Lê Lợi, Huế, Việt Nam**
- **Tel : 84.54.822325 ; Fax : 84.54.823324**
- **E-mail : bvtwhue@dng.vnn.vn**



GIÁM ĐỐC
PGS. TS **PHẠM NHƯ THẾ**
THẦY THUỐC NHÂN DÂN

Bệnh viện trung ương Huế vừa được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động theo Quyết định số 553 CT/CTN ngày 7-11-2000 của Chủ tịch nước

● Được thành lập năm 1894 với mốc quy mô lớn, có nhiệm vụ hỗ trợ các tỉnh lân cận miền Trung nên được nhân dân gọi là Nhà thương lớn. BVTWH là cơ sở khám chữa bệnh theo Tây Y do Vua Thành Thái ban Chỉ dự thành lập đầu tiên trong cả nước dưới triều nhà Nguyễn.

● Là bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh, có chỉ tiêu giường bệnh là 1.090 và thực kê là 1.334 giường đủ để phục vụ bệnh nhân miền Trung trong tất cả các chuyên khoa sâu.

● Bệnh viện có một đội ngũ cán bộ hùng hậu. 1.400 người trong đó có 300 bác sĩ gồm 4 GS và PGS, 20 tiến sĩ, 70 thạc sĩ, 12 CKII, 161 CKI và các cán bộ đại học khác. Thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ ở các nước tiên tiến.

● BVTWH hiện có 37 khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng với 8 phòng chức năng, hậu cần. Các chuyên khoa đều phát triển đồng bộ cả về trang thiết bị và chuyên môn, đã thực hiện được nhiều chuyên khoa sâu như mổ tim kín từ 1986, mổ tim hở tuần hoàn ngoài cơ thể 1999, đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn 1, 2 buồng, chụp và nong động mạch vành và đặt stent, phẫu thuật nội soi tiêu hóa : cắt túi mật, ruột thừa viêm... và mổ tiết niệu qua màn hình màu ; nội soi tiêu hóa can thiệp bằng ống nội soi mềm cắt polip, lấy sỏi ống mật chủ, cầm máu xuất huyết nội tiêu hóa ; mở thay khớp háng toàn phần, nội soi khớp gối qua màn hình, phẫu thuật tạo hình bàn tay, sẹo bỏng lớn, phẫu thuật nụ cười cho 3.000 trẻ em và người lớn, tạo hình thẩm mỹ vú cho bệnh nhân đã mổ ung thư vú, mổ thần kinh, sọ não cho trẻ em và người lớn ; mô thủy tinh đục ngoài bao với phương pháp Phaco hiện đại cho gần 2.000 trong hơn 10 năm qua, khoa Tai, Mũi, Họng, vá nhĩ và chỉnh hình tai trên 400 ca, cắt thanh quản toàn phần, phát triển trung tâm thính học... khoa vật lý trị liệu và phục hồi chức năng do SOS trẻ em không biên giới bảo trợ đã sản xuất chân tay giả, nòng và giày chỉnh hình với kỹ thuật và chất lượng cao từ 1994 ; khoa Nội tiết niệu chạy thận nhân tạo thường quy bằng 5 đến 1.000 lần. Việc chẩn đoán hình ảnh với máy CT Scanner xoắn ốc, siêu âm màu, riêng máy C-Arm tăng sáng truyền hình chụp tim mạch do ADS-Luxembourg viện trợ đã có vai trò chủ yếu trong các loại phẫu thuật nội soi, chụp và nong mạch vành và đặt stent. Các labo sinh hóa, vi sinh, huyết học được trang bị hàng loạt máy tự động hiện đại góp phần chẩn và điều trị hiệu quả lớn. Phần T.T. Huyết học truyền máu với các máy hiện đại đã phát hiện 100% bệnh viêm gan siêu vi B.. C..., HIV/AIDS. Một tiến bộ nổi bật trong năm 2000 là phẫu thuật tim hở tuần hoàn ngoài cơ thể đã thực hiện thường quy, cho đến nay đã mổ thành công gần 130 ca mổ tim hở, trong đó có 8 ca bắt cầu động mạch vành đặc biệt có 2 ca nối 3 cầu và 1 ca nối 4 cầu chủ vành...

● Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế : Đã đào tạo trên 100 cán bộ tại 6 nước, viện trợ trang thiết bị, nâng cao trình độ chuyên môn sâu trong trao đổi nguồn nhân lực và chuyển giao kỹ thuật. Bệnh viện đã có quan hệ hợp tác với gần 100 tổ chức chính phủ và phi chính phủ của 18 nước với tổng trị giá khoảng gần 100 tỷ đồng. Tổ chức trên 100 cuộc hội thảo và báo cáo khoa học cũng như đi dự trên 30 hội thảo quốc tế. 10 năm qua BVTWH đã phát triển nhiều chuyên khoa với kỹ thuật cao, có nhiều khả năng chuyên sâu ngang hàng với các đồng nghiệp Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh trong nhiều mặt, xứng đáng giữ vai trò của một Trung tâm Y tế chuyên sâu tại miền Trung, để phục vụ bệnh nhân ngày càng tốt hơn... Tuy phải gặp nhiều khó khăn trong vùng đa số dân cư có thu nhập thấp, bệnh nhân nghèo chiếm phần lớn, BVTW Huế vẫn cố gắng hết sức để duy trì được tính cách nhân đạo của một **bệnh viện xã hội chủ nghĩa trong cơ chế kinh tế thị trường,** đảm bảo công bằng trong khám chữa bệnh, góp phần trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, nêu cao 12 điều Y đức, thực hiện lời dạy của Bác Hồ *"Thầy thuốc như mẹ hiền"* để xứng đáng với danh hiệu bệnh viện anh hùng do Chủ tịch nước phong tặng.



Trụ sở Bệnh viện



Một ca mổ tim hở, tuần hoàn ngoài cơ thể

Digitized by Google

Chúc Mừng Năm Mới - Tân Tỵ 2001

CÔNG TY DỊCH VỤ HẬU CẦN THỦY SẢN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

BASEASERCO

TRỤ SỞ CÔNG TY : 21 - ĐƯỜNG LÊ LỢI - TP VŨNG TÀU
ĐT : 839877 - 834137 - 832786 - FAX : 832536



Cảng cá Lộc An



Đồng chí : Nguyễn Quang Đình
Giám đốc - Bí thư đảng ủy công ty.

CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH

XUẤT NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP :

- Xuất khẩu Thủy sản - Nông sản - giày dép - quần áo - hàng thủ công - mỹ nghệ.
- Nhập khẩu hàng kim khí điện máy, điện tử, phụ tùng thiết bị xây dựng, phương tiện vận tải các loại.
- Nhận xuất nhập khẩu ủy thác cho các đơn vị trong và ngoài nước.

SẢN XUẤT :

- Thu mua chế biến hải sản xuất khẩu và nội địa.
- Đóng mới, sửa chữa, lắp đặt thiết bị máy móc cho tàu thuyền đánh cá.
- Lắp ráp máy cơ khí.
- Sản xuất và cung ứng nước đá.
- May giày và túi xách xuất khẩu.
- Chế biến bột cá.

DỊCH VỤ :

- Kinh doanh xăng dầu.
- Dịch vụ Cảng thủy sản, Tàu vận chuyển Hải sản.
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng.
- Vận chuyển thủy bộ.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

***Văn phòng Công ty.**

*** Xí nghiệp Cơ khí đóng sửa tàu thuyền.**

*** Xí nghiệp Dịch vụ và Chế biến hải sản.**

*** Xí nghiệp Dịch vụ Thủy sản Lộc An.**

*** Xí nghiệp Nước đá.**

*** Xí nghiệp thu mua và chế biến Thủy sản Nông sản xuất khẩu Bà Rịa.**

*** Xí nghiệp may giày xuất khẩu Bà Rịa.**

*** Xí nghiệp may Túi xách xuất khẩu Bà Rịa.**

*** Nhà máy nước đá Tomcasa**

*** Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh.**

Digitized by Google

MỪNG XUÂN MỪNG ĐẢNG

5730

CÔNG TY THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (V.Y.C)

ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH : 922 NGUYỄN TRÃI Q.5 TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI : 85548643 - FAX : 84.8.8550776

CÔNG TY THANH NIÊN XUNG PHONG TP. HỒ CHÍ MINH trực thuộc lực lượng thanh niên xung Phong TP. Hồ Chí Minh được thành lập theo quyết định số : 01/02/1995 của UBND TP.HCM

A. HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU SAU :

* Kinh doanh địa ốc
* Kinh doanh xuất nhập khẩu
* Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng
* Đầu tư phát triển đô thị
* Kinh doanh xăng dầu
* Kinh doanh du lịch khách sạn nhà hàng
* Sản xuất vật liệu xây dựng
* Mua bán phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, thiết bị máy móc, vật tư nguyên liệu
* Sản xuất, lắp ráp, kinh doanh thiết bị viễn thông.

B. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU :

1. Các công trình thành phố giao Công ty Thanh niên Xung phong làm chủ đầu tư:

* Dự án đường Lê Thánh Tôn nối dài (đường Nguyễn Hữu Cảnh) tổng chiều dài tuyến đường là 3.690m, kinh phí đầu tư 278 tỷ đồng.
* Dự án nâng cấp, mở rộng đường Điện Biên Phủ tổng chiều dài 2.529m. Tổng vốn đầu tư là 362 tỷ đồng.
* Chung cư Ngô Tất Tố : Gồm 2 chung cư 6 tầng, 1 chung cư 15 tầng, 1 trường học cấp 2. Vốn đầu tư 90 tỷ đồng.



Chung cư Ngô Tất Tố

* Chung cư Phạm Viết Chánh : Gồm 2 chung cư 15 tầng, 2 chung cư 6 tầng. Vốn đầu tư 122 tỷ đồng.
* Trạm thu phí xa lộ Hà Nội : Gồm 1 nhà điều hành, 1 mái che có 16 làn.
* Dự án liên tỉnh lộ 25 : Tổng chiều dài tuyến đường 7,2km, 2 cầu. Vốn đầu tư là 148 tỷ đồng.

2. Kinh doanh địa ốc :

* Khu nhà liên kế, nhà vườn ở đường Cộng Hòa Q. Tân Bình.
* Khu nhà vườn An Khánh, Thủ Đức.
* Khu nhà ở Lê Minh Xuân, Q. Tân Bình.
* Khu du lịch khách sạn và biệt thự Thủy Vân Vũng Tàu.

3. Kinh doanh xăng dầu :

* Cửa hàng xăng dầu 153 CMT8, cửa hàng xăng dầu An Sương.

4. Liên doanh :

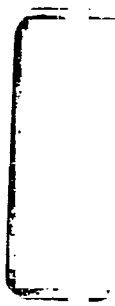
* Công ty văn phòng làm việc và khách sạn A1VY hình thành khách sạn OMNI Sài Gòn Hotel.
* Công ty liên doanh khai thác và chế biến nguyên liệu giấy VITAICO.

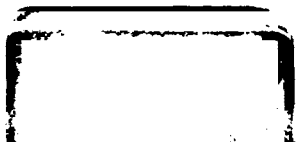
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5676





Digitized by Google

